B 1,761,424

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

UNIV. OF MICH.
MAY 28 1987
Current Serials

SỐ ĐẶC BIỆT VỀ
ĐẠI HỘI VI
CỦA ĐẢNG

Digitized by Google

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Xã luận

Phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng

ĐẠI hội đại biểu toàn quốc thứ VI của Đảng ta đã thành công tốt đẹp.

Đại hội là sự thể hiện quyết tâm đổi mới và ý chí đoàn kết tiến lên của Đảng ta.

Tập trung trí tuệ của toàn Đảng, với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, đổi mới phong cách làm việc, Đại hội đã thảo luận thẳng thắn, dân chủ, đánh giá đúng tình hình mọi mặt của đất nước, tổng kết những kinh nghiệm vừa qua, xác định những nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng trong thời gian tới.

Đại hội cũng đã quyết định sửa đổi và bổ sung một số điểm trong Điều lệ Đảng và bầu ra Ban chấp hành trung ương mới theo đúng yêu cầu bảo đảm tính kế thừa và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng.

Với những kết quả đã đạt được, Đại hội thứ VI đánh dấu bước chuyển quan trọng trong quá trình tiến lên của cách mạng nước ta, đáp ứng được lòng mong đợi của toàn Đảng, toàn dân ta, mở ra triển vọng phát triển mới của đất nước.

★

Năm năm qua là một đoạn đường đầy thử thách đối với cách mạng nước ta. Thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu do Đại hội thứ V của Đảng vạch

Digitized by Google
16 89 320AR2 013 XL 2454

ra, nhân dân ta đã anh dũng phấn đấu, khắc phục khó khăn, vượt qua trở ngại, đạt được **những thành tựu quan trọng** *trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và giành thêm* **những thắng lợi to lớn** *trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị và làm nghĩa vụ quốc tế. Những thắng lợi và thành tựu đó gắn liền với những quan điểm đúng đắn của Đảng ta, là kết quả tinh thần lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm của nhân dân và quân đội ta, và không tách rời sự giúp đỡ và ủng hộ quý báu của anh em bầu bạn trên thế giới, đặc biệt là của Liên xô, Lào và Cam-pu-chia. Với những thắng lợi và thành tựu ấy, cách mạng nước ta có thêm những điều kiện và nhân tố mới để tiếp tục tiến lên.*

Khẳng định những thành tựu đã đạt được, Đại hội chỉ ra những khó khăn, phân tích sâu sắc những thiếu sót, khuyết điểm, sai lầm mà toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức khắc phục. Thiếu sót chung nhất là **« chúng ta chưa thực hiện được mục tiêu do Đại hội lần thứ V đề ra là về cơ bản ổn định tình hình kinh tế — xã hội, ổn định đời sống của nhân dân »** (1). *Đại hội cho rằng những khuyết điểm, sai lầm trong hoạt động của Đảng và Nhà nước là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn,* **sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện** *Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm ấy, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế,* **là bệnh chủ quan, duy ý chí**, *lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan, không nắm vững và hành động theo đúng quy luật khách quan. Đó là tư tưởng tiểu tư sản, vừa « tả » khuynh vừa hữu khuynh.*

Những sai lầm và khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế, xã hội, xét cho cùng, bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động **tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng**. *Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân. Ban chấp hành trung ương, Bộ chính trị, Ban bí thư, Hội đồng bộ trưởng đã nghiêm túc tự phê bình về những khuyết điểm đó của mình.*

Từ sự phân tích khách quan, khoa học thực tiễn cách mạng nước ta những năm qua, Đại hội đã rút ra bốn bài học lớn sau đây:

Một là: *trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng « lấy dân làm gốc », xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng.*

Hai là: *Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.*

Ba là: *phải biết kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới.*

Bốn là: *phải xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.*

Đó là những bài học rất quý báu, có ý nghĩa quan trọng chỉ đạo hoạt động của chúng ta trong những năm sắp tới

★

(1) *Báo cáo chính trị của BCH/U BCS Việt nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng*. tr. 12.

Digitized by Google

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890 — 1969)

Digitized by Google

Digitized by Google

Theo quyết định của Đại hội VI, trong thời gian tới, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phải tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới. Đảng và Nhà nước phải tiếp tục cụ thể hoa và tổ chức thực hiện đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế do các Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng đề ra, chú trọng giải quyết một số vấn đề quan trọng về lý luận và thực tiễn, bổ sung đường lối và nâng cao năng lực chỉ đạo thực hiện của Đảng

Đại hội chỉ rõ rằng, trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, phải thực hiện những biện pháp có hiệu quả để nhanh chóng ổn định tình hình kinh tế — xã hội, đưa mọi mặt hoạt động vào quỹ đạo phát triển bình thường và tiến hành những cuộc cải cách về tổ chức, quản lý, thiết lập cơ cấu sản xuất mới và cơ chế quản lý mới. Đại hội xác định: **«nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế — xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo»** (2).

Ổn định tình hình kinh tế — xã hội có nghĩa là phải ổn định cả sản xuất và phân phối, lưu thông, ổn định đời sống vật chất và đời sống văn hóa, tăng cường hiệu lực của tổ chức quản lý, lập lại trật tự, kỷ cương và thực hiện công bằng xã hội. Ổn định không tách rời và đối lập với phát triển, mà gắn liền với phát triển trong quá trình vận động tiến lên; ổn định là để phát triển, và có phát triển mới ổn định được

Từ nhiệm vụ bao trùm và mục tiêu tổng quát đó, Đại hội xác định những mục tiêu cụ thể về kinh tế — xã hội cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là:

— Làm đủ ăn và có tích lũy

— Bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất

— Xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

— Tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội.

— Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.

Đạt được 5 mục tiêu nói trên chúng ta sẽ kết thúc được chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, tạo ra những tiền đề cần thiết để triển khai sự nghiệp công nghiệp hóa trên quy mô lớn trong những năm sau

Biện pháp tích cực và quan trọng hàng đầu để thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu đó là phải đổi mới chính sách kinh tế, chính sách xã hội, nhằm phát huy vai trò làm chủ và nhiệt tình của người lao động, tạo ra phong trào quần chúng hăng hái thực hiện các nhiệm vụ của cách mạng, **«giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa»** (3).

(2) Sách đã dẫn, tr. 35.
(3) Sách đã dẫn tr. 60

Digitized by Google

Cụ thể là, sắp tới phải bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư; xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế; đổi mới cơ chế quản lý kinh tế; phát huy mạnh mẽ động lực khoa học, kỹ thuật; mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại; thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm phát huy mạnh mẽ yếu tố con người, phục vụ con người. Thật sự tập trung sức người sức của vào việc **thực hiện cho được ba chương trình lớn: lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.**

Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng và nhân dân ta phải không ngừng chăm lo nhiệm vụ củng cố quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc, quyết tâm đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, đồng thời có kế hoạch sẵn sàng đối phó thắng lợi với mọi tình huống do chúng gây ra.

Trên lĩnh vực đối ngoại, Đảng ta chủ trương trong những năm tới, phải ra sức kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, phấn đấu giữ vững hòa bình ở Đông dương, góp phần tích cực giữ vững hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới, củng cố quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông dương, củng cố quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Các quyết định quan trọng của Đại hội thứ VI của Đảng là sự cụ thể hóa một bước đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Nó xuất phát từ việc tổng kết thực tiễn phong phú của cách mạng nước ta những năm qua và phù hợp với các luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê-nin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở một nước nông nghiệp chậm phát triển. Các quyết định đó thể hiện bước đầu sự đổi mới tư duy của Đảng ta, chứng tỏ Đảng ta đã có bước trưởng thành nhất định trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong lãnh đạo xây dựng kinh tế – xã hội.

★

Phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng nhằm ổn định tình hình mọi mặt của đất nước là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng toàn dân ta trong những năm tới. Nó đòi hỏi phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo năng động, sắc bén, có hiệu quả của Đảng; trình độ và năng lực quản lý ngày càng có hiệu lực của Nhà nước; và có sự cố gắng to lớn, nỗ lực vượt bậc, tinh thần lao động kiên cường, bền bỉ của nhân dân trên cơ sở nắm vững và hoàn toàn nhất trí với các quan điểm và quyết định của Đảng. Các cấp ủy Đảng cần tổ chức một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng học tập, nghiên cứu để thấm nhuần và quán triệt đầy đủ các quyết định của Đại hội, tạo ra sự nhất trí trong toàn Đảng, toàn dân. Đồng thời có những biện pháp thật tích cực để tổ chức thực hiện có kết quả các nghị quyết của Đại hội Đảng.

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, làm cho sự lãnh đạo của Đảng ngang tầm những nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới *là một yêu cầu cấp bách, có ý nghĩa quyết định. Quy mô rộng lớn và tính chất phức tạp của những nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới đòi hỏi Đảng ta phải không ngừng trưởng thành về lãnh đạo*

Digitized by Google

chính trị, phát triển và cụ thể hóa đường lối, đề ra những giải pháp đúng đắn đối với những vấn đề mới của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đảng phải nâng cao được sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực tiễn của mình cùng với việc nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế, xã hội của Nhà nước. Đảng phải đổi mới nhiều mặt: đổi mới tư duy trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức, đổi mới công tác cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc. Có được củng cố và tăng cường về chính trị, tư tưởng và tổ chức, Đảng ta mới đủ sức lãnh đạo nhân dân ta thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Các cấp ủy Đảng, mọi cán bộ, đảng viên cần nhận thức đầy đủ vị trí, ý nghĩa quan trọng của công tác xây dựng Đảng, coi trọng và làm tốt công tác đó. Đặc biệt phải giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng, tập lại kỷ cương, củng cố kỷ luật trong Đảng, tăng cường lãnh đạo tập thể, mở rộng sinh hoạt dân chủ, đẩy mạnh phê bình và tự phê bình. Phát ra sức trau dồi và nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, đấu tranh khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong Đảng, làm trong sạch đội ngũ của Đảng. Các cấp ủy Đảng phải tăng cường công tác kiểm tra, nắm chắc công tác kiểm tra và sử dụng kết quả kiểm tra vào việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết. Trong Đảng phải nêu cao tính tổ chức, tính kỷ luật.

Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước là phương hướng quan trọng và là điều kiện tất yếu bảo đảm huy động lực lượng to lớn của quần chúng nhân dân để hoàn thành mọi nhiệm vụ chính trị do Đảng đề ra. Nhà nước ta là công cụ của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước có trách nhiệm thể chế hóa bằng pháp luật quyền hạn, lợi ích, nghĩa vụ của nhân dân lao động và quản lý kinh tế, xã hội theo pháp luật. Nhà nước bảo đảm quyền dân chủ thật sự của nhân dân lao động, đồng thời kiên quyết trừng trị những kẻ vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

Để tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, sắp tới cần thực hiện một cuộc cải cách lớn về tổ chức bộ máy của các cơ quan Nhà nước theo phương hướng gọn nhẹ, có chất lượng cao, với một đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị và có năng lực quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Đó phải là một bộ máy có đủ năng lực thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành pháp luật và chính sách cụ thể; xây dựng được chiến lược kinh tế – xã hội và cụ thể hóa chiến lược đó thành những kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội; quản lý hành chính – xã hội và hành chính – kinh tế; điều hành các hoạt động kinh tế, xã hội theo kế hoạch; giữ vững pháp luật, kỷ cương Nhà nước và trật tự xã hội; củng cố quốc phòng và an ninh...

Mặt khác, phải tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, dùng sức mạnh của pháp chế xã hội chủ nghĩa để quản lý đất nước, quản lý xã hội. Phải quan tâm xây dựng pháp luật, coi trọng việc giáo dục, tuyên truyền, giải thích pháp luật và phải nghiêm khắc xử lý những trường hợp vi phạm pháp luật. Không cho phép bất cứ ai dựa vào quyền thế để làm trái pháp luật. Pháp chế có nghiêm mới tổ chức thực hiện được các quyết định của Đảng và của Nhà nước, mới giữ vững được kỷ cương xã hội. Các cấp ủy Đảng phải thường xuyên lãnh đạo công tác pháp chế, tăng cường cán bộ có phẩm chất và năng lực cho lĩnh vực pháp chế và kiểm tra chặt chẽ hoạt động của các cơ quan làm công tác này.

Muốn tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng, vấn đề cực kỳ quan trọng là phải **phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ**

Digitized by Google

tập thể của nhân dân lao động, tạo ra phong trào hành động cách mạng sôi nổi của quần chúng. *Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Những thành tựu đạt được thời gian qua chứng minh rằng chỉ có phát huy vai trò tích cực, sáng tạo của quần chúng, tạo ra được phong trào cách mạng của quần chúng mới có thể biến các chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước thành hiện thực sinh động. Không phát động được quần chúng thì không thể có bất kỳ cuộc cách mạng nhân dân chân chính nào. Những mục tiêu do Đại hội thứ VI của Đảng đề ra chỉ có thể thực hiện được bằng phong trào hành động cách mạng sáng tạo của hàng chục triệu quần chúng trong cả nước.*

Vì vậy, các cấp ủy Đảng và các cơ quan chính quyền phải có biện pháp cụ thể và tích cực nhằm động viên nhiệt tình cách mạng của quần chúng, thật sự coi trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, tổ chức quần chúng tham gia tích cực vào việc cụ thể hóa đường lối của Đảng và phấn đấu thực hiện thắng lợi đường lối ấy. « Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra » phải là phương châm chỉ đạo hằng ngày trong công tác vận động quần chúng của chúng ta. Trong điều kiện hiện nay, cần đặc biệt quan tâm bồi dưỡng nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ hiểu biết mọi mặt của quần chúng, đồng thời tích cực chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của người lao động, kết hợp hài hòa lợi ích của Nhà nước, của tập thể với lợi ích của người lao động. Lợi ích của người lao động là một trong những động lực quan trọng của phong trào quần chúng.

Các đoàn thể quần chúng, trước hết là công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội nông dân tập thể, mặt trận Tổ quốc, cần phải đổi mới nội dung và phương thức hoạt động cho phù hợp với tình hình và yêu cầu mới, phù hợp với những cuộc cải cách về quản lý kinh tế và xã hội. Phải hướng mạnh về cơ sở, đi sâu giáo dục và động viên các tầng lớp nhân dân tham gia rộng rãi và thường xuyên vào các công việc quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, xây dựng Đảng, tích cực tạo ra những phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng.

★

Đại hội thứ VI của Đảng, với những nghị quyết quan trọng đã được thảo luận đầy đủ và nhất trí thông qua, là đại hội đánh dấu sự đổi mới quan trọng của Đảng ta trong lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa, đánh dấu bước chuyển có ý nghĩa quyết định trong việc nâng cao sức mạnh và uy tín của Đảng ta, tăng cường khối đoàn kết, nhất trí trong Đảng, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng nhân dân.

*Thực hiện lời căn dặn của Hồ Chủ tịch : « **Đoàn kết** là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình » (4), toàn Đảng ta quyết tăng cường đoàn kết nhất trí, lãnh đạo nhân dân ta ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, biến nghị quyết Đại hội VI của Đảng thành hiện thực, lập thành tích thiết thực kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Đảng, kỷ niệm lần thứ 45 ngày thành lập nước và kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Bác Hồ vĩ đại.*

Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân!

---

(4) Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Digitized by Google

Đồng chí NGUYỄN VĂN LINH
Tổng bí thư BCHTƯ ĐCS Việt nam (khóa VI)

Digitized by Google

Digitized by Google

ĐỒNG CHÍ NGUYỄN VĂN LINH

Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam

ĐỒNG chí Nguyễn Văn Linh, tên thật là Nguyễn Văn Cúc, sinh ngày 1-7-1915, tại Hưng yên, nay là tỉnh Hải hưng.

Đồng chí tham gia Học sinh đoàn năm 1929 do Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội (tiền thân của Đảng cộng sản Đông dương) lãnh đạo

Ngày 1-5-1930, đồng chí tham gia rải truyền đơn chống đế quốc Pháp, bị bắt và kết án tù chung thân đày đi Côn đảo.

Năm 1936, do thắng lợi của Mặt trận bình dân Pháp, chính quyền thực dân Pháp phải trả lại tự do cho đồng chí. Năm đó, đồng chí được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông dương và được Đảng phân công về Hải phòng hoạt động. Tại đây, đồng chí đã xây dựng cơ sở cách mạng trong công nhân và nhiều tầng lớp nhân dân khác, gây dựng cơ sở đảng và thành lập Thành đảng bộ lâm thời Hải phòng.

Năm 1939, được Đảng điều vào công tác ở thành phố Sài gòn, đồng chí tham gia Ban chấp hành đảng bộ thành phố. Cuối năm 1939, do chính sách khủng bố trắng của thực dân phát xít Pháp, nhiều cơ sở cách mạng trong cả nước bị tan rã, đồng chí được phân công ra Trung kỳ bắt liên lạc với cơ sở Đảng còn lại ở các tỉnh để lập lại xứ ủy.

Đầu năm 1941, đồng chí bị địch bắt đưa vào Sài gòn, xử án năm năm tù và đày ra Côn đảo lần thứ hai.

Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945 thắng lợi, đồng chí được đón về Nam bộ, và trực tiếp tham gia lãnh đạo cuộc kháng chiến ngay trong lòng thành phố Sài gòn—Chợ lớn với các cương vị Bí thư thành ủy, Bí thư đặc khu ủy. Từ năm 1949, đồng chí tham gia Ban thường vụ xứ ủy Nam bộ.

Từ năm 1957 đến 1960, đồng chí phụ trách quyền Bí thư xứ ủy Nam bộ.

Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng (năm 1960) bầu đồng chí vào Ban chấp hành trung ương Đảng.

Trên cương vị Bí thư và Phó bí thư, đồng chí đã cùng Trung ương cục miền Nam lãnh đạo quân và dân miền Nam làm cuộc kháng chiến thần thánh chống Mỹ, cứu nước từ những năm tháng đen tối đến ngày toàn thắng trong mùa xuân lịch sử 1975.

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng và Tổ quốc Việt nam được thống nhất (1975), đồng chí được phân công trở lại làm Bí thư thành

Digitized by Google

ủy thành phố Hồ Chí Minh. Đến Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng (năm 1976), đồng chí tiếp tục được bầu vào Ban chấp hành trung ương Đảng và được cử vào Bộ chính trị, Ban bí thư Trung ương Đảng, lần lượt đảm nhiệm các chức vụ Trưởng ban cải tạo xã hội chủ nghĩa của Trung ương, Trưởng ban dân vận và Mặt trận Trung ương, Chủ tịch Tổng công đoàn Việt nam.

Từ cuối năm 1981 đến giữa năm 1986, đồng chí lại được phân công về làm Bí thư thành ủy thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng (1982), đồng chí tiếp tục được bầu vào Ban chấp hành trung ương.

Hội nghị Ban chấp hành trung ương lần thứ tám (khóa V) tháng 6-1985 bầu đồng chí vào Bộ chính trị Trung ương Đảng.

Tháng 6-1986, đồng chí được cử vào Ban bí thư Trung ương Đảng, phụ trách Thường trực Ban bí thư.

Tại Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986), đồng chí tiếp tục được bầu vào Ban chấp hành trung ương Đảng. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ nhất (khóa VI) đã nhất trí bầu đồng chí làm Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam.

Digitized by Google

BỘ CHÍNH TRỊ VÀ BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

BỘ CHÍNH TRỊ

ỦY VIÊN CHÍNH THỨC:

1 – NGUYỄN VĂN LINH
2 – PHẠM HÙNG
3 – VÕ CHÍ CÔNG
4 – ĐỖ MƯỜI
5 – VÕ VĂN KIỆT
6 – LÊ ĐỨC ANH
7 – NGUYỄN ĐỨC TÂM
8 – NGUYỄN CƠ THẠCH
9 – ĐỒNG SĨ NGUYÊN
10 – TRẦN XUÂN BÁCH
11 – NGUYỄN THANH BÌNH
12 – ĐOÀN KHUÊ
13 – MAI CHÍ THỌ

ỦY VIÊN DỰ KHUYẾT:

ĐÀO DUY TÙNG

BAN BÍ THƯ

1 – NGUYỄN VĂN LINH
2 – NGUYỄN ĐỨC TÂM
3 – TRẦN XUÂN BÁCH
4 – ĐÀO DUY TÙNG
5 – TRẦN KIÊN
6 – LÊ PHƯỚC THỌ
7 – NGUYỄN QUYẾT
8 – ĐÀM QUANG TRUNG
9 – VŨ OANH
10 – NGUYỄN KHÁNH
11 – TRẦN QUYẾT
12 – TRẦN QUỐC HƯƠNG
13 – PHẠM THẾ DUYỆT

Digitized by Google

Đồng chí
NGUYỄN VĂN LINH

Đồng chí
PHẠM HÙNG

Đồng chí
VÕ CHÍ CÔNG

Đồng chí
ĐỖ MƯỜI

Đồng chí
VÕ VĂN KIỆT

Đồng chí
LÊ ĐỨC ANH

Đồng chí
NGUYỄN ĐỨC TÂM

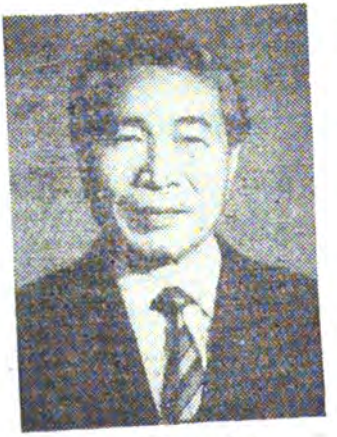

Đồng chí
NGUYỄN CƠ THẠCH

Đồng chí
ĐỒNG SỸ NGUYÊN

Digitized by Google

Đồng chí
TRẦN XUÂN BÁCH

Đồng chí
NGUYỄN THANH BÌNH

Đồng chí
ĐOÀN KHUÊ

Đồng chí
MAI CHÍ THỌ

Đồng chí
ĐÀO DUY TÙNG

ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

1 – TRẦN KIÊN, Chủ nhiệm
2 – TRẦN HỮU ĐẮC, Phó chủ nhiệm
3 – VŨ THỊ HỒNG, Phó chủ nhiệm
4 – TRỊNH VĂN LÂU, Phó chủ nhiệm
5 – ĐỖ THANH TUYỀN, Ủy viên
6 – VI XUÂN THANH, Ủy viên
7 – VÕ VĂN HIỀN, Ủy viên

Digitized by Google

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (KHÓA VI)

(XẾP THEO A, B, C)

I – ỦY VIÊN CHÍNH THỨC

1 – Nguyễn Văn An
2 – Lê Đức Anh
3 – Trần Xuân Bách
4 – Phạm Bái
5 – Nguyễn Thanh Bình
6 – Nguyễn Đức Bình
7 – Lê Đức Bình
8 – Nguyễn Thới Bưng
9 – Hoàng Cầm
10 – Nguyễn Mạnh Cầm
11 – Nguyễn Kỳ Cẩm
12 – Huỳnh Văn Cần
13 – Võ Chí Công
14 – Nguyễn Minh Châu
15 – Lữ Minh Châu
16 – Nguyễn Văn Chi
17 – Võ Trần Chí
18 – Đỗ Chính
19 – Nguyễn Văn Chính
20 – Ca[illegible] Đăng Chiếm
21 – Nguyễn Chơn
22 – Nguyễn Huy Chương
23 – Nguyễn Cảnh Dinh
24 – Phạm Đình Dy
25 – Lê Văn Dỹ
26 – Văn Tiến Dũng
27 – Phạm Thế Duyệt
28 – Lê Quang Đạo
29 – Trần Hữu Đắc
30 – Nguyễn Thị Định
31 – Trần Độ
32 – Trần Đông
33 – Nguyễn Văn Đức
34 – Võ Nguyên Giáp
35 – Hồng Hà
36 – Vũ Ngọc Hải
37 – Nguyễn Thị Hằng
38 – Cù Thị Hậu
39 – Phạm Văn Hy
40 – Lê Ngọc Hiền
41 – Nguyễn Văn Hiệu
42 – Nguyễn Hòa (Dầu khí)
43 – Hà Trọng Hòa
44 – Trần Hoàn
45 – Vũ Tuyên Hoàng
46 – Vũ Thị Hồng
47 – Nguyễn Văn Hơn
48 – Phạm Hùng
49 – Hà Thiết Hùng
50 – Phạm Hưng
51 – Trần Quốc Hương
52 – Nguyễn Đình Hương
53 – Đặng Hữu
54 – Nguyễn Xuân Hữu

Digitized by Google

55 – Trần Kiên
56 – Võ Văn Kiệt
57 – Lê Văn Kiến
58 – Nguyễn Khánh
59 – Nguyễn Nam Khánh
60 – Phan Văn Khải
61 – Doãn Khuê
62 – Trịnh Văn Lâu
63 – Vũ Lập
64 – Nguyễn Văn Linh
65 – Nguyễn Thị Ngọc Liên
66 – Đinh Nho Liêm
67 – Phan Thanh Liêm
68 – Phạm Tâm Long
69 – Đào Đình Luyện
70 – Trần Đức Lương
71 – Bùi Danh Lưu
72 – Vũ Mão
73 – Hoàng Trường Minh
74 – Y Một
75 – Đỗ Mười
76 – Huỳnh Văn Niềm
77 – Nguyễn Niệm
78 – Bùi Thiện Ngộ
79 – Đàm Văn Ngụy
80 – Đồng Sỹ Nguyên
81 – Lê Thanh Nhàn
82 – Vũ Oanh
83 – Tráng A Pao
84 – Trần Văn Phác
85 – Nguyễn Thanh Quất
86 – Hoàng Quy
87 – Nguyễn Quyết
88 – Trần Quyết
89 – Nguyễn Văn Sỹ
90 – Nguyễn Đình Sở
91 – Hoàng Bích Sơn
92 – Nguyễn Công Tạn
93 – Phan Minh Tánh
94 – Trần Trọng Tân
95 – Trần Tấn
96 – Nguyễn Đức Tâm
97 – Nguyễn Trung Tín
98 – Đào Duy Tùng
99 – Nguyễn Đình Tứ
100 – Phan Ngọc Tường
101 – Dương Tường
102 – Võ Viết Thanh
103 – Đoàn Duy Thành
104 – Lê Quang Thành
105 – Nguyễn Cơ Thạch
106 – La Thăng
107 – Hoàng Minh Thắng
108 – Vũ Thắng
109 – Đỗ Quang Thắng
110 – Nguyễn Thị Thân
111 – Lâm Văn Thê
112 – Đặng Thí
113 – Mai Chí Thọ
114 – Lê Phước Thọ
115 – Nguyễn Quốc Thước
116 – Nguyễn Ngọc Triu
117 – Nguyễn Tấn Trịnh
118 – Lê Văn Triết
119 – Đàm Quang Trung
120 – Nguyễn Ký Ức
121 – Đoàn Thanh Vy
122 – Dậu Ngọc Xuân
123 – Nguyễn Trọng Xuyên
124 – Lê Danh Xương

II – ỦY VIÊN DỰ KHUYẾT

1 – Đỗ Văn Ân
2 – Nguyễn Bá
3 – Phạm Văn Bính
4 – Vũ Trọng Cảnh

Digitized by Google

5 – Nguyễn Nhiêu Cốc
6 – Trần Quang Cơ
7 – Phạm Như Cương
8 – Nguyễn Tấn Dũng
9 – Hà Đăng
10 – Phan Xuân Đợt
11 – Trần Thị Đường
12 – Nguyễn Bình Giang
13 – Phạm Minh Hạc
14 – Trương Mỹ Hoa
15 – Nguyễn Hòa (Quân đội)
16 – Nguyễn Thế Hữu
17 – Đặng Xuân Kỳ
18 – Nguyễn Xuân Kỷ
19 – Cao Sĩ Kiêm
20 – Đinh Văn Lạp
21 – Ngô Xuân Lộc
22 – Trầm Luân
23 – Nguyễn Duy Luân
24 – Nông Đức Mạnh
25 – Nguyễn Thị Minh
26 – Nguyễn Thị Xuân Mỹ
27 – Hoàng Đức Nghi
28 – Lê Huy Ngọ
29 – Nguyễn Trọng Nhân
30 – A Ma Pui
31 – Lò Văn Puốn
32 – Nguyễn Hà Phan
33 – Lâm Phú
34 – Trần Hồng Quân
35 – Đỗ Quốc Sam
36 – Lê Tài
37 – Nguyễn Thị Tâm
38 – Phan Văn Tiệm
39 – Lê Xuân Tùng
40 – Nguyễn Văn Tư
41 – Đặng Văn Thân
42 – Phan Thu
43 – Hà Học Trạc
44 – Nguyễn Đức Triều
45 – Trương Vĩnh Trọng
46 – Đỗ Quang Trung
47 – Hà Xuân Trường
48 – Nguyễn Thị Hồng Vân
49 – Nguyễn Chí Vu

Digitized by Google

LỜI PHÁT BIỂU

CỦA ĐỒNG CHÍ PHẠM HÙNG

(Thay mặt Đoàn chủ tịch Đại hội VI)

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

CHÚNG ta sắp bầu các ủy viên Ban chấp hành trung ương mới. Đó là một trách nhiệm cực kỳ quan trọng của Đại hội chúng ta đối với sự nghiệp cách mạng của giai cấp và dân tộc ta.

Trong danh sách đề cử vào Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VI, thể theo đề nghị của đồng chí Trường Chinh, đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Lê Đức Thọ, Đoàn chủ tịch Đại hội nhất trí tôn trọng quyền không ứng cử của ba đồng chí vì tuổi đã cao, sức đã yếu.

Cử chỉ cao đẹp của ba đồng chí làm nổi bật truyền thống quý báu của dân tộc ta, của Đảng ta là: thế hệ trước ân cần dìu dắt thế hệ sau và thế hệ sau kế tục trung thành sự nghiệp của thế hệ trước.

Đồng chí Trường Chinh, đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Lê Đức Thọ là những học trò xuất sắc của Bác Hồ kính yêu, là những người bạn chiến đấu gần gũi nhất của đồng chí Lê Duẩn và nhiều chiến sĩ cộng sản tiền bối.

Đoàn chủ tịch đề nghị Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng long trọng tuyên dương công trạng to lớn vì Đảng, vì dân của đồng chí Trường Chinh, đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Lê Đức Thọ đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng ta và nhân dân ta.

Đại hội nhiệt liệt biểu dương ba đồng chí là tấm gương chí công vô tư, trung với nước, hiếu với dân, là những cán bộ lãnh đạo kiên cường, giàu kinh nghiệm, những chiến sĩ cộng sản trung thực và ưu tú được toàn dân ta yêu quý, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, bạn bè ta trên thế giới kính trọng.

Đại hội nhất trí trao trách nhiệm cao cả cho ba đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ làm cố vấn của Ban chấp hành trung ương Đảng.

Một lần nữa, Đại hội chúng ta bày tỏ lòng quý trọng và biết ơn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đối với đồng chí Trường Chinh, đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí Lê Đức Thọ.

Kính chúc ba đồng chí mạnh khỏe, sống lâu, và trong trọng trách mới, tiếp tục cống hiến vào trí tuệ tập thể của Đảng ta.

Digitized by Google

LỜI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH

Thưa Đoàn chủ tịch Đại hội,
Thưa các đồng chí đại biểu,
Thưa các vị khách quốc tế,

TRƯỚC đây, tôi đã nhiều lần đề nghị Ban chấp hành trung ương Đảng cho tôi được làm công việc nhẹ hơn, vì tôi tuổi cao, sức yếu. Đảng ta có lực lượng cán bộ đông đảo, có nhiều đồng chí đủ sức, đủ tài đảm nhiệm trọng trách của Đảng và Nhà nước. Hơn nữa, Ban chấp hành trung ương Đảng ta làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ—trí tuệ và năng lực sáng tạo của Đảng là của tập thể. Trong Đại hội này, tôi cũng đề nghị cho phép tôi không ứng cử vào Ban chấp hành trung ương khóa tới. Đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí Lê Đức Thọ cũng đề nghị như vậy. Đại hội đã chấp nhận đề nghị của chúng tôi và giao cho chúng tôi trách nhiệm làm cố vấn cho Ban chấp hành trung ương mới.

Chúng tôi hết sức xúc động trước tình cảm nồng nàn và sự tín nhiệm của Đại hội đối với chúng tôi. Xin cảm ơn Đại hội đã thay mặt toàn Đảng giao cho chúng tôi trọng trách mới.

Chúng tôi xin hứa với các đồng chí sẽ cố gắng hoàn thành nhiệm vụ mới được giao và cùng toàn Đảng giữ gìn đoàn kết, thống nhất của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình, theo lời dạy bảo của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, nhằm thực hiện thắng lợi nghị quyết quan trọng mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đã thông qua.

Tôi tin tưởng rằng Đại hội của chúng ta, với tinh thần đổi mới, với việc bầu ra Ban chấp hành Trung ương do đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Tổng Bí thư sẽ đem lại sức mạnh to lớn cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách trước mắt, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa, và làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình.

Chúc các đồng chí đại biểu mạnh khỏe và đạt nhiều thắng lợi mới.

Xin cảm ơn các đồng chí đại biểu Đại hội.

Xin cảm ơn các đồng chí và các bạn quốc tế.

Digitized by Google

Đồng chí TRƯỜNG CHINH

Tổng bí thư BCHTƯ ĐCS Việt nam (khóa V)

Digitized by Google

Digitized by Google

VĂN KIỆN

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

DIỄN VĂN KHAI MẠC

DO ĐỒNG CHÍ NGUYỄN VĂN LINH ĐỌC

Kính thưa Đoàn chủ tịch,
Thưa các vị khách quý,
Thưa các đồng chí đại biểu thân mến,

Mở đầu phiên họp trọng thể này, thay mặt Đoàn chủ tịch, tôi xin gửi lời chào mừng nồng nhiệt nhất đến các đồng chí đại biểu, những đảng viên ưu tú được đại hội các đảng bộ trực thuộc Trung ương bầu ra, tiêu biểu sức mạnh đoàn kết và trí tuệ tập thể của Đảng, mang đến Đại hội toàn quốc ý chí và nguyện vọng của toàn Đảng và toàn dân ta.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt chào mừng Đoàn đại biểu Đảng cộng sản Liên xô do đồng chí E. K. Li-ga-chốp, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Ủy ban trung ương Đảng dẫn đầu, Đoàn đại biểu Đảng nhân dân cách mạng Lào do đồng chí Cay-xỏn Phôm-vi-hăn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng dẫn đầu, Đoàn đại biểu Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu chia do đồng chí Hêng Xom-rin, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng dẫn đầu.

Chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh các đoàn đại biểu các đảng anh em và bè bạn, mang lại cho chúng ta tình hữu nghị thắm thiết và tình đoàn kết phấn đấu vì những sự nghiệp cách mạng, tiến bộ xã hội và bảo vệ hòa bình thế giới.

Đại hội chúng ta thành kính hướng về Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, vị lãnh tụ kính yêu mà tư tưởng và đạo đức sống mãi trong sự nghiệp của nhân dân ta với sức giáo dục và động viên đặc biệt sâu xa và nóng hổi, đòi hỏi chúng ta nhìn thẳng vào sự thật và rút ra những kết luận đích đáng, như đã được nêu lên trong Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương do đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh trình bày.

Đại hội chúng ta tưởng nhớ đồng chí Lê Duẩn, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều năm là Tổng bí thư của Đảng, đã cùng với

Digitized by Google

Trung ương Đảng lãnh đạo hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, người chiến sĩ quốc tế trong sáng được kính trọng trong phong trào cộng sản quốc tế và trên thế giới, người cộng sản kiên cường suốt đời phục vụ nhân dân.

Đại hội chúng ta tưởng nhớ các đồng chí Nguyễn Duy Trinh, Trần Quốc Hoàn, Xuân Thủy, Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn, tưởng nhớ các đồng chí ủy viên Trung ương khác cùng biết bao đảng viên, đồng bào và chiến sĩ yêu quý đã hy sinh vì sự nghiệp cách mạng từ Đại hội lần thứ V của Đảng đến nay.

(Đề nghị Đại hội dể một phút mặc niệm).

Những năm qua, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc đã thu được những thành tựu và thắng lợi quan trọng. Ở nhiều nơi trong cả nước, xuất hiện những mầm non đầy hứa hẹn, những điển hình quản lý tốt, những đơn vị tiên tiến. Đó là những bông hoa của chủ nghĩa xã hội nảy nở ngày càng nhiều trên đất nước ta. Từ nhiều tháng nay, đã dấy lên phong trào của các đảng bộ, các tầng lớp nhân dân trong cả nước và Việt kiều ở ngoài nước hướng về Đại hội, góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị của Trung ương, thi đua lập thành tích mừng Đại hội. Vui mừng trước những thành quả đó, chúng ta càng phải thấy rõ mặt trái của tình hình, nhất là về kinh tế — xã hội, sự trì trệ về sản xuất, sự rối ren về phân phối, lưu thông, những khó khăn trong đời sống nhân dân, những hiện tượng tiêu cực trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống, sự giảm sút niềm tin của nhân dân lao động. Đó là những điều mà Đảng ta cũng như nhân dân ta không thể chấp nhận được. Nhất định, chúng ta phải tạo cho được sự chuyển biến của tình hình, nhất là làm cho kinh tế và xã hội ổn định, lành mạnh và tiến lên.

Để làm chuyển biến tình hình, Đại hội lần thứ VI này phải đánh dấu sự đổi mới của Đảng ta về tư duy, phong cách, tổ chức và cán bộ. Đó là đòi hỏi bức thiết của đất nước. Đó cũng là đặc tính của cách mạng, nhất là cách mạng xã hội chủ nghĩa, là bản chất sâu xa của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, là xu thế tất yếu của thời đại, được thể hiện nổi bật trong những tư tưởng lớn của Đại hội lần thứ XXVII Đảng cộng sản Liên xô, đảng của Lê-nin vĩ đại.

Chỉ có đổi mới thì mới thấy đúng và thấy hết sự thật, thấy những nhân tố mới để phát huy, những sai lầm để sửa chữa, nhằm vận dụng tốt chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào hoàn cảnh nước ta, phát huy truyền thống lịch sử và cách mạng của dân tộc, động viên tính năng động, sáng tạo và khả năng vô tận của nhân dân lao động làm chủ tập thể để đồng thời đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Như vậy là giữ vững bản chất cao quý đáng tự hào của Đảng ta, dân tộc ta, chế độ ta, đồng thời phát huy bản chất ấy phong phú hơn, đẹp đẽ hơn, khai hoa kết quả trong những thành tựu mới, đáp ứng yêu cầu của nhân dân ta, hòa nhịp với những đổi thay của thời đại. Muốn thế, phải đấu tranh chống cái cũ, chống bảo thủ trì trệ, chống giáo điều rập khuôn, chống chủ quan nóng vội, chống tha hóa biến chất, chống những thói quen lỗi thời đại đảng. Đây là cuộc đấu tranh cách mạng gian khổ diễn ra trên mọi lĩnh vực và trong bản thân từng người chúng ta.

Các báo cáo của Ban chấp hành trung ương trình Đại hội đã cố gắng tập hợp trí tuệ của toàn đảng, toàn dân, cụ thể hóa đường lối đúng của Đảng đã được vạch ra từ Đại hội IV

(Xem tiếp trang 116)

Digitized by Google

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ

CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

DO ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH ĐỌC

Thưa các đồng chí,

SAU khi đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, hoàn thành sự nghiệp giải phóng Tổ quốc, thực hiện thống nhất nước nhà, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân cả nước tiến vào giai đoạn cách mạng mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Năm năm qua là một đoạn đường đầy thử thách. Bên cạnh những thắng lợi giành được, chúng ta đã mắc một số khuyết điểm và sai lầm. Cách mạng nước ta có những nhân tố thuận lợi mới nhưng cũng đang đứng trước nhiều khó khăn gay gắt.

Trong quá trình chuẩn bị đại hội, các đồng chí trong toàn đảng, đồng bào trong cả nước và ở nước ngoài đã góp nhiều ý kiến thẳng thắn vào bản dự thảo Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương và nêu nhiều kiến nghị đầy tâm huyết. Toàn đảng, toàn dân, toàn quân đang theo dõi, trông đợi Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh giá đúng tình hình, tổng kết được những kinh nghiệm quý báu, xác định những nhiệm vụ, mục tiêu, chính sách và biện pháp để ổn định tình hình, đưa sự nghiệp cách mạng tiếp tục tiến lên.

Đại hội chúng ta có nhiệm vụ làm hết sức mình để đáp ứng lòng mong mỏi chính đáng của đồng bào và đồng chí.

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ

Thưa các đồng chí,

THÁI độ của Đảng ta trong việc đánh giá tình hình là *nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật.* Cùng với việc đánh giá đúng những thành tích đã đạt được, ở đại hội này, chúng ta chú trọng kiểm điểm những mặt yếu kém, phân tích sâu sắc những sai lầm và khuyết điểm, vạch rõ nguyên nhân, nêu ra biện pháp khắc phục, xác định nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

Digitized by Google

Năm năm qua, cách mạng nước ta diễn ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước có những thuận lợi cơ bản, nhưng cũng có nhiều mặt phức tạp.

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân ta tiếp tục nhận được sự giúp đỡ to lớn và sự hợp tác nhiều mặt của Liên xô vĩ đại và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, cũng như sự cổ vũ, ủng hộ của nhiều nước bầu bạn và nhân dân yêu chuộng tự do trên thế giới. Cùng với sự cải thiện thế chiến lược chung của cách mạng ba nước Đông dương, quan hệ hợp tác toàn diện giữa Việt nam, Lào và Cam-pu-chia đã tạo thêm những nhân tố thuận lợi cho công cuộc xây dựng cuộc sống mới ở mỗi nước.

Song, đất nước ta cùng với Lào và Cam-pu-chia phải thường xuyên đối phó với những hành động xâm lược, phá hoại và bao vây kinh tế của các thế lực thù địch. Những biến động bất lợi trên thị trường thế giới cũng gây thêm cho chúng ta không ít khó khăn.

Từ điểm xuất phát rất thấp về kinh tế, lại chịu hậu quả của chiến tranh lâu dài, nhân dân ta phải thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược, vừa thực hiện nhiệm vụ dân tộc, vừa làm nghĩa vụ quốc tế, phải đáp ứng cùng một lúc những yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách là bảo đảm và cải thiện đời sống, tích lũy để xây dựng chủ nghĩa xã hội và củng cố quốc phòng.

Về tình hình kinh tế — xã hội trong nước, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, sự giảm sút của sản xuất vào cuối những năm 70 cùng với những sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế, nhất là bố trí đầu tư và xây dựng cơ bản của năm năm 1976 — 1980, đã để lại hậu quả nặng nề.

Thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu do Đại hội lần thứ V của Đảng vạch ra, nhân dân ta anh dũng phấn đấu, khắc phục khó khăn, vượt qua trở ngại, đã đạt được *những thành tựu quan trọng* trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong *sản xuất nông nghiệp và công nghiệp*, đã ngăn chặn được đà giảm sút của những năm 1979—1980, từ năm 1981 đến nay, đạt được nhiều tiến bộ rõ rệt.

Nông nghiệp tăng bình quân hằng năm 4,9% so với 1,9% hằng năm của thời kỳ 1976 — 1980. Sản xuất lương thực có bước phát triển quan trọng, mức bình quân hằng năm từ 13,4 triệu tấn trong thời kỳ 1976 — 1980 đã tăng lên 17 triệu tấn trong thời kỳ 1981—1985. Sản xuất công nghiệp tăng bình quân hằng năm 9,5% so với 0,6% hằng năm trong thời kỳ 1976 — 1980. Thu nhập quốc dân tăng bình quân hằng năm 6,1% so với 0,1% trong năm năm trước.

Về *xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật*, trong năm năm 1981 — 1985, đã hoàn thành mấy trăm công trình tương đối lớn và hàng nghìn công trình vừa và nhỏ, trong đó có một số cơ sở quan trọng về điện, dầu khí, xi măng, cơ khí, dệt, đường, thủy lợi, giao thông... Về năng lực sản xuất, tăng thêm 456 nghìn kí lô oát điện, 2,5 triệu tấn than, 2,1 triệu tấn xi măng, 33 nghìn tấn sợi, 58 nghìn tấn giấy; thêm 309 nghìn héc ta được tưới nước, 186 nghìn héc ta được tiêu úng, 241 nghìn héc ta được khai hoang đưa vào sản xuất; dầu mỏ bắt đầu được khai thác. Các công trình thủy điện Hòa bình, Trị an đang được xây dựng, chuẩn bị đưa vào hoạt động trong những năm tới.

Công cuộc *cải tạo xã hội chủ nghĩa* đã tiến thêm một bước, đại bộ phận nông dân Nam bộ đi vào con đường sản xuất tập thể, đồng bào các dân tộc ở Tây nguyên có tiến bộ trong sự nghiệp xây dựng cuộc sống mới. Cùng với những thành tựu về khoa học, kỹ thuật, việc thực hiện rộng rãi phương thức khoán sản phẩm cuối cùng đến người lao động trong nông nghiệp, tuy

Digitized by Google

chưa hoàn thiện và còn nhiều thiếu sót, đã góp một phần quan trọng tạo nên bước phát triển của sản xuất nông nghiệp, mở ra phương hướng đúng đắn cho việc củng cố quan hệ kinh tế tập thể ở nông thôn.

Nhà nước và nhân dân ta cố gắng chăm lo *bảo đảm các nhu cầu của quốc phòng và an ninh*, thi hành chính sách hậu phương quân đội.

Chăm lo *đời sống của nhân dân* là một nhiệm vụ thường xuyên và hết sức khó khăn của Đảng và Nhà nước ta trong hoàn cảnh nền kinh tế còn yếu kém, thiên tai dồn dập, dân số tăng nhanh. Các ngành kinh tế quốc dân đã thu hút thêm 4 triệu lao động. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, văn học, nghệ thuật phát triển và có những đóng góp nhất định vào việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới. Các hoạt động khoa học, kỹ thuật được triển khai, góp phần thúc đẩy sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp.

Trong cả nước, đã xuất hiện nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh khá, đơn vị chiến đấu giỏi, nhiều huyện làm ăn tốt; một số địa phương và ngành có cách làm ăn năng động, sáng tạo đã đạt những thành tích đáng phấn khởi. Thực tiễn sinh động của các cơ sở, các địa phương, các ngành cung cấp kinh nghiệm quý báu cho sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Cũng trong năm năm qua, cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị và làm nghĩa vụ quốc tế của nhân dân và các lực lượng vũ trang ta đã giành thêm những *thắng lợi to lớn*.

Chúng ta đã làm thất bại thêm một bước quan trọng âm mưu của bọn bá quyền chống nước ta, củng cố hơn nữa khả năng quốc phòng của đất nước.

Trên vùng biên giới phía bắc, quân và dân ta đã xây dựng thế trận phòng thủ ngày càng vững chắc, chiến đấu dũng cảm và có hiệu quả, ngăn chặn địch lấn chiếm.

Chúng ta đã làm thất bại một bước chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, tiêu diệt và làm tan rã một bộ phận lớn bọn phản động FULRO ở vùng Tây nguyên, bắt gọn nhiều nhóm phản động khác và bọn gián điệp, thám báo, đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Công cuộc xây dựng nền quốc phòng toàn dân đạt được những kết quả đáng kể trên một số mặt: củng cố thế trận chiến tranh nhân dân, củng cố cơ sở chính trị ở những địa bàn xung yếu, xây dựng lực lượng dự bị. Quân đội ta đã có một bước phát triển theo hướng chính quy, hiện đại; sức mạnh chiến đấu được nâng cao. Lực lượng dân quân, tự vệ được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, huy động lực lượng quân đội tham gia xây dựng kinh tế đã đạt một số kết quả, nhất là xây dựng các công trình công nghiệp và giao thông.

Quân và dân ta tiếp tục thực hiện *nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam-pu-chia*, củng cố liên minh chiến lược với hai nước láng giềng anh em, cùng nhau tăng cường thế và lực của cách mạng ở cả ba nước.

Những thành tựu đạt được trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, sự tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên xô, Lào, Cam-pu-chia, với các nước anh em khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, việc phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước độc lập dân tộc, các lực lượng tiến bộ và hòa bình đã tạo cho sự nghiệp cách mạng nước ta *những nhân tố mới để tiếp tục tiến lên*.

Những thành tựu ấy gắn liền với những quan điểm đúng đắn của đường lối chung và đường lối kinh tế được xác định tại Đại hội lần thứ IV và Đại hội lần thứ V, gắn liền với những

Digitized by Google

chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Những thành tựu đã đạt được làm nổi bật tinh thần lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm của quân và dân ta. Trong điều kiện sản xuất, chiến đấu và đời sống hết sức khó khăn, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa và các lực lượng vũ trang nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần làm chủ tập thể, đã sáng tạo ra một khối lượng sản phẩm nhiều hơn rõ rệt so với năm năm trước, chiến đấu rất kiên cường, thông minh, dũng cảm, lập nhiều chiến công.

Những thành tựu ấy không tách rời sự giúp đỡ và ủng hộ quý báu của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các nước bầu bạn và nhiều tổ chức quốc tế, đặc biệt là sự giúp đỡ to lớn của Liên xô, sự hợp tác và tình đoàn kết, chiến đấu của Lào và Cam-pu-chia.

Khẳng định những thành tựu đã đạt được, chúng ta đồng thời thấy rõ rằng, tình hình kinh tế – xã hội nước ta đang có nhiều khó khăn:

– Sản xuất tuy có tăng, nhưng tăng chậm so với khả năng sẵn có và công sức bỏ ra, so với yêu cầu cần nhanh chóng ổn định đời sống của nhân dân, có tích lũy để công nghiệp hóa và củng cố quốc phòng. Một số chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch năm năm vừa qua như sản xuất lương thực, than, xi măng, gỗ, vải, hàng xuất khẩu.., không đạt đã ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động kinh tế và đời sống của nhân dân lao động.

– Hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp. Các xí nghiệp nói chung chỉ sử dụng được khoảng một nửa công suất thiết kế, năng suất lao động giảm, chất lượng sản phẩm sút kém.

– Tài nguyên của đất nước chưa được khai thác tốt, lại bị sử dụng lãng phí, nhất là đất nông nghiệp và tài nguyên rừng; môi trường sinh thái bị phá hoại.

– Lưu thông không thông suốt, phân phối rối ren, vật giá tăng nhanh đang tác động tiêu cực đến sản xuất, đời sống và xã hội.

– Những mất cân đối lớn trong nền kinh tế giữa cung và cầu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, năng lượng, nguyên liệu, vận tải..., giữa thu và chi, xuất khẩu và nhập khẩu chậm được thu hẹp, có mặt còn gay gắt hơn trước.

– Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố. Vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh suy yếu. Các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa chưa được sử dụng và cải tạo tốt.

– Đời sống của nhân dân, nhất là công nhân, viên chức còn nhiều khó khăn. Nhiều người lao động chưa có và chưa đủ việc làm. Nhiều nhu cầu chính đáng tối thiểu của nhân dân về đời sống vật chất và văn hóa chưa được bảo đảm. Nông thôn thiếu hàng tiêu dùng thông thường và thuốc men; nhà ở, điều kiện vệ sinh, sinh hoạt văn hóa ở nhiều nơi còn nghèo nàn.

– Hiện tượng tiêu cực trong xã hội phát triển. Công bằng xã hội bị vi phạm. Pháp luật, kỷ cương không nghiêm. Những hành vi lộng quyền, tham nhũng của một số cán bộ và nhân viên Nhà nước, những hoạt động của bọn làm ăn phi pháp... chưa bị trừng trị nghiêm khắc và kịp thời.

Thực trạng nói trên làm giảm lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của các cơ quan Nhà nước.

Nhìn chung, chúng ta *chưa thực hiện được mục tiêu do Đại hội lần thứ V đề ra là về cơ bản ổn định tình hình kinh tế – xã hội, ổn định đời sống của nhân dân.*

Vì sao có tình hình như vậy?

Chúng ta không đánh giá thấp những khó khăn khách quan; những

Digitized by Google

khó khăn đó rất lớn. Song điều quan trọng là phân tích sâu sắc *những nguyên nhân chủ quan*, nêu rõ những sai lầm, khuyết điểm trong hoạt động của Đảng và Nhà nước.

1 — Về đánh giá tình hình, xác định mục tiêu và bước đi.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trên cơ sở nhận định đúng những đặc điểm cơ bản của tình hình cách mạng nước ta, Đảng ta đã kịp thời quyết định thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, đề ra đường lối chung và đường lối kinh tế trong cả thời kỳ quá độ. Nhưng việc đánh giá tình hình cụ thể về các mặt kinh tế, xã hội của đất nước, đã có nhiều thiếu sót. Do đó, trong mười năm qua, đã phạm nhiều sai lầm trong việc xác định mục tiêu và bước đi về xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật, cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý kinh tế.

Do chưa nhận thức đầy đủ rằng thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình lịch sử tương đối dài, phải trải qua nhiều chặng đường, và do tư tưởng chỉ đạo chủ quan, nóng vội, muốn bỏ qua những bước đi cần thiết, Đại hội lần thứ IV chưa xác định những mục tiêu của chặng đường đầu tiên. Trong năm năm 1976—1980, trên thực tế, chúng ta đã chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa trong khi chưa có đủ các tiền đề cần thiết, mặt khác, chậm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã lỗi thời.

Đại hội lần thứ V, cùng với việc khẳng định hai nhiệm vụ chiến lược, đã cụ thể hóa một bước đường lối kinh tế trong chặng đường trước mắt, đề ra những mục tiêu tổng quát, các chính sách lớn về kinh tế, xã hội. Nhưng trong chỉ đạo thực hiện đã không quán triệt những kết luận quan trọng nói trên, chưa kiên quyết khắc phục tư tưởng nóng vội và bảo thủ thể hiện chủ yếu trong các chủ trương về cơ cấu kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và cơ chế quản lý kinh tế.

2 — Về bố trí cơ cấu kinh tế.

Trong việc bố trí cơ cấu kinh tế, trước hết là cơ cấu sản xuất và đầu tư, thường chỉ xuất phát từ lòng mong muốn đi nhanh, không tính tới điều kiện và khả năng thực tế, không kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu công nghiệp với nông nghiệp thành một cơ cấu hợp lý, chưa sử dụng có hiệu quả những khả năng mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài.

Trong năm năm 1976 — 1980, đã đề ra những chỉ tiêu kế hoạch quá cao về xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất, không coi trọng đúng mức việc khôi phục và sắp xếp lại nền kinh tế, thiên về xây dựng công nghiệp nặng và những công trình quy mô lớn, không tập trung sức giải quyết về căn bản vấn đề lương thực, thực phẩm, phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Kết quả là đầu tư nhiều, nhưng hiệu quả rất thấp.

Trên cơ sở xác định lại bước đi của công nghiệp hóa, Đại hội lần thứ V chủ trương trong năm năm 1981 — 1985, phải vừa phát triển, vừa sắp xếp lại sản xuất, bố trí lại xây dựng cơ bản để nâng cao hiệu quả đầu tư, nhằm ổn định tình hình kinh tế — xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tạo tiền đề đẩy mạnh công nghiệp hóa.

Nhưng chúng ta đã không thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết của Đại hội lần thứ V. Nông nghiệp chưa thật sự được coi là mặt trận hàng đầu, không được bảo đảm những điều kiện cần thiết để phát triển, nhất là vật tư, tiền vốn và các chính sách khuyến khích. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, kể cả tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, vẫn bị coi nhẹ về tổ chức, đầu tư, chính sách. Công nghiệp nặng không phục vụ kịp thời nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Một khuyết điểm lớn là đã hầu như không sắp

Digitized by Google

xếp lại các cơ sở sản xuất để khắc phục sự chồng chéo, bất hợp lý, không tập trung được nguồn năng lượng, nguyên liệu, vật tư có hạn vào những cơ sở trọng điểm nhằm khai thác tốt nhất năng lực sản xuất hiện có. Mặt khác, trong xây dựng cơ bản, tuy đã dinh, hoãn một số công trình tương đối lớn, tập trung hơn cho các trọng điểm, nhưng về căn bản, vẫn chưa điều chỉnh hợp lý, không kiên quyết đình, hoãn những công trình chưa thật cấp bách và kém hiệu quả, còn ham xây dựng nhiều công trình quy mô lớn. Khối lượng xây dựng dở dang quá nhiều, khiến cho vốn bị đọng quá lâu. Các địa phương và các ngành còn xây thêm nhiều công trình ngoài kế hoạch, làm tăng thêm sự phân tán về tiền vốn và vật tư.

3—Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố quan hệ sản xuất mới, sử dụng các thành phần kinh tế.

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, đi đôi với việc ra sức xây dựng những cơ sở và lực lượng kinh tế mới, phải rất coi trọng cải tạo và sử dụng tốt các cơ sở và lực lượng kinh tế sẵn có bằng những hình thức và bước đi thích hợp. Nhưng chúng ta chưa xác định rõ ràng, nhất quán những quan điểm, chủ trương và chính sách chỉ đạo công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Đã có những biểu hiện nóng vội muốn xóa bỏ ngay các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, nhanh chóng biến kinh tế tư bản tư nhân thành quốc doanh. Đối với kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa, ít chú ý những đặc điểm về tính chất của từng ngành, từng nghề, để lựa chọn hình thức tổ chức thích hợp, có xu hướng muốn tổ chức ngay các hợp tác xã quy mô lớn, không tính đến khả năng trang bị kỹ thuật, trình độ quản lý và năng lực của cán bộ. Về nội dung cải tạo, thường nhấn mạnh việc thay đổi quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất mà không coi trọng giải quyết các vấn đề tổ chức quản lý và chế độ phân phối. Cách làm thường theo kiểu chiến dịch, gò ép, chạy theo số lượng, coi nhẹ chất lượng và hiệu quả; sau những đợt làm nóng vội, lại buông lỏng. Do đó, không ít tổ chức kinh tế được gọi là công tư hợp doanh, hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất, chỉ có hình thức, không có thực chất của quan hệ sản xuất mới.

Việc chưa sắp xếp lại các ngành và các cơ sở sản xuất, chậm thay đổi cơ chế quản lý kinh tế đã dẫn tới làm suy yếu vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh làm cho kinh tế tập thể chậm được củng cố, hạn chế việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế khác. Thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán chưa được mở rộng, ít tiến bộ về tổ chức và phương thức kinh doanh để làm chủ thị trường; một bộ phận bị lôi cuốn vào những hoạt động tiêu cực, tuồn hàng cho tư thương. Thương nghiệp tư nhân chậm được cải tạo. Chúng ta cũng chưa đánh trúng và nghiêm trị bọn đầu cơ buôn lậu, bọn địch phá hoại thị trường.

Trong nhận thức cũng như hành động, chúng ta chưa thật sự thừa nhận cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta còn tồn tại trong một thời gian tương đối dài, chưa nắm vững và vận dụng đúng quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.

4—Về cơ chế quản lý kinh tế.

Từ Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương (khóa IV) năm 1979 đến nay, nhiều nghị quyết của Trung ương, nhiều quyết định của Đảng và Nhà nước về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã được ban hành, đặc biệt Nghị quyết tám của Trung ương (khóa V) và Nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ chính trị có ý nghĩa đổi mới sâu sắc. Một số

Digitized by Google

ngành và nhiều địa phương, cơ sở đã tiến hành những cuộc thử nghiệm, tìm tòi về cách làm ăn mới nhằm khai thác khả năng tiềm tàng của nền kinh tế để phát triển sản xuất, cải tiến lưu thông, phân phối, đáp ứng nhu cầu đời sống nhân dân. Đó là một nhân tố trực tiếp tạo nên thành tựu kinh tế trong năm năm qua.

Song, cho tới nay, cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp về căn bản chưa bị xóa bỏ. Cơ chế mới chưa được thiết lập đồng bộ. Nhiều chính sách, thể chế đã lỗi thời chưa được thay đổi, một số thể chế quản lý mới còn chắp vá, không ăn khớp, thậm chí trái ngược nhau. Tình trạng tập trung quan liêu còn nặng, đồng thời những hiện tượng vô tổ chức, vô kỷ luật cũng khá phổ biến.

Việc chậm đổi mới cơ chế và bộ máy quản lý, việc điều hành không nhạy bén, là những nguyên nhân quan trọng dẫn tới hành động không thống nhất từ trên xuống dưới. Một số người và cơ sở đã lợi dụng những sơ hở của cơ chế quản lý để mưu lợi ích cá nhân và lợi ích cục bộ.

Chúng ta mới nêu ra được phương hướng chủ yếu của cơ chế mới, còn nội dung, hình thức, bước đi, cách làm cụ thể, thì còn nhiều vấn đề chưa giải đáp được thỏa đáng cả về lý luận và thực tiễn.

Rõ ràng là chúng ta còn thiếu hiểu biết và ít kinh nghiệm quản lý, lại chưa chú trọng tổng kết kinh nghiệm. Hiện nay cần phải khắc phục cả hai khuynh hướng: bảo thủ, trì trệ, không muốn đổi mới; và nóng vội, giản đơn, muốn giải quyết xong mọi vấn đề trong một thời gian ngắn.

5—Về phân phối, lưu thông.

Suốt năm năm qua, lĩnh vực phân phối, lưu thông luôn luôn căng thẳng và rối ren. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đã dành nhiều thời giờ vào công việc này, nhưng các giải pháp đưa ra chưa thật sự có hiệu quả.

Tình hình nói trên là hậu quả tổng hợp của nhiều yếu tố cùng tác động trong nền kinh tế và đời sống xã hội.

Trước hết, đó là những sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế và trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, là tác hại của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp tồn tại nhiều năm trong quản lý kinh tế, dẫn tới sản xuất chậm phát triển, mâu thuẫn giữa cung và cầu ngày càng gay gắt. Trong lúc đó, lại chưa cảnh giác đầy đủ, thiếu những biện pháp có hiệu lực ngăn chặn những phần tử xấu và kẻ thù lợi dụng sơ hở của ta để phá hoại.

Chúng ta chưa có chính sách cơ bản về tài chính gắn liền với chính sách đúng đắn về giá cả, tiền tệ — tín dụng, tiền lương. Nhà nước không điều tiết đúng mức thu nhập của tư thương, không ngăn chặn những nguồn thu nhập bất chính, không bảo vệ tốt tài sản quốc gia, chưa tập trung những nguồn thu quan trọng vào ngân sách và phân phối đúng các nguồn vốn, vật tư, hàng hóa có trong tay. Các khoản chi của ngân sách mang nặng tính bao cấp và trong một thời gian dài vượt quá nguồn thu. Việc sử dụng các nguồn vốn vay và viện trợ kém hiệu quả. Chúng ta đã tiêu dùng cả một phần quan trọng nguồn vốn từ bên ngoài và quỹ khấu hao cơ bản. Tất cả những cái đó gây ra thâm hụt ngân sách, là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến lạm phát trầm trọng.

Việc giải quyết vấn đề giá, lương, tiền đã phạm sai lầm. Thiếu biện pháp đồng bộ, có hiệu quả để Nhà nước nắm được hàng và tiền. Các giải pháp cụ thể về định mức giá và quản lý giá, về định mức lương và quản lý quỹ lương, về đổi tiền, về xác định bước đi trong điều chỉnh giá, lương, tiền tiến hành thiếu chuẩn bị chu đáo, không phù hợp với tình hình thực tế.

Digitized by Google

Sai lầm trong lĩnh vực phân phối, lưu thông là sai lầm rất nghiêm trọng trong lãnh đạo và quản lý kinh tế năm năm qua.

6 — Về thực hiện chuyên chính vô sản.

Tình trạng *buông lỏng chuyên chính vô sản* thể hiện ở nhiều khuyết điểm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, quản lý kinh tế, xã hội, đấu tranh tư tưởng, văn hóa và trong việc chống lại những âm mưu, thủ đoạn phá hoại của kẻ thù. Chưa sử dụng đầy đủ sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản để thiết lập và giữ vững trật tự xã hội chủ nghĩa trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế và xã hội, đã để cho pháp luật và kỷ cương của Nhà nước bị vi phạm ngày càng phổ biến.

Thưa các đồng chí,

Những sai lầm nói trên là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, *sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện.*

Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm ấy, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, là *bệnh chủ quan, duy ý chí*, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan, là khuynh hướng thả nổi và buông lỏng, không chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và nguyên tắc của đảng. Đó là tư tưởng tiểu tư sản, vừa « tả » khuynh vừa hữu khuynh.

Đúng như Đại hội lần thứ V nhận định, chúng ta vừa chủ quan nóng vội, vừa bảo thủ trì trệ, trong thực tế hai mặt đó cùng tồn tại và đều cản trở bước tiến của cách mạng.

Những sai lầm và khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế, xã hội, bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động *tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ* của đảng. Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân.

Trong lĩnh vực tư tưởng và tổ chức, Đảng ta đã làm được một số việc có kết quả tốt, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ có một bước trưởng thành, đã có nhiều kinh nghiệm mới về xây dựng đảng trong điều kiện đảng cầm quyền. Nhưng phải thẳng thắn thừa nhận rằng, trước những biến động và thử thách của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, hoạt động tư tưởng và tổ chức của đảng đã không theo kịp yêu cầu của cách mạng.

Trong lĩnh vực *tư tưởng*, đã bộc lộ sự lạc hậu về nhận thức lý luận và vận dụng các quy luật đang hoạt động trong thời kỳ quá độ; đã mắc bệnh duy ý chí, giản đơn hóa, muốn thực hiện nhanh chóng nhiều mục tiêu của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện nước ta mới ở chặng đường đầu tiên. Chúng ta đã có những thành kiến không đúng, trên thực tế, chưa thật sự thừa nhận những quy luật của sản xuất hàng hóa đang tồn tại khách quan; do đó, không chú ý vận dụng chúng vào việc chế định các chủ trương, chính sách kinh tế. Chưa chú ý đầy đủ việc tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của mình và nghiên cứu kinh nghiệm của các nước anh em.

Trong *công tác tổ chức*, khuyết điểm lớn nhất là sự trì trệ, chậm đổi mới công tác cán bộ. Việc lựa chọn, bố trí cán bộ vào các cơ quan lãnh đạo và quản lý các cấp còn theo một số quan niệm cũ kỹ và tiêu chuẩn không đúng đắn, mang nặng tính hình thức, không xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và yêu cầu của công việc, cách làm lại thiếu quy hoạch, chưa chú ý lắng nghe ý kiến của quần chúng. Công tác giáo dục và quản lý cán bộ, đảng viên thiếu chặt chẽ.

Phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc mang nặng chủ nghĩa quan liêu, lời nói không đi đôi với việc làm, không tuân thủ quy trình làm việc và ra quyết định. Việc chỉ đạo, điều hành

Digitized by Google

thường không tập trung, thiếu kiên quyết và nhất quán. Trong các đảng bộ và các cấp ủy có sự vi phạm nguyên tắc lề nin nít trong sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn đảng phục tùng trung ương.

Về mặt tổ chức, đã để cho bộ máy Nhà nước, bộ máy của đảng và các đoàn thể phình ra quá lớn, chồng chéo và phân tán.

Những sai lầm và khuyết điểm trong công tác lãnh đạo của đảng trước hết thuộc về trách nhiệm của Ban chấp hành trung ương, Bộ chính trị, Ban bí thư, Hội đồng bộ trưởng. Cần nhấn mạnh rằng, việc chậm bố trí đúng sự chuyển tiếp hạt nhân lãnh đạo là một nguyên nhân trực tiếp làm cho sự lãnh đạo của đảng trong những năm gần đây không đáp ứng những đòi hỏi của tình hình mới. Ban chấp hành trung ương xin tự phê bình nghiêm túc về những khuyết điểm của mình trước Đại hội.

Từ thực tiễn cách mạng trong những năm qua, chúng ta có thể rút ra những bài học kinh nghiệm sau đây.

Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng « lấy dân làm gốc », xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động.

Đảng ta không có mục đích nào khác là đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân. Quần chúng là người làm ra lịch sử.

Nhân dân ta rất cách mạng, có những phẩm chất rất quý báu. Trải qua trên nửa thế kỷ chiến đấu liên tục, chịu đựng biết bao hy sinh, gian khổ, luôn luôn nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì độc lập, tự do của Tổ quốc và vì chủ nghĩa xã hội. Trong hoàn cảnh Đảng có sai lầm, khuyết điểm, nhân dân vẫn thiết tha mong đợi Đảng khắc phục sai lầm, đưa đất nước tiến lên. Đảng ta không thể phụ lòng mong đợi đó của nhân dân.

Bài học lớn rút ra từ những năm qua là trong điều kiện đảng cầm quyền, phải đặc biệt chăm lo củng cố sự liên hệ giữa đảng và nhân dân ; tiến hành thường xuyên cuộc đấu tranh nhằm ngăn ngừa và khắc phục chủ nghĩa quan liêu. Mỗi đảng viên cộng sản phải thật sự vừa là người lãnh đạo, vừa là người đày tớ thật trung thành của nhân dân. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của nhân dân lao động, phải khơi dậy được sự đồng tình, hưởng ứng của quần chúng. Quan liêu, mệnh lệnh xa rời quần chúng, đi ngược lại lợi ích của nhân dân là làm suy yếu sức mạnh của Đảng.

Hai là, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật khách quan là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

Để khắc phục được khuyết điểm, chuyển biến được tình hình, Đảng ta trước hết phải thay đổi nhận thức, đổi mới tư duy. Phải nhận thức đúng đắn và hành động phù hợp với hệ thống quy luật khách quan, trong đó các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội ngày càng chi phối mạnh mẽ phương hướng phát triển chung của xã hội.

Tiêu chuẩn đánh giá sự vận dụng đúng đắn các quy luật thông qua chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước là sản xuất phát triển, lưu thông thông suốt, đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân từng bước được ổn định và nâng cao, con người mới xã hội chủ nghĩa ngày càng hình thành rõ nét, xã hội ngày càng lành mạnh, chế độ xã hội chủ nghĩa được củng

Digitized by Google

cố. Mọi chủ trương, chính sách gây tác động ngược lại là biểu hiện sự vận dụng không đúng quy luật khách quan, phải được sửa đổi hoặc bãi bỏ.

Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới. Nước ta có thể từ một nền sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa là vì cuộc cách mạng ở nước ta diễn ra trong thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Nhân dân ta có sự giúp đỡ to lớn và hợp tác toàn diện của Liên xô, của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, có sự liên minh và hợp tác toàn diện của hai nước láng giềng anh em Lào và Cam-pu-chia. Sự giúp đỡ và hợp tác ấy là điều kiện quan trọng để nhân dân ta xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhân dân ta còn có sự ủng hộ, giúp đỡ của nhiều nước bầu bạn khác, của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên toàn thế giới. Sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật ngày nay và xu thế mở rộng phân công, hợp tác giữa các nước, kể cả các nước có chế độ kinh tế — xã hội khác nhau, cũng là những điều kiện rất quan trọng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta. Trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của mình, chúng ta phải đặc biệt coi trọng kết hợp các yếu tố dân tộc và quốc tế, các yếu tố truyền thống và thời đại, sử dụng tốt mọi khả năng mở rộng quan hệ thương mại, hợp tác kinh tế và khoa học, kỹ thuật với bên ngoài để phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, và luôn luôn làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình đối với các nước anh em và bầu bạn.

Bốn là, phải xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Để bảo đảm cho Đảng ta làm tròn sứ mệnh lịch sử vẻ vang đó, vấn đề cấp bách là tăng cường sức chiến đấu và nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng. Phải giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng cũng như trong lãnh đạo kinh tế, xã hội. Không ngừng trau dồi và nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của đảng viên, thực hiện thường xuyên tự phê bình và phê bình trong đảng và trước quần chúng. Trong đảng, phải tăng cường sự đoàn kết nhất trí, sự thống nhất ý chí và hành động, nêu cao tính tổ chức và tính kỷ luật, lời nói đi đôi với việc làm.

Đại hội lần thứ VI phải là đại hội đánh dấu một bước ngoặt có ý nghĩa quyết định trong việc tăng cường sức mạnh của Đảng, nâng cao uy tín của Đảng trong quần chúng, bảo đảm cho Đảng vươn lên ngang tầm những nhiệm vụ mới. Đảng ta phải trở thành một đảng lãnh đạo vững mạnh trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thưa các đồng chí,

Những nhiệm vụ mới to lớn và nặng nề đang đặt ra trước mắt chúng ta.

Trên mười năm lãnh đạo đất nước ta đi vào chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, Đảng ta đã có đủ điều kiện để nhận thức sâu sắc hơn những đặc điểm của chặng đường đó. Nền sản xuất nhỏ với những nhược điểm vốn có của nó, hậu quả của những cuộc chiến tranh lâu dài trước đây và cả của cuộc chiến tranh mới, tàn dư của chế độ cũ, đang là những trở ngại trên con đường phát triển của nước ta. Bằng những thành tựu đã đạt được trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã khắc phục một bước sự phân tán và lạc hậu của nền kinh tế, cải biến một phần cơ cấu kinh tế — xã hội, đặt những cơ sở

Digitized by Google

đầu tiên cho bước phát triển mới. Nhưng chúng ta chưa tiến xa được mấy so với điểm xuất phát quá thấp. Những sai lầm và khuyết điểm đã mắc phải càng làm cho tình hình thêm khó khăn.

Thực trạng kinh tế, xã hội phức tạp đòi hỏi Đảng ta phải có những quyết sách xoay chuyển tình hình, tạo ra một bước ngoặt cho sự phát triển.

Trong những năm tới, cách mạng nước ta tiếp tục phát triển trong *bối cảnh quốc tế* có nhiều sự biến đổi.

Các lực lượng cách mạng của thời đại đang không ngừng mạnh lên và rõ ràng ở thế chủ động, tiến công. Lực lượng mọi mặt của *hệ thống xã hội chủ nghĩa, do Liên xô làm trụ cột*, ngày càng được tăng cường. Đại hội lần thứ XXVII Đảng cộng sản Liên xô mở ra một giai đoạn mới có tính chất bước ngoặt, giai đoạn phát triển năng động trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trên đất nước xô viết. Với chiến lược đẩy nhanh phát triển kinh tế – xã hội, nền kinh tế xô viết đang chuyển mạnh sang hướng phát triển theo chiều sâu nhằm thực hiện những mục tiêu to lớn trong những năm còn lại của thế kỷ XX.

Hệ thống xã hội chủ nghĩa tiến vào giai đoạn phát triển mới với chất lượng mới. Những thành tựu mọi mặt của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, sức mạnh phối hợp về chính trị, kinh tế, khoa học, kỹ thuật, văn hóa và quốc phòng của cả cộng đồng là nhân tố quyết định thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống chính trị – xã hội đối lập trên thế giới. Đó cũng là bảo đảm quan trọng hàng đầu của cả loài người trong cuộc đấu tranh chung bảo vệ hòa bình, ngăn ngừa và đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân hủy diệt.

Phong trào độc lập dân tộc phát triển với những đặc điểm mới, xu thế độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, chống chủ nghĩa đế quốc ngày càng mạnh. Bọn đế quốc câu kết với các thế lực phản động quốc tế khác một mặt đe dọa quân sự từ bên ngoài, kết hợp với bao vây, phá hoại về kinh tế, chính trị, thực hiện diễn biến hòa bình và lật đổ từ bên trong, mặt khác, tiến hành các cuộc chiến tranh trực tiếp hoặc qua tay người khác chống các nhà nước cách mạng và tiến bộ.

Với sự ra đời của hàng loạt nước mới giành được độc lập dân tộc, *Phong trào không liên kết* tập hợp trên một trăm nước đã trở thành một lực lượng chính trị rộng lớn, có vai trò ngày càng quan trọng trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, bảo vệ độc lập và hòa bình.

Hố ngăn cách giữa các nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển ngày càng sâu rộng. Sự bóc lột ngày càng nặng nề của các nước đế quốc chủ nghĩa khiến nhiều nước Á, Phi, Mỹ la tinh ngày càng bần cùng và nợ nần chồng chất. Cuộc đấu tranh phá bỏ trật tự kinh tế thế giới cũ, thiết lập một trật tự kinh tế thế giới mới công bằng ngày càng có sức lôi cuốn.

Ở các nước tư bản chủ nghĩa, *phong trào đấu tranh của công nhân* có bước phát triển mới gắn liền với cuộc khủng hoảng ngày càng trầm trọng của chủ nghĩa đế quốc, với phong trào dân chủ và hòa bình chống chủ nghĩa đế quốc và nguy cơ chiến tranh hạt nhân.

Một đặc điểm nổi bật của thời đại là cuộc cách mạng khoa học–kỹ thuật đang diễn ra mạnh mẽ, tạo thành bước phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất và đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa các lực lượng sản xuất. Cuộc cách mạng này làm gay gắt thêm những mâu thuẫn của thời đại. Trên thế giới đang hình thành một thị trường, trong đó hai hệ thống kinh tế đối lập đấu tranh với nhau quyết liệt, mặt khác, sự hợp tác kinh

Digitized by Google

tế là yêu cầu phát triển tất yếu của cả hai hệ thống.

Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực kinh tế có ý nghĩa chính trị ngày càng quan trọng đối với kết cục của cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống. Các nước xã hội chủ nghĩa phát huy tính ưu việt của chế độ mới, sử dụng ngày càng có hiệu quả hơn những thành tựu của cách mạng khoa học – kỹ thuật, đang thay đổi cơ cấu sản xuất, cơ chế quản lý, bằng một cuộc cải tổ rộng lớn, có ý nghĩa cách mạng sâu sắc, chắc chắn sẽ tạo ra những biến đổi to lớn trong một thời gian không xa.

Nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản vẫn chưa hết khả năng phát triển, nhưng cách mạng khoa học–kỹ thuật và lực lượng sản xuất càng phát triển, càng làm cho các mâu thuẫn cơ bản trong hệ thống tư bản chủ nghĩa sâu sắc thêm, trước hết là mâu thuẫn giữa lao động và tư bản. Sự phát triển của lực lượng sản xuất cũng đưa tới những đảo lộn lớn trong quan hệ kinh tế giữa các nước tư bản chủ nghĩa với nhau, nhất là giữa ba trung tâm Mỹ, Tây Âu và Nhật bản. Các nước tư bản chủ nghĩa mâu thuẫn và cạnh tranh với nhau, đồng thời chúng cố tìm mọi phương pháp và phương tiện, kể cả việc lợi dụng cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật để phát triển, để hòa hoãn những mâu thuẫn bên trong và liên minh với nhau chống các lực lượng cách mạng.

Nắm trong tay những lực lượng kinh tế và quân sự to lớn, chủ nghĩa đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế khác, vẫn rất ngoan cố bám giữ những mục tiêu của chúng. Chúng không từ bỏ chính sách chạy đua vũ trang, nhất là vũ trang hạt nhân, và gây ra những cuộc xung đột cục bộ, phản kích các lực lượng cách mạng và hòa bình. Chưa bao giờ nguy cơ chiến tranh hạt nhân do chủ nghĩa đế quốc gây ra lại lớn như hiện nay. Các tập đoàn tư bản lũng đoạn Mỹ mà các lực lượng chủ yếu của chúng là các tổ hợp quân sự–công nghiệp thu lợi lớn trong việc làm cho tình hình quốc tế căng thẳng. Chúng dựa vào đó để biện hộ cho chi phí quân sự khổng lồ, cho những tham vọng toàn cầu và sự can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác, cho việc tiến công vào quyền lợi của chính nhân dân lao động Mỹ.

Sự phản kích quyết liệt của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế, tuy có gây tổn thất và trở ngại cho hòa bình và cách mạng, nhưng cuộc đấu tranh mạnh mẽ của các lực lượng cách mạng và hòa bình mà Liên xô là trụ cột đã làm thất bại một bước những âm mưu của chúng. Việc Liên xô và Mỹ ngồi vào đàm phán ở cấp cao làm cho hình thái đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình giữa hai hệ thống xã hội đối lập được củng cố và phát triển. Cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới đang tập hợp những lực lượng đông đảo của tất cả các nước. Đấu tranh cho hòa bình và đấu tranh cách mạng là hai mũi tiến công cùng đánh mạnh và làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc.

Loài người đang đứng trước bước ngoặt của sự lựa chọn về nhiều vấn đề mới có tính toàn cầu. Chiến tranh hạt nhân chỉ dẫn đến sự hủy diệt cho tất cả các bên tham chiến và cho sự sống trên trái đất. Giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau, sự lựa chọn duy nhất đúng đắn là thi đua về kinh tế, về lối sống. Các bên cần phối hợp với nhau giải quyết những vấn đề toàn cầu đang đặt ra trước tất cả các dân tộc và cộng đồng nhân loại, như các vấn đề: bùng nổ dân số, lương thực, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường... Các nước xã hội chủ nghĩa đã khẳng định dứt khoát sự lựa chọn của mình là con đường thi đua về kinh tế, về lối sống và cuộc thi đua này chỉ có thể thực hiện trong

Digitized by Google

hoàn cảnh hòa bình được bảo đảm vững chắc.

Ở khu vực châu Á — Thái bình dương, cũng đang diễn ra những biến đổi quan trọng. Các lực lượng cách mạng và hòa bình tiếp tục lớn mạnh. Nền kinh tế khu vực tiếp tục phát triển với nhịp độ nhanh. Châu Á — Thái bình dương là một trung tâm đấu tranh gay gắt giữa cách mạng và phản cách mạng, đồng thời ở khu vực này, quan hệ giữa các nước có chế độ chính trị khác nhau cũng ở trong xu thế chung là đấu tranh trong hình thái cùng tồn tại hòa bình. Chiến lược châu Á — Thái bình dương mà các thế lực hiếu chiến Mỹ đang ráo riết triển khai thực chất là chiến lược tập hợp lực lượng mới nhằm phục vụ lợi ích đế quốc chủ nghĩa của chúng chĩa mũi nhọn chống Liên xô, các nước xã hội chủ nghĩa khác và các lực lượng yêu chuộng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ trong khu vực.

Đối với Đông dương, thế lực bá quyền và chủ nghĩa đế quốc chưa từ bỏ âm mưu lâu dài làm suy yếu, hòng khuất phục nhân dân ba nước. Các thế lực ấy có thể tiếp tục kéo dài chính sách đối đầu, dùng uy hiếp quân sự và bao vây, cô lập, hòng làm cho chúng ta chảy máu, không tập trung sức xây dựng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân. Nhưng rõ ràng chúng đã thất bại và nhất định sẽ thất bại hoàn toàn. Nhân dân ta đã có những khả năng mới để giữ vững hòa bình, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc phát triển kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Tại Đại hội này, chúng ta khẳng định: *Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết làm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa,* đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Nhân dân ta quyết tâm tiếp tục làm hết sức mình để *tăng cường tình đoàn kết chiến đấu, nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác; củng cố và phát triển liên minh đặc biệt với hai nước Lào và Cam-pu-chia,* coi đó là nghĩa vụ quốc tế thiêng liêng, là nhiệm vụ có tầm quan trọng chiến lược gắn liền với lợi ích sống còn của độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội ở nước ta và trên toàn bán đảo Đông dương.

Vì sự nghiệp *bảo vệ Tổ quốc*, toàn đảng, toàn dân và toàn quân ta, phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước và xã hội, quyết đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt, đồng thời có kế hoạch sẵn sàng đối phó thắng lợi với mọi tình huống do kẻ thù gây ra.

Chúng ta phải thấu suốt và thực hiện đúng quan điểm « Toàn dân xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc », « Toàn quân bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước », kiên trì chấp hành và cụ thể hóa đường lối quân sự của Đảng trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chuyên chính vô sản, sức mạnh của toàn đảng, toàn dân và toàn quân, kết hợp chặt chẽ kinh tế, quốc phòng và an ninh, đẩy mạnh công cuộc xây dựng nền quốc phòng và an ninh toàn dân, xây dựng hậu phương đất nước một cách toàn diện.

Xây dựng Quân đội nhân dân chính quy, ngày càng hiện đại, có chất lượng tổng hợp ngày càng cao, có tổ chức hợp lý, cân đối, gọn và mạnh, có kỷ luật chặt chẽ, có trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu cao. Tổ chức tốt việc bảo vệ chủ quyền và giữ vững an ninh các tuyến biên giới,

Digitized by Google

vùng trời, vùng biển và hải đảo, xây dựng và củng cố bộ đội biên phòng vững mạnh. Tiếp tục phát triển dân quân, tự vệ với số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ mới. Tăng cường xây dựng lực lượng dự bị. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển nền khoa học và nghệ thuật quân sự Việt nam.

Phối hợp cố gắng của Nhà nước, nhân dân và các lực lượng vũ trang để bảo đảm những nhu cầu của nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, những nhu cầu thiết yếu về đời sống vật chất và tinh thần của các lực lượng vũ trang. Thực hiện đầy đủ các chính sách hậu phương quân đội. Từng bước phát triển công nghiệp quốc phòng đi đôi với tăng cường tiềm lực kinh tế của đất nước. Trên cơ sở bảo đảm nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu và sản xuất quốc phòng, huy động một phần lực lượng quân đội, sử dụng một phần năng lực công nghiệp quốc phòng vào việc xây dựng kinh tế.

Thực hiện đúng cơ chế Đảng lãnh đạo đối với quân đội và sự nghiệp quốc phòng.

Công cuộc *bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội* cần được tiến hành bằng sức mạnh của mọi lực lượng vũ trang và không vũ trang và bằng mọi phương tiện cần thiết. Cuộc đấu tranh này cần được tổ chức chặt chẽ và thường xuyên trong từng địa bàn, ở tất cả mọi đơn vị trong cả nước dưới sự lãnh đạo tập trung và thống nhất của các cấp ủy đảng. Thực hiện có nền nếp công tác quản lý hộ khẩu; xây dựng xí nghiệp, cơ quan, trường học, bệnh viện... phường, xã, quận, huyện an toàn về an ninh và trật tự, hình thành các khu vực, các tuyến an toàn ở các địa phương; xây dựng nội bộ trong sạch vững mạnh; ngăn ngừa và trừng trị những hành động phá hoại về kinh tế, chính trị, tư tưởng và các hoạt động tình báo, gián điệp của địch.

Là lực lượng vũ trang cách mạng nòng cốt của cuộc đấu tranh trọng yếu này, Công an nhân dân phải được xây dựng thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy và tiến lên hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và nhân dân, có cơ sở vững chắc trong quần chúng, có trình độ nghiệp vụ ngày càng cao, thật sự là công cụ tin cậy, sắc bén của Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Thắng lợi của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc phải được bảo đảm bằng sức mạnh tổng hợp của chế độ mới. Trong khi không ngừng chăm lo nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Đảng và nhân dân ta tiếp tục *đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội*, xây dựng chế độ làm chủ tập thể, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Đại hội lần thứ VI của Đảng khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa do các Đại hội lần thứ IV và lần thứ V của Đảng xác định. Tập trung trí tuệ toàn đảng và toàn dân, Đại hội chúng ta tổng kết những kinh nghiệm sáng tạo phong phú của các ngành, các cấp và các đơn vị cơ sở, giải quyết một số vấn đề quan trọng về lý luận và thực tiễn, phát triển đường lối và nâng cao năng lực chỉ đạo thực hiện của Đảng.

Ngày nay đã có những điều kiện để hiểu biết đầy đủ hơn về con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội phải trải qua thời kỳ quá độ là một tất yếu khách quan, và độ dài của thời kỳ đó phụ thuộc vào điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của mỗi nước. Thời kỳ quá độ ở nước ta, do tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa,

Digitized by Google

đương nhiên phải lâu dài và rất khó khăn. Đó là một thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để nhằm xây dựng từ đầu một chế độ xã hội mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng. Đó là một thời kỳ đấu tranh giai cấp phức tạp, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm giải quyết vấn đề « ai thắng ai ». Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng ta. Sau Đại hội này, với tinh thần cách mạng và khoa học, tiếp tục phát triển đường lối đã được xác định, Đảng ta cần xúc tiến *xây dựng một cương lĩnh hoàn chỉnh cho toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ*. Trên cơ sở cương lĩnh đó, sẽ xây dựng chiến lược phát triển kinh tế – xã hội, chiến lược phát triển khoa học – kỹ thuật, v.v.

Thảo ra một cương lĩnh cách mạng hoàn chỉnh và chiến lược phát triển kinh tế – xã hội là sự kiện chính trị có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự chỉ đạo cách mạng trong một thời kỳ tương đối dài, đặt nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và xã hội.

Chặng đường đầu tiên là một bước quá độ nhỏ trong bước quá độ lớn. V. I. Lê-nin nói: « Suốt cả thời kỳ đó • trong chính sách của chúng ta, lại chia ra thành nhiều bước quá độ nhỏ hơn nữa. Và tất cả cái khó khăn của nhiệm vụ chúng ta phải làm, tất cả cái khó khăn của chính sách và tất cả sự khéo léo của chính sách là ở chỗ biết tính đến những nhiệm vụ đặc thù của từng bước quá độ đó » (1).

Đảng ta đã nhiều lần chỉ rõ nhiệm vụ chủ yếu của chặng đường đầu tiên là xây dựng những tiền đề chính trị, kinh tế, xã hội cần thiết để triển khai công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trên quy mô lớn.

Chúng ta đã đạt được một số thành tựu đáng kể trong việc xây dựng những tiền đề đó. Đáng tiếc là những việc đã làm không đồng bộ, có nhiều mặt thiếu sót, gây ra dao lộn. Vì vậy, trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên, phải thực hiện những biện pháp có hiệu quả để nhanh chóng ổn định tình hình kinh tế – xã hội, đưa mọi mặt hoạt động vào quỹ đạo phát triển bình thường và tiến hành những cuộc cải cách về tổ chức, quản lý, thiết lập cơ cấu sản xuất và cơ chế mới quản lý kinh tế – xã hội. Đại hội lần thứ VI xác định *nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế – xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.*

Ổn định tình hình kinh tế – xã hội bao gồm cả ổn định sản xuất, ổn định phân phối, lưu thông, ổn định đời sống vật chất và văn hóa, tăng cường hiệu lực của tổ chức quản lý, lập lại trật tự, kỷ cương và thực hiện công bằng xã hội.

Ổn định và phát triển gắn liền với nhau trong quá trình vận động tiến lên, ổn định để phát triển và có phát triển mới ổn định được.

Xuất phát từ nhiệm vụ bao trùm và mục tiêu tổng quát, Đại hội xác định *những mục tiêu cụ thể về kinh tế – xã hội* sau đây cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên:

• Thời kỳ quá độ

(1) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Việt, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t. 40, tr. 119–120.

Digitized by Google

1. Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy. Hướng mọi cố gắng vào việc đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu của xã hội, dần dần ổn định và tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Cụ thể là bảo đảm ăn đủ no, có thêm dinh dưỡng, mặc đủ ấm; đáp ứng tốt hơn các nhu cầu về bảo vệ sức khỏe và chữa bệnh, đi lại, học hành và hưởng thụ văn hóa, tăng thêm đồ dùng thiết yếu của các gia đình, khắc phục một bước khó khăn về nhà ở, nhất là tại các thành phố và khu công nghiệp tập trung. Đó chính là yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội trong những điều kiện hiện nay.

Ổn định đời sống nhân dân phải đi đôi với bảo đảm yêu cầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân để đủ sức tiếp nhận và đưa vào tái sản xuất mở rộng vốn vay và viện trợ của nước ngoài.

2. Bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất. Để làm đủ ăn và có tích lũy, phải ra sức phát triển sản xuất, giảm tỷ lệ sinh đẻ, và để sản xuất phát triển, phải xây dựng được *một cơ cấu kinh tế hợp lý*, trước hết là cơ cấu các ngành kinh tế, phù hợp với tính quy luật về sự phát triển các ngành sản xuất vật chất, phù hợp với khả năng của đất nước và phù hợp với sự phân công lao động và hợp tác quốc tế. Cơ cấu kinh tế đó bảo đảm cho nền kinh tế phát triển cân đối với nhịp độ tăng trưởng ổn định. Phải thông qua việc sắp xếp lại sản xuất đi đôi với việc xây dựng thêm một số cơ sở vật chất—kỹ thuật cần thiết, tạo ra cho được một cơ cấu kinh tế hợp lý, hướng vào việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là lương thực, thực phẩm, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

3. Xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Củng cố thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm cả khu vực quốc doanh và khu vực tập thể một cách toàn diện, cả về chế độ sở hữu, chế độ quản lý, chế độ phân phối, làm cho thành phần kinh tế này giữ vai trò chi phối trong nền kinh tế quốc dân, thể hiện tính ưu việt về năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, thu nhập của người lao động và tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa. Bằng những biện pháp thích hợp, sử dụng mọi khả năng của các thành phần kinh tế khác trong sự liên kết chặt chẽ và dưới sự chỉ đạo của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa theo nguyên tắc bảo đảm phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế và tăng thu nhập cho người lao động. Hình thành đồng bộ hệ thống mới về quản lý kinh tế, lấy kế hoạch hóa làm khâu trung tâm, thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Phát huy hiệu quả của cơ chế mới quản lý kinh tế nhằm khai thác tốt năng lực của các cơ sở sản xuất, củng cố trật tự, kỷ cương trong quản lý kinh tế.

4. Tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội. Giải quyết một phần quan trọng việc làm cho người lao động và bảo đảm về cơ bản phân phối theo lao động. Thực hiện công bằng xã hội phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta. Loại bỏ các nguồn thu nhập do làm ăn phi pháp mà có. Trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới, đặc biệt chú ý xây dựng quan hệ xã hội và lối sống lành mạnh, khắc phục các hiện tượng tiêu cực; giữ gìn và phát huy tinh thần dân chủ, nhân đạo, chủ nghĩa anh hùng và những giá trị văn hóa khác của truyền thống dân tộc và cách mạng. Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật của nhân

Digitized by Google

dân, củng cố kỷ cương xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự công cộng, thực hiện nguyên tắc: mọi người sống và làm việc theo pháp luật.

5. Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh. Quốc phòng và an ninh được xây dựng và củng cố ngày càng vững mạnh bảo đảm điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng kinh tế. Trên cơ sở phát triển kinh tế, đáp ứng ngày càng đầy đủ và ổn định các nhu cầu: đời sống vật chất và tinh thần của các lực lượng vũ trang; củng cố thế trận bảo vệ Tổ quốc cả về quốc phòng và an ninh; bảo đảm cơ sở vật chất — kỹ thuật và từng bước trang bị cho các lực lượng vũ trang; bảo đảm vật tư, tài chính cho sản xuất quốc phòng.

Những mục tiêu trên đây sẽ được cụ thể hóa, định lượng thành các chỉ tiêu cụ thể của các kế hoạch kinh tế, xã hội. Cái mốc đánh dấu chặng đường đầu tiên kết thúc là đạt được năm mục tiêu nói trên. Độ dài của chặng đường đầu tiên tùy thuộc một phần quan trọng vào việc vận dụng những bài học đã rút ra từ thực tiễn mười năm qua, đề đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, xã hội trong thời gian tới.

PHẦN THỨ HAI

NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN CỦA CHÍNH SÁCH KINH TẾ, XÃ HỘI

Thưa các đồng chí,

Chúng ta có những khả năng trong tầm tay để thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu đề ra cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Muốn biến những khả năng đó thành hiện thực, điều quan trọng hàng đầu là đổi mới chính sách kinh tế, chính sách xã hội, nhằm phát huy vai trò làm chủ và nhiệt tình của người lao động, tạo nên phong trào quần chúng hăng hái thực hiện đồng thời cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật và cách mạng tư tưởng — văn hóa.

Các *chính sách kinh tế* phải nhằm khai thác nhanh và có hiệu quả mọi khả năng hiện có và tiềm tàng của nền kinh tế. Đó là khoảng một nửa công suất thiết bị chưa được sử dụng; là ruộng đất còn nhiều khả năng thâm canh; là rừng, biển và các tài nguyên khác chưa được khai thác tốt; là sức lao động dồi dào, lực lượng khoa học, kỹ thuật chưa được tận dụng; là khả năng tiết kiệm năng lượng, vật tư và huy động mọi nguồn vốn vào việc phát triển sản xuất... Những lực lượng sản xuất ấy đang bị kìm hãm vì những sai lầm, thiếu sót trong việc bố trí cơ cấu kinh tế, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và trong cơ chế quản lý.

Tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng chỉ đạo đó thể hiện trong các chính sách và biện pháp lớn dưới đây:

Digitized by Google

1 — Bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư.

Muốn đưa nền kinh tế sớm thoát khỏi tình trạng rối ren, mất cân đối, phải *dứt khoát sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý*, trong đó các ngành, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất có quy mô và trình độ kỹ thuật khác nhau phải được bố trí cân đối, liên kết với nhau, phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển ổn định. Để thực hiện sự sắp xếp đó, trước hết phải bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư.

Trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên, trước mắt là trong kế hoạch năm năm 1986 — 1990, phải thật sự tập trung sức người, sức của vào việc thực hiện cho được ba chương trình mục tiêu về *lương thực — thực phẩm, hàng tiêu dùng* và *hàng xuất khẩu*, để đến khi kết thúc chặng đường đầu tiên đạt được kết quả như sau:

— Về lương thực, thực phẩm: bảo đảm lương thực đủ ăn cho toàn xã hội và có dự trữ. Đáp ứng một cách ổn định nhu cầu thiết yếu về thực phẩm. Mức tiêu dùng lương thực, thực phẩm phải bảo đảm tái sản xuất sức lao động.

— Về hàng tiêu dùng: sản xuất đáp ứng được nhu cầu bình thường của nhân dân thành thị và nông thôn về những sản phẩm công nghiệp thiết yếu.

— Về hàng xuất khẩu: tạo được một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực; đạt kim ngạch xuất khẩu đáp ứng được phần lớn nhu cầu nhập khẩu vật tư, máy móc, phụ tùng và những hàng hóa cần thiết.

Các chương trình mục tiêu trên cụ thể hóa nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên đã được Đại hội lần thứ V của Đảng xác định.

Yêu cầu cấp bách về lương thực, thực phẩm, về nguyên liệu sản xuất hàng tiêu dùng, về hàng xuất khẩu quyết định *vị trí hàng đầu của nông nghiệp*. Phải đưa nông nghiệp tiến một bước theo hướng sản xuất lớn, nhằm yêu cầu chủ yếu là tăng nhanh khối lượng và tỷ suất hàng hóa nông sản. Nông nghiệp phải được ưu tiên đáp ứng những nhu cầu về đầu tư xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật, về vật tư, về lao động kỹ thuật; những nguồn đầu tư ấy phải được sử dụng có hiệu quả. Đầu tư cho nông nghiệp phải đồng bộ từ sản xuất đến chế biến, vận chuyển, bảo quản để có nhiều sản phẩm cuối cùng. Mở rộng và hoàn chỉnh các hệ thống thủy lợi; ứng dụng rộng rãi những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ sinh học, đưa vào sử dụng phổ biến và ổn định các loại giống mới; đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu về phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc thú y; tăng thêm sức kéo, bảo đảm đủ công cụ thường và công cụ cải tiến, thực hiện từng bước và có trọng điểm việc cơ giới hóa; hạ thấp mức hư hao nông sản trong các khâu thu hoạch, bảo quản, vận chuyển, chế biến; chủ động phòng, chống lụt bão.

Phương châm phát triển nông nghiệp là kết hợp chuyên môn hóa với phát triển toàn diện, cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, lúa và màu, cây lương thực và cây công nghiệp. Phát triển mạnh cây công nghiệp ngắn ngày; việc mở rộng diện tích cây công nghiệp dài ngày phải chú trọng chất lượng, thâm canh ngay từ đầu. Phát triển nông nghiệp phải lấy thâm canh, tăng vụ là chính, đồng thời mở rộng diện tích một cách vững chắc và có hiệu quả. Sửa đổi, bổ sung các chính sách về đất ruộng và các loại đất khác để quản lý, sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên đất.

Digitized by Google

Phát triển *lâm nghiệp* theo hướng bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên rừng, tăng thêm vốn rừng, phát triển có trọng điểm việc trồng rừng tập trung chuyên canh, đẩy nhanh nhịp độ phủ xanh đất trống, đồi núi trọc theo phương thức nông – lâm kết hợp; ngăn chặn nạn phá rừng, cháy rừng; phát triển rộng khắp phong trào trồng cây, chú ý cả cây lấy gỗ, cây làm nguyên liệu và làm củi. Tiến hành tích cực việc định canh, định cư, giao đất, giao rừng cho các đơn vị tập thể và nhân dân sử dụng lâu dài để làm chủ đất rừng như làm chủ đất ruộng. Xây dựng các khu kinh tế tổng hợp lâm – nông – công nghiệp; khai thác, bảo quản, chế biến, sử dụng gỗ và các loại lâm sản khác với hiệu quả kinh tế ngày càng cao.

Hải sản và thủy sản nước ngọt, nước lợ là một nguồn lợi lớn. Coi trọng cả đánh bắt và nuôi trồng, đi đôi với giải quyết tốt việc chế biến, vận chuyển để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và tăng nhanh hàng xuất khẩu. Tăng đầu tư và bổ sung chính sách nhằm tận dụng mọi diện tích mặt nước có thể nuôi trồng thủy sản. Những diện tích mặt nước mà các cơ sở quốc doanh và tập thể quản lý không sử dụng hết, thì giao cho nhân dân mượn hoặc nhận khoán để mở rộng sản xuất.

Công nghiệp nhẹ và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đáp ứng cho được nhu cầu của nhân dân về những loại hàng thông thường, bảo đảm yêu cầu chế biến nông, lâm, thủy sản, tăng nhanh việc làm hàng gia công xuất khẩu và các mặt hàng xuất khẩu khác, đồng thời mở rộng mặt hàng đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng. Khai thác triệt để mọi nguồn nguyên liệu; tận dụng các loại phế liệu; tranh thủ nguồn nguyên liệu gia công của nước ngoài.

Phát triển công nghiệp nhẹ trước hết dựa vào việc tổ chức lại sản xuất, đầu tư chiều sâu và đầu tư đồng bộ để tận dụng công suất thiết bị của các cơ sở hiện có; coi trọng các cơ sở có năng lực và hiệu suất chế biến cao. Sử dụng hợp lý khả năng sản xuất hàng tiêu dùng của các xí nghiệp công nghiệp nặng, xí nghiệp quốc phòng. Có chính sách đúng đắn huy động rộng rãi nguồn vốn và kỹ thuật của nhân dân, kể cả của Việt kiều, để phát triển các cơ sở làm ra nguyên liệu và cơ sở chế biến dưới nhiều hình thức. Phát triển và củng cố các cơ sở kinh tế quốc doanh trong những khâu chi phối quá trình sản xuất và lưu thông.

Các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng phải gắn chặt với thị trường, nắm chắc nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng. Các tổ chức thương nghiệp xã hội chủ nghĩa vươn lên làm đúng vai trò đại diện cho người tiêu dùng, đặt hàng và ký hợp đồng với cơ sở sản xuất. Áp dụng hình thức đấu thầu để ưu tiên đặt hàng và cung cấp nguyên liệu cho các cơ sở làm ra sản phẩm tốt, giá rẻ, không phân biệt đó là cơ sở quốc doanh hay tập thể. Các cơ sở làm ăn kém cỏi mà không vươn lên được, thì phải thay đổi phương hướng sản xuất, thu hẹp sản xuất hoặc giải thể.

Việc phát triển *công nghiệp nặng* và xây dựng *kết cấu hạ tầng* phải nhằm phục vụ các mục tiêu kinh tế, quốc phòng trong chặng đường đầu tiên, và theo khả năng thực tế, chuẩn bị tiền đề cho sự phát triển kinh tế trong chặng đường tiếp theo. Ưu tiên phát triển công nghiệp *năng lượng* (điện, than, dầu khí). Ngành *công nghiệp cơ khí* của tất cả các bộ và các địa phương phải được sắp xếp lại, đồng bộ hóa, chuyên môn hóa, từng bước đổi mới thiết bị. Trong *công nghiệp sản xuất nguyên liệu, vật liệu*, chú ý đến nguyên liệu khoáng sản và các nguyên liệu khác để sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc thú y; sử

Digitized by Google

dụng hết năng lực hiện có và phát triển thêm một số cơ sở nhỏ về vật liệu xây dựng, hóa chất, kim loại. Sản phẩm nào mà công nghiệp nặng nhất thiết phải tạo ra trong nước để phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, thì cố gắng làm với quy mô và kỹ thuật thích hợp. Những sản phẩm nào trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất chưa đủ, thì thông qua xuất khẩu để nhập khẩu. Nông nghiệp và các ngành công nghiệp nhẹ phải tạo ra sản phẩm xuất khẩu đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu của mình và đóng góp ngoại tệ cho Nhà nước. Không bố trí xây dựng công nghiệp nặng vượt quá điều kiện và khả năng thực tế, ngay cả để phục vụ nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Về *kết cấu hạ tầng*, chú trọng phát triển *giao thông vận tải và thông tin liên lạc*: bảo dưỡng, nâng cấp, đồng bộ hóa và chấn chỉnh tổ chức quản lý để sử dụng có hiệu quả những cái đã có, chọn lọc xây dựng thêm những cơ sở cần thiết bảo đảm cho sản xuất, lưu thông hàng hóa, phục vụ đời sống nhân dân và chuẩn bị cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa. Ưu tiên phát triển giao thông vận tải đường thủy, tăng tỷ trọng vận tải đường sắt, sắp xếp hợp lý vận tải đường bộ, phát triển vận tải đường không. Động viên các tổ chức kinh tế tập thể và nhân dân góp sức, góp vốn mở mang đường giao thông nông thôn, miền núi, phát triển các phương tiện vận tải, nhất là phương tiện thô sơ, nửa cơ giới. Khắc phục sự ách tắc trong vận tải hàng hóa, cải thiện một bước sự đi lại của nhân dân. Nâng cao năng lực, chất lượng phục vụ và giảm nhẹ tình trạng lạc hậu về thông tin liên lạc, hiện đại hóa những khâu có điều kiện.

Đi đôi với việc tăng thêm nguồn điện, cần xây dựng cân đối mạng lưới dẫn điện. Các thành phố và thị xã phải xây dựng và cải tạo mạng lưới cấp nước, thoát nước và hệ thống cống rãnh.

Phát triển rộng rãi các loại hoạt động *dịch vụ*: kỹ thuật, phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

Theo phương hướng nêu trên, ba chương trình mục tiêu về lương thực—thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu phải được xây dựng khẩn trương để triển khai thực hiện trong kế hoạch 1986 — 1990 như nhiệm vụ trung tâm về kinh tế—xã hội của tất cả các ngành và các cấp.

Các chương trình này phải hiện thực, bảo đảm cân đối giữa mục tiêu, phương tiện, biện pháp, chính sách. Đối với mỗi loại sản phẩm, phải tính đến tất cả các yếu tố của chu trình tái sản xuất, từ điều kiện sản xuất đến chế biến, bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ, phải giải quyết đồng bộ cả về kỹ thuật, tổ chức sản xuất và chính sách kinh tế.

Cả ba chương trình phải kết hợp kinh tế với quốc phòng, coi trọng việc phân bố lực lượng sản xuất trên các vùng lãnh thổ, nhằm phát huy thế mạnh của các vùng trong mối quan hệ liên kết, bổ sung cho nhau theo quan điểm phát triển kinh tế hàng hóa, mở rộng trao đổi trong nước và với nước ngoài, khắc phục khuynh hướng tự cấp, tự túc. Kết hợp chặt chẽ giữa nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, giữa sản xuất và lưu thông, dịch vụ trên địa bàn từng huyện, từng tỉnh, từng vùng kinh tế. *Kinh tế trên địa bàn huyện* có vị trí quan trọng trong việc xây dựng và thực hiện ba chương trình mục tiêu. Phương hướng xây dựng huyện không phải là tạo ra một bộ máy quản lý hành chính — kinh tế nặng nề, mà phải phát triển, củng cố, sắp xếp, liên kết các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế khác nhau nhằm khai thác tốt nhất lao động,

Digitized by Google

đất đai, rừng, biển, ngành nghề trên địa bàn huyện.

Theo phương hướng bố trí lại cơ cấu kinh tế, phải *điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư xây dựng cơ bản* của Nhà nước nhằm tập trung cho việc thực hiện ba chương trình mục tiêu nói trên và bảo đảm phát huy hiệu quả. Việc xác định hiệu quả đầu tư phải chú ý tới yêu cầu tốn ít vốn, tạo ra nhiều việc làm, đưa công trình vào sử dụng nhanh.

Phải soát xét thật chặt chẽ các công trình xây dựng dở dang, kể cả công trình trên hạn ngạch và dưới hạn ngạch, của cả trung ương và địa phương, trong tất cả các ngành, cũng như các công trình chưa khởi công, nhưng đã ký nhập thiết bị toàn bộ của nước ngoài. Kiên quyết giãn tiến độ hoặc đình hẳn việc xây dựng những công trình chưa thật sự cấp bách hoặc làm xong sẽ không đủ điều kiện sử dụng có hiệu quả, hoặc xét trong khả năng cân đối chung, cần dành ưu tiên cho các công trình khác. Tập trung sức hoàn thành nhanh và đồng bộ một số công trình trọng điểm. Cùng với việc lựa chọn chặt chẽ các công trình chuyển tiếp, cần *ưu tiên đầu tư đồng bộ và đầu tư chiều sâu cho các cơ sở hiện có*. Việc xây dựng thêm công trình mới chỉ đặt ra khi các cơ sở hiện có, dù được mở rộng thêm, cũng không đáp ứng được yêu cầu, và phải nhằm đúng phương hướng, mục tiêu đã định, làm quy mô nhỏ và vừa là chính, tranh thủ kỹ thuật tiến bộ, bảo đảm xây dựng nhanh, đưa vào sử dụng kịp thời từng phần công trình.

Phương châm chỉ đạo này cũng phải được thấu suốt trong việc xây dựng các cơ sở về khoa học, kỹ thuật, giáo dục, y tế, văn hóa. Đầu tư có trọng điểm để giải quyết vấn đề nhà ở cho công nhân, viên chức, chú ý sửa chữa nhà cửa cũ, đồng thời tạo điều kiện cho nhân dân xây dựng thêm ở cả thành thị và nông thôn.

Việc đầu tư cho sự nghiệp phát triển kinh tế trong chặng đường tiếp theo phải được chuẩn bị chu đáo, trước hết là đối với các công trình gối đầu.

Đi đôi với việc điều chỉnh phương hướng và cơ cấu đầu tư, phải quy định lại chế độ, thể lệ đầu tư nhằm nêu cao trách nhiệm trong việc xây dựng phương án và quyết định chủ trương đầu tư, đặc biệt là đối với các công trình lớn do trung ương quyết định. Tránh xét duyệt riêng rẽ từng công trình tách khỏi các quan hệ cân đối chung. Gắn trách nhiệm và lợi ích vật chất của đơn vị chủ đầu tư với hiệu quả đầu tư. Kiểm soát chặt chẽ toàn bộ các công trình xây dựng cơ bản của khu vực Nhà nước, bất kể thuộc nguồn vốn nào. Thực hiện chế độ đấu thầu xây dựng theo tiêu chuẩn bảo đảm thời hạn huy động, chất lượng công trình và giảm chi phí xây lắp.

Muốn dứt khoát chuyển hướng trong việc bố trí cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư, phải đổi mới cách nghĩ và cách làm, dám thừa nhận và thay đổi những quyết định sai lầm, dám xử lý kiên quyết những trường hợp phức tạp. Tất cả các ngành, các địa phương và đơn vị cơ sở phải chủ động, quyết tâm sắp xếp lại sản xuất và xây dựng trong phạm vi của mình, cùng với trung ương thực hiện việc điều chỉnh lớn cơ cấu sản xuất và đầu tư trong cả nước, quyết giành lại thế chủ động để ổn định tình hình kinh tế—xã hội.

2 — Xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế.

Muốn phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, đi đôi với việc bố trí lại cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư theo ngành và theo vùng, phải xác định đúng cơ cấu thành phần kinh tế.

Digitized by Google

Trong xã hội ta, còn nhiều người có sức lao động chưa có việc làm và chưa sử dụng hết thời gian lao động. Khả năng thu hút sức lao động của khu vực Nhà nước trong những năm trước mắt còn có hạn. Cũng không thể đưa tất cả những người làm ăn cá thể vào các tổ chức kinh tế tập thể trong một thời gian ngắn. Có những ngành, nghề đưa vào làm ăn tập thể chưa bảo đảm hiệu quả. Trong khi nguồn vốn của Nhà nước và của tập thể còn eo hẹp, thì nguồn vốn còn dư trong nhân dân hầu như chỉ đưa vào tiêu dùng hoặc cất giữ và mua hàng tích trữ. Phải có chính sách mở đường cho người lao động tự tạo ra việc làm, kích thích mọi người đưa vốn vào sản xuất, kinh doanh, tiết kiệm tiêu dùng để tích lũy, mở rộng tái sản xuất trên quy mô toàn xã hội.

Xuất phát từ sự đánh giá những tiềm năng tuy phân tán nhưng rất quan trọng trong nhân dân, cả về sức lao động, kỹ thuật, tiền vốn, khả năng tạo việc làm, chúng ta chủ trương: đi đôi với việc phát triển kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, tăng cường nguồn tích lũy tập trung của Nhà nước và tranh thủ vốn ngoài nước, cần có *chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế khác*.

Chính sách đó cho phép sử dụng nhiều hình thức kinh tế với quy mô và trình độ kỹ thuật thích hợp trong từng khâu của quá trình sản xuất và lưu thông nhằm khai thác mọi khả năng của các thành phần kinh tế liên kết với nhau, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Đó là một giải pháp có ý nghĩa chiến lược, góp phần giải phóng và khai thác mọi khả năng để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý.

Giải pháp đó xuất phát từ thực tế của nước ta và là sự vận dụng quan điểm của Lê-nin coi *nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ*. Ở nước ta, các thành phần đó là:

– Kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm khu vực quốc doanh và khu vực tập thể, cùng với bộ phận kinh tế gia đình gắn liền với thành phần đó.

– Các thành phần kinh tế khác gồm: kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa (thợ thủ công, nông dân cá thể, những người buôn bán và kinh doanh dịch vụ cá thể); kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản Nhà nước dưới nhiều hình thức, mà hình thức cao là công tư hợp doanh; kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc trong một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây nguyên và các vùng núi cao khác.

Chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa phải xuất phát từ đặc trưng nói trên mà đề ra những chủ trương và biện pháp đúng đắn.

Theo quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa phải có bước đi và hình thức thích hợp. Kinh nghiệm thực tế chỉ rõ: lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ, có những yếu tố đi quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Tình hình thực tế của nước ta đòi hỏi phải coi trọng những hình thức kinh tế trung gian, quá độ từ thấp lên cao, từ quy mô nhỏ lên quy mô lớn. Trong mỗi bước đi của quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, phải đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật, tạo ra lực lượng sản xuất mới; trên cơ sở đó tiếp tục đưa quan hệ sản xuất lên hình thức và quy mô mới thích hợp để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng quan hệ sản xuất mới bao gồm cả ba mặt: xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, chế độ quản lý và

Digitized by Google

chế độ phân phối xã hội chủ nghĩa. Tuy chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là nền tảng của quan hệ sản xuất mới, nhưng khi chế độ quản lý và chế độ phân phối không phù hợp, thì ngay cả các tổ chức kinh tế thuộc sở hữu toàn dân, được trang bị kỹ thuật cao hơn, cũng làm ăn kém hiệu quả. Xây dựng quan hệ sản xuất mới về cả ba mặt, làm cho nó thật sự mang bản chất xã hội chủ nghĩa, gắn với mỗi bước phát triển của lực lượng sản xuất, là công việc to lớn, không thể làm xong trong một thời gian ngắn.

Mười năm qua, hai kỳ đại hội Đảng đều ghi vào nghị quyết nhiệm vụ căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nhiệm kỳ đại hội đó, song đều chưa thực hiện được. Cuộc sống cho ta một bài học thấm thía là không thể nóng vội làm trái quy luật. Nay phải sửa lại cho đúng như sau: *đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, với những hình thức và bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, luôn luôn có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất.*

Trong những năm trước mắt, để tiến hành vững chắc công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát huy tác dụng tích cực của cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, *điều quan trọng nhất* là củng cố và phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa, trước hết là làm cho kinh tế quốc doanh thật sự giữ vai trò chủ đạo, chi phối được các thành phần kinh tế khác.

Phải đổi mới cơ chế quản lý, bảo đảm cho các đơn vị *kinh tế quốc doanh* có quyền tự chủ, thật sự chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lập lại trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế. Sắp xếp lại sản xuất, tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật và đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Trên cơ sở đó, ổn định và từng bước nâng cao tiền lương thực tế của công nhân, viên chức, tăng tích lũy cho xí nghiệp và cho Nhà nước. Kinh tế quốc doanh chủ động mở rộng liên kết với các thành phần kinh tế khác, hướng các thành phần đó vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

Để củng cố *kinh tế tập thể*, phải nâng cao trình độ tổ chức, quản lý và tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật đi đôi với thực hiện quan hệ trao đổi và liên kết với kinh tế quốc doanh, kinh tế gia đình, trước hết là về mặt cung ứng vật tư, nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm. Trong nông nghiệp, giải quyết đúng đắn quan hệ giữa Nhà nước, kinh tế quốc doanh với hợp tác xã, đồng thời cải tiến quản lý nội bộ hợp tác xã, hoàn thiện phương thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, gắn liền việc xây dựng quan hệ sản xuất mới, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật với xây dựng nông thôn mới. Các tập đoàn sản xuất ở Nam bộ phải được củng cố theo đúng tính chất tổ chức kinh tế tập thể. Việc đưa các tập đoàn sản xuất lên hợp tác xã bậc cao, quy mô lớn phải căn cứ vào các điều kiện cụ thể đã chín muồi, không làm vội vã.

Kinh tế gia đình có vị trí quan trọng và khả năng dồi dào, cần được khuyến khích và giúp đỡ phát triển trong mối quan hệ hỗ trợ và gắn bó với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. Trên nguyên tắc bảo đảm trách nhiệm và nghĩa vụ đối với Nhà nước và tập thể, gia đình công nhân, viên chức, gia đình xã viên có thể mở rộng sản xuất bằng lao động của gia đình mình, kinh doanh trong các ngành nghề theo đúng pháp luật và chính sách. Thu nhập của kinh tế gia đình không những góp phần cải thiện đời sống, mà còn là một nguồn tích lũy để tái sản xuất mở rộng.

Digitized by Google

Nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đặt ra cho chặng đường đầu tiên là *kinh tế xã hội chủ nghĩa với khu vực quốc doanh làm nòng cốt phải giành được vai trò quyết định trong nền kinh tế quốc dân*, cụ thể là chiếm tỷ trọng lớn cả trong sản xuất và lưu thông, thể hiện được tính ưu việt và chi phối được các thành phần kinh tế khác thông qua liên kết kinh tế.

Đối với *kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa*, Nhà nước thừa nhận sự cần thiết của bộ phận kinh tế này trong thời kỳ quá độ, hướng dẫn và giúp đỡ nó sản xuất, kinh doanh, liên kết với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. Vận động những người lao động cá thể đi vào làm ăn tập thể theo nguyên tắc tự nguyện và cùng có lợi. Không nên có thành kiến, phân biệt đối xử, gây khó khăn cho những người lao động cá thể chưa muốn tham gia các tổ chức kinh tế tập thể hoặc xin rút ra khỏi các tổ chức đó.

Đối với tiểu thương, thông qua nhiều hình thức tùy theo ngành hàng, để sắp xếp, cải tạo và sử dụng họ thành lực lượng bổ sung cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, giúp đỡ số người không cần thiết trong lĩnh vực lưu thông chuyển sang sản xuất và dịch vụ.

Nhà nước cho phép những nhà *tư sản nhỏ* sử dụng vốn, kiến thức kỹ thuật và quản lý của họ để tổ chức sản xuất, kinh doanh trong một số ngành, nghề thuộc khu vực sản xuất và dịch vụ ở những nơi cần thiết trong cả nước. Quy mô và phạm vi hoạt động của các cơ sở kinh tế tư bản tư nhân được quy định tùy theo ngành nghề và mặt hàng. Hoạt động của kinh tế tư bản tư nhân được hướng dẫn đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội bằng nhiều hình thức của kinh tế tư bản Nhà nước, thông qua sự kiểm soát của Nhà nước và sự liên kết với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. *Kinh tế tư bản Nhà nước* là hình thức kinh tế quá độ, có thể được tổ chức từ thấp đến cao, từ đại lý cung ứng và tiêu thụ hàng hóa, làm gia công, cho đến hợp doanh với Nhà nước.

Trong lĩnh vực lưu thông, phải xóa bỏ thương nghiệp tư bản tư nhân. Đối với một số người buôn bán loại vừa, có tay nghề trong một số ngành hàng tươi sống, Nhà nước dùng hình thức liên doanh để sử dụng họ kinh doanh theo pháp luật và chính sách.

Như vậy, quá trình sử dụng kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa và kinh tế tư bản tư nhân luôn luôn gắn liền với quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần đó bằng nhiều hình thức.

Thừa nhận sự tồn tại của kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa và kinh tế tư bản tư nhân, thì đương nhiên cũng phải thường xuyên đấu tranh với xu hướng tự phát tư bản chủ nghĩa và những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế của các thành phần đó. Nhà nước dùng pháp luật và chính sách, dựa vào sức mạnh của kinh tế xã hội chủ nghĩa để kiểm soát và chi phối các thành phần kinh tế đó theo phương châm "sử dụng để cải tạo, cải tạo để sử dụng tốt hơn".

Cần sửa đổi, bổ sung và công bố rộng rãi chính sách nhất quán đối với các thành phần kinh tế. Những quy định có tính nguyên tắc phải trở thành pháp luật để mọi người yên tâm, mạnh dạn kinh doanh.

Xóa bỏ những thành kiến thiên lệch trong sự đánh giá và đối xử với người lao động thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Nhà nước có chính sách ưu đãi về kinh tế (như chính sách đầu tư, thuế, tín dụng...) đối với thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa; song về pháp luật phải thực hiện nguyên tắc bình đẳng. Những người làm ra của cải và những việc có ích cho xã hội, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và chính sách đều được tôn trọng, được quyền

Digitized by Google

hưởng thu nhập tương xứng với kết quả lao động, kinh doanh hợp pháp của họ. Đối với những kẻ lười biếng, ăn bám, phải phê phán và cưỡng bức lao động. Những kẻ phạm pháp đều bị trừng trị theo pháp luật. Ai vi phạm hợp đồng kinh tế, đều bị xử phạt và phải bồi thường. Đó là chính sách nhất quán đối với mọi công dân, không phân biệt họ thuộc thành phần kinh tế nào. Quan điểm đó phải thấu suốt trong các chính sách cụ thể, trong công tác tuyên truyền, giáo dục và văn hóa, để xây dựng những nhận thức đúng đắn trong nhân dân, tạo nên môi trường tâm lý xã hội thuận lợi cho việc thực hiện chính sách sử dụng và cải tạo nền kinh tế nhiều thành phần.

3 — Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

Việc bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp từ nhiều năm nay không tạo được động lực phát triển, làm suy yếu kinh tế xã hội chủ nghĩa, hạn chế việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế khác, kìm hãm sản xuất, làm giảm năng suất, chất lượng, hiệu quả, gây rối loạn trong phân phối lưu thông, và đẻ ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

Cơ chế đó quản lý nền kinh tế bằng mệnh lệnh hành chính là chủ yếu, với hệ thống chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh chi tiết từ trên giao xuống, không phù hợp với nguyên tắc tập trung dân chủ. Các cơ quan quản lý hành chính—kinh tế can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị cơ sở, nhưng lại không chịu trách nhiệm gì về vật chất đối với các quyết định của mình; các đơn vị kinh tế cơ sở vừa không có quyền tự chủ, vừa không bị ràng buộc trách nhiệm với kết quả sản xuất, kinh doanh.

Cơ chế đó chưa chú ý đầy đủ đến quan hệ hàng hóa — tiền tệ, và hiệu quả kinh tế, dẫn tới cách quản lý và kế hoạch hóa thông qua chế độ cấp phát và giao nộp theo quan hệ hiện vật là chủ yếu, hạch toán kinh tế chỉ là hình thức, không ràng buộc trách nhiệm và lợi ích vật chất đối với hiệu quả sử dụng tiền vốn, tài sản, vật tư, lao động, tách rời việc trả công lao động với số lượng và chất lượng lao động.

Cơ chế đó đẻ ra bộ máy quản lý cồng kềnh, với những cán bộ quản lý kém năng động, không thạo kinh doanh, với phong cách quản lý quan liêu, cửa quyền.

Cơ chế cũ gắn liền với tư duy kinh tế dựa trên những quan niệm giản đơn về chủ nghĩa xã hội, mang nặng tính chất chủ quan, duy ý chí.

Phương hướng đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã được khẳng định là xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan và với trình độ phát triển của nền kinh tế.

Ngay sau khi giành chính quyền, nắm được những mạch máu kinh tế chủ yếu của đất nước, Nhà nước xã hội chủ nghĩa có điều kiện và nhất thiết phải quản lý nền kinh tế quốc dân theo một kế hoạch thống nhất. *Tính kế hoạch* là đặc trưng số một của cơ chế quản lý kinh tế ngay từ buổi đầu của thời kỳ quá độ.

Quá trình từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn ở nước ta là quá trình chuyển hóa nền kinh tế còn nhiều tính chất tự cấp, tự túc thành nền kinh tế hàng hóa. Chúng ta đang quản lý có kế hoạch một nền kinh tế sản xuất hàng hóa với những đặc điểm của thời kỳ quá độ. Việc sử dụng đầy đủ và đúng đắn quan hệ hàng hóa—tiền tệ trong kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân là một tất yếu khách quan. *Sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa — tiền tệ* là đặc trưng thứ hai của

Digitized by Google

cơ chế mới về quản lý kinh tế mà chúng ta đang xây dựng.

Việc sử dụng quan hệ hàng hóa — tiền tệ đòi hỏi sản xuất phải gắn với thị trường, mọi hoạt động kinh tế phải so sánh chi phí với hiệu quả, các tổ chức và đơn vị kinh tế phải tự bù đắp chi phí và có lãi để tái sản xuất mở rộng, tức là phải thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Muốn kế hoạch hóa quá trình tái sản xuất hàng hóa, phải vận dụng tổng hợp hệ thống các quy luật đang tác động lên nền kinh tế. Trong hệ thống các quy luật đó, quy luật kinh tế cơ bản cùng với các quy luật đặc thù khác của chủ nghĩa xã hội ngày càng phát huy vai trò chủ đạo, được vận dụng trong một thể thống nhất với các quy luật của sản xuất hàng hóa, đặc biệt là quy luật giá trị, quan hệ cung cầu... Kế hoạch hóa phải luôn luôn gắn liền với việc sử dụng đúng đắn các đòn bẩy kinh tế. Nền kinh tế phải được *quản lý bằng các phương pháp kinh tế là chủ yếu*, với động lực thúc đẩy là sự kết hợp hài hòa lợi ích của toàn xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích riêng của người lao động. Mức thu nhập của tập thể và của người lao động phải phụ thuộc vào kết quả lao động và hiệu quả kinh tế.

Các đơn vị kinh tế quốc doanh và tập thể là những đơn vị sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa, có quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh, tự chủ về tài chính. Các tập thể lao động thật sự có vai trò của người làm chủ trong việc tổ chức và quản lý sản xuất, kinh doanh.

Những điều nêu trên dẫn tới yêu cầu phân cấp kế hoạch hóa và quản lý kinh tế theo nguyên tắc tập trung dân chủ, trên cơ sở phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính—kinh tế của các cơ quan Nhà nước trung ương và địa phương với chức năng quản lý sản xuất — kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở.

Đi đôi với việc xác định đúng chức năng, nhiệm vụ quản lý của các cấp, các ngành, phải đổi mới cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, đổi mới công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất và năng lực đáp ứng được yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý. Việc bố trí đúng những cán bộ có trách nhiệm chủ yếu trong các cơ quan quản lý kinh tế ở trung ương, địa phương và các cơ sở kinh tế lớn là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với việc xây dựng và vận hành cơ chế quản lý mới.

Thực chất của cơ chế mới về quản lý kinh tế là *cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.*

Đổi mới cơ chế quản lý là một quá trình cải cách có ý nghĩa cách mạng sâu sắc, là cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, cái tiến bộ và cái lạc hậu. Cuộc đấu tranh để đổi mới không những bị sức mạnh của thói quen níu lại, mà còn vấp phải những đặc quyền, đặc lợi của một số người gắn bó với cơ chế cũ. Đây là cuộc đấu tranh trong nội bộ đảng và cơ quan Nhà nước, đấu tranh giữa những người đồng chí, đấu tranh với chính bản thân mình. Khó khăn, phức tạp là ở chỗ đó. Chúng ta phải khắc phục trở ngại chính hiện nay là tư tưởng bảo thủ muốn quay trở lại cơ chế cũ đã quen thuộc, do dự không dám giải quyết những vấn đề đã chín muồi.

Phương hướng và nội dung chủ yếu của việc đổi mới cơ chế quản lý đã được xác định. Song điều quan trọng và khó khăn hơn là tìm ra được những hình thức kinh tế cụ thể, bước đi và nội dung đổi mới trong từng bước. Chúng ta còn ít kinh nghiệm; vì thế phải coi trọng việc nghiên cứu, học tập, thử nghiệm, tổng kết thực tiễn. Khuynh hướng nóng vội, giản đơn

Digitized by Google

muốn đổi mới xong xuôi trong một thời gian ngắn là không phù hợp với thực tế.

Trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phải nắm vững những vấn đề có tính nguyên tắc dưới đây:

Thực hiện tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế.

Tình trạng tập trung quan liêu trong công tác quản lý và điều hành còn nặng. Tình trạng phân tán, vô tổ chức trong hoạt động kinh tế cũng phổ biến.

Phải lập lại trật tự, kỷ cương trong quản lý kinh tế, xã hội. Chính cơ chế quản lý còn nặng tính chất tập trung quan liêu, vừa gò bó cấp dưới, vừa làm giảm hiệu lực quản lý tập trung là nguyên nhân trực tiếp làm rối loạn trật tự, kỷ cương. Vì vậy, không thể khắc phục sự rối ren bằng cách quay trở lại cơ chế cũ, mà phải kiên quyết thực hiện phân cấp quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Việc phân cấp quản lý phải bảo đảm quyền làm chủ của ba cấp: quyền quyết định của trung ương (bao gồm cả các ngành trung ương) đối với những lĩnh vực then chốt, những vấn đề có ý nghĩa chiến lược, bảo đảm cho sự phát triển cân đối của toàn bộ nền kinh tế; quyền chủ động của các địa phương trong việc thực hiện trách nhiệm quản lý kinh tế – xã hội trên địa bàn lãnh thổ; quyền tự chủ sản xuất–kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở và vai trò làm chủ của các tập thể lao động. Trong sự phân công, phân cấp quản lý, trách nhiệm phải đi đôi với quyền hạn, nghĩa vụ gắn liền với lợi ích.

Yêu cầu cấp bách là thể hiện những nguyên tắc đó trong các lĩnh vực quản lý cụ thể đang có nhiều vướng mắc, như kế hoạch hóa, quản lý vật tư, hàng hóa, xuất khẩu, nhập khẩu, ngoại tệ, đầu tư xây dựng cơ bản, tài chính, tiền tệ, giá cả, lao động, tiền lương.

Vai trò quản lý kinh tế của các cơ quan Nhà nước ở trung ương và địa phương, nói cho cùng, là nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở kinh tế hoạt động có hiệu quả. Nhà nước kiểm soát và điều khiển các xí nghiệp và đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế bằng pháp luật, chính sách kinh tế, chính sách tiến bộ kỹ thuật, thay cho sự can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp. Pháp luật quy định những giới hạn mà các xí nghiệp không được vi phạm. Các chính sách buộc các xí nghiệp tự lựa chọn các quyết định về sản xuất, kinh doanh có lợi nhất theo phương hướng của kế hoạch nhà nước. Cần có những quy định bảo đảm sự kiểm tra, giám sát thống nhất của Nhà nước đối với toàn bộ hoạt động của các đơn vị cơ sở. Những hiện tượng giấu giếm, khai man, hạch toán và báo cáo sai sự thật phải bị xử lý.

Việc xây dựng chế độ tự chủ sản xuất, kinh doanh của các xí nghiệp và chế độ làm chủ tập thể của quần chúng lao động ở cơ sở phải được tiếp tục bổ sung, sửa đổi qua thử nghiệm, tổng kết thực tiễn. Trên cơ sở đó mà làm rõ và giải quyết đúng đắn chức năng, nhiệm vụ và sự phân cấp quản lý hành chính – kinh tế giữa trung ương và địa phương, giữa tỉnh và huyện.

Nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế đòi hỏi phải đề cao kỷ luật và pháp luật. Sự chỉ đạo và điều hành từ trên xuống dưới, trước hết là từ các cơ quan trung ương, phải thống nhất theo nghị quyết của Đảng và Nhà nước, theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được xác định. Cấp dưới phải phục tùng cấp trên; cấp trên phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

Đổi mới kế hoạch hóa.

Kế hoạch kinh tế quốc dân trong những năm tới phải bảo đảm thực hiện phương hướng sắp xếp lại nền kinh tế, bố trí đúng cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư theo các chương trình mục tiêu. Các cân đối kế hoạch được

Digitized by Google

xây dựng từ cơ sở và tổng hợp từ dưới lên, với sự hướng dẫn và điều hòa của trung ương. Kết hợp chặt chẽ kế hoạch hóa theo ngành và kế hoạch hóa trên địa bàn lãnh thổ

Với quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh, các đơn vị kinh tế cơ sở chủ động tiếp cận nhu cầu của thị trường, khai thác mọi khả năng để phát triển sản xuất, kinh doanh nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch Nhà nước. *Hợp đồng kinh tế* giữa các đơn vị sản xuất, kinh doanh vừa là cơ sở để xây dựng kế hoạch vừa là công cụ pháp lý bảo đảm cho việc thực hiện kế hoạch. Cần tăng cường chế độ hợp đồng kinh tế và bảo đảm hiệu lực của nó bằng *chế độ trọng tài kinh tế Nhà nước.*

Nhà nước sử dụng các đòn bẩy kinh tế cả trong kế hoạch hóa trực tiếp và kế hoạch hóa gián tiếp để bảo đảm thực hiện những phương hướng, mục tiêu của kế hoạch kinh tế quốc dân. Việc giao kế hoạch pháp lệnh chỉ hạn chế trong một số chỉ tiêu thật cần thiết nhằm bảo đảm những cân đối cơ bản và những nghĩa vụ cam kết với nước ngoài. Phấn đấu xây dựng từng bước lực lượng dự trữ của Nhà nước để chủ động xử lý những trường hợp bất thường trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Ủy ban kế hoạch Nhà nước và các cơ quan khác ở trung ương có chức năng quản lý hành chính — kinh tế được giải thoát bớt những công việc sự vụ, phải tập trung nhiều hơn vào việc nghiên cứu chiến lược kinh tế — xã hội, xây dựng kế hoạch dài hạn và trung hạn, bảo đảm các quan hệ cân đối tổng hợp trong nền kinh tế, xây dựng chính sách và luật lệ kinh tế. Đó là những yếu tố quan trọng để từng bước nâng cao chất lượng kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân.

Sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế.

Để kích thích sản xuất phát triển, lập lại trật tự và ổn định thị trường phải có *chính sách mở rộng giao lưu hàng hóa*, xóa bỏ tình trạng ngăn sông, cấm chợ, chia cắt thị trường theo địa giới hành chính.

Trong nền kinh tế còn nhiều thành phần, bên cạnh sự lưu thông hàng hóa của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, còn có thị trường tự do bao gồm hoạt động mua bán trực tiếp giữa người sản xuất và người tiêu dùng trong dân cư và hoạt động lưu thông, dịch vụ của những người kinh doanh tư nhân ở cả thành thị và nông thôn. Nhà nước sử dụng những biện pháp có hiệu quả để cải tạo và xóa bỏ thương nghiệp tư bản tư nhân, nghiêm trị bọn đầu cơ, buôn lậu. Nhưng không thể xóa bỏ thương nghiệp nhỏ tự do theo ý muốn chủ quan bằng mệnh lệnh hành chính, mà chỉ có thể thu hẹp nó bằng sự thay thế tốt hơn của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và biết sử dụng nó trong những lĩnh vực mà thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa thể kinh doanh tốt hoặc chưa cần kinh doanh.

Kinh nghiệm của nhiều địa phương và cơ sở cho thấy: nếu biết kinh doanh, biết vận dụng những biện pháp kinh tế là chủ yếu, kết hợp với biện pháp giáo dục và hành chính, được sự tham gia trực tiếp của quần chúng nhân dân, thì thương nghiệp xã hội chủ nghĩa hoàn toàn có khả năng thực hiện được độc quyền kinh doanh những mặt hàng thiết yếu và làm chủ được thị trường.

Đối với những mặt hàng hoàn toàn do kinh tế quốc doanh sản xuất hoặc nhập khẩu, dương nhiên, thương nghiệp quốc doanh độc quyền bán trên thị trường và Nhà nước có biện pháp hành chính để bảo đảm sự độc quyền ấy. Nhưng ngay đối với những vật tư, hàng hóa đó, biện pháp kinh tế cũng rất quan trọng. Chính sách giá cả và phương thức mua bán không hợp lý thì không thể ngăn chặn được

Digitized by Google

chúng chạy ra thị trường tự do bằng nhiều con đường ngang tắt.

Đối với những sản phẩm do các thành phần kinh tế ngoài khu vực quốc doanh sản xuất, biện pháp chủ yếu để các tổ chức kinh tế quốc doanh nắm được sản phẩm hàng hóa là có chính sách giá cả và phương thức mua bán thích hợp theo nguyên tắc thỏa thuận, chủ yếu là thông qua hợp đồng kinh tế với người sản xuất. Chính sách kinh tế đúng đắn đi đôi với công tác điều tra, phát hiện, trừng trị bọn đầu cơ, buôn lậu là những biện pháp có hiệu quả để xóa bỏ chợ đen. Chính sách ép giá và phương thức mua bán phiền hà, đi đôi với các biện pháp ngăn cấm hay hạn chế nông dân và người sản xuất tiêu thụ hàng hóa trên thị trường sẽ đẩy họ vào thế đối phó với Nhà nước bằng cách giữ hàng không bán, bán lén lút cho tư thương, hoặc thu hẹp sản xuất. Kết quả cuối cùng là sản xuất giảm sút, cung cầu căng thẳng, giá cả bị đẩy lên. Chính sách đó càng tạo điều kiện cho tư thương hoạt động mạnh hơn và làm suy yếu liên minh công—nông.

Chính sách giá cả phải vận dụng tổng hợp nhiều quy luật, trong đó quy luật giá trị có tác động trực tiếp. Giá cả phải phù hợp với giá trị, đồng thời phù hợp với sức mua của đồng tiền và tính đến quan hệ cung cầu. Các yêu cầu điều tiết thu nhập, bảo đảm chính sách xã hội, thúc đẩy cải tạo xã hội chủ nghĩa, cần được thực hiện thông qua sử dụng đồng bộ nhiều biện pháp, trong đó có các biện pháp giá cả, tài chính, tín dụng...; chỉ dùng biện pháp giá cả để đáp ứng những yêu cầu đó sẽ đẩy giá cả tới mức thoát ly giá trị.

Muốn ổn định giá cả, chính sách giá cả phải nhằm trước hết kích thích các cơ sở sản xuất và mọi người lao động làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa, hạ giá thành, hăng hái bán sản phẩm cho Nhà nước. Không thể ổn định giá cả bằng cách giữ giá một cách cứng nhắc, bất chấp sức mua của đồng tiền, bất chấp quan hệ cung — cầu và sự biến động của các yếu tố hình thành giá cả; mặt khác, phải có biện pháp tích cực khắc phục từng bước tính tự phát của giá cả thị trường tự do.

Phấn đấu thi hành chính sách một giá, đó là giá kinh doanh thương nghiệp. Chính sách một giá gắn liền với cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa có tác dụng kích thích sản xuất và mở rộng lưu thông hàng hóa, tạo điều kiện cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chuyển sang kinh doanh, chiếm lĩnh và làm chủ thị trường, không tạo ra nhu cầu giả tạo, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng thất thoát hàng hóa.

Trong tình hình cụ thể hiện nay, ở những nơi, những lúc nhất định, đối với một số ít mặt hàng thiết yếu mà cung cầu căng thẳng, giá cả biến động mạnh, Nhà nước chưa đủ lực lượng để kìm giá lại, thì tạm thời áp dụng chính sách hai giá trong việc mua nông sản và bán lẻ hàng tiêu dùng.

Để tạo điều kiện cho thương nghiệp quốc doanh thoát khỏi tình trạng khó mua, khó bán, bỏ trống trận địa, cần phải sớm ban hành cơ chế định giá và quản lý giá đúng đắn.

Chính sách tiền lương phải đáp ứng yêu cầu cấp bách là bảo đảm tiền lương thực tế của người ăn lương trong tình hình quỹ hàng của Nhà nước chưa dồi dào và giá cả chưa ổn định.

Vấn đề cơ bản là phát triển sản xuất, Nhà nước nắm quỹ hàng lương thực, thực phẩm và hàng thiết yếu khác, có phương thức bán thích hợp, bảo đảm cho người ăn lương mua được hàng hóa cần thiết; hết sức hạn chế việc quay trở lại chế độ tem phiếu.

Việc thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động đòi hỏi sửa

Digitized by Google

đổi một cách căn bản chế độ tiền lương theo hướng bảo đảm yêu cầu tái sản xuất sức lao động, khắc phục tính chất bình quân, xóa bỏ từng bước phần cung cấp còn lại trong chế độ tiền lương, áp dụng các hình thức trả lương gắn chặt với kết quả lao động và hiệu quả kinh tế. Những vấn đề đó phải được giải quyết cùng với việc thực hiện chế độ hợp đồng lao động, tinh giản bộ máy quản lý hành chính Nhà nước và bộ phận quản lý gián tiếp của các tổ chức sản xuất, kinh doanh. Việc thực hiện phải đi từng bước vững chắc, phù hợp với khả năng cân đối tiền — hàng và với nhịp độ tăng năng suất lao động.

Chính sách tài chính, tiền tệ có vai trò trọng yếu trong việc chuyển các hoạt động kinh tế sang cơ chế hạch toán kinh doanh, đấu tranh chống lạm phát, ổn định sức mua của đồng tiền.

Xây dựng và hoàn chỉnh từng bước chính sách tài chính quốc gia theo hướng: bảo đảm quyền tự chủ tài chính của các cơ sở kinh tế, kích thích mạnh mẽ kinh tế quốc doanh và các thành phần kinh tế khác phát triển sản xuất với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, tạo ra nguồn tích lũy ngày càng tăng cho từng đơn vị và cho Nhà nước, điều tiết và phân phối hợp lý các nguồn thu nhập nhằm thực hiện công bằng xã hội và bảo đảm quan hệ tích lũy và tiêu dùng phù hợp với các mục tiêu kinh tế—xã hội.

Đổi mới các chính sách, chế độ tài chính, trước hết là *chính sách thuế*. Chấm dứt chế độ bao cấp qua ngân sách, như bù lỗ tràn lan, cấp phát vốn mà không ràng buộc trách nhiệm vật chất với hiệu quả sử dụng vốn; tránh dùng vốn tín dụng không đúng quan điểm hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; sửa đổi một số chế độ phúc lợi vượt quá khả năng của nền kinh tế. Các chế độ tài chính cần quán triệt *chính sách tiết kiệm nghiêm ngặt cả trong sản xuất và tiêu dùng.*

Bội chi ngân sách ngày càng tăng là nguyên nhân quan trọng nhất dẫn tới lạm phát, đẩy giá cả tăng nhanh. Phấn đấu giảm bội chi, tiến tới cân bằng thu chi ngân sách là nhiệm vụ hàng đầu của công tác tài chính trong năm năm 1986—1990. Bên cạnh những biện pháp cơ bản, thường xuyên trong chính sách tài chính quốc gia, cần có những biện pháp bất thường áp dụng trong một thời gian ngắn để tăng thu, giảm chi, hạn chế, đi tới chấm dứt phát hành để chi cho ngân sách.

Ngân hàng có nhiệm vụ khẩn cấp cùng với hoạt động tài chính và các ngành kinh tế khác phấn đấu giảm lạm phát, điều chỉnh hợp lý khối lượng tiền lưu thông trên cơ sở tăng nhanh vòng quay của đồng tiền và áp dụng phổ biến các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, góp phần tích cực vào việc lập lại cân đối về tiền—hàng, ổn định sức mua của đồng tiền, đáp ứng nhu cầu về tiền cho việc mở rộng sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Bên cạnh nhiệm vụ quản lý lưu thông tiền tệ của ngân hàng Nhà nước, cần xây dựng hệ thống ngân hàng chuyên nghiệp kinh doanh tín dụng và dịch vụ ngân hàng, hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế. Phải trên cơ sở phục vụ tốt mà thực hiện chức năng giám sát bằng đồng tiền các hoạt động sản xuất, kinh doanh, chống thái độ cửa quyền. Phát triển rộng rãi các tổ chức tín dụng tập thể trong nhân dân, ngăn chặn nạn tư nhân cho vay nặng lãi.

Chính sách tiết kiệm phải được thấu suốt trong kế hoạch hóa và các đòn bẩy kinh tế. Chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, gắn chặt trách nhiệm và lợi ích vật chất với hiệu quả sử dụng tài sản, tiền vốn, vật tư, lao động là phương hướng chủ yếu để thực hành tiết kiệm trong mọi hoạt động kinh tế. Trong môi trường hạch toán kinh doanh, cần dấy

Digitized by Google

mạnh việc ứng dụng khoa học và tiến bộ kỹ thuật, xây dựng và áp dụng các định mức kinh tế – kỹ thuật để giảm chi phí sản xuất. Đi đôi với tiết kiệm năng lượng, vật tư, cần nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào việc bảo dưỡng, nâng cao tuổi thọ của máy. Bảo đảm chất lượng sản phẩm là tiết kiệm cả trong sản xuất và tiêu dùng; các chính sách kinh tế phải đi đôi với biện pháp hành chính, giáo dục nhằm khuyến khích làm hàng tốt, ngăn chặn làm hàng xấu, nghiêm trị làm hàng giả.

Khuyến khích mọi người tiết kiệm tiêu dùng, dành vốn để tích lũy, mở rộng sản xuất dưới nhiều hình thức. Chính sách tiết kiệm tiêu dùng phải khuyến khích dùng hàng sản xuất trong nước, hạn chế tiêu dùng những loại hàng có thể dành cho xuất khẩu, ngăn chặn việc nhập hàng xa xỉ. Cấm ngặt việc dùng tiền của công để chè chén, biếu xén. Chống lãng phí trong việc sử dụng tài sản, phương tiện thuộc của công dùng trong sinh hoạt.

Quá trình đổi mới quản lý kinh tế đặt ra nhiều vấn đề phải giải quyết để chuyển toàn bộ hệ thống các chính sách, chế độ, thể lệ quản lý và tổ chức bộ máy quản lý sang cơ chế mới. Cuộc cải cách có ý nghĩa cách mạng này phải được tiến hành đồng bộ, kết hợp giữa bên trên và bên dưới, giữa sự đổi mới của các cơ quan quản lý với phong trào quần chúng. Việc sửa đổi và ban hành các chính sách, chế độ quản lý phải xuất phát từ thực tế, tập hợp sáng kiến và kinh nghiệm của các địa phương và cơ sở, không thể chỉ là công việc nghiên cứu của một số ít cán bộ ở bàn giấy.

Trước mắt, thực hành những biện pháp có hiệu quả để hãm bớt lạm phát và tốc độ tăng giá, giảm bớt khó khăn về đời sống của người ăn lương. Có làm được việc đó mới tạo được những tiền đề về kinh tế, xã hội và tâm lý cho việc đẩy mạnh quá trình cải cách. Qua từng bước khẩn trương và vững chắc, phấn đấu đến năm 1990 về cơ bản hình thành được cơ chế quản lý mới và chấn chỉnh bộ máy quản lý, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ bảo đảm cho cơ chế đó được vận hành thông suốt.

4 — Phát huy mạnh mẽ động lực khoa học, kỹ thuật.

Trong điều kiện thế giới đang tiến nhanh vào giai đoạn mới của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật và qua tình hình thực tế của nước ta, càng thấy rõ sự bức bách phải làm cho khoa học, kỹ thuật thật sự trở thành một *động lực to lớn* đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.

Vị trí then chốt của cách mạng khoa học – kỹ thuật trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội phải được thể hiện trong cuộc sống. Trên cơ sở những việc đã làm được, cần xúc tiến và hoàn thành việc xác định *chiến lược phát triển khoa học và kỹ thuật*, làm luận cứ khoa học cho chiến lược phát triển kinh tế – xã hội và định hướng cho công tác khoa học, kỹ thuật.

Sự lựa chọn về phương hướng khoa học, kỹ thuật phải thống nhất với sự lựa chọn về mục tiêu, phương hướng phát triển kinh tế – xã hội. Trong những năm tới, phải lựa chọn và tổ chức *áp dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và kỹ thuật thích hợp*, nhằm trước hết phục vụ ba chương trình về lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Trong nông nghiệp, áp dụng rộng rãi các thành tựu sinh học và các thành tựu khoa học, kỹ thuật khác làm tăng thêm màu mỡ cho đất canh tác, tăng nhanh năng suất trồng trọt, chăn nuôi, nâng cao hệ số sử dụng đất, giảm hư hao lương thực và nông sản khác. Trong công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, hoạt động khoa học,

Digitized by Google

kỹ thuật phải hướng vào việc cải tiến, đổi mới và hoàn thiện công nghệ, hợp lý hóa tổ chức sản xuất, đổi mới thiết bị, sản xuất nguyên liệu, vật liệu và phụ tùng thay thế, giảm mạnh tiêu hao vật tư, tận dụng nguyên liệu, đổi mới và nâng cao chất lượng sản phẩm, nhất là chất lượng hàng xuất khẩu.

Triển khai một số đề tài được chọn lọc thuộc các hướng *khoa học, kỹ thuật hiện đại*, như công nghệ sinh học, vật liệu và công nghệ mới, điện tử và tin học... Xúc tiến công tác điều tra và đánh giá kinh tế tài nguyên thiên nhiên, điều kiện tự nhiên, dân cư và kinh tế — xã hội, công tác dự báo và nghiên cứu chiến lược, phân vùng quy hoạch và phân bố lực lượng sản xuất, xây dựng các luận chứng kinh tế — kỹ thuật cho các chủ trương lớn về phát triển kinh tế và xã hội, sử dụng tốt nhất đi đôi với bảo vệ có hiệu quả môi trường sinh thái.

Các ngành *khoa học tự nhiên* đẩy mạnh công tác nghiên cứu những đề tài bảo đảm cơ sở khoa học cho việc phát triển các ngành kỹ thuật, cho việc ứng dụng có chọn lọc các thành tựu khoa học và kỹ thuật hiện đại, từng bước hình thành các hướng khoa học, kỹ thuật mũi nhọn.

Thực hiện những biện pháp đồng bộ, có hiệu quả để sớm khắc phục sự chậm trễ của khoa học xã hội. Nhiệm vụ chủ yếu của các ngành *khoa học xã hội* trong những năm tới là tham gia đắc lực vào công tác lý luận của đảng, góp phần xây dựng cương lĩnh về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời kỳ quá độ, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý xã hội trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của nước ta và nắm bắt nhanh nhạy những thành tựu lý luận của các nước anh em. Khoa học xã hội phải trở thành công cụ sắc bén trong việc đổi mới nhận thức, đổi mới phương pháp tư duy, xây dựng ý thức xã hội và nhân cách xã hội chủ nghĩa.

Đẩy mạnh sự kết hợp một cách hữu cơ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật. Mỗi phương án phát triển kinh tế đều phải xét đến tất cả các mặt kinh tế, kỹ thuật, xã hội, môi trường. Tập trung lực lượng giải quyết những vấn đề khoa học, kỹ thuật cấp bách, có hiệu quả thiết thực.

Lực lượng khoa học và kỹ thuật cần được tổ chức lại, bố trí và sử dụng có hiệu quả. Có cơ chế, chính sách và biện pháp đúng đắn nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ khoa học, cán bộ kỹ thuật phát huy lao động sáng tạo, hướng về cơ sở sản xuất, về các địa bàn kinh tế đang cần sự có mặt của họ. Đảng và Nhà nước cố gắng tạo những điều kiện thuận lợi để những người làm công tác khoa học, kỹ thuật hoạt động có kết quả, và đòi hỏi mọi người phải có cống hiến cho đất nước bằng những sáng chế, bằng kết quả đưa nhanh tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất, bằng việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội.

Các cơ quan khoa học cần được sắp xếp lại và bố trí hợp lý trên các vùng lãnh thổ, theo nguyên tắc *gắn chặt khoa học, kỹ thuật với sản xuất và đời sống*, nhằm sử dụng tiềm lực khoa học, kỹ thuật như một bộ phận cấu thành của lực lượng sản xuất xã hội, tạo điều kiện rút ngắn quá trình từ nghiên cứu đến sản xuất, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lắp, tản mạn. Theo nguyên tắc đó, chuyển một số cơ quan nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật chuyên ngành về trực thuộc các liên hiệp xí nghiệp hoặc xí nghiệp lớn. Mở rộng các hình thức liên kết giữa khoa học và sản xuất. Xây dựng các tổ chức liên hiệp khoa học—sản xuất với hình thức và quy mô thích

Digitized by Google

hợp. Tổ chức tốt hoạt động của các trung tâm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Tăng cường các bộ phận sản xuất thử cho các cơ quan nghiên cứu và triển khai. Phát huy hơn nữa vai trò của các trường đại học và trung học chuyên nghiệp trong công tác nghiên cứu triển khai theo nguyên tắc kết hợp chặt chẽ các khâu: khoa học – đào tạo – sản xuất. Thành lập một số trung tâm khoa học–kỹ thuật tổng hợp cho những vùng kinh tế quan trọng. Chuẩn bị điều kiện để thành lập Viện hàn lâm khoa học Việt nam.

Tăng mức đầu tư cho khoa học, kỹ thuật từ nhiều nguồn khác nhau: ngân sách Nhà nước, quỹ tự có của các cơ sở sản xuất, quỹ tập trung của ngành, tín dụng ưu đãi của ngân hàng, v.v. Coi trọng đầu tư chiều sâu và quản lý tốt để sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện có của các cơ quan khoa học–kỹ thuật.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả *hợp tác quốc tế* về khoa học và kỹ thuật. Thông qua hợp tác để nhanh chóng nắm bắt các thành tựu khoa học, kỹ thuật, tránh lãng phí do nghiên cứu trùng lắp. Gắn chặt hợp tác khoa học, kỹ thuật với hợp tác kinh tế. Xây dựng và thực hiện chính sách chuyển giao công nghệ có chọn lọc, kết hợp với công tác nghiên cứu và triển khai trong nước. Tích cực tham gia chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học, kỹ thuật theo các hướng ưu tiên của Hội đồng tương trợ kinh tế đến năm 2000.

Việc phát huy vai trò động lực của khoa học, kỹ thuật tùy thuộc một phần quan trọng ở cơ chế quản lý. Cơ chế quản lý kinh tế, quản lý khoa học–kỹ thuật phải đòi hỏi và khuyến khích việc sáng tạo và ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và kỹ thuật, đưa lại hiệu quả thiết thực. Áp dụng rộng rãi phương thức ký kết hợp đồng nghiên cứu và triển khai giữa các tổ chức khoa học, kỹ thuật với các tổ chức sản xuất, kinh doanh. Chuyển dần một số cơ sở nghiên cứu ứng dụng và triển khai kỹ thuật sang chế độ hạch toán kinh tế. Các cơ sở đó có quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về hoạt động khoa học, kỹ thuật của mình. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện chế độ mua sáng chế và hạch toán vào giá thành sản phẩm. Các chính sách và biện pháp về giá cả lợi nhuận, thuế, tín dụng, tiền lương, tiền thưởng, quỹ chuyên dùng... phải thật sự thôi thúc các cơ sở sản xuất, kinh doanh tìm đến khoa học, đặt hàng cho khoa học, sử dụng khoa học và kỹ thuật như yếu tố quyết định để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Các chế độ về bản quyền tác giả, khen thưởng việc tạo ra và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật phải được thực hiện đầy đủ. Hội đồng giải thưởng Nhà nước về khoa học và kỹ thuật phải hoạt động một cách thiết thực. Xây dựng và phát triển các hoạt động về sở hữu công nghiệp (như bản quyền sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa, v.v.).

Tăng cường hoạt động về tiêu chuẩn hóa, bảo đảm đo lường, kiểm nghiệm và quản lý chất lượng sản phẩm; gắn trách nhiệm và lợi ích của người sản xuất với chất lượng sản phẩm; xây dựng kỷ luật sản xuất theo tiêu chuẩn, định mức; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá và chứng nhận chất lượng sản phẩm; thể chế hóa và thực hiện nghiêm ngặt chế độ giám định công nghệ.

Tăng cường hệ thống thông tin kinh tế và khoa học, kỹ thuật, nâng cao năng lực bảo đảm thông tin cho công tác lãnh đạo và quản lý cho hoạt động nghiên cứu, triển khai và sản xuất. Tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận thông tin kinh tế và khoa học, kỹ thuật từ ngoài nước. Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng công tác thông tin đại chúng cả về nội dung và hình thức. Tổ chức tốt công tác lưu trữ; bảo vệ an toàn và sử dụng có hiệu quả tài liệu lưu trữ quốc gia.

Digitized by Google

Cách mạng khoa học – kỹ thuật là sự nghiệp của quần chúng. Đảng ta thi hành nhất quán chính sách đẩy mạnh *phong trào quần chúng* tiến quân vào khoa học và kỹ thuật. Chính sách đó khuyến khích các sáng kiến, cổ vũ việc phổ biến các kiến thức khoa học và kỹ thuật, tổng kết và áp dụng rộng rãi các kinh nghiệm và điển hình tiên tiến, động viên hàng chục triệu người tham gia các hoạt động khoa học, kỹ thuật thông qua lao động sáng tạo của mình.

Cán bộ lãnh đạo và quản lý các ngành, các cấp có vai trò quan trọng và trách nhiệm to lớn trong việc bảo đảm thực hiện thành công nhiệm vụ phát triển khoa học, kỹ thuật. Nâng cao hơn nữa trình độ của các cán bộ có trách nhiệm cho kịp yêu cầu của bước phát triển mới về khoa học, kỹ thuật.

5— Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế trong chặng đường đầu tiên cũng như sự nghiệp phát triển khoa học–kỹ thuật và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của nước ta tiến hành nhanh hay chậm, điều đó phụ thuộc một phần quan trọng vào việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Muốn kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, nước ta phải tham gia sự phân công lao động quốc tế; trước hết và chủ yếu là mở rộng quan hệ phân công, hợp tác toàn diện với Liên xô, Lào và Cam-pu-chia, với các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa; đồng thời tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học – kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi.

Chương trình tổng hợp của Hội đồng tương trợ kinh tế giúp đỡ và hợp tác với Việt nam đến năm 2000 theo những điều kiện ưu đãi là một thuận lợi lớn cho việc phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại và tiến hành công nghiệp hóa, xây dựng cơ cấu kinh tế mới của nước ta. Chúng ta phải chủ động cùng các nước anh em trong Hội đồng tương trợ kinh tế xây dựng chương trình này và làm tròn phần trách nhiệm của mình trong việc thực hiện chương trình. Việc bắt đầu cải tiến một cách cơ bản phương thức hoạt động của Hội đồng tương trợ kinh tế, cải tổ cơ cấu và các hình thức hợp tác kinh tế và khoa học – kỹ thuật giữa các nước thành viên đòi hỏi chúng ta đổi mới cơ chế quản lý, nhất là trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại cho phù hợp.

Trong toàn bộ công tác kinh tế đối ngoại, khâu quan trọng nhất là đẩy mạnh xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu.

Chương trình *xuất khẩu* cho những năm tới phải tính toán cụ thể và chính xác hiệu quả kinh tế của từng mặt hàng để lựa chọn các sản phẩm xuất khẩu có lợi nhất, xác định các sản phẩm xuất khẩu chủ lực, vừa có kim ngạch cao, vừa có điều kiện ổn định và phát triển cả về sản xuất và thị trường tiêu thụ. Trên cơ sở đó, có kế hoạch đầu tư đồng bộ từ nguyên liệu đến chế biến, bảo quản, vận chuyển, đi đôi với tổ chức sản xuất và lưu thông hợp lý, đổi mới cơ chế quản lý, sử dụng các chính sách đòn bẩy để thực hiện cho được chương trình xuất khẩu.

Trong cơ cấu xuất khẩu của những năm trước mắt, các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp chiếm vị trí quan trọng nhất. Tăng nhanh khối lượng sản phẩm, nâng cao trình độ chế biến, phấn đấu hạ giá thành, tăng hiệu suất thu ngoại tệ. Kiên quyết tổ chức tốt việc xuất khẩu nông sản sang vùng Viễn Đông của Liên xô, giành vị trí

Digitized by Google

ổn định và ngày càng tăng trên thị trường này.

Tận dụng nguồn lao động dồi dào và khéo tay để gia công cho nước ngoài, làm những sản phẩm thủ công, mỹ nghệ và một số hàng xuất khẩu khác, từ những sản phẩm thông thường đến những sản phẩm tinh vi; khai thác khả năng to lớn ấy để hợp tác với các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế.

Đẩy mạnh xuất khẩu các loại khoáng sản có hiệu suất thu ngoại tệ hợp lý.

Việc hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết với nước ngoài, thực hiện đúng các hợp đồng xuất khẩu cả về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng phải được đặt vào vị trí ưu tiên. Dù khó khăn, trở ngại đến đâu cũng nhất thiết phải làm cho được điều đó. Tăng cường kỷ luật giao hàng xuất khẩu theo kế hoạch, đồng thời gắn việc phân phối hàng nhập khẩu với việc thực hiện kế hoạch giao hàng xuất khẩu, không phân phối theo lối bao cấp, bình quân như trước.

Để khắc phục tình trạng kích giá, tranh mua hàng xuất khẩu, đi đôi với biện pháp hành chính và tổ chức, cần có chính sách thuế xuất khẩu, đặc biệt là đối với một số mặt hàng có hiệu suất thu ngoại tệ cao.

Cơ cấu *nhập khẩu* phải phù hợp và phục vụ tốt cho việc bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư. Để khắc phục tình trạng nhập khẩu không hợp lý, ngăn chặn việc nhập hàng xa xỉ, cần ban hành chính sách thuế nhập khẩu. Xử lý đúng và kịp thời giá bán hàng nhập khẩu để chống sử dụng lãng phí, chống thất thoát hàng và khuyến khích sản xuất, sử dụng hàng trong nước thay thế hàng nhập khẩu.

Hoạt động xuất, nhập khẩu phải chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương, trung ương thống nhất quản lý xuất, nhập khẩu theo kế hoạch, pháp luật và chính sách. Vấn đề quan trọng hàng đầu là đổi mới cơ chế quản lý đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu. Bên cạnh những quy định chung về quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị cơ sở cần bổ sung chính sách khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu, tạo điều kiện cho các đơn vị làm hàng xuất khẩu theo sát được nhu cầu, thị hiếu, giá cả và các điều kiện kinh doanh khác trên thị trường thế giới. Các đơn vị sản xuất có quy mô xuất khẩu tương đối lớn được trực tiếp giao dịch với khách hàng nước ngoài, theo sự quản lý của Bộ ngoại thương.

Sắp xếp hợp lý các tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu, loại bỏ những khâu trung gian và những thủ tục phiền hà; thống nhất đầu mối xuất, nhập khẩu đối với một số mặt hàng quan trọng, khắc phục tình trạng tranh mua trên thị trường trong nước và tranh mua, tranh bán trên thị trường ngoài nước. Các tổ chức kinh doanh được giao nhiệm vụ thống nhất đầu mối xuất, nhập khẩu phải hoạt động theo phương thức kinh doanh, không làm theo lối quan liêu, cửa quyền, bắt bí và gây phiền hà cho người làm hàng xuất khẩu hoặc người cần nhập khẩu. Việc hạch toán và phân chia lợi nhuận xuất khẩu phải sòng phẳng, công khai, để cho các cơ sở và địa phương thấy xuất khẩu qua tổ chức đầu mối có lợi hơn là tự mình xuất khẩu.

Ngân hàng ngoại thương thống nhất việc quản lý ngoại hối, song phải bảo đảm quyền sử dụng ngoại tệ của các chủ tài khoản ngoại tệ theo đúng chính sách của Nhà nước. Nghiên cứu chế độ mua, bán ngoại tệ qua ngân hàng ngoại thương để tạo điều kiện áp dụng khi ổn định được giá trị đồng tiền trong nước. Có cơ chế điều chỉnh kịp thời tỷ giá kết toán nội bộ về ngoại tệ, và tỷ giá hối đoái phi mậu dịch, kiều hối, không để lạc hậu so với

Digitized by Google

tình hình thực tế. Có chính sách khuyến khích Việt kiều gửi tiền và vật tư về nước, thay cho việc gửi hàng tiêu dùng.

Cùng với việc mở rộng xuất, nhập khẩu, tranh thủ vốn viện trợ và vay dài hạn, cần vận dụng nhiều hình thức đa dạng để phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại.

Mở rộng hơn nữa quan hệ hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, từ các hình thức bạn đưa gia công, liên doanh đến đầu tư trực tiếp, tăng cường quan hệ hợp tác, liên kết trực tiếp trong lĩnh vực sản xuất và khoa học giữa các tổ chức kinh tế, khoa học — kỹ thuật của nước ta với các tổ chức tương ứng của các nước anh em.

Công bố chính sách khuyến khích nước ngoài đầu tư vào nước ta dưới nhiều hình thức, nhất là đối với các ngành và cơ sở đòi hỏi kỹ thuật cao, làm hàng xuất khẩu. Đi đôi với việc công bố luật đầu tư, cần có các chính sách và biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài và Việt kiều vào nước ta để hợp tác kinh doanh.

Coi trọng việc tổ chức, động viên Việt kiều góp phần xây dựng đất nước bằng nhiều cách, bao gồm cả đầu tư kỹ thuật và vốn; phát huy khả năng của kiều bào trong việc giúp đỡ mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, các công ty, các tổ chức kinh tế ở nước ngoài.

Đẩy mạnh hợp tác khoa học, kỹ thuật và đào tạo cán bộ, công nhân. Tổ chức tốt việc đưa lao động và chuyên gia đi làm việc theo hợp đồng ở nước ngoài dưới nhiều hình thức; chú ý tới hình thức nhận thầu đồng bộ công trình xây dựng và các loại dịch vụ. Nhanh chóng khai thác các điều kiện thuận lợi của đất nước để mở mang du lịch bằng vốn đầu tư trong nước và hợp tác với nước ngoài. Phát triển vận tải quốc tế, dịch vụ cung ứng tàu biển và máy bay...

Trong quan hệ liên minh đặc biệt với Lào và Cam-pu-chia về kinh tế, khoa học — kỹ thuật, cần coi trọng hiệu quả thiết thực, bảo đảm cho nền kinh tế của cả ba nước đều có lợi và cùng phát triển. Nhanh chóng đi ngay vào phân công, hợp tác sản xuất, phối hợp đầu tư trong những lĩnh vực có điều kiện; tăng nhanh khối lượng trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa ba nước. Tiếp tục giúp Lào và Cam-pu-chia điều tra cơ bản, phân vùng quy hoạch, đào tạo cán bộ.

Việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại sẽ làm nảy sinh những vấn đề phức tạp, cần có biện pháp hạn chế và ngăn ngừa những hiện tượng tiêu cực, song không vì thế mà đóng cửa lại. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về phẩm chất và năng lực kinh doanh cho đội ngũ cán bộ làm kinh tế đối ngoại, kể cả những cán bộ chuyên làm công tác này và những cán bộ ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh có quan hệ giao dịch với nước ngoài.

Thưa các đồng chí,

Dưới đây xin trình bày một số *phương hướng, nhiệm vụ của chính sách xã hội.*

Chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người: điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hóa, quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc... Cần thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội, tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế. Ngay trong khuôn khổ của

Digitized by Google

hoạt động kinh tế, chính sách xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, là một nhân tố quan trọng để phát triển sản xuất. Do đó, *cần có chính sách xã hội cơ bản, lâu dài* và xác định được những nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên.

Trong việc *phát huy yếu tố con người* và lấy việc *phục vụ con người* làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động, cần có kế hoạch chủ động xây dựng cơ cấu giai cấp của xã hội mới, cụ thể hóa và thực hiện đúng chính sách dân tộc và chính sách tự do tín ngưỡng.

Cùng với việc tiến tới xóa bỏ cơ sở kinh tế — xã hội của sự bất công xã hội, phải đấu tranh kiên quyết chống những hiện tượng tiêu cực, làm cho những nguyên tắc công bằng xã hội, và lối sống lành mạnh được khẳng định trong cuộc sống hằng ngày của xã hội ta.

1 – Kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động.

Phấn đấu *hạ bằng được tỷ lệ phát triển dân số* đến năm 1990 xuống 1,7%. Các cấp đảng, chính quyền và đoàn thể phải chỉ đạo chặt chẽ và thường xuyên cuộc vận động kế hoạch hóa dân số, coi đó là một điều kiện quan trọng để tăng thu nhập quốc dân bình quân đầu người, thực hiện các mục tiêu kinh tế — xã hội.

Đi đôi với đầu tư mở rộng mạng lưới bảo đảm kỹ thuật phục vụ cho việc sinh đẻ có kế hoạch, cần sửa đổi các chính sách, chế độ của Nhà nước, coi trọng các biện pháp giáo dục, văn hóa nhằm thay đổi tâm lý, tập quán của nhân dân, trước nhất là nam nữ thanh niên, đối với việc kế hoạch hóa gia đình. Chỉ đạo thực hiện đúng Luật hôn nhân và gia đình sau khi được Quốc hội thông qua.

Bảo đảm việc làm cho người lao động, trước hết là ở thành thị và cho thanh niên, là nhiệm vụ kinh tế — xã hội hàng đầu trong những năm tới. Nhà nước cố gắng tạo thêm việc làm và có chính sách để người lao động tự tạo ra việc làm bằng cách khuyến khích phát triển kinh tế gia đình, khai thác mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế khác, kể cả thành phần kinh tế tư bản tư nhân. Ban hành và thực hiện Luật lao động.

Phương hướng giải quyết việc làm là mở mang ngành nghề tại chỗ để thu hút số lao động thừa và mới tăng, đi đôi với phân bố lao động đến các địa bàn khác, vừa nhằm vào lĩnh vực nông nghiệp, vừa phát triển thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp, dịch vụ và các ngành sản xuất khác, làm hàng xuất khẩu và gia công.

Mở rộng hợp tác lao động với nước ngoài kết hợp với việc đào tạo tay nghề cho thanh niên và nâng cao trình độ cho chuyên gia, bố trí cơ cấu ngành nghề thích hợp; chọn lựa người đúng tiêu chuẩn; quản lý chặt chẽ về tổ chức và tư tưởng. Cùng với nước sở tại, chăm sóc đời sống vật chất, văn hóa của những người đi lao động ở nước đó; tổ chức chu đáo việc gửi tiền, hàng hóa về cho gia đình. Sắp xếp việc làm cho những người đã làm việc, học nghề ở nước ngoài về.

Đẩy mạnh công tác định canh, định cư ở miền núi gắn liền với việc quy hoạch, xây dựng kinh tế trên địa bàn huyện. Bổ sung chính sách đối với việc xây dựng các vùng kinh tế mới và công tác định canh, định cư, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, tạo điều kiện cho người mới đến ổn định sản xuất và đời sống.

Trong khu vực Nhà nước, giảm mạnh số lao động gián tiếp và quản lý hành chính, chuyển sang sản xuất và dịch vụ.

Digitized by Google

2 — Thực hiện công bằng xã hội, lối sống có văn hóa; bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Bảo đảm cho người lao động có thu nhập thỏa đáng phụ thuộc trực tiếp vào kết quả lao động, có tác dụng khuyến khích nhiệt tình lao động. Tôn trọng lợi ích chính đáng của những hoạt động kinh doanh, dịch vụ hợp pháp, có ích cho xã hội. Ngăn chặn và xử lý nghiêm khắc các nguồn thu nhập bất chính. Kết hợp sức mạnh của các cơ quan chức năng và sự đấu tranh của quần chúng, nghiêm trị những kẻ phạm pháp bất kỳ ở cương vị nào. Việc phê bình công khai trên báo là quyền chính đáng của mọi công dân, cần được thực hiện có nền nếp. Bảo đảm sự công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ đối với mọi công dân, chống đặc quyền, đặc lợi.

Xây dựng nền nếp sống và làm việc theo pháp luật, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động của Nhà nước và sinh hoạt xã hội; nêu cao tính tự giác, ý thức tự trọng của mỗi người kết hợp với các biện pháp giáo dục và hành chính của các tổ chức xã hội và các cơ quan Nhà nước. Sự quan tâm đến con người và thái độ tôn trọng lẫn nhau phải trở thành một tiêu chuẩn đạo đức trong mọi hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, nhất là trong các dịch vụ phục vụ đông đảo nhân dân.

3 — Chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân.

Trên cơ sở phát triển sản xuất, tăng thêm thu nhập quốc dân, từng bước mở rộng quỹ tiêu dùng xã hội, làm cho nó giữ vị trí ngày càng lớn trong việc phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa và các sự nghiệp phúc lợi khác.

Về sự nghiệp giáo dục.

Giáo dục nhằm mục tiêu hình thành và phát triển toàn diện nhân cách xã hội chủ nghĩa của thế hệ trẻ, đào tạo đội ngũ lao động có kỹ thuật, đồng bộ về ngành nghề, phù hợp với yêu cầu phân công lao động của xã hội. Sự nghiệp giáo dục, nhất là giáo dục đại học và chuyên nghiệp, trực tiếp góp phần vào việc đổi mới công tác quản lý kinh tế và xã hội. Tổng kết kinh nghiệm thực hiện cải cách giáo dục, điều chỉnh, nâng cao chất lượng của cuộc cải cách này. Phát triển có kế hoạch hệ thống giáo dục, từ giáo dục mầm non đến đại học và trên đại học, bảo đảm chất lượng và hiệu quả đào tạo. Bố trí hợp lý cơ cấu hệ thống giáo dục, thể hiện tính thống nhất của quá trình giáo dục, bao gồm nhiều hình thức: đào tạo và bồi dưỡng, chính quy và không chính quy, tập trung và tại chức. Mục tiêu đào tạo của từng loại hình trường học phải được cụ thể hóa thành các kế hoạch đào tạo và các tiêu chuẩn đánh giá kết quả đào tạo. Cải tiến chế độ thi cử, cấp chứng chỉ, văn bằng và học vị theo hướng bảo đảm chất lượng và sự công minh.

Xây dựng ngành giáo dục mầm non, nâng cao chất lượng nuôi dạy trẻ em, phát triển các lớp mẫu giáo. Xóa bỏ nạn mù chữ còn lại ở một số địa phương, hoàn thành cơ bản phổ cập cấp I cho trẻ em, phổ cập cấp II ở những nơi có điều kiện, từng bước mở rộng giáo dục phổ thông trung học bằng nhiều hình thức. Các trường phổ thông phải dạy kiến thức phổ thông cơ bản, lao động, kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông. Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục ở miền núi; thực hiện chủ trương dùng tiếng nói và chữ viết dân tộc cùng với tiếng phổ thông.

Digitized by Google

Mở rộng và củng cố các trường, các lớp dạy nghề để đào tạo, bồi dưỡng công nhân lành nghề, phát triển các trung tâm dạy nghề rộng rãi cho thanh niên và nhân dân lao động. Sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý, nhanh chóng hình thành đội ngũ cán bộ chuyên môn đầu ngành. Đi đôi với việc nâng cao chất lượng đào tạo chuyên môn và năng lực thực hành, coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, pháp luật, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng. Kết hợp giảng dạy, học tập với lao động sản xuất, thực nghiệm và nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Chuẩn bị cho thanh niên bước vào cuộc sống lao động sản xuất và chiến đấu, hiểu và làm tốt nghĩa vụ công dân.

Thường xuyên bồi dưỡng phẩm chất và năng lực cho cán bộ giáo dục và giáo viên. Nâng cao vị trí xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của những người dạy học. Có chính sách học bổng hợp lý đối với học sinh các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Kế hoạch phát triển giáo dục phải gắn bó với kế hoạch phát triển kinh tế — xã hội ở từng địa phương và trong cả nước. Đầu tư đúng mức cho sự nghiệp giáo dục nhằm trước hết bảo đảm đủ sách giáo khoa và cơ sở cần thiết cho dạy và học. Ngoài ngân sách của Nhà nước, cần quy định rõ sự đóng góp của các ngành và các địa phương, các tổ chức kinh tế và xã hội cho sự nghiệp giáo dục. Tranh thủ sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục. Chuẩn bị ban hành Luật giáo dục.

Về hoạt động văn hóa, văn nghệ.

Công tác văn hóa, văn học, nghệ thuật phải được nâng cao chất lượng. Mỗi hoạt động văn hóa, văn nghệ đều phải tính đến hiệu quả xã hội, tác động tốt đến tư tưởng, tâm lý, tình cảm, nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ thẩm mỹ của nhân dân. Quan tâm đáp ứng nhu cầu, thị hiếu lành mạnh của các tầng lớp xã hội và các lứa tuổi.

Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa quần chúng thành nền nếp, nhất là trong thanh niên, khắc phục lệnh phô trương, hình thức. Xây dựng và sử dụng các hệ thống thư viện, câu lạc bộ, nhà văn hóa, viện bảo tàng, nhà truyền thống từ trung ương đến cơ sở, ở các ngành và các địa phương. Quản lý chặt chẽ công tác xuất bản, công tác điện ảnh, và phát hành sách, báo, phim ảnh. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng, nâng cao chất lượng thông tin; đưa đến tận các đơn vị cơ sở ở các vùng đất nước những giá trị văn hóa, nghệ thuật của dân tộc và thế giới, những kiến thức phổ thông và hiện đại về khoa học, kỹ thuật. Đưa văn hóa, văn nghệ đến vùng rừng núi và nông thôn hẻo lánh. Coi trọng nghệ thuật kiến trúc vừa dân tộc, vừa hiện đại, giản dị trong việc xây dựng các công trình văn hóa cũng như dân dụng, các khu dân cư.

Cải tiến chính sách đối với người làm công tác nghệ thuật chuyên nghiệp, đãi ngộ xứng đáng lao động nghệ thuật, động viên sáng tạo, khuyến khích tài năng. Kết hợp giữa cơ quan Nhà nước với các hội sáng tạo văn học, nghệ thuật và các đoàn thể quần chúng khác, theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo của cá nhân và tập thể văn nghệ sĩ, liên hệ với quần chúng lao động. Nhà nước cùng với nhân dân xây dựng những cơ sở vật chất — kỹ thuật cần thiết cho văn hóa và nghệ thuật, giữ gìn và tôn tạo những di tích lịch sử, văn hóa. Hoàn thành việc sưu tầm vốn văn hóa và nghệ thuật các dân tộc, khuyến khích tìm tòi và thể nghiệm, bảo đảm cho các đơn vị nghệ thuật hoạt động ổn định và ngày một nâng cao chất

Digitized by Google

lượng, ngăn chặn khuynh hướng thương mại và các hiện tượng tiêu cực khác.

Chống những tàn tích văn hóa phong kiến, thực dân, tư sản. Làm thất bại âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch biến văn hóa, văn nghệ thành phương tiện gieo rắc tâm lý bi quan và lối sống sa đọa. Bài trừ mê tín dị đoan, hủ tục.

Về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

Sức khỏe của nhân dân, tương lai của giống nòi là mối quan tâm thường xuyên của Đảng và Nhà nước ta, là trách nhiệm của tất cả các ngành, các đoàn thể, là trách nhiệm và lợi ích thiết thân của mỗi công dân.

Trên cơ sở tiếp tục quán triệt các quan điểm y học dự phòng, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền và phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm », trước mắt tập trung sức *nâng cao chất lượng các hoạt động y tế* và đạt được tiến bộ rõ rệt trong việc chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

Có biện pháp tích cực và chính sách thích hợp nhanh chóng củng cố mạng lưới y tế, nhất là y tế huyện, quận và cơ sở. Phát động rộng rãi phong trào quần chúng và huy động lực lượng các ngành tham gia bảo vệ và làm sạch môi trường, phòng và chống dịch, phòng và chống các bệnh xã hội, nghề nghiệp.. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác khám và chữa bệnh. Tăng cường giáo dục cán bộ, nhân viên y tế về thái độ, tinh thần phục vụ. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, cải cách công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế, không ngừng nâng cao trình độ của nền y học và y tế nước ta. Cố gắng đầu tư thêm cho công tác y tế và chăm lo tốt hơn đời sống vật chất, văn hóa của đội ngũ cán bộ y tế.

Phát triển sản xuất dược phẩm và thiết bị, dụng cụ y tế. Mở rộng nuôi trồng, chế biến và sử dụng có hiệu quả thuốc ta. Có chính sách đầu tư để hình thành các vùng dược liệu tập trung, tạo nguồn nguyên liệu cho sản xuất dược phẩm và cho xuất khẩu, mở rộng sản xuất hóa dược, xây dựng công nghiệp kháng sinh. Nâng cao năng lực xuất khẩu để nhập khẩu những thứ chưa sản xuất được. Xây dựng ngành công nghiệp dược phẩm.

Tranh thủ sự hợp tác quốc tế và sử dụng đúng các nguồn viện trợ trong lĩnh vực bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Cùng với công tác y tế, *công tác thể dục, thể thao* góp phần khôi phục và tăng cường sức khỏe của nhân dân.

Mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào thể dục, thể thao quần chúng, từng bước đưa việc rèn luyện thân thể thành thói quen hằng ngày của nhân dân đông đảo, trước hết là của thế hệ trẻ. Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong các trường học. Củng cố và mở rộng hệ thống trường, lớp năng khiếu thể thao, phát triển lực lượng vận động viên trẻ. Lựa chọn và tập trung sức nâng cao thành tích một số môn thể thao. Coi trọng việc giáo dục đạo đức, phong cách thể thao xã hội chủ nghĩa. Cố gắng bảo đảm các điều kiện về cán bộ, về khoa học, kỹ thuật, cơ sở vật chất, và nhất là về tổ chức, quản lý cho công tác thể dục, thể thao.

4 — Xây dựng chính sách bảo trợ xã hội.

Nước ta vừa trải qua cuộc chiến đấu lâu dài và hiện nay vẫn phải làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và nghĩa vụ quốc tế, số lượng thương binh, cựu binh, gia đình liệt sĩ rất lớn. Số người về hưu trong xã hội ngày càng đông.

Từng bước xây dựng chính sách bảo trợ xã hội xã hội chủ nghĩa đối với toàn dân, theo phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm », mở rộng

Digitized by Google

và phát triển các công trình sự nghiệp bảo trợ xã hội, tạo lập nhiều hệ thống và hình thức bảo trợ xã hội cho những người có công với cách mạng và những người gặp khó khăn. Nghiên cứu bổ sung chính sách, chế độ bảo trợ xã hội phù hợp với quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xã hội

Thực hiện đúng chế độ về hưu. Tổ chức tốt hơn việc phục vụ về xã hội, y tế, văn hóa, thông tin cho người về hưu. Thu hút các cán bộ hoạt động cách mạng lâu năm, các cựu chiến binh, thương binh tham gia hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội bằng nhiều hình thức phù hợp với sức khỏe và kinh nghiệm của mỗi người, nhất là tham gia công tác giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ.

Có kế hoạch và biện pháp thiết thực thu hút những người còn khả năng lao động tham gia các hoạt động sản xuất, dịch vụ, tổ chức dạy nghề và dành những nghề thích hợp cho thương binh. Ưu tiên sắp xếp việc làm, tuyển lao động, tuyển sinh và chăm lo việc học của thương binh, con liệt sĩ, quân nhân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự

Tổ chức nuôi dưỡng và chăm sóc chu đáo thương binh, bệnh binh nặng, thân nhân liệt sĩ và những người có công với cách mạng già yếu, không nơi nương tựa. Chăm sóc trẻ mồ côi, người tàn tật, người già cô đơn.

Gia đình là tế bào của xã hội, có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, con người mới. Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng cần đề ra phương hướng, chính sách và có biện pháp tổ chức thực hiện về xây dựng gia đình văn hóa mới, bảo đảm hạnh phúc gia đình. Nâng cao trình độ tự giác xây dựng những quan hệ tình cảm, đạo đức trong từng gia đình, bảo đảm sinh đẻ có kế hoạch và nuôi dạy con ngoan, tổ chức cuộc sống vật chất, văn hóa của gia đình.

Nhà ở là một trong những vấn đề cơ bản trong chính sách xã hội của Nhà nước ta. Xây dựng một chính sách toàn diện về vấn đề nhà ở, huy động nhiều hơn vốn đầu tư của Nhà nước, của các đơn vị tập thể và nhân dân để phát triển vật liệu xây dựng, xây thêm nhà ở. Thực hiện việc phân phối công bằng nhà ở tại các thành phố và thị xã.

5 — Thực hiện đúng chính sách giai cấp và chính sách dân tộc.

Chính sách giai cấp (bao gồm chính sách đối với mỗi giai cấp và chính sách xử lý mối quan hệ giữa các lợi ích của các giai cấp) và *chính sách dân tộc* luôn luôn là một bộ phận trọng yếu trong chính sách xã hội.

Trong thời kỳ quá độ, cơ cấu giai cấp xã hội cũ dần dần được thay thế bằng cơ cấu giai cấp của xã hội mới. Quá trình đó cần được thực hiện có kế hoạch gắn liền với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế — xã hội.

Cần có quan điểm đúng đắn và thống nhất, kèm theo những chính sách, biện pháp có hiệu quả xây dựng toàn diện giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa, làm cho nền tảng chính trị — xã hội của xã hội mới ngày càng vững chắc, ưu thế của lực lượng xã hội chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường ngày càng được phát huy mạnh mẽ. Tiến hành điều tra cơ bản, nắm chắc cơ cấu giai cấp và xã hội của cả nước và từng địa phương sau hơn mười năm cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát hiện những vấn đề cần được giải quyết về mặt chính sách giai cấp.

Các cấp lãnh đạo phải quan tâm đầy đủ và có sự nhạy cảm đối với dư luận và nguyện vọng của quần chúng để điều chỉnh, bổ sung các chính sách, nhất là trong các vấn đề quan hệ tới

Digitized by Google

lợi ích thiết thân của mỗi giai cấp và tầng lớp xã hội.

Sự nghiệp dầy mạnh ba cuộc cách mạng ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số đòi hỏi tăng cường công tác nghiên cứu về dân tộc học và công tác điều tra xã hội học, hiểu biết đầy đủ những khác biệt cụ thể của từng vùng, từng dân tộc. Trên cơ sở đó, bổ sung, cụ thể hóa và thực hiện tốt hơn chính sách dân tộc, tránh những sai lầm rập khuôn hoặc chủ quan áp đặt những hình thức tổ chức không phù hợp trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở các vùng dân tộc.

Đầu tư thêm và tập trung sự cố gắng của các ngành, các cấp, kết hợp với động viên tinh thần tự lực, tự cường của nhân dân các dân tộc để khai thác, bảo vệ và phát triển thế mạnh về kinh tế ở các vùng có đồng bào dân tộc thiểu số cư trú. Đẩy mạnh công tác định canh, định cư, ổn định sản xuất và đời sống của đồng bào trước hết ở các vùng cao, biên giới, các vùng căn cứ cũ của cách mạng và kháng chiến.

Trong việc phát triển kinh tế, xã hội ở những nơi có đông đồng bào các dân tộc thiểu số, cần thể hiện đầy đủ chính sách dân tộc, bảo đảm phát triển mối quan hệ tốt đẹp gắn bó giữa các dân tộc trên tinh thần đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ nhau, cùng làm chủ tập thể, kết hợp phát triển kinh tế và phát triển xã hội, đẩy mạnh sản xuất và chăm lo đời sống con người, kể cả những người từ nơi khác đến và dân tại chỗ.

Kế hoạch đưa đồng bào miền xuôi lên miền núi để thực hiện sự phân bố lại lao động xã hội trên phạm vi cả nước, cần bao gồm cả kế hoạch hình thành cơ cấu giai cấp xã hội mới của vùng các dân tộc. Thực hành những hình thức, biện pháp thích hợp thu hút đồng bào các dân tộc tại chỗ tham gia quá trình phát triển kinh tế với tư cách là người làm chủ thật sự bình đẳng.

Sự phát triển mọi mặt của từng dân tộc đi liền với sự củng cố, phát triển của cộng đồng các dân tộc trên đất nước ta. Sự tăng cường tính cộng đồng, tính thống nhất là một quá trình hợp quy luật, nhưng tính cộng đồng, tính thống nhất không mâu thuẫn, không bài trừ tính đa dạng, tính độc đáo trong bản sắc của mỗi dân tộc. Tình cảm dân tộc, tâm lý dân tộc sẽ còn tồn tại lâu dài và là một lĩnh vực nhạy cảm. Trong khi xử lý các mối quan hệ dân tộc, phải có thái độ thận trọng đối với những gì liên quan đến lợi ích của mỗi dân tộc, tình cảm dân tộc của mỗi người. Chống những thái độ, hành động biểu thị tư tưởng « dân tộc lớn » và những biểu hiện của tư tưởng dân tộc hẹp hòi.

PHẦN THỨ BA

NHIỆM VỤ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA

MỘT vấn đề có tính quy luật của cách mạng trong thời đại hiện nay là sự kết hợp cuộc đấu tranh của nhân dân mỗi nước với cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới. Thắng lợi của cách mạng mỗi nước cũng là thắng lợi của cả loài người tiến bộ trong cuộc đấu tranh

Digitized by Google

chung chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác.

Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thể hiện sinh động sự kết hợp sức mạnh của dân tộc ta với sức mạnh của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Ngày nay sự nghiệp cách mạng của nước ta càng có nhiều điều kiện thuận lợi mở rộng sự hợp tác và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

Trong những năm tới, *nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước ta trên lĩnh vực đối ngoại là ra sức kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, phấn đấu giữ vững hòa bình ở Đông dương, góp phần tích cực giữ vững hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới, củng cố quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông dương, củng cố quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.*

Hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta phải phục vụ cho cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, làm thất bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, tiếp tục làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với Cam-pu-chia và Lào. Chúng ta cần tranh thủ những điều kiện thuận lợi mới về hợp tác kinh tế và khoa học, kỹ thuật, tham gia ngày càng rộng rãi việc phân công và hợp tác trong Hội đồng tương trợ kinh tế, đồng thời tranh thủ mở rộng quan hệ với các nước khác.

Tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên xô luôn luôn là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Liên xô — Tổ quốc của V. I. Lê-nin vĩ đại, quê hương của Cách mạng Tháng Mười mà năm tới chúng ta sẽ kỷ niệm lần thứ 70 — là biểu tượng sáng ngời của sức mạnh và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội và của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa. Đảng ta, một lần nữa bày tỏ sự ủng hộ hoàn toàn chính sách đối nội và đối ngoại được thông qua tại Đại hội lần thứ XXVII Đảng cộng sản Liên xô, ủng hộ hoàn toàn Cương lĩnh (bản việt mới) của Đảng cộng sản Liên xô, coi đó là một mẫu mực của sự vận dụng sáng tạo học thuyết mác xít — lê nin nít. Trên cơ sở Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt — Xô, chúng ta ra sức phấn đấu, không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác về mọi mặt vì lợi ích của hai nước, đồng thời tăng cường sự phối hợp với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác trong cuộc đấu tranh vì hòa bình và cách mạng trên thế giới, trước hết là ở khu vực châu Á — Thái bình dương.

Các cuộc gặp gỡ cấp cao của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt nam và Liên xô, mới đây là cuộc gặp tháng 11 vừa qua giữa đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh và đồng chí Tổng bí thư M. X. Goóc-ba-chốp thể hiện sự nhất trí cao giữa hai đảng và hai nhà nước, đánh dấu những bước phát triển không ngừng của tình đoàn kết anh em và quan hệ hợp tác toàn diện giữa nước ta với Liên xô.

Đảng ta nhận thức sâu sắc rằng: phát triển và củng cố mối quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông dương, đoàn kết và tôn trọng độc lập, chủ quyền của mỗi nước, hợp tác toàn diện, giúp đỡ lẫn nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là quy luật sống còn và phát triển của cả ba dân tộc anh em. Bằng những biện pháp thiết thực và có hiệu quả, chúng ta ra sức phát triển quan hệ giữa nước ta với Lào và Cam-pu-chia, làm cho mỗi nước và cả ba nước ngày càng vững mạnh, làm thất bại âm mưu và thủ đoạn chia rẽ

Digitized by Google

của kẻ thù. Trước sau như một, Việt nam trung thành với nghĩa vụ quốc tế của mình đối với cách mạng Lào và cách mạng Cam-pu-chia. Chúng ta coi mỗi thành tựu trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc của hai nước anh em như thành tựu của chính mình, cũng như mỗi thành tựu của chúng ta đều không tách rời tình đoàn kết, sự ủng hộ và giúp đỡ của Đảng, Nhà nước và nhân dân hai nước anh em.

Chúng ta tiếp tục tăng cường quan hệ hữu nghị và sự hợp tác với các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế: Ba lan, Bun-ga-ri, Cu-ba, Cộng hòa dân chủ Đức, Hung-ga-ri, Mông cổ, Ru-ma-ni, Tiệp khắc. Chúng ta cũng mở rộng quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác: An-ba-ni, Triều tiên..

Cuộc gặp gỡ các Tổng bí thư và Bí thư thứ nhất của các đảng các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế vừa qua ở Mát-xcơ-va đánh dấu một bước phát triển mới trong việc nâng cao trình độ hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, phục vụ sự nghiệp đẩy nhanh tiến bộ của các nước anh em. Điều làm cho chúng ta đặc biệt phấn khởi là các đồng chí lãnh đạo các nước anh em đã nhất trí về sự cần thiết đề ra một chương trình nâng cao hiệu quả hợp tác và giúp đỡ của Hội đồng tương trợ kinh tế đối với Việt nam, Cu-ba và Mông cổ phù hợp với đặc điểm của mỗi nước. Theo khả năng của mình, nước ta cố gắng góp phần vào việc nâng cao hiệu quả của sự hợp tác kinh tế, khoa học, kỹ thuật trong Hội đồng tương trợ kinh tế, cùng các nước anh em củng cố sự thống nhất, tăng cường sức mạnh và phát huy ảnh hưởng của cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta tích cực tham gia chương trình hợp tác tiến bộ khoa học—kỹ thuật giữa các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế. Với ý thức tự lực, tự cường và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, nhân dân ta ra sức khai thác tốt mọi khả năng của đất nước vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời làm tròn nghĩa vụ và những cam kết của mình vì sự nghiệp củng cố và tăng cường sức mạnh chung của cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Là một đội ngũ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Đảng ta tích cực góp phần vào việc tăng cường đoàn kết của phong trào trên cơ sở chủ nghĩa Mác—Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, tăng cường sự hợp tác giữa các đảng anh em trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta ủng hộ một cách nhất quán và triệt để phong trào đấu tranh giải phóng và độc lập dân tộc, lên án chính sách của các giới đế quốc, trước hết là đế quốc Mỹ, tiến hành chống phá hòng xóa bỏ thành quả cách mạng của các nước độc lập trẻ tuổi. Chúng ta đoàn kết với các phong trào giải phóng dân tộc, các lực lượng độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền của mỗi nước và quyền bình đẳng giữa các nước, vì một trật tự kinh tế thế giới mới, chống chủ nghĩa thực dân dưới mọi hình thức, chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa a pác thai, chủ nghĩa xi ôn. Chúng ta ủng hộ mạnh mẽ và nêu cao tinh đoàn kết, sự hợp tác với các nước độc lập đã lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa.

Là một thành viên của Phong trào không liên kết, chúng ta phấn khởi trước sự trưởng thành và vai trò ngày càng to lớn của phong trào trong đời sống chính trị quốc tế, trong đó có những đóng góp quan trọng của Cộng hòa Cu-ba và Cộng hòa Ấn độ. Chủ tịch phong trào trong hai khóa thứ sáu và thứ bảy đầy khó khăn vừa qua. Chúng ta hoàn toàn tán thành những

Digitized by Google

mục tiêu cao cả là hòa bình, giải trừ quân bị, độc lập dân tộc do Hội nghị cấp cao lần thứ tám của Phong trào không liên kết đề ra và kiên quyết góp phần xứng đáng vào bước phát triển mới của phong trào.

Chúng ta ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh anh dũng của giai cấp công nhân và nhân dân ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, chống sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, chống chạy đua vũ trang hạt nhân, vì hòa bình, dân chủ, việc làm và cải thiện mức sống. Chúng ta ủng hộ chính sách đoàn kết, tập hợp mọi lực lượng dân chủ và tiến bộ của các đảng cộng sản và công nhân anh em.

Đảng và Nhà nước ta ủng hộ chính sách của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu xây dựng một nền hòa bình và an ninh vững chắc ở châu Âu trên cơ sở tôn trọng thực trạng lãnh thổ—chính trị đã hình thành từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai. Chính sách ấy thể hiện trong cuộc sống tinh thần của các hội nghị Hen-xin-ki, Xtốc-khôm, góp phần vào việc phát triển quan hệ láng giềng tốt và hợp tác hòa bình giữa các nước có chế độ kinh tế xã hội khác nhau ở châu Âu.

Là một dân tộc đã từng chịu đựng nhiều hy sinh trong cuộc đấu tranh lâu dài vì độc lập, tự do, chúng ta thông cảm sâu sắc và bày tỏ tình đoàn kết chiến đấu, sự ủng hộ mạnh mẽ đối với nhân dân châu Phi, đặc biệt là nhân dân các nước miền nam châu Phi, đang kiên cường đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa a pác thai. Chúng ta luôn luôn đứng bên cạnh nhân dân các nước Ăng-gô-la, Ê-ti-ô-pi-a, Mô-dăm-bích trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập của mình và xây dựng cuộc sống mới. Cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Phi dưới sự lãnh đạo của Đại hội dân tộc Phi (ANC) chống chế độ cầm quyền độc tài, của nhân dân Na-mi-bi-a dưới sự lãnh đạo của tổ chức SWAPO, đòi trả lại độc lập, của nhân dân các nước tiền tuyến châu Phi chống chế độ phân biệt chủng tộc Nam Phi nhất định thắng lợi. Chúng ta ủng hộ những cố gắng của Dim-ba-bu-ê, nước tiền tuyến châu Phi, trẻ tuổi, đang đảm nhiệm vai trò Chủ tịch Phong trào không liên kết và tích cực góp phần vào việc giải quyết những vấn đề nóng bỏng của châu Phi.

Chúng ta đoàn kết chặt chẽ với nhân dân các nước anh em An-giê-ri và Cộng hòa dân chủ nhân dân Y-ê-men đang xây dựng cuộc sống mới. Chúng ta ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Xa-ra-uy củng cố và hoàn thành nền độc lập của mình. Chúng ta đòi Mỹ và các nước đế quốc khác phải từ bỏ âm mưu bao vây kinh tế và những hành động chống Li-bi và Xy-ri. Chúng ta kịch liệt lên án I-xra-en tiếp tục chiếm đóng một phần lãnh thổ của Li-băng, kiên quyết ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Pa-le-xtin mà Tổ chức giải phóng Pa-le-xtin (PLO) là người đại diện, vì những quyền dân tộc cơ bản thiêng liêng của mình; kiên quyết ủng hộ nhân dân các nước A-rập khác chống chủ nghĩa xi ôn của I-xra-en được Mỹ giúp sức.

Những người cộng sản và nhân dân ta hết sức vui mừng trước những thắng lợi rực rỡ của nhân dân Cu-ba trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, của đất nước Ni-ca-ra-goa anh hùng, sục sôi tinh thần chiến đấu, đang bảo vệ những thành quả cách mạng của mình, của nhân dân En Xan-va-đo dưới sự lãnh đạo của Mặt trận giải phóng dân tộc Pha-ra-bun-đô Mác-ti trong cuộc đấu tranh bất khuất chống sự can thiệp của chủ nghĩa đế quốc Mỹ và chế độ độc tài phát xít

Đảng và Nhà nước ta kiên trì thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình và

Digitized by Google

hữu nghị. Chúng ta chủ trương và ủng hộ chính sách cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau, loại trừ chiến tranh xâm lược và mọi hình thức của chủ nghĩa khủng bố, nhất là chủ nghĩa khủng bố Nhà nước mà chủ nghĩa đế quốc Mỹ coi là một quốc sách của họ. Chúng ta ủng hộ những cố gắng không mệt mỏi của Liên xô nhằm loại trừ vũ khí hạt nhân, thiết lập một hệ thống an ninh quốc tế toàn diện cả về quân sự, chính trị, kinh tế và xã hội. Chúng ta đòi hỏi phía Mỹ phải có thái độ nghiêm chỉnh trong quan hệ với Liên xô, cùng Liên xô thảo luận để tìm ra những biện pháp cụ thể và thực tế nhằm ngăn chặn chạy đua vũ trang, trước mắt là chấm dứt các cuộc thử vũ khí hạt nhân. Chúng ta vạch trần thái độ ngoan cố của Mỹ không chịu từ bỏ cuộc chạy đua vũ trang cả trên trái đất và trong khoảng không vũ trụ, gây thêm tình hình căng thẳng trong các quan hệ quốc tế.

Trong tình hình châu Á đang diễn biến phức tạp, do Mỹ xúc tiến việc hình thành liên minh quân sự kiểu NATO ở phương Đông gây nên, Đảng, Chính phủ và nhân dân ta đánh giá cao và hoàn toàn ủng hộ kế hoạch hòa bình toàn diện về châu Á — Thái bình dương do đồng chí Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô M.X. Goóc-ba-chốp đưa ra tại Vla-đi-vô-xtốc.

Đảng và Nhà nước ta đánh giá cao tình đoàn kết và sự hợp tác nhiều mặt giữa Liên xô và Cộng hòa Ấn độ mà cuộc đi thăm Ấn độ của đồng chí Tổng bí thư M.X. Goóc-ba-chốp trong tháng 11 vừa qua đánh dấu một bước phát triển mới tốt đẹp. Đó là một nhân tố rất quan trọng của sự nghiệp hòa bình ở châu Á và trên thế giới. Chúng ta hoan nghênh Tuyên bố Niu Đê-li, một văn kiện quan trọng thể hiện ý chí và nguyện vọng của cả loài người đấu tranh cho một thế giới không có vũ khí hạt nhân và không dùng bạo lực trong quan hệ quốc tế.

Chúng ta:

Ủng hộ chính sách của Liên xô cải thiện quan hệ với Trung quốc.

Ủng hộ sáng kiến của Mông cổ về việc tiến tới một hiệp ước không dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực giữa các nước trong khu vực. Ủng hộ những nỗ lực nhằm biến Ấn độ dương thành khu vực hòa bình, những sáng kiến nhằm thiết lập các khu vực phi hạt nhân ở Đông Nam Á. Ủng hộ phong trào độc lập dân tộc và đòi phi hạt nhân của các nước nam Thái bình dương và trên bán đảo Triều tiên.

Ủng hộ những sáng kiến của Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều tiên nhằm làm giảm tình hình căng thẳng và tiến tới thống nhất hai miền đất nước bằng con đường hòa bình và dân chủ,

Ủng hộ những biện pháp kiên quyết của Áp-ga-ni-xtan chống cuộc chiến tranh không tuyên bố của các thế lực đế quốc và tay sai. Nhân dân ta đánh giá cao lập trường dây thiện chí của Liên xô trong quyết định rút một bộ phận, đi tới rút toàn bộ các đơn vị quân đội Liên xô khỏi Áp-ga-ni-xtan khi đạt được một giải pháp chính trị bảo đảm chấm dứt vĩnh viễn sự can thiệp vũ trang từ bên ngoài vào nước này.

Chúng ta mong muốn cuộc xung đột vũ trang giữa hai nước I-ran và I-rắc sớm chấm dứt.

Chúng ta không ngừng tăng cường và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với Cộng hòa Ấn độ, nước có vị trí đặc biệt quan trọng ở châu Á và trên thế giới, người bạn lớn đã luôn luôn dành cho nhân dân ta những tình cảm tốt đẹp, sự ủng hộ và giúp đỡ chí tình.

Digitized by Google

Nhân dân Việt nam và nhân dân Trung quốc vốn có quan hệ hữu nghị lâu đời, đã từng đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập, tự do và xây dựng đất nước. Nhân dân hai nước có lợi ích chung là hòa bình, độc lập và phát triển kinh tế. Chính phủ và nhân dân Việt nam, trước sau như một, quý trọng và nhất định làm hết sức mình để khôi phục tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước và đã đưa ra nhiều đề nghị nhằm sớm bình thường hóa quan hệ giữa nước ta và Cộng hòa nhân dân Trung hoa. Lập trường của chúng ta là lấy lợi ích cơ bản và lâu dài của hai nước làm trọng. Chúng ta cho rằng đã đến lúc hai bên cần ngồi lại cùng nhau thương lượng để giải quyết các vấn đề trước mắt cũng như lâu dài trong quan hệ giữa hai nước. Một lần nữa, chúng ta chính thức tuyên bố rằng: Việt nam sẵn sàng đàm phán với Trung quốc bất cứ lúc nào, bất cứ cấp nào và bất cứ ở đâu nhằm bình thường hóa quan hệ giữa hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới.

Chúng ta hoan nghênh chủ trương hợp tình, hợp lý của Chính phủ Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào nhằm bình thường hóa quan hệ với Cộng hòa nhân dân Trung hoa trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không xâm lược, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau và cùng tồn tại hòa bình. Chúng ta hoàn toàn đồng tình với Chính phủ Lào sẵn sàng làm hết sức mình để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tăng cường hiểu biết và tin cậy lẫn nhau với Vương quốc Thái lan, trước hết là nối lại đàm phán với nước này nhằm bình thường hóa quan hệ giữa hai nước.

Chúng ta hoàn toàn ủng hộ lập trường của Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia sẵn sàng đàm phán với các cá nhân và nhóm đối lập để thực hiện hòa hợp dân tộc trên cơ sở loại trừ bọn tội phạm diệt chủng Pôn Pốt. Chính phủ ta chủ trương tiếp tục rút quân tình nguyện Việt nam khỏi Cam-pu-chia, đồng thời sẵn sàng hợp tác với tất cả các bên để đi tới một giải pháp chính trị đúng đắn về Cam-pu-chia.

Chính phủ và nhân dân Việt nam không ngừng phấn đấu nhằm phát triển mối quan hệ hữu nghị và hợp tác với In-đô-nê-xi-a và các nước Đông Nam Á khác. Chúng ta mong muốn và sẵn sàng cùng các nước trong khu vực thương lượng để giải quyết các vấn đề ở Đông Nam Á, thiết lập quan hệ cùng tồn tại hòa bình, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định và hợp tác.

Nhà nước ta chủ trương tăng cường và mở rộng quan hệ hữu nghị với Thụy điển, Phần lan, Pháp, Ô-trây-li-a, Nhật bản và với các nước phương Tây khác trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi. Chính phủ ta tiếp tục bàn bạc với Mỹ giải quyết các vấn đề nhân đạo do chiến tranh để lại và sẵn sàng cải thiện quan hệ với Mỹ vì lợi ích của hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á.

Trung thành với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, thấm nhuần những tư tưởng và tình cảm cách mạng trong sáng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, Đảng ta tiếp tục giương cao ngọn cờ hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, giữ vững độc lập tự chủ, tăng cường hợp tác quốc tế, ra sức làm tròn nhiệm vụ dân tộc và làm tốt nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân thế giới.

Digitized by Google

PHẦN THỨ TƯ

PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG, NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

BÀI học «cách mạng là sự nghiệp của quần chúng» bao giờ cũng quan trọng. Thực tiễn cách mạng chứng minh rằng: ở đâu nhân dân lao động có ý thức làm chủ và được làm chủ thật sự, thì ở đấy xuất hiện phong trào cách mạng.

Vận dụng bài học này vào giai đoạn cách mạng mới, Đảng ta coi *làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa* là bản chất của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa cần được thể hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống. Chúng ta đã xác định mối quan hệ *Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý* thành cơ chế chung trong quản lý toàn bộ xã hội.

Những thành tựu trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc chứng tỏ nhân dân ta giàu lòng yêu nước, thiết tha với chủ nghĩa xã hội, có nghị lực dồi dào, chịu đựng gian khổ, lao động cần cù và sáng tạo, chiến đấu anh dũng; bộ máy đảng và Nhà nước có cố gắng trong việc thực hiện chức năng của mình.

Bên cạnh những biểu hiện tốt đẹp ấy, trong xã hội ta đang có những hiện tượng không bình thường: sự thiếu gắn bó chặt chẽ giữa đảng, nhà nước và nhân dân, tình trạng quan liêu trong các cơ quan lãnh đạo, quản lý và các tổ chức chuyên trách về công tác quần chúng. Nguyên nhân chủ yếu là cơ chế kết hợp hoạt động giữa đảng, nhân dân và Nhà nước chưa được cụ thể hóa thành thể chế.

Cùng với những hậu quả của cơ chế cũ về quản lý kinh tế, tệ quan liêu trong thái độ, phong cách làm việc của cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, kể cả ở các đơn vị kinh tế, đơn vị hành chính cơ sở, chưa được phê phán và khắc phục. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là những người có chức quyền, quên những năm tháng cùng nhân dân đồng cam cộng khổ trong chiến tranh giải phóng, đã sống xa dân, không quan tâm giải quyết những vấn đề bức thiết do quần chúng đặt ra. Có những cấp ủy đảng coi nhẹ công tác quần chúng, không dựa vào nhân dân để chỉ đạo và kiểm tra các tổ chức cơ sở đảng. Không ít cơ quan chính quyền không tôn trọng ý kiến của nhân dân, không làm công tác vận động quần chúng, chỉ quen dùng các biện pháp hành chính. Đảng chưa phát huy vai trò và chức năng của các đoàn thể trong việc giáo dục, động viên quần chúng tham gia quản lý kinh tế, xã hội. Các đoàn thể chưa tích cực đổi mới phương thức hoạt động đúng với tính chất của tổ chức quần chúng.

Toàn đảng, từ các đồng chí lãnh đạo đến mọi đảng viên, phải thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ: «Đảng ta đại biểu cho lợi ích chung của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động, chứ không phải mưu cầu lợi ích riêng của một nhóm người nào, của cá nhân nào». Ý thức *phục vụ nhân dân* phải được thấu suốt trong hoạt động của cán bộ, đảng viên, nhân viên Nhà nước. Đó là tiêu chuẩn hàng đầu đánh giá phẩm chất mỗi người.

Quyền làm chủ của nhân dân cần được thể chế hóa bằng pháp luật và tổ

Digitized by Google

chức. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, quyền hạn và lợi ích đi đôi với trách nhiệm và nghĩa vụ. Mỗi người đều phải làm chủ lao động của mình, làm việc có kỷ luật, với năng suất và hiệu quả cao, đóng góp xứng đáng cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Mọi công dân phải tham gia việc giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, chống địch phá hoại, bảo vệ Tổ quốc, coi đó là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của mình.

Những mục tiêu do Đại hội Đảng đề ra chỉ có thể đạt được bằng hành động cách mạng sáng tạo của hàng triệu quần chúng. Đảng và Nhà nước phải có chính sách xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa, củng cố liên minh công—nông và chăm lo giáo dục thế hệ trẻ. Đối với giai cấp công nhân, Đảng cần có những biện pháp cụ thể nhằm nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ hiểu biết về mọi mặt để xứng đáng với vị trí giai cấp tiên phong của cách mạng, đồng thời chăm lo đời sống vật chất và văn hóa, tạo ra những điều kiện cần thiết để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

Công tác quản lý không phải việc riêng của những người quản lý chuyên nghiệp, mà là sự nghiệp của nhân dân. Trong công tác quản lý của các cơ quan Nhà nước, dù là quản lý hành chính, hay quản lý sản xuất, kinh doanh, quản lý trật tự, trị an, đều cần có sự tham gia của quần chúng. Việc phát huy vai trò của nhân dân lao động tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội cần được các cơ quan lãnh đạo và quản lý đặt ra và thực hiện đúng ngay từ khi chuẩn bị và quyết định chủ trương, chính sách. Xóa bỏ nhận thức sai lầm coi công tác quần chúng chỉ là biện pháp để tổ chức, động viên nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách. Đối với những chủ trương có quan hệ trực tiếp tới đời sống nhân dân trên phạm vi cả nước cũng như ở các địa phương và đơn vị cơ sở, cấp ủy đảng hoặc cơ quan chính quyền phải trưng cầu ý kiến nhân dân trước khi quyết định. *Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*, đó là nền nếp hằng ngày của xã hội mới, thể hiện chế độ nhân dân lao động tự quản lý Nhà nước của mình.

Động viên quần chúng tham gia rộng rãi và thường xuyên vào công cuộc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Tập thể những người lao động có quyền hạn và nghĩa vụ trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh, bố trí lao động, tuyển lựa cán bộ quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động của cơ quan quản lý. Các cấp ủy đảng phải lãnh đạo tổ chức các đại hội công nhân, viên chức trong các xí nghiệp, cơ quan, đại hội xã viên trong các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp, tạo điều kiện cho các tập thể lao động có tiếng nói chính đáng của người làm chủ trực tiếp ở đơn vị cơ sở.

Ở các xã, phường và khu dân cư phải phát huy vai trò của công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội nông dân tập thể, mặt trận Tổ quốc trong việc vận động nhân dân phát triển sản xuất, làm kinh tế gia đình, tổ chức phân phối, lưu thông, dịch vụ, hoạt động văn hóa, giáo dục, bảo vệ sức khỏe và môi trường, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Cùng với việc chăm lo đời sống nhân dân, các cơ quan Nhà nước phải *tôn trọng và bảo đảm những quyền công dân* mà Hiến pháp đã quy định. Tiếp sau việc ban hành Bộ luật hình sự và dự thảo Luật hôn nhân và gia đình, Nhà nước ta còn phải ban hành các luật khác. Chỉnh đốn tổ chức, thi hành những biện pháp có hiệu lực trừ diệt các tệ hối lộ, cửa quyền, loại bỏ và nghiêm trị những phần tử biến

Digitized by Google

chất lợi dụng danh nghĩa đảng và chính quyền để dục khoét nhân dân, áp bức quần chúng. Các cơ quan tòa án, kiểm sát, thanh tra, an ninh... dựa vào nhân dân để phát hiện và xử lý kịp thời những vụ vi phạm quyền công dân.

Việc bài trừ những hành động phạm pháp, bảo vệ sản xuất, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa chỉ có thể thực hiện có hiệu quả nếu thật sự dựa vào sự kiểm tra, giám sát của quần chúng. Ở đây, các đoàn thể quần chúng giữ một vai trò quan trọng. Sự kiểm tra và giám sát của nhân dân đối với các cơ quan nhà nước, muốn đạt kết quả tốt, phải được các đoàn thể quần chúng tổ chức và chỉ đạo. Sử dụng hệ thống kiểm tra nhân dân, tăng cường hệ thống kiểm tra của công nhân, viên chức trong các xí nghiệp, cơ quan, phát triển rộng rãi các hình thức tham gia kiểm tra của đoàn thanh niên, hội phụ nữ và mặt trận. Kỷ luật lao động, kỷ cương xã hội chỉ có thể được củng cố khi có một cơ chế quản lý đúng, có những biện pháp mạnh mẽ mang tính luật pháp cùng việc giáo dục đạo đức xã hội.

Thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thực chất là tôn trọng con người, phát huy sức sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân, hướng sự sáng tạo đó vào sự nghiệp xây dựng xã hội mới, và thông qua quá trình xây dựng kinh tế — xã hội mà *đào tạo, rèn luyện con người mới, hình thành những tập thể lao động mới*. Muốn tạo nên một tập thể vững mạnh, phải xây dựng từng con người, quan tâm *phát hiện và bồi dưỡng nhân tài*. Việc xây dựng nếp sống mới, con người mới có tầm quan trọng đặc biệt trong xã hội ta. Không xây dựng được ý thức tự giác, tự làm chủ của mỗi người, không thể bảo đảm được quyền làm chủ tập thể của mọi người.

Các ngành văn hóa, văn nghệ, giáo dục và thông tin đại chúng vừa phải hiểu rõ nguyện vọng, tâm tư của quần chúng để phục vụ tốt và phản ánh với đảng, vừa có trách nhiệm tạo cho được những dư luận quần chúng đúng đắn, hỗ trợ đắc lực cho việc thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Khẩu hiệu « dân tin Đảng, Đảng tin dân » phải được thể hiện hằng ngày trong cuộc sống thông qua những việc làm cụ thể.

Mặt trận Tổ quốc Việt nam, Đảng dân chủ, Đảng xã hội và các đoàn thể quần chúng, trước hết là Công đoàn, Hội liên hiệp nông dân tập thể, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Hội liên hiệp phụ nữ, có vai trò to lớn trong việc động viên các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng, quản lý kinh tế và quản lý xã hội. Các cấp, các ngành chính quyền phải tôn trọng các đoàn thể quần chúng và mặt trận, phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn thể và mặt trận hoạt động có kết quả thiết thực. Đảng viên, cán bộ chính quyền, bộ đội, công an hằng ngày cũng phải tự mình trực tiếp vận động quần chúng, coi đó là một công việc tất yếu để thực hiện được tốt công tác chuyên môn của mình.

Các cấp ủy đảng phải lãnh đạo chặt chẽ các đoàn thể, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng đoàn thể mà đề ra nhiệm vụ, mục tiêu hành động và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ các đoàn thể. Nhưng cấp ủy đảng phải tôn trọng tính độc lập về tổ chức của các đoàn thể, khuyến khích tính chủ động, sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ cách mạng. Các đoàn thể cũng phải mau chóng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của mình cho phù hợp với những cuộc cải cách về quản lý kinh tế, xã hội. Hoạt động đoàn thể phải chuyển mạnh về cơ sở, thu hút đông đảo quần chúng vào các phong trào cách mạng.

Lợi ích chính đáng của quần chúng đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải

Digitized by Google

giải quyết. Trước mắt, tập trung sức giải quyết những vấn đề có thể giải quyết được, phù hợp với từng đối tượng.

Đối với *công nhân, viên chức*, phải có chế độ tiền lương hợp lý, phúc lợi xã hội cần thiết để bảo đảm đời sống vật chất và văn hóa cho người lao động và gia đình. Đảng cần tổng kết kinh nghiệm và ra nghị quyết về xây dựng giai cấp công nhân. Nhà nước cần bổ sung Luật công đoàn.

Đối với *nông dân*, phải giải quyết tốt quan hệ giữa nghĩa vụ đóng góp cho đất nước và quyền lợi của nông dân. Nhà nước phải soát lại các chính sách quan hệ đến nông dân, bãi bỏ những chính sách không đúng.

Đối với *trí thức*, điều quan trọng nhất là bảo đảm quyền tự do sáng tạo. Đánh giá đúng năng lực và tạo điều kiện cho năng lực được sử dụng đúng và phát triển. Phá bỏ những quan niệm hẹp hòi, không thấy tầng lớp trí thức ngày nay là những người lao động xã hội chủ nghĩa, được đảng giáo dục và lãnh đạo, ngày càng gắn bó chặt chẽ với công nhân, nông dân.

Thanh niên phải được bảo đảm việc làm khi bước vào đời và được quan tâm giáo dục về nhân cách, bản lĩnh và lý tưởng theo phương châm « sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại ». Phải có ý thức đầy đủ rằng chính thanh niên là lớp người có sứ mệnh lịch sử xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Mạnh dạn giao trách nhiệm cho thanh niên, và thông qua các hoạt động xã hội mà đào tạo và bồi dưỡng họ. *Thiếu niên và nhi đồng* phải được học tập và chăm sóc trong tình thương của gia đình và xã hội. Các cấp bộ đảng và đoàn thanh niên phải chăm lo xây dựng Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

Phụ nữ nói chung, và lao động nữ nói riêng, có những đặc điểm cần được chú ý. Để phát huy vai trò to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp cách mạng, cần làm cho đường lối vận động phụ nữ của Đảng được thấu suốt trong cả hệ thống chuyên chính vô sản, được cụ thể hóa thành chính sách, luật pháp. Các cơ quan nhà nước, với sự phối hợp của các đoàn thể, cần có biện pháp thiết thực tạo thêm việc làm, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ nữ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, thực hiện đúng Luật hôn nhân và gia đình. Tạo điều kiện cho phụ nữ kết hợp được nghĩa vụ công dân với chức năng làm mẹ, xây dựng gia đình hạnh phúc.

Đảng cần tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết và đấu tranh cách mạng kiên cường, dũng cảm của *các dân tộc thiểu số* ở nước ta nhằm củng cố và nâng cao thêm một bước khối đoàn kết các dân tộc, hướng vào việc xây dựng miền núi giàu mạnh, thực hiện thắng lợi các mục tiêu và nhiệm vụ cách mạng do Đại hội đề ra. Tăng cường việc giáo dục chính sách dân tộc trong cán bộ, đảng viên, trong quân đội và đồng bào cả nước, nâng cao cảnh giác, kịp thời vạch trần và làm thất bại âm mưu, hành động của kẻ thù chia rẽ dân tộc. Có quy hoạch và kế hoạch tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số nhất là cán bộ các dân tộc thiểu số ở vùng cao, biên giới và một số vùng ở miền Nam.

Đảng và Nhà nước ta, trước sau như một, thực hành chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng. Lãnh đạo và giúp đỡ *đồng bào theo tôn giáo* đoàn kết xây dựng cuộc sống mới và hăng hái tham gia bảo vệ Tổ quốc. Cảnh giác, kiên quyết và kịp thời chống lại âm mưu, thủ đoạn của bọn đế quốc và phản động chia rẽ đồng bào có đạo với đồng bào không có đạo, giữa đồng bào theo đạo này với đồng bào theo đạo khác.

Người Việt nam sinh sống ở nước ngoài đang hình thành một cộng đồng

Digitized by Google

vừa hòa nhập vào xã hội sở tại vừa gắn bó với quê hương. Đảng và Nhà nước ta, thông cảm và đánh giá cao lòng yêu nước của đồng bào, sẽ tạo thêm những điều kiện thuận lợi để đồng bào xây dựng khối đoàn kết cộng đồng, tiếp xúc với bà con trong nước, đóng góp ngày càng nhiều hơn vào công cuộc xây dựng Tổ quốc.

Thưa các đồng chí,

Nhà nước ta là công cụ của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tổ chức thành cơ quan quyền lực chính trị. Trong thời kỳ quá độ, đó là *nhà nước chuyên chính vô sản thực hiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa*. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chức năng của nhà nước là thể chế hóa bằng pháp luật quyền hạn, lợi ích, nghĩa vụ của nhân dân lao động và quản lý kinh tế, xã hội theo pháp luật. Nhà nước ta phải bảo đảm quyền dân chủ thật sự của nhân dân lao động, đồng thời kiên quyết trừng trị những kẻ vi phạm quyền làm chủ của nhân dân.

Tăng cường hiệu lực quản lý của nhà nước là công tác cấp bách, là điều kiện tất yếu bảo đảm huy động lực lượng to lớn của quần chúng nhân dân để hoàn thành mọi nhiệm vụ chính trị do đảng đề ra đáp ứng được yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân.

Bộ máy nhà nước của ta còn cồng kềnh và kém hiệu lực. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp là nguyên nhân trực tiếp làm cho bộ máy nặng nề, nhiều tầng, nhiều nấc. Chức năng, nhiệm vụ của tổ chức và chức năng, tiêu chuẩn cán bộ chưa được xác định rõ ràng. Một số ngành ở trung ương và địa phương đang có xu hướng chia tách thành nhiều cơ quan và đơn vị chuyên môn hóa theo lối khép kín; nhiều tổ chức trùng lắp, chồng chéo; nhiều trường hợp bố trí cán bộ, nhân viên không tương xứng với nhiệm vụ. Chế độ trách nhiệm không rõ ràng. Phong cách làm việc nặng về hình thức, giấy tờ, hội họp quá nhiều, mà quyết định thì chậm, thiếu cơ sở khoa học, nhiều khi không dứt khoát, việc tổ chức thực hiện lại yếu.

Để thiết lập cơ chế quản lý mới, cần thực hiện một cuộc cải cách lớn về tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước theo phương hướng sau đây:

Xây dựng và thực hiện một cơ chế quản lý nhà nước thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở tất cả các cấp. Tăng cường bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương và cơ sở thành một hệ thống thống nhất, có sự phân định rành mạch nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm từng cấp theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính—kinh tế với quản lý sản xuất—kinh doanh, kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội.

Đó là bộ máy nhà nước có đủ năng lực thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu:

— Thể chế hóa đường lối, chủ trương của đảng thành pháp luật, chính sách cụ thể.

— Xây dựng chiến lược kinh tế—xã hội và cụ thể hóa chiến lược đó thành những kế hoạch phát triển kinh tế — xã hội.

— Quản lý hành chính — xã hội và hành chính — kinh tế; điều hành các hoạt động kinh tế, xã hội trong toàn xã hội theo kế hoạch, giữ vững pháp luật, kỷ cương nhà nước và trật tự xã hội, giữ vững quốc phòng và an ninh.

— Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của nhà nước, phát hiện những mất cân đối và đề ra những biện pháp để khắc phục.

Digitized by Google

— Thực hiện một quy chế làm việc khoa học, có hiệu suất cao.

— Xây dựng bộ máy gọn nhẹ, có chất lượng cao, với một đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị và có năng lực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Nhà nước phải làm tròn nhiệm vụ xây dựng các kế hoạch kinh tế — xã hội, các chương trình tiến bộ khoa học — kỹ thuật, xây dựng hệ thống pháp luật, chính sách, chế độ. Phải nâng cao năng lực quản lý hành chính, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ quyền lực nhà nước; đồng thời xây dựng hệ thống quản lý kinh tế theo cơ chế quản lý mới, phát huy quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở.

Tăng cường hiệu lực quản lý của nhà nước, trước hết là nêu cao vị trí của Quốc hội và Hội đồng nhà nước, vai trò của Hội đồng nhân dân các cấp. Vẫn còn tình trạng các cơ quan dân cử các cấp được lựa chọn, bầu cử và hoạt động một cách hình thức chủ nghĩa. Trong nhiều trường hợp, cấp ủy đảng còn bao biện, làm thay công việc của chính quyền. Việc lựa chọn người bầu vào các cơ quan dân cử ở nhiều nơi còn gò ép. Nhiều Ủy ban nhân dân chưa thật sự tôn trọng Hội đồng nhân dân.

Các cơ quan dân cử từ Quốc hội đến Hội đồng nhân dân các cấp thường xuyên cải tiến và kịp thời tổng kết các mặt hoạt động của mình; nâng cao chất lượng các kỳ họp, bàn và quyết định những vấn đề thiết thực; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và công tác giám sát đối với hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, làm cho các cơ quan dân cử thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Hội đồng bộ trưởng và Ủy ban nhân dân các cấp nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành để tổ chức thực hiện có kết quả các chủ trương, chính sách của đảng và nhà nước.

Vấn đề cấp bách là phải sắp xếp lại các bộ, ủy ban nhà nước, tổng cục và tinh giản bộ máy quản lý hành chính nhà nước của các bộ. Bộ máy quản lý hành chính của bộ không được can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các xí nghiệp. Giảm bớt những tổ chức trung gian như vụ, cục, phòng, ban, chuyển mạnh sang cách làm việc trực tiếp theo lối chuyên gia. Giảm bớt chức phó ở tất cả các cấp và các cơ quan. Theo những phương hướng sắp xếp lại bộ máy nhà nước trung ương, bộ máy các ủy ban nhân dân địa phương cũng phải tổ chức lại gọn và tinh có đủ quyền hạn, nhiệm vụ và năng lực quản lý trên lãnh thổ.

Quản lý đất nước bằng pháp luật, chứ không chỉ bằng đạo lý. Pháp luật là thể chế hóa đường lối, chủ trương của đảng, thể hiện ý chí của nhân dân, phải được thực hiện thống nhất trong cả nước. Tuân theo pháp luật là chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng. Quản lý bằng pháp luật đòi hỏi phải quan tâm *xây dựng pháp luật*. Từng bước bổ sung và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật để bảo đảm cho bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động theo pháp luật.

Coi trọng công tác *giáo dục, tuyên truyền, giải thích pháp luật*. Đưa việc dạy pháp luật vào hệ thống các trường của đảng, của nhà nước (kể cả các trường phổ thông, đại học), của các đoàn thể nhân dân. Cán bộ quản lý các cấp từ trung ương đến đơn vị cơ sở phải có kiến thức về quản lý hành chính và hiểu biết về pháp luật. Cần sử dụng nhiều hình thức và biện pháp để giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật và làm tư vấn pháp luật cho nhân dân.

Pháp luật phải được chấp hành nghiêm chỉnh, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Trong điều

Digitized by Google

kiện đảng cầm quyền, mọi cán bộ, bất cứ ở cương vị nào, đều phải sống và làm việc theo pháp luật, gương mẫu trong việc tôn trọng pháp luật. Không cho phép bất cứ ai dựa vào quyền thế để làm trái pháp luật. Mọi vi phạm đều phải được xử lý. Bất cứ ai phạm pháp đều đưa ra xét xử theo pháp luật, không được giữ lại để xử lý «nội bộ». Không làm theo kiểu phong kiến: dân thì chịu hình pháp, quan thì xử theo «lễ». Hiến pháp quy định: «Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật». Cấm tình trạng bao che hành động phạm pháp và người phạm pháp dưới bất cứ hình thức nào.

Phải dùng sức mạnh của pháp chế xã hội chủ nghĩa kết hợp với sức mạnh của dư luận quần chúng để đấu tranh chống những hành vi phạm pháp. Các cấp ủy đảng, từ trên xuống dưới, phải thường xuyên lãnh đạo công tác pháp chế, tăng cường cán bộ có phẩm chất và năng lực cho lĩnh vực pháp chế, và kiểm tra chặt chẽ hoạt động của các cơ quan pháp chế.

Đổi mới phong cách làm việc. Để lãnh đạo và quản lý tốt phải ra quyết định đúng, kịp thời và tổ chức thực hiện các quyết định đó. Việc chuẩn bị quyết định và ra quyết định phải tuân theo một quy trình chặt chẽ. Chấm dứt chế độ làm việc theo lối quan liêu qua nhiều nấc trung gian không cần thiết. Thực hiện phong cách làm việc có điều tra, nghiên cứu, xử lý công việc nhanh chóng, bãi bỏ những thủ tục phức tạp, gây phiền hà cho nhân dân. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm về những quyết định của mình.

Muốn nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, xã hội, phải có một đội ngũ cán bộ giỏi, có năng lực, có kinh nghiệm, có phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng. Cán bộ quản lý hành chính nhà nước (từ bộ trưởng, thứ trưởng, chủ tịch các cấp, cục, vụ trưởng... đều phải là những người hiểu biết nguyên tắc và chế độ quản lý hành chính, hiểu biết pháp luật, hiểu biết chuyên môn. Có loại cán bộ làm công tác tổng hợp, nhưng không có loại cán bộ được coi như thích hợp với mọi công tác. Để tăng hiệu lực quản lý của nhà nước, tăng trách nhiệm của cán bộ giữ vị trí chủ chốt ở các ngành, từ nay chấm dứt tình trạng bổ nhiệm cán bộ không có hiểu biết hoặc kém chuyên môn vào các cương vị lãnh đạo và quản lý cơ quan chuyên môn. Thực hiện chế độ bãi miễn đối với các cán bộ vô trách nhiệm, thiếu năng lực.

Để phát triển và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, sắp xếp lại hệ thống các trường đào tạo, có kế hoạch bồi dưỡng cho các đối tượng khác nhau theo những chương trình thích hợp. Các cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cương vị chủ chốt từ trung ương đến tỉnh, huyện, xã, từ tổng giám đốc đến cán bộ quản lý cơ sở, đều phải qua các lớp bồi dưỡng định kỳ có sát hạch, theo chương trình thiết thực và có hệ thống về đường lối, chính sách, cơ chế quản lý và kiến thức quản lý mới, về chuyên môn, nghiệp vụ và về pháp luật.

Tăng cường hiệu lực quản lý của nhà nước và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động trên thực tế là một thể thống nhất. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, tất cả đều do dân và vì dân, có thật sự do dân mới thật sự vì dân một cách đầy đủ. Nguyên lý cơ bản đó được thực hiện từng bước vững chắc là điều kiện quyết định cho mọi thắng lợi của cách mạng.

Digitized by Google

PHẦN THỨ NĂM

NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

Thưa các đồng chí,

Năm năm qua là một thời kỳ hoạt động phong phú và dày thử thách của Đảng. Từ những thành tựu cũng như những sai lầm, Đảng ta đã trưởng thành một bước trong công tác lãnh đạo. Đại hội này là một cái mốc đánh dấu bước trưởng thành ấy. Song tất cả những gì đã làm được và chưa làm được cũng chứng tỏ rằng sự lãnh đạo của Đảng chưa ngang tầm với những nhiệm vụ của giai đoạn mới. Đảng chưa đáp ứng được yêu cầu trong việc giải quyết nhiều vấn đề kinh tế—xã hội, trong phong cách lãnh đạo và cả trong việc rèn luyện phẩm chất cán bộ, đảng viên. Nguồn gốc sâu xa của sự không ngang tầm ấy là ở chỗ, trong nhiều năm, chúng ta đã coi nhẹ và có khuyết điểm trong công tác xây dựng đảng. Đây là điều mà toàn đảng, từ Ban chấp hành trung ương đến các tổ chức cơ sở và mỗi đảng viên cần nhận thức đầy đủ với ý thức trách nhiệm cao.

Quy mô rộng lớn và tính chất phức tạp của những nhiệm vụ kinh tế, xã hội trong thời kỳ quá độ, cuộc đấu tranh « ai thắng ai » giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, cuộc đấu tranh giữa nhân dân ta với chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế đang đòi hỏi tăng cường không ngừng năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng.

Đảng phải trưởng thành về lãnh đạo chính trị, phát triển và cụ thể hóa đường lối, đề ra những giải pháp đúng đắn đối với những vấn đề mới của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Để tăng cường sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực tiễn của mình, Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác.

Đảng phải chăm lo xây dựng mình vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, để từ đó tác động quyết định đến sự phát triển của cách mạng nước ta.

I — Đổi mới tư duy, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân là nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng.

Thế giới ngày nay đang thay đổi nhanh chóng. Chủ nghĩa xã hội đang phấn đấu thể hiện rõ tính ưu việt về mọi mặt so với chủ nghĩa tư bản. Đối với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đổi mới là con đường vươn lên đáp ứng đòi hỏi của thời đại, đối phó thắng lợi với mọi thử thách, đáp ứng những nhu cầu ngày càng cao của nhân dân. Đối với nước ta, đổi mới đang là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Nhiều năm nay, trong nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội có nhiều quan niệm lạc hậu, nhất là những quan niệm về công nghiệp hóa, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về cơ chế quản lý kinh tế, về phân phối, lưu thông, v.v. Đó là một nguyên nhân chậm phát triển và cụ thể hóa đường

Digitized by Google

lối chung và đường lối kinh tế trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Vì vậy, phải đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy, chúng ta mới có thể vượt qua khó khăn, thực hiện được những mục tiêu do Đại hội lần thứ VI đề ra.

Muốn đổi mới tư duy, Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng, tiếp thụ những thành tựu lý luận, những kinh nghiệm mới phong phú của các đảng anh em, những kiến thức khoa học của thời đại. Phải đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết có hệ thống sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, rút ra những kết luận đúng đắn, khắc phục những quan niệm sai lầm hoặc lỗi thời. Đổi mới tư duy không có nghĩa là phủ nhận những thành tựu lý luận đã đạt được, phủ nhận những quy luật phổ biến của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phủ nhận đường lối đúng đắn đã được xác định, trái lại, chính là bổ sung và phát triển những thành tựu ấy.

Các văn kiện của Đại hội lần thứ VI thể hiện bước đầu sự đổi mới tư duy của Đảng. Mỗi chúng ta, từ người lãnh đạo đến đảng viên thường, dù hoạt động trong lĩnh vực nào cũng cần kiểm tra lại nhận thức của mình, sớm lĩnh hội được những quan niệm mới, kiên quyết gạt bỏ những quan niệm sai lầm. Làm quán triệt các nghị quyết của Đại hội đến từng đảng viên, từng người lao động, tạo nên sự đổi mới về nhận thức, nâng cao nhiệt tình cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu của công tác tư tưởng.

Đổi mới tư duy trong mọi lĩnh vực hoạt động của đảng và nhà nước là việc cấp bách, đồng thời là việc thường xuyên, lâu dài. Tính bảo thủ, sức ì của những quan niệm cũ là trở ngại không nhỏ, nhất là những quan niệm ấy lại gắn chặt với những người mang nặng chủ nghĩa cá nhân và đầu óc thủ cựu. Cần tạo những điều kiện xã hội thuận lợi cho quá trình đổi mới tư duy: bầu không khí dân chủ trong xã hội, nhất là trong sinh hoạt đảng, trong nghiên cứu khoa học; tinh thần tôn trọng sự thật, tôn trọng chân lý, hệ thống thông tin chính xác; phê bình và tự phê bình được tiến hành một cách thường xuyên và nghiêm túc, v.v. Điều quan trọng là phải coi trọng công tác lý luận nhằm cung cấp nội dung khoa học cho việc đổi mới tư duy.

Cùng với việc đổi mới tư duy, công tác tư tưởng phải hướng vào việc *bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức mới*, nâng cao tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế vô sản và tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa, khơi dậy ý chí cách mạng của quần chúng. Phẩm chất chính trị của mỗi người phải thể hiện ở lập trường vững vàng trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường, giữa ta và địch, giữa cái lành mạnh và cái hư hỏng; ở ý chí bền bỉ, tính năng động, sáng tạo, ý thức trách nhiệm cao, làm việc có hiệu quả thiết thực; ở lòng tin vào sức mạnh của nhân dân, vào sự lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh thực hiện nhiệm vụ. Tâm trạng bi quan, dao động, mất lòng tin, mất phương hướng, trái với bản chất tốt đẹp của người chiến sĩ cách mạng tiên phong phải được khắc phục. Vấn đề đạo đức xã hội đang được đặt ra một cách cấp bách. Trong xã hội ta đang diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai lối sống: lối sống có lý tưởng, lành mạnh, trung thực, sống bằng lao động của mình, có ý thức tôn trọng và bảo vệ của công, chăm lo lợi ích của tập thể và của đất nước, với lối sống thực dụng, đời trá, ích kỷ, ăn bám, chạy theo đồng tiền. Các lực lượng làm công tác tư tưởng phải tích cực tham gia

Digitized by Google

cuộc đấu tranh này, lên án, vạch trần bản chất thối nát của lối sống cũ, khẳng định mạnh mẽ và truyền bá rộng rãi những giá trị đạo đức mới, thúc đẩy quá trình hình thành lối sống mới.

Trên thế giới và trong nước ta, cuộc đấu tranh giữa hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa và hệ tư tưởng tư sản đang diễn ra gay gắt. Kẻ thù ở ngoài nước và trong nước thường xuyên tìm cách phá chúng ta về tư tưởng. Chúng tung ra đủ loại luận điệu xuyên tạc nhằm phá hoại Đảng và chế độ ta. Những người cộng sản phải nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, nhạy cảm nắm bắt tình hình, kịp thời đập tan mọi luận điệu phản tuyên truyền của chúng. Nhưng thời gian qua, công tác tư tưởng chưa thực sự tiến hành theo hướng đó. Đã có lúc, có nơi, một số đảng viên thụ động, bàng quan, bất lực trước sự lan tràn của những tin đồn nhảm, những dư luận ác ý, tê liệt trước sự tiến công của địch về tư tưởng. Để khắc phục tình trạng không bình thường đó, cần tổ chức lại công tác đấu tranh chống chiến tranh tâm lý của địch, nhất là ở những thành phố lớn.

Hiệu quả công tác tư tưởng phụ thuộc trước hết vào sự lãnh đạo của các tổ chức đảng. Đảng ta lãnh đạo chính quyền, có hệ thống các cơ quan làm công tác tư tưởng, phương tiện tuy chưa hiện đại, nhưng so với trước, đã tăng nhiều, lại có gần hai triệu đảng viên, trên mười vạn chi bộ, nhưng vì sao kết quả công tác tư tưởng lại không tương xứng, trận địa tư tưởng ở nhiều nơi lại bị bỏ trống? Nguyên nhân quan trọng là nhiều tổ chức đảng chưa thật sự lãnh đạo và chưa biết lãnh đạo công tác tư tưởng, nhiều đồng chí được phân công vào các vị trí quan trọng của các cơ quan nhà nước cũng không làm công tác tuyên truyền, giáo dục. Muốn làm chủ trận địa tư tưởng, mỗi cấp ủy phải hiểu rõ tâm trạng của quần chúng, có kế hoạch công tác tư tưởng, biết tổ chức, bồi dưỡng và sử dụng các cơ quan, các cán bộ, đảng viên làm công tác tư tưởng, biến các lực lượng ấy thành một đội quân hùng hậu có sức chiến đấu cao.

Công tác tư tưởng phải đổi mới về nội dung và hình thức, tổ chức và phương pháp, con người và phương tiện.

Phải nâng cao chất lượng sinh hoạt của các tổ chức đảng từ trung ương đến chi bộ. Hiệu quả các cuộc hội nghị phải thể hiện trên hai mặt: đề ra được chủ trương, biện pháp để giải quyết các nhiệm vụ; có tác dụng giúp những người tham gia sinh hoạt nắm vững quan điểm của Đảng, tiếp nhận được thông tin, kinh nghiệm, hiểu biết mới, tăng thêm ý thức trách nhiệm. Các cuộc sinh hoạt có chất lượng của cấp ủy và tổ chức cơ sở đảng là điều kiện đầu tiên để triển khai có hiệu quả công tác tư tưởng.

Các tổ chức đảng phải xây dựng được đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên có phẩm chất cách mạng, có trình độ chính trị và nghiệp vụ ngày càng được nâng cao, thường xuyên bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ ấy trong công tác tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng. Việc chậm hình thành đội ngũ này là do coi nhẹ hình thức tuyên truyền miệng, thiếu nội dung phong phú, hấp dẫn và những phương tiện vật chất cần thiết cho các báo cáo viên.

Các phương tiện thông tin đại chúng có nhiệm vụ truyền bá đường lối, chính sách của Đảng, đi sát thực tế, thông tin kịp thời và phân tích sâu sắc những sự kiện mới; phát hiện và phản ánh trung thực những điển hình tiên tiến, nhiệt tình ủng hộ, cổ vũ những nhân tố mới, dũng cảm đấu tranh chống những hiện tượng lạc hậu, trì trệ và mọi biểu hiện tiêu cực khác; đề cập và chỉ ra phương hướng

Digitized by Google

giải quyết những vấn đề thiết thực mà xã hội quan tâm; xây dựng dư luận xã hội lành mạnh, động viên quần chúng tích cực hoàn thành nhiệm vụ cách mạng.

Báo chí là tiếng nói của Đảng, đồng thời cũng phản ánh tiếng nói của quần chúng. Trình độ mọi mặt của nhân dân ta ngày càng cao đòi hỏi báo chí và các phương tiện thông tin khác phải bảo đảm tính chân thực, nâng cao chất lượng, tăng cường tính quần chúng và tính chiến đấu, khắc phục tình trạng giản đơn, đơn điệu, hời hợt, sáo rỗng, một chiều.

Nâng cao chất lượng công tác xuất bản cả ở trung ương và địa phương, bảo đảm có nhiều sách bổ ích, kịp thời phát hiện và xử lý những trường hợp vi phạm nguyên tắc và thiếu trách nhiệm dẫn tới xuất bản và phát hành văn hóa phẩm có hại. Cố gắng xuất bản một số sách chính trị, khoa học, kỹ thuật, văn học có chất lượng, với khối lượng tương đối lớn, đủ cung cấp cho mỗi cơ sở một tủ sách hay.

Các tổ chức đảng phải quan tâm chỉ đạo *công tác văn hóa, văn nghệ*.

Không có hình thái tư tưởng nào có thể thay thế được văn học và nghệ thuật trong việc xây dựng tình cảm lành mạnh, tác động sâu sắc vào việc đổi mới nếp nghĩ, nếp sống của con người. Văn học, nghệ thuật phải không ngừng nâng cao tính đảng và tính nhân dân, gắn bó với hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng, nắm bắt nhạy bén hiện thực đang diễn biến phức tạp, sớm phát hiện và biểu dương cái mới, tạo nên những điển hình sống động, khẳng định những mầm non đang nảy sinh trong cuộc sống, mạnh dạn phê phán những mặt tiêu cực cản trở sự đổi mới của xã hội. Tính chân thực, tính tư tưởng và tính nghệ thuật bao giờ cũng là tiêu chuẩn của giá trị tác phẩm hiện thực xã hội chủ nghĩa. Đảng yêu cầu các văn nghệ sĩ thường xuyên trau dồi ý thức trách nhiệm của công dân, chiến sĩ, thực hiện chức trách cao quý: tạo nên những giá trị tinh thần bồi dưỡng tâm hồn và tình cảm, xây dựng nhân cách và bản lĩnh của các thế hệ công dân, xây dựng môi trường đạo đức trong xã hội. Đẩy mạnh công tác phê bình văn học, nghệ thuật với tinh thần xây dựng, dũng cảm và vô tư, khắc phục thói nể nang và những khuynh hướng lệch lạc, loại trừ các biểu hiện thô thiển.

Đảng bộ các cấp cần tạo những điều kiện thuận lợi cho việc sáng tác và biểu diễn của những người làm công tác văn hóa, văn nghệ, bồi dưỡng thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng cho văn nghệ sĩ, chú trọng lực lượng trẻ xuất hiện từ phong trào lao động, sản xuất và chiến đấu. Nâng cao trình độ lãnh đạo văn hóa, văn nghệ của cán bộ quản lý các cấp cho phù hợp với tính đặc thù và yêu cầu phát triển của văn hóa, văn nghệ, chống lối gò ép hoặc buông lỏng.

Cải cách toàn diện *công tác của các trường đảng*, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp.

Hệ thống trường đảng phải tập trung sức đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận được lựa chọn theo quy hoạch và thường kỳ tổ chức bồi dưỡng cho các cán bộ lãnh đạo và quản lý đương chức. Các cấp ủy phải xây dựng quy hoạch cán bộ để trên cơ sở đó thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ. Đổi mới đội ngũ cán bộ giảng dạy, viết lại sách giáo khoa và đổi mới phương pháp dạy và học.

Mở rộng hình thức học tập tại chức, tổ chức cho hàng triệu cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, v.v. học tập chủ nghĩa Mác – Lê-nin theo các chương trình đã được quy định, nhằm trang bị cho họ thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan

Digitized by Google

cộng sản chủ nghĩa và đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

Sau Đại hội lần thứ VI, phải tổ chức một đợt học tập rộng lớn để quán triệt các nghị quyết, gắn liền với quá trình thực hiện những nhiệm vụ chính trị.

Đào tạo, bồi dưỡng và đổi mới đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng. Tuyển lựa những cán bộ đã trải qua công tác thực tiễn bổ sung cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, giáo dục. Luân phiên đưa các cán bộ này đi làm công tác thực tế một thời gian. Quan tâm đáp ứng những yêu cầu chính đáng về cơ sở vật chất — kỹ thuật của công tác tư tưởng: giấy in, phương tiện nghe nhìn, trường sở, phương tiện dạy và học, điều kiện sinh hoạt và học tập cho học viên các trường đảng.

2—Đổi mới đội ngũ cán bộ, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý.

Đảng ta đã thay đổi một phần và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, nhưng sự thay đổi còn chậm chạp, chất lượng đội ngũ cán bộ vẫn chưa đáp ứng những yêu cầu mới. Đổi mới cán bộ lãnh đạo các cấp là *mắt xích quan trọng nhất* mà Đảng ta phải nắm chắc để thúc đẩy những cuộc cải cách có ý nghĩa cách mạng. Được rèn luyện trong quá trình chiến đấu lâu dài, nhiều thế hệ cán bộ đã trưởng thành, đó là cơ sở để giải quyết vấn đề đổi mới cán bộ.

Trên cơ sở xác định tiêu chuẩn cụ thể, cần đánh giá lại cán bộ một cách có hệ thống, sắp xếp và kiện toàn cho được các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, các cơ quan quản lý các ngành quan trọng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, các chức vụ chủ chốt của 40 tỉnh, thành, đặc khu, của hơn 400 quận, huyện, các cơ sở trọng yếu của nền kinh tế quốc dân.

Đổi mới đội ngũ cán bộ có nghĩa là đánh giá, lựa chọn, bố trí lại, đi đôi với đào tạo, bồi dưỡng để có một đội ngũ cán bộ có đủ những tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực lãnh đạo, quản lý, ngang tầm nhiệm vụ. Muốn đổi mới đội ngũ cán bộ, trước hết phải đổi mới công tác cán bộ và đội ngũ những người làm công tác tổ chức, cán bộ. Việc đổi mới cán bộ cần được thực hiện khẩn trương, kiên quyết nhưng phải tránh thay đổi vội vàng. Tránh lối đổi mới một cách hình thức, chỉ căn cứ vào độ tuổi, bằng cấp, hoặc hiểu đổi mới chỉ đơn thuần là thay đổi người, chỉ trọng cán bộ mới, coi nhẹ cán bộ lâu năm có năng lực và phẩm chất.

Để đổi mới đội ngũ cán bộ một cách đúng đắn, cần *đổi mới quan điểm đánh giá cán bộ*. Phải lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất và năng lực, lấy nhu cầu nhiệm vụ làm căn cứ để bố trí cán bộ.

Nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, trước hết là nhiệm vụ xây dựng kinh tế, đang đòi hỏi những cán bộ có phẩm chất và năng lực phù hợp. Đó là những cán bộ có phẩm chất chính trị đã được thử thách, luôn luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, thông suốt và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của đảng và nhà nước, làm học hỏi, năng động, sáng tạo, có kiến thức quản lý kinh tế, xã hội, có tính tổ chức và kỷ luật cao. Đó là những cán bộ có đạo đức cách mạng và phong cách lãnh đạo tốt, trước hết là có ý thức tập thể, dân chủ, đi đôi với tính quyết đoán, có ý thức trách nhiệm, có tác phong sâu sát thực tế, gần gũi quần chúng, quan tâm đến con người, gương mẫu trong lối sống, đoàn kết và động viên được nhiệt tình lao động của cán bộ và nhân dân.

Phải từ lợi ích chung của cách mạng, từ chính sách cán bộ thống nhất của

Digitized by Google

Đảng mà lựa chọn cán bộ một cách công minh. Mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, đầu óc địa vị, tư lợi, chủ nghĩa địa phương, chủ nghĩa cục bộ và bệnh quan liêu trong công tác cán bộ đều gây ra những hậu quả xấu đối với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và sự đoàn kết trong Đảng. Khắc phục tình trạng bố trí cán bộ theo kiểu khép kín trong từng địa phương, từng ngành, không tiếp nhận cán bộ được điều động từ nơi khác, ngành khác tới.

Đổi mới đội ngũ cán bộ bao hàm ý nghĩa *trẻ hóa*. Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, tăng thêm cán bộ trẻ trong các cơ quan lãnh đạo và quản lý, kết hợp đúng cán bộ nhiều tuổi với cán bộ trẻ để tăng cường sức chiến đấu, tính năng động của đội ngũ cán bộ và để bảo đảm sự kế thừa liên tục ở các cơ quan lãnh đạo. Có khắc phục được quan niệm đẳng cấp, tôn ti theo kiểu phong kiến còn khá nặng nề, chúng ta mới có thể phát hiện và cất nhắc được những cán bộ trẻ ưu tú.

Chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế tục là nhiệm vụ thường xuyên của các tổ chức đảng và phải được tiến hành theo quy hoạch. Mọi cán bộ lãnh đạo đều có nhiệm vụ tham gia với tập thể lựa chọn, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ kế tục. Cán bộ nhiều tuổi, giàu kinh nghiệm có nghĩa vụ ủng hộ, giúp đỡ lớp cán bộ kế tục. Nhân tài không phải là sản phẩm tự phát, mà phải được phát hiện và bồi dưỡng công phu. Nhiều tài năng có thể mai một nếu không được phát hiện và sử dụng đúng chỗ, đúng lúc. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải tuân theo một quy trình chặt chẽ. Đó là kết hợp giữa bồi dưỡng kiến thức ở các trường học với rèn luyện trong thực tiễn. Phải căn cứ vào chỗ mạnh, chỗ yếu và triển vọng phát triển của cán bộ mà mạnh dạn bố trí vào những cương vị công tác phù hợp, sau đó liên tục theo dõi, kiểm tra, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho họ trưởng thành. Việc luân chuyển cán bộ theo quy hoạch góp phần đào tạo những cán bộ lãnh đạo có tầm nhìn xa, hiểu biết rộng, có bản lĩnh và năng lực lãnh đạo.

Chống tệ quan liêu, cửa quyền, trong công tác lựa chọn, bố trí cán bộ. Dân chủ hóa công tác cán bộ bằng những quy chế rõ ràng. Công tác cán bộ là công việc chung của các cơ quan Đảng và Nhà nước, không phải chỉ là việc riêng của cơ quan làm công tác tổ chức, cán bộ, mặc dù công tác của các cơ quan này là quan trọng.

Cơ chế quản lý cán bộ có đúng thì sự đánh giá cán bộ mới chính xác, mới phát hiện, đề bạt được cán bộ tốt, thay đổi những người xấu và yếu kém, loại trừ những yếu tố ngẫu nhiên, may rủi và những động cơ không lành mạnh trong công tác cán bộ.

Xác định chế độ trách nhiệm của các cấp ủy đảng đối với việc quản lý cán bộ chủ chốt ở các cấp, các ngành, coi đây là một chức năng quan trọng không thể thiếu của các cơ quan lãnh đạo của đảng. Bảo đảm tính tập thể trong các quyết định về cán bộ trên cơ sở dân chủ xem xét đầy đủ ý kiến của các tổ chức và cá nhân có liên quan, đi đôi với nêu cao ý thức trách nhiệm của người đứng đầu; tránh tình trạng người phụ trách không có quyền và nhất là không có trách nhiệm trong việc lựa chọn cán bộ do mình phụ trách. Quy định việc phân công, phân cấp quản lý cán bộ, xác định quyền hạn, trách nhiệm, các mối quan hệ giữa cơ quan Đảng và Nhà nước, ngành và địa phương, cấp trên và cấp dưới, xác định quy trình lựa chọn, đánh giá, đề bạt, điều động, làm cho việc quản lý cán bộ đi vào quy chế và nền nếp.

3—Đổi mới phong cách làm việc, giữ vững các nguyên

Digitized by Google

tắc tổ chức và sinh hoạt trong Đảng.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc quan trọng nhất chỉ đạo mọi hoạt động tổ chức, sinh hoạt nội bộ và phong cách làm việc của chúng ta. Sức mạnh tổ chức to lớn của Đảng là ở sự thực hiện đầy đủ nguyên tắc này. Tình trạng tập trung quan liêu, gia trưởng, độc đoán, không tôn trọng ý kiến cấp dưới, không phát huy trí tuệ tập thể dẫn tới những quyết định sai lầm, làm suy yếu sự đoàn kết trong Đảng. Tình trạng cục bộ, vô kỷ luật cũng gây ra những hậu quả tai hại, và làm cho sự lãnh đạo của Đảng, việc điều hành của nhà nước kém hiệu lực.

Lập lại kỷ cương, củng cố kỷ luật trong Đảng và bộ máy Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của đảng, nói và làm theo nghị quyết của cấp trên và của tập thể. Mọi cán bộ, đảng viên phải phục tùng kỷ luật. Mọi sự năng động, sáng tạo phải dựa trên cơ sở đường lối, chính sách. Cơ quan lãnh đạo phải nắm vững quyền chỉ đạo tập trung, điều hành thống nhất, không dung túng những việc làm sai trái. Có lập lại kỷ cương trong Đảng, trong cơ quan lãnh đạo các cấp của Nhà nước, mới có sức mạnh lập lại trật tự trong xã hội.

Bất cứ người lãnh đạo nào cũng không được tự đặt mình ra ngoài tổ chức, tự cho mình quyền nói và làm khác quyết định của tập thể. Cấp dưới, dù cho người đứng đầu là ủy viên Trung ương, cũng không thể tự cho mình quyền không thi hành hoặc làm trái chỉ thị của cấp trên.

Tăng cường sự lãnh đạo tập thể, mở rộng sinh hoạt *dân chủ*. Biết bao vấn đề quan trọng và mới mẻ, phức tạp đang đặt ra trước các cơ quan lãnh đạo. Sự hiểu biết và kinh nghiệm của mỗi người đều có hạn. Mọi quyết định chủ quan, độc đoán, đơn giản đều không tránh khỏi sai lầm. Phải nghiên cứu những kinh nghiệm sáng tạo của các cơ sở và địa phương, lắng nghe ý kiến của quần chúng, của các chuyên gia và cán bộ khoa học. Các chủ trương quan trọng đều phải được bàn bạc và quyết định tập thể. Người lãnh đạo phải bình tĩnh lắng nghe những ý kiến trái với ý kiến của mình. Ý kiến khác nhau phải được nói hết, nói thẳng, và trải qua thảo luận dân chủ mà đi đến chân lý

Nâng cao chất lượng sinh hoạt của các cấp ủy là một yêu cầu quan trọng. Cung cấp những thông tin cần thiết để mỗi cấp ủy viên nắm chắc được tình hình, có điều kiện đóng góp vào quá trình ra các quyết định. Cải tiến cách điều hành hội nghị để bảo đảm thảo luận dân chủ, thẳng thắn, có kết luận rõ ràng, khi cần thì biểu quyết, kể cả bằng phiếu kín, làm cho mỗi nghị quyết được thông qua đều là sản phẩm của trí tuệ tập thể, buộc mọi người phải thực hiện, không ai được quyền tuyên truyền và thực hiện ý kiến riêng đã bị đa số bác bỏ.

Đẩy mạnh phê bình và tự phê bình đúng với ý nghĩa là quy luật phát triển của đảng, thước đo trình độ sinh hoạt dân chủ trong đảng và ý thức trách nhiệm của Đảng đối với nhân dân.

Người cộng sản phải dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật. Trong Đảng không thể dung thứ thái độ che giấu khuyết điểm, thổi phồng thành tích, lừa dối cấp trên, thái độ nể nang, hoặc đàn áp, trả thù người phê bình. Cuộc vận động tự phê bình và phê bình trong dịp chuẩn bị đại hội lần này được tiến hành tương đối rộng từ trên xuống dưới, đã phát hiện và sửa chữa một số khuyết điểm, bước đầu củng cố lòng tin của nhân dân. Cần đưa việc tự phê bình và phê bình vào chế độ sinh hoạt thường xuyên của tất cả các tổ chức đảng.

Digitized by Google

Không được coi phê bình và tự phê bình là một dịp đả kích lẫn nhau, mà phải xem đó là một sinh hoạt đảng bình thường để góp ý kiến giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, củng cố sự đoàn kết nhất trí.

Sửa đổi phong cách làm việc, *đi sâu, đi sát thực tế.*

Cán bộ lãnh đạo phải dành một phần thời giờ thích đáng đi cơ sở gặp quần chúng tìm hiểu tình hình, nghe ý kiến của cấp dưới, giải quyết kịp thời tại chỗ những việc cụ thể. Đến những nơi tiên tiến để tổng kết kinh nghiệm, và đến cả những nơi khó khăn, yếu kém để giúp đỡ.

Thiết lập trong toàn Đảng một *chế độ thông tin nhanh chóng và chính xác*. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng phải được thông tin đầy đủ về tình hình và nội dung các vấn đề thuộc phạm vi mình phụ trách trước khi ra quyết định.

Kiểm tra là một chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng, là một khâu quan trọng của tổ chức thực hiện. Đó cũng là biện pháp hiệu nghiệm để khắc phục bệnh quan liêu. Mọi tổ chức, từ cơ quan của Đảng, nhà nước đến đoàn thể quần chúng, mọi lĩnh vực hoạt động từ kinh tế, xã hội đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, không có ngoại lệ, đều phải đặt dưới sự kiểm tra của tổ chức đảng có thẩm quyền. Trung ương Đảng và các cấp ủy đảng phải nắm chắc công tác kiểm tra, sử dụng kết quả kiểm tra vào việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết. Mỗi cấp ủy, trong từng thời gian, đều phải có chương trình kiểm tra, tập trung vào những công tác chủ yếu, những đơn vị trọng điểm, sử dụng và phát huy vai trò ủy ban kiểm tra và các ban của Đảng, kết hợp chặt chẽ kiểm tra của Đảng với thanh tra của Nhà nước và kiểm tra của quần chúng; kiểm tra phải đi tới kết luận rõ ràng và xử lý đúng đắn.

Chúng ta đã xây dựng bước đầu quy chế làm việc của các tổ chức đảng và Nhà nước. Cần rút kinh nghiệm bổ sung và hoàn chỉnh những quy chế đó. Quy định cụ thể và thực hiện một số chế độ công tác và sinh hoạt nội bộ, trước hết là chế độ hội nghị, chế độ kiểm tra, chế độ phê bình và tự phê bình, chế độ tiếp xúc với quần chúng.

4—Nâng cao chất lượng đảng viên, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực.

Cùng với việc nâng cao năng lực và rèn luyện phong cách, phải tạo ra một chuyển biến mạnh mẽ trong việc rèn luyện, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên.

Mỗi người cộng sản chúng ta cần phải suốt đời học tập, noi gương đạo đức tác phong của Bác Hồ, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt nam, ghi nhớ và làm theo lời dạy của Người, nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, xứng đáng là người lãnh đạo và người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Hãy giữ gìn và nêu cao danh hiệu cao quý của người đảng viên cộng sản. Mọi người hãy suy nghĩ và hành động vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, vì lợi ích cách mạng, chứ không phải vì địa vị và tư lợi. Lý tưởng ấy phải được thể hiện cụ thể trong lao động, chiến đấu, học tập và trong lối sống của mỗi đảng viên. Trung thực, không giả dối, nói ít làm nhiều, lời nói đi đôi với việc làm, nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, không giấu giếm khuyết điểm—phẩm chất ấy phải được thường xuyên nhắn mạnh và rèn luyện. Ban hành những quy định ngăn ngừa thói khoa trương, thổi phồng thành tích, thi hành kỷ luật những cán bộ, những tổ chức « làm láo, báo cáo hay », có thái độ nghiêm khắc với những kẻ xu thời, vụ lợi, xu nịnh và với cả người ưa nịnh. Bất kỳ cán bộ, đảng viên nào

Digitized by Google

cũng phải tôn trọng nguyên tắc lãnh đạo tập thể, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Những hành động cửa quyền, hống hách, ức hiếp quần chúng phải bị lên án và thi hành kỷ luật.

Trong tư tưởng cũng như trong hành động, phải *triệt để chống tham nhũng, chống đặc quyền, đặc lợi*. Với lương tâm của người cộng sản, mỗi cán bộ, đảng viên hãy nghiêm khắc xem xét mình đã sống lành mạnh, sống bằng lao động của mình hay chưa? Tư tưởng và hành động chạy theo đồng tiền, tính ích kỷ, hành vi xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, xâm phạm lợi ích của nhân dân, ăn cắp của công, lấy của công để biếu xén, chè chén, « phân phối nội bộ », phải bị phê phán và xử lý nghiêm khắc.

Việc giáo dục, rèn luyện phẩm chất của cán bộ, đảng viên phải được thể hiện ở chương trình công tác, ở hoạt động thực tiễn của Trung ương, các cấp ủy, các tổ chức cơ sở của đảng. Cán bộ lãnh đạo phải gương mẫu trong lối sống. Người có chức vụ càng cao thì yêu cầu về sự gương mẫu càng lớn. Không ai có quyền tự ban cho mình những đặc quyền, đặc lợi. Phải bỏ ngay những chế độ cung cấp, trang bị phương tiện sinh hoạt, v.v. do các ngành, các địa phương tự ý quy định, trái với chế độ chung.

Mỗi cấp ủy phải nắm được cụ thể và chính xác phẩm chất của từng cán bộ thuộc phạm vi quản lý của mình. Chi bộ phải kiểm tra, quản lý đảng viên — kể cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo — về những vấn đề thuộc về đạo đức và phong cách.

Mười năm qua, trên 19 vạn đảng viên, trong đó một phần khá lớn là những người phạm sai lầm về phẩm chất, đạo đức, đã bị đưa ra khỏi Đảng; có những người đã phải truy tố trước pháp luật. Việc thi hành kỷ luật vẫn chưa nghiêm, đến nay nhiều người không đủ tư cách đảng viên vẫn còn ở trong Đảng. Phải làm trong sạch Đảng, trước hết loại bỏ ngay những phần tử thoái hóa, biến chất.

Cần đưa công khai trên báo, đài, hoặc qua các cuộc sinh hoạt của các tổ chức đảng và đoàn thể quần chúng một số vụ cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cao cấp, mắc sai lầm nghiêm trọng về phẩm chất. Điều đó chỉ làm tăng lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng.

Các tỉnh ủy, huyện ủy không thể giao cho tổ chức cơ sở, nhất là nơi yếu kém, tự làm việc chọn lọc đảng viên, mà phải chỉ đạo trực tiếp, nhằm trước hết vào những cơ sở nắm của cải của Nhà nước hoặc có quan hệ đến sinh mệnh chính trị và đời sống của quần chúng.

Sau Đại hội Đảng, cần có kế hoạch tiến hành *cuộc vận động làm trong sạch Đảng, khắc phục những hiện tượng hư hỏng trong bộ máy Nhà nước, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong xã hội*. Một hội nghị của Ban chấp hành trung ương sẽ thảo luận chuyên đề về công tác xây dựng Đảng.

5 — Nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở.

Việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, nâng cao chất lượng đảng viên... đều tùy thuộc vào sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Những thành tựu đã đạt được, những tiềm năng được khai thác, những kinh nghiệm có giá trị đều bắt nguồn từ sự nỗ lực phấn đấu của quần chúng ở cơ sở mà hạt nhân lãnh đạo là tổ chức đảng. Nhưng mặt khác, sự yếu kém của nhiều tổ chức cơ sở của Đảng đã hạn chế những thành tựu của cách mạng.

Tổ chức cơ sở phải là người nắm vững và bảo đảm cho mọi hoạt động ở cơ sở theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Ở những nơi thực hiện chế độ thủ trưởng, tổ chức cơ sở đảng phải thực hiện đúng

Digitized by Google

chức năng kiểm tra, kể cả kiểm tra người đứng đầu cơ sở. Từng thời gian, đảng ủy phải có chương trình kiểm tra, và biết tổ chức lực lượng, huy động đảng viên, cán bộ chuyên môn và quần chúng tham gia công tác kiểm tra. Lựa chọn và cử bí thư đảng ủy cơ sở có phẩm chất và năng lực tương đương với thủ trưởng của cơ sở đó.

Công tác quần chúng có vị trí quan trọng trong hoạt động của tổ chức cơ sở. Mỗi chi bộ, đảng viên phải chăm lo giáo dục chính trị, tư tưởng cho quần chúng, và bằng hành động gương mẫu của người cộng sản mà động viên quần chúng phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ lao động sản xuất và chiến đấu. Tạo điều kiện để quần chúng tham gia xây dựng Đảng, góp ý kiến phê bình, nhận xét hoạt động của chi bộ, kiểm tra tư cách đảng viên, phát hiện những người không đủ tư cách đảng viên, và giới thiệu những người ưu tú để xem xét kết nạp vào đảng. Thực hiện rộng rãi chế độ quần chúng phê bình chi bộ, đảng viên, định kỳ mỗi năm một lần vào dịp tổng kết công tác.

Tổ chức cơ sở đảng, mà trực tiếp là chi bộ, cần chăm lo việc giáo dục, rèn luyện đảng viên. Chi bộ làm tốt việc phân công đảng viên; đảng viên nào cũng được giao công tác, và phải làm tròn nhiệm vụ.

Số đảng viên đã về hưu ngày càng nhiều và chiếm tỷ lệ lớn ở các đảng bộ phường, xã. Cần quan tâm bồi dưỡng những vấn đề thời sự, chính sách và sử dụng các đồng chí về hưu vào những công việc thích hợp với khả năng và sức khỏe mỗi người.

Đi đôi với việc kiên quyết đưa ra khỏi đảng những người không đủ tư cách, cần thu hút vào đảng những người ưu tú xuất hiện trong phong trào cách mạng của quần chúng. Số lượng đảng viên của toàn Đảng tuy đông nhưng phân bố rất không đều. Vì vậy, phải tiếp tục coi trọng việc phát triển đảng viên đi đôi với điều chỉnh, phân bố hợp lý lực lượng đảng viên. Điều quan trọng là bảo đảm chất lượng đảng viên ngay từ khi lựa chọn, kết nạp. Đối với những cơ sở yếu kém, cấp ủy cấp trên phải chỉ đạo chặt chẽ việc củng cố tổ chức cơ sở này trước khi kết nạp đảng viên mới.

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là đội hậu bị của đảng. Các tổ chức đảng phải chăm lo giáo dục, rèn luyện đoàn viên, giúp cho mỗi người sống và làm việc theo lý tưởng của đoàn. Đó là nguồn chủ yếu để phát triển đảng viên mới.

Chú ý tăng thêm thành phần công nhân, phụ nữ, người dân tộc thiểu số trong việc phát triển đảng viên cũng như việc đào tạo cán bộ.

6 — Tăng cường đoàn kết nhất trí trong đảng.

Đảng ta có truyền thống đoàn kết nhất trí tốt đẹp. Chẳng những lúc cách mạng phát triển bình thường, thuận lợi mà cả lúc sóng gió, ở những bước ngoặt của lịch sử, đảng luôn luôn là một khối thống nhất về tư tưởng và hành động. Nhờ đó, đảng đã đoàn kết được đông đảo nhân dân, đưa sự nghiệp cách mạng đến những thắng lợi vẻ vang.

Bên cạnh mặt bản chất của đảng là đoàn kết nhất trí, chúng ta không thể xem thường tác động của một số nhân tố tiêu cực. Có tình trạng thiếu nhất trí về một số quan điểm và sự thiếu ăn khớp trong phong cách và quan hệ làm việc giữa một số cán bộ lãnh đạo các cấp. Bệnh cục bộ, địa phương còn nặng. Do đặc điểm của quá trình cách mạng ở nước ta, đội ngũ cán bộ ở mỗi miền, mỗi địa phương có sự hình thành và phát triển khác nhau; sự thông cảm và hiểu biết lẫn nhau chưa đầy đủ. Kẻ thù và những phần tử xấu lợi dụng tình hình này để kích động, gây chia rẽ.

Digitized by Google

Tăng cường đoàn kết, nhất trí về chính trị, tư tưởng và tổ chức trên cơ sở hệ tư tưởng Mác — Lê-nin, đường lối, quan điểm và nguyên tắc tổ chức của Đảng luôn luôn là vấn đề sống còn của cách mạng.

Đoàn kết trong Đảng không phải là « bằng mặt mà không bằng lòng », mà là sự đoàn kết được xây dựng trên cơ sở đấu tranh để bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng. Đoàn kết không có nghĩa là không có ý kiến khác nhau. Thông qua trao đổi, thảo luận sẽ đi đến nhất trí; nếu còn khác nhau, thì quá trình thực tiễn sẽ làm sáng tỏ và đạt đến sự nhất trí cao hơn. Nhưng trong sinh hoạt của Đảng, phải tuân theo nguyên tắc tập trung dân chủ và tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách: thiểu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn Đảng phục tùng Trung ương.

Chúng ta phải chăm lo giữ gìn sự đoàn kết trong các cơ quan lãnh đạo của Đảng, trên cơ sở đó, tăng cường đoàn kết trong toàn Đảng. Đảng ta quyết làm hết sức mình để giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của Đảng, thực hiện đúng lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: « Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết, nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình »

Thưa các đồng chí,

Đại hội lần thứ VI của Đảng cộng sản Việt nam đánh dấu sự đổi mới quan trọng của Đảng trong lãnh đạo chính trị, tư tưởng, tổ chức và có ý nghĩa to lớn tăng cường hơn nữa khối đoàn kết, thống nhất của toàn Đảng.

Trước mắt chúng ta có nhiều khó khăn, nhưng Đảng và nhân dân ta có những điều kiện cần thiết để khắc phục những khó khăn ấy, đưa sự nghiệp cách mạng về vang tiếp tục tiến lên.

Đảng ta là đội ngũ chiến đấu đã trưởng thành về chính trị và ngày càng có thêm nhiều kinh nghiệm mới.

Dân tộc ta là một dân tộc cách mạng. Nhân dân ta đã gắn bó với Đảng trong cuộc chiến đấu lâu dài, đánh thắng tất cả các thế lực xâm lược, giải phóng đất nước, thống nhất Tổ quốc.

Truyền thống quý báu của Đảng và nhân dân ta là trước những khó khăn, thử thách, càng đồng tâm nhất trí, anh dũng chiến đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc và vì lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa cộng sản.

Năm 1990, chúng ta sẽ kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Đảng cộng sản Việt nam, lần thứ 45 Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta hãy hướng về những ngày ấy, tiếp tục thực hiện Di chúc của Người, dấy lên một phong trào hành động cách mạng sôi động, có hiệu quả, ra sức thi đua hoàn thành kế hoạch năm năm 1986 — 1990.

Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân!

Digitized by Google

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI TRONG 5 NĂM 1986 — 1990

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG DO ĐỒNG CHÍ VÕ VĂN KIỆT ĐỌC

Thưa các đồng chí,

TRONG tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh dấu một bước chuyển hướng và đổi mới quan trọng trong sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực. Trong lĩnh vực kinh tế, đó là chuyển hướng về bố trí cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, đổi mới các chính sách kinh tế và cơ chế quản lý, nhằm khai thác mọi tiềm năng của đất nước, giải phóng năng lực sản xuất, tăng nhanh sản phẩm xã hội, thực hiện mục tiêu ổn định tình hình kinh tế — xã hội, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng đã đánh giá những thành tựu đạt được trong 5 năm qua, kiểm điểm những mặt yếu kém, phân tích những sai lầm, khuyết điểm, đề ra mục tiêu và nhiệm vụ kinh tế, xã hội cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Báo cáo này trình bày những phương hướng và mục tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế, xã hội trong 5 năm 1986 — 1990, để chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch 5 năm 1986 — 1990.

Bước vào 5 năm này, bên cạnh những thành tựu quan trọng về phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật..., tình hình kinh tế — xã hội nước ta đang còn có khó khăn lớn trên nhiều mặt. Sản xuất tuy có tăng, nhưng tăng thấp so với yêu cầu và khả năng thực tế. Một số chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch 5 năm 1981 — 1985 không đạt. Hàng triệu lao động chưa có việc làm. Tài nguyên chưa được khai thác tốt. Công suất máy móc, thiết bị mới sử dụng ở mức thấp. Phân phối, lưu thông rối ren kéo dài, của cải xã hội bị lãng phí nghiêm trọng. Những mất cân đối lớn trong nền kinh tế chưa giảm bớt, có mặt còn gay gắt hơn. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố. Đời sống công nhân, cán bộ và nhân dân lao động có nhiều khó khăn. Tiêu cực trong xã hội có những biểu hiện nghiêm trọng.

Trong khó khăn chung, đã xuất hiện những nhân tố tích cực mới. Qua thử nghiệm, tìm tòi, ở một số ngành, địa phương và cơ sở, đã nảy nở những mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, khai thác các khả năng để phát triển sản xuất, khắc phục khó khăn trong đời sống. Những mô hình đó

Digitized by Google

được tổng kết sẽ góp phần xác định nội dung cụ thể của phương thức làm ăn mới. Trình độ của đông đảo cán bộ về nhận thức và vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng, nắm bắt và đi sâu vào thực tiễn đã có bước nâng lên rõ rệt. Qua việc bước đầu lập sơ đồ phát triển và phân bố lực lượng sản xuất, lập quy hoạch tổng thể của các huyện, chúng ta đã hiểu rõ hơn tiềm năng của đất nước, bước đầu đề ra được phương hướng khai thác các tiềm năng đó trong thời gian tới. Hàng trăm công trình lớn, nhiều công trình vừa và nhỏ được xây dựng trong thời gian qua, tuy có những mặt chưa hợp lý, song đó là những cơ sở vật chất—kỹ thuật có ý nghĩa rất quan trọng. Đội ngũ công nhân lành nghề và cán bộ khoa học kỹ thuật đã được đào tạo không ít. Nhiều kết quả nghiên cứu khoa học, kỹ thuật đã được kết luận. Đó là những vốn quý giúp chúng ta giải quyết các nhiệm vụ kinh tế, xã hội đặt ra trước mắt.

Một nhân tố vô cùng thuận lợi là chúng ta luôn luôn nhận được sự hợp tác và giúp đỡ to lớn, chí tình, có hiệu quả của Liên xô và các nước anh em khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, ngày càng đi vào chiều sâu với quy mô sẽ được mở rộng hơn trong 5 năm tới và những năm tiếp theo.

Những quan điểm và chủ trương mới về kinh tế—xã hội do Đại hội lần này của Đảng quyết định sẽ chỉ rõ con đường đưa nền kinh tế nước ta ra khỏi khó khăn trước mắt và vững bước tiến lên.

Trước những đòi hỏi to lớn, bức xúc của công cuộc cải tạo và phát triển kinh tế, của đời sống nhân dân, nhất thiết Đảng ta phải vươn lên ngang tầm yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ, thống nhất ý chí và hành động với quyết tâm, nỗ lực và sáng tạo mới. Một mặt, chúng ta phải nhận rõ những nhân tố thuận lợi để phát huy tới mức tối đa; mặt khác, phải thấy hết khó khăn trong những năm trước mắt để xác định các chủ trương và biện pháp phù hợp, bố trí bước đi tích cực nhưng vững chắc. Đất nước ta còn nhiều tiềm năng chưa được khai thác, điều đó đã rõ ràng. Song muốn khai thác được các tiềm năng đó, ngoài việc xác định đúng phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế, đổi mới cơ chế và tổ chức quản lý, phải có vốn đầu tư, vật tư, năng lượng... mà hiện nay và trong thời gian tới vẫn còn là những hạn chế lớn. Chẳng những thế, việc khắc phục sai lầm vừa qua về điều chỉnh giá, lương, tiền, việc kiện toàn bộ máy quản lý và xây dựng cơ chế quản lý mới một cách đồng bộ, tuy rất cấp bách, nhưng không thể không đòi hỏi nhiều thời gian và công sức. Đó cũng là điều cần thấy trước.

Thưa các đồng chí,

Báo cáo chính trị đã xác định các mục tiêu chủ yếu về kinh tế, xã hội cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất; xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội; bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh, tất cả nhằm ổn định mọi mặt tình hình kinh tế — xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.

Thực hiện những mục tiêu đó, phải kết hợp đồng bộ cả ba mặt: sắp xếp, cải tạo và phát triển với những nội dung cụ thể phù hợp với đặc điểm của từng ngành, từng địa phương và cơ sở. Như vậy, ổn định không phải là hạn chế các hoạt động kinh tế, mà

Digitized by Google

là một quá trình vận động tiến lên, vừa phát triển, vừa điều chỉnh các quan hệ tỷ lệ của nền kinh tế quốc dân.

Vấn đề lớn nhất hiện nay là sắp xếp, bố trí lại cơ cấu và bước đi của nền kinh tế phù hợp với phương hướng, mục tiêu của những năm trước mắt, phù hợp với khả năng thực tế của nước ta và sự phân công, hợp tác quốc tế, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển ổn định, vững chắc, với nhịp độ nhanh. Trong những năm tới, chúng ta thật sự lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Công nghiệp nặng, trong bước này, hướng trước hết và chủ yếu vào phục vụ nông nghiệp, công nghiệp nhẹ với quy mô và trình độ kỹ thuật thích hợp.

Theo hướng đó, nhất thiết phải *sắp xếp lại các cơ sở sản xuất hiện có, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư*, bố trí hợp lý quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, nhằm khai thác mọi khả năng phát triển sản xuất, nhất là sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, và mở mang dịch vụ.

Chúng ta khẳng định một nhân tố tăng trưởng kinh tế cực kỳ quan trọng là *ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và kỹ thuật*, nhất là những thành tựu về sinh học, về giống cây trồng và vật nuôi, về đổi mới công nghệ và ứng dụng kỹ thuật tiến bộ, nhằm tiêu hao ít năng lượng, nguyên liệu, tạo ra các vật liệu mới, sản phẩm mới từ nguyên liệu trong nước, nâng cao chất lượng sản phẩm...

Tiết kiệm là chính sách lớn phải được thực hiện trong tất cả các hoạt động sản xuất, xây dựng và tiêu dùng xã hội. Chống xa hoa lãng phí, phô trương, hình thức trong bộ máy quản lý Nhà nước các cấp và hợp tác xã. Nêu cao lối sống giản dị, lành mạnh, dùng hàng trong nước sản xuất, không chạy theo những thị hiếu tiêu dùng vượt quá khả năng của nền kinh tế.

Để tháo gỡ khó khăn, tạo ra động lực mới, phải *đổi mới cơ chế quản lý kinh tế* với nội dung chủ yếu là xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, sửa đổi các chính sách đòn bẩy kinh tế, hình thành cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa; thiết lập trật tự, kỷ cương, thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ. Khâu quyết định là *bố trí đúng cán bộ*, kiện toàn bộ máy quản lý, đổi mới phong cách và lề lối làm việc phù hợp với yêu cầu đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý.

Đi đôi với công cuộc cải tạo và phát triển kinh tế, chúng ta phải triển khai tích cực, kiên quyết và bền bỉ các hoạt động về *phát triển xã hội*, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới, chống các hiện tượng tiêu cực, nhất là tệ tham nhũng, hối lộ, đầu cơ, trục lợi, thiết lập công bằng xã hội.

Trong khi thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, chúng ta luôn luôn coi trọng *bảo đảm các nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh*, trước hết là nhu cầu thường xuyên về đời sống và các hoạt động khác của lực lượng vũ trang; *tổ chức tốt hơn hoạt động sản xuất, xây dựng kinh tế của quân đội*, góp phần xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật cho quốc phòng và kinh tế, tự bảo đảm một phần nhu cầu của lực lượng vũ trang, góp thêm hàng hóa cho tiêu dùng xã hội và xuất khẩu.

Dưới đây, xin trình bày một số phương hướng và mục tiêu chủ yếu.

Digitized by Google

1 — BA CHƯƠNG TRÌNH LỚN : LƯƠNG THỰC — THỰC PHẨM, HÀNG TIÊU DÙNG, HÀNG XUẤT KHẨU

Thưa các đồng chí,

Báo cáo chính trị đề ra ba chương trình kinh tế lớn : lương thực — thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Ba chương trình này liên quan chặt chẽ với nhau, là cơ sở và tiền đề cho nhau. Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng là những điều kiện vật chất quan trọng nhất để ổn định tình hình kinh tế—xã hội và đời sống nhân dân ; xuất khẩu là một yếu tố có ý nghĩa quyết định để thực hiện hai chương trình đó và các hoạt động kinh tế khác. Ba chương trình lớn là cốt lõi của nhiệm vụ kinh tế, xã hội trong 5 năm 1986 — 1990, không những có ý nghĩa sống còn trong tình hình trước mắt, mà còn là những điều kiện ban đầu không thể thiếu được để triển khai công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo. Để thực hiện ba chương trình đó, cần động viên và tập trung cao độ mọi khả năng của nền kinh tế quốc dân. Các ngành công nghiệp nặng, giao thông vận tải, các ngành kinh tế, văn hóa, xã hội khác cũng như tất cả các địa phương đều phải dồn mọi lực lượng vật chất, sự lãnh đạo và chỉ đạo trước hết cho ba chương trình này, kiên quyết dứt khoát những nhu cầu khác chưa thật cấp bách. Phục vụ và bảo đảm thắng lợi cho ba chương trình là tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của tất cả các ngành và các địa phương trong cả nước.

1 — Lương thực — thực phẩm.

Trong bước đi hiện nay, nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta chứa đựng những tiềm năng to lớn và có vị trí cực kỳ quan trọng. Chính vì vậy, giải phóng năng lực sản xuất, trước hết và chủ yếu là giải phóng năng lực sản xuất của hàng chục triệu lao động với hàng triệu héc ta đất đai trong nền nông nghiệp nhiệt đới này.

Những năm qua, nông nghiệp nước ta đã có những chuyển biến mới, đã đạt được một số thành tựu quan trọng, nhất là về sản xuất lương thực và tạo ra một số vùng chuyên canh cây công nghiệp. Tuy nhiên, sản lượng lương thực tăng không đều và chưa vững chắc ; diện tích cây công nghiệp tăng chậm, nhất là cây công nghiệp ngắn ngày ; chưa gắn việc phát triển nông, lâm, ngư nghiệp với công nghiệp chế biến ; lao động, đất đai, rừng, biển chưa được sử dụng tốt... Đó là do nhận thức về nông nghiệp toàn diện, trong đó lương thực, thực phẩm là trọng tâm số một, chưa được thấu suốt đầy đủ. Đầu tư và nhất là các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp chưa được giải quyết thỏa đáng. Hiện nay, chúng ta còn khoảng 2 triệu héc ta đất nông nghiệp chưa được khai thác, hệ số sử dụng ruộng đất còn thấp, 8 triệu héc ta đất trống đồi trọc, chưa được phủ xanh, hàng chục vạn héc ta mặt nước có khả năng nuôi trồng thủy sản cùng với vùng biển rộng lớn có tiềm năng kinh tế phong phú, có nhiều ngư trường quan trọng chưa được khai thác tốt, hàng triệu lao động có khả năng mở mang ngành nghề chưa được sử dụng hết. Trong 5 năm 1986—1990, chúng ta tập trung cho mục tiêu số một là sản xuất lương thực và thực phẩm, đồng thời ra sức mở mang cây công nghiệp, nhất là cây công nghiệp ngắn ngày, đi liền với xây dựng đồng bộ công nghiệp chế biến, phát triển mạnh các ngành nghề, gắn lao động với đất đai, rừng, biển, nhằm khai

Digitized by Google

thác đến mức cao nhất những tiềm năng đó.

Nhiệm vụ đặt ra là phải đạt cho được mục tiêu bảo đảm nhu cầu ăn của toàn xã hội và bước đầu có dự trữ. Vấn đề lương thực phải được giải quyết một cách toàn diện, từ sản xuất, chế biến đến phân phối và tiêu dùng, gắn việc bố trí cơ cấu lương thực với việc cải tiến cơ cấu và nâng cao chất lượng bữa ăn phù hợp với đặc điểm từng vùng. Phải dựa vào việc khai thác thế mạnh của từng địa phương đồng bằng, trung du, miền núi, ven biển một cách hợp lý nhất, vừa tăng sản xuất lương thực tại chỗ, vừa tạo ra các nguồn sản phẩm khác để trao đổi lấy lương thực, kể cả thông qua xuất nhập khẩu. Gắn với việc giải quyết lương thực, nhất thiết phải giảm mạnh tỷ lệ tăng dân số.

Phấn đấu năm 1990 sản xuất 22—23 triệu tấn lương thực (quy thóc), bình quân mỗi năm trong 5 năm đạt 20 — 20,5 triệu tấn, tăng 3 — 3,5 triệu tấn so với mức bình quân hằng năm trong 5 năm trước.

Hướng chủ yếu đối với lúa là thâm canh, tăng vụ, và mở thêm diện tích ở những nơi có điều kiện (nhưng cần chú ý không được phá rừng). Tình hình năng suất không đồng đều giữa các vùng và ngay trong một địa phương nói lên khả năng thâm canh còn rất lớn. Vòng quay ruộng đất hiện nay còn quá thấp chứng minh tầm quan trọng, tính bức xúc và hiệu quả của tăng vụ. Trong những năm tới, chúng ta kiên quyết tập trung các điều kiện vật chất cho các vùng trọng điểm về lương thực hàng hóa. Cần xác định rằng đồng bằng sông Cửu long là trọng điểm lúa hàng hóa lớn nhất của cả nước, đồng bằng sông Hồng là trọng điểm sản xuất lúa của miền Bắc, có ý nghĩa quyết định đáp ứng nhu cầu của khu vực, ở các vùng khác cũng có những trọng điểm lúa của mình.

Nhấn mạnh cây lúa, nhưng tuyệt nhiên chúng ta không coi nhẹ màu. Những năm gần đây, diện tích và sản lượng màu giảm sút là một khuyết điểm cần được khắc phục. Mỗi vùng, căn cứ vào điều kiện cụ thể của mình, cần xây dựng một cơ cấu cây màu thích hợp, bao gồm ngô, khoai lang, sắn, khoai tây và các cây có bột khác, trong đó chú trọng cây ngô. Đi đôi với phát triển sản xuất, phải tổ chức tốt việc thu mua và chế biến, thật sự đưa được màu phổ biến vào cơ cấu bữa ăn.

Để thực hiện mục tiêu lương thực nói trên, cần áp dụng hàng loạt biện pháp đồng bộ. Trước hết, phải nói tới ruộng đất. Những năm qua, chúng ta đã để giảm sút hàng chục vạn héc ta đất lúa tốt. Đó là một tình hình không thể kéo dài. Phải hoàn chỉnh quy hoạch sử dụng đất đai, làm tốt công tác quản lý ruộng đất, nhất là ở cơ sở và đối với đất lúa. Chú trọng các biện pháp tổng hợp để vừa tăng độ phì của đất, vừa tăng hệ số sử dụng ruộng đất, nhất là ở đồng bằng sông Cửu long là nơi mà hệ số này còn rất thấp.

Thủy lợi là biện pháp hàng đầu, cần được phát động thành phong trào quần chúng rộng khắp, kết hợp với sự đầu tư đúng mức của Nhà nước. Trong 5 năm này, hoàn thành đồng bộ các công trình thủy lợi, tập trung vào những công trình phát huy ngay hiệu quả, nhất là mở mang thủy lợi nhỏ để phát huy tối đa công suất của công trình lớn và vừa đã được xây dựng. Xây dựng mới một số công trình để phục vụ ngay cho việc tăng vụ, chuyển vụ và khai hoang mở rộng diện tích. Ở đồng bằng Bắc bộ, chú trọng củng cố hệ thống đê, kè, cống; duy trì và phát triển thêm các trạm bơm điện; thu hẹp một phần diện tích thường bị ngập úng của lúa mùa. Ở đồng bằng sông Cửu long, ngoài các công trình đầu mối, chú trọng củng

Digitized by Google

cố và phát triển hệ thống thủy lợi nội đồng. Mở rộng diện tích được tưới, tiêu chủ động, trước hết ở các vùng lúa cao sản. Công tác phòng, chống bão lụt cần được đặc biệt chú ý, để hạn chế các thiệt hại, bảo vệ tốt tính mạng và tài sản của nhân dân.

Trong các biện pháp đồng bộ những năm tới phân bón nổi lên như là một yếu tố quyết định năng suất và thâm canh, một yêu cầu gay gắt mà chúng ta phải tập trung sức giải quyết. Có chính sách khuyến khích đẩy mạnh phong trào làm phân chuồng, phân xanh và các loại phân hữu cơ khác, bảo đảm một phần đáng kể nhu cầu phân bón. Mở rộng sản xuất phân lân, vôi, phốt pho rít. Dành ngoại tệ để nhập đủ phân bón. Nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón bằng các biện pháp kỹ thuật tiên bộ là một khả năng thực tế cần được áp dụng rộng rãi.

Những năm qua sâu bệnh đã gây cho sản xuất nông nghiệp không ít tổn thất. Làm tốt công tác dự báo phát hiện sâu bệnh, có biện pháp chủ động phòng trừ tổng hợp, kết hợp biện pháp sinh học với hóa học, là nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan quản lý nông nghiệp và bà con nông dân. Tổ chức tốt dịch vụ bảo hiểm cây trồng trên từng địa bàn; việc nhập đủ và kịp thời thuốc trừ sâu phải được ưu tiên giải quyết.

Tình trạng thiếu sức kéo, thậm chí phải dùng sức người cuốc đất, đang đặt ra cho chúng ta yêu cầu bức xúc cần giải quyết, nhất là ở những vùng tăng vụ, mở rộng diện tích. Trước hết, cần khuyến khích phát triển chăn nuôi trâu, bò cày kéo, mở rộng giao lưu trâu, bò để điều hòa sức kéo giữa các vùng. Đồng thời, cố gắng sản xuất và nhập thêm máy kéo, và quan trọng nhất là cải tiến ngay tổ chức, cơ chế sử dụng máy kéo, có sự điều chỉnh hợp lý để tận dụng máy kéo với công suất cao hơn. Thực hiện việc bán máy kéo nhỏ cho hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp đi đôi với đào tạo thợ, cung ứng phụ tùng sửa chữa. Dứt khoát không để thiếu công cụ thường, công cụ cải tiến với chất lượng tốt trang bị cho lao động nông nghiệp.

Thực tiễn ở nhiều vùng cho thấy cơ cấu giống và giống mới đi liền với cơ cấu mùa vụ hợp lý góp phần quan trọng vào năng suất cây trồng và tính ổn định của mùa màng. Vấn đề đặt ra là tổ chức cho được hệ thống giống từ trung ương đến cơ sở, có chính sách khuyến khích hợp tác xã nhân nhanh giống mới đã được hướng dẫn sử dụng cho từng vùng.

Nhằm giảm bớt mức độ hư hao và mất mát lương thực hiện còn rất lớn, giữ gìn phẩm chất và tăng giá trị sản phẩm, cần chú trọng xây dựng đồng bộ hệ thống bảo quản và chế biến, tổ chức vận chuyển kịp thời lương thực.

Cùng với cung ứng các điều kiện vật chất, kỹ thuật nêu trên, phải thực hiện một hệ thống các chính sách thật sự khuyến khích sản xuất lương thực. Cần chấn chỉnh hệ thống cung ứng vật tư và dịch vụ, phục vụ kịp thời và có hiệu quả cho hợp tác xã và người sản xuất, khắc phục mọi sự phiền hà và làm thất thoát vật tư Nhà nước. Hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động. Bảo đảm vật tư cần thiết cùng với ổn định mức khoán hợp lý để tạo điều kiện cho người sản xuất nhận khoán và tự đầu tư thêm để vượt mức khoán. Miễn thuế nông nghiệp trong một thời gian để khuyến khích những nơi tăng vụ hoặc mở thêm diện tích. Ngoài nghĩa vụ thuế, các quan hệ kinh tế giữa Nhà nước và hợp tác xã đều thông qua các hợp đồng mua và bán do các tổ chức kinh doanh Nhà nước đảm nhiệm theo nguyên tắc bình đẳng, ngang giá. Ngoài phần hợp đồng có vật tư bảo đảm, cần thực hiện mua bán theo giá thật sự thỏa thuận.

Digitized by Google

Nhằm tăng chất lượng bữa ăn hằng ngày và cải tiến dần cơ cấu bữa ăn, việc sản xuất thực phẩm cũng phải được coi trọng như sản xuất lương thực. Chúng ta có nhiều khả năng phát triển toàn diện các nguồn thực phẩm động vật và thực vật phong phú, đa dạng trên khắp các miền đất nước. Trước hết, phải đẩy mạnh chăn nuôi, tăng đáng kể đàn gia súc, gia cầm, chú ý các loại không dùng hoặc ít dùng lương thực. Hết sức khuyến khích chăn nuôi gia đình; khôi phục và phát triển chăn nuôi quốc doanh và tập thể ở những nơi có điều kiện. Muốn vậy, phải giải quyết tốt các khâu giống, thức ăn và phòng chống dịch bệnh. Nhà nước chỉ đạo chặt cả ba khâu này, chú ý tăng nguồn thức ăn gia súc qua chế biến. Chính sách tạo giống cho chăn nuôi cũng phải được coi trọng và khuyến khích đúng mức như tạo giống cho sản xuất lương thực.

Rau, đậu các loại, cây có dầu, cây ăn quả là nguồn thực phẩm mà ở đâu cũng có điều kiện phát triển. Xung quanh các thành phố, khu công nghiệp, nhất là Hà nội, thành phố Hồ Chí Minh, khu mỏ Quảng ninh phải tập trung đầu tư đồng bộ để sớm hình thành vành đai thực phẩm, đồng thời khuyến khích các địa phương, các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và người sản xuất cá thể đưa rau, quả, thịt, cá... vào bán trong thành phố. Các nông trường, lâm trường, các đơn vị quân đội đều phải tổ chức chăn nuôi và trồng cây thực phẩm bằng mọi hình thức, để tự giải quyết một phần hoặc toàn bộ nhu cầu tại chỗ.

Thủy hải sản là một nguồn thực phẩm không những quan trọng cho nhu cầu tiêu dùng mà còn là một nguồn hàng xuất khẩu lớn rất có giá trị. Đây là một tiềm năng lớn và cũng là một khả năng thực tế. Ở những nơi có mặt nước, phải tổ chức nuôi cá, tôm và các thủy sản khác, kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm, áp dụng rộng rãi mô hình «vườn—ao—chuồng» đặc biệt là tôm nuôi mà chúng ta cần đầu tư để tận lực phát triển. Sắp xếp hợp lý lực lượng lao động ngư nghiệp, khuyến khích nhân dân phát triển nuôi, trồng và đánh bắt thủy sản, mở mang ngành nghề vùng ven biển. Nhà nước đầu tư tăng thêm phương tiện, sửa chữa, khôi phục tàu thuyền và công cụ đánh bắt, xây dựng bến bãi và cơ sở hậu cần. Ngư trường vùng biển Tây Nam nước ta là ngư trường trọng điểm, có ý nghĩa lớn về kinh tế và quốc phòng, an ninh. Nhà nước trung ương có trách nhiệm đầu tư và tổ chức việc liên kết giữa các địa phương trong việc đánh bắt, nuôi trồng; đồng thời cần có quy chế bảo vệ nguồn lợi hải sản ở vùng này. Các cơ sở quốc doanh làm tốt nhiệm vụ hướng dẫn kỹ thuật, chỉ đạo việc chuyển ngư trường theo thời vụ, tổ chức tốt việc thu mua, bảo quản và chế biến thủy sản. Bảo đảm đủ lương thực, hàng tiêu dùng thiết yếu cho ngư dân; định giá mua hợp lý để khuyến khích người lao động sản xuất, chấm dứt tình trạng tranh mua, tranh bán thủy sản.

Chương trình lương thực — thực phẩm không thể tách rời phát triển nông nghiệp toàn diện. Ngoài những cây, con phục vụ trực tiếp nhu cầu thực phẩm như đã nói trên, chúng ta khuyến khích phát triển mạnh trồng cây công nghiệp, trồng rừng để khai thác những tiềm năng to lớn của nền nông nghiệp nhiệt đới theo thế mạnh của từng vùng, tạo ra nguồn sản phẩm hàng hóa để trao đổi lấy lương thực, khắc phục khuynh hướng giải quyết lương thực theo lối khép kín, đồng thời tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và nhất là tăng nhanh những sản phẩm có giá trị xuất khẩu. Phát triển cây công nghiệp, bảo vệ vốn rừng và trồng rừng còn là lĩnh vực có khả năng thu hút rất nhiều lao động, giải quyết việc làm trong điều kiện nước ta hiện nay.

Digitized by Google

Những năm tới, bằng việc đổi mới mạnh mẽ các chính sách thu mua, giá cả, cơ chế đầu tư và cung ứng vật tư, lương thực... chúng ta ưu tiên phát triển cây công nghiệp ngắn ngày, tập trung vào các cây lạc, đỗ tương, mía, thuốc lá, day, cói... Chú trọng đầu tư cho các vùng chuyên canh, kể cả hình thức tín dụng cho hợp tác xã và kinh tế gia đình; mở rộng trồng xen, trồng gối vụ, trên cả diện tích cây dài ngày mà khả năng còn rất lớn. Chúng ta còn nhiều đất trồng cây công nghiệp dài ngày, nhất là những cây có giá trị như cà phê, chè, cao su, dừa, hồ tiêu...: đây là một đối tượng thu hút nhiều lao động và mở mang hợp tác quốc tế. Trong các cơ sở quốc doanh, trước hết đầu tư thâm canh những diện tích hiện có, để tăng nhanh sản lượng khai thác. Đối với cây trồng mới, phải lấy chất lượng và sản lượng cuối cùng làm mục tiêu phấn đấu, trồng đến đâu thâm canh đến đó, khắc phục khuynh hướng chạy theo diện tích. Trong tình hình nguồn vốn có hạn, phải tạo vốn bằng phương thức kinh doanh tổng hợp, «lấy ngắn nuôi dài», thực hiện liên kết quốc doanh, tập thể, gia đình, cá thể, tư nhân, nhằm tận dụng lao động và đất đai; khuyến khích kinh tế gia đình trồng các cây có giá trị.

Rừng tiếp tục bị tàn phá, tỷ lệ che phủ đã tụt xuống đến mức quá thấp như hiện nay đang là một nguy cơ lớn. Vì vậy, vấn đề lớn nhất của lâm nghiệp là xây dựng và bảo vệ vốn rừng hiện có, làm cho vốn rừng không ngừng tăng lên. Cần thực hiện các biện pháp toàn diện nhằm chấm dứt nạn phá rừng, cháy rừng. Cần phân công, phân cấp quản lý để rừng nào cũng có người chịu trách nhiệm bảo vệ và trồng mới, và được hưởng lợi ích tương ứng với công sức đóng góp. Coi trọng công tác định canh, định cư giúp số đông bào còn du canh, du cư có đời sống ổn định và tham gia tích cực vào việc bảo vệ và trồng rừng. Đầu tư thích đáng cho việc tu bổ và bảo vệ rừng, trồng rừng vùng cao, rừng đầu nguồn, nhất là đối với các loại cây làm nguyên liệu giấy, gỗ trụ mỏ, cây lấy củi. Giao đất trồng rừng cho hợp tác xã và gia đình, cho các đơn vị kinh tế trồng cây theo quy hoạch và có chính sách lợi ích thỏa đáng; phát động rộng rãi phong trào trồng cây phủ xanh đồi trọc, trồng cây ở thành phố và khắp các vùng nông thôn, trồng cây ven biển, trồng cây lấy củi, thực hiện làm – nông kết hợp để phát triển đa dạng kinh tế ở các vùng. Riêng đối với quân đội thì đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng trong việc bảo vệ và trồng mới nhằm giải quyết nhu cầu gỗ, củi.

Trong 5 năm này, phải có kế hoạch xây dựng, cải tạo một phần rừng tự nhiên thành rừng kinh tế; bảo đảm vật tư kỹ thuật cho yêu cầu khai thác gỗ. Trong việc khai thác, cần đề cao kỷ luật, giữ đúng quy trình kỹ thuật, có tính tới cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường sống. Nhà nước thống nhất quản lý nguyên liệu gỗ và việc chế biến gỗ, phát triển các cơ sở chế biến tại rừng nhằm tận dụng gỗ cành, ngọn mà hiện đang còn lãng phí lớn

2 — Hàng tiêu dùng.

Phát triển sản xuất hàng tiêu dùng là một chương trình lớn, không chỉ có ý nghĩa cấp bách trước mắt, mà còn có ý nghĩa lâu dài và cơ bản. Đó là để bảo đảm các nhu cầu hằng ngày của người dân, cùng với lương thực, thực phẩm, bảo đảm tái sản xuất sức lao động; đồng thời, đây cũng là lĩnh vực thu hút hàng triệu người lao động, giải quyết việc làm cho nhân dân, từ đó tạo nguồn tích lũy và nguồn xuất khẩu quan trọng.

Năm năm qua, sản xuất hàng tiêu dùng có mức phát triển, tuy nhiên còn chậm, nhiều mặt hàng thông thường vẫn khan hiếm; chất lượng hàng tiêu dùng giảm sút đã gây lãng phí lớn về vật tư và gây ra sự bất bình chính

Digitized by Google

đáng trong nhân dân. Trong khi đó, nhiều tiềm năng chưa được khai thác, nhất là lực lượng tiểu, thủ công nghiệp và các nguồn nguyên liệu trong nước. Sắp tới, phải bằng mọi cách giải phóng năng lực to lớn này để đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng trong các ngành, các thành phần kinh tế, với mọi hình thức tổ chức, quy mô và trình độ kỹ thuật. Phải bảo đảm sản xuất nhiều loại hàng tiêu dùng cho nhiều nhu cầu đa dạng của xã hội, phù hợp với từng vùng, từng lứa tuổi, không thể thiếu những hàng tiêu dùng thông thường. Việc tăng sản lượng phải đi liền với việc bảo đảm chất lượng, không ngừng đổi mới quy cách, bảo đảm kỹ thuật và mỹ thuật của sản phẩm.

Ưu tiên các điều kiện vật chất để tận dụng công suất của các xí nghiệp hiện có, nhất là các xí nghiệp lớn có năng suất, hiệu quả. Đối với các cơ sở sản xuất đã được xây dựng nhiều năm, máy móc thiết bị đã quá cũ kỹ, hư hỏng, cần từng bước đổi mới kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu về số lượng, chủng loại và chất lượng sản phẩm. Bằng phương thức bán hoặc cho vay tín dụng, trang bị thêm máy móc thiết bị cho tiểu, thủ công nghiệp. Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà nội là những trọng điểm sản xuất hàng tiêu dùng của cả nước cần được tập trung đầu tư; Hải phòng, Đà nẵng và một số thành phố khác cũng có những thế mạnh cần được chú ý phát huy.

Để phát triển hàng tiêu dùng, điều có ý nghĩa quyết định là nguyên liệu và chính sách nguyên liệu. Phương hướng chủ yếu là tận lực khai thác các nguồn nguyên liệu trong nước đồng thời ưu tiên dành ngoại tệ để nhập khẩu những nguyên liệu cần phải nhập. Đối với nguyên liệu từ nông nghiệp, cần bảo đảm đủ diện tích chuyên canh phục vụ các nhà máy chế biến, thực hiện việc liên kết chặt chẽ và trực tiếp giữa nhà máy với vùng nguyên liệu bằng các hợp đồng kinh tế, bảo đảm lợi ích hợp lý của cả hai bên. Giá mua cần được sửa đổi theo hướng khuyến khích người sản xuất nguyên liệu; khuyến khích đúng mức đối với những nguyên liệu có chất lượng cao. Đối với nguyên liệu từ khoáng sản, cần tăng cường đầu tư, phân công, phân cấp hợp lý để đẩy mạnh việc khai thác, nhất là các mỏ nhỏ, đồng thời phát triển những cơ sở lớn chất thường.

Cần thấy rằng hiện nay lực lượng tiểu, thủ công nghiệp đang sản xuất khoảng một nửa khối lượng hàng tiêu dùng và còn nhiều khả năng thu hút hàng triệu lao động. Cần xóa bỏ ngay những chính sách, chế độ đang gò bó lực lượng này, lao gồm hợp tác xã, tổ sản xuất, kinh tế gia đình, cá thể, tư nhân. Trước hết, phải dành một phần thích đáng nguyên liệu, năng lượng và tổ chức tốt việc cung ứng đến cơ sở sản xuất; chuyển mạnh sang phương thức bán nguyên liệu, mua sản phẩm theo hợp đồng. Giá gia công cần được sửa đổi để thật sự khuyến khích sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và đổi mới mặt hàng; bảo đảm lương thực cho người sản xuất, cải tiến chính sách thuế đối với tiểu, thủ công nghiệp theo hướng khuyến khích các ngành, nghề cần phát triển. Đặc biệt khuyến khích và tạo mọi điều kiện để phát triển các nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống, sử dụng và đãi ngộ tốt các nghệ nhân, đồng thời đào tạo, bồi dưỡng lực lượng kế thừa, không để mai một những ngành, nghề đã có từ lâu đời trong nhân dân.

Cùng với phát triển sản xuất, phải thực hiện một chính sách tiêu dùng hợp lý, tiết kiệm. Một mặt, chúng ta ra sức phát triển hàng tiêu dùng với chất lượng và mỹ thuật ngày càng được nâng cao, phù hợp với yêu cầu và xu thế phát triển của tiêu dùng xã hội. Mặt khác, nhân dân ta, nhất là cán bộ, đảng viên, cần tự giác dùng

Digitized by Google

hàng trong nước, coi đó là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta, để vừa khuyến khích và bảo vệ sản xuất, vừa tiêu dùng phù hợp với khả năng thực tế của nền kinh tế nước ta hiện nay.

Với phương hướng nêu trên, trong 5 năm tới, đưa nhịp độ tăng bình quân hằng năm của sản xuất hàng tiêu dùng lên 13 — 15%. Chúng ta đặc biệt coi trọng dầy mạnh sản xuất vải, bảo đảm ở mức cần thiết các mặt hàng dệt khác; tăng nhanh sản lượng giấy, bảo đảm đủ giấy viết và giấy in sách giáo khoa. Tăng sản xuất các loại thuốc chữa bệnh thông thường; thường xuyên kiểm tra, quản lý thị trường, nghiêm trị việc sản xuất thuốc giả. Cùng với việc bảo đảm đủ nguyên liệu cho các nhà máy đường quốc doanh, các hợp tác xã, các huyện có điều kiện đều trồng mía và phát triển các cơ sở chế biến nhỏ, để tự giải quyết đủ nhu cầu tại chỗ về đường, mật các loại. Chè, rau, quả hộp, bia, các loại nước giải khát.. được bố trí sản xuất hợp lý, vừa hiện đại vừa thủ công, nhằm tạo ra một khối lượng lớn hàng hóa có chất lượng tốt, bảo đảm nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Riêng về thuốc lá, trước hết phải cung ứng đủ nguyên liệu cho các nhà máy quốc doanh trung ương khai thác hết công suất; sắp xếp lại các cơ sở sản xuất, khắc phục tình trạng phát triển tràn lan hiện nay. Trong việc sản xuất thực phẩm, phải quản lý chặt chẽ chất lượng và tiêu chuẩn vệ sinh.

Các loại hàng kim khí tiêu dùng như xe đạp, quạt máy, máy khâu, đồng hồ, lắp ráp máy thu thanh, máy thu hình... cần được sắp xếp, mở rộng sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Xà phòng, bột giặt là những hàng tiêu dùng không thể thiếu, cần được bảo đảm đủ nguyên liệu cho sản xuất và quản lý chặt chẽ chất lượng.

3 — Xuất khẩu.

Là mũi nhọn có ý nghĩa quyết định đối với nhiều mục tiêu kinh tế trong 5 năm này, đồng thời cũng là khâu chủ yếu của toàn bộ các quan hệ kinh tế đối ngoại, xuất khẩu phải trở thành mối quan tâm hàng đầu của tất cả chúng ta ở các ngành, các cấp; trong thời gian tới, nhất thiết phải đạt được sự chuyển biến lớn xứng đáng với tầm quan trọng và khả năng thực tế của nó. Nhiệm vụ đặt ra là tăng nhanh khối lượng xuất khẩu, đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu, khắc phục cung cách làm ăn ít hiệu quả, tình trạng phân tán, lộn xộn, gây thiệt hại cả ở thị trường trong nước lẫn nước ngoài. Mức xuất khẩu phải tăng khoảng 70% so với 5 năm trước, dựa vào các mặt hàng chính là nông sản và nông sản chế biến, hàng công nghiệp nhẹ và tiểu, thủ công nghiệp, thủy sản. Mức xuất khẩu nói trên, tuy là tối thiểu, không thể lùi hơn nữa, nhưng không nên nghĩ rằng chúng ta có thể đạt được một cách dễ dàng. Vì vậy, cần thực hiện bằng được những biện pháp tích cực và có hiệu quả.

Trước hết, cần xây dựng một quy hoạch dài hạn và một kế hoạch cụ thể cho từng thời kỳ về sản xuất các mặt hàng xuất khẩu. Trên cơ sở đó, có đầu tư đủ mức, bảo đảm quỹ vật tư cần thiết cho sản xuất, chú trọng các vùng sản xuất tập trung, các mặt hàng chủ lực. Khuyến khích thỏa đáng đối với người trực tiếp sản xuất hàng xuất khẩu, như cung ứng đủ lương thực và hàng tiêu dùng cần thiết, có giá mua hợp lý, khen thưởng hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch giao hàng xuất khẩu, nhất là khen thưởng về chất lượng hàng hóa. Giá mua phải thống nhất theo phẩm cấp của từng mặt hàng, cho cả tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Trước mắt, cần sửa ngay và điều chỉnh kịp thời tỷ giá hàng giao xuất

Digitized by Google

khẩu để bảo đảm lợi ích của người sản xuất và các địa phương có nhiều cố gắng giao hàng xuất khẩu cho trung ương.

Để khắc phục tình trạng tranh mua, tranh bán, thiết lập trật tự, kỷ cương trong lĩnh vực ngoại thương, cần tổ chức lại công tác xuất nhập khẩu một cách hợp lý, nhất là đối với các mặt hàng và nhóm hàng quan trọng. Giảm bớt các khâu trung gian, khắc phục tệ cửa quyền, tùy tiện, xâm phạm lợi ích của người trực tiếp sản xuất hàng xuất khẩu. Cơ sở làm hàng xuất khẩu phải được thông tin kịp thời về thị trường và giá cả, được tiếp xúc với người tiêu thụ để kịp thời cải tiến mặt hàng, nâng cao quy cách và chất lượng hàng hóa phù hợp với yêu cầu khách hàng.

Chúng ta hoan nghênh những tổ chức kinh tế của nước ngoài quan hệ trực tiếp với các tổ chức kinh tế Việt nam để mở rộng quy mô hợp tác, thỏa mãn lợi ích của cả hai bên, theo chính sách và luật pháp của Nhà nước ta.

Đi đôi với đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, chúng ta hết sức coi trọng và tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các hoạt động thu ngoại tệ như du lịch, kiều hối, cung ứng tàu biển, dịch vụ hàng không... Xóa bỏ ngay những chế độ, thể lệ, những thủ tục phiền hà đang gò bó, hạn chế những hoạt động này.

Một hướng khác là mở rộng hơn nữa hợp tác lao động với nước ngoài, chủ yếu là tổ chức trên quy mô lớn việc làm gia công hàng xuất khẩu ở trong nước, đồng thời có thể mở rộng việc đưa lao động ra nước ngoài bằng nhiều hình thức thích hợp, coi đó là một bộ phận hữu cơ của chương trình lao động nói chung của toàn xã hội, của từng ngành, từng địa phương. Để làm việc này, bảo đảm hiệu quả không chỉ về kinh tế mà cả về xã hội, cần cải tổ căn bản các hoạt động hiện hành, từ việc tuyển chọn ở trong nước, tổ chức quản lý ở nước ngoài cho đến việc sử dụng lao động sau khi họ ở nước ngoài về. Điều có ý nghĩa quyết định là tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý, nhất là cán bộ quản lý lao động ở nước ngoài. Xóa bỏ tiêu cực trong lĩnh vực này, trước hết phải xóa bỏ tiêu cực trong đội ngũ cán bộ quản lý. Đối với anh chị em đi lao động ở nước ngoài, cùng với việc bảo đảm lợi ích thích đáng, cần giáo dục về nghĩa vụ và trách nhiệm đối với công cuộc xây dựng đất nước.

Trong 5 năm này, việc nhập khẩu phải theo hướng tạo điều kiện thực hiện đầy đủ ba chương trình kinh tế lớn, khai thác tốt hơn tiềm năng lao động, đất đai và công suất thiết bị hiện có. Trước yêu cầu rất lớn về nhập khẩu, phải đẩy mạnh xuất khẩu sang cả hai khu vực xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, trước hết là bảo đảm các cam kết quốc tế.

Trong việc sử dụng ngoại tệ do xuất khẩu mang lại, trước hết, cần dành phần cần thiết đầu tư trở lại cho sản xuất để bù đắp được chi phí sản xuất và có phần lãi sản xuất mở rộng nguồn hàng xuất khẩu, nhất là để nhập những vật tư thiết yếu đáp ứng nhu cầu chung của cả nước và trang trải những món nợ đến hạn.

Nghiên cứu ban hành thuế xuất nhập khẩu nhằm thể hiện chính sách đối với các mặt hàng, thiết lập trật tự và kỷ cương trong lĩnh vực ngoại thương.

Các quan hệ kinh tế đối ngoại phải thúc đẩy sự gắn bó ngày càng chặt chẽ giữa nước ta với cộng đồng xã hội chủ nghĩa, trước hết với Liên xô, thể hiện ngày càng rõ nét sự tham gia của nước ta vào quá trình phân công lao động quốc tế và liên kết tinh tế xã hội chủ nghĩa, vừa mở rộng quy mô trao đổi hàng hóa, vừa đẩy mạnh phân công, hợp tác sản xuất. Trong 5 năm này, phải xây dựng cho được

Digitized by Google

chương trình hợp tác mới dài hạn với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, để chủ động tranh thủ nhiều hơn nữa sự hợp tác và giúp đỡ của các nước anh em và nâng cao hiệu quả của kinh tế đối ngoại.

Trong toàn bộ quan hệ kinh tế với nước ngoài, chúng ta luôn luôn nắm vững phương châm cơ bản là không ngừng mở rộng sự hợp tác toàn diện với Liên xô trên tất cả các lĩnh vực và bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, cũng phải bảo đảm thực hiện đúng các cam kết về hàng xuất khẩu. Cần hình thành và củng cố sự gắn bó lâu dài không chỉ ở cấp trung ương mà cả giữa các ngành, các đơn vị sản xuất và các địa phương.

Chúng ta đặc biệt chú trọng phát triển quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa giữa nước ta và hai nước anh em Lào Cam-pu-chia, nhằm khai thác khả năng của mỗi nước bổ sung cho nhau, làm cho mỗi nước và ba nước ngày càng phát triển và vững mạnh. Căn cứ vào mục tiêu chiến lược của mỗi đảng, cần phối hợp xây dựng các chương trình hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, tiến tới có sự liên kết kinh tế theo một chiến lược chung. Việc hợp tác kinh tế giữa ba nước phải theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, có ưu tiên ưu đãi cho nhau, và phải có những chính sách phương thức thích hợp, bảo đảm hiệu quả thiết thực. Trong 5 năm này, phải thực hiện việc phối hợp kế hoạch giữa ba nước, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, phát triển giao thông vận tải; đồng thời tiếp tục giúp bạn về công tác điều tra cơ bản, đào tạo cán bộ, trao đổi chuyên gia...

Đặt nền tảng của chiến lược kinh tế đối ngoại vào sự gắn bó với cộng đồng xã hội chủ nghĩa, trước hết với Liên xô, chính điều cơ bản đó tạo điều kiện cho chúng ta phấn đấu để có những quan hệ ngày càng năng động hơn về kinh tế và khoa học kỹ thuật với các khu vực khác trên thế giới. Ngoài hoạt động xuất, nhập khẩu, với những chính sách và thể chế mới, sẽ mở thêm quan hệ hợp tác với nhiều nước đang phát triển, với một số nước hoặc tổ chức tư nhân trong thế giới tư bản chủ nghĩa.

Sự đóng góp của cộng đồng người Việt nam ở nước ngoài về kinh tế và khoa học kỹ thuật là một nhân tố quan trọng và hiện thực, thể hiện tình cảm gắn bó của đồng bào với quê hương, đất nước. Cần sửa những cơ chế, chính sách không hợp lý để đồng bào có điều kiện thật sự tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng Tổ quốc.

Làm tốt những việc nêu trên là một bước chuẩn bị tích cực, để trong những kế hoạch sau, mở rộng và nâng cao hơn nữa hiệu quả của sự hợp tác quốc tế, làm cho nước ta tham gia sâu hơn vào quá trình phân công và liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa, theo hướng khai thác tốt nhất những tiềm năng của nước ta với sự hỗ trợ mạnh mẽ về vốn và kỹ thuật của các nước anh em, bầu bạn, nhằm đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của nước ta và tăng thêm sức mạnh của cả cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện thắng lợi các chủ trương của Đảng về quan hệ kinh tế đối ngoại, chúng ta cần ý thức sâu sắc rằng làm ăn tốt, khai thác hết mọi khả năng ở trong nước là tiền đề, điều kiện quyết định để mở mang quan hệ kinh tế với nước ngoài. Phải bằng mọi cách ra sức cải tiến sản xuất kinh doanh, phát huy tính năng động, nhanh nhạy để thích ứng kịp thời với những đòi hỏi ngày càng cao của thị trường bên ngoài về số lượng và chất lượng hàng hóa, về thời gian và giá cả trao đổi. Cần nhấn mạnh rằng việc thực

Digitized by Google

hiện đầy đủ các cam kết quốc tế là trách nhiệm và danh dự của Nhà nước ta mà tất cả các ngành, các cấp và người làm hàng xuất khẩu đều có nghĩa vụ bảo đảm. Chỉ bằng cách đó, chúng ta mới giữ vững được sự tín nhiệm quốc tế và có điều kiện mở rộng hơn nữa quan hệ kinh tế với nước ngoài.

II — CÔNG NGHIỆP NẶNG VÀ KẾT CẤU HẠ TẦNG

Để thực hiện ba chương trình kinh tế lớn nói trên, tạo tiền đề đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo, cần phát triển một số ngành công nghiệp nặng và kết cấu hạ tầng cần thiết phù hợp với khả năng trước mắt. Đó là năng lượng, là một số cơ sở cơ khí và nguyên, vật liệu, là giao thông vận tải và thông tin bưu điện, những cơ sở vật chất — kỹ thuật tối thiểu trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Như vậy là ngay từ đầu, chúng ta kết hợp chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, bao gồm công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng, để từng bước hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý. Bằng cách đó, khắc phục khuyết điểm tách rời công nghiệp với nông nghiệp, hướng công nghiệp nặng phục vụ thiết thực và có hiệu quả cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, khắc phục từng bước sự lạc hậu của kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông vận tải trong nền kinh tế nước ta.

Kinh nghiệm thực tế nhiều năm qua cho thấy trong bước đầu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, vai trò của năng lượng cực kỳ quan trọng, quyết định nhịp độ phát triển của toàn bộ nền kinh tế. Trong những năm trước mắt, xuất phát từ điều kiện tài nguyên và khả năng các mặt, chúng ta tập trung sức phát triển than, điện và dầu khí, đồng thời tranh thủ sử dụng thêm các nguồn và dạng năng lượng khác như khí mê tan, trấu, sức gió, năng lượng mặt trời.

Than là nhiên liệu chủ yếu không chỉ 5 năm này, mà cả một thời gian dài. Việc khai thác than phải nhằm theo hai hướng. Đối với những mỏ ở khu vực Quảng ninh, cần sắp xếp lại tổ chức sản xuất và cải tiến mạnh quản lý; giải quyết những khâu không đồng bộ trong dây chuyền sản xuất của từng mỏ; bảo đảm đủ thiết bị, vật tư; đặc biệt là cung ứng kịp thời và ổn định lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng thiết yếu cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của công nhân khu mỏ. Hoàn thành xây dựng một số mỏ quan trọng và khởi công xây dựng một số mỏ mới; cải tạo hệ thống sàng rửa, để bảo đảm chất lượng than; xây dựng xong các tuyến đường sắt trong khu mỏ. Đi đôi với hướng chủ yếu nói trên, cần quan tâm khai thác các mỏ than nhỏ tại các địa phương, nhất là đối với nguồn than bùn có trữ lượng không nhỏ. Để làm việc này, phải có đầu tư của cả trung ương và địa phương, có chính sách giá hợp lý để khuyến khích sử dụng than địa phương.

Trong những năm qua, chúng ta đã dành nhiều vốn đầu tư để xây dựng các công trình quan trọng về *điện lực*. Trong 5 năm tới, vẫn phải tiếp tục đầu tư mạnh để tạo ra một bước chuyển biến đáng kể trong cân đối năng lượng. Đối với miền Bắc, với việc hoàn thành xây dựng nhà máy nhiệt điện Phả lại, lắp đặt một số tổ máy của thủy điện Hòa bình, nguồn điện sẽ bảo đảm đủ nhu cầu và có một phần dành cho các tỉnh miền Trung.

Digitized by Google

Ngoài nguồn điện từ miền Bắc vào, việc tìm biện pháp bổ sung để bảo đảm điện cho các tỉnh khu V và Tây nguyên là nhiệm vụ cấp bách của ngành điện. Một mặt, đẩy nhanh xây dựng những cơ sở điện mới đã được xác định, mặt khác, tăng thêm dầu và phụ tùng để sử dụng tốt hơn những cơ sở điện hiện có. Tập trung các điều kiện vật chất để bảo đảm hoàn thành xây dựng thủy điện Trị an và thủy điện Dray linh. Một hướng quan trọng khác là bằng khả năng của trung ương và địa phương, Nhà nước và nhân dân, ra sức xây dựng nhiều trạm thủy điện nhỏ ở các vùng, nhất là ở Tây nguyên và miền núi phía bắc để giải quyết nguồn điện tại chỗ, đáp ứng nguyện vọng thiết tha của đồng bào các dân tộc. Đi đôi với nguồn, cần xây dựng kịp thời và đồng bộ các hệ thống lưới điện, từ cao thế đến trung thế và hạ thế. Hoàn thành cải tạo lưới điện Hà nội, Hải phòng; tăng thêm nguồn điện và lưới điện cho đồng bằng sông Cửu long; tiến hành chuẩn bị cải tạo lưới điện thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố khác khi có điều kiện. Cải tiến việc phân phối và sử dụng điện, nhằm trước hết bảo đảm một cách ổn định nhu cầu của các trọng điểm về kinh tế và xã hội. Đồng thời, phải tích cực chuẩn bị cho thời kỳ sau năm 1990 việc xây dựng những công trình đã được quy hoạch như: Yali, Sông Hinh, Thác Mơ, Đắc Nga 3...

Đẩy mạnh thăm dò và khai thác *dầu khí* ở thềm lục địa phía nam, để đến năm 1990 đạt sản lượng dầu thô đáng kể; có phương án sử dụng tốt lượng khí khai thác được cùng với dầu. Khởi công xây dựng nhà máy lọc dầu với công suất đợt I là 3 triệu tấn/năm. Xúc tiến việc thăm dò dầu khí ở thềm lục địa phía bắc.

Nhanh chóng khắc phục tình trạng phân tán của ngành *cơ khí* bằng cách sắp xếp, tổ chức lại sản xuất trong cả nước trên cơ sở quy hoạch, phân công, hiệp tác giữa các lực lượng cơ khí để đáp ứng những nhu cầu cấp bách về sửa chữa và trang bị công cụ, máy móc, thiết bị và phụ tùng thông thường cho các ngành, các địa phương, trước hết là sản xuất công cụ, máy kéo và máy nông nghiệp theo sau máy kéo, máy bơm thủy lợi các loại, bơm thuốc trừ sâu; thiết bị chế biến nông sản cỡ vừa và nhỏ, v.v. Phấn đấu hoàn thành xây dựng một số nhà máy cơ khí, tiến hành đầu tư chiều sâu và đồng bộ hóa cho một số nhà máy quan trọng. Thực hiện chương trình hợp tác với các nước hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế về sửa chữa tàu biển và sản xuất một số sản phẩm cơ khí. Khởi công xây dựng nhà máy phụ tùng ô tô, máy kéo vào cuối kỳ kế hoạch.

Phát triển công nghiệp nguyên liệu và vật liệu là một yêu cầu quan trọng để bảo đảm nhu cầu của nền kinh tế quốc dân. Dựa vào nguồn tài nguyên đa dạng, bằng những biện pháp kỹ thuật tiến bộ, những hình thức và quy mô thích hợp, ra sức phấn đấu tăng khả năng sản xuất trong nước để đáp ứng một phần nhu cầu. Về *gang thép*, tận dụng các cơ sở hiện có, phát huy tốt năng lực các lò điện; phát triển các loại thép hợp kim với công suất nhỏ, các loại hợp kim bột, fe rô. Nghiên cứu công nghệ luyện kim phù hợp với điều kiện tài nguyên và khả năng kinh tế nước ta. Về *kim loại màu*, khai thác tốt các mỏ thiếc hiện có, hoàn thành xây dựng đợt I Liên hiệp thiếc Quỳ hợp, mở rộng diện khai thác thiếc sa khoáng quy mô nhỏ bằng kỹ thuật thủ công và nửa cơ giới. Theo kế hoạch hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh thăm dò địa chất các mỏ bốc xít miền Nam, hoàn thành luận chứng kinh tế—kỹ thuật và chuẩn bị khai thác vào kế hoạch sau. Xây dựng và đưa vào vận hành xí nghiệp khai thác và tuyển luyện chì, kẽm; nghiên cứu khai thác

Digitized by Google

quặng đồng và tổ chức tuyển luyện với quy mô nhỏ. Xúc tiến việc hợp tác với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế về khai thác và sử dụng đất hiếm.

Về *phân bón hóa học*, huy động hết công suất và cải tạo một phần nhà máy su pe lân Lâm thao, phát triển sản xuất phân lân nung chảy, phốt pho rít. Hoàn thành khôi phục mỏ a pa tit Lào cai và tiếp tục xây dựng nhà máy làm giàu quặng. Tích cực khai thác py rít trong nước để tăng thêm nguyên liệu cho sản xuất phân lân. Chuẩn bị xây dựng nhà máy phân đạm lớn bằng khí thiên nhiên ở miền Nam. Sử dụng tốt các cơ sở xút hiện có, mở rộng và xây dựng một số cơ sở xút nhỏ, phát triển sản xuất đất đèn bằng thiết bị trong nước. Đầu tư kỹ thuật để nâng chất lượng săm lốp cao su các loại, băng tải, sản phẩm cao su kỹ thuật.

Với nguồn vật liệu phong phú, đồi dào ở các địa phương, phải huy động các nguồn vốn, sử dụng lao động, bằng mọi hình thức, phát triển mạnh sản xuất các loại vật liệu xây dựng phục vụ nhu cầu của Nhà nước và có thêm nguồn hàng bán cho nhân dân, nhất là nông dân. *Xi măng* là loại vật liệu đang có nhu cầu lớn và bức thiết; chúng ta lại đã có nhiều cơ sở chưa sử dụng hết công suất. Vì vậy, cần đầu tư để đồng bộ hóa các nhà máy Hoàng thạch, Bỉm sơn, hoàn thành xây dựng nhà máy Hà tiên, bảo đảm các vật tư kỹ thuật thiết yếu, để tăng nhanh sản xuất, sử dụng công suất đến mức tối đa. Khai thác các nguồn than địa phương để sản xuất *gạch ngói*. Tận dụng công suất các nhà máy kính ở miền Nam; hoàn thành xây dựng nhà máy kính Đáp cầu; khai thác đá ốp trang trí. Đặc biệt chú ý đầu tư để khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vật liệu xây dựng ở đồng bằng sông Cửu long, đáp ứng tốt hơn nhu cầu bức xúc về xây dựng ở vùng này. Trong khi thực hiện những nhiệm vụ quan trọng trên đây, cần xúc tiến chuẩn bị điều kiện để xây dựng một số công trình công nghiệp nặng trong kế hoạch sau.

Tăng cường công tác *điều tra, thăm dò địa chất và khoáng sản*, làm cho công tác này đáp ứng được yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế quốc dân. Bên cạnh việc chuẩn bị cho các công trình lớn về công nghiệp nặng trong những năm trước mắt, đẩy mạnh điều tra phục vụ cho việc khai thác các loại khoáng sản với quy mô nhỏ, chú trọng các nguyên liệu phục vụ sản xuất nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Đưa việc quản lý tài nguyên khoáng sản vào nền nếp.

Là khâu trung tâm của kết cấu hạ tầng, *giao thông vận tải* đáng lẽ phải đi trước một bước để đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế quốc dân, nhưng nhiều năm qua, chúng ta chưa chú ý đúng mức nên việc vận chuyển hàng hóa có nhiều khó khăn, việc đi lại của nhân dân có nhiều phiền hà, trắc trở. Những năm trước mắt, phải phấn đấu khắc phục một bước sự lạc hậu trong lĩnh vực này. Cùng với việc đầu tư có trọng điểm, phải sắp xếp, tổ chức lại các ngành vận tải, phối hợp tốt giữa các ngành, giữa trung ương và địa phương. Phải vận chuyển hết và kịp thời các mặt hàng chủ yếu, hàng xuất nhập khẩu, vận tải phục vụ biên giới và giao lưu bắc — nam, vận tải cho hai nước bạn Lào và Cam-pu-chia.

Phù hợp với điều kiện địa lý và tình hình thực tế hiện nay, chúng ta ưu tiên phát triển vận tải đường thủy, tăng tỷ trọng vận tải đường sắt, sắp xếp hợp lý vận tải đường bộ theo hướng tăng năng lực vận tải công cộng, tận dụng vận tải thô sơ. Trong tổ chức vận tải, chú ý áp dụng vận trù học và thực hiện liên vận giữa các phương tiện vận tải, giữa trung

Digitized by Google

ương và địa phương; tăng tỷ lệ đi thẳng, giảm số lần bốc xếp, phát triển vận tải hai chiều; giải quyết tốt dự trữ chân hàng.

Về giao thông, trước mắt, chủ yếu là đầu tư khôi phục và bảo dưỡng đường sá, cầu cống, động viên khả năng của Nhà nước và nhân dân mở mang giao thông nông thôn, đặc biệt ở miền núi và đồng bằng sông Cửu long. Củng cố các cầu để bảo đảm thông xe an toàn, xây dựng thêm một số cầu mới. Củng cố đường sắt Hà nội — Lào cai, đường sắt bắc — nam, mở rộng một số cảng, chú trọng hơn nữa nạo vét lòng sông và cửa biển.

Nâng cao chất lượng thông tin bưu điện, xây dựng tuyến vi ba băng rộng Hà nội — thành phố Hồ Chí Minh, củng cố và mở rộng thông tin với nước ngoài, mạng thông tin nội hạt của thành phố Hà nội và thành phố Hồ Chí Minh. Tổ chức quản lý, sử dụng mạng thông tin quốc gia và các mạng thông tin chuyên dụng của các ngành một cách hợp lý hơn.

III — GIÁ CẢ, THƯƠNG NGHIỆP, TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ

Tình hình giá cả, tài chính, tiền tệ tiếp tục biến động phức tạp là do hàng loạt nguyên nhân mà Báo cáo chính trị đã phân tích. Tình hình này đang được khẩn trương xử lý theo các quyết định của Đảng và Nhà nước. Cần thi hành các biện pháp đồng bộ về bố trí sản xuất, nắm hàng, cải tạo và quản lý thị trường, về giá cả, tiền lương, tài chính, tiền tệ. Ở đây, chỉ trình bày một số chủ trương lớn về giá cả, thương nghiệp, tài chính và tiền tệ trong 5 năm này.

Trước hết, phải giảm nhịp độ tăng giá, tiến tới ổn định giá cả. Mọi biện pháp giải quyết phải tập trung vào khâu then chốt là giảm tốc độ lạm phát, thu hẹp mất cân đối giữa khối lượng hàng hóa và tiền tệ lưu thông. Một mặt, phải giải phóng mọi năng lực sản xuất, tập trung sức đẩy mạnh sản xuất một số mặt hàng thiết yếu đang khan hiếm và một số mặt hàng có nguồn thu lớn cho ngân sách, đồng thời, mở rộng giao lưu hàng hóa, bãi bỏ việc ngăn sông cấm chợ, chia cắt thị trường, để tăng nhanh khối lượng hàng hóa lưu thông. Mặt khác, Nhà nước phải quản lý chặt chẽ vật tư, hàng hóa do kinh tế quốc doanh sản xuất và nhập khẩu, có chính sách giá và phương thức mua bán hợp lý để nắm được hàng, nắm được tiền, điều chỉnh khối lượng tiền trong lưu thông, tăng thu, giảm chi, hạn chế nghiêm ngặt đi đến chấm dứt việc phát hành tiền để chi ngân sách. Trung ương cần phân cấp định giá và quản lý giá phù hợp với tình hình. Đối với giá bán vật tư cho khu vực kinh tế quốc doanh, cần nghiên cứu sửa đổi từng bước, từng phần bất hợp lý, tính toán kỹ để không gây xáo động. Đối với giá vật tư nông nghiệp, cần xác định hợp lý, để tạo điều kiện cho Nhà nước cung ứng được đầy đủ, kịp thời cho nông dân mà không bị thất thoát ở những khâu trung gian. Đồng thời, theo đó mà xác định tương ứng giá mua lương thực và nông sản trong hợp đồng kinh tế. Để nắm được phần lớn hàng lương thực và nông sản hàng hóa, Nhà nước dùng vật tư nông nghiệp và các dịch vụ kỹ thuật để mua theo hợp đồng với hệ thống giá vật tư và giá nông sản nói trên. Phần lương thực và nông sản còn lại của hợp tác xã và nông dân sau khi nộp thuế và bán theo hợp đồng kinh tế, Nhà nước

Digitized by Google

sẽ mua theo giá thỏa thuận. Tích cực loại trừ tệ ăn cắp, đầu cơ và làm thất thoát vật tư Nhà nước đưa ra thị trường tự do.

Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải được tăng cường về số lượng và chất lượng, đổi mới phương thức kinh doanh, vươn lên làm chủ thị trường và giá cả. Mạng lưới hợp tác xã mua bán phải được mở rộng để làm chủ thị trường nông thôn, bán phần lớn hàng công nghiệp tiêu dùng thiết yếu cho nông dân. Xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa: sắp xếp, tổ chức lại tiểu thương, chuyển một phần sang lĩnh vực sản xuất và dịch vụ.

Đối với giá bán lẻ hàng tiêu dùng, cần tích cực tạo điều kiện bán theo giá kinh doanh thương nghiệp. Giá kinh doanh thương nghiệp được xây dựng theo nguyên tắc bảo đảm cho xí nghiệp có lãi, Nhà nước có tích lũy, giữ được mối quan hệ hợp lý giữa công nghiệp và nông nghiệp, điều tiết cung cầu, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chi phối được thị trường xã hội. Trong tình hình cụ thể hiện nay, ở những nơi, những lúc nhất định, đối với một số ít hàng thiết yếu mà cung cầu căng thẳng, giá cả biến động mạnh, thì tạm thời áp dụng chính sách bán hai giá.

Tiền lương của công nhân, viên chức phải được điều chỉnh, tương ứng với hệ thống giá và mức giá đã hình thành trong thực tế. Đồng thời Nhà nước cần bảo đảm có đủ quỹ hàng hóa bán bình thường cho người ăn lương. Trong tình hình quỹ hàng của Nhà nước chưa đủ và giá cả chưa ổn định, phải có phương thức bán thích hợp, bảo đảm cho người ăn lương mua được hàng hóa cần thiết.

Nghiên cứu và ban hành chính sách tài chính quốc gia thống nhất phù hợp với đặc điểm nước ta, giải quyết đúng đắn việc phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân. Nhà nước trung ương định lại chế độ phân cấp quản lý thu chi ngân sách cho hợp lý. Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, tăng cường quản lý thị trường, có chính sách khuyến khích đúng mức để tăng mạnh nguồn thu từ nội bộ nền kinh tế, chống thất thu. Mặt khác, phải căn cứ vào nguồn thu mà bố trí chi, không chi vượt quá khả năng thu của ngân sách; triệt để tiết kiệm chi tiêu về mọi mặt. Bằng phương thức kế hoạch hóa gián tiếp, thúc đẩy xí nghiệp phấn đấu giảm giá thành, tăng tích lũy cho Nhà nước. Trên cơ sở giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp được xác định hợp lý mà định giá bán buôn phù hợp, để Nhà nước thu tích lũy tập trung ở khâu sản xuất.

Để bảo đảm được nguồn thu tài chính, Nhà nước tăng cường quản lý thống nhất vật tư, kể cả nguồn nhập khẩu và sản xuất trong nước. Cải tổ hệ thống cung ứng vật tư, có biện pháp kiên quyết chống thất thoát vật tư và hàng hóa. Các đơn vị quốc doanh không được tùy tiện mua bán các loại vật tư do Nhà nước thống nhất quản lý. Cấm tư nhân buôn bán vật tư Nhà nước. Thực hiện thu thuế công thương nghiệp theo đúng thời giá; không khoán nhượng đối với những hộ không chấp hành, cố tình không nộp đầy đủ thuế. Xúc tiến nghiên cứu và có sự điều chỉnh hợp lý đối với các loại thuế nông nghiệp, thuế vườn, thuế thủy sản... Mau chóng cũng cố tổ chức ngành thuế, loại trừ số nhân viên tiêu cực, thực hiện hệ thống song trùng lãnh đạo.

Thực hiện thường xuyên chế độ thanh tra tài chính, xử lý nghiêm theo pháp luật để nhanh chóng thiết lập trật tự, kỷ cương về tài chính, phát động quần chúng kiểm soát, giám sát để chống tệ tham nhũng, lãng phí.

Cần nhấn mạnh rằng một nguyên nhân quan trọng của tình hình giá cả leo thang từng tháng là lạm phát đã đến mức trầm trọng mà chúng

Digitized by Google

ta phải có biện pháp tích cực và đồng bộ để khắc phục. Trước hết, phải tăng cường quản lý tiền mặt. Đối với tiền thu từ bán hàng, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các đơn vị dịch vụ chỉ được giữ tiền mặt theo mức quy định bảo đảm yêu cầu của sản xuất kinh doanh. Thực hiện kiểm tra, kiểm soát thường xuyên và xử lý nghiêm khắc để loại trừ tệ giữ tiền mặt vượt mức quy định trong cơ quan và xí nghiệp. Về phần mình, ngân hàng phải cải tiến các hoạt động nghiệp vụ, đáp ứng kịp thời các yêu cầu hợp lý của các cơ sở, khắc phục mọi hiện tượng của quyền, gây phiền hà, tiêu cực.

Quản lý chặt chẽ vốn tín dụng; ngân hàng chỉ cho vay thêm vốn lưu động sau khi đã kiểm tra mục đích kinh doanh và thật sự thiếu vốn. Việc cho vay đầu tư xây dựng cơ bản chỉ thực hiện trên cơ sở nguồn vốn đã huy động được, có vật tư bảo đảm và có hiệu quả rõ rệt. Mở rộng hoạt động của hợp tác xã tín dụng để huy động nguồn vốn nhàn rỗi trong nhân dân phục vụ phát triển sản xuất và lưu thông. Đẩy mạnh huy động tiền tiết kiệm trên cơ sở bảo hiểm giá trị tiền gửi bằng hiện vật và có lãi suất thích hợp. Ngân hàng mở rộng việc thanh toán bằng chuyển khoản với phương thức thuận lợi để phục vụ tốt cho sản xuất và lưu thông. Trên cơ sở đó, lập lại vị trí của ngân hàng là trung tâm thanh toán.

Chuyển biến được tình hình giá cả, tài chính, tiền tệ là một vấn đề phức tạp và khó khăn. Nhưng đây là một đòi hỏi vô cùng bức xúc của tình hình. Các cấp, các ngành đều phải ra sức khôi phục kỷ cương, nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành đúng những quy định của Đảng và Nhà nước, để sớm tạo ra những chuyển biến có ý nghĩa trên lĩnh vực nóng bỏng này, thiết thực góp phần ổn định sản xuất và phân phối, lưu thông, ổn định tình hình kinh tế – xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

IV — KHOA HỌC KỸ THUẬT

Trong những năm qua, hoạt động khoa học và kỹ thuật đã có những thành tựu mới đáng kể, nhất là trong nông nghiệp, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu bức thiết của nền kinh tế, hiệu quả hoạt động khoa học và kỹ thuật chưa cao. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đã có bước trưởng thành, nhưng tổ chức còn phân tán, chưa thật sự gắn hoạt động khoa học, kỹ thuật với thực tiễn sản xuất. Đầu tư và bảo đảm các điều kiện vật chất cho khoa học kỹ thuật chưa đúng mức, thiếu các chính sách khuyến khích đội ngũ khoa học kỹ thuật làm lợi với sản xuất, tìm tòi các biện pháp để giải quyết những khó khăn của nền kinh tế.

Khoa học, kỹ thuật là một động lực thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội. Trong những năm tới, phải vận dụng khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật trong việc nghiên cứu chiến lược phát triển kinh tế, xã hội trong việc xác định các chủ trương, chính sách trong tổ chức quản lý kinh tế và xã hội. Đặc biệt, cần tập trung lực lượng khoa học kỹ thuật của cả nước nghiên cứu và nhanh chóng áp dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật phục vụ ba chương trình lớn lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Bằng các biện pháp khoa học và kỹ thuật tổng hợp, tạo ra và phổ cập các loại giống cây trồng và vật nuôi mới có năng suất cao, các biện pháp thú y và bảo vệ thực vật có hiệu quả; nâng cao hiệu suất sử dụng phân bón; tưới tiêu khoa học, cải tạo

Digitized by Google

và tăng độ màu mỡ của đất; giảm tỷ lệ hư hao trong vận chuyển và chế biến lương thực, nghiên cứu và phổ biến hệ canh tác phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng, chú ý đến hệ canh tác khô trên vùng gò đồi, núi thấp. Bằng các giải pháp tiến bộ kỹ thuật, nâng hệ số sử dụng có ích nguyên liệu, vật liệu, giảm tỷ lệ tiêu hao năng lượng; nghiên cứu và mở rộng áp dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác, chế biến các nguồn tài nguyên phong phú của đất nước, nhằm thay thế một phần vật tư nhập khẩu, sử dụng tốt phế liệu, phế phẩm. Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và kiểm tra chất lượng sản phẩm, nhất là hàng xuất khẩu và các công trình xây dựng. Thể chế hóa và thi hành nghiêm ngặt chế độ giám định công nghệ trong quá trình chuẩn bị đầu tư, nhất là đối với công trình nhập thiết bị toàn bộ của nước ngoài.

Tham gia nghiên cứu các chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học – kỹ thuật của các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế, nhằm tận dụng những thành tựu mới về khoa học, kỹ thuật, để giải quyết tốt hơn những nhiệm vụ cấp bách trước mắt. Tiếp tục mở rộng và có biện pháp nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác hợp tác khoa học, kỹ thuật với nước ngoài, gắn hợp tác khoa học, kỹ thuật với hợp tác kinh tế.

Phát huy vai trò của các ngành khoa học xã hội tham gia đắc lực vào công tác lý luận của Đảng, góp phần xây dựng Cương lĩnh về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời kỳ quá độ, làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về vận dụng các quy luật kinh tế vào điều kiện cụ thể của nước ta, về cơ cấu kinh tế, sử dụng các thành phần kinh tế, đặc biệt là về quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Sắp xếp lại và kiện toàn các cơ quan nghiên cứu, sáp nhập những viện nghiên cứu có chức năng trùng lặp hoặc hoạt động kém hiệu quả, kiện toàn một cách đồng bộ một số viện đầu ngành quan trọng. Hình thành một số trung tâm khoa học – kỹ thuật tổng hợp ở một số vùng kinh tế quan trọng như đồng bằng sông Cửu long, Tây nguyên... Chú trọng khâu đưa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, tăng cường các bộ phận sản xuất thử cho các cơ quan nghiên cứu – triển khai.

Thực hiện các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện và giải quyết quyền lợi thích đáng để phát huy trí tuệ và tài năng của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật hiện có, được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau, đều là vốn quý, là những trí thức xã hội chủ nghĩa, làm cho anh chị em hứng thú đi về cơ sở sản xuất để thực hiện công việc nghiên cứu của mình, khắc phục tình trạng cán bộ khoa học kỹ thuật tập trung nhiều ở các cơ quan trung ương, thành phố, tỉnh, trong khi ở cơ sở đang cần và còn rất thiếu. Nghiên cứu ban hành các chính sách thật sự khuyến khích các sáng kiến, sáng chế, động viên hơn nữa lao động sáng tạo.

Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và quản lý khoa học kỹ thuật là vấn đề có ý nghĩa quyết định trong việc đưa nhanh tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Trong khi tiếp tục hoàn thiện phương thức hoạt động theo chương trình, cần mở rộng phương thức hợp đồng với những hình thức và phương pháp đa dạng, linh hoạt, nhằm kết hợp các tổ chức kinh tế và các cơ quan khoa học, phát huy quyền chủ động của các tổ chức đó dưới sự hướng dẫn của một kế hoạch thống nhất. Cơ chế và chính sách quản lý của chúng ta phải làm cho các tổ chức kinh tế, đặc biệt là cơ sở sản xuất đòi hỏi ứng dụng những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật, đồng thời các tổ chức đó phải đáp ứng những yêu cầu cần thiết của hoạt động khoa học và kỹ thuật

Digitized by Google

Các cấp ủy đảng và chính quyền, từ trung ương đến cơ sở phải coi trọng lãnh đạo công tác khoa học và kỹ thuật, phải đề xuất yêu cầu, có đầu tư và bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động khoa học kỹ thuật. Phải chú trọng đẩy mạnh phong trào quần chúng phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, kết hợp chặt chẽ giữa cán bộ khoa học với cơ sở sản xuất và người sản xuất.

V — CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI VÀ ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

Trước mắt, chúng ta quan tâm không chỉ các vấn đề sản xuất và kinh tế mà mỗi người chúng ta còn day dứt hàng ngày bởi nhiều vấn đề xã hội gay gắt. Vì vậy, hơn bao giờ hết, chúng ta phải luôn luôn kết hợp chặt chẽ kinh tế với xã hội, xã hội với kinh tế. Mục tiêu ổn định tình hình, giải phóng năng lực sản xuất không chỉ là phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật mới mà còn là giải quyết các vấn đề xã hội, từ công việc làm đến đời sống vật chất và văn hóa, bồi dưỡng sức dân, xây dựng các quan hệ xã hội tốt đẹp, lối sống lành mạnh, thực hiện công bằng xã hội, với ý thức người lao động là lực lượng sản xuất lớn nhất, là chủ thể của xã hội.

Trong những năm tới, tạo thêm việc làm, sử dụng tốt lực lượng lao động xã hội, kế hoạch hóa phát triển dân số là những yêu cầu kinh tế—xã hội cực kỳ quan trọng. Nhiệm vụ đặt ra là giảm cho được tỷ lệ tăng dân số, giải quyết công việc làm với mức cố gắng lớn nhất, thực hiện phân bố lại lao động, gắn lao động với khai thác đất đai, phát triển ngành nghề, vận động định canh, định cư, tinh giản biên chế hành chính Nhà nước, nhằm phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất xã hội.

Tình hình kinh tế — xã hội của đất nước đòi hỏi giảm tỷ lệ phát triển dân số từ 2,2% hiện nay xuống 1,7% vào năm 1990. Phải thực hiện đồng bộ các biện pháp như: đầu tư xây dựng các cơ sở dịch vụ y tế xã, các trung tâm hướng dẫn sinh đẻ ở huyện, đồng thời sửa đổi và ban hành các chính sách có liên quan nhằm bảo đảm được kế hoạch phát triển dân số. Phải gây thành ý thức xã hội rộng khắp về thực hiện kế hoạch hóa gia đình; đảng viên và đoàn viên thanh niên phải gương mẫu đi đầu thực hiện.

Trên cơ sở sắp xếp và tổ chức lại sản xuất và công tác, bố trí cho những người đang làm việc có đủ việc làm, có điều kiện làm việc với năng suất cao. Chế độ tiền lương, các thang lương, bậc lương phải được sửa đổi và bổ sung nhằm thực hiện tốt nguyên tắc phân phối theo lao động; mức lương phải được điều chỉnh tương ứng với mức giá hình thành trong thực tế. Đối với lao động xã hội, phải bằng mọi cách, giải quyết việc làm cho phần lớn số lao động mới tăng, nhất là thanh niên và học sinh. Sớm ban hành luật nghĩa vụ lao động đối với thanh niên.

Yêu cầu cấp bách là sắp xếp lại và tinh giản bộ máy quản lý hành chính Nhà nước, đặc biệt là giảm hẳn các tổ chức trung gian, như cục, vụ, phòng, ban, chuyển sang cách làm việc trực tiếp theo lối chuyên gia. Bộ máy các ủy ban nhân dân địa phương, kể cả tỉnh, thành phố và huyện, cũng phải tổ chức lại gọn và tinh, đủ năng lực quản lý trên lãnh thổ.

Digitized by Google

Theo hướng sử dụng các thành phần kinh tế, ban hành các chính sách mở đường cho người lao động tự tạo việc làm bằng mọi hình thức, với quy mô và trình độ thích hợp, kể cả hình thức thuê mướn nhân công theo đúng luật pháp Nhà nước.

Ở các thành phố của nước ta, đang còn hàng chục vạn người lao động chưa có việc làm, trong số đó, nhiều người có trình độ văn hóa, có kiểu biết kỹ thuật. Chúng ta phải phát huy thế mạnh của họ, hướng vào khu vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và gia công hàng xuất khẩu, phát triển kinh tế gia đình. Đồng thời, gắn với quy hoạch phân bố lại lao động, đưa một bộ phận ra ngoại thành xây dựng vành đai thực phẩm, đưa đi các vùng kinh tế mới; tổ chức các đội lao động nghĩa vụ của thanh niên phục vụ các công trình trọng điểm.

Số lao động tăng thêm ở nông thôn trước hết được sử dụng vào việc đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, khai hoang, trồng rừng, nuôi cá và phát triển ngành nghề. Nhà nước khuyến khích phát triển kinh tế gia đình, kinh tế vườn theo quy hoạch, thực hiện các chính sách khuyến khích như cho vay vốn, cung cấp giống và tạo các điều kiện thuận lợi về thị trường và giá cả để tiêu thụ sản phẩm.

Tình hình phân bố không đồng đều lao động và dân cư giữa các vùng đang đặt ra cho chúng ta một nhiệm vụ to lớn là phân bố lại lao động và dân cư trên quy mô từng vùng và cả nước. Ở những nơi thừa lao động nhưng thiếu đất, như đồng bằng Bắc bộ, một mặt, sử dụng hết những diện tích đất đai còn hoang hóa, đồi trọc và phát triển ngành nghề, mặt khác, đưa một bộ phận dân cư đi các vùng kinh tế mới, chủ yếu là vào Tây nguyên. Ở những vùng thừa lao động, nhưng còn đất, như các tỉnh khu IV, ven biển miền Trung, trung du miền Bắc thì chủ yếu là thực hiện việc phân bố lại lao động trong phạm vi tỉnh, huyện, để đến cuối năm năm này, cơ bản sử dụng hết đất đai và lao động trong khu vực. Những vùng nhiều đất, nhưng thiếu lao động (miền núi phía bắc, Tây nguyên và Đông Nam bộ), vừa phải giải quyết những vấn đề lao động trong nội bộ vùng, vừa chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đón nhận lao động và dân cư các nơi khác đến. Ở miền Đông Nam bộ, việc bổ sung lao động gắn với việc phát triển cây công nghiệp dài ngày. Ở đồng bằng sông Cửu long, nơi còn nhiều đất đai phì nhiêu chưa được khai phá, chủ yếu là điều hòa lao động trong nội bộ vùng, có tiếp nhận một phần lao động từ nơi khác đến.

Du canh, du cư vốn là một di sản của lịch sử, đã kéo dài tình trạng lạc hậu và nghèo khổ của đồng bào các dân tộc, làm tiêu hao vốn rừng quốc gia. Đây không chỉ là vấn đề kinh tế, xã hội quan trọng, mà còn là vấn đề an ninh và quốc phòng. Vì vậy, trong những năm tới, đi đôi với việc phân bố lao động, cần đầu tư thỏa đáng về lương thực, vật tư, tiền vốn để thực hiện định canh, định cư được phần lớn số đồng bào còn du canh, du cư ở các vùng, chủ yếu là ở các tỉnh miền núi Tây nguyên.

Như Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng đã xác định, ổn định và cải thiện đời sống là mục tiêu hàng đầu của những năm sắp tới.

Nhiệm vụ hết sức quan trọng của tất cả các ngành, các cấp là phải bảo đảm được mức cần thiết và ổn định của nhân dân về lương thực và thực phẩm chủ yếu như cá, thịt, rau, nước chấm, dầu thực vật, đường mật... Đối với Hà nội, khu mỏ Quảng ninh, thành phố Hồ Chí Minh, các công trường xây dựng lớn.. phải tạo cho được vành đai thực phẩm đáp ứng phần lớn

Digitized by Google

nhu cầu tại chỗ. Trên từng địa bàn ở nông thôn, chú ý điều hòa để bảo đảm lương thực cho những nơi còn thiếu như vùng trồng cây công nghiệp, làm hàng xuất khẩu, vùng gặp thiên tai mất mùa. Khắc phục tình trạng ở một số nơi bình quân chung về lương thực thì cao, nhưng vẫn còn một bộ phận dân cư thiếu ăn, làm cho tình hình xã hội thiếu ổn định.

Cơ cấu bữa ăn phải được cải tiến phù hợp với điều kiện từng vùng, tăng thêm chất đạm, chất béo để bữa ăn có thêm dinh dưỡng, bổ sung màu và các loại rau, đậu. Đối với miền núi và Tây nguyên, ngoài việc phát triển trồng trọt, chăn nuôi để có nguồn thực phẩm tại chỗ, phải được cung ứng đủ muối, có thêm các loại thực phẩm khô đã qua chế biến. Đối với lực lượng vũ trang, nhất thiết không được để thiếu lương thực và thực phẩm khô, đồng thời xác định một số vùng và địa phương trực tiếp có trách nhiệm sản xuất và cung ứng những thực phẩm đó cho lực lượng vũ trang, thực hiện hậu cần tại chỗ. Bảo đảm có sữa, dưỡng cho trẻ sơ sinh và người ốm, có thêm thịt, dưỡng... cho công nhân làm việc nặng nhọc và độc hại. Công tác bảo hộ lao động trên các công trường, trong các nhà máy, hầm mỏ phải được thật sự quan tâm.

Từ mức bình quân đầu người quá thấp hiện nay, phấn đấu để tăng dần vải mặc, phù hợp với tính chất lao động của từng ngành nghề và điều kiện khí hậu của từng vùng, chú ý các vùng dân tộc. Không để thiếu các loại hàng cần thiết khác như quần áo dệt kim, chăn màn, bít tất, ni lông che mưa, quần áo bảo hộ lao động. Ngoài việc đẩy mạnh trồng bông ở những nơi có điều kiện cần phát triển trồng dâu, nuôi tằm và các cây có sợi khác để có thêm vải phù hợp với tập quán địa phương, có hàng xuất khẩu để nhập nguyên liệu, giải quyết thêm vải mặc cho nhân dân.

Thuốc chữa bệnh đang là một vấn đề xã hội gay gắt. Năm năm tới, phải tăng quỹ thuốc thông thường, thuốc kháng sinh, thuốc chống dịch, thanh toán dần các bệnh sốt rét, bạch hầu, bại liệt, ho gà, sởi... Mạng lưới y tế cơ sở, nơi hằng ngày trực tiếp chăm sóc sức khỏe của người lao động phải được củng cố và chấn chỉnh. Những xã chưa có trạm y tế và nhà hộ sinh, những huyện chưa có bệnh viện thì phải xây dựng. Các chính sách bảo đảm quyền lợi cho cán bộ y tế ở các tuyến, nhất là ở xã, phải được sửa đổi, bổ sung để anh chị em yên tâm làm việc và nâng cao ý thức phục vụ người bệnh. Khôi phục và tăng thêm số giường bệnh, chú yếu cho tuyến cơ sở và một số nơi đang quá thiếu ở thành phố, thị trấn, khu công nghiệp; tu bổ và thay đổi dần trang bị cho các bệnh viện lớn. Mỗi xã có vườn dược liệu gắn liền với trạm y tế để phục vụ tại chỗ. Dành một diện tích cần thiết để trồng dược liệu tập trung phục vụ nhu cầu cả nước.

Cải thiện điều kiện vệ sinh ở các thành phố như giải quyết vấn đề cống rãnh, bãi rác, cấp nước sinh hoạt... ở nông thôn, chú ý xây dựng hố xí, giếng nước, nhà tắm hợp vệ sinh, đặc biệt đối với đồng bằng sông Cửu long, cần có biện pháp giữ sạch nguồn nước.

Đẩy mạnh phong trào tập luyện thể dục, thể thao trong mọi lứa tuổi, nhất là trong thanh niên, học sinh.

Nhà ở cũng đang là một vấn đề cấp bách ở một số vùng. Ngoài số vốn tập trung của Nhà nước, cần huy động vốn tự có của các cơ sở sản xuất và của nhân dân nhằm giảm bớt khó khăn về nhà ở, nhất là tại thủ đô Hà nội, thành phố Hồ Chí Minh... Trong 5 năm 1986 – 1990, chú trọng xây thêm nhà ở cho Hà nội, các khu công nghiệp, nông trường, lâm trường, thanh toán một phần quan trọng tình trạng nhà ổ chuột do chế độ cũ để lại ở thành

Digitized by Google

phố Hồ Chí Minh và một số nơi khác. Trong quỹ vật tư của Nhà nước, hằng năm phải dành một số vật liệu để nhân dân xây dựng nhà cửa. Vùng đồng bằng sông Cửu long phải có kiểu nhà phù hợp với điều kiện khí hậu và hết sức tận dụng vật liệu thông dụng ở địa phương, tận lực khai thác các nguồn than bùn để nung gạch ngói, vôi làm vật liệu xây dựng. Ở những vùng ven biển thường có bão lớn, cần có các kiểu nhà có khả năng hạn chế tác hại của thiên tai; Nhà nước cố gắng cung ứng một phần vật liệu cần thiết để nhân dân làm nhà vững chắc hơn.

Đèn thắp sáng là một nhu cầu không thể để thiếu kéo dài như hiện nay ở các vùng nông thôn, nhất là miền núi, Tây nguyên và đồng bằng sông Cửu long; vấn đề này cần được giải quyết để bảo đảm ánh sáng trong sinh hoạt của nhân dân.

Để cải thiện điều kiện đi lại, cần tăng thêm phương tiện vận chuyển công cộng ở các thành phố, chủ yếu là xe buýt, xe lam. Đẩy mạnh sản xuất xe đạp và phụ tùng với chất lượng tốt hơn, dành nhiều xe đạp hơn cho nhân dân nông thôn. Ở đồng bằng sông Cửu long, chú trọng tu sửa đường sá, làm thêm đường mới, nạo vét kênh lạch, tăng phương tiện đi lại đường bộ và đường thủy. Cần nhấn mạnh rằng, việc tăng cường quản lý, nâng cao ý thức phục vụ của nhân viên ngành vận tải, khắc phục tình trạng gây phiền hà cho hành khách không chỉ nhằm giảm bớt khó khăn trong đi lại của nhân dân, mà còn góp phần làm lành mạnh sinh hoạt xã hội.

Sự nghiệp văn hóa, giáo dục phải được tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng. Hiện nay, còn một số trẻ em ở lứa tuổi đi học phổ thông cơ sở chưa đến trường; vì vậy, bảo đảm cho trẻ em đến tuổi được đi học là trách nhiệm chung của ngành giáo dục, của cấp ủy đảng và chính quyền địa phương về các mặt trường sở, giáo viên, các phương tiện giảng dạy và học tập. Đặc biệt quan tâm bồi dưỡng nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm và có chính sách bảo đảm đời sống cho đội ngũ giáo viên.

Phát triển ngành giáo dục mầm non, chú trọng chất lượng nuôi, dạy. Phấn đấu hoàn thành về cơ bản phổ cập giáo dục cấp 1, hạ tỷ lệ lưu ban, bỏ học. Tiếp tục thực hiện cải cách giáo dục với nội dung thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế về dạy và học, từ đó củng cố chất lượng giảng dạy và học tập. Đối với giáo dục phổ thông trung học, cải tiến nội dung chương trình theo mục tiêu đào tạo mới, nhất là chú trọng giáo dục kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề. Kế hoạch phát triển phổ thông trung học phải gắn với kế hoạch đào tạo cán bộ và công nhân lành nghề cho địa phương và cả nước.

Đối với giáo dục chuyên nghiệp, cải tiến việc tuyển sinh theo hướng gắn chặt đào tạo với phân bổ, sử dụng. Thực hiện hình thức thi tuyển quốc gia cho nhu cầu phát triển của Nhà nước và hình thức chọn, cử người ở các địa phương vào học các ngành nông, lâm, ngư, công nghiệp nhẹ, sư phạm, kinh tế, y tế... để bảo đảm nhu cầu cán bộ của các địa phương, chú ý đào tạo cán bộ trung học chuyên nghiệp; nhất là cho đồng bằng sông Cửu long và miền núi. Cải thiện điều kiện sinh sống của học sinh nội trú để có sức khỏe học tập. Mở thêm các lớp chuyên tu, tại chức.

Để đáp ứng nhu cầu của một số đông người lao động, cần quan tâm củng cố và phát triển bổ túc văn hóa, nhất là trong các công, nông, lâm trường và khu công nghiệp.

Hệ thống các trường dạy nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học phải sớm được sắp xếp lại cho hợp lý, để tạo điều kiện củng cố và nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu

Digitized by Google

khoa học. Việc đóng góp của các tổ chức kinh tế tập thể và của nhân dân vào việc xây dựng cơ sở vật chất cho ngành giáo dục theo phương châm «Nhà nước và nhân dân cùng làm» cần được quy định rõ ràng thành chế độ, vừa để huy động hợp lý sự đóng góp của nhân dân, vừa tránh mọi sự lạm dụng.

Phát triển các hoạt động văn hóa thông tin đang là một nhu cầu lớn trong đời sống nhân dân. Phải tăng nhiều lượng xuất bản sách và một số loại báo hằng ngày quan trọng, bảo đảm đủ sách giáo khoa cho học sinh. Phấn đấu để các xã và các huyện đều có đài và trạm truyền thanh; cung ứng đủ số pin cần thiết cho các vùng nông thôn để nghe đài. Tạo điều kiện mở rộng mạng lưới truyền hình. Cố gắng bảo đảm các điều kiện vật chất, kỹ thuật để đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ, công tác bảo tồn, bảo tàng.

Công tác bảo trợ xã hội đối với toàn dân phải được xây dựng theo phương châm «Nhà nước và nhân dân cùng làm»: trước mắt, sắp xếp lại và phát triển các công trình sự nghiệp bảo trợ xã hội, vận dụng đúng đắn các chính sách phù hợp với từng vùng và tình hình kinh tế, xã hội của đất nước. Tổ chức đảng và chính quyền các cấp có trách nhiệm chăm sóc chu đáo đời sống vật chất và tinh thần của những người nghỉ hưu, những gia đình có công với cách mạng. Chú trọng tạo điều kiện phát huy vai trò của cán bộ về hưu trong việc giáo dục và bồi dưỡng thế hệ trẻ. Nuôi dưỡng tốt thương binh, bệnh binh nặng; thực hiện đầy đủ chính sách đối với thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sĩ, nhất là những thân nhân liệt sĩ neo đơn; chăm sóc trẻ mồ côi, người tàn tật, người già cô đơn. Những việc trên đây, trong thời gian vừa qua, có những địa phương làm chưa tốt; đây là một khuyết điểm cần được khắc phục.

VI—ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CƠ CẤU ĐẦU TƯ

Trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, yêu cầu về vốn đầu tư luôn luôn được đặt ra một cách gay gắt, nhất là trong hoàn cảnh nước ta. Những năm tới, một mặt, phải tranh thủ các nguồn vốn bên ngoài với mức cao nhất; mặt khác, ở trong nước, bằng những chủ trương và chính sách mới, chúng ta phát huy hơn nữa mọi khả năng về nguồn vốn của tất cả các ngành, các địa phương và cơ sở, của các thành phần kinh tế. Nguồn vốn ấy phải được khai thác từ những thế mạnh hiện có của nền kinh tế nước ta là nông, lâm, ngư nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp hiện chiếm khoảng 60% tổng sản phẩm xã hội; từ việc ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật; từ việc triệt để tiết kiệm, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm... Trong tất cả các ngành, các lĩnh vực, lao động được giải phóng trở thành người chủ thật sự của quá trình sản xuất kinh doanh, sẽ vươn lên với sức sáng tạo mới. Đó là nguồn vốn quan trọng và quyết định nhất.

Tuy nhiên, đối với chúng ta hiện nay, vấn đề không chỉ là tạo ra nguồn vốn mà điều đặc biệt quan trọng là sử dụng và quản lý nguồn vốn để có hiệu quả nhất. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản trong những năm qua đã cho ta nhiều bài học sâu sắc không thể lặp lại. Đó là việc xây dựng tràn lan, thiếu tập trung; công trình dở dang quá nhiều và càng kéo dài thì vật liệu xây dựng càng mất mát, lãng phí càng lớn. Trong khi chưa đủ trường học

Digitized by Google

cho các cháu, còn thiếu nơi chữa bệnh cho người ốm, có nơi đã dành vật tư, tiền vốn để xây dựng trụ sở cơ quan, nhà hát, khách sạn, cửa hàng, sân vận động... Những công trình này không phải là không cần thiết, song vấn đề đặt ra là phải cân nhắc nhu cầu trước, sau, tập trung vào những nhu cầu cấp bách nhất. Trước mắt, để thực hiện chủ trương điều chỉnh kinh tế, bố trí lại cơ cấu đầu tư trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân, phải bố trí vốn tập trung cho ba chương trình kinh tế lớn, nhất thiết không thể dàn đều. Điều khó khăn lớn là chúng ta đã nhất trí về chủ trương chung, nhưng khi bố trí cụ thể, xử lý các công trình thì không ít ngành và địa phương vẫn có xu hướng không muốn điều chỉnh. Cần nhấn mạnh rằng việc tăng, giảm tỷ lệ đầu tư cho một ngành, một địa phương phải đặt trong tổng thể vốn đầu tư chung của cả nước. Trong khi nguồn vốn có hạn, các ngành và các địa phương phải nắm vững quan điểm cơ bản của Báo cáo chính trị mà chủ động bố trí lại cơ cấu đầu tư của ngành mình, địa phương mình.

Trong nông nghiệp, phải tập trung cho sản xuất lương thực thực phẩm là trọng tâm số một, bảo đảm nhu cầu đầu tư cho thủy lợi, cho bảo quản và chế biến lương thực, thực phẩm, đầu tư cho cây công nghiệp ngắn ngày. Đối với cây dài ngày, cần xem xét kỹ thị trường và hiệu quả, để có chủ trương đầu tư đúng cho cà phê, chè, dừa, cao su...

Trong công nghiệp hàng tiêu dùng, chú trọng đầu tư chiều sâu và đồng bộ hóa để tăng mức sử dụng công suất, xây dựng thêm một số xí nghiệp chế biến đường, chè, dầu dừa...; bảo đảm đủ cơ sở để mở rộng gia công hàng xuất khẩu cho Liên xô và các nước khác.

Trong công nghiệp nặng, ưu tiên đầu tư cho những công trình có khả năng huy động vào sản xuất trong kỳ kế hoạch như các công trình năng lượng, phân bón, cơ khí...

Trong giao thông vận tải, coi trọng việc củng cố đường sắt bắc—nam, các đoạn đường sắt đi vào các khu công nghiệp, các cảng sông, cảng biển và giải quyết một số yêu cầu cấp bách trên các tuyến quan trọng.

Trong lĩnh vực văn hóa xã hội, trước hết đầu tư để duy trì những cơ sở hiện có, và xây dựng mới ở những nơi thật cần thiết.

Trong những năm tới, một mặt, chúng ta phấn đấu có tích lũy và tăng dần tích lũy từ nội bộ nền kinh tế để tăng thêm vốn đầu tư; mặt khác, hết sức tranh thủ và sử dụng có hiệu quả vốn bên ngoài, sớm chấm dứt việc dùng vốn bên ngoài và vốn khấu hao cơ bản vào tiêu dùng.

Với khả năng vốn đầu tư của 5 năm tới, không thể không kiên quyết thu gọn danh mục công trình xây dựng trên hạn ngạch cũng như dưới hạn ngạch, của trung ương cũng như của địa phương. Những công trình cần thiết phải xây dựng cũng phải giảm bớt khối lượng những hạng mục chưa thật cấp bách, xem xét giảm bớt các chi phí xây dựng cơ bản khác, tập trung vốn cho những hạng mục chính. Phải rà soát lại những công trình chuẩn bị khởi công để có sự lựa chọn đúng đắn; giãn tiến độ hoặc đình xây dựng những công trình chưa thật cấp bách hoặc xây xong sử dụng không có hiệu quả.

Cùng với điều chỉnh phương hướng và cơ cấu đầu tư, việc đổi mới cơ chế đầu tư là đặc biệt quan trọng nhằm nâng cao trách nhiệm trong chủ trương đầu tư, ràng buộc trách nhiệm và lợi ích vật chất của chủ đầu tư với hiệu quả đầu tư. Thiết lập trật tự về kế hoạch hóa và quản lý đầu tư đối với mọi nguồn vốn và mọi loại công trình. Ngân hàng và tài chính phải phát huy chức năng kiểm tra việc sử dụng vốn đầu tư. Đó là những

Digitized by Google

nội dung chủ yếu của cơ chế mới cần nghiên cứu áp dụng để bảo đảm hạ giá thành, nhất là nâng cao chất lượng công trình xây dựng.

VII — ĐỔI MỚI CƠ CHẾ KẾ HOẠCH HÓA

Để bảo đảm thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội trong 5 năm này, cần đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, coi đây là một động lực mạnh mẽ làm chuyển biến tình hình kinh tế — xã hội, thúc đẩy và tạo điều kiện cho các nhân tố mới phát triển. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương đã xác định phương hướng và nội dung chủ yếu về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Theo phương hướng đó, công tác kế hoạch hóa phải được đổi mới cả về nội dung và phương pháp.

Nội dung kế hoạch phải thể hiện đúng các quan điểm của Đảng về bố trí cơ cấu kinh tế, giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác các tiềm năng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế, để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, trước hết và quan trọng hơn cả là bảo đảm thực hiện ba chương trình kinh tế lớn. Kế hoạch phải gắn chặt và vận dụng nhuần nhuyễn các chính sách đòn bẩy kinh tế, hướng về cơ sở và người lao động, trực tiếp khuyến khích thỏa đáng các hoạt động sản xuất, kinh doanh của họ, cắt bỏ những khâu trung gian không cần thiết, loại trừ những sự xâm phạm của các cấp quản lý bên trên đối với lợi ích chính đáng của người trực tiếp sản xuất.

Một nhiệm vụ rất quan trọng là xây dựng tốt kế hoạch 5 năm 1986—1990, kế hoạch hằng năm và triển khai ngay việc nghiên cứu chiến lược kinh tế, xã hội, tổng sơ đồ phát triển và phân bố lực lượng sản xuất và kế hoạch dài hạn.

Nhằm khắc phục một bước rõ rệt bệnh tập trung quan liêu bao cấp trong kế hoạch hóa, cơ chế kế hoạch hóa phải được xây dựng theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, trước hết phải thể hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, phân biệt rõ và kết hợp tốt chức năng quản lý hành chính — kinh tế của các cơ quan Nhà nước trung ương và địa phương với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở; phải vận dụng đúng đắn và rộng rãi quan hệ hàng hóa — tiền tệ, quan hệ thị trường trong công tác kế hoạch hóa.

Kế hoạch cấp trung ương quyết định phương hướng chủ yếu, cơ cấu, kinh tế, cơ cấu đầu tư, các mục tiêu then chốt, các công trình trọng điểm, các sản phẩm chủ yếu trực tiếp chi phối các cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân. Các bộ cùng Ủy ban kế hoạch Nhà nước phối hợp xây dựng tốt kế hoạch ngành, nhất là các ngành kinh tế — kỹ thuật then chốt phải có quy hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch 5 năm. Các bộ phải làm tốt chức năng quản lý hành chính — kinh tế nhà nước đối với ngành trong cả nước, không can thiệp vào nhiệm vụ quản lý sản xuất, kinh doanh cụ thể của các đơn vị kinh tế cơ sở.

Kế hoạch địa phương (tỉnh — thành phố, quận — huyện) là kế hoạch toàn diện về kinh tế, xã hội trên địa bàn lãnh thổ, bao gồm các phần cơ sở do địa phương trực tiếp quản lý và một bộ phận kế hoạch của các cơ sở trung ương trên địa bàn lãnh thổ. Theo phương hướng và những chỉ tiêu lớn của kế hoạch Nhà nước, Ủy ban nhân

Digitized by Google

dân địa phương có quyền chủ động bố trí kế hoạch và cân đối toàn diện phần kinh tế do địa phương trực tiếp quản lý và tổng hợp các phần kế hoạch có liên quan của các cơ sở trung ương.

Về quan hệ giữa trung ương và địa phương, cần thực hiện một cơ chế quản lý thể hiện rõ sự gắn bó chặt chẽ giữa trách nhiệm và quyền hạn, nghĩa vụ và lợi ích. Trung ương giao cho địa phương một số chỉ tiêu chủ yếu như: số lượng và chất lượng nông, lâm, thủy sản, sản phẩm công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp, kể cả sản phẩm xuất khẩu mà địa phương cần giao cho trung ương để bảo đảm nhu cầu chung của cả nước trong 5 năm và hằng năm; thuế và các khoản điều tiết về ngân sách trung ương; lao động mà địa phương cung cấp cho trung ương và chỉ tiêu về phân bố lao động; vốn, vật tư, máy móc, thiết bị, hàng tiêu dùng mà trung ương cung ứng cho địa phương v.v.

Các chỉ tiêu đó được ổn định cho địa phương từng năm trong 5 năm. Các sản phẩm ngoài mức chỉ tiêu này thuộc quyền chi phối của địa phương; trung ương muốn nắm thêm thì cần có chính sách khuyến khích thỏa đáng (qua giá cả hoặc cung ứng thêm vật tư, hàng hóa...). Đây cũng là cơ chế cần áp dụng trong quan hệ giữa tỉnh (thành phố) với huyện, quận.

Kế hoạch của các đơn vị cơ sở phải toàn diện, bao gồm các mặt sản xuất, kỹ thuật, tài chính và xã hội trên cơ sở quyền chủ động sản xuất kinh doanh, quyền tự chủ tài chính của cơ sở phù hợp với nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ chính trị. Trước hết, phải phát huy đầy đủ các nguồn khả năng tại chỗ để cân đối kế hoạch đến mức tối đa, bảo đảm xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên một cách tích cực, vững chắc. Kế hoạch của đơn vị kinh tế quốc doanh phải dựa vào sự hướng dẫn của cấp trên, bảo đảm các chỉ tiêu pháp lệnh do cấp trên giao, song đồng thời phải nắm vững nhu cầu của thị trường trong nước và ngoài nước, thông qua các hợp đồng kinh tế mà bảo đảm gắn sản xuất với tiêu thụ. Các hoạt động liên kết đều được phản ánh đầy đủ trong kế hoạch của các cấp. Hợp đồng kinh tế phải thật sự trở thành công cụ pháp lý có hiệu lực để xây dựng và thực hiện kế hoạch theo hướng hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta khẳng định rằng: các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp, căn cứ vào điều kiện kinh tế, xã hội của mình cũng như phương hướng chung của cả nước, và tỉnh huyện, theo quy hoạch, kế hoạch, căn cứ vào nhu cầu tiêu dùng và trao đổi sản phẩm với Nhà nước, hoàn toàn có quyền quyết định việc bố trí cơ cấu sản xuất và kế hoạch kinh tế — xã hội của mình. Ngoài nghĩa vụ thuế, các quan hệ kinh tế giữa Nhà nước và hợp tác xã đều thông qua các hợp đồng mua và bán do các tổ chức kinh doanh của Nhà nước đảm nhiệm theo nguyên tắc ngang giá và thật sự thỏa thuận. Ngoài các hàng hóa bán cho Nhà nước theo hợp đồng và theo giá thỏa thuận, các hợp tác xã có quyền liên kết để trao đổi sản phẩm, hoặc trực tiếp tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa trên thị trường.

Đối với các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp, Nhà nước thông báo những yêu cầu về sản phẩm chủ yếu để cơ sở có căn cứ xây dựng kế hoạch, tìm khách hàng ký hợp đồng. Điều quan trọng là phải thực hiện các chính sách về cung ứng vật tư, nguyên liệu, năng lượng, lương thực... có tác dụng khuyến khích rõ rệt việc sản xuất hàng tiêu dùng theo quy hoạch và phân công sản xuất. Quan hệ giữa Nhà nước và các hợp tác xã được thực hiện thông qua các hợp đồng kinh tế bán nguyên liệu, mua sản phẩm với giá cả thỏa thuận; phần sản phẩm hàng hóa làm

Digitized by Google

thêm bằng các nguyên liệu tự kiếm hoặc bằng tiết kiệm phải được khuyến khích thỏa đáng.

Đối với những sản phẩm chủ yếu của nền kinh tế do cơ sở quốc doanh sản xuất, Nhà nước giao nhiệm vụ sản xuất và phân phối cho các cơ sở sản xuất và tiêu thụ. Các cơ sở này dựa vào chỉ tiêu kế hoạch tiến hành ký hợp đồng thực hiện.

Đối với các loại vật tư kỹ thuật, Ủy ban kế hoạch Nhà nước cùng các bộ lập cân đối trình Hội đồng bộ trưởng xét duyệt và giao nhiệm vụ cho cơ quan cung ứng, cho các bộ và các địa phương. Việc sử dụng vật tư phải đúng mục tiêu kế hoạch, không được dùng vật tư Nhà nước cung ứng để liên doanh, liên kết, bán lấy chênh lệch giá hoặc dùng vào mục đích khác. Thực hiện nghiêm túc việc quyết toán vật tư. Để xóa bỏ bao cấp và thực hiện hạch toán kinh tế đúng, Nhà nước thực hiện nguyên tắc mua, bán vật tư với giá cả hợp lý, theo kế hoạch, theo hợp đồng kinh tế và theo định mức kinh tế kỹ thuật.

Các nguồn vốn đầu tư đều phải được phản ánh trong kế hoạch và được cân đối với nguồn vật tư và lực lượng xây dựng; vốn đầu tư của ngân sách trung ương sẽ tập trung cho các công trình trọng điểm và các mục tiêu lớn của nền kinh tế quốc dân. Các công trình địa phương, chủ yếu dùng vốn tự có và vốn ngân sách địa phương. Trung ương chỉ trợ cấp vốn cho một số tỉnh, thành phố còn nhiều khó khăn. Các công trình đầu tư chiều sâu, đồng bộ hóa của các đơn vị cơ sở thì chủ yếu dùng vốn tự có.

Về xuất nhập khẩu, cần xác định danh mục và số lượng những loại hàng thống nhất xuất khẩu, để bảo đảm các cam kết quốc tế, coi đó là chỉ tiêu pháp lệnh Nhà nước Trung ương bảo đảm cân đối các điều kiện để các ngành, các địa phương và cơ sở thực hiện kế hoạch sản xuất và giao hàng xuất khẩu. Kế hoạch xuất khẩu cần được cân đối ở từng cấp với những nguồn vật chất cần thiết tùy theo khả năng và điều kiện ở từng cấp. Trung ương chịu trách nhiệm và nắm chắc những cân đối chủ yếu thuộc những sản phẩm trọng điểm. Kế hoạch nhập khẩu của tất cả các cấp phải được xét duyệt chặt chẽ và kịp thời, bảo đảm các yêu cầu theo thứ tự ưu tiên, nhằm sử dụng ngoại tệ một cách tiết kiệm và có hiệu quả.

Thưa các đồng chí,

Trên đây là những phương hướng, mục tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế, xã hội trong 5 năm 1986 – 1990. Những phương hướng, mục tiêu đó thể hiện các quan điểm của Đảng về chuyển hướng cơ cấu kinh tế và điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư, về cải tạo xã hội chủ nghĩa và đổi mới cơ chế quản lý phù hợp với đặc điểm nước ta trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Các mục tiêu đề ra đã được tính toán một bước, dựa trên các khả năng trong nước và ngoài nước đã được xác định cho đến nay. Đồng thời, cũng đã nêu ra những biện pháp tích cực nhằm khai thác và phát huy mọi khả năng hiện có và sẽ được tăng thêm trong 5 năm, chủ yếu là sắp xếp lại sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư, vận dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật, sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế, thực hành tiết kiệm triệt để, đổi mới cơ chế quản lý, v.v. Trong các mục tiêu, đã có sự kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế.

Thực hiện được những phương hướng, mục tiêu về phát triển kinh tế, xã hội nói trên, đến năm 1990, nền kinh tế và xã hội nước ta sẽ có những chuyển biến đáng kể. Hàng năm thu

Digitized by Google

nhập quốc dân sản xuất sẽ tăng bình quân 6 – 7%. Với 22 – 23 triệu tấn lương thực năm 1990, không những tạm đủ cho tiêu dùng, mà bắt đầu có dự trữ. Với sự phát triển của than, điện và dầu khí, cán đối năng lượng sẽ được cải thiện một bước. Hàng tiêu dùng đáp ứng được những nhu cầu thiết yếu của nhân dân, chủ yếu là những mặt hàng thông thường sản xuất bằng nguyên liệu trong nước.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ sản xuất mới được thực hiện theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm quốc doanh và tập thể sẽ giữ vị trí quyết định trong nền kinh tế. Các thành phần kinh tế khác được cải tạo và sử dụng bằng nhiều hình thức kinh tế quá độ trong sự liên kết với nhau mà kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Thị trường và giá cả được quản lý chặt chẽ. Đó là một sự chuyển hướng quan trọng, sẽ góp phần giải phóng và khai thác mọi khả năng để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý.

Trên cơ sở phát triển mạnh sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa, sẽ mở ra triển vọng mới là sản xuất đủ cho tiêu dùng ở mức tối thiểu, bước đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

Trong 5 năm 1986 – 1990, mặc dù số dân sẽ tăng thêm khoảng 6 triệu người, nhưng một số mức tiêu dùng về lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng thiết yếu tính bình quân đầu người vẫn tăng hơn thời kỳ 1981 – 1985. Cùng với những biện pháp tích cực trên lĩnh vực phân phối, lưu thông, quản lý thị trường và giá cả được thực hiện có kết quả, đời sống nhân dân lao động sẽ được ổn định dần và có phần cải thiện. Điều quan trọng là công bằng xã hội được thiết lập từng bước, trật tự, kỷ cương ngày càng được bảo đảm.

Đó là những mục tiêu – đương nhiên còn thấp so với yêu cầu và cũng phải phấn đấu rất mạnh thì mới đạt được, song là những mục tiêu nhất thiết phải đạt. Chỉ có như vậy, mới bảo đảm đạt được mục tiêu tổng quát là ổn định tình hình kinh tế – xã hội, chuẩn bị tiền đề cho bước phát triển đi lên trong những năm sau.

Cuộc sống đang diễn biến hết sức phức tạp, song cũng rất sinh động. Trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế, chúng ta đã và đang có nhiều địa phương, ngành và nhất là cơ sở làm ăn năng động, sáng tạo, nêu lên nhiều bài học quý báu. Đó là sức sáng tạo của nhân dân lao động, một khi nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được thật sự phát huy – thể hiện trong thực tế chứ không chỉ là một khẩu hiệu – thì sẽ nảy nở những biện pháp hay, tạo ra sức bật mới. Rất rõ ràng, chúng ta nói nhiều nhưng cũng chưa phải đã nói hết về những tiêu cực, hư hỏng, đó chính là sự thật cần vạch ra để thấy sâu sắc hơn và có quyết tâm khắc phục ; song mặt khác, phải khẳng định những nhân tố mới đang phát triển từ lao động và cuộc sống – những nhân tố mới đem lại niềm tin mới. Nhân dân lao động, đông đảo cán bộ, đảng viên đã được rèn luyện, thử thách, là những nhân tố tích cực, là chỗ dựa để khắc phục yếu kém, trì trệ, tiếp tục tiến lên. Đảng ta đã có bài học « lấy dân làm gốc », trải qua các thời kỳ chiến đấu, cũng như hiện nay, những địa phương, những ngành, và cơ sở nào biết dựa vào dân, tin vào quần chúng, thì rõ ràng là từng bước vượt qua được khó khăn, đạt được nhiều thành tựu. Bài học đó phải được vận dụng xuyên suốt quá trình xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Thưa các đồng chí,

Những giải pháp kinh tế mà chúng ta đang và sẽ tiến hành làm nhằm

Digitized by Google

phát huy những khả năng thực tế, trong đó có những khả năng rất hiện thực. Tuy nhiên, để xoay chuyển tình hình đang diễn biến phức tạp hiện nay, cần tiến hành kiên quyết và nhất quán ba loại biện pháp sau đây :

Một là, toàn Đảng nhất trí khẳng định mạnh mẽ và dứt khoát chuyển hướng nền kinh tế theo một cơ cấu phù hợp với đặc điểm kinh tế — xã hội trong chặng đường đầu tiên, bố trí vật tư, tiền vốn, kể cả vốn bên trong và vốn bên ngoài vào các sản phẩm chủ yếu và công trình then chốt, với cách làm vững chắc và có hiệu quả.

Hai là, trên cơ sở đó, có sự đổi mới thật sự cách mạng trong lĩnh vực tổ chức và quản lý kinh tế, tổ chức bộ máy và cán bộ ; đặc biệt là lựa chọn và bố trí đúng cán bộ, kịp thời thay đổi những cán bộ không thích ứng với cơ chế quản lý mới đi đôi với đổi mới phong cách và lề lối làm việc...

Ba là, đấu tranh xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp, thiết lập bằng được trật tự, kỷ cương trong các hoạt động kinh tế, xã hội, trong sinh hoạt Đảng và Nhà nước, thực hiện đúng nguyên tắc « mọi đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật Đảng », « mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật ». Nghiêm trị những kẻ tham nhũng, đầu cơ trục lợi.

Để thực hiện những biện pháp đó, phải tiến hành cuộc vận động có ý nghĩa cực kỳ quan trọng là làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu, nâng lực lãnh đạo của Đảng, làm trong sạch và nâng cao hiệu lực của bộ máy Nhà nước ; chống tiêu cực, hư hỏng trong xã hội, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội trên các lĩnh vực

Kết quả của những giải pháp, của cuộc vận động nói trên, cuối cùng, phải tạo ra cho được phong trào cách mạng của quần chúng. Làm như vậy, chính là để thực hiện những lời căn dặn thiêng liêng của Bác Hồ vĩ đại mà toàn Đảng và toàn dân ta sẽ kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Người vào năm 1990 — năm kết thúc kế hoạch 5 năm này.

Digitized by Google

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ĐẠI hội lần thứ VI Đảng cộng sản Việt nam, sau khi thảo luận Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa V do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày, và Báo cáo của Ban chấp hành trung ương về phương hướng, mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế, xã hội 5 năm 1986—1990, khẳng định quyết tâm đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng theo tinh thần cách mạng và khoa học.

Đại hội đánh giá cao quá trình dân chủ hóa sinh hoạt chính trị của Đảng và nhân dân ta trong thời gian chuẩn bị và tiến hành Đại hội. Các đồng chí trong toàn Đảng, đồng bào trong cả nước và ở nước ngoài đã đóng góp những ý kiến xây dựng và phong phú vào bản dự thảo Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương và nêu nhiều kiến nghị xác đáng để Đảng ta đi đến những quyết định đáp ứng được yêu cầu của giai đoạn cách mạng hiện nay.

Đại hội đánh dấu bước chuyển biến quan trọng trong quá trình kế thừa và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tăng cường hơn nữa khối thống nhất trong Đảng và sự gắn bó giữa Đảng với nhân dân.

Đại hội hoàn toàn nhất trí với những kết luận của Ban chấp hành Trung ương về đánh giá tình hình, tổng kết kinh nghiệm, xác định nhiệm vụ, mục tiêu và phương hướng chính sách để đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên.

Đại hội quyết nghị:

— Thông qua Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương. Toàn Đảng phải tuân theo những quan điểm và kết luận nêu trong báo cáo, phấn đấu thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ đã đề ra.

— Thông qua nội dung chủ yếu Báo cáo của Ban chấp hành trung ương về phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội 5 năm 1986 — 1990, coi đó là cơ sở để chỉ đạo việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm.

Đại hội lần thứ VI Đảng cộng sản Việt nam nhận định: Năm năm qua là một đoạn đường đầy thử thách đối với Đảng và nhân dân ta. Cách mạng nước ta diễn ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước có những thuận lợi cơ bản, nhưng cũng có nhiều khó khăn, phức tạp. Thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu do Đại hội lần thứ V của Đảng đề ra, nhân dân ta anh dũng phấn đấu, khắc phục khó khăn, vượt qua trở ngại, đã đạt được *những thành tựu quan trọng* trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, giành *những thắng lợi to lớn* trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. Trong cả nước đã xuất hiện nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh khá, đơn

Digitized by Google

vị chiến đấu giỏi; một số địa phương và ngành, với tinh năng động, sáng tạo, đã đạt được những thành tích đáng phấn khởi.

Những thành tựu đạt được trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, cùng với sự tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên xô, Lào, Cam-pu-chia, với các nước anh em khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, việc phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước độc lập dân tộc, các lực lượng tiến bộ và hòa bình, đã tạo cho sự nghiệp cách mạng nước ta *những nhân tố mới để tiếp tục tiến lên.*

Những thành tựu ấy bắt nguồn từ đường lối của Đảng được xác định tại Đại hội lần thứ IV và Đại hội lần thứ V, là thành quả phấn đấu bền bỉ, kiên cường của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Đại hội nhiệt liệt biểu dương đồng bào các dân tộc trong cả nước, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, trí thức xã hội chủ nghĩa, các tầng lớp nhân dân lao động khác và các lực lượng vũ trang nhân dân, trong những điều kiện hết sức khó khăn, gian khổ, đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần làm chủ tập thể, lao động cần cù, sáng tạo, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, lập nhiều thành tích và chiến công mới.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh đồng bào ta ở nước ngoài luôn hướng về Tổ quốc, tích cực góp phần xây dựng đất nước.

Đại hội bày tỏ lòng biết ơn chân thành của Đảng và nhân dân ta đối với sự giúp đỡ to lớn của Liên xô, sự giúp đỡ nhiệt tình của hai nước anh em Lào, Cam-pu-chia và của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, sự đồng tình, ủng hộ của các nước bầu bạn, nhiều tổ chức quốc tế và nhân dân tiến bộ trên thế giới.

Khẳng định những thành tựu đã đạt được, chúng ta đồng thời nhận rõ tình hình kinh tế – xã hội đang có những khó khăn gay gắt: sản xuất tăng chậm; hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp; phân phối, lưu thông có nhiều rối ren; những mất cân đối lớn trong nền kinh tế chậm được thu hẹp, có mặt gay gắt hơn; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố; đời sống nhân dân lao động còn nhiều khó khăn; hiện tượng tiêu cực xảy ra ở nhiều nơi và có nơi nghiêm trọng.

Nhìn chung, chúng ta *chưa thực hiện được mục tiêu tổng quát do Đại hội lần thứ V đề ra là cơ bản ổn định tình hình kinh tế – xã hội, ổn định đời sống nhân dân.*

Không đánh giá thấp những khó khăn khách quan, Đại hội nghiêm khắc chỉ ra rằng nguyên nhân chủ quan của tình hình trên đây là những sai lầm, khuyết điểm trong sự lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước.

Chúng ta có khuyết điểm trong việc đánh giá tình hình cụ thể của đất nước, trong việc xác định mục tiêu và bước đi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong 5 năm 1976–1980, trên thực tế đã chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa trong khi chưa có đủ các tiền đề cần thiết; vừa nóng vội, vừa buông lỏng trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa; chậm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế không còn phù hợp. Trong 5 năm 1981–1985, đã không nghiêm chỉnh thực hiện những kết luận đúng đắn của Đại hội lần thứ V của Đảng về cụ thể hóa đường lối kinh tế trong chặng đường đầu tiên, chưa kiên quyết khắc phục chủ quan nóng vội và bảo thủ trì trệ trong bố trí cơ cấu kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý kinh tế, lại phạm những sai lầm mới, nghiêm trọng trong lĩnh vực phân phối, lưu thông; đã buông lỏng chuyên chính vô sản trong quản lý kinh tế, xã hội, trong đấu tranh tư tưởng, văn hóa, trong việc chống lại những âm mưu,

Digitized by Google

thủ đoạn phá hoại thâm độc của kẻ thù.

Những sai lầm nói trên là sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về *chỉ đạo chiến lược và về tổ chức thực hiện.*

Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm ấy, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, là bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, là khuynh hướng buông lỏng trong quản lý kinh tế, xã hội, không chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và nguyên tắc của Đảng. Đó là những biểu hiện của *tư tưởng tiểu tư sản* vừa « tả » khuynh, vừa hữu khuynh.

Những sai lầm và khuyết điểm trong lĩnh vực kinh tế, xã hội bắt nguồn từ những khuyết điểm trong *công tác tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ* của Đảng.

Trong lĩnh vực tư tưởng, đã bộc lộ sự lạc hậu về nhận thức lý luận và sự yếu kém về vận dụng các quy luật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Về tổ chức, khuyết điểm lớn nhất là thiếu quy hoạch và chậm đổi mới cán bộ; vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng, phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc mang nặng chủ nghĩa quan liêu; tổ chức bộ máy quá lớn, chồng chéo và kém hiệu lực; giáo dục và quản lý cán bộ, đảng viên thiếu chặt chẽ.

Từ thực tiễn những năm qua, Đảng ta rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu, đặc biệt quan trọng là những bài học sau đây: *Một*, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng « lấy dân làm gốc », xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. *Hai*, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. *Ba*, phải biết kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới. *Bốn*, phải chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Ban chấp hành trung ương khóa VI và tổ chức đảng các cấp, trong hoạt động của mình, phải thấu suốt và vận dụng nghiêm túc những bài học nói trên, nỗ lực vươn lên đáp ứng những đòi hỏi mới của sự nghiệp cách mạng, lãnh đạo nhân dân phát huy thắng lợi, khắc phục khó khăn, tạo ra chuyển biến mạnh mẽ trong sự phát triển của đất nước.

Đại hội khẳng định: *toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết làm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa*, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Nhân dân ta tiếp tục làm hết sức mình để tăng cường tình đoàn kết, nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác; không ngừng củng cố và phát triển liên minh đặc biệt với hai nước Lào và Cam-pu-chia, coi đó là nghĩa vụ quốc tế thiêng liêng, là nhiệm vụ có tầm quan trọng chiến lược gắn liền với lợi ích sống còn của độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội của ba nước anh em trên bán đảo Đông dương.

Về nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đại hội xác định: *Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế — xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo*

Ổn định tình hình kinh tế — xã hội bao gồm ổn định và phát triển sản xuất, ổn định phân phối, lưu thông,

Digitized by Google

ổn định và cải thiện từng bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, tăng cường hiệu lực tổ chức quản lý, thiết lập trật tự, kỷ cương và thực hiện công bằng xã hội.

Những mục tiêu cụ thể là: sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất; xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới; tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội; bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.

Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đại hội khẳng định: toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đề cao cảnh giác, tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước, quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, bảo đảm chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ Tổ quốc.

Đại hội giao cho Ban chấp hành trung ương khóa VI chỉ đạo thực hiện thành công những nhiệm vụ đề ra trong Báo cáo chính trị. Đại hội nhấn mạnh những nhiệm vụ sau đây:

1 — Xây dựng và tổ chức thực hiện **ba chương trình về lương thực — thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu**, nhằm đạt mục tiêu dưới đây khi kết thúc chặng đường đầu tiên:

— Bảo đảm nhu cầu lương thực của xã hội và có dự trữ; đáp ứng một cách ổn định nhu cầu thiết yếu về thực phẩm. Mức tiêu dùng lương thực, thực phẩm đủ tái sản xuất sức lao động.

— Đáp ứng được nhu cầu của nhân dân về những hàng tiêu dùng thiết yếu.

— Tạo được một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực; tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu để đáp ứng được phần lớn nhu cầu nhập khẩu vật tư, máy móc, phụ tùng và những hàng hóa cần thiết.

Ba chương trình mục tiêu là nội dung chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1986 — 1990, phải được tập trung cao độ sức người, sức của để thực hiện. Phải kết hợp việc xây dựng các ngành kinh tế — kỹ thuật với việc phát huy thế mạnh của từng vùng, từng tỉnh, thành phố theo hướng mở rộng sản xuất và lưu thông hàng hóa, chú trọng xây dựng kinh tế trên địa bàn huyện; sử dụng đúng đắn và liên kết các thành phần kinh tế, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh.

Các chương trình này phải được cân đối giữa mục tiêu, phương tiện và biện pháp; giải quyết đồng bộ cả về tổ chức sản xuất, khoa học — kỹ thuật và chính sách kinh tế.

Ba chương trình này định hướng cho việc sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý, trước hết là *bố trí lại cơ cấu sản xuất và điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư* nhằm khai thác có hiệu quả khả năng lao động, đất đai và cơ sở vật chất — kỹ thuật hiện có.

Bảo đảm cho nông nghiệp, kể cả lâm nghiệp, ngư nghiệp thật sự là mặt trận hàng đầu, được ưu tiên đáp ứng nhu cầu về vốn đầu tư, về năng lượng, vật tư và lao động kỹ thuật; tập trung trước hết cho những vùng trọng điểm nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao. Ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, đáp ứng cho được nhu cầu về hàng tiêu dùng thông thường, về chế biến nông, lâm, thủy sản, tăng nhanh hàng gia công xuất khẩu và các mặt hàng xuất khẩu khác. Tiếp tục xây dựng một số cơ sở công nghiệp nặng và kết cấu hạ tầng, trước hết là năng lượng và giao thông vận tải, phù hợp với điều kiện thực tế, nhằm phục vụ thiết thực các mục tiêu kinh tế, quốc phòng trong chặng đường đầu tiên, và chuẩn bị tiền đề cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa trong chặng

Digitized by Google

đường tiếp theo. Mở rộng các loại hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất, lưu thông, đời sống và du lịch.

Tăng cường và kết hợp chặt chẽ hoạt động của các ngành khoa học kỹ thuật, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Tăng mức đầu tư, đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý và tổ chức lại lực lượng khoa học kỹ thuật, làm cho khoa học, kỹ thuật gắn chặt với sản xuất và đời sống, đem lại hiệu quả thiết thực, trở thành một bộ phận của lực lượng sản xuất xã hội. Áp dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và kỹ thuật nhằm trước hết phục vụ ba chương trình mục tiêu.

Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các chính sách kinh tế, đặc biệt là chính sách về cung ứng vật tư, lưu thông hàng hóa, giá, thuế, tín dụng, tiền lương... nhằm khuyến khích các cơ sở và công nhân, nông dân, thợ thủ công hăng hái phát triển sản xuất.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Đẩy mạnh xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu. Tham gia ngày càng rộng rãi vào sự phân công lao động quốc tế, trước hết và chủ yếu là phát triển quan hệ phân công, hợp tác toàn diện với Liên xô, với Lào và Cam-pu-chia, với các nước khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế. Chủ động cùng các nước anh em xây dựng và thực hiện chương trình của Hội đồng tương trợ kinh tế giúp đỡ Việt nam, chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học – kỹ thuật đến năm 2000 của Hội đồng tương trợ kinh tế. Tích cực phát triển quan hệ kinh tế và khoa học, kỹ thuật với các nước khác, với các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Thực hiện nghiêm túc các cam kết của nước ta trong quan hệ kinh tế với nước ngoài.

2 – Thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa một cách thường xuyên, với những hình thức và bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất. Tăng cường kinh tế xã hội chủ nghĩa trên cả ba mặt chế độ sở hữu, chế độ quản lý, chế độ phân phối, làm cho kinh tế quốc doanh phát huy được vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế tập thể giữ vị trí quyết định trong nền kinh tế quốc dân, chi phối được các thành phần kinh tế khác. Khuyến khích phát triển kinh tế gia đình. Sử dụng khả năng tích cực của kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa, đồng thời vận động và tổ chức những người lao động cá thể vào các hình thức làm ăn tập thể để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh; sắp xếp, cải tạo và sử dụng tiểu thương, giúp đỡ số người không cần thiết trong lĩnh vực lưu thông chuyển sang sản xuất và dịch vụ. Sử dụng kinh tế tư bản tư nhân (tư sản nhỏ) trong một số ngành, nghề, đi đôi với cải tạo họ từng bước bằng nhiều hình thức kinh tế tư bản Nhà nước. Xóa bỏ thương nghiệp tư bản tư nhân. Mở rộng nhiều hình thức liên kết giữa các thành phần kinh tế theo nguyên tắc cùng có lợi, bình đẳng trước pháp luật.

3 – Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nhằm tạo ra động lực thúc đẩy các đơn vị kinh tế và quần chúng lao động hăng hái phát triển sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế. Kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thiết lập và hình thành đồng bộ cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Cơ chế mới lấy kế hoạch hóa làm trung tâm, sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa – tiền tệ, quản lý bằng phương pháp kinh tế là chủ yếu kết hợp với biện pháp hành chính, giáo dục, thực hiện phân cấp quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thiết lập trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động kinh tế.

Digitized by Google

Việc đổi mới kế hoạch hóa phải nhằm bảo đảm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI về sắp xếp lại nền kinh tế, bố trí lại cơ cấu sản xuất, và điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư. Kế hoạch phải được xây dựng từ cơ sở và tổng hợp từ dưới lên với sự hướng dẫn và điều hòa của trung ương, bảo đảm cân đối tích cực và hiện thực. Kết hợp chặt chẽ kế hoạch hóa theo ngành và kế hoạch hóa trên địa bàn lãnh thổ. Hợp đồng kinh tế giữa các đơn vị sản xuất, kinh doanh phải được bảo đảm hiệu lực bằng chế độ trọng tài kinh tế Nhà nước.

Sử dụng đầy đủ và đúng đắn các đòn bẩy kinh tế trong kế hoạch hóa và quản lý kinh tế, trên cơ sở kết hợp hài hòa lợi ích của xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích của người lao động. Mức thu nhập của tập thể và của người lao động tùy thuộc vào kết quả lao động và hiệu quả kinh tế. Các chính sách và chế độ quản lý vật tư, lao động, tiêu thụ sản phẩm, giá cả, tài chính tín dụng, tiền lương, v.v. phải hướng các hoạt động kinh tế vào việc thực hiện các mục tiêu của kế hoạch kinh tế quốc dân, tạo điều kiện và đòi hỏi mọi đơn vị kinh tế thực hiện tốt hạch toán kinh doanh, mọi tổ chức và cá nhân ra sức tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng.

Tiến hành phân cấp quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ ; chống tập trung quan liêu đồng thời chống tự do, vô tổ chức, cục bộ, bản vị. Bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh, tự chủ tài chính của các đơn vị kinh tế cơ sở, quyền làm chủ của các tập thể lao động. Các cơ quan quản lý Nhà nước từ trung ương đến xã, phường phải làm đúng chức năng quản lý hành chính—kinh tế, không can thiệp vào công việc sản xuất, kinh doanh của các đơn vị cơ sở. Bảo đảm hiệu lực quản lý tập trung thống nhất của trung ương trong những vấn đề có tầm quan trọng đối với cả nước ; đồng thời bảo đảm quyền chủ động của các cấp địa phương trong việc quản lý kinh tế, xã hội trên địa bàn lãnh thổ.

4 — Giải quyết cho được những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông bằng những biện pháp chủ yếu dưới đây :

Giải phóng năng lực sản xuất, tập trung sức bảo đảm vật tư và cải tiến các chính sách cụ thể để đẩy mạnh sản xuất những mặt hàng thiết yếu và những mặt hàng tạo nguồn thu lớn cho ngân sách.

Nhà nước quản lý chặt chẽ vật tư, hàng hóa do kinh tế quốc doanh sản xuất và nhập khẩu, có chính sách giá và phương thức mua bán hợp lý để nắm được hàng, nắm được tiền. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa thật sự chuyển sang kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ để chiếm lĩnh thị trường. Trung ương phân cấp định giá và quản lý giá phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm cho cơ sở sản xuất hoạt động bình thường, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chủ động được trong việc mua và bán.

Để tăng nhanh khối lượng hàng hóa lưu thông, phải mở rộng giao lưu hàng hóa, bãi bỏ các biện pháp cấm đoán, chia cắt thị trường theo địa giới hành chính. Kịp thời phát hiện và nghiêm khắc trừng trị bọn đầu cơ, buôn bán phi pháp.

Tích cực giảm bội chi ngân sách bằng cách tạo ra nguồn thu và tăng thu đúng chính sách. Tiết kiệm chi và đình, hoãn những khoản chi chưa cấp bách, giảm dần đi tới chấm dứt việc phát hành tiền để chi ngân sách. Tăng cường quản lý lưu thông tiền tệ, thu hút tiền nhàn rỗi trong nhân dân, quay nhanh đồng tiền. Mở rộng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, phục vụ tốt sản xuất, kinh doanh.

Bằng nhiều biện pháp Nhà nước bảo đảm tiền lương thực tế cho người lao

Digitized by Google

động; cung cấp đủ tiêu chuẩn định lượng cho quân đội.

Những biện pháp nói trên phải được thực hiện đồng bộ nhằm từng bước lập lại cân đối giữa khối lượng hàng hóa và khối lượng tiền tệ lưu thông để giải quyết khâu then chốt là giảm dần, đi tới chấm dứt lạm phát. Đó là cơ sở để giảm nhịp độ tăng giá, tiến tới ổn định giá cả và sức mua của đồng tiền, giảm bớt khó khăn và dần dần ổn định đời sống của nhân dân lao động, trước hết là của những người hưởng lương.

Theo phương hướng nói trên, Ban chấp hành trung ương khóa VI cần lãnh đạo quyết định sớm các chủ trương, chính sách cụ thể, chỉ đạo các cấp, các ngành chấp hành nghiêm chỉnh, đạt cho được chuyển biến tốt trong một thời gian nhất định.

5 – Xây dựng và tổ chức thực hiện một cách thiết thực và có hiệu quả các chính sách xã hội.

Chính sách xã hội nhằm phát huy mọi khả năng của con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất. Coi nhẹ chính sách xã hội cũng là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Bảo đảm việc làm cho người lao động, trước hết ở thành thị và cho thanh niên, là nhiệm vụ kinh tế – xã hội hàng đầu trong những năm tới. Nhà nước cố gắng tạo thêm việc làm và có chính sách để người lao động tự tạo ra việc làm chính đáng. Tiến hành phân công và phân bố hợp lý lao động trên từng vùng và trong cả nước. Ban hành và thực hiện Luật lao động. Phấn đấu hạ tỷ lệ phát triển dân số đến năm 1990 xuống 1,7%.

Thực hiện công bằng xã hội phù hợp với điều kiện thực tế; bảo đảm an toàn xã hội, nhanh chóng khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Thực hiện sống và làm việc theo pháp luật. Nghiêm trị các phần tử làm ăn phi pháp.

Nâng cao chất lượng giáo dục nhằm mục tiêu hình thành và phát triển toàn diện nhân cách xã hội chủ nghĩa của thế hệ trẻ, đào tạo đội ngũ lao động có văn hóa, có kỹ thuật, có kỷ luật và giàu tính sáng tạo, đồng bộ về ngành nghề, phù hợp với yêu cầu phân công lao động của xã hội.

Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật; xây dựng một nền văn hóa, văn nghệ xã hội chủ nghĩa đậm đà bản sắc dân tộc.

Mở rộng mạng lưới và nâng cao chất lượng công tác y tế và thể dục thể thao, nhất là ở cơ sở, đáp ứng tốt hơn nhu cầu bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

Thực hiện tốt chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình cán bộ, chiến sĩ chiến đấu ngoài mặt trận, gia đình có công với cách mạng, công nhân viên chức về hưu; xây dựng và thực hiện từng bước chính sách bảo trợ xã hội xã hội chủ nghĩa đối với toàn dân theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Đối với công nhân, viên chức, có chế độ tiền lương hợp lý, phúc lợi xã hội cần thiết để bảo đảm đời sống vật chất và văn hóa cho người lao động và gia đình.

Đối với nông dân, giải quyết tốt quan hệ giữa quyền lợi và nghĩa vụ đóng góp cho đất nước. Soát lại các chính sách có liên quan đến nông dân, bãi bỏ những chính sách không đúng.

Đối với trí thức, điều quan trọng nhất là đánh giá đúng năng lực và tạo điều kiện cho các khả năng sáng tạo được sử dụng đúng và phát triển.

Thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng. Tăng cường đầu tư và có chính sách cụ thể về các mặt kinh tế – xã hội để phát huy khả năng của miền

Digitized by Google

nữa về xây dựng kinh tế, văn hóa và chăm lo đời sống của đồng bào các dân tộc.

Tạo điều kiện thuận lợi để người Việt nam sinh sống ở nước ngoài xây dựng khối đoàn kết cộng đồng vừa hòa nhập vào xã hội sở tại, vừa liên hệ mật thiết, gắn bó với quê hương, góp phần ngày càng nhiều vào công cuộc xây dựng đất nước.

6 — Tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chuyên chính vô sản, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, đẩy mạnh công cuộc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và hậu phương ngày càng vững mạnh: giáo dục quốc phòng toàn dân, xây dựng quân đội nhân dân chính quy và ngày càng hiện đại; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, thực hiện nghiêm chỉnh Luật nghĩa vụ quân sự và các chính sách hậu phương quân đội. Tăng cường tổ chức bảo vệ chủ quyền và giữ vững các tuyến biên giới, vùng trời, vùng biển và hải đảo; xây dựng và củng cố bộ đội biên phòng vững mạnh. Chăm lo đời sống tinh thần và vật chất của bộ đội, tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa quân và dân.

Công cuộc bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội cần được tiến hành bằng sức mạnh của mọi lực lượng, bằng mọi phương tiện cần thiết, trong từng địa bàn, ở tất cả mọi đơn vị. Xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, có cơ sở vững chắc trong quần chúng, có trình độ nghiệp vụ ngày càng cao, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và nhân dân. Tổ chức phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng xí nghiệp, cơ quan,... phường, xã, quận, huyện an toàn về mọi mặt, hình thành các khu vực, các tuyến an toàn ở các địa phương; xây dựng nội bộ trong sạch vững mạnh. Ngăn ngừa và trừng trị những hành động phá hoại về kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa và các hoạt động tình báo, gián điệp của địch.

Phát huy vai trò và hiệu lực lãnh đạo của Đảng, thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh. Các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền phải quán triệt và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, coi đó là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của mình.

7 — Tăng cường hoạt động trên lĩnh vực đối ngoại. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, vì sự nghiệp dân tộc và nghĩa vụ quốc tế. Đấu tranh giữ vững hòa bình ở Đông dương, góp phần gìn giữ hòa bình ở Đông — Nam Á, ở châu Á — Thái bình dương và trên thế giới, chống chính sách của các giới đế quốc chạy đua vũ trang và gây nguy cơ chiến tranh hạt nhân, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Phát triển và củng cố quan hệ đặc biệt giữa ba nước Việt nam, Lào và Cam-pu-chia; đoàn kết và tôn trọng độc lập, chủ quyền của mỗi nước, hợp tác toàn diện, giúp đỡ lẫn nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên xô là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta; phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác; góp phần tăng cường sức mạnh và phát huy ảnh hưởng của cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Tăng cường đoàn kết của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản; củng cố sự hợp tác giữa các đảng anh em trong cuộc đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

Mở rộng quan hệ với các tổ chức quốc tế. Ủng hộ mạnh mẽ phong trào đấu tranh giải phóng và độc lập dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Mở rộng quan hệ với tất cả các nước trên nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình. Trên tinh thần bình đẳng, bảo đảm độc lập, chủ quyền và tôn trọng lẫn nhau, sẵn sàng đàm phán để giải quyết những vấn đề thuộc quan hệ giữa Việt nam với Trung quốc, bình thường hóa quan hệ và khôi phục tình hữu nghị giữa hai nước, vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông – Nam Á và trên thế giới.

8 – Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, củng cố và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng, nhất là Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội liên hiệp nông dân tập thể,... Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức quần chúng, hướng mạnh về cơ sở, thu hút đông đảo nhân dân vào các phong trào cách mạng. Xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa, củng cố liên minh công nông và chăm lo giáo dục thế hệ trẻ, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo. Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, tôn trọng và bảo đảm quyền công dân; chống tệ quan liêu của quyền, ức hiếp quần chúng trong bộ máy lãnh đạo và quản lý các cấp. Thực hiện có nền nếp khẩu hiệu *dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra; tất cả vì dân và do dân*. Động viên và tổ chức quần chúng tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội, tham gia các hoạt động cải cách kinh tế. Thông qua phong trào thi đua phát triển kinh tế – xã hội, đào tạo và rèn luyện con người mới, xây dựng những tập thể lao động mới, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài.

Nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước. Nêu cao vị trí và vai trò của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, tạo điều kiện cho các cơ quan dân cử thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Hiến pháp quy định. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và quản lý xã hội bằng pháp luật. Phân định rành mạch nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan Nhà nước từng cấp theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính – kinh tế với quản lý sản xuất – kinh doanh, kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ. Chấn chỉnh bộ máy quản lý Nhà nước theo hướng tinh, gọn, có đủ năng lực thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành pháp luật, chính sách cụ thể; xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch Nhà nước; quản lý và điều hành có hiệu quả các hoạt động kinh tế, xã hội; giữ vững pháp luật, kỷ cương và trật tự, an toàn xã hội.

9 – Xây dựng Đảng thật sự ngang tầm một đảng cầm quyền có trọng trách lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược. Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, là nhân tố quyết định sự phát triển của cách mạng nước ta. Nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng là đổi mới tư duy trong mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế vô sản, khơi dậy ý chí cách mạng của quần chúng. Đổi mới công tác tổ chức và công tác cán bộ của Đảng, đổi mới phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức

Digitized by Google

và sinh hoạt trong Đảng; nâng cao chất lượng đảng viên; kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên: nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở của Đảng.

Dân chủ hóa công tác cán bộ. Tiến hành thường xuyên việc đánh giá, lựa chọn, bố trí, đi đôi với đào tạo, bồi dưỡng qua học tập và hoạt động thực tiễn để có một đội ngũ cán bộ đủ tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực lãnh đạo, quản lý. Chú ý trẻ hóa đội ngũ cán bộ và chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế tục.

Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng; nâng cao chất lượng sinh hoạt của các cấp ủy. Đẩy mạnh phê bình và tự phê bình đúng với ý nghĩa là quy luật phát triển của Đảng, là thước đo trình độ sinh hoạt dân chủ trong Đảng và ý thức trách nhiệm của Đảng đối với nhân dân.

Tăng cường công tác giáo dục và công tác kiểm tra của Đảng. Đảng viên phải suy nghĩ và hành động vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, vì lợi ích của cách mạng, chống chủ nghĩa cơ hội dưới mọi hình thức, chống chủ nghĩa cá nhân, địa vị và tư lợi, chủ nghĩa cục bộ, địa phương, chống tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi. Những cán bộ, đảng viên không chăm lo lợi ích của nhân dân mà chỉ thu vén cho lợi ích cá nhân của mình thì không xứng đáng đứng trong hàng ngũ Đảng.

Tăng cường đoàn kết nhất trí về chính trị, tư tưởng và tổ chức trên cơ sở hệ tư tưởng Mác — Lê-nin và đường lối, quan điểm của Đảng. Chăm lo giữ gìn sự đoàn kết trong các cơ quan lãnh đạo của Đảng, trên cơ sở đó, tăng cường sự đoàn kết trong toàn Đảng. Giữ gìn sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Ban chấp hành trung ương Đảng xúc tiến việc *xây dựng cương lĩnh hoàn chỉnh* cho toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế — xã hội và chiến lược phát triển khoa học—kỹ thuật. Bản cương lĩnh phải thể hiện trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân ta, và sẽ trình Đại hội lần thứ VII của Đảng.

10 — Nâng cao hiệu lực chỉ đạo và điều hành.

Xuất phát từ yêu cầu thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ do Đại hội đề ra, Ban chấp hành trung ương khóa VI phải tiến hành những biện pháp kiên quyết nhằm nâng cao hiệu lực chỉ đạo và điều hành của bộ máy Đảng và Nhà nước. Những khâu quan trọng nhất cần nắm chắc là: xây dựng và ban hành kịp thời các chính sách cụ thể, nhất là các chính sách kinh tế; kiện toàn tổ chức bộ máy từ trung ương đến cơ sở cho phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ mới; bố trí cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực hoàn thành nhiệm vụ; thiết lập trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế, xã hội; phát động phong trào quần chúng hành động cách mạng mạnh mẽ, liên tục.

Ban chấp hành trung ương chỉ đạo tiến hành trong toàn Đảng và toàn xã hội *cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức Đảng; làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy Nhà nước; đẩy lùi và xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội.*

Đại hội lần thứ VI Đảng cộng sản Việt nam biểu thị quyết tâm của Đảng giương cao ngọn cờ chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tiến bước theo con đường do Chủ tịch Hồ Chí Minh vạch ra, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phấn đấu hết sức mình vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Những người cộng sản Việt nam quyết xứng đáng

Digitized by Google

ở vị trí hàng đầu của sự nghiệp cách mạng vẻ vang này.

Đại hội kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban chấp hành trung ương Đảng, ra sức phát huy những thành tựu đã đạt được, dũng cảm phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách, biến nghị quyết của Đảng thành hiện thực, tạo ra những tiến bộ mới trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội.

Năm 1990 là năm kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Đảng cộng sản Việt nam, kỷ niệm lần thứ 45 Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, và kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Hãy dấy lên một phong trào hành động cách mạng sôi nổi trên mọi miền của đất nước, thi đua hoàn thành kế hoạch 5 năm 1986 – 1990, giành thắng lợi ngày càng to lớn cho sự nghiệp cách mạng của chúng ta!

Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân!

DIỄN VĂN KHAI MẠC

(Tiếp theo trang 20)

và Đại hội V, đề ra các chủ trương, biện pháp chuyển biến và đổi mới, tập trung vào ba chương trình kinh tế lớn – lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu – và cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng, làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy Nhà nước, đẩy lùi và xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội.

Đại hội chúng ta sẽ thảo luận và thông qua các báo cáo của Trung ương và bầu Ban chấp hành trung ương mới thể hiện truyền thống đoàn kết nhất trí, ý chí đổi mới, quyết tâm tiến lên của Đảng ta nhằm bảo đảm lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết mà Đại hội đề ra.

Chuyển biến toàn bộ sự nghiệp cách mạng theo hướng đổi mới là một quá trình lâu dài. Chúng ta còn phải tiếp tục kiên trì suy nghĩ, tìm tòi, thử nghiệm, từng bước hình thành cái mới một cách tích cực và vững chắc.

Tình hình đất nước đòi hỏi Đảng ta phải lớn lên, tăng cường đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, khôi phục, củng cố lòng tin và niềm phấn khởi của nhân dân, động viên phong trào cách mạng của quần chúng.

Nhân dân lao động nước ta, dân tộc Việt nam ta rất giàu nhiệt tình cách mạng, dũng cảm, thông minh và sáng tạo. Nhất định nhân dân ta sẽ vui mừng đón nhận Nghị quyết của Đại hội, biến Nghị quyết thành hành động cách mạng, ra sức phấn đấu đạt hiệu quả thiết thực trên mọi lĩnh vực của đời sống.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, trong các cuộc kháng chiến, chúng ta đã làm nên sự nghiệp có ý nghĩa lịch sử và tầm vóc thời đại. Mười năm qua, chúng ta đã trả giá đắt để thu được những hiểu biết và kinh nghiệm ngày nay, và chúng ta đã có bước trưởng thành. Nhất định trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hiện hai nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta và nhân dân ta sẽ làm nên sự nghiệp vĩ đại ngang tầm sứ mệnh lịch sử của dân tộc, vì lợi ích của nhân dân ta, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng, hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc ở khu vực này và trên thế giới.

Trong niềm tin tưởng đó, tôi tuyên bố khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

Digitized by Google

DIỄN VĂN BẾ MẠC

CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN VĂN LINH

Thưa các đồng chí trong Đoàn chủ tịch,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu thân mến,

VỚI tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng và nhân dân, sau nhiều ngày làm việc tích cực, khẩn trương, hôm nay Đại hội lần thứ VI của Đảng ta đã hoàn thành công việc một cách tốt đẹp.

Đại hội hoàn toàn nhất trí với những quan điểm, chủ trương đề ra trong Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương và các văn kiện khác của Trung ương trình ra Đại hội, đã nhất trí thông qua Nghị quyết hết sức quan trọng về những quyết sách lớn nhằm làm chuyển biến tình hình, đưa đất nước vượt qua khó khăn, thử thách, vững bước tiến lên.

Các đại biểu từ mọi miền đất nước, từ mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước đã mang tới Đại hội trí tuệ và nguyện vọng thiết tha: Đảng ta có sự đổi mới mạnh mẽ trong công tác lãnh đạo. Sự nhất trí hoàn toàn về những quyết định đúng đắn tại Đại hội cho phép chúng ta vui mừng khẳng định rằng Đại hội đã đáp ứng lòng mong đợi của toàn Đảng và toàn dân ta.

Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành trung ương khóa VI thể hiện được tính liên tục và tính kế thừa để thực hiện quyết tâm đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với thực tế cách mạng nước ta hiện nay.

Đại hội vô cùng xúc động về đề nghị của ba đồng chí lãnh đạo cao tuổi — đồng chí Trường Chinh, đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Lê Đức Thọ — không ứng cử vào Trung ương kỳ này và sẵn sàng gánh vác trọng trách làm cố vấn cho Ban chấp hành trung ương và Bộ chính trị.

Ba đồng chí đã nêu tấm gương cao đẹp về tinh thần tận tụy phục vụ cách mạng và sự trong sáng cộng sản chủ nghĩa. Toàn Đảng, toàn dân hết sức biết ơn công lao to lớn của ba đồng chí, và từ đáy lòng mình, chúng ta chân thành chúc các đồng chí luôn luôn mạnh khỏe, tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân.

Nhận thức đầy đủ trách nhiệm nặng nề mà Đại hội giao phó, thay mặt các đồng chí vừa được bầu vào Ban chấp hành trung ương, chúng tôi xin hứa đồng tâm hiệp lực, cùng toàn Đảng, toàn dân làm hết sức mình cho sự thực hiện thành công các nghị quyết của Đại hội.

Thưa các đồng chí,

Từ Đại hội này, tiếng nói đầy tình cảm thắm thiết của anh em và bầu bạn trên thế giới đã vang dội sâu rộng trên khắp đất nước ta. Các đồng chí đại biểu quốc tế đã mang đến cho những người cộng sản và nhân dân ta tình hữu nghị sắt son, lòng tin cậy và sự

Digitized by Google

ủng hộ mạnh mẽ của Liên xô vĩ đại — thành trì của hòa bình và cách mạng thế giới, của hai nước láng giềng anh em gần bó keo sơn Lào, Cam-pu-chia, của các nước anh em khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, của nhiều bạn bè thân thiết trên thế giới. Và cũng từ Đại hội này, một lần nữa, chúng ta đã bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc và tình cảm nồng nàn đoàn kết chiến đấu của Đảng và nhân dân ta với các đảng và các nước anh em, với những bầu bạn thân thiết ở khắp năm châu.

Đại hội ta chân thành cảm ơn các đồng chí đại biểu quốc tế đã đến với chúng ta và góp phần quý báu vào thành công của Đại hội. Chúng ta chân thành cảm ơn các đảng anh em, các tổ chức cách mạng ở nhiều nước đã gửi đến Đại hội những bức điện, bức thư chào mừng chứa chan tình cảm quốc tế vô sản.

Chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh đồng bào, chiến sĩ trong cả nước và đồng bào ở nước ngoài đã hướng về Đại hội, lập nhiều thành tích trên mọi lĩnh vực chào mừng Đại hội.

Chúng ta biểu dương cán bộ, công nhân, nhân viên và chiến sĩ đã ngày đêm làm việc tận tụy để phục vụ Đại hội thành công tốt đẹp.

Thưa các đồng chí,

Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh dấu bước chuyển quan trọng trong quá trình kế thừa và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thành công của Đại hội là sức mạnh mới, là cơ sở hết sức quan trọng để tăng cường hơn nữa sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng và toàn dân ta. Nhưng chặng đường trước mắt chúng ta còn đầy khó khăn, thử thách mà toàn Đảng và toàn dân ta phải nỗ lực rất nhiều, phấn đấu rất cao mới vượt qua được. Với tinh thần đoàn kết và đổi mới của Đại hội, chúng ta quyết tâm đem hết tinh thần và sức lực của mình thực hiện thắng lợi mục tiêu do Đại hội đề ra là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế — xã hội, tiếp tục tạo tiền đề cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đất nước.

Hướng tới năm 1990, năm kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Đảng cộng sản Việt nam, lần thứ 45 Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, chúng ta quyết thực hiện thắng lợi Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ kính yêu:

> « Còn non, còn nước, còn người,
> Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay! »

Không một trở lực nào có thể ngăn cản bước tiến của chúng ta về phía trước.

Với niềm tin mãnh liệt đó, tôi xin phép tuyên bố bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của chúng ta.

Digitized by Google

«ТАПТИ КОНГЦИАН» № 1 – 1987

ПЕРЕДОВАЯ – Прилагая все силы, успешно выполнить постановления VI съезда КПВ. Товарищ Нгуен Ван Линь, Генеральный секретарь ЦК КПВ. Речь товарища фам Хунга. Выступление товарища Чыонг Тиня. Речь тов. Нгуен Ван Линя при открытии VI съезда КПВ. Политический доклад ЦК партии : докладчик тов. Чыонг Тинь. Основные направления и цели социально-экономического развития пятилетнего плана 1986 – 1990 гг. (Доклад ЦК партии. Докладчик – тов. Во Ван Киет) Резолюция VI съезда КПВ. Речь тов. Нгуен Ван Линя при закрытии VI съезда.

REVIEW OF COMMUNISM N° 1 – 1987

EDITORIAL – Strive to carry out successfully the Resolution of the Sixth Party Congress. Comrade Nguyen Van Linh, General Secretary of the Central Committee of the Communist Party of Vietnam. Comrade Pham Hung's speech. Comrade Truong Chinh's speech. Opening speech delivered by comrade Nguyen Van Linh. Political Report of the Party Central Committee made by comrade Truong Chinh. Main guidelines and objectives for socio-economic development in the 1986 – 1990 period (Report of the Party Central Committee made by comrade Vo Van Kiet). Resolution of the Sixth National Congress of the Communist Party of Vietnam. Closing speech delivered by General Secretary Nguyen Van Linh.

REVUE DU COMMUNISME N° 1 – 1987

EDITORIAL – S'efforcer de réaliser avec succès les Résolutions du VIe Congrès du Parti. Le Camarade Nguyen Van Linh – Secrétaire général du CC du PCV. Allocution du camarade Pham Hung. Allocution du camarade Truong Chinh. Discours d'ouverture prononcé par le camarade Nguyen Van Linh. Rapport politique du CC du PCV présenté par le camarade Truong Chinh. Les orientations et objectifs essentiels de développement socio-économique du quinquennat 1986 – 1990 (rapport du CC du PCV présenté par le camarade Vo Van Kiet). Résolutions du VIe Congrès national du PCV. Discours de clôture du Secrétaire général Nguyen Van Linh.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 1 – 1987

EDITORIAL – A realizar exitosamente las Resoluciones del VI Congreso del Partido. Camarada Nguyen Van Linh, Secretario General del CC del Partido Comunista de Vietnam (PCV). Palabras del camarada Pham Hung. Palabras del camarada Truong Chinh. Discurso de inauguración del camarada Nguyen Van Linh. Informe Político del CC pronunciado por el camarada Truong Chinh. Orientaciones y objetivos principales del desarrollo económico-social para el quinquenio 1986 – 1990 (Informe del CC pronunciado por el camarada Vo Van Kiet). Resoluciones del VI Congreso Nacional del PCV. Discurso de clausura del Secretario General Nguyen Van Linh.

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
SỐ 1-1987. NĂM THỨ XXXIII (373)

Mục lục

Xã luận – Phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng 1

Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Tổng bí thư BCHTƯ ĐCS Việt nam 7

Bộ chính trị, Ban bí thư, Ủy ban kiểm tra Trung ương ĐCS Việt nam 9

Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam 12

Lời phát biểu của đồng chí Phạm Hùng 15

Lời phát biểu của đồng chí Trường Chinh 16

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng cộng sản Việt nam

Diễn văn khai mạc do đồng chí Nguyễn Văn Linh đọc 19

Báo cáo chính trị của BCHTƯ do đồng chí Trường Chinh đọc 21

Phương hướng, mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế, xã hội trong 5 năm 1986 – 1990 (Báo cáo của BCHTƯ do đồng chí Võ Văn Kiệt đọc) 86

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI ĐCS Việt nam 116

Diễn văn bế mạc của đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh 127

Bìa của họa sĩ Trần Mai

Kỳ họa của họa sĩ Dương Hướng Minh

Trụ sở Bộ biên tập:
1. Nguyễn Thượng Hiền – Hà nội. Dây nói: 52061 – 52062
Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:
19. Phạm Ngọc Thạch – T. P. Hồ Chí Minh Dây nói: 25768 – 22010

Digitized by Google

MỤC LỤC TẠP CHÍ CỘNG SẢN NĂM 1987

BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
I — Chính trị		
– Mấy vấn đề về đổi mới tư duy	Đào Duy Tùng	2
– Bàn về chuẩn bị đất nước chống chiến tranh xâm lược	Hoàng Văn Thái	2
– Vấn đề nắm quy luật trong cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt nam	Hồng Chương	2
– Xây dựng một Quốc hội thật sự có năng lực	Xã luận	3
– Quốc hội khóa VIII – Mấy vấn đề đổi mới	Nguyễn Hữu Thọ	3
– Đổi mới tư duy: khía cạnh phương pháp luận	Thái Ninh	3
– Làm tốt công tác quân sự địa phương	Đặng Kinh	4
– Xây dựng con người mới với vấn đề phòng ngừa sự phạm tội	Lê Quang Thành	5
– Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội – tính chất lâu dài và phức tạp	Vũ Hữu Ngoạn	6
– Về bản chất của chuyên chính vô sản theo tinh thần học thuyết của Lê-nin	Nguyễn Văn Đặng	6
– Nâng cao vai trò của các cơ quan dân cử	Hoàng Hảo	6
– Thực hiện rộng rãi và đầy đủ nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là điểm mấu chốt trong đổi mới tư duy chính trị và tư duy kinh tế	Nguyễn Văn Linh	7
– Kết hợp chặt chẽ kinh tế với an ninh, an ninh với kinh tế	Lê Quang Thành	7
– Tư duy triết học và đổi mới tư duy	Lê Thi	8
– Tính thống nhất của pháp chế xã hội chủ nghĩa	Hoàng Công	8
– Xây dựng và hoàn chỉnh pháp luật	Lê Đức Tiết	9
– Cách mạng Tháng Mười và cách mạng Việt nam	Nguyễn Văn Linh	11
– Tăng cường đoàn kết quân dân	Xã luận	12
– Pháp luật và kinh tế	Hoàng Hảo	12
Nghiên cứu — Trao đổi		
+ Về tư duy và đổi mới tư duy		
– Một số vấn đề về tư duy và đổi mới tư duy hiện nay ở nước ta	Hồ Văn Thông	10
– Những hướng tư duy mới	Lê Thi	10
– Quan hệ giữa đổi mới nội dung tư duy và đổi mới phương pháp tư duy	Nguyễn Đăng Quang	10
– Những đặc trưng cơ bản của phương pháp tư duy khoa học	Nguyễn Quang Thông	10
– Năng lực tư duy lý luận trong quá trình đổi mới tư duy	Nguyễn Ngọc Long	10
– Vai trò của đổi mới tư duy	Đặng Xuân Kỳ	12
– Nâng cao trí thức khoa học – điều kiện quan trọng để đổi mới tư duy	Nguyễn Duy Quý	12
– Thông tin – phản ánh – tư duy	Nguyễn Duy Thông	12
– Nhu cầu thực tiễn và đổi mới tư duy	Nguyễn Bằng Tường	12

Digitized by Google

BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
– Đổi mới tư duy từ góc độ tâm lý học	Phạm Hoàng Gia	12
– Những định hướng thời đại của tư duy mới	Hoàng Công	12
II — Kinh tế		
– Về xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý	Trần Thành	2
– Khắc phục những khó khăn trước mắt, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế	***	3
– Kinh tế đối ngoại, xuất – nhập khẩu trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	Lưu Văn Đạt	3
– Quán triệt mấy nội dung chủ yếu theo hướng tư duy mới đã nêu trong nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ chính trị	Nguyễn Bình	3
– Đổi mới cơ chế quản lý bảo vệ thực vật trong nông nghiệp	Duy Nghi	3
– Phát biểu của đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh tại Hội nghị lần thứ 2 BCHTUĐ	***	5
– Một bước quan trọng thực hiện Nghị quyết Đại hội VI	Xã luận	5
– Giai cấp nông dân tập thể trên mặt trận nông nghiệp	Vũ Oanh	5
– Về các quy luật kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	Trần Đức	5
– Vấn đề phân phối lưu thông – Những giải pháp mới trên cơ sở quan điểm mới	Võ Văn Kiệt	6
– Bố trí cơ cấu đầu tư hợp lý nhằm thực hiện ba chương trình: lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu	Hồ Tế	6
– Mấy vấn đề cơ bản về chương trình xuất khẩu	Nguyễn Thế Uẩn	6
– Về chính sách cung ứng vật tư của nhà nước đối với nông nghiệp	Xuân Kiều	6
– Làm thế nào tạo ra nguồn dự trữ để ổn định và phát triển nông nghiệp ở nước ta	Nguyễn Thành Bang	7
– Phấn đấu giảm bội chi ngân sách	Xã luận	8
– Phát triển mạnh tiểu, thủ công nghiệp	Văn Tùng	8
– Mấy suy nghĩ về bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh cho đơn vị kinh tế cơ sở	Vũ Huy Từ	8
– Về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế	Nguyễn Văn Linh	9
– Biến nghị quyết Đại hội VI từng bước vững chắc thành hiện thực	Xã luận	9
– Mấy suy nghĩ về giải quyết lương thực, thực phẩm ở nước ta hiện nay	Lê Doãn Diên	9
– Một số nhân tố mới của cơ chế quản lý kinh tế qua kinh nghiệm ở các điển hình	Trần Ngọc Hiên	9
– Một số vấn đề cơ bản về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở đơn vị cơ sở và đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế	Võ Chí Công	12
– Một kinh nghiệm kinh doanh trên địa bàn huyện: Liên doanh thủy sản Năm căn	Hữu Hạnh	12
Nghiên cứu—Trao đổi		
+Về khoán sản phẩm trong nông nghiệp		

Digitized by Google

BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
– Phải chăng khoán sản phẩm đã phù hợp với giai đoạn hiện nay?	Trần Đức	7
– Cần đổi mới cách khoán sản phẩm trong nông nghiệp	Đào Quang Cát	7
– Khoán sản phẩm và cơ chế quản lý trong nông nghiệp ở nước ta	Nguyễn Đình Nam	8
– Hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp	Lưu Quốc Thường	8
– Vận dụng quy luật phân phối theo lao động trong điều kiện khoán sản phẩm đến người lao động trong nông nghiệp nước ta	Nguyễn Huy	9
– Thực chất của "khoán mới" với củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp	Lê Trọng	9
– Mấy suy nghĩ về việc đánh giá và định hướng hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm trong nông nghiệp	Đào Xuân Sâm	10
– Hoàn chỉnh khoán sản phẩm trong nông nghiệp	Phan Thoan	10
– Mấy suy nghĩ về hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến hộ gia đình ở các hợp tác xã nông nghiệp	Nguyễn Anh Bắc	10
– Tổng hợp ý kiến đã phát biểu trên bốn số tạp chí	Ban biên tập Tạp chí Cộng sản	12
+Về vấn đề lạm phát		
– Về vấn đề lạm phát ở nước ta	Nguyễn Đình	10
– Lạm phát tiền giấy và khả năng giảm tốc độ lạm phát ở nước ta	Cao Cự Bội	10
– Đồng tiền trong quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa ở nước ta	Đào Xuân Sâm	12
– Một số ý kiến về lạm phát tín dụng ở nước ta	Lê Đình Thu	12
III — Văn hóa — Xã hội		
– Qua một số tác phẩm của những người viết văn trẻ	Phan Quỳnh Anh	2
– Thể hiện đầy đủ trong thực tế sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội	***	4
– Đường lối văn hóa của Đảng và thành tựu trong thực tiễn	Lê Xuân Vũ	4
– Sự thâm nhập và nảy sinh cái mới trong văn hóa các dân tộc thiểu số	Ngô Đức Thịnh	4
– Lẽ sống, lối sống ngày nay	Lê Anh Trà	4
– Thông tin trong xã hội hiện đại	Hoàng Thịnh	6
– Mấy vấn đề về giải quyết nhà ở đô thị	Phạm Trí Minh – Phạm Văn Nhiếp	6
– Chất lượng nghệ thuật và hiệu quả xã hội của hoạt động văn hóa văn nghệ	Trần Độ	7
– Bác Hồ chỉ đạo chúng ta xây dựng lối sống mới	Lê Xuân Vũ	8
– Nhìn thẳng vào thực trạng nền giáo dục nước ta hiện nay	Đặng Quốc Bảo	9
– Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa phát triển ngay từ nguyên lý cơ bản tính đảng cộng sản	Phương Lựu	10
– Cải cách nền giáo dục quốc dân – một tất yếu khách quan của thời đại chúng ta	Đặng Quốc Bảo	12

Digitized by Google

BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
– Ngành y tế trước những yêu cầu mới	Đặng Hồi Xuân – Vũ Kiên	12
Nghiên cứu—Trao đổi		
+ Về vai trò nhân tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội		
– Con người – chủ thể và sản phẩm của lịch sử, mục tiêu và động lực của cách mạng	Tạ Văn Thành	2
– Về nhân tố con người trong phát triển kinh tế của đất nước	Đặng Thu	2
– Con người là vốn quý nhất	Trần Độ	2
– Về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội hiện nay	Đặng Quang Uẩn	2
– Về chính sách xã hội và cuộc đấu tranh cho công bằng xã hội hiện nay	Phạm Như Cương	2
– Phân bố, sử dụng đầy đủ và có hiệu quả các nguồn lao động của đất nước	Trần Đình Hoan	3
– Suy nghĩ về đổi mới công tác tư tưởng, văn học nghệ thuật và giáo dục	Nguyễn Văn Hạnh	3
– Văn nghệ sĩ mới và chức năng xây dựng con người mới	Hà Xuân Trường	3
– Tập trung sức ổn định đời sống các dân tộc thiểu số ở các vùng cao	Hoàng Trường Minh	3
– Một vài suy nghĩ về con người Việt nam từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội	Ngô Thành Dương	3
– Suy nghĩ thêm về những vấn đề của con người đi từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội	Tương Lai	3
– Nhu cầu và tính tích cực của con người	Khổng Doãn Hợi	3
– Con người Việt nam với kỷ cương quản lý kinh tế, xã hội theo pháp luật	Phan Hiền	3
– Hãy lưu ý đến nhân tố con người trong công cuộc xây dựng miền núi	Đặng Nghiêm Vạn	3
– Gia đình với sự bồi dưỡng nhân cách con người	Đặng Thanh Lê	3
– Vai trò của Đảng trong việc phát huy nhân tố con người	Đào Duy Cận	4
– Vì lợi ích trăm năm phải trồng người	Diệu Hương	4
– Chăm sóc sức khỏe nhân dân trong giai đoạn mới	Hoàng Đình Cầu	4
– Thể dục thể thao vì con người	Dương Nghiệp Chí	4
– Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa và phương pháp tư duy khoa học	Lê Thi	4
– Xây dựng và sử dụng tốt hơn nữa đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa	Lê Quý An	4
– Phát huy nhân tố con người thanh niên trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc	Hà Quang Dự	4
IV — Đảng — Các tổ chức quần chúng		
– Phấn đấu thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng	Xã luận	1
– Tăng cường sự đoàn kết nhất trí của Đảng, quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội VI	Xã luận	2

Digitized by Google

BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Tăng cường công tác kiểm tra, góp phần thực hiện tháng lợi nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng	Trần Hữu Đắc	2
- Bài học lịch sử vô giá	Nguyễn Phú Trọng	2
- Mấy ý kiến về đổi mới công tác tổ chức và công tác cán bộ	Võ Tử Thành	2
- Thực hiện tốt luật hôn nhân và gia đình	Nguyễn Thị Định	3
- Yêu cầu mới của công tác vận động công nhân	Đan Tâm	3
- Đồng chí Lê Duẩn, nhà lãnh đạo lỗi lạc của Đảng và nhân dân ta	Nguyễn Văn Linh	4
Chung quanh vấn đề đổi mới phong cách công tác	Nguyễn Hải Khoát	4
- Công trình thanh niên cộng sản — một phương thức tập hợp và giáo dục thanh niên	Đoàn Phổ Thông Trần Miều	4
- Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta	Phạm Văn Đồng	5
- Học tập đạo đức Bác Hồ, nâng cao phẩm chất cách mạng	***	5
- Học tập Bác Hồ, xây dựng phong cách làm việc dân chủ gắn bó với quần chúng	Lê Quang Vinh	5
- « Người có nhiều duyên nợ với báo chí »	Nguyễn Xuân Thông	5
- Giai cấp công nhân và thời đại chúng ta	Nguyễn Thành Lê	5
- Xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn hiện nay	Dương Xuân An	5
- Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đưa ánh sáng Cách mạng Tháng Mười về Việt nam	Nguyễn Thành	6
- Theo phong cách Hồ Chí Minh	Song Thành	6
- Một số ý kiến về đổi mới phong cách công tác	Trần Xuân Bách	7
- Về những bài báo của N.V.L.	***	7
- V.I. Lê-nin nói về chủ nghĩa quan liêu và đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu	Lê Văn Yên	8
- Phát huy vai trò của Hội liên hiệp nông dân tập thể	***	9
- Bác Hồ với công tác vận động nông dân	Hữu Công	9
- Chính sách kinh tế—xã hội và công tác vận động thanh niên	Bùi Ngọc Trinh	9
- Một sự đổi mới nhiều hứa hẹn của báo chí	Nhị Lê	9
- Nâng cao phẩm chất cán bộ và đảng viên, giữ gìn sự trong sạch và tăng cường sức chiến đấu của Đảng	Đỗ Mười	10
- Một nội dung quan trọng của việc đổi mới công tác vận động thanh niên	Vũ Mão	10
- Hoạt động kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười, một hình thức đấu tranh quan trọng ở Việt nam những năm 1939 — 1945	Đinh Xuân Lâm — Ngô Đăng Tri	11
Sinh hoạt tư tưởng		
- Né tránh	Đức Uy	2
- Nói và làm	Nguyễn Trung Thực	4
- Thấy giùi	Trần Túy	7
- Một sự thật nhức nhối	Trọng Nghĩa	10
- Câu chuyện về đồng chí Ch Ch.	Hồng Tâm	12
V — Thư gửi Bộ biên tập		
- Chân tướng của kẻ cơ hội	Lê Văn Giáp	2
- « Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch »	Lê Hùng	3

Digitized by Google

BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
– Cần làm sáng tỏ một số điểm xung quanh lá đơn xin học của Nguyễn Tất Thành năm 1911	Đinh Xuân Lâm	5
– Cần tạo ra những làn sóng dư luận xã hội cần thiết	Nguyễn Mạnh Hùng	7
– Thư gửi Bộ biên tập	Phạm Văn Tuấn	8
– Thư trả lời	Đặng Thu	8
– Đau lòng và phẫn nộ	Mai Thị Đào	9
– Cần đặc biệt coi trọng yếu tố tạo dáng sản phẩm hàng hóa	Dương Hướng Minh	9
– Cần đặc biệt chú ý giáo dục thanh niên về dân số và kế hoạch hóa gia đình	Chu Thị Xuyến	9
– Rừng Minh Hải kêu cứu!	Phạm Văn Hoài	10
– Giữ vững kỷ cương của Đảng và Nhà nước	Phạm Ngọc	10
– Đề nghị thuật tạo hình và kiến trúc đến với nhân dân	Nguyễn Quân	12
– Cuộc đấu tranh không đơn giản	Hồng Quang	12
VI — Các địa phương, cơ sở		
– Một số cải tiến bước đầu về cơ chế quản lý kinh tế ở Thanh hóa	Nguyễn Hữu Phùng	2
– Ngành chăn nuôi bò sữa Mộc châu đi đến đâu ?	Hữu Hạnh	3
– Một điển hình năng động trong kinh doanh thương nghiệp	Xuân Hoành	3
– Làm đúng trên đường đổi mới	Nguyễn Trung Tín	8
– Đổi mới cơ cấu kinh tế huyện	Ngô Thanh Trà	8
– Đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp ở huyện Đan phượng	Chu Thái Thành	9
VII — Thế giới: vấn đề, sự kiện		
– Cuộc gặp gỡ vì hòa bình và tiến bộ xã hội	Hồ Bắt Khuất	2
– Về quy luật liên minh ba nước Đông dương	Phan Thượng Hiền	2
– Năm 1988 và chính quyền Ri-gân	Phan Doãn Nam	2
– Cùng tồn tại hòa bình giữa hai nhóm nước ASEAN và Đông dương	Hoàng Hiền	3
– Bản chất, đặc điểm và địa vị lịch sử của chủ nghĩa đế quốc	Bùi Ngọc Chưởng	3
– Từ sắc lệnh về hòa bình của Lê-nin (tháng 11-1917) đến chiến lược hòa bình của ĐCS Liên xô ngày nay	Nguyễn Trọng Thụ	4
– Kinh tế xã hội Xô viết từ sau Đại hội XXVII ĐCS Liên xô	Lê Tịnh	4
– Đổi mới liên tục — cơ sở cho sự phát triển của Hung-ga-ri	Hồ Bắt Khuất	4
– « Chính sách kinh tế mới » của Lê-nin với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta	Nguyễn Trung	5
– Những đổi mới về nhận thức lý luận trong lĩnh vực kinh tế ở Liên xô	Hồ Vũ	5
– Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong giai đoạn cách mạng mới	Doãn Nam	5
– Bước phát triển mới về chất trong quan hệ Việt – Xô	***	6
– Phương pháp luận hình thành giá cả ở các nước xã hội chủ nghĩa	Đặng Thị Hiếu Lá	6
– SEV và quốc tế hóa kinh tế xã hội chủ nghĩa	Nguyễn Khắc Viện	6
– Vì chủ nghĩa xã hội, vì hòa bình thế giới	Phạm Thành	6

Digitized by Google

BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Phát triển tình hữu nghị và quan hệ hợp tác đặc biệt Việt – Lào	***	7
- Bước phát triển mới của quan hệ kinh tế Việt — Xô	Nguyễn Văn Quý	7
- Tìm hiểu sự giao lưu văn học Việt – Xô	Phan Hồng Giang	7
- Nền dân chủ Xô viết ngày càng hoàn thiện	Nguyễn Ngọc Minh	7
- Về những xu hướng của kinh tế thế giới và những đổi mới sâu rộng trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa	Thế Phấn	7
- Chính sách kinh tế mới — chính sách khôi phục và phát triển nền kinh tế hàng hóa của nhà nước chuyên chính vô sản trong thời kỳ quá độ	Lê Hồng Tâm	8
- Những biến đổi quan trọng trong cơ chế kinh tế ở Liên xô	Đinh Phương	8
- Kinh tế các nước tư bản phát triển trong nửa đầu những năm 80	Nguyễn Diệu	8
- Châu Á – Thái bình dương: an ninh và hợp tác	Kiều Nguyễn	8
- Bảo vệ hòa bình thế giới, một công cuộc đổi mới tư duy	Phạm Huy Thông	9
- Pháp luật Xô viết và công cuộc cải tổ hiện nay ở Liên xô	Phùng Văn Tửu	9
- Chính sách thuế lương thực của V.I. Lê-nin với vấn đề củng cố khối liên minh công nông	Nguyễn Trí Dĩnh	9
- Đất nước Xô viết : cuộc cách mạng đang tiếp tục	X. Khi-giơ-nhi-a-cốp	10
- Cách mạng Tháng Mười mở ra một thời đại mới trong lịch sử thế giới	Trịnh Ngọc Thái	10
- Tháng Mười vĩ đại và thời đại	V. Đôn-gích	11
- Hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Việt nam	Nguyễn Cơ Thạch	11
- Đảng của V.I. Lê-nin – đảng của những công cuộc đổi mới xã hội vĩ đại nhất	Nguyễn Đức Bình	11
- Liên xô — thành trì của hòa bình thế giới	Hoàng Bích Sơn	11
- Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới — thành quả của Cách mạng Tháng Mười	Hoàng Nguyên	11
- Cách mạng Tháng Mười và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế	Đỗ Nguyễn Phương	11
- Cách mạng Tháng Mười và cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc	Phạm Xuân	11
- Cách mạng Tháng Mười và sự phát triển của nền khoa học quân sự Xô viết	Hoàng Minh Thảo	11
- Liên xô: vai trò khai phá, vị trí mở đường	Hà Xuân Trường	11
- Việt nam — Liên xô : Cách mạng Tháng Mười và Cách mạng Tháng Tám	Nguyễn Khánh Toàn	11
VIII — Qua sách báo các nước anh em		
- Cải tổ và thái độ đối với cải tổ	M.X. Goóc-ba-trốp	5
- Xây dựng cơ chế kinh tế và công tác chính trị tư tưởng	Ph. Ca-xtơ-rô	5
- Về công cuộc cải tổ ở Liên xô	V. Bi-lắc	5
- Lý luận kinh tế và thực tiễn cải tổ	L.I. A-ban-kin A.I. An-tri-kin	6
- Chủ nghĩa xã hội có cần cạnh tranh không ?	Đô-le Pan-tê-rô-vích	6
- Về các mâu thuẫn xã hội của chủ nghĩa xã hội	M.N. Bút-ko-vích	7
- Dân chủ và quyền con người ở phương Tây	V. Cu-dri-áp-xép	8

Digitized by Google

BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
– Nhân tố con người của sự phát triển kinh tế và công bằng xã hội	T. Da-xláp-xcai-a	8
– Nhiệm vụ hiện nay của các nhà khoa học và nghiên cứu xã hội	A.N. Ia-cốp-lép	9
– Lịch sử phải dạy chúng ta tiến lên phía trước	N. Ma-xốp	9
– Thực tại – Văn học và báo chí	G.G. Mác-kết	9
– Củng cố công cuộc cải tổ bằng những hành động thực tế	Phan Quỳnh Anh (lồng thuật)	10
– Về cuộc đối thoại giữa những người mác xít và những người có tín ngưỡng ở các nước Mỹ la tinh	Trần Anh (lồng thuật)	10
– Về cải tổ, đổi mới ở Bun-ga-ri	Tô-đo Gip-cốp	12
– Về cải tổ, đổi mới ở Hung-ga-ri	Gơ-rốt Ca-rôi	12
– Lạm phát	Ô-lêch Bô-gô-mô-lốp	12
IX — Văn kiện — Tư liệu		
– Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Tổng bí thư BCHTƯ ĐCS Việt nam		1
– Bộ chính trị, Ban bí thư, Ủy ban kiểm tra Trung ương ĐCS Việt nam (khóa VI)		1
– BCHTƯ ĐCS Việt nam (khóa VI)		1
– Lời phát biểu của đồng chí Phạm Hùng tại Đại hội VI ĐCS Việt nam		1
– Lời phát biểu của đồng chí Trường Chinh tại Đại hội VI ĐCS Việt nam		1
– Diễn văn khai mạc Đại hội VI ĐCS Việt nam		1
– Báo cáo chính trị của BCHTƯ Đảng tại Đại hội VI ĐCS Việt nam		1
– Phương hướng, mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế, xã hội trong 5 năm 1986 – 1990		1
– Nghị quyết Đại hội VI ĐCS Việt nam		1
– Diễn văn bế mạc Đại hội VI ĐCS Việt nam		1
– Chủ tịch Hồ Chí Minh (Biên niên tóm tắt)	***	2
– Đảng ta kỷ niệm Lê-nin bắt đầu từ bao giờ	Hồng Chương	4
– Hội nghị lần thứ hai BCHTƯĐ (khóa VI) giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông		5
– Tuyên bố chung Việt nam – Liên xô	***	6
– Lời phát biểu của đồng chí Phạm Hùng tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VIII		7
– Lời phát biểu của đồng chị Trường Chinh tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VIII		7
– Hội nghị lần thứ ba BCHTƯĐ (khóa VI)		9
– Nhớ lại một vài chuyện cũ...	Hà Huy Giáp	11
– Cắm cờ dỗ búa liềm trên núi Non nước	Nguyễn Văn Hoan	11
– Cách mạng Tháng Mười và niềm tin của chúng tôi	Lê Văn Hiến	11
– Một ngày đáng nhớ ở nhà tù Nô-xi-la-va	Lê Giản	11
– Lê-nin nói về Việt nam và Đông dương		11
– Cuộc kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười đầu tiên ở nước ta	H.C. sưu tầm	11
– Về những chiến sĩ quê ở xã Kim liên chiến đấu và hy sinh bảo vệ Mát xcơ va	Hồ Bất Khuất (sưu tầm)	11

Digitized by Google

Digitized by Google

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN CHỈ SỐ 12651 GIÁ : 6d00

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

UNIV. of MICH.
SEP 22 1988
Current Serials

2

2.1987

Digitized by Google

Digitized by Google

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Xã luận

Tăng cường sự đoàn kết nhất trí của Đảng, quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội VI

Khi ra đi, Bác Hồ kính yêu đã để lại những lời căn dặn khuôn vàng thước ngọc về xây dựng đảng. Người đặc biệt nêu rõ: «**Đoàn kết** *là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình*» (1)

Làm theo lời Bác, Đảng ta đã phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết nhất trí được kết tinh trong quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, xây dựng đảng lớn mạnh, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hoàn thành vẻ vang cách mạng dân tộc - dân chủ. Bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước, Đảng ta đã cố gắng lãnh đạo nhân dân ta phát triển kinh tế và văn hóa, đi đôi với bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Hơn 11 năm qua, Đảng đã dắt dẫn nhân dân ta từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội, và trong quá trình đó, đã trưởng thành dần dần và thu được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu. Nhờ vậy, cách mạng nước ta đã giành được những thành tựu quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã

(1) Hồ Chí Minh. Di chúc

Digitized by Google

hội và giành thêm những thắng lợi mới to lớn trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, như nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng đã đánh giá.

Tuy nhiên, như nghị quyết Đại hội đã chỉ rõ, công tác xây dựng đảng đã không được coi trọng đúng mức. Về mặt lãnh đạo chính trị, Đảng ta tuy đã xác định được đúng đường lối chung và đường lối kinh tế cho cả thời kỳ quá độ, nhưng đã phạm sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và về tổ chức thực hiện. Trong lãnh đạo kinh tế xã hội cũng có những sai lầm và khuyết điểm bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng.

Tình hình đó đã có ảnh hưởng không tốt đến sức mạnh đoàn kết nhất trí của Đảng. Sự thiếu nhất trí trên nhiều quan điểm và chủ trương, chính sách đã nảy sinh và tồn tại khá lâu, chậm được giải quyết. Trong phong cách và quan hệ làm việc giữa một số cán bộ lãnh đạo các cấp, có sự thiếu ăn khớp. Những vi phạm về nguyên tắc sinh hoạt đảng đã dưa đến tình trạng mất đoàn kết ở nhiều đảng bộ. Những vi phạm về phẩm chất của nhiều cán bộ, đảng viên, nhất là sự thoái hóa, biến chất của một bộ phận trong đó đã dưa đến hạ thấp chất lượng đảng viên, làm giảm sức chiến đấu của Đảng. Trong đảng có những biểu hiện của tư tưởng tiểu tư sản vừa « tả » khuynh vừa hữu khuynh.

Theo lời Bác dạy phải « thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh **tự phê bình và phê bình** » (2), *vừa qua, Đảng ta đã chuẩn bị và tiến hành Đại hội thứ VI với tinh thần « nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nêu rõ sự thật », coi đó « là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng » (3) và cũng qua đó, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng về các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Gần hai triệu đảng viên qua đại hội các cấp và hàng triệu người thuộc các tầng lớp nhân dân đã thảo luận sôi nổi, góp nhiều ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị, thẳng thắn tham gia xây dựng đảng. Đợt tự phê bình và phê bình trong nội bộ đảng cùng với việc phê bình công khai trên báo chí đã góp phần quan trọng vào sự hình thành các cấp ủy mới và vào việc lựa chọn các đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc. Đến Đại hội toàn quốc, tinh thần tự phê bình và phê bình càng được phát huy. Trải qua thảo luận, bàn bạc dân chủ, Đại hội đã đi đến nhất trí cao về đánh giá tình hình, về những bài học kinh nghiệm, về những nhiệm vụ chính trị sắp tới, về phương hướng và mục tiêu của kế hoạch 5 năm, và đã bầu được một ban chấp hành trung ương mới tiêu biểu cho trí tuệ, tinh thần đoàn kết thống nhất và ý chí đổi mới của toàn đảng. Trong diễn văn bế mạc Đại hội, đồng chí Nguyễn Văn Linh, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng đã nói : « Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh dấu bước chuyển quan trọng trong quá trình kế thừa và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thành công của Đại hội là sức mạnh mới, là cơ sở hết sức quan trọng để tăng cường hơn nữa sự* **đoàn kết, thống nhất** *trong toàn đảng và toàn dân ta ».*

Sức mạnh của Đảng chính là ở nơi Đảng đoàn kết nhất trí.

★

(2), (3) Hồ Chí Minh : Di chúc.

Digitized by Google

Sau Đại hội VI của Đảng, cách mạng đang đặt ra những nhiệm vụ mới, những yêu cầu mới. Nghị quyết của Đại hội đã nêu rõ phải « xây dựng đảng thật sự ngang tầm một đảng cầm quyền có trọng trách lãnh đạo toàn dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược ». Muốn thế, phải « tăng cường đoàn kết nhất trí về chính trị, tư tưởng và tổ chức trên cơ sở hệ tư tưởng Mác—Lê-nin và đường lối, quan điểm của Đảng. Chăm lo giữ gìn sự đoàn kết trong các cơ quan lãnh đạo của Đảng, trên cơ sở đó, tăng cường sự đoàn kết trong toàn đảng. Giữ gìn sự đoàn kết, nhất trí trong đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình »

Sự đoàn kết, nhất trí của Đảng trước hết phải **dựa trên cơ sở tư tưởng Mác — Lê-nin và đường lối, quan điểm của Đảng.** *Đường lối, quan điểm của Đảng chính là sự thể hiện cụ thể những tư tưởng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong điều kiện đặc thù của nước ta. Đại hội thứ VI của Đảng đã lại khẳng định sự đúng đắn của đường lối đó, thống nhất quan điểm trên một loạt vấn đề cơ bản của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đại hội đòi hỏi toàn đảng phải nghiêm chỉnh quán triệt và thực hiện đường lối, quan điểm đó, đồng thời tiếp tục cụ thể hóa thêm trong quá trình đấu tranh cách mạng. Nhiều vấn đề mới sẽ nảy sinh, nhiều khía cạnh của những vấn đề cũ cũng cần được soi sáng thêm, cho nên có thể có những ý kiến khác nhau. Đó là việc bình thường. Điều quan trọng là phải nghiên cứu, thảo luận thật sự dân chủ để đi đến nhất trí. Tuyệt đối không để những ý kiến khác nhau trở thành những bất đồng gay gắt về quan điểm ảnh hưởng đến sức mạnh đoàn kết nhất trí của Đảng, càng không thể tuyên truyền, phổ biến những quan điểm trái với nghị quyết của Đại hội.*

Sự đoàn kết, nhất trí của Đảng còn phải **dựa trên những nguyên tắc mác xít — lê nin nít về sinh hoạt đảng,** *mà nguyên tắc quan trọng nhất là tập trung dân chủ. Mọi vấn đề quan trọng của Đảng cần được thảo luận, bàn bạc thật sự dân chủ, chống tình trạng tập trung quan liêu, gia trưởng, độc đoán, không tôn trọng ý kiến cấp dưới, không phát huy trí tuệ tập thể dẫn tới những quyết định sai lầm. Mặt khác, phải nghiêm chỉnh thực hiện nguyên tắc tập trung : thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, toàn đảng phục tùng Trung ương, chống tình trạng vô tổ chức, vô kỷ luật, cục bộ, địa phương, tự do tùy tiện khiến cho sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của Nhà nước kém hiệu lực. Như V.I. Lê-nin đã nói, « chủ nghĩa xã hội không thể thành công được nếu tính kỷ luật tự giác của giai cấp vô sản không thắng được tình trạng vô chính phủ tự phát của giai cấp tiểu tư sản » (4). Bác Hồ kính yêu cũng nêu rõ : « Sức mạnh vô địch của Đảng là ở* **tinh thần kỷ luật tự giác, ý thức tổ chức** *nghiêm chỉnh của cán bộ và đảng viên » (5).*

Muốn xây dựng sự đoàn kết, nhất trí của Đảng, không thể không đấu tranh thẳng thắn, kiên quyết chống những quan điểm sai trái, những tư tưởng lệch lạc, những hiện tượng tiêu cực. Là một cơ thể sống, Đảng cần có **tự phê bình và phê bình** *như con người cần có không khí để thở. Nghị quyết Đại hội VI ghi rõ : « Đẩy mạnh phê bình và tự phê bình đúng với ý nghĩa là quy luật phát triển của Đảng, là thước đo trình độ sinh hoạt dân chủ trong đảng và ý thức trách nhiệm của Đảng đối với nhân dân ».*

---

(4) V.I. Lênin : ***Bàn về pháp chế xã hội chủ nghĩa***. Nxb Sự thật. Hà nội, 1970, tr. 136.
(5) Hồ Chí Minh : ***Tuyển tập***. Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập II. tr. 211.

Digitized by Google

Muốn xây dựng sự đoàn kết nhất trí của Đảng, cũng **không thể không tăng cường công tác giáo dục và công tác kiểm tra**, *làm sao cho mọi đảng viên đều suy nghĩ và hành động vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, vì lợi ích của cách mạng, chống chủ nghĩa cơ hội dưới mọi hình thức, chống chủ nghĩa cá nhân là cái đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm. Những cán bộ, đảng viên không chăm lo lợi ích của nhân dân mà chỉ thu vén cho lợi ích của cá nhân thì không thể có chỗ đứng trong hàng ngũ đảng.*

Sau cùng, việc xây dựng sự đoàn kết nhất trí của Đảng **không thể tách rời vai trò của quần chúng nhân dân**. *Sự đoàn kết nhất trí của Đảng có ảnh hưởng quyết định đến tư tưởng, hành động của quần chúng. Ngược lại, quần chúng nhân dân góp phần quan trọng xây dựng sự đoàn kết nhất trí của Đảng qua việc góp ý kiến xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, qua việc phê bình, nhận xét hoạt động của các chi bộ, kiểm tra tư cách đảng viên, phát hiện những người thoái hóa biến chất, đồng thời giới thiệu những người ưu tú để Đảng kết nạp vào hàng ngũ mình. Vì vậy, trong toàn bộ hoạt động của mình, các cấp, các ngành phải quán triệt tư tưởng lấy dân làm gốc, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Phải thực hiện rộng rãi chế độ quần chúng phê bình chi bộ, đảng viên. Chỉ thị số 02–CT/TƯ ngày 7-1-1987 của BCHTƯ yêu cầu cứ « hai tháng một lần các cấp ủy viên và cán bộ lãnh đạo phải xuống cơ sở, gặp gỡ trực tiếp đảng viên và quần chúng » nhằm trao đổi ý kiến với họ, giải quyết cụ thể những kiến nghị của họ, đồng thời phát hiện những nhân tố mới xuất hiện trong phong trào quần chúng để cổ vũ, thúc đẩy việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng. Đó chính là một sự đổi mới phong cách làm việc dưới ánh sáng của nghị quyết Đại hội VI.*

★

Việc xây dựng sự đoàn kết nhất trí của Đảng không phải là một mục đích tự nó. Rốt cuộc là phải đi tới những hành động cụ thể, đoàn kết, thống nhất lực lượng của toàn đảng, toàn dân, tạo nên phong trào rộng lớn quyết tâm thực hiện nghị quyết Đại hội VI của Đảng. Cần có kế hoạch làm cho cán bộ, đảng viên quán triệt những tư tưởng, quan điểm và nội dung cơ bản của nghị quyết. Đó là một quá trình đấu tranh để đổi mới tư duy, đổi mới phong cách làm việc, đổi mới công tác tổ chức và cán bộ, nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý chí phấn đấu cách mạng.

Căn cứ vào nhiệm vụ, mục tiêu và phương hướng chính sách đã được đề ra trong nghị quyết, các cấp các ngành xem xét, điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ và biện pháp thực hiện kế hoạch năm 1987 với tinh thần tích cực, chủ động, vững chắc, trọng tâm là triển khai thực hiện tốt ba chương trình mục tiêu : lương thực — thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Trên cơ sở kế hoạch cả năm, đề ra **chương trình hành động** *cụ thể cho từng thời gian, trước mắt tập trung chỉ đạo giải quyết một số việc thiết thực về sản xuất và đời sống, tạo nên chuyển biến bước đầu.*

Năm nay, chúng ta kỷ niệm lần thứ 57 ngày thành lập Đảng (3-2) trong không khí phấn khởi, tin tưởng trước sự thành công của Đại hội VI. Với đà đó, yêu cầu chủ yếu của việc kỷ niệm này là **giáo dục nâng cao phẩm chất, đạo**

Digitized by Google

đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên theo lời giáo huấn của Bác Hồ: « Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư », thiết thực chuẩn bị để thời gian tới sẽ tiến hành « cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng; làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước; đẩy lùi và xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực... »

Như Bác Hồ đã từng nói, « làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có **đạo đức cách mạng** làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang (6). Đội ngũ cán bộ, đảng viên của ta về bản chất là tốt, nhưng cả về mặt phẩm chất, đạo đức cách mạng cũng chưa đáp ứng được yêu cầu của cách mạng. Mười năm qua, trên 19 vạn đảng viên đã bị đưa ra khỏi đảng, trong đó một phần lớn là những người phạm sai lầm về phẩm chất, đạo đức, có những người bị truy tố trước pháp luật.

Vì vậy, cần đánh giá đúng tình hình về phẩm chất của cán bộ, đảng viên, nêu rõ những ưu điểm, khuyết điểm, kiểm điểm lại việc sửa chữa những khuyết điểm đã tự phê bình và phê bình theo tinh thần chỉ thị 79 và thông báo 74 của Ban bí thư, rút kinh nghiệm về công tác giáo dục, quản lý đảng viên, làm một số việc thiết thực về giáo dục phẩm chất, nâng cao chất lượng đảng viên như: giáo dục truyền thống tốt đẹp của Đảng, biểu dương những đảng viên gương mẫu, xử lý những trường hợp vi phạm kỷ luật, đưa ra khỏi đảng những người thoái hóa, biến chất, kết nạp những người ưu tú xuất hiện trong phong trào cách mạng của quần chúng vào đảng, tặng huy hiệu cho các đảng viên đủ 40, 50 tuổi đảng. Trong đợt nghiên cứu thực hiện nghị quyết Đại hội, mỗi cán bộ, đảng viên phải liên hệ, kiểm điểm những tư tưởng, quan điểm và việc làm đã qua của mình để phát huy những cái tốt, cái đúng, sửa chữa những cái sai một cách triệt để và thiết thực.

Đương nhiên, việc giáo dục nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên là một công tác thường xuyên, lâu dài, song làm được những việc nói trên lúc là chúng ta kỷ niệm ngày thành lập Đảng một cách thiết thực, xứng đáng.

Toàn đảng, toàn dân hãy đoàn kết một lòng, siết chặt đội ngũ, đồng tâm hiệp lực thực hiện tốt nghị quyết Đại hội VI của Đảng

---

(6) Hồ Chí Minh Tuyển tập. Nhà Sách thật... Hà nội 1960. Tập II, tr. 84.

Digitized by Google

ĐÀO DUY TÙNG

MẤY VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI TƯ DUY

I

Tư duy là quá trình hoạt động phản ánh hiện thực khách quan ở trình độ cao của nhận thức con người. Nó đem lại cho con người những hiểu biết về bản chất của các sự vật, về những quy luật vận động của thế giới khách quan. Tư duy của con người là sản phẩm của lịch sử. Trải qua các thời đại khác nhau, bằng quá trình lao động cải tạo tự nhiên và xã hội, tư duy của con người đã có những bước phát triển to lớn, đạt được những thành tựu cao về trí tuệ. Tư duy lý luận, tư duy khoa học theo chủ nghĩa duy vật biện chứng chẳng những làm cho con người hiểu biết sâu sắc cuộc sống xã hội hiện tại, mà còn dự đoán một cách khoa học sự phát triển của xã hội tương lai.

Khi nói đến tư duy là nói đến cả phương pháp, nội dung, kết quả của nó. Tư duy chỉ có tác dụng và ý nghĩa khi nó gắn liền với hoạt động thực tiễn của con người. Trình độ tư duy thể hiện không những ở khả năng vận dụng những quy luật, hình thức, phương pháp tư duy, mà còn ở kết quả của tư duy thu nhận được có phù hợp hay không phù hợp, phản ánh sâu sắc hay không sâu sắc hiện thực khách quan.

Trong hơn nửa thế kỷ lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng về tư duy lý luận, tư duy khoa học. Và đó chính là nguồn gốc đầu tiên của mọi thắng lợi của cách mạng nước ta. Chẳng hạn, trong cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng ta đã tổng kết thực tiễn, nêu ra chân lý lớn "không có gì quý hơn độc lập, tự do"; đưa ra lý luận về giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; lý luận về phương pháp cách mạng; khoa học về chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân; nghệ thuật chỉ đạo chiến lược, chiến thuật, v.v. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta cũng có những thành tựu tư duy lý luận, thể hiện ở nội dung chủ yếu của đường lối chung và đường lối kinh tế mà các Đại hội IV và V của Đảng đã đề ra.

Tuy nhiên, trong giai đoạn cách mạng hiện nay, Đảng ta cho rằng, muốn làm tròn trách nhiệm của mình, «Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác». Đổi mới đang là yêu cầu bức thiết, là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với cách mạng nước ta, là điều kiện bảo đảm cho chúng ta vượt qua mọi khó khăn, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng.

Vì sao lúc này Đảng ta lại nhấn mạnh yêu cầu phải đổi mới tư duy?

Một là: chúng ta đang có sự lạc hậu về nhận thức lý luận. Lâu nay, trong nhận thức của chúng ta có nhiều quan niệm lạc hậu, nhất là những quan niệm

Digitized by Google

về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, về cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, về cơ chế quản lý kinh tế, về phân phối lưu thông v.v. Đã có những thành kiến không đúng và không thật sự thừa nhận sự tồn tại khách quan của những quy luật của nền sản xuất hàng hóa, không vận dụng đúng các quy luật khách quan của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chúng ta đã mắc bệnh chủ quan, duy ý chí, vừa nóng vội, vừa bảo thủ trì trệ; vừa « tả » khuynh, vừa hữu khuynh.

Trên nhiều vấn đề cụ thể, tuy tình hình đã thay đổi, có nhiều cái mới nảy sinh, nhưng chúng ta vẫn tư duy theo quan niệm cũ, và làm theo cách thức cũ. Đối với những vấn đề như giá cả, thị trường, kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân, lợi ích và động lực trong kinh tế... cũng còn không ít những quan niệm không phù hợp.

Sự lạc hậu về tư duy là một nguyên nhân quan trọng của những khuyết điểm, sai lầm trong việc đánh giá tình hình, xác định mục tiêu và bước đi; bố trí cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư; tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố quan hệ sản xuất mới; sử dụng các thành phần kinh tế; thực hiện cơ chế quản lý mới; tổ chức phân phối lưu thông; thực hiện chuyên chính vô sản... Những khuyết điểm sai lầm đó đã làm cho chúng ta không thực hiện được mục tiêu do Đại hội V vạch ra là ổn định tình hình kinh tế — xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

Rõ ràng là tư duy cũ, tư duy không đúng đã kéo chúng ta lại. Nếu không đoạn tuyệt với nó thì không thể tiến lên được.

Hai là: việc đổi mới tư duy của chúng ta có quan hệ mật thiết với sự phát triển nhanh chóng và phức tạp của thế giới. Những năm gần đây, yêu cầu đổi mới, nhất là đổi mới tư duy, trở thành vấn đề nóng hổi trong đời sống chính trị của nhiều đảng và nhiều nước anh em. Thế giới ngày nay có nhiều sự kiện diễn biến rất sôi động, nhanh chóng, có nhiều mối quan hệ quốc tế phức tạp, đầy mâu thuẫn. Có thể nói, chưa lúc nào các mối quan hệ giữa các nước lại diễn ra một cách hữu cơ, nhanh nhạy, đòi hỏi phải có sự thay đổi cách nghĩ, cách giải quyết một cách thích hợp, mới mẻ như hiện nay. Đại hội 27 Đảng cộng sản Liên xô đã khẳng định: « Chính tình hình kinh tế và chính trị *cụ thể* mà chúng ta đang sống, chính *giai đoạn* đặc biệt của quá trình lịch sử mà xã hội xô viết và toàn thế giới đang trải qua đều đòi hỏi Đảng, đòi hỏi mỗi người cộng sản phải có tinh thần sáng tạo, đổi mới, phải tìm mọi cách vượt ra khỏi khuôn khổ những khái niệm quen thuộc nhưng đã lỗi thời »(1).

Nước ta là một bộ phận của thế giới, chúng ta phải có những nhận thức mới đối với mọi biến động của thế giới, phải tìm hiểu nhiều vấn đề xảy ra trên thế giới. Nhưng nhìn nhận, đánh giá như thế nào, bằng con mắt nào để có thể nắm đúng bản chất của tình hình, đoán định được triển vọng phát triển của các sự kiện? Đương nhiên, phải bằng tư duy mới, cách nhìn mới. Chỉ có đổi mới tư duy mới có thể tiếp cận được những vấn đề mới mẻ trên các lĩnh vực của đời sống thế giới, mới có những nhận thức đúng đắn, sâu sắc về thế giới.

Ba là: cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật diễn ra với quy mô chưa từng có, mang lại cho loài người những thành tựu vô cùng to lớn, tác động mạnh mẽ đến tư duy của con người. Những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật là kết quả của hoạt động tư duy, nhưng đồng thời chúng cũng tác động trở lại đối với hoạt động tư duy. Mỗi một thành tựu khoa học kỹ thuật đều mang

(1) *Báo cáo chính trị của UBTU ĐCS Liên xô tại Đại hội 27.*

Digitized by Google

lại nhận thức mới hoặc nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy của con người, bao gồm cả tư duy chính trị, tư duy triết học, tư duy kinh tế. Chúng ta đều biết, chủ nghĩa Mác – Lê-nin là sản phẩm của việc tổng kết và nâng cao những thành tựu trí tuệ của loài người, trong đó có những thành tựu của khoa học tự nhiên. Các thành tựu khoa học kỹ thuật có tác động nhất định đến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Ví dụ: khi quyết định chủ trương chính sách phát triển nông nghiệp, không thể không coi trọng các thành tựu sinh học. Ngày nay những thành tựu của khoa học kỹ thuật càng tác động rất mạnh đến tư duy chính trị, tư duy kinh tế của người cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý.

Nói đến khoa học còn phải rất coi trọng khoa học xã hội. Những thành tựu của khoa học xã hội cung cấp cơ sở lý luận cho việc định ra đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Không nhận thức đúng về vai trò của khoa học thì không thể tiếp nhận được những thành tựu của nó.

Tóm lại, chúng ta đang đứng trước yêu cầu cấp bách phải đổi mới tư duy. Chỉ có đổi mới tư duy mới nhận thức đúng, sâu sắc hiện thực, tiếp cận và đi tới được chân lý, nắm chắc và vận dụng đúng quy luật khách quan, trên cơ sở đó có giải pháp khắc phục khó khăn, làm chuyển biến tình hình, thực hiện được những mục tiêu do Đại hội thứ VI của Đảng đề ra.

II

Báo cáo chính trị của BCHTU tại Đại hội thứ VI của Đảng ta đã chỉ rõ: « Muốn đổi mới tư duy, Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng, tiếp thụ những thành tựu lý luận, những kinh nghiệm mới phong phú của các đảng anh em, những kiến thức khoa học của thời đại. Phải đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết có hệ thống sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, rút ra những kết luận đúng đắn, khắc phục những quan niệm sai lầm hoặc lỗi thời. Đổi mới tư duy không có nghĩa là phủ nhận những thành tựu lý luận đã đạt được, phủ nhận những qui luật phổ biến của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phủ nhận đường lối đúng đắn đã được xác định, trái lại, chính là bổ sung và phát triển những thành tựu ấy » (2).

Như vậy, *đổi mới tư duy không phải chỉ là đổi mới phương pháp, mà còn là đổi mới nội dung của tư duy, đổi mới quan niệm; không phải chỉ trên một lĩnh vực nào, mà là trong mọi hoạt động của Đảng và Nhà nước; không phải là phủ định tất cả mà theo quan điểm kế thừa và phát triển.* Theo tôi hiểu, việc đổi mới tư duy ở ta cần theo những hướng cụ thể sau đây:

Thứ nhất: có những quan niệm đúng về các hiện tượng, sự vật trước đây, nay hiện tượng, sự vật đã khác, cho nên quan niệm ấy không còn phù hợp nữa, phải thay đổi. Chẳng hạn, trong chiến tranh, có những việc phải làm với bất cứ giá nào theo khẩu hiệu « Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng »; nhưng trong xây dựng kinh tế, chúng ta không thể làm giống như thế, mà phải tính đến hiệu quả kinh tế. Trong chiến tranh, chúng ta có thể động viên tinh thần cách mạng, lòng yêu nước của nhân dân, coi đó là động lực chủ yếu; trong xây dựng

(2) Báo cáo chính trị của BCHTUĐ tại Đại hội VI, *Tạp chí Cộng sản*, số 1- 987.

Digitized by Google

chủ nghĩa xã hội, bên cạnh yếu tố tinh thần, lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, còn phải rất coi trọng lợi ích vật chất; xử lý đúng vấn đề lợi ích kinh tế sẽ tạo ra động lực của phong trào quần chúng. Trong chiến tranh, chế độ bao cấp ở chừng mực nào đó là cần thiết; nhưng trong xây dựng kinh tế, nếu không xóa bỏ chế độ bao cấp thì kinh tế không thể phát triển được.

Thứ hai: có những quan niệm sai và làm sai, cho nên phải sửa, quay trở lại với quan niệm đúng. Ví dụ: phân phối theo lao động là một nguyên tắc phân phối của chủ nghĩa xã hội; nhưng thời gian qua, ta có những nhận thức không đúng và làm sai, bây giờ phải sửa, vận dụng đúng nguyên tắc đó. Trong chúng ta cũng có nhận thức không đúng, thậm chí không tuân theo quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, một quy luật phổ biến của mọi xã hội; bây giờ phải hiểu đúng và vận dụng quy luật đó phù hợp với thực tiễn nước ta. Ở đây, đổi mới tư duy là đổi mới nhận thức không đúng của mình, chứ không phải đổi mới những nguyên tắc, những quy luật đã được thực tiễn kiểm nghiệm.

Thứ ba: có những quan niệm trước đây đúng, bây giờ vẫn đúng, nhưng do thực tiễn không ngừng biến đổi và phát triển, đòi hỏi phải có sự bổ sung và hoàn chỉnh những quan niệm đó thì mới phù hợp với sự biến đổi của thực tiễn. Ví dụ: trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, Đảng ta đã đề ra phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt... Chủ trương đó là đúng, nhưng nội dung cụ thể của từng cuộc cách mạng ở mỗi thời kỳ, mỗi chặng đường như thế nào, vị trí của mỗi cuộc cách mạng và mối quan hệ giữa chúng ra sao, đó là những vấn đề cần được cụ thể hóa và phát triển qua tổng kết thực tiễn. Làm được như vậy chúng ta sẽ nâng tư duy của chúng ta lên một trình độ mới cao hơn.

Theo những hướng nói trên, việc đổi mới tư duy không bao giờ chỉ ở một lĩnh vực nào, mà nó diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trước hết là trong lĩnh vực kinh tế. Đại hội thứ VI của Đảng ta đã kết luận nhiều vấn đề, xác định rõ những mục tiêu, những giải pháp của cách mạng nước ta trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Đó là sự đổi mới tư duy, là những quan niệm mới của Đảng ta.

Trên lĩnh vực kinh tế, Đảng ta cho rằng muốn thực hiện được những mục tiêu Đại hội VI đề ra, điều quan trọng hàng đầu là phải xác định đúng đắn chính sách kinh tế, chính sách xã hội, nhằm phát huy vai trò làm chủ và nhiệt tình của người lao động, tạo nên phong trào quần chúng sôi nổi thực hiện các chủ trương của Đảng, giải phóng năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về kinh tế, khoa học, kỹ thuật, và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Cụ thể là phải kiên quyết khắc phục những sai lầm, khuyết điểm đã mắc phải, bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư, dứt khoát sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý, thật sự coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, thực hiện cho được ba chương trình mục tiêu về lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Phải xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế, coi việc cải tạo xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

với những hình thức và bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Trong khi tập trung củng cố và phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa, làm cho kinh tế xã hội chủ nghĩa giữ vai trò quyết định, kinh tế quốc doanh thật sự giữ vai trò chủ đạo, chúng ta biết sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế khác, xóa bỏ những thành kiến không đúng; có biện pháp tích cực khai thác tiềm năng dồi dào đang còn phân tán của các thành phần kinh tế này, nhằm tạo ra nhiều việc làm, tăng thêm nhiều sản phẩm cho xã hội.

Đồng thời với việc bố trí lại cơ cấu kinh tế, phải đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, dứt khoát xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang xây dựng và thực hiện cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện đúng tập trung dân chủ; thật sự thừa nhận và vận dụng đúng đắn các quy luật sản xuất hàng hóa tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ; chú ý đầy đủ đến quan hệ hàng hóa—tiền tệ, hiệu quả kinh tế và lợi ích kinh tế của người lao động.

Trên lĩnh vực xã hội cũng có không ít vấn đề đòi hỏi phải đổi mới tư duy. Đã có một thời gian có những quan niệm chưa đúng về vị trí của vấn đề xã hội. Nhiều người hiểu vấn đề xã hội dường như chỉ là một số việc cụ thể thuộc về chính sách trợ cấp xã hội, mà không thấy rằng chính sách xã hội chính là chính sách về con người, lao trùm mọi mặt của cuộc sống con người: điều kiện lao động, điều kiện sinh hoạt, văn hóa và giáo dục, quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc... Chính sách xã hội không chỉ phục vụ trực tiếp người lao động, mà còn tạo ra động lực cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Coi nhẹ chính sách xã hội là coi nhẹ yếu tố con người lao động — với tư cách là mục đích của chính sách kinh tế—xã hội, đồng thời là chủ thể, là động lực thực hiện chính sách ấy.

Hiểu chính sách xã hội như vậy, có hàng loạt vấn đề cụ thể đang đòi hỏi chúng ta phải đổi mới tư duy. Chẳng hạn như quan niệm về bậc thang giá trị của con người trong xã hội; quan niệm và thái độ đối với những chị em phụ nữ do hoàn cảnh chiến tranh hoặc do hoàn cảnh công tác, đã lớn tuổi, chưa lập gia đình; quan niệm và thái độ đối với những người làm ăn cá thể, ngoài biên chế Nhà nước nhưng đang góp phần làm ra nhiều sản phẩm cho xã hội, v.v.

Trong công tác tổ chức cán bộ, việc đổi mới tư duy càng quan trọng. Lâu nay có người quan niệm công tác cán bộ cần phải làm trong một phạm vi rất hẹp để tránh « phức tạp », hoặc có quan niệm cho rằng hiện nay quá hiếm cán bộ đủ đức, tài để thay thế ở những nơi cần thay; lại có những quan niệm hẹp hòi, phong kiến trong việc đánh giá cán bộ, nhất là đối với cán bộ nữ, cán bộ trẻ... Chỉ có đổi mới những quan niệm này chúng ta mới có cách làm công tác tổ chức cán bộ đúng đắn, có hiệu quả, mới có thể phát hiện được đúng người có đức, có tài để bố trí vào những cương vị trọng trách. Phải có quan niệm đúng trong việc đánh giá cán bộ; phải thật khách quan, công tâm. Phải thực hiện dân chủ hóa công tác cán bộ, tức là phải dựa vào quần chúng để tìm hiểu cán bộ; tổ chức, động viên quần chúng tiến cử với Đảng những người xứng đáng để đề bạt vào những cương vị lãnh đạo, đồng thời phát hiện những người không đủ phẩm chất và năng lực cần thay thế.

Trong công tác tư tưởng cũng có rất nhiều vấn đề cần đổi mới. Phải đổi mới nội dung và phương pháp, tổ chức và quản lý, đào tạo những người làm công tác tư tưởng và xây dựng cơ sở vật chất—kỹ thuật phục vụ công

Digitized by Google

tác tư tưởng. Không như thế thì công tác tư tưởng không thể góp phần đổi mới tư duy; đổi mới tư duy là một nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng.

Trên đây là một số ví dụ chứng minh rằng đổi mới tư duy là yêu cầu bức thiết đối với nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong mỗi lĩnh vực cần xem xét cụ thể, cái gì đúng, phù hợp, cần phát triển; cái gì sai hoặc lạc hậu, cần đổi mới, cái gì mới cần nêu ra.

III

Với những phương hướng, nội dung nêu trên, *đổi mới tư duy thực chất là một bộ phận của cách mạng tư tưởng và văn hóa*, gắn liền với cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học kỹ thuật. Quá trình đổi mới tư duy diễn ra không dễ dàng và đơn giản. Muốn đổi mới, phải có tư duy mới để thay thế tư duy cũ. Sự hình thành tư duy mới và thay thế tư duy cũ cũng không dễ dàng. Chúng ta đều đã thấy khoán sản phẩm trong nông nghiệp ra đời và thay thế cho cách khoán cũ không dễ dàng, suôn sẻ chút nào. Từ chỗ nhận ra phải chống bao cấp đến chỗ chuyển sang thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa là cả một quá trình đấu tranh gay go, gian khổ và thực tế đã không tránh khỏi vấp váp, sai lầm, phải trả giá. Ở đây vừa phải khắc phục tính bảo thủ, lạc hậu tương đối của tư duy, khắc phục trình độ nhận thức thấp của chúng ta, vừa phải đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, muốn duy trì cái cũ. Như thế, muốn đổi mới tư duy, phải đấu tranh chống lại nhiều loại sức cản: sức cản của tâm lý, tập quán; sức cản của cơ chế cũ; sức cản từ phía hệ tư tưởng và thế giới quan cũ; sức cản do chủ nghĩa cá nhân, đặc quyền đặc lợi; sức cản do trình độ học vấn thấp và kỷ luật kém, v.v. Đồng thời phải chủ động tạo ra những điều kiện cần thiết cho quá trình đổi mới đó.

Điều kiện quan trọng đầu tiên để đổi mới tư quy là phải *đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn*, phải phân biệt được đâu là tư duy cũ, đâu là tư duy mới. Đại hội thứ VI của Đảng ta với những quan điểm đã được nhất trí, với những nghị quyết đã được thông qua, với phương pháp khoa học trong việc xem xét, quyết định các vấn đề về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, là một mẫu mực về đổi mới tư duy. Quá trình quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng cũng là một quá trình đổi mới tư duy. Phải đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, nghiên cứu khoa học, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn để có những kết luận khoa học làm cơ sở vững chắc cho việc khắc phục tư duy cũ, xây dựng tư duy mới. Đã đến lúc công tác lý luận không chỉ làm nhiệm vụ tuyên truyền, giải thích đường lối, chủ trương chính sách, mà còn phải vươn lên cung cấp cơ sở khoa học cho việc xác định đường lối, chủ trương, chính sách, tham gia tích cực vào việc xây dựng cấu trúc thượng tầng về hình thái ý thức xã hội.

Muốn thế, cần nắm vững chủ nghĩa Mác — Lê-nin theo tinh thần sáng tạo, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của nước ta, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm và thành tựu lý luận của các nước anh em, tiếp thu các thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại. Sự chậm trễ trong lĩnh vực này là nguyên nhân quan trọng làm cho tư duy lạc hậu, trì trệ.

Cần tạo ra bầu không khí tự do, dân chủ, cởi mở trong nghiên cứu khoa học, thói quen tranh luận, phê bình và tự phê bình để đẩy mạnh quá trình tìm tòi chân lý, phát triển cái mới. Chỉ trong điều kiện như thế, tư duy mới thường xuyên đổi mới được.

Digitized by Google

Đồng thời, bản thân các nhà khoa học cũng phải tự đổi mới quan niệm và cách làm của mình trong nghiên cứu khoa học.

Điều kiện thứ hai là phải *"kiểm kê" lại hệ thống tri thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội và về thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội*. Cái gì chúng ta nhận thức và làm sai thì phải sửa cho đúng; cái gì không chịu được thử thách của thời gian này cần loại bỏ; cái gì còn trừu tượng nay cần cụ thể hóa và làm phong phú thêm; cái gì là mới và đúng ta cần tiếp nhận, bổ sung để hiện đại hóa quan niệm về chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta cần nhanh chóng thực hiện quá trình đổi mới tư duy ở nước ta, khắc phục những quan niệm giản đơn, một chiều, duy ý chí, ảo tưởng về chủ nghĩa xã hội, góp phần phê phán và khắc phục tư tưởng tiểu tư sản, "tả" khuynh và hữu khuynh.

Cũng cần "kiểm kê" cả phương pháp tư duy của chúng ta nữa. Từ khi bước vào thời kỳ quá độ đến nay, chúng ta đã làm không ít việc để mở rộng sự nghiệp giáo dục tư duy khoa học -- tư duy dựa trên các quy luật của phép biện chứng duy vật. Đại bộ phận cán bộ chủ chốt đương chức đã được đào tạo qua các trường lớp khác nhau, được trưởng thành qua công tác thực tiễn. Đội ngũ cán bộ của Đảng ở mức độ nhất định đã có được phương pháp tư duy khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Không có phương pháp đó của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chúng ta đã không giành được thắng lợi. Nhưng tại sao bên cạnh mặt được, phương pháp tư duy của chúng ta còn chủ quan, duy ý chí? Sai lầm về phương pháp tư duy là do đâu? Làm sao thanh toán được hạn chế ấy? Do nguyên nhân gì mà trong phương pháp suy nghĩ còn không ít dấu ấn của lối tư duy giáo điều, tình cảm và kinh nghiệm chủ nghĩa?

Điều kiện thứ ba là *phải nghiên cứu lịch sử phát triển tư duy của dân tộc*. Hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước đã rèn đúc cho nhân dân ta đức tính cần cù và khéo léo, anh dũng và thông minh chất phác và nhân hậu. Tổ tiên ta sớm sáng tạo ra nền văn hóa dân tộc rực rỡ, ông cha ta đã rút ra nhiều kết luận về đạo lý làm người, về những bài học dựng nước và giữ nước, về lao động và chiến đấu, về văn hóa và nghệ thuật... Những tri thức mà nhân dân ta đã đúc kết được ở nhiều bậc thang nhận thức khác nhau. Nhưng rõ ràng nhiều hiểu biết còn ở dạng kinh nghiệm. Cũng có một số nhà tri thức đã đi sâu vào việc quan sát thực tế, thu thập tài liệu lịch sử của đất nước, tiếp thu tri thức bên ngoài, phân tích, tổng hợp, rút ra được một số kết luận khoa học, để lại cho chúng ta những công trình có giá trị lớn (như Lê Quý Đôn và một số người khác). Nhưng phải nhận rằng, do điều kiện lịch sử hạn chế, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội ở nước ta phát triển chậm. Từ khi Đảng ta ra đời đến nay, dưới sự chỉ đạo của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư duy lý luận đã có bước phát triển mới về chất, thể hiện ở lý luận về cách mạng dân tộc dân chủ, về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về khoa học và nghệ thuật chiến tranh. Phải cắt nghĩa được bài học kinh nghiệm về những thành tựu ấy, đồng thời chỉ rõ nguyên nhân của những mặt hạn chế, sự lạc hậu về tư duy của ta.

Đổi mới công tác thông tin cũng là điều kiện quan trọng để đổi mới tư duy. Bởi vì có được thông tin đúng thì mới có thể suy nghĩ đúng. Không được nhận thông tin thì không có gì để suy nghĩ cả. Được thông tin sai lệch (do cố ý báo cáo sai sự thật, hoặc do lối đưa tin một chiều theo những động cơ khác nhau) thì tư duy

(Xem tiếp trang 19)

Digitized by Google

TRẦN HỮU ĐÁC

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, GÓP PHẦN THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI THỨ VI CỦA ĐẢNG

« KIỂM tra là một trong những chức năng lãnh đạo chủ yếu của Đảng, một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng » (1); « *Lãnh đạo mà không kiểm tra thì coi như không có lãnh đạo* » (2). Đảng ta đã xác định rõ nội dung chủ yếu của công tác kiểm tra của Đảng là kiểm tra công việc và kiểm tra con người, tức là kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng ở các cấp, các ngành và kiểm tra việc giữ gìn phẩm chất cách mạng và sự hoạt động của cán bộ, đảng viên, nhân viên trong bộ máy của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng, các lực lượng vũ trang nhằm bảo vệ tổ chức, bảo vệ cán bộ; phát hiện sớm những nhân tố mới; sửa chữa kịp thời những thiếu sót, khuyết điểm, bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng luôn đúng đắn, cụ thể, sắc bén.

Thời gian qua, dưới ánh sáng các nghị quyết và chỉ thị của Đảng, công tác kiểm tra của Đảng đã được tăng cường một bước; có những mặt có chuyển biến, tiến bộ, góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng ở từng địa phương, từng đơn vị, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Những quan điểm cơ bản của Đảng về công tác kiểm tra và những phương hướng, phương châm, chính sách xử lý kỷ luật của đảng được quán triệt tương đối sâu sắc trong các cấp ủy đảng, trong các ban, các ngành, các đoàn thể quần chúng, tạo được sự chuyển biến về nhận thức đối với công tác kiểm tra của Đảng, từng bước khắc phục những quan điểm, tư tưởng không đúng như: coi nhẹ công tác kiểm tra, bàng quan, coi công tác kiểm tra chỉ là của ngành kiểm tra, kiểm tra chỉ là để thi hành kỷ luật, v.v. Nhiều cấp ủy đã dành thời gian bàn bạc, ra các quyết định về công tác kiểm tra, sử dụng các ban, ngành có liên quan phục vụ công tác kiểm tra của Đảng; nhiều nơi, ban thường vụ cấp ủy hoặc đồng chí bí thư trực tiếp chỉ đạo công tác kiểm tra.

Thi hành chỉ thị 34 của BBT TƯ Đảng về tăng cường kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các cấp ủy đảng đã chỉ đạo từng khâu theo tinh thần: hễ có nghị quyết, chỉ thị, phải có chương trình, kế hoạch kiểm tra và điều hành theo chương trình kế hoạch đó. Mỗi đảng viên phải có chương trình phấn đấu cá nhân và lãnh đạo quần chúng thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Công tác kiểm tra đã tập trung phục vụ những công tác trung tâm, những vấn đề trọng yếu, những khâu then chốt nhằm thúc đẩy việc hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ chính trị được đặt ra. Đến nay, tất

(1), (2) *Văn kiện Đại hội V*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập III, tr. 122–123.

Digitized by Google

cả các tỉnh và thành phố, 70% số huyện, quận và 50% số tổ chức cơ sở đảng đã triển khai thực hiện chỉ thị này. Những nơi làm tốt đã giúp cho việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước đạt kết quả tốt hơn, những dấu hiệu vi phạm của đảng viên và tổ chức đảng được kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và khắc phục sớm, hiện tượng tiêu cực giảm bớt, tinh thần phong gương mẫu của đảng viên được nâng lên...

Tuy nhiên, việc chuyển biến nhận thức và thực hiện chế độ lãnh đạo có kiểm tra chưa đồng đều, nơi làm tốt chưa nhiều (khoảng 20% huyện, quận và 30% cơ sở); hiệu quả còn thấp. Điều đáng quan tâm là việc thực hiện chế độ lãnh đạo có kiểm tra chưa trở thành ý thức tự giác, chủ động và chưa trở thành phong cách thường xuyên của người lãnh đạo.

Công tác kiểm tra đảng viên được tăng cường, có chuyển biến, tiến bộ cả về nhận thức, trách nhiệm, cả về khối lượng, chất lượng và phương pháp công tác. Trong 5 năm qua (1982 – 1986) số lượng đảng viên được kiểm tra nhiều hơn hai lần so với 5 năm trước (1976–1981). Nhiều vụ vi phạm kỷ luật của cán bộ, đảng viên được kịp thời phát hiện và xem xét, đã giúp đảng viên nhận rõ và khắc phục sai lầm, khuyết điểm, giúp tổ chức đảng có biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa vi phạm, đồng thời xử lý kỷ luật những trường hợp vi phạm đến mức phải xử lý. Trong việc kiểm tra đảng viên, các cấp ủy đảng đã chú ý đối tượng đảng viên là cán bộ do cấp ủy quản lý; kết hợp chặt chẽ kiểm tra đảng viên với kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng, rà soát cán bộ, đảng viên, tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng.

Việc xử lý kỷ luật của các tổ chức đảng nói chung đúng phương hướng, phương châm, chính sách xử lý kỷ luật của Đảng. Đã tập trung vào những vụ vi phạm về đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; những vụ vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; những đảng viên thoái hóa, biến chất. Đã khắc phục một bước tình trạng xử lý « trên nhẹ, dưới nặng » và những thiên hướng sai lầm khác như: buông lỏng, khất khe, hoặc xử lý nặng về tác phong sinh hoạt. Đã chú ý thực hiện các nguyên tắc thủ tục thi hành kỷ luật của Đảng, nhất là tiến hành tốt công tác tư tưởng đối với người bị thi hành kỷ luật; làm cho thư khiếu nại về thi hành kỷ luật giảm trên 30% so với 5 năm trước.

Đáng lưu ý là trong công tác kiểm tra đảng viên, ủy ban kiểm tra các cấp chưa thật chủ động, chưa quán triệt sâu sắc và thể hiện đầy đủ tính giáo dục, tính chiến đấu của công tác kiểm tra. Chưa nắm chắc tình hình đảng viên, chưa phát hiện kịp thời những vụ vi phạm; còn bị động giải quyết những sự việc đã xảy ra do tố cáo; số lượng đảng viên được kiểm tra còn ít. Việc xử lý kỷ luật ở từng cấp, từng nơi còn có những trường hợp chưa công minh, chính xác, kịp thời. Tình trạng xử lý « trên nhẹ, dưới nặng », tuy đã được khắc phục một phần, nhưng hiện nay vẫn còn là cái « tệ » trong Đảng; thái độ xuê xoa hoặc bao che cho nhau vẫn còn phổ biến. Hiện tượng buông lỏng kỷ luật còn khá phổ biến, kể cả ở những đảng bộ được công nhận là trong sạch, vững mạnh.

Mặc dù Đảng ta đã có chủ trương và nhiều biện pháp để ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực trong đảng, nhưng đến nay tiêu cực trong đảng vẫn chưa giảm, và chưa có xu hướng giảm. Không những thế, có nơi hiện tượng tiêu cực còn tăng hơn trước, rõ nhất là ở các cơ sở lưu thông, phân phối, ở những đảng viên trực tiếp quan hệ đến vật tư, tiền, hàng, và đảng viên là cán bộ có chức, có quyền,

Digitized by Google

Việc xử lý kỷ luật chưa thật tốt, chưa ngăn chặn được đảng viên phạm sai lầm, chưa góp phần đấu tranh chống tiêu cực một cách có hiệu quả. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đảng viên thiếu chủ động, kịp thời, sắc bén, kém tính chiến đấu và hiệu quả. Chưa coi trọng giáo dục những vấn đề cơ bản (giác ngộ giai cấp, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa...) sát với nhiệm vụ, với từng đối tượng đảng viên (kể cả đảng viên là cán bộ cấp trung, cấp cao). Đặc biệt là chưa giáo dục đảng viên thực hiện tốt lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

Công tác quản lý đảng viên, nhất là đảng viên do đảng ủy các cấp quản lý còn lỏng lẻo, chưa phù hợp với đặc điểm tình hình đội ngũ đảng viên trong điều kiện cách mạng hiện nay. Công tác kiểm tra của các cấp ủy đảng, các ban của Đảng, của ủy ban kiểm tra các cấp, công tác thanh tra của bộ máy chính quyền các cấp, công tác kiểm tra của các tổ chức quần chúng và của tập thể lao động chưa kết hợp chặt chẽ với nhau, chưa được tiến hành một cách chủ động, tích cực, thường xuyên và hiệu lực còn rất thấp.

Điều đáng quan tâm là Đảng ta đang lãnh đạo chính quyền, nhưng các cấp ủy đảng chưa coi trọng và làm tốt việc kiểm tra cơ quan chính quyền, mối quan hệ giữa cấp ủy đảng và tổ chức chính quyền cùng cấp ở nhiều nơi chỉ là quan hệ phối hợp hành động. Đây là một khuyết điểm về nguyên tắc. Vì vậy, nhiều nghị quyết đúng đắn của Đảng không được thực hiện nghiêm túc; những chủ trương, quyết định sai lầm, thiếu sót không được kịp thời phát hiện, đã gây nên hậu quả nghiêm trọng về nhiều mặt, nhất là tạo nên tâm lý thiếu tin tưởng trong đảng viên và quần chúng.

Tình hình trên đây đòi hỏi công tác kiểm tra của Đảng phải có những chuyển biến mới, với những biện pháp đồng bộ, có hiệu quả, được sự đồng tình và tham gia của toàn thể đảng viên và đông đảo nhân dân.

★

Đại hội thứ VI của Đảng ta đã xác định nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ là ổn định mọi mặt tình kinh kinh tế — xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo. Đại hội xác định những mục tiêu cụ thể về kinh tế—xã hội và vạch ra ba chương trình mục tiêu lớn về kinh tế là lương thực — thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Đại hội quyết định tiến hành trong toàn đảng và toàn xã hội cuộc vận động « làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng; làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước; đẩy lùi và xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội ». Đại hội VI đánh dấu sự đổi mới quan trọng của Đảng trong lãnh đạo chính trị, tư tưởng và tổ chức và có ý nghĩa to lớn tăng cường hơn nữa khối đoàn kết, thống nhất của Đảng.

Mỗi tổ chức đảng, mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi đảng viên có trách nhiệm to lớn trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế—xã hội và nhiệm vụ xây dựng đảng do Đại hội VI đề ra. Cùng với các mặt công tác khác, công tác kiểm tra của Đảng cũng phải được đổi mới, phải có chuyển biến mới về chất lượng. Công tác kiểm tra phải gắn với nhiệm vụ chính trị và phục vụ việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng đảng. Trong thời gian tới, để tăng cường công tác kiểm tra,

Digitized by Google

cần tập trung làm tốt những vấn đề sau đây:

Một là, cấp ủy đảng cần thật sự coi trọng và dích thân tiến hành công tác kiểm tra; các ban của Đảng và các cấp, các ngành cần thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ đã quy định.

Kiểm tra là chức năng chính trị và tổ chức quan trọng để bảo đảm vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chuyên chính vô sản và trong toàn xã hội. Công tác kiểm tra của Đảng phải là hình thức kiểm tra cao nhất. «Mọi tổ chức, từ cơ quan của Đảng, Nhà nước đến đoàn thể quần chúng, mọi lĩnh vực hoạt động từ kinh tế, xã hội đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, không có ngoại lệ, đều phải đặt dưới sự kiểm tra của tổ chức đảng có thẩm quyền. Trung ương Đảng và các cấp ủy đảng phải nắm chắc công tác kiểm tra, sử dụng kết quả kiểm tra vào việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết» (3). Vì vậy, các cấp ủy đảng cần tiến hành công tác kiểm tra không những đối với tổ chức đảng, mà cả đối với các tổ chức chính quyền, đoàn thể quần chúng, lực lượng vũ trang; không những đối với việc tổ chức thực hiện các quyết định mà cả đối với bản thân các quyết định, trong đó việc kiểm tra các tổ chức chính quyền thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng là cực kỳ quan trọng. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc, xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ, từ tổ chức, từ thực tiễn, nhằm thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân lao động làm chủ tập thể, chứ không phải chỉ xuất phát từ vấn đề cụ thể về nhân sự. Không coi trọng và thực hiện tốt vấn đề này, thì dù nghị quyết, chỉ thị có đúng đắn, cấp bách đến đâu cũng đều có thể bị vô hiệu hóa; các chủ trương, chính sách, biện pháp có sai lầm, khuyết điểm không được phát hiện, sửa đổi kịp thời.

Hai là, ủy ban kiểm tra các cấp cần làm tốt nhiệm vụ kiểm tra theo quy định của Điều lệ Đảng, trong đó chú trọng làm tốt việc kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ, kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiểm tra tư cách đảng viên.

Kiểm tra đảng viên *chấp hành* Điều lệ Đảng... là một nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp được Đại hội toàn quốc thứ VI của Đảng quy định bổ sung thay cho nhiệm vụ kiểm tra đảng viên *vi phạm* Điều lệ Đảng... Điều lệ Đảng nêu rõ: «Nhiệm vụ của Ủy ban kiểm tra các cấp là: kiểm tra những đảng viên (kể cả cấp ủy viên cùng cấp) chấp hành Điều lệ Đảng nhằm vào việc chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, chấp hành kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tư cách đảng viên...». (Quy định trước đây là kiểm tra những vụ đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng...). Kiểm tra đảng viên chấp hành và kiểm tra đảng viên vi phạm đều là kiểm tra cá nhân đảng viên, nhưng nhiệm vụ kiểm tra đảng viên chấp hành rộng lớn và nặng nề hơn. Kiểm tra đảng viên chấp hành là kiểm tra cả đảng viên chấp hành tốt và đảng viên chấp hành không nghiêm chỉnh hoặc vi phạm Điều lệ Đảng... (không phải chỉ kiểm tra những đảng viên có dấu hiệu vi phạm như trước đây); là kiểm tra thường xuyên suốt quá trình chấp hành. Kiểm tra đảng viên chấp hành là chủ động kiểm tra nhằm thúc đẩy, phát huy mặt tích cực, giáo dục những đảng viên có sai phạm, xử lý đúng mức và kịp thời những đảng viên có sai lầm, thu hẹp mãi tiêu cực của đảng viên. Nội dung kiểm tra đảng viên chấp hành là kiểm tra đảng viên (kể cả cấp ủy viên cùng cấp) chấp hành Điều lệ Đảng, kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, kiểm tra tư cách đảng viên; gắn chặt và phục

(3) Báo cáo chính trị của BCHTƯ Đảng tại Đại hội VI, *Tạp chí Cộng sản*, số 1–1987.

Digitized by Google

vụ việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng đảng, thực hiện nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng, nhất là thực hiện ba chương trình kinh tế lớn và thực hiện cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng. Việc kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng cần chú trọng trước hết đối tượng đảng viên là cán bộ do cấp ủy cấp mình quản lý và cấp ủy viên cùng cấp.

Cần vận dụng linh hoạt, phù hợp các hình thức và phương pháp kiểm tra. Kiểm tra thường xuyên và kiểm tra theo định kỳ chủ yếu là do các cấp ủy, các chi bộ, các đảng viên tiến hành thông qua việc kiểm điểm sơ kết, tổng kết công tác, tự phê bình và phê bình, rà soát và nhận xét cán bộ từng thời gian, tổ chức lấy ý kiến quần chúng phê bình đảng viên, cán bộ... Kiểm tra chuyên đề hay đột xuất chủ yếu là do cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên tiến hành. Tùy tình hình và yêu cầu cụ thể, ủy ban kiểm tra các cấp có thể tiến hành kiểm tra một đảng viên hoặc nhiều đảng viên, hoặc tất cả đảng viên ở một tổ chức..., có thể kiểm tra một vấn đề hoặc một số vấn đề. Cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp tiến hành kiểm tra hoặc phối hợp với các ban, ngành có liên quan cùng cấp, với ủy ban kiểm tra cấp dưới để tiến hành kiểm tra. Khi tiến hành kiểm tra, cần xác định rõ yêu cầu, nội dung, đối tượng và thời gian cụ thể; có kết luận rõ ưu điểm, khuyết điểm và có thái độ đối với từng trường hợp.

Kết hợp chặt chẽ việc kiểm tra đảng viên chấp hành với kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng (theo chỉ thị 34 CT/TƯ của BBT TƯ Đảng). Hai nhiệm vụ kiểm tra này, tuy khác nhau về đối tượng, về thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra, nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, cùng có mục đích là chủ động, phát huy ưu điểm, ngăn ngừa, hạn chế khuyết điểm, phục vụ việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng đảng.

Ba là, các tổ chức cơ sở đảng cần làm tốt công tác kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ sở.

Tổ chức cơ sở đảng có vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống tổ chức của Đảng, là nền tảng của Đảng, là nơi trực tiếp quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên, là nơi thực hiện mọi đường lối, chính sách của Đảng... Vì vậy, các tổ chức cơ sở đảng tiến hành kiểm tra đảng viên tại chỗ, trực tiếp và thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ sở là điều hết sức quan trọng. Ở những nơi thực hiện chế độ thủ trưởng, tổ chức cơ sở đảng cần thực hiện đúng chức năng kiểm tra, kể cả kiểm tra người thủ trưởng, bảo đảm cho đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước được quán triệt và được thực hiện nghiêm chỉnh, có hiệu quả. Ở các cơ quan, tổ chức cơ sở đảng cần làm tốt trách nhiệm kiểm tra cơ quan trong việc thực hiện các chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kịp thời nêu gương tốt, ngăn chặn việc vi phạm các chính sách, pháp luật trong cơ quan. Tổ chức cơ sở đảng ở phường cần thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ đã được quy định trong quyết định 55 của BBT TƯ Đảng về quy chế làm việc của đảng ủy phường.

Bốn là, đi đôi với kiểm tra, phải xử lý công minh, chính xác và kịp thời những vụ vi phạm kỷ luật của Đảng.

Trong việc giáo dục, rèn luyện đảng viên, Đảng ta luôn luôn coi trọng việc nâng cao trình độ giác ngộ cách mạng, tính tiền phong gương mẫu của đảng viên. Song phải đề cao kỷ luật của Đảng và làm tốt việc xử lý đảng viên vi phạm kỷ luật để giữ vững sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng.

Digitized by Google

tăng cường sức chiến đấu của Đảng. Việc thi hành kỷ luật của Đảng là để bảo đảm cho kỷ luật của Đảng được nghiêm minh, đồng thời cũng là để giáo dục đảng viên, cán bộ khác và giáo dục quần chúng. « Kiểm tra phải đi tới kết luận rõ ràng và xử lý đúng đắn » (4). Phải xử lý công minh, chính xác, kịp thời những vụ vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không vì lý do gì mà bỏ qua. Phải bảo đảm việc xử lý đúng phương hướng, phương châm, chính sách xử lý của Đảng và nhằm giáo dục đảng viên tốt hơn. Trong xử lý kỷ luật đảng viên, phải khắc phục tình trạng « nhẹ trên, nặng dưới ». Những người giữ vị trí cao, trách nhiệm lớn, mà sai phạm thì càng phải chịu kỷ luật nghiêm khắc. Bởi vì, chức vụ càng cao, trách nhiệm càng nặng, nếu sai phạm, thì sẽ gây tác hại càng lớn.

Năm là, kết hợp tốt công tác kiểm tra của Đảng với công tác thanh tra của Nhà nước và công tác kiểm tra của quần chúng.

Nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng đã nêu rõ: « Nâng cao chất lượng và hiệu lực công tác kiểm tra của Đảng phải gắn chặt với nâng cao hiệu lực công tác kiểm tra của Nhà nước và công tác kiểm tra có tính chất quần chúng, của mạng lưới kiểm tra nhân dân » (5). Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, đảng viên hoạt động trong các tổ chức đảng, các đoàn thể quần chúng, trong bộ máy Nhà nước, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Vì vậy, bên cạnh công tác kiểm tra của Đảng, cần có công tác thanh tra của Nhà nước, công tác kiểm tra của các đoàn thể quần chúng. Mặt khác, sai lầm, khuyết điểm của cán bộ, đảng viên là do nhiều nguyên nhân, cả khách quan, cả chủ quan, cho nên phải được giải quyết bằng những biện pháp đồng bộ; đó là trách nhiệm của mọi cấp, mọi ngành, mọi tổ chức của Đảng. Thời gian qua, chúng ta chưa thực hiện tốt việc chủ động, thường xuyên kết hợp giữa các ngành có liên quan, giữa các hệ thống kiểm tra của Đảng, của Nhà nước, của quần chúng, do đó chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp và tạo được hiệu quả cao của công tác kiểm tra. Thời gian tới cần coi trọng và thực hiện tốt việc này. « Mỗi cấp ủy, trong từng thời gian, đều phải có chương trình kiểm tra, tập trung vào những công tác chủ yếu, những đơn vị trọng điểm, sử dụng và phát huy vai trò ủy ban kiểm tra và các ban của Đảng, kết hợp chặt chẽ kiểm tra của Đảng với thanh tra của Nhà nước và kiểm tra của quần chúng... » (6).

★

Cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta đang diễn ra trong điều kiện vô cùng gay go, phức tạp, đòi hỏi toàn đảng, toàn quân và toàn dân ta phải có quyết tâm, nỗ lực rất lớn. Đội ngũ đảng viên, cán bộ của Đảng, bên cạnh mặt tốt, mặt mạnh là cơ bản, cũng còn bộc lộ nhiều khuyết điểm, nhược điểm: tình hình tiêu cực trong đảng hiện nay vẫn chưa được ngăn chặn và khắc phục có hiệu quả. Cuộc vận động « làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng, làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, đẩy lùi và xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội » được tiến hành tốt sẽ tạo ra sức mạnh mới, giúp

(4) Báo cáo chính trị của BCHTU Đảng tại Đại hội VI. *Tạp chí Cộng sản*, số tháng 1-1987, tr. 82.

(5) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập III, tr. 123

(6) Báo cáo chính trị của BCHTU Đảng tại Đại hội VI, *Tạp chí Cộng sản*, số 1-1987.

Digitized by Google

toàn đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế – xã hội do Đại hội VI vạch ra. Những nhiệm vụ nặng nề ấy đòi hỏi phải tăng cường công tác kiểm tra của Đảng đi đôi với tăng cường giáo dục, quản lý đảng viên. Các cấp ủy đảng, các tổ chức đảng, và toàn thể đảng viên, trên cơ sở quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương, phương hướng nhiệm vụ công tác kiểm tra, cần tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra của Đảng với tinh thần chủ động, tích cực, sáng tạo, bảo đảm công tác kiểm tra của Đảng có sự chuyển biến mạnh mẽ trong những năm tới, góp phần làm cho Nghị quyết Đại hội VI của Đảng được thực hiện thắng lợi.

MẤY VẤN ĐỀ...

(Tiếp theo trang 12)

không thể đúng được. Công khai, dân chủ trong thông tin là điều kiện để phát triển tư duy khoa học, chống lại tình trạng « cửa quyền » trong tư duy, kịp thời phát hiện tình trạng trì trệ hoặc « hư hỏng » trong tư duy.

Thời gian qua, những quan niệm cũ và cách làm cũ trong công tác thông tin là một nguyên nhân gây nên sự lạc hậu, trì trệ trong tư duy của chúng ta trên nhiều lĩnh vực. Giờ đây, chúng ta phải đổi mới quan niệm về công tác thông tin và cải tiến hệ thống thông tin, bảo đảm cho việc thông tin được chính xác, nhiều chiều, kịp thời và có tính công khai, giúp cho mọi người có điều kiện suy nghĩ đúng và đổi mới tư duy.

Đổi mới tư duy không chỉ giới hạn trong phạm vi nhận thức thuần túy. Tư duy theo cách cũ hay theo cách mới đều có quan hệ chặt chẽ với lợi ích, địa vị, uy tín của một cá nhân hoặc một tập thể. Có người còn mang nặng chủ nghĩa cá nhân, không dễ từ bỏ tư duy cũ (dù biết rõ là sai) một khi tư duy đó gắn liền với các quyền lợi, hồng lộc đang được hưởng. Vì lợi ích cá nhân hoặc phường hội hẹp hòi, người ta có thể chống lại quá trình đổi mới tư duy dưới nhiều hình thức khác nhau, từ công khai, trắng trợn đến tinh vi, khôn khéo. Vì thế, đổi mới tư duy là cuộc đấu tranh diễn ra trong nội bộ đảng, trong hộ máy nhà nước và các đoàn thể, trong nội bộ nhân dân, trong từng cấp, từng ngành và đấu tranh ngay trong chính bản thân mỗi người chúng ta.

« Các văn kiện của Đại hội lần thứ VI thể hiện bước đầu sự đổi mới tư duy của Đảng. Mỗi chúng ta, từ người lãnh đạo đến đảng viên bình thường, dù hoạt động trong lĩnh vực nào cũng cần kiểm tra lại nhận thức của mình, sớm lĩnh hội được những quan niệm mới, kiên quyết gạt bỏ những quan niệm sai lầm » (3).

Đổi mới tư duy là một quá trình khó khăn và phức tạp, đòi hỏi phải làm kiên trì, từng bước, không thể nóng vội. Nó gắn liền với quá trình đổi mới xã hội. Tư duy mới mở ra cuộc đổi mới trong xã hội, và đến lượt nó, sự đổi mới xã hội lại phát triển tư duy mới, làm cho tư duy mới biến thành sức mạnh vật chất.

---

(3) Báo cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội VI. Tạp chí Cộng sản, số 1-1987, tr. 76.

Digitized by Google

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Biên niên tóm tắt (thời kỳ chuẩn bị thành lập Đảng — từ cuối năm 1924 đến đầu năm 1930).

12-11-1924 — Bác Hồ từ Mát-xcơ-va đến Quảng châu, Trung quốc (gần Việt nam) để xúc tiến chuẩn bị thành lập Đảng cộng sản Việt nam. Tại đây Bác đã viết thư gửi đồng chí Đom-ban, Tổng thư ký lâm thời của Hội đồng Quốc tế nông dân, nói rõ lý do rời Mát-xcơ-va và hoàn cảnh công tác của mình: « Việc tôi đi từ Mát-xcơ-va đã được quyết định hơi đột ngột, và tôi không thể báo trước để đồng chí biết. Các đồng chí thứ lỗi cho tôi và nhờ đồng chí chuyển lời xin lỗi của tôi tới các đồng chí trong Hội đồng... Về việc liên quan đến hoàn cảnh tôi là Ủy viên Đoàn chủ tịch Quốc tế nông dân, đồng chí sẽ làm theo hướng mà đồng chí xét thấy là tốt: hoặc là đề nghị thay tôi, trong trường hợp này, đồng chí sẽ nói là tôi ốm, không nói là tôi vắng mặt vì tôi sống không hợp pháp ở đây; hoặc là đồng chí thấy giữ cái tên dân thuộc địa Nguyễn Ái Quốc để trang trí những tuyên ngôn và những lời kêu gọi của Hội đồng chúng ta là có lợi thì đồng chí cứ việc để lại ».

Cùng ngày, Bác gửi thư cho các đồng chí phụ trách báo *Quốc tế phụ nữ*, nói về việc tiếp tục cộng tác viết bài cho báo và đề nghị gửi cho Bác những sách báo và tài liệu để tuyên truyền, giáo dục phụ nữ và thiếu niên.

19-12-1924 — Sau khi đến Quảng châu, Bác đã liên lạc được với các tổ chức yêu nước của một số người Việt nam ở đấy. Trong báo cáo gửi Đoàn chủ tịch Quốc tế cộng sản, Bác đánh giá cao tinh thần cách mạng của các tổ chức ấy; đồng thời nói rõ rằng những người Việt nam yêu nước trong các tổ chức ấy « không hiểu chính trị và lại càng không hiểu việc tổ chức quần chúng »; cần phải giải thích cho họ hiểu về « sự cần thiết của tổ chức và sự vô ích của những hành động không có cơ sở ».

22-12-1924 — Bác gửi thư cho Ban phương Đông của Quốc tế cộng sản nói về việc đã gửi bản báo cáo về tình hình Đông dương. Nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với cách mạng Đông dương, Bác đề nghị: « Đồng chí có thể ra chỉ thị cho các đồng chí Liên xô của chúng ta ở đây chịu trách nhiệm về công việc ở Đông dương được không? Vì một mình tôi không thể làm nhiều việc được »...

Đầu năm 1925 — Bác lựa chọn một số thanh niên trong các tổ chức yêu nước nói trên và một số thanh niên khác từ trong nước ra, mở các lớp huấn luyện chính trị để đào tạo họ trở thành những cán bộ cách mạng, rồi giao cho họ nhiệm vụ truyền bá chủ nghĩa Mác — Lê-nin về nước.

10-1-1925 — Bác gửi thư báo cáo với Đoàn chủ tịch Quốc tế cộng sản về tình hình Đông dương, hỏi về số lượng sinh viên Việt nam được nhận vào học « Trường đại học cộng sản chủ nghĩa

Digitized by Google

ở Mát-xcơ-va » và đề nghị Đoàn chủ tịch chỉ thị cho các đại diện của Quốc tế cộng sản ở Quảng châu « cũng phải chăm lo đến Đông dương ».

19-2-1925 — Bác gửi thư báo cáo với Đoàn chủ tịch Quốc tế cộng sản về tình hình Đông dương, về những việc đã làm được. Bác nói rõ đã lập được ở Xiêm (nay là Thái lan) một nhóm bí mật gồm 9 hội viên, trong đó có 5 người đã là đảng viên dự bị của Đảng cộng sản, một trạm cơ sở có khoảng 50 người làm ruộng đoàn kết chặt chẽ với nhau để đưa đón người ra vào. Những việc phải làm trong năm 1925 là lập một cơ sở hoạt động tại Quảng châu; lập một số cơ sở giao thông liên lạc; phái người về nước thu thập và chuyển tin tức; gửi sinh viên Việt nam sang học Trường đại học cộng sản chủ nghĩa ở Mát-xcơ-va.

Bác cũng đã báo cáo « có nhiều việc cần làm » để chuẩn bị thành lập Đảng ta và xây dựng một số đảng ở các nước khác... Bác đề nghị Đoàn chủ tịch Quốc tế cộng sản gửi sách báo và tài liệu để tuyên truyền, và nói rõ: « Đối với một thuộc địa như Đông dương, chúng ta phải có ít nhất 10 sinh viên tuyên truyền. Nhưng chúng tôi có thể làm thử với 5 hoặc 7 người. Điều chính là cho chúng tôi biết càng sớm càng tốt số người được chấp nhận để chúng tôi có thể lựa chọn ».

2-1925 — Bác viết bài *Lê-nin và các dân tộc thuộc địa* ký tên Nguyễn Ái Quốc, bằng tiếng Nga, in trong *tạp chí Đỏ* (Liên xô) số 2, năm 1925.

9-4-1925 — Bác viết thư « Trả lời ông H » (là Thượng Huyền), ký tên L.T. (Lý Thụy). Bác phê phán những tư tưởng và quan điểm cải lương chủ nghĩa về cách mạng Việt nam của ông Thượng Huyền (+).

2-5-1925 — Bác báo cáo với Đoàn chủ tịch Hội đồng Quốc tế nông dân về kết quả ngày đầu của Hội nghị công nhân và nông dân Trung quốc.

6-1925 — Tại Quảng châu, Bác sáng lập *Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội*, tổ chức tiền thân của Đảng ta.

21-6-1925 — Để tuyên truyền tôn chỉ và mục đích của Hội, Bác sáng lập tuần báo *Thanh niên*, một vũ khí sắc bén truyền bá chủ nghĩa Mác—Lê-nin vào giai cấp công nhân và nhân dân ta.

13-8-1925 — Theo quyết định ngày 31 tháng 7 năm 1925 của Đoàn chủ tịch Hội đồng Quốc tế nông dân, Bác được ủy nhiệm làm công tác vận động nông dân ở Trung quốc và một số nước khác.

3-12-1925 — Bác gửi thư yêu cầu Đoàn chủ tịch Hội đồng Quốc tế nông dân gửi cho Bác những tài liệu nói về phong trào nông dân quốc tế bằng tiếng Pháp hay bằng tiếng Anh.

Trong năm 1925:

— Bác viết bài *Những vấn đề châu Á*, ký tên Nguyễn Ái Quốc, đăng trong tạp chí *Thư tín quốc tế* số 19, năm 1925.

— Để tập hợp và đoàn kết các lực lượng cách mạng ở châu Á, Bác tham gia sáng lập *Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á đông*, gồm những người yêu nước Việt nam, Trung quốc, Triều tiên, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Ấn độ... Bác được bầu làm Bí thư của Hội.

— Tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Bác viết bằng tiếng Pháp được Thư quán lao động xuất bản lần đầu tiên tại Pa-ri.

21-1-1926 — Bác viết bài *Lê-nin và phương Đông*, ký tên Nguyễn Ái Quốc, bằng tiếng Nga, đăng trên báo *Tiếng còi* (Liên xô).

3-6-1926 — Bác gửi thư báo cáo với Đoàn chủ tịch Quốc tế cộng sản

(+) Ông Thượng Huyền là cháu Nguyễn Thượng Hiền. Năm 1924 đã làm liên lạc cho cụ Phan Bội Châu một thời gian tại Quảng châu (Trung quốc). Ông gửi tập bản thảo « Cách mệnh » nhờ Bác xem và cho ý kiến.

Digitized by Google

về những việc đã làm ở Đông dương: tổ chức một tổ bí mật; tổ chức một Hội liên hiệp nông dân người Việt nam sống ở Xiêm; tổ chức một tổ thiếu nhi lựa chọn trong con em nông dân và công nhân; tổ chức một tổ phụ nữ cách mạng gồm 12 hội viên; tổ chức một trường huấn luyện chính trị... Thư của Bác kem theo bản báo cáo về tình hình chính trị ở Đông dương.

22-7-1926 — Bác viết thư gửi Ủy ban trung ương Đội thiếu niên tiền phong thuộc Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Lê-nin Liên xô yêu cầu tiếp nhận 3 hoặc 4 thiếu nhi Việt nam sang học ở Liên xô.

Cùng ngày, Bác còn gửi thư cho đại diện Đoàn thanh niên cộng sản Pháp tại Quốc tế thanh niên cộng sản, đề nghị đồng chí đó ủng hộ yêu cầu trên đây và tiến hành mọi sự giao thiệp cần thiết để được trả lời mau chóng và thuận lợi.

12-1926 — Bác sáng lập báo *Công nông*, cơ quan tuyên truyền của *Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội*, lưu hành trong công nhân và nông dân Việt nam.

Trong năm 1926: — Bác lập nhóm thiếu niên Việt nam đầu tiên tại Quảng châu để giáo dục và đào tạo, trong đó có Lý Tự Trọng.

2-1927 — Bác sáng lập báo *Linh cách mệnh* lưu hành trong binh lính người Việt nam. Báo này chỉ rõ: phải dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng; phải xây dựng quân đội cách mạng và phải biết cách vận động binh lính địch.

4-1927 — Sau vụ phản biến của bọn Tưởng Giới Thạch ở Quảng châu, Bác đi Hương cảng, Thượng hải, rồi rời Trung quốc đi Liên xô.

25-6-1927 — Bác viết thư gửi chi bộ cộng sản người Việt nam đang học tại Trường đại học phương Đông. Bác đề nghị cử đồng chí Lý Quý (tức Trần Phú) làm Bí thư chi bộ.

9-1927 — Sau một thời gian làm việc ở Mát-xcơ-va, Bác được Quốc tế cộng sản cử đến Béc-lin (Đức) để giúp vào việc thành lập *Liên đoàn chống chủ nghĩa đế quốc ở Đức*.

Trong năm 1927 — Các bài giảng của Bác tại các lớp huấn luyện chính trị được Bộ tuyên truyền của *Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á đông* tập hợp và xuất bản thành sách lấy tên là *Đường cách mệnh*. Nội dung cuốn *Đường cách mệnh* đặt nền tảng cho cương lĩnh của Đảng ta, chỉ ra đường lối giải phóng dân tộc cho cách mạng Việt nam.

— Bác viết bài *Sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Đông dương*, bằng tiếng Pháp, ký tên N. K, đăng trong tạp chí *Thư tín quốc tế*, số 104, năm 1927.

3-2-1928 — Bác viết thư gửi Đoàn chủ tịch Hội đồng Quốc tế nông dân nói về việc Người đã tranh thủ thời gian viết tập *Hồi ký về phong trào nông dân Trung quốc*, trong đó chủ yếu nói về phong trào Hải lục phong, nơi thành lập những xô viết nông dân.

2-1928 — Sau một thời gian làm việc ở Béc-lin (Đức), Bác đến Bỉ nói chuyện tại Brúc-xen về chống chủ nghĩa đế quốc và về phong trào cách mạng Việt nam. Bác dự Đại hội quốc tế chống chủ nghĩa đế quốc họp ở lâu đài Ét-mông. Với những hiểu biết của mình và những tài liệu đã thu thập được sau chuyến đi vòng quanh châu Phi, Bác lên án những tội ác dã man của chủ nghĩa thực dân ở châu Phi, và kêu gọi mọi người đứng lên đoàn kết đấu tranh chống kẻ thù chung. Trong những ngày ở Brúc-xen, Bác sống và làm việc trong điều kiện khám khổ ở quán trọ Vê-giê-ta-riêng (gần lâu đài Ét-mông). Tại đây, Bác đã viết cuốn sách tố cáo chủ nghĩa thực dân ở Công-gô mà nhiều người Bỉ đã được đọc (theo báo *Nhân dân* số ra ngày 11-12-1969).

Digitized by Google

Sau khi dự Đại hội quốc tế chống chủ nghĩa đế quốc, Bác qua các nước Thụy sĩ, I-ta-li-a... và bí mật trở lại Pháp.

Mùa thu 1928 — Bác đáp tàu biển về Xiêm, đi đến nhiều nơi có Việt kiều đang làm ăn, sinh sống để giáo dục cho họ về tinh thần yêu nước, tinh thần ái, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau.

Bác chỉ đạo chấn chỉnh nội dung tờ báo của kiều bào ta cho phù hợp với mục đích và tôn chỉ của *Hội thân ái* lúc bấy giờ, lấy tên tờ báo là *Thân ái* thay cho tên *Đồng thanh* trước đây. Báo *Thân ái* là cơ quan tuyên truyền cách mạng trong Việt kiều và được bí mật chuyển về nước.

1929 — Bác tiếp tục hoạt động ở Xiêm. Để làm tài liệu tuyên truyền, huấn luyện cho cán bộ và Việt kiều, Bác viết vở kịch *Đe Thám*, bài ca *Trần Hưng Đạo*, dịch cuốn *Nhân loại tiến hóa sử* và cuốn *Cộng sản ABC*... Những năm 1928 — 1929, Bác đặc biệt chăm lo xây dựng các cơ sở cách mạng ở Việt nam, Lào và Cam-pu-chia.

Cuối 1929 — Bác từ Xiêm trở lại Trung quốc để chuẩn bị cuộc Hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt nam, thành lập Đảng ta.

3-2-1930 — Tại Cửu long (Hương cảng, Trung quốc), thay mặt Quốc tế cộng sản, Bác chủ trì Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt nam, đảng cách mạng Mác—Lê-nin chân chính của giai cấp công nhân Việt nam. Hội nghị đã thảo luận và thông qua các văn kiện: *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt* của Đảng. Thay mặt Quốc tế cộng sản và Đảng cộng sản Việt nam, Bác ra *Lời kêu gọi* nhân dịp thành lập Đảng.

2-1930 — Trong bản báo cáo gửi Đoàn chủ tịch Quốc tế cộng sản, Bác mở đầu: « Đảng cộng sản Việt nam đã được thành lập ». Bác cũng đã báo cáo ngay với Ban phương Đông của Quốc tế cộng sản về việc thành lập Đảng ta. Bác đề nghị Quốc tế cộng sản chú trọng bồi dưỡng cho những người cộng sản Việt nam về lý luận và kinh nghiệm công tác.

THẾ TẬP sưu tầm

Digitized by Google

Trao đổi ý kiến

VỀ VAI TRÒ NHÂN TỐ CON NGƯỜI TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

LỜI BỘ BIÊN TẬP — Báo cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội thứ VI đã nhấn mạnh phải « phát huy yếu tố con người và việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động ». Báo cáo cũng vạch rõ: «Cần thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội, tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ».

Để làm sáng tỏ luận điểm quan trọng đó của Đảng, bắt đầu từ số này, chúng tôi mở mục trao đổi ý kiến « Về vai trò của nhân tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội » trên tạp chí. Đề nghị các bạn quan tâm đến vấn đề này tích cực tham gia.

TẠ VĂN THÀNH

CON NGƯỜI — CHỦ THỂ VÀ SẢN PHẨM CỦA LỊCH SỬ, MỤC TIÊU VÀ ĐỘNG LỰC CỦA CÁCH MẠNG

TRONG công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, Đảng ta đã vận dụng sáng tạo luận điểm của chủ nghĩa Mác coi con người vừa là chủ thể vừa là sản phẩm của lịch sử, vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng

Digitized by Google

Nhận thức rõ con người là sản phẩm của xã hội, là sản phẩm của hoạt động có ý thức, có mục đích của chính bản thân mình nhằm cải tạo hoàn cảnh, Đảng ta quan niệm rằng, xây dựng con người mới không phải là công việc của riêng cách mạng tư tưởng và văn hóa mà là công việc, là thành tựu của cả ba cuộc cách mạng. Chúng ta đánh giá cao tính năng động của ý thức và tác động tích cực trở lại của nó đối với tồn tại, song chính là tồn tại của con người quyết định ý thức của họ chứ không phải ngược lại. Muốn thay đổi ý thức phải thay đổi tồn tại. Muốn con người có tính người hơn nữa thì phải làm cho tồn tại của con người ngày càng có tính người cao hơn.

Việc nhân đạo hóa lao động, cải thiện điều kiện lao động, phát huy tính tích cực sáng tạo của người lao động, xây dựng những tập thể lao động xã hội chủ nghĩa — đó là những nhân tố quan trọng để thực hiện tính người trong mọi biểu hiện của nó và cũng là tiêu đề tất yếu cho việc nhân đạo hóa lĩnh vực sinh hoạt ngoài thời gian lao động của con người, phát triển mọi hình thức hoạt động văn hóa. Ngược lại, tổ chức tốt thời gian tự do ngoài lao động có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển nhân cách và do đó, ảnh hưởng tích cực trở lại quá trình sản xuất xã hội. Như C. Mác đã nhấn mạnh trong *Bản thảo kinh tế năm 1857 — 1859*, vấn đề giải phóng con người là vấn đề bao gồm cả hai lĩnh vực của đời sống con người: thời gian lao động và thời gian tự do, việc nhân đạo hóa hai lĩnh vực này có quan hệ qua lại, quy định lẫn nhau.

Con người là sản phẩm của hoàn cảnh xã hội song không có nghĩa là con người khoanh tay ngồi chờ hoàn cảnh thay đổi để thay đổi bản thân mà luôn tích cực hoạt động để thay đổi hoàn cảnh và thông qua đó mà biến đổi mình.

Lịch sử xã hội không chỉ là một chuỗi biến cố được tạo nên bởi những điều kiện khách quan, mà còn là một chuỗi những hành động do con người thực hiện. Như Mác đã nói, con người không chỉ là diễn viên mà còn là tác giả vở kịch của chính mình.

V. I. Lê-nin đã có công vạch ra học thuyết về vai trò của nhân tố chủ quan trong lịch sử. Nhấn mạnh vai trò của nhân tố chủ quan, Lê-nin cũng đồng thời chống lại chủ nghĩa chủ quan và ý chí luận. Người đã vạch ra rằng sự phát triển của lịch sử loài người tuân theo những quy luật khách quan, đó là một quá trình lịch sử tự nhiên. Vai trò của nhân tố chủ quan chính là ở chỗ nhận thức được các quy luật khách quan và bằng hoạt động thực tiễn biến những khả năng thực tế thành hiện thực theo những quy luật vốn có của thế giới hiện thực.

Văn kiện Đại hội thứ IV của Đảng ta cũng đã nói đến con người mới với tư cách là chủ thể có ý thức xây dựng nên xã hội mới. Vấn đề hiện nay là hiểu cho đúng và phát huy cao độ vai trò của nhân tố chủ quan.

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, nói đến vai trò của nhân tố chủ quan là nói đến vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản vũ trang bằng chủ nghĩa Mác — Lê-nin, có khả năng nắm được những quy luật phát triển khách quan của xã hội và vận dụng chúng có lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; là nói đến vai trò tổ chức, quản lý có khoa học, có kế hoạch của Nhà nước xã hội chủ nghĩa; là nói đến vai trò làm chủ của quần chúng nhân dân chủ yếu thông qua Nhà nước của mình dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Hiện nay vấn đề đặt ra là: Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, trước hết là các cấp lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, vươn lên đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, đổi mới phong cách công tác, đổi mới tổ chức và cán bộ; trang bị thêm những tri thức khoa học

Digitized by Google

để nhận thức thật đúng và vận dụng tốt hơn các quy luật xã hội khách quan, trước hết là các quy luật kinh tế; nghiên cứu tốt hơn khoa học tổ chức và quản lý, thấy trước và dự báo được những phương hướng chính của sự phát triển kinh tế—xã hội. Khoa học tự nhiên có vai trò to lớn trong việc phát triển lực lượng sản xuất, góp phần vào việc quản lý có khoa học toàn bộ đời sống xã hội, việc hiểu biết chúng là rất cần thiết trong sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Tổ quốc. Song trong việc hoạch định các chính sách kinh tế—xã hội, văn hóa, trong việc xây dựng các kế hoạch p'át triển kinh tế—xã hội ngắn hạn và dài hạn, trong việc đề xuất các chiến lược kinh tế—xã hội, văn hóa, con người, trong việc quản lý một cách khoa học sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội về mọi mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng v.v. các khoa học xã hội có vai trò vô cùng quan trọng và ngày càng tăng lên. Các nhà khoa học xã hội cần được huy động tham gia tích cực hơn, có hiệu quả hơn vào việc hoạch định các kế hoạch kinh tế—xã hội của đất nước và vào việc nghiên cứu các vấn đề về khoa học quản lý, về con người v.v.

Về vai trò của nhân tố chủ quan, xét ở từng con người cụ thể thì cương vị càng cao, vai trò càng quan trọng, trách nhiệm càng lớn. Đôi khi biết bao nỗ lực lớn lao của nhiều người bị giảm bớt hiệu quả, thậm chí bị vô hiệu hóa, bị triệt tiêu bởi sai lầm của một số người, một vài người. Vì thế việc đổi mới cán bộ, đổi mới tổ chức là vô cùng quan trọng trong việc phát huy vai trò của nhân tố chủ quan trong lịch sử. Có cán bộ tốt, còn phải có tổ chức tốt, có bộ máy có hiệu lực thì mới có được thành tựu trong công việc. Quần chúng nhân dân phát huy được tính tích cực chủ động và vai trò làm chủ của mình một mặt nhờ năng lực và phẩm chất của bản thân, mặt khác nhờ sự lãnh đạo và tổ chức khoa học.

Một điều cũng cần lưu ý là nói đến nhân tố chủ quan không phải là chỉ quy lại vấn đề tình cảm cách mạng, mà còn bao gồm sự nhận thức đúng đắn các quy luật của thế giới khách quan, tri thức khoa học, kỹ thuật và năng lực tổ chức thực hiện v.v.

★

Lý tưởng của chủ nghĩa nhân đạo mác xít về con người đòi hỏi thừa nhận con người là giá trị cao quý nhất, loại trừ mọi hình thức người áp bức, bóc lột người, thừa nhận quy luật cơ bản của hình thái kinh tế—xã hội mới là thỏa mãn ngày càng đầy đủ hơn những nhu cầu vật chất và văn hóa của con người, tạo nên những điều kiện ngày càng thuận lợi hơn cho sự phát triển toàn diện và hài hòa của cá nhân, thừa nhận mỗi con người, mỗi thành viên của xã hội không phải là phương tiện mà là mục tiêu của toàn bộ hoạt động xã hội, mỗi người là chủ thể tự giác của những hoạt động tập thể.

Chính mọi cố gắng của Mác không phải nhằm quy một cách phiến diện con người thành homo faber (con người sản xuất) hay thành homo oeconomicus (con người kinh tế) và lại càng không phải quy nó thành homo ludens (con người vui chơi) như « lý thuyết bù đắp » do các tư tưởng gia tư sản hiện đại nêu ra, dùng nên « văn minh tiêu thụ » và « văn hóa đại chúng » để giải trí cho người lao động, bù đắp những thiệt thòi mà họ phải chịu trong thời gian lao động. Cố gắng của Mác là nhằm tích hợp một cách biện chứng homo faber, homo politicus (con người chính trị), homo oeconomicus, homo sapiens (con người lý trí) và homo ludens. Với tư cách một tích

Digitized by Google

hợp như thế, con người tham gia một cách sáng tạo vào tất cả các cấp độ của hoạt động người — từ lao động qua hoạt động xã hội đến lĩnh vực khoa học, văn hóa, trò chơi v.v. Con người thể hiện tính tích cực của mình trong sản xuất, trong đời sống xã hội, trong sự giao tiếp với những người khác, lĩnh hội di sản tinh thần của nhân loại, chiêm ngưỡng và suy tư về thế giới và về vị trí của mình trong đó.

Tư tưởng về con người phát triển toàn diện và hài hòa với tư cách là mục tiêu của cách mạng cũng thể hiện rất rõ ở Lê-nin. Năm 1902 trong dự thảo cương lĩnh của đảng do ông đưa ra, Plê-kha-nốp đã bỏ qua luận điểm của Mác về sự phát triển toàn diện của cá nhân. Lê-nin đã chống lại điều này và kiên quyết yêu cầu bổ sung tư tưởng cho rằng, mục tiêu của cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân là tổ chức quá trình sản xuất xã hội một cách có kế hoạch « để bảo đảm phúc lợi *đầy đủ* và sự phát triển tự do và *toàn diện* của *tất cả* các thành viên trong xã hội » (1).

Để quán triệt và thực hiện tốt luận điểm nói trên của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và cũng là của Đảng ta, cần khắc phục một số khuynh hướng và quan niệm sai lầm.

Chúng ta kiên quyết đấu tranh chống tư tưởng của chủ nghĩa Mao coi con người chỉ là phương tiện cho những kẻ thống trị tranh giành quyền lực, địa vị.

Cần khắc phục quan niệm thực dụng chủ nghĩa về kinh tế, có tính chất hẹp hòi, cho rằng sự phát triển văn hóa là việc khi nào có điều kiện thuận lợi thì mới làm, hoặc giải thích nó như là « sự xa xỉ » không cần thiết. Trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, sự phát triển của nền sản xuất không phải là một mục đích tự thân. Sự phát triển kinh tế là tiền đề cần thiết và là *cơ sở* hiện thực để nhân đạo hóa những mối quan hệ xã hội, để đạt tới con người phát triển hài hòa và toàn diện. Tư tưởng chỉ lo cho sản xuất, ít quan tâm đến người sản xuất; tư tưởng lo cho sản xuất là lo về tư liệu sản xuất, ít lo đến cái vốn quan trọng là « vốn con người »; tư tưởng cho rằng những chi phí được gọi là phi sản xuất tiêu dùng cho khu vực phi sản xuất là những chi phí không sinh lợi, v.v. những tư tưởng đó đều không đúng xét theo quan điểm coi con người là mục tiêu của cách mạng, là chủ thể của lịch sử. Ngay xét theo quan điểm coi con người là động lực của lịch sử, những tư tưởng đó cũng tỏ ra là lỗi thời. Trong thời kỳ cách mạng khoa học — kỹ thuật đang diễn ra sự biến đổi có tính nguyên tắc trong tính chất và cấu trúc của lực lượng sản xuất, những nhân tố quyết định sự phát triển của lực lượng sản xuất đã khác xa với những nhân tố trong thời kỳ công nghiệp hóa; ngay mối tương quan giữa những lĩnh vực cơ bản của kinh tế, giữa lĩnh vực « sản xuất » và « phi sản xuất » trong đời sống xã hội cũng đã thay đổi. Một số lĩnh vực của giáo dục, tiềm năng trí tuệ và tinh thần của người lao động, những tri thức được tích lũy bởi nhiều môn khoa học v.v. ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Những lĩnh vực nói trên có thể được xem không phải như một hình thức tiêu dùng của cải xã hội tích lũy được, mà như là những vốn đầu tư cho sản xuất có tác dụng đẩy nhanh sự phát triển kinh tế bằng con đường phát triển những lực lượng sáng tạo của con người. Sự phát triển của nền kinh tế nước ta sẽ đi theo phương hướng nói trên. Nhưng ngay giờ đây khi chúng ta tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, mặc dù trình độ khoa học, kỹ thuật của ta chưa phát triển cao

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 6, tr. 293.

Digitized by Google

như các nước tiên tiến, song vì là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa do Đảng cộng sản lãnh đạo, với những quan hệ sản xuất mới, với nền chuyên chính vô sản, với quyền làm chủ của nhân dân, với tư tưởng nhân đạo xã hội chủ nghĩa coi con người là giá trị cao nhất, nhân tố con người vẫn đóng vai trò tích cực và quan trọng, con người phải được chăm lo cả đời sống vật chất lẫn đời sống văn hóa, tinh thần, cả trong thời gian lao động lẫn trong thời gian tự do ngoài lao động, tất nhiên là phải phù hợp với những điều kiện kinh tế cho phép.

Báo cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội thứ VI đã chỉ rõ: «Cần thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội, tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế. Ngay trong khuôn khổ của hoạt động kinh tế, chính sách xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, là một nhân tố quan trọng để phát triển sản xuất».

Chúng ta cần quán triệt một luận điểm quan trọng của Đảng, đó là: «*phát huy yếu tố con người* và lấy việc *phục vụ con người* làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động» (2).

Tất cả những điều trình bày trên đây cho thấy, đã đến lúc, song song với việc xây dựng chiến lược kinh tế—xã hội, chiến lược phát triển khoa học và kỹ thuật, cần khẩn trương xúc tiến xây dựng chiến lược phát triển con người nhằm hình thành con người Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Và phải chăng có thể nói rằng, việc đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, đổi mới phong cách công tác, đổi mới tổ chức và đổi mới cán bộ mà Đại hội thứ VI của Đảng đã nêu lên đều có liên quan xa, gần, nhiều, ít đến vấn đề con người?

Và phải chăng cũng có thể nói rằng, mọi sự đổi mới được bắt đầu từ việc đổi mới con người, trong đó có việc đổi mới nhận thức về vấn đề con người?

---

(2) Báo cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội VI, *Tạp chí Cộng sản*, số 1-1987.

Digitized by Google

Giáo sư tiến sĩ **ĐẶNG THU**

VỀ NHÂN TỐ CON NGƯỜI TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA ĐẤT NƯỚC

1. Có những thời kỳ dài hàng mấy trăm năm mà nhân loại không tiến lên được một bước, thậm chí thụt lùi, kiến thức mai một đi, mức sống không tăng, như thời Trung thế kỷ. Nhưng cũng có thời kỳ mà loài người tiến lên nhanh chóng, bắt đầu từ thời đại Phục hưng và phát triển tư bản chủ nghĩa.

Không kể các nền văn minh cổ Trung quốc và Ấn độ, cho tới trước thế kỷ 16—17, châu Á vẫn văn minh hơn châu Âu. Nhưng nhờ có chủ nghĩa tư bản tiến bộ hơn chủ nghĩa phong kiến mà châu Âu mấy thế kỷ qua đã tiến bộ nhanh hơn châu Á.

Bốn mươi năm trở lại đây, nhờ có cách mạng khoa học—kỹ thuật mà đa số các nước, kể cả các nước châu Á, đã tiến lên đặc biệt nhanh chóng.

2. Xét về mặt phát triển kinh tế, mà cốt lõi là tăng năng suất lao động, biểu hiện qua thu nhập quốc dân tính theo đầu người lao động, thì cho tới nay, các nước công nghiệp và *các nước tư bản chủ nghĩa phát triển vẫn có vai trò rất tích cực.*

Xem bảng phát triển kinh tế của các nước trong thời gian gần đây (bảng 1), ta thấy từ 1965 tới 1983, chỉ 18 năm, mà thu nhập quốc dân của nhiều nước tăng lên từ 3 đến 12 lần, thậm chí 22 lần như Nam Triều tiên (chưa tính đồng đô la Mỹ mất giá). Có nước giỏi quản lý và ít phải chi tiêu cho quân sự, như Nhật bản đã có tốc độ tăng nhanh hơn Mỹ tới gần 3 lần trong cùng thời gian 18 năm đó.

3. Các nước xã hội chủ nghĩa cũng có tốc độ phát triển khá, nhưng so với một vài nước phát triển nhanh thì *các nước xã hội chủ nghĩa chậm hơn.* Hiện nay, thu nhập quốc dân/đầu người ở các nước xã hội chủ nghĩa mới bằng nửa các nước tư bản chủ nghĩa phát triển nhất (bảng 2), nếu tốc độ phát triển của các nước xã hội chủ nghĩa không cao gấp 2 lần thì số tăng tuyệt đối sẽ thấp hơn.

Triết học duy vật lịch sử là đúng đắn. Chủ nghĩa xã hội phải thể hiện được tính ưu việt của nó về mọi mặt so với chủ nghĩa tư bản. *Các nước xã hội chủ nghĩa có thể có tốc độ phát triển cao hơn các nước tư bản chủ nghĩa, nếu sớm biết đổi mới, đối phó thắng lợi với mọi thử thách, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của nhân dân.* So với thời kỳ khi *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* ra đời, năng suất lao động của loài người hiện nay đã cao hơn từ 10 đến 20 lần (tính riêng từng nơi và từng lĩnh vực thì năng suất lao động lại còn cao hơn nhiều). Thí dụ, 150 năm về trước, để tạo ra 1 tạ thóc cần 1 tháng lao động, ngày nay có nơi chỉ cần 10 phút. Ngày nay, số người đã đông gấp gần 5 lần so với 150 năm về trước (gần 5 tỷ người so với hơn 1 tỷ người), *của cải của xã hội loài người đã tăng lên từ 50 đến 100 lần.* Vì vậy, lý luận kinh điển của

Digitized by Google

Bảng 1: **Những chỉ tiêu phát triển của một số nước 1965 — 1983**

Tên nước	% dân số học cấp 2 (trong tuổi đi học)	% dân số học cấp 3 (trong tuổi đi học)	Số tên sách in trong 1 năm (1983)	Thu nhập quốc dân (tỷ đô la Mỹ)						Thu nhập quốc dân đầu người (1983 - đô la Mỹ)	Xuất khẩu 1983 (tỷ đô la)	Thu nhập quốc dân chi cho giáo dục năm 1983 (%)	Tỷ trọng nông nghiệp trong thu nhập quốc dân (%)
				Năm 1965		Năm 1975		Năm 1983					
				Số tuyệt đối	Tốc độ tăng (%)	Số tuyệt đối	Tốc độ tăng (%)	Số tuyệt đối	Tốc độ tăng (%)				
1. Mỹ		58,0	77 000	687,0	4	1526,0	3,1	3263,0	3,3	11 732	200,0	6,9	2,9
2. Nhật bản	92	30.0	42 217	89,0	11,2	498,0	4,9	1157,0	3,0	9 704	145,0	5,8	2,9
3. CHLB Đức		27,6	56 568	115,0	4,5	420,0	2,8	657,0	1,0	12 176	169,0	4,7	2,0
4. Pháp	86	25,5	37 308	86,6	5,6	338,9	3,6	517,0	0,5	11 325	95,0	5,5	4.2
5. Nam Triều tiên	82	17,5	25 747	3,4	8,4	19,9	8,5	76,6	9,3	1 716	6,4	3,4	17.0
6. Thái lan	34	20,0	4 498	4,9	7,9	14,7	6,9	40,4	5,8	808	6,4	3,6	20,6
7. In-đô-nê-xi-a	41,3	3.3	1 836	7,5	4	29,1	7,7	79,3	5.0	488	21,0	2,2	30,0
8. An-giê-ri	48.0	5,0	275	2,5	4,1	13,7	6,4	46,0	0,1	2 266	13,2	8,3	6,5
9. Ấn độ	72,0	7,5	11 562	41,0	3,7	86,0	3,2	185,0	6,5	260	8,4	3,0	40,4
10. Trung quốc	44,0	1,3	26 601	30,0	6.6	142,0	6,8	238,0	10,0	231	22,2		44,6
11. Liên xô	96,0	21,2	83 007	193 *	7,0	363 *	5,0	520 *	4,0	1 550	79,6	7,0	15,3
12. Hung-ga-ri	42,0	13,6	8 836			11,0	5,0	21	0,9	4 980	8,7	4,9	18,0
13. Ba lan	77.0	16,5	9 814	531**	6,1	349**	5,2	5493**	4,5	3 900	19,3	7,5	18,4
14. CHDC Đức	89.0	30,0	5 976		4,2					7 180	23,7		
15. Cu-ba	78,0	19,5	1 438	8,5	2,8	16,4	5,7	28	5,2	2 826	6,4	7,2	14,0
16. Việt nam	57,0	15,5	1 887							160	0,43		40,0

* Tỷ rúp.
** Tỷ zloti.

Digitized by Google

c'ủ nghĩa Mác – Lê-nin cũng phải được bổ sung, phát triển cho phù hợp với những đòi hỏi của thời đại mới. *Tránh được giáo điều, xơ cứng thì các nước xã hội chủ nghĩa có thể có tốc độ phát triển cao hơn.* Việc đó đã được khởi dầu lành mạnh từ Đại hội thứ XXVII của Đảng cộng sản Liên xô và đang có ảnh hưởng dây chuyền.

4. Ngày nay, *mọi nước đều có thể tiến lên nhanh chóng*, nếu :

– Lợi dụng được thành tựu của cách mạng khoa học–kỹ thuật.

– Quản lý giỏi nền kinh tế, trong đó có hợp tác quốc tế.

– Riêng ở các nước thế giới thứ ba thì còn phải sớm ngừng tăng dân số.

Bảng 2: **Thứ tự về thu nhập quốc dân/đầu người năm 1983** (1).

Thứ tự	Nước		Thứ tự	Nước	
1	Qua-ta	27 720 đô la Mỹ	30	Tiệp khắc	5 820
2	Ả rập Ê-mi-rất	24 660 »	38	Liên xô	4 550
3	Cô Oét	20 900	140	Ấn độ	260
4	Bru-nây	17 380	148	Trung quốc	231
5	Thụy sĩ	15 522	161	Việt nam	101
10	CHLB Đức	12 176	162	Bu-tan	96
12	Mỹ	11 732	163	Lào	80
27	CHDC Đức	7 180	164	Cam-pu-chia	70

(1) Số liệu thu nhập quốc dân của F. Gèze và Y. Lacoste (1984) và của tổ chức lao động thế giới (1984), tính theo phương pháp của Liên hợp quốc cho 164 nước.

– Thu nhập quốc dân của Lào, Việt nam, Cam-pu-chia nếu kể cả viện trợ (TNQD tiêu dùng) thì có thể tăng gấp rưỡi, gấp đôi.

Giá dầu khí giảm từ 2 đến 3 lần trong hơn một năm qua, cho nên TNQD của các nước xuất khẩu dầu khí đã giảm.

5. Nếu tính chạy đua giữa các nước trên chỉ tiêu năng suất lao động tức thu nhập quốc dân/đầu người lao động (hay đầu người dân nói chung) thì bất lợi thuộc về nước còn tăng dân.

Ba mươi năm về trước, khoảng cách về thu nhập quốc dân/đầu người giữa các nước phát triển (đã cơ bản ngừng tăng dân) và lạc hậu (tăng dân nhanh) là 2 000 đô la. Hiện nay khoảng cách này là 1 vạn và sau đây 30 năm sẽ là 2 vạn đô la.

Khoảng cách này cũng còn là khoảng cách về thời gian. Ở Việt nam 25 năm về trước mới có 30 triệu dân, ta hy vọng đuổi kịp các nước phát triển sau 40 năm. Hiện nay, dân số Việt nam đã hơn 60 triệu, ta chậm hơn các nước phát triển 60 năm; và khi dân số Việt nam ngừng tăng ở mức 110 triệu dân vào năm 2030 thì lúc đó ta sẽ chậm hơn họ 100 năm!

Ta cần đánh giá đúng đắn hơn vấn đề tăng và ngừng tăng dân số, lao động.

6. Ngày nay trí thức và học vấn của loài người đã rất cao. Ở nhiều nước, trong đội quân lao động, mỗi người đã có trung bình từ 10 đến 11 năm học tập; cứ từ 6 đến 10 người lao động đã có 1 người học đại học, số năm học đại học tính trung bình

Digitized by Google

cho một lao động là 0,5 đến hơn 1 năm ở một số nước (xem bảng 3).

Bảng 3: **Trình độ văn hóa của người lao động trên thế giới \976. Số năm học trung bình và số năm học đại học tính trung bình cho một lao động.**

Tên nước	Số năm học ở trường	Số năm học đại học
Mỹ	11,6	1,05
Ca-na-đa	10,5	0,56
Pháp	9,87	0,56
Nhật	10,4	0,44
CHLB Đức	9,3	0,23
Ý	6,9	0,24
Anh	10,4	0,29
Việt nam		0,038

Sự phát triển kinh tế — xã hội ngày nay đòi hỏi người lao động phải có trình độ học vấn cao. Tuy nhiên, ở cùng một trình độ phát triển cao gần ngang nhau như Mỹ, Pháp, Nhật, CHLB Đức nhưng trình độ học vấn lại cách nhau khá xa: số năm học đại học tính cho 1 lao động của CHLB Đức chỉ bằng 1/1 so với Mỹ, và bằng 1/2 so với Nhật và Pháp; ở đây yếu tố quản lý và tổ chức lao động cũng khá quan trọng.

Liên xô có rất nhiều bác sĩ. Cứ 250 người dân Xô viết đã có 1 bác sĩ, trong khi ở Mỹ, Pháp, Nhật cứ 550 dân, 500 dân và 770 dân mới có 1 bác sĩ. Nhưng chỉ tiêu quan trọng nhất của y tế và sức khỏe là tuổi thọ trung bình của con người thì Liên xô lại thấp nhất trong số các nước đã phát triển. Tuổi thọ trung bình của người dân Xô viết chỉ là 72 trong khi ở các nước trên là 77,5, 76 và 77.

Đội ngũ lao động nước ta hiện nay đã lên tới 30 triệu người, trong đó có 30 vạn lao động có trình độ đại học. Lao động giản đơn có vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp khi trình độ sản xuất còn thấp và kỹ thuật chưa phát triển, cũng như trong chiến đấu khi vũ khí còn thô sơ. Ngày nay là thời đại khoa học kỹ thuật cho nên *lực lượng lao động có khoa học kỹ thuật và quản lý giỏi có vai trò quan trọng hàng đầu* trong chiến lược kinh tế — xã hội.

Nước ta từ thế kỷ 15 đến thế kỷ 19, lúc phồn thịnh nhất thì cứ 3 — 4 năm có một khoa thi tiến sĩ và trung bình mỗi khoa có ba bốn chục người đỗ tiến sĩ. Nếu tính mỗi người sau khi đỗ tiến sĩ làm việc được 30 năm, thì đồng thời có khoảng 300 tiến sĩ (chủ yếu là giỏi văn chương thơ phú) làm việc. Nếu ta coi số năm học để đỗ tiến sĩ tương đương với số năm học để tốt nghiệp đại học và coi đại học ngày nay ngang tiến sĩ ngày xưa thì lực lượng đại học ngày nay đã nhiều gấp 1 000 lần trước đây. Như vậy, thời đại ngày nay là thời đại hoàng kim nhất về lực lượng trí thức và khoa học kỹ thuật của đất nước.

Tuy nhiên, cứ 100 lao động ở nước ta mới có 1 người có trình độ đại học, trong khi ở các nước phát triển nhất thì từ 6 đến 10 lao động đã có 1 người có trình độ đại học. Nhưng lại có nước số người lao động có trình độ đại học và văn hóa phổ thông trung học ít hơn ta nhiều như: An-giê-ri, In-đô-nê-xi-a, Thái lan... mà kinh tế tính theo đầu người lại phát triển hơn ta nhiều lần. Vì vậy, cán bộ khoa học kỹ thuật là quan trọng, và *không kém phần quan trọng là yếu tố quản lý tốt cán bộ.*

Ta thường nghĩ con người sinh ra trong các xã hội cũ dễ tiêm nhiễm thói lười biếng, muốn an nhàn và hưởng thụ. Nhưng ở xã hội mới, nếu trả lương bao cấp và quản lý lao động lỏng lẻo thì cả xã hội cũng sẽ lười biếng.

Nếu chỉ dựa vào tự giác của cá nhân thì nhân viên cửa hàng mậu dịch cũng như tàu buôn viễn dương sẽ hầu hết không tránh khỏi ăn cắp và buôn lậu

Digitized by Google

Có cách gì làm cho người lao động lười biếng, không có kỹ thuật, vô kỷ luật trở thành người lao động nghiêm túc và có hiệu quả hay không?

Kinh nghiệm của một nước cho hay, khi mở một mỏ mới ở vùng nông thôn, không mấy ai muốn xuống lòng đất làm việc. Đến khi mang quần áo đẹp và nồi, xoong bán cho một số ít thợ mỏ có tiền, thì nhiều người nông dân sẵn sàng xuống mỏ làm để có tiền mua sắm. Như vậy, *cần có cơ chế kích thích lao động làm việc.*

Cuối thế kỷ trước và đầu thế kỷ này, người Anh mang nhà máy dệt sang Ấn độ, lúc đầu họ lo lắng lao động Ấn độ không đáp ứng nổi đòi hỏi của nhà máy về kỹ thuật và kỷ luật. Nhưng nhờ cơ chế trả lương cao (rất nhiều người xin đến làm việc), tuyển chọn nghiêm túc (chỉ chọn những người có khả năng nhất) và kiểm tra nghiêm ngặt (loại những người vô kỷ luật và kém kỹ thuật) mà lao động Ấn độ đã hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu của nhà máy Anh. Ở đây *cơ chế quản lý quan trọng hơn là kỹ năng và tập quán của người dân địa phương.*

Muốn có cán bộ giỏi, muốn có đội ngũ lao động cần cù chăm chỉ, lao động có kỹ thuật, có kỷ luật, có năng suất cao thì điều chủ yếu là phải tạo ra một cơ chế quản lý mới, hữu hiệu.

7. Con người làm việc luôn quan tâm đến việc được trả công tương xứng với lao động bỏ ra.

Ở Liên xô hơn 20 năm về trước, tiền lương cao thấp chênh nhau 30 lần, hiện nay còn chênh nhau 10 lần. Ở đây đang có ý kiến về tiền lương trả như hiện nay quá bình quân; và như vậy có nghĩa là người làm tồi thì được thưởng, còn người làm giỏi thì bị cúp lương.

Ở Liên xô, lao động được nhận khoảng 46% — nếu kể cả phúc lợi xã hội là 65% — giá trị mới mà họ tạo ra. Ở Nhật bản, có năm người lao động chỉ được nhận 38% giá trị mới mà họ tạo ra. Vì chăm lo đời sống của cán bộ, công nhân, viên chức năm 1960 Việt nam đã trả lương cho một cán bộ, công nhân, viên chức bằng 130% — nếu kể cả phúc lợi xã hội thì bằng 200% — giá trị mới mà họ tạo ra.

Nếu dựa vào nền sản xuất của đất nước để trả công lao động thì lương tối thiểu hàng tháng chỉ có thể trả tương đương 30kg gạo. Những năm 60 ta đã trả lương gấp 2—3 lần khả năng của nền sản xuất cho phép. Sở dĩ trả được như vậy là vì mấy chục năm qua, tiêu dùng và trả lương cho đất nước một phần nhờ vào viện trợ từ nước ngoài. Hiện nay « bộ máy nhà nước, bộ máy của Đảng và các đoàn thể phình ra quá lớn, chồng chéo và phân tán *(Báo cáo chính trị* tại Đại hội thứ VI của Đảng). Vì vậy, không thể nâng mức lương đồng loạt, mà chỉ có thể nâng lương ở từng cơ sở, đơn vị làm tốt sản xuất và công tác.

Về phân phối thu nhập tại các nước, ta thấy khi nước còn nghèo thì khoảng cách giàu nghèo khá cách biệt, khi nước giàu lên thì mức độ chênh lệch rút gọn lại chỉ còn khoảng 8 lần (xem bảng 1).

Ở ta, quá thừa lao động giản đơn và như vậy vốn quý là lao động có kỹ thuật, lao động khoa học và quản lý giỏi; *tiền lương ở ta phải chênh lệch nhau từ 8 đến 10 lần thì mới khuyến khích vốn quý lao động làm việc hăng say và sáng tạo.*

8. Có người nghĩ rằng ở nước ta hiện nay, có thể kết thúc bước đầu của thời kỳ quá độ sau đây 5 — 7 năm.

Nếu ta coi trọng tiêu chuẩn hàng đầu của việc phát triển kinh tế vững vàng là:

1 — Có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế mỗi năm từ 5 đến 8% thu nhập quốc dân, và

Digitized by Google

Bảng 4: **Phần trăm thu nhập của 10 nhóm dân, mỗi nhóm 10% số hộ của một số nước**

Nước	Năm	Nghèo nhất								Giàu nhất		Chênh lệch giữa cao nhất, thấp nhất
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
		(1)										
Thụy điển	1948	3,2		9,6		16,3		24,3		46,6		14,5 lần
»	1979	7,2		12,8		17,4		25,4		37,2		5,1 »
Thụy điển	1979	2,6	4,6	6,1	6,7	7,5	9,9	11,8	13,6	16,0	21,2	8,1 lần
Nam Triều tiên	1976	1,8	3,9	5	6,2	7,1	8,3	9,9	12,5	17,8	27,5	15,2 »
Ấn độ	1976	2,5	3,4	4,5	5,8	6,4	7,5	9,0	11,5	15,3	33,6	13,4 »
Anh	1979	2,8	4,5	5,5	6,9	8,2	9,5	10,9	12,5	15,5	23,8	8,5 »
Nam tư	1978	2,4	4,2	5,4	6,7	8,2	9,9	11,6	13,4	15,8	22,9	9,5 »

(1) Tính cho 5 nhóm dân, mỗi nhóm 20% số hộ.

2 — Tích lũy này mỗi năm một tăng thêm,

thì sẽ thấy rằng *ta chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế*. Các nước công nghiệp thế kỷ trước trung bình hằng năm tích lũy được 8% thu nhập quốc dân, hiện nay tùy nước mà phần tích lũy hằng năm là 16%, 35%, 15% thu nhập quốc dân. *Còn nước ta 30 năm qua phát triển kinh tế chủ yếu là nhờ vào viện trợ*, cắt nguồn viện trợ này thì kinh tế sẽ suy sụp ngay. Vì vậy không thể nóng vội ; vấn đề không phải là ước lượng một thời gian nào đó theo mong muốn chủ quan mà là phải đạt bằng được những mục tiêu kinh tế — xã hội nhất định: bao giờ tạo ra được hai điều kiện trên thì mới hy vọng kết thúc chặng đầu của thời kỳ quá độ.

9. Nhân dân ta đã thắng lớn trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ. Nhân tố hàng đầu của thắng lợi là bộ máy lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước ta dày dạn kinh nghiệm. Công việc khó khăn đến thế mà ta đã vượt qua, thì ngày nay ta cũng sẽ biết cách thắng lợi trong xây dựng kinh tế. « Yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, vấn đề có ý nghĩa sống còn » hiện nay, như Đại hội thứ VI của Đảng đã chỉ rõ, là phải *đổi mới*, đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới phong cách làm việc, đổi mới tổ chức và cán bộ.

Digitized by Google

TRẦN ĐỘ

CON NGƯỜI LÀ VỐN QUÝ NHẤT

Để xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta, Đảng ta chủ trương *tiến hành đồng thời* ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học – kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học – kỹ thuật là then chốt.

Mỗi một thành tựu trên đất nước ta đều là *kết quả tổng hợp* của ba cuộc cách mạng đó. Con người Việt nam vừa là *chủ thể* tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng vừa là *sản phẩm* của cả ba cuộc cách mạng. Đó là chân lý.

Tuy nhiên, trong đời sống xã hội của chúng ta hiện nay, ở nhiều nơi, nhiều lĩnh vực, cách đặt vấn đề chưa thật ăn khớp với luận điểm nói trên. Đã hình thành một ý thức sâu sắc đến mức biến thành tiềm thức, thành một nếp tư duy quen thuộc không phù hợp với luận điểm nói trên. Ý thức này biểu hiện ở kết cấu của kế hoạch nhà nước về phát triển kinh tế – xã hội và ở kết cấu ngân sách, trên các loại tính toán về kinh tế, xã hội. Ý thức này còn biểu hiện rõ hơn trong các hoạt động chỉ đạo điều hành của nhiều cơ quan có trách nhiệm:

1– Ta thường chia cắt ra thành khu vực sản xuất vật chất và khu vực phi sản xuất vật chất (thường gọi tắt là khu vực phi sản xuất). Khu vực phi sản xuất lại là khu vực có những việc chăm lo đến đời sống con người như học hành, chữa bệnh, đào tạo, thưởng thức và sáng tạo văn nghệ, nghiên cứu khoa học, chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, người già v.v.

2– Đã là khu vực phi sản xuất, thì tức là *khu vực tiêu dùng*, chỉ có tiêu dùng mà thôi, tiêu dùng thì không tích lũy và ngược lại với tích lũy. Không có tích lũy thì không có tiêu dùng. Không có sản xuất ra của cải vật chất thì không có gì để tiêu dùng. Nhưng ai sản xuất ra của cải vật chất? Mọi người đều thấy rõ là con người. Khoa học kỹ thuật phát triển là làm tăng năng lực của con người, nhân khả năng của con người lên nhiều lần. Trước sau, con người vẫn là yếu tố quyết định, là *chủ thể tích cực trong sản xuất*.

3– Từ đó có vấn đề con người trong khu vực sản xuất vật chất và con người trong khu vực « phi sản xuất ». Con người trong khu vực sản xuất được coi là « nhân lực », là một yếu tố, yếu tố lao động của sự sản xuất vật chất. Còn con người ở khu vực phi sản xuất là con người hưởng thụ phúc lợi, chỉ có tiêu dùng.

Nhưng con người ở khu vực sản xuất vật chất lại có những mối quan hệ không thể cắt rời với con người trong khu vực phi sản xuất vật chất. Đó là cha mẹ, con cái của những con người « nhân lực sản xuất », và con người « nhân lực sản xuất » chỉ có thể có trạng thái tinh thần và điều kiện sức khỏe tốt để hoạt động sản xuất khi mà cha mẹ, con cái họ được nuôi dưỡng tốt, học hành tốt, đào tạo tốt. Đẻ con, nuôi dạy con cho tốt còn là chức năng « tái sản xuất thế hệ lao động mới » của người lao động sản xuất. Thế hệ mới phải được phát triển

Digitized by Google

cao hơn thế hệ cũ về thể lực, trí tuệ và các năng lực khác.

Muốn thế lại phải có những con người « phi sản xuất » khác để bảo đảm điều đó: đó là các thầy giáo, các bác sĩ, các người nghiên cứu khoa học, văn nghệ sĩ và nhiều người khác để nâng cao năng suất lao động và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, dạy học, chữa bệnh và đào tạo, nâng cao đời sống tinh thần cho cả những người « nhân lực sản xuất » và toàn xã hội. Thực tế cuộc sống đòi hỏi như vậy.

4 — Vậy từ khi tính toán trong khu vực sản xuất vật chất phải tính đến con người sản xuất như thế nào? Có nhiều trường hợp, khi tính toán đầu tư cho một cơ sở sản xuất, ta thường chỉ quan tâm rõ rệt đến cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật, yêu cầu năng lượng, yêu cầu nguyên liệu, vật liệu, còn con người sản xuất thì chỉ được coi như một « yếu tố lao động », ta chỉ tính đến những nhu cầu duy trì « yếu tố lao động » mà không tính đến đó là những con người với tất cả nhu cầu về vật chất, về văn hóa của bản thân nó và của cả gia đình nó. Một con người không thể sống không có gia đình. Tính toán đầu tư cho một xí nghiệp công nghiệp, hoặc một khu kinh tế mới, phải tính đến cả những công trình văn hóa như các câu lạc bộ, thư viện, rạp chiếu bóng, trường học, nhà trẻ, trạm y tế hay bệnh viện. Đây không phải là những khoản chi xa xỉ, không cần thiết, trong lúc nghèo chưa nên đặt ra, hoặc có thể cắt đi để có tiền xây thêm xí nghiệp khác v.v. như nhiều người thường nghĩ.

Trong điều hành sản xuất ở các xí nghiệp công nghiệp, cơ sở sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp v.v. cũng có tình hình như sau:

Có giám đốc, chủ nhiệm chỉ dồn sức chuyên lo nguyên liệu, mặt hàng, khách hàng. Các vấn đề gọi là « đời sống » bị coi là việc phụ, thường giao cho một phó giám đốc, phó chủ nhiệm kém năng lực, kém cả quyền lực phụ trách. Trong các chương trình nghị sự, mục đời sống thường được coi là mục phụ, có thì giờ thì bàn, không có thì giờ thì dẹp. Có giám đốc, chủ nhiệm khác, thường là thông minh, năng động, giỏi tính toán các mặt tổ chức và kỹ thuật sản xuất, giải quyết tốt các vấn đề nguyên liệu, khách hàng và mặt hàng, đồng thời dành 60% — 70% tâm lực chăm lo đời sống cho công nhân bao gồm các vấn đề nhà ở, nhà ăn, quần áo, bệnh xá, ngày lễ, ngày tết, nhà trẻ, trường học, văn nghệ quần chúng, câu lạc bộ, và sân khấu ngoài trời v.v. Ở loại cơ sở thứ nhất, thông thường sản xuất không phát triển mà lại gặp nhiều khó khăn. Ở loại cơ sở thứ hai thì không khí hào hứng, phấn khởi và hiệu quả sản xuất cũng tốt đẹp. Ở loại cơ sở này, con người, từ giám đốc đến công nhân thường đóng vai trò chủ thể tích cực một cách rõ rệt. Đồng thời, con người được chăm sóc và trong chừng mực nào đó có được hạnh phúc trong lao động của mình, qua đó con người được phát triển mọi mặt, được nâng cao cả về thể lực, tư tưởng, tình cảm, họ là sản phẩm tốt đẹp của hoạt động của chính họ. Điều đó rất hợp với quy luật: con người sáng tạo ra của cải và đồng thời sáng tạo ra bản thân. Tất nhiên, muốn được hoàn thiện và trở thành sản phẩm tốt đẹp của lịch sử, con người còn cần có tác động của rất nhiều hoạt động sản xuất và phi sản xuất khác trên phạm vi toàn xã hội.

★

Từ những tình hình trên, suy rộng ra trong phạm vi toàn xã hội thấy cần phải khắc phục thái độ coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

1 — Trong phạm vi một cơ sở sản xuất, đầu tư cơ bản phải bao gồm cả

Digitized by Google

phần đầu tư cho đời sống của con người sản xuất. Đầu tư cho việc bảo đảm nhu cầu sống của con người sản xuất là việc cấp bách và thiết yếu, cần phải được coi trọng nếu không hơn thì cũng phải bằng việc đầu tư cho nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, năng lượng, vì con người là một năng lượng đặc biệt của sản xuất. Đồng thời quan niệm nhu cầu sống của con người phải gồm *nhu cầu vật chất và nhu cầu văn hóa cho bản thân người lao động và cho cả gia đình họ*. Người lao động không thể tồn tại như một *công cụ lao động* mà phải thật sự là *một con người* với tất cả những nhu cầu và quan hệ của nó. Mỗi con người riêng biệt ngoài những nhu cầu ăn, mặc, ở, đi lại, lao động, học hành, chữa bệnh v.v. còn có những niềm vui, nỗi buồn, những lo toan riêng cần được thông cảm và chia sẻ. Phải khắc phục quan niệm coi những nhu cầu về gia đình là nhu cầu *của người ăn theo, là gánh nặng cho sản xuất*, là những *phúc lợi cần ban ơn bằng những phụ cấp và trợ cấp*. Tất nhiên các chính sách cụ thể có thể phải thể hiện bằng trợ cấp và phụ cấp, nhưng phải thay đổi quan niệm, không thể cho rằng những « trợ » và « phụ » đó là thứ yếu, là phụ, có thì cho, không có thì thôi. Các chính sách xã hội, kể cả phần bảo trợ xã hội, không phải là sự ban ơn, chỉ đặt ra khi có tiền, hoặc đặt ra và thi hành một cách tùy tiện. Đó phải là mối quan tâm hàng đầu của người lãnh đạo và điều hành sản xuất, bởi vì con người với tất cả những nhu cầu của nó là động lực hàng đầu của việc phát triển sản xuất.

Trong các thứ vốn bỏ ra để sản xuất thì con người vẫn là vốn quý nhất. Không nên chỉ hô hào đẩy mạnh sản xuất và chờ đợi khi nào sản xuất phát triển, có nhiều của cải vật chất rồi mới lo đến con người. Lo cho con người chính là lo cho cái vốn quý nhất, cho động lực quan trọng nhất *để phát triển sản xuất*. Có lẽ khi Xta-lin nói con người là vốn quý nhất là nói theo nghĩa bóng, nhưng vận dụng cụ thể vào việc sản xuất thì câu này cũng có nghĩa đen rất chính xác

2 — Suy rộng ra trong phạm vi toàn xã hội, cần phải quan niệm lại về hai khu vực: *sản xuất vật chất* và *phi sản xuất vật chất*. Vì trong khu vực gọi là phi sản xuất vật chất này rất nhiều con người và sự nghiệp tác động trực tiếp vào sản xuất vật chất. Chi phí cho khu vực phi sản xuất vật chất không phải chỉ là tiêu dùng mà có nhiều món chi thật sự là sự đầu tư cơ bản và lâu dài vào việc sản xuất vật chất. Đó là sự đầu tư để đào tạo con người, để nâng cao thể lực và tinh thần con người, để mang lại hạnh phúc cho con người, từ đó mà nâng cao năng lực con người trong lao động sản xuất ra của cải vật chất. Đó là một sự đầu tư thông minh nhất, đem lại nhiều « lãi » lâu dài và to lớn. Nhiều nhà khoa học trong thế giới tư bản cũng đã phát biểu như thế. Không nên quan niệm máy móc rằng chỉ *sau khi* đã có của cải vật chất mới có điều kiện mang lại hạnh phúc cho con người, mà phải nghĩ: *muốn có của cải vật chất, trước hết phải chăm lo cuộc sống của con người*. Đó chính là tư tưởng nhân đạo chân chính của chủ nghĩa xã hội. Lo cho con người là thực hiện mục đích của chủ nghĩa xã hội ngay từ bước đầu.

Quan niệm con người là vốn quý nhất dẫn đến quan niệm đúng về *tích lũy và tiêu dùng*. Trên mặt của cải vật chất của xã hội mà nói thì đúng là có sự tích lũy của cải vật chất như tiền bạc, xăng dầu, sắt thép, máy móc, vật liệu xây dựng, và có sự tiêu dùng những thứ đó. Nhưng về mặt con người mà nói thì tiêu dùng lại *là tiêu dùng cho những nhu cầu sống* của con người. Mà tiêu dùng cho những nhu cầu sống của con người chính lại *là sự tích lũy con người*,

Digitized by Google

đó là sự tiêu dùng cho các hệ thống giáo dục để đào tạo con người; tiêu dùng cho các sự nghiệp để bảo vệ, nâng cao sức khỏe, để phát triển tốt nòi giống và kéo dài tuổi thọ của con người; tiêu dùng cho đời sống văn hóa tinh thần để nâng cao tình cảm, đem lại niềm vui cho con người v.v.

Như vậy sự tiêu dùng này không hề là tiêu phí, mà là sự tích lũy một thứ vốn quý giá của xã hội là con người, con người có thể chất tốt, năng lực lao động cao và có sự phát triển tinh thần tốt đẹp. Đó là một sự tích lũy cao quý, vì sự tiêu dùng này mang lại cho xã hội một sản phẩm cao quý là những con người ngày càng được hoàn thiện. Xây dựng con người mới không phải chỉ là nhiệm vụ của công tác văn hóa hay của cách mạng tư tưởng và văn hóa, mà là nhiệm vụ tổng hợp của cả ba cuộc cách mạng. Vì vậy *không nên tách rời chiến lược kinh tế với chiến lược con người, chính sách kinh tế với chính sách xã hội.* Khi ta nói chiến lược phát triển kinh tế — xã hội, phải trên cơ sở quan niệm đúng đắn về vai trò của con người, con người chủ thể và con người sản phẩm của xã hội. Báo cáo chính trị của ECHTU tại Đại hội thứ VI của Đảng đã chỉ rõ: « Cần thể hiện đầy đủ trong thực tế quan niệm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội, tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ».

Với quan niệm trình bày ở trên, chúng ta cần phải xem xét lại kết cấu của các kế hoạch Nhà nước và kết cấu của ngân sách, không nên tách rời một cách máy móc khu vực sản xuất vật chất và khu vực phi sản xuất vật chất, tách rời và đối lập hai mặt tích lũy và tiêu dùng, và không chỉ hạn chế ở chỗ tích lũy và tiêu dùng của cải vật chất. Phải *lấy con người — con người với tất cả nhu cầu sống của nó là nhu cầu vật chất và văn hóa của bản thân một người và của gia đình họ — làm hạt nhân để tính toán các kế hoạch kinh tế — xã hội và ngân sách.* Đó là điều hợp quy luật và chắc chắn sẽ mang lại hiệu quả cho việc thực hiện các kế hoạch kinh tế xã hội.

★

Đảng ta vừa nêu lên yêu cầu phải đổi mới tư duy, đặc biệt là tư duy kinh tế, đổi mới phong cách lãnh đạo, đổi mới công tác tổ chức và cán bộ. Quán niệm cho đầy đủ hơn vai trò của con người trong xã hội và trong kinh tế cũng là một điểm quan trọng của đổi mới tư duy nói chung và tư duy kinh tế nói riêng. Việc quan niệm cho rõ hơn vai trò chủ thể của con người trong xã hội còn có liên quan đến việc đổi mới phong cách lãnh đạo. Nếu những người lãnh đạo quan niệm được rõ rệt tư cách chủ thể của những người cấp dưới mình thì có thể tránh được những bệnh bao biện, hách dịch, độc đoán, coi cấp dưới như một loại công cụ bị động chỉ biết phục tùng và ca ngợi.

Mỗi người bất cứ ở cương vị nào nếu ý thức được sâu sắc tư cách và trách nhiệm làm chủ của mình, biết tự trọng và tôn trọng người khác theo đúng giá trị, tư cách và trách nhiệm của người ta, thì sẽ có một phong cách làm việc tiến tiến, có hiệu quả, xây dựng, nâng cao được nhân cách mọi người.

Yêu cầu về phong cách nói trên cũng là yêu cầu của công tác tổ chức và cán bộ. Đảng ta đã nhiều lần nói « theo việc mà đặt người », xếp sắp cán bộ là đặt người để làm việc. Cơ quan có trách nhiệm đặt người phải

(Xem tiếp trang 47)

Digitized by Google

ĐẶNG QUANG UẨN

VỀ SỰ THỐNG NHẤT GIỮA CHÍNH SÁCH KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HIỆN NAY

DƯỚI chủ nghĩa xã hội, kinh tế và xã hội là hai lĩnh vực có quan hệ biện chứng. Chương trình xã hội tốt đẹp chỉ có khả năng được thực hiện trên cơ sở một nền kinh tế phát triển vững vàng. Lòng tin của quần chúng sẽ giảm sút, tình hình xã hội sẽ phức tạp khi phải sửa lại những mục tiêu xã hội đề ra quá cao, vượt quá khả năng chịu đựng của nền kinh tế. Ngược lại, kinh tế không thể phát triển khi lợi ích của người lao động không được quan tâm đúng mức. Hơn nữa mục đích của kinh tế suy đến cùng là nhằm thỏa mãn những nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân lao động.

Sau ngót 70 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, ĐCS Liên xô rút ra kết luận: «Đảng cộng sản Liên xô coi việc thường xuyên quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội trong lao động, sinh hoạt văn hóa, thỏa mãn những lợi ích và nhu cầu của nhân dân là quy luật hoạt động của tất cả các cơ quan nhà nước và các cơ quan kinh tế, của tất cả các tổ chức quần chúng» (1). Ở nước ta, muốn hoàn thành những nhiệm vụ nặng nề trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, điều cơ bản nhất là phải định ra được một chiến lược kinh tế đúng đắn, đồng thời phải có những chính sách xã hội tích cực, thống nhất giữa chính sách kinh tế với chính sách xã hội, gắn liền mục tiêu kinh tế với mục tiêu xã hội. Bởi vì hoạt động kinh tế gắn liền với nỗ lực của con người. Chỉ khi nào con người thấy được lợi ích của mình trong hoạt động kinh tế thì họ mới hăng hái lao động, thúc đẩy kinh tế phát triển. Thực hiện những chính sách xã hội tích cực chính là biết sử dụng một hệ thống công cụ mạnh mẽ nâng cao tính tích cực lao động, tính tích cực xã hội, chính trị, góp phần xây dựng chế độ xã hội mới, xây dựng hệ thống chính trị mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội bao gồm nhiều vấn đề rộng lớn, phức tạp, phải có nhiều công trình nghiên cứu sâu sắc trên nhiều lĩnh vực, nhiều khía cạnh. Hiện nay, trước hết chúng ta cần đi vào giải quyết những vấn đề mang tính chất thời sự cấp bách.

1 — Sử dụng hết tiềm năng các thành phần kinh tế để giải quyết việc làm cho người lao động, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa cho xã hội là nhiệm vụ kinh tế — xã hội hàng đầu trong những năm tới.

Quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội tất yếu phải tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nền kinh tế cũ, nhưng

(1) *Cương lĩnh, Điều lệ của Đảng cộng sản Liên xô*. Nxb Sự thật Hà nội và Nxb Thông tấn xã Nô-vô-xti, Mát-xcơ-va, 1986, tr 45.

Digitized by Google

cải tạo kinh tế phi xã hội chủ nghĩa thành kinh tế xã hội chủ nghĩa là cải tạo những mối quan hệ xã hội rất khó khăn phức tạp, phải tiến hành lâu dài, nhất là ở những nước kinh tế còn chậm phát triển. Lê-nin viết: "Một nước càng lạc hậu mà lại phải — do những bước ngoặt ngoéo của lịch sử — bắt đầu làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, thì nước đó càng gặp khó khăn trong việc chuyển từ những quan hệ cũ, tư bản chủ nghĩa, sang những quan hệ xã hội chủ nghĩa" (2). Kinh nghiệm thực tế những năm qua cho thấy rằng muốn dẹp bỏ các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa để xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa một cách đơn giản và nóng vội, chỉ đem lại những hậu quả tai hại cả về kinh tế và xã hội.

Một là, kinh tế xã hội chủ nghĩa tuy được xác lập nhưng nặng về hình thức, không phát huy được tính ưu việt của nó, thậm chí còn thua kém cả kinh tế tư nhân; trong cuộc đấu tranh gay gắt để giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa hai con đường, từng bộ phận của nó không tránh khỏi tan vỡ hoặc thoái hóa, biến chất.

Hai là, hàng hóa trong xã hội lâm vào tình trạng khan hiếm, nghèo nàn, cung không đủ cầu do sản xuất của khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa bị đình đốn vì làm ăn không có hiệu quả, nhưng kinh tế tư nhân không sản xuất được vì bị cấm đoán, ép.

Ba là, người lao động không có việc làm. Ngay số người được đào tạo công phu về chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề v.v. cũng rất khó kiếm việc làm. Bằng nhiều con đường, họ đổ xô vào khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa, trước hết là kinh tế quốc doanh hoặc vào bộ máy quản lý hành chính nhà nước để kiếm lấy chỗ dừng chân. Số người không len được vào biên chế nhà nước thì làm bất cứ việc gì để kiếm sống, phần đông đi vào lĩnh vực lưu thông khiến cho số người buôn bán trở nên quá đông.

Tình hình trên đây làm cho kinh tế quốc doanh càng kém hiệu quả, bộ máy nhà nước thêm cồng kềnh, xã hội thêm rối ren phức tạp.

Hiện nay nước ta còn hàng triệu người chưa có việc làm, phần lớn là ở thành phố. Nhiều người đang có việc làm cũng không sử dụng hết thời gian lao động, riêng khu vực nhà nước còn khoảng 30% quỹ thời gian lao động chưa được sử dụng. Dự báo trong những năm tới mỗi năm có khoảng 1 triệu người đến tuổi lao động đòi hỏi công việc làm. Tình hình ấy nếu không được giải quyết sẽ là một sức ép ghê gớm đối với kinh tế và xã hội nước ta.

Để tháo gỡ khó khăn trên, không có con đường nào khác là *sử dụng và phát huy hết tiềm năng của các thành phần kinh tế* để vừa phát triển kinh tế, vừa giải quyết một vấn đề xã hội bức bách là tạo việc làm cho người lao động. Tất nhiên sử dụng và phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế không phải dồng loạt như nhau mà phải làm cho kinh tế quốc doanh ngày càng đóng vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể ngày càng tăng cường, kinh tế tư nhân phát triển đúng hướng và làm cho các thành phần kinh tế ấy gắn bó với nhau, giúp đỡ lẫn nhau, thúc đẩy nhau trên cơ sở bảo đảm lợi ích của nhau. Cần phê phán quan điểm cho rằng để tăng cường kinh tế xã hội chủ nghĩa phải dẹp bỏ kinh tế tư nhân, hoặc nhấn mạnh phát triển kinh tế tư nhân một chiều, vượt ra ngoài sự kiểm kê kiểm soát và những quy định của Nhà nước.

Phương hướng trên đây cần được cụ thể hóa thành nhiệm vụ, mục tiêu, chính sách cụ thể thích hợp với từng ngành, từng địa phương, trong cả

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va 1977, t. 36, tr. 6.

Digitized by Google

nước, và phải được đặt thành nhiệm vụ của Nhà nước, của toàn dân.

Những giải pháp chủ yếu là vừa mở mang ngành nghề tại chỗ để thu hút phần lớn số lao động tăng mới tăng, vừa đầu tư thỏa đáng và có những chính sách đúng đề phân bố lao động đến các địa bàn khác. Huy động lực lượng lao động tập trung vào mặt trận nông nghiệp theo hướng tăng thêm lao động cho thâm canh, tăng vụ, mở mang ngành nghề, đồng thời phát triển mạnh mẽ tiểu, thủ công nghiệp và dịch vụ nhất là ở thành phố, khuyến khích kinh tế gia đình cả ở thành thị và nông thôn. Đẩy mạnh sản xuất, gia công làm hàng xuất khẩu cho các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước khác, đi đôi với mở rộng hợp tác lao động với nước ngoài, tạo ra nguồn thu hút lao động mới cho thanh niên, nhất là thanh niên thành phố. Giảm nhanh số lao động quản lý hành chính và gián tiếp sản xuất trong khu vực kinh tế nhà nước chuyển sang sản xuất hoặc dịch vụ cần thiết cho đời sống.

2 – Giảm mạnh nhịp độ tăng dân số là một yêu cầu bức thiết của chính sách kinh tế và chính sách xã hội của nước ta.

Tỷ lệ phát triển dân số ở nước ta vẫn còn cao, tốc độ tăng dân số nhanh hơn tốc độ phát triển sản xuất đã ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện những mục tiêu của nhiệm vụ kinh tế – xã hội, thu nhập và sức khỏe của từng gia đình. Bảo vệ hạ tỷ lệ phát triển dân số xuống 1,7% để chỉ đạt mức dưới 66 triệu dân vào năm 1990 là yêu cầu cấp bách trong 5 năm tới. Quan điểm và mục tiêu trên đây phải được thông suốt đối với tất cả mọi người. Các chính sách và chế độ của Nhà nước phải tác động có hiệu quả vào từng đối tượng cụ thể. Cần đầu tư đúng mức để nhanh chóng mở rộng mạng lưới bảo đảm kỹ thuật phục vụ cho việc hạn chế sinh đẻ, chỉ đạo chặt chẽ và thường xuyên cuộc vận động kế hoạch hóa sinh đẻ.

3 – Thực hiện công bằng xã hội trên lĩnh vực phân phối là yêu cầu cấp bách của chính sách kinh tế và chính sách xã hội.

Công bằng xã hội là một đặc tính thuộc bản chất của chủ nghĩa xã hội. Công bằng xã hội thể hiện trên nhiều lĩnh vực của đời sống nhưng hiện nay công bằng xã hội trên lĩnh vực phân phối là vấn đề mang tính thời sự, tác động mạnh mẽ đến kinh tế và xã hội. Có nhiều giai thoại trong dư luận đã nói lên sự phẫn nộ của quần chúng chế giễu và phản đối sự phân phối bất công diễn ra trong xã hội. Không một liều thuốc thần diệu nào chống lại được những hiện tượng tiêu cực về kinh tế và xã hội, nếu sự phân phối tiếp tục sai lầm. Sự phân phối không công bằng thể hiện tập trung nhất ở việc vi phạm nguyên tắc phân phối theo lao động và không bình đẳng trong quan hệ trao đổi sản phẩm hàng hóa giữa Nhà nước và nông dân.

Phân phối theo lao động vừa là quy luật kinh tế khách quan dưới chủ nghĩa xã hội, vừa thể hiện sự công bằng xã hội, được xã hội chấp nhận như một chuẩn mực về phẩm chất, đạo đức. Do tồn tại quá lâu chế độ hành chính quan liêu bao cấp, chúng ta đã duy trì chế độ phân phối vừa mang tính chất bình quân và trong chừng mực nào đó lại có tính chất đẳng cấp và phường hội, vi phạm một cách nghiêm trọng nguyên tắc phân phối theo lao động. Đồng thời, do buông lỏng quản lý kinh tế, nhất là trên mặt trận phân phối lưu thông, thu nhập giữa các tầng lớp dân cư rất chênh lệch, đưa lại hậu quả tai hại nhất cho kinh tế và xã hội là người làm ăn chân chính thì đời sống khó khăn, kẻ lười nhác và xoay xở bất chính thì sống dư thừa, phè phỡn. Vì vậy, tuân

Digitized by Google

thủ nhất quán nguyên tắc phân phối theo lao động, làm cho thu nhập gắn chặt với kết quả lao động, đấu tranh kiên quyết chống các kiểu phân phối bình quân, đặc quyền đặc lợi, phường hội, điều tiết đúng mức thu nhập của tư thương, tước đoạt lại thu nhập của những kẻ làm ăn bất chính, là yêu cầu bức thiết đối với chính sách kinh tế và chính sách xã hội ở nước ta, hơn lúc nào hết, trong tình hình hiện nay chúng ta phải nhớ lời căn dặn của Hồ Chủ tịch: "Không sợ thiếu, chỉ sợ phân phối không công bằng. Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên".

Trao đổi sản phẩm hàng hóa giữa Nhà nước và nông dân thể hiện mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa hai giai cấp cùng làm chủ trong xã hội ta là công nhân và nông dân tập thể do Nhà nước quản lý, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Hiện nay sau khi đã nộp thuế nông nghiệp cho Nhà nước, nông dân còn phải bán theo nghĩa vụ cho Nhà nước các cấp những nông sản, trước hết là thóc, với giá cả thấp hơn nhiều so với giá trị. Sau khi nộp thuế, làm nghĩa vụ lương thực và nộp vào các quỹ dưới nhiều hình thức, nông dân nhiều vùng chỉ còn giữ lại được từ 30 đến 40% tổng số lương thực đã sản xuất ra trong điều kiện năng suất lao động rất thấp. Việc hợp đồng hai chiều giữa các cơ quan kinh tế nhà nước và nông dân đã diễn ra không song phẳng, mà thường là từ phía Nhà nước, nhiều khi là do bị những kẻ lợi dụng chức quyền «ăn chặn» đến một nửa số hàng đổi lưu của Nhà nước cho nông dân. Việc mua nông sản theo giá thỏa thuận thường không phải là thỏa thuận thật sự của nông dân vì giá ấy thấp xa so với giá thị trường bên ngoài. Trong khi đó thì hàng công nghiệp nhất là hàng công nghiệp tiêu dùng thiết yếu cho nông dân rất khan hiếm và giá cả không ngừng tăng cao. Tình hình ấy đã dẫn đến nhiều tiêu cực trong sản xuất, ở một số vùng nông thôn nông dân đã xin trả bớt diện tích ruộng khoán, chặt mía, nhổ day, thuốc lá v.v. và có tâm trạng hoài nghi, thiếu tin tưởng, không đồng tình với một số chính sách của Đảng và Nhà nước, ảnh hưởng không tốt đến liên minh công nông. Vì vậy, thực hiện sự trao đổi hàng hóa giữa Nhà nước và nông dân trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, giữ ổn định giá vật tư cơ bản và xây dựng quan hệ tỷ giá hợp lý giữa nông sản với vật tư và hàng công nghiệp, thực hiện song phẳng hợp đồng kinh tế, thu mua ngoài hợp đồng theo giá thỏa thuận thật sự, xóa bỏ những chính sách giá cả làm giảm nhiệt tình của người nông dân, làm đình đốn sản xuất, bảo đảm lợi ích chính đáng của nông dân trong quan hệ kinh tế với Nhà nước, là yêu cầu bức thiết đối với chính sách kinh tế và chính sách xã hội hiện nay.

4 — Bảo đảm thu nhập thực tế của người lao động là yêu cầu bức bách đối với chính sách kinh tế và chính sách xã hội.

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của người lao động là mục tiêu phấn đấu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện hiện nay ở nước ta, do năng suất lao động còn thấp, sản xuất trên nhiều lĩnh vực còn kém hiệu quả, chưa có điều kiện nâng cao đời sống của người lao động thì việc tìm ra và thực hiện những biện pháp bảo đảm thu nhập thực tế để ổn định đời sống của người lao động là yêu cầu trực tiếp đối với chính sách kinh tế và chính sách xã hội.

Bảo đảm chất lượng hàng tiêu dùng nhất là chất lượng lương thực, thực phẩm và bảo đảm cân đong đo đếm chính xác về số lượng các mặt hàng cho người tiêu dùng là biện pháp tích cực làm cho thu nhập thực tế của người lao động không bị giảm sút. Từ hướng này, đi đôi với giáo dục cần

Digitized by Google

phải cải tổ một cách căn bản hệ thống thương nghiệp quốc doanh, mạng lưới hợp tác xã mua bán và các tổ chức dịch vụ khác. Phải đấu tranh có hiệu quả chống khuynh hướng kinh doanh đơn thuần, khuynh hướng chạy theo cơ chế thị trường tự do, xử lý nghiêm minh những phần tử thoái hóa biến chất trong hệ thống thương nghiệp quốc doanh, giải thể những hợp tác xã mua bán « ma », chấm dứt tình hình đưa ra thị trường những hàng giả, hàng xấu v.v.

Bảo đảm giá cả tương đối ổn định là điều kiện quan trọng để giữ vững thu nhập thực tế của người lao động. Trên mặt trận phân phối lưu thông, nhất là trên lĩnh vực giá cả đã diễn ra tình trạng rối ren kéo dài, gây thiệt hại nghiêm trọng đến đời sống của người lao động, nhất là khu vực những người sống bằng tiền lương. Vì vậy, việc rà soát lại các chủ trương chính sách đã ban hành, kiên quyết bãi bỏ hoặc sửa chữa những quy định sai lầm, không để lọt những chủ trương, chính sách khi ban hành làm thiệt hại đến thu nhập của người lao động và làm lợi cho bọn làm ăn bất chính, là yêu cầu nghiêm khắc đối với chính sách kinh tế và chính sách xã hội ở nước ta.

Nhà ở là vấn đề có tác động trực tiếp đến tái sản xuất sức lao động và nhiều mặt khác của đời sống xã hội. Hiện nay ở nhiều thành phố, nhà ở đang là một trong những vấn đề căng thẳng đòi hỏi phải được giải quyết một cách tích cực. Rõ ràng là phải tăng một cách thỏa đáng vốn đầu tư xây dựng nhà ở mới, phát triển mạnh mẽ phương thức Nhà nước và nhân dân cùng xây dựng và sửa chữa nhà ở, điều chỉnh những diện tích ở quá tiêu chuẩn, từng bước xóa bỏ chế độ bao cấp đối với nhà ở

Thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội là một nội dung cơ bản của tư duy kinh tế đúng đắn, đồng thời cũng là yêu cầu cấp bách của đổi mới tư duy theo tinh thần Nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng.

Digitized by Google

Giáo sư **PHẠM NHƯ CƯƠNG**

VỀ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VÀ CUỘC ĐẤU TRANH CHO CÔNG BẰNG XÃ HỘI HIỆN NAY

TRONG các chế độ xã hội cũ trước đây, sự phản kháng, lòng căm phẫn đối với *bất công xã hội* — ách áp bức, bóc lột giai cấp và dân tộc — là động cơ thúc đẩy con người đứng lên chống lại sự bất công đó. Cũng từ rất lâu, cùng với cuộc đấu tranh chống thực trạng bất công xã hội, con người khát vọng vươn tới sự công bằng, bình đẳng xã hội, tự do và nhân phẩm. Chủ nghĩa xã hội khoa học đã cung cấp cho các dân tộc và các giai cấp bị áp bức, bóc lột một nhận thức khoa học và một cương lĩnh đấu tranh đúng đắn để xóa bỏ triệt để bất công xã hội và thiết lập sự công bằng xã hội.

Cũng như ở các nước khác thuộc cộng đồng xã hội chủ nghĩa, ở Việt nam thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa đã thủ tiêu một cách căn bản nguồn gốc chính của sự bất công xã hội — sự bóc lột của người đối với người, sự bất bình đẳng trong quan hệ đối với các tư liệu sản xuất. *Xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng tức là thể hiện trong thực tế sự công bằng xã hội xã hội chủ nghĩa.* Kinh nghiệm chỉ ra rằng sự thực hiện một cách nghiêm túc nguyên tắc công bằng xã hội, làm cho nguyên tắc đó thấm sâu vào lĩnh vực hoạt động sản xuất và lĩnh vực sinh hoạt là một điều kiện trọng yếu cho sự thống nhất của xã hội, sự ổn định chính trị và tính năng động trong sự phát triển xã hội.

Chúng ta đã trải qua hai kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế — xã hội kể từ sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, cả nước thống nhất cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Sau hàng chục năm đấu tranh khắc phục những hậu quả hết sức nặng nề của chiến tranh, lại đi lên từ một điểm xuất phát cực kỳ thấp kém về kinh tế — kỹ thuật, chúng ta có quyền tự hào về những gì đã làm được trong thời gian qua, để biến đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của mỗi con người.

Nhưng cũng chưa bao giờ trong tâm tư của mỗi con người Việt nam lại có nhiều băn khoăn, day dứt như hiện nay. Mỗi người đều suy nghĩ để tự giải đáp cho mình và trao đổi với nhau trong gia đình, trong tập thể, giữa bạn bè, đồng chí về những vấn đề kinh tế — xã hội nóng bỏng, cấp bách đang cộm lên trong cuộc sống hằng ngày và trong lòng người. Có thể nói là bằng mọi hình thức đa dạng khác nhau, toàn Đảng, toàn dân đang bàn việc Đảng, việc nước. Tình thế đã đòi hỏi một cách hết sức cấp bách là phải có một lối thoát và một hướng tiến lên. *Báo cáo chính trị* tại Đại hội thứ VI của Đảng đã đánh giá đúng thực trạng của đất nước, phân tích đúng những nguyên nhân khách quan và chủ quan của thực trạng đó.

Digitized by Google

Do những thiếu sót, sai lầm nghiêm trọng trong chỉ đạo chiến lược, trong việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng mà chúng ta không thực hiện được tốt các mục tiêu kinh tế – xã hội, nhất là mục tiêu về ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

Điều rất đáng chú ý là tâm trạng bấn khoăn, thiếu phấn khởi của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Không chỉ là do những khó khăn, thiếu thốn trong đời sống vật chất hằng ngày, mà một phần rất đáng kể là do các hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội phát triển tới mức nghiêm trọng và kéo dài, làm cho những nguyên tắc của sự công bằng xã hội xã hội chủ nghĩa, các chuẩn mực về giá trị đạo đức của lối sống mới xã hội chủ nghĩa không được thể hiện rõ trong xã hội. Sự biến đổi của cơ cấu giai cấp xã hội, chất lượng của các giai cấp, tầng lớp xã hội tạo thành lực lượng trụ cột của chế độ, không hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của cuộc đấu tranh để giải quyết vấn đề ai thắng ai trong thời kỳ quá độ.

Một khuyết điểm lớn của chúng ta là tuy đã đề ra các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế – xã hội từ Đại hội thứ IV của Đảng, nhưng các mục tiêu về xã hội (ở đây bao gồm cả giáo dục, văn hóa), mối quan hệ giữa kinh tế và xã hội chưa được làm rõ và cụ thể hóa. Do đó có hai tình hình: do nóng vội, không xác định rõ là ta đang ở đâu trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, cho nên thực hiện việc bao cấp một cách tràn lan và đề ra những chỉ tiêu quá cao về nhiều lĩnh vực. Mặt khác trong công tác lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, các vấn đề thuộc về chính sách xã hội thường bị xem nhẹ từ khâu chủ trương, đầu tư, đến tổ chức thực hiện. Hậu quả là không chỉ các nhiệm vụ, mục tiêu xã hội không được thực hiện tốt mà các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế cũng bị ảnh hưởng. (Đây cũng là một khuyết điểm được nói đến khá nhiều ở Liên xô từ Đại hội XXVII của ĐCS đến nay. Trong Báo cáo chính trị đọc tại Đại hội và trong nhiều dịp khác về sau, đồng chí Goóc-ba-trốp nói đến hai thiếu sót phổ biến trước đây là quan điểm kỹ thuật đơn thuần và phương châm chỉ đầu tư cho kinh tế, còn đầu tư cho chính sách xã hội thì được đến đâu hay đến đó. UBTƯ ĐCS Liên Xô cũng đã đề ra nghị quyết về đẩy mạnh cuộc đấu tranh với những kẻ có các nguồn thu nhập không phải từ lao động).

Trong thời gian tới, sự đổi mới tư duy, phong cách lãnh đạo và quản lý, hoạt động thực tiễn của chúng ta phải là sự đổi mới toàn diện, trước tiên là trong tư duy kinh tế và hoạt động kinh tế. Chính sách xã hội cần thể hiện đầy đủ trong thực tiễn quan điểm của Đảng về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, khắc phục cả hai cực đoan: bao cấp tràn lan, quá sức chịu đựng của nền kinh tế hiện nay; và xem nhẹ chính sách xã hội, cũng tức là xem nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng ta cần có chính sách xã hội cơ bản, lâu dài, cần có *chiến lược con người*. Đồng thời cần đề ra những nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu phù hợp với yêu cầu và khả năng của chúng ta trong chặng đường đầu tiên hiện nay.

Chúng ta phải có quan điểm tiếp cận phức hợp, nghĩa là khi định ra chính sách, cần phải tính đến một cách toàn diện hiệu quả về tất cả các mặt kinh tế – xã hội, chính trị, tư tưởng – tâm lý v.v. và sự cân đối để có sự bổ trợ, tác động tích cực tối ưu giữa các chính sách trong từng lĩnh vực với nhau. Trình độ phát triển kinh tế bao giờ cũng là cơ sở vật chất cho việc thực hiện chính sách xã hội. Những mục tiêu xã hội lại chính là mục đích

Digitized by Google

của các hoạt động kinh tế. Chính ở đây thể hiện rõ nhất sự khác nhau về bản chất giữa chủ nghĩa xã hội và các chế độ xã hội có áp bức, bóc lột.

Ngay trong khuôn khổ của hoạt động kinh tế thì chính sách xã hội, thông qua tác động đến người lao động, là một nhân tố quan trọng của sự phát triển sản xuất, ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, nhất là khi đi vào phát triển kinh tế theo chiều sâu. Đó cũng là yếu tố cực kỳ quan trọng để ổn định, củng cố tập thể lao động, để người lao động thật sự gắn bó với tập thể, với cơ sở sản xuất. Bài học kinh nghiệm ấy có thể rút ra từ thành công và thất bại trong việc xây dựng các vùng kinh tế mới, trong hoạt động của nhiều công trường. Đó cũng là kinh nghiệm chung của nhiều nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Chúng ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, những sai lầm, thiếu sót về chính sách kinh tế và chính sách xã hội trong thời gian qua đã dẫn đến những hậu quả không đáng có. Đi đôi với việc phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích của mọi hoạt động kinh tế — cụ thể hiện nay là đáp ứng những nhu cầu tối thiểu và cấp bách về đời sống vật chất và đời sống văn hóa của người lao động —, chúng ta cần có kế hoạch chủ động xây dựng cơ cấu giai cấp của xã hội mới. Chúng ta cũng cần cụ thể hóa và thực hiện tốt hơn nữa chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng. Trong điều kiện của chặng đường đầu tiên, khi cơ cấu giai cấp của xã hội xã hội chủ nghĩa đang trong quá trình hình thành, khi chúng ta chưa có điều kiện để đầu tư mạnh cho vùng cư trú tập trung của các dân tộc thiểu số thì việc tính toán, cân nhắc một cách thận trọng, tỉ mỉ tới các lợi ích riêng của các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc là vấn đề cực kỳ quan trọng.

Nội dung, yêu cầu cơ bản nhất của công bằng xã hội chủ nghĩa là *thực hiện một cách nhất quán nguyên tắc phân phối theo lao động*, làm cho thu nhập thực tế của mỗi người trực tiếp phụ thuộc vào công sức và chất lượng lao động của họ; đồng thời kiên quyết ngăn chặn, xóa bỏ những nguồn thu nhập bất chính, bất hợp pháp. Điều này đòi hỏi một hệ thống biện pháp, một sự cải tiến mạnh mẽ chính sách phân phối hiện nay, trước hết là chế độ tiền lương.

Thực hiện một cách tốt hơn chính sách xã hội trong thời gian sắp tới để thể hiện được đầy đủ hơn nguyên tắc của sự công bằng xã hội chủ nghĩa, trong điều kiện hiện nay cần phải xem xét, điều chỉnh lại chính sách tiêu dùng và chính sách phân phối. Không thể tiêu dùng quá cái được làm ra, đó là quy luật thép của yêu cầu có tích lũy để thực hiện tái sản xuất mở rộng. Đi đôi với chính sách tiết kiệm trong sản xuất là một chính sách tiết kiệm nghiêm ngặt trong tiêu dùng.

Cùng với việc tiến tới xóa bỏ một cách triệt để mọi cơ sở kinh tế — xã hội của sự bất công xã hội (hiện nay cũng chính vì lợi ích của người lao động, của chủ nghĩa xã hội, chúng ta thừa nhận sự tồn tại của các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa và chúng ta cần có chính sách và thái độ đối xử sòng phẳng), chúng ta phải đẩy mạnh hơn nữa, tiến hành dứt điểm hơn nữa cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, không chỉ ngoài xã hội mà đặc biệt ngay trong bộ máy của Đảng và Nhà nước. Những hiện tượng tiêu cực đó chính là cái gây nên sự bất bình, căm phẫn chính đáng của người lao động trung thực, người công dân lương thiện, là điều làm cho các chính sách, chủ trương của Đảng bị xuyên tạc, biến dạng khi đến với quần chúng, làm xói mòn lòng tin của quần chúng đối với Đảng và Nhà nước. Trong bộ máy của Đảng và

Digitized by Google

Nhà nước ta có một bộ phận người, nhất là ở các cơ quan nắm tài sản, nắm tiền, nắm hàng, bị biến chất, sa đọa, trở thành những tên ăn cắp, tham ô, hối lộ, móc ngoặc, tuồn hàng của Nhà nước ra thị trường tự do, lợi dụng sơ hở, lợi dụng chức quyền để làm giàu một cách phi pháp, sống phè phỡn trên sự đau khổ và thiếu thốn của nhân dân. Vì lợi ích bất chính, chúng tìm cách trù dập người tốt, hãm hại những người tố cáo hành vi phạm pháp của chúng, tạo thành vây cánh để hoành hành. Đồng tiền làm ra một cách bất chính, phi pháp luôn luôn đi kèm theo một lối sống sa đọa, trác táng, bất chấp mọi tiêu chuẩn đạo đức. Bọn đầu cơ, buôn lậu, bọn buôn bán chợ đen và bọn tham nhũng, biến chất trong bộ máy Nhà nước là « một dòng, một cốt », dựa vào nhau để hoạt động phi pháp, cho nên không thể loại trừ bọn này mà không đồng thời loại trừ bọn kia.

Tác hại của chúng đối với tài sản của Nhà nước và nhân dân rất lớn. Nhưng còn lớn hơn và không thể tính bằng tiền là tác hại của chúng về mặt tinh thần, đạo lý, lối sống, về niềm tin của quần chúng đối với chế độ xã hội chủ nghĩa, đối với Đảng, nhất là tác hại đối với lứa tuổi thanh niên đang cần có những hình mẫu sinh động cho cuộc đời mới bắt đầu của mình.

Cắt bỏ cái ung nhọt thối tha đó trên cơ thể của xã hội là một đòi hỏi cấp bách để lành mạnh hóa đời sống kinh tế, để làm trong sạch bầu không khí xã hội — tinh thần của chúng ta, để những gì Đảng ta nói và viết về con người mới xã hội chủ nghĩa, lối sống xã hội chủ nghĩa, không chỉ là những ý muốn, lời khuyên tốt đẹp, mà là để thực hiện, thể hiện trong đời sống thực tế.

CON NGƯỜI LÀ VỐN...

(Tiếp theo trang 38)

hiểu công việc cần đặt người và phải đặt người vào công việc thích hợp. Phải khắc phục những tệ nạn đặt người không biết việc, đặt người vì cảm tình cá nhân, đặt người để dễ sai khiến, đặt người theo sự ưa ghét của cán bộ cấp trên, đặt người để đãi ngộ. Phải phân biệt đãi ngộ và phân công. Người có công cần được đãi ngộ xứng đáng. Nhưng người làm việc phải biết làm việc và chỉ được đãi ngộ xứng đáng với hiệu quả công việc của họ mà thôi. Phẩm chất và năng lực đều nhằm bảo đảm làm việc có hiệu quả. Phẩm chất và năng lực không phải là hai thứ tách rời. Phẩm chất không phải là thứ của quý để tôn thờ. Chỉ có ai làm được việc có hiệu quả, có ích cho xã hội mới được coi là người có phẩm chất.

Từ quan niệm chính xác về con người có thể còn suy ra nhiều việc, nhiều lĩnh vực khác nữa...

Digitized by Google

Đại tướng **HOÀNG VĂN THÁI**

BÀN VỀ CHUẨN BỊ ĐẤT NƯỚC CHỐNG CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC

CHUẨN bị đất nước chống chiến tranh xâm lược là một vấn đề rất hệ trọng của mỗi quốc gia độc lập, một vấn đề chiến lược rất cơ bản trong nghệ thuật quân sự của mỗi dân tộc. Chuẩn bị đất nước chống chiến tranh xâm lược trở thành vấn đề quan hệ trực tiếp đến sự sống còn của mỗi nước có chủ quyền.

Đối với một đất nước có vị trí chiến lược quan trọng như nước ta, một dân tộc đã trải qua bao lần phải chống họa ngoại xâm như dân tộc ta, việc chuẩn bị đất nước chống chiến tranh xâm lược đã được nhận thức và giải quyết ngay từ thời xa xưa. Ngay từ thời Lý, khi biết được âm mưu xâm lược của giặc Tống nhà Lý đã ra sức chuẩn bị đối phó. Đi đôi với những biện pháp về kinh tế, nhất là phát triển sản xuất nông nghiệp, nhà Lý đã nới rộng luật lệ, giảm thuế; đặc biệt chú trọng luyện binh, tập trận, tăng cường lực lượng phòng thủ biên giới, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong triều đình, hậu đãi các lão thần, mở khoa thi, tuyển chọn nhân tài, v.v. Đến đời Trần, ngay từ khi chiến thắng quân Nguyên lần thứ nhất, nhà Trần vừa mềm dẻo duy trì quan hệ ngoại giao bình thường với nhà Nguyên, vừa ra sức chuẩn bị đối phó chiến tranh xâm lược của chúng. Trên cơ sở lấy dân làm gốc, nhà Trần chăm lo tu sửa đê điều, mở mang nông nghiệp để nâng cao đời sống nhân dân và bảo đảm nuôi dưỡng quân đội, mở hội nghị Bình Than để bàn kế chống giặc ngoại xâm; tập trung 20 vạn quân về Đông bộ đầu để duyệt binh, động viên tướng sĩ, rồi đưa quân đi đóng giữ những nơi hiểm yếu; mở Hội nghị Diên hồng để động viên sĩ khí cả nước chống xâm lăng; Trần Quốc Tuấn còn thảo ra hai bộ binh thư để huấn luyện tướng sĩ...

Từ khi Đảng ta ra đời, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và khoa học quân sự vô sản, kế thừa và phát triển truyền thống quân sự phong phú, quý báu của dân tộc, Đảng đã lãnh đạo quân và dân ta liên tục chiến thắng trong cả năm cuộc chiến đấu lớn của toàn dân tộc: tổng khởi nghĩa Tháng Tám, hai cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở hai đầu đất nước. Qua thử thách quyết liệt của mấy chục năm chiến đấu, dân tộc ta lại có thêm nhiều kinh nghiệm về chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Trong đó có kinh nghiệm lớn về chuẩn bị đất nước chống chiến tranh xâm lược. Chẳng hạn, sau năm 1954, khi miền Bắc đã được giải phóng, nhưng miền Nam còn bị đế quốc Mỹ và tay sai thống trị, Đảng và Nhà nước ta đã thường xuyên chăm lo xây dựng miền Bắc về mọi mặt. Tháng 3 năm 1957,

Digitized by Google

Ban chấp hành trung ương Đảng đã ra Nghị quyết 12 về phương hướng, nhiệm vụ tăng cường lực lượng quốc phòng của miền Bắc và xây dựng quân đội nhân dân tiến dần từng bước lên chính quy và hiện đại. Về thực chất, đây chính là vấn đề chuẩn bị đất nước trước tình huống mới của cuộc đấu tranh cách mạng ở nước ta lúc bấy giờ. Chúng ta còn nhớ, sau khi có Nghị quyết 12 của Trung ương (khóa II), đi đôi với việc xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, Đảng và Nhà nước ta đã động viên, tổ chức quân và dân ta khẩn trương tiến hành hàng loạt công việc to lớn và phức tạp về mặt quân sự để chuẩn bị đất nước. Giáo dục chính trị, nâng cao cảnh giác, phát động quần chúng bảo vệ trật tự an ninh, chống gián điệp, diệt biệt kích, quét thổ phỉ. Xây dựng lực lượng vũ trang quần chúng rộng khắp, mạnh mẽ, vững chắc, xây dựng quân đội nhân dân chính quy, hiện đại với số lượng phù hợp, chất lượng ngày càng cao, với các quân chủng, binh chủng mới. Xây dựng các phương án tác chiến chiến lược và tổ chức diễn tập chiến đấu. Xây dựng các vùng hậu phương chiến lược cho chiến tranh, các công trình phòng thủ, các kho tàng dự trữ chiến lược, mở rộng các tuyến đường, các sân bay, hải cảng, các xí nghiệp quốc phòng. Ban hành luật nghĩa vụ quân sự, xây dựng lực lượng hậu bị hùng hậu; ban hành luật sĩ quan nhằm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quân sự ngày càng lớn mạnh. Xây dựng hệ thống phòng không bằng ba thứ quân ở miền Bắc, xây dựng tuyến đường chiến lược dọc Trường sơn và trên biển để chi viện miền Nam... Nhờ có nhận thức sớm, chủ trương đúng, biện pháp tốt trong quá trình chuẩn bị đất nước (miền Bắc) về mọi mặt như vậy, miền Bắc mới có đủ sức mạnh và khả năng phục vụ rất lớn cho công cuộc giải phóng miền Nam, trực tiếp đánh thắng chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, đồng thời sẵn sàng đánh bại quân địch nếu chúng liều lĩnh tiến công xâm lược miền Bắc. Có thể nói, nếu việc chuẩn bị đất nước, nhất là chuẩn bị các lực lượng vũ trang không toàn diện và kịp thời thì không thể có thắng lợi to lớn như vậy trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Ngày nay đứng trước kẻ thù mới, Đảng ta đã xác định nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội gắn liền với nhiệm vụ chiến lược sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Do đó, chuẩn bị đất nước chống chiến tranh xâm lược trở thành một nhiệm vụ có tính chất chiến lược, trọng yếu, vừa cấp bách, vừa thường xuyên của đất nước ta trong thời kỳ mới của cách mạng. Nó bao gồm rất nhiều mặt hoạt động của đất nước với quy mô rộng lớn trên phạm vi cả nước, do toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiến hành, nhằm không ngừng tăng cường tiềm lực quân sự, chính trị, kinh tế, khoa học, kỹ thuật... từng bước đưa toàn bộ tiềm lực của đất nước, trước hết là tiềm lực quân sự vào tư thế sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm cho đất nước trong bất cứ điều kiện nào cũng có thể sẵn sàng chủ động chuyển vào chiến tranh... và khi chiến tranh xảy ra, sẵn sàng chủ động đánh bại quân xâm lược từ bất cứ nơi nào tới, trên bất cứ quy mô nào, dưới bất cứ hình thức nào, trong bất cứ tình huống nào, ngay trong thời kỳ đầu chiến tranh và duy trì được sức mạnh tiềm tàng ấy trong suốt quá trình chiến tranh, giành thắng lợi lớn nhất với tổn thất ít nhất.

Hơn 10 năm qua, Đảng và Nhà nước ta, quân và dân ta *đã làm được nhiều việc* để chuẩn bị đất nước sẵn sàng chống chiến tranh xâm lược. Tuy nhiên, đây là một vấn đề rất rộng lớn và phức tạp, chúng ta đã có những kinh nghiệm nhất định, nhưng lại có nhiều yêu cầu rất mới. Hơn nữa, sự vật luôn luôn vận động, phát triển,

Digitized by Google

công việc của chúng ta phải không ngừng được bổ sung và hoàn thiện... Do đó, chúng ta còn phải *làm rất nhiều việc* để chuẩn bị đất nước, làm cho Tổ quốc ta được bảo vệ thật vững chắc trước mọi tình thế

★

Chuẩn bị đất nước chống chiến tranh xâm lược là một nội dung hết sức quan trọng của quy luật bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong thời đại ngày nay, nhất là những năm gần đây, khi mà thế lực đế quốc phản động quốc tế ngày càng đi sâu vào con đường quân phiệt, hiếu chiến, thực hiện xâm lược bằng những thủ đoạn thâm độc, trắng trợn... thì việc chuẩn bị đất nước chống chiến tranh xâm lược ngày càng được coi trọng và giải quyết tích cực hơn.

Mục đích, nội dung, cách thức chuẩn bị của các nước xã hội chủ nghĩa thường có những yêu cầu *giống nhau* theo quy luật phổ biến của nó, đồng thời cũng có những điểm *khác nhau* do điều kiện trong nước và bối cảnh quốc tế cụ thể khác nhau. Thông thường, việc chuẩn bị đất nước phải xuất phát từ đường lối, nhiệm vụ chính trị, đường lối, nhiệm vụ quân sự, quyết tâm chiến lược... của đảng lãnh đạo, đồng thời phải căn cứ vào tính chất của cuộc chiến tranh tương lai, trình độ vũ khí kỹ thuật sẽ sử dụng; tổ chức, trang bị của lực lượng vũ trang; điều kiện địa lý quân sự cụ thể; khả năng kinh tế của địch, thành phần, biên chế, trang bị quân đội địch, quy mô chiến tranh xâm lược mà địch có thể gây ra..

Mục đích tổng quát của công cuộc chuẩn bị đất nước là không ngừng tăng nhanh cả lực lượng quân sự và lực lượng kinh tế, tạo nên sức mạnh tổng hợp hùng hậu sẵn sàng chiến đấu cao ngay từ trước chiến tranh và duy trì được sức mạnh ấy trong quá trình chiến tranh; bảo đảm giành được thắng lợi to lớn, bị tổn thất ít ngay trong thời kỳ đầu chiến tranh và trong cả cuộc chiến tranh.

Chuẩn bị đất nước về mặt quân sự là bảo đảm cho lực lượng vũ trang thường xuyên sẵn sàng chiến đấu cao ngay trong thời bình, đủ khả năng đập tan sự xâm lăng của kẻ thù nếu chúng gây ra, tạo được những điều kiện cần thiết để ra quân và triển quân, triển khai và tăng cường nhanh lực lượng vũ trang ngay trong thời kỳ đầu của chiến tranh; bảo đảm vững chắc hệ thống công sự cần thiết cho lực lượng vũ trang đã và đang triển khai, cho các khu tập trung dân cư và các vị trí chiến lược ở hậu phương trước các cuộc tập kích đường không của địch; bảo đảm sức sống cao, hiệu lực lớn của bộ máy lãnh đạo, chỉ huy và lực lượng vũ trang, của hệ thống thông tin và mạng đường giao thông.. của toàn bộ đất nước trước mọi thử thách hiểm nghèo. Tất cả nhằm bảo đảm cho lực lượng vũ trang đánh trả ngay quân xâm lược, giữ gìn được lực lượng lớn cho chúng, giữ gìn được lực lượng lớn của ta, để tiến lên tiêu diệt quân thù.

Lực lượng tiến hành chuẩn bị đất nước là toàn đảng, toàn dân, toàn quân, các bộ, các ngành, các cấp, toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản từ trung ương đến địa phương và cơ sở dưới sự lãnh đạo, điều hành tập trung, thống nhất, kiên quyết, kịp thời của Trung ương Đảng, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bộ trưởng, Hội đồng quốc phòng. Với tầm vóc hoạt động rất rộng lớn trong phạm vi cả nước, trên tất cả các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật... công cuộc chuẩn bị đất nước đương nhiên không phải là công việc riêng của ngành quân sự, mà là trách nhiệm chung của tất

Digitized by Google

cả các ngành. Cơ quan chỉ đạo chiến lược quân sự phải là tham mưu chủ chốt cho Trung ương Đảng và Nhà nước trong việc xác định phương hướng, nội dung và biện pháp chuẩn bị đất nước.

Nội dung chủ yếu của công cuộc chuẩn bị đất nước là chuẩn bị lực lượng vũ trang, chuẩn bị kinh tế, chuẩn bị thế trận, chuẩn bị nhân dân.

Trong điều kiện chiến tranh hiện đại, việc *chuẩn bị lực lượng vũ trang từ thời bình có ý nghĩa quyết định trong việc thực hiện thắng lợi quyết tâm chiến lược của Đảng* đánh bại quân xâm lược, bảo vệ toàn vẹn non sông đất nước.

Chuẩn bị lực lượng vũ trang là một vấn đề có quan hệ rất rộng lớn đến hàng loạt công việc, phải tiến hành ngay từ thời bình, phải tiến hành liên tục, thường xuyên bổ sung, hoàn thiện từ việc chuẩn bị về tổ chức, về động viên, về cán bộ, về vật chất kỹ thuật, về sẵn sàng chiến đấu đến nâng cao chất lượng chiến đấu, tổ chức tiến hành tình báo chiến lược quân sự...

Trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, lực lượng nòng cốt của toàn dân đánh giặc vẫn là cả ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ (hay còn nói hai thứ quân: quân chủ lực; quân địa phương). Đây là một nét đặc trưng trong tổ chức lực lượng vũ trang của ta, nó đã phát triển cao trong chiến tranh giải phóng dân tộc, ngày nay lại được khẳng định phải phát triển cao hơn nữa trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Vì thế, *chuẩn bị về tổ chức* lực lượng vũ trang là phải chuẩn bị cả ba thứ quân. Có như vậy mới phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả quân đội thường trực chính quy hiện đại, hùng mạnh, tinh nhuệ và lực lượng vũ trang quần chúng rộng khắp, tại chỗ, mọi nơi, mọi lúc. Khác với chiến tranh giải phóng là phải xây dựng và phát triển lực lượng dần dần, từng bước (tuy về sau cũng có bước nhanh và lớn), còn chiến tranh bảo vệ Tổ quốc thì phải và có thể phát triển ba thứ quân lớn mạnh ngay từ trước, trong thời kỳ đầu chiến tranh với quy mô lớn.

Động viên lực lượng vũ trang thường phải tiến hành khi chiến tranh sắp xảy ra hoặc đã xảy ra, cho nên thường phải rất khẩn trương, mau lẹ. Động viên vào lúc trước hoặc trong thời kỳ đầu chiến tranh là biện pháp chiến lược chủ yếu để tăng rất nhanh lực lượng vũ trang theo yêu cầu khẩn cấp của công cuộc bảo vệ Tổ quốc lúc đó. Vì vậy, ngay từ thời bình phải tiến hành *chuẩn bị về động viên* một cách nghiêm túc, có tổ chức chặt chẽ, qua tập dượt nhiều lần, phải đạt tới những yêu cầu: nhanh chóng, kịp thời, số lượng đủ, chất lượng cao, bí mật, an toàn... (Ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa anh em đã thực hành chuẩn bị động viên rất cao, quân dự bị đều qua huấn luyện, quân trang để sẵn tại nhà, vũ khí có sẵn ở các trung tâm, người lái và xe cộ chỉ mấy giờ sau báo động đã có mặt đầy đủ ở nơi quy định)

Chuẩn bị về cán bộ là một khâu then chốt trong công cuộc chuẩn bị lực lượng vũ trang, một biện pháp có tầm quan trọng quyết định đối với việc chuẩn bị về tổ chức, chuẩn bị về động viên. Do đó, chuẩn bị về cán bộ phải tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ với các mặt chuẩn bị khác. Phải chuẩn bị đội ngũ cán bộ cho cả ba thứ quân, hai ngạch thường trực và dự bị, hai lực lượng hiện có và nguồn kế tiếp. Một vấn đề nổi lên cần quan tâm giải quyết là ngay từ trong thời bình đã phải có đầy đủ kế hoạch động viên cán bộ theo yêu cầu của thời chiến, trước hết là thời kỳ đầu chiến tranh. Phải có kế hoạch động viên đầy đủ cả cán bộ chỉ huy, cán bộ chuyên môn, kỹ thuật tại chỗ từ

Digitized by Google

các nguồn sĩ quan chuyên ngành, cán bộ nhà nước, chủ yếu là hạ sĩ quan đã chuyển ra ngoài và sinh viên đã qua huấn luyện... Một yêu cầu rất quan trọng của chuẩn bị cán bộ là tất cả các đồng chí phụ trách các bộ, các tổng cục phải được bồi dưỡng các vấn đề về quốc phòng, về chiến tranh, về chuẩn bị đất nước...

Theo yêu cầu của chiến tranh hiện đại, việc *chuẩn bị về vật chất, kỹ thuật* có tầm quan trọng đặc biệt, trước hết phải bảo đảm cho được những yêu cầu của thời kỳ đầu chiến tranh. Vì thế, ngay từ thời bình đã phải tính toán đến dự báo kịp thời, đúng đắn và dự trữ có độ dày, theo chiều sâu ở nhiều cấp. Chuẩn bị về vật chất, kỹ thuật cho chiến tranh lại phải gắn chặt với hệ thống kho tàng và mạng đường giao thông, với hậu cần tại chỗ và hậu cần cơ động.

Chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang cao gồm cả nâng cao sức mạnh chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu của cả ba thứ quân, nhất là những quân chủng, binh chủng, đơn vị, bộ phận có nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu cao. Phải giải quyết đồng bộ hàng loạt vấn đề để chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu như giáo dục chính trị, nâng cao lòng căm thù quân xâm lược, triển khai thế trận của ba thứ quân, quy định chế độ báo động và tập dượt báo động sẵn sàng chiến đấu; bảo đảm hậu cần, kỹ thuật theo yêu cầu chiến đấu; không ngừng hoàn thiện hệ thống tổ chức chỉ huy từ trên xuống dưới; tăng cường tình báo chiến lược, trinh sát chiến đấu, bảo đảm nắm chắc mọi biến động của địch...

Không ngừng nâng cao chất lượng chiến đấu của các lực lượng vũ trang là một vấn đề có ý nghĩa cơ bản, sâu xa nhất của công cuộc chuẩn bị và bảo đảm chiến thắng của lực lượng vũ trang. Trong việc huấn luyện một cách cơ bản, toàn diện, có hệ thống theo những yêu cầu của một quân đội nhân dân tiến lên chính quy và ngày càng hiện đại, cần đặc biệt chú ý tới thực tế của chiến tranh tương lai mà ta dự kiến, đặc điểm của chiến trường tác chiến lớn có thể xảy ra, từ đó mà hết sức chú ý đối với việc huấn luyện chỉ huy và cơ quan chỉ huy cao cấp, nhất là cấp chiến lược, chiến dịch chiến lược.

Đi đôi với việc chuẩn bị lực lượng vũ trang, phải tiến hành *chuẩn bị về kinh tế*, trước hết là bố trí chiến lược kinh tế, chuẩn bị về công nghiệp, về nông, lâm, ngư nghiệp, về giao thông vận tải và thông tin bưu điện, về khoa học kỹ thuật..

Bố trí về chiến lược kinh tế phải xuất phát từ điều kiện trong nước và bối cảnh quốc tế, theo yêu cầu của cả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, kinh tế trung ương và kinh tế địa phương. Như vậy, cần xây dựng hoàn chỉnh cả chiến lược kinh tế và chiến lược quốc phòng mà cơ quan cấp cao của Đảng, Nhà nước, quân đội phải cùng làm dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ chính trị Trung ương Đảng.

Chuẩn bị về công nghiệp là một vấn đề rất hệ trọng trong công cuộc chuẩn bị đất nước chống chiến tranh xâm lược, vì chiến tranh hiện đại đòi hỏi sự phục vụ rất lớn của công nghiệp và vì công nghiệp thường là mục tiêu mà quân xâm lược tập trung đánh phá ngay từ thời kỳ đầu chiến tranh. Do đó, ngay trong quá trình phát triển công nghiệp từ thời bình phải chú ý tới yêu cầu của cả dân sinh và quốc phòng khi chuẩn bị và tiến hành chiến tranh, cả yêu cầu thuận tiện trong thời bình và an toàn trong thời chiến... Những yêu cầu trên đây buộc các ngành công nghiệp, trước hết là các đồng chí phụ trách

Digitized by Google

quán triệt sâu sắc và tính toán đầy đủ để biến thành chủ trương, kế hoạch, biện pháp thực hiện cụ thể...

Chuẩn bị về nông, lâm, ngư nghiệp ở nước ta là một công việc rộng lớn và phức tạp, vì nông, lâm, ngư nghiệp đang chiếm một tỷ trọng lớn trong nền kinh tế quốc dân và vì các ngành này thu hút số đông nhân lực kinh tế của đất nước. Chúng ta đều thấy rất rõ tầm quan trọng của mặt chuẩn bị này. Lương thực là vấn đề có tính chất chiến lược của chiến tranh. Quy hoạch xây dựng nông thôn rộng lớn có quan hệ lớn tới việc hình thành làng xã chiến đấu, cụm chiến đấu. Trồng cây, gây rừng phải góp phần cải tạo địa hình theo yêu cầu chiến tranh có lợi cho ta. Mở thêm những vùng kinh tế nông – lâm nghiệp mới ở những nơi xung yếu, góp phần xây dựng thế trận vững chắc của quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân.

Chuẩn bị về giao thông vận tải, thông tin bưu điện có tầm quan trọng đặc biệt, vì hai ngành này gắn rất chặt kinh tế với quốc phòng. Chiến tranh hiện đại có những yêu cầu rất lớn và rất cao về cơ động lực lượng và phương tiện chiến tranh, về chỉ huy từng chiến trường và tất cả các hướng chiến lược, nhất là hướng chiến lược chủ yếu. Trong chiến tranh, kẻ địch cũng thường đánh phá ác liệt các đầu mối giao thông, cầu phà, bến cảng, sân bay, kho tàng, phương tiện vận chuyển, phương tiện thông tin... nhằm chia cắt chiến trường, gây rối chỉ huy. Do đó, ngay từ thời bình, ta phải tính tới mọi tình huống để có sẵn các phương án bảo đảm giao thông vận tải và thông tin chỉ huy thông suốt trong bất cứ tình huống nào...

Chiến tranh hiện đại đòi hỏi phải có sự *chuẩn bị về khoa học kỹ thuật*. Hướng chính của công cuộc chuẩn bị này là công nghiệp quốc phòng, chuẩn bị động viên công nghiệp thời chiến, vận dụng toán học, điều khiển học, vận trù học, máy tính điện tử... vào lĩnh vực quân sự.

Cùng với chuẩn bị về lực lượng vũ trang, chuẩn bị về kinh tế, còn phải *chuẩn bị nhân dân*, bao gồm chuẩn bị về tinh thần, chuẩn bị chiến đấu, chuẩn bị phòng tránh...

Chuẩn bị về tinh thần cho nhân dân là một yêu cầu lớn của công cuộc tăng cường quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, vì yếu tố tinh thần của nhân dân ta vốn là một sức mạnh vĩ đại của chiến tranh cứu nước trước đây và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai. Với tất cả sự quyết liệt của chiến tranh, nhân dân càng phải vững vàng về tinh thần. Một mặt phải thường xuyên bồi dưỡng lòng yêu nước, ý thức cảnh giác, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân, mặt khác phải đặc biệt chuẩn bị tinh thần cho nhân dân ở vùng tuyến đầu trong các địa bàn chiến lược, trên các hướng có thể tác chiến lớn mà ta dự kiến. Đặc biệt cần chuẩn bị đầy đủ về tinh thần cho nhân dân trong thời kỳ đầu chiến tranh.

Chuẩn bị chỗ nhân dân chiến đấu và phục vụ chiến đấu là vấn đề không thể thiếu trong chuẩn bị nhân dân, vì toàn dân đánh giặc vốn là truyền thống tốt đẹp và là nghệ thuật quân sự của ta. Cần thiết thực chuẩn bị xây dựng thật mạnh mẽ và vững chắc lực lượng dân quân tự vệ ở khắp nơi, nhất là trên tuyến đầu và vùng xung yếu, làm cho nó thật sự là lực lượng nòng cốt của toàn dân đánh giặc ở cơ sở. Đồng thời chuẩn bị lực lượng dự bị sẵn sàng động viên lớn và nhanh khi cần thiết, đáp ứng cao nhất yêu cầu của thời kỳ đầu chiến tranh; và chuẩn bị nhân dân sẵn sàng tham gia chiến đấu trực tiếp đánh giặc hoặc phục vụ lực lượng vũ trang đánh giặc bằng muôn ngàn hình thức phong phú.

Phòng tránh và sơ tán nhân dân khi có chiến tranh cũng là vấn đề rất quan trọng cần phải chuẩn bị. Nhân

Digitized by Google

dân là nguồn sức mạnh to lớn, nguồn nhân lực dồi dào của đất nước, cả trong chiến đấu cũng như trong sản xuất, cho nên phải có kế hoạch bảo vệ nhân dân, tránh thương vong đến mức thấp nhất. Kẻ địch thường tàn sát nhân dân để lung lạc ý chí của ta. Điều quan trọng là phải hình thành kế hoạch chuẩn bị, nhất là những vùng trọng điểm, không được để bất ngờ.

Cuối cùng là vấn đề *chuẩn bị thế trận chiến lược và hậu phương chiến lược*. Đây là một vấn đề rất lớn của khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự, là yếu tố sức mạnh, nhân tố thắng lợi của chiến tranh nhân dân Việt nam, bao gồm hàng loạt vấn đề lớn nhỏ phải được đặt ra và giải quyết. Phải xây dựng hệ thống thế trận: làng xã, đường phố, công, nông, lâm trường thành tổ chức chiến đấu, huyện thành pháo đài quân sự, tỉnh thành đơn vị chiến lược, quân khu thành phương hướng chiến lược. Xây dựng tuyến phòng thủ biên giới, ven biển vững chắc. Xây dựng những khu vực phòng thủ vững chắc trong chiều sâu lãnh thổ. Xây dựng thế trận của chiến tranh nhân dân địa phương mạnh mẽ ở khắp các vùng và xây dựng địa bàn tác chiến của các binh đoàn chủ lực. Tạo thế bố trí hợp lý nhất những quả đấm của chủ lực bao gồm các binh chủng hợp thành, sẵn sàng giáng trả quân xâm lược những đòn đích đáng ngay trong thời kỳ đầu chiến tranh. Đồng thời chuẩn bị thế trận cho các quân chủng phòng không, không quân, hải quân. Đặc biệt coi trọng việc xây dựng hậu phương chiến lược, từ hậu phương chiến lược quốc gia đến hậu phương chiến lược quân đội, trong đó chú ý giải quyết việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, bảo đảm các tuyến giao thông chiến lược, hệ thống kho tàng chiến lược, các trung tâm đầu não chỉ đạo chiến tranh, chỉ huy chiến đấu...

★

Tất cả những vấn đề rất lớn và phức tạp của công cuộc chuẩn bị đất nước chống chiến tranh xâm lược được trình bày vắn tắt trên đây cho phép chúng ta rút ra những kết luận gì?

1—Chuẩn bị đất nước chống chiến tranh xâm lược là một yêu cầu tất yếu khách quan, mỗi người Việt nam chúng ta ngày nay, nhất là các cấp lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, cần có nhận thức đầy đủ và kịp thời, vì đây là một vấn đề có quan hệ tới thắng lợi của thời kỳ đầu chiến tranh, tới sự sống còn của đất nước.

2—Chuẩn bị đất nước chống chiến tranh xâm lược là một vấn đề chiến lược của cả nước, có liên quan đến nhiều lĩnh vực. Vì thế, nhất thiết phải do toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản tiến hành, trong đó trách nhiệm chủ yếu là hai khối: Nhà nước và quân đội thực hiện dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng.

3—Điều quan trọng có ý nghĩa quyết định là các cơ quan có trách nhiệm trực tiếp phải chủ động nghiên cứu, phát hiện, đề xuất thành chủ trương, chính sách, biện pháp, và cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo cần xem xét bàn bạc, quyết định chính xác, kịp thời về những vấn đề rất hệ trọng này của đất nước

Digitized by Google

NGUYỄN PHÚ TRỌNG

BÀI HỌC LỊCH SỬ VÔ GIÁ

Từ thực tiễn cách mạng nước ta trong nhiều năm, Đại hội toàn quốc thứ VI của Đảng đã rút ra một số bài học kinh nghiệm rất quý báu, rất quan trọng, trong đó bài học thứ nhất là « Đảng phải quán triệt tư tưởng « lấy dân làm gốc », xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động », « chăm lo củng cố mối liên hệ giữa Đảng và nhân dân ». Đồng chí Trường Chinh nhấn mạnh : « Bài học « *cách mạng là sự nghiệp của quần chúng* » trước đây rất quan trọng, *bây giờ càng quan trọng*, đó là bài học lịch sử vô giá của cách mạng nước ta » (1).

Phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng, chúng ta không thể không đi sâu nghiên cứu, quán triệt và vận dụng thật tốt *bài học lịch sử vô giá* mà Đảng ta đã nêu ra, chăm lo làm tốt công tác vận động quần chúng, củng cố và tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng.

Chúng ta đều biết, *tin ở dân, chăm lo cho dân, lấy dân làm gốc* là một bài học lớn được rút ra từ chiều sâu lịch sử. Ngay từ thế kỷ 15, mặc dù còn bị hạn chế bởi thời đại lịch sử, nhưng bằng vào thực tế của nhiều triều đại phong kiến, Nguyễn Trãi đã rút ra được những kinh nghiệm quan trọng có tính quy luật : Vận nước thịnh hay suy, mất hay còn là do sức mạnh của dân quyết định ; vương triều nào được lòng dân, cố kết được nhân tâm thì làm nên nghiệp lớn ; trái lại, vương triều nào đi ngược lại lòng dân thì sớm muộn đều sẽ bị thất bại. Theo ông, sở dĩ triều Hậu Trần suy vong là do các vua quan Hậu Trần không thực hiện đúng chính sách « thân dân », không làm theo lời căn dặn của Trần Hưng Đạo « khoan thư sức dân làm kế sâu rễ bền gốc » ; họ chỉ lo cuộc sống xa hoa, quyền lợi ích kỷ của mình, lỗ « mạc dân khổ », « muôn dân oán giận mà không hiểu, lòng người oán trách mà chẳng kinh ». Còn Hồ Quý Ly bị thất bại nhanh chóng, cơ đồ tan vỡ, nước mất vào tay giặc Minh cũng chỉ vì chính quyền nhà Hồ quá xa rời nhân dân, « chính sự phiền hà, để đến nỗi lòng dân oán giận ». Nguyễn Trãi rút ra kết luận thật sâu sắc : Thuyền bị lật mới biết sức dân mạnh như sức nước ; nước có thể « chở thuyền », nhưng nước cũng có thể « lật thuyền » !

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin dạy rằng, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng ; đảng cộng sản muốn lãnh đạo cách mạng phải liên hệ chặt chẽ với quần chúng ; cách mạng muốn thắng lợi phải được đông đảo quần chúng ủng hộ. Lê-nin nhiều lần khẳng định : nguồn gốc chủ yếu sức mạnh của Đảng là ở mối liên hệ mật thiết với quần chúng ; đội tiên phong chỉ làm tròn được sứ mệnh lịch sử của mình một khi nó biết gắn bó với quần chúng mà nó lãnh đạo và thật sự dẫn dắt toàn thể quần chúng tiến lên. Người nhấn mạnh, đối với một đảng cầm

(1) *Tạp chí Cộng sản*, số 8—1986, tr. 8.

Digitized by Google

quyền, « một trong những nguy hiểm lớn nhất và đáng sợ nhất là tự cắt đứt liên hệ với quần chúng » (2). Kinh nghiệm lịch sử của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã chứng minh rất rõ điều đó.

Suốt hơn nửa thế kỷ đấu tranh anh dũng và kiên cường, Đảng ta luôn luôn chăm lo xây dựng và củng cố mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng. Và chính nhờ thế mà mặc dù với số lượng không đông, Đảng ta vẫn có đủ sức mạnh lãnh đạo cách mạng vượt qua mọi khó khăn, chiến thắng mọi kẻ thù, dù đó là kẻ thù nguy hiểm và hung bạo nhất. *Liên hệ mật thiết với quần chúng là truyền thống tốt đẹp và là nguồn sức mạnh vô địch của Đảng ta.* *Báo cáo chính trị* tại Đại hội thứ IV của Đảng đã khẳng định: « Trong những chặng đường cách mạng vừa qua, Đảng ta và nhân dân ta đã kết thành một khối bằng những mối dây liên hệ máu thịt vô cùng bền chặt. Đảng ta hiểu rõ và hoàn toàn tin tưởng sức mạnh dời non lấp biển của nhân dân ta... Nhân dân ta cũng hiểu rõ Đảng ta và gửi gắm tất cả lòng tin vào Đảng. Trong cuộc trường chinh để giành lại độc lập, tự do cho dân tộc, ở đâu và lúc nào cũng có Đảng. Đảng đi đầu trong chiến đấu, Đảng xông pha nơi khó khăn. Đảng gắn bó với nhân dân bằng những gì Đảng đã làm cho sự nghiệp giải phóng đất nước » (3).

Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, với quy mô, tầm vóc to lớn của cách mạng, với việc thiết lập chính quyền chuyên chính vô sản trong cả nước, với vai trò và trình độ làm chủ đất nước ngày càng cao của quần chúng nhân dân, Đảng ta có thêm điều kiện thuận lợi để mở rộng và tăng cường mối liên hệ với quần chúng. Nhưng mặt khác, trong hoàn cảnh lịch sử mới, với tính chất, phương thức lãnh đạo mới, mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng cũng có những đòi hỏi mới cao hơn và đứng trước thử thách mới rất phức tạp. Ngoài những khó khăn khách quan do chúng ta phải xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một điểm xuất phát quá thấp của một nước nông nghiệp lạc hậu, chưa trải qua chủ nghĩa tư bản, lại bị mấy cuộc chiến tranh tàn phá rất nặng nề, ngày nay vẫn đang phải đối phó với âm mưu phá hoại của kẻ địch, về mặt chủ quan, chúng ta cũng phạm phải một số sai lầm, khuyết điểm trong việc chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện đường lối phát triển kinh tế — xã hội. Tình trạng quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền khá phổ biến trong các cơ quan lãnh đạo, quản lý, và cả trong các tổ chức chuyên trách công tác vận động quần chúng. Không ít cơ quan chính quyền không tôn trọng ý kiến của dân, không làm công tác vận động quần chúng, chỉ nặng về biện pháp hành chính, mệnh lệnh. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là những người có chức có quyền, có những biểu hiện hư hỏng, sa sút phẩm chất, sống xa dân, vô trách nhiệm với dân. Nhiều cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành giữ tác phong quan liêu, gia trưởng, độc đoán, thậm chí trù dập, ức hiếp quần chúng. Một số hiện tượng tham nhũng, đặc quyền đặc lợi trong đảng và trong các cơ quan Nhà nước không được đấu tranh kiên quyết và xử lý nghiêm minh. Do đó đã làm tổn thương thanh danh, uy tín của Đảng, làm giảm sút lòng tin của quần chúng đối với Đảng, ảnh hưởng xấu đến mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng. Kẻ địch và các phần tử xấu đang lợi dụng tình hình này để kích động hòng chia rẽ Đảng và quần chúng, mưu toan phá vỡ sự thống nhất giữa Đảng và nhân dân. Trên thực tế ở nơi này

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 44, tr. 426.

(3) *Báo cáo chính trị của BCHTUĐ tại Đại hội IV*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1977, tr. 211.

Digitized by Google

nơi khác không phải chúng không đạt được những kết quả nhất định.

Một số đồng chí không thấy hết tầm quan trọng của vấn đề, lầm tưởng rằng đó là những hiện tượng khó tránh khỏi trong điều kiện Đảng cầm quyền; có người quên mất rằng liên hệ với quần chúng là quy luật tồn tại, phát triển và hoạt động của Đảng, là điều kiện tất yếu trong cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

★

Liên hệ với quần chúng là quy luật tồn tại, phát triển và hoạt động của đảng cộng sản. Nhưng cũng như các quy luật xã hội khác, quy luật này chỉ phát huy tác dụng thông qua hoạt động tự giác của chủ thể — trong trường hợp này là đảng cộng sản, người đã nhận thức được quy luật khách quan và cố gắng hoạt động sao cho phù hợp với quy luật khách quan đó. Điều đó có nghĩa là mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng có bền vững hay không, Đảng mạnh hay không mạnh là tùy thuộc trước hết vào sự nỗ lực chủ quan của chính ngay bản thân đảng cộng sản.

Hiện nay, vấn đề có ý nghĩa quyết định tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng là Đảng phải *chăm lo đầy đủ và sâu sắc đến đời sống, lợi ích của quần chúng; thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng; củng cố và xây dựng tổ chức đảng thật trong sạch, khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, làm cho Đảng thật sự xứng đáng là người lãnh đạo và người đầy tớ trung thành của nhân dân.*

Chăm lo lợi ích, hạnh phúc của quần chúng lao động là mục đích thiêng liêng, là lý tưởng cao quý của Đảng. Phấn đấu hy sinh cho lý tưởng của Đảng, cho hạnh phúc của nhân dân là lẽ sống của mỗi người cộng sản. Trong điều kiện hòa bình xây dựng, chăm lo đời sống nhân dân là mục đích trực tiếp, là một nội dung quan trọng trong hoạt động của Đảng và các cơ quan nhà nước, là vấn đề quyết định sự tín nhiệm và sự gắn bó của quần chúng đối với Đảng, là một động lực to lớn tạo ra phong trào hành động cách mạng của quần chúng. Kinh nghiệm thực tế ở các nước xã hội chủ nghĩa đã chỉ ra rằng, có chăm lo đầy đủ lợi ích của nhân dân lao động mới thúc đẩy người lao động sản xuất và công tác tốt hơn; người lao động sẽ gắn bó chặt chẽ với Đảng, với Nhà nước, với chế độ xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm qua, với khẩu hiệu « Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân », Đảng và Nhà nước ta đã có rất nhiều cố gắng chăm lo đời sống nhân dân. Đảng luôn luôn coi việc bảo đảm và cải thiện đời sống nhân dân là trách nhiệm to lớn thường xuyên của mình. Tuy vậy, phải thừa nhận rằng có những chính sách còn chưa thật đáp ứng đúng yêu cầu, nguyện vọng, trình độ của nhân dân; có những địa phương, những cơ sở chưa quan tâm đúng mức và chưa có biện pháp thật tích cực để phát triển sản xuất, bảo đảm đời sống nhân dân. Trong khi ở nhiều nơi, đời sống nhân dân còn khó khăn, nhiều yêu cầu thiết yếu của quần chúng chưa được bảo đảm, thì có những cán bộ, đảng viên chỉ lo thu vén cá nhân, xoay xở làm giàu, ăn uống chè chén bê tha; thậm chí có người vô trách nhiệm với nhân dân, nhẫn tâm trước những khó khăn, đau khổ của quần chúng. Một số người còn lợi dụng chức quyền để đục khoét, vơ vét của cải của nhà nước, của tập thể, trở thành những con sâu mọt tệ hại của xã hội. Trên thực tế họ đã xa rời nhân dân, sớm quên đi những

Digitized by Google

ngày tháng sống đồng cam cộng khổ với quần chúng, được quần chúng che chở, bảo vệ. Có lẽ đây là điều mất mát lớn nhất trong tình cảm của quần chúng, là điều quần chúng cảm thấy xót xa, buồn phiền nhất.

Báo cáo chính trị của BCHTƯ Đảng tại Đại hội VI của Đảng đã chỉ rõ: « Nhân dân ta rất cách mạng, có những phẩm chất rất quý báu. Trải qua trên nửa thế kỷ chiến đấu liên tục, chịu đựng biết bao hy sinh gian khổ, luôn luôn nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì độc lập tự do của Tổ quốc và vì chủ nghĩa xã hội. Trong hoàn cảnh Đảng có sai lầm, khuyết điểm, nhân dân vẫn thiết tha mong đợi Đảng khắc phục sai lầm, đưa đất nước tiến lên. Đảng không thể phụ lòng mong đợi đó của nhân dân... Mọi chủ trương, chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của nhân dân lao động, phải khơi dậy được sự đồng tình, hưởng ứng của quần chúng ». Phải « lấy việc *phục vụ con người* làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động » (1). Trong điều kiện ngày nay, nếu không chăm lo một cách cụ thể, thiết thực đời sống của nhân dân thì dù có nói bao nhiêu về quan điểm quần chúng, về quyền làm chủ tập thể của quần chúng cũng đều là vô nghĩa và không có sức thuyết phục.

Chúng ta cần nhận thức sâu sắc hơn nữa ý nghĩa quan trọng của vấn đề chăm lo đời sống nhân dân, quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chủ trương, quan điểm của Đảng về vấn đề này, có biện pháp cụ thể và tích cực bảo đảm đời sống nhân dân, trước hết là bảo đảm việc làm, chăm lo cái ăn, cái mặc, sức khỏe, việc học hành... của nhân dân; thực hiện nguyên tắc công bằng xã hội, lối sống có văn hóa, bảo đảm an toàn xã hội; thẳng tay trừng trị những kẻ làm ăn phi pháp, xâm phạm lợi ích của quần chúng, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Có như vậy, mới giúp quần chúng yên tâm và phấn khởi sản xuất, công tác. Không phải ngẫu nhiên mà Bác Hồ thường căn dặn: « Không sợ thiếu chỉ sợ phân phối không công bằng; không sợ nghèo chỉ sợ lòng dân không yên! ».

Thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của quần chúng là một chủ trương chiến lược, một vấn đề cơ bản trong đường lối của Đảng ta. Trong suốt quá trình cách mạng, Đảng ta luôn luôn kết hợp chặt chẽ sự lãnh đạo của Đảng với việc phát huy nghị lực sáng tạo của nhân dân, tìm thấy sức mạnh của mình ở mối liên hệ mật thiết với quần chúng, tạo những điều kiện cần thiết để quần chúng sáng tạo ra lịch sử của mình một cách tự giác, có tổ chức. Bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta cho rằng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động là bản chất của chế độ ta. Đảng ta đang lãnh đạo xây dựng và thực hiện một cơ chế tổ chức thích hợp để bảo đảm phát huy được quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Ở nhiều nơi đã hình thành nền nếp thường xuyên tổ chức cho quần chúng tham gia thảo luận xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng, phương hướng nhiệm vụ công tác của đơn vị; phát động quần chúng phấn đấu thực hiện các quyết định của Đảng; động viên quần chúng tham gia kiểm tra mọi hoạt động của tổ chức đảng, giám sát, phê bình cán bộ, đảng viên. Gần đây, cuộc vận động phê bình và tự phê bình chuẩn bị Đại hội thứ VI của đảng cũng như đợt sinh hoạt góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị của Trung ương Đảng với hàng triệu lượt người tham gia và hàng triệu ý kiến đóng góp, là những bằng chứng sinh động mới về việc Đảng ta thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Có

(1) *Báo cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội VI*, tr. 22, 79.

Digitized by Google

thể nói chưa có cuộc vận động dân chủ nào sâu rộng, thiết thực và đạt hiệu quả cao như cuộc vận động nhân dân góp ý kiến với Đảng thời gian vừa qua.

Tuy nhiên, ở không ít nơi, cấp ủy đảng chưa quan tâm đến công tác vận động quần chúng, chưa thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Một số cán bộ, đảng viên nói đến quyền làm chủ tập thể của quần chúng như hô một khẩu hiệu suông, không có hành động gì thiết thực. Không ít đảng viên có thái độ coi thường quần chúng, không lắng nghe ý kiến, không học hỏi người lao động, không tích cực làm công tác giáo dục, vận động quần chúng. Một số cán bộ, nhân viên trực tiếp có quan hệ với dân thì cửa quyền, hách dịch, sách nhiễu, gây đủ thứ phiền hà, khó khăn cho dân, thiếu lễ độ với dân. Có người còn ăn chặn của dân, với vĩnh dòi quà cáp, biếu xén. Một số người có chức có quyền giữ tác phong quan cách, gia trưởng, phụ trách địa phương nào, đơn vị nào, thì như một «ông vua con» ở đấy. Thậm chí có những cá nhân và tập thể trù dập, ức hiếp quần chúng, bắt trói, đánh đập cả những người dân lương thiện vì tư thù. Những hành động đó tuy không phải là phổ biến nhưng rất nghiêm trọng. Nó làm tổn thương tình cảm và niềm tin của quần chúng đối với Đảng. Đã có không ít những câu ca dao, hò vè, những chuyện tiếu lâm chế giễu những «ông quan cách mạng», nghe rất đau xót. Chúng ta không thể xem thường những biểu hiện này. Nếu không chấm dứt những biểu hiện này thì không thể củng cố được lòng tin của quần chúng, không thể tăng cường được mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng. Cần kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, bị quần chúng oán ghét.

Đại hội thứ VI của Đảng ta đã khẳng định, thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thực chất là tôn trọng con người, phát huy sức sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân, hướng sự sáng tạo đó vào sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Cùng với việc chăm lo đời sống nhân dân, tôn trọng và bảo đảm những quyền công dân đã được Hiến pháp quy định, các cấp ủy đảng, các cơ quan nhà nước động viên quần chúng tham gia rộng rãi và thường xuyên vào các công việc quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Xóa bỏ nhận thức sai lầm cho rằng công tác vận động quần chúng chỉ là biện pháp tổ chức, động viên nhân dân thực hiện chính sách của Đảng. Đối với những chủ trương có quan hệ trực tiếp tới đời sống nhân dân, cấp ủy đảng cần trưng cầu ý kiến nhân dân trước khi quyết định. «*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*» phải trở thành khẩu hiệu hành động, thành phương châm công tác vận động quần chúng. Phải thực hiện đúng nguyên tắc: *chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và trình độ của nhân dân.* Ngay cả trường hợp chính sách đúng rồi mà dân chưa hiểu, chưa đồng tình thì phải ra sức giáo dục, giải thích cho dân, biết chờ đợi dân; có khi phải điều chỉnh chính sách cho phù hợp với thực tế và với trình độ của quần chúng. Lê-nin đã nhấn mạnh: một chính sách mà không phù hợp với trình độ quần chúng «là một chính sách phiêu lưu» (5).

Mặt khác, các cấp ủy đảng, các cơ quan chính quyền có biện pháp tích cực giáo dục cán bộ, đảng viên, nhân viên nêu cao tinh thần phục vụ nhân dân, có ý thức và thái độ đúng đắn với nhân dân, yêu thương, gần gũi, tôn trọng, kính nể nhân dân; có chương trình kế hoạch tiếp dân, giải quyết tốt các đơn từ khiếu tố, các yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của dân; trừng trị nghiêm minh, thích

(5) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, tập 25, tr. 225.

Digitized by Google

đẩy những hiện tượng trù dập, ức hiếp quần chúng. Các đoàn thể quần chúng, nhất là công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của mình, đi sâu giáo dục, bồi dưỡng, động viên quần chúng phát huy quyền làm chủ tập thể, tích cực tham gia xây dựng đảng, xây dựng chính quyền, tham gia các hoạt động chính trị, xã hội với đầy đủ ý thức trách nhiệm của người làm chủ.

Một vấn đề hết sức quan trọng là phải *khẩn trương làm trong sạch đội ngũ của Đảng, khắc phục các hiện tượng sa sút, thoái hóa về phẩm chất, lối sống của cán bộ, đảng viên.* Phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên là vấn đề có ảnh hưởng quyết định đến uy tín, danh dự của Đảng, tác động trực tiếp đến mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng. Quần chúng nhìn nhận, đánh giá Đảng nhiều khi thông qua phẩm chất, tư cách, lối sống của cán bộ, đảng viên. Nói quần chúng giảm sút lòng tin đối với Đảng không phải là giảm sút lòng tin đối với lý tưởng, sự nghiệp của Đảng, mà là đối với những cán bộ, đảng viên đã hư hỏng, sa đọa, đối với những tổ chức đảng đã rệu rã, không còn sức chiến đấu.

Những năm gần đây, những hiện tượng cán bộ, đảng viên sa sút phẩm chất, thoái hóa, hư hỏng có chiều hướng tăng lên và ngày càng nghiêm trọng. Qua những vụ kỷ luật công bố gần đây trên báo chí cũng thấy rõ điều đó. Không ít đảng viên vào đảng không phải để phấn đấu hy sinh cho lý tưởng của Đảng, cho hạnh phúc của nhân dân, mà là để mưu cầu danh lợi. Một số người chẳng những không gương mẫu trước quần chúng, mà còn nêu gương xấu trước quần chúng. Một số người vô tổ chức, vô kỷ luật, kéo bè kéo cánh, nịnh bợ cấp trên, chèn ép quần chúng và cấp dưới, cơ hội chủ nghĩa, thực dụng chủ nghĩa, gây mất đoàn kết nội bộ. Nhiều người có quan hệ trực tiếp với vật tư, hàng, tiền, đã lợi dụng chức quyền và điều kiện công tác để tham ô, buôn lậu, ăn cắp của công, ăn hối lộ, thông đồng với bọn gian thương, tư sản để làm giàu. Điều nghiêm trọng là có không ít cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ cao cấp, đảng viên lâu năm, bị những ham muốn vật chất cám dỗ, cũng chạy theo tiền tài, địa vị, sống ích kỷ, buông thả, tự do chủ nghĩa. Có những phần tử đã hoàn toàn biến chất, sống xa hoa, trụy lạc như những tên tư sản mới, cường hào mới, không còn một chút gì là tư cách đảng viên. Đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng chân chính hết sức bất bình trước những hiện tượng đó và lo ngại về sự xói mòn bản chất giai cấp công nhân và truyền thống tốt đẹp của Đảng.

Nhìn thẳng vào sự thật đó, Đại hội thứ VI của Đảng đã quyết định sắp tới sẽ tiến hành một cuộc vận động làm trong sạch đảng, khắc phục những hiện tượng hư hỏng trong bộ máy nhà nước, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Một hội nghị của BCHTU Đảng sẽ thảo luận chuyên đề về công tác xây dựng đảng. Đại hội nhấn mạnh rằng, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên, đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực trong đảng là một trong những yêu cầu cấp bách và nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng của Đảng. Trong dịp kỷ niệm ngày thành lập Đảng (3 tháng hai) năm nay, Ban bí thư Trung ương Đảng yêu cầu phải làm tốt việc giáo dục nâng cao phẩm chất cho cán bộ, đảng viên, coi đây là một nội dung trọng yếu của sinh hoạt đảng. Các cấp ủy đảng cần có biện pháp thật kiên quyết và tích cực giáo dục, rèn luyện, quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên, đấu tranh chặn đứng các hiện tượng thoái hóa, hư hỏng trong cán bộ, đảng viên, siết chặt kỷ

(Xem tiếp trang 66)

Digitized by Google

VÕ TỬ THÀNH

Mấy ý kiến về
ĐỔI MỚI CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ

Đổi mới đang là một yêu cầu khách quan, một xu hướng tất yếu của thời đại. Đổi mới cũng là yêu cầu bức thiết, là vấn đề có tầm quan trọng sống còn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng ta và nhân dân ta. Báo cáo chính trị của BCHTƯ Đảng tại Đại hội thứ VI của Đảng đã khẳng định: « Để tăng cường sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực tiễn của mình, Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác (1).

Trong toàn bộ sự nghiệp đổi mới, việc đổi mới tổ chức và đổi mới cán bộ chiếm một vị trí rất quan trọng và là một nhân tố quyết định sự thành bại của chính ngay sự nghiệp đổi mới.

Trong những năm qua, công tác tổ chức và công tác cán bộ của chúng ta tuy đã có những thành tích to lớn, góp phần quan trọng vào thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, nhưng vẫn còn có khoảng cách khá xa so với yêu cầu to lớn của sự nghiệp cách mạng. Chúng ta không phải không nhận thức được tầm quan trọng to lớn và vai trò quyết định của công tác tổ chức, công tác cán bộ đối với việc nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng, đối với sự lãnh đạo của Đảng. Nhưng những nhận thức đúng đắn đó không phải lúc nào và ở đâu cũng được quán triệt đầy đủ và được thể hiện bằng hành động thực tế. Chẳng hạn, chúng ta nhận rõ rằng cần phải từng bước xây dựng một bộ máy tổ chức quản lý kinh tế, quản lý xã hội mang tính khoa học, hợp lý, năng động, nhưng có lúc, có nơi lại dựng lên một bộ máy tổ chức quản lý cồng kềnh, nhiều tầng, nhiều nấc, trung gian rất kém hiệu lực.

Trong công tác cán bộ, việc vận dụng tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực, việc kết hợp giữa kế thừa và đổi mới, giữa lựa chọn, bố trí người tại chỗ với điều chuyển người từ nơi khác đến; việc bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ... không phải bao giờ và ở đâu cũng có sự ăn khớp giữa nhận thức và hành động. Có nhiều quy hoạch cán bộ không được xây dựng trên cơ sở khoa học. Có nhiều trường hợp công tác cán bộ không được thực hiện theo đúng quan điểm và yêu cầu của Đảng. Ví dụ nói điều chuyển cán bộ để tăng cường cho nơi có phong trào yếu kém, nơi khó khăn hoặc những khu vực quan trọng của đất nước nhưng lại không có chế độ chính sách thích ứng kèm theo; và khi thực hiện thì thường dở dang,

(1) *Tạp chí Cộng sản*, số 1 – 1987.

Digitized by Google

cầm chừng, hoặc «trống đánh xuôi, kèn thổi ngược». Nói công tác cán bộ là có lên có xuống, nhưng thực tế lại thường chỉ đưa lên hoặc đưa ngang mà ít khi đưa xuống. Nói lựa chọn, sắp xếp cán bộ phải theo nguyên tắc vì việc đặt người, nhưng khi thực hiện lại nể nang, bố trí, sắp xếp cán bộ theo chỗ quen biết, vì quan hệ đồng hương hoặc vì «cánh hầu»...

Các cơ quan tổ chức và các cán bộ làm công tác tổ chức là những tham mưu cho cấp ủy về chủ trương, chính sách, biện pháp thực hiện công tác tổ chức, công tác cán bộ, và tổ chức kiểm tra việc thực hiện ấy. Nhưng có không ít cơ quan tổ chức và cán bộ làm công tác tổ chức chưa nhận thức đúng đắn chức năng, nhiệm vụ và phạm vi trách nhiệm của mình, cho nên thường làm không đầy đủ hoặc làm quá giới hạn quy định.

Những sai lầm, khuyết điểm nói trên trong công tác tổ chức và công tác cán bộ không những đã hạn chế ưu điểm và thành tích chung, thậm chí gây tác hại lớn đến các mặt công tác khác mà còn làm cho một số khâu của chính ngay công tác tổ chức, công tác cán bộ làm vào tình trạng lạc hậu, trì trệ. Trình độ và năng lực tổ chức, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ, đảng viên còn có những yếu kém và có khoảng cách khá xa so với yêu cầu và nhiệm vụ mới; không ít cán bộ, đảng viên chưa phát huy đầy đủ vai trò và tác dụng của mình đối với việc phát triển, cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, trước hết là đối với việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Công tác tổ chức và công tác cán bộ phải chịu phần trách nhiệm lớn về những sai lầm «ấu trĩ tả khuynh», duy ý chí, làm trái quy luật khách quan, chủ quan nóng vội, đốt cháy giai đoạn, bảo thủ, trì trệ, cũng như nhiều biểu hiện xấu trong phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên mà chúng ta đã mắc phải trong thời gian qua.

Sở dĩ có tình trạng nói trên trước hết là do bản thân công tác tổ chức, công tác cán bộ trong điều kiện đảng lãnh đạo chính quyền vốn là lĩnh vực rất khó khăn, phức tạp. Mức độ khó khăn, phức tạp của lĩnh vực này càng tăng lên do chúng ta phải xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ là phổ biến, lại phải chịu hậu quả nặng nề của nhiều cuộc chiến tranh xâm lược ác liệt và kéo dài. Nhưng về phía chủ quan, một nguyên nhân quan trọng là do *sự trì trệ và chậm đổi mới* của chính ngay công tác tổ chức và công tác cán bộ. Lĩnh vực này đòi hỏi phải luôn luôn năng động, sáng tạo, nhạy bén để phù hợp với yêu cầu của cuộc sống, của thời đại; phải nhìn thấy và đi trước không những một bước mà phải nhiều bước để chủ động góp phần chuẩn bị tiền đề và điều kiện cần thiết thúc đẩy toàn thể guồng máy của chế độ mới chuyển động về phía trước. Nhưng vừa qua, chúng ta chưa có sự năng động cần thiết đó.

★

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa và trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, con người nói chung và người cán bộ nói riêng là *lực lượng quan trọng nhất* của xã hội, là *giá trị chủ yếu* của xã hội. Con người không chỉ là *phương tiện* mà còn là *mục đích* của sự tiến bộ xã hội. Dưới sự lãnh đạo của một đảng nắm chính quyền, vai trò tiên phong của những người cộng sản, của những người cán bộ phải được thể hiện ở những công việc cụ thể, ở những cương vị cụ thể. Trong thời đại mà khoa học kỹ thuật phát triển nhanh chóng lạ thường như hiện nay, không thể có sẵn nhiều cán bộ lĩnh vực nào cũng giỏi, bố trí ở đâu cũng được, nhất là ở những cương vị lãnh đạo và quản lý thuộc

Digitized by Google

các lĩnh vực chuyên môn khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Vừa qua, chúng ta chưa nhận thức như thế, lại càng chưa làm đúng như thế, và có không ít trường hợp đã làm ngược lại. Do đó mà gây thêm khó khăn, rối rắm cho việc thực hiện những nhiệm vụ công tác và chưa tạo được một đội ngũ cán bộ và quản lý chuyên sâu, đủ năng lực, đồng bộ.

Báo cáo chính trị của BCH TƯ Đảng tại Đại hội thứ VI của Đảng đã chỉ rõ, đổi mới đội ngũ cán bộ, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý các cấp đang là một yêu cầu rất bức thiết đối với việc đổi mới sự lãnh đạo của Đảng ta. « Đổi mới cán bộ lãnh đạo các cấp là *mắt xích quan trọng nhất* mà Đảng ta phải nắm chắc để thúc đẩy những cuộc cải cách có ý nghĩa cách mạng » (2).

Muốn đổi mới đội ngũ cán bộ, chúng ta cần có quan niệm đúng về người cán bộ và công tác cán bộ.

Một người cán bộ tốt — theo đúng thực chất của danh hiệu này — phải là người thể hiện sự thống nhất biện chứng giữa *phẩm chất và năng lực*, giữa *nói* và *làm*, giữa *hiểu biết* và *hành động*. Phải có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức, có trình độ thông thạo về nghiệp vụ, coi đó là vấn đề có tính nguyên tắc. Họ phải biết *nói thật, nói đúng* theo đường lối, chủ trương của Đảng và thực trạng của tình hình, nhất là khi gặp khó khăn, sai lầm, khuyết điểm, không né tránh, không lòe trên, bịp dưới. Đồng thời phải biết thể hiện ý thức làm chủ bằng hành động cách mạng thiết thực, nghĩa là phải biết làm thật, phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Bất cứ người cán bộ ở cương vị nào cũng phải sâu sát cơ sở, sâu sát thực tế, liên hệ mật thiết với quần chúng, năng động, sáng tạo trong công việc để góp phần cải biến tình hình, làm cho đường lối, chủ trương của Đảng biến thành hiện thực. Ở đây, công tác tổ chức có vai trò đặc biệt quan trọng. Phải biết bố trí người cán bộ vào đúng vị trí công tác cần thiết, phù hợp với phẩm chất và năng lực của họ. Đồng thời phải tạo điều kiện như thế nào để họ tự thấy mình là người chủ thật sự của công việc mà mình phụ trách, từ đó phát huy đến mức cao nhất những khả năng và sở trường của mình, cống hiến một cách tốt nhất cho sự nghiệp cách mạng.

Trên bất cứ cương vị nào, người cán bộ cũng phải làm tròn *trách nhiệm cá nhân* đã được giao với sự nỗ lực cao nhất và với ý thức tự giác. Họ phải nhận thức rằng làm tròn hay không làm tròn trách nhiệm cá nhân, hiệu quả công tác cao hay thấp, đó là tiêu chuẩn đầu tiên để đánh giá phần đóng góp của mỗi người vào sự nghiệp chung. Trong hoàn cảnh đất nước có nhiều khó khăn như hiện nay, mỗi người cán bộ, nhất là những cán bộ chủ chốt phải nâng cao *tinh đòi hỏi* đối với bản thân mình. Đồng thời phải cộng tác chặt chẽ với người khác, phải chịu sự kiểm tra của tập thể, của tổ chức. Không có bất kỳ cán bộ nào được phép đứng ngoài tập thể, đứng trên tổ chức, không chịu sự kiểm tra và giám sát của tổ chức và của quần chúng. Hầu hết những cán bộ thoái hóa, biến chất bị xử lý vừa qua đều do quần chúng và đảng viên phát hiện, tố giác, chứ không phải do các tổ chức đảng phát hiện, điều đó càng làm cho chúng ta thấy rõ những yếu kém và thiếu hiệu lực của cái cơ chế tổ chức nặng tính quan liêu bao cấp, thấy rõ cái nguy hại to lớn của việc thiếu những quy chế chặt chẽ để buộc người cán bộ — dù ở cương vị nào — cũng phải ghép mình vào tổ chức, chịu sự kiểm soát của tổ chức, khắc phục hiện tượng ô dù xấu xa, coi thường luật pháp, bất chấp công lý, không giữ gìn kỷ cương của xã hội,

(2) Sách đã dẫn,

Digitized by Google

không nghiêm túc tuân theo kỷ luật của Đảng.

Trong công tác tổ chức và công tác cán bộ, việc khen thưởng xứng đáng và trừng phạt nghiêm minh, công bằng, kịp thời là hết sức quan trọng. Nếu những cá nhân và tổ chức làm tốt đáng được khen thưởng mà lại bị bỏ quên hoặc không được khen thưởng xứng đáng; còn những cá nhân và tổ chức đáng phải chịu kỷ luật nhưng lại được bỏ qua, giảm nhẹ, thậm chí, mỉa mai thay, còn được khen thưởng, đề bạt, thì rõ ràng là kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước không còn hiệu lực, và như thế thì làm sao giữ được lòng tin của quần chúng

Thời gian qua, trong việc giải quyết các vấn đề về kế thừa, già trẻ, cũ mới, lựa chọn tại chỗ và điều chuyển nơi khác đến, quá trình và bằng cấp, cơ cấu và tiêu chuẩn,... về xóa tổ chức cũ, lập tổ chức mới, tách, nhập các tổ chức... có nhiều quan điểm và quan niệm còn chưa sáng tỏ, chưa nhất quán, chưa có cơ sở khoa học; nhiều trường hợp còn rất tùy tiện, nể nang, né tránh, không phải vì việc, vì tổ chức để đặt người mà lại vì người để đặt việc, đặt tổ chức. Do đó đã ảnh hưởng không ít đến việc lựa chọn, sắp xếp, sử dụng cán bộ. Chúng ta chưa xuất phát đầy đủ từ những yêu cầu khách quan và khoa học của công tác tổ chức, chưa nhận thức đầy đủ cái chân lý hiển nhiên là phải có những con người mạnh mới có tổ chức mạnh, phải có những con người tốt mới có tổ chức tốt; và sức mạnh con người là ở sự tổ chức, tổ chức tạo ra sức mạnh mới, khác hẳn về chất so với tổng số sức mạnh của những con người riêng lẻ, v.v. Chính vì thế mà đã có tình trạng số lượng cán bộ được tuyển lựa, đào tạo không ít nhưng người *làm việc thật sự* lại không nhiều; những người có năng lực muốn làm việc thật sự thì không được sắp xếp và sử dụng đúng chỗ; khi cần chọn người giữ các cương vị lãnh đạo chủ chốt hoặc thay người thiếu năng lực, gặp không ít khó khăn. Việc tinh giản bộ máy, giảm nhẹ biên chế, sắp xếp lại tổ chức, nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác thường chỉ dừng lại ở việc ban hành chỉ thị hoặc kêu gọi chung chung mà không được thực hiện một cách nghiêm túc, đến nơi đến chốn. Kết quả là bộ máy tổ chức cồng kềnh, kém hiệu lực vẫn tiếp tục phát triển, số lượng cán bộ « ngồi chơi xơi nước » hoặc « chuyên gia chung chung » cứ tiếp tục tăng lên, năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất và công tác không đạt được như mong muốn. Nếu muốn thật sự đổi mới công tác cán bộ, phải nhận thức đầy đủ những yêu cầu cần phải có đối với người cán bộ trong thời đoạn cách mạng hiện nay, đồng thời phải kiên quyết chấm dứt tình trạng « bùng nhùng » nói trên về tổ chức bộ máy

★

Trải qua mấy chục năm đấu tranh kiên cường trong cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng ta chẳng những đã có đường lối đúng mà còn có năng lực tổ chức giỏi. Công tác tổ chức của chúng ta trong giai đoạn cách mạng ấy, đã đạt đến trình độ cao; đội ngũ cán bộ tổ chức có nhiều tri thức và kinh nghiệm phong phú, sáng tạo. Do đó đã góp phần tạo nên những thắng lợi vĩ đại. Nhưng khi cách mạng chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn mà nhiệm vụ trọng yếu và khó khăn nhất là tổ chức và quản lý xã hội, quản lý sản xuất chúng ta đã không có sự chuyển biến kịp thời về công tác tổ chức và đội ngũ những người làm công tác tổ chức. Do đó đã gặp không ít khó khăn, lúng túng, thậm chí có những sai lầm nghiêm trọng.

Trong yêu cầu gay gắt phải đổi mới hiện nay, chúng ta phải nhanh chóng

Digitized by Google

đổi mới công tác tổ chức, cán bộ và những người làm công tác tổ chức, cán bộ.

Trước hết, phải có nhận thức đúng tầm quan trọng và *nội dung khoa học* của công tác tổ chức, cán bộ. Phải coi công tác tổ chức không những là một *khoa học* mà còn là một *nghệ thuật*: khoa học và nghệ thuật về quản lý, tổ chức xã hội; khoa học và nghệ thuật về nghiên cứu, quản lý, sử dụng con người.

Công tác tổ chức, cán bộ phải góp phần quan trọng vào việc xây dựng guồng máy quản lý kinh tế, quản lý xã hội thật sự khoa học, hợp lý, năng động; phải góp phần đào luyện một đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực cần thiết bảo đảm cho cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ. Nhà nước quản lý được thực hiện trong thực tế, góp phần xứng đáng vào việc không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực của một đảng lãnh đạo chính quyền, góp phần tổ chức thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng.

Trong điều kiện hiện nay, khi chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới đang phát triển theo chiều sâu với tất cả những tầm cỡ rộng lớn và phức tạp của nó, khi nhân tố con người được coi là chiến lược cơ bản của một đảng lãnh đạo chính quyền, khi cuộc cách mạng khoa học—kỹ thuật diễn ra với tốc độ nhanh chóng phi thường và với tầm cỡ sâu rộng chưa từng thấy, khi mối quan hệ kinh tế và hợp tác kinh tế được mở ra với rất nhiều hình thức phong phú, đa dạng, công tác tổ chức, cán bộ và đội ngũ những người làm công tác tổ chức cán bộ không nên tự giới hạn vào những việc sự vụ, hành chính đơn thuần, mà phải mở rộng tầm nhìn, phải nhận thức đầy đủ những yêu cầu khách quan nói trên để có cơ sở khoa học mạnh dạn đổi mới công tác của chính bản thân mình.

Cùng với việc đổi mới nhận thức, phải đổi mới đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức, đổi mới phương pháp và phong cách làm công tác tổ chức. Lĩnh vực này đòi hỏi phải có những cán bộ, bên cạnh *phẩm chất chính trị* như lập trường giai cấp vững vàng, kiên định, có lịch sử chính trị rõ ràng, có phẩm chất trong sạch, có quá trình công tác đảng, đã từng tham gia cấp ủy, ... còn phải có những *tri thức cần thiết* về nhiều mặt, nhất là những tri thức khoa học về tổ chức và quản lý xã hội, quản lý sản xuất, tri thức khoa học về con người, về quản lý và sử dụng con người. Đồng thời phải có phong cách làm việc của những người vừa *làm công tác chính trị vừa làm công tác khoa học*: sâu sát, thực tế, hiểu biết cặn kẽ cán bộ, có quy trình, quy phạm chặt chẽ, nghiêm túc, có khi phải nghiêm túc hơn một số loại công tác khác, vì đây là lĩnh vực nghiên cứu, quản lý, sử dụng con người, vốn quý nhất của cách mạng. Hơn ai hết, những người làm công tác tổ chức không thể cứ «nhìn lại đằng sau và sử dụng những phương pháp của ngày hôm qua» (3). Họ phải thể hiện phẩm chất cách mạng trong sáng, công tâm, khách quan, đầy tình nhân ái và lòng vị tha cộng sản. Nếu không có trình độ, kiến thức và phong cách như thế thì không thể sắp xếp tổ chức, sắp xếp bộ máy, lựa chọn và bố trí cán bộ đúng như yêu cầu của sự đổi mới.

Đổi mới cán bộ làm công tác tổ chức không chỉ đơn giản là bổ sung thêm cán bộ mới vào lĩnh vực này, mà bao gồm cả việc lựa chọn, sử dụng những cán bộ tổ chức tuy được đào luyện trong giai đoạn cách mạng đã qua nhưng đến nay vẫn phát huy tác dụng và đang vươn lên tiếp thụ cái

(3) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1978, tập 44, tr. 398.

Digitized by Google

mới, góp phần tích cực vào sự đổi mới của đất nước và công tác của bản thân. Nhưng nhiệm vụ quan trọng, cấp bách là phải ra sức bồi dưỡng, đào tạo để sớm có một đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức có đủ phẩm chất, năng lực và phong cách làm việc phù hợp với đòi hỏi mới, ngày càng cao của nhiệm vụ cách mạng. C. Mác đã nhận xét: « Bản thân xã hội sản xuất ra con người với tư cách là con người như thế nào thì con người lại sản xuất ra xã hội như thế ấy » (4). Vì vậy nếu không *nhanh chóng đào tạo mới* một đội ngũ những người làm công tác tổ chức đáp ứng những yêu cầu như đã nêu trên thì sự đổi mới nói chung và việc đổi mới công tác tổ chức, công tác cán bộ nói riêng khó mà được thực hiện trong thực tế.

(4) Mác—Ăng-ghen: *Toàn tập* tiếng Nga, tập 4, tr. 118.

BÀI HỌC LỊCH SỬ...

(Tiếp theo trang 60)

luật của Đảng, kiên quyết thải loại những phần tử đã biến chất ra khỏi đảng, làm trong sạch hàng ngũ của Đảng. Chỉ có như vậy mới lấy lại được lòng tin của quần chúng đối với Đảng, tăng cường được mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng.

Hơn lúc nào hết, chúng ta cần thâm nhuần sâu sắc và thực hiện nghiêm túc tư tưởng vĩ đại của Bác Hồ: « Mỗi người đảng viên, mỗi người cán bộ từ trên xuống dưới đều phải hiểu rằng: *mình vào Đảng để làm đầy tớ cho nhân dân... làm đầy tớ nhân dân chứ không phải làm « quan » nhân dân* » (6).

Tại Đại hội VI của Đảng, đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đã nói: « Nhân dân lao động nước ta, dân tộc Việt nam ta rất giàu nhiệt tình cách mạng, dũng cảm, thông minh và sáng tạo. Nhất định nhân dân ta sẽ vui mừng đón nhận Nghị quyết của Đại hội, biến Nghị quyết thành hành động cách mạng, ra sức phấn đấu đạt kết quả thiết thực trên mọi lĩnh vực của đời sống » (7). Với trách nhiệm và lương tâm của người cộng sản, chúng ta ra sức rèn luyện nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, liên hệ mật thiết với quần chúng, lãnh đạo và tổ chức quần chúng phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta vượt qua mọi khó khăn, tiếp tục tiến lên.

(6) Hồ Chí Minh: ***Về xây dựng Đảng*** Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, tr. 223.

(7) Nguyễn Văn Linh: ***Diễn văn khai mạc Đại hội VI của Đảng.***

Digitized by Google

TRẦN THÀNH

VỀ XÂY DỰNG CƠ CẤU KINH TẾ HỢP LÝ

DƯỚI sự lãnh đạo của Đảng, vượt qua những khó khăn chồng chất, trên mười năm qua, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng ta đã ra sức khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển sản xuất, mở mang xây dựng. Sản lượng nông nghiệp và công nghiệp tăng hơn trước đã góp phần quan trọng bảo đảm tiêu dùng trong nước.

Tuy nhiên, những thành tựu và tiến bộ vừa qua chưa làm thay đổi được bộ mặt kinh tế—xã hội của nước ta, chưa tạo được thế và đà để ổn định và phát triển, vì những mục tiêu kinh tế—xã hội do Đại hội thứ V của Đảng đề ra chưa hoàn thành.

Cơ cấu kinh tế quê quặt cũ về cơ bản chưa biến đổi. Tình trạng không cân đối giữa các yếu tố của sản xuất, giữa các ngành và các lĩnh vực còn rất gay gắt. Nông nghiệp chưa được đầu tư đúng mức với vị trí là mặt trận hàng đầu, do đó chưa phát triển toàn diện, chưa bảo đảm đủ lương thực cho xã hội, nguyên liệu cho công nghiệp, nhất là công nghiệp hàng tiêu dùng, chưa đáp ứng được nhu cầu của sản xuất và đời sống.

Về vật chất—kỹ thuật, đã có không ít yếu tố của sản xuất lớn tuy chưa phổ biến và đồng bộ, nhưng về mặt tổ chức quản lý và hiệu quả cuối cùng thì nền kinh tế chưa thoát khỏi trạng thái sản xuất nhỏ. Quan hệ sản xuất mới đã hình thành nhưng chưa được củng cố và hoàn thiện, lực lượng sản xuất chưa được khai thác đúng mức. Rất ít đơn vị kinh tế có đủ điều kiện để hoạt động một cách ổn định, khai thác hết tiềm năng và thật sự có hiệu quả. Nhiều người lao động Liên nay chưa có việc làm hoặc không đủ việc làm, 50% công suất máy móc chưa được sử dụng, nền kinh tế nước ta đang hoạt động trong tình trạng không bình thường.

Tình hình kinh tế yếu kém nói trên vừa bắt nguồn từ những nguyên nhân cơ bản sâu xa, vừa là hậu quả của những khuyết điểm chủ quan của chúng ta trong lãnh đạo và quản lý kinh tế. Chúng ta phải trả giá đắt vì không đánh giá đúng tình trạng kinh tế của đất nước, không xác định đúng *cơ cấu kinh tế*, không lựa chọn đúng mục tiêu để *có bước đi phù hợp* với điều kiện và khả năng thực tế trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ ở nước ta.

Việc xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý phải căn cứ vào tính thống nhất của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ ràng buộc, tác động lẫn nhau giữa nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng. Trong mối quan hệ biện chứng giữa hai khu vực của nền sản xuất xã hội, tất nhiên sự phát triển của khu vực I giữ vị trí quyết định đối với sự phát triển của khu vực II, nhưng trong bối cảnh lịch sử của một nước từ sản xuất nhỏ đi lên thì sự tác động của khu vực II về mặt *tích lũy* và *đời sống* có tầm *quan trọng*

Digitized by Google

đặc biệt đối với quá trình tái sản xuất xã hội ở nước ta hiện nay. Cơ cấu kinh tế hợp lý quy định mối liên hệ bên trong giữa công nghiệp và nông nghiệp, mối liên hệ cơ bản nhất của nền kinh tế quốc dân. Kinh nghiệm của quá trình xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa đã cho thấy rằng, hễ ở đâu biết kết hợp chặt chẽ giữa nông nghiệp với công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng thì ở đó nền kinh tế phát triển cân đối và thuận lợi; ngược lại, ở đâu có sự hoạt động tách rời giữa ba mặt đó thì đều gặp khó khăn trong quá trình tái sản xuất xã hội.

Điểm xuất phát của chúng ta — từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội — làm cho quá trình cải tạo và xây dựng nền kinh tế nước ta có những nét đặc thù so với các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Chính đó là ở chỗ riêng biệt, khó khăn đòi hỏi chúng ta phải chủ động, sáng tạo, xác định đúng *bước đi hợp lý* của công nghiệp hóa ở nước ta trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ.

Trên 10 năm qua, chúng ta chưa nhận thức đầy đủ những khó khăn, phức tạp trong công cuộc cải tạo và phát triển kinh tế — xã hội. Có những việc đáng làm và có thể làm được, lại không được đề ra đúng mức và có biện pháp kiên quyết thực hiện, ngược lại, có nhiều nhiệm vụ và mục tiêu được đề ra với quy mô quá lớn, vượt quá khả năng thực tế của ta. Việc bố trí cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư không đúng đã gây cho chúng ta những khó khăn lớn. Chúng ta muốn đi nhanh nhưng thực tế đã đi đường vòng, lãng phí thời gian, làm cho chặng đường đầu tiên phải kéo dài.

Chúng ta đã có những khuyết điểm về bố trí kế hoạch: đề ra chỉ tiêu quá lớn về quy mô, quá cao về nhịp độ xây dựng cơ bản và tốc độ phát triển kinh tế, quá thiên về xây dựng công nghiệp nặng, muốn làm nhiều và nhanh công trình lớn. Trong lúc đó, chúng ta lại không tập trung phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; chưa coi trọng đúng mức việc tổ chức lại sản xuất công nghiệp, chưa khuyến khích và hướng dẫn tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp phát triển đúng hướng; chưa tăng cường đúng mức hệ thống *kết cấu hạ tầng* của nền kinh tế, nhất là giao thông vận tải. Như vậy chúng ta đã đầu tư theo quy mô lớn, nhưng hiệu quả kinh tế lại rất thấp, sản xuất phát triển chậm, đời sống nhân dân lao động gặp nhiều khó khăn, tình hình kinh tế — xã hội không ổn định.

Năm 1982, Đại hội thứ V của Đảng đã vạch rõ khuyết điểm và quy định lại bước đi của công nghiệp hóa là phải vừa sắp xếp lại, vừa phát triển sản xuất, bố trí lại xây dựng cơ bản cho phù hợp với khả năng thực tế nhằm ổn định tình hình kinh tế — xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tạo điều kiện đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật. Tuy nhiên, trong 5 năm qua, do khuyết điểm chủ quan nóng vội, bảo thủ trì trệ chưa được khắc phục, cho nên các cơ sở sản xuất công nghiệp vẫn chưa được sắp xếp lại, xây dựng cơ bản chưa được điều chỉnh lại, các công trình chưa cấp bách và kém hiệu quả kinh tế vẫn chưa được đình hoãn xây dựng. Trong xây dựng, nhất là xây dựng công nghiệp, tình trạng phân tán, không đồng bộ vẫn tiếp diễn; các ngành và các địa phương cần mở rộng xây dựng quá nhiều công trình, làm cho nguồn vốn và vật tư bị phân tán manh mún, không được tập trung đầy đủ và sử dụng có hiệu quả vào những mục tiêu cấp bách về phát triển nông nghiệp và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng. Đó là nguyên nhân trực tiếp của tình hình kinh tế — xã hội không ổn định hiện nay.

Trên cơ sở phân tích những mặt làm được và những mặt chưa ổn trong nền kinh tế nước ta hiện nay, chúng ta càng thấy rõ ngay cơ cấu của từng

Digitized by Google

ngành, từng vùng lãnh thổ cũng chưa phù hợp với đặc điểm cụ thể của chặng đường đầu tiên này. Những thiếu sót về bố trí cơ cấu cụ thể, về tổ chức quản lý trong nội bộ từng ngành đã làm giảm năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất của các ngành, làm cho nhiều nhu cầu của công nghiệp, nông nghiệp và các ngành khác không được đáp ứng tốt, thế mạnh và khả năng của các ngành không được phát huy.

Về nông nghiệp, nhược điểm lớn là chậm phát triển nông nghiệp toàn diện với cơ cấu đa dạng phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu, thời tiết của từng vùng; chưa kết hợp chặt chẽ sản xuất nông nghiệp, làm nghiệp, ngư nghiệp với công nghiệp chế biến. Chúng ta thiếu những chính sách và biện pháp linh hoạt nên chưa phát triển mạnh cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng, nghề cá. Những vùng sản xuất tập trung với sản lượng lớn hàng hóa chưa được hình thành. Công tác quy hoạch đất đai, phân vùng sản xuất làm chậm. Việc khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới, trồng cây gây rừng, khai thác lâm sản và thủy sản đạt hiệu quả thấp.

Về công nghiệp, chúng ta chưa xác định hợp lý nhiệm vụ, mục tiêu và cơ cấu cụ thể của từng ngành công nghiệp trong các kế hoạch 5 năm, nhất là trong 5 năm 1976—1980. Kế hoạch xây dựng công trình không phù hợp với khả năng đầu tư, không cân đối đồng bộ với cơ sở hạ tầng và các điều kiện sản xuất; xem nhẹ việc đầu tư chiều sâu, không chú ý đầu tư cải tạo và mở rộng những cơ sở hiện có, xem nhẹ quy mô vừa và nhỏ; không tính toán cân nhắc cẩn thận về thời gian và địa điểm xây dựng để đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất.

Những khuyết điểm trên đã dẫn đến hậu quả là thiếu vốn, không đủ khả năng đầu tư, cho nên nhiều công trình lớn tuy đã ký kết với nước ngoài, song phải hoãn khởi công, hàng chục công trình phải kéo dài thời gian xây dựng, diện công trình xây dựng dở dang vẫn còn quá lớn; một số công trình xây dựng xong không thể sử dụng hết công suất hoặc không đủ điều kiện hoạt động tốt.

★

Nếu chúng ta cứ tiếp tục theo đà này, để các nhà máy chạy cầm chừng, để cho vốn ứ đọng lại quá lâu ở nhiều công trình xây dựng dở dang kéo dài, kém hiệu quả thì nhất định không thể thực hiện được những mục tiêu kinh tế — xã hội đã đề ra. Tình hình đó đòi hỏi chúng ta phải kiên quyết sửa chữa khuyết điểm để tiến lên.

Trong 5 năm tới chúng ta phải *kiên quyết điều chỉnh lớn phương án bố trí cơ cấu kinh tế*, cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư một cách hợp lý.

Phương án điều chỉnh này phải theo hướng thật sự lấy *nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu*, và phải thể hiện đúng mức và đầy đủ điều đó ở tỷ lệ đầu tư cụ thể cho nông nghiệp, giải quyết kịp thời những vấn đề như: thủy lợi, phân bón, thuốc trừ sâu. Ban hành các chính sách thu mua, giá cả, tín dụng... có tác dụng kích thích sản xuất phát triển và cải thiện đời sống nông dân. Thật sự khuyến khích nông dân sản xuất bằng các chính sách đòn bẩy kinh tế, đồng thời cung cấp kịp thời cho nông dân những hàng công nghiệp tiêu dùng cần thiết.

Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng chủ yếu là đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, đồng thời mở rộng diện tích một cách vững chắc và có hiệu quả, bố trí hợp lý sản xuất lương thực, cây công nghiệp và chăn nuôi. Chú trọng giải quyết bằng được vấn đề lương thực — thực phẩm cho toàn xã hội. Nếu cứ để tình trạng thiếu

Digitized by Google

thốn kéo dài thì sẽ gặp khó khăn trong quá trình sản xuất và tái sản xuất xã hội. Muốn sản lượng lương thực, thực phẩm và nông sản khác tăng lên, đủ nuôi sống toàn xã hội, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và có phần cho xuất khẩu, điều quan trọng hiện nay là phải thực hiện những biện pháp có hiệu quả để *tăng năng suất lao động và năng suất cây trồng, con vật nuôi* v.v. trong nông nghiệp. Khi năng suất nông nghiệp tăng lên thì những sản phẩm được tạo ra không những chỉ đủ nuôi sống nhân khẩu nông nghiệp mà còn nuôi sống nhân khẩu ở các vùng phi nông nghiệp và toàn xã hội. Muốn vậy, chúng ta cần ứng dụng kịp thời những thành tựu khoa học, kỹ thuật vào nông nghiệp nhằm đem lại năng suất cao trong trồn, trọt và chăn nuôi.

Đồng thời với phát triển nông nghiệp, *chúng ta phải ra sức phát triển công nghiệp nhẹ bao gồm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm*, tạo nguồn hàng xuất khẩu lớn, tăng thêm việc làm cho người lao động và tạo dần tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân.

Đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng tiêu dùng như: vải, giấy, dược, thuốc chữa bệnh v.v. Mở rộng chế biến mía, chế biến thủy sản, tạo ra nguồn thực phẩm thiết yếu hằng ngày cho nhân dân. Thu hút nhiều lao động vào công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng. Tổ chức lại và phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp ở các thị xã, thị trấn và ngành nghề ở nông thôn, tận dụng các nguồn nguyên, vật liệu địa phương, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội.

Về công nghiệp nặng, cần phải lựa chọn cả về quy mô và nhịp độ xây dựng, phát huy hiệu quả nhanh nhằm phục vụ đắc lực cho yêu cầu phát triển nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và xuất khẩu. Đối với các ngành như điện, than, phân lân..., cần tập trung phát triển, tích cực làm cho được với kỹ thuật và quy mô thích hợp. Xây dựng cả nhiệt điện và thủy điện, chú ý phát triển thủy điện nhỏ, nhất là ở các vùng không có lưới điện quốc gia. Xây dựng và cải tạo đường dây, trạm biến thế đồng bộ với nguồn điện. Xây dựng chương trình phát triển đồng bộ ngành than, chú trọng đúng mức các mặt kinh tế, kỹ thuật, tổ chức quản lý để tăng sản lượng một cách vững chắc. Giải quyết kịp thời các khâu không đồng bộ trong dây chuyền sản xuất ở các mỏ. Đẩy mạnh khai thác than địa phương, nâng cao chất lượng than. Để phục vụ sản xuất nông nghiệp, cần phát triển nhanh sản xuất phân lân, cải tạo và mở rộng các nhà máy phân hóa học hiện có. Đối với những sản phẩm mà trong nước chưa có thể sản xuất được ngay thì thông qua xuất khẩu để nhập khẩu.

Cơ cấu kinh tế hợp lý phải được bảo đảm bằng một hệ thống giao thông vận tải và thông tin liên lạc đồng bộ. Cần phát triển kết cấu hạ tầng và các hoạt động dịch vụ cần thiết để phục vụ phát triển kinh tế.

Coi trọng đầu tư cho khoa học kỹ thuật và đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, thúc đẩy kinh tế – xã hội phát triển. Công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học, kỹ thuật cần được tập trung triển khai theo hướng sinh học và công nghệ sinh học, hóa học phục vụ sản xuất và chế biến lương thực, thực phẩm, công nghệ và giải pháp kỹ thuật tiên tiến nhằm tiết kiệm năng lượng, vật tư, thay thế nguyên liệu nhập khẩu, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế; khoa học kinh tế và quản lý kinh tế phục vụ việc xây dựng chiến lược kinh tế – xã hội và hệ thống quản lý mới, đồng thời chuẩn bị điều kiện mọi mặt để đẩy mạnh công nghiệp hóa trong chặng đường

Digitized by Google

tiếp theo. Trên cơ sở điều chỉnh việc bố trí cơ cấu kinh tế, chúng ta tập trung lực lượng, trước hết là vốn và vật tư để thực hiện *ba chương trình mục tiêu về lương thực — thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*. Ba chương trình này định hướng cho việc xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý; đó là sự thể hiện mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân và cũng là nội dung của công nghiệp hóa trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ ở nước ta.

Trong việc bố trí cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, cần quán triệt một số chủ trương quan trọng như sau:

Thứ nhất, kiên quyết sắp xếp lại các cơ sở kinh tế, văn hóa, trước hết là các cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, các cơ sở của cả trung ương và địa phương.

Đối với những cơ sở sản xuất kinh doanh trong 5 năm sắp đến không có điều kiện hoạt động có hiệu quả thì kiên quyết chuyển hướng, thu hẹp sản xuất, hoặc đóng cửa hẳn. Tập trung cung ứng đủ năng lượng, nguyên liệu, vật tư cần thiết cho các cơ sở sản xuất các sản phẩm quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Ưu tiên vốn để đầu tư chiều sâu cho các cơ sở đó nhằm phát huy hết năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế.

Thứ hai, tập trung vốn hoàn thành các công trình tối cần thiết đang xây dựng dở dang để có thể sớm phát huy hiệu quả, nhằm phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu và đạt những mục tiêu đã lựa chọn. Giãn tiến độ hoặc dình hẳn việc xây dựng những công trình chưa thật cần thiết hay sẽ không có điều kiện sử dụng có hiệu quả sau khi làm xong. Việc đầu tư xây dựng thêm công trình mới phải nhằm đúng phương hướng và mục tiêu đã định. Việc xây dựng mới trong các ngành, nhất là công nghiệp phải theo quy mô hợp lý với công nghệ và kỹ thuật thích hợp, bảo đảm xây dựng nhanh, huy động kịp thời từng công trình vào sản xuất để đạt hiệu quả thiết thực.

Thứ ba, từ bỏ lối làm cũ, cứ quyết định riêng rẽ từng công trình mà không xem xét trong tổng thể phương án của kế hoạch 5 năm; phải làm đúng theo quy trình xây dựng và xét duyệt việc xây dựng các công trình trên cơ sở luận chứng kinh tế — kỹ thuật

★

Chuyển hướng và điều chỉnh cơ cấu kinh tế là vấn đề rất khó khăn, đòi hỏi chúng ta phải đổi mới cách suy nghĩ và cách làm cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế và điều kiện, hoàn cảnh của nước ta hiện nay. Chúng ta kiên quyết chống bảo thủ, trì trệ, dám thừa nhận và sửa đổi những quyết định sai lầm trước đây, dũng cảm xử lý những vấn đề phức tạp nảy sinh trong quá trình chuyển hướng và điều hành.

Phải quán triệt nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng về chuyển hướng xây dựng cơ cấu kinh tế. Các ngành, các cấp chủ động bố trí lại sản xuất và đầu tư trong ngành và địa phương mình, cùng với trung ương thực hiện việc bố trí lại cơ cấu kinh tế trong cả nước, vượt qua mọi khó khăn trước mắt, ổn định tình hình kinh tế — xã hội, tạo điều kiện để đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.

Digitized by Google

NGUYỄN HỮU PHÙNG

MỘT SỐ CẢI TIẾN BƯỚC ĐẦU VỀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ Ở THANH HÓA

HỘI nghị thứ 8 Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa V) quyết định « dứt khoát xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện đúng đắn chế độ tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa ». Thanh hóa đã sớm triển khai việc thực hiện nghị quyết ấy ở các đơn vị kinh tế cơ sở. Các cấp Đảng, chính quyền, các ngành quản lý kinh tế — xã hội và các đoàn thể quần chúng đã chuyển hướng hoạt động: bám sát cơ sở, nắm vững các yêu cầu, nguyện vọng của cơ sở và người lao động, đề ra các chủ trương, biện pháp tháo gỡ ách tắc, từng bước đổi mới cơ chế quản lý nhằm mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Thi hành nghị quyết của Bộ chính trị (dự thảo) *về bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở*, Thanh hóa càng đẩy mạnh thêm sự chuyển hướng ấy.

Trước hết, Thanh hóa coi trọng *công tác kế hoạch hóa* — công tác trung tâm trong quản lý kinh tế. Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đã trực tiếp truyền đạt mục đích, yêu cầu, nội dung và phương pháp đổi mới công tác kế hoạch và chỉ ra những vấn đề cần quan tâm khi làm kế hoạch cho cán bộ chủ chốt và cán bộ trực tiếp làm công tác kế hoạch trong tỉnh. Tỉnh, huyện và cơ sở đã rà soát lại quy hoạch tổng thể, điều chỉnh, bổ sung cơ cấu kinh tế, đề ra phương hướng sản xuất cụ thể của mình. Đến tháng 7-1986, hầu hết các huyện, thị xã đã xây dựng xong (tỉnh đã duyệt) quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất và mục tiêu kinh tế — xã hội, quốc phòng an ninh các năm 1986 — 1990. Đó cũng là cơ sở cho Đại hội đảng bộ huyện và tỉnh xác định nhiệm vụ chính trị.

Nhiều xí nghiệp quốc doanh, hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, tiểu thủ, công nghiệp đã tiến hành rà soát, bổ sung và xác định được phương hướng sản xuất, mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch tương đối sát và có sáng tạo. Nét nổi bật trong công tác kế hoạch hiện nay là được đông đảo quần chúng tham gia xây dựng. Kế hoạch được xây dựng từ cơ sở. Căn cứ vào các thông tin kinh tế, các hợp đồng kinh tế, sự chỉ đạo của cấp trên và khả năng, tiềm năng của mình, các đơn vị sản xuất kinh doanh chủ động lập kế hoạch và đưa ra quần chúng bàn bạc, tham khảo nghiêm túc ý kiến của những gia đình sản xuất giỏi, những công nhân lành nghề, những cán bộ quản lý và cán bộ khoa học, kỹ thuật giàu kinh nghiệm. Trên cơ sở đó, các đơn vị tính toán, cân đối chặt chẽ và xác định các chỉ tiêu kế hoạch năm 1986. Từ đó, tổng hợp lại thành kế hoạch phát triển kinh tế — xã hội năm 1986 của tỉnh. Kế hoạch đó đã

Digitized by Google

được sự nhất trí cao trong hội nghị BCH đảng bộ tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tư duy kinh tế và cách làm kinh tế của cán bộ trong tỉnh đã có chuyển biến tốt, năng động hơn; nhiều điển hình tốt xuất hiện. Một số hợp tác xã nông nghiệp đã chuyển sản xuất màu sang vụ đông, xây dựng vùng lúa cao sản, đẩy mạnh thâm canh trên toàn bộ diện tích, dành nhiều diện tích trồng cây công nghiệp ngắn ngày như: lạc, đay, thuốc lá v.v. nhằm tăng nguồn hàng xuất khẩu.

Các xí nghiệp quốc doanh, các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp, các hợp tác xã nghề cá đã sắp xếp lại sản xuất, cải tiến công nghệ, đầu tư máy móc, công cụ, đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, cho nên bước đầu đã phát triển được sản xuất và đạt được hiệu quả kinh tế cao hơn trước. Trong kinh tế gia đình đã khôi phục các ngành nghề như chế biến mầu, làm hàng đay, cói, mây, tre, đan xuất khẩu... Kinh tế gia đình chiếm một tỷ trọng khá trong nền kinh tế chung.

Do việc đổi mới công tác kế hoạch hóa, bước đầu Thanh hóa đã tháo gỡ được một số vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy kinh tế phát triển.

Việc cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm đã có những chuyển biến tích cực. Hiện nay chúng ta đang gặp khó khăn phổ biến là vật tư cung cấp cho sản xuất không đủ số lượng, không đúng chất lượng, chủng loại, thời gian và địa điểm giao nhận. Để khắc phục một phần khó khăn trên, Thanh hóa đã có một số chủ trương, biện pháp giải quyết có hiệu quả. Đi đôi với việc tiếp nhận vật tư do Nhà nước cung ứng, Thanh hóa đã đẩy mạnh việc mở rộng khai thác các nguồn vật tư nguyên liệu trong tỉnh, trao đổi sản phẩm với các địa phương khác thông qua xuất khẩu để nhập khẩu vật tư. Vì thế, mấy năm gần đây, tỉnh đã có thêm được hàng vạn tấn phân đạm, phốt phát, than, hàng chục vạn tấn nguyên liệu, lương thực và hàng hóa làm nguồn bổ sung đáng kể cho các cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động.

Mặt khác, tỉnh đã ban hành một số chế độ, chính sách khuyến khích huyện, ngành và cơ sở sản xuất khai thác vật tư, nguyên liệu tại chỗ, những vật tư quý hiếm để tự cân đối. Nhờ có chính sách khuyến khích tốt cho nên huyện Thiệu yên đã vươn lên tự lực xây dựng hơn 40 trạm điện hạ thế, giải quyết việc chống hạn, chống úng và tạo điều kiện cho kinh tế huyện, trước hết là nông nghiệp phát triển toàn diện. Nhiều huyện vươn lên tự lực phát triển giao thông, xây dựng cầu, cống và các cơ sở vật chất khác. Nhiều xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã sản xuất đã tự cân đối được 30 – 40% vật tư nguyên liệu mà tỉnh không có khả năng cung ứng. Gần đây đã xuất hiện một hình thức mới đáng khuyến khích, đó là một số địa phương, đơn vị và gia đình góp vốn và vật tư để xây dựng công trình hoặc phát triển sản xuất mặt hàng mà các bên tham gia đều có lợi.

Công tác thu mua, giao nộp sản phẩm cũng được cải tiến. Thông qua hợp đồng kinh tế hai chiều, Nhà nước ứng trước vật tư cho người sản xuất và thu lại sản phẩm khi đến mùa vụ thu hoạch hoặc kết thúc chu kỳ sản xuất. Việc bán sản phẩm của nhân dân và cơ sở cho Nhà nước hoặc cho cơ sở khác làm nguyên liệu sản xuất được tổ chức lại một cách hợp lý, tránh được đường vòng qua nhiều khâu trung gian phiền hà, lãng phí.

Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn mất cân đối giữa nhu cầu vật tư cho sản xuất và khả năng cung cấp có hạn của cả 3 cấp tỉnh, huyện và cơ sở. Giá cả hàng hóa đang còn biến động, chưa phản ánh đúng chi phí sản xuất, do đó đã hình thành sự chênh lệch giả tạo, không hợp lý về thu nhập giữa

Digitized by Google

các đơn vị sản xuất và kinh doanh, chưa tạo điều kiện để đánh giá đúng năng suất và hiệu quả của các đơn vị kinh tế. Những vấn đề đó là nguyên nhân chủ yếu đang gây ra trì trệ và ách tắc trong kinh tế hiện nay.

Quyền tự chủ về tài chính đang là một đòi hỏi cấp bách và chính đáng của các đơn vị kinh tế cơ sở. Trong những năm gần đây Thanh hóa chú trọng tạo ra sự cân đối tích cực về vốn và ngân sách cho cả cấp tỉnh, cấp huyện và cơ sở. Bằng những chính sách khuyến khích thỏa đáng và kịp thời, đến nay nhiều huyện và cơ sở đã có quỹ dự trữ về tài chính, lương thực đáng kể, góp phần ổn định được đời sống nhân dân khi có thiên tai và phát triển được sản xuất.

Từ khi có nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương Đảng (khóa V), nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh mạnh dạn khuyến khích xã viên, cán bộ công nhân, viên chức và nhân dân góp vốn dưới nhiều hình thức như cho vay lấy lãi thỏa đáng, đóng cổ phần v.v. nhờ đó nhiều hợp tác xã mua bán đã tăng được vốn kinh doanh, nhiều hợp tác xã nông nghiệp có vốn mua vật tư dự trữ trước vụ, nhiều hợp tác xã nghề cá có vốn mua sắm thêm thuyền và công cụ đánh bắt. Ngay cả một số công trình xây dựng cơ bản ở một số huyện cũng có thêm vốn, đẩy nhanh được tiến độ thi công.

Chỉ tính trong hai năm 1984 và 1985 tổng số vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản của các huyện Thiệu yên, Thọ xuân, Nông cống, Nga sơn đã được cấu tạo như sau: ngân sách của tỉnh 17%, vay ngân hàng 21%, ngân sách huyện 2%, còn 60% là do hợp tác xã và nhân dân đóng góp.

Những kết quả bước đầu cho thấy, nếu chúng ta biết hoàn chỉnh và ban hành các chính sách về đòn bẩy kinh tế để khuyến khích thỏa đáng và bảo đảm bằng pháp luật thì nhất định sẽ thu hút được nhân dân góp vốn mở rộng sản xuất, kinh doanh. Đây là khả năng hiện thực, là tiềm năng to lớn có thể khai thác được để tạo ra bước ngoặt trong cân đối ngân sách và mở rộng quyền tự chủ về tài chính của các đơn vị kinh tế cơ sở.

Trở ngại lớn nhất hiện nay là sức mua của đồng tiền đang giảm sút và cơ chế hoạt động của ngân hàng chậm được đổi mới. Còn tình trạng khi cơ sở sản xuất cần vốn để mua vật tư, nguyên liệu cho sản xuất, thương nghiệp cần tiền để thu mua, nắm hàng thì không có tiền, đến khi có tiền thì mùa vụ đã qua, gây nhiều ách tắc cho sản xuất kinh doanh, làm giảm lòng tin của nhân dân và cơ sở.

Một số chính sách thu cho ngân sách chưa ổn định và thiếu nhất quán «chỗ này mở, nơi kia thắt», làm cho người và đơn vị sản xuất phân tâm, thậm chí không dám báo cáo trung thực. Vấn đề này cần sớm được sửa chữa, bổ sung và ổn định trong một thời kỳ tương đối dài.

Thanh hóa còn nhiều tiềm năng chưa được khai thác, đặc biệt là ở các huyện trung du, miền núi giàu tài nguyên khoáng sản. Nếu có sự giúp đỡ đầu tư thích đáng của trung ương thì nền kinh tế của Thanh hóa có thể tự cân đối được vốn cho việc mở mang các tuyến giao thông quan trọng, khai thác khoáng sản với quy mô lớn, trị thủy các dòng sông lớn, xây dựng cảng biển v.v.

Lao động là một tiềm năng to lớn và cũng đang là «sức ép» đối với xã hội, đòi hỏi các cấp, các ngành tham gia giải quyết. Thực trạng phân bố tự nhiên về lao động hiện nay ở các vùng và các ngành kinh tế trên địa bàn toàn tỉnh Thanh hóa chưa đồng đều. Trong khi trung du, miền núi đất rộng người thưa, thiếu lao động thì ở vùng đồng bằng, ven biển, đặc biệt là các thị xã, lại có quá nhiều lao động chưa có việc

Digitized by Google

làm. Trong các xí nghiệp quốc doanh, tỷ lệ lao động gián tiếp cao, nhiều lao động trực tiếp chưa qua đào tạo hoặc bố trí trái ngành nghề chưa được sắp xếp lại. Các xí nghiệp, các ngành, các địa phương đã và đang tiến hành sắp xếp lại sản xuất, tạo thêm nhiều ngành nghề để giải quyết công ăn việc làm cho số lao động dư thừa tại chỗ và thu hút thêm một số lao động khác trong xã hội.

Cùng với việc đưa người đi xây dựng vùng kinh tế mới. Ở ngoài tỉnh Thanh hóa tiếp tục đưa dân lên xây dựng vùng kinh tế mới ở các huyện miền núi trong tỉnh; mở rộng việc khai thác, chế biến nông sản, lâm sản, hải sản và dịch vụ... Tuy nhiên, do một số chính sách đối với người đi xây dựng vùng kinh tế mới chậm được sửa đổi, bổ sung và chưa thật sự khuyến khích; công tác giáo dục chính trị, tư tưởng làm chưa thấu đáo; công tác chỉ đạo của các cấp, các ngành thiếu chặt chẽ; một số nhu cầu của sản xuất không được đáp ứng, cho nên công tác phân bố và sử dụng lao động đạt kết quả thấp.

Giá cả các tư liệu sinh hoạt tăng, tiền lương thực tế giảm sút đã làm cho đời sống của cán bộ, công nhân, viên chức sống chủ yếu bằng tiền lương gặp nhiều khó khăn. Tiền lương không phát huy được chức năng phân phối theo lao động và kích thích việc tăng năng suất lao động.

Nâng cao khả năng ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật cho cơ sở và đưa nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất là vấn đề rất cơ bản và bức thiết. Nhiều cơ sở và địa phương trong tỉnh đã sớm ý thức được điều đó và biết tổ chức thực hiện. Đã nhiều năm nay, được sự giúp đỡ của các ngành ở trung ương và của các nhà khoa học, việc ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong một số lĩnh vực đã thu được kết quả tốt. Trong nông nghiệp đã tạo ra được hệ thống giống cây trồng hợp lý, thích ứng với điều kiện thổ nhưỡng từng vùng, cho năng suất cao. Nhiều hợp tác xã như Xuân thành (Thọ xuân), Tiến nông (Triệu sơn), Tế lợi (Nông cống), Hoằng quy (Hoằng hóa), Triệu dương (Đông sơn)... đã tạo ra những cánh đồng, những vùng lúa cao sản, năng suất lúa nhảy vọt từ bình quân 4 tấn/ha/vụ lên 6 — 7 tấn/ha/vụ, có biệt có nơi đạt 8 — 9 tấn/ha/vụ. Giống ngô lai VM1 ở Cẩm vân, Cẩm bình (Cẩm thủy) đạt năng suất 3 — 4 tấn/vụ.

Một số con vật nuôi như vịt lai giống Bắc kinh, Anh đào, bò lai Sin, lợn lai Đại bạch, Coóc-van, cá chép Hung-ga-ri... đã tạo ra sự biến đổi cả về số lượng và chất lượng; lợn xuất chuồng bình quân từ 40 kg/con lên 55 — 60 kg/con; vịt thời vụ từ 1 kg/con lên tới 1,8 — 2 kg/con v.v.

Trong công nghiệp có thêm một số mặt hàng mới như bia các tông sóng, máy tuốt lúa đạp chân, tôm đông lạnh... và chất lượng một số mặt hàng khác đã được nâng cao như sứ cao cấp, thuốc lá Bông sen, quạt trần, quạt bàn, tre đan và mặt hàng dạy cói... đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và đạt chất lượng xuất khẩu.

Đi đôi với việc đẩy nhanh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhiều cơ sở đã quan tâm ứng dụng các tiến bộ trong khoa học quản lý, kết hợp hài hòa ba lợi ích, cho nên đã kích thích được sản xuất phát triển và đạt hiệu quả kinh tế cao hơn.

Triển khai thực hiện nghị quyết của Bộ chính trị (dự thảo) *về bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở*, Thanh hóa đã làm thử việc giao cho giám đốc một số xí nghiệp quyền cải tiến công nghệ sản xuất, đổi mới thiết bị, ký kết các hợp đồng khoa học, kỹ

(*Xem tiếp trang 83*)

Digitized by Google

PHAN QUỲNH ANH

QUA MỘT SỐ TÁC PHẨM CỦA NHỮNG NGƯỜI VIẾT VĂN TRẺ

SỨC hút chủ yếu trong sáng tác của các cây bút trẻ là dòng cảm xúc dạt dào, chân thật, mới mẻ, tinh khôi. Tác phẩm của họ, nhất là những tác phẩm đầu tay, phần lớn được viết nên do niềm say mê lý tưởng, do những thôi thúc của tình cảm, của tâm hồn. Tại Hội nghị những người viết văn trẻ toàn quốc thứ ba cuối năm 1985, Đặng Thị Kim Phụng đã nói về «con đường đến với văn học» của mình: viết là để củng cố niềm tin và nghị lực sống, là để làm sống lại một thời tuổi trẻ trải dài theo những chặng đường hành quân, chiến dịch — một thời tuổi trẻ sôi nổi say mê nhưng gian khổ và ác liệt; viết là để tưởng nhớ đến những đồng đội đã ngã xuống hôm qua.

Tuổi trẻ *với những rung động tươi rói*, với sự năng nổ, xông xáo khắp các lĩnh vực của cuộc sống đã đem đến cho văn học *nhịp điệu, không khí và hơi thở từng lực của cuộc sống hôm nay*.

Hiện thực trong tác phẩm của một số nhà văn lớp trước có thể là những mảng đời của xã hội cũ, là hai cuộc kháng chiến thần thánh vừa qua. Còn hiện thực trong tác phẩm của lớp người viết trẻ sau năm 1975 là hiện thực sôi động, phong phú, phức tạp, đầy biến động của hôm nay. Đó là cái hiện thực của những ngày tháng Tư năm 1975 lịch sử với bao nhiêu biến cố lớn lao. Nhịp sống mới dào dạt tác động tới từng ngôi nhà, từng ngõ phố, từng số phận con người sau giải phóng. Nó đem tới bao niềm vui xúc động khi lẽ sống, niềm tin, phẩm giá được trả lại cho mỗi một con người (*Nếu không có ngày Ba mươi tháng Tư* — Đinh Thị Thu Vân. *Thành phố tháng Tư* — Lê Thị Kim, tập truyện *Gia đình* của Trần Văn Tuấn). Sự nhạy cảm giúp cho nhiều tác giả trẻ khá thành công trong việc khai thác mảng đề tài này. Họ cũng chính là những người giữ «chốt» ở «vùng» tác phẩm viết về cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc hôm nay. Ngay từ tháng 2 năm 1979, các cây bút trẻ quân đội đã lên điểm tựa, và từ đó bám sát bước chân người chiến sĩ, ra hải đảo, tới những nơi bộ đội ta đang làm nghĩa vụ quốc tế. Nhiều tác giả trẻ là cây bút đồng thời cũng là người lính. Dễ hiểu vì sao cảm xúc của các anh hòa quyện được với suy nghĩ, tình cảm của người chiến sĩ hôm nay. Các anh đã giúp cho người đọc nhận thức được đầy đủ, rõ nét hơn tính chất ác liệt kiểu mới của cuộc chiến tranh biên giới, có lúc bùng nổ dữ dội nhưng phần nhiều là sự căng thẳng âm thầm, dai dẳng. Người chiến sĩ không những có lúc phải chịu những cơn đói, cơn khát còn cào giữa cái nắng thiêu đốt và cái nóng hầm hập tỏa ra từ đá, mà còn phải vượt lên những ước mong nho nhỏ, những băn khoăn trăn trở vọng về từ một cuộc sống hòa bình ở hậu phương không xa nơi súng nổ (Ký và thơ của Nguyễn Đình Chiến, thơ của Trần Đăng Khoa, Nguyễn Hồng Hà, Tứ Ngàn Phố, Nguyễn Tùng

Digitized by Google

Linh...). Các tác giả tập trung đi sâu vào tâm tình người chiến sĩ, miêu tả những khó khăn gian khổ của họ nhằm làm nổi bật niềm lạc quan yêu đời, tinh thần dũng cảm trong đấu tranh với hoàn cảnh và với bản thân mình, ý chí quyết thắng để bảo vệ mảnh đất Mẹ hiền thiêng liêng. Dù chưa có nhiều tác phẩm hay viết về cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tổ quốc, nhưng những người chiến sĩ thuộc thế hệ thứ tư hôm nay đã soi thấy gương mặt và cuộc sống chiến đấu đầy thử thách của mình trong tác phẩm của những cây bút cùng thế hệ.

Anh chị em cầm bút trẻ còn bám sát mọi lĩnh vực của cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa. Một loạt bài ký đã dựng lại bức tranh lao động cần cù, vất vả, vẻ đẹp gân guốc, khỏe mạnh của những người lao động bình thường đang ngày đêm miệt mài phấn đấu xây dựng cuộc sống mới. Thể loại ký, với những đặc trưng thời sự, nóng hổi của nó, dường như có thuận lợi đặc biệt đối với lớp trẻ — những người xông xáo có cái nhìn nhanh, nhạy, nhiệt tình và tươi tắn. Có thể kể ra đây những bài ký về những người đi biển của Nguyễn Văn Dệ, về những người nuôi ong của Vũ Đình Minh, về công nhân gang thép của Hồ Thủy Giang, về sông Đà của Giáng Vân, về một phòng bưu điện miền núi của Đức Ban, về đội ngũ công nhân trồng rừng các dân tộc Tây nguyên của Nguyễn Thái Vận..., đặc biệt là bài *Làng tôi bên bờ sóng* của Hoàng Hữu Các. Bài viết đem đến cho người đọc cả vẻ đẹp của những cánh buồm nâu no gió, cả cuộc vật lộn dữ dội của con người với biển cả, thiên nhiên. Điều kiện sống khắc nghiệt của một làng ven biển đòi hỏi con người ở đây phải kiên quyết, vững vàng, đồng lòng hợp sức, phải tìm ra những mô hình sáng tạo, những con đường ngắn nhất để đi tới ấm no.

Có thể nói, phạm vi đề tài trong tác phẩm của những cây bút trẻ bao trùm khắp cuộc sống chiến đấu và sản xuất, nó đi từ cuộc sống chung rộng lớn tới những nơi sâu thẳm trong tâm hồn con người. Hơi thở của cuộc sống mới tỏa ấm tới cả những cuộc đời thầm lặng của những người trói mình giữa bốn bức tường nhà tu kín, góp phần giải phóng họ khỏi những gì lạc hậu, bảo thủ, phản tiến bộ xã hội (tiểu thuyết *Cuộc đời bên ngoài* của Vũ Huy Anh).

Tác phẩm của người viết trẻ có thể chưa thật nhuần nhuyễn trong cách viết nhưng « phải tươi mới, đạt đào sức trẻ », phải mang tính « táo bạo, dám đụng chạm đến những vấn đề phức tạp » của cuộc sống. Có như vậy mới tạo được những bước tiến trong văn học — bước tiến cùng với cuộc sống. Nếu không, văn học sẽ bị mất đi cái thiên chức mang tính công dân của mình: phản ánh và góp phần cải tạo cuộc sống (1). Sáng tác của những cây bút trẻ chúng ta mang đầy đủ cả hai tính chất ấy. *Xu hướng trực tiếp tham dự vào những vấn đề nước sôi lửa bỏng của cuộc sống* thể hiện đặc biệt rõ nét trong tác phẩm của những người viết văn trẻ.

Hầu hết các tác giả trẻ đều có ý thức góp phần kiến giải những vấn đề mà cuộc sống đặt ra, đều muốn tâm tình, đối thoại với người đọc. Đó là những đề xuất, những mô hình mới trong công tác quản lý, lãnh đạo chiến sĩ nhằm nâng cao hiệu quả huấn luyện và chiến đấu trong hoàn cảnh mới (*Trên không yên tĩnh* của Hoàng Hữu Các, *Sĩ quan trung đoàn* của Hà Phạm Phú...). Đặc biệt ở thời điểm hôm nay, cuộc đấu tranh giữa hai con đường, cuộc đấu tranh nhằm xây dựng một cơ chế quản lý mới, một phong cách làm ăn mới... đang diễn ra vô cùng gay gắt, người cầm

(1) V. Ax-ta-phi-ép: Mà cuộc sống thì cứ biến chuyển... Báo *Văn học* (Liên Xô), số 50, 1985.

Digitized by Google

bút thấy có trách nhiệm lớn trước hiện thực sôi động ấy của đất nước. *Đứng trước biển*, *Cù lao Tràm* của Nguyễn Mạnh Tuấn, *Giấy trắng* của Triệu Xuân... đã phản ánh được cuộc đấu tranh ấy, đã phân tích, phê phán những cái xấu, cái tiêu cực một cách quyết liệt với tất cả bản lĩnh của một người cầm bút, và nhiệt tình ca ngợi những con người mới, những mô hình mới trong công tác tổ chức — quản lý kinh tế, xã hội. Sức hấp dẫn chủ yếu của các tác phẩm này là ở chỗ dám đặt và giải quyết vấn đề, tất nhiên không phải mọi vấn đề đều được giải quyết thấu đáo và thuyết phục, nhưng đó là những vấn đề trung tâm của cuộc sống, gắn bó mật thiết với mọi người ở mọi miền đất nước; ở cái nhìn đi thẳng vào bản chất của sự việc, không quanh co, né tránh; ở tình cảm công dân nồng nhiệt và ý thức trách nhiệm cao của người làm chủ.

Một đóng góp đáng ghi nhận nữa của các cây bút trẻ trong một số sáng tác là đã *khắc họa được những tính cách, những chân dung đẹp của thế hệ mới hôm nay*. Ở đây, những nhân vật tích cực đại diện cho cả một lực lượng tiên tiến đang đấu tranh cho một nếp suy nghĩ mới, một thái độ lao động trung thực, coi trọng chất lượng, hiệu quả công việc. Những nhân vật này có ý thức tự khẳng định mình bằng hành động, ý thức tự vượt lên chính bản thân mình, sống trung thực, sống hết mình với công việc, bạn bè, đồng chí.

Tập trung chú ý tới bình diện đạo đức, nhân cách xã hội chủ nghĩa trong khi xây dựng tính cách nhân vật — đó là đặc điểm nổi bật của nhiều truyện ngắn viết về những người lính thuộc thế hệ thứ tư, về những đề tài khác nhau trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội... Trong những truyện ngắn này, những người cầm bút trẻ đã kết hợp được một cách nhuần nhuyễn những vấn đề thời sự, chính trị nóng hổi của cuộc sống với chiều sâu tâm lý, số phận nhân vật. Ở đây cuộc đấu tranh giữa cái tích cực, tiên tiến và cái bảo thủ, trì trệ có liên quan chặt chẽ với cuộc đấu tranh giữa cái tốt và cái xấu, cái đen và cái trắng trong mỗi con người. Chính trong hoàn cảnh đó, tính cách nhân vật được bộc lộ rõ nét nhất, phát triển đầy đủ nhất và trở nên sống động. Những tính cách điển hình ấy, những nhân vật đẹp một cách gân guốc ấy vừa tạo nên chiều sâu cho tác phẩm, vừa đem đến cho người đọc một cảm xúc thẩm mỹ thật sự và một niềm tin biện chứng vào tương lai.

Đóng góp của những cây bút trẻ vào sự nghiệp chung của văn học hôm nay rõ ràng không chỉ là một phép cộng đơn thuần. Sự chân thật, khỏe khoắn, sự say mê, niềm tin và ý thức trách nhiệm đối với cuộc sống là âm hưởng bao trùm nhiều bài thơ, bài ký, truyện ngắn, truyện vừa và tiểu thuyết của họ. Lớp người viết văn trẻ hôm nay đã tỏ ra nhanh, nhạy, xông xáo đến những vùng đất mới, cố gắng nắm bắt hiện thực từ nhiều phía. Trong họ bừng lên khát vọng đi tới tận cùng của sự việc, đi tới cốt lõi của hiện thực để từ đó, thông qua hình tượng nghệ thuật, đưa ra những khơi gợi, những đề nghị... nhằm góp phần *giải quyết những vấn đề* cấp bách của cuộc sống.

★

Những cây bút trưởng thành sau năm 1975 này thuộc về thế hệ thứ tư của các nhà văn, đông tới hàng nghìn người và đang có mặt ở khắp mọi miền Tổ quốc.

Kể đến lực lượng sáng tác thì các cây bút trong lực lượng vũ trang chiếm một số lượng không nhỏ : đó là Hoàng

Digitized by Google

Hữu Các, Đinh Kính, Phạm Hoa, Nguyễn Đình Chiến, Phạm Sĩ Sáu, Lê Huy Khanh, Nguyễn Quốc Trung, Vũ Thị Hồng, Trần Đăng Khoa, Hồ Anh Thái, Phạm Khắc Vinh, Nguyễn Thụy Kha...

Ngoài ra là một lực lượng lớn đang hòa mình vào công cuộc lao động sôi nổi, khẩn trương của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nổi lên là Nguyễn Quang Lộc, Trần Văn Tuấn, Vũ Huy Anh, Nguyễn Đông Thức Hồ Trung Tú, Đức Ban, Nguyễn Đức Thọ... Trong số đó có nhiều cây bút nữ như Trần Thị Tlắng, Dạ Ngân, Trần Thùy Mai, Lý Lan, Đinh Thị Thu Vân, Lê Thị Kim, Song Hảo, Phạm Thị Minh Thư, Thùy Linh, Ngô Thị Hồng Vân, Lê Thị Thanh Minh, Hoàng Việt Hằng, Nguyễn Thị Giáng Vân, Nguyễn Thị Thu Huệ... Xuất hiện thêm nhiều cây bút trẻ người dân tộc thiểu số như Đinh Xăng Hiền (Hơ-rê), Lò Ngân Sủng (Dáy), Đinh Đăng Lượng, Quách Ngọc Thiên (Mường), Y Phương (Tày), Sa Phong Ba (Thái), Pờ Sảo Min (Pa-dí), Y Thí (Gia-rai)...

Còn phải kể đến đội ngũ những cây bút trẻ chuyên về lý luận, phê bình (mà chúng tôi chưa có điều kiện đề cập tới tác phẩm cụ thể) như Lê Quang Trang, Bùi Việt Thắng, Huỳnh Như Phương, Đinh Xuân Dũng, Trần Bảo Hưng, Lê Thành Nghị, Trần Đăng Xuyền, Lê Xuân Việt, Nguyễn Văn Lưu, Ngô Vĩnh Bình, Đoàn Thị Hương, Tôn Phương Lan, Đàm Mỹ Hạnh, Tôn Thảo Miên, Phạm Xuân Nguyên, Lê Thị Kim Vinh...

Sự hình thành và phát triển của đội ngũ những người viết văn thuộc thế hệ thứ tư này là một sự kế tiếp có tính tất yếu lịch sử. Bởi vì mỗi thời kỳ lịch sử, mỗi giai đoạn cách mạng cần có những nhà văn, những người nghệ sĩ của nó. Những nhà văn các thế hệ trước, qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đã góp phần đưa nền « văn học, nghệ thuật nước ta xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay » (2). Kế tục sự nghiệp của lớp người đi trước, kế thừa vốn lý luận và kinh nghiệm sáng tác qua mấy chục năm xây dựng và phát triển của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa, những người viết văn trẻ hôm nay nhìn chung đứng trên một cái *nền* cao hơn trước, do đó họ có điều kiện thuận lợi để có thể làm tròn sứ mạng của mình: phản ánh và góp phần cải tạo hiện thực một đất nước đang trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Lịch sử dân tộc đang trải qua một bước ngoặt, một thời kỳ đầy biến động, đang từng bước chuyển mình đi lên chủ nghĩa xã hội; trong khi đó vẫn phải tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và khắc phục hậu quả nặng nề của ba mươi năm chiến tranh. Do đó, so với các thế hệ nhà văn lớp trước, thế hệ thứ tư này gặp phải những khó khăn mới mẻ và phức tạp: họ đứng trước một mặt bằng hiện thực tuy phong phú và hấp dẫn nhưng còn chưa định hình, trước một công chúng có trình độ thẩm mỹ ngày càng cao.

Những đóng góp của các cây bút trẻ mới chỉ là bước đầu. Nhìn rộng ra cả đội ngũ chúng ta thấy còn có những vấn đề đáng bàn. Dư luận bạn đọc cho rằng: tính xã hội và tính tư tưởng trong khá nhiều tác phẩm còn thấp. Ở không ít sáng tác đầu tay, bạn đọc thường bị thuyết phục bởi thiện chí, nhiệt tình của người viết, nhiều hơn là bởi vốn sống và tầm tư tưởng sâu sắc. Đó đây có những tác phẩm lặp lại những mò típ giống nhau, thậm chí có sự dậm chân tại chỗ, trên một lối mòn năng khiếu. Nói chung còn ít những tác phẩm có tiếng vang mạnh mẽ trong văn học và đời sống.

(2) *Báo cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội IV*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1977, tr. 121.

Digitized by Google

Có nhiều nguyên nhân. Các đại biểu dự Hội nghị những người viết văn trẻ toàn quốc thứ ba đã nói nhiều đến việc trau dồi vốn chính trị, vốn sống và vốn văn hóa.

Điều cơ bản nhất đối với các cây bút trẻ hôm nay là xác định rõ mình đứng trên miếng đất hiện thực nào và đang đấu tranh cho cái gì (3). Nói một cách khác là mỗi người viết trẻ tự rèn luyện để có được *thế giới quan mác xít đúng đắn* và *lập trường chính trị vững vàng*; « đi vào giai đoạn cách mạng mới với tư thế là những cây bút chiến sĩ » (1). Nhiều tham luận trong hội nghị cũng xem đây là vấn đề sống còn của các cây bút trẻ. Các đại biểu cho rằng qua thực tế sáng tác, không ít cây bút trẻ còn chưa thoát khỏi cái nhìn cục bộ, phiến diện khi đánh giá con người, cuộc sống. Không ít tác phẩm chưa lôi cuốn người đọc bởi chỉ mới dừng lại ở những chuyện vụn vặt chẳng nói được gì nhiều, phê phán những hiện tượng tiêu cực nhưng chưa lý giải được nguyên nhân. Vấn đề đặt ra ở đây không phải là đề tài « lớn » hay « nhỏ », mà là ở chỗ tác phẩm đóng góp được gì cho cuộc sống, ở *hiệu quả xã hội* của nó. Bạn đọc hôm nay đòi hỏi những người viết văn — đặc biệt là những cây bút xung kích trẻ — phải cùng họ *khám phá và lý giải những vấn đề cơ bản* trong cuộc sống, cùng họ tháo gỡ, *xây dựng những mô hình*, cùng họ *tìm ra vẻ đẹp đích thực của nhân cách mới xã hội chủ nghĩa*. Điều đó có nghĩa là mỗi cây bút trẻ chúng ta phải có được khả năng định hướng, khả năng phát hiện ra những yếu tố mới, tích cực trong cuộc sống còn bộn bề, phức tạp, trong cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai con đường, giữa hai lối sống. Những khả năng ấy, như một số nhà văn đã phát biểu, là kết quả của quá trình rèn luyện một cảm quan chính trị nhạy bén mà cốt lõi của nó là việc nắm vững đường lối chính sách của Đảng.

Nhiều anh chị viết văn trẻ đã tâm niệm rằng, muốn chiếu sáng cho người đọc thì bản thân người viết phải tự cháy bùng lên ngọn lửa lý tưởng và tự hoàn thiện nhân cách xã hội chủ nghĩa của mình. Nếu như những thế hệ trước lao mình vào giữa dòng thác của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc với tư cách một chiến sĩ, thì hôm nay thế hệ chúng ta cũng đang xông tới những mũi nhọn của cuộc sống bằng tất cả nhiệt tình của tuổi trẻ và trách nhiệm của người công dân. Chính ở những « điểm nóng » đó chúng ta mới tự rèn luyện và trau dồi được bản lĩnh của mình, khám phá được một cách đầy đủ vẻ đẹp phong phú của con người mới, cuộc sống mới.

Đi, sống và tìm hiểu — vừa là yêu cầu bồi đắp vốn chính trị, vừa là yêu cầu bồi đắp *vốn sống*. Thực tế đã chứng minh rằng, sau những thành công đầu tiên, nếu người viết trẻ sớm rời miếng « đất sống » của mình, có nghĩa là không đủ lòng dũng cảm để trở lại với công việc tích lũy lâu dài, công phu cho những tác phẩm tiếp theo, thì rất dễ sa vào khuynh hướng hình thức chủ nghĩa hoặc rơi vào những suy lý, chiêm nghiệm khô khan ngoài hình tượng, ngoài cảm xúc. Một số cây bút không tự vượt lên được cũng một phần là do thiếu vốn sống. Nếu như cảm quan chính trị nhạy bén giúp cho người viết trẻ chúng ta nhanh chóng nắm bắt được những vấn đề cốt lõi, mới mẻ, tiên tiến của cuộc sống thì vốn sống sâu rộng (tất nhiên là cộng với tài năng nghệ thuật của tác giả) sẽ làm cho tất cả những cái mới, cái tiên tiến đó hiện lên đậm nét và sinh động qua những số phận, những con người, sẽ tạo cho chúng một cuộc sống thứ hai —

(3) Tham luận của đồng chí Hà Xuân Trường tại Hội nghị những người viết văn trẻ toàn quốc thứ ba.

(4) Báo cáo của Ban chấp hành Hội nhà văn Việt nam tại Đại hội thứ ba của Hội. Báo *Nhân dân*, số ra ngày 27-9-1963.

Digitized by Google

lên lâu và hấp dẫn. Hơn thế nữa, nhiệm vụ « trực chiến » trên mặt trận văn học — nhiệm vụ tái hiện kịp thời hiện thực sôi động của ngày hôm nay chủ yếu lại thuộc về thế hệ thứ tư. Nhiệm vụ đó đòi hỏi các anh các chị cắm sâu và lâu dài vào trung tâm cuộc sống, vươn tới trình độ tổng hợp, khái quát cao — những điều kiện để chuẩn bị thai nghén trong tương lai những tác phẩm lớn, những bộ tiểu thuyết — sử thi về đất nước và con người chúng ta hôm nay và mai sau.

Cũng đặt ra trước những cây bút trẻ yêu cầu không ngừng học tập, nâng cao vốn văn hóa. Có nhà văn đã so sánh những người mới bước vào làng văn như những kẻ vị thành niên đang đứng trên một cái nền vừa hiểu biết, vừa chưa hiểu biết thấu đáo mọi mặt. Đúng như vậy. Lớp người viết trẻ chúng ta hôm nay có may mắn hơn các thế hệ cha anh là hầu hết được đào tạo chính quy trong các trường đại học, được trang bị khá cơ bản những kiến thức lý luận và văn học sử... Nhưng tất cả những cái đó vẫn chưa thể nào xem là đủ cho một quá trình sáng tác lâu dài. Thêm vào đó, thời đại ngày nay là thời đại bùng nổ thông tin, thời đại của cách mạng khoa học kỹ thuật, thời đại của những biến chuyển đi lên về chất trong lòng chủ nghĩa xã hội. Hiện thực Việt nam cũng nằm trong xu thế chung của thời đại. Người đọc hôm nay có trình độ văn hóa cao hơn, trình độ thưởng thức thẩm mỹ đa dạng, phức tạp hơn. Chịu tác động rộng rãi của nhiều nền văn học trên thế giới, công chúng bạn đọc không còn chấp nhận một lối viết dễ dãi, đơn giản, mà đòi hỏi sự phong phú về phong cách và hình thức biểu hiện. Do vậy, để tránh đường mòn của lối viết năng khiếu, dễ bay cao, bay xa, các anh các chị đang không ngừng bồi đắp « vốn sống... bề dày, bề rộng của quá khứ dân tộc » (trích tham luận của một đại biểu trẻ tại hội nghị); học tập và kế thừa di sản văn hóa nhân loại; chiếm lĩnh chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa một cách có ý thức; đồng thời đang không ngừng nâng cao kiến thức khoa học kỹ thuật, kiến thức mọi mặt về cuộc sống...

Tuổi trẻ viết văn hôm nay đứng trước những thử thách gay go, phức tạp, trong quá trình đổi mới đi lên của đất nước. Nhưng với những đóng góp ban đầu đầy hứa hẹn của các anh các chị, với sự phấn đấu nỗ lực về mọi mặt, với con mắt trẻ trung nhạy bén trước cái mới và với trái tim đầy nhiệt huyết của những người đang nắm trong tay tương lai của nền văn học nước nhà, chúng ta tin tưởng rằng thế hệ cầm bút thứ tư sẽ kế tục xứng đáng sự nghiệp văn học của các thế hệ trước, sẽ sáng tạo nên những tác phẩm xứng đáng với dân tộc và thời đại mình.

Digitized by Google

Thư gửi Bộ biên tập

CHÂN TƯỚNG CỦA KẺ CƠ HỘI

Về nguyên tắc, trong Đảng ta không có đất cho chủ nghĩa cơ hội phát sinh và phát triển. Song trong thực tế những phần tử có tư tưởng và hành động cơ hội đã và đang có mặt ở nơi này, nơi khác trong các tổ chức của Đảng, của Nhà nước. Họ ẩn hay hiện tùy thuộc vào mức độ đấu tranh của đảng viên chân chính và quần chúng. Điểm xuất phát về tư tưởng của các phần tử cơ hội là « tất cả vì mình »; hành động chủ yếu của các phần tử cơ hội là nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân. Do đó, có thể nói, tư tưởng và hành động cơ hội là biểu hiện nguy hiểm của chủ nghĩa cá nhân.

Bản chất của các phần tử cơ hội cực kỳ xảo quyệt, biểu hiện lại tinh vi, đa dạng, cho nên chúng ta khó nhận ra chân tướng, khó lường hết các thủ đoạn nham hiểm của chúng. Mặc dù vậy, qua thực tiễn đấu tranh, chúng ta cũng phát hiện được những đặc trưng, đặc điểm chủ yếu của các phần tử cơ hội.

— Nói chung, các phần tử cơ hội là những kẻ luồn lách, xu thời, gió chiều nào che chiều ấy, ai mạnh thì theo, việc nào có lợi cho mình thì làm, ra sức chạy chọt, xoay xở; lá mặt lá trái, lắt léo, thực dụng.

— Ít khi nói đúng sự thật; hay bịa đặt, thổi phồng những « thành tích » của bản thân; đồng thời xuyên tạc sự thật, cường điệu thiếu sót của những người mà họ không ưa thích. Có khi họ tạo dựng cả những thắng lợi giả để lừa dối cấp trên, làm đẹp lòng cấp trên. Có lúc họ xuyên tạc cả chủ trương của Đảng và Nhà nước sao cho có lợi cho cá nhân họ.

— Họ xây dựng một « ê kíp » cán bộ, nhân viên, nói đúng hơn là những người cùng cánh hầu dưới quyền gồm những người có quan hệ huyết thống (con cháu, họ hàng, thân tộc), những người có lai lịch gia đình và bản thân không lành mạnh, và những người đã từng cộng sự làm ăn phi pháp, chưa bị phát hiện để tạo ra một « đội quân xung kích », một « hàng rào thép » che chắn cho mọi hành động cơ hội của họ.

— Các phần tử cơ hội thường hay xu nịnh cấp trên và đàn áp cấp dưới. Họ nói hai giọng: giọng trầm và nhỏ dành cho thượng cấp; giọng bổng và lớn dành cho những người dưới quyền. Cũng có những kẻ nịnh trước

Digitized by Google

mặt cấp trên, nhưng lại nói xấu sau lưng cấp trên, để dề cao mình với quần chúng. Một khi quần chúng và đảng viên chân chính đấu tranh vạch trần bộ mặt cơ hội của họ, thì họ liền quy chụp nào là «phản động», nào là «chống lãnh đạo», «phá rối nội bộ» v.v. hòng làm cho những người yếu bóng vía run sợ.

Có thể nói, trong một cơ quan Nhà nước, trong một tổ chức của Đảng mà người đứng đầu có tư tưởng và hành động cơ hội, thì những phần tử xấu có điều kiện ngoi lên mạnh. Họ coi người đứng đầu ấy như một «sư tổ». Họ dựa vào đó để hoạt động quyết liệt và xảo quyệt hơn. Cuộc đấu tranh vạch mặt họ do đó gặp khó khăn, phức tạp hơn.

Mọi người đều biết, các phần tử cơ hội (nhất là các phần tử cơ hội có chức, có quyền) đã gây ra nhiều tác hại; có những tác hại rất nghiêm trọng. Đấu tranh chống các phần tử cơ hội là một việc rất gay go, gian khổ, phức tạp. Vì vậy chúng ta phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, nhận rõ chân tướng của các phần tử cơ hội, mạnh dạn, thẳng thắn vạch mặt bọn cơ hội đang luồn lọt trong Đảng.

Dưới ánh sáng nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng, chúng ta hãy đấu tranh vạch rõ chân tướng các phần tử cơ hội, loại bỏ chúng ra khỏi Đảng, góp phần làm trong sạch Đảng.

LÊ VĂN GIÁP
(Hậu giang)

MỘT SỐ CẢI TIẾN...

(Tiếp theo trang 75)

thuật, thuê chuyên gia, mua phát minh sáng chế v.v. Điều đó chắc chắn sẽ khuyến khích việc ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nhanh và có hiệu quả.

Cùng với việc cơ chế quản lý cũ đang được xóa bỏ, người lao động Thanh hóa đang phấn khởi vươn lên làm chủ cuộc sống của mình. Điều đó thể hiện rõ nhất ở trách nhiệm lao động và đóng góp cho xã hội. Đã xuất hiện hàng nghìn gia đình, tổ đội sản xuất giỏi ở hầu hết các ngành sản xuất, các vùng kinh tế.

Hiện nay tình hình kinh tế — xã hội ở nhiều nơi còn khó khăn phức tạp thường là do các nơi đó chưa coi trọng công tác xây dựng Đảng, vai trò chính quyền và các đoàn thể quần chúng chưa được phát huy, bệnh quan liêu, gia trưởng, bảo thủ trì trệ, chưa được khắc phục. Mặt khác, cấp trên và các ngành chưa sâu sát, chưa giải quyết đúng đắn các mối quan hệ về kinh tế như: hợp đồng hai chiều, các giao ước, cam kết giữa Nhà nước với tập thể, giữa tập thể với người lao động, việc xác định giá mua, giá bán, tỷ giá trao đổi, đơn giá tiền lương, tiền thưởng v.v.

Nghị quyết Hội nghị thứ 8 của Trung ương và nghị quyết của Bộ chính trị (dự thảo) về *bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở* đã đáp ứng những yêu cầu rất cơ bản và cấp bách của các đơn vị kinh tế cơ sở. Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc ở Thanh hóa càng phấn khởi tiếp thu và kiên quyết thực hiện các nghị quyết đó với tinh thần nghiêm túc, chủ động và sáng tạo.

Digitized by Google

NÉ TRÁNH

NÉ tránh đang trở thành một kiểu ứng xử, kiểu sống, lối suy nghĩ và hành động trong một số cán bộ, đảng viên ta. Nó là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây nên sự trì trệ trong xã hội, làm giảm sút sức chiến đấu của đội ngũ chúng ta.

Né tránh có nhiều biểu hiện, rất phong phú và đa dạng. Có những người né tránh ngay từ trong suy nghĩ, trong nghiên cứu, né tránh những vấn đề phức tạp, mới mẻ, khó khăn, nhất là những vấn đề không có lợi cho bản thân mình. Ở đây không chỉ đơn thuần là lười suy nghĩ. Có người suy nghĩ rất lung về cách làm thế nào để xoay xở, làm giàu, làm thế nào để sớm leo lên chức này, chức nọ, hoặc lo toan chạy chọt, dấu đá, dùng thủ đoạn xấu xa đối với đồng chí mình, nhưng anh ta lại rất bàng quan trước những vấn đề, những nhiệm vụ có quan hệ đến lợi ích của tập thể và của xã hội. Trước những vấn đề khó khăn, đáng lẽ phải cùng với tập thể suy nghĩ, lo toan tìm ra giải pháp thì anh ta lại thờ ơ, phớt lờ, thậm chí thoái thác những nhiệm vụ được giao phó.

Trong công việc, một số người thường đùn đẩy cho người khác những việc khó, những việc không béo bở, hoặc không « chấm mút » được. Họ chỉ muốn nhận những việc dễ ăn mà lại nhẹ nhàng, những việc có cơ hội kiếm chác, né tránh những việc đòi hỏi phải cần mẫn ngày này qua ngày khác, không tên tuổi, ít ai biết đến, nhất là những việc có vẻ tủn mủn, vặt vãnh, không oai.

Né tránh công việc thường gắn liền với né tránh trách nhiệm, không dám chịu trách nhiệm, không dám đảm đương những công việc khó khăn. Có những cán bộ, đảng viên quá sợ trách nhiệm cá nhân, làm việc gì cũng rụt rè, sợ sai, cái gì cũng muốn quy về trách nhiệm tập thể. Do đó, khi xảy ra tình trạng đổ bể, sai lầm, khuyết điểm thì đã có tập thể « đứng mũi chịu sào », « hòa cả làng », như Lê-nin nói : « đố tìm ra thủ phạm ». Tệ hơn nữa là lọ đổ lỗi cho người khác hay cho cấp khác, nhưng khi có công lao, thành tích thì họ vơ tất cả vào mình. Cái gọi là « liên đới trách nhiệm » nhiều khi rất mơ hồ và mung lung

Trong quan hệ với mọi người, những người này thường hay « ba phải », thấy đúng không dám công khai ủng hộ, bảo vệ ; thấy sai không dám nói, không dám đấu tranh ; tránh va chạm, sợ sứt mẻ, sợ làm phật lòng người khác, sống theo kiểu xuê xoa, nể nang, « dĩ hòa vi quý ». Gặp ai cũng tươi

Digitized by Google

cười chào hỏi, ra vẻ rất thân tình, cởi mở, khiến cho đôi khi người ta nhận nhầm loại người này, tưởng họ là hiền lành, có quan hệ quần chúng tốt. Thật ra đây chỉ là cái vỏ bên ngoài để che giấu sự an phận thủ thường. Nhìn bề ngoài tưởng như bình thường vô hại, nhưng loại quan hệ này rất hời hợt, mỏng manh, và nhiều khi tạo ra không khí êm thấm giả tạo.

Trong đấu tranh phê bình và tự phê bình, những người này chẳng những không chịu tự phê bình mà còn không dám thẳng thắn phê bình người khác. Họ né tránh, nề nang, sợ khuyết điểm, sợ mất chức mất quyền, sợ sứt mẻ quan hệ. Phương châm của họ là « anh không động đến tôi thì tôi để yên cho anh », và « anh phê tôi đến mức nào thì tôi trả đũa anh đến mức ấy ». Nếu có bắt buộc thì họ cũng chỉ tự phê bình và phê bình qua loa, chiếu lệ, phê bình theo kiểu có khen, có chê, mà chê chung chung, đổ tại khách quan là chính. Lấy cớ « phải tế nhị », « vuốt mặt phải nể mũi », « phải giữ quan hệ lâu dài », « giữ tình xưa nghĩa cũ », họ không dám nhìn thẳng vào sự thật, không thẳng thắn nói hết khuyết điểm, sai lầm, kém dũng khí đấu tranh. Họ chỉ tự phê bình và phê bình mấy cái vặt vãnh, thứ yếu, vô thưởng vô phạt, thậm chí có khi biến khuyết điểm thành ưu điểm. Kiểu như « thủ trưởng còn nóng tính », « thủ trưởng ăn mặc hơi xuề xòa, giản dị, thủ trưởng phải ăn diện đàng hoàng để còn giao thiệp làm ăn với ngoài nữa chứ »... Phê hóa ra nịnh! Nguy hiểm nhất là có người phê bình theo kiểu cơ hội, tùy thời, gió chiều nào che chiều ấy, ai mạnh thì theo, ai thất thế thì hùa vào đả kích dìm dập. Phê bình và tự phê bình kiểu ấy thật là xa lạ với thái độ của những người cộng sản chân chính.

Né tránh có nhiều nguyên nhân. Có thể là do mệt mỏi, bất lực, thiếu dũng cảm, ít được học hành. Có thể do tính toán cá nhân, đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích của tập thể và của toàn xã hội, do bệnh cơ hội chủ nghĩa gây nên. Cũng có thể là do quan liêu, xa quần chúng, thờ ơ với lợi ích của quần chúng và của cách mạng. Lại cũng có thể do chưa được chuẩn bị tốt về ý chí, tinh thần, trình độ đảm nhận những nhiệm vụ mới mẻ, khó khăn. Nhưng tựu trung người né tránh là loại người an phận thủ thường, bo bo trong cái vỏ ốc cá nhân, vô trách nhiệm đối với cuộc sống. Họ muốn « nhắm mắt, bịt tai » lẩng tránh cuộc sống. Họ giữ mình trôn trĩnh như hòn bi, sống thụ động, thờ ơ, thiếu sức sống.

Né tránh không phải chỉ là vấn đề thuộc về tác phong, hay cách xử sự, mà là vấn đề thuộc về nhân cách của một kiểu người. Nó có nguồn gốc xã hội của nó. Nó là tàn dư của một lối sống cũ, lấy « dĩ hòa vi quý » làm nguyên tắc, sống an phận. Lối sống này thường có ở tầng lớp trung gian trong xã hội cũ, thậm chí nó tồn tại cả trong những người kém giác ngộ cách mạng trong nhân dân lao động. Ngày nay, sở dĩ có những cán bộ, đảng viên né tránh là do họ đã giảm sút ý chí đấu tranh, rơi vào chủ nghĩa cá nhân, vụ lợi.

Những đồng chí ấy cũng không hiểu rằng trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, né tránh làm trì trệ xã hội, làm trầm trọng thêm các hiện tượng tiêu cực. Né tránh là thái độ vô trách nhiệm trước nhân dân, trước lịch sử. Vấn đề càng lớn có quan hệ đến lợi ích của hàng triệu người mà bị né tránh thì càng có hại; ở cấp càng cao mà có sự né tránh thì tác hại càng lớn. Đành rằng có những vấn đề chưa chín muồi thì không thể giải quyết vội vã, song đó không phải là né tránh. Chúng ta phê phán thói né tránh là

(Xem tiếp trang 96)

Digitized by Google

HỒ BẤT KHUẤT

CUỘC GẶP GỠ VÌ HÒA BÌNH VÀ TIẾN BỘ XÃ HỘI

TRONG đời sống chính trị — xã hội trên thế giới đã và đang diễn ra những thay đổi to lớn và sâu sắc đòi hỏi phải đổi mới cách suy nghĩ, phải biết phân tích tổng thể tất cả các nhân tố tạo nên sự thay đổi đó để tìm ra con đường bảo vệ và phát triển nền văn minh nhân loại. Dưới ánh sáng Đại hội thứ XXVII của ĐCS Liên xô, nhiều vấn đề mới về lý luận và chính trị được đặt ra thu hút sự chú ý của những người làm công tác lý luận và chính trị của các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới.

Từ ngày 3 đến ngày 5-12-1986, các tổng biên tập và những người thay mặt tổng biên tập của 41 tạp chí lý luận và chính trị của các đảng cộng sản và công nhân thuộc các châu lục đã gặp gỡ tại Mát-xcơ-va để trao đổi và bàn luận những vấn đề cấp bách liên quan đến sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Đây là cuộc gặp gỡ đầu tiên có quy mô to lớn với sự tham gia rộng rãi của đại diện các cơ quan lý luận và chính trị của các đảng anh em. Thời điểm của cuộc gặp gỡ này cũng rất thích hợp, đáp ứng kịp thời nhu cầu cùng trao đổi ý kiến về những vấn đề bức thiết, phân tích những quá trình diễn ra trong phong trào cộng sản và công nhân thế giới, phong trào giải phóng dân tộc và phong trào hòa bình, chia sẻ những kinh nghiệm quý báu trong đấu tranh cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thể hiện nguyện vọng thống nhất các nỗ lực vì hòa bình và tiến bộ xã hội.

Trên cơ sở chủ nghĩa Mác—Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, trong không khí đoàn kết, bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng tính độc lập của mỗi đảng, những người tham gia cuộc gặp gỡ đã trao đổi ý kiến về những vấn đề quan trọng hàng đầu: đấu tranh bảo vệ hòa bình; đổi mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa; tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản; tiến bộ khoa học kỹ thuật và sự thay đổi cơ cấu giai cấp công nhân; hòa bình và cách mạng; bảo vệ độc lập dân tộc và đoàn kết, giúp đỡ quốc tế; đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và chủ nghĩa xi ôn; đấu tranh chống chủ nghĩa chống cộng và chống Liên xô..

Mỗi diễn giả đều xuất phát từ đặc điểm tình hình và vai trò của đảng mình để nêu vấn đề, trao đổi ý kiến và trình bày kinh nghiệm.

Vấn đề đấu tranh bảo vệ hòa bình, chống chạy đua vũ trang, nhất là chạy đua vũ trang vũ khí hạt nhân và vũ khí vũ trụ được tất cả các diễn giả nhất trí coi là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Tất cả các đảng đều có chương trình, biện pháp và hành động cụ thể trong cuộc đấu tranh rộng lớn và quyết liệt này. Các nước xã hội chủ nghĩa và giai cấp công nhân thế giới — lực lượng quyết định trong cuộc đấu tranh này, đã cùng các lực lượng quan trọng khác bao gồm phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đòi

Digitized by Google

dân sinh dân chủ, phong trào yêu chuộng hòa bình và tiến bộ của toàn thể nhân loại lập thành một mặt trận hòa bình rộng lớn có sức mạnh vô địch. Những cống hiến xuất sắc, kết quả của những cố gắng không mệt mỏi, những sáng kiến đầy thiện chí, những hành động dũng cảm và đầy ý thức trách nhiệm của Liên xô trong sự nghiệp bảo vệ hòa bình thế giới được nhiệt liệt ca ngợi. Thái độ hiếu chiến, âm mưu giành ưu thế quân sự chiến lược thông qua việc khăng khăng không chịu từ bỏ chương trình SDI của Mỹ bị vạch trần và bị lên án kịch liệt. Các diễn giả chỉ ra rằng, trong kỷ nguyên hạt nhân và vũ trụ, con người phải đổi mới tư duy chính trị thì mới bảo đảm được hòa bình trên trái đất. Làm cho mọi người nhận thức đúng vấn đề, chỉ ra những con đường hiện thực để đấu tranh đạt được mục đích chính — giữ gìn nền văn minh nhân loại — là sứ mệnh cao cả của các cơ quan lý luận và chính trị của các đảng cộng sản và công nhân.

Vấn đề đổi mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa là một vấn đề cấp bách và có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Những nhiệm vụ được đặt ra hiện nay trước chủ nghĩa xã hội đối với tương lai của toàn thể loài người đòi hỏi ở các nước xã hội chủ nghĩa một giai đoạn phát triển mới. Trong thời điểm có tính chất bước ngoặt này những người cộng sản ở các nước xã hội chủ nghĩa lại tìm ra được những công thức cơ bản giải quyết những vấn đề then chốt của sự phát triển xã hội. Nền kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa được kịp thời chuyển từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, cơ cấu nền sản xuất xã hội và cơ chế quản lý kinh tế được đổi mới, những cơ sở bảo đảm cho sự phát triển cao hơn được thiết lập... Chiến lược đẩy nhanh sự phát triển kinh tế—xã hội do Liên xô đề ra đang được mọi người trên thế giới chú ý. Những người tham gia cuộc gặp gỡ này đều bày tỏ niềm tin tưởng sâu sắc vào kết quả tốt đẹp do việc đổi mới sẽ đem lại và khẳng định rằng những kết quả đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tuyên truyền và đấu tranh tư tưởng của các đảng cộng sản và công nhân, nhất là những đảng ở các nước tư bản phát triển và các nước mới giành được độc lập.

Cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản ngày càng trầm trọng và sâu sắc, đã ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống chính trị - xã hội của thế giới tư bản : kinh tế suy thoái, nạn thất nghiệp tăng, mâu thuẫn giữa tư bản và lao động gay gắt, mâu thuẫn bên trong của bản thân các thế lực tư bản ngày càng sâu sắc. Những quy chế chính trị, những hoạt động thuộc lĩnh vực văn hóa và tinh thần lâm vào tình trạng lỗ tắc, tội ác và bạo lực ngày càng tăng. Trong hoàn cảnh đó, chủ nghĩa quân phiệt trở thành công cụ phổ biến của giai cấp tư sản hòng đẩy mạnh sự phát triển kinh tế và kiểm soát xã hội.

Những người làm công tác lý luận và chính trị của các đảng cộng sản và công nhân thấy cần phải theo dõi chặt chẽ và nghiên cứu thấu đáo cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản, nắm bắt được các dạng biểu hiện của nó và chỉ rõ cho toàn thể giai cấp công nhân và nhân dân lao động biết.

Trong những năm gần đây khoa học kỹ thuật phát triển mạnh mẽ, trình độ, tri thức của những người lao động được nâng cao, do đó, *cơ cấu giai cấp công nhân có thay đổi* ; số người lao động trí óc và số người làm việc trong khu vực dịch vụ tăng lên. Đây là một thực tế mà hầu hết những người tham gia cuộc gặp gỡ đều công nhận. Thực tế đó đã ảnh hưởng như thế nào đến phong trào đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, bảo vệ hòa bình..., điều đó cần được đi

Digitized by Google

sâu nghiên cứu thêm. Nhưng nhiều diễn giả khẳng định rằng những thay đổi cơ cấu nói trên không làm thay đổi bản chất của giai cấp công nhân; giai cấp công nhân vẫn là lực lượng quyết định của cách mạng khi mà lực lượng đối kháng—chủ nghĩa tư bản—còn tồn tại. Hơn nữa, trình độ của giai cấp công nhân được nâng cao giúp họ nhận thức được các vấn đề quan trọng trong thế giới hiện nay, do đó, họ càng tích cực tham gia cuộc đấu tranh vì hòa bình, dân chủ, tự do và lẽ phải.

Vấn đề hòa bình và cách mạng thu hút sự chú ý của nhiều diễn giả. Rất nhiều ý kiến cho rằng, nếu không có hòa bình thì sẽ không có tất cả, nhưng có hòa bình chưa phải là đã có tất cả. Để đạt được những tiến bộ xã hội, cần phải tiến hành đấu tranh cách mạng dưới nhiều hình thức. Cuộc đấu tranh vì hòa bình, chống chiến tranh cần được gắn liền với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và đấu tranh chống đế quốc. Mặt khác, lực lượng cách mạng đồng thời cũng là lực lượng hòa bình. Phong trào chống chiến tranh của toàn thể loài người và các phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và của các dân tộc đều nhằm mục đích bảo vệ hòa bình và tiến bộ xã hội.

Ngày nay nhiều dân tộc đang đấu tranh để bảo vệ chủ quyền, độc lập, tự do của dân tộc mình. Theo nguyên tắc của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, quyền tự quyết của các dân tộc là thiêng liêng. Nhiều diễn giả chỉ rõ rằng, trong tình hình thế giới phức tạp hiện nay, khi mà chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ cùng với các lực lượng phản động quốc tế khác đang tăng cường hoạt động đe dọa độc lập và chủ quyền của nhiều dân tộc thì việc *đoàn kết và giúp đỡ quốc tế* là vô cùng quan trọng. Những người cộng sản phải nêu cao tinh thần đoàn kết quốc tế, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quốc tế giúp các dân tộc ở Á, Phi, Mỹ la tinh bảo vệ độc lập tự do của mình.

Đấu tranh *chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và chủ nghĩa xi ôn* là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của thời đại chúng ta. Trên thực tế, cuộc đấu tranh này đụng chạm đến tất cả các nước tư bản chủ nghĩa, và đang diễn ra hết sức quyết liệt ở châu Phi. Nhiều diễn giả chỉ ra rằng, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc là một biểu hiện kỳ quái của hệ tư tưởng phản động, vô nhân đạo, coi thường con người. Những người cộng sản, giai cấp công nhân thế giới cùng toàn thể loài người tiến bộ cần tập trung sức loại trừ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc khỏi đời sống của xã hội văn minh.

Những năm gần đây, bọn đế quốc và các lực lượng phản động quốc tế khác cố dấy lên làn sóng chống cộng và chống Liên xô ở hầu hết các nước tư bản chủ nghĩa. Đây là một âm mưu thâm độc và nham hiểm. Chủ nghĩa đế quốc sử dụng *chủ nghĩa chống cộng và chống Liên xô* không chỉ để chống phá Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa mà còn chống phá giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa, chống phá phong trào giải phóng dân tộc, chống lại nguyện vọng hòa bình của loài người. Vì lẽ đó, trong tình hình thế giới hiện nay cần thống nhất cuộc đấu tranh chống « chủ nghĩa chống cộng và chống Liên xô » vào nội dung phong trào đấu tranh vì hòa bình chống chiến tranh và chống chủ nghĩa đế quốc.

Trong không khí cởi mở, tự do, thoải mái và sáng tạo, các đại biểu đã thẳng thắn trình bày quan điểm của mình về các vấn đề thuộc nội dung cuộc gặp gỡ. Có một số vấn đề được tranh luận khá sôi nổi, nhưng sự tranh luận là để làm sáng tỏ và đi đến nhận thức nhất trí về các vấn đề đó. Những người tham gia cuộc gặp gỡ nhấn mạnh rằng, bước vào năm

Digitized by Google

1987, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 70 Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, những người làm công tác lý luận của các đảng cộng sản và công nhân phải dấy mạnh hơn nữa việc tổng kết kinh nghiệm cách mạng ở nước mình để đóng góp vào kho tàng lý luận chung của phong trào cách mạng thế giới. Chủ nghĩa Mác – Lê-nin là một học thuyết sinh động luôn luôn được làm phong phú thêm bằng thực tiễn đấu tranh cách mạng ở nhiều nước khác nhau, trong những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội khác nhau.

Tại cuộc gặp gỡ, đồng chí Hồng Chương, Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản* – cơ quan lý luận và chính trị của Đảng cộng sản Việt nam – trình bày bản tham luận « Nắm vững quy luật cách mạng xã hội chủ nghĩa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt nam ». Bản tham luận nêu rõ đặc điểm lớn nhất của cách mạng Việt nam là từ một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến, kinh tế lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Do đặc điểm đó, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam bắt đầu bằng một thời đoạn được gọi là chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Đây là sự vận dụng sáng tạo lý luận Mác – Lê-nin về thời kỳ quá độ vào điều kiện cụ thể của Việt nam. Bản tham luận đánh giá tổng quát tình hình kinh tế, chính trị xã hội của Việt nam trong 5 năm qua, khẳng định những thành tựu đã đạt được, đồng thời cũng thẳng thắn chỉ ra những sai lầm khuyết điểm và nêu lên mục tiêu, phương hướng phấn đấu trong thời gian trước mắt. Bản tham luận còn nêu nguyện vọng hòa bình và quyết tâm phấn đấu của nhân dân Việt nam để đạt được Hòa bình, ổn định, phát triển và hợp tác trong khu vực.

Sau ba ngày làm việc khoa học, khẩn trương, qua trao đổi thẳng thắn và cởi mở, những người làm công tác lý luận và chính trị của các đảng cộng sản và công nhân có mặt ở cuộc gặp gỡ càng hiểu nhau hơn, thấy rõ những vấn đề mà mỗi đảng hằng quan tâm. Các đại biểu đánh giá cao kết quả cuộc gặp gỡ và bày tỏ nguyện vọng thống nhất các nỗ lực của tất cả các đảng cộng sản và công nhân vì sự nghiệp hòa bình và tiến bộ trên trái đất. Các đại biểu nhấn mạnh rằng, một trong những nguồn gốc cơ bản tạo nên sức mạnh của tư tưởng xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản là tinh thần đoàn kết và hợp tác quốc tế.

Trước lúc chia tay, các đại biểu chân thành cảm ơn tạp chí *Người cộng sản* của ĐCS Liên xô đã có sáng kiến tổ chức cuộc gặp gỡ bổ ích và quan trọng này, đồng thời mong muốn những cuộc gặp gỡ như thế sẽ được tổ chức thường xuyên hơn nhằm trao đổi ý kiến kịp thời về những vấn đề lý luận và thực tiễn của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Digitized by Google

HỒNG CHƯƠNG

VẤN ĐỀ NẮM QUY LUẬT TRONG CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM*

CHÚNG tôi rất sung sướng được dự cuộc họp quan trọng này. Thay mặt Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản, cơ quan chính trị và lý luận của Đảng cộng sản Việt nam, chúng tôi kính gửi đến các đồng chí lời chào nhiệt liệt nhất. Chúng tôi cảm ơn các đồng chí Liên xô đã tạo điều kiện cho chúng tôi đến dự cuộc họp này. Chúng tôi kính chúc các đồng chí dự cuộc họp này dồi dào sức khỏe. Chúc cuộc họp của chúng ta thành công tốt đẹp.

Đại hội 27 ĐCS Liên xô và Cương lĩnh (bản mới) mà Đại hội thông qua mở ra chân trời mới cho công tác lý luận của chúng ta. Các đồng chí Liên xô đã nêu một tấm gương sáng về bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin bằng cách làm cho nó phong phú thêm với những kinh nghiệm đã tích lũy được trong nhiều năm của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và trên thế giới. Trong năm 1987 sắp tới, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 70 Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, chúng ta lấy cảy mạnh hơn nữa việc tổng kết những kinh nghiệm cách mạng ở các nước chúng ta, nhất là những kinh nghiệm xây dựng xã hội mới, phát triển thêm một bước công tác lý luận của chúng ta.

Tại cuộc họp này chúng tôi đã được nghe nhiều bài phát biểu ý kiến quan trọng. Đặc biệt các bài phát biểu của các đồng chí Liên xô đã gây cho chúng tôi nhiều hứng thú. Các bài đó đã nêu ra nhiều gợi ý mới cho công tác lý luận của chúng ta. Những gợi ý này sẽ giúp ích cho chúng tôi trong việc nghiên cứu để giải quyết về mặt lý luận các vấn đề đặt ra trong công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước chúng tôi.

Để giúp các đồng chí hiểu thêm về tình hình đất nước chúng tôi, chúng tôi xin trình bày tóm tắt dưới đây vài nét chính của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước chúng tôi và tình hình công tác nghiên cứu lý luận của Đảng chúng tôi.

★

Trong năm năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng chúng tôi, giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước chúng tôi phấn đấu gian khổ đã đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sản xuất công nghiệp và nông nghiệp có những tiến bộ rõ rệt. Sản xuất nông nghiệp tăng bình quân hằng năm 4,9%. Sản xuất lương thực có bước phát triển quan trọng, bình quân hằng năm đạt 17 triệu tấn, tăng 3,6 triệu tấn so với mức bình quân hằng năm trong thời gian năm năm trước. Sản xuất công nghiệp tăng bình quân hằng năm 9,5%. Thu nhập quốc dân tăng bình quân hằng năm 6,4%. Về

* Tham luận tại Hội nghị các Tổng biên tập tạp chí lý luận các đảng cộng sản và công nhân ở Mát-xcơ-va từ ngày 3 đến ngày 5-12-1986.

Digitized by Google

xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, trong năm năm qua chúng tôi đã hoàn thành mấy trăm công trình tương đối lớn, và hàng nghìn công trình vừa và nhỏ. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã tiến thêm một bước. Đại bộ phận nông dân Nam bộ đã đi vào con đường sản xuất tập thể. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, văn học nghệ thuật phát triển góp phần xây dựng nền văn hóa mới, con người mới. Các hoạt động khoa học, kỹ thuật được triển khai góp phần thúc đẩy sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp. Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế của quân và dân chúng tôi đã giành thêm nhưng thắng lợi mới to lớn, củng cố thêm một bước khả năng phòng thủ đất nước, bảo vệ vững chắc tiền đồn của chủ nghĩa xã hội ở Đông dương.

Những thành tựu đạt được trên đây gắn liền với đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, gắn liền với những chính sách đối nội và đối ngoại đúng đắn của Đảng và Nhà nước chúng tôi. Những thành tựu đó làm nổi bật tinh thần lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm của nhân dân và quân đội chúng tôi. Những thành tựu đạt được đó không tách rời sự giúp đỡ và ủng hộ quý báu của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của các nước bầu bạn và các tổ chức quốc tế, đặc biệt là sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả của Liên xô. Từ diễn đàn này chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của chúng tôi.

Những thành tựu đã đạt được trong năm năm qua của nhân dân chúng tôi dưới sự lãnh đạo của Đảng chúng tôi là điều đã được khẳng định.

Tuy vậy, trong năm năm qua chúng tôi cũng phạm một số sai lầm, thiếu sót. Trước hết đó là bệnh chủ quan, duy ý chí, thiếu tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Sai lầm này thể hiện trong việc bố trí cơ cấu kinh tế, nhất là bố trí đầu tư và xây dựng cơ bản, theo hướng ham phát triển công nghiệp nặng với quy mô lớn, vượt quá khả năng thực tế của chúng tôi. Nó cũng thể hiện trong việc duy trì quá lâu cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp với cấu trúc thượng tầng đồ sộ, vượt quá sức chịu đựng của cơ sở hạ tầng. Nó cũng thể hiện trong việc muốn sớm hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa bằng cách nhanh chóng xóa bỏ các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa. Trong xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chúng tôi đã phạm sai lầm chủ quan, nóng vội, ham làm nhiều, làm nhanh, làm lớn, vượt quá sức mình. Khi đã mắc sai lầm chúng tôi lại phạm phải thiếu sót là bảo thủ, trì trệ, muốn kéo dài hiện trạng, không dũng cảm và kiên quyết sửa chữa sai lầm đã phạm phải.

Những sai lầm, nhất là sai lầm về chính sách kinh tế mà chúng tôi mắc phải trong năm năm qua có liên quan đến những thiếu sót của chúng tôi trong công tác lý luận và tư tưởng. Chúng tôi đã có những sự lạc hậu về nhận thức lý luận và vận dụng hệ thống các quy luật khách quan đang hoạt động trong thời kỳ quá độ, nhất là trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Các khoa học xã hội không được coi trọng đúng mức là mảnh đất tốt cho chủ nghĩa chủ quan, duy ý chí phát triển. Từ đó nảy sinh lối suy nghĩ và hành động giản đơn, coi thường quy luật khách quan, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan, muốn thực hiện nhanh chóng nhiều mục tiêu của chủ nghĩa xã hội trong tình hình khách quan chưa cho phép. Chúng tôi đã có những thành kiến không đúng, trên thực tế, chưa thật sự thừa nhận những quy luật của sản xuất hàng hóa đang tồn tại khách quan trong kinh tế xã hội chủ nghĩa, do đó khi chú ý vận dụng chúng vào việc chế định các chủ trương, chính sách kinh tế,

Digitized by Google

Từ đầu năm 1986 đến nay, để chuẩn bị Đại hội thứ VI của mình, Đảng chúng tôi đã mở một cuộc vận động tự phê bình và phê bình sâu rộng trong toàn Đảng, thẳng thắn vạch trần những sai lầm đã phạm phải, kiên quyết sửa chữa để đưa cách mạng tiến lên. Với thái độ nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, Đảng chúng tôi một mặt đánh giá đúng những thành tích đã đạt được, đồng thời nghiêm túc kiểm điểm những mặt yếu kém, phân tích sâu sắc những sai lầm, khuyết điểm, những nguyên nhân và biện pháp khắc phục, đề ra nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu trong những năm sắp tới.

Trong tháng 12-1986 này, Đại hội thứ VI của Đảng chúng tôi sẽ được triệu tập. Đại hội sẽ xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt nam trong giai đoạn trước mắt. Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết một lòng, đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội

Trải qua nhiều chục năm đấu tranh giành độc lập dân tộc, chúng tôi có một số kinh nghiệm quý về đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. Nhưng chúng tôi có rất ít kinh nghiệm về xây dựng kinh tế, nhất là xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở một nước vừa thoát ách nô lệ của chủ nghĩa thực dân. Chúng tôi đã phải trả giá đắt để học những kinh nghiệm đó.

Chúng tôi đang đứng trước một thách thức lớn trong cuộc thi đua phát triển kinh tế, chủ nghĩa xã hội ở Việt nam, ở Đông dương phải thắng chủ nghĩa tư bản ở các nước khác trong thế giới thứ ba, nhất là các nước trong khối ASEAN.

Trước các dân tộc vừa thoát khỏi ách nô lệ thực dân, một vấn đề được đặt ra: đi theo con đường nào? Đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, hay là đi theo con đường tư bản chủ nghĩa? Giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, bên nào ưu việt hơn? Bằng sự nghiệp xây dựng đất nước của mình, Việt nam phải chứng tỏ cho các dân tộc ở Á, Phi, Mỹ la tinh vừa thoát khỏi chế độ thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc thấy rằng chủ nghĩa xã hội là ưu việt hơn chủ nghĩa tư bản. Cho đến nay chúng tôi có thể nói rằng về mặt chế độ chính trị, về mặt văn hóa, xã hội, về quan hệ giữa người và người... chủ nghĩa xã hội ở Việt nam và Đông dương là tốt đẹp hơn rất nhiều so với chủ nghĩa tư bản ở trong các nước ASEAN. Nhưng về mặt kinh tế chúng tôi chưa thể nói như vậy. Đây là một tình hình không thể chấp nhận. Chúng tôi nhất định phải thắng trong cuộc thách thức này.

Vì nhiều lý do, năng suất lao động xã hội ở nước chúng tôi hiện nay rất thấp. Mọi người đều biết năng suất lao động là cái đặc biệt quan trọng. Lê-nin đã nói chế độ nào có năng suất lao động cao hơn thì chế độ đó sẽ thắng.

Bằng cách sửa chữa những sai lầm đã mắc phải, đưa nền kinh tế phát triển phù hợp với quy luật khách quan, bằng những cố gắng lớn lao động sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nhân dân Việt nam nhất định làm cho chủ nghĩa xã hội có sức thu hút đối với hàng trăm triệu người vừa thoát khỏi ách chủ nghĩa thực dân.

Bằng việc thực hiện liên kết kinh tế giữa các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, bằng việc thực hiện chương trình tổng hợp của Hội đồng tương trợ kinh tế về giúp đỡ và hợp tác đối với các nước Việt nam, Cu ba, Mông cổ... các nước xã hội chủ nghĩa chúng ta nhất định sẽ chứng tỏ cho

Digitized by Google

nhân dân các nước đang phát triển ở Á, Phi, Mỹ la tinh thấy rằng lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa là có lợi hơn con đường phát triển tư bản chủ nghĩa. Chúng tôi nghĩ rằng vấn đề này cần được sự chú ý của tất cả chúng ta vì nó có liên quan đến vấn đề « ai thắng ai » giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên toàn thế giới.

Nước Việt nam chúng tôi, từ chế độ thuộc địa, kinh tế lạc hậu, sản xuất nhỏ là chủ yếu, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Thực tiễn cách mạng ở nước chúng tôi chứng minh sự đúng đắn của luận điểm nổi tiếng của Lê-nin theo đó các dân tộc sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội, đó là điều không tránh khỏi, nhưng các dân tộc tiến đến chủ nghĩa xã hội không phải một cách hoàn toàn giống nhau; mỗi dân tộc sẽ đem lại những nét độc đáo của mình trong hình thức này hay hình thức khác của nền dân chủ, trong kiểu cách này hay kiểu cách khác của nền chuyên chính vô sản, trong nhịp độ này hay nhịp độ khác của những cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các mặt của đời sống xã hội.

Đảng chúng tôi vận dụng những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác—Lê-nin vào những điều kiện cụ thể của nước mình, định ra đường lối đúng đắn để lãnh đạo cách mạng Việt nam. Trong lúc định ra đường lối cách mạng của mình, Đảng chúng tôi tuân theo lời dạy của Lê-nin: « Nhiệm vụ của những người cộng sản là phải biết áp dụng những nguyên tắc phổ biến và cơ bản của chủ nghĩa cộng sản vào *đặc điểm* của những mối quan hệ giữa các giai cấp và các đảng, vào *đặc điểm* của sự phát triển khách quan hướng tới chủ nghĩa cộng sản, những đặc điểm riêng của mỗi nước mà chúng ta phải biết nghiên cứu, phát hiện và dự đoán » (1).

Đem cái độc đáo của cách mạng Việt nam đóng góp vào trào lưu chung của cách mạng thế giới, Đảng chúng tôi góp phần làm phong phú thêm kho tàng kinh nghiệm và lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa mà C. Mác, Ph. Ăng ghen và Lê-nin đã đặt nền móng.

Đặc điểm lớn nhất của Việt nam là từ một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến, kinh tế lạc hậu, nông nghiệp giữ vị trí chủ yếu, công nghiệp, nhất là công nghiệp nặng chiếm một tỉ trọng không đáng kể, lao động phổ biến là thủ công, sản xuất nhỏ là chủ yếu, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Vì Việt nam không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, cho nên, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước chúng tôi phải làm những công việc mà giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước xã hội chủ nghĩa khác không phải làm. Những công việc này, ở phần lớn các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đã được thực hiện trước cách mạng vô sản, khi còn chế độ tư bản chủ nghĩa.

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam khác phần lớn các nước xã hội chủ nghĩa anh em ở chỗ: có thêm một thời gian để làm những công việc mà đáng lẽ ra chủ nghĩa tư bản đã thực hiện. Thời gian đó chúng tôi gọi là « chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ».

Trong « chặng đường đầu tiên » này, chúng tôi phải giải quyết các vấn đề: phân công lại lao động xã hội; tích lũy nguyên thủy; cuộc cách mạng kỹ thuật thứ nhất; công nghiệp hóa; tạo ra nền sản xuất lớn cơ khí hóa;... ở các nước phát triển, giải quyết các

(1) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 41, tr. 93.

Digitized by Google

vấn đề này thuộc về « sứ mệnh lịch sử » của giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản. Ở Việt nam, « sứ mệnh lịch sử » này đặt lên vai giai cấp công nhân và nhân dân lao động do Đảng cộng sản lãnh đạo. Có giải quyết được các vấn đề này, Việt nam mới đạt được trình độ kinh tế xã hội tương đương với trình độ phần lớn các nước xã hội chủ nghĩa anh em khi bắt đầu thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Nước chúng tôi tiến lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Muốn có chủ nghĩa xã hội, chúng tôi phải xây dựng từ đầu lực lượng sản xuất mới và quan hệ sản xuất mới, cơ sở hạ tầng mới cũng như cấu trúc thượng tầng mới. Chúng tôi phải xây dựng gần như toàn bộ cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở kinh tế và cấu trúc thượng tầng của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Trong « chặng đường đầu tiên » chúng tôi phấn đấu ổn định toàn diện và vững chắc tình hình kinh tế xã hội: xây dựng cơ cấu công nông nghiệp hợp lý; bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; xây dựng cơ chế quản lý mới; củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo đảm vững chắc trong mọi tình huống.

Trong « chặng đường đầu tiên » chúng tôi cố gắng tạo ra thế và lực mới để phát triển kinh tế xã hội mạnh mẽ trong chặng đường tiếp theo với nội dung chủ yếu là triển khai trên quy mô lớn sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Việc nêu lên « chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội » ở Việt nam là sự vận dụng sáng tạo lý luận Mác — Lê-nin về thời kỳ quá độ vào điều kiện cụ thể của Việt nam. Ý nghĩa thực tiễn của việc đề ra luận điểm đó là nhận thức được quy luật khách quan, nắm vững các bước đi lên chủ nghĩa xã hội, không « đốt cháy giai đoạn », không nóng vội chủ quan, cũng không bảo thủ trì trệ, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Có nắm vững được luận điểm đó thì mới tránh được sai lầm trong việc đánh giá tình hình, lựa chọn mục tiêu, xác định cơ cấu kinh tế, cơ cấu xã hội của sản xuất và cơ chế quản lý kinh tế xã hội.

Đảng chúng tôi cho rằng sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước chúng tôi phải trải qua một thời kỳ lịch sử tương đối dài. « Chặng đường đầu tiên » là một bước nhỏ trong thời kỳ quá độ đó. Lê-nin nói: Suốt cả thời kỳ quá độ, trong chính sách của chúng ta, lại chia ra thành nhiều bước quá độ nhỏ hơn. Tất cả cái khó khăn của chính sách là ở chỗ biết tính đến những nhiệm vụ đặc thù của từng bước quá độ đó. Tuân theo lời dạy đó của Lê-nin, Đảng chúng tôi đang cụ thể hóa đường lối chung và đường lối kinh tế, xác định những nhiệm vụ và mục tiêu phù hợp với điều kiện những năm còn lại của chặng đường đầu tiên.

Chúng tôi cho rằng nhiệm vụ của chúng tôi trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ là xây dựng những tiền đề chính trị, kinh tế, xã hội cần thiết để triển khai công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trên quy mô lớn trong chặng đường tiếp theo... Trước mắt chúng tôi phải thực hiện những biện pháp có hiệu quả nhằm nhanh chóng ổn định tình hình kinh tế, xã hội, đưa mọi mặt hoạt động vào quỹ đạo phát triển bình thường và tiến hành những cuộc cải cách về tổ chức, quản lý, thiết lập các cơ cấu sản xuất và cơ chế mới. Đảng chúng tôi xác định nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là *ổn định về mọi mặt tình hình kinh tế xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy*

Digitized by Google

mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo

★

Chúng ta đang sống trong một thế giới đã và đang có nhiều sự biến đổi. Các lực lượng cách mạng của thời đại, phong trào hòa bình thế giới đang không ngừng mạnh lên và rõ ràng ở thế chủ động, tiến công. Lực lượng mọi mặt của hệ thống xã hội chủ nghĩa, do Liên xô làm trụ cột, ngày càng được tăng cường. Trên đất nước xô viết đang mở ra một giai đoạn mới có tính chất bước ngoặt, đánh dấu bằng Đại hội 27 ĐCS Liên xô, giai đoạn phát triển năng động trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Cộng đồng xã hội chủ nghĩa tiến vào một giai đoạn phát triển mới với chất lượng mới. Phong trào độc lập dân tộc phát triển với những đặc điểm mới, xu thế độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, chống chủ nghĩa đế quốc ngày càng mạnh. Ở các nước tư bản, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân có bước phát triển mới gắn liền với cuộc khủng hoảng cơ cấu ngày càng trầm trọng của chủ nghĩa đế quốc, với phong trào dân chủ và hòa bình chống chủ nghĩa đế quốc và nguy cơ chiến tranh hạt nhân. Các nước tư bản đế quốc mâu thuẫn và cạnh tranh chống nhau gay gắt, đồng thời tìm cách hòa hoãn mâu thuẫn bên trong, kéo dài sự tồn tại của chúng, cấu kết cùng nhau chống các lực lượng cách mạng. Hố ngăn cách giữa các nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển ngày càng sâu rộng. Sự bóc lột nặng nề của các nước đế quốc khiến cho nhiều nước Á, Phi, Mỹ la tinh ngày càng lầm cùng, nợ nần chồng chất. Nắm trong tay các lực lượng kinh tế và quân sự to lớn, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế đẩy mạnh chạy đua vũ trang, nhất là vũ trang hạt nhân, gây ra những cuộc xung đột cục bộ, phản kích các lực lượng cách mạng và hòa bình. Chưa bao giờ nguy cơ chiến tranh hạt nhân do chủ nghĩa đế quốc gây ra lại lớn như hiện nay.

Hiện nay loài người đang đứng trước nguy cơ chiến tranh hạt nhân do các thế lực hiếu chiến, quân phiệt của chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ gây ra. Đấu tranh bảo vệ hòa bình, ngăn chặn chạy đua vũ trang, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân là nhiệm vụ hàng đầu, cấp bách của nhân dân các nước. Nhân dân Việt nam chúng tôi hoàn toàn đồng tình với đường lối đối ngoại mà Đại hội thứ 27 của Đảng cộng sản Liên xô đề ra cùng với những hoạt động không mệt mỏi của Liên xô nhằm loại trừ vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí giết người hàng loạt khác, ra sức phấn đấu cho một hệ thống an ninh quốc tế toàn diện. Nhân dân Việt nam chúng tôi nhiệt liệt hưởng ứng sáng kiến hòa bình ở khu vực châu Á — Thái bình dương do đồng chí M.X.Gooc-ba-trốp, Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô đã nêu lên trong bài diễn văn nổi tiếng đọc tại Vla-di-vô-xtốc. Chúng tôi kiên quyết đoàn kết với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, với Ấn độ và các lực lượng tiến bộ trong vùng, đấu tranh làm thất bại âm mưu của đế quốc và phản động đang thường xuyên gây căng thẳng ở khu vực này, góp phần phấn đấu cho một Đông Nam Á hòa bình, ổn định và hợp tác.

Nhân dân hai nước Việt nam và Trung quốc vốn có quan hệ hữu nghị lâu đời, đã từng đoàn kết giúp đỡ nhau trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập tự do và xây dựng đất nước. Nhân dân hai nước có lợi ích chung là hòa bình, độc lập và phát triển kinh tế. Chính phủ và nhân dân Việt nam, trước sau như một, quý trọng và nhất định làm

Digitized by Google

hết sức mình để khôi phục tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước. Chúng tôi đã đưa ra nhiều đề nghị nhằm sớm bình thường hóa quan hệ giữa hai nước. Lập trường của chúng tôi lấy lợi ích cơ bản và lâu dài của hai nước làm trọng. Chính phủ chúng tôi đã nhiều lần tuyên bố: Việt nam sẵn sàng đàm phán với Trung quốc bất cứ lúc nào, bất cứ cấp nào, bất cứ ở đâu nhằm bình thường hóa quan hệ giữa hai nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng do đồng chí Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, mấy chục năm qua nhân dân Việt nam, kết hợp sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của thời đại, đã giành được thắng lợi trong đấu tranh giải phóng dân tộc. Ngày nay, cũng kết hợp sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của thời đại, nhân dân Việt nam do Đảng cộng sản lãnh đạo nhất định sẽ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mình. Trước mắt, chúng tôi có nhiều khó khăn, nhưng Đảng và nhân dân chúng tôi có đầy đủ các điều kiện cần thiết để khắc phục những khó khăn ấy, đưa sự nghiệp cách mạng tiếp tục tiến lên. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam nhất định thắng lợi. Tiền đồn của chủ nghĩa xã hội ở Đông dương nhất định được giữ vững.

Xin cảm ơn sự chú ý của các đồng chí.

NÉ TRÁNH

(Tiếp theo trang 85)

phê phán một kiểu sống cá nhân chủ nghĩa.

Cuộc sống đang đòi hỏi những người cán bộ, đảng viên chúng ta hơn lúc nào hết, không được né tránh, nhất là né tránh trách nhiệm, né tránh gian khổ, khó khăn, né tránh phê bình, tự phê bình. Nêu cao dũng khí đấu tranh, dám làm, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn đấu tranh khắc phục cái cũ lỗi thời, cái bảo thủ, cái lạc hậu, để tạo điều kiện cho xã hội ta tiến lên mạnh mẽ, chính là trách nhiệm, là nghĩa vụ của mỗi cán bộ, đảng viên ta trong lúc này.

ĐỨC UY

Digitized by Google

PHAN THƯỢNG HIỀN

VỀ QUY LUẬT LIÊN MINH BA NƯỚC ĐÔNG DƯƠNG

TRONG lịch sử đấu tranh giai cấp, đấu tranh giải phóng dân tộc, bao giờ và ở đâu cũng thường có vấn đề liên minh và đoàn kết chiến đấu trên cơ sở lợi ích thống nhất tạm thời hay lâu dài và tùy theo mục đích và tính chất giai cấp của các lực lượng liên minh. Đặc biệt, đối với các dân tộc nhỏ yếu, các giai cấp xã hội tiên tiến bị áp bức, bị bóc lột thì sự liên minh đó bao giờ cũng là một trong những nhân tố giành thắng lợi, và có khi lại là nhân tố chủ yếu quyết định.

Trong tác phẩm **« Sự khốn cùng của triết học »**, khi phê phán quan điểm phản khoa học, phản động của Pru-đông bài xích sự liên minh của công nhân, C. Mác đã chỉ rõ: « Công nghiệp hiện đại và cạnh tranh càng phát triển thì càng có những yếu tố gây ra và hỗ trợ những liên minh (1). Sử dụng công nghiệp hiện đại, chủ nghĩa tư bản càng ra sức bóc lột công nhân và nhân dân lao động ở chính quốc cũng như ở các nước thuộc địa, phụ thuộc thì sự liên minh của giai cấp vô sản trên phạm vi khu vực và trên toàn thế giới là điều bắt buộc phải có để giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản. Quốc tế I, Quốc tế II và Quốc tế cộng sản trước đây, hay tổ chức hiệp ước Vác-sa-va ngày nay... là kiểu liên minh mới thể hiện và thực hiện khẩu hiệu do Mác và Ăng-ghen đề ra: « Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại! » và do Lê-nin phát triển về sau: « Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại ».

Ở Đông dương, sử sách đã ghi lại từ xa xưa giữa ba nước Việt nam, Lào, Cam-pu-chia đã từng có giao lưu kinh tế, văn hóa và có quan hệ láng giềng thân thiện. Nhân dân ba nước trên bán đảo trao đổi, buôn bán với nhau qua đường biển và đường bộ các đặc sản, trâu, bò cày kéo, khí giới, ngựa chiến v.v. Các nhà truyền bá đạo Phật, các sứ thần giao hảo, v.v. cũng thường từ nước này qua lại các nước khác. Giữa ba nước đã từng có nhiều lần hợp sức để chống lại sự bành trướng xâm lược, ách thống trị áp bức bóc lột của phong kiến Trung quốc và Thái lan. Suốt 20 thế kỷ qua, Đông dương luôn là đối tượng thôn tính của các thế lực phong kiến và bành trướng phương Bắc. Riêng Cam-pu-chia và Lào còn nhiều lần là nạn nhân của chính sách bành trướng của Thái lan.

Nhìn chung qua nhiều thế kỷ, mặc dù có mâu thuẫn đối kháng giữa các Nhà nước phong kiến ba nước, nhưng mỗi khi đứng trước sự uy hiếp, đè nén, bóc lột nặng nề của các triều đại phong kiến Trung quốc, giữa ba nước Việt nam, Lào, Cam-pu-chia đã nhiều lần có sự giao hảo, hợp tác hữu nghị và

(1) Mác – Ăng-ghen: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, tập 1, tr. 405.

Digitized by Google

giúp đỡ nhau cùng chiến đấu để tự vệ.

Trong các thế kỷ 16, 17, Việt nam đã giúp Cam-pu-chia và Lào chống sự xâm lược của phong kiến Thái lan. Nhà sử học Pháp H. Ruy-xi-ê có giải rằng: từ 1620, dưới triều vua Say Sét-ta II ở Cam-pu-chia Việt nam đã từng là người bạn và đồng minh của Cam-pu-chia.

Đến thế kỷ 18, có sự phối hợp giữa phong trào nông dân Tây sơn (Việt nam) với phong trào nhân dân Cam-pu-chia và nhân dân Lào chống quân xâm lược Trung quốc và Thái lan cầu kết với nhau. Nguyễn Huệ, vị anh hùng lỗi lạc của dân tộc Việt nam, đã giúp Cam-pu-chia quét sạch giặc Thái lan ra khỏi bờ cõi (1783); và bằng chiến thắng có ý nghĩa quyết định ở Rạch gầm—Xoài mút (1785) đã đánh tan 5 vạn quân Thái lan xâm lược Việt nam. Nguyễn Huệ cũng đã phá tan 50 vạn quân Thanh phối hợp với quân Thái lan từ ba phía tây, tây nam và bắc tiến công xâm lược Việt nam và Cam-pu-chia. Lào. Về phía mình, quân Tây sơn cũng được sự giúp đỡ của quân và dân Cam-pu-chia trong việc đánh bại bè lũ phản quốc Nguyễn Ánh và quân Thái lan xâm lược.

Từ nửa sau thế kỷ 19, đế quốc Pháp bắt đầu xâm lược và đặt ách thống trị lên ba nước Đông dương, lập ra Đông dương thuộc Pháp, gọi tắt là Đông Pháp. Trước họa xâm lăng đó, ba nước nhất thiết phải gắn bó mật thiết với nhau, liên minh chiến đấu lâu dài chống kẻ thù chung để giải phóng đất nước.

Từ khi đồng chí Nguyễn Ái Quốc đem chủ nghĩa Mác—Lê-nin và ánh sáng Cách mạng Tháng Mười vĩ đại truyền bá, soi rọi vào Đông dương, sáng lập ra Đảng cộng sản Đông dương để tổ chức và lãnh đạo phong trào cách mạng ba nước đi theo con đường mới, thì sự liên minh chiến đấu giữa ba nước anh em đã phát triển lên một bước mới, khác về chất so với trước. Đây là một liên minh kiểu mới, liên minh dưới sự lãnh đạo của đảng vô sản chân chính, liên minh của thời đại mới, thời đại độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; liên minh trên lập trường quan điểm của giai cấp vô sản, theo chủ nghĩa quốc tế vô sản, theo khẩu hiệu «Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!». Đến đây liên minh giữa ba nước Đông dương đã trở thành một quy luật tất yếu, quyết định sự tồn tại và phát triển của ba nước nói chung và của mỗi nước nói riêng.

Tháng 3-1945 Nhật hất cẳng Pháp chiếm lấy Đông dương. Cách mạng Tháng 8 năm 1945 lật đổ ách thống trị của Nhật. Nhưng rồi Pháp xâm lược trở lại. Nhân dân ba nước phải anh dũng đứng lên hiệp lực kháng chiến lâu dài. Mãi đến 1954, sau khi quân và dân Việt nam giáng đòn quyết định làm cho Pháp thất bại nhục nhã ở Điện biên phủ, Pháp mới chịu công nhận chủ quyền độc lập của ba nước Đông dương tại Hội nghị Giơ-ne-vơ.

Sau đó lại đến lượt Mỹ nhảy vào thay chân Pháp, can thiệp và vũ trang xâm lược, hòng biến ba nước Đông dương thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự phản cách mạng ở Đông Nam Á (1954 — 1975). Nhân dân ba nước lại một lần nữa tiếp tục liên minh chiến đấu quyết liệt để giành và giữ độc lập tự do.

Mỹ thua. Mỹ cút. Một kẻ thù mới — bọn bành trướng bá quyền lại xuất đầu lộ diện, sử dụng bè lũ Pôn Pốt — Iêng Xa-ry — Khiêu Xăm-phôn tay sai của chúng ở Cam-pu-chia làm xung kích tiến công xâm lược Việt nam từ phía tây nam. Kết cục chúng đã thua đau và chế độ diệt chủng Pôn Pốt bị đánh đổ. Kế hoạch tiến công xâm lược Việt nam từ phía bắc cũng đã bị thất bại. Tuy vậy kẻ địch vẫn ngoan cố bám lấy mưu đồ bành trướng, bá

Digitized by Google

quyền. Chúng câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác âm mưu tiến hành chiến tranh lấn chiếm và phá hoại nhiều mặt đối với Việt nam, chiến tranh lấn chiếm và lật đổ đối với Cam-pu-chia, tăng cường gây sức ép và diễn biến hòa bình đối với Lào. Cả ba nước Cam-pu-chia, Lào, Việt nam lại phải thắt chặt liên minh để đối phó với kẻ thù chung, giữ vững độc lập tự do. Không phải ngẫu nhiên mà cả ba đảng anh em Việt nam, Lào, Cam-pu-chia đều có nhận định, đánh giá thống nhất về mối quan hệ đặc biệt, về tác dụng to lớn của liên minh ba nước Đông dương. Thực tế đã chứng minh liên minh đoàn kết mấu mực này là một nhân tố quyết định để đánh thắng mọi kẻ thù và giành độc lập, tự do cho mỗi nước. Mỗi khi khối đoàn kết giữa ba nước bị phá hoại thì nền độc lập của mỗi nước bị lâm nguy. Với ý nghĩa đó Nghị quyết Đại hội thứ IV của Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia (tháng 5-1981) đã ghi rõ : « Lịch sử cách mạng Cam-pu-chia nữa thế kỷ qua chỉ rõ khi mà lòng yêu nước gắn chặt với tình đoàn kết quốc tế, đoàn kết ba nước Đông dương, đoàn kết Cam-pu-chia — Việt nam thì cách mạng Cam-pu-chia giành được thắng lợi vẻ vang. Ngược lại khi mà khối đoàn kết liên minh chiến đấu giữa ba nước trước hết là đoàn kết Cam-pu-chia — Việt nam bị phá hoại thì cách mạng Cam-pu-chia bị đẩy lùi và chịu nhiều tổn thất... ». Đại hội thứ IV của Đảng Nhân dân cách mạng Lào (tháng 11-86) và Đại hội thứ VI của Đảng ta vừa qua cũng đã một lần nữa khẳng định rằng tình đoàn kết chiến đấu, mối quan hệ đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa ba nước Đông dương là vấn đề có ý nghĩa sống còn, là quy luật phát triển của cả ba dân tộc anh em.

Rõ ràng là liên minh chiến đấu giữa ba nước Đông dương không phải là ngẫu nhiên, nhất thời mà là một tất yếu khách quan. Nó diễn ra một cách thường xuyên, lặp đi lặp lại, có truyền thống lịch sử, có quá trình phát triển từ thấp đến cao

★

Kẻ thù đủ loại hiện nay cũng như trước đây đã và đang tìm mọi cách chia rẽ ba dân tộc, phá hoại ba nước Đông dương. Chúng xuyên tạc sự thật, nói xấu, vu cáo Việt nam, có lập Việt nam, hòng tách Cam-pu-chia, Lào ra khỏi liên minh với Việt nam. Chúng to miệng rêu rao nào là Việt nam vi phạm quyền dân tộc tự quyết, mưu lập « Liên bang Đông dương » để thống trị ; nào là Việt nam đồng hóa Cam-pu-chia ; nào là Việt nam cũng là nước nghèo, cơ sở vật chất kỹ thuật còn thấp kém, liên minh với Việt nam chẳng có lợi gì v.v

Sự thật đã bác bỏ những âm mưu thủ đoạn đó của chúng.

Mọi người đều biết, Lê nin khi nói về vấn đề dân tộc có nêu lại khuynh hướng có tính quy luật : 1 — Sự thức tỉnh của đời sống dân tộc và những phong trào dân tộc chống lại ách áp bức dân tộc, thành lập các quốc gia dân tộc. 2 — Sự phát triển những mối quan hệ giữa các dân tộc, sự phá vỡ những hàng rào dân tộc, sự thống nhất quốc tế của đời sống kinh tế nói chung, của chính trị, của khoa học v.v

Quan điểm mác xít chú ý đến cả hai khuynh hướng đó. Khi bảo vệ quyền bình đẳng, quyền tự quyết của các dân tộc kể cả quyền tách ra thành lập một quốc gia độc lập, thì đó là chú ý đến khuynh hướng thứ nhất. Khi bảo vệ nguyên lý vĩ đại của chủ nghĩa quốc tế vô sản là đoàn kết nhân dân lao động tất cả các dân tộc đấu tranh không điều hòa chống ảnh hưởng của chủ nghĩa dân tộc tư sản, thì đó là chú ý đến khuynh hướng thứ hai. Phải coi vấn đề dân tộc là một bộ phận của vấn đề cách mạng nói chung ; cho nên trong từng giai đoạn khác nhau, vấn đề đó cũng được giải

Digitized by Google

quyết một cách khác nhau tùy theo tính chất và nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng cụ thể. Vấn đề quyền tự quyết của các dân tộc do vậy cũng cần được giải quyết theo từng hoàn cảnh lịch sử cụ thể, gắn chặt với trào lưu cách mạng của thời đại. Điều chủ yếu là trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc tư sản, chống chủ nghĩa đế quốc, phải đoàn kết được giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước, làm cho họ gần gũi nhau, đạt tới chỗ thống nhất hành động vì thắng lợi của chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Vấn đề quyền dân tộc tự quyết của ba nước Đông dương xét theo khuynh hướng thứ nhất, về cơ bản đã được giải quyết từ lâu, từ Cách mạng Tháng 8 thành công năm 1945 và tiếp đến, sau khithực dân Pháp bị đánh bại,buộc phải công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước ở Đông dương tại Hội nghị Giơ-ne-vơ năm 1954.

Từ đó đến nay, cuộc đấu tranh cách mạng ở mỗi nước tiếp diễn nhằm hoàn thành triệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ độc lập và xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Điều đó có phần nội dung thuộc phạm trù của khuynh hướng thứ hai. Nó đòi hỏi phải củng cố và tăng cường liên minh, củng cố và tăng cường mối quan hệ đoàn kết hợp tác giữa ba dân tộc, phá vỡ những hàng rào ngăn cách giả tạo đối với ba dân tộc, và tạo nên sự thống nhất quốc tế và các mối liên hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học giữa ba nước. Đó là yêu cầu phát triển khách quan của lực lượng sản xuất, của sự phân công lao động xã hội quốc tế vì lợi ích của mỗi dân tộc và của cả ba dân tộc trên bán đảo Đông dương. Ở đây chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế vô sản gắn quyện vào nhau. Điều đó đã được nêu lên trong Tuyên bố của hội nghị cấp cao Lào — Cam-pu-chia — Việt nam ngày 23-2-1983. Bản tuyên bố nhấn mạnh rằng ba nước phải tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện với nhau theo mục đích và những nguyên tắc sau đây:

— Đoàn kết, hợp tác giữa ba nước nhằm giúp đỡ nhau xây dựng và bảo vệ đất nước, góp phần bảo vệ hòa bình và ổn định ở Đông Nam Á và trên thế giới, không nhằm chống lại bất cứ một nước nào.

— Tăng cường tình đoàn kết và sự hợp tác trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa. Mọi vấn đề thuộc quan hệ giữa ba nước sẽ được giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, với tinh thần hiểu biết lẫn nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của mỗi nước và vì lợi ích của cả ba dân tộc.

— Phát triển sự hợp tác lâu dài và giúp đỡ lẫn nhau giữa hai bên hoặc ba bên về mọi mặt trên tinh thần hữu nghị anh em, hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng và cùng có lợi.

— Tăng cường tình đoàn kết giữa ba dân tộc chống mọi âm mưu chia rẽ của kẻ thù và mọi biểu hiện của tư tưởng dân tộc nước lớn và dân tộc hẹp hòi.

Mục đích và những nguyên tắc liên minh đó nói lên tình hữu nghị truyền thống và mối quan hệ đặc biệt giữa ba nước, phản ánh trung thành chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng.

Về phía Việt nam chúng ta, trong khi làm nghĩa vụ quốc tế chúng ta hiểu rất rõ nguyên lý mác xít — lê nin nít nổi tiếng: một dân tộc đi áp bức một dân tộc khác thì dân tộc đó không thể có tự do. Chúng ta kiên quyết đấu tranh chống tư tưởng dân tộc vị kỷ dưới mọi màu sắc, coi nó là kẻ thù của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Việc quân tình nguyện Việt nam có mặt trên đất Cam-pu-chia là vì nghĩa vụ quốc tế, là theo yêu cầu của Cam-pu-chia, là sự thực hiện Hiệp ước

Digitized by Google

liên minh đã được ký kết giữa hai nước. Điều đó sở dĩ đang diễn ra là vì trên thực tế nền độc lập và an ninh của nước bạn Cam-pu-chia còn bị uy hiếp. Những thế lực đối đầu còn âm mưu đưa bọn diệt chủng Pôn Pốt trở lại Cam-pu-chia. Trong khi chưa có một giải pháp chính trị về Cam-pu-chia và Đông Nam Á, căn cứ tình hình hiện nay ở Cam-pu-chia, CHXHCN Việt nam và CHND Cam-pu-chia khẳng định vẫn tiếp tục rút dần hàng năm quân tình nguyện Việt nam khỏi Cam-pu-chia và việc rút quân sẽ hoàn thành vào năm 1990 như đã tuyên bố.

Với nhận thức ngày càng sâu sắc về liên minh ba nước Đông dương, Đại hội thứ VI vừa qua của Đảng ta đã nhấn mạnh: « Bằng những biện pháp thiết thực và có hiệu quả, chúng ta ra sức phát triển quan hệ giữa nước ta với Lào và Cam-pu-chia, làm cho mỗi nước và cả ba nước ngày càng vững mạnh, làm thất bại âm mưu và thủ đoạn chia rẽ của kẻ thù. Trước sau như một, Việt nam trung thành với nghĩa vụ quốc tế của mình đối với cách mạng Lào và cách mạng Cam-pu-chia. Chúng ta coi mỗi thành tựu trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc của hai nước anh em như thành tựu của chính mình, cũng như mỗi thành tựu của chúng ta đều không tách rời tình đoàn kết, sự ủng hộ và giúp đỡ của Đảng, Nhà nước và nhân dân hai nước anh em ».

Trong liên minh ba nước Đông dương, một vấn đề tất yếu, khách quan, có ý nghĩa lâu dài là phải đẩy mạnh và phát triển một cách có hiệu quả, theo hướng đi vào chiều sâu, sự hợp tác toàn diện, chặt chẽ trên tất cả các lĩnh vực, trong đó *việc hợp tác về kinh tế, văn hóa* là nền tảng cho việc củng cố liên minh chiến lược chiến đấu lâu dài giữa ba nước. Bởi vì, tuy mức độ có khác nhau, cả ba nước vốn đều là những nước nông nghiệp lạc hậu và hiện nay đều quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Do đó, tất yếu phải chuẩn bị những tiền đề để tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Không công nghiệp hóa thì không có chủ nghĩa xã hội, không có độc lập thật sự, không có tự do, bình đẳng thật sự. Muốn vậy, một mặt phải dựa vào sự viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa, trụ cột là Liên xô vĩ đại. Mặt khác, phải cố gắng tích lũy dần dần từ nội bộ nền kinh tế quốc dân của mỗi nước. Điều này đến lượt nó lại đặt ra vấn đề là phải biết tương trợ hợp tác chặt chẽ giữa ba nước Đông dương. Do có sông núi liền nhau, có truyền thống hữu nghị, có đảng Mác – Lê-nin lãnh đạo, và đều còn ở trình độ kinh tế kỹ thuật chưa phát triển cho nên ba nước Việt nam, Lào, Cam-pu-chia chẳng những cần phải đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau mà còn có những điều kiện phù hợp để trao đổi kinh nghiệm với nhau trong việc quản lý, xây dựng đất nước trong quá trình tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Mặc cho kẻ địch xuyên tạc, ba nước Đông dương đã và đang liên minh với nhau, vững bước tiến lên. Giữa ba nước, sự hợp tác toàn diện, đặc biệt về kinh tế, văn hóa đang được nhanh chóng mở rộng nhằm giúp đỡ nhau phát huy mạnh mẽ khả năng về tài nguyên, cơ sở vật chất kỹ thuật của mỗi nước để giải quyết những vấn đề cấp bách trong sản xuất và đời sống của nhân dân, cụ thể là giúp nhau điều tra nghiên cứu cơ bản, bồi dưỡng đào tạo cán bộ, đề ra quy hoạch, kế hoạch xây dựng đất nước lâu dài, phù hợp với yêu cầu của mỗi nước và có sự liên kết với nhau trong chiến lược phát triển kinh tế–xã hội. Sự hợp tác kinh tế đó quán triệt các nguyên tắc quốc tế chủ nghĩa là: hoàn toàn tự nguyện, thật sự bình đẳng, đôi bên cùng có lợi, và có ưu tiên, ưu đãi nhau trong tình đồng chí. Nội dung hợp tác

Digitized by Google

phải thiết thực, có hiệu quả, có kế hoạch tiến hành từng bước vững chắc và kết hợp được xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng và an ninh. Lào cầm nhiệm vụ chiến lược của mỗi nước là vừa xây dựng vừa bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

Về hình thức, có hợp tác giữa hai bên hoặc ba bên, giữa ngành với ngành, địa phương với địa phương, phối hợp kế hoạch và liên kết kinh tế với nhau, xuất khẩu qua lại cho nhau. Hiện nay, tuy trình độ khoa học, kỹ thuật và kinh tế của Việt nam chưa cao, nhưng nhìn chung vẫn có thể giúp đỡ Lào và Cam-pu-chia hợp với khả năng tiếp nhận của hai nước anh em. Việc hợp tác trên tinh thần đồng chí, anh em như vậy là thiết thực, rất cần thiết và đứng về ý nghĩa kinh tế mà xét, là phù hợp với con đường công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của mỗi nước. Dương nhiên để không ngừng nâng cao, mở rộng và đổi mới quan hệ hợp tác giữa ba nước, cần tiếp tục nghiên cứu sâu, vận dụng đạt hiệu quả tối đa các hình thức hợp tác về chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, xã hội giữa ba nước. Để phòng tư tưởng và hành động chủ quan nóng vội, chỉ thấy thuận lợi cơ bản, thắng lợi to lớn mà không thấy hết khó khăn phức tạp.

Vừa qua giữa Việt nam và Lào đã xem xét và rút kinh nghiệm về sự hợp tác toàn diện trong thời gian qua, và đã định kế hoạch, biện pháp thúc đẩy sự hợp tác trong 5 năm tới (1986—1990). Giữa CHXHCN Việt nam và CHND Cam-pu-chia đã ký kết và phê chuẩn hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia, đã ký kế hoạch hợp tác về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, khí tượng, bưu điện, giáo dục, du lịch trong 2 năm 1986 — 1987 và trong 5 năm 1986 — 1990.

Như vậy là các mối quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa Việt nam — Lào — Cam-pu-chia đã từng bước được thể chế hóa bằng các hiệp ước lưỡng nghị và hợp tác ký kết giữa hai bên hoặc ba bên, được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc mác xít—lê nin nít và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa. Điều đó càng chứng tỏ quan hệ giữa ba nước Đông dương là mối quan hệ đoàn kết cách mạng của những nước anh em, trong đó mỗi nước đều độc lập, có chủ quyền, bình đẳng với các nước khác; mối quan hệ đó vừa có lợi chung cho cả ba nước, vừa có lợi riêng cho mỗi nước.

Trong khi tăng cường quan hệ hợp tác với nhau, ba nước Việt nam — Lào — Cam-pu-chia không ngừng đẩy mạnh sự hợp tác toàn diện với Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, đồng thời hợp tác với các nước bầu bạn khác. Điều đó thể hiện sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, chống lại tính bản vị, cục bộ, thiển cận và tư tưởng dân tộc hẹp hòi.

Nhận thức rõ tính tất yếu và khẩn thiết của Liên minh ba nước Đông dương, vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ ba nước Đông dương xã hội chủ nghĩa và vì sự nghiệp bảo vệ hòa bình ở khu vực Đông Nam Á và thế giới, những người cộng sản Việt nam chúng ta quyết vun đắp cho tình đoàn kết trong sáng giữa ba nước anh em trên bán đảo Đông dương mãi mãi sắt son, đời đời bền chặt.

Digitized by Google

PHAN DOÃN NAM

NĂM 1986 VÀ CHÍNH QUYỀN RI-GÂN

NĂM 1986 là một năm thất bại nặng nề đối với chính quyền Ri-gân cả về đối nội và đối ngoại. Lên cầm quyền trong bối cảnh nước Mỹ bị khủng hoảng và suy yếu do hậu quả của chiến tranh Việt nam và vụ bê bối Oa-tơ-ghết, tham vọng của Ri-gân là trong một thời gian ngắn, bằng những biện pháp cứng rắn, phục hồi lòng tin của nhân dân Mỹ đối với kẻ đứng đầu Nhà trắng và lấy lại uy tín quốc tế của Mỹ trong thế giới tư bản.

Chính sách của chính quyền Ri-gân nhằm phục hồi sức mạnh bên trong nước Mỹ tức là nhằm vực nền kinh tế Mỹ dậy sau những cuộc suy thoái và khủng hoảng triền miên, và đẩy mạnh chạy đua vũ trang, nhất là chạy đua vũ trang hạt nhân và vũ trụ, gây lại chiến tranh lạnh hòng phá thế cân bằng quân sự — chiến lược Đông — Tây đã hình thành từ đầu những năm 70, đàn áp phong trào giải phóng dân tộc và xác lập lại vai trò lãnh đạo của Mỹ đối với đồng minh.

Qua nhiệm kỳ thứ I (1981 — 1984), nhờ một số thành tựu giành được trên mặt kinh tế (đặc biệt là những thành tựu trong năm 1984 là năm bầu cử tổng thống Mỹ, tốc độ tăng trưởng của tổng sản phẩm quốc dân Mỹ lên tới 6,6%), giá trị đồng đô la Mỹ không ngừng tăng so với các đồng tiền «mạnh» khác trong thế giới tư bản), Ri-gân đã một lần nữa trúng cử tổng thống nhiệm kỳ II với số phiếu tương đối lớn.

Tuy nhiên tình hình nước Mỹ trong hai năm đầu của nhiệm kỳ II của Ri-gân, đặc biệt là năm 1986 đã không diễn ra như chính quyền Ri-gân mong muốn. Những khủng hoảng và bê bối của nước Mỹ như những cái kim lâu nay được bọc kín trong những lớp vải mỏ dần của Ri-gân ngày càng lộ ra, chọc mũi nhọn ngày càng sâu vào toàn bộ cơ thể chính quyền Ri gân.

Trước hết là về kinh tế. Trong 6 năm cầm quyền của Ri-gân thì thời gian suy thoái chiếm hai năm (1981 và 1982). Đặc biệt năm 1982 tốc độ tăng trưởng của tổng sản phẩm xã hội Mỹ là số âm (−2,1%). Năm 1983 tăng 3,7%, năm 1984 tăng 6,6% như đã nói ở trên. Nhưng năm 1985 lại tụt xuống còn 2,3% và năm 1986 có thể chỉ đạt 2,6%. Nếu tính trung bình trong cả 5 năm đầu của thập kỷ 80, trong đó có 4 năm Ri-gân cầm quyền thì tốc độ tăng trưởng trung bình của tổng sản phẩm xã hội Mỹ hàng năm chỉ đạt 1,8% so với 2,6% (thời kỳ 1971 — 1979), 3,2% (thời kỳ 1968 — 1973) và 4,2% (thời kỳ 1962 — 1967). Như vậy so với thập kỷ 70 là thập kỷ có những cuộc khủng hoảng kinh tế và khủng hoảng năng lượng rất trầm trọng, tốc độ phát triển của kinh tế Mỹ trong 5 năm đầu của thập kỷ 80 vẫn chậm hơn.

Nguyên nhân gì đã làm cho kinh tế Mỹ bỗng chốc tăng cao trong năm 1984 lại tụt xuống trong hai năm tiếp đó. Người ta cho rằng kinh tế Mỹ tăng mạnh trong năm 1984 chủ yếu là do áp dụng các biện pháp kinh tế mà một số nhà kinh tế học gọi là Ri-gân-nô-mic. Đó là một sự chắp vá giữa học

Digitized by Google

thuyết kinh tế của trường phái cung ứng và chủ nghĩa trọng tiền với các biện pháp tài chính của chủ nghĩa kinh tế của trường phái cổ điển theo học thuyết Kên-xơ (Keynes). Kết hợp các biện pháp của cả hai trường phái này, Ri-gân-nô-mic đã huy động được một số lớn vốn nước ngoài bằng việc nâng lãi suất ngân hàng của đồng đô la. Năm 1983 số vốn nước ngoài chạy vào Mỹ là 100 tỷ đô la, năm 1985 lên đến 300 tỷ. Nhờ số vốn nước ngoài đó, các xí nghiệp được cung ứng một khoản tiền lớn mà không gây ra lạm phát. Chính phủ Mỹ còn chủ trương vay vốn của nhân dân, hiện nay đã vay 1500 tỷ đô la. Chính sách này tuy tạm thời đưa kinh tế Mỹ phát triển như đã nói trên, nhưng lại gây ra hậu quả tai hại trong những năm gần đây vì Mỹ nợ quá nhiều đến mức không dám vay thêm nữa. Do Mỹ vẫn phải duy trì lãi suất cao để thu hút đô la cho nên số vốn trong nước, để nhanh chóng có lãi, đã không được đầu tư vào sản xuất công nghiệp mà lại đầu tư vào thị trường cổ phiếu làm cho nền kinh tế Mỹ phát triển không lành mạnh. Lãi suất ngân hàng cao làm cho tỷ giá hối đoái đồng đô la cao đã gây ra hiệu quả ngược lại: hàng Mỹ không bán được vì giá quá cao, trong lúc đó hàng nước ngoài lại tuôn vào thị trường Mỹ làm cho thâm hụt cán cân thương mại và cán cân thanh toán của Mỹ ngày càng trầm trọng. Năm 1985, mức thâm hụt đó lên tới 118 tỷ đô la, khiến cho Mỹ lần đầu tiên trong lịch sử từ nước chủ nợ biến thành con nợ. Lại cần phải chỉ ra rằng một nguyên nhân khác làm cho nền kinh tế Mỹ phát triển không lành mạnh là việc Mỹ bỏ hàng trăm tỷ đô la vào chạy đua vũ trang, gây nên tình trạng mất cân đối trong sản xuất và thâm hụt ngân sách liên bang hết sức trầm trọng. Năm nay sự thâm hụt đó có thể lên đến trên 200 tỷ đô la, tức là gấp 5 lần khi Ri-gân mới bước vào Nhà trắng.

Tình hình ảm đạm của nền kinh tế Mỹ không những ảnh hưởng xấu đến nội bộ nước Mỹ mà còn làm cho quan hệ giữa Mỹ với đồng minh, cụ thể là với Tây Âu và Nhật bản trở nên căng thẳng. Việc quốc hội Mỹ thông qua dự luật bảo hộ mậu dịch là một đòn nặng giáng vào các hàng nhập khẩu từ Tây Âu và Nhật bản, đặc biệt là hàng dệt và các hàng công nghiệp nhẹ khác.

Trong lúc kinh tế Mỹ gặp khó khăn như vậy thì kinh tế của Nhật bản và một vài nước Tây Âu lại đang trên đà phát triển. Nhật bản đang có nhiều khả năng vượt Mỹ trong cạnh tranh kinh tế. Vai trò khống chế của kinh tế Mỹ ngày nay không còn nữa. Hiện nay tài sản của Nhật bản ở nước ngoài tuy còn đứng hàng thứ hai sau Mỹ, nhưng người ta dự đoán trong vài ba năm tới Nhật bản có thể vươn lên hàng đầu

Những thất bại của Mỹ cho thấy rõ mặc dù Mỹ và bè lũ đế quốc còn nhiều tiềm lực kinh tế, còn có khả năng chống đỡ trên đà suy sụp hoặc thậm chí còn có thể phát triển kinh tế trong từng thời kỳ nhất định, nhưng xu thế chung là không ổn định ; suy thoái và khủng hoảng là tất yếu của kinh tế tư bản nói chung và kinh tế Mỹ nói riêng. Nó cũng cho thấy những biện pháp của chính quyền Ri-gân chỉ là liều thuốc an thần nhất thời, không có tác dụng đảo ngược tình hình. Cuộc khủng hoảng cơ cấu của nền kinh tế tư bản và khủng hoảng học thuyết kinh tế tư bản chủ nghĩa vẫn chưa được giải quyết.

Tình hình kinh tế xấu đi đã dẫn đến những xáo động trong xã hội Mỹ và là một trong những nguyên nhân chính gây nên thất bại to lớn của Đảng cộng hòa, đảng của Ri-gân trong cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ tháng 11-1986. Điều bất ngờ đối với Ri-gân là thất bại quá lớn so với dự kiến. Với kết quả cuộc bầu cử, thượng viện, nơi có tiếng nói quyết định đối với các chính

Digitized by Google

sách của chính quyền Ri-gân, đã chuyển từ tay Đảng cộng hòa sang Đảng dân chủ đối lập. Hạ viện vốn đã nằm dưới sự kiểm soát của Đảng dân chủ, nay thượng viện cũng do Đảng dân chủ kiểm soát; tình hình đó đặt Ri gân trước rất nhiều khó khăn lớn trong việc điều hành công việc trong hai năm còn lại của nhiệm kỳ tổng thống.

Nhưng thất bại lớn nhất của chính quyền Ri-gân trong năm 1986 là về mặt đối ngoại. Theo báo chí Mỹ, chính sách đối ngoại của chính quyền Ri-gân trong năm đầu tiên của nhiệm kỳ II có 3 «sáng kiến» quan trọng nhất. Đó là «học thuyết Ri-gân»; việc đẩy mạnh sáng kiến phòng thủ chiến lược (SDI) và mua sắm vũ khí ồ ạt. Học thuyết Ri-gân, còn được gọi là «chủ nghĩa toàn cầu mới» thực chất là sự phản kích của đế quốc Mỹ chống lại phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc. Qua các bài phát biểu của Ri gân và các tướng tá Lầu năm góc, tính chất hiếu chiến của học thuyết đó thể hiện ở chỗ phải làm cho thế giới thấy rằng «Mỹ luôn luôn ở tư thế sẵn sàng có thể sử dụng sức mạnh quân sự bất cứ lúc nào», và khi cần thiết thì Mỹ có thể hành động đơn phương mà không cần báo trước cho đồng minh và không cần có sự thỏa thuận trước của đồng minh (như việc Mỹ ném bom Li-bi và leo thang chiến tranh không quân ở Ni-ca-ra-goa). Kết quả của chính sách này như thế nào? Rõ ràng là nó đã không dập tắt được sự chống đối của các dân tộc, trái lại càng làm cho Mỹ bị lên án, bị cô lập hơn trên thế giới, kể cả ở các nước đồng minh của Mỹ. Chưa bao giờ các văn kiện của Phong trào không liên kết lại có nội dung chống Mỹ mạnh mẽ như văn kiện của Hội nghị cấp cao thứ 8 tổ chức tại Dim-ba-bu-ê tháng 9-1986. Những thất lại của Mỹ không chỉ ở chỗ bị lên án, bị cô lập mà còn ở chỗ Mỹ không thực hiện được mục tiêu của «chủ nghĩa toàn cầu mới», không khuấy động được các hoạt động của lọn phản cách mạng ở các nước nhằm chống lại Liên xô, các nước xã hội chủ nghĩa và các nước không liên kết. Với «chủ nghĩa toàn cầu mới», Mỹ định vượt ra khỏi giới hạn của học thuyết Nich-xơn, không chỉ làm sen đầm có chọn lọc mà định trở lại vai trò sen đầm quốc tế của thời kỳ trước Việt nam. Nhưng rõ ràng thế suy yếu của đế quốc Mỹ thời kỳ sau Việt nam không cho phép Mỹ vượt ra khỏi khuôn khổ học thuyết Nich-xơn.

Việc Ri-gân chủ trương đẩy mạnh «sáng kiến phòng thủ chiến lược» (SDI) và tiếp tục chạy đua vũ trang, nhất là vũ trang hạt nhân không giới hạn đã làm cho tình hình thế giới hết sức căng thẳng, quan hệ Đông—Tây càng xấu đi nhưng vẫn không phá được thế cân bằng quân sự chiến lược Đông—Tây. Những thất bại về kỹ thuật của SDI (qua vụ nổ con tàu Sôn-lin-gơ (Challenger) và tính chất không chắc chắn của chương trình này đã dấy lên trong nước Mỹ một làn sóng phản đối, đòi Ri-gân hủy bỏ SDI hoặc chỉ giới hạn việc thử nghiệm SDI ở trong phòng thí nghiệm. Quốc hội Mỹ đã cắt bớt ngân sách chi cho quốc phòng nói chung và SDI nói riêng. Nhưng điều quan trọng hơn là dư luận thế giới ngày càng thấy rõ thiện chí của Liên xô, thể hiện ở những đề nghị hết sức xây dựng của Liên xô về giải trừ quân bị, giảm bớt, tiến tới loại trừ vũ khí hạt nhân. Qua các cuộc gặp gỡ cấp cao Xô—Mỹ ở Giơ-nơ-vơ và Rây-gia-vích, mọi người đều thấy rõ cản trở duy nhất đối với quá trình giải trừ quân bị là việc Mỹ cứ khư khư kiên trì chương trình SDI. Phong trào chống chiến tranh hạt nhân và phong trào phi hạt nhân hóa đã và đang phát triển mạnh mẽ ngay cả trong sào huyệt của đế quốc Mỹ và trong những khu vực mà Mỹ đang duy trì các căn cứ quân sự lớn phục vụ chương trình SDI. Sự rạn nứt của liên minh ANZUS ngày càng lớn và

Digitized by Google

khả năng đổ vỡ là không thể tránh khỏi.

Trong những ngày cuối năm 1986, vụ bê bối đối ngoại làm rối loạn chính quyền Mỹ là việc Mỹ lén lút bán vũ khí cho I-ran và lấy tiền lời của việc bán vũ khí đó cung cấp cho bọn phiến loạn các nước, đặc biệt là bọn Con-tơ-rát ở Ni-ca-ra-goa. Dư luận phương Tây đã so sánh vụ này với vụ Oa-tơ-ghết. Qua vụ bê bối này, rõ ràng sự khủng hoảng trong chính sách đối ngoại của Mỹ chưa chấm dứt. Là một trong những hậu quả của chấn thương Việt nam, vụ I-ran-ghết chứng tỏ rằng cuộc khủng hoảng lòng tin trong nước Mỹ còn kéo dài. Đây không chỉ là cuộc khủng hoảng lòng tin của nhân dân lao động Mỹ đối với giới cầm quyền Mỹ. Nó còn là sự mâu thuẫn, lục đục trong nội bộ giới cầm quyền, giữa Nhà trắng và Bộ ngoại giao, giữa CIA và Bộ quốc phòng và ngay cả giữa những nhân vật chóp bu trong Nhà trắng. Chưa có một tổng thống nào của nước Mỹ như Ri-gân trong 6 năm cầm quyền đã phải 5 lần thay cố vấn an ninh quốc gia. Lãnh tụ Đảng dân chủ ở thượng viện đã nói thẳng ra rằng chính sách đối ngoại của Ri-gân đã hoàn toàn sụp đổ. Cũng qua vụ bê bối này, nhân dân Mỹ và thế giới tự hỏi liệu Ri-gân có phải là người thật sự điều hành chính sách ở Mỹ hay ông ta chỉ là một « con vịt què ». Rõ ràng có nhiều sự kiện cho thấy Ri-gân không nắm được bộ máy Nhà trắng.

Mọi người cũng thấy rằng từ đầu những năm 60, khi Mỹ bắt đầu dính líu vào cuộc chiến tranh Việt nam đến nay không có một tổng thống nào của nước Mỹ có thể hoàn thành nhiệm vụ trong hai nhiệm kỳ một cách suôn sẻ. Giôn Ken-nơ-đi với chính sách « biên giới mới » đã bị bắn chết tháng 11-1963. Giôn-xơn lên thay với chính sách leo thang chiến tranh Việt nam đã tự cách chức mình sau cuộc tổng tiến công Tết Mậu Thân của quân và dân ta. Nich-xơn, tên trùm đế quốc gian xảo đã bị vụ Oa-tơ-ghết hất cẳng năm 1974. Pho lên thay đã ngậm đắng nuốt cay trước thắng lợi toàn vẹn của nhân dân ta mùa xuân 1975 và cuối cùng đã để mất chiếc ghế tổng thống cho Các-tơ năm 1976. Các-tơ tưởng rằng chơi con bài Trung quốc có thể giúp ông ta thắng cử nhiệm kỳ II nhưng cuối cùng đã bị Ri-gân đánh bại năm 1980. Ri-gân có bị phế truất do vụ bê bối I-ran hay không, điều đó còn chờ thời gian trả lời, nhưng điều chắc chắn là trong hai năm còn lại của nhiệm kỳ tổng thống, với những thất bại và bê bối cả về đối nội và đối ngoại, nếu Ri-gân còn tiếp tục ở ghế tổng thống thì ông ta cũng chỉ là « một con vịt què » như mọi người đã thấy trước.

Digitized by Google

«ТАПТИ КОНГШАН» № 2 – 1987

ПЕРЕДОВАЯ – Усилить монолитную сплоченность партии и успешно выполнить решения VI съезда. ДАО ЗЮЙ ТУНГ – Некоторые вопросы об обновлении мышления. ЧАН ХЫУ ДАК – Активизируя контроль, содействовать успешному выполнению решений VI съезда партии. ★★★ – Президент Хо Ши Мин (краткая летопись) ОБМЕН МНЕНИЯМИ – О роли человеческого фактора в деле социалистического строительства. ХО БАТ КХУАТ – Встреча за мир и социальный прогресс. ХОНГ ТЬЮОНГ – Овладевать законами в проведении социалистической революции и строительстве социализма во Вьетнаме. ФАН ТХЬЮОНГ ХИЕН – О закономерности союза трех индокитайских стран. ФАН ЗОАН НАМ – 1986 год и администрация Рейгана.

REVIEW OF COMMUNISM N° 2 – 1987

EDITORIAL – Strengthening the unanimous solidarity within the Party with a view to resolutely implementing the resolution of the 6th Party Congress successfully. ĐÀO DUY TÙNG – Some problems on thinking renewal. TRẦN HỮU ĐÁC – Strengthening the work of control in order to contribute to a successful implementation of the resolution of the 6th Party Congress. ★★★ – President Ho Chi Minh (short chronology). EXCHANGE OF VIEWS – On the role of human factor in the cause of socialist construction. HỒ BẮT KHUẤT – A meeting for peace and social progress. HỒNG CHƯƠNG – The problem of mastering the rules in the socialist revolution and in socialist construction in Vietnam. PHAN THƯỢNG HIỀN – On the law of alliance among the three Indochinese countries. PHAN DOÃN NAM – The year 1986 and the Reagan Administration.

REVUE DU COMMUNISME N° 2– 1987

EDITORIAL – Renforcer l'union, l'unité de vues au sein du Parti, s'attacher résolument à réaliser les Résolutions du VIe Congrès. ĐÀO DUY TÙNG – Quelques problèmes sur le renouveau de la pensée. TRẦN HỮU ĐÁC – Intensifier le travail de contrôle, contribuer à la réalisation des Résolutions du VIe Congrès. ★★★ – Le Président Ho Chi Minh (Chronologie résumée) ECHANGE D'IDÉES – Sur le facteur humain dans l'édification du socialisme. HỒ BẮT KHUẤT – Une rencontre pour la paix et le progrès social. HỒNG CHƯƠNG – Le problème de l'assimilation des lois objectives dans la révolution socialiste et dans l'édification du socialisme au Vietnam. PHAN THƯỢNG HIỀN – Sur les lois de l'alliance des trois pays indochinois. PHAN DOÃN NAM – L'année 1986 et l'administration Reagan.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 2 – 1987

EDITORIAL – Intensificar la cohesión unánime del Partido y estar decidido a realizar exitosamente las Resoluciones del Sexto Congreso. ĐÀO DUY TÙNG – Algunos asuntos sobre la renovación del pensamiento. TRẦN HỮU ĐÁC – Intensificar el trabajo de control para contribuir a realizar exitotosamente las Resoluciones del Sexto Congreso. ★★★ – El Presidente Ho Chi Minh (cronología resumida). INTERCAMBIOS DE OPINIONES – Sobre el factor del hombre en la edificación del socialismo. HỒ BẮT KHUẤT – El encuentro por la paz y el progreso social. HỒNG CHƯƠNG – El problema de dominar la ley en la revolución socialista y la edificación del socialismo en Vietnam. PHAN THƯỢNG HIỀN – Sobre la ley de la alianza de los tres países indochinos. PHAN DOÃN NAM – El año 1986 y la administración de Reagan.

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
SỐ 2-1987. NĂM THỨ XXXIII (374)

Mục lục

Xã luận — Tăng cường sự đoàn kết nhất trí của Đảng, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VI 1

ĐÀO DUY TÙNG — Mấy vấn đề về đổi mới tư duy 6

TRẦN HỮU ĐẮC — Tăng cường công tác kiểm tra, góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng 13

★ ★ ★ — Chủ tịch Hồ Chí Minh (Biên niên tóm tắt) 20

Trao đổi ý kiến về vai trò nhân tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ★ TẠ VĂN THÀNH, ĐẶNG THU, TRẦN ĐỘ, ĐẶNG QUANG UẨN, PHẠM NHƯ CƯƠNG 24

HOÀNG VĂN THÁI — Bàn về chuẩn bị đất nước chống chiến tranh xâm lược 48

NGUYỄN PHÚ TRỌNG — Bài học lịch sử vô giá 55

VÕ TỬ THÀNH — Mấy ý kiến về đổi mới công tác tổ chức và công tác cán bộ 61

TRẦN THÀNH — Về xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý 67

NGUYỄN HỮU PHÙNG — Một số cải tiến bước đầu về cơ chế quản lý kinh tế ở Thanh hóa 72

PHAN QUỲNH ANH — Qua một số tác phẩm của những người viết văn trẻ 76

Thư gửi Bộ biên tập ★ LÊ VĂN GIÁP — Chân tướng của kẻ cơ hội 82

Sinh hoạt tư tưởng ★ ĐỨC UY — Né tránh 84

HỒ BẤT KHUẤT — Cuộc gặp gỡ vì hòa bình và tiến bộ xã hội 86

HỒNG CHƯƠNG — Vấn đề nắm quy luật trong cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt nam 90

PHAN THƯỢNG HIỀN — Về quy luật liên minh ba nước Đông dương 97

PHAN DOÃN NAM — Năm 1986 và chính quyền Ri-gân 103

Trụ sở Bộ biên tập:
1. Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói: 52061 — 52062
Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:
19. Phạm Ngọc Thạch — T. P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 — 22040

Digitized by Google

Digitized by Google

Các bạn tìm đọc

– Văn kiện Đại hội đại biểu toàn thứ VI của Đảng cộng sản Việt na

– Điều lệ Đảng cộng sản Việt nam

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬ

From:
交流圖書公司
CHIAO LIU PUB. SERVICE

To: Asia Library
University of Michigan

Title 書名 Tạp chí cong san

Vol. No. 卷數

Issue No. 期數 7

DELIVERY SLIP 發貨單 (Ref: Your Order 訂單號碼)

Pkg. No. 包裹號碼 X-3847

Date 日期 7/18/88

No. of Copies 份數 1

Date Published 出版日期 1987

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 6d00

Digitized by Google

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản

... of MICH.
OCT 09 1987
Current Serials

3

3.1987

Digitized by Google

Digitized by Google

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Cơ quan lý luận và chính trị
của Đảng cộng sản Việt nam

Xã luận

XÂY DỰNG MỘT QUỐC HỘI THẬT SỰ CÓ NĂNG LỰC

CUỘC bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VIII sắp tới là một sự kiện chính trị quan trọng của nhân dân ta. Nó phải thể hiện sự đổi mới về nhận thức và cách làm theo tinh thần Đại hội thứ VI của Đảng.

Hiến pháp nước ta đã trao cho Quốc hội những chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn hết sức quan trọng và rộng lớn. Là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước, cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp, Quốc hội có quyền quyết định những chính sách cơ bản về đối nội, đối ngoại, những mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và dự toán ngân sách nhà nước, những quy tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, về quan hệ xã hội, về hoạt động của công dân; có quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước, bầu và bãi miễn các thành viên của Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bộ trưởng, thành lập hoặc bãi bỏ các bộ, các ủy ban nhà nước, quy định sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế, quyết định chiến tranh hay hòa bình. Thậm chí, Hiến pháp còn cho phép Quốc hội định ra cho mình những nhiệm vụ và quyền hạn khác, khi xét thấy cần thiết.

Với vai trò và quyền hạn lớn lao như vậy, Quốc hội phải là cơ quan có đủ những điều kiện cần thiết để hoạt động có hiệu lực, chứ không phải là cơ quan mang tính chất tượng trưng, hình thức. Quốc hội cùng các hội đồng nhân dân các cấp phải được coi trọng thật sự, đúng với vai trò là cơ quan quyền lực cao nhất ở trung ương và địa phương. Phải thật sự bảo đảm cho các cơ quan quyền lực cao nhất này thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ và quyền hạn của mình mà không bị bao biện làm thay, không bị coi là « nhiều

Digitized by Google

sự, phiền toái». Xét về bản chất. Quốc hội ta, Quốc hội một nước xã hội chủ nghĩa phải là một cơ quan thật sự có quyền lực và hành động với tinh thần năng động, sáng tạo phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tiêu biểu cho ý chí, nguyện vọng và quyền dân chủ của nhân dân, quyết định những vấn đề trọng đại về quốc kế dân sinh, góp phần xứng đáng vào việc tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước. Song kinh nghiệm thực tế hơn 40 năm hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp ở nước ta cho thấy việc bảo đảm và nêu cao vị trí, vai trò của một cơ quan như thế không phải là dễ dàng. Nó thường phải đấu tranh chống lại những nhận thức và hành động không đúng.

Vì vậy, trước tình hình đất nước đang đòi hỏi có sự đổi mới về các mặt, trong đó có sự đổi mới của các cơ quan dân cử, cuộc bầu cử lần này phải đạt được yêu cầu quan trọng hàng đầu là bầu ra một Quốc hội thật sự có năng lực, có thể thực hiện tốt những chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của mình, bảo đảm quyền làm chủ bằng nhà nước của nhân dân lao động, góp phần tích cực thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng.

★

Để có một Quốc hội như vậy, điều cần thiết trước hết là phải **bảo đảm chặt chẽ và đúng đắn tiêu chuẩn người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.** *Đây là yếu tố đầu tiên hết sức quan trọng tạo nên chất lượng mới của Quốc hội. Những người được giới thiệu ứng cử phải là những người trung thành với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, có thành tích trong sản xuất, công tác và chiến đấu, có tinh thần đổi mới, sâu sát thực tế, hiểu tâm tư nguyện vọng của nhân dân tận tụy phục vụ nhân dân, mạnh dạn để đạt ý kiến và nguyện vọng của nhân dân, gương mẫu trong lối sống, trong việc chấp hành chính sách và pháp luật, thẳng thắn đấu tranh bảo vệ quyền lợi của nhân dân, chống mọi hành vi sai trái, tiêu cực. Những người đó phải là những người* **thật sự có năng lực và phẩm chất để thực hiện tốt nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội.** *Đại biểu Quốc hội phải có kiến thức tương đối rộng, có sự hiểu biết chính trị chuyên môn khá, có năng lực bàn bạc, giải quyết những công việc nhất định, có kinh nghiệm công tác và vốn sống. Họ chẳng những phải nói lên được tiếng nói của nhân dân, mà còn thực tế đáp ứng được những yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân. Bảo đảm yêu cầu cấu tạo về thành phần, tính chất đoàn kết dân tộc trong cơ cấu của Quốc hội là cần thiết, nhưng không vì thế mà hạ thấp tiêu chuẩn, giới thiệu những người chỉ có danh không có thực hoặc chỉ mang tính chất tượng trưng cho ngành nghề, giới tính, tuổi tác. Yêu cầu về cấu tạo thành phần, về đoàn kết dân tộc không làm lu mờ vai trò của cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước. Hội nghị hiệp thương bàn bạc danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội nhất thiết phải thể hiện được tinh thần nói trên, bảo đảm đầy đủ những khâu công tác cần thiết, không để xảy ra sơ hở, sai sót, hết sức tránh lối lựa chọn có tính chất «cân bằng» hình thức, lối lựa chọn theo ý muốn chủ quan của một vài cá nhân, không lắng nghe hết ý kiến của nhân dân, của các tập thể lao động. Đại biểu Quốc hội phải là người đại diện thật sự cho lợi ích của quần chúng, được quần chúng tin cậy. Đã có không ít trường hợp đại biểu Quốc hội xa lạ với cử tri, cử tri bỏ phiếu cho họ chỉ vì tin tưởng chung chủ trương của Đảng, chứ chưa phải tin tưởng*

Digitized by Google

cụ thể người sẽ thay mặt cho mình ở Quốc hội. Đối với những đại biểu đã tham gia nhiều khóa, nay tuổi đã cao, sức đã yếu thì cần được nghỉ ngơi, chăm sóc theo chính sách.

Việc bàn bạc, giới thiệu danh sách những người ứng cử đúng tiêu chuẩn với số lượng nhiều hơn số đại biểu được bầu chỉ có ý nghĩa khi nhân dân được giáo dục sâu sắc mục đích, yêu cầu của cuộc bầu cử và hiểu rõ những người ra ứng cử, khi cuộc bầu cử được tiến hành trong không khí hoàn toàn dân chủ, nghĩa là các cử tri được thật sự tự do lựa chọn đại biểu của mình, mà không bị gò ép. Chúng ta tin tưởng rằng, với sự giác ngộ chính trị cao, ý thức xây dựng và lòng mong muốn đổi mới, nhân dân ta sẽ bầu ra những đại biểu Quốc hội xứng đáng.

Để lãnh đạo tốt cuộc bầu cử Quốc hội lần này, Đảng ta phải có sự đổi mới về nhận thức và cách làm. Chất lượng của Quốc hội sẽ được bầu ra lần này tùy thuộc một phần rất quan trọng vào những quan điểm, chủ trương đổi mới trong sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, cũng như trong việc phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng đối với cuộc bầu cử.

Muốn có một Quốc hội thật sự có năng lực trong hoạt động thực tế, còn cần phải đổi mới hoạt động của Quốc hội, hoạt động của Hội đồng Nhà nước, của các hội đồng, các ủy ban của Quốc hội, đặc biệt là đổi mới nội dung và hình thức của các kỳ họp Quốc hội, hoạt động của các đại biểu Quốc hội, đổi mới mối quan hệ giữa Quốc hội với các cơ quan khác của Nhà nước và các tổ chức xã hội, đổi mới cả sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội. Những sự đổi mới đó làm cho Quốc hội nêu cao được vai trò, vị trí và phát huy được năng lực của mình trong hoạt động thực tế.

★

Thấm nhuần sâu sắc tinh thần đổi mới của Đại hội thứ VI của Đảng, hiểu rõ ý nghĩa, yêu cầu của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội lần này, toàn dân ta phát huy tinh thần dân chủ xã hội chủ nghĩa, hăng hái thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi cao quý của mình, tích cực tham gia việc lựa chọn, bầu cử những người đại diện cho mình vào cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước. Cuộc bầu cử lần này phải đạt cho được mục đích bầu ra một Quốc hội có sinh khí mới, thật sự có năng lực, cùng toàn dân thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ do Đại hội thứ VI của Đảng đề ra.

Digitized by Google

NGUYỄN HỮU THỌ

Quốc hội khóa VIII—mấy vấn đề đổi mới

MỘT lần nữa cử tri cả nước ta đến thùng phiếu thực hiện một trong những quyền công dân quan trọng nhất: bầu Quốc hội, cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước ta, theo lời văn của Hiến pháp. Và, cũng một lần nữa, ý nghĩa cùng giá trị thực tế của Quốc hội được đặt ra trong suy nghĩ của đông đảo nhân dân. Tất nhiên, sự băn khoăn đó hoàn toàn chính đáng, lành mạnh, đầy tinh thần trách nhiệm, và thể hiện mức giác ngộ chính trị ngày một cao của những người không bao giờ bằng lòng dùng lá phiếu của mình một cách chiếu lệ, hình thức, không bao giờ bằng lòng sự ca ngợi Quốc hội với các lời lẽ hoa mỹ nhất. Nguyện vọng phổ biến hiện nay của đông đảo nhân dân là Quốc hội, cùng các cơ quan dân cử các cấp, đúng như các điều khoản Hiến pháp quy định, hoạt động thiết thực, và chỉ như vậy, sự tồn tại của nó mới có ý nghĩa.

Phần sau, tôi sẽ phân tích nguyên nhân của một tình hình, với chế độ chúng ta, là *không bình thường*, còn bây giờ, tôi muốn nhắc đến một mệnh lệnh lịch sử phát lên từ Nghị quyết của Đại hội thứ VI của Đảng: « Đổi mới *toàn diện* » và « *Lấy dân làm gốc* », biểu tượng cho Đại hội VI, Đại hội đánh dấu bước chuyển mình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thân yêu của chúng ta, để đến năm 2000, có sự phát triển mạnh mẽ, xứng đáng với truyền thống đánh giặc giữ nước anh hùng, và không hổ thẹn với bè bạn xã hội chủ nghĩa đang khẩn trương cải tổ, không hổ thẹn với các quốc gia Đông Nam Á cùng có điểm xuất phát về kinh tế và xã hội tương tự chúng ta.

Quốc hội khóa VIII phải phản ánh trung thành quan điểm, đường lối, chủ trương của Đại hội VI; hơn thế nữa, Quốc hội chính là hình ảnh minh họa sinh động của tinh thần Đại hội VI, nơi nối liền nguyện vọng của Đảng với hiện thực khách quan, là *việc làm* tiêu biểu cho *lời nói* của Đảng, trước hết là dấu ấn đóng vào yêu cầu *đổi mới* và *lấy dân làm gốc*, là bước thể nghiệm dân chủ đang được cả nước và rộng hơn, chăm chú theo dõi.

Cuộc sống không ngừng phát triển, đất nước đứng trước những chuyển động tự thân, và chịu tác động của trào lưu chung. Đó là tính quy luật, không ít quan điểm và biện pháp tất yếu ngày hôm qua trở nên lỗi thời, thậm chí chướng ngại ngày hôm nay. Chính vào thời kỳ cuối của nhiệm kỳ vừa rồi, Quốc hội bộc lộ những mâu thuẫn giữa sự cần thiết phải hoạt động như một cơ quan quyền lực thực sự đại biểu cho xu thế đổi mới của đất nước, của chủ nghĩa xã hội, và của thế giới, thực sự là tiếng nói của toàn thể cử tri đã bầu ra mình, với trạng thái ỷ ạch, xem Quốc hội như một loại trang trí. Cần phải nói ngay rằng không một ai có ý thức lại chủ trương cực đoan trong vấn đề dân chủ. Dân chủ là sản phẩm của một xã hội nhất định, trình độ thực hiện dân

Digitized by Google

chủ của một chế độ không độc lập với trình độ kinh tế, văn hóa, không độc lập với hoàn cảnh đối nội và đối ngoại mà chế độ phải thích nghi ở vào từng thời điểm cụ thể. Tiến trình dân chủ hóa còn liên quan đến di sản lịch sử sâu xa, và sẽ ảo tưởng nếu ta lấy mẫu mực từ những nước xã hội chủ nghĩa công nghiệp hóa cao, đã kinh qua nền dân chủ tư sản có khi dài hàng thế kỷ. Tuy nhiên những mặt thiếu sót đã qua của Quốc hội hoàn toàn không vì bệnh "duy ý chí". Ở lĩnh vực khác thì quả chúng ta mắc bệnh này trầm trọng, nhưng ở lĩnh vực dân chủ thì chúng ta đã không làm đúng theo nguyên lý của Đảng, thiếu ý chí cần thiết. Dân chủ là thế mạnh của chúng ta, nhưng giành được chính quyền trọn vẹn, chúng ta lại làm xói mòn thế mạnh ấy.

Trước hết, vai trò « cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất » bị vi phạm do lẫn lộn giữa khái niệm Đảng lãnh đạo với chức năng lập pháp và đề cử, giám sát cơ quan hành pháp của Quốc hội. Đảng lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện, nhưng không có nghĩa *cơ quan đảng làm thay cho Quốc hội*. Sự hoạt động của Quốc hội theo cương lĩnh và nghị quyết của Đảng đã thể hiện mặt chủ yếu sự lãnh đạo của Đảng. Đây là sự phân công hợp lý trong điều kiện Đảng cầm quyền, và Quốc hội — cũng như các cơ quan dân cử các cấp — là một khâu trong toàn bộ dây chuyền chuyên chính vô sản. Sự điều hành cụ thể trở nên rối rắm một khi Quốc hội không thực hiện chức năng của mình, tức là chức năng được phân công, và chức năng ấy đã mang trong mình tính chất đảng. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo không thể phát huy hiệu lực nếu khu vực Đảng phải lãnh đạo theo đặc thù của nó không bảo đảm đúng chức năng: Quốc hội thực hiện nguyên tắc Đảng lãnh đạo qua đảng đoàn trong Quốc hội, lấy công tác vận động và thuyết phục làm chính, đến một mức nào, khi các thành viên ngoài đảng giữ ý kiến của mình thì Quốc hội xử lý bằng bỏ phiếu kín.

Thứ hai, chất lượng Quốc hội quyết định từ *cung cách chọn lựa đại biểu*. Quốc hội là cơ quan quyền lực Nhà nước chứ *không phải là Ủy ban Mặt trận*, dù rằng trong bố trí nhân sự, chúng ta phải quan tâm bảo đảm mọi thành phần xã hội, mọi dân tộc, mọi giới và lứa tuổi đều có tiếng nói, đều có quyền tại Quốc hội theo tỷ lệ số lượng và tính chất của các thành phần ấy. Như vậy, đại biểu Quốc hội phải là những *phần tử ưu tú*, tiêu biểu, đủ năng lực, đủ phẩm chất, có thể đóng góp được cho Quốc hội xét duyệt các chủ trương chung của Chính phủ, đủ bản lĩnh bầu (và bãi miễn) thành viên của Hội đồng Nhà nước và Hội đồng bộ trưởng, kiểm tra chặt chẽ các cơ quan này, phê phán, uốn nắn, thậm chí thi hành kỷ luật cả bộ phận hay từng cá nhân trong guồng máy hành pháp. Không có gì là vượt chức năng, quyền hạn, khi Quốc hội bác một dự thảo luật, một nghị quyết của Hội đồng bộ trưởng, bác một thành viên của Hội đồng bộ trưởng.

Mỗi địa phương, mỗi ngành trọn quyền đề cử người ứng cử vào Quốc hội, thông qua hiệp thương của Mặt trận Tổ quốc. Hiệp thương nghĩa là bàn bạc, khác với áp đặt. Các ban chấp hành đoàn thể, các hiệp hội, thậm chí cử tri có quyền đề cử người ứng cử, theo tiêu chuẩn mà không ai được vượt qua là: trung thành với Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa, chấp nhận vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản. Bên trong làn ranh ấy, cử tri toàn quyền gửi gắm nguyện vọng của mình cho ai mà cử tri tin nhiệm. Như thế, có thể danh sách ứng cử sẽ khá đông. Không có vấn đề gì phải bận tâm — cử tri sẽ chọn lựa. Rất bình thường việc một cán bộ lãnh đạo của Đảng thất cử trong chức trách đại biểu Hội đồng nhân dân, Quốc hội. Đó là một loại thông tin phản hồi để Đảng thêm tư liệu đánh giá cán bộ, một thử thách bổ sung vô cùng cần thiết.

Digitized by Google

Đất nước ta đã giải phóng 12 năm. Thành phần Quốc hội phải thể hiện cho được những chuyển động sâu xa của thời gian giải phóng ấy. Cả nước lại đang chủ yếu làm kinh tế, Quốc hội cần những đại biểu có kiến thức trên lĩnh vực này, dù nguồn đào tạo từ đâu — ta chấp nhận những quan điểm và kiến thức khác nhau, miễn cùng hướng đến lợi ích của đất nước và nhân dân, và chính hiệu quả thực tế là trọng tài công minh nhất.

Điều chúng ta quan tâm là Quốc hội phải đủ khả năng tự khẳng định quyền lực của mình, tự khẳng định cơ bản bằng kiến thức và bằng mối quan hệ gắn bó với cử tri.

★

Học tập thực hiện dân chủ — nói ra nghe như kỳ lạ, nhưng đúng là chúng ta đang ở vào giai đoạn tập sự. Nhiều quan niệm bị đảo lộn và không phải bao giờ cái mới cũng được hưởng ứng ngay. Nếp làm việc tùy tiện, hình thức — tôi chỉ nói phần Quốc hội — ăn sâu, thành thói quen ở một số người.

Đổi mới không thể là khẩu hiệu suông. Liên xô đang đi những bước rất dài và ai cũng thấy hiệu quả: nền kinh tế bước nhanh rũ khỏi trì trệ, đời sống cải thiện hẳn, không khí xã hội cởi mở, kẻ thù chống Liên xô ngày mỗi cảm thấy lạc lõng. Liên xô thực hiện di huấn của Lê-nin, xã hội xô viết phát triển trong quỹ đạo xã hội chủ nghĩa, đó là một sự thực hùng hồn chứng minh khả năng tuyệt vời của chủ nghĩa xã hội, một khi nó được trả lại nội dung vốn cần phải có của nó.

Việt nam, sau Đại hội VI, cần nghiền ngẫm các di huấn của Bác Hồ, các vấn đề đổi mới tư duy, « lấy dân làm gốc »...

Quốc hội khóa VIII chắc chắn sẽ và *phải* giải đáp đòi hỏi không thể trì hoãn của yêu cầu phát triển chủ nghĩa xã hội ở Việt nam, theo bước đi và đặc điểm của chúng ta.

Từ nay « sự nhất trí thông qua » sẽ không là một lối « thiệu »* Có cái được nhất trí thông qua và có cái chỉ được thông qua với một số lượng phiếu nào đó. Vấn đề không ở chỗ « nhất trí thông qua » trên từ ngữ, mà ở chỗ cọ xát quan điểm, thảo luận thẳng thắn. Quốc hội không phải là nơi đại biểu « phát biểu cảm tưởng », mà là nơi đại biểu cân nhắc, tính toán, nói lên sự đồng ý hay không đồng ý của mình.

Kinh nghiệm đã qua khá phong phú, tôi nghĩ rằng nghiêm túc học tập nó sẽ tạo cho Quốc hội sinh khí mới — sinh khí bắt buộc trong công cuộc vận động đổi mới đang thúc đẩy nhanh bước đường đi tới của Tổ quốc chúng ta.

---

* Một lối hình thức

Digitized by Google

Khắc phục những khó khăn trước mắt, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế

DƯỚI sự lãnh đạo của Đảng, năm năm qua trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu quan trọng.

Từ năm 1981 đến nay, sản xuất lương thực có bước phát triển quan trọng, sản xuất công nghiệp tăng hơn trước. Trong cả nước, đã xuất hiện nhiều cơ sở sản xuất – kinh doanh khá, nhiều huyện làm ăn tốt; một số địa phương và ngành có cách làm năng động, sáng tạo đã đạt nhiều thành tích.

Tuy nhiên, những thành tựu và tiến bộ vừa qua chưa làm thay đổi được bộ mặt kinh tế – xã hội của nước ta. Sản xuất có tăng, nhưng tăng chậm so với khả năng sẵn có và công sức bỏ ra, một số chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch năm năm không đạt đã ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động kinh tế và đời sống của nhân dân. Hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp, tài nguyên của đất nước chưa được khai thác tốt, lại bị sử dụng lãng phí; những mất cân đối lớn trong nền kinh tế chậm được thu hẹp, có mặt còn rất gay gắt; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố, các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa chưa được sử dụng và cải tạo tốt; đời sống của nhân dân, nhất là công nhân viên chức còn nhiều khó khăn.

Trên cơ sở khẳng định những thành tựu đã đạt được, đồng thời phê phán những khuyết điểm, phân tích những đặc điểm kinh tế – xã hội hiện nay của nước ta, Đại hội thứ VI của Đảng đã xác định mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là *ổn định mọi mặt tình hình kinh tế – xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.*

Trong những năm trước mắt, chúng ta phải ổn định cho được tình hình kinh tế – xã hội, bao gồm cả ổn định sản xuất, ổn định phân phối lưu thông, ổn định và cải thiện từng bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, tăng cường hiệu lực của tổ chức quản lý, thiết lập trật tự, kỷ cương và thực hiện công bằng xã hội. Ổn định không có nghĩa là không phát triển mà trong ổn định có điều chỉnh, đồng thời có phát triển; giữa ổn định và phát triển có mối quan hệ biện chứng, ổn định để phát triển và có phát triển mới có thể ổn định được.

Xuất phát từ mục tiêu tổng quát đó, chúng ta thực hiện bằng được những mục tiêu cụ thể về kinh tế – xã hội: sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất; xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới; tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội; bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh của đất nước.

Digitized by Google

Những mục tiêu trên đây được cụ thể hóa trong những nhiệm vụ và các chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh tế—xã hội. Cái mốc để đánh dấu sự kết thúc của chặng đường đầu tiên là phải đạt cho được các mục tiêu đó.

★

Tiến lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ trong bối cảnh lịch sử hiện nay của đất nước, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, chúng ta cũng gặp phải những khó khăn không nhỏ. Do những sai lầm khuyết điểm trong việc bố trí cơ cấu kinh tế, trong công tác cải tạo và trong cơ chế quản lý cho nên lực lượng sản xuất đang bị kìm hãm: một nửa công suất thiết bị chưa được sử dụng; ruộng đất chưa được thâm canh nhiều; rừng, biển và các tài nguyên khác chưa được khai thác tốt; sức lao động dồi dào, lực lượng khoa học, kỹ thuật chưa được tận dụng...

Để thực hiện được các mục tiêu kinh tế—xã hội đã đề ra, điều quan trọng hàng đầu là phải đổi mới các chính sách kinh tế, chính sách xã hội, tạo nên phong trào quần chúng hăng hái lao động đẩy mạnh sản xuất, xây dựng đất nước. Các chính sách kinh tế phải nhằm khai thác nhanh và có hiệu quả mọi khả năng hiện có và tiềm tàng của nền kinh tế. Hiện nay, việc *đổi mới các chính sách kinh tế* là một động lực quan trọng để đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là *giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có. Khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.*

Đại hội thứ VI của Đảng đánh dấu sự chuyển hướng quan trọng trong lãnh đạo kinh tế của Đảng. Đó là chuyển hướng về bố trí cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, đổi mới các chính sách kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế. Vấn đề quan trọng hiện nay là bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư và bước đi của nền kinh tế cho phù hợp với phương hướng, mục tiêu của những năm trước mắt.

Muốn đưa nền kinh tế của đất nước sớm thoát khỏi tình trạng mất cân đối, phải dứt khoát sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý. Các ngành, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất với quy mô và trình độ kỹ thuật khác nhau phải được bố trí cân đối, liên kết với nhau, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển thuận lợi. Đại hội thứ VI của Đảng một lần nữa khẳng định rằng, trong những năm tới chúng ta *phải thật sự lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu*, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Công nghiệp nặng cần hướng trước hết và chủ yếu vào phục vụ nông nghiệp, công nghiệp nhẹ với quy mô và trình độ kỹ thuật thích hợp.

Về mặt xây dựng kinh tế, Đại hội đã nhấn mạnh những nhiệm vụ dưới đây:

Một là, *xây dựng và tổ chức thực hiện ba chương trình về lương thực—thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.*

Ba chương trình mục tiêu là nội dung chủ yếu, là cốt lõi của kế hoạch 5 năm 1986 — 1990, có ý nghĩa sống còn trong tình hình trước mắt. Thực hiện ba chương trình đó mới có điều kiện để đẩy mạnh công nghiệp hóa trong chặng đường tiếp theo. Ba chương trình này có quan hệ biện chứng với nhau, là cơ sở và tiền đề cho nhau để phát triển kinh tế của đất nước. Nó thể hiện mối quan hệ giữa nông nghiệp và công nghiệp, giữa kinh tế trong nước với nước ngoài,

Digitized by Google

thể hiện việc bố trí cơ cấu kinh tế của ta hiện nay. Về thực chất, đó là nội dung của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên ở nước ta.

Từ lâu Đảng ta đã xác định vị trí hàng đầu của nông nghiệp, tuy nhiên, trên thực tế chưa đầu tư đúng mức cho nông nghiệp, chưa có những chính sách thỏa đáng để thúc đẩy nông nghiệp phát triển. Trước mắt, cần phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn nhằm tăng nhanh khối lượng và tỷ suất hàng hóa nông sản. Thật sự coi nông nghiệp, kể cả lâm nghiệp, ngư nghiệp là mặt trận hàng đầu, là phải ưu tiên đáp ứng nhu cầu về vốn đầu tư, về năng lượng, vật tư và lao động kỹ thuật cho nó. Việc đầu tư cho nông nghiệp phải được đồng bộ từ sản xuất đến chế biến, vận chuyển, bảo quản. Ứng dụng rộng rãi những thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ sinh học, đưa vào sử dụng phổ biến và ổn định các loại giống mới, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu về phân bón, thuốc trừ sâu; đầu tư về sức kéo, bảo đảm đủ công cụ thường và công cụ cải tiến, thực hiện từng bước và có trọng điểm việc cơ giới hóa.

Phương châm phát triển nông nghiệp là kết hợp chuyên môn hóa với phát triển toàn diện, cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, lúa và màu, cây lương thực và cây công nghiệp. Cần lấy thâm canh, tăng vụ là chính, đồng thời mở rộng diện tích một cách vững chắc và có hiệu quả.

Ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, đáp ứng nhu cầu về *hàng tiêu dùng*, về chế biến nông, lâm, thủy sản, tăng nhanh hàng gia công xuất khẩu và các mặt hàng xuất khẩu khác. Trong những năm qua, sản xuất hàng tiêu dùng có phát triển nhưng còn chậm, nhiều mặt làng thông thường vẫn khan hiếm, chất lượng hàng tiêu dùng giảm sút. Sản xuất công nghiệp nhẹ trước hết dựa vào việc tổ chức lại sản xuất, đầu tư chiều sâu và đầu tư đồng bộ để tận dụng công suất thiết bị của các cơ sở hiện có, coi trọng các cơ sở có năng lực và hiệu suất chế biến cao. Phát triển và củng cố các cơ sở kinh tế quốc doanh trong những khâu chi phối quá trình sản xuất và lưu thông.

Về *hàng xuất khẩu*, cần tạo được một số mặt hàng chủ lực, đạt kim ngạch xuất khẩu đáp ứng phần lớn nhu cầu nhập khẩu vật tư, máy móc, phụ tùng và hàng hóa cần thiết. Trước hết, xây dựng một quy hoạch dài hạn và một kế hoạch cụ thể cho từng thời kỳ về sản xuất hàng xuất khẩu. Đầu tư đúng mức, bảo đảm quỹ vật tư cần thiết cho sản xuất, chú trọng các vùng sản xuất tập trung, các mặt hàng chủ lực. Có chính sách thỏa đáng về giá mua, về cung cấp lương thực và hàng tiêu dùng cần thiết... để khuyến khích người sản xuất. Cần khắc phục ngay lối làm ăn ít hiệu quả, tình trạng phân tán, lộn xộn trong phân phối lưu thông, thiết lập trật tự và kỷ cương trong lĩnh vực ngoại thương.

Trong *kinh tế đối ngoại*, cần thắt chặt quan hệ giữa nước ta với các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, trước hết với Liên xô, mở rộng sự hợp tác toàn diện với Liên xô, thể hiện rõ sự tham gia của nước ta vào quá trình phân công lao động quốc tế, vừa mở rộng quy mô trao đổi hàng hóa, vừa đẩy mạnh phân công hợp tác sản xuất. Đối với hai nước anh em Lào và Cam-pu-chia, chúng ta đặc biệt chú trọng phát triển quan hệ chặt chẽ, phối hợp xây dựng các chương trình hợp tác về các mặt, tiến tới có sự liên kết kinh tế theo một chiến lược chung.

Phát triển *công nghiệp nặng* và xây dựng *kết cấu hạ tầng* nhằm phục vụ các mục tiêu kinh tế, quốc phòng,

Digitized by Google

đồng thời chuẩn bị tiền đề cho việc phát triển kinh tế trong chặng đường tiếp theo. Cần ưu tiên phát triển công nghiệp năng lượng ; trong công nghiệp sản xuất nguyên liệu, vật liệu, cần chú ý đến nguyên liệu khoáng sản và các nguyên liệu khác để sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu. Sản phẩm nào cần thiết phải sản xuất trong nước để phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ thì ra sức làm với quy mô và kỹ thuật thích hợp. Đối với những sản phẩm mà trong nước chưa có điều kiện sản xuất hoặc sản xuất còn thiếu thì thông qua xuất khẩu để nhập khẩu.

Hai là, *xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa.*

Để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, ngoài việc bố trí lại cơ cấu sản xuất, cần xác định đúng cơ cấu thành phần kinh tế.

Một đặc điểm của thời kỳ quá độ ở nước ta là nền kinh tế gồm nhiều thành phần. Không thể đưa tất cả những người làm ăn riêng lẻ vào các tổ chức kinh tế tập thể trong một thời gian ngắn vì có ngành nghề đưa vào tập thể chưa đem lại hiệu quả kinh tế. Do đó, đồng thời với phát triển kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, phải sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế tư nhân. Cần sử dụng nhiều hình thức kinh tế với quy mô và kỹ thuật thích hợp nhằm khai thác mọi khả năng của các thành phần kinh tế, liên kết chúng với nhau, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vị trí chủ đạo.

Xây dựng quan hệ sản xuất mới bao gồm cả ba mặt : chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, chế độ quản lý và phân phối. Trong ba mặt đó, chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là nền tảng của quan hệ sản xuất mới, nhưng nếu chế độ quản lý và phân phối không thích hợp thì ngay đến các xí nghiệp quốc doanh được trang bị kỹ thuật hiện đại cũng không thể đem lại hiệu quả tốt.

Thực tiễn hàng chục năm qua đã cho phép chúng ta khẳng định rằng, *cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, và phải được tiến hành bằng những hình thức và bước đi thích hợp theo đúng yêu cầu của quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.* Trong những năm tới, cần củng cố, phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa, trước hết kinh tế quốc doanh phải thật sự giữ vị trí chủ đạo. Đối với kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa, Nhà nước thừa nhận sự cần thiết của nó trong thời kỳ quá độ, hướng dẫn và giúp đỡ nó trong sản xuất — kinh doanh. Vận động những người lao động cá thể vào các tổ chức kinh tế tập thể theo nguyên tắc tự nguyện và cùng có lợi ; không thành kiến, phân biệt đối xử khi họ còn ở ngoài các tổ chức kinh tế tập thể. Kinh tế gia đình cần được khuyến khích và giúp đỡ phát triển trong mối quan hệ hỗ trợ, gắn bó với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. Đối với những nhà tư sản nhỏ, Nhà nước cho phép sử dụng vốn, kiến thức kỹ thuật và quản lý của họ để tổ chức sản xuất — kinh doanh trong một số ngành nghề. Kinh tế tư bản tư nhân được hướng dẫn đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội bằng nhiều hình thức của kinh tế tư bản Nhà nước từ thấp đến cao, xóa bỏ tư sản thương nghiệp. Đối với tiểu thương, tùy theo ngành hàng mà sử dụng nhiều hình thức để sắp xếp, cải tạo và sử dụng họ thành lực lượng bổ sung cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa ; giúp đỡ những người không cần thiết trong lưu thông chuyển sang sản xuất và dịch vụ.

Ba là, *đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.*

Digitized by Google

Cơ chế tập trung quan liêu – bao cấp gắn chặt với tư duy kinh tế dựa trên những quan niệm giản đơn về chủ nghĩa xã hội, mang nặng tính chất chủ quan, duy ý chí, đã kìm hãm sản xuất, không tạo được động lực phát triển, gây rối loạn trong nền kinh tế và sinh ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Cho đến nay, cơ chế cũ về cơ bản chưa bị xóa bỏ, cơ chế mới chưa được hình thành đồng bộ. Nhiều chính sách, thể chế đã lỗi thời, một số quy định mới về quản lý còn chắp vá, không ăn khớp, thậm chí còn trái ngược nhau. Tình trạng tập trung – quan liêu còn nặng, đồng thời những hiện tượng vô tổ chức vô kỷ luật cũng khá phổ biến.

Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế phải gắn chặt với bố trí lại cơ cấu kinh tế. Thực chất cơ chế mới về quản lý kinh tế là *cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ*. Cơ chế mới lấy kế hoạch hóa làm trung tâm, sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa – tiền tệ, dùng biện pháp kinh tế là chủ yếu kết hợp với biện pháp hành chính và giáo dục.

Để kế hoạch hóa sản xuất và lưu thông hàng hóa, chúng ta vận dụng tổng hợp hệ thống các quy luật kinh tế, trong đó các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội giữ vị trí chủ đạo được vận dụng trong một thể thống nhất với các quy luật của sản xuất hàng hóa: quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật lưu thông tiền tệ... Thời gian qua, trên thực tế, chúng ta đã thành kiến, chưa thật sự thừa nhận những quy luật của sản xuất hàng hóa đang tồn tại khách quan, do đó đã phạm nhiều khuyết điểm. Trong quản lý kinh tế, cần thực hiện sự kết hợp hài hòa các lợi ích: lợi ích toàn xã hội, lợi ích tập thể, lợi ích của cá nhân người lao động; đó là một động lực đang thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế quốc dân.

Việc phân cấp quản lý cần bảo đảm quyền làm chủ của ba cấp: quyền quyết định của trung ương đối với những lĩnh vực then chốt, những vấn đề thuộc về chiến lược, bảo đảm cho sự phát triển cân đối của toàn bộ nền kinh tế quốc dân; quyền chủ động của các địa phương trong việc thực hiện trách nhiệm quản lý kinh tế–xã hội trên địa bàn lãnh thổ; quyền tự chủ sản xuất–kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở. Kết hợp chặt chẽ kế hoạch hóa theo ngành và kế hoạch hóa trên địa bàn lãnh thổ. Đồng thời với việc xác định đúng chức năng, nhiệm vụ quản lý của các cấp, các ngành, phải đổi mới cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, đổi mới công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất và năng lực đáp ứng được yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý.

Bốn là, *giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông.*

Năm năm qua, trong lãnh đạo và quản lý kinh tế, sai lầm về phân phối lưu thông là rất nghiêm trọng. Việc giải quyết vấn đề giá – lương – tiền đã phạm nhiều khuyết điểm.

Trong những năm tới, thương nghiệp phải thật sự chuyển sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tổ chức hợp lý việc lưu thông hàng hóa, phải nắm được nguồn hàng, nâng cao chất lượng phục vụ để làm chủ thị trường. Kịp thời phát hiện và nghiêm khắc trừng trị bọn đầu cơ, buôn lậu.

Cần vận dụng tổng hợp nhiều quy luật kinh tế để quy định chính sách giá cả, trong đó quy luật giá trị có tác động trực tiếp. Giá cả phải được hình thành trên cơ sở giá trị, phù hợp với sức mua của đồng tiền và có tính đến sự tác động của quy luật cung cầu về hàng hóa.

Giảm bội chi ngân sách bằng cách tạo ra nguồn thu và tăng thu đúng chính sách; giảm dần, đi tới chấm dứt việc phát hành tiền để chi ngân sách. Tăng cường quản lý lưu thông

Digitized by Google

tiền tệ, thu hút tiền nhàn rỗi trong nhân dân, quay vòng nhanh đồng tiền. Bằng nhiều biện pháp, Nhà nước bảo đảm tiền lương thực tế cho cán bộ, công nhân và các lực lượng vũ trang. Xây dựng và từng bước hoàn chỉnh chính sách tài chính quốc gia. Đổi mới các chính sách, chế độ tài chính, trước hết là chính sách thuế. Thực hiện đồng bộ các chủ trương đó nhằm từng bước lập lại thế cân đối giữa hàng và tiền để giảm dần đi tới chấm dứt lạm phát, tạo điều kiện giảm nhịp độ tăng giá tiến tới ổn định giá cả.

★

Trên đây là những vấn đề kinh tế có tầm quan trọng đặc biệt, cần phải tập trung lực lượng mọi mặt để thực hiện bằng được. Các cấp, các ngành dồn sức vào sự lãnh đạo và chỉ đạo các nhiệm vụ trên một cách nhất quán và triệt để. Đồng thời với sự quan tâm đúng mức đến những nhiệm vụ kinh tế hiện nay, chúng ta không xem nhẹ việc kết hợp thực hiện nhiệm vụ kinh tế với nhiệm vụ xã hội, bảo đảm chính sách kinh tế thống nhất hài hòa với chính sách xã hội.

Đại hội thứ VI của Đảng đã vạch ra cho nhân dân ta những nhiệm vụ trọng đại, chỉ rõ phương hướng cơ bản để đưa đất nước tiến lên trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên. Toàn đảng và toàn dân ta hãy dấy lên một cao trào cách mạng mới, ra sức khắc phục khó khăn trước mắt, quyết tâm thực hiện tốt nghị quyết của Đại hội, giành những thắng lợi mới to lớn trong công cuộc xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Digitized by Google

NGUYỄN THỊ ĐỊNH

THỰC HIỆN TỐT LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

LUẬT hôn nhân và gia đình năm 1959 đã có tác dụng lớn góp phần xóa bỏ những tàn tích của chế độ hôn nhân và gia đình phong kiến, xây dựng chế độ hôn nhân và gia đình xã hội chủ nghĩa, góp phần vào sự nghiệp giải phóng phụ nữ, thực hiện quyền bình đẳng nam nữ trong gia đình và ngoài xã hội.

Đến nay, tình hình đời sống đất nước ta đã có nhiều biến đổi quan trọng đòi hỏi phải có những quy định phù hợp, đầy đủ và cụ thể hơn trong luật pháp về những quan hệ hôn nhân và gia đình. Để đáp ứng đòi hỏi đó, kỳ họp thứ 12 của Quốc hội khóa VII đã thông qua Luật hôn nhân và gia đình mới, và Nhà nước đã công bố Luật này ngày 3-1-1987 để toàn dân thi hành.

Luật hôn nhân và gia đình mới kế thừa và phát triển Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, nhằm tiếp tục xây dựng và củng cố gia đình xã hội chủ nghĩa, giữ gìn và phát huy những phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc, góp phần xây dựng con người mới, xã hội mới xã hội chủ nghĩa, đấu tranh chống những tàn tích, ảnh hưởng của phong kiến, tư sản trong hôn nhân và gia đình.

Luật hôn nhân và gia đình mới được xây dựng trên các nguyên tắc:

– Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.

– Bảo vệ quyền lợi cha mẹ và con cái

– Bảo vệ bà mẹ và trẻ em.

Luật hôn nhân và gia đình mới gồm 57 điều, 10 chương, quy định 3 vấn đề lớn: hôn nhân; quan hệ giữa cha mẹ và con; chế độ đỡ đầu. So với Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, Luật hiện hành có những quy định mới: vợ chồng có nghĩa vụ sinh đẻ có kế hoạch, nghĩa vụ và quyền của cha mẹ và con (điều 2); việc kết hôn giữa các công dân Việt nam với nhau ở ngoài nước (điều 8); giữa công dân Việt nam với người nước ngoài (điều 52), quyền của các tổ chức xã hội được can thiệp trong những trường hợp cần thiết vào quan hệ hôn nhân và gia đình (các điều 9, 31, 39, 50).

Nội dung các quy định của Luật mới thể hiện những quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước ta về hôn nhân, gia đình, về xây dựng con người mới và lối sống mới xã hội chủ nghĩa trong quan hệ hôn nhân và gia đình. Trong điều kiện đất nước ta đang quá độ lên chủ nghĩa xã hội có nhiều khó khăn, phức tạp, phải đấu tranh giải quyết những mâu thuẫn trong xã hội, việc xây dựng và củng cố chế độ hôn nhân và gia đình mới có ý nghĩa thực tế rất quan trọng. Nó tạo nên một trong những nền tảng vững chắc của xã hội mới, có ảnh hưởng lớn đến các mối quan hệ xã hội và đến cả nòi giống trong tương lai của dân tộc. Gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Gia đình là nơi đầu tiên tác động

Digitized by Google

trực tiếp đến việc xây dựng con người mới và lối sống mới. Hôn nhân và gia đình được xây dựng tốt sẽ làm tăng thêm suy nghĩ, tình cảm lành mạnh trong xã hội, góp phần tăng cường đoàn kết nhân dân, hòa hợp dân tộc. Mục đích của Luật mới là nhằm xây dựng và củng cố gia đình dân chủ, hòa thuận hạnh phúc, bền vững, xây dựng tình nghĩa vợ chồng chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau tiến bộ, tình thương yêu đùm bọc giữa cha mẹ và con cái, giữa ông bà và các cháu, giữa anh chị em trong gia đình. Với tinh thần và mục đích đó, trong phần những quy định chung, Luật đã nêu lên vấn đề bảo vệ hôn nhân giữa công dân Việt nam thuộc các dân tộc, các tôn giáo khác nhau, giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, không được cản trở những cuộc hôn nhân chính đáng giữa những công dân đó. Luật cũng đã đề cập đến vấn đề bảo vệ bà mẹ và trẻ em, giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ, trong đó có những người mẹ đơn thân. Nghĩa vụ và quyền của vợ chồng được quy định rõ ràng, thể hiện quyền bình đẳng nam nữ. Trong gia đình xã hội chủ nghĩa, vợ chồng tôn trọng, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, có nghĩa vụ và quyền ngang nhau về mọi mặt (lựa chọn nghề nghiệp chính đáng, lựa chọn chỗ ở, sử dụng tài sản chung của gia đình), cùng nhau bàn bạc, quyết định và gánh vác công việc gia đình, nuôi dạy con cái. Những quy định này nhằm xóa bỏ những tập tục phong kiến dành đặc quyền đặc lợi cho người chồng.

Mối quan hệ giữa cha mẹ và con về mặt nghĩa vụ và quyền trong gia đình được Luật chú trọng. Cha mẹ có nghĩa vụ thương yêu, nuôi dưỡng, giáo dục con thành những người công dân có ích cho xã hội, không được phân biệt đối xử giữa các con, làm gương tốt cho con về mọi mặt. Các con có nghĩa vụ và quyền ngang nhau trong gia đình, con có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, lắng nghe những lời khuyên bảo của cha mẹ. Con từ 16 tuổi trở lên còn ở chung với cha mẹ có nghĩa vụ chăm lo đời sống chung của gia đình và nếu có thu nhập riêng thì phải đóng góp vào nhu cầu của gia đình. Vấn đề quan hệ giữa cha mẹ và con cái đang được xã hội rất quan tâm, vì trong nhiều gia đình, con cái không thực hiện hoặc thực hiện không tốt nghĩa vụ đối với cha mẹ; ngược lại, có không ít gia đình, cha mẹ không làm tròn nghĩa vụ, thậm chí còn nêu gương xấu đối với con cái. Luật đã quy định chế tài xử lý những người cha, người mẹ vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của cha mẹ đối với con.

★ ★

Luật hôn nhân và gia đình là một luật có liên quan mật thiết đến mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp nhân dân. Việc thực hiện Luật sẽ góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng gia đình văn hóa mới, xây dựng những tế bào lành mạnh của xã hội Việt nam.

Báo cáo chính trị của BCHTƯ Đảng tại Đại hội VI đã ghi rõ: «*Gia đình* là tế bào của xã hội, có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, con người mới. Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng cần đề ra phương hướng, chính sách và có biện pháp tổ chức thực hiện về xây dựng gia đình văn hóa mới, bảo đảm hạnh phúc gia đình. Nâng cao trình độ tự giác xây dựng những quan hệ tình cảm, đạo đức trong từng gia đình, bảo đảm sinh đẻ có kế hoạch và nuôi dạy con ngoan, tổ chức cuộc sống vật chất, văn hóa của gia đình» (1). Công cuộc

(1) Báo cáo chính trị của BCHTƯ Đảng tại Đại hội VI, *Tạp chí Cộng sản*, số 1-1987, tr. 61.

Digitized by Google

xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa của chúng ta có liên quan chặt chẽ đến từng gia đình và phải bắt đầu từ các gia đình. Gia đình tốt mới sinh đẻ và nuôi dạy được những công dân lành mạnh, có ích cho xã hội. Gia đình yên vui, đầm ấm, mọi người trong gia đình đoàn kết, thương yêu nhau mới bảo đảm được sự bền vững của gia đình, bảo đảm được trật tự, kỷ cương và an toàn xã hội. Thực hiện quyền bình đẳng giữa vợ chồng, bảo vệ quyền lợi, làm tốt nghĩa vụ của cha mẹ và con cái tức là thực hiện công bằng xã hội một cách thực tế bắt đầu từ trong gia đình. Xây dựng gia đình tốt không phải chỉ là vì lợi ích riêng của mỗi gia đình, mà còn vì lợi ích chung của xã hội và góp phần xây dựng xã hội lành mạnh.

Sau 27 năm thực hiện Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, chúng ta đã có bước tiến bộ nhất định, một số mặt đã trở thành tập quán tốt đẹp trong nhân dân như vấn đề tuổi kết hôn, hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, bảo vệ quyền lợi bà mẹ và trẻ em... Nay Luật hôn nhân và gia đình mới ra đời tạo điều kiện tăng cường việc điều chỉnh các mối quan hệ trong gia đình, quan hệ giữa gia đình và xã hội, hướng dẫn mọi công dân sống và làm việc theo pháp luật ngay từ trong gia đình, góp phần mạnh mẽ thúc đẩy việc xây dựng chế độ hôn nhân và gia đình xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng Luật hôn nhân và gia đình mới là một công trình tập thể của đông đảo cán bộ và nhân dân trong cả nước trong suốt 5 năm qua, trải qua nhiều cuộc điều tra, khảo sát, hội thảo, nhiều lần dự thảo, đóng góp ý kiến, sửa đổi, bổ sung... Xây dựng Luật mất nhiều công phu, nhưng việc tuyên truyền giáo dục và vận động nhân dân tìm hiểu Luật để tự giác thực hiện Luật còn khó khăn gấp bội. Trong thực tế hiện nay vẫn còn không ít hiện tượng vi phạm Luật, nhiều người vẫn chưa hiểu rõ Luật. Tình trạng tảo hôn, cưỡng hôn, vi phạm nguyên tắc một vợ một chồng, ngược đãi, đánh đập vợ, con cái đối xử tàn tệ với cha mẹ vẫn còn xảy ra ở nơi này, nơi khác. Đáng chú ý là trong số những người vi phạm, nhiều người lại là cán bộ, công nhân viên chức nhà nước. Tuy bộ luật hình sự đã có chế tài xử lý những vụ xâm phạm hôn nhân, gia đình, nhưng một số cán bộ chính quyền có trách nhiệm vẫn coi những vụ vi phạm đó là chuyện riêng của gia đình, cho nên không quan tâm giải quyết.

Việc thực hiện Luật hôn nhân và gia đình là một quá trình đấu tranh lâu dài, phức tạp để xây dựng, bảo vệ cái đúng, phê phán, xóa bỏ cái sai trong từng gia đình và toàn xã hội. Luật vừa mới được công bố, cần tổ chức một đợt tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong toàn dân. Cần có sự quan tâm của các cấp ủy đảng và chính quyền lãnh đạo tổ chức và kiểm tra việc tuyên truyền phổ biến và thực hiện Luật, xử lý nghiêm minh những vụ vi phạm Luật. Các tổ chức Mặt trận, phụ nữ, thanh niên, công đoàn có trách nhiệm giáo dục hội viên, đoàn viên và các tầng lớp quần chúng thực hiện Luật và can thiệp vào những vấn đề thuộc hôn nhân và gia đình trong những trường hợp cần thiết. Đảng viên, cán bộ và công nhân viên chức cần gương mẫu, đi đầu trong việc thực hiện Luật hôn nhân và gia đình. Chỉ có sự quan tâm và tích cực thực hiện, đấu tranh bảo vệ Luật của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân, thì chúng ta mới làm cho Luật có hiệu lực cao trong cuộc sống.

Digitized by Google

Về vai trò nhân tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội*

TRẦN ĐÌNH HOAN

PHÂN BỐ, SỬ DỤNG ĐẦY ĐỦ VÀ CÓ HIỆU QUẢ CÁC NGUỒN LAO ĐỘNG CỦA ĐẤT NƯỚC

Thu hút mọi người tham gia lao động, đó là công việc quan trọng nhất, đồng thời cũng là công việc khó khăn nhất của chủ nghĩa xã hội. Cái khó khăn nhất trong việc thu hút mọi người tham gia lao động chính là ở chỗ làm sao phát huy được vai trò của "nhân tố con người". Dưới chủ nghĩa xã hội khái niệm « nhân tố con người » được đặc trưng bởi người lao động tự do — vừa là lực lượng sản xuất chủ yếu, vừa là người chủ tập thể trong lao động sản xuất. Tính tích cực của nhân tố con người thể hiện ở khả năng đạt các mục tiêu kinh tế trên cơ sở thái độ tự giác, chủ động, sáng tạo của mỗi người lao động cho mình và đóng góp cho xã hội — chính vấn đề này đang là điều thú vị nhất, hấp dẫn nhất trong nhận thức của khoa học kinh tế và xã hội hiện nay. Để làm tốt việc thu hút mọi người tham gia lao động không thể xuất phát từ ý muốn chủ quan mà phải trên cơ sở phân tích sâu sắc những điều kiện kinh tế — xã hội trong nước, tình hình quốc tế, đặc điểm và những xu hướng phát triển của quá trình phân công lao động quốc tế — thực chất là chúng ta đánh giá thực trạng tình hình tổ chức và quản lý lao động trong những năm qua, từ đó đúc rút những bài học kinh nghiệm, nêu ra những vấn đề cần giải quyết trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

I — THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Nước ta vừa trải qua 30 năm chiến tranh, nền kinh tế phổ biến còn là

* Xem Tạp chí Cộng sản từ số 2-1987.

Digitized by Google

sản xuất nhỏ, diện tích canh tác bình quân đầu người ở mức thấp của thế giới và ngày càng giảm trong khi dân đông và tăng nhanh, nguồn lao động rất dồi dào nhưng năng suất lao động và thu nhập quốc dân đầu người vào loại thấp nhất thế giới. Trong tổng số nguồn lao động, số người làm việc trong các ngành của nền kinh tế quốc dân thấp (80,7%), lao động dự trữ và chưa có việc làm còn chiếm tỷ lệ lớn. Số người làm việc trong các ngành của nền kinh tế quốc dân cũng còn trên 30% quỹ thời gian lao động chưa được sử dụng. Trình độ văn hóa chuyên môn của người lao động có được nâng lên, nhưng trong phân bố sử dụng còn nhiều bất hợp lý. Trang bị cơ khí, giá trị tài sản cố định cho một lao động thấp. Sức khỏe của người lao động có chiều hướng giảm sút, bệnh nghề nghiệp ngày một tăng. Phân công lao động theo ngành còn ở trình độ thấp: 2/3 nguồn lao động làm việc trong các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; những ngành có điều kiện và yêu cầu sử dụng nhiều lao động như tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, dịch vụ, sản xuất nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu phát triển chậm sẽ ảnh hưởng lớn đến việc thu hút nguồn lao động tham gia sản xuất xã hội.

Xét theo thành phần kinh tế thì trong khu vực quốc doanh và hợp tác xã, hoạt động sản xuất kém hiệu quả. Kinh tế tư nhân, cá thể và kinh tế gia đình chưa được tổ chức, quản lý để vừa phát triển sản xuất, tăng sản phẩm cho xã hội vừa đi dần vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Phân bố nguồn lao động theo các vùng lãnh thổ là nhiệm vụ rất quan trọng, có tính chiến lược ở nước ta, nhưng muốn tổ chức di dân ở mức độ lớn còn phải giải quyết rất nhiều vấn đề về quy hoạch địa bàn dắt dai, về cơ cấu đầu tư v.v.

Việc sử dụng nguồn lao động chủ yếu mới chú ý đến mặt số lượng, chưa chú ý đúng mức đến việc sử dụng hợp lý người lao động. Những biện pháp tổ chức và các chính sách đã ban hành nhằm sử dụng tốt các nguồn lao động đặc thù như lao động có trình độ kỹ thuật và tay nghề cao, lao động nữ, lao động thanh niên, lao động thương binh, người tàn tật, hưu trí, mất sức v.v. còn giản đơn cho nên hiệu quả thấp. Số người làm việc trong khu vực Nhà nước tăng quá nhanh so với yêu cầu, trong khi khối lượng sản xuất tăng chậm, thậm chí nhiều xí nghiệp chỉ sử dụng 30 – 40% công suất máy móc thiết bị do thiếu năng lượng, nhiên liệu, vật tư...

Tóm lại, nhìn một cách khái quát, nét đáng lưu ý nhất trong việc phân bố, sử dụng nguồn lao động hiện nay là cơ cấu, chất lượng nguồn chưa phù hợp với cơ cấu kinh tế. Sự không phù hợp này có phần do việc xác định cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư chưa chú ý đến đặc điểm hình thành và phát triển nguồn lao động của đất nước: trong khi nguồn lao động dồi dào, nhiều người chưa có hoặc thiếu việc làm, chúng ta lại tập trung vốn vào những công trình lớn, chưa coi trọng xây dựng những công trình nhỏ và vừa thu hút nhiều lao động; mặt khác, có phần do sự hình thành và phát triển của nguồn lao động chưa hợp lý, như chưa kết hợp tốt giữa học kiến thức văn hóa với học nghề (nhất là những nghề phù hợp với yêu cầu ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ như các nghề nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, dịch vụ...), cho nên số đông thanh niên đã học hết phổ thông trung học mà chưa sẵn sàng lao động.

Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước anh em và nước ta cho thấy muốn phân bổ, sử dụng tốt nguồn lao động, cần giải quyết thích đáng vấn đề lợi ích của người lao động. Việc cải tiến tiền lương hồi tháng 9-1985 là cần thiết và cấp bách để gắn

Digitized by Google

toàn bộ tiền lương với kết quả lao động. Tiền lương mới lúc lăn bành cũng đã bảo đảm tái sản xuất sức lao động và khôi phục được tính thống nhất của chế độ tiền lương trong phạm vi cả nước. Nhưng do những sai lầm trong công tác giá—lương—tiền, do không gắn cải tiến giá—lương—tiền với thu nhập quốc dân, với quỹ hàng hóa—nhất là quỹ hàng hóa nằm trong tay Nhà nước, cho nên những thang lương, bảng lương đã nhanh chóng mất đi tác dụng của nó do tốc độ tăng giá hàng quá nhanh. Tính đến tháng 12-1986 so với tháng 10-1985 tiền lương thực tế của công nhân viên chức chỉ còn khoảng 30%; riêng ở các xí nghiệp (kể cả bữa ăn giữa ca và các khoản thu nhập khác) tiền lương thực tế chỉ còn khoảng 50 — 60%, một số tỉnh ở miền Nam do vàng phụ cấp cao hơn quy định chung cũng chỉ bảo đảm được 40—50%. Mặt khác, do điều kiện có hạn của nền kinh tế, bội số các thang lương, bảng lương rất hẹp, chưa thể hiện đầy đủ nguyên tắc phân phối theo lao động; đến nay do tiền lương thực tế giảm nhanh, những mặt hàng bán theo định lượng với giá ổn định giảm cả về số lượng lẫn định lượng bán, cho nên tính chất bình quân càng thể hiện rõ hơn. Điều này thật sự là một nguy cơ trong chế độ tiền lương: tiền lương không đủ để tái sản xuất sức lao động, không tạo được tiền đề để củng cố đội ngũ lao động, đặc biệt là đội ngũ có trình độ chuyên môn và tay nghề cao.

II— NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG VÀ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU NHẰM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ LAO ĐỘNG TRONG THỜI KỲ 1986 — 1990

Các nước đang phát triển dựa vào một trong ba yếu tố sản xuất chính để định ra chiến lược phát triển kinh tế — xã hội là: vốn đầu tư; lao động; tài nguyên. Trong điều kiện nước ta không giàu về tài nguyên, nghèo về vốn thì chỉ có thể dựa vào lao động là chính. Như vậy, chiến lược về con người phải trở thành chiến lược quan trọng trong toàn bộ chiến lược kinh tế — xã hội. Trong điều kiện nước ta phương hướng có tính chất chiến lược trong thời gian tới là, *một mặt*, triệt để lợi dụng nguồn lao động dồi dào bằng mọi cách sử dụng hết nguồn vốn quý là lao động và đất đai để phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp, phát huy tác dụng của các thành phần kinh tế để đẩy mạnh sản xuất, tạo thêm chỗ làm việc mới, làm ra ngày càng nhiều của cải cho xã hội. Đây là công việc của Nhà nước và của toàn dân, phải được thể hiện thành những mục tiêu, chính sách, chỉ tiêu và biện pháp cụ thể trong các kế hoạch phát triển kinh tế — xã hội của từng đơn vị cơ sở, từng địa phương, từng ngành và trong phạm vi cả nước. *Mặt khác*, phải thay đổi một cách cơ bản cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư. Cần tập trung vốn cho ba chương trình lương thực — thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, đồng thời xây dựng một số ngành công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp, hết sức coi trọng phát triển quy mô nhỏ và vừa thu hút nhiều lao động.

Các phương hướng và biện pháp cụ thể:

1 — Ý nghĩa chiến lược của chính sách dân số trong chặng đường đầu tiên là sử dụng mọi biện pháp kinh tế — xã hội, vận động thuyết phục... để giảm nhanh tốc độ tăng tự nhiên dân số. Ở chặng đường tiếp theo sẽ phát triển hợp lý bảo đảm vào đầu thế kỷ 21 đạt được mục tiêu ngừng tăng dân số và phát triển cơ cấu chất lượng dân số hợp lý. Từ nay đến năm 1990 phải phấn đấu hạ tỷ lệ phát triển dân số xuống 1,7% với mức 66 triệu dân vào 1990, thực hiện mỗi gia đình chỉ có từ 1 đến 2 con. Phải chỉ đạo chặt chẽ và thường

Digitized by Google

xuyên cuộc vận động kế hoạch hóa dân số, coi đó là một trong những biện pháp quan trọng để ổn định và phát triển kinh tế. Các chính sách, chế độ của Nhà nước phải đồng bộ, thống nhất nhằm tạo hiệu quả thiết thực.

2 — Xét trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân, cơ cấu kinh tế quy định cơ cấu lao động. Nhưng xét trên quan điểm « đi lên từ đất đai và lao động », trong điều kiện lao động thừa thì khi hình thành cơ cấu kinh tế phải xem xét từ tiềm năng lao động. Vì vậy trong chặng đường đầu tiên phải xuất phát từ sử dụng nguồn lao động xã hội để phân bố sản xuất, và phân bố lại nguồn lao động phải theo những phương án tốt nhất là tạo thêm việc làm mới. Phương hướng giải quyết việc làm trong chặng đường đầu tiên là giải quyết việc làm đầy đủ. Ở chặng đường tiếp theo sẽ giải quyết việc làm hợp lý và có hiệu quả. Đi đôi với chiến lược giải quyết việc làm đầy đủ cho lao động, cần có chiến lược về nguyên liệu. Hướng đầu tư có hiệu quả nhất trong chặng đường đầu tiên là đầu tư cho phát triển nguyên liệu để tạo ra những chỗ làm việc mới. Nhà nước phải đầu tư nhằm tạo thêm chỗ làm việc mới, đồng thời có chính sách động viên mọi nguồn vốn trong nhân dân để tạo thêm việc làm mới cho lao động chưa có việc làm.

3 — Tăng năng suất lao động xã hội là biện pháp quan trọng nhất để tăng thu nhập quốc dân bình quân đầu người và nâng cao mức sống. Con đường tăng năng suất lao động xã hội ở nước ta trong chặng đường đầu tiên là con đường vừa tăng thêm số người làm việc, vừa tăng thêm thu nhập quốc dân bằng cách tăng hiệu quả sử dụng tài sản cố định, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu... Tăng năng suất lao động xã hội đòi hỏi không chỉ sử dụng có hiệu quả lao động sống mà còn sử dụng tốt và tiết kiệm lao động quá khứ. Tăng năng suất lao động xã hội trong điều kiện năng suất lao động ở nước ta thấp thì phải tạo điều kiện để một bộ phận lao động nước ta đạt mức năng suất cao của thế giới bằng cách mở rộng các hình thức hợp tác quốc tế về lao động dưới nhiều hình thức như nhận làm gia công cho các nước, cho nước ngoài đầu tư vào nước ta, đưa một bộ phận lao động của nước ta đi lao động ở nước ngoài.

Những biện pháp chủ yếu mở rộng phân công lao động theo ngành là: mở mang ngành nghề tại chỗ để thu hút phần lớn số lao động chưa sử dụng hết và số mới tăng, vừa phân bố mạnh đến các địa phương còn tiềm năng lớn về đất đai nhưng thiếu lao động, vừa nhằm vào mặt trận nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, vừa phát triển mạnh tiểu, thủ công nghiệp và dịch vụ ở các thành phố và nông thôn, khuyến khích phát triển kinh tế gia đình; trong nông nghiệp tăng thêm lao động cho thâm canh, tăng vụ, mở mang diện tích, phát triển chăn nuôi, ngành nghề trong hợp tác xã và trên địa bàn huyện — nhất là đầu tư để mở rộng thâm canh cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày (cao su, cà phê, chè, trầu, lạc, đậu, rau quả, dược liệu...).

Mở rộng phân bố lao động theo thành phần kinh tế theo hướng tăng đầu tư cho lao động ở khu vực quốc doanh và tập thể một cách vững chắc, có hiệu quả kinh tế xã hội thiết thực. Trong hướng phân bổ này cần tránh cách làm hình thức, giản đơn với hy vọng xóa nhanh các thành phần kinh tế tư nhân, dẫn đến việc bóp chết, hạn chế quá sớm thành phần kinh tế tư nhân, thành lập ồ ạt các cơ sở sản xuất quốc doanh trong điều kiện Nhà nước thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm tổ chức quản lý lao động và quản lý sản xuất.

Trong công tác di dân cần thực hiện tốt phương châm « Nhà nước và nhân

Digitized by Google

dân cùng làm», « Trung ương và địa phương cùng làm » để phát huy mọi nguồn tiềm năng, giảm bớt khó khăn cho Nhà nước trong điều kiện nguồn vốn còn hạn chế. Tranh thủ nguồn vốn hợp doanh với nước ngoài trong việc trồng cao su, cà phê... Xây dựng những mô hình di dân thành những liên hiệp kinh doanh tổng hợp bao gồm cả các hình thức quốc doanh, tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế gia đình theo từng cây, con chiến lược.

4 — Để phân bố, sử dụng đầy đủ và có hiệu quả các nguồn lao động, phải tiếp tục nghiên cứu để cải tiến chế độ tiền công, tiền lương và thu nhập của người lao động như *Báo cáo chính trị* tại Đại hội thứ VI của Đảng đã nói : « Việc thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động đòi hỏi sửa đổi một cách căn bản chế độ tiền lương theo hướng bảo đảm yêu cầu tái sản xuất sức lao động, khắc phục tính chất bình quân... ». Do sự phức tạp của vấn đề, đòi hỏi phải có hai nhóm biện pháp là những biện pháp cấp bách và những biện pháp cơ bản và lâu dài. Do còn có khó khăn về các mặt hàng lương thực thực phẩm thiết yếu, Nhà nước phải bảo đảm bán cho công nhân viên chức và lực lượng vũ trang sáu mặt hàng tiêu dùng theo định lượng. Cách giải quyết tiền lương và thu nhập ở khu vực sản xuất và khu vực hành chính sự nghiệp phải khác nhau. Ở khu vực sản xuất, phải trên cơ sở cải tiến tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, tiết kiệm vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu... Căn có cơ chế chuyển những khoản tiết kiệm này để tăng thu nhập cho người lao động, đồng thời cần nghiên cứu xây dựng cơ chế động trong việc trả công lao động trong điều kiện giá cả tăng nhanh. Cách làm này sẽ không tăng tiền lương danh nghĩa đồng loạt và như vậy sẽ tránh được việc đưa ra ngay một lúc một khoản tiền rất lớn, dẫn đến giá cả tiếp tục tăng nhanh. Như vậy vấn đề cơ bản để giải quyết tiền lương và thu nhập là phải trên cơ sở phát triển sản xuất. Nhà nước phải nắm được quỹ hàng hóa — nhất là quỹ hàng lương thực, thực phẩm và hàng thiết yếu khác, có phương thức bán thích hợp, bảo đảm cho người ăn lương mua được hàng hóa cần thiết. Trên cơ sở phát triển sản xuất, tăng được các nguồn thu cho Nhà nước, khu vực hành chính sự nghiệp từng bước được tăng thêm tiền lương. Mặt khác, trong kế hoạch 5 năm này phải tiếp tục nghiên cứu cải tiến, hoàn thiện chế độ tiền lương mới. Chế độ tiền lương mới phải bảo đảm tái sản xuất sức lao động, khắc phục hơn nữa tính bình quân, khuyến khích lao động có kỹ thuật, có tay nghề cao, thu hút được lao động vào những ngành nghề có nhiều khó khăn, nặng nhọc, độc hại, nơi xa xôi, hẻo lánh... Nghĩa là bảo đảm thực hiện đúng đắn, có hiệu lực nguyên tắc phân phối theo lao động. Trong khu vực tập thể (nông nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp...) phải có chính sách của Nhà nước (chủ yếu là chính sách hợp đồng kinh tế hai chiều hợp lý) để tạo điều kiện cho các tổ chức tập thể xây dựng được chế độ trả công và phân phối thu nhập đúng đắn, khuyến khích lao động, kích thích mạnh đối với sản xuất. Nhà nước có chính sách điều tiết đúng đắn thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, giữa những người lao động, bảo đảm nguyên tắc cơ bản là thu nhập của mọi người chủ yếu phải từ kết quả sản xuất và công tác, những thu nhập không do lao động chính đáng đem lại phải được xử lý theo pháp luật của Nhà nước.

Đại hội thứ VI của Đảng đã thành công tốt đẹp, thể hiện bước trưởng thành mới của Đảng theo hướng đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế.

Digitized by Google

Đặc biệt Đại hội này của Đảng ta đã đề ra những phương hướng, nhiệm vụ của chính sách xã hội nhằm phát huy vai trò của nhân tố con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động. Những quan điểm và phương hướng đúng đắn đó chắc chắn sẽ tạo ra động lực to lớn cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong những năm tới.

■

Giáo sư **NGUYỄN VĂN HẠNH**

SUY NGHĨ VỀ ĐỔI MỚI CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VÀ GIÁO DỤC

Với tinh thần nôn nóng xây dựng lại đất nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề, với quan điểm duy vật có lúc được nhận thức một cách thô sơ, đôi khi ta đã nhấn mạnh một chiều vấn đề kinh tế, tách rời kinh tế với xã hội, cho rằng có kinh tế rồi sẽ có tất cả. Đến bây giờ có thể khẳng định được rằng một trong những nguyên nhân sâu xa làm cho tình hình khó khăn kéo dài, kinh tế phát triển chậm và không vững chắc, chính là do chúng ta không quan tâm đúng mức đến những vấn đề xã hội đã trở nên cực kỳ phức tạp do tác động của chiến tranh và tình trạng đất nước bị chia cắt nhiều năm, do chung ta chưa chú ý đầy đủ đến nhân tố con người trong sản xuất.

Chúng ta nói nhiều đến việc phát triển sản xuất, muốn chuyển nhanh từ thắng lợi quân sự sang thắng lợi kinh tế với suy luận rằng một dân tộc đã chiến thắng đế quốc Mỹ thì sẽ làm giỏi kinh tế, mà chưa thấy hết cái giá phải trả cho chiến thắng đó, và sau một cuộc chiến tranh như cuộc chiến tranh vừa trải qua, nhân dân nhất thiết phải được bồi dưỡng, phải được chuẩn bị thêm về tinh thần và vật chất mới đủ sức bước vào một trận chiến đấu mới hoàn toàn không kém gian khổ và khó khăn; và nếu người lao động sống quá thiếu thốn, không yên tâm, không phấn khởi, thì không thể nào sản xuất tốt được. Những ngày đầu cách mạng và trong hoàn cảnh chiến tranh, do yêu cầu đột xuất và cần thiết trước mắt của công tác tư tưởng, chúng ta chú trọng tuyên truyền, giáo dục tinh thần hy sinh lợi ích cá nhân cho lợi ích của tập thể, hy sinh hiện tại cho tương lai, nhấn mạnh phải chăm lo cho sự phồn vinh của đất nước, mà ít suy nghĩ một cách chu đáo đến lợi ích chính đáng, nhu cầu thiết yếu của mỗi người lao động trong cuộc sống hằng ngày. Những biện pháp nhất thời, phiến diện, phi biện chứng đó cần được khắc phục kịp thời trong thời gian tới.

Thỏa mãn thích đáng những nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng tăng của con người, của nhân dân lao động là một yêu cầu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, đây

Digitized by Google

vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Con người làm cách mạng là để giải phóng xã hội, giải phóng sức lao động, giải phóng chính mình, để có thể sống tự do, ấm no và hạnh phúc. Vì lý tưởng, vì thắng lợi của cách mạng, con người có thể chịu đựng, hy sinh. Nhưng chịu đựng, hy sinh không phải là mục đích của cách mạng, và chịu đựng, hy sinh phải có đạo lý và không thể vô thời hạn được. Tinh thần và vật chất kết hợp và nương tựa với nhau như thế nào, quần chúng chấp nhận chịu đựng, hy sinh đến đâu và trong hoàn cảnh nào, điều đó, những người lãnh đạo cần hiểu rõ. Người lao động phải được chăm lo một cách hợp lý và cụ thể, được thỏa mãn nhu cầu chính đáng, luôn luôn thấy được đạo lý, triển vọng, kết quả của từng phần công việc mình làm, mới đủ sức để sống, để làm cách mạng, nhất là trong những hoàn cảnh bình thường.

Nhu cầu của con người gồm cả nhu cầu vật chất và tinh thần cho nên chăm lo cho con người cũng phải chú ý cả phương diện tinh thần và vật chất, không thể xem nhẹ mặt nào. Nhưng con người với bản chất xã hội, với đặc trưng ý thức và tính tự giác của nó, có nhu cầu rất lớn về mặt tinh thần, tư tưởng. Sức mạnh đặc trưng kỳ lạ của con người là sức mạnh về tư tưởng, về tinh thần. Con người càng được giáo dục, càng có trình độ văn hóa cao, càng giác ngộ cách mạng, thì nhu cầu về tư tưởng, tinh thần càng lớn. Vì thế, trong sự nghiệp cách mạng, để động viên, cổ vũ con người, phát huy cao độ sức mạnh của con người trong lao động, chiến đấu, *công tác tư tưởng* có vai trò cực kỳ quan trọng.

Trước đây có lúc ta cường điệu tác dụng của công tác tư tưởng, cho rằng công tác tư tưởng có thể giải quyết được tất cả. Gần đây lại có khuynh hướng nhấn mạnh một chiều biện pháp kinh tế, lợi ích vật chất. Cả hai trường hợp đều không đúng. Rõ ràng, những biện pháp kinh tế đúng đắn, những lợi ích vật chất chính đáng đều có tác dụng tư tưởng tích cực. Nhưng công tác tư tưởng có sức mạnh riêng của nó, không thể thiếu được, những người làm công tác tư tưởng càng không thể hiểu khác. Vấn đề là phải làm công tác tư tưởng cho đúng, cho có kết quả.

Muốn làm công tác tư tưởng tốt không thể chỉ biết chủ trương, biết nhiệm vụ cần truyền đạt là đủ, mà phải hiểu đối tượng, hiểu hoàn cảnh. Biện pháp tư tưởng khác với biện pháp hành chính và kinh tế là không nhất loạt, không có tính chất cưỡng chế, mà cụ thể, khơi dậy tính tự giác, tự nguyện của đối tượng. Công tác tư tưởng mà trừu tượng, áp đặt, thực dụng chủ nghĩa thì sẽ ít có kết quả, thậm chí uổng công, vô ích, phản tác dụng. Ý nghĩa của công tác tư tưởng cuối cùng lại phải tính bằng chuyển biến nhận thức và kết quả hành động của quần chúng, chứ không phải bằng động cơ, ý định, việc làm của những cán bộ làm công tác tư tưởng.

Làm công tác tư tưởng là tác động đến tư duy, tình cảm của con người, cho nên phải hiểu tâm tư, nguyện vọng, trình độ của đối tượng, từ đấy mới có căn cứ giúp họ giải tỏa được băn khoăn, thắc mắc, tiếp nhận được cái mới, cái phải, đồng ý, đồng tình và làm theo cái mới, cái phải.

Sau chiến thắng đế quốc Mỹ năm 1975, quần chúng thay đổi biết bao nhiêu về tư tưởng, về tâm thế, có bao nhiêu điều phải suy nghĩ, đánh giá lại trước tình hình và nhiệm vụ mới, trên cơ sở những thông tin mới dồn dập và không ít mâu thuẫn. Nhân dân được giải phóng, được làm chủ đất nước độc lập và thống nhất trọn vẹn, tự hào biết bao về Đảng và Tổ quốc của mình, đồng thời cũng có biết bao hy vọng và đòi hỏi mới. Nhưng công tác tư tưởng của chúng ta đã không thay

Digitized by Google

đổi kịp, nói chung vẫn nằm trong quỹ đạo cũ, với quan niệm cũ về đối tượng, với phương pháp cũ nặng về truyền đạt, dạy bảo một cách sách vở và công thức.

Không phải không có những người làm công tác tư tưởng nhưng chính mình lại không tin, không hiểu biết sâu sắc điều mình nói, trong lúc đó lại hình dung đối tượng như những người kém cỏi và ngoan cố, cần phải khai thông đầu óc cho họ, củng cố cho họ lòng tin. Như vậy làm sao có sự thông cảm, tin cậy giữa người tuyên truyền và người được tuyên truyền, làm sao công tác tư tưởng có sức thuyết phục và đem lại kết quả ?

Nhân dân ta, nhất là thanh niên và trí thức, đã trưởng thành đến một mức không thể tin vô điều kiện vào các chủ trương được đưa ra. Niềm tin phải có căn cứ, quyền lực phải được biện minh bằng việc làm và kết quả thực tế. Do sự giáo dục của Đảng và sau thắng lợi năm 1975, nhân dân có ý thức hơn về danh dự, về dân chủ, về cá nhân, về pháp luật và công bằng xã hội, không chịu đựng được thái độ gia trưởng, cửa quyền, đặc quyền, đặc lợi, họ muốn biết và tham gia vào mọi việc của đất nước. Họ cần biết rõ sự thật, cả thành công và thất bại, họ phải được xem là người trong cuộc, có trách nhiệm và quyền hạn xây dựng các chủ trương và thực hiện có kết quả các chủ trương đó. Thật sự tin dân và trọng dân, làm cho nhân dân hiểu rõ sự thật, có điều kiện tham gia với đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn vào mọi việc của đất nước, công tác tư tưởng hiện nay cần được đổi mới cả về nội dung và hình thức, tổ chức và quản lý, con người và phương tiện.

Coi trọng nhân tố con người, không thể xem nhẹ một lĩnh vực đặc biệt của công tác tư tưởng là *văn học, nghệ thuật* vốn có ảnh hưởng sâu xa và lâu bền đến tâm hồn, tình cảm, nhân cách của con người, đến đời sống tinh thần của xã hội. Với nội dung và hình thức hết sức phong phú và độc đáo, văn học, nghệ thuật thể hiện một cách hồn nhiên, trung thực và sinh động nhất khuôn mặt tinh thần, sự hiền minh và lương tâm của mỗi dân tộc. Nói những chuyện bình thường, hằng ngày, không ít điều ngẫu nhiên và riêng tư, văn học, nghệ thuật lại giúp con người vượt lên trên chủ nghĩa thực dụng, thói ích kỷ và sự dung tục, không phải theo lối dạy bảo, áp đặt mà dưới dạng thể nghiệm, gợi ý, lời khuyên. Qua những bước thăng trầm, trong niềm vui và nỗi khổ, sau những lo toan vất vả, xô bồ của cuộc sống, mỗi người lại muốn được soi mình trong tấm gương đó để hiểu mình thêm, ngẫm nghĩ lại những điều vừa trải qua, được trò chuyện, được tâm sự, được bồi bổ thêm tình yêu thương, niềm tin, kinh nghiệm để lại bước tiếp vào cuộc đời rộng lớn, đầy sóng gió với một năng lượng tinh thần mới. Sức lấp dẫn và sự cần thiết của văn học, nghệ thuật chính là ở đó.

Thành tựu lớn trong văn học, nghệ thuật tùy thuộc vào sự chuẩn bị lâu dài của lịch sử dân tộc về mặt này, vào độ lớn của các tài năng thường xuất hiện khá ngẫu nhiên, nhưng đời sống tinh thần của xã hội và không khí sáng tạo chung thuận lợi, công tác quản lý chỉ đạo đúng đắn sẽ làm cho những tác phẩm có giá trị dễ hoàn thành hơn, sáng tác đỡ được những đoạn đường vòng và những tổn thất đáng tiếc.

Văn học, nghệ thuật là một lĩnh vực cực kỳ phức tạp và tinh tế, nhưng còn ít được nghiên cứu một cách có hệ thống và thật sự khoa học. Ở đây công sức, trí tuệ của chúng ta đầu tư chưa nhiều, quy luật nắm bắt còn rất hạn chế. Nhưng không ở đâu lại dễ chủ quan như ở đây. Sáng tạo là hiểu biết, khám phá, mà cũng là cảm hứng,

Digitized by Google

«tùy hứng», nghệ sĩ là kỹ sư tâm hồn mà cũng là «tài tử». Để xác định được đúng sai, thật giả, phân biệt được tài năng, sự trung thực, bản lĩnh với những biểu hiện bất tài, cơ hội trong văn nghệ, phải nghiên cứu sâu, chú ý đến nhiều quan hệ, hiểu rõ bản chất và chức năng của văn nghệ, đặc điểm tài năng và lao động sáng tác của người nghệ sĩ, nhu cầu và thị hiếu của công chúng v.v. Trên thực tế, việc khen chê, đánh giá tác phẩm thường được tiến hành rất đơn giản, chóng vánh qua việc đối chiếu với những yêu cầu chung chung của cuộc sống, của một số phạm trù, khái niệm... Đó là chưa kể đến có khi ta loanh quanh, luẩn quẩn với nhau, đánh giá, khen chê theo những tiêu chuẩn và cung cách quen thuộc, không đối chiếu, so sánh với ai, không cần nhìn rộng ra chung quanh, cho nên càng dễ chủ quan, không rõ thực chất tình hình công việc của mình.

Để có được những tác phẩm thật sự có giá trị hơn nữa, phải công phu, tâm huyết hơn, hiểu biết và tinh tường hơn, trước hết là phải trong sáng, tin cậy lẫn nhau, về phía người sáng tác cũng như người lãnh đạo, lý luận, phê bình, chỉ đạo văn học, nghệ thuật, đám nhìn thẳng vào sự thật, trao đổi ý kiến rộng rãi và thẳng thắn với nhau về mọi điều vì lợi ích của công việc chung. Nghệ thuật là độc đáo, không lặp lại, luôn luôn tìm tòi, sáng tạo. Thử nghiệm, vấp váp, nhầm lẫn rất khó tránh khỏi. Cho nên, ở đây rất cần một không khí đồng chí, cởi mở, chân thành, nghiêm khắc mà thân ái, khuyến khích tài năng, tôn trọng sự thật. Sự đổi mới nên bắt đầu từ đây, từ sự giải phóng tư tưởng của những người làm công tác văn học, nghệ thuật, sao cho mọi người được suy nghĩ và làm việc hết sức mình, có đủ niềm tin và dũng khí để tố cáo những thế lực đen tối và mọi thái độ, hành vi tàn nhẫn, xấu xa, để ca ngợi vẻ đẹp và sự kỳ diệu của cuộc sống, của lao động trung thực và sáng tạo, vì hạnh phúc của nhân dân, vì tiến bộ xã hội, vì tình yêu thương, quý trọng đối với con người.

Coi trọng nhân tố con người càng phải chú ý làm tốt *công tác giáo dục*. Giáo dục là đào tạo con người, chuẩn bị đội ngũ lao động, đội ngũ công nhân, trí thức, những nhà hoạt động cần thiết cho mọi lĩnh vực của đất nước. Giáo dục là cơ sở của chiến lược con người, nó liên quan mật thiết không chỉ với văn hóa, mà cả với kinh tế, quốc phòng, khoa học kỹ thuật với mọi mặt đời sống của đất nước. Người ta có căn cứ để khẳng định rằng muốn biết tương lai của một dân tộc thì cứ nhìn dân tộc đó đang làm giáo dục hiện tại như thế nào.

Chúng ta có rất nhiều cố gắng trong lĩnh vực giáo dục. Nhưng phân tích tình hình một cách sâu sắc, đứng trên quan điểm chất lượng và hiệu quả, ta vẫn thấy trong công tác này còn nhiều thiếu sót, nhiều vấn đề làm chưa đúng quy luật.

Giáo dục thường được xem như là phúc lợi đơn thuần, làm được đến đâu hay đến đấy. So với nhiều nước ở chung quanh thì tỷ lệ đầu tư cho giáo dục ở nước ta rất thấp, kế hoạch phát triển giáo dục thực chất chưa trở thành một bộ phận trong kế hoạch phát triển chung của Nhà nước trung ương và địa phương. Một sự nghiệp to lớn và phức tạp như giáo dục, liên quan đến vận mệnh của đất nước, là quyền lợi thiết thân của tuổi trẻ, niềm vui và nỗi lo lắng của mỗi người dân, của từng gia đình, nhưng chưa bao giờ được thảo luận một cách rộng rãi và sâu sắc trong nhân dân. Rất cần có những phiên họp của Trung ương Đảng, của Quốc hội dành riêng cho công tác giáo dục. Hiện còn nhiều vấn đề chưa được thể chế hóa, chưa có cơ chế xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn, hình thức phối hợp giữa các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất,

Digitized by Google

các cơ quan, đoàn thể cùng chăm lo sự nghiệp giáo dục.

Cách tiến hành giáo dục còn thiếu linh hoạt, uyển chuyển đối với các vùng và địa phương có những đặc điểm, yêu cầu và khả năng khác nhau. Tình hình bao cấp quá mức và tràn lan gây thêm không ít khó khăn cho ngân sách nhà nước và cho bản thân công tác giáo dục, vốn là một lĩnh vực hoạt động có quy chế và nền nếp chặt chẽ, nhiều hoạt động của giáo dục hiện nay còn tùy tiện và không kiểm soát được, gây phiền hà cho nhân dân.

Do tình trạng tách rời giữa học tập và thi cử, giữa đào tạo và sử dụng, giữa các ngành học, các cấp học, chất lượng và hiệu quả giáo dục nói chung còn thấp, tình trạng mất cân đối trong phát triển giáo dục khá nặng.

Thời gian tới, cần tiếp tục nghiên cứu để làm sáng tỏ những vấn đề lớn trong chiến lược giáo dục ở nước ta, thực hiện có kết quả hơn nữa việc gắn giáo dục với các mục tiêu kinh tế—xã hội của đất nước và địa phương, sớm chuyển trường phổ thông thành trường dạy kiến thức cơ bản, kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp, dạy nghề, tìm bước đi và cách làm năng động, sáng tạo để nâng cao chất lượng và hiệu quả, phát triển giáo dục phù hợp với yêu cầu và khả năng của nền kinh tế và của sự nghiệp cách mạng ở nước ta trong giai đoạn mới. Để làm tốt việc này, cần chăm lo xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, có biện pháp thiết thực nâng cao vị trí xã hội, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người thầy giáo, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành giáo dục, đặc biệt đối với các trường và cơ sở trọng điểm, chú trọng cải tiến hai lĩnh vực có tác dụng sâu xa nhất đối với việc đổi mới công tác của chúng ta hiện nay là *nghiên cứu khoa học và quản lý*.

Công tác tư tưởng, hoạt động văn học nghệ thuật, công tác giáo dục, cũng như toàn bộ công tác cách mạng của chúng ta hiện nay đều cần phải được đổi mới về tư duy, về phong cách làm việc, về tổ chức và cán bộ để đáp ứng sự phát triển của tình hình và nhiệm vụ mới.

■

HÀ XUÂN TRƯỜNG

VĂN NGHỆ SĨ MỚI VÀ CHỨC NĂNG XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

VIỆT nam thống nhất trong chặng đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội đang đứng trước những vấn đề hoàn toàn mới mẻ, phức tạp. Muốn nhận thức được đúng đắn những vấn đề đang sôi động ấy, cần có sự đổi mới, đổi mới tư duy, đổi mới phương pháp và phong

Digitized by Google

cách làm việc của mỗi thành viên trong xã hội.

Xây dựng những thế hệ con người mới có đủ khả năng, tâm huyết để đảm đương nhiệm vụ xây dựng xã hội mới là nhiệm vụ hàng đầu hiện nay của văn học nghệ thuật. Rõ ràng là để thực hiện chức năng cao cả đó thì bản thân người nghệ sĩ cũng phải đổi mới nhận thức, đổi mới tư duy và phương pháp thể hiện. Hiện nay mọi vấn đề đặt ra để xem xét, mọi cách giải quyết công việc đều đòi hỏi sự lý giải đúng đắn thực tế xã hội đang trên đà biến đổi, đầy màu thuẫn, trong bối cảnh cuộc đấu tranh giai cấp trên thế giới đang diễn ra gay gắt. Những công trình lớn với cách quản lý tiên tiến, áp dụng những tiến bộ mới của khoa học kỹ thuật tiếp tục mọc lên bên cạnh lối làm ăn manh mún, thủ công, lạc hậu, tri trệ của chế độ quan liêu bao cấp lỗi thời. Những gương chiến đấu anh hùng trên các chốt biên giới, những điển hình lao động quên mình trên các công trường, xí nghiệp, đồng ruộng đang cần được biểu dương; đồng thời những hiện tượng tiêu cực, thoái hóa, biến chất của một bộ phận cán bộ và nhân dân cần được mạnh dạn phanh phui, phê phán quyết liệt. Những mâu thuẫn gay gắt đòi hỏi văn nghệ phải làm sáng tỏ trên lập trường đấu tranh cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Những sai lầm trong kinh tế không thuộc về trách nhiệm của văn nghệ nhưng nhận thức về những sai lầm đó lại có phần thuộc trách nhiệm của văn nghệ sĩ. Nhận thức thông qua hình tượng, thông qua cuộc sống, đó là công việc của văn nghệ. Hơn lúc nào hết, văn nghệ sĩ trong giai đoạn hiện nay phải trau dồi thế giới quan cách mạng, có hiểu biết toàn diện, trước hết là hiểu biết về kinh tế và xã hội, có lập trường kiên định thì mới có thể thể hiện được chân thực và sâu sắc cuộc sống và con người hôm nay. Báo cáo chính trị của BCHTƯ ĐCS Việt nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đã đánh giá cao vai trò của văn nghệ trong việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng đặt ra yêu cầu cao đối với văn nghệ sĩ: « Không có hình thái tư tưởng nào có thể thay thế được văn học và nghệ thuật trong việc xây dựng tình cảm lành mạnh, tác động sâu sắc vào việc đổi mới nếp nghĩ, nếp sống của con người... Đảng yêu cầu các văn nghệ sĩ thường xuyên trau dồi ý thức trách nhiệm của công dân, chiến sĩ, thực hiện chức trách cao quý: tạo nên những giá trị tinh thần bồi dưỡng tâm hồn và tình cảm, xây dựng nhân cách và bản lĩnh của các thế hệ công dân, xây dựng môi trường đạo đức trong xã hội » (1).

Trong sáng tác văn học nghệ thuật của thời chiến trước đây, đã trở thành một nếp khá bền vững trong tư duy là sự coi trọng trên hết những mẫu người trọn vẹn, những nhân vật không có quá trình đấu tranh day dứt, phức tạp của nội tâm, ít chú ý đến tình cảm riêng tư, coi trọng những nhân vật lý tưởng, tập trung những nét cao đẹp của con người trong cuộc đấu tranh sống còn với kẻ thù xâm lược. Điều đó là đúng đắn trong hoàn cảnh chiến tranh với những thử thách ác liệt, đột xuất, khi cả một dân tộc phải trở thành anh hùng, khi vấn đề đặt ra là sự mất còn của đất nước. Những hình tượng ấy vẫn còn cần thiết cho ngày hôm nay và mãi mãi về sau, nhưng nhu cầu nghệ thuật của xã hội ngày nay đã khác trước và rất đa dạng. Sự hưởng thụ nghệ thuật của công chúng có nhiều tầng khác nhau. Trình độ văn hóa, nhận thức của họ khác trước, một thực tế khác hằng ngày tác động đến họ, và bằng nhiều con đường khác nhau, tác động của thế giới cũng đến với họ.

(1) Báo cáo chính trị của BCHTƯ tại Đại hội VI, *Tạp chí cộng sản*, số 1 – 1987.

Digitized by Google

Văn nghệ có hai chủ thể: bản thân tác giả gửi gắm suy nghĩ vào tác phẩm, và từ tác phẩm người đọc nhận thức và rút ra những điều cần thiết cho cuộc sống của họ. Người thưởng thức hôm nay ngày càng có xu thế chủ động theo nhận thức riêng của mình trước những điều mà tác giả gửi gắm trong tác phẩm. Vì vậy, sự đổi mới tư duy của văn nghệ sĩ trở nên sự sống còn của nghệ thuật. Sự đổi mới ấy phải thể hiện trong nội dung, trong phương pháp và thủ pháp, trong phong cách của tác phẩm. Về thực chất, tính đảng và tính nhân dân đòi hỏi sự đổi mới đó. Phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa có đầy đủ khả năng đáp ứng được sự đổi mới và tiếp nhận cái mới: đó là phương pháp đầu tiên giúp người sáng tác phát hiện được cái mới, nhận thức được cái mới trong quá trình phát triển.

Văn học nghệ thuật mấy năm gần đây đã quan tâm đến quá trình hình thành tính cách con người trong đấu tranh cải tạo và tự cải tạo, đến những chuyển biến phức tạp, những mâu thuẫn trong từng con người và trong những mối quan hệ xã hội. Những tác phẩm này cũng bộc lộ cả những suy tư, trăn trở của văn nghệ sĩ. Những tác giả của chúng tuy thấy được một số vấn đề nhưng chưa đủ bản lĩnh để phân tích được sâu sắc và có được những kiến nghị tích cực. Vấn đề lớn hơn tác giả, nói một cách khác, tác giả chưa ngang tầm với vấn đề nêu lên. Nguyên nhân của sự đơn giản, hời hợt chính là ở sự chưa ngang tầm này. Vấn đề chưa toát ra từ tác phẩm. Thời gian qua, đông đảo công chúng tìm đến một số tác phẩm vì thấy ở đó có những nét phù hợp với suy nghĩ, băn khoăn của họ, nhưng khi tác phẩm không tiếp thêm nghị lực, gợi thêm những suy nghĩ mới mẻ về cuộc đời cho mỗi người, thì những tác phẩm đó chóng đi vào sự quên lãng. Nhất là khi các nghị quyết, chính sách của Đảng đã tỏ rõ tính hiện thực, tinh thần đổi mới, thì những tác phẩm mang tính chính luận chỉ dừng ở sự minh họa (dù có thêm những thủ pháp văn chương hay nghệ thuật hấp dẫn) sẽ bị chìm đi vì chúng không có được ma lực vốn có của nghệ thuật thực thụ.

Trong tâm lý thụ cảm văn học nghệ thuật hiện nay, nhân vật dù là đã định hình hay đang trong quá trình phát triển, tiêu cực hay tích cực — thường không thể áp đặt cho công chúng. Nhiều khi công chúng bàn ra ngoài tác phẩm. Đó là điều mới, đáng quan tâm trong việc phê bình và hướng dẫn người đọc, người xem. Nhưng một điều rõ ràng là công chúng ngày nay đang vươn tới vai trò chủ thể của mình. Do đó, trách nhiệm của người văn nghệ sĩ mới không chỉ dừng lại ở nhiệm vụ phản ánh trung thực những gì mình nhận thức được, hoặc ở lòng mong muốn mang lại những bài học đã có sẵn mà, cao hơn nữa, phải vươn lên trước công chúng của mình, dự đoán được những điều công chúng mong đợi. Đối với văn nghệ sĩ, chỉ tinh thần trách nhiệm vẫn chưa đủ mà còn cần có sự hiểu biết, tính nhạy cảm — một đức tính chỉ có thể có được với một vốn sống dồi dào với những kinh nghiệm phong phú trong cuộc đời. Nghệ sĩ phải trực tiếp đối thoại, tâm sự với đối tượng thưởng thức của mình, khêu gợi, thúc đẩy họ cùng suy nghĩ, hành động, đóng góp vào quá trình nhận thức và hoàn thiện xã hội cũng như bản thân. Nói như A-ra-gông: « Sự thật có bộ mặt giai cấp của nó, ở đó cái thực không phải là mục đích, mà là một công cụ của sự biến đổi cách mạng của bản thân nó ». Không ai khác ngoài người nghệ sĩ tạo nên sức mạnh cải tạo của văn nghệ. Sức mạnh ấy ở bản thân tác phẩm, và ở ngay bản thân nhận thức của công chúng. Để tạo nên sức mạnh đó, trước tiên người nghệ sĩ phải có

Digitized by Google

sức hướng tới sự biến đổi cách mạng của hiện thực cuộc sống và cho bản thân người thưởng thức. Do đó sức chiến đấu, trách nhiệm của người văn nghệ sĩ xã hội chủ nghĩa trước nhiệm vụ tích cực xây dựng con người mới không thể dừng lại ở những vấn đề thiện — ác, tốt — xấu, tích cực — tiêu cực thông thường, mà vượt lên khỏi sự thông thường đó bằng một tư duy mới, một cách nghĩ mới theo tinh thần và bản chất của tư duy mác xít: *phê phán và cách mạng.*

Tính hiện đại hay nói rộng ra tinh thần thời đại của nền văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa không chỉ ở sự đổi mới đề tài, phong cách, ngôn ngữ, hình thức. Tính hiện đại chủ yếu ở vấn đề mang một chất mới được nêu lên trong tác phẩm, ở sự phát hiện trong cuộc sống rối rắm thường ngày những điều mà xã hội chưa nhận ra, chưa nghĩ ra, nêu ra những câu hỏi, cùng cùng chúng tìm lời giải đáp và khêu gợi, tiếp sức cho họ nghị lực nhận thức và hành động để họ tự hoàn thiện mình và để họ góp phần cải tạo và hoàn thiện cuộc sống.

Để có những tác phẩm mang tính hiện đại hiểu theo nghĩa đó, những văn nghệ sĩ mới của chúng ta phải đi từ cái cụ thể nhưng không rơi vào vụn vặt, tạo được những điển hình mà không rơi vào sự nhàm chán, vươn tới sự khái quát cao mà không siêu hình, đạt tới những dự báo lớn lao mà không gây ảo tưởng. Và tất cả cho chủ nghĩa xã hội, cho con người xã hội chủ nghĩa với ý thức rõ ràng về bản thân và mục đích đạt tới. Đó là con đường vô cùng gian khổ của người nghệ sĩ xã hội chủ nghĩa. Làm văn nghệ sĩ xã hội chủ nghĩa ở giai đoạn mới này của cách mạng Việt nam, phải luôn luôn *vượt mình*, kể cả sự vượt mình trong khó khăn về đời sống vật chất. Sự vượt mình đó là nội dung và yêu cầu của đổi mới tư duy trong nghệ thuật của chúng ta. Nói tới đổi mới tư duy không thể không đề cập tới dân chủ và tự do tư tưởng, tinh thần này toát ra từ Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương (khóa V) đã được Đại hội VI thông qua. Đó là điều mong ước lớn nhất của nhân dân và trước hết của người trí thức sáng tạo. Sự vượt mình là một sự vật lộn với mình, với người, chống cái cũ và vươn tới cái mới; do đó tinh thần dân chủ trong thảo luận, tinh thần tự do trong sáng tạo phải được coi như là không khí của đất trời. Vì không có không khí đó thì văn nghệ sĩ bị nghẹt thở, không tự công khai bộc lộ được mình và công khai thử thách trong cuộc đấu tranh ngoài xã hội để hiểu mình, để tự rèn luyện và bồi dưỡng cho mình. Ở đây quan điểm « văn nghệ là sự tự nhận thức » trở nên lạc lõng, không phù hợp với bản chất của chủ nghĩa xã hội. Ngược lại, người văn nghệ sĩ phải là người đi hàng đầu trong sự *phát biểu công khai* có ý thức, có suy ngẫm, là « người phát ngôn của thời đại ». Do đó người văn nghệ sĩ thực thụ đã đành là phải có tài nhưng phải có cả đức, cái đức đầu tiên là sự trung thực, một sự trung thực hết mình. Văn nghệ thù nghịch với sự gian dối như nước với lửa. Và người văn nghệ sĩ cũng phải sống theo tiêu chuẩn đạo đức mà xã hội yêu cầu mỗi người phải tuân theo. Văn nghệ là nghề khó, văn nghệ xã hội chủ nghĩa lại càng khó, nhưng khó không có nghĩa là thần bí; không nên thần bí hóa công việc của chúng ta và mỗi chúng ta cũng không cho phép mình sống thoát ra ngoài sự sống bình thường của xã hội. Ở đây lối sống hợm mình hay buông thả phải được loại trừ, đó không phải là đặc điểm « cá tính » hay « tính cách » của văn nghệ sĩ.

Cách đây 21 năm, tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ ba, đồng chí Trường Chinh đã nhắc nhở chúng ta: « Câu nói của Hồ Chủ tịch « *muốn xây*

Digitized by Google

dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa» cũng có nghĩa là muốn xây dựng nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa, phải có những văn nghệ sĩ xã hội chủ nghĩa » (2). Tư duy ấy vẫn giữ nguyên vẹn *mới* cho hôm nay.

(2) Trường Chinh : *Về văn hóa và nghệ thuật*, Nxb Văn học, Hà nội, 1986, t. II, tr. 120.

HOÀNG TRƯỜNG MINH

TẬP TRUNG SỨC ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở CÁC VÙNG CAO

« MUỐN xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa* » (1). Lời dạy đó của Hồ Chủ tịch chỉ rõ nhân tố con người trong chủ nghĩa xã hội. Nói đến nhân tố con người Việt nam trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, chúng ta không thể không nghĩ tới việc phát huy vai trò và truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta, một bộ phận quan trọng của cộng đồng dân tộc Việt nam, đã có một quá trình lịch sử rất đáng tự hào trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Các dân tộc thiểu số ở nước ta tuy chỉ chiếm 11% số dân cả nước, nhưng cư trú trên những địa bàn có ý nghĩa chiến lược quan trọng về kinh tế và quốc phòng. Từ trong lịch sử lâu đời, đồng bào các dân tộc thiểu số đã đứng lên cùng cả nước chống ách đô hộ của nước ngoài, đã từng lập nên những chiến công oanh liệt góp phần đánh thắng các đội quân xâm lược hùng mạnh của các triều đại phong kiến phương bắc, giữ vững nền độc lập của dân tộc. Từ khi có Đảng, được Đảng tổ chức, giáo dục và lãnh đạo, đồng bào đã nhân lên gấp bội truyền thống đoàn kết và đấu tranh của mình. Có lẽ, không có một chiến công vang dội, một thắng lợi có ý nghĩa lịch sử nào của cách mạng và kháng chiến ở nước ta trên bốn chục năm qua, mà không được chuẩn bị hoặc mở đầu từ các địa bàn rừng núi, trong đó, đồng bào các dân tộc thiểu số là chỗ dựa vững chắc và đã góp phần rất tích cực. Ngày nay, ở biên giới phía bắc, đồng bào đang ngày đêm đối mặt với quân thù, cùng các lực lượng vũ trang nhân dân bám trụ chiến đấu, đồng thời phát triển sản xuất, giữ vững biên cương của Tổ quốc.

Nhận rõ vai trò và khả năng cách mạng của các dân tộc thiểu số ở nước ta, Đảng ta ngay từ khi mới ra đời, đã có chính sách dân tộc đúng đắn, coi việc « giải quyết đúng đắn *vấn đề dân tộc* là một trong những nhiệm vụ

(1) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t. II, tr. 209.

Digitized by Google

có tính chất chiến lược của cách mạng Việt nam » (2). Nội dung cơ bản của chính sách đó là đoàn kết các dân tộc nhằm lật đổ ách thống trị của đế quốc và phong kiến, và tiếp đó là tiến hành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trước pháp luật và tiến tới thực hiện đầy đủ quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong thực tế; các dân tộc giúp đỡ nhau và cùng làm chủ đất nước; khắc phục dần sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc. Như thế, đứng về mặt xây dựng và phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp cách mạng mà nói, chính sách dân tộc của Đảng thật sự là chính sách tôn trọng và đề cao bộ phận của cộng đồng người Việt nam xưa nay vẫn được coi là chậm phát triển, khơi dậy những tiềm năng to lớn vốn có trong những con người đó hướng vào các mục tiêu cách mạng; ra sức bồi dưỡng, nâng cao năng lực tinh thần và vật chất của họ và tạo các điều kiện để họ vươn lên cùng các dân tộc khác xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thân yêu của mình.

Thực hiện chính sách trên của Đảng, chúng ta đã đoàn kết các dân tộc — đa số cũng như thiểu số — thành một khối vững chắc, động viên được mọi lực lượng của các dân tộc đánh thắng mọi kẻ thù hung bạo và xảo quyệt, đưa cách mạng đến thành công, kháng chiến đến thắng lợi, giành lại và bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Từ sau ngày miền Nam được giải phóng, nước nhà thống nhất, Đảng và Nhà nước ta đã tổ chức và lãnh đạo nhân dân các dân tộc thiểu số cùng đồng bào cả nước tiến công mạnh mẽ vào nghèo nàn và lạc hậu, ra sức phát triển kinh tế, văn hóa, xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời bảo vệ Tổ quốc.

Nhiều biến đổi quan trọng và có ý nghĩa cách mạng đã đem lại những nét mới trong đồng bào các dân tộc thiểu số ở nhiều vùng và địa phương. Chủ nghĩa xã hội đang đi vào đời sống của đồng bào, từ trong quan hệ sản xuất, phát triển kinh tế đến sự tiếp thụ ánh sáng khoa học, kỹ thuật và cải tạo, xây dựng đời sống văn hóa tinh thần. Đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, những người tiêu biểu cho lực lượng tiên tiến, cho ý chí và năng lực vươn lên của các dân tộc đó đã phát triển khá mạnh mẽ.

Tuy nhiên, nhìn vào thực trạng đời sống mọi mặt và sự phát triển của các dân tộc thiểu số trong mười năm qua, chúng ta thấy còn nhiều điều trì trệ. Do những khó khăn khách quan và những thiếu sót chủ quan trong lãnh đạo, chỉ đạo, nhìn chung, các tiềm năng, thế mạnh kinh tế của các vùng miền núi chưa được phát huy. Mục tiêu « khắc phục một bước sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc » (3) chưa có bước tiến rõ rệt. Đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số còn có nhiều khó khăn.

Đối với *đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở các vùng cao, biên giới, nơi xa xôi, hẻo lánh và các vùng căn cứ cũ của cách mạng và kháng chiến*, chúng ta lại càng cần đặc biệt chú ý. Trong các dân tộc thiểu số, đây là những người chịu những hậu quả nặng nề nhất của sự chậm phát triển, sự khó khăn chồng chất về nhiều mặt, do các điều kiện lịch sử về tự nhiên và xã hội để lại. Nếu nói về việc « khắc phục một bước sự chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc » thì đây chính là những đối tượng cần được quan tâm trước hết và nhiều hơn hết. Nếu nói về vị trí của các địa bàn đồng bào cư trú, thì đây cũng chính là những nơi cần được quan

(2) *Báo cáo chính trị* của BCHTƯĐ tại Đại hội IV, Nxb Sự thật, Hà nội, 1977, tr. 164.

(3) *Văn kiện Đại hội V*, Nxb Sự thật, Hà nội 1982, t I, tr. 133.

Digitized by Google

tâm đầy đủ, do ý nghĩa quan trọng của chúng về các mặt chính trị và quốc phòng.

Với tinh thần tôn trọng sự thật, nhìn thẳng vào sự thật và nói rõ sự thật, thì phải nhận rằng, tuy chúng ta đã quan tâm giải quyết một phần những nhu cầu của đồng bào các dân tộc thiểu số ở các vùng cao, biên giới, nhưng cho đến nay hoàn cảnh và đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở các vùng này, nhất là nơi xa xôi hẻo lánh và các vùng căn cứ cũ, nhìn chung chưa có biến đổi đáng kể, thậm chí có nơi, đồng bào phải trở lại cảnh sống trước ngày Cách mạng Tháng Tám thành công. Trên một số mặt, khoảng cách chênh lệch giữa đồng bào ở đây với đồng bào ở các vùng khác không những không được thu hẹp, mà ngày càng rộng hơn, lớn hơn. Nạn đói ăn, thiếu mặc chưa phải đã được thanh toán hết. Có những nơi vẫn thiếu cả nước ăn! Còn gần 1,3 triệu người du canh, du cư, phá rừng làm rẫy, sống không ổn định. Xu hướng tự phát di cư, mỗi năm mấy nghìn người rời bỏ quê hương khắc nghiệt của mình đi tìm nơi có điều kiện tốt hơn để sinh sống, vẫn phát triển. Số người mù chữ hoặc trở lại mù chữ trong một số dân tộc khá lớn (H'mông 88%, Dao 75%, Ba na 72%, K'ho 67%...) và có chiều hướng ngày càng tăng. Rất ít trẻ em đến tuổi đi học được đến trường (trong dân tộc H'mông chỉ có 5,6%, Dao 6,5%; Mơ nông 10,5%; Khơ mú 4,8%...). Các tệ nạn mê tín, nghiện thuốc phiện đang được phục hồi hoặc phát triển. Các bệnh xã hội như sốt rét, ỉa chảy, bướu cổ... chưa được chặn đứng.

Chúng ta không thể yên tâm trước tình hình nói trên. Không thể để cho đồng bào các dân tộc thiểu số ở các vùng cao, biên giới, nơi xa xôi, hẻo lánh và các vùng căn cứ cũ phải chịu đựng quá dài những khó khăn chồng chất. Tuy nền kinh tế — xã hội cả nước ta cũng đang có rất nhiều khó khăn, kẻ thù vẫn đang bao vây, uy hiếp và phá hoại, nhưng vấn đề đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở các vùng cao đang đòi hỏi cấp bách phải được giải quyết. Và nếu như mục tiêu tổng quát của các nhiệm vụ kinh tế — xã hội của Đảng và nhân dân ta trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ trước hết là ổn định kinh tế và đời sống, thì chính đây là một trong những đối tượng rất đáng được chú ý ưu tiên.

Trước hết, nên có sự kiểm tra, tốt nhất là kiểm tra của Nhà nước, để đánh giá một cách đúng đắn, tại chỗ thực trạng kinh tế — xã hội và việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với các vùng trên, tìm ra các khả năng thực tế, xác định phương hướng và biện pháp đúng đắn, thiết thực, có hiệu quả, cải thiện một bước rõ rệt tình hình sản xuất và đời sống của đồng bào các vùng đó. Tiếp đó, có chương trình và kế hoạch đồng bộ, trong đó xác định rõ trách nhiệm và nhiệm vụ của từng cấp, từng ngành, có sự chỉ đạo tập trung từ trung ương đến địa phương nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành, của lực lượng vũ trang và của nhân dân địa phương, để từng thời gian đạt được những chỉ tiêu nhất định, đem lại hiệu quả rõ rệt trên từng địa bàn.

Chúng ta khẳng định tính đúng đắn của phương châm « Nhà nước với nhân dân, trung ương với địa phương cùng làm », kể cả đối với các vùng cao. Song, cần thấy rõ rằng các vùng cao đang có nhiều khó khăn, đời sống thấp, cho nên phải có sự đầu tư thích đáng, đồng bộ (tài chính, vật tư, kỹ thuật...) và có hiệu quả của Nhà nước (trung ương và địa phương), kết hợp động viên sức lao động của nhân dân địa phương và sự hỗ trợ của đồng bào các vùng khác. Nếu không

Digitized by Google

thì nhân dân các dân tộc thiểu số vùng cao khó có điều kiện vươn lên được.

Trong các kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế ở các vùng cao, không thể chỉ tính đến lỗ lãi và lợi ích kinh tế đơn thuần, mà phải kết hợp kinh tế với chính trị, kinh tế với quốc phòng, lấy lợi ích chính trị, tăng cường đoàn kết, thực hiện bình đẳng dân tộc, bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc làm mục tiêu cao nhất. Trong sự kết hợp chặt chẽ kinh tế với xã hội, phải rất coi trọng mặt xã hội. Không thể coi việc đầu tư cho sự nghiệp phát triển giáo dục, văn hóa, y tế ở các vùng cao là không đáng được ưu tiên và chỉ nên chiếm một tỷ trọng thấp. Trái lại, phải quan tâm ở mức cao về mặt này, dù một số vùng khác có phải bớt đi một chút cũng nên, để thực hiện yêu cầu nâng cao nhanh chóng trình độ văn hóa, giáo dục, sức khỏe và nếp sống của đồng bào, giảm bớt sự lạc hậu so với các vùng khác. Điều đặc biệt đáng chú ý ở đây là Đảng và Nhà nước ta cần có kế hoạch cụ thể, chắc chắn và không tiếc tiền, tiếc sức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tại chỗ của đồng bào các dân tộc thiểu số vùng cao. Ai có lên công tác vùng cao mới biết rõ mỗi cán bộ ở đây quý biết nhường nào.

Định canh định cư là một cuộc vận động có ý nghĩa cách mạng sâu sắc đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở các vùng cao, là một chương trình rộng lớn đang được Đảng và Nhà nước, các ngành, các cấp thực hiện, nhằm ổn định kinh tế, ổn định đời sống đồng bào các vùng đó. 17 năm qua, chúng ta đã định canh định cư được 95 vạn người (trong tổng số 2,2 triệu người cần được định canh định cư). Song, tiến trình còn chậm, hiệu quả còn thấp. Sắp tới, phải ra sức đẩy mạnh, cải tiến và làm tốt hơn nữa công tác này. Gắn định canh định cư với tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, xây dựng cơ cấu kinh tế, bố trí dân cư trên địa bàn huyện. Từ quy hoạch tổng thể và kế hoạch kinh tế—xã hội của huyện mà xây dựng và thực hiện kế hoạch định canh định cư nhằm ổn định sản xuất, phát huy tiềm năng, thế mạnh kinh tế và lao động của vùng cao, gắn vùng cao với các vùng khác. Định canh định cư do tổ chức đảng và chính quyền cấp huyện tổ chức thực hiện, dưới sự hướng dẫn trực tiếp của cấp tỉnh và sự kiểm tra của trung ương.

Trong việc phát triển giáo dục ở các vùng cao, không thể chỉ chạy theo số lượng, mà phải rất coi trọng chất lượng, không nên ham chuộng hình thức, phát triển theo chiều rộng, mà phải chú trọng đến tính hiệu quả. Mấu chốt là đào tạo, xây dựng cho được một đội ngũ đông đảo các giáo viên tại chỗ là người dân tộc thiểu số vùng cao có nhiệt tình và đủ sức truyền thụ kiến thức cho con em các dân tộc mình. Các trường phổ thông nội trú được Nhà nước nuôi dưỡng dành cho con em các dân tộc thiểu số vùng cao, đã được thực tế chứng minh là một hình thức học tập phù hợp và tạo nguồn đào tạo cán bộ tốt, có hiệu quả. Cần duy trì, kiện toàn và phát triển mạnh các trường đó.

Ổn định và nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số ở các vùng cao, biên giới, nơi xa xôi, hẻo lánh và các vùng căn cứ cũ của cách mạng và kháng chiến là một vấn đề rất lớn, không đơn giản, dễ dàng. Nó đòi hỏi chúng ta phải có quyết tâm cao, kiên trì và liên tục thực hiện các chính sách sát hợp, các hình thức và biện pháp thích hợp đối với các vùng đó. Sự cố gắng đồng bộ trên nhiều mặt của các cấp, các ngành, các lực lượng, đặc biệt là sự quan tâm và đầu tư thích đáng của Nhà nước có tầm quan trọng hàng đầu

Digitized by Google

Giáo sư **NGÔ THÀNH DƯƠNG**

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ CON NGƯỜI VIỆT NAM TỪ SẢN XUẤT NHỎ ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin khẳng định con người là sản phẩm của tự nhiên đồng thời lại là chủ thể hoạt động nhằm cải tạo giới tự nhiên. Quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử. Chính họ tạo ra những của cải vật chất và tinh thần cho xã hội. Họ là động lực cách mạng, thúc đẩy xã hội tiến lên từ chế độ này đến chế độ khác cao hơn. «... Sức mạnh của một nước, của cách mạng *chính là ở nhân dân*. Để thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phải tin tưởng ở nhân dân, mọi chủ trương, chính sách đều phải *lấy dân làm gốc*. Cha ông ta từ xưa đã nghĩ và làm như vậy. Trong thời đại ngày nay, từ tiền khởi nghĩa đến Cách mạng Tháng Tám, kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chống bành trướng Bắc kinh, Đảng ta đều làm như vậy. *Đi lên chủ nghĩa xã hội ngày nay lại càng phải làm như vậy* (1).

Cuộc trao đổi ý kiến về « Nhân tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội » do Tạp chí Cộng sản tổ chức, có ý nghĩa thực tiễn quan trọng. Chúng tôi chỉ xin đề cập một khía cạnh của vấn đề, nêu ra một số suy nghĩ ban đầu về « con người Việt nam từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội »

Hồ Chủ tịch đã nói:

« Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa* ».

Nhưng con người mới xã hội chủ nghĩa không thể hình thành ngay một sớm, một chiều, mà đó là một quá trình giáo dục lâu dài, tiến dần từ thấp đến cao.

Trong lịch sử lâu dài của dân tộc, con người Việt nam đã lập nên những kỳ tích vẻ vang. Chúng ta thường nêu lên những truyền thống tốt đẹp của người Việt nam là rất cần cù chịu khó trong lao động, nhẫn lại trong đấu tranh với thiên nhiên, có tinh thần yêu nước, bất khuất chống ngoại xâm, có tinh thần đoàn kết thương yêu đùm bọc lẫn nhau v.v.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và chống bọn bành trướng bá quyền, Đảng ta đã biết phát huy những ưu điểm đó của con người Việt nam, cho nên đã đưa cách mạng tiến lên, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

---

(1) Bài nói của đồng chí Trường Chinh tại Hội nghị cán bộ nghiên cứu dự thảo báo cáo chính trị sẽ trình Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, *Tạp chí Cộng sản*, số 8 — 1986.

Digitized by Google

Ngày nay, trong quá trình đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta vẫn phải dựa vào những ưu điểm nói trên của con người Việt nam. Song cần phải phát huy những ưu điểm đó sao cho thích hợp với những điều kiện mới của cách mạng.

Mặt khác, chúng ta lại phải thấy hết những nhược điểm của con người Việt nam, những nhược điểm vốn có của con người đã sống hàng nghìn năm dưới chế độ phong kiến và hàng trăm năm dưới chế độ thực dân cũ và mới, nhất là với một nền sản xuất nhỏ lâu đời, trong một nước kinh tế nghèo nàn và lạc hậu.

Hoàn cảnh xã hội đó đã in đậm dấu ấn vào ý thức con người, tạo ra những đặc điểm tâm lý, tư tưởng và lối làm ăn của con người Việt nam.

Ở đây chúng ta không nghiên cứu ảnh hưởng của chế độ phong kiến, của chế độ thực dân cũ và mới đối với con người Việt nam, mà chỉ nói đến ảnh hưởng của nền sản xuất nhỏ.

Nói đến nền sản xuất nhỏ, C. Mác đã ví một nước tiểu nông như một túi khoai tây, khi đổ ra thì mỗi củ khoai lăn đi một ngả. Hình ảnh đó có nghĩa là những người sản xuất nhỏ không có những mối liên hệ ràng buộc lẫn nhau. Họ làm ăn riêng rẽ, người nào biết người nấy, địa phương nào biết địa phương ấy, họ sản xuất một cách cô lập, tách rời nhau, hầu như theo lối tự cấp tự túc, không quan tâm phát triển kinh tế hàng hóa. Người sản xuất nhỏ chỉ sống quanh quẩn trong nhà mình, trong làng xóm mình, địa phương mình. Cho nên họ nặng đầu óc *tự tư tự lợi, cục bộ địa phương chủ nghĩa*. Đó là đặc điểm nổi bật thứ nhất của người sản xuất nhỏ.

Mục đích của người sản xuất nhỏ chủ yếu là nhằm tự cấp tự túc, họ sản xuất bằng công cụ thủ công, với kinh nghiệm của ông cha truyền lại, cho nên năng suất rất thấp. Đó là cách sản xuất cỏ con; song người sản xuất nhỏ lại dễ thỏa mãn với kết quả đạt được. Họ không dám vươn lên để đẩy mạnh sản xuất hơn nữa. Họ không tiếp xúc với nền công nghiệp hiện đại, không có trình độ khoa học và kỹ thuật mới. Cho nên người sản xuất nhỏ nặng đầu óc *bảo thủ, trì trệ*, cứ lặp đi lặp lại kinh nghiệm cũ đã có, không dám cải tiến, đổi mới cách làm ăn. Đó là đặc điểm nổi bật thứ hai của người sản xuất nhỏ.

Do trình độ văn hóa kém, thiếu kiến thức khoa học – kỹ thuật, người sản xuất nhỏ nặng về tình cảm mà nhẹ về lý trí. Hằng ngày họ sống và làm việc trong gia đình, quần quanh với họ hàng làng xóm, làm ăn tùy tiện, thích thì làm, muốn nghỉ lúc nào cũng được, chứ không như người công nhân làm việc ở nhà máy phải tuân theo quy trình sản xuất, có kỷ luật chặt chẽ. Cho nên người sản xuất nhỏ mắc *bệnh chủ quan, tự do tùy tiện, dễ rơi vào ảo tưởng*. Đó là đặc điểm nổi bật thứ ba của người sản xuất nhỏ.

Những đặc điểm nói trên về tâm lý, tư tưởng và lối làm ăn của người sản xuất nhỏ rõ ràng là trái ngược với yêu cầu của nền sản xuất lớn. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, chúng ta phải tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đó là một quá trình lâu dài, gian khổ và rất phức tạp. Chúng ta không thể có được nền sản xuất lớn với những con người sản xuất nhỏ. Ở đây cuộc đấu tranh về mặt tư tưởng và lối làm ăn giữa sản xuất nhỏ và sản xuất lớn rất gay go, quyết liệt. Đó cũng là một nội dung rất quan trọng của đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở nước ta trong thời kỳ quá độ. Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta đã đề ra một cách đúng đắn là phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học – kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa. Với ba cuộc cách

Digitized by Google

mạng đó, chúng ta cải tạo những người sản xuất nhỏ, đưa dần họ vào làm ăn tập thể, nâng cao trình độ văn hóa và khoa học – kỹ thuật cho họ, đấu tranh chống chủ nghĩa cục bộ, bản vị, chủ nghĩa phường hội, tự do tùy tiện, giáo dục cho họ kỷ luật lao động mới.

Nói riêng trong cán bộ chúng ta cũng bộc lộ những khuyết và nhược điểm cản trở bước tiến của cách mạng.

Đại hội thứ V của Đảng đã vạch rõ khuyết điểm, sai lầm của cán bộ ta là một mặt thì chủ quan nóng vội, mặt khác lại hết sức bảo thủ, trì trệ trong công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Bệnh bảo thủ trì trệ và bệnh chủ quan nóng vội đều là căn bệnh cố hữu của người sản xuất nhỏ. Cán bộ chúng ta xuất thân từ những người sản xuất nhỏ, do sống lâu năm trong một nền sản xuất nhỏ, cho nên đã mang nặng dấu ấn của nền sản xuất nhỏ. Ngoài hai căn bệnh nổi bật nói trên, chúng ta không thể coi nhẹ bệnh cục bộ, địa phương chủ nghĩa, tự do tùy tiện trong công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Căn bệnh này cũng đang gây ra những tác hại nghiêm trọng, làm rối loạn nền kinh tế của nước ta hiện nay.

Từ khi tham gia cách mạng, với sự giáo dục của Đảng, cán bộ, đảng viên chúng ta đã ít nhiều tiếp thu được lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, rèn luyện tư tưởng và tác phong của giai cấp vô sản, trau dồi được thế giới quan và phương pháp luận khoa học song điều đó chưa đủ. Thế giới ngày nay đang thay đổi nhanh chóng. Trong nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội có biết bao nhiêu quan niệm đã lạc hậu và sai lầm. Những tàn dư, ảnh hưởng của các tư tưởng và tác phong phi vô sản vẫn còn đang đè nặng trong chúng ta. Đó là những nguyên nhân quan trọng nhất gây ra những sai lầm nghiêm trọng trong quản lý kinh tế và xã hội, làm chậm bước tiến của cách mạng. Đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế đã trở thành yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng nước ta.

Vấn đề cấp bách hiện nay là cán bộ chúng ta ở các ngành, các cấp phải chống bệnh chủ quan, trong công tác lãnh đạo phải tôn trọng quy luật khách quan, vận dụng nó vào thực tế. Trong một nước lạc hậu, sản xuất nhỏ là chủ yếu, muốn đi lên chủ nghĩa xã hội thì không thể nóng vội được.

V.I. Lê-nin đã từng nói:

«Một nước càng lạc hậu mà lại phải – do những bước ngoặt ngoéo của lịch sử – bắt đầu làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, thì nước đó càng gặp khó khăn trong việc chuyển từ những quan hệ cũ, tư bản chủ nghĩa, sang những quan hệ xã hội chủ nghĩa» (2), và Lê-nin đã phê phán bệnh chủ quan, ảo tưởng như sau: «Nếu có người cộng sản mơ tưởng rằng trong vòng 3 năm có thể cải tạo được cơ sở kinh tế và nguồn gốc kinh tế của nền tiểu nông, thì dĩ nhiên đó là một người không tưởng. Và trong chúng ta – không cần giấu giếm làm gì – đã có không ít những nhà không tưởng như vậy. Song điều ấy không có gì là xấu. Một nước như vậy mà bắt đầu cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thì làm sao lại không có những người không tưởng được?» (3).

Trong thời gian qua, chúng ta đã mắc chính cái khuyết điểm mà Lê-nin đã phê phán ở trên, đó là bệnh ảo tưởng, mà là ảo tưởng ở một mức độ khá trầm trọng! Thật vậy, trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở một nước lạc hậu, đi từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta mắc bệnh chủ quan, nóng vội vì đã có ảo tưởng là có thể xây dựng chủ

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 36, tr. 6.

(3) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mác-xcơ-va, 1978, t. 45, tr. 71.

Digitized by Google

nghĩa xã hội một cách dễ dàng và nhanh chóng. Hơn nữa, chúng ta đã quan niệm một cách đơn giản về chủ nghĩa xã hội, hiểu quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa nặng về hình thức, chỉ chú trọng tập thể hóa đối với tư liệu sản xuất mà không chú trọng mặt quản lý lao động và phân phối sản phẩm, hiểu chủ nghĩa xã hội chỉ là xóa bỏ bóc lột mà không chú trọng đến hiệu quả sản xuất, đến năng suất lao động. Cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp về căn bản vẫn chưa bị xóa bỏ, chúng ta còn thiếu hiểu biết và ít kinh nghiệm quản lý kinh tế.

Ở đây, nhân vấn đề nêu ra về vai trò của «con người Việt nam đi từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội», chúng tôi muốn tìm hiểu quy luật của nền sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Có quan điểm cho rằng không có quy luật phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi cho rằng có quy luật đó. Việc nghiên cứu những quy luật này đòi hỏi một công trình công phu của nhiều người, song chúng tôi thấy có thể nêu ra mấy nét đặc thù như sau:

Trước kia, giai cấp tư sản đã đưa nền sản xuất nhỏ của chế độ phong kiến lên sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa trong một thời gian dài tới 300 năm (từ thế kỷ 15 đến thế kỷ 18). Ngày nay, chúng ta cũng phải vận dụng những quy luật khách quan của sự phát triển đó. Tất nhiên, trong điều kiện thế giới có nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa đã tồn tại, với sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em đã có nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta có thể rút ngắn được thời gian nhiều.

Từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn (dù tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa) đều phải thông qua những hình thức kinh tế trung gian, chuyển tiếp. Trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay, chúng ta phải biết tìm và áp dụng những hình thức kinh tế trung gian, quá độ để đưa dần sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đảng ta đang áp dụng đúng đắn những hình thức như khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp, tổ chức các hình thức liên kết, liên doanh trong công nghiệp và thủ công nghiệp, thậm chí còn sử dụng ở một mức độ nhất định cả thành phần kinh tế tư bản tư nhân. Chúng ta cần vận dụng tinh thần của chính sách kinh tế mới mà Lê-nin đã đề ra trong những năm 20 ở Liên xô. Với nền chuyên chính vô sản đã được xây dựng và củng cố, chúng ta không sợ sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, mà phải biết sử dụng nó, hướng nó vào chủ nghĩa tư bản nhà nước.

Lê-nin cho rằng khi có hàng triệu người sản xuất nhỏ thì sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, của các quan hệ tư bản chủ nghĩa là không thể tránh được và những quan hệ đó còn có ích và cần thiết, cho nên chính sách duy nhất hợp lý là không tìm cách ngăn cản hay chặn đứng sự phát triển đó mà hướng nó vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước. Người viết: «Trong lúc mà chúng ta đang khổ sở nhiều nhất do nạn hoàn toàn thiếu sản phẩm, do tình trạng hoàn toàn nghèo nàn của chúng ta, thì thật là lố bịch nếu chúng ta lại sợ sự uy hiếp của cái chủ nghĩa tư bản phát triển trên cơ sở nền nông nghiệp thương phẩm nhỏ» (1).

Những lời nói trên của Lê-nin rất có ý nghĩa thời sự đối với thực tiễn cách mạng nước ta ngày nay đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Nghiên cứu đặc điểm của con người Việt nam đi từ sản xuất nhỏ

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 43, tr. 376.

Digitized by Google

lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải thấy rõ tính tự phát tư bản chủ nghĩa của nền sản xuất nhỏ, song chúng ta phải nắm vững chuyên chính vô sản, biết hướng nền sản xuất nhỏ đi vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước. Chúng ta phải biết phát huy những ưu điểm, đồng thời khắc phục những nhược điểm của con người sản xuất nhỏ Việt nam, như đã nói ở trên. Vấn đề quan trọng là phải quan tâm đến lợi ích của họ, đồng thời tăng cường giáo dục để đưa họ lên chủ nghĩa xã hội.

Giáo sư **TƯỢNG LAI**

SUY NGHĨ THÊM VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA CON NGƯỜI ĐI TỪ SẢN XUẤT NHỎ TIẾN THẲNG LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Từ sản xuất nhỏ, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, như Đảng ta đã chỉ ra, là « một quá trình biến đổi cách mạng toàn diện, liên tục, sâu sắc và triệt để » (1).

Xét đến cùng, những thành tựu mà chúng ta đã đạt được, cũng như những thiếu sót, khuyết điểm, những thất bại tạm thời trong những năm qua trên các lĩnh vực kinh tế – xã hội, đều do con người. Càng ngày chúng ta càng cần hiểu rõ hơn những mặt mạnh và mặt yếu của con người Việt nam đứng trước những thử thách của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Lảng tránh sự thật hoặc bi quan, dao động trước những bề bộn, ngổn ngang của thực trạng kinh tế – xã hội đều không phải là thái độ của người cộng sản. Trên tất cả mọi lĩnh vực của cuộc sống đều cần phải xét sự vật đến tận gốc rễ của nó. Ấy vậy mà « gốc rễ, đối với con người, chính là bản thân con người » (1).

Nói đến con người, chúng tôi không chỉ nói đến phẩm chất đạo đức mà chủ yếu muốn nói đến *năng lực thực tiễn*, của nó. Mác đã từng gọi lực lượng sản xuất là kết quả của năng lực thực tiễn của con người và cũng chỉ rõ rằng bản thân năng lực này được quyết định bởi những điều kiện sống, bởi những lực lượng sản xuất đã đạt được, bởi hình thái xã hội đã có trước họ, không phải do họ tạo ra mà là do thế hệ trước để lại.

Từ sản xuất nhỏ tiến thẳng vào chủ nghĩa xã hội, tức là từ xã hội cổ truyền bước vào hình thức cao của xã hội hiện đại, con người Việt nam truyền thống đứng trước những thử thách thật gay gắt. Những vốn liếng mà xã hội cổ truyền trang bị cho con người để họ bước vào xã hội hiện đại quả là còn ít ỏi và khập khiễng.

(1) Nghị quyết Đại hội IV, Nxb Sự thật, Hà nội, 1977, tr. 18.

(2) Mác–Ăng-ghen: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, t. 1, tr. 25.

Digitized by Google

Đương nhiên, chủ nghĩa xã hội không hề cắt đứt truyền thống, mà ngược lại có thừa kế, thanh lọc và nâng những tinh hoa của truyền thống lên một tầm cao mới.

Truyền thống phải chăng là sự lắng đọng tự nhiên của dòng sông lịch sử. Mà lịch sử thì luôn luôn là một chuỗi của những giai đoạn tạm thời trong sự phát triển vô cùng tận, từ thấp lên cao. Là cái được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, những giá trị truyền thống được mỗi thời đại chọn lọc, kế thừa và phát triển. Có nghĩa là, những giá trị truyền thống chỉ được thừa nhận là giá trị khi điều kiện xã hội của giai đoạn lịch sử mới vẫn còn đủ cho những giá trị đó tồn tại, khi những giá trị ấy vẫn còn đáp ứng được nhu cầu của sự vận động và phát triển của giai đoạn mới. Khi đề cao những mặt tốt đẹp của con người Việt nam truyền thống, tìm thấy những mặt mạnh cần khai thác và phát huy nhằm đáp ứng những yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới, không thể không thấy những mặt yếu, những hạn chế của con người truyền thống. Bởi lẽ, những hằng số vật chất — xã hội đã tạo nên những giá trị tinh thần truyền thống tốt đẹp cũng chính là cội nguồn của những mặt yếu kém của con người vốn là tác nhân đồng thời cũng là sản phẩm của lịch sử.

Từ xã hội của sản xuất nhỏ sang xã hội của sản xuất lớn, lại là sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, con người Việt nam của thời kỳ quá độ đang bị giằng co dữ dội giữa những quán tính của xã hội cổ truyền và sức hút mạnh mẽ của xã hội hiện đại. Nếu truyền thống là sự khẳng định cái đã có như là một kết quả về mặt thực tiễn cũng như về mặt tâm lý thì *cái đã có* vốn quen thuộc và có uy lực vì nó mang *tính ổn định*. Vì vậy, cái đã có dễ nuôi dưỡng trong con người một trạng thái cân bằng, chí ít là về mặt tâm lý. Đó là một sức nặng đáng sợ trì kéo con người, kìm hãm xu thế vươn tới phía trước, vươn tới cái mới. Đặc biệt là cái đã có của xã hội cổ truyền sản xuất nhỏ lạc hậu lại được trầm tích trong suốt một bề dày hàng nghìn năm của lịch sử trong một phương thức sản xuất đặc thù của phương Đông. Trong chiều dài hàng nghìn năm ấy ít có sự đổi mới về khoa học kỹ thuật trong sản xuất. Cái cày chìa vôi từ thời Lý vẫn còn phổ biến trên các cánh đồng châu thổ sông Hồng, sông Mã giữa thế kỷ 20 này. Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, xã hội Việt nam chưa trải qua một cuộc *cách mạng xã hội* theo đúng ý nghĩa đích thực của nó, cũng chưa trải qua một cuộc *cách mạng tư tưởng* thật sự để đổi mới tư duy, đổi mới lối sống.

Chưa trải qua sự phát triển tư bản, chủ nghĩa, trong lòng xã hội Việt nam chưa hình thành nổi một giai cấp tư sản mà để tồn tại, nó phải luôn luôn cách mạng hóa công cụ sản xuất, nghĩa là cách mạng hóa toàn bộ những quan hệ xã hội. Cũng vì vậy, xã hội Việt nam cổ truyền chưa từng chứng kiến sự đảo lộn liên tiếp của sản xuất, sự rung chuyển không ngừng có tính chất đặc trưng của thời đại tư sản. Nền kinh tế nông nghiệp của cái làng tiểu nông nhỏ hẹp và khép kín tự cung, tự cấp không sao chuyển nổi sang sản xuất hàng hóa đã tạo ra một hệ thống khép kín khiến cho nhân tố mới khó chọc thủng vào để mở một đột phá khẩu. Vì vậy, sự thủ cựu và dính dốn trong nền sản xuất xã hội kéo theo sự ì ạch, dẫm chân tại chỗ trong nhiều lĩnh vực của hoạt động xã hội đã kéo dài triền miên cho đến tận giữa thế kỷ này.

Điều cần đặc biệt lưu ý, xã hội sản xuất nhỏ lại là mảnh đất nuôi dưỡng hệ tư tưởng Nho giáo, một hệ tư tưởng để lại những di hại nặng nề trong đời sống tinh thần của xã hội. Nói thật sòng phẳng, hệ tư tưởng ấy chưa được xác định rõ ràng, dứt

Digitized by Google

khoát là đối tượng cần phê phán một cách kiên quyết để thanh toán đi trong cách mạng tư tưởng và văn hóa. Đó là một hệ tư tưởng lấy việc phục cổ làm chuẩn. Trong hệ tư tưởng ấy, các thể chế kinh tế – chính trị – xã hội đều bị phạm trù nhà chi phối, lấy mô hình gia đình mà mở rộng ra. Ở đây đạo đức được đưa lên hàng đầu, còn tài trí thì bị coi rẻ, và đạo đức ở đây chủ yếu cũng chỉ là đạo đức ứng xử nhằm giữ các mối quan hệ cho đúng, nhằm bảo đảm nguyên tắc tổ chức xã hội là từ ái, khiêm nhường, lấy hòa làm quý.

Nền sản xuất nhỏ và hệ tư tưởng Nho giáo dễ tạo nên tâm lý thích ổn định, ngại xê dịch, đổi mới. Nền ngoại thương – một nhân tố của sự đẩy mạnh sản xuất và đổi mới kỹ thuật – không sao phát triển nổi mặc dù bờ biển nước ta vốn có khá nhiều bến cảng. Trong cái « đất lề, quê thói » quen thuộc thì « cấy cày vốn nghiệp nông gia », tâm lý « trong nông, ức thương » vẫn giữ thế chủ đạo. Người ta ghét cảnh « gạo chợ, nước sông » ngay cả khi đã có nhu cầu trao đổi, buôn bán « nhất cận thị, nhị cận giang ». Tâm lý « trâu ta ăn cỏ đồng ta » ngăn chặn mọi sự đổi mới vươn xa, bóp chết những khát vọng giải phóng cá nhân để tự đặt mình vào những hoạt động mới, kích thích và phát huy năng lực sáng tạo. Người ta dễ bằng lòng với cái hiện có, dễ thỏa hiệp, ngại « rút dây động rừng », « sinh sự, sự sinh », tự an ủi « tránh voi chẳng xấu mặt nào » và chủ trương « một điều nhịn là chín điều lành ». Cung cách làm ăn và lề thói ứng xử đó dễ luyện cho con người lối suy nghĩ « năng nhặt, chặt bị » và khuyến khích sự « khéo tay hay làm », đề cao triết lý « trăm hay không bằng tay quen » mà xa lạ với sự mạnh dạn đổi mới. Lối suy nghĩ như vậy chỉ có thể dẫn tới chủ nghĩa kinh nghiệm chứ không vươn tới được lý luận và quy luật. Đã đề cao kinh nghiệm thì nhất định « ông bảy mươi phải hỏi ông bảy mốt », việc « sống lâu lên lão làng » là chuyện dĩ nhiên. Trật tự « lão quyền » là sản phẩm của một trình độ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp lạc hậu. Vốn tri thức làm giàu cho các thế hệ theo lối truyền nghề vẫn chỉ là con số cộng những kinh nghiệm được tích lũy theo chiều dài của thời gian không có đột biến, nhảy vọt. Có thể nói sự « bảo thủ trì trệ », « sự lạc hậu về nhận thức lý luận và vận dụng các quy luật... » (2) của chúng ta vừa qua chính là sản phẩm của một nền sản xuất nhỏ, phong kiến, lạc hậu.

Nghiêm khắc nhìn lại những mặt hạn chế của con người xã hội sản xuất nhỏ, chịu ảnh hưởng nặng nề của hệ tư tưởng Nho giáo, là một thái độ thực sự cầu thị, có trách nhiệm đối với nhu cầu cấp bách của sự đổi mới nhận thức, đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế. Đương nhiên, chúng ta nói đến con người không chỉ là con người nói chung, mà trước hết nhìn nhận con người trên bình diện kinh tế và xã hội. Tuy vậy, không thể không thấy một sự thật là, trong những điều kiện nào đó, các nhân tố kinh tế dường như không giữ được vai trò là tác nhân chủ yếu làm biến đổi xã hội, mà những tác nhân phi kinh tế lại giữ vai trò quan trọng đối với nhịp độ phát triển của xã hội. Những lúc đó, vai trò nhân tố con người càng trở nên nổi bật, là động lực số một của sự biến đổi về kinh tế và xã hội. Thế nhưng con người không tách rời điều kiện sống của họ, và trước sau vẫn là một sản phẩm của hoàn cảnh. Bởi vậy, con người – chủ thể của tiến trình xã hội từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa – không thể không mang dậm dấu ấn của sự phát triển đặc thù của lịch sử Việt

(3) Báo cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội VI, *Tạp chí Cộng sản* số 1-1987.

Digitized by Google

nam. Sự phát triển của những hình thái kinh tế—xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên, chúng ta không thể nào nhảy qua hoặc dùng sắc lệnh để xóa bỏ các giai đoạn phát triển tự nhiên đó mà chỉ có thể rút ngắn các giai đoạn đó mà thôi. Chúng ta chỉ có thể bỏ qua *tính tự phát* của quá trình tạo ra nền sản xuất lớn mà chủ nghĩa tư bản đã làm để tạo nên cái cốt vật chất của nền sản xuất lớn, chứ không thể không cần đến cái cốt vật chất ấy. Thời đại đã tạo ra những tiền đề để chúng ta có thể bỏ qua tính tự phát phải trả giá bằng những đoạn đường ngoằn ngoèo hàng mấy trăm năm đầy máu và nước mắt của quần chúng lao động, để chúng ta *tự giác* tạo ra cái cốt vật chất ấy bằng quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Cũng có nghĩa là, chúng ta không hề bỏ qua và không thể bỏ qua *giai đoạn phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn*, chúng ta chỉ rút ngắn và « làm giảm bớt con đau đẻ » của lịch sử bằng cách bỏ qua những tội ác của chủ nghĩa tư bản để đi theo một con đường thẳng, tuân thủ cái lô gích tự nhiên của quá trình phát triển các hình thái kinh tế—xã hội bằng cách tự giác tạo ra nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Nói *tự giác*, có nghĩa là, do nhận thức được quy luật phát triển tự nhiên của lịch sử, con người có thể chủ động hướng hành động của mình phù hợp với quy luật, chủ động thúc đẩy quy luật phát triển. Chính vì vậy chúng ta càng phải nghiêm khắc và tỉnh táo nhìn nhận sự trả giá cho việc rút ngắn con đường của lịch sử, tránh tư tưởng chủ quan, nóng vội, muốn bỏ qua những bước đi cần thiết và coi thường quy luật khách quan. Là chủ thể của giai đoạn lịch sử đầy những biến động của bước ngoặt cơ bản, con người Việt nam hôm nay càng phải dũng cảm nhìn lại những mặt yếu của mình để rũ bỏ cái cũ, vươn tới cái mới, theo kịp trào lưu chung của thời đại.

Con người mới đang hình thành trong quá trình phát triển tự nhiên của lịch sử, ngày ngày phải tự trở thành mới trong hoạt động thực tiễn.

■

KHỔNG DOÃN HỢI

NHU CẦU VÀ TÍNH TÍCH CỰC CỦA CON NGƯỜI

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên, Nghị quyết Đại hội VI đã nhấn mạnh nhiệm vụ « xây dựng và tổ chức thực hiện một cách thiết thực và có hiệu quả các chính sách xã hội ». Đó là một biểu hiện mới trong tư duy kinh tế đối lập với tư duy kinh tế đơn thuần trước đây, bởi lẽ « *coi nhẹ chính sách xã hội cũng là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc* (Nghị

Digitized by Google

quyết Đại hội thứ VI của Đảng — KDH nhấn mạnh).

Chưa bao giờ vấn đề nhân tố con người lại được đặt ra một cách nghiêm túc, cấp thiết như hiện nay, khi quá trình đổi mới về mọi mặt, quá trình cải tổ bắt đầu diễn ra, mà thực chất của đổi mới, cải tổ — như cách diễn đạt của M.X. Goóc-ba-trốp — là tạo điều kiện để mỗi người cảm thấy mình làm chủ đất nước (xem *Nhân dân*, số ra ngày 27-10-1986). Nói cách khác, đó là quá trình phát huy mọi khả năng của con người.

Từng bước làm rõ nhân tố con người trong sự nghiệp cách mạng ở nước ta hiện nay, đặc biệt là trong xây dựng kinh tế, có ý nghĩa to lớn. Vấn đề càng có ý nghĩa cấp bách trong tình hình kinh tế — xã hội đang có nhiều khó khăn như hiện nay: không tích cực hóa được nhân tố con người thì không thể nào đưa nền kinh tế nước ta ra khỏi những khó khăn to lớn, kéo dài như hiện nay. Bởi lẽ, theo Mác, sự phát triển sản xuất của mọi cá nhân là của cải thật sự của mọi xã hội, và lịch sử chẳng qua chỉ là hoạt động của con người theo đuổi các mục đích của mình. Chính hoạt động của con người, tính năng động, sự lành nghề, thói quen làm việc, thái độ đối với kỹ thuật, vật tư, thiết bị, mối quan hệ với đồng nghiệp, với cấp trên của họ, xét đến cùng là nhân tố quyết định thành bại của công việc, dù việc lớn hay việc nhỏ.

Để tích cực hóa nhân tố con người, phải tính đến quy luật, xu hướng, mâu thuẫn trong sự phát triển và phát huy tính tích cực xã hội của con người, phải kết hợp với toàn bộ cơ chế nâng cao tính tích cực xã hội — chính trị của công dân. Tích cực hóa nhân tố con người là kết quả của sự tổng hòa các biện pháp kinh tế, chính trị, xã hội...

Trong quản lý kinh tế, tích cực hóa nhân tố con người nghĩa là tác động vào con người lao động, phát huy tính tích cực kinh tế của người lao động, sao cho người lao động có thể đạt tới mục tiêu kinh tế đề ra trên cơ sở thái độ tự giác, chủ động, sáng tạo của mình đối với lao động xã hội, nâng cao tính hiệu quả trong lao động của mình.

Tính tích cực kinh tế của người lao động thể hiện không phải trên lời nói mà bằng việc làm, bằng hành động thực tiễn. Thế nhưng để đi tới hành động tích cực trong sản xuất, kinh doanh, phục vụ, con người phải trải qua một hệ thống ứng xử bắt đầu từ sự nhận thức hoàn cảnh xã hội và tự nhiên, đến các nhu cầu vật chất, văn hóa, đến các nhu cầu được nhận thức dưới hình thức lợi ích, mục đích, nguyện vọng, mong muốn..., đến động cơ rồi mới đến quyết định hành động. Hành động chính là sự thực hiện mục tiêu, thỏa mãn nhu cầu. Nhân tố chính của ứng xử là các nhu cầu.

Do vậy, cơ chế quản lý kinh tế tối ưu là cơ chế tác động mạnh mẽ đến người lao động làm cho *thái độ và hành động của con người phù hợp với đòi hỏi của xã hội, của tổ chức*.

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin coi *nhu cầu của con người* là nhân tố trung tâm chủ yếu kết hợp được trong con người sự quyết định khách quan với sự quyết định chủ quan bên trong của mỗi người. Các nhu cầu được ý thức sẽ tạo ra mục tiêu tự giác trực tiếp hướng dẫn hành động của con người. Chúng ta không coi nhẹ vai trò quan trọng của sức mạnh các tư tưởng đối với hành vi của con người, song chỉ có những lý luận phản ánh các nhu cầu của quần chúng mới chinh phục được đông đảo quần chúng. Nhu cầu là cái kết hợp làm một chủ quan và khách quan, lãnh đạo và bị lãnh đạo, chủ thể quản lý và đối tượng quản lý. Sự tồn tại các nhu cầu đem lại thái độ tích cực của con người tìm cách thỏa mãn các nhu cầu đó.

Digitized by Google

Cũng do vậy, *việc kích thích hoạt động của con người, tích cực hóa nhân tố con người không có gì khác hơn là quan tâm đến các lợi ích và nhu cầu của con người, tìm cách thỏa mãn những nhu cầu ấy*, tuy rằng không thể xem nhẹ và cần phải kết hợp cả với việc động viên tinh thần.

Những năm gần đây phải chăng chúng ta đang có cái mới trong cách tiếp cận người lao động, trong thái độ của xã hội đối với địa vị và tầm quan trọng của họ trong xã hội và trong sự phát triển xã hội, đối với những thành tích của họ trong cuộc sống, đối với những yêu cầu và nhu cầu của họ? Cách tiếp cận ấy về thực chất không mới lạ. Cái mới là phải trải qua nhiều năm, nhiều thăng trầm thậm chí khủng hoảng, người ta mới nhận rõ ra chân lý rất đơn giản rằng con người hoạt động sản xuất không phải vì nhu cầu của mình thì còn vì cái gì? Làm sao có thể tích cực hóa được nhân tố con người nếu như cuộc sống ngày càng khó khăn? tiền lương thực tế ngày càng giảm?

Từ cách tiếp cận ấy, vấn đề đặt ra là vì sao cơ chế quản lý của chúng ta chưa phát huy được mạnh mẽ nhân tố con người và làm gì để có thể tích cực hóa được nhân tố con người?

Về đại thể câu trả lời đã rõ ràng. Song cần phải phân tích cụ thể hơn để tìm biện pháp giải quyết những vấn đề *bên trong và bên ngoài cơ chế quản lý kinh tế* (cơ chế quản lý kinh tế được hiểu theo nghĩa hẹp).

Về nhân tố bên trong, nghị quyết 8 của BCHTƯĐ (khóa V) đã chỉ ra rõ ràng những gì là trở ngại. Ở đây chỉ xin đề cập thêm hai vấn đề. *Một là*, việc đổi mới bộ máy quản lý để thực hiện cơ chế quản lý mới cần tiến hành càng nhanh càng có lợi, nhưng việc thực hiện những biện pháp cụ thể để khắc phục những trở ngại trước đây không thể nôn nóng, vội vàng. Việc giải quyết vấn đề giá, lương, tiền vừa qua là một kinh nghiệm. *Hai là*, việc đổi mới bộ máy quản lý cùng các biện pháp, chính sách kinh tế v.v. cần quán triệt tinh thần khuyến khích mở rộng và phát triển sản xuất và trao đổi.

Nói bên ngoài trước hết và chủ yếu là nói đến *hệ thống quyết định kinh tế chiến lược bao gồm mục tiêu và biện pháp kinh tế chiến lược mang tính giai đoạn*.

Mục tiêu kinh tế chính là sự biểu hiện ở dạng khái quát nhất nhu cầu xã hội và việc thỏa mãn nhu cầu vật chất trong một giai đoạn lịch sử nhất định.

Nếu thỏa mãn nhu cầu xã hội là mục đích thì phát triển sản xuất chỉ là phương tiện. Không nên coi thỏa mãn nhu cầu là thuộc phạm trù tiêu dùng để rồi coi phát triển sản xuất là mục tiêu thứ nhất. Nhu cầu sẽ không có tác dụng tích cực hóa nhân tố con người mạnh mẽ nếu nhu cầu ấy không được định lượng hóa. Sản xuất, phát triển sản xuất không phải vì những nhu cầu trừu tượng, viển vông. Khi nhu cầu không cụ thể hóa được bằng những con số thì kết cấu kinh tế có thể đi chệch hướng, sự tích cực hóa nhân tố con người thiếu tính hướng đích cụ thể, sẽ bị phân tán, rốt cuộc việc thỏa mãn nhu cầu, thực hiện mục tiêu cũng không đạt được.

Kinh nghiệm của các nước anh em đáng để cho ta suy nghĩ.

Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức đã rút ra kết luận rằng, nếu mức sống chỉ tăng có 3% thì ảnh hưởng đối với việc tăng năng suất lao động xã hội hầu như không có. Như thế cũng có nghĩa là mức tăng ấy không tác động gì mạnh mẽ đến tính tích cực kinh tế của người lao động.

Kinh nghiệm các nước cũng chỉ ra rằng không phải hễ cứ tăng việc thỏa mãn nhu cầu là đã đẩy được nhân tố con người lên. Bởi lẽ một mặt, cần phải xem xét nhu cầu hợp lý hay

Digitized by Google

chưa, mặt khác, việc thỏa mãn nhu cầu có vượt quá khả năng kinh tế của đất nước hay không và sau đó còn có thể tiếp tục tăng lên được nữa không. Mức sống được nâng cao rồi sau bị chững lại (chưa nói gì đến tụt xuống) sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Do vậy Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức đi tới chủ trương cần phải giải quyết vấn đề như thế nào để cho người lao động cảm thấy cuộc sống luôn luôn được cải thiện và ngày càng được cải thiện.

Kinh nghiệm có thể khác nhau, song cái giống nhau là ở sự định lượng nhu cầu thiết yếu.

Chúng ta chưa có hệ thống định lượng mục tiêu có căn cứ kinh tế, khoa học. Dành rằng đây là một công tác khó khăn, cực kỳ khó khăn đối với chúng ta vì tiềm năng ta chưa nắm bắt được đầy đủ. Thế nhưng đó lại là một công tác không thể né tránh, hơn nữa là công tác phải có trước, là giấy thông hành cho mọi hoạt động kinh tế cũng giống như việc gỡ rối một cuộn dây đòi hỏi phải lần ra cho bằng được cái nút đầu tiên. Không thể sống mãi bằng ý nghĩ « vừa thiết kế, vừa thi công ». Với ý nghĩ ấy làm sao mà thi công có hiệu quả được.

Tính cụ thể của mục tiêu cần được gắn chặt với tính hiện thực, tính giai đoạn của nó.

Có tính hiện thực có nghĩa là phù hợp với yêu cầu và khả năng trong từng điều kiện lịch sử cụ thể. Đó là tính lịch sử — cụ thể của mục tiêu, của sự thỏa mãn nhu cầu. Mục tiêu kinh tế không thể xuất phát từ nguyện vọng chủ quan. Chúng ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Mục tiêu đó chỉ có thể là *ổn định được mọi mặt tình hình kinh tế — xã hội, tiến lên có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân với mức độ cần thiết để mở rộng sự nghiệp công nghiệp hóa.*

Sự ước lượng thời gian phải trải qua để kết thúc một chặng đường không thể thay thế cho những chỉ tiêu cần thiết phải vượt qua. Có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân là mục tiêu phải đạt tới để chuyển giai đoạn (chặng đường), còn ổn định tình hình, cân đối sản xuất, tiêu dùng là nhiệm vụ phải vượt qua.

Vậy theo chúng tôi, mục tiêu kinh tế mà chặng đường đầu tiên phải đạt được là *có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân*, nghĩa là trong thu nhập quốc dân phải đạt được một tỷ trọng nhất định sản phẩm thặng dư, nghĩa là vấn đề thời gian lao động tất yếu trên phạm vi toàn xã hội đã chấm dứt trước đó một số năm nhất định.

Trạng thái kinh tế mà chúng ta đang sống là một trạng thái mất cân đối nghiêm trọng giữa thu và chi, sản xuất và tiêu dùng. Tuy hiện nay, mức sống của nhân dân lao động nước ta còn thấp, song phải thấy rõ rằng chúng ta đang tiêu dùng quá mức làm ra được. Nghĩa là chúng ta vẫn chưa giải quyết xong sản phẩm tất yếu trên phạm vi toàn xã hội. Muốn giải quyết vấn đề này phải có một thời gian nhất định và đòi hỏi phải phân chia chặng đường đầu tiên thành những chặng nhỏ, những kế hoạch 5 năm và tương ứng với chúng là các nhiệm kỳ đại hội. Mỗi đại hội phải giải quyết một bộ phận mục tiêu *theo một trật tự nhất định*. Hiện nay, trước hết là ổn định tình hình kinh tế — xã hội. Nền kinh tế chỉ có thể « cất cánh » sau khi đã tạo ra được sự « thăng bằng ».

Mục tiêu kinh tế là yếu tố quyết định để phát huy nhân tố con người. Song nếu không có biện pháp kinh tế thích ứng thì vai trò của mục tiêu, cho dù cụ thể và hiện thực bao nhiêu, cũng mới chỉ là khả năng.

Với mục tiêu kinh tế của cả chặng đường đầu tiên như trên, thì hiện nay, trong những năm trước mắt, ngành sản xuất phải được ưu tiên là nông nghiệp chứ chưa thể ưu tiên cho

Digitized by Google

công nghiệp nặng dù sự ưu tiên ấy hợp lý như thế nào. Không thể ưu tiên phát triển công nghiệp nặng không có nghĩa là không xây dựng các xí nghiệp công nghiệp nặng. Việc xây dựng công nghiệp nặng ở đây chủ yếu và trước hết được coi là một thành tố trong cấu trúc của sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu và là tiền đề tạo ra tính liên tục cho sự phát triển. Không nên cho rằng vì có nguồn viện trợ bên ngoài mà có thể phát triển công nghiệp nặng độc lập với khả năng kinh tế bên trong. Trong điều kiện kinh tế nhất định, việc xây dựng như thế đã thu hút khá nhiều vật tư, lao động, tài chính lẽ ra phải dùng cho một phương hướng hiện thực hơn. Không phải trong bất cứ tình hình nào việc xây dựng nhiều xí nghiệp cũng có thể giảm bớt khó khăn cho nền kinh tế.

Khi sản xuất nông nghiệp được coi là mặt trận hàng đầu thì không lẽ gì nông dân (đặc biệt là ở vùng sản xuất lương thực, nông sản xuất khẩu), thợ thủ công, những người lao động trong ngành tiểu công nghiệp, những người có mối liên hệ thẳng và trực tiếp nhất với sản xuất nông nghiệp lại không được coi là những đối tượng trước tiên cần phải tác động bằng mọi cách để phát huy tính tích cực của họ. Nghĩa là phải ưu tiên tạo điều kiện cho những người lao động đó phát triển mạnh mẽ sản xuất, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa, phải *ưu tiên thỏa mãn nhu cầu của họ*. Làm khác đi sẽ không thể cải thiện được đời sống của các bộ phận dân cư còn lại, kể cả giai cấp công nhân. Đời sống của cán bộ, công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang hiện nay là mặt gương phản chiếu cả nhu cầu có khả năng thanh toán của nông dân lẫn chính sách thỏa mãn nhu cầu của họ. Lương thực, thực phẩm là từ sản xuất nông nghiệp mà ra.

Tóm lại, nhu cầu là yếu tố cơ bản kích thích tính tích cực kinh tế của người lao động. Quan tâm thỏa mãn nhu cầu của họ là biện pháp cơ bản để tích cực hóa nhân tố con người. Nhu cầu bao giờ cũng cụ thể và hiện thực, do vậy mục tiêu phấn đấu bao giờ cũng phải cụ thể, hiện thực và được thực hiện theo một trật tự nhất định. Có như vậy mới phát huy được mạnh mẽ nhân tố con người.

■

PHAN HIỀN

CON NGƯỜI VIỆT NAM VỚI KỶ CƯƠNG QUẢN LÝ KINH TẾ, XÃ HỘI THEO PHÁP LUẬT

CON người Việt nam vốn có truyền thống tốt đẹp, trải qua quá trình cách mạng vẻ vang đã rèn luyện bản lĩnh vững vàng và những phẩm chất cao quý. Con người Việt nam là con người yêu nước nồng nàn, căm

Digitized by Google

ghét áp bức bóc lột, dũng cảm và kiên cường, quyết chiến quyết thắng mọi kẻ thù xâm lược, sẵn sàng hy sinh tất cả vì độc lập tự do, đoàn kết, tương trợ, đùm bọc lẫn nhau, nhất là trong những lúc khó khăn, có thiên tai địch họa. Con người Việt nam cũng là con người lao động cần cù, yêu chủ nghĩa xã hội và có tinh thần quốc tế cao cả, biết quý trọng lẽ phải, yêu công lý và công bằng xã hội. Tất cả những giá trị đạo đức và truyền thống dân tộc tốt đẹp của con người Việt nam đang được thế hệ chúng ta ngày nay kế thừa và vun đắp cho cả mai sau.

Song con người Việt nam, do chịu ảnh hưởng của nền sản xuất nhỏ lâu đời, cho nên còn mang nhiều nhược điểm về mặt ý thức, tâm lý, phong cách, tập quán, lối làm ăn, sinh sống. Những nhược điểm này cộng với ảnh hưởng của những tư tưởng phi vô sản khác đã tạo nên sức ỳ, sức cản to lớn trong quá trình cải tạo, xóa bỏ những cái cũ và xây dựng những cái mới của chủ nghĩa xã hội, nhất là trong chặng đường đầu tiên hiện nay với một nền kinh tế còn nhiều thành phần và tình hình kinh tế, xã hội diễn biến phức tạp. Trong những người lao động thuộc giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa, các lực lượng vũ trang, có nhiều người đang phấn đấu phát huy những phẩm chất tốt đẹp, rèn luyện bản thân mình về nhiều mặt để có thể cống hiến nhiều hơn cho xã hội, trở thành những con người làm chủ đất nước. Song mấy năm gần đây, một bộ phận người lao động, do thiếu vững vàng về chính trị, tư tưởng và đạo đức, đã thoái hóa, biến chất, đi vào con đường tiêu cực: đầu cơ, buôn lậu, tham ô...; một số giá trị đạo đức đã được đây công xây dựng bị xói mòn. Do việc cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý kinh tế bị buông lỏng một thời gian, sở tư thương phát triển mạnh và những hoạt động vô tổ chức của họ đã tác động xấu đến thị trường và giá cả. Bọn phạm tội, phạm pháp ráo riết hoạt động, chiếm đoạt một bộ phận không nhỏ tài sản của Nhà nước và của nhân dân, gây tác hại lớn đến sản xuất, đời sống và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Bọn chúng hưởng thụ bất hợp pháp một phần đáng kể thu nhập quốc dân, coi thường pháp luật nhà nước và công lý xã hội. Nhìn chung, tâm lý xã hội có những diễn biến không tốt, dễ bị tác động tiêu cực trước những khó khăn về kinh tế và sự phá hoại của địch về nhiều mặt.

Trong tình hình kinh tế, xã hội phức tạp như vậy, nghiên cứu, phân tích sâu sắc và toàn diện nhân tố con người Việt nam trên cơ sở khoa học và thực tiễn quả là công việc không giản đơn. Việc phân tích kỹ nhân tố con người đó dưới giác độ của nhiều ngành khoa học, của nhiều ngành quản lý nhà nước có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn trong sự định hướng, mục tiêu và biện pháp phát huy nhân tố con người trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Ở đây, chúng tôi chỉ tập trung phân tích hai vấn đề: vì sao nhân tố con người chưa được phát huy đúng tầm trong việc quản lý kinh tế, xã hội theo pháp luật; cần có những biện pháp gì để xây dựng con người mới sống có kỷ cương, làm việc vì chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

1 — Về mấy nguyên nhân hạn chế việc phát huy nhân tố con người trong quản lý kinh tế, xã hội theo pháp luật.

Con người không thể tách mình khỏi xã hội, không thể tồn tại bên ngoài các quan hệ xã hội. Như Mác đã nói: " Trong sự sản xuất xã hội ra đời sống của mình, con người ta có những quan hệ nhất định, tất yếu, không tùy thuộc vào ý muốn của họ — tức những quan hệ sản xuất, những quan hệ này phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của các lực

Digitized by Google

lượng sản xuất vật chất của họ. Toàn bộ những quan hệ sản xuất ấy hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội, tức là cái cơ sở hiện thực, trên đó xây dựng lên một cấu trúc thượng tầng pháp lý và chính trị, và tương ứng với cơ sở thực tại đó thì có những hình thái ý thức xã hội nhất định» (1). Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội. Bản chất của con người bộc lộ trong các quan hệ xã hội đó. Phải qua hành vi, hành động tham gia vào những quan hệ xã hội khách quan mới đánh giá đúng bản chất của con người, thấy rõ nhân tố con người trên từng mặt quan hệ. Chúng ta có thể phân tích, trong những mối quan hệ xã hội nào và khi nào thì người nông dân vừa là người lao động chân chính, vừa là người buôn bán nhỏ thực thụ hoặc ít nhiều là như vậy. Nguyên nhân làm cho người nông dân hành động dầu cơ, buôn bán nhỏ không chỉ có nguồn gốc kinh tế sâu xa, mà còn do cả tâm lý, nhận thức tư tưởng chính trị, trình độ hiểu biết văn hóa và pháp luật, và cũng có phần do cơ chế điều chỉnh chưa hợp lý của pháp luật hiện hành gây nên. Chẳng hạn, khi nhận được hàng đổi lưu của Nhà nước theo con đường hợp pháp, nhưng hàng đó không thật sự cần thiết cho nhu cầu thực tế của mình, người nông dân buộc phải bán ra thị trường tự do, hoặc là khi không nhận được kịp thời vật tư, phân bón phục vụ cho sản xuất theo quy định, người nông dân lại buộc phải mua những thứ đó trên thị trường tự do với giá cả biến động thường xuyên. Như vậy, ngoài các nguyên nhân khác, còn có nguyên nhân pháp lý, do cơ chế điều chỉnh và thực hiện pháp luật chưa đồng bộ và chặt chẽ, thúc đẩy động cơ, ý thức, tâm lý tiểu thương phát triển trong con người nông dân.

Rõ ràng, dù có ý thức hay vô ý thức, con người tất yếu phải tham gia vào những quan hệ xã hội nhất định được pháp luật điều chỉnh và quy định khuôn khổ, phạm vi, mức độ, phương hướng, nội dung xử sự cần có trong những quan hệ đó. Trong chủ nghĩa xã hội, không có một quan hệ xã hội nào không gắn liền với sự ràng buộc và tôn trọng quyền hạn và lợi ích của người khác. Khuôn khổ của các quan hệ xã hội chủ nghĩa là tổng hòa các nguyên tắc, quy tắc chính trị, kinh tế, xã hội, tư tưởng, đạo đức, pháp luật..., bảo đảm cho mỗi người đều làm việc theo năng lực, hưởng theo lao động, gắn liền quyền hạn và lợi ích với nghĩa vụ và trách nhiệm trước xã hội và tập thể, kết hợp hài hòa lợi ích xã hội, lợi ích tập thể với lợi ích cá nhân người lao động, thực hiện đạo lý «mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người», tất cả đều do dân và vì dân.

Khi thực hiện vai trò xã hội, quyền hạn và nghĩa vụ của mình trong các quan hệ xã hội, con người nói chung và mỗi người nói riêng càng có điều kiện cải tạo bản thân, rèn luyện ý thức tự chủ và tự quản, thúc đẩy quá trình xã hội hóa cá nhân, phát huy những yếu tố tích cực tiềm tàng trong bản thân mình. Mặt khác, các quan hệ xã hội chủ nghĩa, trong đó có các quan hệ pháp luật được hoàn thiện thường xuyên, kịp thời thì càng phát huy tác dụng tích cực đối với việc xây dựng và phát triển nhân cách của con người mới xã hội chủ nghĩa. Muốn có con người mới có kỷ cương và lối sống mới, tất yếu phải có pháp luật ngày càng hoàn thiện.

Xem xét thực tiễn quản lý kinh tế — xã hội theo pháp luật thời gian qua, chúng ta có thể thấy mấy nguyên nhân chủ yếu đã và đang hạn chế việc phát huy nhân tố con người của chúng ta.

1 — Nền sản xuất nhỏ phổ biến của chúng ta với lối làm ăn phân tán, lẩn mạn, với những người lao động còn

(1) Mác — Ăng-ghen: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, t. II, tr. 637.

Digitized by Google

nặng ốc tư hữu nhỏ, cùng những thiếu thốn và mất cân đối gay gắt về kinh tế.

2 — Chậm đổi mới tư duy chính trị, tư duy kinh tế và tư duy pháp lý cho phù hợp với tình hình, hoàn cảnh mới trong cả con người quản lý và con người thuộc đối tượng quản lý. Chẳng hạn, do một số không ít cán bộ quản lý kinh tế hiện nay có tư duy chính trị không đúng, đã phát sinh tư tưởng chập chờn trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, tư tưởng kinh doanh đơn thuần chạy theo lợi nhuận, tách rời vấn đề kinh tế khỏi vấn đề xã hội, coi trọng lợi ích sản xuất mà xem nhẹ lợi ích con người lao động, dẫn tới buông lỏng chuyên chính vô sản, buông lỏng cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Tư duy kinh tế theo lối quản lý tập trung quan liêu, bao cấp và theo lối khuôn mẫu cũng đã dẫn đến tư tưởng ỷ lại, trông chờ bao cấp, tư tưởng bảo thủ, trì trệ, lối làm ăn bằng bất cứ giá nào, không cần tính toán hiệu quả kinh tế, không cần chú ý đến vấn đề con người, vấn đề xã hội trong quản lý kinh tế và quản lý sản xuất, kinh doanh. Tư duy pháp lý chậm đổi mới cũng là một nguyên nhân quan trọng hạn chế sự phát triển nhân tố con người. Vẫn còn tồn tại nặng quan điểm pháp luật đơn thuần, tách rời pháp luật khỏi chính trị, kinh tế, xã hội; vẫn còn nhiều người chưa thấy hết sự cần có pháp luật trong quản lý kinh tế, xã hội, chưa thấy rõ vai trò và tác dụng thực tiễn của pháp luật trong việc ổn định, lành mạnh hóa, thúc đẩy kinh tế và xã hội phát triển và bảo vệ vững chắc thành quả kinh tế đã đạt được. Vẫn còn lối xây dựng pháp luật và pháp quy không cần biết thực tế sẽ thực hiện ra sao, không cần tính đến những hậu quả kinh tế, xã hội, pháp lý sẽ phát sinh, không cần điều tra, tổng kết thực tế. Cái đáng nói nữa trong tư duy pháp lý hiện nay là thiếu quan điểm, phương pháp tư duy chiến lược, đồng bộ và có hệ thống, cũng như ốc khoa học và ốc thực tế, dẫn đến tình trạng lúng túng, vướng mắc trong việc định hướng chiến lược xây dựng và phát triển hệ thống pháp luật.

3 — Cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, tình trạng buông lỏng kỷ luật và pháp luật nhà nước trên nhiều mặt và nhiều lĩnh vực, cũng hạn chế việc phát huy vai trò của con người. Pháp luật, nhất là pháp luật kinh tế chậm thay đổi cho phù hợp với tình hình mới, chưa phát triển đồng bộ và thành hệ thống để điều chỉnh kịp thời các quan hệ xã hội, đưa mọi người đi vào kỷ cương cần thiết. Mặt khác, chúng ta còn thiếu một bộ máy năng động và có hiệu lực bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật. Những hành động phạm tội, tham nhũng và phạm pháp khác chưa được phát hiện, điều tra, truy tố và trừng trị đích đáng. Sự nghiêm minh của pháp chế xã hội chủ nghĩa, công lý xã hội và công bằng xã hội chưa được thể hiện đầy đủ.

4 — Chưa sử dụng đồng bộ các biện pháp chính trị, kinh tế, hành chính, tổ chức, pháp luật, giáo dục tư tưởng trong việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Chưa có ốc biện pháp có hiệu lực để khắc phục một cách bền bỉ và liên tục tàn dư của tiểu sản xuất, sức mạnh to lớn của tập quán sản xuất nhỏ, thói bảo thủ, trì trệ, phân tán trong từng loại con người cụ thể. Còn xem nhẹ việc giáo dục đạo đức, kỷ luật và lối sống lành mạnh.

Có khắc phục những nguyên nhân nói trên mới có thể phát huy nhân tố con người đáp ứng đòi hỏi của tình hình và nhiệm vụ mới.

II — Những biện pháp cần thực hiện để xây dựng con người mới sống có kỷ cương, làm việc vì chủ nghĩa xã hội.

1. Ngay hiện nay và trong những năm trước mắt, phải đổi mới quản lý,

Digitized by Google

xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất, kinh doanh năng động và có kỷ cương, làm việc vì chủ nghĩa xã hội, trừ diệt cho được nạn tham nhũng và nạn đầu cơ, buôn lậu. Đó là việc làm cấp bách để từng bước ổn định tình hình kinh tế, xã hội. Những cán bộ sử dụng bất hợp pháp tài sản của Nhà nước và xã hội để phục vụ lợi ích riêng, cục bộ, bọn biến chất, thoái hóa, sa đọa, bọn ăn cắp, ăn hối lộ, móc ngoặc, lợi dụng chức quyền để xà xẻo, xâm phạm tài sản của Nhà nước và của nhân dân cần phải được các cơ quan có trách nhiệm phát hiện kịp thời và trừng trị đích đáng.

Kỷ cương quản lý nhà nước, công lý xã hội và công bằng xã hội đang và sẽ tiếp tục đòi hỏi các cơ quan nhà nước phải hành động kiên quyết, nhất quán và có hiệu lực, làm cho pháp luật xã hội chủ nghĩa được thi hành nghiêm minh và tỏ rõ hiệu lực trong cuộc sống. Đó chính là một điều kiện rất quan trọng phát huy nhân tố con người trong tình hình hiện nay.

2. Thực hiện kiên trì, liên tục việc đổi mới tư duy, cả tư duy chính trị, tư duy kinh tế và tư duy pháp lý. Ở đây, ngoài nỗ lực nhiều mặt của mỗi người để nâng cao trình độ văn hóa, trình độ hiểu biết và năng lực công tác thực tiễn, cần có sự giúp đỡ, khuyến khích, tác động của Nhà nước, của tập thể và mọi người. Trên cơ sở đổi mới tư duy chính trị, kinh tế và pháp lý, cần đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các loại, cải tiến giáo dục để xây dựng những con người mới hiểu biết nhiều mặt và có năng lực hành động.

3. Đẩy nhanh việc xây dựng và thường xuyên chăm lo và hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế mới. Cơ chế đó vừa vận dụng các quy luật kinh tế và xã hội khách quan của chủ nghĩa xã hội sát hợp với đặc điểm từng chặng đường của thời kỳ quá độ ở nước ta, vừa vận dụng thích hợp các quy luật phát triển nhà nước và pháp luật của chúng ta trong tình hình mới, bảo đảm kết hợp hài hòa chính sách kinh tế với chính sách xã hội, coi trọng nhân tố con người trong mọi hoạt động thực tiễn của Nhà nước và xã hội.

4—Nghiên cứu và thực hiện cơ chế tác động phối hợp các yếu tố kinh tế, kỹ thuật, tổ chức, pháp luật và tư tưởng trong việc giáo dục con người mới, xây dựng lối sống lành mạnh, có kỷ cương xã hội chủ nghĩa. Cần chú trọng tuyên truyền giáo dục sâu rộng pháp luật trong cán bộ và nhân dân, đặc biệt là đối với cán bộ quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, đồng thời chú ý phát huy vai trò giáo dục con người mới của các đoàn thể quần chúng và các tập thể lao động.

Bằng nhiều biện pháp đồng bộ và tích cực, thực hiện thường xuyên một cách có kế hoạch và có mục tiêu, nhất định chúng ta sẽ từng bước xây dựng được con người mới sống có kỷ cương, làm việc vì thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Digitized by Google

Giáo sư **ĐẶNG NGHIÊM VẠN**

HÃY LƯU Ý ĐẾN NHÂN TỐ CON NGƯỜI TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG MIỀN NÚI

TRONG các chế độ chính trị xã hội khác nhau, giai cấp cầm quyền đều quan tâm đến việc xây dựng một khuôn mẫu người tương ứng với chế độ ấy.

Khác về bản chất so với các chế độ bóc lột, chế độ xã hội chủ nghĩa thật sự quan tâm đến con người, đặt đúng vị trí và phát huy vai trò của nhân tố con người trong xã hội. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội VI của Đảng đã khẳng định điều này, nhất là trong phần chính sách xã hội. Song xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, phát huy nhân tố con người trong chủ nghĩa xã hội là công việc khó khăn, phức tạp, lâu dài. Ở nước ta trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, cơ sở vật chất kỹ thuật còn thấp, đời sống nhiều nơi còn chưa ổn định, thì việc đó lại càng khó khăn gấp bội. Nó đòi hỏi mọi người chúng ta những hy sinh và những cố gắng to lớn: hy sinh xương máu chống kẻ thù của nhân dân và dân tộc và nhất là lao động quên mình, sáng tạo thông minh để *xóa bỏ tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, nhanh chóng vươn kịp với thời đại, đưa đất nước đến giàu có và hùng cường trong một xã hội không còn tình trạng người bóc lột người, mọi người đều sống bằng lao động của mình và có vị trí, vai trò xứng đáng*.

« Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước kết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa* » (1). Trên chặng đường đầu của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, con người xã hội chủ nghĩa phải là con người giác ngộ quyền lợi của giai cấp, của dân tộc, nối gót những thế hệ ông cha, dám hy sinh, lao động quên mình bằng trí óc và chân tay để đưa đất nước chịu hậu quả nặng nề của mấy mươi năm chiến tranh và đến nay vẫn chưa im tiếng súng, đi dần vào thế ổn định; dám đi vào những nơi khó khăn, đảm đương những nhiệm vụ mới mẻ, đầy gian khổ và phức tạp.

Miền núi chính là nơi thử thách đối với thế hệ hiện nay. Có vị trí chiến lược rất quan trọng về kinh tế, chính trị và quốc phòng, miền núi hứa hẹn một tương lai tốt đẹp cho những người khai phá, cho đất nước. Hàng triệu người hiện nay đang lao động tại đó, trên các công, nông, lâm trường, các hầm mỏ, trường học, ở nông thôn miền núi, ở những miền hẻo lánh trong những điều kiện vật chất, văn hóa còn thiếu thốn. Hàng triệu người kế tiếp sẽ lấy miền núi làm quê hương mới. Cho dù có cố gắng bao nhiêu, trong lúc này, Đảng và Nhà nước vẫn chưa thể tạo đủ điều kiện cho những con người tiền phong

(1) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t. II, tr. 209.

Digitized by Google

đó, mà vẫn phải đòi hỏi ở họ, những người con thân yêu của Tổ quốc, tinh thần hy sinh cao cả, phẩm chất xã hội chủ nghĩa trong sáng, lòng say mê lao động vì lý tưởng của mình.

Trong phạm vi có thể, Đảng, Nhà nước và toàn dân ta động viên, chi viện ở mức tối đa và có thể dành ưu tiên về mọi mặt cho họ. Muốn vậy, trước hết cần hiểu họ là ai, họ đang có những khó khăn gì cần khắc phục, họ cần những gì về vật chất, văn hóa và tình cảm để có thể hoàn thành được nhiệm vụ mà Tổ quốc giao phó.

Hiện nay, khi nói đến con người miền núi, cần thấy có hai loại cư dân: 1 — Cư dân tại chỗ phần lớn là các dân tộc thiểu số, đại đa số cư trú ở nông thôn, với những hoàn cảnh xã hội thuộc những thang bậc lịch sử khác nhau, nhưng rõ ràng là thấp kém hơn so với miền đồng bằng, thậm chí ở suốt dọc Trường sơn — Tây nguyên còn tồn tại những vết tích của xã hội nguyên thủy. 2 — Cư dân mới lên lập nghiệp, phần lớn là người Kinh, từ khắp các tỉnh đồng bằng, còn nhiều bỡ ngỡ, xa lạ, chịu nhiều thay đổi về hoàn cảnh tự nhiên và xã hội, buộc phải sinh sống bằng nhiều ngành nghề chưa bắt gặp ở nơi quê cũ.

Sự phân bố cư dân ở đây hiện nay đang ở thế lưỡng phân, tạo thành hai vùng và đã có sự khác nhau đáng kể. Xét về mặt kinh tế đơn thuần, hướng đầu tư tập trung vào những miền dễ khai thác: vùng thấp, gần trục đường giao thông, gần các thị trấn, thị xã, giáp ranh với đồng bằng và trung du. Nhưng về mặt xã hội, Đảng và Nhà nước lại không thể không lưu ý đến vùng cao, vùng hẻo lánh, vùng các cư dân đã chịu nhiều thiệt thòi và đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa có những chênh lệch khá lớn so với vùng thấp ở miền núi và nhất là với miền đồng bằng. Cũng cần nói thêm, đó chính là những vùng xưa là căn cứ cách mạng, căn cứ kháng chiến và nay là những vùng có vị trí quan trọng về quốc phòng.

Trách nhiệm xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa miền núi thật nặng nề. Trước hết cần tạo cho họ một năng lực cần thiết về khoa học kỹ thuật, để có sức khai thác những tiềm năng đa dạng và phong phú của địa phương: rừng, cây công nghiệp, khoáng sản, năng lượng... Sự khai thác này đòi hỏi một trình độ học vấn nhất định và một tay nghề thành thạo với những nghề mới lạ. Một điều không kém quan trọng là làm sao họ giác ngộ được sự cần thiết xây dựng miền núi, tạo cho họ một lối sống thích hợp với các ngành nghề mới, trong sự hợp tác giữa các dân tộc anh em, giữa người Kinh và người thuộc các dân tộc thiểu số.

Thực tiễn 10 năm qua đã chứng tỏ phải thật sự chú ý đến nhân tố con người, vì đây là nhân tố quyết định sự thành công của việc xây dựng miền núi. Nếu không, như ở một số không ít nơi, những thành tựu kinh tế bị hạn chế, môi trường bị phá hoại. Nhiều vấn đề phức tạp về xã hội, nhiều hiện tượng tiêu cực đã xảy ra, tác động không nhỏ đến niềm tin vào sự thành công của công cuộc xây dựng xã hội mới, đến phẩm chất, đạo đức của con người, đến tình đoàn kết giữa các cư dân. Rõ ràng là thời gian qua việc chuẩn bị tư tưởng cho con người là chưa đủ, và có sự coi nhẹ yếu tố xã hội, yếu tố con người trong kế hoạch phát triển miền núi.

Đối với người dân *tại chỗ*, tức các dân tộc thiểu số, chúng ta thiếu sự chuẩn bị cho việc chuyển biến tư tưởng từ chiến tranh sang hòa bình. Khi được động viên chiến đấu giải phóng đất nước, chống áp bức bóc lột, đồng bào các dân tộc thiểu số dễ dàng hưởng ứng dù phải chịu nhiều hy sinh, gian khổ, vì đó là sự kế thừa truyền thống bảo vệ làng, bản, đấu tranh chống kẻ thù dân tộc và giai cấp

Digitized by Google

từ thuở ông cha, cho nên đồng bào tuyệt đối tin vào Đảng, vào Bác Hồ và đã có những cống hiến lớn lao đáng ngàn đời ghi nhớ. Nhưng khi bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước những khó khăn chồng chất buổi ban đầu, trước sự bắt buộc phải thay đổi từ cách làm ăn đến lối suy nghĩ, đồng bào chưa được chuẩn bị, có những điều ngỡ ngàng không tự giải thích được và chỉ biết tự an ủi một cách thụ động là hãy tin vào Đảng, vào Chính phủ. Chưa một ai tuyên truyền, giải thích cho họ trước nhiều thắc mắc: tại sao đất đai, bản làng nay đã là của toàn dân, nhân dân làm chủ, Đảng, Nhà nước đưa những người ở đồng bằng lên dãy lập nông trường, lâm trường v.v. mà lại không để họ tham gia? (bây giờ đã có chủ trương đưa dân tại chỗ vào các cơ sở quốc doanh), tại sao các của quý của rừng núi: khoáng sản, lâm thổ sản lại cứ chở về xuôi? tại sao những công trình Nhà nước xây dựng với sự đóng góp sức người, sức của (thuế) của bản thân họ mà lại chưa tích cực phục vụ cho họ, bản làng vẫn heo hút, tối tăm bên cạnh những xí nghiệp, lâm, nông trường với nhà cửa khang trang, có điện sáng v.v. Rừng bị chặt phá, những người dân sống về rừng như họ sẽ thế nào? Tại sao và tại sao? Những thắc mắc đó cứ cộm lên và không có sự giải đáp cụ thể, hoặc có thì đơn giản, ấu trĩ. Cho nên, nhìn chung, người dân chưa mường tượng được chủ nghĩa xã hội là gì, chưa thấy được sự thay đổi cách làm ăn, lối sống phải vượt qua nhiều khó khăn, phải trải qua đấu tranh gay gắt mới thành công, cũng như đánh giặc phải chịu đựng gian khổ, hy sinh mới có thắng lợi.

Suy đến cùng, công tác tư tưởng đối với họ lúc này, là làm sao cho họ thấy sự cần thiết thay đổi lối sống, nếp suy nghĩ từ ngàn xưa, nghĩa là phải chuyển từ một nếp sống xã hội tù túng trong từng bản làng, từng dân tộc, sang một nếp sống mở rộng hơn hòa mình vào một xã hội có quy mô cả nước, với sự hợp tác của các dân tộc anh em trên khắp mọi miền đất nước. Đó cũng chính là làm cho họ thấy được lao động sản xuất không chỉ vì lợi ích chật hẹp của gia đình mình, bản làng mình, mà còn vì sự phát triển kinh tế — xã hội của cả nước, theo một kế hoạch chung, có phân vùng theo lãnh thổ, theo ngành nghề, và chính sự phát triển đó cũng là phục vụ cho lợi ích của chính bản thân gia đình mình, dân tộc mình. Đồng bào các dân tộc thiểu số cũng phải dần dần hiểu rằng họ cần phải từng bước từ bỏ nền sản xuất nhỏ, tự cấp, tự túc, chuyển sang nền sản xuất lớn, xã hội chủ nghĩa trên quy mô cả nước.

Đối với những người dân *mới đến*, nhất là sau năm 1975, cần giải quyết những khó khăn ban đầu một cách chu đáo, tránh lối suy nghĩ đơn thuần kinh tế « hãy cho họ cái cuốc lên vùng đất mới, là họ sẽ có cuộc sống tốt hơn nơi quê cũ, họ sẽ giàu »; « hãy phân bố lại dân cư và lao động để giải tỏa cho số dân ở đồng bằng quá dư thừa... ». Mười năm qua, ở nhiều nơi người dân đi vùng kinh tế mới được chuẩn bị quá kém cả về vật chất lẫn tinh thần, nhất là nhu cầu văn hóa, xã hội của họ không được đáp ứng. Họ không hiểu rõ sẽ làm gì, sẽ ở cạnh ai và ai là người nên đi. Nơi đón nhận họ cũng chỉ biết tìm một chỗ đất cho họ ở, sản xuất, thế là đủ. Hiện tượng vô trách nhiệm của nơi đưa họ đi và nơi đón nhận họ đến nay vẫn còn.

Người mới đến cần hiểu rõ trách nhiệm của mình là không chỉ vì lợi ích bản thân, mà vì lợi ích cả nước, là cùng các dân tộc thiểu số anh em xây dựng miền núi ngày một giàu mạnh, bảo đảm sự đoàn kết giữa các dân tộc. Họ là những người kế thừa truyền thống của những thế hệ ông cha xưa đã lên rừng, xây dựng căn cứ, gian

Digitized by Google

khổ chống Pháp, chống Mỹ; nay họ đi vào những chỗ khó khăn, gian khổ không kém, đem ánh sáng của Đảng, của khoa học, kỹ thuật đến một vùng xa lạ, nghèo nàn và chậm tiến của Tổ quốc. Họ phải là những người biết nhường nhịn, có tinh thần hòa hợp trong mối quan hệ với các dân tộc thiểu số anh em, chứ không phải, ngược lại, là người nhận phần hơn, phần thuận lợi. Họ phải là những người cần thiết cho miền núi, cho các dân tộc thiểu số như xưa kia thế hệ ông cha của họ đã được đồng bào miền núi tiếp nhận như những người dẫn đường, chỉ lối cho họ, như những lực lượng không thể không có trong việc giải phóng quê hương, Tổ quốc. Họ là những người giác ngộ chỉ dẫn đồng bào việc làm ăn, sinh sống theo lối xã hội chủ nghĩa để từ bỏ dần dói nghèo, dốt nát mà tìm đến văn minh.

Như vậy người dân mới đến phải được chọn lựa trong số những người ưu tú của địa phương đưa đến đi. Họ là những cán bộ đảng, cán bộ giáo dục, y tế, văn hóa, cán bộ khoa học kỹ thuật, những công nhân lành nghề. Họ cũng là những người sẽ lao động trên những vùng đất mới với những ngành nghề còn tạm thời xa lạ với người dân tộc thiểu số, khai phá những vùng đất khó khăn, hẻo lánh. Họ phải được quan tâm xứng đáng và phải được giao cho trách nhiệm đầy đủ, rõ ràng hơn. Họ là những chiến sĩ tiên phong của Đảng đi khai phá đất đai làm giàu cho Tổ quốc, làm xán lạn những vùng Tổ quốc xưa còn tạc hậu.

Cần có sự khích lệ, động viên bằng vật chất và tinh thần đối với họ. Cần phải trang bị cho họ những tri thức cần thiết không chỉ về khoa học kỹ thuật, mà cả về địa lý, về con người nơi họ sẽ đến. Nhà xuất bản Sự thật dự định xuất bản những cuốn sách phổ thông giúp những ai lên ở tỉnh miền núi biên giới phía Bắc, hay đi Trường sơn, Tây nguyên chiến đấu, lao động, sản xuất và công tác là một việc làm đáng khích lệ.

Cần giáo dục cho họ tinh thần quốc tế vô sản, lòng yêu nước nồng nàn và ý thức trách nhiệm cao

Đối với cả hai loại dân: dân tại chỗ và dân mới đến, cần làm cho họ cộng cảm với nhau trên tinh thần là người dân của một nước, một đảng lãnh đạo, là người láng giềng tốt, cùng đồng lòng, dốc sức xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp. Tạo cho họ tinh thần đoàn kết keo sơn, chị ít như những người khi xưa cùng một chiến hào chống Pháp và chống Mỹ, trước nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội chồng chất những khó khăn của buổi ban đầu. Tình đoàn kết đó dựa trên cơ sở *mọi người đều có ý thức làm chủ, giúp đỡ lẫn nhau, tôn trọng nhau, quyết tâm làm cho đời sống của người mới đến cũng như người tại chỗ ngày một giàu có, ngày một tốt đẹp hơn.* Chỉ có như vậy, mới có thể làm cho cả hai loại người tin tưởng lẫn nhau, dám vượt qua mọi trở ngại về tiếng nói, phong tục, tập quán, về lối sống khác nhau, không bị lừa gạt bởi những phỉnh nịnh của kẻ thù giai cấp, khỏi bị chùn bước trước những vấp váp ban đầu, những khó khăn vì bản thân công việc, vì thiếu kinh nghiệm và cũng vì kẻ thù phá hoại.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội trong buổi ban đầu trên phạm vi cả nước đã đòi hỏi những thế hệ người hy sinh, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền núi lại đòi hỏi những thế hệ người hy sinh gấp bội. Cần có những việc làm thiết thực để giúp đỡ, động viên những chiến sĩ tiên phong của dân tộc khai phá những miền đất nhiều tiềm năng, nhưng lại đầy gian nan vất vả, để làm giàu cho Tổ quốc. Tổ quốc yêu cầu các cán bộ quản lý kinh tế – xã hội suy nghĩ tìm ra những chủ trương, biện pháp thích

Digitized by Google

hợp đưa miền núi tiến nhanh, tiến vững chắc cho kịp miền xuôi. Các cán bộ khoa học, kỹ thuật nghiên cứu những biện pháp đưa nhanh những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào miền núi. Các nhà giáo dục đưa nhanh trình độ học vấn, coi việc đầu tư vào giáo dục như đầu tư vào kinh tế và cũng có giá trị như kinh tế, để tạo ra những tri thức cần thiết cho việc xây dựng miền núi. Các cán bộ công tác tư tưởng và văn hóa — thiết tưởng là nặng nề hơn cả — làm sao định ra được một chiến lược cải tạo con người nhằm xây dựng được con người miền núi xã hội chủ nghĩa có đủ đức tính và năng lực cần thiết để đảm đương nhiệm vụ lớn lao mà Đảng giao phó cho họ trên chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong khi thực hiện nhiệm vụ ở miền núi, chúng ta nên chú ý đến lời chỉ dẫn của đồng chí Trường Chinh trong buổi nói chuyện ở Đắk-lắk năm 1983: « *Cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa* trong các vùng dân tộc thiểu số tác động trở lại rất mạnh đối với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học, kỹ thuật » (2).

(2) Trường Chinh: « Đưa nhân dân các dân tộc ở Đắk-lắk tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội ». *Tạp chí Cộng sản*, số 8-1983, tr. 14.

Giáo sư **ĐẶNG THANH LÊ**

GIA ĐÌNH VỚI SỰ BỒI DƯỠNG NHÂN CÁCH CON NGƯỜI

TÌNH cảm ruột thịt trong cộng đồng gia đình là một cơ sở đẹp để ban đầu đưa con người đi vào cuộc sống xã hội rộng rãi với tình cảm tập thể, tình cảm dân tộc, lòng yêu nước và tinh thần quốc tế vô sản.

Cộng đồng gia đình là « tập thể » đầu tiên của con người. Lọt lòng mẹ, đứa trẻ biết đến « con người khác » đầu tiên đã chăm nom nuôi dưỡng nó. Tiếp đó là cha và anh chị em trong nhà. *Chính ở tập thể đầu tiên này, con người bắt đầu có nhận thức về mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng.* Ý thức hệ phong kiến và ý thức hệ tư sản chỉ khiến con người quan tâm đến người thân trên cơ sở lợi quyền gia tộc và lợi quyền cá nhân chủ nghĩa. Nhưng từ xưa, trong nhân dân lao động, đã xuất hiện mối quan hệ tình cảm chân chính có tính chất song phương, đa phương mang giá trị đạo đức nhân văn đẹp đẽ giữa vợ và chồng, bố mẹ và con cái, giữa anh chị em và các thành viên khác trong gia tộc... đối với nhau.

Xã hội xã hội chủ nghĩa kế thừa và phát huy mối quan hệ tình cảm truyền thống thành quan hệ *vị tha xã hội chủ nghĩa*. Từ trong lòng gia đình, tình thương sâu xa triu mến của người mẹ, tình yêu thầm trầm sáng suốt của người cha và tình cảm vừa mang tính chất ruột thịt, vừa mang tính chất bè bạn giữa các anh chị em trong một gia đình... đều làm cho con người thấy

Digitized by Google

mình được sống giữa một bầu không khí yêu thương dẹp đẽ, giáo dục cho con người ý thức quan tâm đến người khác, chia sẻ niềm vui nỗi buồn, hạnh phúc và gian truân với những người khác. Đó chính là *một mầm mống tốt đẹp cho sự nảy sinh, phát triển tình cảm đối với đồng chí, tập thể và toàn nhân loại. Nhân tố tình cảm* là nhân tố không thể thiếu được trong đời sống tinh thần một con người, kể cả khi con người đó bước vào đời sống xã hội, bước vào mối quan hệ với tập thể lớn.

Nhân tố tình cảm còn là *một động lực tinh thần* có giá trị to lớn mà tâm lý học từ lâu đã khẳng định, là sức mạnh cảm hóa và sức mạnh giáo huấn. Tình cảm chân chính sẽ đem đến những ước muốn hạnh phúc, những cái nhìn đẹp đẽ về đối tượng yêu thương. Có những trường hợp tình yêu sâu sắc đối với cha mẹ có thể khiến con cái đến với con đường cha mẹ đã đi và sau đó, bước giác ngộ về ý thức, về nhận thức sẽ tiếp tục hoàn chỉnh nhân cách con người ấy về phương diện chi hướng lý tưởng.

Như vậy, *quan hệ tình cảm ruột thịt trong gia đình là một trong những giá trị tinh thần có khả năng góp phần hình thành nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa* (ở phương diện bồi dưỡng tình cảm cách mạng).

Trong quá trình đấu tranh chống chủ nghĩa gia tộc của chế độ phong kiến và chủ nghĩa cá nhân của ý thức hệ tư sản để xây dựng tình cảm cộng đồng xã hội chủ nghĩa, có thời gian chúng ta đã coi nhẹ tác dụng giáo dục của quan hệ tình cảm gia đình đối với nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa. Chương trình giáo dục học đường và kế hoạch công tác giáo dục của các đoàn thể đối với thế hệ trẻ cũng như đối với các bậc cha mẹ về vấn đề này chưa được đặt ra đúng mức và do đó, những công trình nghiên cứu khoa học chung quanh đề tài này cũng chưa có nhiều.

Đời sống tình cảm, đời sống riêng tư là một *hiện thực tâm lý tinh động và phức tạp*. Những cơ sở của nền kinh tế mới xã hội chủ nghĩa ở đất nước chúng ta lại chưa phát triển hoàn chỉnh, toàn diện. Những quan niệm, những giá trị đạo đức chung quanh « hình ảnh thu nhỏ » của xã hội mới cũng chưa được « định hình » hoàn toàn. Mặt khác, chủ nghĩa cá nhân tư sản, dầu óc gia tộc nặng nề, hẹp hòi, khắc nghiệt đều còn để lại những dấu ấn trong phong tục tập quán, trong nếp suy nghĩ, trong cả tâm lý tình cảm... khiến cho mối quan hệ tình cảm gia đình trên đất nước xã hội chủ nghĩa của chúng ta hiện nay còn những biểu hiện lệch lạc cần nghiên cứu, xử lý.

1 — Sự vắng bóng của tình thương trong một số gia đình hiện nay. Sẽ là một bất hạnh rất lớn nếu đứa trẻ sống trong một không khí gia đình thiếu tình thương yêu ruột thịt. Một người bố tàn nhẫn vũ phu, một người mẹ lạnh lùng, ích kỷ, một đứa em ngang ngược độc ác... Từ trong tập thể nhỏ này, con người đã tự rút ra nhận thức « chân lý »: « Người với người không phải là bạn ». Bởi vì ở đây chỉ xuất hiện roi vọt của bố, những lời chửi rủa của mẹ và những đố kỵ giữa anh chị em.

Nguyên nhân đưa đến tình trạng quan hệ phi nhân đạo vô sản này rất phức tạp. Có thể vì những lý do nào đó, người bố hoặc người mẹ sinh ra rượu chè, cờ bạc, ngoại tình; hoặc do thói ích kỷ của người bố (hoặc người mẹ) chỉ quan tâm đến đời sống, đến sự « tiến thân » của mình; cũng có khi do một quan điểm sai lầm về phương pháp giáo dục như « thương cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi » của một người bố độc đoán, gia trưởng... Nhưng rõ ràng hiện tượng đứa trẻ bị đánh đập, nhiều khi rất tàn bạo đến mức thương tật, bị chửi

Digitized by Google

mắng nhiếc khi đến mức sỉ nhục — là có thật trong một số gia đình. Và cũng như thái độ trước những hiện tượng tiêu cực khác hiện nay, tập thể nhiều khi không can thiệp vì thiếu quan tâm hoặc vì thấy trước sự bất lực.

Pháp luật đã ngăn cấm nhục hình đối với con người, đặc biệt là đối với thiếu nhi. Hiện tượng trẻ em bị đánh đập phải được ngăn chặn, xử lý nghiêm khắc. Ở đây có vai trò của chính quyền, nhưng phải chăng đoàn thể nên đưa ra những quy định chặt chẽ và kiểm tra thực hiện (bảng sinh hoạt tư tưởng, bằng chế độ khen thưởng, kỷ luật như đối với vấn đề dân số).

2—*« Chủ nghĩa tình cảm »* là một khuynh hướng ngược hẳn với khuynh hướng trên. Đây là một hiện thực phổ biến trong nhiều gia đình. Đứa trẻ được bố mẹ thương yêu, chiều chuộng, chăm sóc từng « đường đi nước bước » kể cả việc chạy vạy lo lắng cho đứa con đó khi đã là sinh viên đại học, vì một môn thi không đạt, hay mua sắm cho con một bộ quần áo, một đồ trang sức ước muốn đắt tiền v.v.

Chúng ta phủ định mối quan hệ thiếu tình cảm tự nhiên chân chính của gia đình phong kiến. Nhưng trong khi cuộc sống xã hội chủ nghĩa giải phóng con người, đem trả lại cho con người hạnh phúc trong quan hệ tình cảm ruột thịt chân chính, thì chúng ta dễ đi đến khuynh hướng tình cảm chủ nghĩa, thiếu sự chỉ đạo của lý trí sáng suốt. Khuynh hướng này có thể đưa đến những hậu quả tai hại :

— Trước hết, *đứa trẻ sẽ là một con người ỷ lại, thiếu hẳn phẩm chất tự chủ, năng động của con người xã hội chủ nghĩa.* Trong nhiều gia đình cán bộ hiện nay, bố mẹ cố gắng tạo ra một cuộc sống khiến con cái dễu có thể hưởng thụ những cái đã có sẵn. Người công dân nhỏ đó thấy việc cung cấp những nhu cầu vật chất như cơm ăn, áo mặc, xe đạp, giấy bút, sách vở... là nhiệm vụ của bố mẹ và của xã hội đối với nó. Thậm chí, việc học tập, sự thành đạt... cũng phải là con đường êm ái do người khác đã chuẩn bị.

— Từ tuổi thơ, đứa bé đã nhận thức được mình là « trung tâm vũ trụ ». *Tính ích kỷ nảy nở từ đây.* Tất cả mọi người đều là « thú yếu » đối với nó. Ngoài gia đình, mọi người đều là xa lạ và thậm chí, tình yêu bố mẹ nhiều khi cũng là xa lạ đối với những tâm lòn ích kỷ kiểu này.

Một con người vị kỷ và hơn thế nữa, một con người ỷ lại, thiếu tính thần làm chủ và năng lực làm chủ số phận, cuộc đời mình, đó là một hình ảnh công dân tương lai phi xã hội chủ nghĩa mà chúng ta sẽ « đào tạo », nếu chúng ta không sớm nhận thức được vấn đề. Thiếu sót của chúng ta hiện nay có khả năng đưa đến một mẫu người kết hợp từ hai tính chất phản động và tiêu cực của mẫu người ích kỷ tàn bạo tư sản với kiểu « cậu ấm cô chiêu » phong kiến dài các, sống bám vào lao động của người khác.

Chủ nghĩa tình cảm này sẽ là một trở ngại lớn trong sinh hoạt gia đình khi có tình huống đấu tranh tư tưởng đặt ra và hiện tượng « nể nang hữu khuynh » trong đời sống gia đình nay đã dưa đến nhiều bi kịch nghiêm trọng như sự tha hóa phẩm chất của một người chồng hoặc một người vợ, sự hư hỏng của một đứa con...

Từ trong cuộc sống hằng ngày của gia đình, một cuộc sống mà các thành viên có mối quan hệ hết sức chặt chẽ và đa dạng như tổ chức đời sống hằng ngày và *giúp nhau tổ chức cuộc sống xã hội của mỗi người* — mối quan hệ cuộc sống và số phận — đã nảy sinh *ý thức nghĩa vụ* của mỗi thành viên đối với gia đình, đối với các thành viên khác trong gia đình.

Quan điểm vô sản đòi hỏi một ý thức về nghĩa vụ của các thành viên trong

Digitized by Google

gia đình đối với nhau dựa trên cơ sở lý tưởng xã hội chủ nghĩa (phấn đấu cho cuộc sống và hạnh phúc toàn xã hội, trong đó có hạnh phúc của mỗi con người).

Tùy theo lứa tuổi, năng lực, mỗi thành viên đều tham gia vào cuộc sống chung của toàn gia đình. Từ đây nảy sinh *mối quan hệ về nghĩa vụ và chính mối quan hệ này sẽ là một nền tảng tinh thần cơ bản của cuộc sống gia đình.* Quan hệ này thật sự là sự thu nhỏ của quan hệ vị tha xã hội chủ nghĩa

Từ đó, chúng ta nhận thấy *tình cảm chân chính tốt đẹp* đưa đến *ý thức trách nhiệm* đóng góp vào sự củng cố, phát triển của đời sống tinh thần cũng như cuộc sống vật chất của gia đình. Ý thức trách nhiệm đối với cuộc sống và sự phát triển hạnh phúc của gia đình đó sẽ khiến gia đình có khả năng giữ vị trí là trường học đầu tiên xây dựng nhân cách cho con người. Đây cũng là một cơ sở xây dựng, bồi dưỡng, phát huy ý thức phục vụ xã hội — từ tuổi còn thơ cho đến lúc đã trưởng thành.

Gia đình xã hội chủ nghĩa có khả năng góp phần bồi dưỡng cho con người lẽ sống cao đẹp và tinh thần lao động sáng tạo. Con người thời đại lành mạnh là con người có *khuynh hướng khát vọng khẳng định mình trước xã hội.* Người thanh niên sắp bước vào đời lại càng mong muốn khẳng định tài năng và vị trí cống hiến cho xã hội. Niềm tự hào chân chính về năng lực (có ích cho xã hội) sẽ giúp con người củng cố, phát huy lý tưởng xã hội chủ nghĩa của bản thân, đây cũng là một phương hướng trong công tác bồi dưỡng phẩm cách con người mới xã hội chủ nghĩa.

Một vài thiếu sót, sai lầm khác cần khắc phục hiện nay là *thái độ vô trách nhiệm của bố mẹ đối với việc giáo dục ý thức tư tưởng của con cái.* Sự bất lực đứng trước vấn đề này của các bậc cha mẹ, do nhiều nguyên nhân phức tạp, là một vấn đề nghiêm trọng. Tuy nhiên, suy đến cùng, có vấn đề trách nhiệm của bố mẹ. Một số cán bộ, do quá bận công tác, khoán trắng việc này cho nhà trường và đoàn thể. Có khi chúng ta giải thích vấn đề đó dưới các quan niệm « đời cua cua máy, đời cáy cáy đào » hay « trăng đến kỳ trăng tròn ». Thật ra đó không phải là ý thức dân chủ mà là sự thiếu trách nhiệm đối với xã hội, với con cái và đối ngay cả với hạnh phúc, cuộc sống của chính bản thân mình.

Sự thiếu gương mẫu của bố mẹ về mặt lẽ sống, lý tưởng và ý thức xã hội chủ nghĩa là một vấn đề nghiêm trọng. Hiện nay, cuộc đấu tranh giữa hai con đường đang diễn ra quyết liệt và khi xuất hiện trong cuộc sống gia đình, càng mang màu sắc đa dạng, bất ngờ.

Lý tưởng sống xã hội chủ nghĩa đã bị tiến công bởi những tư tưởng cá nhân chủ nghĩa trong thái độ đối với công tác của các huynh trưởng và cả trong học tập của thế hệ trẻ. Đây không phải là một hiện tượng xã hội đơn giản mà chúng ta có thể phân tích, xử lý một cách đơn giản, nhưng dù sao cũng phải kiên quyết khắc phục càng sớm càng tốt nếu chúng ta muốn hình thành từ trong gia đình những mầm mống tốt đẹp của nhân cách xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

THÁI NINH

ĐỔI MỚI TƯ DUY: KHÍA CẠNH PHƯƠNG PHÁP LUẬN

Ở nước ta hiện nay, đổi mới tư duy là đòi hỏi cấp thiết của cuộc sống. Là vấn đề cấp thiết, nhưng thực hiện nó lại không thể nóng vội, mà phải trải qua một quá trình phấn đấu lâu dài, toàn diện. Đổi mới tư duy không phải chỉ để sửa sai, cũng không phải chỉ là đòi hỏi đối với các cấp lãnh đạo, mà còn là một yêu cầu khách quan của cuộc sống, của quá trình nhận thức khoa học.

Sự phản ánh của thế giới khách quan vào đầu óc con người không diễn ra một cách máy móc như soi gương mà thông qua hoạt động tư duy của con người. Đó là quá trình biến hiện thực khách quan thành hình ảnh chủ quan trong đầu óc con người. Quá trình phản ánh đó là quá trình tiếp cận hiện thực khách quan, là quá trình đổi mới tư duy để nhận thức sự vật khách quan từ bản chất cấp một đến bản chất cấp hai, và cho tới vô cùng. Quá trình đó cũng là quá trình bổ sung vào nhận thức những mặt mới, những thuộc tính mới của thế giới khách quan. Hơn nữa, cuộc sống không đứng im, thế giới khách quan không tĩnh tại mà luôn luôn vận động, phát triển. Sự vận động, phát triển đó thường diễn ra nhanh hơn nhận thức; nói cách khác, nhận thức của con người thường lạc hậu, không theo kịp sự vận động, phát triển đó. Vì thế, một yêu cầu có tính nguyên tắc là phải đổi mới tư duy sao cho nhận thức ngày càng tiếp cận và phù hợp với quá trình vận động, phát triển của hiện thực khách quan. Cái khó đối với chúng ta hiện nay là đổi mới tư duy bắt đầu từ đâu? Đổi mới như thế nào?

1. Để đổi mới tư duy, trước hết cần tiến hành một cuộc tổng kiểm tra, đối chiếu nhận thức cũ với nhận thức mới trên từng luận điểm, từng quan niệm, từng khái niệm cụ thể để xác định thái độ dứt khoát cần phủ định cái gì và khẳng định cái gì. Việc đối chiếu, kiểm tra này cần theo hai hướng:

Một là, đối chiếu giữa lý luận và nhận thức để phát hiện những sai sót trong quan niệm cũ cũng như tìm ra cái mới mà trước đó nhiều người chưa nhận ra. Bổ sung cái mới ở đây là làm cho chân lý được nhận thức sâu sắc, toàn diện hơn. Những cái mới đó có thể không phải là những phát minh mới về lý luận mà chỉ làm cho tư duy tiếp cận chân lý ngày càng sâu sắc hơn. Bởi vì, nhận thức chân lý, theo Lê-nin, là một quá trình. Chính do nguyên nhân nhận thức bất cập, do nhận thức chân lý chưa đầy đủ, hoặc giản đơn mà nhiều mặt hoạt động thực tiễn đã không đạt được kết quả mong muốn, chẳng hạn như do chưa nhận thức sâu sắc tính phức tạp lâu dài của thời kỳ quá độ, nhất là của chặng đường đầu tiên của thời kỳ này, do quan niệm đơn giản, cứng nhắc về công nghiệp hóa, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về sự tồn tại các thành phần kinh tế, về nguyên tắc phân phối

Digitized by Google

theo lao động mà trong thời gian qua chúng ta đã mắc sai lầm về chỉ đạo chiến lược như nồng vội, chủ quan, duy ý chí. Những nhận định có tính khoa học cao có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc trong Báo cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội VI về những vấn đề này là cơ sở để đổi mới tư duy, để bổ sung những nhận thức mới mà trước đó ở nhiều người còn bất cập.

Hai là, đối chiếu với hoạt động thực tiễn, với yêu cầu của cách mạng để kiểm tra phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên, vạch ra những tác hại nghiêm trọng của tình bảo thủ, trì trệ, của dầu óc địa phương, cục bộ, của thói vô tổ chức, vô chính phủ, của tình trạng sa sút ý chí chiến đấu, của những hiện tượng thoái hóa biến chất trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Chính những sai lầm về phẩm chất, đạo đức đã làm « nhiễu » những khái niệm khoa học; làm rối loạn thông tin; gây ra ở chỗ này, chỗ khác tình trạng lẫn lộn trắng đen, phải trái. Tiêu chuẩn giá trị con người có lúc, có nơi bị đảo lộn; kẻ nịnh bợ, cơ hội thì được trọng dụng, người trung thực thì bị nhiều oan uổng hoặc được « kính nhi viễn chi »; sai lầm, khuyết điểm thì bị che giấu, thành tích thì được thổi phồng, báo cáo sai sự thật trở thành hiện tượng bình thường. Vì thế đổi mới tư duy trên lĩnh vực đạo đức, phẩm chất phải gắn liền với công tác tổ chức và cán bộ, gắn liền với việc giáo dục, rèn luyện con người mới. Trên lĩnh vực này có nhiều quan niệm cần đổi mới, nhất là phải đổi mới quan niệm về giá trị. Có biết bao quan niệm phong kiến, tư sản lỗi thời, lạc hậu chen vào những chuẩn mực giá trị này. Nhân vật Đoàn Xoa (kịch nói « Mùa hè ở biển ») có còn là một tính cách điển hình phản ánh chuẩn mực giá trị của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn cách mạng hiện nay không? Quan niệm về cái tốt trong nhân vật này có cần đổi mới không? Cái tốt đó rõ ràng là không còn phù hợp với giai đoạn cách mạng mới, do đó tiêu chuẩn giá trị của người cán bộ tất yếu phải được đổi mới. Cái tốt của con người là một khái niệm vừa mang tính lịch sử, vừa mang tính giai cấp. Đổi mới tư duy là phải đổi mới trên cả cái « tốt » đó, phải đối chiếu xem trong cái « tốt » đó, yếu tố nào không còn phù hợp, cần xóa bỏ; yếu tố nào còn phù hợp, nhưng cần phải bổ sung, làm cho những chuẩn mực giá trị phù hợp với yêu cầu của cách mạng, với quan điểm của giai cấp công nhân.

Lao động là vẻ vang nhưng trên thực tế quan niệm của một số người về vấn đề này vẫn chưa được đổi mới, vẫn còn ẩn chứa quan niệm cũ, biểu hiện ở thái độ xem thường lao động chân tay, không coi trọng lao động của hợp tác xã bằng lao động trong xí nghiệp nhà nước, xem thường lao động tư nhân... Những quan niệm này dẫn tới những sai lệch về giá trị. Một số cán bộ không muốn cho con cái mình có quan hệ hôn nhân với con cái thợ thủ công, con cái xã viên hợp tác xã thủ công nghiệp.

Lực lượng sản xuất, ai cũng biết là nhân tố quyết định sự phát triển của sản xuất, nhưng trong lực lượng sản xuất, nhiều người chỉ chăm lo tới tư liệu sản xuất, đến tiết kiệm nguyên, vật liệu, còn xem nhẹ yếu tố người lao động. Khẩu hiệu « yêu xe như con, quý xăng như máu » là đúng nhưng chưa có xí nghiệp nào có được một khẩu hiệu để giáo dục, vận động mọi người chăm sóc người công nhân, mặc dù Đảng đã có khẩu hiệu bao trùm: « Tất cả vì hạnh phúc nhân dân ». Người ta có thể bỏ ra hàng vạn đô la để mua máy móc thiết bị, nhưng lại không dám để ra một ít tiền để bảo đảm thường xuyên việc chở công nhân đến mỏ làm việc hay để mua sắm thiết bị cải thiện điều kiện lao động. Nhiên liệu thiếu thì tìm mọi cách lo cho đủ nhưng đời sống công nhân có

Digitized by Google

nhưng khó khăn thì không được quan tâm đúng mức và thường xuyên.

Trong lĩnh vực giao tiếp giữa con người với con người, hình thức, thái độ ứng xử đúng đắn là rất quan trọng, nhưng quan trọng hơn, quyết định hơn là giá trị nhân ái, nhân đạo xuyên suốt mọi quan hệ giao tiếp, ứng xử. Trong thời gian qua, giá trị này ít được quan tâm. Dạy con cái về phép lịch sự như lễ phép, chào hỏi là cần thiết, là rất tốt, nhưng nhiều người lại ít quan tâm giáo dục con cái về lương tâm, về trách nhiệm, về tình thương, về lòng nhân ái, tinh vị tha trong mọi quan hệ ứng xử. Vì thế đã xảy ra tình trạng thấy người gặp nạn thì bỏ qua, thấy cảnh thương tâm không mảy may xúc động v. v. Giá trị nhân ái, giá trị vị tha trong quan hệ ứng xử phải được thể hiện không chỉ ở tình cảm, ở đạo đức, mà còn ở hành vi đạo đức, ở hoạt động của con người mới trong mọi lĩnh vực của cuộc sống xã hội. Hiện nay, ở nhiều nơi, một số phần tử đang lợi dụng chức, quyền hoặc tự cho mình có quyền làm những điều phi pháp, bất nhân. Chính bọn này đang làm xói mòn nghiêm trọng những giá trị truyền thống, những giá trị mới về đạo đức. Phải cứu lấy những giá trị chân chính ấy bằng nhiều cách, nhiều biện pháp nhưng, trước hết, phải gạt bỏ những bọn người sâu mọt ấy, phải chặn đứng những bàn tay phá hoại những giá trị ấy. Lê-nin đòi hỏi «phải thẳng tay đuổi cổ những bọn người như vậy» (1).

Như vậy, việc đổi mới tư duy đòi hỏi chúng ta phải từ hoạt động thực tiễn đã được tổng kết, từ thành tựu mới của khoa học mà bổ sung những thuộc tính mới, những cấp độ mới cao hơn về bản chất của sự vật; phải sửa sai, điều chỉnh tư duy cho đúng với khái niệm khoa học và quy luật phản ánh hiện thực khách quan.

2. Để đổi mới tư duy, điều quan trọng là phải định hướng tư duy đúng đắn và vận dụng phương pháp tư duy khoa học.

Định hướng tư duy là một yêu cầu tất yếu của hoạt động tư duy và cũng là khâu khởi đầu của quá trình tư duy. Khái quát những định hướng tư duy trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, chúng ta thấy, mỗi thời đại hay mỗi thời kỳ lớn của lịch sử, đều có hướng tư duy chủ yếu của mình. Kết quả của các quá trình tư duy phụ thuộc một phần lớn vào những định hướng đó. Tư duy theo hướng đúng đắn là một động lực thúc đẩy sự phát triển văn hóa tinh thần của xã hội. Ngược lại, hướng tư duy sai lầm là một lực cản làm chậm sự phát triển của xã hội. Ở thời cổ đại, tư duy của loài người được hướng vào tự nhiên; nhờ định hướng đúng đắn đó mà thời đại này đã vẽ được bức tranh tổng quát về tự nhiên. Ở thời trung đại, tư duy của loài người bị giai cấp phong kiến thống trị hướng vào thần thánh, vào cuộc sống trên thiên giới, vì thế xã hội loài người đã sa vào đêm trường trung cổ, trí tuệ của loài người bị kìm hãm về nhiều mặt trong gần một thiên niên kỷ. Ở thời kỳ phục hưng văn hóa hướng tư duy được phục hưng trở lại theo con đường đúng đắn của nó từ thời cổ đại. Tư duy thời kỳ này được hướng vào cuộc sống trần gian, cuộc sống hiện thực của con người với những giá trị chân chính của nó. Hướng tư duy đúng đắn này đã tạo ra bước ngoặt rất quan trọng trong lịch sử tư tưởng của xã hội loài người. Nhiều học thuyết nhân văn tiến bộ đã ra đời trong thời kỳ này. Với hướng tư duy ấy, thời kỳ này đã sinh ra «những con người khổng lồ», những thiên tài nhiều mặt như Ra-pha-en, Lê-ô-na Đơ Vanh-xi... Song, ở các thời

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t. 38, tr. 125.

Digitized by Google

đại trước hướng tư duy thường được định ra một cách tự phát theo yêu cầu của cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội có giai cấp đối kháng. Trong thời đại ngày nay, khi cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trên thế giới đang phát triển nhanh, mạnh như vũ bão, khi chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản đã và đang trở thành lương tâm, trí tuệ của thời đại, thì việc định hướng tư duy đòi hỏi tính tự giác cao, tính khoa học sâu sắc. Hướng tư duy càng đúng đắn, càng khoa học thì càng có sức mạnh tập hợp lực lượng nghiên cứu khoa học, càng có điều kiện để tập trung phát huy trí tuệ của quần chúng nhân dân. Nhận rõ vai trò quan trọng của việc định hướng đó, Đảng ta, tại Đại hội thứ VI của mình, đã kêu gọi toàn đảng, toàn dân đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế.

Hướng tư duy đúng đắn đó sẽ là động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển trí sáng tạo của các cấp, các ngành cũng như của các cán bộ, đảng viên và quần chúng, trong việc thực hiện nghị quyết Đại hội VI của Đảng.

Định hướng tư duy đúng đắn là việc làm cần thiết, rất quan trọng, nhưng chưa đủ. Để bảo đảm cho hoạt động tư duy đạt được mục tiêu theo hướng đã định, còn phải có phương pháp tư duy khoa học. Nhiều khi hoạt động tư duy không đạt được kết quả chỉ vì phương pháp tư duy không khoa học.

Phương pháp tư duy đúng đắn nhất, khoa học nhất là phương pháp biện chứng duy vật. Thực hiện phương pháp này, hoạt động tư duy phải bảo đảm tính khách quan trong nhận thức, phải tôn trọng hiện thực khách quan, tức là tôn trọng hiện thực diễn ra độc lập, không phụ thuộc vào ý chí cũng như ý muốn chủ quan của con người, của một nhóm người hoặc của một tập thể đông đảo nào đó. Sự lãnh đạo một cách khoa học đòi hỏi phải tôn trọng hiện thực khách quan trong việc xem xét đánh giá tình hình, trong việc quyết định những chủ trương, biện pháp về kinh tế, xã hội.

Tôn trọng hiện thực khách quan có nghĩa là chỉ rõ sự vật như nó tồn tại, sự vật là nó chứ không phải là cái khác. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải đặt chủ nghĩa xã hội trên miếng đất hiện thực của chúng ta. Linh hồn sống của chủ nghĩa Mác là xem xét cụ thể mỗi tình hình cụ thể, cho nên phải đứng trên quan điểm biện chứng để đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là yêu cầu của Ăng-ghen đối với chủ nghĩa xã hội khoa học. Ăng-ghen đã phê phán chủ nghĩa xã hội khổ hạnh rập khuôn kiểu Spác-tơ (cấm chỉ mọi thứ biểu hiện hưởng lạc), phê phán chủ nghĩa xã hội như là biểu hiện của chân lý tuyệt đối, của lý tính tuyệt đối và chỉ cần người ta phát hiện ra nó là nó chinh phục được thế giới bằng sức mạnh của bản thân nó. Ăng-ghen đòi hỏi những người mác xít không được chiết trung hóa chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội chiết trung là sự hỗn hợp đủ các sắc thái hết sức khác nhau. Ăng-ghen coi thứ chủ nghĩa xã hội chiết trung đó "giống như những hòn đá cuội đã mòn đi dưới dòng suối chảy" (2).

Trong thời gian qua, đã có lúc chúng ta cố gò hiện thực Việt nam theo mô hình lý tưởng của chủ nghĩa xã hội mà không đặt chủ nghĩa xã hội vào miếng đất hiện thực Việt nam với những đặc điểm lớn nhất của nó là sản xuất nhỏ, là hậu quả nặng nề của chiến tranh, để xác định những bước đi phù hợp trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Quy luật công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là quy luật xuyên suốt cả thời kỳ quá độ nhưng vận dụng quy luật đó cũng phải có những điều kiện nghiêm ngặt của nó về mặt cơ sở vật

(2) Ph. Ăng-ghen: *Chống Duy-rinh*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1971, tr. 31.

Digitized by Google

chất, kỹ thuật, và phải trải qua một quá trình lâu dài. Quá trình công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa diễ. ra qua ba giai đoạn (hiệp tác giản đơn, công trường thủ công và đại cơ kí) phải mất vài trăm năm. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta ngày nay có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển nhanh hơn nhưng cũng không thể diễn ra trong vài ba kế hoạch năm năm mà phải tính đến thời gian nhiều chục năm. Phải xác định những bước đi hợp quy luật; đề ra những mục tiêu hiện thực, chứ không phải là mục tiêu ảo tưởng. Tùy theo mỗi bước đi mà xác định thứ tự ưu tiên khác nhau trong việc phát triển công nghiệp nặng. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa theo kiểu duy ý chí, bất chấp quy luật, nóng vội, đốt cháy giai đoạn sẽ dẫn tới thất bại, tổn thất, làm chậm lại sự vận động của quy luật, do đó cản trở sự phát triển kinh tế và xã hội.

Những khuyết điểm nói trên có nhiều nguyên nhân, có nguyên nhân về trình độ hiểu biết, có nguyên nhân về điều kiện, hoàn cảnh khách quan, có nguyên nhân về trình độ phát triển của tư duy. Về mặt triết học, một trong những nguyên nhân của các khuyết điểm nói trên là nguyên nhân về phương pháp tư duy, nói theo cách nói của Ăng-ghen, đó là « sự sa lầy » vào phương pháp tư duy siêu hình (3). Trước tình hình đó, Ăng-ghen đòi hỏi, hơn bao giờ hết phải *trở lại* phép biện chứng duy vật phải đặt chủ nghĩa xã hội trên một miếng đất hiện thực để xem xét những mối liên hệ và « những tác động qua lại lẫn nhau trong đó không có cái gì là không vận động và không thay đổi mà tất cả đều vận động, biến hóa, xuất hiện và biến đi » (4).

Việc đổi mới tư duy trên lĩnh vực này đòi hỏi phải nắm vững phép biện chứng, phải nắm được linh hồn sống của chủ nghĩa Mác, làm cho những quan niệm về chủ nghĩa xã hội trở nên khoa học hơn, cụ thể hơn, thiết thực hơn trong quá trình vận dụng vào thực tiễn cách mạng Việt nam trong từng giai đoạn. Việc đổi mới tư duy đòi hỏi phải « làm mềm » những khái niệm về chủ nghĩa xã hội, không được biến chúng thành những tín điều cứng nhắc, khô khan. Việc đổi mới tư duy còn đòi hỏi phải bảo đảm được tính thống nhất biện chứng giữa cái phủ định và cái khẳng định. Phủ định cái cũ phải là phủ định biện chứng; phủ định có kế thừa những yếu tố tích cực cần thiết cho sự phát triển, đồng thời khẳng định cái mới, cái đang phát triển, cái có sức sống trong tương lai. Đối với chúng ta hiện nay, việc đổi mới tư duy đòi hỏi, về mặt phương pháp luận, phải phủ định phương pháp tư duy siêu hình, máy móc, giáo điều, rập khuôn; và phải khẳng định tư duy biện chứng, tư duy theo quy luật của chủ nghĩa xã hội; về mặt quan điểm tư tưởng, phải khắc phục tư tưởng tiểu tư sản vừa « tả » khuynh vừa hữu khuynh trong hoạt động thực tiễn.

3. Đổi mới tư duy là việc làm khó khăn, cần phải có những điều kiện tiên quyết:

Một là, phải tuân theo những quy luật của tư duy, do đó trước hết phải hiểu biết về tư duy, phải nắm vững những quy luật của tư duy trên các lĩnh vực tâm lý học, lô gích học (bao gồm lô gích hình thức và lô gích biện chứng), ngôn ngữ học, điều khiển học. Nhận thức không phải là khảm nhập (introjection) theo kiểu A-vê-na-ri-uýt; cũng không phải là sự hiện thân, tha hóa của ý niệm tuyệt đối kiểu Hê-ghen; càng không phải là sự hồi tưởng của linh hồn bất tử kiểu Platông. Tư duy là hình thức cao nhất của phản ánh, là hoạt động phản ánh

(3) Sách đã dẫn, tr. 31.
(4) Sách đã dẫn, tr. 32.

Digitized by Google

ở cấp độ trừu tượng, khái quát, gián tiếp. Nó là hoạt động *sản xuất tinh thần*, có khả năng dự báo, cho nên nói đổi mới tư duy là đổi mới hoạt động của tư duy sao cho tư duy phù hợp với tồn tại, phản ánh đúng đắn hiện thực khách quan và dự báo đúng đắn hướng phát triển của nó.

Hai là, phải có trình độ văn hóa nhất định về khoa học tự nhiên cũng như về khoa học xã hội. Nghĩa là phải đạt đến một trình độ tư duy trừu tượng nhất định thì người ta mới có điều kiện để đổi mới tư duy và mới có khả năng để tư duy về cái cần đổi mới. Không có điều kiện này thì cũng khó có khả năng đổi mới tư duy. Lê-nin cho rằng: «sai lầm lớn nhất và tệ nhất mà một người mác xít có thể mắc phải, là tưởng rằng quần chúng nhân dân đông hàng bao nhiêu triệu con người... chỉ có thể thoát ra khỏi vòng tối tăm ấy bằng con đường trực tiếp của một nền giáo dục thuần túy mác xít» (5).

Ba là, phải nắm được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, nhất là phải nắm được nội dung cơ bản của phép biện chứng. «Khinh miệt phép biện chứng thì không thể không bị trừng phạt» (6).

Bốn là, phải có tinh thần cách mạng tiến công, chống bảo thủ, trì trệ; phải có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, kinh nghiệm lịch sử. Những kinh nghiệm này cũng là cơ sở của tư duy lý luận. Ăng-ghen chỉ rõ: «Tư duy lý luận của mỗi thời đại, tức là kể cả tư duy lý luận của thời đại chúng ta, là một sản phẩm lịch sử... và điều đó có một ý nghĩa quan trọng ngay cả đối với việc ứng dụng thực tế tư duy vào lĩnh vực kinh nghiệm» (7). Nếu không tích lũy được vốn kinh nghiệm thực tiễn cần thiết thì cũng khó có điều kiện đổi mới tư duy. Ở nước ta trong những năm qua việc đổi mới tư duy có nhiều nguồn, trong đó một nguồn quan trọng là kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng nhân dân lao động trong hoạt động thực tiễn.

Những điều kiện này bổ sung cho nhau, tác động, hỗ trợ lẫn nhau, tạo nên khả năng tổng hợp để đổi mới tư duy, biến thành tiềm lực của tư duy để phát triển lý luận. Phát triển lý luận để đổi mới tư duy và đổi mới tư duy để phát triển lý luận, để hoàn thiện phương pháp tư duy và phương pháp hành động, làm cho con người khôn ngoan hơn, thông minh hơn, năng động, sáng tạo hơn trong hoạt động thực tiễn. Ăng-ghen nhấn mạnh: «Một dân tộc muốn đứng vững trên đỉnh cao của khoa học, không thể không có tư duy lý luận» (8). Ngược lại, nếu dốt nát thì chẳng những không đổi mới được tư duy mà còn có thể, như Mác chỉ rõ, gây ra nhiều bi kịch» (9).

Không thể chỉ giải quyết vấn đề đổi mới tư duy bằng nhiệt tình cách mạng, cũng không thể chỉ thực hiện nó bằng cách «dũng cảm xông lên» như trong chiến đấu, hay bằng những biện pháp quân sự như mở «chiến dịch», «mở đột phá khẩu».

Đổi mới tư duy là một quá trình phát huy sức mạnh của tư duy. Trí thông minh, tính năng động sáng tạo và sự nhạy bén của tư duy phải được thể hiện trong suốt quá trình đổi mới tư duy. Đó là vấn đề khoa học cho nên cần phải giải quyết bằng khoa học, bằng những biện pháp tổng hợp, đồng bộ nhằm không ngừng nâng cao trình độ, năng lực tư duy cho mọi người, trước hết là những cán bộ chủ chốt ở các ngành, các cấp.

(Xem tiếp trang 68)

(5) V.I. Lê-nin: ***Toàn tập***, Nxb Tiến bộ, Mat-xcơ-va, 1978, t. 45, tr. 31.

(6) Ph. Ăng-ghen: ***Biện chứng của tự nhiên***. Nxb Sự thật, Hà nội, 1963, tr. 101.

(7), (8) Sách đã dẫn, tr. 75, 72

(9) C. Mác: *Toàn tập*, tiếng Nga, t. I, tr. 112.

Digitized by Google

ĐAN TÂM

YÊU CẦU MỚI CỦA CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG CÔNG NHÂN

VẬN động công nhân bao giờ cũng là nhiệm vụ chiến lược của Đảng. Ngày nay giai cấp công nhân nước ta có trách nhiệm nặng nề và vẻ vang là đi đầu thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đó là nhiệm vụ chính trị trung tâm của giai cấp công nhân và cũng là mục tiêu chủ yếu của công tác vận động công nhân của Đảng.

Trong những năm qua, do sản xuất công nghiệp có những yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu bức thiết của đất nước, nhiều cơ sở công nghiệp mới xây dựng chưa phát huy tác dụng, trong đội ngũ công nhân có nhiều biểu hiện tiêu cực..., cho nên trong đảng và trong xã hội còn có sự nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của giai cấp công nhân và công tác vận động công nhân. Phương thức vận động công nhân chưa được đổi mới. Công tác vận động công nhân chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng. Có nhiều vấn đề quan hệ trực tiếp đến vai trò giai cấp công nhân và phong trào công nhân chưa được giải quyết tốt.

Chẳng hạn, trong việc tổ chức và sắp xếp lại các ngành sản xuất công nghiệp đã không thực hiện tốt chủ trương tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh — cơ sở quyết định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân về mặt kinh tế. Trong việc xây dựng cơ cấu kinh tế chưa làm rõ vai trò của công nghiệp đối với các loại hình cơ cấu công — nông nghiệp trên phạm vi toàn quốc hoặc toàn thành phố và cơ cấu nông — công nghiệp trên địa bàn huyện.

Trong cải tiến quản lý kinh tế, chưa kiên quyết thực hiện quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở, chưa coi trọng nhân tố con người trong lao động sản xuất, chưa dựa vào giai cấp công nhân, phát động công nhân tham gia đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Các cơ quan và cán bộ quản lý còn cho rằng đó là việc riêng của các « nhà quản lý », là việc mở rộng quyền cho giám đốc, chứ chưa nhận thức được ý nghĩa quan trọng của việc phát huy quyền của tập thể những người lao động ở cơ sở.

Trong phân phối sản phẩm xã hội, chưa coi giai cấp công nhân là « lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội » (Lê-nin) cho nên đã không kiên quyết thực hiện những biện pháp có hiệu lực để bảo đảm sự thu nhập thỏa đáng cho công nhân, viên chức (+).

Giai cấp công nhân là cơ sở và chỗ dựa của chuyên chính vô sản, nhưng các tổ chức đảng và cơ quan nhà nước chưa làm tròn trách nhiệm đối với việc xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân nước

(+) Năm 1985 quan hệ thu nhập thực tế giữa các tầng lớp nhân dân ở nước ta là: công nhân: 1, nông dân: 1,5, tư thương: 10 đến 15.

Digitized by Google

ta, bên cạnh bản chất cách mạng là cơ bản, còn nhiều mặt non yếu, cả về số lượng, cơ cấu cũng như chất lượng. Việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ công nhân và cán bộ kỹ thuật trong nhiều ngành, nhiều địa phương chưa được chú trọng. Hiện nay, trên 50% số công nhân ở nước ta chưa được đào tạo qua các trường lớp dạy nghề, trong khi đó không ít công nhân đào tạo xong lại không có việc làm, hoặc bố trí không đúng ngành nghề. Còn thiếu công nhân kỹ thuật, công nhân đau dàn. Sức khỏe của nhiều công nhân bị giảm sút.

Bản thân công nhân cũng chưa nhận thức sâu sắc vai trò, sứ mệnh lịch sử của mình, chưa thể hiện đầy đủ vai trò tiên phong của mình. Thậm chí còn có những nhận thức lệch lạc và có những biểu hiện tiêu cực, không phù hợp với bản chất cách mạng của giai cấp công nhân.

★

Đại hội toàn quốc thứ VI của Đảng ta đã vạch ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của cách mạng nước ta trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Đại hội cũng đã xác định phương hướng, yêu cầu, nội dung công tác vận động quần chúng trong giai đoạn mới, nhấn mạnh sự cần thiết phải đổi mới nội dung và phương thức vận động quần chúng, trong đó có công tác vận động công nhân.

Mục tiêu chủ yếu của công tác vận động công nhân trong giai đoạn hiện nay, là nhằm thực hiện thắng lợi các kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân, xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, bảo đảm cho giai cấp công nhân đủ sức gánh vác nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm tới, phương hướng và nội dung của công tác vận động công nhân là bằng mọi cách phát huy quyền làm chủ tập thể của giai cấp công nhân; tổ chức, động viên công nhân, viên chức đi đầu phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng. Cụ thể là phải thực hiện tốt 5 mục tiêu kinh tế — xã hội, 3 chương trình lớn (lương thực — thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu) do Đại hội thứ VI của Đảng đề ra. Đặc biệt phải tạo ra phong trào cách mạng sôi nổi của giai cấp công nhân trên mặt trận kinh tế nhằm tạo ra sản phẩm ngày càng nhiều cho xã hội; thực hiện quyền làm chủ thật sự của giai cấp công nhân trong việc xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng và thực hiện cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa; làm cho kế hoạch kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế phù hợp với các quy luật kinh tế, các nguyên tắc quản lý, và phản ánh được ý chí, nguyện vọng và lợi ích của giai cấp công nhân.

Để đạt được mục tiêu, phương hướng và nội dung chủ yếu nói trên, cần thực hiện một số biện pháp chính sau đây:

1 — Tăng cường giáo dục, rèn luyện lập trường, quan điểm giai cấp công nhân cho cán bộ, đảng viên

Đây là biện pháp vừa cơ bản, vừa cấp bách nhằm tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác vận động công nhân và tác động trực tiếp đến hoạt động của các cơ quan đảng, nhà nước và các tổ chức xã hội.

Cần làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên có nhận thức đúng đắn về bản chất cách mạng, về sứ mệnh lịch sử và vai trò quyết định của giai cấp công nhân đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đất nước; đồng thời giáo dục cho các tầng lớp nhân dân,

Digitized by Google

kể cả giai cấp công nhân, nhận thức được những vấn đề đó.

Đây là một việc làm rất khó khăn và lâu dài, đòi hỏi phải có sự kiên trì, thường xuyên, với nhiều biện pháp có hiệu quả. Bởi vì, đại bộ phận cán bộ, đảng viên nước ta không xuất thân từ công nhân, lại hoạt động nhiều năm trong cơ chế quản lý tập trung quan liêu, Lao cấp, cho nên chưa có nhận thức đầy đủ về lập trường giai cấp công nhân và quan điểm quần chúng của Đảng. Một số không ít cán bộ, đảng viên sa sút về phẩm chất đạo đức, vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật Nhà nước. Do đó đã làm giảm sút uy tín của Đảng, làm tổn thương nghiêm trọng mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng. Có nhiều đảng viên, nhất là đảng viên ở nông thôn, chưa nhận thức được mình phải là người của giai cấp công nhân, hơn nữa phải là phần tử tiên tiến nhất của giai cấp công nhân.

Vì vậy, cùng với việc giáo dục lý luận Mác—Lê-nin và đường lối, chính sách của Đảng, cần phải nâng cao nhận thức của đảng viên về quan điểm, lập trường của giai cấp công nhân, đấu tranh không khoan nhượng chống những ý nghĩ và việc làm trái với lập trường giai cấp công nhân, quan điểm của Đảng; đồng thời tăng cường việc đưa vào đảng những công nhân ưu tú để tăng thành phần công nhân trong đảng, kiên quyết đưa ra khỏi đảng những đảng viên thoái hóa, hư hỏng để nhanh chóng cải thiện chất lượng đội ngũ đảng viên của Đảng.

2 — Tổ chức, động viên công nhân, viên chức phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế—xã hội.

Trong giai đoạn hiện nay, nội dung chủ yếu của phong trào thi đua của giai cấp công nhân là thực hiện thắng lợi các mục tiêu cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất, kinh doanh trên cơ sở phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Cần khắc phục kiểu hô hào thi đua suông, không có mục tiêu, chỉ tiêu, không có nội dung cụ thể và loại trừ bệnh hình thức, quan liêu và hành chính hóa trong tổ chức thi đua, theo kiểu cán bộ cấp trên giao ước « thi đua » thay cho quần chúng, không để cho quần chúng bàn bạc, cam kết thi đua. Muốn vậy, phải tổ chức tốt các hội nghị công nhân viên chức, hợp đồng tập thể và đăng ký thi đua, làm cho các hình thức đó thật sự phản ánh được ý chí phấn đấu, lòng hăng hái cách mạng và quyền lợi thiết thân của công nhân, lao động ở từng đơn vị cơ sở, thực hiện trong thực tế quyền của họ đối với các sinh hoạt dân chủ và phong trào thi đua ở cơ sở

Cần thông qua phong trào thi đua để giáo dục, nâng cao ý thức tập thể, thái độ lao động mới và kỷ luật lao động, rèn luyện và nâng cao trình độ nghề nghiệp cho công nhân, lao động; thực hiện tốt nguyên tắc phân phối theo lao động, đãi ngộ thỏa đáng người có cống hiến, có thành tích, kết hợp hài hòa ba lợi ích, thì phong trào thi đua mới giữ vững và phát triển được. Thi đua là hành động tự giác của quần chúng, « là phương pháp cộng sản chủ nghĩa để kiến thiết chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản » (Lê-nin). Do đó thi đua phải do công đoàn tổ chức, động viên, dưới sự lãnh đạo của Đảng; và phải được các cơ quan nhà nước tạo các điều kiện và tiền đề cần thiết (kế hoạch, vật tư, nguyên liệu...) mới thu được kết quả.

3 — Chăm lo xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân vững mạnh ngang tầm nhiệm vụ lịch sử của giai cấp công nhân.

Báo cáo chính trị của BCHTƯ Đảng tại Đại hội thứ VI của Đảng ta đã chỉ rõ: « Đảng và Nhà nước phải có chính sách xây dựng đội ngũ giai cấp công

Digitized by Google

nhận... Đảng cần có những biện pháp cụ thể nhằm nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ hiểu biết về mọi mặt để xứng đáng với vị trí giai cấp tiên phong của cách mạng, đồng thời chăm lo đời sống vật chất và văn hóa, tạo ra những điều kiện cần thiết để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình» (1). Việc xây dựng giai cấp công nhân lao gồm rất nhiều mặt:

Về mặt chính trị, cần nâng cao giác ngộ giai cấp, làm cho công nhân ý thức được trách nhiệm lịch sử của giai cấp mình đối với xã hội và đất nước; tự giác phấn đấu thực hiện lý tưởng của giai cấp mình là xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội và làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Trên cơ sở giác ngộ giai cấp, công nhân sẽ đi đầu trong việc thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế, từng bước đưa nền kinh tế từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, điều kiện cơ bản và quyết định xóa nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, trong đó có giai cấp công nhân.

Xây dựng thái độ lao động mới — xã hội chủ nghĩa và rèn luyện, tăng cường kỷ luật lao động cho công nhân, là một yêu cầu hết sức quan trọng và cấp bách. Bởi vì hiện nay trong công nhân đang có những quan niệm và thái độ không đúng về lao động, như coi thường lao động sản xuất, chọn ngành chọn nghề theo kiểu tránh nặng tìm nhẹ, trây lười lao động, đi muộn về sớm, ăn cắp của công, làm dối làm ẩu, coi thường pháp luật... Tình hình đó không những gây ra những thiệt hại về kinh tế, mà còn làm suy giảm, xói mòn tính tổ chức, tính kỷ luật — một đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân. Đi đôi với việc tăng cường giáo dục, cần thi hành những biện pháp kinh tế cần thiết để ngăn chặn và loại trừ tình trạng tha hóa trong một bộ phận công nhân, viên chức.

Phải có biện pháp tích cực — vừa mở lớp, vừa kèm cặp bồi dưỡng tại chỗ — để nhanh chóng nâng cao trình độ lý thuyết và tay nghề cho công nhân, bảo đảm cho bậc thợ của công nhân đáp ứng cấp bậc công việc; hơn thế nữa, để tạo điều kiện cho công nhân ta sẵn sàng nhanh chóng thích nghi và làm chủ được những ngành nghề kỹ thuật hiện đại, tiên tiến đang và sẽ có trên đất nước ta.

Phải có kế hoạch và biện pháp cụ thể để tạo ra cơ cấu hợp lý giữa công nhân các ngành nghề, giữa công nhân với cán bộ kỹ thuật. Sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học kỹ thuật trên thế giới đang đòi hỏi phải có sự nhìn nhận mới về giai cấp công nhân, đặt đúng vị trí quan trọng của đội ngũ trí thức của giai cấp công nhân. Thời đại xích lại gần nhau giữa lao động trí óc và lao động chân tay do công nhân trí thức hóa, trí thức công nhân hóa đã trở thành hiện thực phổ biến. Vì vậy, sẽ là sai lầm, nếu nội dung xây dựng giai cấp công nhân lại không bao hàm xây dựng đội ngũ trí thức và xây dựng đội ngũ trí thức lại tách khỏi nội dung xây dựng giai cấp công nhân.

Chăm lo đời sống của công nhân, của người lao động là yếu tố quan trọng nhất để bảo đảm tái sản xuất lao động, là bảo đảm về mặt vật chất và thể lực cho người lao động thực hiện nghĩa vụ lao động của mình.

Những yêu cầu về đời sống của người lao động rất phong phú, đa dạng; mức sống của xã hội vừa phụ thuộc vào trình độ kinh tế của đất nước, vừa mang tính lịch sử — xã hội nhất định. Đất nước ta vừa ra khỏi cuộc chiến tranh lâu dài và ác liệt, nhu cầu mọi mặt về đời sống của công nhân và lao động rất bức thiết; nhưng cấp thiết trước mắt là cần

(1) *Báo cáo chính trị của BCHTU Đảng tại Đại hội VI, Tạp chí Cộng sản*, số 1-1987, tr. 6)

Digitized by Google

có những biện pháp hiệu nghiệm của Đảng và Nhà nước để tạo đủ việc làm, bảo đảm cho người lao động làm việc có năng suất và hiệu quả, trên cơ sở đó mà nâng cao thu nhập cho bản thân và gia đình; đồng thời tăng cường quản lý giá cả và thị trường, cung ứng những hàng tiêu dùng thiết yếu để bảo đảm tiền lương thực tế cho công nhân, lao động.

Thực tiễn những năm qua cho thấy, việc công hữu hóa tư liệu sản xuất là tiền đề và cơ sở quan trọng nhất để đưa lại lợi ích cho người lao động. Nhưng muốn cho lợi ích đó được bảo đảm trong thực tế, cần phải có chính sách phân phối công bằng, hợp lý; phải kiên quyết ngăn ngừa và đấu tranh loại trừ những hành vi xâm phạm lợi ích của người lao động do tình trạng quan liêu của cơ quan Nhà nước hoặc do sự thoái hóa, biến chất, tư lợi,... của những cán bộ, nhân viên nhà nước hư hỏng, biến chất, gây nên.

4 – Đổi mới nhận thức và nâng cao trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản đối với công tác vận động công nhân.

Công tác vận động công nhân tiến hành có kết quả thì vai trò lãnh đạo và vai trò chủ lực cách mạng của giai cấp công nhân mới được phát huy; trên cơ sở đó vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước mới được nâng cao.

Là đại biểu chính trị của giai cấp công nhân, *Đảng* coi công tác vận động công nhân là vấn đề cốt tử đối với sự nghiệp cách mạng và xây dựng, củng cố Đảng. Giai cấp công nhân chỉ có sức mạnh khi được giác ngộ về chủ nghĩa cộng sản; và Đảng chỉ thực hiện được vai trò lãnh đạo khi nắm và liên hệ chặt chẽ với giai cấp công nhân. Hồ Chủ tịch đã nói: « Giai cấp mà không có Đảng lãnh đạo thì không làm cách mạng được, Đảng mà không có giai cấp công nhân cũng không làm được gì » (2).

Theo phương hướng mà Đại hội thứ VI của Đảng đã đề ra, từng thời kỳ các cấp ủy đảng cần có những chủ trương cụ thể về vận động công nhân, cần có nghị quyết về vận động công nhân, lãnh đạo phối hợp hoạt động giữa chính quyền với công đoàn trong công tác vận động công nhân. Trong sinh hoạt đảng và phong trào công nhân, các cấp ủy đảng tăng cường giáo dục, rèn luyện lập trường, quan điểm giai cấp công nhân cho cán bộ, đảng viên; tăng cường phát triển đảng trong công nhân và đào tạo cán bộ xuất thân từ công nhân. Đó là nhân tố rất quan trọng để nâng cao tính chất giai cấp của đảng.

Là đại biểu quyền lực của giai cấp công nhân, *Nhà nước* có trách nhiệm thể chế hóa và kế hoạch hóa chủ trương và chính sách của Đảng về vận động công nhân. Trước mắt, cần có kế hoạch đào tạo, xây dựng, phát triển đội ngũ giai cấp công nhân đi đôi với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội; bổ sung và ban hành kịp thời các quy định về quyền công nhân và công đoàn trong đổi mới quản lý kinh tế; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ lao động, tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi tập thể; tăng cường giáo dục ý thức phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân cho cán bộ Nhà nước, nghiêm trị những người vi phạm quyền dân chủ chính trị và lợi ích của người lao động. Một vấn đề rất quan trọng là nhanh chóng nâng cao tỷ lệ cán bộ thành phần công nhân trong các cơ quan quyền lực cũng như các cơ quan chấp hành ở các ngành, các cấp; và có quy chế làm việc để các cán bộ đó thật sự phát huy được vai trò và tác dụng của mình.

Công đoàn là người tham mưu cho Đảng, người cộng tác gần gũi nhất của

(2) Hồ Chí Minh: *Giai cấp công nhân Việt nam và công đoàn*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1985, tr. 11.

Digitized by Google

Nhà nước trong việc thực hiện đường lối vận động công nhân. Công đoàn phải đổi mới nếp nghĩ, cách làm; đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, thật sự sống trong quần chúng, nói lên tâm tư, nguyện vọng và quyền lợi chính đáng của người lao động với Đảng và Nhà nước; khắc phục tư tưởng thụ động, đấu tranh kiên quyết chống những hành vi xâm phạm lợi ích của Nhà nước và của người lao động, thật sự là trường học rèn luyện và quản lý của giai cấp công nhân.

Sự nghiệp và tương lai của giai cấp công nhân cũng là sự nghiệp và tương lai của lớp người trẻ tuổi và phụ nữ. Hơn thế nữa, lý tưởng của giai cấp công nhân — lý tưởng cộng sản chủ nghĩa — phải do lực lượng trẻ tuổi của nước ta từ thế hệ này đến các thế hệ mai sau thực hiện. Sự nghiệp giải phóng phụ nữ phụ thuộc vào sự nghiệp của giai cấp công nhân. Vì vậy, *Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh* và *Hội liên hiệp phụ nữ* cũng như các tổ chức xã hội khác cũng có trách nhiệm tăng cường giáo dục quan điểm, lý tưởng của giai cấp công nhân cho đoàn viên, hội viên của mình; phối hợp chặt chẽ với công đoàn thực hiện thắng lợi chủ trương của Đảng về vận động công nhân, làm cho sức mạnh thống nhất của giai cấp công nhân được tăng lên, xứng đáng với giai cấp tiên phong cách mạng trong thời kỳ mới.

ĐỔI MỚI TƯ DUY...

(Tiếp theo trang 62)

Đổi mới tư duy phải là kết quả tổng hợp của những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan, của lý trí cách mạng và tinh thần cách mạng. Lê-nin chỉ rõ: «Chủ nghĩa Mác khác tất cả các lý luận xã hội chủ nghĩa khác ở chỗ nó kết hợp một cách tài tình tính sáng suốt khoa học hoàn toàn trong việc phân tích tình hình khách quan và sự tiến hóa khách quan, với việc thừa nhận một cách hết sức dứt khoát tác dụng của nghị lực cách mạng, tính sáng tạo cách mạng và tính chủ động cách mạng của quần chúng» (10).

(10) V.I. Lê-nin: ***Toàn tập***, Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1979, t. 16, tr. 29.

Digitized by Google

LƯU VĂN ĐẠT

KINH TẾ ĐỐI NGOẠI, XUẤT — NHẬP KHẨU TRONG CHẶNG ĐƯỜNG ĐẦU TIÊN CỦA THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

TRONG thời đại ngày nay, đối với bất kỳ nước nào, dù có trình độ phát triển kinh tế và khoa học — kỹ thuật cao đến đâu, dù có nguồn tài nguyên phong phú và thị trường trong nước rộng lớn đến đâu, kinh tế đối ngoại cũng rất quan trọng và có tác dụng lớn trong việc xây dựng và phát triển đất nước. Là một tất yếu khách quan bắt nguồn từ những khác biệt giữa các nước về điều kiện tự nhiên, đặc biệt về mặt địa lý, về trình độ phát triển kinh tế và khoa học kỹ thuật, kinh tế đối ngoại đã trở thành một yếu tố không thể thiếu được trong quá trình tái sản xuất xã hội và có ý nghĩa quyết định đến nhịp độ xây dựng và phát triển kinh tế, với mức độ khác nhau, tùy theo đặc điểm và điều kiện từng nước. Vì vậy, phát triển ngoại thương, mở rộng các quan hệ kinh tế đối ngoại thật sự là những đòi hỏi khách quan của thời đại.

Đảng ta đã nhiều lần khẳng định tầm quan trọng *đặc biệt* của công tác kinh tế đối ngoại.

Báo cáo chính trị của BCHTƯ Đảng tại Đại hội VI nêu rõ: «Nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế trong chặng đường đầu tiên cũng như sự nghiệp phát triển khoa học kỹ thuật và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa của nước ta tiến hành nhanh hay chậm, điều đó phụ thuộc *một phần quan trọng* vào việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại».

Nước ta bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một trình độ phát triển kinh tế thấp, từ một nền nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp chưa phát triển, sản xuất nhỏ và lao động thủ công còn phổ biến, năng suất lao động thấp, thu nhập quốc dân ít. Trong khi đó, số dân lại đông và phát triển với nhịp độ cao. Sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu tiêu dùng ở mức cần thiết và chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

Đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội và những nhiệm vụ kinh tế — xã hội cấp bách đòi hỏi nước ta phải công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa phải tiến thẳng từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, trong một thời gian lịch sử nhất định, phải nhập khẩu một lượng lớn thiết bị, máy móc, vật tư, hàng hóa thiết yếu.

Trong điều kiện đó, không thể chỉ dựa vào các yếu tố trong nước, mà cần phải thông qua các quan hệ kinh tế đối ngoại để xây dựng và phát triển kinh tế, tiến hành cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật, khắc phục các mặt mất cân đối của nền kinh tế, ổn định và cải thiện đời sống.

Điều đó hoàn toàn phù hợp với các luận điểm của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về khả năng các nước kinh tế

Digitized by Google

lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa và phù hợp với quy luật xây dựng và phát triển kinh tế ở các nước xã hội chủ nghĩa có trình độ phát triển kinh tế còn thấp. V.I. Lê-nin khẳng định: « Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ Xô viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa » (1).

Rõ ràng chỉ có thông qua kinh tế đối ngoại, hoạt động xuất – nhập khẩu, nước ta mới có điều kiện tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa tiên tiến, thực hiện tích lũy ban đầu cho chủ nghĩa xã hội.

Mặt khác, thông qua kinh tế đối ngoại, hoạt động xuất – nhập khẩu nước ta mới có điều kiện *kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại*, trên cơ sở phân công lao động quốc tế, liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa và trên cơ sở kết hợp công nghiệp với nông nghiệp, công nghiệp, nông nghiệp và xuất – nhập khẩu thành một cơ cấu nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng của đất nước và sử dụng tốt nhất những lợi ích của sự phân công lao động quốc tế, liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa

II

Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại là một trong năm chính sách và biện pháp lớn mà Đại hội VI đề ra.

Là tổng thể các quan hệ kinh tế và khoa học kỹ thuật đối ngoại, kinh tế đối ngoại bao gồm tất cả các quan hệ kinh tế và khoa học kỹ thuật với nước ngoài và các tổ chức quốc tế. Các quan hệ kinh tế và khoa học kỹ thuật nói chung thể hiện và được vật chất hóa qua các hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa (hữu hình) và dịch vụ (vô hình).

Trong các quan hệ kinh tế đối ngoại, trước mắt và về lâu dài, đối với nước ta cũng như bất kỳ nước nào khác, ngoại thương, sự trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa các nước bằng cách mua bán, gồm xuất khẩu và nhập khẩu *có làm quan trọng hàng đầu*. C. Mác đã chỉ rõ ngoại thương là một trong những nhân tố thúc đẩy sự tan rã của phương thức sản xuất phong kiến, sự hình thành của chủ nghĩa tư bản, thúc đẩy nền sản xuất hàng hóa phát triển, đưa nền tiểu sản xuất hàng hóa đi lên đại sản xuất hàng hóa mang tính thế giới.

Nghị quyết của Bộ chính trị BCH TƯĐ (khóa V) ngày 17-7-1984 ghi rõ: « Xuất khẩu là để nhập khẩu, nhập khẩu để phát triển kinh tế, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng để trực tiếp mở rộng xuất khẩu ».

Xét ở góc độ quan hệ giữa xuất khẩu và nhập khẩu, giữa xuất nhập khẩu và nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, nhập khẩu là mục đích hoạt động ngoại thương, xuất khẩu là phương tiện để phát triển ngoại thương. Với ý nghĩa đó, nhập khẩu là yếu tố rất quan trọng bảo đảm việc hoàn thành kế hoạch Nhà nước; xuất khẩu là yếu tố có ý nghĩa *quyết định* việc tăng nguồn ngoại tệ để thanh toán các khoản nhập khẩu cần thiết và việc mở rộng sự giao lưu hàng hóa với nước ngoài.

Trong điều kiện đó, xuất khẩu thật sự có *ý nghĩa chiến lược* đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế, là tiền đề để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và là mũi nhọn hiện nay trong nền kinh tế.

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1969, t. 31, tr. 295.

Digitized by Google

Báo cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội VI đã khẳng định: « Trong toàn bộ công tác kinh tế đối ngoại, *khâu quan trọng nhất là* đẩy mạnh xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu ». Vì vậy, chương trình xuất khẩu đã được Đại hội VI coi là một trong ba chương trình kinh tế lớn trong giai đoạn hiện nay và toàn đảng, toàn dân ta phải tập trung sức thực hiện bằng được. Có hoàn thành chương trình xuất khẩu thì mới bảo đảm thực hiện thắng lợi chương trình lương thực — thực phẩm và chương trình hàng tiêu dùng. Kết quả thực hiện hai chương trình này tùy thuộc một phần rất quan trọng vào kết quả thực hiện chương trình xuất khẩu.

Trong điều kiện một nền kinh tế hàng hóa chưa phát triển, quy mô xuất khẩu còn nhỏ, mặt hàng xuất khẩu còn manh mún, để hoàn thành thắng lợi chương trình xuất khẩu, vấn đề *then chốt có ý nghĩa quyết định* là tạo ra một năng lực xuất khẩu mới, tạo ra nguồn hàng xuất khẩu, với quy mô ngày càng lớn, *xây dựng hàng xuất khẩu chủ lực* có khối lượng và giá trị lớn, thị trường ổn định, trên cơ sở một cơ cấu xuất khẩu đáp ứng yêu cầu của thị trường nước ngoài đồng thời phù hợp với điều kiện của nền kinh tế nước ta — một cơ cấu tối ưu có hiệu quả cao.

Hàng xuất khẩu là để tiêu thụ ở thị trường nước ngoài, cơ cấu xuất khẩu không chỉ tùy thuộc vào khả năng sản xuất mà chủ yếu tùy thuộc vào đòi hỏi của thị trường nước ngoài, vào thị hiếu của khách hàng chúng ta *chỉ có thể bán cái người cần mua*, không chỉ bán cái ta có.

Điều đó đòi hỏi phải lựa chọn những mặt hàng xuất khẩu một cách đích đáng, nghiên cứu dự đoán thị trường quốc tế. Trong những năm trước mắt, do điều kiện cơ cấu kinh tế đang ở quá trình điều chỉnh, chưa có những thay đổi cơ bản cho nên hàng xuất khẩu chủ yếu vẫn còn là nông sản, lâm sản, hàng thủ công mỹ nghệ, và hàng công nghiệp tiêu dùng.

Trong điều kiện giá cả sản phẩm cơ bản và nông sản trên thị trường thế giới có xu hướng giảm hoặc dậm chân tại chỗ, cánh kéo giữa giá các sản phẩm cơ bản và nông sản với giá thành phẩm công nghiệp có xu hướng mở rộng, để tăng hiệu quả và tính hấp dẫn của hàng xuất khẩu, nhất thiết phải *cải tiến cơ cấu xuất khẩu* theo hướng tăng cường xuất khẩu bằng chế biến, giảm tỷ trọng các sản phẩm thô và nguyên dạng, tăng tỷ trọng các thành phẩm công nghiệp, kể cả các thành phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao (cơ khí, điện tử, hóa chất...) trong cơ cấu xuất khẩu. Đi đôi với cải tiến xuất khẩu, nhất thiết phải nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu để bảo đảm sức cạnh tranh của hàng hóa nước ta trên thị trường quốc tế và để tăng thu nhập ngoại tệ.

Việc cải tiến cơ cấu xuất khẩu đòi hỏi phải *bố trí lại cơ cấu kinh tế*, chuyển kinh tế tự cấp tự túc sang kinh tế hàng hóa, theo hướng gắn sản xuất nông nghiệp, công nghiệp với thị trường thế giới. Điều đó cũng đòi hỏi phải điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng tăng cường đầu tư cho xuất khẩu, huy động vốn trong nước và ngoài nước một cách thích đáng, tương ứng với yêu cầu của chương trình xuất khẩu.

Đồng thời với việc tạo ra năng lực xuất khẩu mới đòi hỏi một số vốn đầu tư khá lớn và một thời gian khá dài, cần triệt để khai thác năng lực xuất khẩu sẵn có.

Để tăng nguồn hàng xuất khẩu ngoài thành phần kinh tế quốc doanh, cần tổ chức và sử dụng các thành phần kinh tế tập thể, gia đình, cá thể tích cực tham gia sản xuất và khai thác hàng xuất khẩu, đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Digitized by Google

Để huy động các thành phần nói trên (kể cả vốn nhàn rỗi) góp phần đẩy mạnh xuất khẩu, cần làm cho người sản xuất và cơ sở sản xuất *thật sự quan tâm* sản xuất hàng xuất khẩu, trên cơ sở bảo đảm thích đáng lợi ích của người sản xuất, gắn lợi ích sản xuất với lợi ích xuất khẩu, bảo đảm sự thống nhất của hệ thống lợi ích giữa Nhà nước, cơ sở sản xuất và người sản xuất.

Đi đôi với việc tăng khối lượng và giá trị hàng xuất khẩu, cần tăng cường kết cấu hạ tầng phục vụ cho xuất khẩu (kho hàng, bãi bến, phương tiện vận chuyển trong nước và ra nước ngoài...) tương ứng với khối lượng hàng xuất khẩu.

Xuất khẩu hàng hóa trong giai đoạn hiện nay chưa có điều kiện tăng nhanh, chỉ mới cân đối 40% nhu cầu nhập khẩu. Để tăng nhanh thu nhập ngoại tệ, chúng ta cần phát triển mạnh mẽ các hình thức xuất khẩu vô hình, các dịch vụ thu ngoại tệ (du lịch, sửa chữa tàu biển, dịch vụ hàng không, dịch vụ hàng hải, xuất khẩu lao động, dịch vụ kiều hối v.v.)

Được tổ chức tốt, xuất khẩu vô hình có thể trở thành một nguồn thu nhập ngoại tệ *đáng kể*, ngày càng quan trọng.

Đại hội thứ VI của Đảng quyết định: « Tổ chức tốt việc đưa lao động và chuyên gia đi làm việc theo hợp đồng ở nước ngoài dưới nhiều hình thức; chú ý tới hình thức nhận thầu đồng bộ công trình xây dựng và các loại dịch vụ. Nhanh chóng khai thác các điều kiện thuận lợi của đất nước để mở mang du lịch bằng vốn đầu tư trong nước và hợp tác với nước ngoài. Phát triển vận tải quốc tế, dịch vụ cung ứng tàu biển và máy bay ». Trong chặng đường đầu, dù có những cố gắng cao nhất để phát huy các yếu tố bên trong, khai thác các tiềm năng nội bộ, xuất khẩu *chưa thể đáp ứng nhu cầu to lớn về nhập khẩu, phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế*. Do đó nhập siêu là không tránh được. Vì vậy, đi đôi với việc đẩy mạnh xuất khẩu để xây dựng chủ nghĩa xã hội trong khi chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, chúng ta *cần tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế* từ mọi nguồn và bằng mọi hình thức, chủ yếu là sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em trong khuôn khổ hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa thế giới.

Sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đặc biệt của Liên xô và các nước khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế, phải nhằm tạo ra một sự chuyển biến có ý nghĩa rất quan trọng trong nền sản xuất nước ta. Sự giúp đỡ đó trước hết phải nhằm xây dựng và mở rộng các công trình có ý nghĩa hàng đầu đối với nền kinh tế, đặc biệt trong nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp nhẹ, công nghiệp khai khoáng, cơ khí, luyện kim, giao thông vận tải và các ngành sản xuất đáp ứng yêu cầu của các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế. Sự giúp đỡ đó có tầm quan trọng *đặc biệt*, tạo điều kiện phát triển tiềm lực xuất khẩu của ta. Đó là tiền đề để thực hiện tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà và để tham gia có hiệu quả vào sự phân công lao động quốc tế, liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, chúng ta cần sử dụng có *hiệu quả nhất* sự giúp đỡ đó của các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Là một nước xã hội chủ nghĩa đang phát triển, ngoài việc tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần và có thể tranh thủ sự giúp đỡ của các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa và các tổ chức quốc tế. Các dạng viện trợ (viện trợ kinh tế, viện trợ kỹ thuật, viện trợ không hồi hoàn, viện trợ nhân đạo, cấp tín dụng v.v.), cần được

Digitized by Google

nghiên cứu và sử dụng có hiệu quả để đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển kinh tế, ổn định và cải thiện đời sống của nhân dân. Cùng với phát triển ngoại thương, việc tranh thủ viện trợ quốc tế dưới mọi hình thức, mở rộng hợp tác kinh tế, hợp tác khoa học kỹ thuật có một tầm quan trọng hàng đầu đối với nền kinh tế nước ta và đối với việc thực hiện ba chương trình kinh tế lớn. Đó là xu thế của thời đại và là một vấn đề có tính quy luật, nhằm khắc phục những mặt còn yếu của chúng ta là thiếu vốn, thiếu kỹ thuật, kinh nghiệm tổ chức và quản lý còn lạn chế, và để khai thác có hiệu quả cao tiềm năng đất đai, lao động và các tài nguyên khác của đất nước.

Đại hội thứ VI của Đảng nhấn mạnh phải mở rộng hợp tác và đa dạng hóa kinh tế đối ngoại, mở rộng hợp tác hai bên cùng có lợi với nước ngoài. Báo cáo chính trị của BCHTƯ Đảng tại Đại hội VI ghi rõ: « Cùng với việc mở rộng xuất khẩu, nhập khẩu, tranh thủ vốn viện trợ và vay dài hạn, cần vận dụng nhiều hình thức đa dạng để phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại ».

Về các hình thức hợp tác, Đại hội xác định: « Mở rộng *hơn nữa* quan hệ hợp tác *toàn diện* với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, từ các hình thức hợp đồng gia công, liên doanh đến đầu tư trực tiếp, tăng cường các quan hệ hợp tác, liên kết trực tiếp trong lĩnh vực sản xuất và khoa học giữa các tổ chức kinh tế, khoa học — kỹ thuật của nước ta với các tổ chức tương ứng của các nước anh em ». Đó là những chủ trương mới rất quan trọng phù hợp với những biện pháp liên kết mới giữa các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, tạo cho các xí nghiệp sản xuất có nhiều thuận lợi trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại. Trong các hình thức nói trên, liên doanh với nước ngoài, liên kết trực tiếp giữa các tổ chức kinh tế, khoa học — kỹ thuật của nước ta với các tổ chức tương ứng của các nước anh em là những hình thức *rất quan trọng* nhưng chưa được áp dụng rộng rãi. Vì vậy, chúng ta cần vừa làm, vừa rút kinh nghiệm nhằm từng bước hoàn thiện các hình thức hợp tác mới, phù hợp với điều kiện và trình độ phát triển kinh tế của đất nước và của từng ngành kinh tế. Cần chú trọng các hình thức hợp tác gia công và hợp tác bồi hoàn (bên nước ngoài cung cấp thiết bị, vật tư, ta hoàn trả bằng sản phẩm tạo ra).

Với các hình thức nói trên, ta có điều kiện nhập khẩu thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu phù hợp với yêu cầu sản xuất và có thị trường tiêu thụ ổn định đối với sản phẩm làm ra.

Nhằm mở rộng hợp tác kinh tế, Đảng ta khuyến khích việc đầu tư về chuyển giao kỹ thuật của nước ngoài, đồng thời khẳng định vai trò và trách nhiệm của Việt kiều trong việc xây dựng và phát triển đất nước. Báo cáo chính trị của BCHTUĐ tại Đại hội VI có ghi: « Công bố chính sách khuyến khích nước ngoài đầu tư vào nước ta dưới nhiều hình thức, nhất là đối với các ngành và cơ sở đòi hỏi kỹ thuật cao, làm hàng xuất khẩu. Đi đôi với việc công bố luật đầu tư, cần có những chính sách và biện pháp tạo điều kiện cho người nước ngoài và Việt kiều vào nước ta để hợp tác kinh doanh.

Coi trọng việc tổ chức, động viên Việt kiều xây dựng đất nước bằng nhiều cách, bao gồm cả đầu tư kỹ thuật và vốn; phát huy khả năng của kiều bào trong việc giúp đỡ mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, các công ty, các tổ chức kinh tế ở nước ngoài ».

III

Đại hội thứ V của Đảng ta xác định nguyên tắc chiến lược và phương hướng chủ yếu của công tác kinh tế

Digitized by Google

đối ngoại là mở rộng và tăng cường hợp tác toàn diện với Liên xô và phát triển hợp tác với các nước khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế theo hướng liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa, mở rộng hợp tác toàn diện và giúp đỡ lẫn nhau với Lào và Cam-pu-chia, đồng thời mở rộng thích đáng quan hệ kinh tế với các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Phương hướng nói trên đã được cụ thể hóa thêm một bước trong Đại hội thứ VI của Đảng ta. Báo cáo chính trị có ghi: «Nước ta phải tham gia sự phân công lao động quốc tế, trước hết và chủ yếu là mở rộng quan hệ phân công, hợp tác toàn diện với Liên xô, Lào và Cam-pu-chia, với các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa; đồng thời tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học – kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi».

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, nước ta có thuận lợi cơ bản là sự hợp tác tương trợ của Liên xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, vì Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em dành cho chúng ta một sự giúp đỡ to lớn, chí tình, với quy mô ngày càng lớn.

Gắn bó chặt chẽ với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác là nền tảng của chính sách kinh tế đối ngoại của Đảng ta và là vấn đề có tính quy luật trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Gắn bó chặt chẽ với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, chúng ta có một thị trường rộng lớn, vững chắc, ổn định, có khả năng tiêu thụ đại bộ phận hàng xuất khẩu, đồng thời có khả năng cung cấp đại bộ phận thiết bị, vật tư, hàng hóa thiết yếu. Chương trình tổng hợp của Hội đồng tương trợ kinh tế giúp đỡ và hợp tác với Việt nam đến năm 2000 theo những điều kiện ưu đãi là một thuận lợi lớn cho việc phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại và tiến hành công nghiệp hóa, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý của nước ta.

Đồng thời với việc phát triển mạnh mẽ các quan hệ kinh tế với Liên xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, bằng những biện pháp thiết yếu và có hiệu quả, thông qua những chương trình hợp tác cùng có lợi và phù hợp với điều kiện của từng nước, chúng ta ra sức tăng cường sự hợp tác toàn diện với Lào và Cam-pu-chia trên nguyên tắc tăng cường và phát triển mối quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông dương, giúp đỡ lẫn nhau xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trên cơ sở gắn bó chặt chẽ và hợp tác toàn diện với Liên xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, với Lào và Cam-pu-chia, chúng ta có điều kiện mở rộng và phát triển quan hệ buôn bán, hợp tác kinh tế, hợp tác khoa học – kỹ thuật với các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa, với các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài. Trên tinh thần đó, cần đẩy mạnh quan hệ hợp tác Nam – Nam, hợp tác khu vực với các nước châu Á – Thái bình dương, trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau và cùng có lợi. Chúng ta cũng cần tăng cường quan hệ hợp tác với các nước công nghiệp trên cơ sở chính sách mà Đại hội VI đã đề ra và pháp lệnh về đầu tư và chuyển giao kỹ thuật mà Nhà nước đã ban hành.

Đó là những chủ trương phù hợp với xu thế của thời đại.

Digitized by Google

NGUYỄN BÌNH

QUÁN TRIỆT MẤY NỘI DUNG CHỦ YẾU THEO HƯỚNG TƯ DUY MỚI ĐÃ NÊU TRONG NGHỊ QUYẾT 306 (DỰ THẢO) CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

BÁO cáo chính trị của BCHTƯ Đảng tại Đại hội VI đã nhấn mạnh: «Phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác». Đây cũng chính là kinh nghiệm chỉ đạo cách mạng của Đảng ta trong các giai đoạn lịch sử vừa qua. Chỉ có nhận thức đúng quy luật nắm chắc thực tiễn cách mạng, quán triệt đường lối chính sách của Đảng, mới có thể thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng. Với tinh thần đó chúng tôi xin phát biểu ý kiến về một số vấn đề chủ yếu trong nghị quyết số 306 (dự thảo) với cương vị một cán bộ quản lý đang công tác ở cơ sở.

1 — Phát huy vai trò của con người, của quần chúng trong đổi mới cơ chế quản lý nói chung, trong việc thực hiện quyền tự chủ trong kinh doanh của đơn vị cơ sở, đây là một quan điểm vừa cơ bản, vừa hiện đại trong quản lý kinh tế — xã hội. Quán triệt và thực hiện tốt việc này trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, sẽ tạo ra được một động lực thật sự góp phần có hiệu quả nhất vào việc tháo gỡ khó khăn, vượt qua khó khăn trong tình hình kinh tế—xã hội hiện nay của đất nước. Nhiều nghị quyết và các văn bản của Đảng ta đều xuyên suốt tư tưởng chỉ đạo này — Bác Hồ cũng đã từng nhắc lại câu nói dân gian nổi tiếng:

«Dễ trăm lần không dân cũng chịu
Khó vạn lần dân liệu cũng xong».

Phát huy vai trò con người trong sản xuất là quan điểm hiện đại trong quản lý kinh tế và được đặt lên hàng đầu trong Đại hội Đảng ở nhiều nước anh em vừa qua. Không những ở các nước xã hội chủ nghĩa mà các nước tư bản cũng đã bằng mọi biện pháp phong phú huy động sức sáng tạo, tính chủ động của con người để tăng năng suất lao động, tăng số lượng và nâng cao chất lượng sản phẩm. Nước ta có nguồn lao động dồi dào, chúng ta cũng phải tận dụng ưu thế này và xem đây thật sự là một sức mạnh, một tiềm năng. Quán triệt quan điểm lấy dân làm gốc, đặt niềm tin vào địa phương, cơ sở. Chính nơi đây, quần chúng lao động, giai cấp công nhân không chỉ là người hiểu rõ nhất tiềm năng hiện có của đơn vị mình, địa phương mình, họ còn có đủ tài năng và trí thông minh để khai thác tiềm năng đó. Và chính họ là người trực tiếp quản lý, giám sát chặt chẽ nhất hiệu quả hoạt động của xí nghiệp. Trong tác phẩm «Bàn về thuế lương thực», Lê nin yêu cầu phải ra sức tạo ra và phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa

Digitized by Google

phương và cơ sở. Người chỉ trích thói xấu chỉ ngồi « tranh luận danh từ », lo lắng chung chung, thảo những công văn, chỉ thị vô dụng. Lê-nin khuyến khích việc làm thử để rút kinh nghiệm. Người đánh giá các hoạt động điển hình có hiệu quả là: việc làm có ý nghĩa toàn quốc trọng yếu nhiều hơn là giữ một chức vụ nào đó ở trung ương. Trong Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô, đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp nhấn mạnh « Điều rất quan trọng là phải chấm dứt sự bao biện vụn vặt, sự can thiệp của những cơ quan cấp trên vào những quyền hợp pháp của các tập thể lao động, tạo điều kiện cho các tập thể này có thể tự mình tìm ra những biện pháp tối ưu để thực hiện các kế hoạch ».

Cơ chế tập trung quan liêu — bao cấp được duy trì quá lâu ở nước ta đã tạo nên thói quen của người giám đốc, thủ trưởng các cấp, chỉ biết ra lệnh mà không chịu nghe hoặc ít thích nghe ý kiến cấp dưới, nhất là những ý kiến trái ngược. Đó là nguyên nhân sâu xa gây ra sự xa rời quần chúng, gây ra trì trệ, lạn chế, có khi hủy hoại tinh thần sáng tạo của quần chúng lao động, cần phải kiên quyết xóa bỏ.

2— Những vấn đề Nghị quyết (dự thảo) đề cập đến lần này vừa rộng lớn, vừa bức xúc, tác động đến cơ sở hạ tầng của đất nước, là nội dung trọng yếu của việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

Như nhiều văn kiện của Đảng ta chỉ rõ, mục tiêu của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh là năng suất, chất lượng, hiệu quả. Đây cũng là một tư tưởng, một nguyên tắc cần quán triệt. Về mặt lý luận, điều này cũng rất đúng. Mục tiêu của đổi mới cơ chế quản lý kinh tế không có gì khác hơn là nhằm bảo đảm hiệu quả kinh tế — xã hội của các hoạt động lao động sản xuất. Nói cho cùng, đó là sản phẩm thặng dư, là cái mà như Ăng-ghen đã từng nói, đã và mãi mãi là cơ sở của bất kỳ sự tiến bộ nào về xã hội, chính trị và trí óc. Bảo đảm năng suất, chất lượng, hiệu quả cũng chính là tuân thủ quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, quy luật chi phối mọi quy luật trong nền kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa nói chung và của nước ta nói riêng. Đây cũng chính là quá trình vận dụng một cách khôn khéo, thông minh mối quan hệ tập trung — dân chủ, mối quan hệ kế hoạch — thị trường. Về quy chế, pháp luật đều phải nhằm đẩy mạnh sản xuất, đạt hiệu quả kinh tế — xã hội cao; vì vậy nó phải được đúc kết từ cơ sở. Các quy chế không sát hợp, gây cản trở, trì trệ cho sản xuất cần được phát hiện nhanh chóng để có biện pháp sửa chữa kịp thời.

Tiếp tục cân đối kế hoạch bằng nhiều nguồn khả năng như Nghị quyết của Đảng đã chỉ rõ là hoàn toàn đúng đắn. Trong điều kiện còn nhiều mặt mất cân đối nghiêm trọng hiện nay, thu hẹp phạm vi tác động của kế hoạch tập trung cũng chính là nhằm bảo đảm tính hiện thực của kế hoạch đối với các sản phẩm chủ yếu — xương sống của nền kinh tế quốc dân. Giao cho đơn vị kinh tế cơ sở xây dựng kế hoạch thông qua cân đối hợp đồng (kể cả hợp đồng ngang với các cơ quan cung ứng vật tư, nguyên liệu) chính là tạo cho họ quyền tự chủ đầu tiên trong việc định ra cơ cấu sản phẩm, cho họ khả năng chủ động trong sản xuất để đẩy mạnh sản xuất, tạo ra một cân đối mới trong cung cầu của xã hội, và cứ như vậy từng bước nâng cao trình độ kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân.

Cách làm kế hoạch hiện nay chưa đạt được yêu cầu này, chưa có mục tiêu rõ cho từng khu vực sản phẩm, thiếu tập trung, quá tản mạn. Lấy ngay ví dụ của Nhà máy cơ khí nông

Digitized by Google

nghiệp I là nội dề xem xét. Nhà máy làm nhiệm vụ chế tạo và khôi phục phụ tùng cũ góp phần cung cấp cho máy động lực, canh tác dùng trong ngành nông nghiệp. Về máy nông nghiệp cũng như máy móc trong nhiều ngành kinh tế quốc dân khác, hiện nay tỉ lệ huy động vào sản xuất thấp, hư hỏng nhiều, một trong những nguyên nhân quan trọng là thiếu phụ tùng thay thế. Tính ra, để bảo đảm cho hoạt động của 2 vạn đầu máy trong nông nghiệp, cần khoảng 120 tấn phụ tùng/năm, nhưng vì không có đủ nguyên, vật liệu để chạy hết công suất, nhà máy phải gia công phụ tùng cho xí nghiệp khác theo đơn đặt hàng của một đơn vị cung ứng vật tư; thậm chí có trường hợp phải hợp đồng với đơn vị cung ứng địa phương để họ cấp lại cho đơn vị cung ứng trung ương... Đây là kết quả của cách làm kế hoạch vừa qua. Nếu kể tất cả sự lộn xộn này của các xí nghiệp sản xuất cung ứng trong cả nước thì lãng phí chắc chắn sẽ không phải là nhỏ. Các trục trặc, lãng phí, tiêu cực trong cung ứng vật tư vừa qua phần lớn là do làm kế hoạch theo cách chia cắt, không sát sản xuất, không bắt nguồn từ nhu cầu của sản xuất. Tình trạng tồn kho, ứ đọng nhiều chủng loại phụ tùng, máy móc khác nhau của nhiều năm trước đây cũng chính vì cách làm kế hoạch kiểu quan liêu, xa rời thực tế.

3— Quy luật giá trị là quy luật của sản xuất hàng hóa. Hiện tượng phân chia thị trường, hạn chế lưu thông là biểu hiện của một nếp tư duy rất máy móc, chưa thấu hiểu hiện trạng nền kinh tế, chưa có nhận thức đúng về quy luật giá trị. Theo quan điểm của Mác, một hàng hóa vừa có giá trị vừa có giá trị sử dụng, nghĩa là nó vừa chứa đựng một lượng lao động nhất định, lại vừa đáp ứng được nhu cầu nào đó của con người. Khi nhu cầu của người ta có thay đổi, thì tính hữu ích của các hàng hóa đó thể hiện quan hệ giữa hàng hóa đó với nhu cầu của người ta cũng có thay đổi... Như vậy, muốn thực hiện được giá trị của hàng hóa thì chẳng những phải có chi phí sản xuất hợp lý mà còn phải tính đến nhu cầu xã hội, nếu không là g hoa làm ra sẽ khó tiêu thụ hoặc không tiêu thụ được. Do đó, việc tạo điều kiện cho người giám đốc, cho các xí nghiệp quan tâm nghiên cứu nhu cầu của xã hội, của người tiêu dùng và biết chọn một cơ cấu sản phẩm thích hợp là một yếu tố rất quan trọng để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp. Đây là con đường nâng cao trình độ kinh doanh của cơ sở, này càng làm phong phú sản phẩm xã hội, con đường nhanh chóng giải quyết sự mất cân đối tiền—hàng của đất nước. Khái niệm "giá cả mà khách hàng chấp nhận được" đang được sử dụng ở nhiều cơ sở, địa phương, đã được khẳng định trong Nghị quyết (dự thảo), là một khái niệm có căn cứ. Nói công nhận, lợi dụng tác động của quy luật giá trị trong điều kiện sản xuất ở nước ta hiện nay chính là phải công nhận những điều nói trên. Giám đốc xí nghiệp phải có quyền làm được những việc cần thiết để vận dụng quy luật đó; sau khi cân đối được sản phẩm chủ yếu, mang tính chất pháp lệnh mà Nhà nước giao cho họ, họ phải biết và được quyền lựa chọn một cơ cấu sản phẩm thích hợp nhất theo nhu cầu xã hội thông qua năng lực tiếp nhận, xử lý thông tin của bản thân và của xí nghiệp mình. Có như vậy mới thật sự cắt được cái đuôi "cung cấp", giao nộp" đã ngấm sâu vào hoạt động sản xuất theo kiểu bao cấp, bỏ lối áp đặt từ trên xuống như lâu nay thường làm, làm cho người sản xuất và cơ sở năng động lên. Mỗi khoản thu được trong hoạt động kinh doanh của xí nghiệp, sau khi làm các nghĩa vụ giao nộp theo quy định, cần cho xí nghiệp được sử dụng vào việc tăng thêm vốn của mình. Cũng không hạn chế việc bổ

Digitized by Google

ung vào các quỹ của nó. Đây là một hướng mới tạo điều kiện cho xí nghiệp phát triển. Cần sớm làm rõ khái niệm chênh lệch giá trong sản xuất, hạn chế hình thức tính lãi theo định mức, cho xí nghiệp được quyền tự chủ về tài chính trên cơ sở cân đối tài chính tích cực, bảo đảm cho xí nghiệp ngày càng phát triển và mở rộng. Cần nghiên cứu sớm về thuế, vốn và các quy định về hiệu quả vòng quay vốn, giải tán các xí nghiệp làm ăn không có hiệu quả...

4— Khoán sản phẩm cuối cùng cho tập thể lao động là một chủ trương có khả năng làm rõ nhất mối quan hệ giữa trách nhiệm và lợi ích của người sản xuất, đồng thời gắn chặt sản xuất với tiêu thụ, tức là gắn người sản xuất với xã hội. Vì vậy, đây là một xu hướng mang tính chất hiện đại trong quản lý kinh tế. Chúng ta cần nhanh chóng đưa vào áp dụng hình thức khoán này. Việc khoán sản phẩm theo nguyên công trong tình hình giá — lương — tiền đang phức tạp (tiền lương thực tế đang quá thấp) không bảo đảm được khả năng tái sản xuất sức lao động cho người sản xuất. Đây lại là nguồn gốc chính làm cho sản xuất trì trệ, giá thành sản phẩm, chi phí sản xuất sẽ tăng lên. Như vậy tiền lương khoán theo định mức nguyên công gần như mất hoàn toàn tác dụng kích thích của nó. Lấy ví dụ ở nhà máy cơ khí nông nghiệp I Hà nội, năm 1984 chủ yếu thực hiện cách trả lương khoán sản phẩm theo nguyên công, tiền lương bình quân cả năm đạt hơn 500 đồng, đến quyết toán cuối năm, chi phí tiền lương trong giá thành chiếm đến 24,8% (tiền lương chỉ mới kể phần tiền mặt, chưa tính đến phần hiện vật cung cấp). Khi chuyển sang thực hiện chính sách mới về giá — lương — tiền, tuy mới chỉ qua 3 tháng cuối năm, tỷ lệ chi phí tiền lương trong tổng thể đã thay đổi theo chiều hướng khá hợp lý: cả năm chiếm 15,6% trong tổng chi phí với bình quân 9 tháng đầu năm hơn 800 đồng (tiền cũ) và 3 tháng cuối năm 700 đồng (tiền mới). Như vậy ở 3 tháng cuối năm tiền lương chi trả đã đạt được khá cao so với lương bình quân cấp bậc. Năm 1985 sản xuất vượt 12,9% so với năm 1984. Như vậy, vấn đề không phải là hạn chế mức tiền lương, mà là định mức tiền lương thế nào để bảo đảm tái sản xuất sức lao động và từ đó đưa mức sản xuất lên. Cái mà chúng ta đang cần là hiệu quả kinh tế — xã hội của sản xuất, chứ không khống chế quỹ tiền lương, không khống chế mức thu nhập. Nghị quyết 306 (dự thảo) quy định như vậy là hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế của sản xuất ở đơn vị kinh tế cơ sở. Giao cho cơ sở sản xuất cân đối quỹ tiền lương trên cơ sở tình hình tài chính xí nghiệp chịu đựng được chính cũng là biện pháp gắn lợi ích với trách nhiệm. Xí nghiệp tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của đơn vị mình.

Nhận thức đúng các vấn đề mấu chốt của nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ chính trị TƯĐ, có quy chế bảo đảm quyền tự chủ cho cơ sở, để cho xí nghiệp tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình, đồng thời có trách nhiệm lo chung công việc của cả nước, góp phần tháo gỡ các khó khăn cho nền sản xuất của đất nước, chắc chắn chúng ta sẽ làm cho hoạt động kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở đạt hiệu quả tốt hơn.

Digitized by Google

DUY NGHI

ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ BẢO VỆ THỰC VẬT TRONG NÔNG NGHIỆP

TRONG sản xuất nông nghiệp, bảo vệ thực vật được coi là một khâu công tác quan trọng, vì nó bảo vệ năng suất cây trồng do các khâu sản xuất và các biện pháp kỹ thuật mang lại. Muốn đạt được năng suất và sản lượng cây trồng ngày càng cao, thì phải đầu tư cho công tác bảo vệ thực vật ngày một lớn. Nhiều nhà khoa học thế giới nghiên cứu thấy rằng, muốn tăng năng suất cây trồng lên 2 lần, phải tăng phân bón gấp 5 lần và đầu tư cho bảo vệ thực vật gấp từ 8 đến 10 lần (ở các nước đang phát triển). Ở các nước tiên tiến giá trị thuốc hóa học đầu tư vào việc bảo vệ thực vật chiếm trên 30% tổng giá trị hóa chất đầu tư cho nông nghiệp.

Vật tư bảo vệ thực vật bao gồm thuốc hóa học, bơm và các dụng cụ chuyên dùng khác, hiện nay ở nước ta đang còn thiếu nghiêm trọng cả về số lượng và chủng loại. Đã thế, việc quản lý các vật tư kỹ thuật đó lại mang tính chất hành chính, bao cấp nặng, phân phối phân tán, làm nảy sinh nhiều tiêu cực, gây nhiều khó khăn, ách tắc trong hoạt động bảo vệ thực vật, hiệu quả bảo vệ thực vật trên đồng ruộng rất kém, đã gây thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp của nhiều địa phương. Sản xuất nông nghiệp của chúng ta ngày càng phát triển, diễn biến sâu bệnh trên đồng ruộng do đó cũng phát sinh ngày càng phức tạp. Tình hình này đòi hỏi công tác bảo vệ thực vật của chúng ta phải đổi mới về tổ chức quản lý, phân phối và chỉ đạo sử dụng vật tư kỹ thuật bảo vệ thực vật hiện có của đất nước đạt hiệu quả cao về kỹ thuật và kinh tế để cùng với việc áp dụng các biện pháp phòng trừ sâu bệnh khác phục vụ tốt sản xuất và tăng nông sản cho xã hội.

Nhiều năm qua, ngành bảo vệ thực vật ở nước ta từ cấp trung ương đến cơ sở chỉ làm chức năng quản lý Nhà nước, nghĩa là chỉ làm nhiệm vụ nắm tình hình sâu bệnh, dự tính, dự báo và khuyến cáo những biện pháp kỹ thuật đối với sản xuất. Còn việc chỉ đạo cơ sở sản xuất thực hiện bảo vệ thực vật đúng sai, kết quả tốt xấu thế nào thì không ai chịu trách nhiệm. Vài năm gần đây, một số trạm bảo vệ thực vật của tỉnh và huyện (ở một số địa phương) đã cải tiến lề lối làm việc, chuyển hướng tổ chức theo phương thức *dịch vụ kỹ thuật bảo vệ thực vật, ký kết hợp đồng với hợp tác xã*. Ở những nơi này, sản xuất được bảo vệ, tỷ lệ sâu bệnh làm hại mùa màng giảm từ 1,5 đến 2 lần so với nơi không làm dịch vụ bảo vệ thực vật, việc đưa tiến bộ kỹ thuật vào đồng ruộng tốt hơn, mạng lưới chuyên ngành được củng cố vững chắc, việc quản lý, phân phối, sử dụng vật tư kỹ thuật hợp lý và tiết kiệm (1), được

(1) Nhiều nơi làm tốt công tác dịch vụ bảo vệ thực vật đã sử dụng hợp lý và tiết kiệm từ 20 đến 30% số lượng thuốc trừ sâu so với mức trung bình nhiều năm trước.

Digitized by Google

hợp tác xã hoan nghênh, nông dân yên tâm sản xuất.

Đổi mới cơ chế quản lý của ngành bảo vệ thực vật trong điều kiện hiện nay của nước ta thực chất là đổi mới về tổ chức và phương thức quản lý chứ không có sự khác biệt về kỹ thuật so với trước. Các trạm bảo vệ thực vật tỉnh chuyển thành chi cục bảo vệ thực vật, các trạm bảo vệ thực vật cấp huyện chuyển thành công ty dịch vụ bảo vệ thực vật, làm cả hai chức năng *quản lý nhà nước và dịch vụ kỹ thuật* của ngành bảo vệ thực vật. Việc quản lý, phân phối, chỉ đạo sử dụng các vật tư kỹ thuật bảo vệ thực vật không thể chỉ đơn thuần dựa vào chỉ tiêu kế hoạch mà còn phải được giải quyết theo yêu cầu kỹ thuật thực tế. Các biện pháp bảo vệ thực vật đối với cơ sở sản xuất lại đòi hỏi sự chỉ đạo kỹ thuật rất chặt chẽ. Chính vì vậy, các tổ chức bảo vệ thực vật của ta cần thực hiện cả hai chức năng quản lý nhà nước và dịch vụ kỹ thuật, ký kết hợp đồng kinh tế—kỹ thuật bảo vệ thực vật, chịu trách nhiệm đến sản phẩm cuối cùng của đơn vị sản xuất và người lao động.

Nội dung chính của hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật là chỉ đạo kỹ thuật, lấy phục vụ sản xuất làm mục tiêu và lao vệ sản xuất làm tiêu chuẩn đánh giá kết quả công tác. Trước đây, ngành bảo vệ thực vật chỉ làm nhiệm vụ hướng dẫn phòng trừ sâu bệnh. Nay việc phòng trừ sâu bệnh ở mỗi loại cây trồng được xây dựng thành quy trình tổng hợp. Đây là nội dung chính của chỉ đạo kỹ thuật trong hợp đồng dịch vụ bảo vệ thực vật. Nó bao gồm việc sử dụng cơ cấu giống cây trồng có năng suất cao, chống sâu bệnh tốt, thực hiện nghiêm ngặt thời vụ gieo trồng, chăm sóc tốt cây trồng (bón phân, tưới nước...), sử dụng các biện pháp diệt trừ sâu bệnh bằng thuốc hóa học và thủ công phải đúng lúc, kịp thời và có lợi nhất. Xây dựng định mức kinh tế — kỹ thuật cụ thể về các mặt kỹ thuật, lao động, tài chính, bảo đảm việc điều hành hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật tiến hành theo quy trình và có hiệu lực. Có chế độ chính sách quy định rõ quyền lợi trách nhiệm vật chất của từng tổ chức và mỗi cán bộ đối với sản xuất, tạo điều kiện cho người cán bộ sát thực tiễn sản xuất, đưa tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào đồng ruộng.

Căn cứ vào sự phát triển không đồng đều giữa các vùng và các địa phương về trình độ canh tác, về lực lượng và trình độ cán bộ, về cơ sở vật chất kỹ thuật và về tính cấp bách của sản xuất, để tổ chức các hình thức dịch vụ bảo vệ thực vật và áp dụng các phương thức hoạt động cho phù hợp. Vật tư kỹ thuật là điều kiện để công ty dịch vụ thực hiện những chủ trương kỹ thuật tốt nhất. Vì vậy, việc chọn phương thức hoạt động nào trong hợp đồng, tỷ lệ các loại hợp đồng trong một địa bàn phải được nghiên cứu cân nhắc kỹ dựa trên những điều kiện cụ thể về số lượng và trình độ cán bộ, trình độ sản xuất, điều kiện vật tư... Ví dụ: hình thức hợp đồng bảo hiểm (hợp đồng toàn diện) như kiểu của Kiến an (Hải phòng) hợp đồng đầu tư kỹ thuật (an toàn), với những mức độ khác nhau về chỉ đạo và trách nhiệm đối với sản xuất như nhiều nơi đã làm... Các phương thức đó đều tạo điều kiện cho người ở gia yên tâm về việc phòng trừ sâu bệnh và người cán bộ bảo vệ thực vật phát huy những khả năng phục vụ sản xuất của mình. Nội dung chỉ đạo kỹ thuật, tiêu chí, thưởng phạt cuối mỗi vụ sản xuất được quy định rõ ràng trong các hợp đồng đó, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi trong hoạt động kinh tế, càng tạo điều kiện để củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.

Trách nhiệm đối với sản xuất đòi hỏi người cán bộ bảo vệ thực vật phải

Digitized by Google

nắm vững kỹ thuật, vận động quần chúng làm kỹ thuật. Tổ chức dịch vụ không thể làm thay người lao động, nhưng cũng không để người lao động làm sai kỹ thuật bảo vệ thực vật. Người cán bộ kỹ thuật và người lao động tham gia hoạt động bảo vệ thực vật được hưởng một giá trị vật chất xứng đáng với khả năng đóng góp của mình vào thành quả sản xuất. Ở đây nông dân không ỷ lại vào Nhà nước và Nhà nước cũng không khoán trắng cho nông dân. Trong hoạt động dịch vụ kỹ thuật bảo vệ thực vật, công việc theo dõi chính thuộc về kỹ thuật viên ở cơ sở và trong nhiều khâu công tác phải huy động quần chúng tham gia. Mạng lưới kỹ thuật viên ở cơ sở sản xuất có vai trò rất quyết định đối với hoạt động dịch vụ chuyên ngành. Đây là lực lượng đông đảo các cán bộ kỹ thuật trực tiếp tham gia chỉ đạo phổ biến kiến thức khoa học phổ thông đến từng người nông dân. Cách quản lý trước đây không chặt chẽ và không có chế độ hợp lý về quyền lợi và trách nhiệm vật chất rõ ràng đối với đội ngũ cán bộ kỹ thuật đông đảo này. Theo cơ chế mới, tùy theo từng vùng, mỗi kỹ thuật viên phụ trách 25 — 50 hécta diện tích cây trồng (tương đương với diện tích do một đội sản xuất phụ trách) là lực lượng trực tiếp thực hiện nội dung hợp đồng dịch vụ bảo vệ thực vật từ khâu đầu đến khâu cuối của quá trình sản xuất. Công ty dịch vụ cử những cán bộ kỹ thuật theo dõi từng xã, từng vùng, chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động bảo vệ thực vật trong địa bàn mình phụ trách. Đổi mới cơ chế quản lý mạng lưới bảo vệ thực vật như vậy sẽ tăng cường, củng cố cả về tổ chức lẫn nội dung công tác bảo vệ thực vật, thật sự tạo cho nông thôn một đội ngũ những người lao động có tri thức khoa học phục vụ thiết thực cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp.

Đổi mới cơ chế quản lý ngành bảo vệ thực vật là phải thay đổi quan điểm, nhận thức về phục vụ sản xuất của công tác bảo vệ thực vật, thay đổi cách suy nghĩ và hành động của cán bộ khoa học kỹ thuật để đem lại hiệu quả thiết thực cho sản xuất nông nghiệp. Sự đổi mới này đòi hỏi phải có sự lãnh đạo chặt chẽ và sự giúp đỡ của các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương.

Từ những đơn vị quản lý hành chính bao cấp chuyển sang tổ chức theo phương thức dịch vụ kỹ thuật bảo vệ thực vật, ký kết hợp đồng với cơ sở sản xuất — sự đổi mới đó làm cho hoạt động của ngành bảo vệ thực vật có thu bù chi, đi dần vào hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Song kinh doanh ở đây không nhằm mục đích chính là thu được nhiều lãi cho ngành bảo vệ thực vật mà chính là phục vụ sản xuất để thu được cái lãi lớn nhất là đem lại nhiều sản phẩm cho xã hội. Việc đổi mới cơ chế quản lý bảo vệ thực vật có lợi cho cả Nhà nước và nông dân, mà không hề làm tăng sự đóng góp của nông dân.

Digitized by Google

HỮU HẠNH

NGÀNH CHĂN NUÔI BÒ SỮA Ở MỘC CHÂU ĐI ĐẾN ĐÂU?

I — Vùng bò sữa cao sản duy nhất của miền Bắc nước ta.

Vùng cao nguyên Mộc châu (thuộc tỉnh Sơn La) có độ cao trên 1000 mét so với mặt biển. Khí hậu trong năm chia làm hai mùa rõ rệt. Mùa lạnh từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau có nhiệt độ bình quân 13°C. Mùa nắng từ tháng 4 đến tháng 10 có nhiệt độ bình quân 21°C. Nhiệt độ không khí bình quân trong năm là 18°C, tương tự như khí hậu của các nước ôn đới. Điều kiện thời tiết như vậy rất thuận lợi và thích hợp cho việc chăn nuôi bò sữa cao sản, đặc biệt giống bò lang trắng đen thuần chủng gốc Hà lan.

Cao nguyên Mộc châu có mặt bằng sản xuất khá lớn, diện tích đất có thể đưa vào sản xuất nông nghiệp chiếm khoảng 30% tổng diện tích tự nhiên (11420 héc ta) toàn vùng. Địa hình đồi bát úp xen kẽ với những núi đá cao và các thung lũng rộng, có nhiều đồng cỏ thoai thoải thích hợp cho việc chăn thả bò sữa, có đất trồng màu làm thức ăn tinh và cây làm thức ăn cho gia súc. Hiện nay, tổng diện tích đất nông nghiệp đưa vào khai thác của Xí nghiệp liên hiệp Mộc châu (tiền thân là đất của nông trường Mộc châu trước kia) đã có 4480 héc ta. Trong đó, đất trồng trọt có 2095 héc ta, bao gồm 996 héc ta chè và 1099 héc ta cây trồng hằng năm. Đồng cỏ chăn thả có 2385 héc ta, bao gồm: 1579 héc ta đồng cỏ xây dựng và 806 héc ta đồng cỏ cải tạo. Với điều kiện đất đai như trên, hằng năm ở đây đã sản xuất ra gần 1000 tấn lương thực quy thóc và trên dưới 5000 tấn thức ăn xanh thô bổ sung cho đàn bò sữa.

Từ cuối năm 1969, giống bò sữa lang trắng đen gốc Hà lan do Cu-ba giúp ta (gọi tắt là bò sữa Hà lan—Cu-ba) đưa vào cao nguyên Mộc châu có 129 con. Qua 5 năm nuôi thử, bò sữa Hà lan — Cu-ba (cũng như các giống bò sữa cao sản khác nhập nội) nuôi ở vùng Mộc châu phát triển tốt và cho năng suất sữa cao. Bình quân mỗi bò vắt sữa cho trên 13 lít/ngày. Có những con trong một chu kỳ vắt sữa cho tới 9000 lít. Trong 2 năm 1975 và 1976, Cu-ba giúp thêm cho ta 746 bò sữa Hà lan — Cu-ba (số này cũng được nhập vào nông trường Mộc châu). Đồng thời, Đảng và Chính phủ Cu-ba còn đưa cán bộ, công nhân và vật tư sang Mộc châu giúp ta xây dựng 21 trại bò, trong đó có 16 trại bò sinh sản, một trung tâm nuôi bê từ sơ sinh đến 4 tháng tuổi với cơ số 500 con, và 4 trung tâm nuôi bò tơ lớn. Các trại chăn nuôi đó bao gồm một hệ thống chuồng được trang bị tương đối đầy đủ phương tiện phục vụ chăn nuôi bò sữa. Cán bộ và công nhân Cu-ba còn giúp ta xây dựng hơn 900 héc ta đồng cỏ. Diện tích đồng cỏ xây dựng đó được phân trục, chia lô,

Digitized by Google

cắm cọc xi măng cốt sắt rào giây thép gai chắc chắn, đủ điều kiện để thực hiện phương thức chăn nuôi mới «chăn thả luân phiên tự động có tổ chức trên đồng cỏ». Đàn bò ở đây ăn cỏ chủ yếu ngoài đồng cỏ, chỉ về chuồng khi ăn thức ăn tinh và uống nước. Đối với bò vắt sữa thì phải về trại để vắt sữa. Thời gian bò ở ngoài đồng cỏ là 2/3 thời gian ngày đêm. Riêng mùa đông, thời gian bò ở chuồng nhiều hơn vì phải ăn thức ăn xanh thô bổ sung.

Cùng với hệ thống chuồng trại và đồng cỏ, ở đây còn có một hệ thống công trình phục vụ chăn nuôi tương đối quy mô: có nhà máy phát điện riêng, đường dây điện được kéo về đến tận các trại bò; điện cung cấp thường xuyên cho chăn nuôi 21/21 giờ, bảo đảm điện năng cho máy móc trong các trại chăn nuôi hoạt động. Để phục vụ kịp thời và chủ động cho việc chăm sóc và nuôi dưỡng đàn bò giống, ở đây còn có một xưởng chế biến thức ăn gia súc với công suất 2 tấn/giờ. Toàn bộ nguyên liệu làm thức ăn cho chăn nuôi được chế biến theo yêu cầu kỹ thuật. Việc vận chuyển thức ăn gia súc cũng như chăm sóc thâm canh đồng cỏ phần lớn được cơ giới hóa bằng hệ thống ô tô, máy kéo và máy nông nghiệp.

Một đội ngũ cán bộ, công nhân có kỹ thuật và tay nghề chăn nuôi bò sữa đã được đào tạo, bồi dưỡng. Trong số đó có 30 cán bộ có trình độ đại học, 41 cán bộ có trình độ trung học và 283 công nhân trực tiếp chăn nuôi đều qua lớp sơ cấp chăn nuôi 6 tháng. Ngoài ra, còn có một đội ngũ công nhân kỹ thuật dẫn tinh đông viên lành nghề đã qua lớp huấn luyện kỹ thuật 6 tháng trở lên và trưởng thành trong sản xuất.

Điều kiện thời tiết và khí hậu, đất đai và đồng cỏ, cơ sở vật chất và kỹ thuật, tổ chức và con người với trình độ và tay nghề như trên cho phép tổ chức vùng Mộc châu thành (và thực tế đã hình thành) một trung tâm chăn nuôi bò sữa cao sản theo công nghiệp (1) có khả năng cung cấp một khối lượng lớn sữa bò phục vụ tiêu dùng cho nhân dân ta.

II — Ngành chăn nuôi bò sữa ở Mộc châu đang trên đà đi xuống.

Những năm đầu đàn bò sữa Hà lan — Cu-ba nuôi ở nông trường Mộc châu được chăm sóc chu đáo và nuôi dưỡng đầy đủ, cho nên bò phát triển tốt. Đàn bò đã đi vào thế định hình ổn định sau những năm đầu nuôi với điều kiện thích hợp. Tốc độ tăng đàn bình quân hằng năm đạt 10%. Cơ cấu đàn phát triển trên 50% cái sinh sản là thích hợp.

Nhưng thời kỳ phát triển của đàn bò sữa cao sản ở đây chỉ duy trì được mấy năm đầu. Càng về sau, nhất là những năm gần đây, nhiều chỉ tiêu kinh tế — kỹ thuật của đàn bò sữa giảm sút dần đưa đến tình trạng thực tế hiện nay ngành nuôi bò sữa ở Mộc châu đang trên đà đi xuống.

Công tác giống và thụ tinh nhân tạo cho đàn bò trong những năm đầu được tổ chức và thực hiện một cách nghiêm túc. Toàn bộ đàn bò sữa nhập nội đều có lý lịch rõ ràng, chất lượng con giống bảo đảm và được ghép đôi giao phối theo hướng dẫn kỹ thuật. Toàn bộ đàn cái được phối bằng tinh đông viên cho kết quả khá tốt. Tỷ lệ đẻ đạt 82,45% số bò phối giống. Tỷ lệ sẩy thai 6,8%, tỷ lệ đẻ non 1,5%. Càng những năm về sau cho đến nay, công tác phối giống gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn. Ví dụ: ni tơ và tinh

(1) Cả nước ta chỉ có hai vùng Mộc châu và Lâm đồng có điều kiện thiên nhiên mới được bò sữa cao sản. Theo kế hoạch bố trí chiến lược kinh tế — xã hội của tỉnh Sơn la đến năm 2000, Mộc châu có thể phát triển 8500 bò sữa cao sản.

Digitized by Google

cung cấp không đủ và không đều. Phương tiện vận chuyển tinh và ni tơ xuống các cơ sở chăn nuôi không có. Đàn bò cái không được ăn uống đầy đủ, suy dinh dưỡng, lại thiếu thuốc điều trị các bệnh sản khoa, cho nên đến thời kỳ phối giống không động dục được. Thêm vào đó, việc thực hiện quy trình kỹ thuật ngày càng lỏng lẻo ảnh hưởng lớn đến khả năng phát triển và sức sản xuất của đàn bò giống.

Lúc đầu, công tác *chăm sóc đàn bê non* rất chu đáo việc nuôi bê được tiến hành với nhiều khẩu phần sữa nguyên khác nhau trong chu kỳ ăn sữa, thức ăn bảo đảm chất lượng, đàn bê có đầy đủ dinh dưỡng phát triển khá tốt. Bê nuôi 15 tháng tuổi đạt trọng lượng 250 – 312 kg/con (bò Hà lan – Cu-ba nhập nội vào Mộc châu) bình quân 15 tháng tuổi cũng chỉ có trọng lượng 225 kg/con. Nuôi 18 tháng tuổi đạt 322 – 357 kg/con và bắt đầu động đực đưa vào phối tinh lần đầu tiên. Những năm về sau, do ăn uống thiếu thốn, chất lượng thức ăn kém, nhất là những chất cần thiết cho phát triển cơ thể gia súc non (như: đạm, khoáng, các nguyên tố vi lượng) cũng thiếu, do đó bê non phát triển chậm lại: 18 tháng tuổi mới đạt trọng lượng bình quân trên 240 kg/con, phải 24 tháng tuổi mới đạt trên dưới 300kg/con và mới động đực, đưa vào phối tinh lần đầu.

Đối với *đàn cái sinh sản*, những năm đầu còn được nuôi dưỡng và cho ăn đủ lượng thức ăn tinh và thức ăn xanh thô bổ sung. Nhưng càng về sau, thức ăn tinh và thức ăn xanh thô bổ sung cung cấp không đủ về số lượng và kém về chất lượng. Ví dụ: 1 kg bột hỗn hợp chỉ có 0,8 đơn vị thức ăn. Riêng ở nông trường Việt nam – Cu-ba (chăn nuôi nhiều bò sữa nhất ở Mộc châu) mỗi năm thiếu 2 tháng thức ăn tinh (bằng 350 tấn). Vì phải dồn thức ăn tinh cho đàn cái vắt sữa, khẩu phần ăn của bê non và cái tơ lỡ bị cắt giảm nhiều, khiến cho trọng lượng của chúng ngày càng thấp xuống.

Thức ăn và đồng cỏ là vấn đề quyết định sự sống còn của đàn bò sữa. Tất cả các chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật của đàn bò đạt cao hay thấp là do vấn đề này quyết định. Trong những năm qua, bằng các nguồn như: tự sản xuất, Nhà nước cung cấp, đổi bằng hàng hóa... thức ăn tinh cung cấp cho đàn bò chỉ mới bảo đảm được 80% nhu cầu về số lượng, còn chất lượng thì rất kém. Số lượng thức ăn do các cơ quan có trách nhiệm của Nhà nước cung cấp chỉ đạt 50% chỉ tiêu kế hoạch. Thành phần thức ăn lại quá nghèo, đạm chỉ có 10%, khoáng chỉ có 15% nhu cầu.

Đồng cỏ là nguồn thức ăn xanh chủ yếu của đàn bò. Ở Mộc châu những tháng bò cho sữa ít nhất là những tháng lượng cỏ trên bãi chăn thả thấp nhất và những tháng cho sữa cao nhất (từ tháng 5 đến tháng 9 hằng năm) chính là thời kỳ đồng cỏ phát triển tốt nhất và cho sản lượng cỏ cao nhất. Điều đó chứng tỏ lượng sữa của đàn bò phụ thuộc vào sự phát triển của cỏ trên bãi chăn thả. Trong những năm gần đây, đồng cỏ ở đây trên đà đi xuống vì khả năng phục trạng hạn chế, chỉ thực hiện được từ 1 phần 6 đến 1 phần 8 diện tích đồng cỏ đến thời kỳ phục trạng. Sở dĩ có tình trạng như vậy là vì thời vụ cần phục trạng đồng cỏ cũng là thời kỳ tập trung vào gieo trồng các loại cây hằng năm, cho nên thiếu xe, máy và phân bón. Muốn trồng lại đồng cỏ cũng không có điều kiện về vốn và vật tư. Các phương pháp cải tạo đồng cỏ đề ra đều không thực hiện được. Đồng cỏ ngày càng thoái hóa nghiêm trọng. Những năm đầu đồng cỏ mới xây dựng được thâm canh tốt đạt năng suất cỏ 67 tấn/ha nay chỉ còn trên dưới 30 tấn/ha. Mặc dù các cơ sở chăn nuôi đã tìm mọi

Digitized by Google

cách tận dụng đất đai để gieo trồng nhiều loại cây thức ăn cho gia súc để bù đắp vào sự thiếu hụt cỏ xanh do đồng cỏ năng suất thấp, mùa đông lại ít tận lợi, nhưng cũng chỉ giải quyết được 50% nhu cầu về thức ăn xanh thô bổ sung cho đàn bò. Không giải quyết được vấn đề thức ăn xanh là khuyết điểm lớn của ngành chăn nuôi bò sữa ở Mộc châu, đó là nguyên nhân chính làm giảm sút nghiêm trọng khả năng phát triển và sức sản xuất sữa của đàn bò.

Năng suất sữa giảm dần qua các năm: từ năm 1978 đến năm 1982, năng suất sữa bình quân của mỗi bò cái vắt sữa đạt từ 12,18 lít đến 11,30 lít/ngày; từ năm 1983 đến 1986 giảm xuống chỉ còn từ 10,35 lít đến 9,05 lít/ngày. Năng suất sữa giảm dần là do đàn bò sữa nhập nội từ Cu-ba vào Mộc châu vốn có sản lượng sữa cao, nhưng điều kiện nuôi dưỡng những năm về sau kém dần khiến chúng bị kiệt sức. Đàn bò đẻ ở Mộc châu (thế hệ con của đàn bò Hà lan — Cu ba nhập nội) được thử thách trong điều kiện nuôi dưỡng khắc nghiệt khổ từ bé cho nên vẫn còn phát huy được tận chất cho sản lượng sữa cao của nòi giống chúng, nhưng cũng chỉ được từ lứa 1 đến lứa 3, rồi sau đó năng suất sữa cũng giảm dần. Năng suất sữa ngày càng giảm, tỷ lệ bò cái vắt sữa trong tổng đàn bò sữa ngày càng thấp (từ năm 1978 đến năm 1980 tỷ lệ bò cái vắt sữa đạt từ 72% đến 81%; từ năm 1981 đến năm 1986 giảm xuống chỉ còn từ 60% đến 66%), làm cho hiệu quả kinh tế của ngành chăn nuôi bò sữa ở Mộc châu ngày càng kém, ảnh hưởng lớn đến thu nhập và đời sống của người công nhân chăn nuôi.

Phát triển bò sữa mà không tổ chức kịp thời *cơ sở chế biến sữa* với giây chuyền sản xuất đồng bộ để sử dụng hết số sữa sản xuất ra là một sai lầm kéo dài trong nhiều năm qua của ngành chăn nuôi bò sữa ở Mộc châu, đến nay vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Cũng đã có nhiều phương án và công trình xây dựng nhà máy chế biến sữa cho Mộc châu (như có lần đưa vào xây dựng một nhà máy chế biến sữa 40 tấn/ngày, rồi lại một lần khác cho đem một nhà máy 5 tấn/ngày ở dưới xuôi lên) nhưng đều làm dở dang rồi bỏ nửa chừng, không công trình nào đưa vào sản xuất được. Có lúc đã xây dựng cả một sân bay chuyên dùng để chở sữa tươi đi tiêu thụ, nhưng không kinh tế rồi cũng bỏ, chỉ gây thêm lãng phí. Sau này lại có kế hoạch xây dựng một xưởng chế biến sữa 20 tấn/ngày, nhưng đã hai năm rồi mà đến nay vẫn chưa thấy động tĩnh gì trên đất Mộc châu! ... Rốt cuộc toàn bộ khâu chế biến sữa ở đây lâu nay đều phải làm thủ công một cách chắp vá, không bảo đảm phẩm chất sản phẩm, nhất là vào những lứa vắt được nhiều sữa chế biến không hết (vì không được cung cấp đủ và kịp thời đường tiêu chuẩn, sắt lá làm hộp, giấy chuyên dập hộp cũng thiếu...)

Năm	Sản lượng sữa vắt được (tấn)	Số sữa được chế biến thành sữa hộp	
		Tấn	Hộp
1980	2 227	343,6	343 613
1981	2 601	329,3	329 371
1982	2 771	519,9	519 9 5
1983	2 988	385,6	385 640
1984	2 817	212,3	212 310
1985	3 052	412,1	412 86
1986	2 850	317,1	317 131

Digitized by Google

Không kể số sữa tươi dùng để nuôi dàn bê sinh ra hằng năm, lượng sữa cần chế biến trong 7 năm qua (từ 1980 đến 1986) ở đây có trên 16 000tấn, tương đương với trên 16 triệu hộp sữa, nhưng thực tế chỉ có trên 2500 tấn sữa tươi được chế biến ra trên 2,5 triệu hộp sữa đặc có đường. Những ách tắc trong khâu chế biến đã làm cho trên 13 500 tấn sữa tươi (chiếm trên 84% số sữa cần chế biến) — có thể chế biến thành trên 13,5 triệu hộp sữa đặc có đường để cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, nhất là người ốm, người già, trẻ thơ và người làm việc ở nơi độc hại... — đã phải đem làm bánh sữa, keo dán hoặc làm thức ăn nuôi lợn (2) rất lãng phí và gây thiệt hại lớn cho ngành chăn nuôi bò sữa ở Mộc châu.

Tình trạng sữa không được chế biến thành các sản phẩm có giá trị kinh tế cao hơn, phải chịu đem chế biến thành keo dán và các sản phẩm giá trị kinh tế thấp, càng làm cho ngành chăn nuôi bò sữa ở Mộc châu vốn đã thua lỗ càng thêm lỗ nặng! Như vậy, liệu ngành chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa bò ở Mộc châu còn sống lay lắt được bao lâu nữa?

III — Mấy giải pháp chủ yếu.

Đàn bò sữa Hà lan — Cu-ba thuần chủng nuôi ở Mộc châu gần 15 năm nay đã thích nghi với điều kiện khó khăn để sinh tồn và phát triển, trở thành dàn bò sữa tốt của Việt nam. Những chỉ tiêu kinh tế — kỹ thuật của dàn bò sữa ngày càng thấp dần là do *chế độ nuôi dưỡng chưa tốt, thức ăn kém chất lượng, không đủ số lượng và cung cấp không kịp thời.* Nếu tập trung giải quyết được vấn đề *cung cấp thức ăn cho đàn bò bảo đảm số lượng, chất lượng và kịp thời* sẽ phục hồi được bản chất cho sản lượng sữa cao của dàn bò bố mẹ (đưa từ Cu-ba sang) và các thế hệ con cái của chúng. Bảo đảm cho bò ăn no, một năm mỗi con phải tiêu tốn ít nhất 10 tấn thức ăn xanh thô và 1 tấn thức ăn tinh. Riêng đối với bò cái vắt sữa phải tiêu tốn trên 15 tấn thức ăn xanh thô và 1,5 tấn thức ăn tinh thì bò mới đủ no và đủ chất để cho trên dưới 13 lít sữa một ngày. Với đất đai đồng cỏ của Mộc châu, hoàn toàn có thể giải quyết được vấn đề thức ăn xanh cho dàn bò. Chỉ cần đầu tư đúng mức cần thiết cho thâm canh đồng cỏ (với mức phân bón cho mỗi héc ta từ 200 đến 250kg đạm và cung cấp đủ máy móc cần thiết cho nhu cầu phục trạng, trồng lại và chăm sóc đồng cỏ theo quy trình kỹ thuật) sẽ đạt sản lượng 40 — 45 tấn cỏ trên mỗi héc ta, bảo đảm thức ăn xanh (trên bãi chăn thả và dự trữ bổ sung trong mùa đông) cho dàn gia súc được ăn no quanh năm, béo khỏe và cho nhiều sữa. Về thức ăn tinh, Mộc châu chỉ tự sản xuất được một phần, số còn lại cần được các cơ quan có trách nhiệm trực tiếp của Nhà nước cung cấp đủ cho nhu cầu của đàn bò. Các loại đạm thô như: ngô, đậu tương... trên địa bàn tỉnh Sơn la chung quanh vùng Mộc châu có đủ số lượng điều phối cho nhu cầu của dàn bò. Như vậy cần chấm dứt tình trạng lâu nay ngô và đậu tương của Sơn la thì chuyển về xuôi giao nộp cho trung ương, trong khi đó Mộc châu lại phải vào tận tỉnh Đồng nai xa xôi để lấy thức ăn tinh bị hư hao, tốn kém, lãng phí quá sá!

Phải cấp bách và dứt điểm *xây dựng cho ngành bò sữa Mộc châu một xí nghiệp chế biến sữa có dây chuyền sản xuất đồng bộ* với công suất 20 tấn/ngày, mới bảo đảm chế biến hết và kịp thời lượng sữa sản xuất ra hằng ngày trong mấy năm trước mắt. Đó là điều kiện bắt buộc không thể thiếu được để chế biến sữa

(2) Chế biến 1kg bánh sữa phải mất 3kg sữa tươi; 1kg keo dán phải mất 50kg sữa tươi; trường hợp không có than đốt lò để cô và sấy khô làm bánh sữa và keo dán, thì sữa tươi phải đem nuôi lợn.

Digitized by Google

ra nhiều mặt hàng tiêu dùng có phẩm chất, giá trị kinh tế cao và có lãi. Các thứ cần có cho việc chế biến sữa (như: sắt lá làm hộp, đường tiêu chuẩn...) phải được cung cấp đầy đủ, tạo điều kiện cho xí nghiệp chế biến sữa hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch giao nộp sản phẩm sữa hằng năm cho Nhà nước. Trường hợp những thứ cần thiết để chế biến sữa không được các cơ quan hữu quan của Nhà nước cung cấp đầy đủ, ngành bò sữa Mộc châu phải đi liên kết, liên doanh với các cơ sở khác để chế biến hết số sữa sản xuất ra hằng ngày và đem tiêu thụ để tăng thu nhập cho cơ sở, chứ không để sữa vắt ra bỏ phí rồi đành chịu đựng đời sống khó khăn, vất vả như lâu nay!

Ngoài ra, việc *tổ chức bộ máy quản lý ngành bò sữa* ở đây cũng cần được hoàn thiện theo hướng thúc đẩy phát triển và mở rộng sản xuất. Cắt ra từng mảng thành các đơn vị thành viên không có tư cách pháp nhân, thực hiện chế độ hạch toán báo sổ và chỉ được tự chủ về sản xuất, thực tế đã không thực hiện hợp đồng liên kết với nhau được trong một xí nghiệp liên hợp như mấy năm nay — điều đó đang gây cản trở và làm giảm hiệu quả sản xuất của các đơn vị cơ sở chăn nuôi thành viên. Con đường thoát ra là phải đi vào chuyên môn hóa ngành chăn nuôi bò sữa (bao gồm chăn nuôi, sản xuất và chế biến thức ăn, chế biến sữa) theo hướng thu gọn đầu mối lại trong một đơn vị kinh tế thành viên có tư cách pháp nhân, độc lập về hạch toán kinh doanh sản xuất. Việc tổ chức quản lý và kinh doanh ngành chăn nuôi bò sữa phải giao cho những cán bộ có trình độ chuyên môn về kỹ thuật và quản lý kinh tế chăn nuôi phụ trách. Cần có chế độ đãi ngộ thỏa đáng để thu hút cán bộ kỹ thuật trở về với ngành bò sữa. Làm được như vậy, ngành chăn nuôi bò sữa ở Mộc châu sẽ phục hồi và phát triển đàn bò sữa thuần chủng có năng suất sữa cao cho đất nước, và nghề chế biến sữa ở đây sẽ thu lợi lớn, xứng đáng là một trung tâm bò sữa cao sản lớn ở nước ta.

Digitized by Google

XUÂN HOÀNH

MỘT ĐIỂN HÌNH NĂNG ĐỘNG TRONG KINH DOANH THƯƠNG NGHIỆP

CỬA hàng bách hóa số 5 Nam bộ nằm ở trung tâm Hà nội, nơi giao lưu hàng hóa với mọi miền đất nước. Trong những năm qua, sản xuất hàng hóa chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân, Cửa hàng đã linh hoạt nhạy bén tổ chức nắm nguồn hàng, phục vụ đời sống nhân dân, góp phần cải tạo và quản lý thị trường. Là một đơn vị hạch toán kinh doanh độc lập, Cửa hàng đã năng động hoàn thành nhiệm vụ của mình, trở thành điển hình tốt của ngành thương nghiệp thủ đô.

★

1 — Tổ chức nắm nguồn hàng

Muốn làm tốt công tác lưu thông hàng hóa để phục vụ nhân dân, trước hết cần phải làm tốt khâu tổ chức nắm nguồn hàng. Chính vì vậy mà Cửa hàng đã quan tâm tổ chức tốt khâu nhận hàng từ công ty và các cơ sở sản xuất về để kinh doanh phục vụ.

Mấy năm qua, Cửa hàng thường cùng với công ty nhận hàng tại tổng kho Văn điển và các cơ sở sản xuất trong thành phố. Bằng phương thức giao tay ba, Cửa hàng nhận hàng trực tiếp tại Hải phòng, tránh khâu trung gian không cần thiết. Dù trong hoàn cảnh khó khăn, khi có giấy báo nhận hàng của công ty, Cửa hàng đến các cơ sở lấy ngay, không bao giờ để quá 3 ngày. Đối với những hàng mà Cửa hàng đã ký hợp đồng như với Nhà máy bóng đèn phích nước, Nhà máy Cao su Sao vàng, Xí nghiệp X40, Xí nghiệp may Chiến Thắng, Nhà máy dệt len Mùa đông..., Cửa hàng có kế hoạch chủ động đi lấy về bán kịp thời cho nhân dân. Việc kiểm tra hàng hóa trước khi nhập kho được Cửa hàng đặt ra rất nghiêm ngặt theo một quy trình chặt chẽ. Trước hết, Cửa hàng kiểm tra hòm, kiện, sau đó đếm hàng theo đơn vị trăm, chục, cuối cùng đếm từng chiếc. Cửa hàng chỉ nhập kho những hàng hóa đã được kiểm tra, chứ không bao giờ nhập hàng hóa theo phiếu xuất hàng ở nơi bán. Với cách làm như vậy, hàng thiếu, hàng thừa, dôi, hao, hư hỏng đều được Cửa hàng xử lý trước khi nhập kho.

Với phương châm vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, Cửa hàng đã tổ chức các quầy hàng tùy theo từng chủng loại hàng, cải tiến cách bán hàng, phát huy quyền chủ động của một đơn vị kinh tế cơ sở trong kinh doanh hàng hóa. Mỗi khi nhận hàng về thì Cửa hàng lại tập trung người kiểm tra hàng và «xuất» ngay cho quầy để bán. Cửa hàng luôn thực hiện phương châm «trong kho có hàng gì ngoài quầy có hàng đó», hằng ngày thủ kho phải thông báo mặt hàng mới cho các quầy biết. Hàng «xuất» ra quầy bao giờ cũng có giá cả đầy đủ, không có tình

Digitized by Google

trạng có hàng bày ở quầy mà chưa có giá bán. Đồng thời, Cửa hàng luôn nhạy bén giới thiệu mặt hàng mới cho khách hàng biết để mua. Đối với những mặt hàng phân phối theo tiêu chuẩn định lượng, ngoài việc phục vụ tốt khách hàng ở các quầy, Cửa hàng còn đem đến tận các gia đình liệt sĩ để bán phục vụ. Đối với các đơn vị bộ đội đóng quân ở thành phố đăng ký mua hàng, Cửa hàng xác định nhiệm vụ: phục vụ tốt theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định lượng. Trong công tác phân phối hàng hóa cho các cơ quan theo sổ căng tin, Cửa hàng luôn năng động linh hoạt tùy theo số lượng hàng hóa khác nhau mà tổ chức phân phối bảo đảm sự công bằng, hợp lý. Nếu thiếu mặt hàng nào đó, thì Cửa hàng thay bằng mặt hàng khác có giá trị sử dụng tương đương. Chính vì vậy đã nhiều năm nay, Cửa hàng chưa để một trường hợp nào thắc mắc về việc phân phối hàng theo sổ căng tin của các cơ quan.

Để khắc phục khó khăn về sản xuất hàng hóa chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng, Cửa hàng đã tổ chức ký hợp đồng mua hàng ở các địa phương như: thành phố Hồ Chí Minh, Cao bằng, Quảng ninh, Hải phòng, Thái bình, Hà nam ninh... Chỉ tính riêng hàng của thành phố Hồ Chí Minh, Cửa hàng đã mua được qua các năm năm: 1983: 50 triệu đồng, năm 1984: 30 triệu đồng, năm 1985: 13 triệu đồng*, năm 1986: 8 triệu đồng. Đối với những mặt hàng nói trên, Cửa hàng thường định giá bán thấp hơn giá thị trường từ 10% đến 15%, cho nên hàng hóa chu chuyển nhanh, vòng quay đồng vốn lớn; doanh số của Cửa hàng tăng lên không ngừng (năm 1983: 172 triệu đồng, năm 1984: 390 triệu đồng, năm 1985: 650 triệu đồng*, năm 1986: 201 triệu đồng.

Mỗi khi phát hiện nguồn hàng mới, cán bộ và nhân viên Cửa hàng lách hóa số 5 Nam bộ đều tính đến hiệu quả kinh doanh và tác động đầu tranh cải tạo thị trường ở Hà nội. Đồng chí cửa hàng trưởng đã trực tiếp đến các địa phương ký hợp đồng mua hàng, nắm bắt kịp thời tình hình giá cả thị trường để chỉ đạo công tác kinh doanh cho phù hợp với chính sách của Nhà nước và nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Trong điều kiện hàng hóa khan hiếm, Cửa hàng vẫn có trên 2000 mặt hàng thường xuyên đưa ra quầy bán phục vụ nhân dân. Tuy nhiên, nhiều mặt hàng đưa ra bán, trong đó có hàng gia công, vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của nhân dân vì chất lượng thấp.

Trong lúc hàng hóa còn có hạn nhưng lại cần tập trung vào tay Nhà nước để phân phối một cách có kế hoạch, Cửa hàng đã cố gắng phát huy tính năng động, sáng tạo trong kinh doanh để vươn lên chiếm lĩnh thị trường. Dựa vào nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, theo mùa vụ, ngày tết, ngày lễ, ngày khai trường, Cửa hàng chuẩn bị các loại hàng thích hợp.

Ngoài ra, Cửa hàng còn mở quầy bán hàng ký gửi thu hút được khách đến mua. Từ một quầy chuyên bán hàng ký gửi, cho đến nay Cửa hàng đã có 3 quầy gồm 3 nhóm như: may mặc; tạp phẩm, điện máy; hàng mỹ nghệ theo đơn đặt hàng. Chỉ tính riêng quý I năm 1986, doanh số hàng ký gửi là 11 triệu đồng, tăng gấp 4 lần doanh số Cửa hàng bán ra cùng kỳ năm 1985. Thực tế cho thấy rằng, việc làm này của Cửa hàng vừa thuận tiện cho người bán lẫn người mua, vừa tránh được tình trạng tư thương đầu cơ mua rẻ, bán đắt, lũng đoạn thị trường. Mặt khác, khách bán hàng ký gửi thu được số tiền cao hơn so với số tiền bán cho tư thương khoảng 10 đến 15%. Đồng thời, khách mua hàng cũng yên tâm, không lo phải mua nhầm «hàng rởm». Trong lúc tình hình hàng hóa

* Tiền tính từ năm 1985 trở về trước là tiền cũ.

Digitized by Google

khó khăn, cách làm linh hoạt đó của Cửa hàng đã thu hút một phần hàng hóa ở trong nước và nước ngoài vào thị trường có tổ chức, góp phần làm cho giá cả thị trường ổn định hơn.

II – Cải tiến quản lý kinh doanh

Việc xuất hàng cho các quầy được Cửa hàng tiến hành kỹ lưỡng và chu đáo. Hàng xuất cho nhân viên bán hàng bao giờ cũng được đếm theo đơn vị nhỏ nhất, từ cái thước kẻ, kí lô gam đường cho đến mét vải. Đối với những mặt hàng có nhiều loại, thì Cửa hàng quy định cho nhân viên phải bán riêng từng loại nhằm tránh nhầm lẫn và đề phòng bán sai giá.

Cửa hàng duy trì nền nếp « ba kiểm tra » khi giao ca: kiểm tra tiền, kiểm tra tem, phiếu đã nộp và kiểm tra sổ sách, hóa đơn, phiếu nhận hàng. Từ việc kiểm tra này, Cửa hàng đã phát hiện được những sai sót như: giao thiếu hàng, đếm thừa, thiếu tiền, để hàng kém phẩm chất... Sau mỗi « ca » bán hàng, nhân viên phải nộp ngay tem phiếu cho bộ phận quản lý Cửa hàng. Trong việc quản lý tem, phiếu và hóa đơn trong ngày, Cửa hàng đều có sổ sách tính toán rành mạch, không để xảy ra hiện tượng tem phiếu « quay vòng ».

Ở một địa bàn phức tạp, nơi tập trung đông dân cư, tư thương buôn đi, bán lại nhiều, nếu Cửa hàng quản lý hàng hóa không tốt, dễ dẫn đến tình trạng tạo cầu nối cho tư thương hành nghề hoặc bị chúng dùng tiền để mua chuộc nhân viên tuồn hàng cho chúng. Mỗi mặt hàng, trước khi đưa ra quầy bán, Cửa hàng đều xem xét hai mặt; nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và mức giá cả thế nào cho hợp lý để ngăn chặn hiện tượng tư thương vét hàng, gom hàng, tích trữ, chờ dịp khan hiếm hàng thì tung ra bán với giá cao. Tùy từng thời điểm khác nhau, Cửa hàng định giá bán cho phù hợp. Đối với những mặt hàng tiêu dùng thông thường, Cửa hàng bán theo giá kinh doanh thương nghiệp, cao hơn giá ổn định nhưng không lấy giá thị trường làm chuẩn. Đối với những mặt hàng cao cấp, Cửa hàng bán theo giá linh hoạt, nhưng đều có sự chỉ đạo của công ty. Đối với một số mặt hàng tiêu dùng, nếu thấy tư thương mua nhiều, Cửa hàng cho dừng lại để phản ánh về cơ quan tin của các cơ quan. Nếu các cơ quan không mua hết, Cửa hàng mới đưa ra bán ở quầy. Những việc làm cụ thể, thiết thực, năng động đó của Cửa hàng đã góp phần đấu tranh ổn định giá cả thị trường và thu được lợi nhuận cho Nhà nước.

Trong việc tổ chức sắp xếp trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, Cửa hàng luôn cải tiến, vừa bảo đảm được tính thẩm mỹ, vừa thuận tiện cho việc mua bán. Ở các quầy hàng phân phối theo tiêu chuẩn, có khách mua nhiều, Cửa hàng bố trí những nhân viên bán hàng giỏi phụ trách để tránh xảy ra nhầm lẫn. Cửa hàng đã tổ chức nhiều hình thức như: tổ bán hàng lao động xã hội chủ nghĩa; mỗi nhân viên bán hàng cầu đeo phù hiệu để khách hàng tiện kiểm tra, theo dõi góp ý; khen thưởng khuyến khích chị em có tinh thần trách nhiệm trong công tác. Ngoài ra, Cửa hàng còn tổ chức các hội nghị chuyên đề: « Người bán hàng giỏi », « Người áp tải xuất sắc », « Trao đổi kinh nghiệm công tác giữa những người bán hàng trong cửa hàng »...

Muốn phát huy tốt nhất vai trò và sức mạnh của mình, Cửa hàng cần có một đội ngũ cán bộ vừa có phẩm chất tốt, vừa có nghiệp vụ thành thạo. Đi đôi với việc chú trọng bồi dưỡng chuyên môn, đưa cán bộ nhân viên đi học các trường nghiệp vụ thương nghiệp, tiêu chuẩn hóa các cán bộ có bằng trung cấp, đại học, phân công kèm cặp nhân viên mới bước vào nghề hoặc tay nghề còn non, Cửa hàng còn giáo dục cho cán bộ nhân viên của mình về đức tính « cần,

Digitized by Google

liêm, liêm chính » trong công tác. Hồ Chủ tịch đã nói : « Nếu không giữ được thói quen tiết kiệm thì sẽ tham ăn ngon, tham mua các thứ xa hoa. Lương không đủ thì sẽ lấy ở đâu ? Lúc ấy chỉ có hai cách : một là ăn cắp của Chính phủ, hai là bị tiền mua chuộc » (1). Là những người nắm tiền và nắm hàng trong tay, nhân viên Cửa hàng rất dễ tham ô. Đứng trước ranh giới hết sức mỏng manh giữa cái tốt và cái xấu, chỉ một phút dao động, không vững vàng trước những cám dỗ tầm thường của đồng tiền, con người sẽ phạm tội lỗi. Cửa hàng rất quan tâm giúp cán bộ, nhân viên đấu tranh khắc phục những suy nghĩ không đúng như « làm nghề gì, ăn nghề ấy », ngăn ngừa những hành vi sai trái như ăn cắp, móc ngoặc tuồn hàng cho tư thương... Cửa hàng cũng giáo dục cho cán bộ và nhân viên có thái độ tôn trọng, lễ phép, thật thà đối với khách hàng ; có tinh thần trách nhiệm đối với công việc và đối với lợi ích của nhân dân. Cửa hàng cấm không cho nhân viên gửi hàng ký gửi trong Cửa hàng mình để tránh xảy ra hiện tượng tiêu cực. Cửa hàng còn khắc phục tình trạng tranh chấp nhau trong mua bán và mua đi, bán lại, đẩy chi phí lưu thông và giá cả lên.

Với cách làm ăn năng động, với phương thức quản lý kinh doanh đúng đắn, hơn 20 năm qua, Cửa hàng bách hóa số 5 Nam bộ đã luôn luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, xứng đáng là lá cờ đầu của Công ty bách hóa Hà nội.

Bên cạnh những thành tích đạt được, Cửa hàng vẫn còn những mặt thiếu sót và hạn chế cần phải khắc phục. Việc quản lý cán bộ và nhân viên Cửa hàng có lúc chưa chặt chẽ nên vẫn còn có hiện tượng tiêu cực. Có nhân viên bán hàng còn dựa vào chênh lệch giá, đem hàng hóa tiếp tay cho tư thương, hoặc bán hàng không đủ tiêu chuẩn, định lượng, thiếu hòa nhã với khách hàng...

Cửa hàng còn có thể nâng cao hơn doanh số bán ra, nhưng bị ràng buộc bởi nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là thiếu tiền mặt, cho nên gặp nhiều khó khăn trong việc mua hàng. Mặt khác, Cửa hàng chỉ được phép ký kết hợp đồng với một số cơ sở sản xuất, chứ không được phép ký hợp đồng với bất kỳ cơ quan kinh doanh nào, do vậy việc mua hàng ở các địa phương cũng gặp nhiều khó khăn.

Cửa hàng nên duy trì nền nếp « hội nghị khách hàng » để thông qua đó mà cải tiến cách bán hàng, cải tiến cách phân phối hàng hóa cho phù hợp với các loại đối tượng. Mặt khác, qua hội nghị khách hàng, qua sổ theo dõi của các quầy bán hàng, Cửa hàng biết được nhu cầu tiêu dùng để phục vụ khách hàng được tốt hơn.

Ở từng thời vụ khác nhau, Cửa hàng còn chưa có đủ mặt hàng phù hợp để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, còn để tình trạng : mùa hè thiếu quạt điện bán, mùa đông thiếu quần áo ấm bán..

Ở vị trí trung tâm của thủ đô, Cửa hàng có nhiều thuận lợi trong việc kinh doanh, nhưng diện tích bán hàng còn chật chội, Cửa hàng có thể cải tạo, mở rộng thêm các quầy bán hàng trên gác hai hoặc mở các ki ốt bên ngoài để phục vụ.

Để các cửa hàng kinh doanh thương nghiệp làm tốt chức năng của mình, thiết nghĩ cần có sự phân cấp trong quản lý giá, cho phép các đơn vị thương nghiệp định giá hàng tự kinh doanh theo phương thức bán buôn cho phù hợp, để tránh phiền hà cho cửa hàng khi định giá bán một số mặt hàng không nằm trong kế hoạch từ công ty đưa về. Mặt khác, các cửa hàng cũng không nên chạy theo lợi nhuận đơn thuần, tự đặt giá các mặt hàng không theo đúng với khung giá của Nhà nước quy định, đẩy giá cả thị trường tăng lên, gây khó khăn cho người tiêu dùng.

(1) *Bác Hồ với ngành thương nghiệp Việt nam*, Tạp chí Nội thương xuất bản, 1986, tr. 52.

Digitized by Google

Thư gửi Bộ biên tập

«PHẢI GIỮ GÌN ĐẢNG TA THẬT TRONG SẠCH»

TRONG điều kiện đảng lãnh đạo chính quyền, chất lượng của đội ngũ cán bộ, đảng viên và tình hình xã hội có quan hệ nhân quả với nhau.

Theo ý kiến chúng tôi, hiện nay một trong những biện pháp quan trọng và cấp bách để làm chuyển biến tình hình, nhất là để khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong xã hội là phải làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên. Làm trong sạch đảng là một nhu cầu có tính quy luật bảo đảm sự vững mạnh của Đảng, đồng thời cũng là một nguyện vọng tha thiết của đảng viên và quần chúng.

Nhưng làm trong sạch đảng không phải là một việc dễ dàng. Nó đòi hỏi phải kiên quyết đưa ngay những người đã thoái hóa biến chất ra khỏi đảng.

Thực tế những năm qua cho thấy có hai loại người sau đây cần đưa ngay ra khỏi đảng.

– Loại thứ nhất: đó là những phần tử tham nhũng, ăn cắp, ăn cắp tài sản của nhà nước, của tập thể, tìm mọi cách đục khoét làm giàu cho cá nhân mình, cho bè con họ hàng mình. Loại người này thường núp dưới danh hiệu đảng viên, lợi dụng chức quyền hoặc điều kiện công tác để câu kết móc ngoặc với kẻ khác, làm ăn phi pháp. Đây chính là bọn sâu mọt mới mà gần đây báo chí đã đưa ra một số địa chỉ. Chúng có thủ đoạn giống nhau là: dối trá, lừa lọc, đe dọa, bắt bí... và thường sống xa hoa, phè phỡn, không còn chút gì là tư cách đảng viên.

– Loại thứ hai: đó là những phần tử cơ hội. Cơ hội đủ loại: loại vì lợi ích kinh tế, loại vì địa vị, quyền hành, và có cả loại cơ hội về chính trị. Ở đây xin lưu ý rằng bọn sâu mọt thường hoạt động trắng trợn và ăn bằn, còn bọn cơ hội thì giấu mặt và tinh vi. Ngay cả những phần tử cơ hội vì lợi ích kinh tế cũng không có biểu hiện như bọn sâu mọt; nếu cơ hội mà có biểu hiện như sâu mọt thì đó là cơ hội tồi, vì như thế dễ lộ chân tướng.

Ngoài ra, còn có những phần tử dốt nát nhưng lại bảo thủ, khư khư không chịu rời bỏ chức quyền. Những người này lúc đầu có dấu hiệu như năng lực yếu, sức bật kém không còn phù hợp với yêu cầu công tác nữa, nhưng dần dần chuyển thành bảo thủ trì trệ, cản trở mọi sự đổi mới. Họ tìm đủ mọi lẽ, đủ mọi cách để giữ ghế, để chen chân vào hội đồng này, ủy ban nọ, không chịu nhường cho lớp kế tiếp đã có đủ điều kiện thay họ. Những người này có sức ỳ của tư duy, của phong cách rất lớn, thật sự không

Digitized by Google

còn đủ trình độ và năng lực làm người lãnh đạo, quản lý theo yêu cầu mới. Đến khi cảm thấy « chiếc ghế » đã lung lay, họ trở thành ngoan cố, lợi dụng chức quyền bóp nghẹt nhân tố mới. Họ rất dễ bị lọn xấu mua chuộc, khống chế, vô hiệu hóa.

Đối với những người thuộc loại này nếu xét thấy ai ở trong đảng mà còn có ích thì nên giao cho họ công việc vừa sức; còn đối với những phần tử đã dốt lại nát, thật sự không đủ tư cách đảng viên, phải kiên quyết đưa họ ra khỏi đảng.

Vậy làm thế nào để phát hiện ra những loại người nói trên và đưa họ ra khỏi hàng ngũ của Đảng và Nhà nước?

« Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong ». Vừa qua, hầu hết các vụ bê bối trong các cơ quan đảng và nhà nước là do quần chúng tố giác, phát hiện và được giới báo chí và các cơ quan pháp luật tích cực ủng hộ. Do đó cần phải kết hợp chặt chẽ việc phê bình và tự phê bình trong đảng với việc phát động quần chúng phát giác, đấu tranh.

Kinh nghiệm cho thấy rằng một khi quần chúng đã được phát động thì họ là người đánh giá công bằng nhất. Nhưng phát động quần chúng không đơn giản. Vấn đề là phải có những điều kiện để bảo đảm cho quần chúng không bị trù úm và kẻ có tội phải được xử tội một cách nghiêm minh. Làm sao để các đoàn kiểm tra vừa có nghiệp vụ, vừa nêu cao tinh thần trách nhiệm, làm việc công minh. Các đồng chí công tác ở các đoàn kiểm tra phải là những người chí công vô tư, có tinh thần trách nhiệm cao, chứ không phải là những người thiếu công tâm hoặc vừa làm vừa ngại. Đồng thời các cơ quan pháp luật phải kết luận dứt khoát, rõ ràng, xử lý kịp thời và kiên quyết, theo đúng tinh thần « phụng công, thủ pháp, chí công vô tư » như Bác Hồ đã dạy (1).

Báo chí cũng có vai trò rất quan trọng. Những bài báo sắc sảo, nói đúng sự thật sẽ có tác dụng vạch trần những uẩn khúc, bảo vệ sự thật, bảo vệ lẽ phải, tạo ra sức mạnh của dư luận xã hội, dập tan những thói hư tật xấu, tạo thêm điều kiện cho quần chúng và các cơ quan pháp luật đấu tranh một cách kiên quyết.

Tất nhiên, tất cả những việc làm đó phải có sự lãnh đạo chặt chẽ, đúng đắn của cấp ủy đảng có thẩm quyền. Trường hợp một cấp lãnh đạo nào đó đã bị tiêu cực lôi vào thì cấp trên phải trực tiếp « ra tay ». Sự việc nào đã khởi sự là phải làm đến cùng, làm dứt điểm, tuyệt đối không để dây dưa, loạc đoạc bỏ dùi.

Theo chúng tôi, làm trong sạch đảng đang là một việc rất cần thiết và cấp bách. Nó có tác dụng củng cố sức mạnh chiến đấu của Đảng, tác động trực tiếp đến việc khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Trường hợp nhất thời có phải đưa ra khỏi đảng một số lượng đông thì đó không phải là làm cho đảng yếu đi, mà trái lại chính là làm cho đảng mạnh lên.

LÊ HÙNG

(1) Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1985, t. 5, tr. 53.

Digitized by Google

HOÀNG HIỀN

CÙNG TỒN TẠI HÒA BÌNH GIỮA HAI NHÓM NƯỚC ASEAN VÀ ĐÔNG DƯƠNG

Đông Nam Á cho tới năm 1945

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, nhiều ngành khoa học: địa lý, nhân chủng, dân tộc, khảo cổ, ngôn ngữ, lịch sử, chính trị v.v. đã xác nhận rằng Đông Nam Á là một thực thể, có những nét đặc biệt so với các khu vực khác trên thế giới, chứ không phải chỉ là một vùng đất rời rạc nằm giữa Trung quốc và Ấn độ, phần này thuộc hệ thống Trung quốc, phần kia thuộc hệ thống Ấn độ.

Dù là Đông Nam Á lục địa hay hải đảo, qua bao nhiêu thiên niên kỷ, con người ở đây có những nét chung rất độc đáo. Đó là những người chuyên nghề trồng lúa nước, có thể từ 6500 năm trước Công nguyên, do có sức nóng của mặt trời nhiệt đới và độ ẩm của mưa và gió mùa mang lại. Đó là những người sống trên nhà sàn, biết làm nghề rừng, cũng biết làm nghề cá và biết dùng thuyền đi lại trên sông trên biển. Biển đây không ngăn cách Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo; do có gió mùa và các dòng hải lưu, sự giao lưu giữa các miền của Đông Nam Á khá phát triển. Trên cơ sở một nền «văn minh cây lúa» chung, sự giao lưu ấy để lại nhiều nét tương đồng đáng ngạc nhiên giữa các dân tộc Đông Nam Á: đồ gốm Việt nam có nhiều nét giống đồ gốm Phi-líp-pin, kiểu trống đồng Đông sơn không những tìm thấy ở Việt nam mà ở cả Ma-lai-xi-a, Xinh-ga-po, Thái lan: các điển lệ nông nghiệp, các trò chơi dân gian không khác nhau nhiều giữa các nước Đông Nam Á; thậm chí trong các ngôn ngữ Đông Nam Á những từ ngữ về sản xuất nông nghiệp, về sông, về biển khá giống nhau giữa nước này và nước khác.

Tuy chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn độ, chủ yếu qua con đường buôn bán và truyền giáo, và của văn hóa Trung quốc, qua các cuộc hành quân xâm lược và qua việc gây sức ép, thiết lập một kiểu bá quyền là chế độ cống nạp, nền văn hóa các nước Đông Nam Á vẫn giữ một bản sắc dân tộc đặc biệt, cưỡng lại sự đồng hóa.

Chủ nghĩa tư bản phương Tây mò sang Đông Nam Á đi tìm hương liệu, trước hết thiết lập các thương điếm ven biển ở các nước Đông Nam Á hải đảo, rồi các nước Đông Nam Á lục địa. Một số nước Đông Nam Á bị chiếm làm thuộc địa. Những thập niên cuối thế kỷ thứ 19, khi chủ nghĩa tư bản chuyển thành chủ nghĩa đế quốc, chế độ thuộc địa càng lan rộng và ăn sâu với việc khai thác các khoáng sản, cao su và một số cây công nghiệp khác. Nhu cầu nhân công cho các hầm mỏ và đồn điền dẫn đến việc mộ phu Trung quốc sang các nước Đông Nam Á và do đó số Hoa

Digitized by Google

kiều và người Hoa ở các nước đó ngày càng tăng lên.

Với việc chế độ thuộc địa được thiết lập ở Đông Nam Á (trừ Thái lan), các dân tộc Đông Nam Á hầu như bị cắt đứt quan hệ với nhau: mỗi nước Đông Nam Á sống chủ yếu với «mẫu quốc» của mình. Nhưng nhu cầu thống trị của các nước thực dân phương Tây lại tạo ra mối liên hệ giữa những nước chịu chung ách thống trị của một tên đế quốc, như Miến điện với Ấn độ thuộc Anh, và nhất là Việt nam, Lào và Cam-pu-chia thuộc Pháp. Một ngoại lệ nữa là người Hoa ở Đông Nam Á: họ luôn luôn giữ mối liên hệ với nước gốc Trung quốc, và qua đó, gián tiếp giữ mối liên hệ với nhau từ nước Đông Nam Á này qua các nước Đông Nam Á khác.

Chiến tranh thế giới thứ hai mang lại cho Đông Nam Á một tai họa mới: sự chiếm đóng và bóc lột của phát xít Nhật. Riêng ở Thái lan, trong chiến tranh thế giới thứ hai giai cấp thống trị đã theo đuôi Nhật bản và được Nhật bản dung túng trong việc bành trướng, chiếm đất của Lào và Cam-pu-chia.

Đông Nam Á sau năm 1945: Sự thành lập ASEAN và ra đời ZOPFAN

Thắng lợi của Hồng quân Liên xô và các lực lượng đồng minh đã buộc bọn phát xít Đức – Ý – Nhật đầu hàng. Đó cũng là lúc phong trào độc lập dân tộc nổi lên như vũ bão ở Đông Nam Á, mạnh hơn ở bất cứ khu vực nào trên thế giới. Đến năm 1950, các nước đế quốc Tây Âu, hoặc «tự nguyện», hoặc dưới sức ép của Mỹ, thỏa hiệp với giai cấp tư sản các nước Đông Nam Á, «trao trả» nền độc lập cho các nước này.

Tuy nhiên nhìn chung toàn khu vực, từ sau chiến tranh thế giới thứ hai trở đi cho tới năm 1975 và những năm tiếp sau, Đông Nam Á không hề có hòa bình và ổn định. Từ năm 1945, các nước Việt nam, Lào Cam-pu-chia đã phải liên tục chiến đấu chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, và ở đây đã diễn ra những cuộc chiến tranh ác liệt nhất, dài ngày nhất. Điều đó dễ hiểu: cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước Đông dương đặt dưới sự lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân, đó là cuộc cách mạng triệt để, không thỏa hiệp với nguyên tắc với đế quốc, và đế quốc cũng quyết cùng với nó một mất một còn. Đặc biệt cuộc kháng chiến của nhân dân Việt nam chống Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ, tên sen đầm quốc tế, đã thật sự là một cuộc đụng đầu lịch sử.

Sự can thiệp và xâm lược của Mỹ ở Việt nam đã phá hoại hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á. Các nước Đông Nam Á hội viên khối SEATO đã bị lôi kéo vào cuộc chiến tranh chống Việt nam và Đông dương. Mỹ can thiệp trắng trợn vào Đông Nam Á không những vì Đông Nam Á có những tiềm năng lớn về tài nguyên và nhân lực mà chủ nghĩa tư bản Mỹ rất muốn khai thác, mà còn vì Mỹ muốn tạo ra ở Đông Nam Á các quan hệ tư bản chủ nghĩa với sự tham gia của giai cấp tư sản bản xứ để vừa giữ các nước này trong quỹ đạo tư bản chủ nghĩa thế giới, vừa ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội mà Mỹ lo là sẽ lan từ các nước Đông dương tới. Cuộc đảo chính hụt ở In-đô-nê-xi-a năm 1965 đẩy lùi các lực lượng tiến bộ ở nước này, tạo điều kiện cho sự xích lại gần nhau giữa In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a, đưa đến sự thành lập Hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), gồm In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Thái lan, Xinh-ga-po và Phi-líp-pin (+). Đây là một tổ chức mang tính chất chính trị và kinh tế, đón nhận sự đầu tư của tư bản Mỹ và Nhật là chủ yếu.

ASEAN thành lập chưa được bao lâu thì đã nổ ra cuộc tổng tiến công và

(+) Về sau có thêm Bru-nây.

Digitized by Google

nổi dậy của quân và dân miền Nam Việt nam Tết Mậu Thân – 1968, Sự kiện này có một ý nghĩa và ảnh hưởng quốc tế hết sức to lớn: nó khiến mọi người phải xét lại một loạt các tư tưởng khá phổ biến trên thế giới đầu những năm 60 mà trước hết là tư tưởng sợ Mỹ, phục Mỹ.

Do sự suy yếu của đế quốc Mỹ, sự lớn mạnh của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, sự phát triển của ba dòng thác cách mạng, một thời kỳ hòa hoãn mở ra trên phạm vi toàn thế giới.

Ở Đông Nam Á, các nước ASEAN hy vọng dựa vào Mỹ và Anh, nhưng Anh đã suy yếu đến mức phải tuyên bố rút khỏi phía đông kênh Xuy-ê, còn Mỹ thì do ý chí xâm lược bị tổn thương nặng nề sau Tết Mậu Thân cũng phải nói tới việc xuống thang và rút quân khỏi Đông dương. Các nước ASEAN thấy rõ không còn có thể dựa vào sức mạnh quân sự của Mỹ được nữa, mà phải chủ động tìm một hướng khác để có điều kiện tồn tại và phát triển. Đó là sự chấp nhận cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau. Khuynh hướng này được phản ánh trong bản tuyên bố Ku-a-la Lăm-pua năm 1971 của các nước ASEAN về việc lập một khu vực hòa bình, tự do và trung lập (ZOPFAN) ở Đông Nam Á.

Thắng lợi của Cách mạng Việt nam và các nước Đông dương đã buộc Mỹ phải rút quân khỏi Đông dương năm 1973, rồi phải rút quân khỏi Thái lan năm 1976. Một lần nữa các nước ASEAN khẳng định lại chính sách ZOPFAN của mình: cùng tồn tại hòa bình với các nước Đông dương và giữ cân bằng trong quan hệ với các nước lớn trên thế giới để đối phó với nguy cơ chính là sự lật đổ bên trong. Đó là nội dung của cuộc hội nghị cấp cao đầu tiên của các nước ASEAN ở Ba-li (In-đô-nê-xi-a) năm 1976. Về phía mình, Việt nam cũng nêu ra trong năm 1976 bốn nguyên tắc về quan hệ hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước ở trong khu vực Đông Nam Á.

Sự phát triển của tình hình từ năm 1975 đến hết năm 1978 càng củng cố thêm xu hướng cùng tồn tại hòa bình mà cả hai nhóm nước ASEAN và Đông dương chủ trương. Về phía các nước ASEAN, ngày 5-7-1977 ngoại trưởng các nước này họp ở Xinh-ga-po nhất trí quyết nghị thúc đẩy quan hệ với Việt nam, Lào và Cam-pu-chia. Trên thực tế quan hệ ngoại giao giữa Việt nam, Lào và Cam-pu-chia với hầu hết các nước ASEAN lần lượt được thiết lập trong thời gian đó. Riêng Việt nam đã trao đổi đại sứ với tất cả các nước ASEAN trừ Xinh-ga-po (nhưng Việt nam có đại diện các tổng công ty ngoại thương ở nước này). Tiếp đó, mặc dù mối quan hệ giữa Việt nam và Cam-pu-chia ngày càng xấu đi do chính sách diệt chủng và phản động của bọn Pôn Pốt; thiện cảm của các nước ASEAN đối với Việt nam không giảm sút. Tháng 9 và tháng 10 năm 1978, đồng chí Phạm Văn Đồng đi thăm năm nước ASEAN, cùng các nhà lãnh đạo những nước này ký thông cáo chung khẳng định những nguyên tắc về cùng tồn tại hòa bình và long trọng tuyên bố tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không trực tiếp hoặc gián tiếp ủng hộ các hoạt động lật đổ nhau. Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào cũng có những hoạt động tương tự hướng về các nước ASEAN. Điều rất đáng tiếc là từ năm 1979 trở đi, xu thế cùng tồn tại hòa bình giữa ASEAN và Đông dương tạm thời bị cản trở: giữa ASEAN và Đông dương có tình trạng đối đầu. Các thế lực bá quyền đã tập hợp lực lượng trong khu vực Đông Nam Á để chống lại phong trào cách mạng ở đây. Các nước ASEAN tưởng như tìm được một chỗ dựa mới để bảo vệ sự tồn tại của mình. Tuy nhiên, khác với thời chiến tranh của Mỹ ở Việt nam, sự đối đầu của các nước

Digitized by Google

ASEAN chống Đông dương lần này không mang tính chất quân sự, mà chỉ về chính trị và kinh tế. Hơn nữa nó cũng không kéo dài được lâu.

Thắng lợi của xu thế đối thoại

Tình hình từ năm 1979 đến nay biến chuyển ngày càng có lợi cho các lực lượng cách mạng và hòa bình ở Đông Nam Á. Trước hết là sự lớn mạnh của cách mạng ba nước Đông dương, sự phát triển của khối đoàn kết giữa ba nước trên bán đảo Đông dương, và giữa các nước Đông dương với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Có thể kể một số biểu hiện cụ thể: sự hồi sinh kỳ diệu của Cam-pu-chia mà không ai có thể phủ nhận được, hiệp ước hòa bình, hợp tác và hữu nghị ký giữa Việt nam và Cam-pu-chia tháng 2 năm 1979; Hội nghị cấp cao lần thứ nhất giữa ba nước Đông dương họp tháng 2 năm 1983 tại Viêng-chăn; sự gắn bó giữa Việt nam với Liên xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, từ việc nước ta gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế tháng 6-1978 và ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác với Liên xô ngày 3-11-1978, tới các cuộc hội đàm cấp cao Việt — Xô gần đây; việc Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác tận tình giúp đỡ có hiệu quả cho Việt nam, Lào và Cam-pu-chia...; đó là những yếu tố quan trọng quyết định chiều hướng đi tới một Đông Nam Á hòa bình và ổn định.

Cũng trong bảy năm qua, bọn tàn quân Pôn Pốt và những lực lượng Khơ-me phản động khác, mặc dù được quan thầy nuôi dưỡng và được Mỹ và các thế lực phản động khác ủng hộ, đã tỏ ra bất lực, không đảo ngược nổi tình hình ở Cam-pu-chia. Những cuộc hành quân mùa khô 1984 — 1985, trong đó quân đội cách mạng Cam-pu-chia đóng một vai trò nổi bật, đã quét sạch các căn cứ của bọn phản cách mạng Cam-pu-chia trên đường biên giới Cam-pu-chia — Thái lan. Những cố gắng của các lực lượng phản động luồn vào hòng phá hoại ở nội địa Cam-pu-chia trong những năm 1985 — 1986 cũng bị vô hiệu hóa. Bước trưởng thành về chính trị và quân sự của nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia cho phép quân tình nguyện Việt nam từ năm 1982 rút một bộ phận khỏi Cam-pu-chia, và từ Hội nghị cấp cao ba nước Đông dương tháng 2 năm 1983, việc rút quân này được tiến hành hằng năm và sẽ hoàn tất vào năm 1990.

Từ lâu, tại Ma-lai-xi-a và nhất là tại In-đô-nê-xi-a, một nước lớn trong ASEAN, các giới chính trị vẫn có một nhận thức đúng đắn là mối nguy cơ đối với Đông Nam Á không phải là từ phía Việt nam mà từ phía khác. Nhiều người In-đô-nê-xi-a cho rằng phải giúp Việt nam trở thành một con đê ngăn chủ nghĩa bành trướng Hán quyền tràn xuống Đông Nam Á, chứ không nên đối đầu với Việt nam. Ở nhiều nước ASEAN cũng như nhiều nước phương Tây, người ta ngày càng thừa nhận Việt nam có lợi ích an ninh ở Cam-pu-chia. Vì vậy, việc loại bỏ bọn Pôn Pốt, vì lợi ích sống còn của nhân dân Cam-pu-chia cũng như vì an ninh của các nước Đông dương và của toàn Đông Nam Á, ngày càng được sự tán đồng rộng rãi của dư luận tiến bộ trên thế giới.

Chủ trương đối thoại để giải quyết vấn đề Cam-pu-chia nói riêng, vấn đề hòa bình và ổn định ở Đông Nam Á nói chung, được các Hội nghị cấp cao của Phong trào không liên kết, kể cả Hội nghị cấp cao lần thứ tám gần đây tại Ha-ra-rê nhiệt liệt hoan nghênh và thúc đẩy. Chủ trương đó cũng được sự hưởng ứng của nhiều giới chính trị trong các nước ASEAN. Các cuộc hội thảo giữa các nhà khoa học In-đô-nê-xi-a và Việt nam, Ma-lai-xi-a và Việt nam, các cuộc thăm viếng lẫn nhau giữa những người phụ trách quốc phòng và ngoại giao Việt nam và In-đô-nê-

Digitized by Google

xi-a, các vòng đàm phán tay đôi giữa hai nước đã tạo không khí hiểu biết lẫn nhau và làm xích gần các quan điểm. Ngay tại Thái lan, nhiều tiếng nói đã tỏ rõ sự không đồng tình với đường lối đối đầu có hại cho hòa bình mà không mang lại lợi ích gì cho Thái lan. Cũng cần nói thêm rằng tình hình chính trị và kinh tế của các nước ASEAN gần đây rõ ràng là không tốt đẹp. Sau những năm phát triển tương đối thuận lợi, nền kinh tế các nước này chững lại, thậm chí có nước lâm vào bước thụt lùi, do gặp khó khăn về giá cả trên thị trường quốc tế. Giá dầu hỏa, mà một số nước ASEAN có tham gia sản xuất, hạ một cách kinh khủng chưa từng có trong 50 năm qua. Về chính trị, một số nước làm vào tình trạng mất ổn định, như ở Phi-lip-pin với sự sụp đổ của Mác-cốt và sự lủng củng nội bộ hiện tồn tại trong chính phủ của bà A-ki-nô, hoặc ở Thái lan với cuộc đảo chính hụt tháng 9 năm 1985 và cuộc đấu đá kéo dài giữa các phe phái. Ngày càng ý thức rằng không thể dựa vào nước ngoài để chống một nguy cơ tưởng tượng chưa hề diễn ra từ phía các nước Đông dương và khắc phục các cuộc khủng hoảng có thật xảy ra ngay trong nước, nhiều giới chính trị ở các nước ASEAN cho rằng phải quay lại chính sách cùng tồn tại hòa bình, quan hệ bình thường và hợp tác cùng có lợi đã diễn ra trong những năm 1975—1978 giữa các nước Đông Nam Á. Về phía mình, nhân dân Việt nam hoan nghênh mọi chủ trương có lợi cho hòa bình ở Đông Nam Á, ở châu Á — Thái bình dương và trên toàn thế giới. Chúng ta không ngừng phấn đấu nhằm phát triển mối quan hệ hữu nghị và hợp tác với In-đô-nê-xi-a và các nước Đông Nam Á khác. Chúng ta mong muốn và sẵn sàng cùng các nước trong khu vực thương lượng để giải quyết các vấn đề ở Đông Nam Á, thiết lập quan hệ cùng tồn tại hòa bình, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định và hợp tác. Chúng ta hoàn toàn nhất trí với nhận định của đồng chí M.X Goóc-ba-trốp, Tổng bí thư UBTƯ ĐCS Liên xô trong bài phát biểu tại cuộc mít tinh trọng thể nhân dịp trao tặng Huân chương Lê-nin cho thành phố Vla-đi-vô-xtốc cuối tháng 7-1986 vừa qua: «Không có trở ngại nào không thể vượt qua để tiến tới thiết lập các mối quan hệ có thể chấp nhận được giữa các nước Đông dương và các nước ASEAN. Khi có thiện chí và trong tình hình không có sự can thiệp từ bên ngoài, họ sẽ có thể giải quyết được những vấn đề của họ — và đồng thời có lợi cho an ninh chung của châu Á».

Điều mà mọi người đều thấy rõ là, để có tồn tại hòa bình, ổn định và hợp tác ở Đông Nam Á, có nhiều điều tùy thuộc vào việc bình thường hóa quan hệ Việt nam — Trung quốc. Về vấn đề này, chúng ta đã từng nói rõ quan điểm của mình. Báo cáo chính trị của BCHTƯ Đảng ta tại Đại hội thứ VI của Đảng lại một lần nữa khẳng định: «Nhân dân Việt nam và nhân dân Trung quốc vốn có quan hệ hữu nghị lâu đời, đã từng đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập, tự do và xây dựng đất nước. Nhân dân hai nước có lợi ích chung là hòa bình, độc lập và phát triển kinh tế. Chính phủ và nhân dân Việt nam, trước sau như một, quý trọng và nhất định làm hết sức mình để khôi phục tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước, và đã đưa ra nhiều đề nghị nhằm sớm bình thường hóa quan hệ giữa nước ta và Cộng hòa nhân dân Trung hoa. Lập trường của chúng ta là lấy lợi ích cơ bản và lâu dài của hai nước làm trọng. Chúng ta cho rằng đã đến lúc hai bên cần ngồi lại cùng nhau thương lượng để giải quyết

(Xem tiếp trang 106)

Digitized by Google

Giáo sư **BÙI NGỌC CHƯỞNG**

BẢN CHẤT, ĐẶC ĐIỂM VÀ ĐỊA VỊ LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC

VÀO giữa năm 1916, V. I. Lê-nin đã viết xong bản thảo cuốn sách chủ yếu của Người về chủ nghĩa đế quốc - trong lúc Người đang cư trú chính trị ở Xuy-rích (Thụy sĩ). Bản thảo cuốn sách được gửi cho M.N. Pô-crốp-xki ở Pa-ri để chuyển về Nhà xuất bản « Cánh buồm », một nhà xuất bản hợp pháp dưới chế độ Nga hoàng. Do sự trì hoãn của bọn Men-sê-vích vốn đang lũng đoạn nhà xuất bản này cho nên giữa tháng 10 năm 1917 tác phẩm mới được in thành sách và phát hành công khai với tên đề bị sửa đổi: « chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn mới nhất của chủ nghĩa tư bản ». Nhan đề đó mãi sau này mới được sửa lại theo đúng nhan đề mà Lê-nin đã chọn « *Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản* » với phụ đề « khái luận phổ thông » (1). Tuy cuốn sách được viết nhằm phổ cập rộng rãi trong quần chúng lao động, nhất là trong thanh niên, sinh viên (theo như thư Lê-nin viết cho M.N. Pô-crốp-xki) nhưng nội dung lý luận rất phong phú và mang tính khoa học chặt chẽ sâu sắc. Lê-nin đã nghiên cứu một khối lượng lớn tài liệu và số liệu về những vấn đề kinh tế và chính trị của chủ nghĩa đế quốc, lấy từ hàng trăm cuốn sách, bài báo, những bản thống kê xuất bản bằng nhiều thứ tiếng thuộc nhiều nước khác nhau. Người đã phân tích và sử dụng một cách có phê phán các tài liệu và số liệu thống kê đó cùng những lời thú nhận của các học giả tư sản ở tất cả các nước để minh họa thêm cho những lập luận có căn cứ khoa học và thực tế của mình.

Như chúng ta đã biết, vào nửa sau thế kỷ XIX, trong lòng các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, nhiều phát minh kỹ thuật mới ra đời làm hình thành nền công nghiệp nặng. Công nghiệp nặng hứa hẹn nhiều lợi nhuận đã thay thế công nghiệp nhẹ làm nền tảng cho nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Điều đó đã làm cho lực lượng sản xuất có sự phát triển tiến vọt theo hướng mở rộng cơ giới hóa và tăng thêm tính chất xã hội hóa. Lực lượng sản xuất xã hội hóa thúc đẩy tích tụ và tập trung tư bản; trên cơ sở hai quá trình đó sản xuất được tích tụ vào các xí nghiệp lớn. Các xí nghiệp này trong quá trình cạnh tranh không thôn tính được nhau để ra xu hướng liên hợp thành những công ty độc quyền thống trị từng ngành công nghiệp, trước hết là trong những ngành công nghiệp nặng. Sự độc quyền hóa trong lĩnh vực công nghiệp lại thúc đẩy tích tụ tập trung tư bản trong lĩnh vực

(1) V.I.Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t. 27, tr. 383.

Digitized by Google

ngân hàng và hình thành tư bản độc quyền ngân hàng. Độc quyền ngân hàng và độc quyền công nghiệp xoắn xuýt, hỗn hợp tạo thành những tập đoàn tư bản tài chính và có sức mạnh vô hạn chi phối cả kinh tế lẫn chính trị của đất nước. Chúng tăng cường áp bức bóc lột trong nước đồng thời bành trướng ra nước ngoài với các hình thức : xuất khẩu tư bản, đấu tranh chống nhau phân chia thế giới về kinh tế và về lãnh thổ, áp bức bóc lột trắng trợn và tàn bạo nhân dân các nước đã bị chiếm làm thuộc địa. Tình hình đó đã thúc đẩy phong trào cách mạng ở chính quốc và ở các nước thuộc địa phát triển sôi sục. Những hiện tượng kinh tế—xã hội đó được những nhà lý luận đương thời khái quát bằng khái niệm « chủ nghĩa đế quốc », nhưng nội dung của khái niệm đó thì mỗi người giải thích một cách. Kẻ coi chủ nghĩa đế quốc là sự vươn tới sức mạnh vốn có của mọi sinh vật, người coi chủ nghĩa đế quốc chỉ là chính sách đi xâm lược của tư bản công nghiệp v.v. Đó cũng là luận điệu của bọn lãnh tụ Quốc tế II. Chúng lấy danh nghĩa « chủ nghĩa Mác » giải thích xuyên tạc bản chất của chủ nghĩa đế quốc, làm cơ sở cho đường lối cải lương, hợp tác giai cấp của mình. Những luận điểm giải thích phản khoa học đó dẫn đến sai lầm về chính trị, làm lạc hướng đấu tranh của giai cấp vô sản, vì không hướng vào việc chống chủ nghĩa đế quốc đúng với bản chất thật sự của nó, mà chỉ chống những chính sách riêng biệt, những biểu hiện bề ngoài của nó, do đó không có tác dụng thúc đẩy các phong trào cách mạng tiến lên mà cản trở các phong trào ấy. Lợi ích của cách mạng thế giới và trực tiếp là cách mạng Nga đã đến độ chín muồi, đòi hỏi một sự phân tích khoa học về chủ nghĩa đế quốc, từ đó vạch ra chiến lược, sách lược đúng đắn cho cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trong thời đại mới này. Bằng tác phẩm « Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản » và nhiều tác phẩm khác, Lê-nin đã đáp ứng yêu cầu lịch sử đó. Tác phẩm « Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản » là sự kế tục trực tiếp bộ *Tư bản* của Mác, là sự phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác « về chủ nghĩa tư bản và về cách mạng vô sản » làm phong phú thêm lý luận đó bằng học thuyết « về chủ nghĩa đế quốc và về cách mạng vô sản và cách mạng ở thuộc địa ».

Tác phẩm này bao gồm 2 lời tựa và 10 chương.

Trong 2 lời tựa (một viết năm 1917, một viết năm 1920) Lê-nin nói rõ nhiệm vụ của cuốn sách là nhằm vạch rõ thực chất kinh tế của chủ nghĩa đế quốc, tính chất đế quốc chủ nghĩa của cuộc chiến tranh 1914—1918, bản chất cơ hội chủ nghĩa, hòa bình cải lương và phản bội của Quốc tế II và chứng minh rằng chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn mà cách mạng vô sản đã trở thành trực tiếp.

Trong 6 chương đầu của tác phẩm, qua nghiên cứu những hiện tượng mới của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, Lê-nin phân tích những hiện tượng đó, nêu lên những đặc điểm kinh tế của quá trình chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do sang chủ nghĩa tư bản độc quyền, cũng từ đó vạch ra quy luật tất yếu của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc.

Trong 4 chương cuối, trên cơ sở những kết quả của sự phân tích trên, Lê-nin tổng hợp vạch ra bản chất và đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc, quy luật vận động và phát triển của nó.

Bản chất của chủ nghĩa đế quốc, theo Lê-nin không phải chỉ là chính trị, càng không phải chỉ là chính sách đi thôn tính và xâm lược của những người cầm quyền các nước tư bản phát triển. Dựa trên phương pháp

Digitized by Google

luận biện chứng, duy vật của chủ nghĩa Mác, Lê-nin tìm bản chất của chủ nghĩa đế quốc ở kinh tế và xuất phát từ sản xuất. Người xác định chủ nghĩa đế quốc, trước hết và về sâu xa, là kinh tế, tức là quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, vận động dưới hình thức tổ chức sản xuất mới (tổ chức hay xí nghiệp độc quyền thay thế cho xí nghiệp tư nhân thống trị nền kinh tế) và trên cơ sở quan hệ sở hữu tư bản mới (tư bản độc quyền hay tư sản tài chính tức là tư bản tập thể của các tập đoàn đại tư bản đã thống trị, thay thế tư bản công nghiệp tư nhân cá thể). Người định nghĩa một cách vắn tắt: *chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn đặc biệt của chủ nghĩa tư bản*» (2) và giải thích: «Chủ nghĩa đế quốc là sự phát triển và sự kế tục trực tiếp của những đặc tính cơ bản của chủ nghĩa tư bản nói chung. Nhưng chủ nghĩa tư bản chỉ trở thành chủ nghĩa đế quốc tư bản chủ nghĩa, khi nó đã đạt tới một trình độ phát triển nhất định rất cao, khi một số những đặc tính cơ bản của chủ nghĩa tư bản đã bắt đầu biến thành điều trái ngược với những đặc tính đó.. Về mặt kinh tế, điểm cơ bản trong quá trình này là sự độc quyền tư bản chủ nghĩa đã thay thế cho sự cạnh tranh tự do tư bản chủ nghĩa» (3). Bản chất kinh tế này của chủ nghĩa đế quốc biểu hiện ở 5 đặc trưng kinh tế tư bản: 1 — Sự tích tụ sản xuất và tư bản đạt tới một mức độ phát triển cao khiến nó tạo ra những tổ chức độc quyền có một vai trò quyết định trong sinh hoạt kinh tế; 2 — Sự hợp nhất tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp, và trên cơ sở «tư bản tài chính», xuất hiện một bọn dầu sỏ tài chính; 3 — Việc xuất khẩu tư bản, khác với việc xuất khẩu hàng hóa, đã có một ý nghĩa quan trọng đặc biệt; 4 — Sự hình thành những liên minh độc quyền quốc tế của bọn tư bản chia nhau thế giới và 5 — Việc các cường quốc tư bản chủ nghĩa lớn nhất đã chia nhau xong đất đai trên thế giới và tất yếu diễn ra cuộc đấu tranh để chia lại. Đó cũng là 5 dấu hiệu cơ bản để định nghĩa về chủ nghĩa đế quốc.

Trên cơ sở các đặc điểm và bản chất kinh tế đó, quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản biểu hiện thành quy luật tỷ suất lợi nhuận độc quyền cao; lợi nhuận độc quyền cao này thu được do tăng cường bóc lột giai cấp công nhân và nhân dân trong nước, nhất là «bóc lột một số ngày càng đông những dân tộc nhỏ bé hay yếu» (4).

Từ những cơ sở kinh tế và bản chất kinh tế đó tất yếu sản sinh ra nền chính trị đế quốc chủ nghĩa mà chính sách thực dân chỉ là một bộ phận của chính trị đối ngoại của chủ nghĩa đế quốc. Chính trị đế quốc chủ nghĩa nói riêng và toàn bộ cấu trúc thượng tầng đế quốc chủ nghĩa nói chung, do bản chất độc quyền về kinh tế của nó quyết định, là sự phản động toàn diện trên mọi lĩnh vực đối nội cũng như đối ngoại. Đặc tính chính trị của chủ nghĩa đế quốc như Lê-nin đã vạch rõ: «Chủ nghĩa đế quốc là thời đại tư bản tài chính và thời đại các tổ chức độc quyền, ở khắp nơi những tổ chức này đều có xu hướng thống trị, chứ không phải xu hướng tự do, sự phản động toàn diện dưới bất kỳ chế độ chính trị nào, tình trạng mâu thuẫn gay gắt đến cực độ cũng trong lĩnh vực ấy — đó là kết quả của những xu hướng nói trên. Sự áp bức dân tộc và xu hướng đi thôn tính, nghĩa là vi phạm quyền độc lập dân tộc (vì thôn tính chẳng có nghĩa gì khác hơn là vi phạm quyền dân tộc tự quyết), cũng đặc biệt tăng lên» (5).

---

(2), (3) V.I. Lê-nin *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1980, t. 27, tr. 489 và 488.

(4) Sách đã dẫn, tr. 536.

(5) Sách đã dẫn, tr. 531 — 532.

Digitized by Google

Chủ nghĩa đế quốc cũng là cơ sở sinh ra những cuộc chiến tranh, vì «Tư bản tài chính và các tơ rớt đã không làm giảm mà lại còn làm tăng những sự khác nhau về nhịp độ phát triển của các bộ phận khác nhau trong nền kinh tế thế giới. Nhưng một khi quan hệ so sánh về lực lượng đã thay đổi, nếu không giải quyết các mâu thuẫn bằng *vũ lực* thì còn giải quyết bằng cách nào nữa *trong chế độ tư bản chủ nghĩa?*» (6).

Chủ nghĩa đế quốc cũng là cơ sở kinh tế sinh ra chủ nghĩa cơ hội đủ loại. Vì bằng lợi nhuận độc quyền cao, chúng có thể dành một phần còn con mua chuộc một số tầng lớp trên của giai cấp công nhân, biến họ thành công nhân quý tộc để chia rẽ và phá hoại phong trào công nhân. Do đó «cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, nếu không gắn chặt với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, thì chỉ là một câu nói rỗng tuếch và dối trá» (7).

Xác định được bản chất kinh tế, chính trị của chủ nghĩa đế quốc, Lê-nin vạch ra vị trí lịch sử của nó cũng tức là vạch ra quy luật phát triển tương lai của nó. Về điều này, Lê-nin xác định chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn đặc biệt của chủ nghĩa tư bản với ba đặc trưng: chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản độc quyền; chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản ăn bám và thối nát; và chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản đang hấp hối. Các tính chất đó nói lên chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn tột cùng này đã bộc lộ rõ nét sự lỗi thời, biến chất, thoái hóa. Vốn là tư hữu cá thể và cạnh tranh tự do nay chuyển thành tư bản tập thể và độc quyền, chủ nghĩa tư bản đã lấy sự phủ định nó để duy trì sự tồn tại bất hợp lý của nó. Vì vậy quy luật phát triển tất yếu của nó là đi đến diệt vong và nó phải được thay thế bằng một chế độ xã hội mới tiến bộ hơn — chủ nghĩa xã hội. Cho nên kết luận tác phẩm, Lê-nin đã khẳng định: «như thế hiển nhiên là đã có sự xã hội hóa sản xuất rồi... những quan hệ tư hữu là một cái vỏ, không còn phù hợp với nội dung của nó nữa;... cái vỏ đó có thể ở trạng thái thối nát tương đối lâu (... nếu cái nhọt cơ hội chủ nghĩa phải lâu ngày mới chữa được) nhưng nó sẽ không tránh khỏi bị tiêu diệt» (8).

Trong hoàn cảnh lịch sử đương thời, khi mà hầu hết thế giới còn bị chủ nghĩa đế quốc thống trị cả về kinh tế lẫn chính trị và tư tưởng, thì những kết luận khoa học đó có ý nghĩa cách mạng lớn lên. Cho nên tác phẩm «chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản» đã thực sự là ngọn đèn pha soi sáng cho hành động đấu tranh của giai cấp vô sản ở mỗi nước và trên toàn thế giới. Nhờ nhận thức đúng đắn và rõ ràng về bản chất, quy luật vận động và phát triển của chủ nghĩa đế quốc, giai cấp vô sản và đảng của nó ở các nước đã có những chủ trương và hành động đúng đắn đẩy mạnh các cuộc đấu tranh liên tục, có hiệu quả chống chủ nghĩa đế quốc, chống hệ tư tưởng của thế lực phản động đế quốc chủ nghĩa, chống chủ nghĩa cơ hội, mọi chính sách cải lương thỏa hiệp với chủ nghĩa đế quốc từng xâm nhập sâu rộng trong phong trào công nhân ở nhiều nước.

Bảy mươi năm trôi qua kể từ khi tác phẩm này ra đời, các vấn đề cơ bản nêu ra trong đó còn giữ nguyên tính thời sự, cấp bách, sinh động; chung quanh những vấn đề này cuộc đấu tranh khốc liệt và không khoan nhượng giữa hai hệ tư tưởng tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa vẫn đang tiếp diễn. Trong cuộc đấu tranh này, tác phẩm của Lê-nin là vũ khí

(6) Sách đã dẫn, tr. 500
(7) Sách đã dẫn, tr. 538.
(8) Sách đã dẫn, tr. 539.

Digitized by Google

sắc bén và luôn luôn là nỗi kinh hoàng, khiếp sợ đối với giai cấp tư bản. Dưới ánh sáng khoa học và cách mạng của nó, chủ nghĩa đế quốc đã liên tiếp bị đánh lùi từng bước và bị đánh đổ từng bộ phận, đã bước sâu vào thời kỳ suy tàn, đã mất hẳn quyền lực đối với đông đảo loài người từ khi chủ nghĩa tư bản đã bị lật đổ ở Nga và một loạt nước khác ở châu Âu và châu Á... Tác phẩm đã cổ vũ mạnh mẽ các nước thuộc địa trong đấu tranh giải phóng dân tộc và trong việc chọn phương hướng đi lên của đất nước mình nhằm thoát khỏi sự áp bức, lệ thuộc vào chủ nghĩa đế quốc, xây dựng một xã hội tiến bộ. Học thuyết Mác — Lê-nin về xây dựng xã hội mới đã được kiểm nghiệm bằng thực tiễn: chủ nghĩa xã hội đã trở thành một hệ thống thế giới và đang phát huy mạnh mẽ tác dụng là nhân tố quyết định xu hướng phát triển xã hội của loài người. « Ngày càng có nhiều dân tộc không tin vào chủ nghĩa tư bản, không muốn gắn tương lai phát triển của mình với chủ nghĩa tư bản, kiên quyết tìm kiếm và tìm ra những con đường cải tạo xã hội chủ nghĩa đất nước mình » (9).

★

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, trong nền kinh tế các nước đế quốc xuất hiện nhiều hiện tượng kinh tế — xã hội mới, nổi bật là sự can thiệp ngày càng sâu của nhà nước đế quốc vào các quan hệ kinh tế đối nội và đối ngoại. Hiện tượng kinh tế — xã hội này đã có mầm mống từ thời kỳ đầu tổng khủng khoảng của chủ nghĩa tư bản và được Lê-nin gọi là chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Sự phát triển cao hơn của lực lượng sản xuất và tình hình kinh tế - chính trị ngày càng xấu đi, bất lợi đối với vận mệnh của chủ nghĩa tư bản đã thúc đẩy nhà nước tư sản bức thiết phải can thiệp sâu vào kinh tế để duy trì sự tồn tại của chủ nghĩa đế quốc, làm cho chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước phát triển và trở thành phổ biến. Tuy nhiên sự phát triển nhanh chóng và phổ biến của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước không phải là sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn đế quốc chủ nghĩa sang một giai đoạn đặc biệt nào đó của chủ nghĩa tư bản sau chủ nghĩa đế quốc; cũng không phải là mầm mống của chủ nghĩa xã hội trong lòng chủ nghĩa tư bản như những người xét lại nêu rõ. Nó vẫn là chủ nghĩa tư bản đế quốc chủ nghĩa. Về thực chất, chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là hình thức vận động mới của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, hình thành trong giai đoạn độc quyền, khi chủ nghĩa tư bản đã lao sâu vào cuộc tổng khủng hoảng trầm trọng cần sự điều tiết và kinh doanh của bản thân nhà nước tư sản. Cho nên nó biểu hiện ra là sự can thiệp trực tiếp của nhà nước tư sản vào quá trình kinh tế, là sự kết hợp giữa sức mạnh của các tổ chức độc quyền và của nhà nước tư sản nhằm điều tiết sản xuất, chống đỡ khủng hoảng kinh tế ngày càng gay gắt « để cứu vãn chế độ tư bản chủ nghĩa, để có hết sức tăng thêm lợi nhuận của giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa bằng cách bóc lột giai cấp công nhân và cướp bóc các tầng lớp nhân dân đông đảo » trong nước và ở các nước phụ thuộc.

Chủ nghĩa đế quốc ngày nay tuy vận động dưới hình thức mới với những thủ đoạn thống trị và bóc lột tinh vi, nhưng bản chất của nó không thay đổi, cơ sở kinh tế của nó vẫn là sự thống trị của các tổ chức độc quyền tư nhân và nhà nước, của

(9) *Cương lĩnh Điều lệ Đảng cộng sản Liên xô*, Nxb Sự thật, Hà nội — Nxb Tổng tin xã Xô-viết, Mát-xcơ-va — 1986, tr. 16.

Digitized by Google

tư bản tài chính tư nhân và nhà nước. Với cơ sở kinh tế đó, chủ nghĩa đế quốc vẫn mang tính phản động toàn diện. Đại hội thứ XXVII của ĐCS Liên xô khẳng định: « Về mặt chính trị, xu hướng đặc trưng đối với chủ nghĩa đế quốc là tính chất phản động về mọi phương diện ngày càng tăng » (10). Xu hướng đó biểu hiện chủ yếu ở sự phát triển phổ biến chủ nghĩa phát xít mới, chủ nghĩa quân phiệt, chủ nghĩa chống cộng, chống Liên xô một cách cực đoan, ở sự xâm lược hoặc can thiệp trắng trợn vào nội bộ các nước, đe dọa khủng bố, đàn áp không những đối với các lực lượng cách mạng, tiến bộ mà cả đối với những gì ngược lại ý đồ của chủ nghĩa đế quốc. Quá trình tiến triển của lịch sử càng làm lung lay vị trí của chủ nghĩa đế quốc thì chính sách của các thế lực đế quốc phản động nhất càng trở nên thù địch mạnh mẽ với lợi ích của các dân tộc. Chúng chống phá ác liệt sự tiến bộ xã hội, tìm cách ngăn chặn bước tiến của lịch sử, của chủ nghĩa xã hội, mưu toan thực hiện sự phục thù về mặt xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước và sự triển khai của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật, các mâu thuẫn kinh tế và xã hội cơ bản của chủ nghĩa đế quốc đang bộc lộ gay gắt. Tình trạng luẩn quẩn và mất ổn định của nền kinh tế ngày càng tăng, khủng hoảng chu kỳ và khủng hoảng cơ cấu ngày càng thường xuyên và sâu sắc, thất nghiệp tăng mạnh, lạm phát trở thành kinh niên, nợ nần nhà nước chồng chất, khủng hoảng nguyên liệu, năng lượng và môi trường gay gắt v.v. Mọi tai họa xã hội của tình trạng kinh tế đó đổ lên đầu nhân dân lao động trong các nước đế quốc chủ nghĩa và các nước phụ thuộc, đồng thời cũng đổ lên đầu lẫn nhau giữa các nước đế quốc.

Tại đình lũy chủ nghĩa đế quốc, bọn độc quyền lợi dụng nhà nước và những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, thực hiện sự phân phối lại thu nhập quốc dân có lợi cho chúng, gây thiệt hại lớn cho nhân dân lao động. Bị buộc phải nhượng bộ chút ít trong việc cải thiện điều kiện lao động và mức sống do ảnh hưởng ngày càng lớn của chủ nghĩa xã hội thế giới và cuộc đấu tranh rộng lớn của công nhân lao động trong nước, chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước kết hợp các thủ đoạn lừa bịp, mua chuộc với sự tiến công trực tiếp vào mức sống và các quyền của những người lao động. Vì vậy cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và đông đảo các tầng lớp nhân dân chống nạn thất nghiệp, chống chạy đua vũ trang, chống áp đặt chính sách khắc khổ của tư bản độc quyền và nhà nước của chúng ngày càng sôi sục.

Thi hành chính sách thực dân kiểu mới, chủ nghĩa đế quốc tước bỏ nội dung chủ quyền dân tộc mà các quốc gia trẻ tuổi mới giành được; lợi dụng sự phụ thuộc về kinh tế và kỹ thuật, vị trí không bình đẳng của các nước này trong nền kinh tế thế giới tư bản chủ nghĩa, chúng bóc lột các nước đang phát triển một cách nặng nề bằng xuất khẩu tư bản, trao đổi không ngang giá, cho vay nặng lãi v.v. Ở đa số các quốc gia trẻ tuổi này nợ nần chồng chất, nền kinh tế kiệt quệ, đời sống của đông đảo quần chúng lao động nghèo khổ, đói rét, mù chữ, bệnh tật v.v. Có thể nói rằng sự tiếp tục tồn tại của chủ nghĩa đế quốc một phần đáng kể là nhờ việc ăn cướp, bóc lột tàn nhẫn các nước đang phát triển. Cầm thú chủ nghĩa đế quốc vốn dã và đang gây ra bao tội ác tày trời, các dân tộc mới được giải phóng đang đẩy mạnh cuộc đấu tranh nhằm thoát

(10) *Cương lĩnh, Điều lệ Đảng cộng sản Liên xô*. Nxb Sự thật, Hà nội Nxb Thông tấn xã Nô-vô-xti, Mat-xcơ-va, 1986, tr. 20.

Digitized by Google

khỏi ách nô lệ thực dân kiểu mới, củng cố nền độc lập chính trị thật sự, tiến lên giành những thắng lợi quan trọng từ đầu những năm 70. Nhiều chế độ độc tài, tay sai của chủ nghĩa thực dân mới, nhất là của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ đã lần lượt sụp đổ; sau khi giành được độc lập thật sự, nhiều nước đã chọn con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa, hướng tới chủ nghĩa xã hội.

Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở chính quốc và ở các nước phụ thuộc trong hơn chục năm qua đã giáng những đòn nặng nề vào ách thống trị bóc lột của chủ nghĩa đế quốc. Các phong trào đó đã góp phần làm cho mâu thuẫn giữa đế quốc và đế quốc càng thêm sâu sắc.

Do suy yếu sau thất bại thảm hại ở Việt nam và Đông dương cũng như ở nhiều nơi khác trên thế giới và do tác động của quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc Mỹ đã mất địa vị là trung tâm đế quốc chủ nghĩa duy nhất của thế giới. Ba trung tâm đế quốc chủ nghĩa thế giới: Mỹ, Nhật và Tây Âu đã hình thành từ đầu những năm 70. Cuộc cạnh tranh kinh tế quốc tế của tư bản phát triển thành cuộc đấu tranh kinh tế và chính trị gay gắt giữa ba trung tâm đó. Mặc dù lợi ích giai cấp đòi hỏi phải có sự liên hợp thống nhất nào đó để chống chủ nghĩa xã hội và các phong trào cách mạng và dân chủ đang dâng cao, chủ nghĩa đế quốc thế giới không thể thủ tiêu những mâu thuẫn giữa chúng vì mâu thuẫn về quyền lợi kinh tế và chính trị ngày càng sâu sắc. Các cuộc đối địch đế quốc chủ nghĩa diễn ra rất quyết liệt dưới hình thức những cuộc « chiến tranh kinh tế », « chiến tranh thương mại », « chiến tranh tiền tệ và tỷ suất lợi tức » v.v. Sự đối địch đế quốc chủ nghĩa đang làm cho chủ nghĩa đế quốc có những chia rẽ sâu sắc tạo ra những khả năng phân hóa và làm suy yếu chúng

Trong những năm qua, Mỹ, tên trùm đế quốc điên cuồng chống chủ nghĩa xã hội, ra sức tái chạy đua vũ trang và quân sự hóa vũ trụ, nhằm tạo ra những đơn hàng béo bở cho các tổ hợp công nghiệp — quân sự, hy vọng bằng cách đó làm sống động trở lại nền kinh tế quân sự hóa vốn đang khủng hoảng kéo dài, và giành lại ưu thế quân sự đã mất. Hành động điên cuồng và phiêu lưu đó của chủ nghĩa đế quốc nhất là của đế quốc Mỹ buộc toàn nhân loại phải cảnh giác. Phong trào hòa bình, một mũi nhọn tiến công vào chủ nghĩa đế quốc trong những năm qua đã phát triển chưa từng có. Cộng đồng xã hội chủ nghĩa do Liên xô làm trụ cột, với tiềm lực kinh tế và quốc phòng hùng mạnh, là thành trì vững chắc, là chỗ dựa tin cậy cho cả loài người trong công cuộc đấu tranh loại trừ nguy cơ hạt nhân, bảo vệ hòa bình.

Những thủ đoạn, biện pháp và hành động điên cuồng của chủ nghĩa đế quốc trong giai đoạn hiện nay có đem lại lợi nhuận to lớn cho chúng, cho phép chúng giữ được một số vị trí cụ thể về kinh tế, chính trị, quân sự v.v. và tạm thời duy trì sự tồn tại của mình. Nhưng kết quả tổng thể của những nỗ lực nói chung, cũng như từng biện pháp mà chủ nghĩa đế quốc ngày nay sử dụng đều có tính chất như con dao hai lưỡi, trực tiếp và trước mắt thì nó tạo ra một sự êm dịu, một sự kích thích nào đó để duy trì bước phát triển kinh tế, chống khủng hoảng ở mức độ nhất định: nhưng về cơ bản và lâu dài nó lại tích lũy những nhân tố làm sâu sắc thêm các mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa đế quốc. Sở dĩ như vậy là vì bọn tư bản độc quyền nhà nước cố kìm giữ lực lượng sản xuất xã hội hóa cao và đồ sộ trong cái vỏ quan hệ chiếm hữu tư nhân tư

Digitized by Google

bản chủ nghĩa ngày càng thu hẹp trong phạm vi một nhóm nhỏ tư bản kếch sù trên cơ sở tăng cường bóc lột giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Điều đó đã và đang làm cho mâu thuẫn cơ bản trong xã hội tư bản ngày nay càng thêm sâu sắc và sớm muộn tất yếu phải được giải quyết theo quy luật tiến hóa của lịch sử.

Chính là xuất phát từ những luận điểm về chủ nghĩa đế quốc của Lênin mà Đại hội thứ XXVII của ĐCS Liên xô đã khẳng định « không một « biến tướng », nào, không một thủ đoạn nào của chủ nghĩa tư bản hiện đại có thể hủy bỏ các quy luật phát triển của nó, có thể loại trừ được sự đối kháng gay gắt giữa lao động và tư bản, giữa bọn tư bản độc quyền và xã hội, có thể đưa hệ thống tư bản chủ nghĩa không tránh khỏi diệt vong về mặt lịch sử ra khỏi tình trạng khủng hoảng toàn diện. Biện chứng của sự phát triển là ở chỗ các biện pháp mà chủ nghĩa tư bản áp dụng nhằm mục đích củng cố vị trí của nó tất yếu sẽ làm cho các mâu thuẫn nằm sâu trong lòng chủ nghĩa tư bản ngày càng thêm gay gắt. Chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản ăn bám, mục nát và đang giãy chết, là đêm trước của cách mạng xã hội chủ nghĩa » (11).

(11) *Cương lĩnh, Điều lệ Đảng cộng sản Liên xô*, Nxb Sự thật, Hà nội—Nxb Thông tấn xã Nô-vô-xti, Mát-xcơ-va, 1956, tr. 22—23.

CÙNG TỒN TẠI HÒA BÌNH...

(Tiếp theo trang 98)

các vấn đề trước mắt cũng như lâu dài trong quan hệ giữa hai nước. Một lần nữa, chúng ta chính thức tuyên bố rằng: Việt nam sẵn sàng đàm phán với Trung quốc bất cứ lúc nào, bất cứ cấp nào và bất cứ ở đâu nhằm bình thường hóa quan hệ giữa hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới ».

★

Tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau, loại trừ chiến tranh xâm lược đang là xu thế lịch sử có sức hút mạnh mẽ. Kế hoạch hòa bình toàn diện về châu Á - Thái bình dương do đồng chí Tổng bí thư UBTƯ ĐCS Liên xô M.X. Goóc-ba-trốp đưa ra tại Vla-đi-vô-xtốc ngày càng được sự ủng hộ mạnh mẽ của những người có lương tri trên toàn trái đất. Trong đà tiến chung không thể đảo ngược được của lịch sử loài người, chúng ta chân thành mong mỏi các nước ASEAN sớm cùng chúng ta và các nước trên bán đảo Đông dương thiết lập lại quan hệ cùng tồn tại hòa bình, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định và hợp tác.

Digitized by Google

ТАПТИ КОНГШАН № 3 – 1987

ПЕРЕДОВАЯ – Построить Национальное собрание подлинно действенным органом государственного управления. НГУЕН ХЫУ ТХО – Национальное собрание VIII созыва : проблемы обновления. ★ ★ ★ – Преодолеть трудности, успешно выполнить экономические задачи. НГУЕН ТХИ ДИНЬ – Надлежащим образом претворить в жизнь Закон о семье и браке. ОБМЕН МНЕНИЯМИ – Роль человеческого фактора в социалистическом строительстве. ТХАЙ НИНЬ – Обновление мышления с точки зрения методологии. ДАН ТАМ – Новые требования, предъявляемые к пропагандистской работе среди рабочих масс. ЛЫУ ВАН ДАТ – Внешняя экономика, экспорт и импорт на первом этапе переходного периода к социализму. ХОАНГ ХИЕН – Мирное сосуществование между двумя группами стран АСЕАН и Индокитая.

REVIEW OF COMMUNISM N. 3 – 1987

EDITORIAL – Making the National Assembly really efficient. NGUYÊN HŨU THO – 8th Legislature of the National Assembly – Some problems on renewal. ★ ★ ★ – Let us overcome immediate difficulties and carry out the economic tasks successfully. NGUYÊN THI DINH – Well implementing the Law on Marriage and Family. EXCHANGE OF VIEWS – On the role of human factor in the cause of socialist building. THÁI NINH – Renewal of thinking: an aspect of methodology. ĐAN TÂM – New requirements in the task of worker campaign. LƯU VĂN ĐẠT – External Economy, export and import in the first stage of the transitional period to socialism. HOÀNG HIÊN – Peaceful co-existence between the two blocs – ASEAN and Indochina.

REVUE DU COMMUNISME N° 3 – 1987

EDITORIAL – Edifier une Assemblée nationale vraiment efficace. NGUYÊN HŨU THO – L' Assemblée nationale – VIIIe législature. Quelques problèmes du renouveau. ★ ★ ★ Vaincre les difficultés dans l'immédiat, accomplir les tâches économiques. NGUYÊN THI DINH – Bien appliquer la loi sur le mariage et la famille. ECHANGE D' IDÉES – Sur le facteur humain dans l'édification du socialisme. THÁI NINH – Renouveau de la pensée : aspect méthodologique. ĐAN TÂM – Nouvelles exigences du travail de mobilisation chez les ouvriers. LƯU VÂN ĐẠT – Relations économiques extérieures, l'exportation – l' importation dans l'étape initiale de la période de transition au socialisme. HOÀNG HIÊN – Coexistence pacifique entre les deux groupes de pays d' ASEAN et d' Indochine.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 3 – 1987

EDITORIAL – Edificar una Asamblea Nacional verdaderamente eficaz. NGUYÊN HŨU THO – Octava Legislatura de la Asamblea Nacional – Algunos problemas sobre la renovación. ★ ★ ★ – Superar las dificultades inmediatas y realizar exitosamente las tareas económicas. NGUYÊN THI DINH – Cumplir bien la Ley del Matrimonio y la Familia. INTERCAMBIOS DE OPINIONES – Sobre el factor del hombre en la edificación del socialismo. THÁI NINH – Renovación del pensamiento : un aspecto de la metodología. ĐAN TÂM – Nuevas exigencias en la movilización obrera. LƯU VÂN ĐẠT – Las relaciones económicas exteriores y la exportación – importación en la etapa inicial del período de transición al socialismo. HOÀNG HIÊN – La coexistencia pacífica entre dos grupos de países de ASEAN e Indochina.

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
SỐ 3-1987. NĂM THỨ XXXIII (375)

Mục lục

Xã luận – Xây dựng một Quốc hội thật sự có năng lực 1
NGUYỄN HỮU THỌ – Quốc hội khóa VIII – mấy vấn đề đổi mới 4
★ ★ ★ – Khắc phục những khó khăn trước mắt, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế 7
NGUYỄN THỊ ĐỊNH – Thực hiện tốt Luật hôn nhân và gia đình 13
Trao đổi ý kiến – Về vai trò nhân tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ★ TRẦN ĐÌNH HOAN, NGUYỄN VĂN HẠNH, HÀ XUÂN TRƯỜNG, HOÀNG TRƯỜNG MINH, NGÔ THÀNH DƯƠNG, TƯƠNG LAI, KHỔNG ĐOÃN HỢI, PHAN HIỀN, ĐẶNG NGHIÊM VẠN, ĐẶNG THANH LÊ 16
THÁI NINH – Đổi mới tư duy: khía cạnh phương pháp luận 57
DAN TÂM – Yêu cầu mới của công tác vận động công nhân 63
LƯU VĂN ĐẠT – Kinh tế đối ngoại, xuất – nhập khẩu trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 69
NGUYỄN BÌNH – Quán triệt mấy nội dung chủ yếu theo hướng tư duy mới đã nêu trong nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ chính trị 75
DUY NGHĨ – Đổi mới cơ chế quản lý bảo vệ thực vật trong nông nghiệp 79
Điều tra ★ HỮU HẠNH – Ngành chăn nuôi bò sữa ở Mộc châu đi đến đâu? 82
XUÂN HOÀNH – Một điển hình năng động trong kinh doanh thương nghiệp 88
Thư gửi Bộ biên tập ★ LÊ HÙNG – « Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch »
HOÀNG HIỀN – Cùng tồn tại hòa bình giữa hai nhóm nước ASEAN và Đông dương
BÙI NGỌC CHƯỞNG – Bản chất, đặc điểm và địa vị lịch sử của chủ nghĩa đế quốc 99

Trụ sở Bộ biên tập:
1. Nguyễn Thượng Hiền – Hà nội. Dây nói: 52061 – 52062
Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:
19. Phạm Ngọc Thạch – T. P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 – 22010

Digitized by Google

Digitized by Google

交流圖書公司
CHIAO LIU PUB. SERVICE

To: Asia Library
Title 書名 Tạp chí cộng sản
Vol. No. 卷數
Issue No. 期數 3
Date Published 出版日期
No. of Copies 份數
DELIVERY SLIP 發貨單 (Ref. Your Order

Các bạn

TRƯỜNG CHINH

– Đổi mới là đòi hỏi bức … là thời đại

* * *

– Điện và lời chào mừng … g cộng sản Việt nam

– Những tham luận tại Đ… lần thứ VI của Đảng

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 6000

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

...of MICH.
OCT 09 1987
Current Serials

4

4.1987

Digitized by Google

Digitized by Google

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
Cơ quan lý luận và chính trị
của Đảng cộng sản Việt nam

ĐỒNG CHÍ LÊ DUẨN
nhà lãnh đạo lỗi lạc của Đảng và nhân dân ta

NGUYỄN VĂN LINH
Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương
Đảng cộng sản Việt nam

NGÀY 7-4 năm nay, Đảng ta, nhân dân và quân đội ta kỷ niệm lần thứ 80 ngày sinh đồng chí Lê Duẩn, người học trò xuất sắc của Bác Hồ vĩ đại, nhà lãnh đạo lỗi lạc của Đảng, nhân dân và quân đội ta, chiến sĩ kiên cường của phong trào cộng sản quốc tế, phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc. Là chiến sĩ lớp cận vệ đầu tiên của Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, cho hạnh phúc của nhân dân và lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Cuộc đời gần sáu mươi năm hoạt động cách mạng liên tục của đồng chí, từ khi tham gia phong trào yêu nước và dân chủ năm 1928 đến khi trái tim đồng chí ngừng đập là một tấm gương sáng cho chúng ta noi theo.

Đồng chí Lê Duẩn là một chiến sĩ cộng sản kiên cường. Với lòng yêu nước sâu sắc, đồng chí chiến đấu không mệt mỏi chống đế quốc và tay sai vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Lý tưởng và hoài bão suốt đời của đồng chí là nước nhà độc lập, thống nhất, phồn vinh và trở thành một nước xã hội chủ nghĩa, nhân dân làm chủ đất nước, có cuộc sống no ấm và văn minh. Lý tưởng

Digitized by Google

và hoài bão ấy là lẽ sống, là nguồn gốc nghị lực và tinh thần sáng tạo dồi dào của đồng chí. Trước những thử thách gay gắt, đồng chí đều vượt qua. Hai lần bị bắt và ở tù, có lúc tính mạng bị đe dọa, đồng chí đã nêu cao khí tiết cộng sản chủ nghĩa, giữ vững niềm tin sắt đá vào thắng lợi của cách mạng. Đồng chí đã hoạt động ở tất cả các miền của đất nước, cùng đồng bào và đồng chí chiến đấu vượt qua mọi khó khăn gian khổ, hoàn thành nhiệm vụ.

Đồng chí Lê Duẩn là nhà chiến lược, nhà lý luận của cách mạng Việt nam bên cạnh Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo khác. Đồng chí đã góp phần cống hiến quan trọng vào sự nghiệp xây dựng lý luận của cách mạng nước ta. Đồng chí đã cùng đồng chí Nguyễn Văn Cừ và các đồng chí khác có sáng kiến về tập hợp lực lượng cách mạng trong Mặt trận dân chủ trong những năm 1937 – 1939, dựa trên cơ sở rút kinh nghiệm các phong trào đấu tranh rộng rãi của quần chúng nhân dân nước ta hồi bấy giờ. Khi chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, đồng chí là một trong những người đề xuất sáng kiến thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông dương thay thế Mặt trận dân chủ, đề lên hàng đầu nhiệm vụ giải phóng dân tộc, tạm gác nhiệm vụ cải cách ruộng đất nhằm tập hợp các lực lượng yêu nước đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân

Đồng chí đã góp phần cùng Bác Hồ và Trung ương Đảng chuẩn bị cuộc kháng chiến chống Pháp và trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến ở miền Nam. Công lao to lớn của đồng chí Lê Duẩn là đã cùng với Bác Hồ và Trung ương Đảng quyết định đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, phát triển khoa học và nghệ thuật quân sự, chỉ đạo cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân và quân đội ta, đưa lại thắng lợi lịch sử hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Xuất phát từ tư tưởng chỉ đạo của Bác Hồ, của Đảng, đồng chí đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn nhằm xác định và hoàn chỉnh đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đó là các luận điểm về làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, về ba cuộc cách mạng, về cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, v.v.

Đồng chí Lê Duẩn luôn luôn suy nghĩ tìm tòi trong các quá trình chỉ đạo cách mạng, nhất là trước những bước ngoặt của cách mạng và những tình huống phức tạp.

Nêu cao tinh thần cách mạng và sáng tạo, đồng chí chăm lo bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin, góp phần làm cho nó phong phú bằng những kinh nghiệm của cách mạng nước ta.

Đồng chí Lê Duẩn là nhà tổ chức và lãnh đạo tài năng. Trong quá trình hoạt động lâu dài của mình, đồng chí luôn luôn coi trọng công tác tổ chức. Ở các nhà tù Hỏa lò (Hà nội), Sơn la, Khám lớn (Sài gòn), Côn đảo, đồng chí chăm lo góp phần xây dựng chi bộ, đoàn kết tù nhân, đấu tranh chống chế độ giam cầm hà khắc của địch, tổ chức học tập chính trị, lý luận, đào tạo cán bộ cách mạng.

Trong thời kỳ Mặt trận dân chủ (1937 – 1939), là Bí thư Xứ ủy Trung kỳ, đồng chí lãnh đạo việc xây dựng lại các cơ sở, khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng, tuyên truyền, tổ chức lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa và quan lại, cường hào, chống áp bức bóc lột, đòi các quyền dân sinh, dân chủ, chống nguy cơ chiến tranh. Dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy do đồng chí đứng đầu, các tổ chức đảng sử dụng linh hoạt các khả năng hợp pháp, kết hợp với

Digitized by Google

đấu tranh của quần chúng, tăng cường lực lượng và ảnh hưởng của cách mạng, chuẩn bị đối phó với tình hình thay đổi xấu đi.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, là Bí thư Xứ ủy Nam bộ, rồi bí thư Trung ương cục miền Nam của Đảng, người lãnh đạo chủ yếu cuộc kháng chiến ở miền Nam, đồng chí đã cùng các đồng chí lãnh đạo khác tổ chức và đoàn kết các lực lượng yêu nước thống nhất trong Mặt trận dân tộc, tiến hành cuộc chiến đấu anh dũng của đồng bào và quân đội, góp phần to lớn đánh thắng bọn thực dân xâm lược Pháp trong cả nước.

Trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, đồng chí Lê Duẩn là Bí thư thứ nhất, rồi Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương, đã cùng với Bác Hồ và Trung ương lãnh đạo toàn đảng, toàn dân, toàn quân ta tiến hành cuộc kháng chiến anh hùng, đánh thắng hoàn toàn tên đế quốc xâm lược dã sô, đưa dân tộc ta đến thắng lợi oanh liệt, lập được những chiến công hiển hách trong lịch sử dân tộc Việt nam ta.

Sau thắng lợi chống Mỹ, cứu nước, đồng chí đã cùng Trung ương Đảng lãnh đạo toàn quân, toàn dân ta bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc ta.

Là chiến sĩ quốc tế kiên cường, kiên trì nguyên tắc kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, đồng chí Lê Duẩn không ngừng phấn đấu cho sự đoàn kết quốc tế của phong trào cộng sản và công nhân và tất cả các lực lượng cách mạng và tiến bộ khác trong cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Đồng chí đã góp phần to lớn vào việc xây dựng, củng cố và tăng cường đoàn kết hữu nghị và quan hệ đặc biệt Việt nam – Lào – Cam-pu-chia; củng cố và phát triển sự hợp tác toàn diện và tình đoàn kết chiến đấu giữa Việt nam với Liên xô và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Đồng chí Lê Duẩn là người cộng sản tận tụy, giàu lòng nhân ái, gần gũi nhân dân, hòa mình với quần chúng.

Cống hiến của đồng chí Lê Duẩn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng ta và nhân dân ta thật là to lớn. Nhân dân ta mãi mãi nhớ ơn công lao của đồng chí.

Kỷ niệm lần thứ 80 ngày sinh của đồng chí Lê Duẩn, chúng ta trân trọng gìn giữ và phát huy những di sản quý báu của đồng chí, tiếp tục con đường của Đảng và của Bác Hồ kính yêu, chăm lo tăng cường sức mạnh đoàn kết nhất trí của toàn đảng, toàn quân và toàn dân chung quanh Ban chấp hành trung ương Đảng, ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, đưa sự nghiệp cách mạng vẻ vang của nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách, tiến lên giành những thắng lợi mới.

Digitized by Google

Xã luận

KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI

TRONG những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng khoa học, kỹ thuật nước ta đã lớn lên và có những đóng góp nhất định vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cán bộ khoa học, kỹ thuật của chúng ta hiện nay có khả năng tiếp thu và nhanh chóng làm chủ được kỹ thuật và công nghệ tiên tiến của thế giới, đã đạt được những thành tựu đáng tự hào trong nghiên cứu và ứng dụng các giống cây trồng, vật nuôi, các công nghệ mới, vật liệu mới, đổi mới sản phẩm, góp phần đáng kể vào phát triển nông nghiệp, giải quyết những khó khăn về năng lượng, giao thông vận tải, nguyên liệu, vật liệu, trang bị, phụ tùng thay thế v.v. Nếu được tổ chức và sử dụng thật tốt, đội ngũ này còn có thể có nhiều cống hiến to lớn hơn nữa.

Tuy nhiên, cách mạng khoa học – kỹ thuật ở nước ta vẫn chưa thể hiện rõ vị trí then chốt của nó trong cuộc sống. Khoa học, kỹ thuật chưa thực sự là căn cứ cho các quyết định quan trọng về phát triển kinh tế – xã hội. Đã có được bao nhiêu người, bao nhiêu cấp ủy đảng thấy rõ sự bức bách phải lấy khoa học, kỹ thuật làm động lực quan trọng để tăng trưởng kinh tế và xây dựng xã hội văn minh, hạnh phúc? Mặt khác, lực lượng khoa học, kỹ thuật cũng chưa vươn lên đáp ứng có hiệu quả những yêu cầu to lớn, cấp bách của kinh tế và xã hội; một số hoạt động khoa học, kỹ thuật chưa tập trung hướng về các mục tiêu kinh tế – xã hội chủ yếu nhất. Tác động của khoa học, kỹ thuật trong cuộc sống thực tiễn, do đó, chưa mạnh mẽ.

Đại hội thứ VI của Đảng, một lần nữa lại nhấn mạnh vị trí then chốt của cách mạng khoa học – kỹ thuật, chỉ rõ «trong điều kiện thế giới đang tiến nhanh vào giai đoạn mới của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật và qua tình hình thực tế của nước ta càng thấy rõ sự bức bách phải làm cho khoa học, kỹ thuật thật sự trở thành một **động lực to lớn** đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế – xã hội của đất nước» (1).

Thấu suốt tinh thần Nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng, các hoạt động khoa học và kỹ thuật phải hướng vào phục vụ ba chương trình kinh tế lớn: lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật kết hợp chặt chẽ với nhau, nhằm mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là

(1) Báo cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội VI, *Tạp chí Cộng sản*, số 1-1987, tr. 51.

Digitized by Google

ổn định mọi mặt tình hình kinh tế – xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo mà phát triển. Tất cả phải tập trung lực lượng giải quyết những vấn đề khoa học, kỹ thuật cấp bách, có hiệu quả thiết thực để nâng cao rõ rệt năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế quốc dân. Hoạt động khoa học và kỹ thuật không chỉ dừng lại ở các khâu nghiên cứu – triển khai, không chỉ đóng khung ở các viện, các trường mà phải đi sâu vào từng nhà máy, từng cánh đồng, phải thu hút hàng triệu quần chúng lao động. Có nhân nhanh các điển hình tiên tiến về áp dụng khoa học, kỹ thuật ra diện rộng mới nâng cao được năng suất lao động xã hội, hiệu quả của nền kinh tế quốc dân, mới thể hiện rõ vai trò « động lực to lớn » của khoa học, kỹ thuật và vị trí then chốt của cách mạng khoa học – kỹ thuật trong cuộc sống.

★

Cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật trên thế giới hiện đã bước sang giai đoạn mới, giai đoạn cách mạng về công nghệ, đang tác động sâu sắc đến toàn bộ các lĩnh vực hoạt động của xã hội loài người.

Bất cứ nước nào khi xác định chiến lược phát triển của mình cũng phải tính đến việc tranh thủ thành tựu cách mạng khoa học – kỹ thuật để đẩy nhanh sự phát triển kinh tế – xã hội. Kinh nghiệm thế giới cho thấy sức mạnh kinh tế của một nước ngày nay phụ thuộc chủ yếu vào **khả năng tiếp thu và vận dụng thành tựu của cách mạng khoa học – kỹ thuật.**

Đối với nước ta, cách mạng khoa học – kỹ thuật sẽ tạo ra những tiềm năng to lớn cho phép đi nhanh và rút ngắn con đường công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, bỏ qua những bước không thích hợp với thời đại mà nhiều nước phát triển đã trải qua.

Báo cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội VI chỉ rõ: « Trên cơ sở những việc đã làm được, cần xúc tiến và hoàn thành việc xác định **chiến lược phát triển khoa học và kỹ thuật** *làm luận cứ khoa học cho chiến lược phát triển kinh tế – xã hội và định hướng cho công tác khoa học kỹ thuật ».*

Chính sách khoa học, kỹ thuật của Đảng thực chất là chính sách phát triển kinh tế – xã hội bằng khoa học và kỹ thuật.

Đó là việc lựa chọn cách đi, con đường đi thích hợp nhất để nhanh chóng xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, đẩy mạnh sự phát triển kinh tế – xã hội trên nguyên tắc **kết hợp tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội với vận dụng thành tựu cách mạng khoa học – kỹ thuật thế giới.** *Điều có ý nghĩa quyết định ở đây là* **lựa chọn và làm chủ các công nghệ tiên tiến thích hợp**, *nhanh chóng khắc phục tình trạng lạc hậu phổ biến về kỹ thuật và công nghệ của ta hiện nay để khai thác có hiệu quả nhất nguồn tài nguyên, lao động của đất nước và tích cực tham gia quá trình phân công lao động quốc tế.*

Digitized by Google

Trong việc đổi mới và phát triển **kỹ thuật và công nghệ** *của đất nước, chúng ta kết hợp công nghệ hiện đại với hiện đại hóa công nghệ truyền thống; chú trọng sử dụng các công nghệ liên tiếp, với quy mô vừa và nhỏ, tiêu hao ít vật tư và năng lượng, ít hoặc không có phế thải, đầu tư ít, có khả năng thu hồi và quay vòng vốn nhanh, tạo nhiều chỗ làm việc, thu hút nhiều lao động, sử dụng được các nguồn nguyên liệu, vật liệu tại chỗ, tăng khả năng xuất khẩu và giảm nhập khẩu.*

Yêu cầu cơ bản của đổi mới kỹ thuật và công nghệ là **tính hiệu quả và tính thích hợp.**

Cần tập trung xây dựng và thực hiện **chính sách kỹ thuật và công nghệ quốc gia thống nhất.** *Chính sách ấy là luận cứ quan trọng cho chiến lược và kế hoạch dài hạn phát triển kinh tế – xã hội; nó phải được thể hiện trên quy hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, trong bố trí cơ cấu sản xuất, trong việc nhập kỹ thuật v.v. Chính sách ấy là chỗ dựa của các hoạt động khoa học và kỹ thuật.*

Cần thể chế hóa việc tham gia trực tiếp của lực lượng khoa học, kỹ thuật vào các quá trình chuẩn bị và quyết định đầu tư, nhất là đầu tư nhập kỹ thuật. Cần thực hiện chế độ giám định công nghệ, hoàn thiện chế độ quản lý các xí nghiệp và quản lý kỹ thuật, hướng hoạt động khoa học và kỹ thuật vào việc đổi mới công nghệ, tăng cường đào tạo và bồi dưỡng lực lượng lao động kỹ thuật, nâng cao trình độ hiểu biết khoa học, kỹ thuật của nhân dân lao động.

Để vận dụng những thành tựu của cách mạng khoa học – kỹ thuật thế giới vào việc đổi mới kỹ thuật và công nghệ, nhanh chóng nâng cao trình độ khoa học, kỹ thuật của đất nước, chúng ta cần tích cực tham gia **chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học – kỹ thuật** *theo các hướng ưu tiên của Hội đồng tương trợ kinh tế; đồng thời mở rộng và tận dụng các mối quan hệ hợp tác quốc tế về khoa học – kỹ thuật, kết hợp với hợp tác về kinh tế, trước hết với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, tạo điều kiện để các cán bộ khoa học, quản lý sản xuất và kinh doanh tiếp xúc có hiệu quả với thông tin quốc tế và các thành tựu mới nhất về khoa học, kỹ thuật và kinh tế thế giới.*

Từ nhiều năm nay, **chất lượng sản phẩm** *sút kém còn là vấn đề lớn chưa khắc phục được. Chất lượng nhiều loại sản phẩm luôn luôn không ổn định và đang có xu hướng tiếp tục suy giảm, ngay cả một số mặt hàng đã được cấp dấu chất lượng cũng không duy trì được chất lượng như trước. Mặt khác, các hàng giả trong lĩnh vực tiêu dùng vẫn tiếp tục phát triển do buông lỏng quản lý và một phần do thiếu hàng hóa để thỏa mãn nhu cầu xã hội.*

Chất lượng sản phẩm thấp kém và giảm sút làm căng thẳng thêm nhu cầu xã hội và đời sống, gây nên lãng phí tài nguyên, vật tư, năng lượng và lao động xã hội, làm mất dần khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới, ảnh hưởng lớn đến kim ngạch xuất khẩu.

Vì vậy, cần có chính sách mạnh mẽ và có hiệu quả đối với vấn đề chất lượng sản phẩm, coi việc **ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm là một nội dung chiến lược trong chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.** *Chính sách đó bao gồm việc đầu tư theo chiều sâu để đổi mới và nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ và bảo đảm cung ứng vật tư, thiết bị, năng*

Digitized by Google

lượng, tiền vốn trước hết cho các lĩnh vực sản xuất trọng yếu của nền kinh tế quốc dân; hoàn thiện và tăng cường công tác quản lý kinh tế, xã hội, khoa học và kỹ thuật, trợ giá thích đáng đối với sản phẩm có chất lượng tốt và khấu giá đối với sản phẩm kém chất lượng, lỗi thời; thực hiện chế độ thưởng và phạt về chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh hoạt động tiêu chuẩn hóa, bảo đảm đo lường và quản lý chất lượng sản phẩm; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với chất lượng sản phẩm.

*

Đổi mới quản lý kinh tế và quản lý khoa học — kỹ thuật *là điều kiện thiết yếu để cho tiến bộ khoa học, kỹ thuật nhanh chóng đi vào sản xuất và đời sống, trở thành yêu cầu nội tại của sản xuất. Một trong những yêu cầu quan trọng về đổi mới tư duy và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trước hết là* **khắc phục cách làm ăn không coi trọng năng suất, chất lượng và hiệu quả**, *không coi trọng tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong nền kinh tế quốc dân.*

Báo cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội VI đã chỉ ra rất xác đáng: khoa học và kỹ thuật có là động lực hay không, điều đó tùy thuộc một phần quan trọng vào cơ chế quản lý. Cơ chế quản lý quan liêu bao cấp không thật sự quan tâm đến hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm nên đã kìm hãm việc áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật. Trong cơ chế mới, hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, từ công tác kế hoạch hóa đến các chính sách kinh tế cụ thể, đều phải thể hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế — xã hội bằng **khoa học và kỹ thuật**. *Nó đòi hỏi người quản lý phải quan tâm đầy đủ đến hiệu quả kinh tế. Do đó, phải hết sức coi trọng việc quản lý kỹ thuật, quan tâm đến các* **định mức và chỉ tiêu kinh tế — kỹ thuật của sản xuất**, *phấn đấu giảm tiêu hao vật tư, năng lượng và lao động xã hội, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế — xã hội. Từ đó, bắt buộc người quản lý phải chú ý đến tất cả các mặt kinh tế, kỹ thuật, xã hội, môi trường trong mỗi phương án phát triển kinh tế, phải áp dụng các quá trình công nghệ tiên tiến, các sáng chế, sáng kiến, bí quyết và các giải pháp khoa học — kỹ thuật khác.*

Đi đôi với đổi mới quản lý kinh tế, phải đổi mới và hoàn thiện quản lý khoa học — kỹ thuật theo hướng xóa bỏ cơ chế quản lý hành chính quan liêu, chuyển sang cơ chế mới lấy chất lượng và hiệu quả của hoạt động khoa học kỹ thuật làm thước đo trình độ quản lý. Cơ chế mới sẽ thực sự động viên nhiệt tình, trách nhiệm và sức sáng tạo của lực lượng khoa học và kỹ thuật, thúc đẩy đưa nhanh thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Nó mở rộng quyền tự chủ của các cơ sở nghiên cứu — triển khai trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch khoa học, kỹ thuật. Nó áp dụng rộng rãi phương thức ký kết hợp đồng, các hình thức liên kết, liên doanh giữa các cơ quan khoa học với các cơ sở sản xuất kinh doanh.

Kế hoạch hóa công tác khoa học, kỹ thuật theo các chương trình tiến bộ khoa học, kỹ thuật có mục tiêu là một phương thức quản lý tiến bộ cần

Digitized by Google

được hoàn thiện và vận dụng có hiệu quả hơn, nhằm tập trung tiềm lực giải quyết nhanh chóng, dứt điểm, có hiệu quả các nhiệm vụ đặt ra về đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, rút ngắn chu trình khoa học — sản xuất. Việc kế hoạch hóa này khắc phục được tình trạng cấp phát kinh phí, vật tư không gắn với kết quả cuối cùng và hiệu quả của công tác nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, hình thành phương thức thích hợp để huy động được nhiều hơn các nguồn vốn từ sản xuất cho công tác khoa học và kỹ thuật.

Sắp xếp lại các viện, các cơ quan nghiên cứu — triển khai trên quan điểm tổng thể nền kinh tế quốc dân là một yêu cầu rất bức bách. Có nghĩa là cần khắc phục quan điểm chia cắt, khép kín trong bố trí, sử dụng lực lượng khoa học, kỹ thuật. Mỗi cơ quan nghiên cứu triển khai chịu trách nhiệm phát triển một lĩnh vực khoa học nhất định, phục vụ chung nền kinh tế quốc dân, phải được ổn định về chức năng, nhiệm vụ trong một thời gian dài để xây dựng và phát triển lực lượng.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng *trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật là nhân tố quyết định để phát huy vai trò động lực của khoa học và kỹ thuật trong phát triển kinh tế — xã hội. Các cấp ủy đảng từ trung ương đến địa phương và cơ sở cần coi việc đẩy nhanh tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong sản xuất và đời sống là một trong những nội dung lãnh đạo chủ yếu của mình, làm cho chính quyền các cấp, mỗi cán bộ, mỗi đảng viên, mỗi người lao động trên cơ sở nhận thức đầy đủ và sâu sắc mà ra sức ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học, kỹ thuật, từng bước hình thành phong trào quần chúng mạnh mẽ tiến quân vào một trận khoa học — kỹ thuật*

Digitized by Google

THỂ HIỆN ĐẦY ĐỦ TRONG THỰC TẾ SỰ THỐNG NHẤT GIỮA CHÍNH SÁCH KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Sự *thống nhất* giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội là vấn đề có tính nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội.

Trong chủ nghĩa xã hội, không thể nào quan niệm được một sự phát triển kinh tế tách rời hoặc bỏ xa sự phát triển trong lĩnh vực xã hội và ngược lại. Bởi vì trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế. Không thể đòi hỏi thỏa mãn nhu cầu cao hơn mức sản xuất cho phép, nhưng trong chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế là để thỏa mãn đầy đủ nhu cầu vật chất, văn hóa ngày càng cao của nhân dân lao động và lĩnh vực xã hội chính là nơi thể hiện những kết quả của hoạt động kinh tế, thể hiện bản chất nhân đạo và tính hơn hẳn của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản. Từ lâu C. Mác đã đánh giá cao quan điểm thời cổ đại coi con người bao giờ cũng là mục đích của sản xuất và phê phán thế giới tư bản chủ nghĩa trong đó sản xuất được coi là mục đích của con người, và sự giàu có, mục đích của sản xuất. Hơn nữa, ngay trong từng hoạt động kinh tế, các chính sách xã hội liên quan đến lợi ích thiết thân của người lao động trực tiếp tác động đến năng suất, chất lượng và hiệu quả. Quan hệ giữa kinh tế và xã hội, giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội là quan hệ biện chứng. Chúng tác động lẫn nhau, thường xuyên và trực tiếp. Chúng thống nhất hữu cơ với nhau, bởi cả hai đều thống nhất ở con người: con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sản xuất; có phục vụ con người mới phát huy mạnh mẽ được yếu tố con người; con người càng được phục vụ tốt càng trở thành động lực to lớn. Coi nhẹ chính sách xã hội là hạn chế hoặc làm mất đi động lực quyết định nhất là động lực nhân tố con người trong sản xuất và trong sự phát triển xã hội nói chung.

Con người bao giờ cũng là động lực chủ yếu và linh hồn của mọi sự tiến bộ xã hội, ngay cả trong điều kiện thế giới ngày nay đang tiến nhanh vào giai đoạn mới của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật. Khoa học và kỹ thuật trong tay bọn hiếu chiến đang đe dọa cả loài người. Khoa học và kỹ thuật phục vụ con người trên thế giới ngày nay đang làm nên những việc phi thường, tạo ra năng suất lao động tuyệt vời. Khoa học và kỹ thuật cũng phải thật sự trở thành một động lực to lớn thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế – xã hội của nước ta. Mặc dù thế, lao động sống, con người vẫn là nhân tố quyết định.

Digitized by Google

Chiến lược phát triển kinh tế—xã hội của các nước xã hội chủ nghĩa do vậy đều bao gồm cả việc thi hành những chính sách xã hội tích cực.

Không phải chỉ ở nước ta đang còn phấn đấu hết sức gian khổ để xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, tạo dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, mà ngay ở Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác đã có nền kinh tế phát triển dựa trên những thành tựu khoa học—kỹ thuật hiện đại, con người vẫn ở trung tâm của các quá trình xã hội: lợi ích, đời sống và những khả năng phát triển toàn diện của con người vẫn là những giá trị lớn nhất. Đó là vì « xã hội xã hội chủ nghĩa không thể hoạt động có hiệu quả nếu không tìm ra những con đường mới để phát huy hoạt động sáng tạo của quần chúng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống. Những mục tiêu lịch sử càng lớn lao bao nhiêu thì sự tham gia sốt sắng trên tinh thần làm chủ, có trách nhiệm, có ý thức và tích cực của hàng triệu người vào việc thực hiện những mục tiêu đó càng quan trọng bấy nhiêu » (1). Chăm lo cho con người, nâng cao vai trò của nhân tố con người phải là mối quan tâm hàng đầu của chúng ta.

Chính vì vậy mà Nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng ta đã ghi rõ: cùng với việc thực hiện các chính sách kinh tế, cần phải « *xây dựng và tổ chức thực hiện một cách thiết thực và có hiệu quả các chính sách xã hội*... Coi nhẹ chính sách xã hội cũng là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc » (2).

★

« Chính sách xã hội nhằm phát huy mọi khả năng của con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất » (3). Chính sách xã hội không phải là những biện pháp vụn vặt, chắp vá, nhất thời mà bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người: điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hóa, sức khỏe và nghỉ ngơi, quan hệ gia đình, giai cấp và dân tộc v.v. Chính sách xã hội là chính sách về con người, trước hết là con người lao động, phục vụ trực tiếp và tích cực hóa con người lao động, tạo ra động lực ngày càng to lớn cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đem lại hạnh phúc cho con người lao động. Cho nên cần có chính sách xã hội cơ bản, lâu dài và xác định những nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp với yêu cầu, khả năng trong mỗi giai đoạn, mỗi chặng đường.

Đại hội thứ VI của Đảng đã đề ra năm điểm lớn về chính sách xã hội ở nước ta: kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động; thực hiện công bằng xã hội, lối sống có văn hóa, bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân; xây dựng chính sách bảo trợ xã hội; thực hiện đúng chính sách giai cấp và chính sách dân tộc.

Đó đều là những vấn đề cơ bản, lâu dài, có ý nghĩa chiến lược, phải tiến hành từng bước và có trọng điểm. Nhưng trong tình hình vừa qua chúng ta đã coi nhẹ chính sách xã hội và phạm những sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng trong quản lý kinh tế và quản lý xã hội, những vấn đề đó đều đã trở nên cấp bách, thậm chí có những mặt hết sức cấp bách.

Xã hội nào cũng có cơ cấu giai cấp của nó, nhưng chúng ta chưa có kế

(1) *Cương lĩnh. Điều lệ ĐCS Liên xô*. Nxb Sự thật, Hà nội; Nxb Thông tấn xã Nô-vô-xti, Mát-xcơ-va, 1986, tr. 32.

(2), (3) Nghị quyết Đại hội VI của Đảng. *Tạp chí Cộng sản*, số 1-1987, tr. 122.

Digitized by Google

hoạch chủ động xây dựng cơ cấu giai cấp của xã hội mới, cho nên cần phải xúc tiến điều tra cơ bản, nắm chắc cơ cấu giai cấp và xã hội hiện nay của cả nước và trong từng địa phương để có chính sách và biện pháp có hiệu quả xây dựng toàn diện giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa, làm cho nền tảng chính trị — xã hội của xã hội mới ngày càng vững chắc. Không thể để kéo dài mãi tình trạng những lực lượng trụ cột của xã hội mới chẳng những không được ưu đãi mà còn bị thua thiệt nhiều so với những lực lượng khác. Biết bao nhiêu vấn đề quan hệ tới lợi ích tỉ tiết thân của mỗi giai cấp và mỗi tầng lớp xã hội đang chờ được giải quyết thỏa đáng, nhất là xử lý mối quan hệ giữa lợi ích các giai cấp và các tầng lớp xã hội hiện nay.

Về chính sách dân tộc cũng vậy. Vấn đề khá cấp bách là phải tăng cường đầu tư và có chính sách cụ thể về các mặt kinh tế — xã hội để phát huy khả năng của miền núi về xây dựng kinh tế, văn hóa và chăm lo đời sống của đồng bào các dân tộc tại chỗ cũng như đồng bào từ nơi khác đến.

Lối sống xã hội chủ nghĩa chỉ có thể được hình thành và phổ biến trong xã hội trên cơ sở những tiền đề vật chất và văn hóa của nó ngày càng được củng cố. Nhưng hiện nay, do buông lỏng quản lý quá lâu, chẳng những nhiều giá trị do chúng ta dày công xây dựng đang bị xói mòn mà ngay cả pháp luật và nhiều nền nếp sơ đẳng, tối thiểu của cuộc sống cộng đồng nói chung cũng không được tôn trọng. Vì vậy, cần phải cấp bách khôi phục nền nếp sống và làm việc theo pháp luật, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động của Nhà nước và sinh hoạt xã hội v.v.

Trong hàng loạt vấn đề xã hội cấp bách như thế, đặc biệt nổi lên những vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế, xã hội.

Đó là *kế hoạch hóa dân số và giải quyết việc làm cho người lao động*. Tỷ lệ phát triển dân số hiện nay vẫn là 2,19% đang gây sức ép tai hại đối với nền kinh tế. Nếu không giảm dần tỷ lệ này xuống và tiến tới ngừng tăng dân số vào vài ba chục năm đầu của thế kỷ XXI thì nước ta khó mà ra khỏi nghèo nàn và lạc hậu. Cho nên, các cấp đảng, chính quyền và đoàn thể phải chỉ đạo thật chặt chẽ và thường xuyên cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, phấn đấu hạ bằng được tỷ lệ phát triển dân số đến năm 1990 xuống 1,7%, coi đó là điều kiện quan trọng để tăng thu nhập quốc dân trên đầu người, để thực hiện các mục tiêu kinh tế — xã hội đề ra cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên.

Bảo đảm việc làm cho người lao động, trước hết là ở thành thị và cho thanh niên là nhiệm vụ kinh tế — xã hội hàng đầu hiện nay và trong những năm tới. Yêu cầu lúc này là « việc làm đầy đủ » rồi tiến lên, ở chặng đường tiếp theo là « việc làm hợp lý và có hiệu quả ». Cùng với việc sử dụng tốt tài sản cố định, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng v.v., sử dụng cho hết số người làm việc là con đường thênh thang để tăng năng suất lao động xã hội. Ở nước ta hiện nay, mở mang ngành nghề tại chỗ, phân công và phân bố hợp lý lao động trên từng vùng lãnh thổ và trong cả nước, hợp tác quốc tế về lao động v.v., bằng mọi cách chúng ta — cả Nhà nước và nhân dân — cố gắng tạo thêm việc làm chính đáng để làm ra thật nhiều của cải cho xã hội và để mọi người lao động đều có thể sống no đủ bằng lao động chân chính của mình.

Song song với bảo đảm việc làm là *ổn định đời sống của nhân dân lao động*, trước hết là của những người ăn lương. Nhân dân lao động đang có

Digitized by Google

những nhu cầu cấp bách về vật chất và văn hóa, của bản thân họ và của gia đình họ. Chỉ riêng về đời sống vật chất cũng đòi hỏi thực hiện đồng bộ hàng loạt biện pháp có hiệu quả về sản xuất và phân phối lưu thông, nhằm từng bước lập lại cân đối giữa khối lượng hàng hóa và khối lượng tiền tệ trên thị trường. Trước mắt là hãm bớt lạm phát và nhịp độ tăng giá. Trong khi giá cả chưa ổn định, cơ chế trả công lao động phải là cơ chế động. Chính sách tiền lương phải đáp ứng yêu cầu cấp bách là bảo đảm tiền lương thực tế của người ăn lương. Trên cơ sở phát triển sản xuất, nhà nước nắm quỹ hàng hóa, nhất là hàng hóa thiết yếu và có phương thức bán thích hợp để người ăn lương mua được hàng hóa cần thiết. Cũng trên cơ sở phát triển sản xuất, tăng thêm thu nhập quốc dân, chúng ta từng bước mở rộng quỹ tiêu dùng xã hội dành cho việc phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, xây dựng, sửa chữa nhà ở và các sự nghiệp phúc lợi xã hội khác.

Một vấn đề nóng bỏng nữa là *thực hiện công bằng xã hội phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay*. Đời sống còn nhiều khó khăn, nhân dân ta sẵn sàng khắc phục những khó khăn ấy, nhưng không chấp nhận được tình trạng bất công xã hội cứ tiếp tục tồn tại và mở rộng. Một nguyên tắc cơ bản của công bằng xã hội là phân phối theo lao động. Cần bảo đảm cho người lao động có thu nhập thỏa đáng theo kết quả lao động của họ, xem xét và điều chỉnh lại chính sách phân phối và chính sách tiêu dùng. Chúng ta tôn trọng lợi ích chính đáng của những hoạt động kinh doanh, dịch vụ hợp pháp, có ích cho xã hội. Chúng ta phải tiến hành thắng lợi cuộc vận động lớn chống tiêu cực, làm lành mạnh hóa xã hội. Quyết ngăn chặn và xử lý nghiêm khắc, bắt nộp lại quỹ công tất cả mọi thu nhập bất chính của bất cứ ai, nghiêm trị tất cả mọi kẻ phạm pháp bất kỳ *ho* ở cương vị nào. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Xã hội mới bảo đảm công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ đối với mọi công dân. Đảng viên và cán bộ càng phải gương mẫu trong lối sống, chức vụ càng cao càng phải gương mẫu. Không ai có quyền tự ban cho mình hoặc hưởng những đặc quyền, đặc lợi. Phải bỏ ngay những chế độ cung cấp, trang bị phương tiện sinh hoạt, v.v. do các ngành, các địa phương tự ý quy định, trái với chế độ chung. Chúng ta còn nhiều khó khăn, phải chịu thiếu nhiều thứ, nhưng không thể thiếu công bằng. Lẽ lý tưởng cao cả, là khát vọng, là động lực đấu tranh của nhân dân lao động bao đời cho một xã hội tốt đẹp, công bằng xã hội phải được thể hiện từng bước, ngày càng rõ ràng và đầy đủ trong xã hội ta đang tiến lên chủ nghĩa xã hội.

★

Trong phát triển kinh tế và *để* phát triển kinh tế, chúng ta phải tạo ra được một bước ngoặt trong việc thực hiện các chính sách xã hội phục vụ con người và phát huy nhân tố con người. Từng ngành, từng địa phương, từng cơ sở, từng người đều phải hết sức chủ động giải quyết lấy những vấn đề xã hội của mình, giành thắng lợi từng bước. Khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội. Bởi vì coi nhẹ chính sách xã hội cũng tức là coi nhẹ nhân tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng ta nhất định sẽ thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm mới, cách mạng và khoa học của Đảng ta về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, nhằm « ổn định mọi mặt tình hình kinh tế — xã hội, tiếp tục tạo tiền đề cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đất nước » (4).

(4) « *Diễn văn bế mạc Đại hội VI của đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh* », *Tạp chí Cộng sản*, số 1-1987, tr. 128.

Digitized by Google

Về vai trò nhân tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội*

ĐÀO DUY CẬN

Vai trò của Đảng trong việc phát huy nhân tố con người

TRONG toàn bộ quá trình hoạt động của mình, Đảng ta luôn coi trọng phát huy nhân tố con người, coi đó là vấn đề chiến lược có quan hệ tới thành bại của cách mạng. Đảng ta đặt vấn đề nhân tố con người trong mối quan hệ gắn bó với yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng trong từng giai đoạn cụ thể. Ngày nay khi Tổ quốc đã hoàn toàn giải phóng và thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề nhân tố con người xét về mọi mặt đã phát triển lên một bước mới cao hơn. Nó đã trở thành một *động lực* cực kỳ quan trọng để xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trong khi nhấn mạnh nhân tố con người, tuyệt đối không được coi nhẹ và hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng. Con người chỉ có thể phát huy đầy đủ vai trò của mình khi họ chuyển từ hành động tự phát sang hành động tự giác, từ hành động theo bản năng sang hành động phù hợp với quy luật, từ hoạt động thụ động sang hoạt động tích cực, sáng tạo. Đảng và chỉ có đảng được vũ trang bằng lý luận Mác—Lê-nin mới có thể làm tròn được vai trò lịch sử đó. Do đó Đảng phải không ngừng nâng cao trình độ của mình về mọi mặt, phải có đường lối, chủ trương đúng đắn, có năng lực tổ chức thực hiện có hiệu quả, có chính sách toàn diện đối với con người. Đây là vấn đề sơ đẳng, song lại là một vấn đề thuộc về nguyên tắc. Thời gian qua, chính vì không nhận thức đúng vấn đề này nên một số nơi đã phạm khuyết điểm, sai lầm, đã không thể phát huy tốt được sức mạnh và trí tuệ của quần chúng trong việc khắc phục khó khăn, đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

Vấn đề đặt ra hiện nay là: Đảng phải làm gì và làm như thế nào để phát huy tốt hơn nữa tiềm năng, trí tuệ, tính tích cực và sáng tạo của từng người lao động cũng như của từng tầng lớp và giai cấp.

Vấn đề đầu tiên đối với Đảng là phải thấy cho đúng đắn và sâu sắc những biến đổi to lớn về nhiều mặt đã và đang diễn ra trong từng nhóm và tập đoàn người trong xã hội để từ đó có những chủ trương, chính sách, biện pháp thích hợp nhằm đem lại hiệu quả cao.

* Xem *Tạp chí Cộng sản* từ số 2-1987.

Digitized by Google

Rõ ràng quần chúng ngày nay đã có những tiến bộ đáng chú ý về trình độ chính trị, văn hóa, tư tưởng, kiến thức kinh tế, quản lý kinh tế... Những nhu cầu về vật chất và văn hóa của quần chúng ngày nay đã khác trước rất nhiều. Nhân sinh quan hay nói cụ thể là lẽ sống, lối sống trong một bộ phận dân cư nhất là thanh niên ngày nay không phải như lớp cha anh. Quan điểm lao động, quan điểm sống tích cực theo tinh thần cách mạng, quan hệ giữa người với người v.v. không còn như 15 — 20 năm về trước.

Đã đến lúc phải chấm dứt tình trạng nhận xét, đánh giá về con người một cách chung chung, thiếu căn cứ khoa học. Phải tiến hành nghiên cứu một cách hệ thống, phải điều tra xã hội học về tình hình các giai cấp, các tầng lớp, từ đó rút ra nhận xét, đánh giá đúng đắn, khách quan về quần chúng. Chỉ có như vậy mới có cơ sở khoa học để đề ra những chủ trương, chính sách đúng đắn.

Nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng là cơ sở hết sức quan trọng để phát huy nhân tố con người. Song căn cứ cụ thể hóa nghị quyết đó bằng những chủ trương chính sách sau đây :

— Phát triển lực lượng sản xuất phù hợp với điều kiện và khả năng cho phép, tránh chủ quan, nóng vội. Đồng thời phải hoàn thiện quan hệ sản xuất trên cả ba mặt sở hữu, quản lý, phân phối và trong cả hai khu vực quốc doanh và tập thể.

— Có chương trình áp dụng tiến bộ khoa học — kỹ thuật cụ thể, thiết thực để bảo đảm thay đổi từng bước điều kiện và nội dung lao động, tăng năng suất lao động — điều kiện tiên quyết để cải thiện đời sống của quần chúng.

— Nghiên cứu và áp dụng một hệ thống chính sách kích thích vật chất và tinh thần của quần chúng lao động. Đây là vấn đề đã và đang được tiến hành song còn cần phải nghiên cứu và ban hành nhiều chính sách hợp lý và kịp thời.

Nghiên cứu và áp dụng một *chính sách xã hội* phù hợp với điều kiện, khả năng của ta ; trước mắt quan trọng nhất là ổn định và cải thiện từng bước đời sống quần chúng lao động, cố gắng giải quyết việc làm cho những người đến tuổi lao động, nhất là ở thành thị, có chính sách thỏa đáng đối với những gia đình có công với cách mạng, thương binh, bộ đội phục viên, cán bộ, công nhân viên chức về hưu, thực hiện công bằng xã hội...

— Thực hiện dân chủ rộng rãi đi đôi với thi hành pháp luật, kỷ luật nghiêm minh.

— Đấu tranh kiên quyết chống những hiện tượng tiêu cực trong nội bộ cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể, cũng như trong xã hội.

— Tăng cường giáo dục bồi dưỡng về chính trị tư tưởng, kiến thức kinh tế, quản lý kinh tế cho quần chúng.

Cụ thể hóa một cách khoa học những vấn đề nêu trên thành các chủ trương, chính sách và biến chúng thành hiện thực chính là tạo ra những điều kiện vật chất, chính trị, tư tưởng cho việc phát huy nhân tố con người.

Tất cả những điều trên đều rất quan trọng. Song muốn đạt kết quả tốt, vấn đề mấu chốt, có ý nghĩa quyết định là phải củng cố bằn thân tổ chức đảng. Sự thật đã quá rõ ràng, dù chúng ta có nghị quyết, chủ trương, chính sách, hiến pháp đúng đắn bao nhiêu, song nếu không củng cố nội bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nếu không củng cố các tổ chức đảng, không nâng cao trình độ, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên, không loại những bọn sâu mọt, thoái hóa, biến chất, cơ hội... ra khỏi đảng thì không những không

Digitized by Google

phát huy được tính tích cực của quần chúng mà còn có tác dụng ngược lại.

Chúng ta phải đột phá vào khâu nào? Vào ba khâu chính có quan hệ trực tiếp đến quần chúng:

a — *Tổ chức thực hiện có hiệu quả nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng và những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước*, trước hết và quan trọng nhất là chủ trương chính sách kinh tế, chính sách xã hội. Đó chính là những giải pháp cơ bản nhất, quan trọng nhất nhằm phát huy nhân tố con người và phục vụ lợi ích của quần chúng lao động.

b — *Nâng cao phẩm chất và năng lực của cán bộ đảng viên.* « Cán bộ quyết định hết thảy ». Câu nói đó áp dụng vào công tác nào, vấn đề nào cũng đều đúng. Càng đúng đối với vấn đề phát huy nhân tố con người.

Làm sao chúng ta có thể phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của quần chúng trong khi một bộ phận cán bộ chúng ta thiếu dân chủ, dân chủ hình thức, chiếu lệ, độc đoán chuyên quyền, trù dập, trả thù người thẳng thắn phê bình bằng nhiều hình thức, thủ đoạn từ tinh vi, xảo quyệt, đến công khai, trắng trợn.

Việc giáo dục và động viên quần chúng « hãy lao động hết sức mình, lao động có chất lượng, có năng suất, có hiệu quả cao », « hãy quý trọng và làm việc tốt trong tám giờ vàng ngọc » v.v. sẽ có tác dụng gì trong khi một bộ phận cán bộ, đảng viên chây lười lao động và công tác, năng suất và hiệu quả kém quần chúng, mà vẫn được hưởng lương và tiền thưởng như họ, thậm chí hơn họ.

Quần chúng sẽ làm gì và nghĩ như thế nào về những đảng viên hằng ngày luôn miệng nói phải giữ gìn phẩm chất đạo đức, phải sống trong sạch, giản dị, trong khi bản thân thì hưởng đặc quyền, đặc lợi, tham ô, ăn cắp của công, chè chén liên hoan lu bù.

Còn biết bao hiện tượng đối lập nhau giữa lời nói và việc làm trên rất nhiều vấn đề: từ chấp hành chỉ thị nghị quyết, ý thức tổ chức kỷ luật đến phẩm chất đạo đức cách mạng, từ lối sống đến quan hệ và tác phong, thái độ đối với quần chúng. Tình hình đó đã dưa lại kết quả xấu: giảm lòng tin đối với Đảng, mất phương hướng phấn đấu, bắt chước những việc làm sai lầm của đảng viên cán bộ.

c — *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng.* Tổ chức cơ sở đảng là chiếc cầu nối giữa đảng và quần chúng, là người tổ chức thực hiện đường lối chính sách của Đảng một cách cụ thể, là người đại diện, đồng thời là người tổ chức và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng một cách trực tiếp và thường xuyên. Chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng có ý nghĩa to lớn như thế nào đối với việc phát huy tính tích cực của quần chúng, mọi người đã quá rõ. Vấn đề đặt ra là phải làm gì, làm như thế nào để cán bộ, đảng viên và tổ chức cơ sở đảng có tác động tích cực đối với quần chúng trên các mặt. Đây không phải là một vấn đề đơn giản vì Đảng ta đã có không ít chỉ thị, nghị quyết, văn bản hướng dẫn và uốn nắn vấn đề này.

Để phát huy nhân tố con người, vấn đề quan trọng hiện nay là phải lấy lại *lòng tin của quần chúng*. Một khi có lòng tin vững chắc như trong cách mạng dân tộc dân chủ, trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, thì dù khó khăn đến mấy quần chúng cũng chịu đựng được và cùng với Đảng tìm mọi cách khắc phục để tiến lên.

Lòng tin hiện nay tập trung ở ba điểm:

— Chủ trương, chính sách đúng đắn để thoát khỏi tình trạng không ổn định hiện nay về kinh tế — xã hội, trên cơ sở

Digitized by Google

đó ổn định và cải thiện từng bước đời sống quần chúng.

— Tổ chức thực hiện có kết quả những chủ trương, chính sách đúng đắn đã ban hành.

— Đội ngũ cán bộ đảng viên trong sạch, vững mạnh để hướng dẫn, lãnh đạo quần chúng.

Nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng là cơ sở để giải quyết vấn đề mấu chốt này. Bên cạnh đó, việc kiện toàn cơ quan lãnh đạo từ trung ương đến cơ sở cũng tạo điều kiện để củng cố lòng tin của quần chúng.

Về việc giáo dục đội ngũ cán bộ, đảng viên, điều quan trọng là phải có nội dung và biện pháp toàn diện về chính trị, tư tưởng, tổ chức và biết kết hợp chặt chẽ các biện pháp đó với nhau.

Trong công tác chính trị, tư tưởng, lâu nay chúng ta có ba khuyết điểm lớn có quan hệ tới việc nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên và phát huy vai trò nhân tố con người: *Một là* coi rất nhẹ việc giáo dục lập trường, quan điểm giai cấp công nhân. Quan điểm lao động, quan điểm quần chúng rất ít được nói tới. *Hai là*, vấn đề phẩm chất, đạo đức cách mạng, phong cách lãnh đạo và làm việc (chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, sâu sát thực tế và quần chúng, lời nói đi đôi với việc làm...) bị xem nhẹ và có nói tới cũng không gắn với những yêu cầu của nhiệm vụ chính trị. Tinh thần phê phán và đấu tranh quá thấp và mờ nhạt. *Ba là*, công tác chính trị — tư tưởng không gắn với công tác tổ chức, những sai lầm, khuyết điểm không được xem xét và xử lý nghiêm minh, không có kỷ luật thích đáng, công bằng.

Từ thực tế công tác xây dựng đảng nói chung và từ mục đích phát huy nhân tố con người nói riêng, cần có *đợt thanh lọc nhằm làm trong sạch hàng ngũ đảng* (1). Phải kiên quyết đưa những phần tử thoái hóa biến chất, không đủ tư cách đảng viên ra khỏi đảng. Đề bớt xáo động không cần thiết, về hình thức nên tổ chức *đợt thẻ đảng*. Phải chuẩn bị chu đáo từ trên xuống dưới. Ở từng cấp, bên cạnh cấp ủy, cần chọn lọc trong số cán bộ, đảng viên trung kiên, có kinh nghiệm xây dựng đảng một bộ phận chuyên trách vấn đề này. Bộ phận này có thẩm quyền tương đương với cấp ủy trong việc xem xét vấn đề nói trên để phòng ngừa trường hợp cả cấp ủy hoặc đa số trong cấp ủy, vì lợi ích cục bộ, địa phương, cá nhân, không thẳng tay đưa ra khỏi đảng những kẻ sâu mọt, làm mất uy tín, thanh danh của đảng. Phải tổ chức lấy ý kiến quần chúng nhận xét đảng viên một cách chu đáo để qua đó thẩm tra thêm đảng viên.

Trong khi tiến hành đợt vận động làm trong sạch đảng, cần chỉ đạo chặt chẽ công tác phát triển Đảng, phải thẩm tra thật kỹ người xin vào đảng. Nếu chưa đủ tiêu chuẩn thì kiên quyết để lại.

Đồng thời qua đợt vận động làm trong sạch đảng mà xem xét lại việc phân công, bố trí cán bộ, và kiện toàn bộ máy nhà nước. Kiên quyết trừng trị những bọn dầu cơ, tích trữ, phá rối thị trường, gây tiêu cực lớn đối với xã hội. Củng cố các đoàn thể quần chúng để quần chúng tham gia tích cực vào việc củng cố chính quyền, xây dựng đảng.

Kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng theo đúng điều lệ và những văn kiện mới của Đảng, nhất là những tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đông quần chúng, có quan hệ thường xuyên với quần chúng.

Làm tốt những vấn đề trên chính là phát huy tốt vai trò của Đảng và cán bộ đảng viên đối với việc phát huy nhân tố con người.

---

(1) Về điểm này, Nghị quyết Đại hội VI của Đảng đã nêu: « sẽ tiến hành *« cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng »*.

Digitized by Google

DIỆU HƯƠNG

Vì lợi ích trăm năm phải trồng người

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường dạy chúng ta: « vì lợi ích mười năm phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm phải trồng người ». Trong phạm vi bài này, chỉ xin bàn tới vế thứ hai: vì lợi ích trăm năm phải trồng người, và cũng chỉ bàn riêng đến việc « trồng » nhi đồng và thiếu niên mà thôi. Các em như những mầm cây non, nếu được chú ý chăm sóc, giáo dục thì sau này sẽ trở thành những công dân kiểu mẫu; ngược lại, nếu chúng ta chăm sóc, giáo dục không tốt, thì rất có thể chính các em sẽ là lực lượng phá hoại những thành quả cách mạng mà các thế hệ cha anh đã xây dựng nên.

Thực trạng của đội ngũ thiếu niên, nhi đồng nước ta hiện nay ra sao? Có thể nói ngay rằng, trong thiếu niên, nhi đồng nước ta, mặt tốt vẫn là cơ bản, nhưng có một bộ phận không nhỏ đang bị hỏng đi và tình hình chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng nói chung cũng đang đặt ra những vấn đề khá nghiêm trọng:

Theo con số thống kê hiện nay, số trẻ em bị suy dinh dưỡng chiếm một tỷ lệ khá lớn. Kể cả chiều cao và cân nặng, trẻ em Việt nam thấp thua nhiều so với trẻ em trên thế giới. Đặc biệt, từ năm 1980 trở lại đây, tỷ lệ các trẻ sơ sinh cân nặng dưới 2,5 kg ngày càng tăng. Ở một vài địa phương, con số này chiếm 20% — 30% tổng số trẻ sơ sinh.

Đấy là về mặt thể chất, còn các mặt khác thì sao? Nếu trên thế giới hiện nay 70% số người phạm tội thuộc lứa tuổi thanh, thiếu niên, thì ở nước ta, trong những năm gần đây, số thanh, thiếu niên phạm tội cũng chiếm một tỷ lệ xấp xỉ như vậy. Ngoài ra, những biểu hiện tiêu cực trong thanh, thiếu niên nước ta diễn ra trên một bình diện khá rộng:

— Tình trạng móc túi tại các bến tàu xe và nơi đông người, tình trạng ăn cắp vặt... chủ yếu nằm trong đối tượng thiếu niên, nhi đồng. Các em này thường sống theo lối « bụi đời ».

— Tình trạng trẻ em hỗn láo, không nghe lời ông bà, bố mẹ, anh chị, không vâng lời thầy, cô giáo khá phổ biến (loại này chiếm tỷ lệ ngày càng cao trong những năm gần đây).

— Một số em chịu ảnh hưởng của các lối sống cũ, buông thả mình. Các em này thường bỏ học, ăn cắp tiền của bố mẹ, rời bỏ nhà, kéo nhau thành từng lốp, sống lang thang, trà lá, rượu chè, nhậu nhẹt, ghẹo gái.

— Khá nhiều trẻ em hiện nay lười học hoặc không thích học. Các em này không có định hướng rõ ràng trong cuộc sống, nhất là các trẻ em ở nông thôn và miền núi. Số học sinh bỏ học ở những nơi này ngày càng nhiều.

Tại sao có tình trạng trên?

Trước hết, phải nói đến một nguyên nhân *từ các gia đình*. Gia đình là một cộng đồng nhỏ nhất, một tế bào xã hội nhưng giữ một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc giáo dục các

Digitized by Google

em ở lứa tuổi thiếu niên, nhi đồng. Có lẽ ai cũng nói được điều đó, nhưng làm lại không đúng như vậy. Gia đình ngày nay khác gia đình ngày xưa, gia đình xã hội chủ nghĩa khác gia đình phong kiến và tư sản. Xây dựng một gia đình xã hội chủ nghĩa, có những chuẩn mực riêng của nó, từ quan hệ ứng xử giữa các thành viên trong gia đình, lối sống, cách sống đến nội dung giáo dục con cái và những định hướng xã hội v.v. Nhưng hiện nay, nhiều gia đình không chú ý tới điều đó. Họ sống buông thả, chỉ chú ý lo toan tới cuộc sống vật chất hằng ngày. Nhiều gia đình sẵn sàng khen con khi nó cắp trộm được con cá chứ không khen con khi nó được điểm mười. Nhiều gia đình sẵn sàng cho con bỏ học, rồi hướng dẫn con rất tỷ mỷ cách buôn bán, lừa lọc, kiếm tiền, bởi vì triết lý sống của họ là "văn hay chữ tốt không bằng học đòi lắm tiền". Nhiều gia đình sống rất bê tha, cha mẹ rượu chè, cờ bạc, ngoại tình... không cần biết điều đó sẽ gieo vào tuổi thơ của các em những hậu quả xấu biết nhường nào.

Hai là, giáo dục phổ thông còn nhiều thiếu sót về mặt chất lượng và hiệu quả. Bên cạnh những thành tựu không thể không thừa nhận, giáo dục phổ thông ngày nay đang bộc lộ những mất cân đối lớn như mất cân đối giữa phát triển giáo dục và phát triển kinh tế — xã hội, giữa mong muốn phát triển giáo dục thật nhanh và chính sách đầu tư cho giáo dục; mất cân đối giữa cơ cấu giáo dục và cơ cấu kinh tế — xã hội, giữa cơ cấu đào tạo và cơ cấu lao động, giữa kế hoạch đào tạo và kế hoạch sử dụng; mất cân đối giữa trí dục và đức dục, giữa phát triển tinh thần và phát triển thể lực, giữa tri thức và kỹ năng lao động ở các em học sinh. Đáng lo ngại nhất là đội ngũ giáo viên. Đời sống vật chất và tinh thần của họ ngày càng thiếu thốn. Vị trí và uy tín xã hội của họ không tương xứng với trách nhiệm mà Đảng và Nhà nước giao cho. Thực tế có một số giáo viên bỏ nghề, một số giảm sút ý chí cách mạng, lý tưởng nghề nghiệp mờ nhạt, thậm chí có một bộ phận người dạy không đủ phẩm chất và năng lực để tạo ra chất lượng giáo dục cần thiết.

Ba là, việc giáo dục các em thông qua tổ chức mà các em sinh hoạt — Đội nhi đồng Hồ Chí Minh và Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh — *thường chưa được chú ý đúng mức.* Nhiều em vào đội chỉ vì «ngoan», được lòng thầy cô. Việc giáo dục ý thức đội, giáo dục mục đích, lý tưởng phấn đấu cho các em, kích thích tính tích cực chính trị — xã hội trong các em còn bị coi nhẹ.

Cũng phải kể đến một nguyên nhân nữa: *đó là nguyên nhân kinh tế và xã hội.* Vì cuộc sống kinh tế quá khó khăn, một số gia đình buộc phải cho con bỏ học để kiếm sống. Số trẻ em này bị thiệt thòi là trình độ văn hóa thấp, hiệu quả cống hiến cho xã hội sẽ bị hạn chế; nhưng điều quan trọng hơn là đa số các em trong cuộc sống dễ bị xô đẩy theo chiều hướng tiêu cực nhiều hơn. Ngoài ra, môi trường xã hội hiện nay, với những hiện tượng tiêu cực chưa bị ngăn chặn, cũng đang tác động xấu đến tâm hồn các em.

Để có một thế hệ cách mạng cho đời sau như Bác Hồ hằng mong muốn, Đảng ta đã chỉ rõ: «Thiếu niên và nhi đồng phải được học tập và chăm sóc trong tình thương của gia đình và xã hội. Các cấp bộ đảng và đoàn thanh niên phải chăm lo xây dựng Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh»(1). Như vậy rõ ràng là chúng ta phải làm tốt một số mặt cụ thể sau đây:

1 — Xây dựng cho được gia đình thật sự là gia đình xã hội chủ nghĩa để vừa làm cơ sở, vừa làm tiền đề cho việc giáo dục con cái chúng ta.

(1) Báo cáo chính trị của BCHTUĐ tại Đại hội VI, *Tạp chí Cộng sản* số 1 — 1987, tr. 71.

Digitized by Google

Gia đình là một đơn vị cực kỳ quan trọng trong việc giáo dục trẻ em. Gia đình là cái tổ ấm, là một đơn vị xã hội có ý nghĩa rất thiêng liêng, một loại tổ chức mà các nền đạo đức cũng như pháp quyền chính thống trải qua các thời đại đều phải thừa nhận.

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa của chúng ta, gia đình được coi là chiếc nôi của những quan hệ ruột thịt, là nơi thể hiện những tình cảm mới, tình cảm cao đẹp của con người, những tình cảm cách mạng chân chính. Đó chính là nơi thực hiện những nghĩa vụ thiêng liêng không thể thiếu được đối với đời sống và sự phát triển của chế độ xã hội chúng ta. Những nghĩa vụ cao quý đó là:

Mỗi gia đình đều có nghĩa vụ sinh đẻ, sinh đẻ có kế hoạch để tạo ra sức lao động mới cho xã hội.

Mỗi gia đình có nghĩa vụ nuôi con, bảo đảm cho chúng lớn lên khỏe mạnh, không bệnh tật, có đủ điều kiện về thể chất để học tập tốt, lao động tốt, sống hạnh phúc và làm cho nòi giống ngày càng tốt hơn.

Gia đình còn một nghĩa vụ lớn lao nữa là giáo dục con cái sao cho chúng trở thành những người thật sự có ích cho xã hội, góp phần cùng với nhà trường và các tổ chức xã hội đào tạo chúng thành những con người mới xã hội chủ nghĩa.

Đối với sự nghiệp cách mạng của cả nước, đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, gia đình còn có vai trò quan trọng về nhiều mặt khác nữa. Song gia đình cần đặc biệt chú ý làm tròn nghĩa vụ nuôi dạy con cái tốt.

Vậy dạy gì cho con cái chúng ta? Có lẽ không gì phong phú, khoa học, thiết thực bằng hướng dẫn, giúp đỡ các em thực hiện đầy đủ năm điều dạy của Bác Hồ đối với thiếu niên, nhi đồng.

Năm điều dạy của Bác Hồ, có nội dung rộng lớn; cần giải thích cho các em hiểu thật cụ thể nội dung của từng điều và hướng dẫn tỷ mỷ cho các em cách thực hiện.

2 — Nâng cao chất lượng của giáo dục phổ thông, thực hiện cho được yêu cầu: trường ra trường, lớp ra lớp, thầy ra thầy, trò ra trò. Muốn vậy, phải khẳng định rõ ràng mục tiêu của giáo dục phổ thông là hình thành toàn diện nhân cách xã hội chủ nghĩa, đào tạo con người có lòng yêu nước và lý tưởng xã hội chủ nghĩa, biết tiếp thu truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn minh, văn hóa, khoa học, kỹ thuật của loài người, có thẩm mỹ, phẩm chất, kiến thức và kỹ năng để làm tốt một nghề, phù hợp với sự phân công lao động trong địa phương và trong cả nước, thích ứng với trình độ phát triển kinh tế — xã hội trong bước đi lên đầu và cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nhà nước cần đầu tư nhiều hơn cho sự nghiệp giáo dục nhằm trước hết bảo đảm đủ sách giáo khoa và cơ sở cần thiết cho dạy và học; thường xuyên bồi dưỡng phẩm chất và năng lực cho cán bộ giáo dục và giáo viên; nâng cao vị trí xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của họ. Nên chấm dứt ngay tình trạng nợ lương của giáo viên, hoặc trả lương cho giáo viên bằng hiện vật. Làm tốt điều đó thì giáo viên mới yên tâm, phấn khởi công tác, tránh được những biểu hiện tiêu cực. Ngoài ra, cần siết chặt kỷ luật của nhà trường, nghiêm trị những giáo viên thoái hóa, biến chất, kiên quyết không cho họ lên bục giảng bài.

3 — Đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh và Đội nhi đồng Hồ Chí Minh trong nhà trường. Giáo dục cho các em có ý thức phấn đấu đúng đắn để trở thành đội viên. Làm cho các em cảm thấy vinh dự, tự hào khi được vào Đội, từ đó có ý thức tu dưỡng, rèn luyện và học tập tốt hơn.

Digitized by Google

4 — Thực hiện đúng đường lối giáo dục của Đảng. Sửa đổi hoặc bổ sung kịp thời những chính sách giáo dục qua thực tế thấy không còn phù hợp với tình hình hiện nay. Kịp thời ban hành một số chính sách mới để động viên đội ngũ giáo viên và đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục của chúng ta.

Ngoài những biện pháp nói trên, việc khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế — xã hội, chăm lo ổn định và cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, cũng là điều kiện quan trọng cho việc chăm sóc, giáo dục các em.

Con người không phải là khái niệm trừu tượng. Nói con người là nói đến những đối tượng người cụ thể. Thiếu niên, nhi đồng là một trong những đối tượng cụ thể đó. Phát huy nhân tố con người phải là cả một quá trình liên tục, không được đứt đoạn. Chăm sóc, giáo dục tốt thiếu niên và nhi đồng là bước khởi đầu của cả quá trình đó. Vì vậy cần đầu tư thích đáng cả về tiền của, trí tuệ và công sức cho việc chăm sóc, giáo dục thiếu niên và nhi đồng để có được bước khởi đầu tốt đẹp có ý nghĩa quyết định của cả quá trình « trồng người ».

Giáo sư
HOÀNG ĐÌNH CẦU

Chăm sóc sức khỏe nhân dân trong giai đoạn mới

« SỨC khỏe của nhân dân, tương lai của giống nòi là mối quan tâm thường xuyên của Đảng và Nhà nước ta, là trách nhiệm của tất cả các ngành, các đoàn thể, là trách nhiệm và lợi ích thiết thân của mỗi công dân » (1), bởi vì sức khỏe là một cái quý báu nhất của con người. Sức khỏe là sức sống. Có sức khỏe mới có lao động sáng tạo, có tình yêu và hạnh phúc.

Theo quan niệm mới nhất của y học hiện đại, sức khỏe không chỉ có nghĩa là không có bệnh hay thương tật; sức khỏe là một trạng thái thoải mái tối ưu về mặt thể chất, tinh thần, tình cảm, xã hội, cho phép mỗi người thích ứng nhanh chóng với các biến đổi của môi trường và giữ được lâu dài khả năng hoạt động, lao động có hiệu quả, thích hợp với hoàn cảnh của mỗi người.

Theo quan niệm như trên, sức khỏe giữ vai trò quan trọng trong nền sản xuất xã hội; nó ảnh hưởng đến năng suất lao động, đến kết quả sản xuất, đến ngân sách, đến tích lũy và đời sống, và đời sống lại tác động trở lại sức khỏe...

Tiếc thay, sức khỏe của nhân dân ta hiện nay chưa tốt. So sánh trẻ em Việt nam với trẻ em Bun-ga-ri thì thấy:

(1) *Báo cáo chính trị* của BCHTƯĐ tại Đại hội VI. *Tạp chí Cộng sản*, số 1 — 1987, tr. 60.

Digitized by Google

	Chiều cao (cm)		Cân nặng (kg)	
	Việt nam	Bun-ga-ri	Việt nam	Bun-ga-ri
Mới đẻ	49 cm	50,5 cm	3 kg	3,410 kg
12 tháng	72,8 –	76,5 –	8,31	10,11 –
5 tuổi	100,4 –	109,5 –	14,53 –	19,2 –
14 tuổi	142,9 –	160,5 –	32,26 –	48,5 –

Từ năm 1980 trở lại đây, tỷ lệ các trẻ sơ sinh Việt nam cân nặng dưới 2,5 kg ngày càng tăng, ở một vài địa phương lên đến 20 – 30% tổng số. Chiều cao của thiếu niên Việt nam, trong khoảng thời gian 30 năm, từ 1940 đến 1970, nói chung cũng không tăng hoặc có phần giảm đi, trong khi ở Liên xô, trong vòng 80 năm chiều cao tăng được 20 cm, ở Bỉ trong vòng 20 năm tăng được 5 cm v.v.

Sức khỏe của thanh niên Việt nam qua các đợt khám sức khỏe được phân loại như sau:

	Loại A tốt	Loại B trung bình	Loại B2 + C kém
1969	68,80%	31,2 %	
1974	35,17%	27,93%	35,58%
1975	38,6 %	28,9 %	32,4 %

Cuộc điều tra cơ bản về bệnh tật, do Bộ Y tế tiến hành trên toàn miền Bắc năm 1973 – 1974 theo phương pháp chọn mẫu, làm trên 208 076 người, cho thấy:

– Các bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng: 63,97%

– Các bệnh cơ quan tiêu hóa: 65,72%

– Các bệnh của hệ thần kinh giác quan: 41,48%

– Các bệnh cơ quan hô hấp: 32,16%

– Các bệnh hệ xương-cơ-mô liên kết: 17,26%

– Các bệnh hệ nội tiết, dinh dưỡng: 10,67%

– Các bệnh ngoài da, mô lỏng lẻo dưới da: 9,11%

– Các bệnh cơ quan tiết niệu – sinh dục: 8,42%

– Các tai nạn ngộ độc, chấn thương: 4,89%

– Các bệnh hệ thống tuần hoàn: 4,22%

– v.v.

Từ năm 1975 về sau, mô hình bệnh tật ở nước ta vẫn không chuyển biến tốt, trái lại còn trở nên phức tạp hơn, do các hậu quả của chiến tranh (trong đó có chiến tranh hóa học), do ô nhiễm môi trường nặng nề, do các khó khăn kinh tế, do đời sống thấp kém, do dân số phát triển quá nhanh, sự biến động dân cư về các vùng rừng núi, đầm lầy v.v.

Nổi lên hàng đầu vẫn là các bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng. Có những bệnh đã được dập tắt từ lâu ở miền Bắc như bệnh dịch tả, dịch hạch nay bắt đầu trở lại miền Bắc; có những bệnh đã không chế được như thương hàn, bại liệt v.v. nay lại bùng phát trở lại... Xem kỹ vào mô hình bệnh

Digitized by Google

nhiễm trùng nói trên, là các bệnh thuộc mô hình bệnh tật của các nước đã phát triển, như các bệnh tim mạch, bệnh ung thư, các bệnh nghề nghiệp, các tai nạn giao thông v.v.

Tóm lại, sức khỏe của nhân dân ta chưa được tốt, mặc dù đã được cải thiện rất nhiều kể từ sau Cách mạng (tuổi thọ trung bình tăng lên đến 63 tuổi, năm 1980: tỷ lệ chết chung là 7% và tỷ lệ chết của trẻ em dưới 1 năm là khoảng 31% v.v.). Những cố gắng của nhân dân, của Nhà nước, của ngành y tế có làm giảm bớt các tác hại to lớn của tình trạng kém phát triển về kinh tế, về kỹ thuật, của chiến tranh kéo dài, của sự bùng nổ dân số, v.v. nhưng còn xa mới đáp ứng được yêu cầu tạo cho nhân dân ta một sức khỏe ngày một tốt hơn, cần thiết cho sự nghiệp công nghiệp hóa, cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

★

Làm gì để cải thiện sức khỏe của nhân dân? Từ nhiều năm nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự giúp đỡ của nhân dân, ngành y tế đã đạt được nhiều thành tích trong việc chăm sóc sức khỏe của nhân dân, nhưng cũng như ở các nước đang phát triển khác, ngành y tế đang gặp nhiều khó khăn:

1— Thiếu cơ sở vật chất cần thiết cho các dịch vụ hàng ngày như: diện tích nhà nghiệp vụ, trang thiết bị, dụng cụ, vật tư; thiếu những thứ mà công nghiệp của nhiều nước đã tự làm ra được từ trên dưới nửa thế kỷ nay và cung cấp rộng rãi cho ngành y tế như bơm tiêm, nhiệt kế, áp kế, dụng cụ hộ lý bằng sắt tráng men, phiến kính, lá kính cho xét nghiệm, dụng cụ thủy tinh cho các phòng xét nghiệm v.v.

2— Thiếu thuốc men trầm trọng kèm theo tệ lạm dụng thuốc vừa gây nhiều lãng phí vừa nguy hiểm, và quản lý thị trường lỏng lẻo, v.v. Nguyên nhân cơ bản của tình trạng căng thẳng về thuốc men, trước mắt là thiếu năng lượng và nguyên liệu (kể cả phụ liệu, bao bì) cho các xí nghiệp dược sản xuất, về lâu dài là chưa xây dựng được công nghiệp dược phẩm để tự túc một phần thuốc men.

3— Nhà nước đầu tư cho y tế quá thấp, chưa đạt 3% tổng ngân sách, trong khi ở các nước đã phát triển số đầu tư này lên đến khoảng 10% tổng ngân sách. Đối với các nước đang phát triển, tổ chức y tế thế giới đã tính là cần phải đầu tư cho mỗi người dân mỗi năm khoảng 1 đến 10 đô la nếu muốn duy trì được đều đặn các dịch vụ y tế. Càng phát triển dịch vụ y tế và tăng giường bệnh lên, thì sự đầu tư càng lớn, không ngân sách nào chịu đựng nổi, tất nhiên các nước đang phát triển lại càng gặp khó khăn gấp bội. Theo hướng dự phòng, để có thể chăm sóc sức khỏe cho toàn dân trong hoàn cảnh đất nước còn nghèo, từ hơn 20 năm nay ngành y tế Việt nam chủ trương phát triển mạng lưới y tế cơ sở, bao gồm các trạm y tế cơ sở (trạm y tế xã, các cơ sở sản xuất công nghiệp, lâm nghiệp, cơ quan, trường học v.v.). Việc xây dựng và duy trì hoạt động của các trạm này không quá tốn kém. Đối với một xã có khoảng 5 000 dân chỉ cần 3 biên chế chuyên nghiệp cố định là tạm đủ để phục vụ việc chăm sóc sức khỏe ban đầu gồm có 8 nhiệm vụ nêu trong Tuyên ngôn An-ma A-ta năm 1978 (giáo dục sức khỏe; cải thiện điều kiện ăn uống; cung cấp nước sạch, thanh khiết môi trường cơ bản; bảo vệ bà mẹ — trẻ em mà điểm cơ bản là kế hoạch hóa gia đình; tiêm chủng mở rộng; khống chế các bệnh dịch lưu hành; khám, chữa các bệnh và thương tích thông thường; cung cấp thuốc men thiết yếu). Thành phần của 3 biên chế có thể là:

— 1 y sĩ đa khoa (hay 1 bác sĩ đa khoa ở các địa phương có điều kiện

Digitized by Google

như Hà nội, thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh đồng bằng sông Hồng v.v.)

— 1 nữ hộ sinh (tiến đến 1 y sĩ phụ sản).

— 1 lương y (hoặc 1 y sĩ đa khoa).

Ngoài ra có thể tuyển hợp đồng 1 nhân công để làm công tác vệ sinh — sạch sẽ, mỗi ngày một số giờ nhất định. Hiệu thuốc huyện hay công ty dược phẩm cấp III huyện có thể tổ chức ở mỗi xã hoặc mỗi liên xã một điểm bán thuốc.

Trạm y tế cơ sở từng bước tiến lên làm thêm một nhiệm vụ thứ 9 là quản lý sức khỏe mỗi người dân, nghĩa là lập hồ sơ và theo dõi định kỳ sức khỏe cho mỗi người dân, khám bệnh, chữa bệnh ngoại trú tại nhà, làm chức năng một người thầy thuốc gia đình. Với các điều kiện hiện tại, ngành y tế Việt nam có khả năng bắt đầu việc quản lý sức khỏe cho một số đối tượng được xếp ưu tiên, tiến dần từng bước đến quản lý sức khỏe toàn dân.

Việc chăm sóc sức khỏe ban đầu (và sau này việc quản lý sức khỏe) đòi hỏi phải đầu tư cho mỗi người dân một số tiền khoảng 50đ/năm (giá tiền năm 1975) để xây dựng ngân sách cho các trạm y tế cơ sở. Nhà nước địa phương sẽ cung cấp hoàn toàn ngân sách này hay huy động một phần sự đóng góp hợp lý của nhân dân.

Muốn hoạt động được tốt, mạng lưới y tế cơ sở cần được sự chỉ đạo và giúp đỡ của các tuyến phía sau (huyện, tỉnh và trung tâm liên tỉnh hay trung ương); nghĩa là phải đồng thời từng bước xây dựng mạng lưới y tế phổ cập và chuyên sâu, từ huyện trở lên thuộc ngân sách nhà nước để bảo đảm các dịch vụ cần thiết hằng ngày. Ngoài ra, phải xây dựng khẩn trương ngành công nghiệp y tế (sản xuất thuốc, sản xuất trang bị, dụng cụ, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, v.v.) để bảo đảm các điều kiện vật chất tối cần thiết cho các hoạt động y tế.

Nhằm "mở rộng mạng lưới và nâng cao chất lượng các hoạt động y tế" theo Nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng, theo ý chúng tôi, cần khẩn trương giải quyết 4 điểm sau đây thuộc về công tác quản lý:

1. Hạch toán kinh tế các dịch vụ y tế để có tiền để vững chắc lập ngân sách cho mỗi cơ sở y tế và lên quy hoạch cho toàn ngành.

2. Bảo hiểm sức khỏe cho tất cả mọi công dân để có tiền để thực hiện điều 61 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam: "Công dân có quyền được bảo vệ sức khỏe. Nhà nước thực hiện chế độ khám bệnh và chữa bệnh không phải trả tiền".

3. Ban hành Luật bảo vệ sức khỏe để thể chế hóa các dịch vụ y tế và vai trò làm chủ của nhân dân lao động.

4. Bảo đảm một mức sống tối thiểu hợp lý cho cán bộ y tế toàn ngành và gia đình họ, tạo điều kiện cho họ làm việc được tốt.

Giáo sư

DƯƠNG NGHIỆP CHÍ

Thể dục thể thao vì con người

Từ sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn xác định rõ vị trí quan trọng của thể dục thể thao trong xã hội. Đường lối quan điểm chung phát triển nền thể dục thể

Digitized by Google

thao Việt nam đã được ghi nhận trong các Nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ III, thứ IV, thứ V và thứ VI của Đảng.

Mục tiêu to lớn và lâu dài của thể dục thể thao là phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Con người là chủ thể xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, khi xem xét vị trí xã hội của thể dục thể thao, trước tiên cần xác định những giá trị mà thể dục thể thao mang đến cho con người.

Thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu hoạt động hợp lý của con người, nên đã trở thành phương tiện quan trọng để tập hợp và giáo dục con người. Trong cấu trúc nhu cầu hợp lý của con người, có nhu cầu hoạt động. Hoạt động thể dục thể thao và xem thi đấu thể thao là nhu cầu không thể thiếu được của nhân dân ta hiện nay và ngay cả trong những năm kháng chiến. Những năm gần đây, phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển khá rộng, đang trở thành phương tiện quan trọng để tập hợp và giáo dục con người. Qua điều tra trên 100 ngàn dân ở quận IV thành phố Hồ Chí Minh (1982), chúng ta thấy các môn thể thao đã đáp ứng nhu cầu tập luyện tự giác của 2,72% dân số. Thể dục (trong đó có các bài tập dưỡng sinh) đã đáp ứng nhu cầu hoạt động tự giác của 6,6% dân số. Các cuộc thi đấu thể thao đã phục vụ 17,5% dân số. Ở Hà nội, Long an năm 1984, 1985 tình hình cũng tương tự như vậy. Điều quan trọng hơn là, nhu cầu hoạt động thể dục thể thao của nhân dân ta hiện nay còn khá lớn, tiềm năng còn nhiều. Chúng ta nên tránh những quan điểm sai lầm cho rằng, đất nước ta còn nghèo, kinh tế còn khó khăn nên ít người thích hoạt động thể dục thể thao, không cần tăng đầu tư cho công tác thể dục thể thao. Thực tế cho thấy, tuy khả năng tổ chức và các hình thức hoạt động còn hạn chế, nhưng người tập luyện thường xuyên các môn thể thao ở quận IV thành phố Hồ Chí Minh trong mấy năm qua vẫn tăng với nhịp độ trung bình là 0,8% dân số mỗi năm.

Thể dục thể thao góp phần tăng cường sức khỏe, kéo dài sự sống lâu tích cực và mang đến cuộc sống lạc quan cho con người. Từ lâu, sức khỏe con người được hiểu toàn diện là sức mạnh tinh thần, thể chất, sự hoạt động cân bằng của nội tạng và sự hài hòa về cấu trúc cơ thể. Sức khỏe tốt sẽ kéo dài sự sống lâu tích cực và con người dễ sống lạc quan. Có biện pháp liên tục nâng cao sức khỏe của mọi người thì tối thiểu sau 25 năm mới có thể nhìn thấy giá trị của việc cải tạo nòi giống. Sức khỏe của con người phụ thuộc vào các yếu tố chính như: chính trị – xã hội, di truyền, môi trường sống và lao động, chế độ dinh dưỡng và lối sống, chăm sóc y tế và hoạt động thể dục thể thao vừa sức.

Thể dục thể thao có tác dụng tích cực, toàn diện để nâng cao sức khỏe, nếu như các yếu tố còn lại không bị vi phạm nghiêm trọng.

Thể dục thể thao góp phần hình thành nhân cách con người, đồng thời từng bước phát triển toàn diện nhân cách: tức con người với tư cách một thực thể có ý thức, có lý trí, có ngôn ngữ và năng lực lao động. Hoạt động thể dục thể thao là loại hoạt động tích cực, tự giác. Nhân cách con người biểu hiện rất rõ nét trong loại hoạt động này. Chính vì tính năng động, tích cực, thẩm mỹ của nó mà hoạt động thể dục thể thao đã lôi cuốn, hấp dẫn đối tượng chủ yếu là thanh niên, thiếu niên, nhi đồng. Hiện nay ở nước ta, số người tập thường xuyên các môn thể thao thuộc lứa tuổi từ 5 đến 29 tuổi chiếm 81,6% tổng số người tập. Tính trung bình cứ 100 người từ 5 đến 29 tuổi có 6 người tập các môn thể thao và 8

Digitized by Google

người tập thể dục (kể cả thể dục nhịp điệu, các bài võ thể dục...).

Qua hoạt động thể dục thể thao một cách tự giác, tích cực, bền bỉ và có tổ chức, thế hệ trẻ dễ tạo cho mình tính cách tốt như: ý chí mạnh mẽ, tính tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, tinh thần trách nhiệm... và đó là cái cốt lõi của nhân cách. Qua hoạt động thể dục thể thao, thế hệ trẻ còn dễ tạo cho mình năng lực cần thiết cho một loại hoạt động chuyên biệt nào đó trong lao động hoặc bảo vệ Tổ quốc.

Giá trị tinh thần và thể chất mà thể dục thể thao mang lại cho con người rất lớn lao. Ngày nay, thể thao còn là phương tiện có hiệu quả trong công tác đối ngoại: nâng cao tầm vóc và vị trí của dân tộc, góp phần đấu tranh vì hòa bình, hữu nghị giữa các dân tộc và đặt quan hệ giữa các quốc gia có chế độ chính trị khác nhau.

Nắm vững những quy luật hình thành nền thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa và căn cứ vào hoàn cảnh thực tế của nước ta, chúng ta cần xây dựng một nền thể dục thể thao theo cấu trúc: Thể dục thể thao xã hội; Thể dục thể thao trường học; Thể thao nâng cao thành tích.

Sau khi nghiêm túc tổng kết kinh nghiệm quản lý thể dục thể thao trong nhiều năm qua, xem xét kỹ các quy luật và cấu trúc nền thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa, tham khảo dự báo phát triển kinh tế – xã hội và khoa học kỹ thuật trong những năm tới, chúng ta nhất thiết phải tổ chức lại nền thể dục thể thao nước nhà. Cần lưu ý, nền thể dục thể thao hiện tại của nước ta mang rất ít tính xã hội, do vậy không thể thực hiện được các mục tiêu xã hội. Tình hình đó đã dẫn đến quản lý phân tán, cục bộ, kỷ cương lỏng lẻo, thiếu các văn bản pháp quy rất cần thiết yếu, không có chế độ chính sách phù hợp... Với sự quản lý như vậy, cho dù đầu tư thêm nhiều tiền thì hiệu quả vẫn rất hạn chế, các mục tiêu xã hội chỉ đạt được ở mức độ rất thấp. Nhưng nếu nền thể dục thể thao được tổ chức lại theo yêu cầu mới thì sự đầu tư của Nhà nước cho thể dục thể thao cũng không nên quá thấp như hiện nay. Từ 1983 đến 1985, mỗi năm Nhà nước đầu tư cho Tổng cục thể dục thể thao tính trung bình 0,8đ/người dân. Các tỉnh, thành phố và các ngành đầu tư cho thể dục thể thao ở mức độ khác nhau, nhưng cũng rất ít. Ngay mức ăn của vận động viên quốc gia của chúng ta hiện nay cũng rất thấp so với yêu cầu mức năng lượng cần thiết để tập luyện nâng cao thành tích thể thao. Chúng ta cũng chưa có khả năng đào tạo tập trung khoảng 200 vận động viên quốc gia với kinh phí tiết kiệm.

Để thực hiện tốt nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ VI của Đảng, công tác thể dục thể thao cần phải tập trung giải quyết một số vấn đề chính:

1 – Cải tiến tổ chức và củng cố vững chắc ngành thể dục thể thao từ trung ương đến quận, huyện và đến phường, xã của các quận, huyện trọng điểm. Căn cứ vào khả năng thực tế, chúng ta phải chia các quận, huyện thành 3, 4 loại, kèm theo phương án tổ chức thể dục thể thao của Nhà nước và quần chúng cho phù hợp. Thể dục thể thao cần được tổ chức lại theo hướng bảo đảm tính chất xã hội, phù hợp với quy luật và cấu trúc của nền thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở củng cố vững chắc các cơ quan nhà nước về thể dục thể thao, cần củng cố lại các hội thể thao quần chúng (trong quân đội, công an, sinh viên). Từng bước mở rộng các câu lạc bộ thể thao ở trường phổ thông, ở nông thôn để tiến tới thành lập hội thể thao quần chúng của một môn hoặc nhiều môn thể thao trong trường học, nông thôn (trước mắt là quy mô cấp tỉnh, thành hoặc quận, huyện). Ngoài ra nên củng cố lại, hoặc thành

Digitized by Google

lập các hiệp hội, các hội đồng mới có tính chất tư vấn xã hội như: hội đồng thể dục thể thao nhà nước, hội đồng các giám đốc sở thể dục thể thao (giám đốc sở của các thành phố lớn và đại diện từng khu vực), hội đồng thể dục thể thao trường học, hiệp hội chuyên từng môn thể thao...

2—Đệ trình Nhà nước xét ban hành thể chế về quản lý thể dục thể thao để bảo đảm tổ chức thực hiện tốt nghị quyết về thể dục thể thao của Đảng, bao gồm các quy định về hệ thống tổ chức, đào tạo, vận động viên (từ tuổi nhi đồng đến vận động viên quốc gia), phong danh hiệu cao quý của Nhà nước và phong cấp cho huấn luyện viên, trọng tài, vận động viên, các văn bản pháp quy cần thiết nhất về đào tạo cán bộ, xây dựng cơ sở vật chất, tuyên truyền giáo dục, cải tiến hình thức tổ chức và sửa đổi tiêu chuẩn rèn luyện thân thể; các chế độ chính sách khuyến khích huấn luyện viên, giáo viên thể dục thể thao, vận động viên; văn bản pháp quy về phân cấp quản lý thể dục thể thao nhằm phối hợp tốt giữa ngành và lãnh thổ, giữa các cơ quan nhà nước về thể dục thể thao và các tổ chức quần chúng, phát huy khả năng chủ động sáng tạo của các tổ chức thể dục thể thao cơ sở...

3—Xác định cụ thể mục tiêu của từng giai đoạn, sau khi xem xét lại các khả năng hiện thực về kinh tế — xã hội, lựa chọn các biện pháp tích cực nhất để phát triển phong trào thể dục thể thao xã hội, trường học và nâng cao thành tích thể thao. Tổng kết và định hướng phát triển từng môn thể thao, coi cấu trúc các môn thể thao như một hệ thống, nhưng cần lưu ý cấp độ và bình diện quản lý (phân cấp độ ưu tiên phát triển một số ít môn theo yêu cầu cụ thể của từng giai đoạn và phân công cụ thể cho các tỉnh, thành phố, ngành thuộc bình diện quản lý phù hợp với từng giai đoạn).

4—Cải tiến cách thu nhận, xử lý thông tin và công tác kế hoạch hóa. Thông tin về thể dục thể thao hiện nay bị sai lệch tới mức không thể chấp nhận được. Công tác kế hoạch hóa rất ít hiệu quả. Để cải tiến các công tác này, phải giải quyết rất nhiều việc. Trước tiên cần phân định rõ các chỉ tiêu kế hoạch có tính chất xã hội với các chỉ tiêu kế hoạch có tính chất chuyên ngành, khai thác tiềm năng của các tỉnh, thành, ngành đóng góp cho công tác thể dục thể thao.

Thể dục thể thao đang đặt ra nhiều việc cấp bách phải giải quyết. Tiềm năng thể dục thể thao còn lớn. Đương nhiên công việc còn không ít khó khăn. Dưới ánh sáng nghị quyết Đại hội toàn quốc thứ VI của Đảng, chúng ta cố gắng phát triển thể dục thể thao nước ta lên một bước mới cơ bản để có thể nhìn thấy hiệu quả cao sau 8 đến 10 năm.

Giáo sư
LÊ THI

Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa và phương pháp tư duy khoa học

CON người là chủ thể sáng tạo Chủ nghĩa xã hội ở Việt nam chỉ có thể là sản phẩm hoạt động tự giác của con người Việt nam hiện nay. Hồ Chủ tịch đã nói: «Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần

Digitized by Google

có những *con người xã hội chủ nghĩa* » (1). Đó là một nhận thức hết sức đúng đắn, theo quan điểm duy vật biện chứng về mối liên hệ giữa chủ thể và khách thể. Nó chỉ ra tầm quan trọng của việc cải tạo con người, gắn liền công việc này với việc cải tạo thiên nhiên, cải tạo xã hội bằng hoạt động thực tiễn. Lẽ đĩ nhiên, chỉ trong quá trình cải tạo thiên nhiên, cải tạo xã hội con người mới cải tạo được bản thân mình. Thế nhưng trước hết con người phải có ý chí vươn lên, quyết tâm tự cải tạo, nâng cao nhận thức, hoàn thiện khả năng phân tích, đánh giá, kết luận về các quá trình xảy ra để có hành động đúng đắn hơn, không chịu khuất phục trước những khó khăn khách quan cũng như những nhược điểm chủ quan.

Để hoàn thành những nhiệm vụ trọng đại mà sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đặt ra cho một nước vốn là thuộc địa nửa phong kiến, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, ở con người Việt nam cần có sự chuyển biến mạnh mẽ về văn hóa, tư tưởng : chuyển từ văn hóa nông nghiệp cổ truyền sang văn hóa công nghiệp hiện đại, từ nếp suy nghĩ, cách làm ăn, lối sống của người sản xuất nhỏ sang phong cách tư duy, phương pháp làm việc và lối sống của người công nhân đại công nghiệp. Cùng với việc kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa tinh thần tốt đẹp của dân tộc và của cách mạng, phải thanh toán di sản nặng nề, tiêu cực của lịch sử để lại, đấu tranh kiên quyết chống bệnh giáo điều xơ cứng, đầu óc gia trưởng và đẳng cấp của hệ tư tưởng phong kiến, lết sức cảnh giác với sự phát triển của chủ nghĩa cá nhân tư sản, sự tham lam thèm muốn chạy theo đồng tiền. Đồng thời lại phải đấu tranh chống đầu óc hẹp hòi, thiển cận, duy ý chí, bình quân chủ nghĩa, tự do tản mạn của người sản xuất nhỏ, cách ứng xử coi thường pháp luật, nặng về tình hơn về lý v.v.

Vì vậy, trong việc xây dựng con người mới hiện nay đang nổi lên tầm quan trọng to lớn của việc *xây dựng thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn* trong cách xem xét và giải quyết các vấn đề đặt ra, *đổi mới tư duy*, khắc phục những quan niệm sai lầm hoặc lỗi thời. Đó là một nhu cầu cấp bách hiện nay trong quá trình trưởng thành của con người Việt nam, đặc biệt đối với cán bộ, đảng viên, để có thể đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội theo đúng quy luật. Đó cũng là một cuộc đấu tranh hết sức khó khăn, gian khổ.

Quá trình thực hiện các nhiệm vụ của thời kỳ quá độ cũng là quá trình *đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường* gay gắt, phức tạp để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới và cải tạo bản thân mỗi con người. Đứng về góc độ giai cấp và xã hội mà xem xét, cuộc đấu tranh đó vừa nhằm giải quyết những mâu thuẫn địch ta, vừa nhằm giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Đặc biệt khi những âm mưu phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế tiếp tục được tăng cường, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đặt ra gay gắt, nặng nề thì việc giải quyết những mâu thuẫn xã hội của nước ta trở nên rất phức tạp, khó khăn vì có sự xen kẽ giữa mâu thuẫn địch ta với mâu thuẫn nội bộ nhân dân, giữa những âm mưu thù địch có tính toán với những việc làm do dốt nát, do thiếu cảnh giác hay do động cơ cá nhân ích kỷ, gây tai hại cho cách mạng.

Diễn biến phức tạp của đời sống xã hội đã tạo nên những nhận thức khác nhau trong cán bộ đảng viên trên hàng loạt vấn đề của công cuộc xây dựng

(1) Hồ Chí Minh. *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t. 2, tr. 298.

Digitized by Google

chủ nghĩa xã hội, từ đó có những cách giải quyết khác nhau và kết quả khác nhau. Ở đây có cuộc đấu tranh về tư tưởng, về nhận thức giữa cái mới và cái cũ, tiên tiến và lạc hậu, khoa học và phản khoa học, năng động cách mạng và bảo thủ trì trệ trong nếp suy nghĩ, cách làm ăn trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế. Có sự xen kẽ giữa thiện chí, nhiệt tình cách mạng thật sự với những động cơ cá nhân chủ nghĩa; cách xem xét, đánh giá, kết luận vấn đề một cách nóng vội, giản đơn, phiến diện, chủ quan, những nếp cũ, đường mòn trong nhận thức; sự thiếu hiểu biết hay hiểu biết chưa chính xác về chủ nghĩa xã hội cùng tồn tại với bệnh lười suy nghĩ, dễ thỏa mãn với những kết luận sẵn có, những kiến thức cũ quen thuộc nên thiếu sự linh hoạt và nhạy bén với cái mới, với tình hình mới.

Cùng với những nguyên nhân về mặt nhận thức luận, cần nói rằng những sai lầm trong cơ chế tổ chức, quản lý kinh tế và xã hội đã gây nên những tác hại to lớn, cản trở việc đổi mới tư duy, đổi mới phong cách làm việc, xây dựng con người mới. Cơ chế tập trung quan liêu bao cấp là kết quả, đồng thời là chỗ dựa vật chất của chủ nghĩa duy ý chí. Nó không chỉ làm mất động lực kích thích những tư tưởng tình cảm tốt đẹp phát triển. Tai hại hơn, nó đã tạo ra những kẽ hở cho tiêu cực nảy sinh, cho những thói xấu của giai cấp phong kiến, tư sản trỗi dậy và phát triển. Vì vậy việc đổi mới tổ chức và cán bộ, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp trong quản lý kinh tế và xã hội là điều kiện hết sức cần thiết, phải tiến hành đồng thời với việc đổi mới tư duy, đổi mới phong cách làm việc.

Nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng đã nhấn mạnh: « Nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng là đổi mới tư duy trong mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế... » (2).

★

Xây dựng phương pháp tư duy khoa học là nội dung hết sức quan trọng của việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa hiện nay, là sự tổng hợp tài năng và đạo đức của người cán bộ đảng viên.

Phương pháp tư duy khoa học hay sự sáng suốt của trí tuệ không phải là những giá trị tinh thần đặc biệt bẩm sinh của riêng vài bộ óc lỗi lạc. Sự thông minh của con người là kết quả tiến hóa của nền văn minh nhân loại, là một quá trình tích lũy kiến thức ngày càng tăng về số lượng và chất lượng trải qua cuộc đấu tranh thực tiễn gian khổ. Những bộ óc lỗi lạc của các vị lãnh tụ chính trị, của các nhà khoa học xuất sắc đã vượt hơn người bình thường ở khả năng nhìn xa, thấy rộng, ở độ nhạy bén, chính xác của những phán đoán, ở sự tiếp thu nhanh chóng cái mới và vượt qua được những thành kiến, tư tưởng lạc hậu.

Sự hình thành phương pháp tư duy chính là thuộc phạm trù triết học. Cách suy nghĩ của con người là do nhiều yếu tố tác động: do ý thức giai cấp, do nếp làm ăn, sinh sống và quan hệ xã hội thường ngày, do trình độ hiểu biết và những quan niệm về thế giới, về nhân sinh. Nếu xét riêng về tư duy kinh tế thì những yếu tố ảnh hưởng đến nếp suy nghĩ của cán bộ đảng viên ta có thể bắt nguồn:

a) Từ cách làm ăn của nền sản xuất nhỏ, vụn vặt manh mún, tự cấp tự túc, khép kín, đã hình thành một nếp suy nghĩ quen thuộc ở cán bộ, đảng viên. Khi điều kiện sống và làm việc

(2) Nghị quyết Đại hội VI ĐCSVN – *Tạp chí Cộng sản*, số 1-1987, tr. 124.

Digitized by Google

đã biến đổi, họ vẫn thỏa mãn với những suy nghĩ, kiến thức ngày hôm qua.

b) Từ sự thiếu hiểu biết hay hiểu biết không chính xác về những vấn đề kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Vì vậy có sự vận dụng lý luận kinh tế cũng như kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em một cách giáo điều vào điều kiện thực tế Việt nam, chậm tiếp thu những kiến thức mới cần thiết.

Có những quan điểm kinh tế ấu trĩ mà các nước xã hội chủ nghĩa anh em qua thực tiễn đã rút kinh nghiệm và tích cực sửa chữa thì chúng ta vẫn sao chép lại. Ví dụ như nhận thức chưa đúng về tác động của quy luật giá trị và sự cần thiết phát triển kinh tế hàng hóa trong chủ nghĩa xã hội; về việc thiết lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa và việc cải tạo các quan hệ sản xuất theo chủ nghĩa xã hội.

Hàng loạt vấn đề kinh tế quan trọng khác đặt ra cần được xem xét lại về quan điểm và nhận thức. Trong thực tế, việc đổi mới tư duy kinh tế diễn ra cực kỳ phức tạp. Bởi vì tình hình kinh tế xã hội nước ta nhìn chung chưa ổn định, cơ chế quản lý cũ, quan liêu bao cấp đang bị lên án nhưng chưa được thay thế một cách triệt để, cơ chế quản lý mới cũng chưa hình thành về cơ bản. Công tác nghiên cứu về kinh tế còn nhiều hạn chế, việc phê bình, tự phê bình, tranh luận công khai còn chưa thành thói quen. Do đó sự phân biệt đúng sai và đổi mới tư duy còn nhiều khó khăn.

Những kết luận của Bộ chính trị và nhất là Nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng về một số vấn đề kinh tế, về cơ cấu kinh tế, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về cơ chế quản lý là một bài học lớn đối với chúng ta trong việc đổi mới tư duy.

Vậy phương hướng để xây dựng phương pháp tư duy khoa học nói chung, đổi mới tư duy kinh tế nói riêng như thế nào?

— Muốn hành động đúng, có những quyết định đúng thì phải hiểu được bản chất sự vật và quy luật vận động của nó. Do đó trước hết cần *không ngừng nâng cao kiến thức về mọi mặt*. Trong thời đại ngày nay, việc tiếp cận càng nhiều, càng mạnh những thông tin mới là một điều kiện để có thể suy nghĩ khoa học. Trau dồi kiến thức nhưng cố gắng tiếp thu chính xác, vì sự hiểu biết sai lệch, một chiều lại rất tai hại, nó là chỗ dựa để ngụy biện cho những hành động thực tiễn sai làm.

— Phương pháp tư duy khoa học thể hiện ở năng lực nắm bắt, phân tích, đánh giá tình hình, từ đó rút ra kết luận chính xác chỉ đạo cho hành động. Muốn đạt yêu cầu đó cần *xây dựng tác phong điều tra nghiên cứu đúng đắn*, quán triệt phương pháp luận duy vật biện chứng, lịch sử cụ thể trong việc xem xét, đánh giá sự vật và hiện tượng.

— Sự phân tích khoa học gắn bó chặt chẽ với *tinh năng động cách mạng*, tinh thần cầu tiến bộ, nhạy bén với cái mới. Phương pháp tư duy khoa học đòi hỏi *sự suy nghĩ độc lập sáng tạo và sự tự do tư tưởng*, không xuôi chiều ba phải, dám bảo vệ chân lý và chịu trách nhiệm về ý kiến, về quyết định của mình. Như vậy, ngay trong quá trình đi tìm chân lý đã đòi hỏi có tinh thần đấu tranh dũng cảm. Tinh thần độc lập suy nghĩ được thực hiện trong mối liên hệ chặt chẽ với *sự phê phán cách mạng và ý thức phê bình, tự phê bình*, với sự đấu tranh chống thói bảo thủ, trì trệ.

— Nhận thức của con người được chứng minh đúng sai qua hoạt động thực tiễn. Sự vận dụng lý luận vào thực tiễn đem lại cho chúng ta những đáp án cần thiết cho những vấn đề lý luận còn chưa được sáng tỏ. Vì

Digitized by Google

vậy xây dựng phương pháp tư duy khoa học phải trải qua một khâu hết sức quan trọng là thực nghiệm; *qua thực nghiệm, tổng kết, rút kinh nghiệm* để tiến lên nắm được những tri thức mới, gạt bỏ những nhận thức sai lầm.

Nhìn chung lại, việc xây dựng phương pháp tư duy khoa học đòi hỏi chúng ta vừa phải có năng lực, trí tuệ nhất định, vừa phải có những phẩm chất cần thiết: sự nhẫn nại chịu khó, sự khiêm tốn học hỏi, tinh thần dũng cảm, trung thực trong phê bình và tự phê bình v.v.

Giáo sư
LÊ QUÝ AN

XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG TỐT HƠN NỮA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

HƠN 40 năm qua, Đảng ta đã đào tạo và xây dựng được một đội ngũ trí thức đông đảo, góp phần to lớn vào cuộc đấu tranh quyết liệt để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay ta đã có khoảng 400 000 cán bộ có trình độ cao đẳng và đại học, trên 760 000 cán bộ có trình độ trung học chuyên nghiệp và ngót 5 300 cán bộ có trình độ trên đại học. 93 trường cao đẳng và đại học hằng năm cung cấp cho các ngành khoảng 50 000 cán bộ có trình độ đại học. Trên 50 cơ sở có thể tiếp nhận hằng năm từ 250 đến 300 nghiên cứu sinh trong nước, mà tổng số hiện nay đã lên tới 900 người. Đó là chưa kể hệ thống các trường trung học chuyên nghiệp và nghiệp vụ khác.

Đội ngũ này ngày nay có khả năng tiếp thụ được những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới của thế giới để vận dụng thiết thực vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Năng lực tổ chức và tiến hành nghiên cứu khoa học nhằm giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra cũng được nâng cao rõ rệt.

Tuy nhiên, tiềm lực của đội ngũ trí thức nước ta chưa được phát huy đầy đủ, nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội. Tại sao như vậy? Có những nguyên nhân từ bản thân đội ngũ và những nguyên nhân về tổ chức quản lý.

Nhược điểm của đội ngũ trí thức thể hiện ở sự chưa nhận thức được sâu sắc về đặc điểm và điều kiện thực tế của đất nước. Đặc biệt, đối với cán bộ khoa học — kỹ thuật, những hạn chế về kiến thức kinh tế — xã hội, trình độ công nghệ, khả năng tổ chức quản lý đã làm cho việc vận dụng kiến thức có tính chất liên ngành gặp khó khăn, làm cho kết quả nghiên cứu thiếu hoàn chỉnh, và trong không ít trường hợp, khó đưa vào ứng dụng trong thực tế. Cán bộ thuộc một số ngành khoa học xã hội, quản lý kinh tế, xã hội còn ít. Việc triển khai nghiên cứu những vấn đề lớn trong các lĩnh vực này cũng còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu nhận thức, phân tích các đặc điểm của những quy luật kinh tế trong giai đoạn hiện nay của nước ta, làm cơ sở khoa học vững vàng cho đường lối chính sách và chủ trương cụ thể của Đảng và Nhà nước.

Digitized by Google

Cơ cấu và tình hình phân phối đội ngũ cán bộ khoa học – kỹ thuật cũng còn nhiều vấn đề phải nghiên cứu thêm. Ví dụ, theo kết quả điều tra năm 1982, số cán bộ có trình độ đại học về khoa học xã hội phân bố không đều : cán bộ về khoa học kinh tế chiếm trên 38%, về sư phạm trên 45%, còn khoảng 16% là thuộc các ngành học như : luật học, triết học, lịch sử, nghệ thuật, ngôn ngữ, tâm lý học, khoa học luận v.v. Số cán bộ khoa học kỹ thuật làm việc trong khu vực trực tiếp sản xuất vật chất mới chỉ chiếm 30% tổng số (trong khi đó, ngay ở Bun-ga-ri, năm 1970, con số đó đã là 48%).

Tình hình phân bố theo lãnh thổ cũng không đồng đều. Thí dụ, đồng bằng sông Cửu long (không bao gồm thành phố Hồ Chí Minh) chỉ có 7,9% cán bộ khoa học – kỹ thuật so với toàn quốc. Nếu tính tỷ lệ số cán bộ khoa học – kỹ thuật trên 1000 dân thì ở đây cũng chỉ có 1,27 người.

Đội ngũ cán bộ khoa học – kỹ thuật là yếu tố quan trọng nhất của tiềm lực khoa học – kỹ thuật. Bên cạnh đó, còn có các yếu tố khác như : hệ thống các cơ quan nghiên cứu và triển khai, cơ sở vật chất – kỹ thuật, thông tin khoa học – kỹ thuật, đầu tư, các chính sách, chế độ... Nên hiểu khái niệm tiềm lực khoa học – kỹ thuật như một tổng hợp các yếu tố hợp thành. Chúng có quan hệ mật thiết với nhau, tác động lẫn nhau, kích thích, hỗ trợ hoặc hạn chế lẫn nhau.

Chính sách của Đảng đối với trí thức, thực chất là chính sách về việc xây dựng và sử dụng có hiệu quả đội ngũ trí thức, phục vụ cho lợi ích của sự nghiệp cách mạng. Cho nên không thể xem xét, nghiên cứu, xây dựng và thực hiện chính sách đối với trí thức lại tách rời chiến lược phát triển kinh tế – xã hội, tách rời cơ chế và các chính sách trong lĩnh vực quản lý kinh tế – xã hội được. Thí dụ, cơ chế quản lý kinh tế quan liêu bao cấp không thúc đẩy tính năng động của cơ sở, không coi trọng mối quan hệ gắn bó giữa nghiên cứu – sản xuất – tiêu dùng. Từ đó, làm giảm ý thức tìm tòi, sáng tạo trong con người lao động, làm cho người sản xuất ít quan tâm đến nhu cầu của tiêu dùng về chủng loại và chất lượng sản phẩm. Như vậy thì không có nhu cầu áp dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật, người trí thức khó phát huy được tác dụng.

Có thể nói, hầu hết anh chị em trí thức hiện nay đều có nguyện vọng tha thiết được tạo điều kiện để cống hiến bằng lao động sáng tạo của mình, được tin dùng và đánh giá đúng.

Cần bố trí, tổ chức lại đội ngũ hợp lý hơn. Muốn vậy, trước tiên phải nghiên cứu sắp xếp lại hệ thống các viện, các trường, nhất là các trường đại học, sao cho các cơ sở nghiên cứu, đào tạo và sản xuất có được mối quan hệ mật thiết với nhau, hỗ trợ và thúc đẩy nhau, sao cho vốn đầu tư được tập trung và có hiệu quả hơn.

Cần khắc phục tình trạng phân tán, cục bộ, chia cắt trong việc sử dụng đội ngũ cán bộ, bằng cách hình thành những tập thể khoa học mạnh mẽ, có tính liên ngành, nhằm giải quyết những vấn đề quan trọng, phức tạp về khoa học – kỹ thuật, kinh tế – xã hội của đất nước. Trong việc này, kinh nghiệm thực tế cho thấy, cần lựa chọn và bố trí đúng những cán bộ chủ trì. Đó là những người có đủ năng lực chuyên môn, tổ chức quản lý và tập hợp lực lượng.

Để những người trí thức có thể thực sự đảm đương được nhiệm vụ, cần có biện pháp khắc phục những mặt còn yếu như đã nói trên và thực hiện việc bồi dưỡng nâng cao trình độ thường xuyên. Công tác này phải được tiến hành một cách thiết thực, với nhiều hình thức đa dạng, linh

Digitized by Google

hoạt như đào tạo dài hạn, ngắn hạn, tại chức, chuyên đề, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo trong các tổ chức dân lập, có biện pháp bổ sung kiến thức và nâng cao trình độ thông qua hoạt động thực tiễn về nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh tế, xã hội...

Có biện pháp phát hiện, bồi dưỡng nhân tài và dành một phần công sức để chuẩn bị những cán bộ cho tương lai lâu dài, ứng với những xu thế phát triển hiện đại được lựa chọn phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta.

Cơ sở vật chất – kỹ thuật, máy móc, thiết bị của ta còn nghèo nàn, nhưng cũng chưa được sử dụng hết. Cần xây dựng các thể lệ, quy chế nhằm khai thác cho hết. Từ đó tạo thêm được điều kiện làm việc cho cán bộ khoa học – kỹ thuật. Thí dụ, tổ chức cho cán bộ của các ngành có thể dễ dàng sử dụng chung những thiết bị đo lường, thí nghiệm, kiểm nghiệm, các công cụ sản xuất quý, hiếm, máy tính điện tử v.v

Công tác thông tin khoa học – kỹ thuật, kinh tế rất cần được tăng cường. Việc xuất bản các loại ấn phẩm của ta hiện nay hơi lộn xộn, đi đến lãng phí vật tư và nguyên liệu, chưa kể đến vấn đề nội dung và chất lượng. Cần phải rà soát lại, có chỉ đạo sát sao hơn, hợp lý hơn, chắc chắn sẽ tháo gỡ được một phần những khó khăn hiện nay về phương diện thông tin và nâng cao được hiệu quả hơn. Ngày nay, kinh tế cũng như khoa học – kỹ thuật của một nước không thể tự khép kín mà phát triển được. Cần mạnh dạn tạo điều kiện cho việc trao đổi thông tin với nước ngoài được kịp thời, nhạy bén, đồng thời vẫn bảo đảm giữ bí mật quốc gia.

Đầu tư cho khoa học – kỹ thuật, cho giáo dục của ta hiện còn quá thấp. Không nên quan niệm rằng khoản đầu tư này là « phi sản xuất », là « tiêu dùng ». Trước mắt, *cần bảo đảm mức đầu tư cho khoa học – kỹ thuật* là 2% thu nhập quốc dân, đúng với tinh thần Nghị quyết 37 của Bộ chính trị. Nhưng không nên chỉ dựa vào số vốn này, mà phải có những biện pháp nhằm huy động ít nhất nguồn vốn từ sản xuất, tạo điều kiện cho hoạt động khoa học, kỹ thuật và sản xuất gắn bó mật thiết với nhau đòi hỏi lẫn nhau để phát triển.

Nghiên cứu và sớm ban hành những quy định, thể lệ, chế độ, nhằm đông viên cán bộ khoa học – kỹ thuật đi vào sản xuất: về các cơ sở và địa phương có nhu cầu. Tạo điều kiện để cán bộ khoa học – kỹ thuật giải quyết những khó khăn trong đời sống bằng chính lao động khoa học của mình, làm cho cán bộ khoa học gắn bó hơn nữa với hiệu quả công tác, sản xuất. Thí dụ, cải tiến chế độ và cách thức khen thưởng đối với những công trình khoa học, những sáng kiến và cải tiến kỹ thuật... Chế độ tiền lương hiện nay đối với cán bộ khoa học – kỹ thuật cũng chưa hợp lý cần được xem xét thêm.

Giải quyết vấn đề đời sống một cách căn bản, quả là hết sức khó khăn, phức tạp. Chúng ta thiếu hàng hóa, mà thừa lao động. Có những tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên, nhưng lại thiếu vốn, năng lượng, thiết bị, vật tư, nguyên liệu, phụ tùng, công nghệ... Trong khoảng một triệu người thiếu công ăn việc làm, có cả những người trí thức. Ai cũng biết, muốn nâng cao đời sống, phải phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động. Nhưng đời sống quá khó khăn, thiếu nhiều điều kiện, thì làm sao đẩy mạnh được sản xuất? Phải chăng đây là cái vòng luẩn quẩn, bế tắc. Để phá tan vòng luẩn quẩn này, không có con đường nào khác là càng phải quan tâm sử dụng một trong những yếu tố quan trọng nhất, đó là khoa học, bao gồm cả khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội (trong đó có khoa học quản lý). Từ đó sẽ tạo thêm

Digitized by Google

công ăn việc làm và sản phẩm cho xã hội ; tạo thêm các loại nguyên liệu, vật liệu trong nước, sản xuất được nhiều phụ tùng, trang bị, thiết bị cần thiết. Triệt để thực hiện tiết kiệm, trước hết là tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu trong quá trình sản xuất, tận dụng các nguồn phế thải công nghiệp và sinh hoạt. Sử dụng hợp lý nhất tài nguyên và vốn, như : có cơ cấu và chính sách đầu tư đúng đắn, lựa chọn mục tiêu làm sao để vốn đầu tư quay vòng nhanh, sớm mang lại hiệu quả, lấy ngắn nuôi dài...

Trong công tác kinh tế đối ngoại hiện nay, có vấn đề hợp tác chuyên gia. Chủ trương này là đúng và cần thiết, trong thời gian tới có thể đẩy mạnh hơn nữa. Nhưng cũng còn nhiều vướng mắc làm hạn chế hiệu quả và gây ra một số ảnh hưởng không có lợi ở trong nước và ngoài nước. Công tác này cần được chỉ đạo toàn diện hơn, về cả các mặt chính trị, ngoại giao, kinh tế, xã hội : xác định thật rõ mục tiêu, sử dụng các biện pháp hợp lý, tạo được quan hệ hài hòa giữa kinh tế và chính trị, giữa trong nước và ngoài nước, giữa trước mắt và lâu dài, giữa cái riêng và cái chung, giữa cá thể và đội ngũ.

99% số cán bộ khoa học – kỹ thuật của nước ta được đào tạo từ sau Cách mạng, khoảng 23% là đảng viên Đảng cộng sản Việt nam. Đa số đã được thử thách và rèn luyện trong thực tiễn công tác, sản xuất và chiến đấu. Đây thực sự là một vốn quý, một lực lượng đáng tin cậy của Đảng.

Tuy trong thời gian gần đây, Đảng có quan tâm nhiều hơn đến công tác khoa học – kỹ thuật và đội ngũ này, nhưng cả quá trình dài, người ta vẫn cảm thấy chưa được quan tâm đầy đủ (nhất là trí thức ngoài đảng) trong việc chăm sóc bồi dưỡng, cả về chuyên môn, chính trị và đời sống. Lãnh đạo chưa chú ý coi trọng và lắng nghe ý kiến của anh chị em trí thức. Có nơi, có lúc còn hiện tượng họp hội, thành kiến, hoặc có những cách đánh giá chưa đi vào thực chất, nhất là trong công tác phát triển đảng.

Người trí thức muốn được đánh giá theo hiệu quả công việc và sự cống hiến đối với xã hội. Không nên quá câu nệ vào bằng cấp và thái độ cư xử trong quan hệ cá nhân.

Rất đáng được quan tâm trong chính sách đối với trí thức là vấn đề dân tộc và vấn đề nữ.

Các dân tộc thiểu số ở nước ta chiếm khoảng 12% dân số cả nước. Nhưng số cán bộ người dân tộc thiểu số có trình độ từ cao đẳng trở lên chỉ chiếm khoảng 3,3% tổng số cán bộ có trình độ đó trong cả nước. Việc tăng cường đào tạo cán bộ trí thức thuộc các dân tộc thiểu số có ý nghĩa quan trọng và có tác dụng thiết thực đối với việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc và góp phần phát huy thế mạnh của tất cả các vùng trong nước.

Muốn vậy, cần đặc biệt quan tâm cải tiến cách thức đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng. Ngoài ra, nên nghiên cứu và xây dựng thực sự những trung tâm văn hóa, khoa học – kỹ thuật có tính tổng hợp ở một số vùng như Tây bắc, Tây nguyên v.v. phù hợp với điều kiện, đặc điểm về tự nhiên, kinh tế, xã hội của từng vùng, trong mối quan hệ với việc phân bố lực lượng sản xuất chung trong cả nước.

Trong đội ngũ cán bộ khoa học – kỹ thuật, tỷ lệ cán bộ nữ tăng khá nhanh (năm 1965 là 14,3%, năm 1982 là 50,3%). Đó cũng là một thành tựu đáng kể. Nhưng nếu xét về cơ cấu trình độ thì vẫn còn có mặt hạn chế. ở trình độ cao thì tỷ lệ cán bộ nữ còn thấp và ngược lại. Cán bộ nữ chiếm 58,7% trong tổng số cán bộ có trình độ trung học chuyên nghiệp, còn ở trình độ đại học thì tỷ lệ đó là 35,7% ở trình độ trên đại học là 14.1%.

Digitized by Google

Tình hình đó cũng đòi hỏi có những cải tiến về chính sách và biện pháp nhằm tăng hơn nữa thành phần nữ trong đội ngũ trí thức.

Trí thức Việt kiều là một lực lượng đáng chú ý, trong đó có nhiều người có trình độ, có lòng yêu nước và sẵn sàng góp phần xây dựng đất nước. Để phát huy được tiềm lực của trí thức Việt kiều một cách có hiệu quả hơn nữa, xin đề nghị một số điểm:

Trong cách nhìn nhận trí thức Việt kiều nên tránh tư tưởng hẹp hòi. Mặt khác, cũng cần đánh giá đúng thực chất.

Cần lựa chọn những nội dung công việc và hình thức thực hiện thích hợp để anh chị em có điều kiện tham gia một cách thuận lợi và có hiệu quả, phát huy cao nhất những ưu thế của mình.

Muốn sử dụng được trí thức Việt kiều, phải có một đội ngũ trí thức trong nước đủ mạnh và phải tổ chức tốt mối quan hệ trao đổi, cộng tác chặt chẽ giữa hai lực lượng này.

■

HÀ QUANG DỰ

Phát huy nhân tố con người thanh niên trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc

Ở nước ta, thanh niên đã đóng một vai trò to lớn trong cách mạng giải phóng dân tộc và đang là lực lượng chiến lược trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trước hết, nhìn về số lượng, thanh niên chiếm số đông trong dân cư. Theo con số thống kê của những năm gần đây thì thanh niên (từ 14 đến 28 tuổi) chiếm 27% dân số, 79,2% số người đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân, 63% số lao động trong nông nghiệp, 60% số lao động trong công nghiệp và thủ công nghiệp. Hàng năm lực lượng lao động trẻ được bổ sung trên một triệu người. Hiện nay thanh niên đang là lực lượng chủ yếu trên những công trình trọng điểm về kinh tế, xã hội, trên những chốt tiền tiêu biên giới, hằng ngày mặt đối mặt với kẻ thù, chiến đấu dũng cảm để bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc.

Thanh niên ta đang có sự thay đổi lớn trong nội bộ. Sự thay đổi này là biểu hiện tính ưu việt của lớp thanh niên mới dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Hiện nay số chuyên gia, công nhân kỹ thuật, cán bộ khoa học kỹ thuật trẻ đóng vai trò rất lớn đối với tiến bộ khoa học kỹ thuật. Cả nước có 700 000 công nhân kỹ thuật trẻ, chiếm 61% tổng số công nhân; có 180 000 cán bộ kỹ thuật trẻ, chiếm 41% tổng số, bình quân bậc nghề trong công nhân là 2,8 – 3,3 trên thang 7 bậc; 5% – 8% thanh niên có bậc thợ 4, 5, 6 và không ít thanh niên đang làm việc thực tế cao hơn bậc thợ hiện tại của mình từ 1 đến 2 bậc. Những con số trên cho thấy thanh niên ta có tiềm năng to lớn về số lượng, về thể lực, về trình độ văn hóa và khoa học kỹ thuật. Tiềm năng đó là cái vốn quý báu của đất nước, cần được khai thác và phát huy mạnh

Digitized by Google

mẽ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bên cạnh những mặt mạnh là cơ bản, thế hệ trẻ nước ta đã và đang bộc lộ khá rõ một số mặt yếu kém.

Một là, trình độ học vấn, hiểu biết của thanh niên ngày một cao và rộng, nhưng sự giác ngộ về lý tưởng, về chủ nghĩa xã hội, về ý thức làm chủ, về ý chí phấn đấu vươn lên không tương xứng. Điều này đang là mối quan tâm, lo lắng của Đảng, Nhà nước và của toàn xã hội. Mâu thuẫn đó biểu hiện rõ nét trong các tầng lớp thanh niên, dưới nhiều hình thức và dưới nhiều góc độ. Nó cản trở bước phát triển và sự tiến bộ của phong trào thanh niên nói chung và của từng thanh niên nói riêng.

Hai là, thanh niên chưa phát huy được mạnh mẽ vai trò của mình trong cách mạng về quan hệ sản xuất. Thanh niên nước ta có vai trò to lớn trong ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học – kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa. Nhưng xét vai trò thanh niên trong từng cuộc cách mạng lại thấy có những biểu hiện cao thấp khác nhau. Chẳng hạn thanh niên vốn có trình độ văn hóa nên sớm tiếp cận được với khoa học tiên tiến, có khả năng đưa tiến bộ kỹ thuật vào đời sống và sản xuất. Đối với lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thanh niên ít bị ảnh hưởng của nền văn hóa phong kiến lạc hậu, thanh niên lại là đối tượng to lớn trong việc thưởng thức văn hóa, nghệ thuật hiện đại và bản thân thanh niên cũng là người tiếp thu nhanh nền văn minh của loài người. Còn đối với cách mạng về quan hệ sản xuất, thanh niên chưa phát huy mạnh mẽ vai trò của mình. Điều này có nguồn gốc sâu xa của nó là thanh niên vốn bị tư tưởng phong kiến, gia trưởng kìm hãm nên chưa có ý thức đầy đủ làm chủ về tư liệu sản xuất và làm chủ về phân phối sản phẩm, không thấy bức bách và chưa thật mạnh dạn đấu tranh chống những hành động xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và những hiện tượng tiêu cực trong phân phối lưu thông.

Ba là, thái độ của thanh niên đối với nghề nghiệp và lao động chưa được định hướng thật rõ ràng, đúng đắn. Điều này biểu hiện trước hết ở chỗ nhiều thanh niên ngại lao động và thiếu thiện cảm đối với những nghề lao động chân tay, nặng nhọc, ngại lao động ở nông thôn, ở những nơi xa xôi, hẻo lánh. Một bộ phận thanh niên nông thôn khi đã có được một học vấn nào đó thường muốn rời khỏi nông thôn để ra sống và làm việc ở thành thị. Không ít thanh niên, học sinh phổ thông và quân nhân coi trở về nông thôn là «con đường cùng».

Ý thức giác ngộ về nghề nghiệp của thanh niên chưa cao. Qua điều tra ở một số nơi (miền Bắc) 80% thanh niên không có chủ định trở thành công nhân từ trước, chỉ có 5% có chí hướng nghề nghiệp rõ ràng. Điều tra 1000 thanh niên ngành xây dựng (Hà nội), thì có 90% không muốn vào ngành này, 8% cho rằng làm gì cũng được miễn là được học kỹ thuật, chỉ có 2% thích nghề xây dựng.

Những mặt yếu kém hiện nay của thanh niên đang là yếu tố cản trở việc sử dụng sức mạnh tiềm tàng của thanh niên và phát huy mạnh mẽ vai trò của nó trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Phải tìm ra những nguyên nhân để từ đó có biện pháp khắc phục. Có những nguyên nhân thuộc về khách quan, cũng có những nguyên nhân thuộc về chủ quan của Đảng, Nhà nước và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Ở đây, chỉ phân tích một số nguyên nhân chủ quan đang chi phối việc phát huy nhân tố con người thanh niên trong chiến lược kinh tế – xã hội của Đảng.

Nguyên nhân thứ nhất là, áp dụng phương pháp cũ trong thời kỳ mới.

Digitized by Google

Khi chuyển giai đoạn cách mạng sang xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta vẫn vấp phải sai lầm lấy phương pháp cũ trong cách mạng dân tộc dân chủ, trong chiến tranh áp dụng cho thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Do chưa nhận thức đầy đủ quy luật vận động quần chúng trong xây dựng kinh tế nên vẫn còn nặng về hô hào, động viên, khích lệ về tinh thần chưa quan tâm đúng mức đến lợi ích vật chất của người lao động. Lê-nin đã từng chỉ rõ: khi tình hình đã thay đổi và chúng ta phải giải quyết những nhiệm vụ thuộc loại khác, thì không nên nhìn lại đằng sau và sử dụng những phương pháp của ngày hôm qua.

Nguyên nhân thứ hai là, các chính sách kinh tế, xã hội chưa đáp ứng sự phát triển của phong trào thanh niên và công tác vận động thanh niên. Một số chính sách kinh tế chưa chú ý khuyến khích và động viên tính tích cực của lực lượng thanh niên. Có mặt nào đó nó còn kìm hãm khả năng khai thác tiềm năng lao động, văn hóa, khoa học, kỹ thuật của thanh niên. Chẳng hạn tình trạng quan liêu, bao cấp kéo dài, tác động trực tiếp đến thanh niên, gây cho họ tính thụ động, trông chờ, thiếu niềm tin, cản trở sự cống hiến và trưởng thành của thanh niên. Chính sách kinh tế—xã hội chưa chú ý đến nông thôn, đến vùng kinh tế mới, đến những nơi xa thành phố, thị xã. Chưa chú ý thu hẹp sự chênh lệch rõ rệt giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung và của thanh niên nói riêng ở các vùng nông thôn, nhất là ở miền núi còn thấp. Tình trạng này ở nông thôn là khá phổ biến: không có báo chí, máy thu thanh, thu hình, điện, cả năm thanh niên không được xem phim, xem văn nghệ lần nào. Qua điều tra mới đây của Viện nghiên cứu thanh niên, trong 2195 nam nữ thanh niên nông thôn khắp mọi miền đất nước thì 38% có báo đọc thường xuyên, trên 50% đôi khi mới có để đọc, còn dưới 10% hoàn toàn không có báo đọc. Nếu như thanh niên thành phố ngày nay có xu hướng xem vi đê ô cát xét, ti vi màu thì số đông thanh niên nông thôn lại mới chỉ mong có máy thu thanh, thỉnh thoảng được xem phim mà cũng không được. Ngành văn hóa vốn là ngành được đầu tư ít. Nhưng trong số đầu tư ít ỏi đó, phần dành cho sự nghiệp phát triển văn hóa nông thôn chiếm tỷ lệ không đáng là bao. Tình hình này tạo nên sự so sánh giữa thanh niên ở các vùng dân cư khác nhau và hiện tượng thanh niên muốn "chạy" ra thành phố cũng là khó tránh.

Một điều đáng chú ý nữa là trong xã hội ta hiện nay đang tồn tại một quan niệm không đúng về thanh niên. Người ta yêu cầu thanh niên chỉ cống hiến chứ không có quyền đòi hưởng thụ. Có nhiều người lớn tuổi đem so sánh thanh niên ngày nay với bản thân mình ngày trước đi làm cách mạng và chiến đấu. Cách xem xét đó là không dựa trên điều kiện lịch sử cụ thể để đánh giá thanh niên và có phần nào đó làm tăng sự "mâu thuẫn giữa các thế hệ". Một mặt chúng ta phê phán nghiêm khắc những thanh niên sống ăn bám, sống buông thả, sống thực dụng, muốn đòi hỏi hưởng thụ nhiều hơn sức lao động bỏ ra cho xã hội. Nhưng mặt khác cũng cần hiểu những nguyện vọng chính đáng của thanh niên để quyết định các chính sách kinh tế xã hội phù hợp, tạo nên động lực thúc đẩy thanh niên phấn đấu, rèn luyện, cống hiến và trưởng thành. Đối với thanh niên, một điều rất quan trọng là họ phải được bảo đảm việc làm khi bước vào đời và được quan tâm giáo dục về nhân cách, bản lĩnh và lý tưởng theo phương châm "sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại". Ý thức đầy đủ rằng chính thanh niên là lớp người có sứ mệnh

Digitized by Google

lịch sử xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải mạnh dạn giao trách nhiệm cho thanh niên và thông qua các hoạt động xã hội mà đào tạo, bồi dưỡng họ.

Nguyên nhân thứ ba là, công tác tổ chức, giáo dục của Đoàn thanh niên chưa đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng. Các tổ chức đoàn chưa vươn lên để đáp ứng yêu cầu của cách mạng, đáp ứng nhiệm vụ của Đảng giao và mong muốn của thanh niên. Đảng ta luôn xác định Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là cánh tay đắc lực và đội hậu bị của Đảng. Điều đó còn có nghĩa: Đoàn thanh niên là trường học giáo dục chủ nghĩa cộng sản cho thanh niên thiếu niên và thông qua tổ chức của mình Đoàn bồi dưỡng, rèn luyện, bổ sung những cán bộ cho Đảng, Nhà nước và các tổ chức quần chúng khác. Muốn làm được chức năng đó, Đoàn thanh niên các cấp phải vững về chính trị, tổ chức và có khả năng tổ chức cho đông đảo thanh niên tham gia các phong trào hành động cách mạng một cách thiết thực. Trong những năm qua, công tác tập hợp, giáo dục thanh niên cũng còn nhiều hạn chế và thiếu sót. Nghị quyết 26 của Bộ chính trị BCHTƯD đánh giá: « Tổ chức Đoàn ở cơ sở còn yếu, số lượng đoàn viên còn ít và chất lượng chưa cao. Nhiều thanh niên chưa được thu hút vào các tổ chức của Hội liên hiệp thanh niên »(1). Những thiếu sót đó đang cản trở việc phát huy vai trò của thanh niên trong quá trình thực hiện chiến lược kinh tế – xã hội của Đảng.

(1) *Nghị quyết của Bộ chính trị* « Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên », Nxb Thanh niên, Hà nội, 1985.

Digitized by Google

Tiến tới kỷ niệm lần thứ 70
CÁCH MẠNG XHCN THÁNG MƯỜI VĨ ĐẠI

NGUYỄN TRỌNG THỤ

TỪ SẮC LỆNH VỀ HÒA BÌNH CỦA LÊ-NIN (THÁNG II-1917) ĐẾN CHIẾN LƯỢC HÒA BÌNH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN LIÊN XÔ NGÀY NAY

VỀ Cách mạng Tháng Mười, Lê-nin đã viết: «Chúng ta có quyền tự hào và quả thật chúng ta tự hào là đã có cái hân hạnh được *bắt đầu* việc xây dựng Nhà nước Xô viết và do đó, *mở đầu* một thời đại mới trong lịch sử thế giới, thời đại thống trị của một giai cấp *mới*, giai cấp bị áp bức trong tất cả các nước tư bản và ở khắp nơi đều đang tiến tới một cuộc đời mới, tới chỗ chiến thắng giai cấp tư sản, tới chỗ thành lập chuyên chính vô sản, tới chỗ giải phóng nhân loại khỏi ách tư bản, khỏi những cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa» (1).

Năm tháng càng trôi qua, ý nghĩa, sức sống của Cách mạng Tháng Mười càng tỏa rộng, càng sâu sắc. Trong những cái tốt đẹp, cái mới mà Cách mạng Tháng Mười mang lại cho loài người, và ngày càng trở thành nguyện vọng chung của mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi, mọi màu da trên trái đất, có vấn đề bảo vệ sự tồn tại của loài người, bảo vệ hòa bình thế giới.

Như chúng ta đã biết, ngay sau khi Cách mạng Tháng Mười thành công, chính quyền được chuyển vào tay các xô viết, thì hành động đầu tiên của chính quyền xô viết là thông qua *Sắc lệnh về hòa bình* do Lê-nin khởi thảo. Với sắc lệnh này, Chính phủ xô viết

(1) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, tập 44, tr. 184 — 185.

Digitized by Google

đề nghị với nhân dân tất cả các nước tham chiến và với các chính phủ của họ tiến hành ngay những cuộc đàm phán về một hòa ước dân chủ và công bằng. Đó là một hòa ước không có sự thôn tính (nghĩa là không xâm chiếm đất đai của nước ngoài, không có cưỡng ép sáp nhập các dân tộc khác) và không có bồi thường.

Sắc lệnh nêu rõ: «Tiếp tục tiến hành cuộc chiến tranh này để giải quyết việc các dân tộc giàu mạnh phân chia nhau như thế nào những dân tộc nhược tiểu mà chúng đã xâm chiếm được thì, theo chính phủ, đó là một tội ác lớn nhất đối với nhân loại; cho nên chính phủ trịnh trọng tuyên bố quyết tâm ký kết ngay lập tức những điều kiện hòa ước để chấm dứt cuộc chiến tranh này, tức là những điều kiện bình đẳng và công bằng đã nói trên, đối với tất cả các dân tộc không trừ dân tộc nào cả» (2).

Bản Sắc lệnh về hòa bình kết thúc với lời kêu gọi những công nhân giác ngộ trong ba dân tộc tiên tiến nhất của nhân loại và thuộc những nước chủ yếu tham dự cuộc chiến tranh lúc đó là Anh, Pháp và Đức, hy vọng rằng công nhân các nước ấy hiểu rõ những nhiệm vụ đang đặt lên vai họ là giải phóng loài người khỏi những tai họa của chiến tranh và các hậu quả của nó. Bằng các hoạt động kiên quyết trên nhiều mặt, với nghị lực và lòng dũng cảm của họ, những công nhân giác ngộ ở Anh, Pháp, Đức sẽ cùng những người xô viết tiến hành đến cùng một cách thắng lợi cuộc đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng quần chúng lao động khỏi mọi sự nô dịch và bóc lột.

Trong *«Báo cáo về hòa bình»* và trong *«Diễn văn kết thúc cuộc thảo luận bản báo cáo về hòa bình»*, Lê-nin cũng đã nêu rõ vai trò của nhân dân các nước. Người cho rằng cùng với việc kêu gọi các chính phủ phải đồng thời kêu gọi nhân dân các nước, phải giúp nhân dân các nước can thiệp vào các vấn đề chiến tranh và hòa bình. Lê-nin vạch rõ «Cứ theo quan niệm của giai cấp tư sản thì sức mạnh là ở chỗ quần chúng bước một cách mù quáng đến lò sát sinh mà chém giết lẫn nhau và nhắm mắt tuân theo mệnh lệnh của các chính phủ dễ quốc chủ nghĩa. Đối với giai cấp tư sản, một nước chỉ mạnh khi nào nó có thể dùng hết cả thể lực của bộ máy chính phủ của nó để ném quần chúng vào chỗ mà bọn cầm quyền tư sản muốn ném. Quan niệm của chúng ta về sức mạnh hoàn toàn khác hẳn. Đối với chúng ta, một nước mạnh là nhờ ở sự giác ngộ của quần chúng. Nước mạnh là khi nào quần chúng biết rõ tất cả mọi cái, quần chúng có thể phán đoán được về mọi cái và đi vào hành động một cách có ý thức» (3).

Như vậy là với Sắc lệnh về hòa bình, Lê-nin đã nêu những nguyên tắc của một kiểu quan hệ quốc tế mới xây dựng không phải trên cơ sở áp bức các dân tộc nhỏ yếu, mà là trên cơ sở thiết lập một nền hòa bình giữa tất cả các dân tộc, thừa nhận quyền bình đẳng của các dân tộc, nền độc lập của tất cả các quốc gia, coi trọng các phương pháp thẳng thắn trong chính sách ngoại giao. Sắc lệnh về hòa bình cũng nêu rõ chính sách cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị — xã hội khác nhau, lên án chính sách xâm lược gây chiến của chủ nghĩa đế quốc. Để khẳng định chính sách cùng tồn tại hòa bình, trong bài *«Điều lạ lùng và quái gở»* viết sau khi ban hành sắc lệnh hòa bình được mấy tháng, Lê-nin đã kịch liệt phản đối thuyết «thúc đẩy» cách mạng quốc tế bằng con đường chiến tranh: thuyết này sợ rằng hòa bình sẽ làm cho quần chúng có cảm giác là

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 35, tr. 15

(3) Sách đã dẫn, tr. 23

Digitized by Google

chủ nghĩa đế quốc được « hợp pháp hóa ». Người chỉ rõ cách mạng xã hội chủ nghĩa là kết quả của sự phát triển khách quan của những mâu thuẫn giai cấp. Thuyết « thúc đẩy » cách mạng — Lê-nin viết — hoàn toàn xa lìa chủ nghĩa Mác ; nó « chẳng khác gì quan điểm cho rằng khởi nghĩa vũ trang là một hình thức đấu tranh mà bất cứ lúc nào và trong bất cứ điều kiện nào cũng bắt buộc phải tiến hành. Thực ra, lợi ích của cách mạng quốc tế đòi hỏi rằng chính quyền xô viết, sau khi lật đổ giai cấp tư sản trong nước mình, *phải giúp đỡ* cách mạng quốc tế, nhưng phải lựa chọn một *hình thức* giúp đỡ sao cho hợp với sức mình » (4).

★

Những luận điểm về chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình thế giới, cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị—xã hội khác nhau do Lê-nin đề ra đã được ĐCS Liên xô, *qua các giai đoạn lịch sử, coi là những nguyên tắc cơ bản của chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Liên xô.*

Khi những tín hiệu đầu tiên trên thế giới cho biết chiến tranh thế giới thứ hai có thể xảy ra, Liên xô đã ngay lập tức nêu cao khẩu hiệu ngăn chặn chiến tranh, bảo vệ hòa bình thế giới. Hưởng ứng thiện chí đó của Liên xô, Đại hội thứ VI của Quốc tế cộng sản họp từ 17-7 đến 11-9-1928 tại Mát-xcơ-va đã thông qua Cương lĩnh nêu rõ nhiệm vụ phải thường xuyên và kiên quyết đấu tranh chống nguy cơ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa. Đại hội thứ VII Quốc tế cộng sản họp ở Mát-xc -va tháng 7-1935 lại một lần nữa đặc biệt nhấn mạnh cuộc đấu tranh chống bọn gây ra chiến tranh đế quốc chủ nghĩa và chống nguy cơ gây chiến tranh phản cách mạng chống Liên xô.

Thực tiễn những năm trước và trong chiến tranh thế giới thứ hai đã chứng tỏ rằng chỉ có Liên xô là triệt để thực hiện chính sách bảo vệ và củng cố hòa bình, chính sách tập thể chống lại bọn phát xít xâm lược và giúp đỡ nhân dân các nước nạn nhân của sự xâm lược đó. Hiệp ước Xô — Đức ký ngày 23 tháng 8 năm 1939 và Hiệp ước trung lập Xô—Nhật ký ngày 13 tháng 1 năm 1941 đều nhằm ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng chiến tranh thế giới thứ hai, không để chiến tranh lan rộng hơn nữa. Sau khi các hiệp ước được ký kết, Chính phủ Liên xô đã nghiêm chỉnh theo đúng các điều khoản cam kết, còn Đức và Nhật thì làm trái lại. Ngày 22 tháng 6 năm 1941, phát xít Đức bội ước, đột ngột tiến công Liên xô.

Cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại là một thử thách ác liệt đối với chế độ xô viết. Đoàn kết chung quanh Đảng cộng sản, thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng vô song, nhân dân và các lực lượng vũ trang Liên xô, vượt qua muôn trùng gian khổ, chịu đựng những hy sinh to lớn, đã đập tan phát xít Đức, đội quân xung kích của lực lượng phản động đế quốc quốc tế, lập nên chiến công oanh liệt nhất của mọi thời đại. Bằng thắng lợi kỳ diệu đó, Liên xô không những đã bảo vệ được mình, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên mà còn tạo điều kiện cho cách mạng của hàng loạt nước châu Âu và châu Á giành được thắng lợi, đưa chủ nghĩa xã hội ra khỏi phạm vi một nước để trở thành hệ thống thế giới, thúc đẩy phong trào độc lập dân tộc phát triển mạnh mẽ, tạo ra thế tiến công toàn diện vào chủ nghĩa đế quốc.

Là người có công hiến quyết định nhất đối với chiến thắng chủ nghĩa phát xít, Liên xô cũng là người bảo

(4) Sách đã dẫn, tr. 490.

Digitized by Google

vệ kiên quyết, mạnh mẽ nhất những thành quả hòa bình giành được sau chiến thắng đó. Chính nhờ những đóng góp quan trọng của Liên xô mà các cuộc hội nghị Y-an-ta, Pôxđam và các hội nghị khác giữa các nước đồng minh đi đến thành công. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, vẫn bị lòng thù ghét chủ nghĩa xã hội làm cho mù quáng, không hề từ bỏ ý đồ dùng bạo lực nhằm giải quyết cuộc tranh chấp lịch sử giữa hai hệ thống xã hội. Do giành được ưu thế về kinh tế và quân sự trong thế giới tư bản chủ nghĩa, Mỹ nhảy ra đóng vai trò sen dăm quốc tế. Hơn 40 năm qua, Mỹ ra sức chạy đua vũ trang, tăng cường quân bị, thò bàn tay can thiệp thô bạo vào các khu vực trên thế giới, chủ mưu gây ra hàng loạt cuộc chiến tranh ở các nơi đó. Chính Mỹ đã khuyến khích sự trỗi dậy của chủ nghĩa phục thù Tây Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật bản. Điều đặc biệt nguy hiểm là Mỹ không ngừng chạy đua vũ trang hạt nhân, quân sự hóa vũ trụ, đe dọa đánh đòn phủ đầu Liên xô. Nhiều tài liệu mật của Nhà trắng vừa bị phanh phui cho biết, ngay từ sau năm 1945, Mỹ đã dự thảo nhiều kế hoạch tiến công Liên xô bằng vũ khí hạt nhân. Và để cứu vãn những thất bại của Mỹ và đồng minh của Mỹ trong các cuộc chiến tranh khu vực, Mỹ đã từng dự định tàn phá Triều tiên và Việt nam bằng bom nguyên tử. Qua các tài liệu nói trên, rõ ràng là từ 1945 đến nay, lực lượng quân sự Mỹ đã sử dụng ưu thế hạt nhân và khả năng đánh đòn phủ đầu như một bộ phận không thể tách rời trong toàn bộ chiến lược quân sự của chúng. Những năm gần đây, lợi dụng những tiến bộ mới trong cách mạng khoa học kỹ thuật, trong khoa học quân sự, Mỹ xúc tiến cái gọi là "sáng kiến phòng thủ chiến lược" (SDI) tạo khả năng đánh đòn phủ đầu nhằm tiêu diệt Liên xô, thành trì của cách mạng, hòa bình và tiến bộ xã hội trên thế giới. Những âm mưu và hành động cực kỳ phản động đó của Mỹ đặt loài người trước họa diệt vong.

Hoàn toàn đối lập với thái độ hiếu chiến, hung hăng chạy đua vũ trang của Mỹ, Liên xô đã không ngừng, bằng lời nói và việc làm, tự mình gương mẫu bền bỉ và kiên quyết đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới. Chỉ nói riêng trên lĩnh vực vũ khí hạt nhân, từ 1955 đến nay, Liên xô đã nhiều lần đề nghị các nước có loại vũ khí này chấm dứt các cuộc thử, cùng nhau ký các hiệp ước về cấm hoàn toàn các cuộc thử vũ khí hạt nhân. Song những đề nghị đó đã không được Mỹ và đồng minh đáp ứng. Đặc biệt sau hội nghị tháng 4 năm 1985 của UBTƯ ĐCS Liên xô, những sáng kiến của Liên xô về cấm vũ khí hạt nhân càng phong phú, thiết thực và ở mức cao. Cuối tháng 7 năm 1985, đồng chí M.X.Goóc-ba-trốp, Tổng bí thư UBTƯ ĐCS Liên xô thông báo quyết định của Liên xô đơn phương ngừng tất cả các cuộc thử hạt nhân kể từ ngày 6-8-1985 đến ngày 1-1-1986 và nêu rõ quyết định đó sẽ tiếp tục có hiệu lực nếu phía Mỹ cũng thực hiện. Ngày 15-1-1986, đồng chí Goóc-ba-trốp lại thay mặt Ban lãnh đạo Liên xô đưa ra đề nghị tổng hợp về giải trừ vũ khí hạt nhân cho đến năm 2000. Tiếp đó, các ngày 10-3-1986, 29-3-1986, 14-5-1986, 18-8-1986 Liên xô lại tiếp tục tuyên bố kéo dài thời hạn đơn phương ngừng các vụ thử hạt nhân. Ngày 11 và 12 tháng 10-1986, tại cuộc gặp gỡ cấp cao Xô—Mỹ ở Rây-gia-vích, đồng chí Goóc-ba-trốp lại đưa ra một loạt đề nghị quan trọng mà nếu phía Mỹ chấp nhận có thể thật sự đem lại tiến bộ trên tất cả các hướng nhằm loại bỏ nguy cơ hạt nhân. Với những đề nghị đó, Liên xô đã tỏ rõ thiện chí ở mức tối đa.

★

Digitized by Google

Một vấn đề được đặt ra cho chúng ta — và cả cho những kẻ ở trận tuyến đối lập với chúng ta, là *hiểu đúng ý nghĩa, nội dung thời đại và giá trị những cố gắng hòa bình của Liên xô trong thời đoạn hiện nay của lịch sử.*

Ngược dòng bảy thập kỷ qua, nhân loại tiến bộ thấy rõ những cố gắng hòa bình của Liên xô nằm trong một chiến lược nhất quán, xuất phát từ lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa xã hội, thuộc về bản chất của chủ nghĩa xã hội.

Những cố gắng hòa bình ngày nay của Liên xô là sự kế thừa trung thành và phát huy sáng tạo đường lối đối ngoại hòa bình do Lê-nin vạch ra từ Sắc lệnh về hòa bình.

Dĩ nhiên thế giới ngày nay đã khác xa thế giới cách đây bảy thập kỷ. Cho nên sự kế thừa, phát huy một cách tối ưu có nghĩa là vận dụng đúng đắn ý nghĩa, nội dung cơ bản của những quan điểm của Lê-nin về bảo vệ hòa bình vào thực trạng hiện nay của thế giới, có tính đến một cách đầy đủ quy mô và mức độ tác hại của chiến tranh, so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng, trình độ nhận thức của đông đảo nhân dân lao động các nước, xu thế của sự phát triển lịch sử v.v. Với ý nghĩa đó, chúng ta có đầy đủ cơ sở để khẳng định một cách dứt khoát rằng những quan điểm của Lê-nin về loại trừ chiến tranh, bảo vệ hòa bình thế giới, về sức mạnh của ý chí hòa bình của giai cấp công nhân thế giới và nhân dân lao động các nước, về những nguyên tắc của một kiểu quan hệ quốc tế mới, về chính sách cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị — xã hội khác nhau v.v. đã được Đại hội thứ 27 của ĐCS Liên xô vận dụng đúng đắn, sáng tạo, sát hợp trong chiến lược và sách lược đối ngoại hòa bình để giải quyết những vấn đề nóng hổi của thời đại.

Bàn về chiến tranh, một vấn đề được đặt ra trước hết là: đế quốc muốn gì qua chiến tranh và qua chạy đua vũ trang. Lê-nin đã từng nêu rõ, bằng các cuộc chiến tranh, các nước đế quốc, ngoài việc giải quyết các mâu thuẫn, các tranh chấp nội bộ của chúng, còn có một ly vọng chung là chống phá Liên xô, chống phá cách mạng thế giới. Ngày nay tầm nhìn sâu rộng của Lê-nin vẫn thể hiện đầy đủ giá trị của nó, vẫn là cơ sở khoa học giúp chúng ta thấy rõ bề sâu ý đồ của đế quốc Mỹ trong chạy đua vũ trang hạt nhân. Đồng chí Goóc-ba-trốp đã thẳng thắn vạch trần ý đồ đen tối đó: «Phía Mỹ muốn thông qua cuộc chạy đua các loại vũ khí vũ trụ hiện đại nhất, tốn kém nhất có thể làm cho Liên xô kiệt quệ về mặt kinh tế. Họ muốn gây ra cho ban lãnh đạo Liên xô đủ mọi khó khăn, phá vỡ các kế hoạch, trong đó có những kế hoạch về lĩnh vực xã hội, nhằm cải thiện cuộc sống của nhân dân Liên xô, qua đó gây nên một sự bất bình trong nhân dân đối với những người lãnh đạo của mình, những người lãnh đạo đất nước. Đồng thời qua đó, phía Mỹ muốn hạn chế mọi khả năng của Liên xô trong các mối liên hệ về kinh tế với các nước đang phát triển, và trong hoàn cảnh như vậy, các nước này sẽ buộc phải khuất phục Hoa kỳ (5).

Trung thành với những giáo huấn của Lê-nin về sức mạnh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới, Đảng và Nhà nước Liên xô, trên tinh thần thẳng thắn, bình đẳng trong hoạt động đối ngoại, đang ra sức làm cho mọi người, thuộc mọi xu hướng chính trị khác nhau ở mọi châu lục ngày càng nhận thức đầy đủ về sự thật khắc nghiệt của thời đại hiện nay là, vũ khí hạt nhân chứa đựng nguy cơ xảy ra một cơn bão có thể quét sạch loài người khỏi trái đất. Nếu còn tồn tại vũ khí hạt nhân

(5) Bài phát biểu của đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp trên đài truyền hình Liên xô về kết quả cuộc gặp cấp cao Xô — Mỹ ở Rây-gia-vích.

Digitized by Google

thì sự tồn tại của loài người trên hành tinh này hoàn toàn chỉ có tính chất tạm thời. Tai họa của sự hủy diệt hoàn toàn do hành động tội ác của những tên trùm đế quốc cuồng chiến, đang treo lơ lửng trên đầu nhân loại.

Mọi người hiểu rõ điều đó không phải để nhụt chí, xuôi tay mà là để hành động, hành động một cách tỉnh táo nhất, kiên quyết nhất. Đúng như đồng chí Goóc-ba-trốp đã nhận định: "... không có gì tự nhiên từ trên trời rơi xuống cả: muốn hòa bình thì phải đấu tranh, đấu tranh cho hòa bình một cách tích cực và kiên định. Cần phải tìm ra và sử dụng những khả năng dù là nhỏ nhất để ngăn chặn xu thế tăng thêm nguy cơ chiến tranh chừng nào hãy còn có thể làm được việc đó» (6). Trong cuộc đấu tranh đó nhất định cuối cùng sức mạnh của hòa bình, của lý trí, của thiện chí sẽ chiến thắng, bởi vì vấn đề giải trừ vũ khí hạt nhân là vấn đề sự sống của mọi con người. Cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới đang tập hợp những lực lượng đông đảo của tất cả các nước. Đấu tranh cho hòa bình và đấu tranh cách mạng là hai mũi tiến công cùng đánh mạnh và làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc.

Chính sách cùng tồn tại hòa bình do Lê-nin đề xướng, ngày nay đã trở thành con đường duy nhất mà loài người lựa chọn. Khi mà những hành động đối đầu tất yếu sẽ dẫn đến chiến tranh hủy diệt hoàn toàn, không đem lại thắng lợi cho ai cả, thì giữa các nước thuộc các chế độ chính trị — xã hội khác nhau không có con đường nào khác ngoài sự hợp tác và phối hợp hành động. Và, dĩ nhiên trong tình hình đó, cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội chỉ có thể diễn ra dưới hình thức duy nhất là thi đua hòa bình và tranh đua hòa bình. Điều này phải trở thành một trong những nội dung của kiểu quan hệ quốc tế mới. Cùng với việc thừa nhận quyền bình đẳng của các dân tộc, tôn trọng nền độc lập của các quốc gia, cuộc thi đua hòa bình và tranh đua hòa bình giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản để giải quyết vấn đề ai thắng ai là hướng đi tốt nhất của lịch sử nhằm bảo đảm nền hòa bình bền vững trên thế giới.

Trong cuộc đấu tranh thực hiện chiến lược hòa bình của mình, trong những năm tháng trọng đại này, Liên xô — như Đại hội thứ 27 của ĐCS Liên xô đã khẳng định — tự đề ra cho mình trách nhiệm đánh giá đặc biệt chính xác những khả năng của mình; kiên nhẫn và có tinh thần trách nhiệm cao khi thông qua những quyết định quan trọng; kiên quyết bảo vệ những nguyên tắc, đồng thời thực hiện sách lược mềm dẻo; sẵn sàng đạt tới những thỏa hiệp mà cả hai bên cùng chấp nhận được, chủ trương đối thoại nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau, tránh đối địch.

Những điều có tính phương châm nói trên đang chỉ đạo các hoạt động đối ngoại, các sáng kiến hòa bình của Liên xô. Cùng với những đề nghị về loại trừ vũ khí hạt nhân, những đề nghị của Liên xô về hòa bình ở châu Á — Thái bình dương, ở Trung đông v.v. đều thể hiện rõ rệt những điều đó.

Những lời nói và những việc làm của Liên xô nhằm giữ gìn hòa bình thế giới không hề có nghĩa là Liên xô ở thế yếu. Sức mạnh của Liên xô đã được thử thách và đã được lịch sử khẳng định qua bảy thập niên kỷ. Ngày nay, Liên xô càng mạnh hơn bao giờ hết. Các lực lượng vũ trang Liên xô được trang bị những gì cần thiết, sẵn sàng giáng đòn săm

(*Xem tiếp trang 84*)

(6) Báo cáo chính trị của UBTƯ ĐCS Liên xô trước Đại hội 27 ĐCS Liên xô.

Digitized by Google

LÊ TỊNH

KINH TẾ XÃ HỘI XÔ VIẾT TỪ SAU ĐẠI HỘI XXVII ĐCS LIÊN XÔ

DƯỚI ánh sáng của nghị quyết Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô, với chiến lược đẩy nhanh phát triển kinh tế xã hội, năm 1986 đã diễn ra những biến đổi to lớn trong nền kinh tế—xã hội xô viết.

Thực chất của chiến lược đẩy nhanh phát triển kinh tế là chuyển hẳn sang phát triển theo chiều sâu, trên cơ sở sử dụng đầy đủ nhất những thành quả của cách mạng khoa học kỹ thuật, phát huy tính ưu việt và những tiềm năng to lớn của chủ nghĩa xã hội.

Thay đổi cơ cấu sản xuất là phương hướng quan trọng của chiến lược kinh tế mới. Trong công nghiệp, Liên xô xác định ngành chế tạo máy giữ vị trí ưu tiên. Trong chế tạo máy, những sản phẩm quyết định sự tiến bộ khoa học kỹ thuật được chú trọng phát triển. Năm 1986, công nghiệp tăng 4,9%. Đây là mức tăng chưa từng có trong những năm 80. Trong đó, mức tăng của chế tạo máy cao hơn 30% so với mức tăng của công nghiệp nói chung. Việc sản xuất máy tính, các giây chuyền tự động, người máy công nghiệp và các kỹ thuật mới khác tăng từ 13% đến 23%.

Một trong những yêu cầu quan trọng nhất của chiến lược phát triển theo chiều sâu là coi trọng hiệu quả kinh tế, tăng năng suất lao động, giảm hao phí lao động và vật tư, nâng cao chất lượng sản phẩm. Hao phí năng lượng trong thu nhập quốc dân giảm 1,6%, tiết kiệm được 20 triệu tấn nhiên liệu quy ước. Việc tăng năng suất lao động xã hội đã bảo đảm 94% mức tăng thu nhập quốc dân, tiết kiệm được sức lao động của 3,9 triệu người. Đó là mức tiết kiệm cao nhất từ trước tới nay. Liên xô đang phấn đấu tăng thu nhập quốc dân hoàn toàn bằng cách tăng năng suất lao động. Từ 1987—1988, tất cả các xí nghiệp, liên hiệp xí nghiệp chuyển sang làm việc hai ca. Những thiết bị hiếm và đắt tiền, làm việc ba ca. Những thiết bị đặc biệt, làm việc 4 ca.

Nâng cao chất lượng sản phẩm được ĐCS Liên xô coi là một yêu cầu có tính chất chiến lược. Hằng năm Liên xô phải huy động 1/10 công suất công nghiệp để sửa chữa những sản phẩm hư hỏng ngay sau khi mới xuất xưởng. Đây là sự lãng phí ghê gớm. Nó vô hiệu hóa sự nỗ lực của hàng triệu công nhân. Nó làm tê liệt những nguồn dự trữ vật tư to lớn, làm hao phí vô ích biết bao tiền của và thời gian. Kể từ ngày 1-1-1987, sản phẩm của tất cả các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng và các sản phẩm cơ bản của kinh tế quốc dân đều phải được Nhà nước kiểm tra chất lượng sau khi xí nghiệp đã kiểm tra. Việc kiểm tra hết sức nghiêm ngặt, thậm chí có thể chấp nhận sự phá sản của cả một xí nghiệp để bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng. Biện pháp này thật

Digitized by Google

sự có tác dụng thúc đẩy các xí nghiệp làm ăn một cách nghiêm chỉnh.

Thay đổi cơ cấu đầu tư là nội dung quan trọng của chiến lược kinh tế mới. Năm 1986, Liên xô đã tăng mạnh đầu tư vào nông nghiệp: số vốn đầu tư cho ngành này là 58,7 tỷ rúp, chiếm gần 30% tổng số vốn đầu tư vào toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Nhờ vậy diện tích gieo trồng năm 1986 tăng 31,3 triệu héc ta, tức là tăng hơn 1 phần 4 diện tích hiện có. Đó là mức tăng diện tích chưa từng có kể từ nhiều thập kỷ. Diện tích tưới tiêu được mở rộng đáng kể. Trang bị kỹ thuật, phân bón, thuốc trừ sâu và các loại vật tư nông nghiệp được cung cấp kịp thời với số lượng và chất lượng tốt hơn trước.

Đi đôi với việc thay đổi cơ cấu đầu tư, Liên xô còn đổi mới bộ máy lãnh đạo nông nghiệp, nhằm tập trung vào một đầu mối việc lãnh đạo toàn bộ quá trình có liên quan đến nông nghiệp, từ sản xuất, chế biến nông sản đến việc cung cấp vật tư nông nghiệp.

Những biện pháp trên đã có hiệu quả bước đầu. Năm 1986, Liên xô thu hoạch 210 triệu tấn lương thực, đạt mức cao nhất kể từ 8 năm nay, trong đó lúa mì đạt chất lượng cao chưa từng có. Sản lượng thịt, rau quả và khoai tây cũng tăng hơn trước.

Sản xuất hàng tiêu dùng được đẩy mạnh, năm 1986 tăng 6%. Số lượng và chất lượng những vật phẩm tiêu dùng lâu bền tăng hơn trước. Theo quy định mới, không chỉ các ngành công nghiệp nhẹ, mà tất cả các xí nghiệp công nghiệp nặng cũng có nhiệm vụ sản xuất hàng tiêu dùng. Đồng thời công nghiệp nặng phải bảo đảm cung cấp kịp thời cho công nghiệp nhẹ những máy móc và nguyên liệu với chất lượng đúng tiêu chuẩn.

Liên xô đã có nhận thức mới đối với tư tưởng của Lê-nin về «kinh tế hợp tác». Tư tưởng của Lê-nin là ở chỗ phải đặt nông nghiệp và kinh tế nông thôn vào vị trí phù hợp với đặc trưng vốn có của nó, phải làm thế nào để thực hiện được liên minh kinh tế giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, làm thế nào để giai cấp nông dân sát cánh thật sự với giai cấp công nhân xây dựng xã hội mới. Mặt khác, phải thấy rằng dưới chủ nghĩa xã hội, kinh tế xã hội chủ nghĩa là chủ thể, nhưng không thể xem nhẹ các thành phần kinh tế khác, kể cả kinh tế cá thể và nghề phụ gia đình. Ngược lại, phải tận dụng mọi hình thức kinh tế khác nhau để phát triển lực lượng sản xuất — nhân tố cơ bản nhất thúc đẩy xã hội phát triển.

Do hậu quả của chiến tranh thế giới thứ hai, mức tăng nhân khẩu của Liên xô không đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của nền sản xuất, vấn đề sức lao động trở nên rất căng thẳng. Để góp phần giải quyết vấn đề này Liên xô hết sức coi trọng việc huy động thời gian nhàn rỗi trong xã hội, coi đây là một biện pháp quan trọng và có ý nghĩa lâu dài để tăng sản phẩm xã hội, không ngừng cải thiện đời sống nhân dân. Những chính sách mới ban hành gần đây nhằm khuyến khích lao động cá thể, nghề phụ gia đình và kinh tế hợp tác xã đang phát huy tác dụng to lớn.

Việc đổi mới cơ chế quản lý là một trong những yêu cầu cấp bách nhất của công cuộc cải tổ. Cho đến gần đây, ở Liên xô vẫn tồn tại cơ chế quản lý tập trung hóa cao độ. Đây là cơ chế lỗi thời đã có từ những năm 30. Với cơ chế này đã hình thành bộ máy quan liêu, công kềnh, rất kém hiệu lực. Nó kìm hãm tính tích cực của người lao động, tính chủ động sáng tạo của cơ sở, kéo lùi sự tiến bộ kỹ thuật, cản trở việc đổi mới sản xuất, đưa đến sự trì trệ trong kinh tế xã hội xô viết.

Kể từ tháng giêng 1987, Liên xô thực hiện cơ chế quản lý mới trong toàn bộ nền kinh tế. Cốt lõi của cơ chế mới là giao quyền chủ động cho cơ sở với những đặc trưng cơ bản

Digitized by Google

như sau: *Thứ nhất*, nâng cao tính hiệu quả của nguyên tắc tập trung trong quản lý và kế hoạch hóa; tập trung dân chủ, chống tập trung quan liêu. *Hai là*, sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa tiền tệ. Chú trọng quy luật giá trị, coi đây là đòn bẩy kinh tế quan trọng. Quản lý bằng phương pháp kinh tế là chủ yếu, xóa bỏ phương pháp hành chính quan liêu, mệnh lệnh. *Ba là*, thực hiện quyền tự quản của xí nghiệp, khuyến khích tối đa sáng kiến của quần chúng.

Trên cơ sở nhận thức mới nói trên, Liên xô chủ trương xây dựng Ủy ban kế hoạch Nhà nước thành một trung tâm hoạch định chiến lược lớn và dài hạn trên cơ sở khoa học và hiện thực, thoát khỏi các hoạt động sự vụ, can thiệp vào công việc kinh doanh sản xuất của cơ sở. Thay chỉ tiêu kế hoạch bằng đơn đặt hàng của Nhà nước.

Năm 1986, Liên xô bắt đầu thực hiện thử chế độ *hạch toán kinh tế toàn bộ*, nhằm giao quyền chủ động cho xí nghiệp. Với cơ chế này, xí nghiệp phải tự mình lấy thu bù chi, tự chịu lỗ lãi, tự hoàn vốn. Các xí nghiệp bắt đầu thật sự sử dụng quyền tự chủ của mình, vạch kế hoạch sản xuất, sử dụng tiết kiệm nhất mọi nguồn vốn, hạ giá thành, nâng cao năng suất, bảo đảm chất lượng, nhằm thu hồi số vốn đã bỏ ra và có lãi. Mức sống của người lao động tùy thuộc vào số lãi đó.

Cơ chế mới nói trên đã tạo những đổi mới to lớn trong các xí nghiệp. Cách làm ăn có tính đến hiệu quả, chú trọng năng suất, chất lượng đã thay thế cho cách làm ăn trước đây chỉ chạy theo số lượng, chỉ lo hoàn thành kế hoạch một cách hình thức. Thái độ tích cực, làm chủ và trách nhiệm cao trong lao động đã bắt đầu đẩy lùi sự lười biếng, ỷ lại và tri trệ.

Từ năm 1987, cơ chế mới được thực hiện trong toàn bộ ngành công nghiệp và một số xí nghiệp thuộc các ngành khác. Ngành nông nghiệp cũng bước đầu thực hiện việc hạch toán kinh tế toàn bộ. Các nông trường và nông trang được phép bán nông sản của mình ra thị trường sau khi đã đáp ứng kế hoạch thu mua của Nhà nước. Các chỉ tiêu thu mua được quy định ổn định trong 5 năm.

Trong các ngành công nghiệp, xây dựng và nông nghiệp đã áp dụng rộng rãi hình thức khoán tập thể. Riêng trong nông nghiệp đã áp dụng cả hình thức khoán đến gia đình và người lao động.

Một nội dung quan trọng của cơ chế mới là phát triển chế độ tự quản trong các xí nghiệp, làm cho mỗi người lao động có thể làm chủ thật sự trong lao động sản xuất. Hội nghị tập thể công nhân có quyền quyết định hàng loạt vấn đề thuộc lĩnh vực sản xuất, nhân sự và xã hội trong xí nghiệp. Trong đó, đáng chú ý là việc thực hiện chế độ bầu cán bộ lãnh đạo xí nghiệp, phân xưởng, phòng, ban, nông trường, nông trang, đầu đội trưởng và thợ cả. Đồng thời, mở rộng việc thi cử nhằm lựa chọn và phân bổ cán bộ lãnh đạo và chuyên gia.

Kinh nghiệm cho thấy chế độ bầu cử cán bộ lãnh đạo sản xuất không phá vỡ chế độ một thủ trưởng. Ngược lại, nó củng cố chế độ ấy, nâng cao uy tín và trách nhiệm của người phụ trách. Việc kết hợp hữu cơ giữa chế độ một thủ trưởng với sự tham gia ý kiến của tập thể những người lao động đối với các vấn đề quan trọng nhất, làm sâu sắc thêm và phát huy hiệu quả của nguyên tắc tập trung dân chủ, quản lý theo kế hoạch và dựa vào tập thể.

Việc đổi mới cơ chế hoạt động ngoại thương là một nét mới trong nền kinh tế xô viết. Điều này xuất phát từ nhận thức mới về an ninh và hợp tác quốc tế trong điều kiện cùng tồn tại hòa bình trên cơ sở cân bằng lực lượng chiến lược. Khác với trước đây, tính chất tổng thể của thế giới ngày

Digitized by Google

nay đòi hỏi một nền an ninh chung cho mọi phía, an ninh không thể chỉ riêng của bên nào, của nước nào. Từ đó nảy sinh sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước. Điều này, đến lượt nó đòi hỏi có sự hợp tác, điều kiện cơ bản để bảo đảm an ninh chung. Hơn nữa, hiện nay nền kinh tế thế giới đang có những biến đổi rất lớn. *Một là*, cách mạng khoa học kỹ thuật tạo ra bước nhảy vọt về năng suất lao động. *Hai là*, nền kinh tế thế giới đang được quốc tế hóa cao và sâu rộng, bao gồm cả hai hệ thống kinh tế xã hội khác nhau.

Những điều nói trên không cho phép một nước nào có thể nằm ngoài sự hợp tác. Đấy là sự hợp tác nhiều mặt, không chỉ có quan hệ buôn bán. Dương nhiên, điều này không loại trừ cuộc đấu tranh và thi đua giữa hai hệ thống.

Đẩy mạnh kinh tế đối ngoại còn là một yêu cầu khách quan mang tính chất chiến lược của nền kinh tế xô viết. Liên xô đã quyết định cho phép 20 ngành và 70 xí nghiệp trực tiếp liên hệ với thị trường thế giới. Phương hướng phát triển kinh tế đối ngoại trước hết là tăng cường sự hợp tác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới, đồng thời đẩy mạnh quan hệ với các nước tư bản chủ nghĩa và các tổ chức kinh tế quốc tế bằng nhiều hình thức, kể cả hình thức hợp doanh.

Yêu cầu của cơ chế ngoại thương mới là tăng cường sức cạnh tranh của hàng hóa Liên xô trên thị trường quốc tế, bảo đảm tính độc lập của kinh tế Liên xô đối với các cường quốc phương Tây, chủ yếu là Mỹ.

Liên xô gắn liền nhiệm vụ kinh tế và nhiệm vụ xã hội, *coi lĩnh vực xã hội và nhân tố con người là cốt lõi và là mục tiêu cao nhất của chiến lược kinh tế xã hội*. Năm 1986 đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc tăng phúc lợi của nhân dân xô viết lên một bước mới về chất. Năm 1986, hơn 2 triệu căn hộ đầy đủ tiện nghi được xây dựng, hơn 10 triệu người đã dọn đến nhà mới. Liên xô phấn đấu đến năm 2000 mỗi gia đình có một căn hộ riêng biệt. Vải vóc và quần áo được cung cấp đầy đủ hơn. Số lượng xe ô tô con, đồ gỗ, máy thu hình, tủ lạnh và những hàng lâu bền khác được bán ra nhiều hơn và tốt hơn. Việc cung cấp thịt, sữa, rau quả đạt tiến bộ trông thấy.

Thu nhập của người lao động được tăng thêm. Lương tháng bình quân của công nhân, viên chức trong các ngành kinh tế đạt 195 rúp so với 190 rúp năm 1985, của nông trang viên 159 rúp so với 153 rúp. Kế hoạch tăng 2,5% thu nhập thực tế cho mỗi người dân đã được thực hiện. Lương của cán bộ, nhân viên ngành y tế và giáo dục được nâng cao hơn trước.

Từ đầu năm 1987, bắt đầu cải tiến hệ thống tiền lương theo hướng thu nhập của mỗi người trực tiếp gắn liền với kết quả lao động cuối cùng. Đây là một bước đổi mới quan trọng. Nó đả phá quan điểm « bình quân chủ nghĩa » trong phân phối, một xu hướng khá phổ biến trong xã hội Liên xô hiện nay. Xu hướng này có ảnh hưởng tiêu cực đối với những người lao động tận tụy và có tay nghề cao, dung dưỡng và nương nhẹ những người chây lười và ỷ lại.

Liên xô coi công bằng xã hội là một mặt quan trọng của phân phối theo lao động dưới chủ nghĩa xã hội. Hơn nữa, *công bằng xã hội là cơ sở của sự ổn định chính trị, tư tưởng trong xã hội, là điều kiện quan trọng để duy trì và phát triển tính năng động và sáng tạo của người lao động, thúc đẩy xã hội phát triển, là điều kiện bảo đảm cho sự thống nhất và đoàn kết trong xã hội và giữa các dân tộc*. Nơi nào không có công bằng xã hội, nơi đó sẽ không có ổn định, không thể thống nhất tư tưởng và hành động, nơi đó những hiểu hiện tiêu cực sẽ phát triển. Năm 1986 đánh dấu bước

Digitized by Google

tiến quan trọng của cuộc tiến công vào những hiện tượng bất công xã hội. Nhiều biện pháp đã được áp dụng để ngăn chặn những kẻ sống bằng nguồn thu nhập phi lao động, bọn làm ăn bất chính, bọn phe phẩy, bọn cai đầu dài, bọn tham nhũng và ăn cắp của công.

Kinh nghiệm Liên xô cho thấy, *Đảng không thể coi thường thực trạng làm lý tư tưởng trong xã hội*. Muốn đổi mới kinh tế xã hội, trước hết phải đổi mới trên lĩnh vực tinh thần, ý thức. Vì vậy, trong muôn vàn sự đổi mới, điều đặc biệt quan trọng là sự thay đổi về cách nghĩ của hàng chục triệu người lao động. Hầu hết nhân dân xô viết đều ủng hộ chính sách cải tổ, đổi mới. Ai cũng muốn đẩy nhanh kinh tế xã hội, vươn tới một nền kinh tế hùng hậu, một xã hội phồn vinh «xã hội chủ nghĩa hơn và dân chủ hơn», bảo đảm cho mọi người một đời sống cao và hạnh phúc. Trong nhiều cơ sở sản xuất, không khí lao động sôi nổi như ngày hội thật sự của quần chúng. Thái độ làm chủ, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức và kỷ luật, đã được lập lại và nâng cao.

Bộ mặt đạo đức xã hội được cải thiện. Số vụ ly hôn giảm bớt. Nạn say rượu đã giảm hẳn. Số người mắc bệnh tim mạch ít hơn. Tai nạn giao thông giảm nhiều. Đời sống nhiều gia đình thật sự trở lại hạnh phúc, yên vui.

Cuộc sống thực tế làm cho ĐCS Liên xô nhận thức sâu sắc hơn quan điểm của Lê-nin cho rằng không có lý luận cách mạng không thể có phong trào cách mạng. *ĐCS Liên xô cho rằng những yếu kém trên mặt trận lý luận đã ảnh hưởng không tốt đến việc giải quyết các vấn đề cụ thể trong hàng chục năm qua.*

Những năm trước đây, những khái niệm lý luận về chủ nghĩa xã hội phần lớn dừng lại ở trình độ cuối những năm 30 đầu những năm 40. Những khái niệm hời hợt về chủ nghĩa cộng sản, những tiên đoán khác nhau về chủ nghĩa cộng sản và những ý kiến trừu tượng đã được phổ biến. Trên thực tế, các hình thức tổ chức của xã hội đã bị tuyệt đối hóa. Cơ cấu xã hội của chủ nghĩa xã hội được miêu tả là không có mâu thuẫn và mất đi tính năng động của những lợi ích khác nhau giữa các tầng lớp và nhóm xã hội khác nhau. Những luận điểm của Lê-nin về những vấn đề then chốt của chủ nghĩa xã hội như sở hữu xã hội, quan hệ giai cấp và quan hệ giữa các dân tộc, quan hệ giữa cống hiến (lao động) và hưởng thụ (tiêu dùng), hợp tác hóa, các phương pháp làm kinh tế, chính quyền nhân dân và tự quản, đấu tranh chống sự dối bại quan liêu, bản chất cải tạo cách mạng của hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, các nguyên tắc đào tạo và giáo dục, bảo đảm cho Đảng và xã hội phát triển lành mạnh v.v. đã được giải thích một cách đơn giản, thiếu chiều sâu lý luận, thậm chí lệch lạc.

ĐCS Liên xô nhấn mạnh phải xóa bỏ sự tri trệ, giáo điều và cơ hội trong công tác tư tưởng, lý luận, phải đổi mới tư duy lý luận, tiến dể đổi mới cách nghĩ và cách làm trong kinh tế xã hội. Trong hơn một năm qua, sinh hoạt lý luận rất sôi nổi theo hướng lý luận gắn liền với thực tiễn sinh động của công cuộc cải tổ, giải đáp những vấn đề nóng hổi của cuộc sống.

Công cuộc cải tổ ở Liên xô mang ý nghĩa một cuộc cách mạng thật sự trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội xô viết. Đây là một sự nghiệp vĩ đại chưa từng có. Nó mở ra một triển vọng tươi đẹp cho chủ nghĩa xã hội không chỉ ở Liên xô mà trên toàn thế giới. Những kết quả tích cực mà Liên xô đạt được trong hơn một năm qua chứng minh hùng hồn điều đó.

Digitized by Google

HỒNG CHƯƠNG

ĐẢNG TA KỶ NIỆM LÊ-NIN BẮT ĐẦU TỪ BAO GIỜ?

Như chúng ta đã biết, trước khi Đảng ta thành lập, Bác Hồ đã từng viết nhiều về Lê-nin. Ngay sau khi Lê-nin từ trần, Bác Hồ đã có bài đăng trên các báo Liên xô ca tụng sự nghiệp và đạo đức của Lê-nin. Liên tiếp nhiều năm sau đó, Bác Hồ đã viết nhiều bài giới thiệu thân thế, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức của Lê-nin với nhân dân ta. Tuy vậy, Đảng ta, sau ngày thành lập, chính thức tổ chức kỷ niệm Lê-nin từ khi nào? thì nhiều người vẫn chưa được rõ và muốn biết.

Theo sự nghiên cứu của chúng tôi thì có thể nói rằng Đảng ta chính thức kỷ niệm Lê-nin từ tháng 1-1931.

Vì sao lại kỷ niệm Lê-nin vào tháng giêng?

Ngày nay chúng ta kỷ niệm Lê-nin vào tháng Tư. Vì ngày nay Đảng ta, cũng như các đảng anh em khác kỷ niệm ngày sinh của Lê-nin (22-4-1870).

Hồi trước, cũng như các đảng anh em khác, Đảng ta kỷ niệm ngày Lê-nin từ trần (21-1-1924).

Vì Đảng ta ra đời ngày 3-2-1930, cho nên không thể tổ chức kỷ niệm lần thứ 6 ngày Lê-nin từ trần, vì ngày đó (21-1) đã qua rồi. Phải đợi đến đầu năm 1931 mới có thể tổ chức kỷ niệm lần thứ 7 ngày Lê-nin từ trần; tức là phải đợi đến ngày 21-1-1931 mới có thể tổ chức kỷ niệm Lê-nin lần đầu tiên ở nước ta.

Đảng ta là một chi bộ của Quốc tế cộng sản. Đảng ta chấp hành nghiêm chỉnh mọi quyết định của Quốc tế cộng sản. Hồi bấy giờ Quốc tế cộng sản quyết định hằng năm tổ chức hai « tuần lễ đỏ » từ ngày 8 đến ngày 21 tháng 1 để tưởng nhớ ba đồng chí lãnh tụ Lê-nin, Li-ép-nép và Lúc-xăm-bua, gọi tắt là ba đồng chí L.

Chấp hành quyết định đó Trung ương Đảng ta đã lấy tuần lễ thứ ba tháng giêng năm 1931 « làm tuần lễ đỏ », và lấy ngày 21-1-1931 làm ngày tổ chức kỷ niệm tập trung. Ngày đó Đảng ta chủ yếu tổ chức kỷ niệm Lê-nin; đồng thời kết hợp kỷ niệm Các Li-ép-nép và Rô-da Lúc-xăm-bua, cùng « hết thảy những chiến sĩ của chúng ta đã bị khủng bố trắng mà thiệt mạng ngoài mặt trận tiên phong » (báo *Cờ vô sản*).

Đảng kêu gọi quần chúng đứng dậy đấu tranh, chống khủng bố trắng, chống sưu thuế, chống địa chủ, chống đế quốc, đòi tăng tiền lương, bớt giờ làm, bớt tiền mướn ruộng, v.v.

Báo *Cờ vô sản*, cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Đông dương, số 1, ra ngày thứ năm, 1-1-1931, trong bài « Vụ kỷ niệm 3 vị L » có viết:

« Tuần lễ thứ 3 trong tháng giêng là vụ kỷ niệm 3 vị lãnh tụ cách mạng của vô sản giai cấp và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. 3 người ấy là Lê-nin, Các Líp-nép, Rô-da Lúc-xăm-bua; vì tên 3 người ấy bắt đầu bằng chữ L nên người ta thường gọi vụ kỷ niệm 3 vị L.

. . .

Digitized by Google

« Ngày kỷ niệm cách mạng của 3 người ấy (21-1) là ngày tranh đấu cách mạng của vô sản và các dân tộc bị áp bức toàn thế giới.

« Vô sản và quần chúng lao khổ Đông dương ! Tới ngày ấy anh em ta phải đứng dậy kỷ niệm 3 vị L. Và hết thảy những chiến sĩ của chúng ta đã bị khủng bố trắng mà thiệt mạng ngoài mặt trận tiền phong.

« Đứng dậy đấu tranh cho hăng theo gương Nghệ an đỏ ! Đứng dậy chống khủng bố trắng, chống sưu thuế, chống địa chủ, chống đế quốc chủ nghĩa và đòi tăng tiền lương, bớt giờ làm, bớt tiền mướn ruộng, v.v. Nâng cao ngọn cờ Lê-nin mà bước tới. Chủ nghĩa Lê-nin muôn năm ! ».

Nhân dịp này Đảng ta đã ra lời kêu gọi. Báo *Cờ vô sản* « cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Đông dương » đã ra số đặc biệt để cung cấp tư liệu cho đảng viên của Đảng tuyên truyền trong « tuần lễ kỷ niệm 3 L. »

« Số đặc biệt về việc kỷ niệm 3 đồng chí L » của báo *Cờ vô sản* đăng trang trọng ở trang nhất « Tiếng gọi của Đảng cộng sản Đông dương ». Giữa trang nhất báo *Cờ vô sản* in trong khung hình quả trám bức vẽ ba chiến sĩ cộng sản (Lê-nin ở giữa, Các Li-ép-nếc ở bên trái, Rô-da Lúc-xăm-bua ở bên phải). Số đặc biệt báo *Cờ vô sản* còn đăng các bài sau đây :

— Kỷ niệm Lê-nin, Lip-nếc và Lúc-xăm-bua.

— Một công trình lớn của Lê-nin là Liên bang Xô viết.

— Lê-nin và dân tộc bị áp bức.

— Lê-nin, Lip-nếc và Lúc-xăm-bưa chống đế quốc chiến tranh.

Đây là lần đầu tiên báo chí cách mạng của Đảng ta giới thiệu một cách súc tích và đầy đủ Lê-nin với bạn đọc nước ta.

Thi hành chỉ thị của Trung ương, các đảng bộ địa phương tổ chức « tuần lễ đỏ » và kỷ niệm Lê-nin. Báo *Giải phóng*, số 6, ra ngày 21-1-1931, đăng bài « Tuần lễ kỷ niệm Lê-nin, Li-ép-nếc và Rô-da Lúc-xăm-bua » kêu gọi quần chúng tham gia tuần lễ kỷ niệm từ ngày 15 đến ngày 21 tháng giêng.

Một số địa phương đã tổ chức rải truyền đơn để kỷ niệm. Tôi đã được đọc và chép lại một trong những tờ truyền đơn đó. Toàn văn như sau :

« Hỡi anh chị em !

Ngày hôm nay là ngày húy nhật anh Lê-nin chết ngày 21 tháng giêng năm 1924. Tất cả anh chị em lao động thế giới làm lễ kỷ niệm lần thứ 7 vì anh Lê-nin đã đứng đầu cho vô sản cả thế giới làm thế giới cách mệnh lập lên xã hội Bình đẳng, Bác ái, Tự do. Nghĩa là đánh đổ Tư bản chủ nghĩa, Đế quốc chủ nghĩa, giải phóng cho tất cả Vô sản và các nhược tiểu dân tộc.

Vậy tất cả anh em chị em phải biểu tình, bãi khóa, bãi công để tranh đấu lấy lợi quyền.

Việt nam Cộng sản đảng ».

Theo báo cáo của mật thám Pháp lên cấp trên của nó thì tờ truyền đơn này được dán trong đêm 25-1-1931. Tờ truyền đơn này do cán bộ Đảng ở địa phương viết, nhưng để bảo đảm bí mật phải ký « Việt nam cộng sản đảng » (tức là danh nghĩa của Trung ương Đảng). Nội dung tờ truyền đơn nói lên trình độ chính trị hạn chế của tác giả. Ví dụ : Lê-nin mất ngày 21-1 thì viết là ngày 21-1 ; cho rằng mục đích của cách mạng thế giới là lập lên xã hội bình đẳng, bác ái, tự do ; v.v. Do giao thông liên lạc khó khăn cho nên đảng bộ địa phương không được thông tin đầy đủ : từ tháng 10-1930 tên Đảng đã đổi là Đảng cộng sản Đông dương mà đến tháng 1-1931 tờ truyền đơn vẫn ký « Việt nam cộng sản đảng ».

Tôi đã được đọc một số tờ truyền đơn khác kỷ niệm Lê-nin hoặc kỷ niệm 3 L. còn lưu giữ ở Vụ tư liệu Văn phòng Trung ương Đảng. Xin kể ra đây một số trong những tờ truyền đơn đó :

Digitized by Google

— Truyền đơn dưới ký Xứ ủy Bắc kỳ, đề ngày 10-1-1932 ; kỷ niệm 3 L.

— Truyền đơn dưới ký Đảng cộng sản Đông dương tháng 1-1933, kêu gọi « toàn thể dân chúng » kỷ niệm Lê-nin.

— Truyền đơn dưới ký Đảng cộng sản Đông dương, kỷ niệm ngày mất của Lê-nin, rải ngày 21-1-1933.

Nhiều tờ báo đăng trước Cách mạng tháng Tám đã đăng bài kỷ niệm Lê-nin hoặc kỷ niệm 3 L. Dưới đây là một số trong những tờ báo đó :

— *Tạp chí lao tù*, cơ quan của chính trị phạm nhà pha Hỏa lò, Hà nội, số 2, ngày 11-1-1932, đăng bài « Kỷ niệm Lê-nin, Li-ép-nếc, Lúc-xăm-bua anh em tù chính trị phải làm gì ? »

— *Tạp chí lao tù*, số 3, ngày 18-1-1932 đăng bài « Tuần lễ kỷ niệm 3 đồng chí L. ».

— *Lao nông*, cơ quan tuyên truyền của chấp ủy địa phương Tây Nam kỳ, số 29, ngày 30-12-1931 có bài « Lịch sử và kỷ niệm 3 L »

— *Tạp chí Cộng sản*, cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Đông dương (sự thật là cơ quan của Ban chấp ủy liên địa phương miền Nam Đông dương), số 10, ngày 15-1-1931, có bài « Bôn-sơ-vích và Men-sê-vích ».

— *Giải phóng*, cơ quan của Đặc ủy Vàm cỏ đông, số 3, ngày 13-1-1931, có bài « Tuần lễ kỷ niệm 3 L ».

— *Giải phóng*, cơ quan của Chấp ủy Đông Nam kỳ, số 6, ngày 8-2-1934, đăng bài « Kỷ niệm 3 đồng chí L.L.L. ».

Cờ vô sản, cơ quan của liên địa phương bộ Nam Đông dương, số đặc biệt, ngày 21-1-1935 có các bài sau đây :

— Quần chúng lao động Đông dương và 3 đồng chí L.

— Lê-nin và Đảng Bôn-sơ-vích.

— Lê-nin và Quốc tế cộng sản.

— Sáng kiến của đồng chí Lê-nin :

a) Ký hòa ước Brét-li-tốp.

b) Tân kinh tế chính sách.

— Líp-nếc, Lúc-xăm-bua và đế quốc chiến tranh.

— *Bạn nghèo*, cơ quan của Đặc ủy Vàm cỏ đông, số 1, ngày 20-2-1935, có bài « Kỷ niệm 3 L. ».

— *Dân chúng*, cơ quan lao động và dân chúng Đông dương (sự thật là cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Đông dương), số 45, ngày 17-1-1939 đăng bài « Kỷ niệm L.L.L. ».

Đời nay (cơ quan hợp pháp của Xứ ủy Bắc kỳ), số 8, ngày 19-1-1939 đăng bài « Kỷ niệm 3 chiến sĩ vô sản L.L.L. ».

Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu Lời kêu gọi của Trung ương Đảng nhân dịp kỷ niệm lần thứ 7 ngày Lê-nin từ trần, đăng trên báo *Cờ vô sản* cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Đông dương ra ngày 21-1-1931.

TIẾNG GỌI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG

Hỡi thợ thuyền, dân cày, binh lính và hết thảy quần chúng lao khổ ở Đông dương !

Ngày 21 tháng giêng là ngày chết của Lê-nin tức là người lãnh tụ của vô sản giai cấp và các dân tộc bị áp bức toàn thế giới. Trong ngày ấy vô sản giai cấp lại kỷ niệm Các Líp-nếc và Rô-da Lúc-xăm bua là hai người lãnh tụ bôn-sê-vích trong hồi Âu chiến (1914—1918) đã hô hào vô sản Đức nổi lên đánh đổ chế độ tư bản, bênh vực Cách mạng tháng 10 ở Nga và đã bị bọn tư bản Đức tàn sát.

Năm nay, cuộc kỷ niệm này lại đúng vào trong lúc tư bản chủ nghĩa trong toàn thế giới đương bị lay chuyển rất nguy, phong trào cách mạng ở các thuộc địa đã bốc lên sôi nổi. Bọn đế quốc toàn thế giới đương hết sức dự bị chiến tranh, đua nhau đóng tàu, đúc súng, nào tập trận tuyên binh

Digitized by Google

để đánh phá nhau và thứ nhứt là để đánh phá Liên bang Sô viết là tổ quốc của vô sản giai cấp và dân tộc bị áp bức toàn thế giới. Không những thế mà thôi, đế quốc chủ nghĩa lại còn liên kết với bọn phản cách mạng ở trong Liên bang, bày kế dùm tiền cho chúng nó để phá hoại nền kinh tế xã hội nữa.

Chiến tranh đế quốc đã dự bị sẵn sàng rồi, nay mai sẽ có.

Ở xứ Đông dương đế quốc chủ nghĩa Pháp bí mật liên kết với bọn phong kiến Xiêm-la, với bọn đế quốc Anh và Hòa lang, làm một cái liên minh phản cách mạng để đàn áp phong trào cách mạng ở Viễn đông. Bọn Bát-ki-ê, Bò-lanh, Lơ-phôn, Cơ-rô-tê-mê v.v. hết sức tiêu diệt Đảng cộng sản Đông dương (tức là Đảng cộng sản Việt nam đổi tên lại) bởi vì Đảng cộng sản Đông dương lãnh đạo quần chúng công nông tranh đấu đánh đổ đế quốc chủ nghĩa. Bọn đế quốc Pháp lại ra sức tàn sát công nông, cắt cổ, xán bom, đốt làng, bắn giết: Cổ am, Vĩnh bảo, Nam dàn, Thanh chương đống tro vẫn còn nóng, Cao lãnh, Đức hòa, Can lộc, Đức thọ máu đỏ hãy còn tươi. Vậy mà đế quốc còn chưa thỏa lòng, hãy còn tăng binh linh lê dương, mộ thêm mật thám để sửa soạn một cuộc tàn sát ghê gớm hơn nữa.

Trong khi quần chúng công nông tranh đấu rất hăng, phong trào cách mạng lan ra thêm vộng thì, bọn đế quốc Pháp lại thả bọn Cải lương là bầy chó săn của chúng nó ra quấn đuổi, thè lưỡi mà dèm pha Liên bang Sô viết, công kích chủ nghĩa cộng sản. Chúng nó lại dùng cách giả dối như dặt « hội đồng cải cách », « hội đồng hòa giải » lao động tư bổn để lừa gạt công nông, bày ra những trò « dấu thú », lấy mũi gươm lọng súng mà buộc dân cày ra dầu thú rồi tuyên bố rằng nhân dân đã quy phục (Thanh chương, Cao lãnh). Mục đích những chính sách ấy là cốt làm cho quần chúng công nông bỏ đường tranh đấu.

Trong lúc chúng ta kỷ niệm Lê ninh thì tình hình là vậy đó! Chúng ta biết kỷ niệm Lê ninh thì phải làm cho chủ nghĩa Lê ninh mau thắng lợi.

Hỡi anh em, chị em! Hỡi đồng chí!

Ngày 21 tháng giêng cũng là ngày tranh đấu cách mạng của chúng ta. Đoàn kết lực lượng lại dưới ngọn cờ của Đảng cộng sản Đông dương mà tranh đấu cho đến cùng!

Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, phong kiến, địa chủ và quan làng!

Đánh đổ bọn cải lương, lập hiến, hội đồng cải cách, hội đồng hòa giải, là bầy chó săn của chánh phủ Pháp!

Đổi chiến tranh đế quốc làm chiến tranh cách mạng đánh đổ đế quốc!

Đánh đổ bọn phá hoại kinh tế Sô viết! Binh vực Liên bang xô viết!

Đánh đổ khủng bố trắng!

Hết thảy ruộng đất về dân cày!

Tăng tiền lương, ngày làm 8 giờ, xã hội bảo hiểm! Đông dương cách mạng muôn năm!

Đảng cộng sản Đông dương muôn năm!

Thế giới cách mạng muôn năm!

Quốc tế Cộng sản muôn năm!

Đảng cộng sản Đông dương
Ban Trung ương chấp ủy

Digitized by Google

Trung tướng **ĐẶNG KINH**

LÀM TỐT CÔNG TÁC QUÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG

CÔNG tác quân sự địa phương là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác quân sự của Đảng. Nó có vị trí chiến lược trong đấu tranh cách mạng, trong chiến tranh giải phóng trước đây và cả trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

Công tác quân sự địa phương trong giai đoạn hiện nay có những nội dung và yêu cầu mới so với thời kỳ chiến tranh giải phóng Tổ quốc, trong đó yêu cầu hàng đầu là góp phần đắc lực vào việc thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trên đất nước ta hiện nay, kẻ địch vẫn tìm cách quấy phá, xâm chiếm, hòng làm suy yếu và thôn tính nước ta. Luôn luôn nêu cao cảnh giác, không một phút lơi lỏng củng cố quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt, là yêu cầu vẫn được đặt ra thường xuyên. Gắn liền với nhiệm vụ đó là nhiệm vụ bức bách của toàn Đảng, toàn dân ta: cố gắng vượt bậc, khắc phục những khó khăn, thiếu sót, phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, làm cho tình hình kinh tế — xã hội nước ta có bước tiến mới, tạo điều kiện cho sự phát triển vững chắc sau này. Vì vậy, công tác quân sự địa phương vừa phải đáp ứng những yêu cầu cao của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, vừa phải đóng góp tích cực vào việc thực hiện những yêu cầu cấp bách của nhiệm vụ xây dựng kinh tế. Điều đó chính là góp phần giải quyết tốt mối quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế trong từng địa phương, tạo thế và lực mạnh về mọi mặt của địa phương, từ đó tạo thế và lực vững mạnh trong cả nước.

Việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, hậu phương chiến lược vững mạnh, nâng cao chất lượng tổng hợp của các lực lượng vũ trang nhân dân, và chuẩn bị cho chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tiến hành bằng hai phương thức chiến tranh nhân dân địa phương và chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực, phụ thuộc một phần quan trọng vào kết quả của công tác quân sự địa phương.

★

Nhiệm vụ thường xuyên lâu dài của công tác quân sự địa phương là xây dựng và củng cố quốc phòng ở địa phương, *xây dựng thế trận làm chỗ dựa cho chiến tranh nhân dân địa phương, góp phần xây dựng địa phương, xây dựng đất nước giàu mạnh, chuẩn bị về mọi mặt để tiến hành chiến tranh nhân dân thắng lợi khi kẻ thù gây chiến tranh xâm lược ở địa phương, cũng như trong cả nước.* Song thời gian trước mắt, chúng ta tập trung sức làm tốt mấy công tác lớn sau đây:

Digitized by Google

1 – Xây dựng tiềm lực quân sự, thế trận chủ động.

Một đặc điểm lớn trong công tác quân sự của ta là do đất nước ta hẹp, kéo dài trên địa hình hiểm trở, quân đội khó cơ động trong chiến đấu, dễ bị chia cắt. Muốn thắng địch chúng ta phải có lực lượng tại chỗ đủ mạnh để đánh thắng khi chúng mới đặt chân tới, mặt khác, phải chuẩn bị tốt về mọi mặt cho địa phương, cho đất nước một cách có kế hoạch, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn để đánh thắng chiến tranh xâm lược của địch nếu chúng gây ra. Đảng ta đã có chủ trương xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh trên các địa phương. Nền quốc phòng toàn dân đó trước hết thể hiện ở tiềm lực quân sự về các mặt lực lượng, phương tiện vật chất, kỹ thuật chiến đấu, sự chuẩn bị tham gia chiến đấu của nhân dân và phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang địa phương. Tiềm lực quân sự nằm trong tiềm lực chung của địa phương, đặc biệt phải gắn liền với tiềm lực kinh tế, chính trị. Song những tiềm lực đó lại phải được bố trí theo một thế trận có lợi nhất, giành chủ động và phát huy được sức mạnh tổng hợp khi chiến tranh xảy ra.

Xây dựng thế trận chủ động là một yếu tố quan trọng giành thắng lợi, buộc địch phải bị động đánh theo cách đánh của ta, chuyển từ thế mạnh sang thế yếu. Ngược lại, ta có thế trận chủ động, có thể chuyển yếu thành mạnh và phát huy hết sức mạnh của mình.

Chúng ta xây dựng thế trận chủ động của chiến tranh nhân dân địa phương là xây dựng thế trận chủ động toàn dân đánh giặc, có lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt. Thế trận đó bao gồm các làng, xã, xí nghiệp, công, nông trường chiến đấu, các cụm chiến đấu liên hoàn trong pháo đài quân sự huyện, liên kết chặt chẽ với các khu vực phòng thủ của các đơn vị bộ đội, hình thành thế trận vừa rộng khắp, vừa có trọng điểm, bảo vệ vững chắc địa phương, tiến công địch mạnh mẽ, kịp thời trong mọi tình huống.

Trong xây dựng thế trận, cần kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế và quốc phòng ngay từ trong quy hoạch và kế hoạch cụ thể ở mỗi địa phương, coi trọng xây dựng các khu vực chiến lược về kinh tế và quốc phòng. Đặc biệt đối với các tỉnh biên giới phía Bắc, công tác quân sự địa phương kết hợp chặt chẽ với các công tác khác để có đủ sức xây dựng thật sự vững mạnh về mọi mặt. Công tác quân sự địa phương ở đây đòi hỏi phải có những hình thức, biện pháp thực hiện linh hoạt, gắn liền với cuộc chiến đấu hằng ngày chống địch xâm lấn, phá hoại với hoạt động chính trị, kinh tế của địa phương, đem lại hiệu quả ngày càng cao, góp phần củng cố thế trận địa phương và liên hoàn vững chắc với các nơi khác. Một yêu cầu rất quan trọng của công tác quân sự địa phương trong việc xây dựng thế trận là xây dựng hậu cần tại chỗ, dựa trên cơ sở phát triển kinh tế địa phương và gắn chặt với nó có kế hoạch sẵn sàng động viên nền kinh tế phục vụ chiến đấu khi cần thiết. Trên từng địa phương và trong cả nước có kế hoạch xây dựng các khu kinh tế, phân bố lại lao động, hình thành các điểm dân cư mới, kết hợp tốt kinh tế với quốc phòng, chuẩn bị thế và điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành chiến tranh nhân dân địa phương, và kết hợp chặt chẽ với tác chiến hợp đồng binh chủng quy mô lớn của các binh đoàn chủ lực trong các hình thức tác chiến khác nhau diễn ra trên địa phương.

Lòng dân được coi là nguồn sức mạnh rất to lớn của thế trận chiến tranh nhân dân, là cơ sở chính trị – xã hội vững chắc của nền quốc phòng toàn

Digitized by Google

dân. Để có được nguồn sức mạnh đó, đi đôi với việc làm tốt công tác tư tưởng, công tác tổ chức, xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, từng địa phương cần có và thực hiện kế hoạch thiết thực phát triển kinh tế, văn hóa, thật sự chăm lo cải thiện đời sống của nhân dân, làm cho nhân dân phấn khởi, tin tưởng ở cuộc sống mới, hăng hái xây dựng kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh, tích cực chuẩn bị và sẵn sàng đóng góp sức mình vào chiến tranh nhân dân địa phương.

2 — Bảo đảm lực lượng vũ trang địa phương có đủ điều kiện sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt.

Lực lượng vũ trang địa phương bao gồm dân quân, tự vệ và bộ đội địa phương là lực lượng nòng cốt cho toàn dân đánh giặc ở địa phương, là lực lượng hợp thành của các lực lượng vũ trang nhân dân ta. Trong tình hình mới, lực lượng vũ trang địa phương cần được cải tiến, nâng cao về nhiều mặt nhằm đáp ứng những yêu cầu của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, của nhiệm vụ bảo vệ địa phương và phát triển kinh tế

Lực lượng dân quân tự vệ vẫn giữ vị trí chiến lược quan trọng trong tình hình mới. Có điều là để tiếp tục phát huy vai trò là công cụ sắc bén của chuyên chính vô sản, lực lượng nòng cốt của phong trào toàn dân đánh giặc ở cơ sở, lực lượng xung kích trong sản xuất và nguồn bổ sung to lớn cho quân chủ lực, dân quân tự vệ một mặt không thỏa mãn với những kinh nghiệm hoạt động trước đây, bản thân cần tự đặt cho mình những yêu cầu rèn luyện cao và sát thực tế địa phương, mặt khác cần được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy đảng và sự giúp đỡ cụ thể của các cấp chính quyền, các ngành, đoàn thể, tạo điều kiện cho nó có thể hoạt động đều đặn. Trước hết, cần có kế hoạch thật tốt để xây dựng và củng cố lực lượng dân quân, tự vệ cả về số lượng, chất lượng và quy mô tổ chức cho phù hợp với yêu cầu mới. Dân quân, tự vệ cần được phát triển một cách rộng rãi, gắn liền với tổ chức sản xuất, tổ chức hành chính trên từng địa bàn. Ở đâu có dân là ở đó có tổ chức dân quân, tự vệ; ở đâu có sản xuất ở đó có lực lượng bảo vệ sản xuất. Có số lượng đông mới có lực lượng, có phong trào. Nhưng điều quan trọng hơn là có chất lượng cao, phong trào mới mạnh, trong đó đặc biệt chú ý đến chất lượng chính trị, nhất là ở các vùng xung yếu, biên giới. Sự giác ngộ và tin cậy về chính trị là yếu tố hàng đầu của chất lượng chính trị nói riêng và của chất lượng nói chung. Tổ chức dân quân, tự vệ cần có lực lượng cơ động và lực lượng chiến đấu tại chỗ, có các tổ chuyên môn như trinh sát, đặc công, công binh, thông tin, tổ đánh giao thông... Quy mô của các tổ chức này phải phù hợp với điều kiện cụ thể từng nơi, với khả năng lãnh đạo, chỉ huy của cán bộ cơ sở, tránh phô trương hình thức, hoặc quá lớn.

Lực lượng tự vệ ở các cơ quan, xí nghiệp, nông trường, công trường cần được củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động vừa phù hợp với yêu cầu tác chiến mới, vừa bảo đảm sản xuất, công tác trong những tổ chức kinh tế — hành chính khác nhau và còn nhiều khó khăn. Chất lượng chính trị, kiến thức khoa học, kỹ thuật, ý thức tổ chức kỷ luật, nếp sống công nghiệp của giai cấp công nhân, cán bộ, nhân viên nhà nước là những yếu tố cơ bản và cũng là những điều kiện tiên quyết để nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng tự vệ.

Đi đôi với công tác tổ chức, giáo dục, huấn luyện kỹ năng chiến đấu, cần coi trọng việc cải tiến trang bị vũ khí, khí tài phù hợp với điều kiện, nhiệm vụ từng nơi và theo sự chỉ đạo của cấp trên. Đây cũng là vấn đề rất quan trọng trong hoàn cảnh chiến đấu mới của dân quân, tự vệ.

Digitized by Google

1 – Xây dựng tiềm lực quân sự, thế trận chủ động.

Một đặc điểm lớn trong công tác quân sự của ta là do đất nước ta hẹp, kéo dài trên địa hình hiểm trở, quân đội khó cơ động trong chiến đấu, dễ bị chia cắt. Muốn thắng địch chúng ta phải có lực lượng tại chỗ đủ mạnh để đánh thắng khi chúng mới đặt chân tới, mặt khác, phải chuẩn bị tốt về mọi mặt cho địa phương, cho đất nước một cách có kế hoạch, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn để đánh thắng chiến tranh xâm lược của địch nếu chúng gây ra. Đảng ta đã có chủ trương xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh trên các địa phương. Nền quốc phòng toàn dân đó trước hết thể hiện ở tiềm lực quân sự về các mặt lực lượng, phương tiện vật chất, kỹ thuật chiến đấu, sự chuẩn bị tham gia chiến đấu của nhân dân và phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang địa phương. Tiềm lực quân sự nằm trong tiềm lực chung của địa phương, đặc biệt phải gắn liền với tiềm lực kinh tế, chính trị. Song những tiềm lực đó lại phải được bố trí theo một thế trận có lợi nhất, giành chủ động và phát huy được sức mạnh tổng hợp khi chiến tranh xảy ra.

Xây dựng thế trận chủ động là một yếu tố quan trọng giành thắng lợi, buộc địch phải bị động đánh theo cách đánh của ta, chuyển từ thế mạnh sang thế yếu. Ngược lại, ta có thế trận chủ động, có thể chuyển yếu thành mạnh và phát huy hết sức mạnh của mình.

Chúng ta xây dựng thế trận chủ động của chiến tranh nhân dân địa phương là xây dựng thế trận chủ động toàn dân đánh giặc, có lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt. Thế trận đó bao gồm các làng, xã, xí nghiệp, công, nông trường chiến đấu, các cụm chiến đấu liên hoàn trong pháo đài quân sự huyện, liên kết chặt chẽ với các khu vực phòng thủ của các đơn vị bộ đội, hình thành thế trận vừa rộng khắp, vừa có trọng điểm, bảo vệ vững chắc địa phương, tiến công địch mạnh mẽ, kịp thời trong mọi tình huống.

Trong xây dựng thế trận, cần kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế và quốc phòng ngay từ trong quy hoạch và kế hoạch cụ thể ở mỗi địa phương, coi trọng xây dựng các khu vực chiến lược về kinh tế và quốc phòng. Đặc biệt đối với các tỉnh biên giới phía Bắc, công tác quân sự địa phương kết hợp chặt chẽ với các công tác khác để có đủ sức xây dựng thật sự vững mạnh về mọi mặt. Công tác quân sự địa phương ở đây đòi hỏi phải có những hình thức, biện pháp thực hiện linh hoạt, gắn liền với cuộc chiến đấu hằng ngày chống địch xâm lấn, phá hoại với hoạt động chính trị, kinh tế của địa phương, đem lại hiệu quả ngày càng cao, góp phần củng cố thế trận địa phương và liên hoàn vững chắc với các nơi khác. Một yêu cầu rất quan trọng của công tác quân sự địa phương trong việc xây dựng thế trận là xây dựng hậu cần tại chỗ, dựa trên cơ sở phát triển kinh tế địa phương và gắn chặt với nó có kế hoạch sẵn sàng động viên nền kinh tế phục vụ chiến đấu khi cần thiết. Trên từng địa phương và trong cả nước có kế hoạch xây dựng các khu kinh tế, phân bố lại lao động, hình thành các điểm dân cư mới, kết hợp tốt kinh tế với quốc phòng, chuẩn bị thế và điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành chiến tranh nhân dân địa phương, và kết hợp chặt chẽ với tác chiến hợp đồng binh chủng quy mô lớn của các binh đoàn chủ lực trong các hình thức tác chiến khác nhau diễn ra trên địa phương.

Lòng dân được coi là nguồn sức mạnh rất to lớn của thế trận chiến tranh nhân dân, là cơ sở chính trị – xã hội vững chắc của nền quốc phòng toàn

Digitized by Google

dân. Để có được nguồn sức mạnh đó, đi đôi với việc làm tốt công tác tư tưởng, công tác tổ chức, xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, từng địa phương cần có và thực hiện kế hoạch thiết thực phát triển kinh tế, văn hóa, thật sự chăm lo cải thiện đời sống của nhân dân, làm cho nhân dân phấn khởi, tin tưởng ở cuộc sống mới, hăng hái xây dựng kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh, tích cực chuẩn bị và sẵn sàng đóng góp sức mình vào chiến tranh nhân dân địa phương.

2 — Bảo đảm lực lượng vũ trang địa phương có đủ điều kiện sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt.

Lực lượng vũ trang địa phương bao gồm dân quân, tự vệ và bộ đội địa phương là lực lượng nòng cốt cho toàn dân đánh giặc ở địa phương, là lực lượng hợp thành của các lực lượng vũ trang nhân dân ta. Trong tình hình mới, lực lượng vũ trang địa phương cần được cải tiến, nâng cao về nhiều mặt nhằm đáp ứng những yêu cầu của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, của nhiệm vụ bảo vệ địa phương và phát triển kinh tế

Lực lượng dân quân tự vệ vẫn giữ vị trí chiến lược quan trọng trong tình hình mới. Có điều là để tiếp tục phát huy vai trò là công cụ sắc bén của chuyên chính vô sản, lực lượng nòng cốt của phong trào toàn dân đánh giặc ở cơ sở, lực lượng xung kích trong sản xuất và nguồn bổ sung to lớn cho quân chủ lực, dân quân tự vệ một mặt không thỏa mãn với những kinh nghiệm hoạt động trước đây, bản thân cần tự đặt cho mình những yêu cầu rèn luyện cao và sát thực tế địa phương, mặt khác cần được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy đảng và sự giúp đỡ cụ thể của các cấp chính quyền, các ngành, đoàn thể, tạo điều kiện cho nó có thể hoạt động đều đặn. Trước hết, cần có kế hoạch thật tốt để xây dựng và củng cố lực lượng dân quân, tự vệ cả về số lượng, chất lượng và quy mô tổ chức cho phù hợp với yêu cầu mới. Dân quân, tự vệ cần được phát triển một cách rộng rãi, gắn liền với tổ chức sản xuất, tổ chức hành chính trên từng địa bàn. Ở đâu có dân là ở đó có tổ chức dân quân, tự vệ; ở đâu có sản xuất ở đó có lực lượng bảo vệ sản xuất. Có số lượng đông mới có lực lượng, có phong trào. Nhưng điều quan trọng hơn là có chất lượng cao, phong trào mới mạnh, trong đó đặc biệt chú ý đến chất lượng chính trị, nhất là ở các vùng xung yếu, biên giới. Sự giác ngộ và tin cậy về chính trị là yếu tố hàng đầu của chất lượng chính trị nói riêng và của chất lượng nói chung. Tổ chức dân quân, tự vệ cần có lực lượng cơ động và lực lượng chiến đấu tại chỗ, có các tổ chuyên môn như trinh sát, đặc công, công binh, thông tin, tổ đánh giao thông... Quy mô của các tổ chức này phải phù hợp với điều kiện cụ thể từng nơi, với khả năng lãnh đạo, chỉ huy của cán bộ cơ sở, tránh phô trương hình thức, hoặc quá lớn.

Lực lượng tự vệ ở các cơ quan, xí nghiệp, nông trường, công trường cần được củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động vừa phù hợp với yêu cầu tác chiến mới, vừa bảo đảm sản xuất, công tác trong những tổ chức kinh tế — hành chính khác nhau và còn nhiều khó khăn. Chất lượng chính trị, kiến thức khoa học, kỹ thuật, ý thức tổ chức kỷ luật, nếp sống công nghiệp của giai cấp công nhân, cán bộ, nhân viên nhà nước là những yếu tố cơ bản và cũng là những điều kiện tiên quyết để nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng tự vệ.

Đi đôi với công tác tổ chức, giáo dục, huấn luyện kỹ năng chiến đấu, cần coi trọng việc cải tiến trang bị vũ khí, khí tài phù hợp với điều kiện, nhiệm vụ từng nơi và theo sự chỉ đạo của cấp trên. Đây cũng là vấn đề rất quan trọng trong hoàn cảnh chiến đấu mới của dân quân, tự vệ.

Digitized by Google

Bộ đội địa phương là lực lượng cơ động chiến đấu, là «quả đấm mạnh» của địa phương, có nhiệm vụ chiến đấu, cùng dân quân, tự vệ làm nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc ở địa phương; dìu dắt dân quân, tự vệ chiến đấu; tham gia xây dựng cơ sở chính trị và góp phần tham gia xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa ở địa phương. Kinh nghiệm đã chỉ rõ, bộ đội địa phương có mạnh thì lực lượng dân quân, tự vệ ở địa phương mới mạnh. Bộ đội địa phương phải được sử dụng đúng theo chức năng, nhiệm vụ của nó, được huấn luyện tốt, trang bị phù hợp, để có thể vừa độc lập tác chiến, dìu dắt dân quân, tự vệ chiến đấu, vừa có thể hiệp đồng chiến đấu với bộ đội chủ lực trong các quy mô khác nhau. Việc phát triển và quy mô tổ chức của bộ đội địa phương như thế nào là tùy điều kiện cụ thể và yêu cầu củng cố quốc phòng, phát triển kinh tế của từng địa phương, có sự chỉ đạo của cấp trên.

3 — Làm tốt công tác tuyển lựa thanh niên nhập ngũ, xây dựng lực lượng dự bị hùng hậu.

Tuyển lựa thanh niên nhập ngũ hằng năm theo luật nghĩa vụ quân sự là một nhiệm vụ thường xuyên nhưng có ý nghĩa về nhiều mặt của công tác quân sự địa phương. Các địa phương đã có không ít kinh nghiệm và đã xây dựng thành nền nếp tốt cả về công tác tư tưởng và công tác tổ chức trong việc thực hiện nhiệm vụ này. Tuy nhiên, trước yêu cầu xây dựng quân đội nhân dân chính quy, hiện đại, tinh nhuệ, thiện chiến, có sức mạnh chiến đấu cao, và trong tình hình kinh tế — xã hội còn những khó khăn, tiêu cực, nếu không quan tâm đúng mức thì việc tuyển lựa thanh niên nhập ngũ hằng năm không phải dễ dàng bảo đảm đủ số lượng, đúng chất lượng và thời gian. Điều cần nhấn mạnh ở đây là việc bảo đảm đúng chất lượng, tiêu chuẩn có ý nghĩa trước mắt và lâu dài đối với cả thanh niên và nhân dân, tránh được những lãng phí, tiêu cực. Nhiều địa phương đã làm tốt công tác giáo dục, chấp hành nghiêm chỉnh luật nghĩa vụ quân sự, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, cho nên đã làm cho số thanh niên trong diện nhập ngũ cũng như những gia đình có con em đó yên tâm, phấn khởi làm tròn nghĩa vụ của mình. Đối với những người không chấp hành nghiêm chỉnh luật nghĩa vụ quân sự, trốn tránh, bỏ ngũ, cần giáo dục kịp thời và xử lý thỏa đáng. Kinh nghiệm cho thấy rằng nếu không có cách giải quyết tốt đối với số thanh niên bỏ ngũ, sẽ gây ảnh hưởng xấu nhiều mặt cho địa phương và xã hội. Địa phương và quân đội cùng phối hợp chặt chẽ với nhau, bằng nhiều biện pháp, làm tốt công tác tư tưởng và công tác tổ chức, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, ở cả ba giai đoạn: trước, trong và sau khi người thanh niên làm nghĩa vụ quân sự để cho họ thật sự yên tâm nhập ngũ và phục vụ quân đội, không phải lo lắng đến hậu phương, đến tương lai của mình sau khi hết hạn tại ngũ.

Xây dựng lực lượng dự bị hùng hậu, sẵn sàng động viên khi cần thiết, là một nhiệm vụ nặng nề, phức tạp và mới mẻ của công tác quân sự địa phương. Trước yêu cầu mới của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, tác chiến hiện đại quy mô lớn, lực lượng dự bị hùng hậu có vị trí chiến lược quan trọng. Chúng ta có kế hoạch thiết thực và càng sớm càng tốt xây dựng lực lượng dự bị để khi cần, có thể động viên nhanh nhất, kịp thời nhất, đủ số lượng, chất lượng cao, đúng thành phần chuyên nghiệp, bảo đảm bí mật an toàn; đáp ứng cả yêu cầu mở rộng quân chủ lực, quân địa phương và yêu cầu duy trì, phát triển chiến tranh nhân dân địa phương, nhưng vẫn bảo đảm có lực lượng để duy trì, phát triển kinh tế địa phương.

Digitized by Google

Trong công tác này, các địa phương đã từng bước quản lý, tổ chức, huấn luyện và diễn tập động viên quân dự bị theo các quy mô tổ chức và tình huống khác nhau. Nhiều địa phương đã tích lũy được kinh nghiệm bước đầu, từng bước đưa công tác xây dựng, quản lý lực lượng dự bị, diễn tập động viên theo yêu cầu chiến đấu đi vào nền nếp. Đi đôi với công tác quản lý, động viên quân dự bị, nhiều địa phương đã có kế hoạch phối hợp với các ngành chủ quản để nắm và sẵn sàng động viên nền kinh tế quốc dân phục vụ chiến đấu khi chiến tranh xảy ra. Điều quan trọng là các kế hoạch đó cần được bổ dưỡng thường xuyên và mang tính hiện thực cao.

Công tác này còn mới, có nhiều khó khăn và phức tạp. Cả cấp trên lẫn cấp dưới đang vừa làm, vừa rút kinh nghiệm.

4 — Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

Đảng và Nhà nước ta đã đề ra những chính sách nhằm động viên, ưu đãi những gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình có công với cách mạng, gia đình bộ đội cả về vật chất và tinh thần. Các địa phương coi việc thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với hậu phương quân đội chẳng những là một nhiệm vụ quan trọng của công tác quân sự địa phương, mà còn là trách nhiệm chính trị, tình cảm thiêng liêng của mình.

Trong tình hình mới hiện nay, việc chấp hành đúng đắn, sáng tạo chính sách hậu phương quân đội có tác dụng quan trọng cả trong nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Chúng ta cần vận dụng tốt phương châm: "Trung ương và địa phương cùng làm, Nhà nước và nhân dân cùng làm" trong nhiệm vụ này. Song phải quy định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của từng cấp, từng ngành, từng cơ quan có liên quan, đồng thời động viên được sự đóng góp chung. Một mặt, thực hiện đầy đủ các chính sách hiện hành, mặt khác, kịp thời điều chỉnh, bổ sung chính sách cho phù hợp với tình hình mới. Cần có sự chú ý thích đáng đối với bộ phận quân đội đang trực tiếp tham gia chiến đấu bảo vệ biên cương và làm nhiệm vụ quốc tế, có những biện pháp tỉ mỉ, chế độ ưu đãi phù hợp với từng loại đối tượng. Không nên quan niệm đơn giản thực hiện chính sách hậu phương quân đội chỉ là thể hiện tình thương, lòng kính trọng đối với các quân nhân, thương binh, liệt sĩ, và gia đình họ... Nhiều địa phương và cơ sở nhờ hiểu đúng chính sách và thấy rõ trách nhiệm của mình đã chủ động đề ra những quy định nhằm phát động phong trào toàn dân chăm lo nuôi dạy con liệt sĩ, làm nhà tặng bố mẹ liệt sĩ gặp khó khăn trong đời sống, giúp đỡ các gia đình thương binh, bộ đội khi thiên tai, mất mùa, hoặc gặp khó khăn. Có những địa phương đã thực hiện tốt chính sách ưu tiên sắp xếp việc làm, tuyển người vào các trường học nghề, vào biên chế các cơ quan, xí nghiệp quốc doanh, các cơ sở sản xuất tập thể đối với những người đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương... Một số tỉnh như Tiền giang, Thái bình, Hà bắc... trong quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của mình đã đặc biệt quan tâm đến những đồng chí có đủ phẩm chất, năng lực lại có những thành tích xuất sắc trong chiến đấu, công tác khi tại ngũ.

★

Làm công tác quân sự địa phương không phải chỉ là nhiệm vụ của cơ quan quân sự địa phương, mà là công việc của toàn đảng, toàn dân, toàn

(Xem tiếp trang 68)

Digitized by Google

ĐƯỜNG LỐI VĂN HÓA CỦA ĐẢNG VÀ THÀNH TỰU TRONG THỰC TIỄN

LÊ XUÂN VŨ

ĐỌC VỀ VĂN HÓA VÀ NGHỆ THUẬT — *TẬP II*

CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH,
NXB VĂN HỌC — HÀ NỘI — 1986

Về văn hóa và nghệ thuật — tập II của đồng chí Trường Chinh, gồm 19 bài viết và bài nói về văn hóa và nghệ thuật từ năm 1961 đến năm 1981, vừa được xuất bản. Nếu *Về văn hóa và văn nghệ* — tập I nêu lên và giải quyết những vấn đề xây dựng nền văn hóa dân tộc dân chủ nhân dân thì *Về văn hóa và văn nghệ* tập II tập trung vào những vấn đề xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa; cả hai nằm trong mối quan hệ khăng khít: văn hóa dân tộc dân chủ nhân dân là bước quá độ lên văn hóa xã hội chủ nghĩa và văn hóa xã hội chủ nghĩa là sự phát triển tất yếu của văn hóa dân tộc dân chủ nhân dân. Song vẫn một phong cách lý luận như ở tập I — vừa khái quát lại vừa cụ thể, xuất phát từ thực tiễn để chỉ đạo lại thực tiễn ở tầm nhìn của một nhà chiến lược mác xít, nêu bật lên cả mặt tư tưởng và mặt xã hội của cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nước ta bằng một lối diễn tả sắc bén và chắc gọn (1)

★

Tập trung vào những vấn đề xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa Việt nam, *Về văn hóa và nghệ thuật* — tập II bao quát nhiều lĩnh vực rộng lớn: không chỉ tư tưởng, lý luận, văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản mà cả khoa học, giáo dục, đạo đức, v.v. Trong nhiều lĩnh vực, ngoài những bài chung, lại có bài đi sâu vào từng chuyên ngành.

Trong một quan niệm đầy đủ về nền văn hóa xã hội chủ nghĩa với *tất cả* những bộ phận cấu thành của nó như vậy, đồng chí Trường Chinh nêu lên và giải quyết những vấn đề văn hóa trong một bối cảnh mới: quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trước hết là vấn đề nhận thức cho rõ tình hình và nhiệm vụ mới khi cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới. Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một việc mới mẻ đối với chúng ta. Trong giai đoạn mới của cách mạng, Đảng ta phải giải quyết nhiều vấn đề khó khăn và phức tạp. Phải hiểu cho đúng thế nào là chủ nghĩa xã hội, là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, tránh chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa kinh nghiệm. Đồng chí Trường Chinh quan tâm hướng dẫn từ phong

(1) *Tạp chí Cộng sản số 6-1985*: « Một đóng góp to lớn và quý báu ».

Digitized by Google

trao thi đua «hai tốt» trong ngành giáo dục đến việc cải tiến học tập và nghiên cứu lý luận ở trường Đảng, ở các cơ quan khoa học. Đối với báo chí, đồng chí Trường Chinh căn dặn: «nghĩa vụ của người viết báo là phải làm cho quần chúng hiểu rõ, hiểu đúng thế nào là chủ nghĩa xã hội khoa học, là xây dựng chủ nghĩa xã hội ...» (tr. 11). Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, báo chí của ta «phải chuyển sang nói nhiều về kinh tế», «phải dề nhiều công sức hơn đến nó: không thể hô hào, cổ động suông về chính trị thuần túy được nữa» (tr. 36—27). Sự hiểu biết về kinh tế và khoa học, kỹ thuật «chẳng những cần thiết cho các đồng chí làm công tác kinh tế hoặc trực tiếp phụ trách các đơn vị sản xuất», mà «cần thiết cho tất cả cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, kể cả các ngành văn hóa, giáo dục, y tế v.v.» (tr. 19). Bởi vì «trên cơ sở của cuộc cách mạng khoa học—kỹ thuật, sẽ diễn ra một cuộc cách mạng trong phong cách tư duy, tác phong lao động, thói quen sinh hoạt, trong tâm lý, tập quán, lối sống của từng cá nhân, từng tập thể và của toàn xã hội» (tr. 413).

Nhắc lại lời dạy của Bác Hồ «muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết phải có những *con người xã hội chủ nghĩa*», đồng chí Trường Chinh chỉ rõ «nhiệm vụ vẻ vang nhất của văn nghệ ta hiện nay là tích cực góp phần giáo dục và bồi dưỡng những con người xã hội chủ nghĩa ở nước ta», những con người mới «sống và làm việc vì Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa» (tr. 91 — 92). Yêu cầu giới văn hóa miền Bắc phải nắm vững cả hai nhiệm vụ chiến lược, đồng chí Trường Chinh phê bình một tờ báo «đã quên vấn đề phục vụ chủ nghĩa xã hội» (tr. 219), một ngành nghệ thuật «có phần nào coi nhẹ nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội» (tr. 227). Tuyên truyền về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội có thể có những khó khăn lúc đầu trong việc nhận thức cái mới, nhưng, như đồng chí Trường Chinh nói, «vấn đề là ta có chịu nhìn và biết nhìn không? Có yêu chủ nghĩa xã hội không? Có yêu con người lao động bình thường không?...» (tr. 219). Sức mạnh của văn nghệ bao giờ cũng ở sự gắn bó với đời sống xã hội, văn nghệ ta không chỉ phản ánh thực tế xã hội mà phải góp phần cải tạo xã hội. «Nhận thức chủ quan của con người thường lạc hậu so với hiện thực khách quan. Như vậy thì thiết nghĩ «khoảng cách» gì đi nữa thì cũng phải có mức độ» (tr. 79) mới mong làm tròn được nhiệm vụ giáo dục của văn nghệ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Chính là từ yêu cầu của cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới mà trong *Về văn hóa và nghệ thuật*—tập II, đồng chí Trường Chinh tiếp tục làm sáng tỏ và làm phong phú thêm những vấn đề lý luận văn hóa, văn nghệ mới hoặc đã quen thuộc nhưng được đặt ra trong tình hình mới. Cũng chính là từ yêu cầu của cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới mà ở đây, đồng chí Trường Chinh xác định rõ vị trí, vai trò, nhiệm vụ và phương hướng phát triển của nhiều lĩnh vực văn hóa, văn nghệ như báo chí, xuất bản, in, điện ảnh, các ngành khoa học v.v. Chúng ta tiếp thu được từ đây những ý kiến rất quý báu, những chỉ dẫn rất đúng đắn, rõ ràng.

Chẳng hạn, *về phê bình văn nghệ*: «Trong phê bình văn nghệ, khen là chính hay chê là chính? Theo tôi,... hay thì khen, dở thì chê..., tỷ lệ khen chê tùy theo tác phẩm văn nghệ... Không nên đặt cho phê bình nhiệm vụ chủ yếu là ca ngợi, biểu dương, vì như vậy sẽ rơi vào chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa chủ quan, hoặc chủ nghĩa xét lại hiện đại (tr. 201). Về cách mạng khoa học—kỹ thuật: «Cách mạng khoa học — kỹ thuật *phải lấy nông nghiệp làm trọng điểm phục vụ*

Digitized by Google

của mình » (tr. 417). *Về nhiệm vụ của khoa học xã hội* : phải « góp phần nhận thức và phát hiện các quy luật, góp phần chuẩn bị tốt các kết luận về đường lối, chính sách của Đảng » (tr. 331). *Về sự sáng tạo trong khoa học* : « Dưới sự lãnh đạo tập trung của Đảng về chính trị và tư tưởng, Đảng khuyến khích những người làm công tác khoa học xã hội mạnh dạn phát huy quyền làm chủ tập thể, dám chịu trách nhiệm trong lĩnh vực chuyên môn của mình » (tr. 346) v.v.

Với một cách nhìn tổng quát, chúng ta thấy có những vấn đề rất lớn ở tầm chiến lược tỏa sáng trong toàn bộ tập sách. Đó là :

– Tính chất dân tộc, bản sắc dân tộc — được nói đến rất nhiều lần, không chỉ ở bình diện lý luận chung về « nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc », « dân tộc — hiện đại » của nền văn hóa mới mà cả trong từng lĩnh vực cụ thể, đặc biệt là trong việc xây dựng hình tượng con người mới Việt nam thể hiện được tâm hồn và tính cách Việt nam trong thời đại Hồ Chí Minh — phát triển như là một *thuộc tính* và nhất là như một *phẩm chất* ngày càng đậm đà, cao đẹp của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

– Khoa học (bao gồm khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội trong sự kết hợp chặt chẽ với nhau, trong « sự liên minh giữa các nhà khoa học » như ý kiến của Lê-nin) nổi lên như là một *tính chất*, một *nguyên tắc* đồng thời là một *yếu tố*, một *bộ phận cấu thành* của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

– Một yêu cầu đề ra là tính nhân dân của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa phải được phát triển ngày càng sâu sắc trong tất cả *mọi* ngành, *mọi* hoạt động văn hóa, từ việc đưa văn hóa đến nhân dân tới việc nhân dân tham gia sáng tạo và quản lý đời sống văn hóa, *bảo đảm đầy đủ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trên lĩnh vực này.*

– Sự lãnh đạo của Đảng trên mặt trận văn hóa được tổng kết trong nhiều dịp, trong toàn bộ nền văn hóa cũng như trong từng chuyên ngành, báo chí, văn nghệ, khoa học v.v., kể từ khi thành lập Đảng đến nay cũng như trong mỗi chặng đường, cho chúng ta *một nhận thức tổng quát, có hệ thống và một niềm tự hào lớn về đường lối văn hóa đúng đắn của Đảng*

★

Về văn hóa và nghệ thuật — tập I của đồng chí Trường Chinh mang nhiều giá trị tổng kết. Những bài tổng kết quá trình phát triển của một ngành, một đơn vị hay toàn bộ nền văn hóa trong một thời gian nhất định chiếm gần hết số trang của tập sách.

Nhưng tổng kết là để mở ra một giai đoạn phát triển mới cao hơn. Chẳng hạn, tổng kết quá trình trưởng thành của nhà xuất bản *Sự thật*, là để làm sáng tỏ những quan điểm cơ bản của Đảng ta về công tác xuất bản trong tình hình mới. Tổng kết những thành tích của khoa học, kỹ thuật Việt nam trong 25 năm qua (tính đến năm 1981) là để chỉ ra vai trò then chốt của cách mạng khoa học — kỹ thuật trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta và những nhiệm vụ chủ yếu của công tác khoa học và kỹ thuật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội... Và rõ ràng nhất, tổng kết chặng đường 10 năm vận động cách mạng văn hóa dưới sự lãnh đạo của Đảng, kể từ *Đề cương văn hóa* năm 1943, (mà ở trang 363 đồng chí Trường Chinh cho rằng « phải gọi nó là *Đề cương về cách mạng tư tưởng và văn hóa Việt nam* mới thật chính xác ») là để đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa trong giai đoạn cả nước quá độ lên

Digitized by Google

chủ nghĩa xã hội. Đây thực chất là những ý kiến dẫn đến một « Đề cương văn hóa » mới, đề cương về cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nước ta trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thật vậy, trong bài tổng kết quan trọng này, cách mạng tư tưởng và văn hóa đã được xác định rõ là một bộ phận hữu cơ của cách mạng xã hội chủ nghĩa. « Tư tưởng và văn hóa trong bất cứ cuộc cách mạng nào cũng đều có tính năng động của nó. Nó càng năng động hơn trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là trong điều kiện kinh tế lạc hậu, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng và văn hóa xã hội chủ nghĩa không chỉ là kết quả mà còn là động lực thúc đẩy sự ra đời của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, của việc xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu » (tr. 379).

Những thuận lợi và khó khăn của cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nước ta trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa cũng được phân tích một cách khoa học trên cơ sở tổng kết những thành tựu đã đạt, những thiếu sót đã mắc phải, tình hình mọi mặt của đất nước hiện nay.

Và quan trọng nhất là những nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng tư tưởng và văn hóa ở nước ta trong giai đoạn mới đã được chỉ rõ trên cả ba mặt : xây dựng tư tưởng mới, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới.

Trước đây, *Đề cương văn hóa* đã nêu rõ văn hóa bao gồm cả tư tưởng. Ngày nay, Đảng ta nói cách mạng tư tưởng và văn hóa là muốn nhấn mạnh vị trí đặc biệt quan trọng của tư tưởng trong toàn bộ cách mạng văn hóa. Cốt lõi của văn hóa là tư tưởng. *Xây dựng tư tưởng mới*, trước hết cần tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối chính sách của Đảng. Trên cơ sở có sự hiểu biết đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, trước hết là về thời kỳ quá độ, về cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, cần « xây dựng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, tư tưởng và ý thức làm chủ tập thể, tinh thần và kỷ luật lao động xã hội chủ nghĩa... Đồng thời, phải kiên quyết chống mọi thủ đoạn phá hoại về tư tưởng và văn hóa của chủ nghĩa đế quốc và của bọn bành trướng và bá quyền Trung quốc; chống lại những ảnh hưởng xấu của tư tưởng và văn hóa thực dân mới; chống tư tưởng tư sản, phê phán tư tưởng tiểu tư sản; xóa bỏ những ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến và những tập tục hủ bại của xã hội cũ; chống tư tưởng tự do chủ nghĩa, tản mạn và lạc hậu của người sản xuất nhỏ; chống bóc lột, đầu cơ, ăn bám, chống tham ô, ăn cắp và những biểu hiện tiêu cực khác trong xã hội » (tr. 388 — 389).

Những điều vừa dẫn nhắc chúng ta nhớ đến nhiệm vụ công tác tư tưởng mà đồng chí Trường Chinh đã nêu ra từ tháng 10 năm 1975 trước yêu cầu của sự nghiệp hoàn thành thống nhất nước nhà. Bấy giờ đồng chí Trường Chinh đã lưu ý đến việc phải khắc phục những lệch lạc như « không nhận thức được kịp thời những biến đổi mới trong tình hình mới », « mơ hồ về quan điểm giai cấp » (tr. 284 — 285), « những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân lại nảy sinh và phát triển » (tr. 286) dẫn đến những hiện tượng tiêu cực, sự sa sút về ý chí và phẩm chất cách mạng. Bây giờ, đồng chí đã yêu cầu phải không ngừng nâng cao tính đảng, tính chiến đấu và tính khoa học trong công tác tư tưởng. Bây giờ, đồng chí lại chỉ rõ : « Cần gắn công tác tư tưởng với công tác kinh tế. Bản thân công tác tư tưởng sẽ không có nội dung nếu tự nó tách khỏi kinh tế

Digitized by Google

và đời sống. Một cơ chế kinh tế đúng, một chính sách kinh tế đúng sẽ là cơ sở vững vàng để làm tốt công tác tư tưởng. Sơ hở trong công tác kinh tế sẽ làm mất chỗ dựa để làm tốt công tác tư tưởng, đồng thời còn phá hoại những tư tưởng đúng, gây lộn xộn và tiêu cực về tư tưởng » (tr. 389).

Đồng chí Trường Chinh đề ra những vấn đề cấp bách của công tác tư tưởng hiện nay là phải thật sự tạo ra sức mạnh thống nhất ý chí và hành động trong toàn đảng, toàn dân để thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt của địch, lên án những trào lưu tư tưởng phản động trên thế giới, góp phần bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Đồng chí Trường Chinh yêu cầu hãy thấu suốt nội dung công tác tư tưởng, nắm vững cả phương pháp công tác tư tưởng và xứng đáng là những chiến sĩ kiên cường trên mặt trận quan trọng này.

Xây dựng nền văn hóa mới là thế nào? Đồng chí Trường Chinh giải thích rõ những điều đã được ghi trong Nghị quyết Đại hội thứ IV và thứ V của Đảng để khẳng định « trong giai đoạn mới, nền văn hóa xã hội chủ nghĩa bao hàm nội dung rất phong phú » (tr. 392): « Phải xây dựng một nền giáo dục, khoa học — kỹ thuật, y tế, thể dục, thể thao hiện đại, mang bản sắc dân tộc của nước Việt nam xã hội chủ nghĩa », « gắn hơn nữa với sản xuất và đời sống, phục vụ đắc lực cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế — xã hội và yêu cầu của quốc phòng; chú trọng đầy đủ các đòi hỏi về chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế » (tr. 393). Phải tạo điều kiện cho sự ra đời và phát triển của nền văn nghệ mới như là niềm vui, vẻ đẹp, thể hiện những tư tưởng lớn, tình cảm lớn của dân tộc và của thời đại bằng phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa. Phải đưa văn hóa vào sâu trong cuộc sống lầng ngày của nhân dân, xây dựng đời sống văn hóa vui tươi, lành mạnh ở từng cơ sở. Phải gây dựng một nếp sống mới, nếp sống xã hội chủ nghĩa « mỗi người vì mọi người », « mọi người vì mỗi người », chống lại tập tục cổ hủ của chế độ phong kiến và phong hóa đồi trụy của giai cấp tư sản, xây dựng phong tục tập quán mới.

Xây dựng con người mới là nhiệm vụ trực tiếp của cách mạng tư tưởng và văn hóa. « Trước đây, *Đề cương văn hóa* chưa nói đến vấn đề xây dựng con người mới. Song nói đến văn hóa là nói đến con người. Ngày nay, Đảng ta nói đầy đủ hơn là xây dựng văn hóa mới, xây dựng con người mới, coi việc xây dựng con người mới là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của cách mạng tư tưởng và văn hóa » (tr. 387). Nêu lên những đặc trưng nổi bật nhất của con người mới Việt nam xã hội chủ nghĩa theo Nghị quyết Đại hội thứ IV của Đảng, đồng chí Trường Chinh khẳng định: « những tiêu chuẩn ấy là yêu cầu về tư tưởng và tình cảm, trí tuệ và tài năng, phẩm chất và nghị lực mà con người Việt nam phải phấn đấu vươn tới để đáp ứng những yêu cầu phát triển của xã hội Việt nam ngày nay và mai sau » (tr. 398). Con người mới Việt nam đã và đang hình thành trên đất nước ta và mẫu mực là Bác Hồ muôn vàn kính yêu, người con vĩ đại của nhân dân ta. Quá trình xây dựng con người mới không thể tách rời quá trình tiến hành ba cuộc cách mạng, bởi tư tưởng mới, văn hóa mới có tác dụng hướng dẫn hành động của con người, còn cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học — kỹ thuật tạo tiền đề vật chất để xây dựng con người mới một cách thuận lợi. Ở đây, đồng chí Trường Chinh nhấn mạnh vai trò quyết định của chuyên chính vô sản, của việc xác lập cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ và Nhà nước quản lý đối

Digitized by Google

với việc xây dựng con người mới. Đồng thời đồng chí chỉ rõ: « Trong sự nghiệp xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, *cần phải quan tâm đúng mức đến lợi ích của con người*, không ngừng cải thiện điều kiện sống của họ. Nên nhớ rằng vật chất quá thiếu thốn có thể làm cho con người tha hóa được. Mặt khác, bằng công tác tư tưởng và biện pháp giáo dục con người mới một cách thích hợp, xã hội sẽ rèn luyện có kế hoạch con người mới về mặt đạo đức và tinh thần. Cả hai mặt đó phải được kết hợp hữu cơ, để cho việc xây dựng con người mới đạt kết quả tốt » (tr. 400 – 401).

Những ý kiến có tính chất cương lĩnh của đồng chí Trường Chinh về mối quan hệ giữa xây và chống trên cả ba mặt tư tưởng, văn hóa và con người trong cách mạng tư tưởng và văn hóa hiện nay gợi mở biết bao nhiêu vấn đề cần được nghiên cứu để lĩnh hội thấu đáo hơn, để làm tốt hơn trong tình hình mới.

★

Về văn hóa và nghệ thuật – tập II của đồng chí Trường Chinh dày 428 trang đã cùng với tập I dày 376 trang làm thành một công trình hoàn chỉnh ghi dấu những chặng đường phát triển vẻ vang của nền văn hóa mới Việt nam, một cống hiến to lớn và quý báu vào sự nghiệp cách mạng tư tưởng và văn hóa Việt nam, vào kho tàng lý luận văn hóa, văn nghệ theo chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

Học *tập I* năm 1985 trong không khí tưng bừng của những ngày kỷ niệm lớn và *tập II* năm nay trong ánh sáng yêu cầu đổi mới của Đại hội thứ VI của Đảng, chúng ta càng cảm nhận sâu sắc sự « đổi dời » của văn hóa Việt nam trong sự « đổi dời » của dân tộc Việt nam. Chúng ta càng thấy rõ những thành tựu to lớn rực rỡ của nền văn hóa mới Việt nam đều bắt nguồn và phát triển cùng với sự ra đời và phát triển ngày càng phong phú của đường lối văn hóa mang *tính cách mạng, tính khoa học và tính nhất quán* của Đảng cộng sản Việt nam. Chúng ta càng thêm tự hào, tin tưởng và nhận thức rõ hơn nữa trách nhiệm của mình trên mặt trận tư tưởng và văn hóa: tích cực góp phần vào « sự đổi mới của Đảng ta về tư duy, phong cách, tổ chức và cán bộ » (3), vào việc thực hiện « những quyết sách lớn nhằm làm chuyển biến tình hình, đưa đất nước vượt qua khó khăn, thử thách, vững bước tiến lên » (4) trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt nam hiện nay.

(3) Diễn văn khai mạc Đại hội thứ VI của Đảng do đồng chí Nguyễn Văn Linh đọc.
(4) Diễn văn bế mạc của đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh.

Digitized by Google

SỰ THÂM NHẬP VÀ NẢY SINH CÁI MỚI TRONG VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

NGÔ ĐỨC THỊNH

Khi bàn về quy luật truyền thống và hiện đại (hay truyền thống và đổi mới, truyền thống và cách tân) trong tiến trình văn hóa thì vấn đề thâm nhập và nảy sinh cái mới trong văn hóa các dân tộc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nó là một trong những con đường, phương thức để kết hợp hài hòa cái truyền thống và cái hiện đại trong văn hóa. Điều này càng cần được đặc biệt quan tâm trong việc xây dựng và phát triển nền văn hóa mới ở nước ta hiện nay.

Vậy thế nào là cái mới trong văn hóa và con đường hình thành của nó ra sao?

Cái mới trong văn hóa các dân tộc trước hết là *các hiện tượng văn hóa mới* dần dần xuất hiện do sự phát triển nội tại của nền văn hóa mỗi dân tộc, và do quá trình giao lưu, ảnh hưởng lẫn nhau của văn hóa các dân tộc như: các kiểu ăn mặc, các phương tiện đi lại; các kiểu nhà ở, các đồ dùng gia đình; các hình thức vui chơi giải trí v. v.

Đó còn là *các giá trị văn hóa mới* như: niềm tự hào về dân tộc, về Đảng, về lãnh tụ; ý thức về Tổ quốc, về quê hương, về chế độ mới xã hội chủ nghĩa; các chuẩn mực giá trị trong quan hệ xã hội; ý thức về văn hóa của mỗi dân tộc... Nhìn chung, trong bối cảnh kinh tế – xã hội mới hiện nay, cùng với các hiện tượng văn hóa mới nảy sinh và thâm nhập thì trong ý thức văn hóa của các dân tộc cũng đang diễn ra quá trình đánh giá lại các giá trị văn hóa và từ đó hình thành các giá trị mới về văn hóa, thế giới tự nhiên chung quanh con người, về các mối quan hệ kinh tế, chính trị và xã hội nữa. Bởi vậy, trong quá trình xây dựng và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số, không chỉ cần tạo tiền đề kinh tế – xã hội cho các giá trị văn hóa mới nảy nở, phát triển, mà còn phải sớm nhận thức nó, tác động vào nó theo những khuynh hướng mà chúng ta mong muốn.

Cái mới trong văn hóa các dân tộc không chỉ thể hiện ở những yếu tố, những giá trị văn hóa mới, mà còn ở *bộ mặt, ở diện mạo văn hóa mới, ở thể chất văn hóa mới*. Bộ mặt văn hóa mới, thể chất văn hóa mới chỉ có thể hình thành và định hình trên cơ sở một cơ cấu kinh tế – xã hội mới, đó là cơ cấu kinh tế – xã hội xã hội chủ nghĩa xây dựng trên cơ sở công nghiệp hóa. Bởi vậy, ngày nay ở người Kinh cũng như ở các dân tộc thiểu số, một tình trạng hỗn dung, đan xen văn hóa giữa cũ và mới, lạc hậu và tiến bộ, phi xã hội chủ nghĩa và xã hội chủ

Digitized by Google

nghĩa... đang diễn ra. Cho nên, làm cho cái mới trong văn hóa thâm nhập, nảy sinh và dần dần chiếm vị trí chủ đạo trong văn hóa các dân tộc là công việc hàng đầu trong xây dựng và phát triển văn hóa mới của các dân tộc thiểu số hiện nay.

Khi bàn tới *con đường hay là các phương thức thâm nhập và nảy sinh cái mới* trong văn hóa dân tộc, người ta thường kể tới ba nhân tố cơ bản: *phát triển nội tại, kích thích và vay mượn*. Sự phát triển nội tại của một hiện tượng văn hóa, một nền văn hóa là do những nhân tố thúc đẩy bên trong quyết định, không có tác động đáng kể từ bên ngoài. Sự biến đổi do kích thích được coi là sự biến đổi bên trong của văn hóa do những kích thích bên ngoài, tuy nhiên nó không mang tính vay mượn trực tiếp. Còn sự vay mượn là trường hợp biến đổi văn hóa gắn liền với sự tác động và thu nhận trực tiếp từ bên ngoài. Tuy nhiên, trong thực tế văn hóa các dân tộc, ít khi các phương thức trên tác động và diễn ra một cách độc lập và riêng rẽ, mà chúng thường cùng tác động, song mức độ thì có khác nhau.

Mấy chục năm gần đây, trong văn hóa các dân tộc thiểu số, hiện tượng vay mượn, ảnh hưởng văn hóa diễn ra đặc biệt mạnh mẽ thể hiện trên các mặt ăn, ở, mặc, đi lại. Về mặc, trước hết là ở nam giới, ở những bộ phận cư dân đô thị, ven đô, ven các trục giao thông, thường là thay đổi cách mặc theo người Kinh, nhất là cách mặc của người Kinh ở đô thị. Chúng ta đã thấy ở phụ nữ Thái hiện tượng mặc « hỗn hợp » giữa váy Thái với áo sơ mi Kinh, khá nhiều người mặc hoàn toàn theo kiểu người Kinh. Hiện tượng này còn thấy khá điển hình ở nhiều dân tộc khác như Tày, Nùng, Mường, Êđê, Ba na, Khơ me, Chăm...

Trong bữa ăn hằng ngày của đồng bào các dân tộc thiểu số cũng vậy, bên cạnh những món ăn nấu theo kiểu dân tộc, hợp khẩu vị dân tộc, đồng bào còn nấu các món ăn mới theo cách nấu của người vùng xuôi, ở đô thị. Đặc biệt, ở những bộ phận cư dân chuyển từ ăn cơm nếp sang ăn cơm tẻ thì một số món ăn phù hợp với cơm nếp dần dần được thay bằng món ăn phù hợp với cơm tẻ. Do việc giao lưu buôn bán ở vùng núi phát triển, dần dần đồng bào các dân tộc thiểu số cũng quen mua một số thực phẩm do mậu dịch bán hay do người Kinh mang từ vùng xuôi lên. Trong bữa ăn của họ đã thấy có cá khô, nước mắm, mì chính, xì dầu... là những thứ trước kia hoàn toàn xa lạ với khẩu vị của họ.

Hiện tượng vay mượn, ảnh hưởng cũng còn thấy khá rõ trong xây cất nhà cửa, trong việc sử dụng các đồ dùng gia đình, như nồi, xoong, chảo, bát, đĩa, thìa, phích nước, bàn, tủ, ghế, máy khâu... Trong đi lại, vận chuyển không chỉ dùng gùi, thuyền, voi, trâu, ngựa thồ, mà dần dần đồng bào các dân tộc, thiểu số còn biết dùng các phương tiện mới như xe đạp, xe máy, xe bò kéo. Nơi kinh tế phát triển đã dùng xe có động cơ, thuyền gắn máy... để vận chuyển. Trong lĩnh vực sản xuất, những sự giao lưu, ảnh hưởng, vay mượn giữa các dân tộc cũng thể hiện rõ ở sự xuất hiện công cụ lao động mới, hệ thống giống mới, nhất là giống lúa, ngô, kỹ thuật canh tác mới, việc dùng phân, thuốc trừ sâu, xây dựng các hệ thống thủy lợi.

Trong đời sống tinh thần, sự giao lưu, vay mượn về văn hóa cũng diễn ra khá sống động. Trong tiếng nói và chữ viết, đó là vốn từ chính trị, xã hội, khoa học gốc Kinh thâm nhập và làm phong phú vốn từ dân tộc. Một số hệ thống chữ viết của các dân tộc được xây dựng trên cơ sở chữ cái của chữ phổ thông. Trong sinh hoạt tinh thần, vui chơi giải trí cũng xuất hiện những hình thức mới, như phim ảnh, ca kịch... Các hoạt động thể thao, báo chí, sách vở, đài phát thanh... đang trở nên quen thuộc với nhiều vùng dân tộc...

Digitized by Google

Hiện tượng giao lưu, vay mượn văn hóa không chỉ diễn ra giữa các dân tộc thiểu số với người Kinh, mà còn diễn ra giữa các dân tộc thiểu số với nhau trong phạm vi một vùng. Các vùng Việt bắc, Tây bắc, Tây nguyên hay tây Nam bộ, mỗi vùng đều có các tộc người vừa chiếm số đông dân cư, vừa có trình độ phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa cao hơn các dân tộc khác, do vậy họ có ảnh hưởng nhiều hơn tới các dân tộc cùng cộng cư. Đó là trường hợp người Tày ở Việt bắc, người Thái ở Tây bắc và miền núi Thanh – Nghệ, người Ba na, Gia rai, Ê đê ở Tây nguyên... Cũng chính do kết quả lâu đời của quá trình giao lưu, vay mượn này mà ở mỗi vùng nói trên đã hình thành những sắc thái văn hóa chung của một vùng văn hóa lịch sử.

Ở phần trên, những xung đột bên trong hay bên ngoài để tạo nên sự thâm nhập và nảy sinh cái mới trong văn hóa dân tộc đã được bàn đến. Vậy *quá trình sản sinh và thâm nhập cái mới* trong văn hóa các dân tộc diễn ra như thế nào ?

Từ lâu người ta đã nêu ra bốn bước đầy đủ nhất của quá trình này, đó là *chọn lọc, tái tạo, thích nghi và liên kết hóa*.

Trước những làn sóng giao lưu, ảnh hưởng văn hóa qua lại sống động như hiện nay, văn hóa mỗi dân tộc đều đứng trước sự chọn lọc : tiếp thu cái gì, tiếp thu như thế nào và ở mức nào ? Ở đây có ba khuynh hướng : mở cửa hoàn toàn cho sự giao lưu, vay mượn ; định hướng và điều kiện hóa cho quá trình vay mượn ; đóng cửa trước làn sóng giao lưu, vay mượn. Đây là nói về phương diện quốc gia trước những giao lưu, ảnh hưởng quốc tế. Còn trong phạm vi một quốc gia thì mức độ giao lưu, vay mượn chủ yếu phụ thuộc vào nhân tố khách quan và chủ quan của mỗi dân tộc. Nhân tố khách quan là tính chất nơi cư trú, mức độ đan xen dân cư dân tộc, điều kiện giao thông, thông tin đại chúng... Nhân tố chủ quan phụ thuộc vào điều kiện kinh tế – xã hội cũng như xu hướng phát triển văn hóa hiện tại của dân tộc ấy. Từ những nhân tố chủ quan và khách quan đó, mỗi dân tộc đều có sự lựa chọn khác nhau trước những hiện tượng văn hóa bên ngoài đang tác động tới

Những cái đã được dân tộc lựa chọn, tiếp thu, đều được con người tái tạo. Thực ra *tái tạo* còn dừng lại ở mức độ thô sơ của sự sao chép lại cái đã lựa chọn. Tuy nhiên, trong quá trình tái tạo, người ta có thể loại bỏ những cái gì đã lựa chọn nhưng không thích hợp, và cải biến những cái vừa tiếp thu.

Tuy nhiên, những yếu tố văn hóa vay mượn, chọn lọc, biến cải không tồn tại như một thực thể độc lập, cô lập trong tổng thể văn hóa dân tộc, mà nó được *liên kết hóa* về cơ cấu, trở thành một bộ phận hữu cơ của văn hóa dân tộc và nhiều khi trong qua trình liên kết hóa thành cơ cấu hữu cơ như vậy, hiện tượng văn hóa mới còn làm cho các hiện tượng văn hóa khác mà nó liên kết cũng có sự biến đổi nhất định.

Rõ ràng là trong một quốc gia nhiều dân tộc như nước ta, việc thâm nhập và nảy sinh ngày càng nhiều yếu tố mới trong văn hóa các dân tộc có ý nghĩa to lớn. Một mặt, nó làm cho bản thân văn hóa các dân tộc phát triển nhanh theo khuynh hướng hợp quy luật, mặt khác, nó sẽ là nhân tố thúc đẩy quá trình giao lưu, ảnh hưởng, xích lại gần nhau, cố kết với nhau giữa các dân tộc trong một cộng đồng. Tuy nhiên, để cho cái mới bằng con đường phát triển nội tại, kích thích hay vay mượn xuất hiện trong đời sống văn hóa thông qua các quá trình lựa chọn, tái tạo, cải biến và liên kết hóa, còn cần các điều kiện khách quan và chủ quan nữa

Digitized by Google

Điều kiện tiên quyết tạo nên sự đổi mới và phát triển nhanh của văn hóa các dân tộc là *sự phát triển tương ứng của cơ sở kinh tế – xã hội*. Trong mấy chục năm qua ở các vùng dân tộc thiểu số, sự nghiệp giáo dục phổ thông và đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có những bước tiến đáng kể, là nhân tố mới trong nền văn hóa các dân tộc. Tuy nhiên sự phát triển này chưa thực sự dựa trên cơ sở phát triển kinh tế – xã hội của bản thân vùng núi, cho nên sau một số năm nó bộc lộ những mặt yếu kém khá cơ bản, dẫn tới những mất cân đối giữa cơ sở kinh tế – xã hội và phát triển văn hóa giáo dục.. Hiện tượng xây dựng chữ viết cho một số dân tộc cũng chưa thật sự xuất phát từ nhu cầu kinh tế – xã hội, phát triển văn hóa, cho nên có chữ viết rồi nhưng nó không phát huy được tác dụng hoặc bị lãng quên. Bởi vậy, phát triển văn hóa phải đồng bộ với phát triển kinh tế – xã hội, trên cơ sở của phát triển kinh tế – xã hội. Nói cách khác, quy mô và trình độ phát triển kinh tế – xã hội là nhân tố định tính và định lượng cho sự phát triển văn hóa. Chúng ta cần khắc phục tình trạng các quá trình phát triển kinh tế – xã hội và phát triển văn hóa tách rời nhau; trong các chương trình kinh tế – xã hội ít tính đến các nhân tố văn hóa, còn sự phát triển văn hóa thì nhiều khi thoát ly khỏi cơ sở phát triển kinh tế – xã hội.

Phát triển văn hóa dân tộc dù bằng con đường nào cũng đều chịu sự tác động ở mức độ khác nhau của các *nhân tố nội sinh và ngoại sinh*.

Nhân tố nội sinh ở đây là những khuynh hướng, những nhu cầu đổi mới văn hóa của bản thân mỗi dân tộc mà cái đó rõ ràng phải tìm cơ sở ở sự phát triển kinh tế – xã hội. Qua nhiều thế kỷ, người Chăm ở Thuận hải vẫn sản xuất gốm bằng kỹ thuật thô sơ không có bàn xoay, đốt lò thiên (không có lò), chất lượng gốm kém, mà họ không đổi mới không học hỏi kỹ thuật gốm cao hơn của người Kinh láng giềng. Nguyên nhân của tình trạng đó chính là do không có nhân tố nội sinh thúc đẩy quá trình phát triển.

Các nhân tố ngoại sinh đóng vai trò quan trọng trong quá trình kích thích, vay mượn, từ đó dẫn tới sự thâm nhập và nảy sinh cái mới trong văn hóa các dân tộc. Bởi vậy, tăng cường giao lưu, tiếp xúc giữa các dân tộc là điều hết sức quan trọng. Không nên nghĩ rằng một nhóm dân cư hay dân tộc nào đó bỏ cái cũ của mình, tiếp thu cái mới của dân tộc khác là "mất gốc", có hại cho sự phát triển văn hóa của dân tộc đó. Một khi sự tiếp thu đó là hợp nhu cầu, đáp ứng đòi hỏi của xã hội, có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của dân tộc thì thế nào trong quá trình sao chép, cải biến và liên kết hóa, dân tộc đó cũng góp phần sáng tạo và ghi đậm ấn tộc người của mình vào sản phẩm lúc đầu là vay mượn ấy. Và như vậy, cái bản sắc dân tộc không những không mất đi mà còn phát triển hơn, phong phú hơn, đa dạng hơn. Tuy nhiên, chúng ta vẫn phải thường xuyên ngăn ngừa các biểu hiện của tư tưởng dân tộc lớn cũng như dân tộc hẹp hòi; thực hiện đúng chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta: bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, cùng làm chủ tập thể Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Cuối cùng, *định hướng, điều kiện hóa* cho các nhu cầu phát triển, đổi mới văn hóa các dân tộc cũng là điều rất quan trọng. Việc định hướng và điều kiện hóa các quá trình văn hóa không phải chỉ là ý định hoàn toàn chủ quan, mà còn là hay chủ yếu là sự nhận thức và phát huy những truyền thống văn hóa vốn có của dân tộc, của mỗi vùng, cũng như những xu hướng phát triển chung của dân

Digitized by Google

tộc hay của vùng trong hiện tại và tương lai. Thí dụ, với bộ phận cư dân vùng cao (H'mông, Tạng – Miến) vốn thích ứng với điều kiện tự nhiên núi cao, thoáng mát, có truyền thống phát triển trồng trọt và chăn nuôi các loại cây, con đặc sản, thì việc định hướng và điều kiện hóa trong phát triển văn hóa các dân tộc này phải khác với cư dân Môn – Khơ me ở vùng còn nhiều rừng và có truyền thống trồng và khai thác rừng...Tất nhiên việc định hướng và điều kiện hóa ở đây không chỉ thực hiện với các nhân tố nội sinh, tức là các xu hướng phát triển nội tại của bản thân nền văn hóa các dân tộc đó, mà với cả các quá trình giao lưu, ảnh hưởng, vay mượn, đồng hóa văn hóa, tức các nhân tố ngoại sinh của sự phát triển.

Nền văn hóa mới mà chúng ta đang xây dựng là nền văn hóa xã hội chủ nghĩa mang bản sắc dân tộc. Nền văn hóa ấy là sự kết hợp hài hòa những tinh hoa văn hóa có phong cách riêng của các dân tộc anh em trong đại gia đình các dân tộc Việt nam. Vì vậy, xóa bỏ sự chênh lệch về kinh tế và văn hóa giữa các dân tộc, nhất là giữa dân tộc đa số với các dân tộc thiểu số trên đất nước ta đang là mục tiêu phấn đấu của Đảng và Nhà nước. Tạo điều kiện thuận lợi cho sự thâm nhập và nảy sinh cái mới trong văn hóa các dân tộc thiểu số là một trong những biện pháp để thực hiện mục tiêu nói trên.

–

LÀM TỐT CÔNG TÁC...

(Tiếp theo trang 57)

quân, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự chỉ đạo tổ chức thực hiện của các cấp chính quyền địa phương. Để đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới, *cơ quan quân sự địa phương các cấp cần được kiện toàn, củng cố*, bao gồm những người vừa có kinh nghiệm chiến đấu, vừa có trình độ khoa học kỹ thuật quân sự hiện đại, lại có hiểu biết về khoa học kỹ thuật sản xuất, khoa học quản lý kinh tế để làm tham mưu cho các cấp ủy đảng. Cán bộ các ngành kinh tế, xã hội cũng cần có kiến thức cần thiết về quân sự. Trong các trường đảng, trường quản lý kinh tế ở địa phương nên giảng dạy một phần chương trình quân sự (bao gồm đường lối, khoa học và nghệ thuật quân sự), phù hợp với đối tượng học viên và thời gian khóa học. Các cấp ủy đảng cần định rõ chế độ kiểm tra, nghe báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác quân sự địa phương, chỉ đạo sát sao và phân công người theo dõi thường xuyên, kịp thời giải quyết những khó khăn của nó. Đó là yếu tố quan trọng hàng đầu bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ công tác quân sự địa phương.

Digitized by Google

Lẽ sống, lối sống ngày nay

Giáo sư
LÊ ANH TRÀ

XÂY dựng lối sống mới là một biện pháp quan trọng để xây dựng con người mới. Đó là một việc làm rất đúng đắn, hợp với quy luật hình thành nhân cách con người xã hội chủ nghĩa.

Những năm gần đây, nhân cách và lối sống có nhiều hiện tượng sa sút, các hiện tượng tiêu cực phát triển, kỷ cương xã hội bị buông lỏng ở nhiều mặt. Chúng ta cần dấu tranh kiên quyết chống lại những hiện tượng tiêu cực đó, làm cho những nguyên tắc công bằng xã hội và lối sống lành mạnh được khẳng định trong cuộc sống hằng ngày của xã hội ta.

Về tình hình lối sống hiện nay, có thể nêu ra một mô hình sơ giản:

Nhìn chung, trình độ kiến thức văn hóa của nhân dân đã được nâng cao rõ rệt so với trước Cách mạng. Mặc dù trải qua 30 năm chiến tranh ác liệt, chúng ta đã có những tiến bộ đáng kể về lối sống, đã xóa được nhiều hủ tục phong kiến, sửa đổi được nhiều cung cách làm ăn và thói quen lạc hậu, xây dựng được nhiều mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người. Tuy nhiên, những tiến bộ đó mới chỉ là bước đầu. Trong xã hội ta còn đang diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai lối sống: một bên là lối sống có lý tưởng, lành mạnh, trung thực, sống bằng lao động của mình, có ý thức tôn trọng và bảo vệ của công, chăm lo lợi ích của tập thể và của đất nước; một bên là lối sống thực dụng, đối trá, ích kỷ, ăn bám, chạy theo đồng tiền. Có lúc, có nơi cái xấu đã lấn át cái tốt.

Trong hoàn cảnh đất nước còn có khó khăn về nhiều mặt, nhiều người vẫn giữ được phẩm chất tốt đẹp, vẫn lao động, học tập, chiến đấu giỏi. Lẽ sống xã hội chủ nghĩa ở họ rõ ràng, dứt khoát, đi vào chiều sâu. Tuy vậy, họ cũng chưa phát huy hết được tiềm năng của mình. Khi có sự đối xử không công bằng, không thỏa đáng đối với họ thì tính tích cực xã hội của họ có phần giảm sút, thậm chí một số thiếu bản lĩnh vững vàng trở nên tiêu cực.

Một bộ phận người không còn giữ được lẽ sống trong sáng, thì ít nhiều đã mất lòng tin ở Đảng, Nhà nước và nhân dân. Cái căn nhất ở đây là thái độ lao động của họ không đúng đắn, không trung thực. Thái độ lao động chân chính là thước đo quan trọng nhất của đạo đức mới xã hội chủ nghĩa, của lẽ sống con người, nhưng ở những người này, dù ở nhà máy, cơ quan hay ở công trường, hợp tác xã, họ đều chỉ lo cho lợi ích của bản thân. Họ làm việc cho tập thể, cho nhà nước thì thụ động, không cố gắng, không có tinh thần trách nhiệm, không chú trọng đến chất lượng, hiệu quả công việc, mà chỉ tìm mọi sơ hở của tổ chức để làm dối làm ẩu, ăn bớt vật tư, móc ngoặc, tham ô, tìm cách trục lợi. Bao nhiêu lãng phí, hư hại về tiền của, vật tư, công sức lao động sinh ra từ đấy, gây thêm rất nhiều khó khăn cho nền kinh tế quốc dân.

Một bộ phận khác nữa, tồi tệ hơn đã biến chất, sa đọa thành những tên

Digitized by Google

đầu cơ, buôn lậu, ăn cắp, hối lộ — những sâu mọt của xã hội. Điều đáng phẫn nộ hơn là không ít những người có chức, có quyền cũng tha hóa, làm ô che cho những việc làm phi pháp ngày càng trắng trợn.

Tuổi thanh xuân là tuổi đẹp nhất của cuộc đời. Vậy mà trong thanh niên cũng có một số người không chịu làm việc, chỉ thích ăn diện, đua đòi, sống bám vào bố mẹ, hoặc dựa vào thế lực của bố, mẹ, để làm càn, tổ chức thành băng này nhóm nọ, cướp bóc, trấn lột, gây rối trị an. Nhiều thiếu nhi sớm hư hỏng, sa vào con đường tội lỗi. Gia đình là nơi đầu tiên giáo dục lối sống cho thanh niên, thiếu niên đã không làm tròn trách nhiệm.

Trong quan hệ, trong các nếp ứng xử giữa người và người, chưa thật sự bình đẳng, dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau.

Cuộc sống còn nhiều chuyện sai trái, lẫn lộn giữa cái tốt và cái xấu, cái chân thật và cái giả dối, nhiều biểu hiện vô trách nhiệm, thiếu đạo đức, phá hoại kỷ cương, coi thường pháp luật v.v.

Lối sống của chúng ta hiện nay là một phức hợp gồm những yếu tố tích cực và tiêu cực đang trong thế đấu tranh gay gắt. Những yếu tố tiêu cực đang có tác động phá hoại khá lớn, gây nguy hiểm cho cuộc sống xã hội, cần phải có biện pháp xử lý kịp thời. Cần nhanh chóng khôi phục trật tự kỷ cương trong mọi hoạt động của Nhà nước và sinh hoạt xã hội, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật, nêu cao ý thức tự giác của mỗi người.

Để xây dựng lối sống mới xã hội chủ nghĩa, bảo đảm cho nó trở thành lối sống phổ biến trong xã hội ta, đương nhiên cần có cả một tổng thể những biện pháp về mặt quản lý kinh tế cũng như quản lý xã hội. Ở đây, chỉ nói tới những chuẩn mực tinh thần của nó, nói tới việc giáo dục lối sống. Giáo dục lối sống không chỉ là vấn đề thuyết lý về lẽ sống, hay cố gắng tạo nên một số nếp sống riêng rẽ nào đó, mà là vấn đề giáo dục phức hợp, toàn diện, nhằm xây dựng và hoàn thiện con người, trong đó cái đẹp, cái thẩm mỹ cùng với cái chân và cái thiện, cái đạo đức được coi là tiêu chí cao nhất của lối sống xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Cần đẩy mạnh giáo dục thẩm mỹ ở mọi khâu của lối sống và nếp sống.

Giáo dục thẩm mỹ không phải là một loại hình giáo dục riêng rẽ, tách biệt, nó kết hợp với hầu hết các loại hình giáo dục khác, thành một hệ thống phức hợp thống nhất (giáo dục chính trị, đạo đức, văn hóa, nghệ thuật, giáo dục bằng lao động, bằng môi trường sống), lấy hệ tư tưởng Mác — Lê-nin và đường lối của Đảng làm nguyên tắc chỉ đạo.

Trong sự kết hợp với các loại hình giáo dục khác, giáo dục thẩm mỹ huy động toàn bộ xã hội hoạt động cho nó; mặt khác, nó đáp ứng được yêu cầu giáo dục thẩm mỹ của toàn dân và của từng người. Giáo dục thẩm mỹ vừa phổ cập cho toàn xã hội vừa bảo đảm giáo dục liên tục trong quá trình đời sống con người. Về phương pháp, giáo dục thẩm mỹ đi vào lòng người bằng cả cảm tính và lý tính, bằng sự rung động thật sự của trái tim. Giáo dục thẩm mỹ đem lại cho con người lý tưởng thẩm mỹ, lẽ sống và lối sống... một cách mạnh mẽ mà không một loại hình giáo dục nào khác có thể so sánh được.

Giáo dục thẩm mỹ trước tiên là giáo dục những khả năng cảm thụ và đánh giá cái đẹp trong cuộc sống; khả năng sống và cải tạo thế giới theo quy luật cái đẹp nhằm hoàn thiện con người mới, con người phát triển toàn diện và hài hòa.

Những hiện tượng tiêu cực nảy sinh trong đời sống hàng ngày đều là xấu, là phản thẩm mỹ. Muốn xóa bỏ những hiện tượng ấy, chúng ta cần giáo dục

Digitized by Google

đạo lý về lẽ sống, nhưng sâu xa hơn là giáo dục về lý tưởng thẩm mỹ, về các thị hiếu và cảm xúc thẩm mỹ, làm cho con người yêu cái đẹp, nhận thức được cái đẹp và quyết tâm thực hiện cái đẹp.

Phải làm sao cho mọi người bỏ đi cái tính thờ ơ đạo đức, tính tê liệt thẩm mỹ, cái thói quen nguội lạnh, không phản ứng trước mọi cái xấu xa, sai trái xảy ra quanh mình.

Cần giáo dục tính tự giác trong lối sống mới; giáo dục bằng thể chế, luật pháp, đồng thời xử lý nghiêm khắc những vi phạm lớn về lối sống xã hội chủ nghĩa, đấu tranh chống lối sống tư sản, phản động.

Về phương pháp xây dựng lối sống mới, chúng ta cần phải rút kinh nghiệm về cách làm chủ quan, đưa ra những quy chế không phù hợp, hoặc nóng vội muốn xóa bỏ ngay những thói quen đã bám rễ hàng nghìn năm vào ý thức con người. Điều quan trọng nhất là giải quyết vấn đề nhân sinh quan, lẽ sống, thái độ lao động và từ đó giải quyết các quan hệ ứng xử khác. Cần vận dụng nhiều ngành khoa học (như tâm lý học, sinh học, lao động học, thẩm mỹ học, xã hội học...) để tìm ra các quy luật của lối sống, các thị hiếu, các nhu cầu văn hóa và thẩm mỹ của từng đối tượng, nhằm vạch ra các hình mẫu hợp lý về lối sống, mang những nét chung đồng thời có những màu sắc riêng cho từng dân tộc, từng lứa tuổi và nơi cư trú (thành phố, nông thôn, vùng rừng núi, v.v.).

Xây dựng lối sống mới cần phải khẩn trương, nhưng đồng thời phải hết sức kiên trì, làm từng bước, dựa vào những thành tựu kinh tế – xã hội và khoa học – kỹ thuật.

Có xây dựng được lối sống tốt, thì mới giải phóng được con người khỏi các hủ tục, các ràng buộc của lề thói cũ kỹ, «*đẩy lùi và xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội*» (1), mới phát huy được tính tích cực và tính sáng tạo của con người, đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế – xã hội, đem lại hạnh phúc và hoàn thiện con người xã hội chủ nghĩa.

---

(1) Nghị quyết Đại hội VI ĐCSVN, *Tạp chí Cộng sản*, số 1 – 1987, tr. 125.

Digitized by Google

CHUNG QUANH VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI PHONG CÁCH CÔNG TÁC

NGUYỄN HẢI KHOÁT

Từ trước đến nay, vấn đề xây dựng phong cách làm việc cách mạng và khoa học — phong cách lê nin nít — được Đảng ta, đặc biệt là Hồ Chủ tịch, rất quan tâm. Ngay từ những ngày đầu chuẩn bị thành lập Đảng, Hồ Chủ tịch đã hết sức lưu tâm đến việc bồi dưỡng xây dựng phong cách làm việc mới cho cán bộ, đảng viên. Năm 1925, trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Người đã dành chương đầu tiên để bàn về vấn đề đó. Sau này trong các tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (1947), *Đạo đức cách mạng* (1961) cũng như trong nhiều bài nói và bài viết khác của Người, vấn đề xây dựng một phong cách làm việc mới được đề cập đến ngày càng toàn diện và sâu sắc.

Sau khi cả nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội, trong hoàn cảnh mới, trước những yêu cầu và nhiệm vụ mới của cách mạng, Đảng ta càng đặc biệt coi trọng vấn đề xây dựng phong cách làm việc mới. Đại hội thứ IV của Đảng đã đòi hỏi các cấp ủy đảng phải ra sức khắc phục những nhược điểm về mặt lãnh đạo tổ chức, cố gắng sửa đổi nhanh lề lối làm việc, tìm tòi những hình thức và phương pháp công tác mới, khoa học, có hiệu quả. Đại hội thứ V của Đảng lại nhấn mạnh: Chúng ta phải đổi mới phương pháp và chế độ làm việc và phải xây dựng cho được phong cách làm việc lê nin nít. Đại hội VI của Đảng khẳng định, đổi mới phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc là một trong những yêu cầu rất quan trọng và cấp bách của chúng ta trong giai đoạn hiện nay.

Vấn đề đổi mới phong cách làm việc bao gồm rất nhiều nội dung phong phú. Ở đây, chỉ xin đề cập một khía cạnh: muốn đổi mới phong cách làm việc, phải nhanh chóng khắc phục lối làm việc quan liêu, xây dựng cho được phong cách làm việc lê nin nít, trong đó phong cách thạo việc là một nội dung quan trọng.

Trong những năm qua, mặc dù chúng ta đã có nhiều cố gắng trong việc đấu tranh chống tệ quan liêu, song cho đến nay, tệ quan liêu vẫn đang là một chướng ngại trên con đường tiến lên của chúng ta. Báo cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội VI đã nhận định: « *Phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc còn mang nặng chủ nghĩa quan liêu* (tôi gạch dưới — NHK), lời nói không đi đôi với việc làm, không tuân thủ quy trình làm việc và ra quyết định ». « Cùng với những hậu quả của cơ chế cũ về quản lý kinh tế, tệ quan liêu trong thái độ, phong cách làm việc của cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành kể cả đơn vị kinh tế, đơn vị hành chính cơ sở, chưa được phê phán và khắc phục ».

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, chủ nghĩa quan liêu xuất hiện như một phong cách đặc biệt mà nội dung của nó là tách quyền hành cá nhân khỏi quyền lợi và nguyện vọng của tập thể, xem thường thực chất của sự việc, trốn tránh trách nhiệm, làm việc không theo nguyên tắc, quy chế, trút hậu

Digitized by Google

quả tiêu cực của mình cho cơ quan cấp trên và cho quần chúng.

Nét nổi bật của người có phong cách quan liêu là họ sinh ra những chỉ thị, nghị quyết rất kêu với các khẩu hiệu như «lấy cải tổ một cách triệt để... », «phải ngăn chặn... », «phải nghiên cứu và dự đoán... », song thường không có các biện pháp tư tưởng và tổ chức đi kèm, cho nên tất cả chỉ dừng lại trên giấy tờ, hoặc có được thực hiện thì cũng là «đầu voi, đuôi chuột». Người quan liêu thường (và biết cách) tạo ra các «sáng kiến giả» trong công tác của mình, lợi dụng các quy chế, nguyên tắc vào việc bảo vệ «chỗ đứng» của họ trong hệ thống quản lý. Họ say sưa với hệ thống cấp bậc quản lý «nhiều tầng nấc trung gian». Đối với cấp trên, người quan liêu đặt vấn đề trách nhiệm ở việc đệ trình báo cáo và cung cấp tài liệu một cách kịp thời là chủ yếu, chứ không cần phải tính tới hiệu quả và chất lượng thực của chúng. Thường thường, người quan liêu tự coi mình là người tối quan trọng, và rất chủ quan về vốn hiểu biết của mình. Chính vì thế mà anh ta ít nghe ý kiến của tập thể, của các chuyên gia, đặc biệt là rất không ưa nghe những ý kiến trái ngược với mình.

Hồ Chủ tịch đã nêu rõ những biểu hiện của phong cách làm việc quan liêu như sau: «Không đi sâu đi sát phong trào, không nắm được tình hình cụ thể của ngành hoặc của địa phương mình, không gần gũi quần chúng và học hỏi kinh nghiệm của quần chúng. Thích ngồi bàn giấy hơn là đi xuống cơ sở để hiểu đúng thực tế, kiểm tra việc thi hành chính sách, lắng nghe ý kiến của nhân dân. Thích dùng mệnh lệnh hành chính hơn là kiên nhẫn giáo dục quần chúng một cách có lý, có tình» (1) và «Khi phụ trách ở một vùng nào thì như một ông vua con ở đấy, tha hồ hách dịch, hoạnh học. Đối với cấp trên thì xem thường, đối với cấp dưới cậy quyền lấn áp. Đối với quần chúng ra vẻ quan cách làm cho quần chúng sợ hãi» (2).

Phong cách làm việc quan liêu làm cho cán bộ bảo thủ, cũ kỹ ỷ lại, vô trách nhiệm, thiếu năng động, làm lạn chế khả năng của cán bộ, thậm chí bóp nghẹt sáng kiến và tính năng động cách mạng của quần chúng; làm suy yếu sự đoàn kết trong đảng và làm cho sự lãnh đạo của Đảng, việc điều hành của Nhà nước kém hiệu lực. Chính vì vậy mà Hồ Chủ tịch đã gọi chủ nghĩa quan liêu là «một thứ giặc ở trong lòng chúng ta».

Sự tồn tại của phong cách quan liêu nằm ngay trong các nguyên nhân về kinh tế, tổ chức—quản lý, văn hóa tư tưởng. Về những nguồn gốc kinh tế của chủ nghĩa quan liêu, V.I. Lênin chỉ rõ: ấy là tình trạng riêng rẽ, phân tán của những người sản xuất nhỏ, hoàn cảnh khốn cùng và dốt nát của họ, tình trạng không có đường sá, nạn mù chữ, tình trạng không có sự trao đổi và thiếu sự liên hệ, tác động qua lại giữa nông nghiệp và công nghiệp. Người viết: bệnh quan liêu là «thượng tầng kiến trúc dựa trên tình trạng sống rải rác và nặn chí của người sản xuất nhỏ», nó «gắn liền với xu thế tự phát tiểu tư sản và tình trạng phân tán của xu thế đó». Ở nước ta, chính trên cơ sở nền sản xuất nhỏ và cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp mà phong cách quan liêu, cửa quyền đã được duy trì và trở nên trầm trọng trong thời gian qua. Cơ chế đó đã đẻ ra bộ máy quản lý cồng kềnh với những cán bộ quản lý kém năng động, không thạo kinh doanh, với tác phong quan liêu xa thực tế, xa quần chúng: trong tư tưởng và phong cách của cán bộ, tệ quan liêu hành chính, thái độ cửa quyền làm cản trở sản xuất, gây phiền hà

(1). (2) *Hồ Chí Minh: Về đảng cầm quyền*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, tr. 22, 113.

Digitized by Google

cho quần chúng, kìm hãm sáng kiến của cấp dưới.

Nhưng xét về mặt tâm lý, xét riêng từng người, thì nguyên nhân tồn tại phong cách làm việc quan liêu có nhiều khía cạnh khác nhau: do động cơ công tác không đúng đắn, do trình độ nhận thức, năng lực và phương pháp công tác còn hạn chế, do phương pháp tư tưởng còn lệch lạc... ; ở một số người lại do chịu ảnh hưởng của những tàn dư tư tưởng lạc hậu như: óc tự tư tự lợi, cậy quyền cậy thế, v.v. Do đó, sự phê phán và tự phê phán đối với mỗi người và cách khắc phục bệnh quan liêu ở mỗi người cũng không thể giống nhau được.

Chúng ta đã và đang bằng hành động thực tế bác bỏ luận điệu sai lầm cho rằng, quan liêu hóa là bệnh tất yếu của đảng cầm quyền. Thông qua các biện pháp đồng bộ về kinh tế, về giáo dục, về xã hội, chúng ta đã khắc phục được phần nào tệ quan liêu trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Song vấn đề đặt ra là, phải rất coi trọng cải tiến quản lý kinh tế, coi trọng việc dựa vào quần chúng để kiểm tra bộ máy, kiểm tra cán bộ, đảng viên, đồng thời tăng cường giáo dục, tăng cường sự kiểm tra của Đảng và Nhà nước.

Đối lập trực tiếp với phong cách làm việc quan liêu là *phong cách lê nin nit*. Đảng ta coi việc xây dựng phong cách lê nin nít vừa là vấn đề cơ bản lâu dài vừa là vấn đề cấp bách nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, bảo đảm thực hiện mọi nhiệm vụ cách mạng. Vì vậy, trong khi tích cực đấu tranh khắc phục phong cách quan liêu thì đồng thời phải ra sức hình thành và phát triển phong cách lê nin nit.

Những năm gần đây, trên cơ sở những chuẩn mực của phong cách lê nin nit và sự tìm tòi, tổng kết thực tiễn, các nhà khoa học mác xít đã đề xuất nhiều phong cách công tác mới, như: phong cách dân chủ, phong cách định rõ mục tiêu, phong cách ủy nhiệm, phong cách tổ chức vấn đề, phong cách thạo việc v.v. Ở đây chúng tôi muốn đặc biệt lưu ý và nhấn mạnh *phong cách thạo việc*.

Theo nhiều nhà nghiên cứu, người có phong cách thạo việc là người có những phẩm chất cơ bản như: biết định hướng vào mục đích cơ bản, cuối cùng của hoạt động quản lý; cố gắng tìm kiếm được con đường ngắn nhất và các biện pháp thiết thực và cụ thể nhất để đạt tới mục đích; có tính độc lập trong tư duy, có tinh thần đổi mới và có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo; có óc phê phán và cách mạng, nhất là trước các quyết định sai lầm và ít hiệu quả; có tính linh hoạt mềm dẻo trong các quyết định và hành động quản lý; có năng lực tổ chức thực tiễn cao; có khả năng đơn giản hóa các chức năng quyền lực và thứ bậc quản lý để công việc tiến hành được trôi chảy và đạt hiệu quả cao; có khả năng dự đoán được xa và đúng các vấn đề quản lý quan trọng; có tầm nhìn rộng và sâu dựa trên sự am hiểu của bản thân, của các chuyên gia và của cấp dưới...

Thành thạo công việc là phẩm chất quan trọng hàng đầu của người có phong cách lê nin nit. Phẩm chất này là sự kết tinh của các phẩm chất chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và tâm lý đạo đức, chứ không phải chỉ là một phẩm chất nghiệp vụ quan trọng nào đó như lâu nay nhiều người vẫn thường hiểu. Thiếu phẩm chất này thì người cán bộ khó có thể có định hướng về tư tưởng, khó có nhận thức đúng đắn về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, lại càng khó có thể biến những đường lối, chủ trương và chính sách ấy thành hiện thực.

Nói cụ thể hơn, người thành thạo công việc là người: a) Biết làm sáng tỏ một cách đúng đắn nhiệm vụ và

Digitized by Google

mục đích công việc do cấp trên giao cho đơn vị mình; hình dung được tương đối cụ thể các việc đó và quy chúng thành những nhiệm vụ cụ thể sát với đơn vị mình; b) Xác định được rõ ràng và sắp xếp hợp lý các hành động quản lý cần thiết để đạt tới mục đích trên (bao gồm các hành động quản lý độc lập và các hành động phụ thuộc); c) Kiên nhẫn và liên tục thực hiện chương trình công tác đã hoạch định, không lúc nào xa rời mục tiêu cuối cùng và các khâu trung gian quan trọng; biết đặt sự chú ý vào các khâu trung gian và khâu cuối cùng một cách hợp lý; d) Biết kịp thời đánh giá và phân tích kết quả hành động ở từng bước công tác nhằm hướng tới kết quả cuối cùng trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá đúng đắn; xác định được trình tự đánh giá và hình dung được rõ các tình huống có thể có, tính toán được tương quan giữa chi phí và kết quả; d) Tiết kiệm được thời gian thực tế (đặc biệt là sử dụng có hiệu quả các cuộc hội nghị); e) Có óc sáng kiến và tính tháo vát xã hội chủ nghĩa (chứ không phải là tài xoay xở vặt) v.v. và v.v.

Người cán bộ có phong cách thạo việc còn biết kết hợp một cách hài hòa trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ kế hoạch với óc sáng tạo. Họ thận trọng nhưng kiên quyết trong việc thực hiện các đổi mới cần thiết. Họ nhận thức được rằng, cái mới, cái tiên tiến phải là cái gì đó vượt khỏi được, vượt xa được các chuẩn mực cũ đã trở thành truyền thống nhưng không còn thích hợp với điều kiện mới nữa. Họ say sưa học tập lý luận khoa học, chuyên môn cần thiết và kinh nghiệm tiên tiến của nước mình và các nước khác. Họ có tinh thần dũng cảm lao vào "sự nguy hiểm quản lý", dám quẳng đi các kinh nghiệm đã lỗi thời, các kiến thức đã lạc hậu, chống lại được sức ỳ của tư duy kinh tế cũ. Họ biết phân tích những thuận lợi và khó khăn khách quan và chủ quan; trong khi không xem nhẹ các khó khăn khách quan, họ đi sâu phát huy các mặt mạnh của nhân tố chủ quan và khắc phục các nhược điểm, khuyết điểm của nó. Họ biết tổ chức lao động quản lý của mình một cách khoa học. Trong việc ra quyết định quản lý, họ tôn trọng quy trình của nó nhưng biết bỏ qua những khâu trung gian không cần thiết. Khi các quyết định được ban hành, họ biết tổ chức thực hiện một cách kiên quyết nhất, đồng thời biết vận dụng tính linh hoạt và mềm dẻo cần thiết. Song một khi đã nhận ra được sai lầm, thiếu sót của quyết định thì kiên quyết sửa đổi, thậm chí bãi bỏ nó và dũng cảm nhận lấy trách nhiệm về mình. Cuối cùng, họ là người rất tôn trọng nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; biết lắng nghe ý kiến của các chuyên gia, của cấp dưới và quần chúng, nhất là những ý kiến trái với mình, đồng thời, dám quyết đoán với trách nhiệm cá nhân cao.

Trong thực tế công tác, sự thể hiện phong cách thạo việc như thế nào tùy thuộc vào bản thân mỗi người, tức là phụ thuộc vào năng lực, đặc điểm tâm lý, đạo đức và thâm niên công tác của người đó. Và ở một chừng mực không nhỏ, nó cũng phụ thuộc vào môi trường và điều kiện công tác.

Phấn đấu để xây dựng phong cách thạo việc theo những tiêu chuẩn trên cũng đồng thời là quá trình khắc phục lối làm việc cũ, chấm dứt chế độ làm việc quan liêu.

Digitized by Google

CÔNG TRÌNH THANH NIÊN CỘNG SẢN — một phương thức tập hợp và giáo dục thanh niên

ĐOÀN PHỔ THÔNG
— TRẦN MIỀU

ĐẢNG ta luôn luôn coi vận động thanh niên là công tác có tầm quan trọng đặc biệt; coi Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là người trợ thủ đắc lực của Đảng trong việc giáo dục, bồi dưỡng thanh niên thành lớp người kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và của dân tộc. Đại hội VI của Đảng chỉ rõ: « Phải có ý thức đầy đủ rằng chính thanh niên là lớp người có sứ mệnh lịch sử xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Mạnh dạn giao trách nhiệm cho thanh niên, và thông qua các hoạt động xã hội mà đào tạo và bồi dưỡng họ » (1).

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta yêu cầu Đoàn thanh niên phải thường xuyên tìm tòi và áp dụng các hình thức và phương pháp giáo dục thích hợp, nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong công tác vận động thanh niên. Chẳng hạn, trong những năm kháng chiến chống Pháp, Đoàn đã tổ chức các « đội thanh niên xung phong »; trong những năm chống Mỹ, Đoàn phát động phong trào « Ba sẵn sàng » ở miền Bắc và « Năm xung phong » ở miền Nam; và gần đây là phong trào « Ba xung kích làm chủ tập thể » trong cả nước. Từ các phong trào chung ấy, Đoàn lại đưa ra nhiều hình thức và phương pháp cụ thể sinh động nhằm thu hút đông đảo các tầng lớp thanh niên vào các hoạt động cách mạng. Trong đó đáng chú ý nhất là hình thức các *công trình thanh niên* (xe thanh niên, máy thanh niên, cánh đồng thanh niên, quầy hàng thanh niên...). Với hình thức nhận công trình thanh niên, các tổ chức đoàn đã có điều kiện tập hợp và giáo dục thanh niên, phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của thanh niên, động viên và tổ chức thanh niên đi vào những « việc mới, việc khó », những mũi nhọn của công cuộc xây dựng kinh tế, xã hội, quốc phòng.

Những năm gần đây, học tập kinh nghiệm của các đoàn thanh niên các nước xã hội chủ nghĩa anh em, ĐTNCS Hồ Chí Minh chủ trương phát triển *công trình thanh niên cộng sản* với nhiều quy mô và mức độ khác nhau: cấp nhà nước, cấp tỉnh, cấp huyện và cấp cơ sở. Đó là hình thức Đoàn thanh niên đứng ra đảm nhận tham gia quản lý các công trình trọng điểm về kinh tế, xã hội, quốc phòng... Ví dụ các công trình xây dựng nhà máy nhiệt điện Phả lại, nhà máy thủy điện Hòa bình, 8 mỏ than Quảng ninh, hồ nước Dầu tiếng (Tây ninh), con đường Hoàng liên sơn I (Hoàng liên sơn), cầu Bến thủy (Nghệ tĩnh), công trình thủy điện Làng Ắt (Lục yên, Hoàng liên sơn), công trình làm giống — thủy lợi — điện ở hợp tác xã Ngọc thiện (Tân yên, Hà bắc) v.v.

Công trình thanh niên cộng sản có thể có nhiều quy mô, hình thức

(1) Báo cáo chính trị của BCH TƯ Đ tại Đại hội VI. *Tạp chí Cộng sản*, số 1-1987, tr. 71

Digitized by Google

khác nhau, song tựu trung, có ba loại:

1. Nhận những phần việc có tính chất mũi nhọn, những việc mới, việc khó của một công trình. Ví dụ: nhận vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng các hầm xả lũ trên công trường xây dựng nhà máy thủy điện Hòa bình; chuyển đường ống thoát nước, cột gỗ chống lầng lò ở công trình xây dựng và khai thác 8 mỏ than Quảng ninh...

2. Nhận khoán gọn một công trình có yêu cầu về kinh tế, kỹ thuật cụ thể. Chẳng hạn như hoàn thành việc đổ bê tông trên các công trường xây dựng đường biên của thanh niên sáu tỉnh biên giới phía Bắc, thi công hoàn chỉnh một số công trình thủy lợi ở Trung hà (Hà nội)...

3. Phối hợp với các tổ chức, cơ quan chuyên môn huy động lực lượng lao động lớn nhận đỡ đầu các công trình có quy mô cả nước, như các công trình xây dựng 8 mỏ than Quảng ninh, các nhà máy nhiệt điện Phả lại, thủy điện Hòa bình...

Trên các công trình thanh niên cộng sản thanh niên được tổ chức vào các đội hình lao động và các tổ chức do Đoàn quản lý như các «tổ sản xuất thanh niên», «đội sản xuất thanh niên», «xưởng sản xuất thanh niên», «xí nghiệp sản xuất thanh niên»..., tương ứng và gắn chặt với các tổ chức của Đoàn, như: phân đoàn, chi đoàn, Đoàn cơ sở... Như vậy, thanh niên trên các công trình được tổ chức và quản lý theo hai hệ thống: *đơn vị sản xuất và Đoàn thanh niên*. Ở một số công trình cấp tỉnh, cấp huyện và cấp cơ sở, hình thức tổ chức thanh niên phổ biến là theo mô hình tổ chức của quân đội: *tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn*...

Với cách tổ chức như vậy, những năm qua Đoàn đã tập hợp, thu hút được khá đông thanh niên vào các mặt trận sản xuất, chiến đấu và công tác. Nếu chỉ tính trên ba công trình thanh niên cộng sản do trung ương quản lý: nhà máy nhiệt điện Phả lại, nhà máy thủy điện Hòa bình và công trình 8 mỏ than Quảng ninh, trong những năm 1983 – 1985, Đoàn đã tập hợp được gần 50 000 đoàn viên, thanh niên. Riêng ở nhà máy thủy điện Hòa bình, Đoàn đã tập hợp được hơn 30 000 nam, nữ thanh niên, (chiếm 95% tổng số cán bộ, công nhân của nhà máy).

Trên mặt trận nông nghiệp, theo thống kê chưa đầy đủ, đến tháng 10-1986, có gần 20 000 công trình thanh niên với nhiều hạng mục, thu hút hơn 3 triệu thanh niên.

Trên mặt trận công nghiệp, hơn 2,5 triệu thanh niên đã tham gia xây dựng 15 000 công trình ở nhiều quy mô, thuộc nhiều lĩnh vực như: điện lực, luyện kim, dầu mỏ và khí đốt, hóa chất...

Trên các mặt trận khác, Đoàn thanh niên đã đảm nhận xây dựng hơn 17 000 công trình.

Hiện nay, cả nước ta có hơn 50 000 công trình thanh niên cộng sản từ cấp chi đoàn trở lên, thu hút hơn 10 triệu đoàn viên, thanh niên tham gia. Hà nội, Hải phòng, Hà sơn bình, Bắc thái, Hải hưng, Lâm đồng, Tây ninh, thành phố Hồ Chí Minh... là những nơi có phong trào xây dựng công trình thanh niên cộng sản khá mạnh.

Như vậy, rõ ràng là công trình thanh niên cộng sản là một phương thức tốt để vận động thanh niên trong tình hình mới; nó có sức cổ vũ, động viên và tập hợp thanh niên vào các đội hình lao động lớn và vào các hệ thống tổ chức của Đoàn. ĐTNCS Hồ Chí Minh đã sử dụng công trình thanh niên cộng sản như một phương thức tập hợp và giáo dục thanh niên, một biện pháp nâng cao vai trò và trách nhiệm của Đoàn trong việc thực hiện các nhiệm vụ xây dựng kinh tế – xã hội. Công trình thanh niên cộng sản đã tập hợp được đông đảo thanh niên trong khắp mọi miền của đất nước,

Digitized by Google

được mọi tầng lớp thanh niên hưởng ứng tham gia. Đó là vì công trình thanh niên cộng sản chẳng những đáp ứng đúng yêu cầu vận động thanh niên trong tình hình mới mà còn phù hợp với tâm lý và nguyện vọng của thanh niên. Thanh niên thường ưa thích những hoạt động tập thể, sôi nổi, thích đi vào những việc mới, việc khó, thích tìm tòi và học hỏi cái mới, có nhu cầu về tình bạn, tình yêu, muốn được cống hiến và trưởng thành một cách cụ thể. Phát triển công trình thanh niên cộng sản là hướng đi đúng đắn giúp các tổ chức đoàn tập hợp đông đảo các tầng lớp thanh niên.

★

Tập hợp, tổ chức thanh niên vào các đội hình lao động lớn là một yêu cầu rất quan trọng của công tác vận động thanh niên trong điều kiện Đảng lãnh đạo xây dựng kinh tế. Nhưng như vậy chưa đủ. Muốn làm tốt công tác vận động thanh niên, còn phải có rất nhiều hình thức và biện pháp giáo dục, rèn luyện thanh niên, phát huy mạnh mẽ vai trò xung kích sáng tạo của tuổi trẻ.

Trong những năm qua, trên các công trình thanh niên cộng sản, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, các tổ chức đoàn đã có nhiều hình thức và biện pháp giáo dục, rèn luyện thanh niên. Đoàn đã phát động các phong trào « luyện tay nghề thi thợ giỏi », « phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật », « lao động cộng sản », tổ chức các cuộc thi đua hữu nghị, các buổi sinh hoạt câu lạc bộ, sinh hoạt truyền thống, gặp gỡ, kết nghĩa, tham quan, tổ chức hội nghị những người lao động trẻ, v.v.

Để nâng cao năng suất lao động và rèn luyện năng lực quản lý kinh tế cho thanh niên, Đoàn đã thành lập các tổ, đội lao động xung kích nhận các phần việc khó, việc mới, đồng thời chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn xây dựng định mức lao động cho từng người, từng tổ lao động; thành lập các ban trực kịp hiện trường; tổ chức các tuần thao diễn năng suất cao, quản lý giỏi. Cách làm này đã mang lại một số kết quả tốt. Ví dụ, trong quá trình thi công hai hầm xả lũ trên công trình nhà máy thủy điện Hòa bình, các tổ, đội lao động thanh niên đảm nhận hầu hết các phần việc khó (đào lò đá, vận chuyển vật liệu xây dựng) đã đề xuất hơn 300 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đưa năng suất lao động vượt từ 110% lên 125%, tăng mức thu nhập bình quân của mỗi công nhân từ 70% đến 100%.

Hình thức tổ chức trên kết hợp được việc phát huy vai trò xung kích cách mạng của thanh niên với việc giáo dục, bồi dưỡng thanh niên về các mặt, tạo điều kiện thực tế để thanh niên cống hiến và trưởng thành. Nó làm cho công tác giáo dục chính trị, tư tưởng của Đoàn có nội dung cụ thể và thiết thực, phát huy được tinh thần tích cực, chủ động, khả năng lao động sáng tạo của thanh niên, đồng thời từng bước khắc phục những hiện tượng dao động, bấp bênh, chạy lười, vô tổ chức, vô kỷ luật trong một bộ phận thanh niên.

Phong trào « ôn lý thuyết, luyện tay nghề, thi thợ giỏi » đã trở thành hoạt động truyền thống của các cơ sở đoàn. Đoàn coi đây là biện pháp tốt để từng bước đáp ứng nguyện vọng được học tập, nâng cao trình độ của thanh niên nhằm nhanh chóng hình thành một đội ngũ công nhân trẻ có kiến thức và tay nghề cao, có khả năng thi công các công trình hiện đại. Hằng năm, Đoàn phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức cho hàng chục vạn thanh niên thi tay nghề, nâng bậc thợ. Trên công trình xây

Digitized by Google

dựng và khai thác 8 mỏ than Quảng ninh, cuộc thi «chọn bàn tay vàng của thợ đào lò» đã thu hút hơn 6 000 thanh niên tham dự, kết quả có gần 1000 người được nâng bậc thợ trong đó có 6 người đạt danh hiệu «bàn tay vàng ưu tú» toàn ngành than. Ở nhà máy thủy điện Hòa bình, năm 1984, Đoàn đã phối hợp tổ chức nhiều cuộc thi nâng bậc cho các loại thợ. Hiện nay, mức bình quân bậc thợ của thanh niên toàn nhà máy là 3,4/7 bậc, tăng một bậc so với năm 1979; số thợ giỏi có tay nghề bậc cao là thanh niên chiếm hơn 50% đội ngũ thợ giỏi của nhà máy... Phong trào luyện tay nghề thi thợ giỏi có tác dụng lớn về mặt kinh tế, giúp các đơn vị hoàn thành kế hoạch; mặt khác, có tác dụng giáo dục thanh niên tinh thần ham học, cầu tiến bộ, gắn bó với nghề nghiệp, với đơn vị; giáo dục tinh thần tập thể và nếp sống công nghiệp trong lao động và sinh hoạt.

Với việc thành lập các «ban khoa học kỹ thuật trẻ», các tổ chức đoàn đã thu hút, tập hợp những cán bộ khoa học, những đoàn viên, thanh niên có trình độ văn hóa, có tay nghề cao... tham gia nghiên cứu, cải tiến, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Ở mỗi xí nghiệp, Đoàn đều lập các «tổ hỗ trợ sáng kiến», xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật ngắn hạn và dài hạn. Công trình xây dựng nhà máy nhiệt điện Phả lại đã thành lập 25 «ban khoa học kỹ thuật trẻ» thu hút 307 đoàn viên. Chỉ tính trên 20 công trình cấp nhà nước và cấp tỉnh đã có gần 35 000 đoàn viên, thanh niên tham gia «câu lạc bộ các nhà khoa học trẻ tuổi», đề xuất gần 5 000 sáng kiến, trong đó có 773 đề tài và 127 sản phẩm sáng tạo của thanh niên được trưng bày tại Hội chợ triển lãm tuổi trẻ sáng tạo lần thứ nhất.

Thi đua xã hội chủ nghĩa là một biện pháp tốt để giáo dục thanh niên. Ở các công trình nhà máy nhiệt điện Phả lại, thủy điện Hòa bình, và các công trình cấp tỉnh, cấp huyện và cấp cơ sở, phong trào thi đua đã có tác dụng tốt trong việc giáo dục tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể cho tuổi trẻ. Cùng với phong trào thi đua giữa các đơn vị và cá nhân trong nước, còn có phong trào «thi đua hữu nghị» giữa thanh niên Việt nam và thanh niên các nước xã hội chủ nghĩa anh em đang lao động trên các công trình. Nhân những ngày lễ lớn của Việt nam và của các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào «thi đua hữu nghị» được đẩy mạnh và có tác dụng lớn trong việc giáo dục tinh thần quốc tế vô sản cho thanh niên. Thông qua các phong trào thi đua, tuổi trẻ có điều kiện hiểu thêm truyền thống của Đảng, của Đoàn, hiểu thêm truyền thống và phong tục của các dân tộc; học tập ở các chuyên gia các nước bạn lòng yêu nghề và ý thức kỷ luật, tinh thần tập thể và phong cách lao động mới.

Công trình thanh niên cộng sản là nơi hội tụ của mọi tầng lớp thanh niên. Đối với thanh niên nông thôn, lên công trình là dịp được tiếp xúc với nhịp độ của một nền sản xuất công nghiệp, được lao động và sinh hoạt cùng với giai cấp công nhân... Họ đã có sự thay đổi trong tư tưởng, tình cảm và nếp sống. Sự tiếp xúc giữa thanh niên nông dân và thanh niên công nhân góp phần thắt chặt hơn mối liên minh công nông trong điều kiện mới. Sự giúp đỡ lẫn nhau, sự tác động qua lại giữa các nhóm thanh niên nông dân, công nhân, học sinh, quân đội trên các công trình tạo nên bầu không khí cởi mở, có tác dụng giáo dục toàn diện đối với thế hệ trẻ. Mặt khác, công trình thanh niên cộng sản cũng là nơi tập hợp thanh niên đủ các dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Thái, Dao, Mường, H'Mông... Ở đây, họ cùng lao động, cùng sinh hoạt, cùng học tập, cùng phấn đấu và

Digitized by Google

trưởng thành. Thông qua môi trường hoạt động tập thể, họ càng hiểu nhau hơn, gắn bó với nhau hơn trong cộng đồng các dân tộc Việt nam.

Công trình thanh niên cộng sản thật sự là trường học giáo dục, rèn luyện thanh niên. Chính tại đây và qua đây, tuổi trẻ nước ta có điều kiện để cống hiến và trưởng thành. Chỉ tính riêng trong ba năm, trên hai công trình nhà máy thủy điện Hòa bình và nhiệt điện Phả lại có 320 thanh niên đã được đào tạo trở thành cán bộ quản lý giỏi từ đội trưởng đến đội phó, quản đốc phân xưởng; hơn 8 000 thanh niên có trình độ tay nghề bậc cao ở nhiều ngành mà một số ngành từ năm 1979 trở về trước nước ta chưa có. Hàng vạn thanh niên được bầu là chiến sĩ thi đua, lao động tiên tiến; nhiều người được Nhà nước tặng danh hiệu anh hùng. Hàng vạn thanh niên được kết nạp vào Đoàn, hàng nghìn đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng. Chính qua việc tổ chức, quản lý các công trình thanh niên cộng sản, bản thân tổ chức đoàn cũng không ngừng được củng cố và lớn mạnh, đủ sức tập hợp và giáo dục tuổi trẻ thực hiện các yêu cầu của Ban bí thư Trung ương Đoàn đề ra đối với công trình thanh niên cộng sản.

Từ thực tế hoạt động của các công trình thanh niên cộng sản thời gian qua, chúng ta có thể khẳng định rằng, tuy còn nhiều vấn đề cần được giải quyết và hoàn chỉnh, công trình thanh niên cộng sản là một phương thức tốt để giáo dục rèn luyện, phát huy vai trò xung kích sáng tạo của thanh niên. Thông qua môi trường lao động tập thể, thông qua việc động viên tổ chức thanh niên đi vào thực hiện những nhiệm vụ mũi nhọn của cuộc sống, thông qua các hoạt động phong phú của Đoàn, ĐTNCS Hồ Chí Minh giáo dục toàn diện các tầng lớp thanh niên: giáo dục quan điểm, thái độ lao động mới, giáo dục chủ nghĩa yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa quốc tế vô sản, bồi dưỡng trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế, quản lý xã hội... Chính bằng cách đó, Đoàn thanh niên thực hiện được yêu cầu của Đảng đối với việc giáo dục, rèn luyện thanh niên, bồi dưỡng thanh niên trở thành những người lao động tốt, có tinh thần làm chủ tập thể, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao, chất lượng tốt, trở thành những người chủ tương lai của đất nước.

★

Nghị quyết số 26 ngày 4-7-1985 của BCT TƯ Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên đã khuyến khích việc tổ chức nhiều hình thức linh hoạt khác nhau nhằm tập hợp và giáo dục thanh niên ngày một tốt hơn như « công trình thanh niên », « đội thanh niên xung phong »... Để nâng cao chất lượng và hiệu quả của các công trình thanh niên cộng sản, làm cho công trình thanh niên cộng sản thật sự trở thành một phương thức tốt tập hợp, giáo dục thanh niên, cần có sự quan tâm hơn nữa của các cấp ủy đảng đối với việc lãnh đạo Đoàn thanh niên, lãnh đạo các cơ quan chính quyền, các ngành kinh tế có liên quan, phối hợp làm tốt việc tổ chức và quản lý các công trình thanh niên cộng sản. Đặc biệt là cần kiện toàn các ban chỉ đạo, kiện toàn đội ngũ cán bộ, chăm lo xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật, các phương tiện hoạt động của Đoàn thanh niên, chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của thanh niên, tạo mọi điều kiện cho thanh niên cống hiến và trưởng thành một cách tốt nhất trên các công trình thanh niên cộng sản.

Digitized by Google

NÓI VÀ LÀM

Sự tách rời giữa lời nói và việc làm là điều nhân dân ta từ ngàn xưa đến nay đều chúa ghét. Chả thế mà, trong kho tàng ca dao, tục ngữ, ta thấy khá nhiều những câu đại loại như thế này: « Nói lời phải giữ lấy lời, đừng như con bướm đậu rồi lại bay » hoặc « đánh trống bỏ dùi » để phê phán những kẻ *nói mà không làm*; « Ăn như rồng cuốn, nói như rồng leo, làm như mèo mửa » hoặc « Nói nhiều làm chẳng bao nhiêu » hoặc « Trăm voi không được bát nước xáo » để phê phán những kẻ *nói nhiều làm ít*; « Miệng nam mô, bụng dấy bồ dao găm » hoặc « Nói thì như rót vào tai, làm thì khốn nạn không ai sánh bằng » để phê phán những kẻ *nói một đằng làm một nẻo, việc làm trái ngược hẳn với lời nói.*

Chẳng cứ gì ở nước ta, trên thế giới cũng vậy, trong ngôn ngữ dân gian của mỗi dân tộc, đều có thể tìm thấy những câu nói rất hay về vấn đề này. Nổi tiếng là câu phương ngôn Pháp: « Hãy làm theo những điều tôi nói, đừng làm theo những điều tôi làm ».

Lời nói đi đôi với việc làm là một đòi hỏi thuộc về nhân cách của mỗi người, bất kể người đó là ai: già hay trẻ, nam hay nữ, có chức có quyền hay không có chức có quyền... Riêng đối với những người đảng viên cộng sản thì lời nói đi đôi với việc làm còn là vấn đề phẩm chất cách mạng. Ngay từ năm 1925, khi viết cuốn *Đường cách mệnh*, Hồ Chủ tịch đã đặc biệt nhấn mạnh: « Nói thì phải làm » và coi đó như là một trong những biểu hiện về tư cách và phẩm chất của một người cách mạng. Liên tục sau đó, trong rất nhiều thư từ, bài nói và bài viết của mình, Người luôn luôn nhắc nhở các cán bộ, đảng viên và nhân viên nhà nước phải: « Lời nói đi đôi với việc làm », « Miệng nói, tay làm, chân bước » hoặc « Nói ít làm nhiều » v.v. Gần đây nhất, trong Báo cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội VI, Đảng ta lại khẳng định: « Trung thực, không giả dối, nói ít làm nhiều, lời nói đi đôi với việc làm, nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, không giấu giếm khuyết điểm — phẩm chất ấy phải được thường xuyên nhấn mạnh và rèn luyện ».

Nhưng buồn thay, ở nhiều nơi, nhiều lúc điều mong muốn của Hồ Chủ tịch và Đảng ta vẫn chưa trở thành hiện thực. Trong cuộc sống thực tế ta vẫn cứ phải chứng kiến khá nhiều sự tách rời giữa lời nói và việc làm của các cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước và của cả các tổ chức, các tập thể. Sự tách rời ấy thường được biểu hiện dưới ba cấp độ: nói nhưng không làm; nói nhiều làm ít; nói một đằng làm một nẻo, việc làm hoàn toàn trái ngược với lời nói.

Nói nhưng không làm, nói nhiều làm ít, đã đáng phê phán rồi. Song nói một đằng làm một nẻo thì quả là tệ hại và không thể tha thứ được. Ấy thế mà, hiện tượng này hiện nay vẫn còn khá phổ biến. Xin tạm nêu ra một vài ví dụ:

— Không ít người thường xuyên nói tới vấn đề đoàn kết. Họ nói rất hay,

Digitized by Google

rất có lý về tầm quan trọng của sự đoàn kết. Họ thuộc lòng những câu nói của các nhà kinh điển và của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề này. Chưa đủ, họ còn phê phán nghiêm khắc hiện tượng chia rẽ bè phái và phân tích sâu sắc tác hại của những hiện tượng đó. Song đúng là « Nói thì như rót vào tai, làm thì khốn nạn không ai sánh bằng ». Bởi vì chính họ chứ không phải ai khác là những kẻ mất đoàn kết nhất. Họ đã chà đạp lên mọi nguyên tắc đoàn kết, lôi bè, kéo cánh, tạo dựng nên những cánh hầu để cô lập, trù dập, loại bỏ hoặc hãm hại những người mà họ không ưa thích. Và, một điều rất nguy hiểm là các hành vi tệ hại đó lại thường được ngụy trang dưới một mục đích rất đẹp: « để bảo vệ sự đoàn kết nhất trí trong đảng và trong bộ máy nhà nước ».

— Có một số cán bộ phụ trách nói rất hay về công tác cán bộ. Thậm chí họ còn lên lớp giảng bài và viết sách về vấn đề này để người đời noi theo. Họ lớn tiếng khẳng định: phải giữ vững những nguyên tắc mác xít lê nin nít về công tác cán bộ; trong việc nhận xét, đánh giá, bố trí, sử dụng và đề bạt cán bộ phải căn cứ vào phẩm chất và năng lực thật sự của người đó, không được dựa trên cơ sở thích hay không thích, yêu hay ghét và người cán bộ đó ngoan hay không ngoan. Nói vậy, nhưng trong thực tế thì họ lại làm hoàn toàn khác. Anh là cán bộ già hay trẻ, có năng lực hay không, điều đó đối với họ không quan trọng. Họ chỉ biết rằng, anh là cán bộ thuộc quyền quản lý của họ. Mà đã là cán bộ thuộc quyền quản lý của họ thì yêu cầu trước hết là phải biết vâng lời. Những điều họ nói ra dù đúng hay sai, những mệnh lệnh của họ dù hợp lý hay không hợp lý, nhất nhất anh đều phải tuân theo.

Anh phản đối họ khi họ sai? Được lắm! Họ sẽ trị anh thẳng thừng. Nếu anh là cán bộ già (cho dù anh còn sức khỏe, có nhiều kinh nghiệm trong công tác, phẩm chất tốt) họ sẽ nêu ra lý do cần trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Lý do ấy hợp lý lắm chứ. Thế là họ đẩy anh về hưu một cách êm như ru. Còn nếu anh là một cán bộ trẻ, có sức khỏe, có năng lực, nhiệt tình và xông xáo? Vâng, họ thừa nhận. Nhưng trọng dụng anh ư, để bạt anh ư? Khoan đã! Phải thận trọng và có thời gian thử thách đã chứ. Nhất định họ sẽ trả lời như vậy. Và thế là họ tìm cách « ghim » anh lại, chỉ giao cho anh những nhiệm vụ thứ yếu, những công việc lặt vặt, chờ người giữ trọng trách về hưu. Cho đến lúc đó thì than ôi! mái tóc anh đã điểm sương rồi còn chi nữa. Và với thời gian chờ đợi đó, anh đã tiêu phí hết cả nhiệt tình và sự sôi nổi.

Ngược lại, nếu anh làm họ vừa lòng thì mọi việc sẽ êm đẹp cả thôi. Anh là một cán bộ già, anh yếu, năng lực anh kém thì họ sẽ nói rằng cần phải chiếu cố các đồng chí cán bộ cũ, phải trân trọng kinh nghiệm của các đồng chí cũ. Thế là, họ có lý do để giữ anh lại. Và nếu anh muốn, họ có thể giao cho anh chức vụ quan trọng hơn nữa kia. Còn nếu như anh là một cán bộ trẻ nhưng bất tài thì sao? Thật ra đã bất tài thì cái gọi là tuổi trẻ của anh cũng chẳng có ý nghĩa gì đâu. Nhưng không sao! Lúc đó họ sẽ biện luận rằng: cần phải chú ý đến cán bộ trẻ, không nên khắt khe quá, không nên đòi hỏi các đồng chí trẻ phải phát huy ngay được tác dụng của mình ở cương vị công tác mới. Cứ mạnh dạn giao việc cho các đồng chí trẻ, lúc đầu có thể làm chưa tốt, nhưng được sự giúp đỡ của lãnh đạo, của tập thể, chắc các đồng chí ấy sẽ làm được việc. Thế là họ cứ đưa anh lên, đặt anh ngồi vào « chiếc ghế mới ». Nếu như anh có « run » thì họ sẽ trấn an: « Đừng sợ! đã yên vị rồi, không ai đẩy xuống đâu mà lo ».

— Một số người có chức có quyền nói rất mạnh tới việc phải chống dặc

Digitized by Google

quyền đặc lợi, bảo đảm sự công bằng xã hội, coi đó như một điều kiện quan trọng để phát huy mạnh mẽ vai trò nhân tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Nói thế, song họ lại tự cho phép mình được đứng ngoài sự đòi hỏi đó. Họ vẫn cứ ngang nhiên tận hưởng mọi sự ưu đãi đặc biệt ngoài tiêu chuẩn mà Đảng và Nhà nước quy định. Có những người sử dụng tới mấy biệt thự: cái ở Hà nội, cái ở thành phố Hồ Chí Minh; cái của riêng mình, cái dành cho vợ, cái để phân con. Có những người ở cấp bậc hạng trung nhưng cũng nhà lầu, xe hơi riêng và hơn thế còn có thư ký hay « trợ lý » và cả cần vụ!...

— Lại nữa, có những ông cán bộ phụ trách luôn kêu gọi mọi người phải dấy mạnh tự phê bình và phê bình. Bản thân họ đôi lúc cũng tự phê bình « rất nghiêm túc ». Cấp dưới thỉnh thoảng cũng được chứng kiến cái cảnh khi nói về khuyết điểm, thiếu sót của mình giọng nói của họ run run đôi mắt họ ngấn lệ, còn bộ mặt thì méo xệch đi dường như là đang xúc động và hối hận lắm về những khuyết điểm, thiếu sót của mình. Mọi người nghĩ rằng thế nào họ cũng sửa chữa khuyết điểm. Nhưng không, thành thật nhận khuyết điểm đối với họ chỉ là cái « mốt » mà thôi. Còn việc phê bình? Anh cứ thử làm theo lời họ mà xem, cứ nói thẳng, nói thật, phê bình cho mạnh vào. Sau đó anh sẽ nhận được sự trả đũa đích đáng. Lời nói đi đôi với việc làm ở họ là như thế đấy.

Đảng ta nêu ra một nguyên tắc bất di bất dịch: cá nhân phải phục tùng tập thể, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, địa phương phải phục tùng trung ương. Ai cũng nói điều đó, cấp nào, ngành nào, địa phương nào cũng nói điều đó. Nhưng trong thực tế lại đang diễn ra biết bao điều trái ngược và sự hỗn độn rất đáng lo ngại. Tình trạng vô tổ chức vô kỷ luật đang diễn ra ở khá nhiều nơi: cấp trên bảo, cấp dưới không nghe; cá nhân không phục tùng tập thể, trung ương nói một đằng địa phương làm một nẻo. Phát huy tính độc lập, sáng tạo của các cá nhân, các cấp, các ngành, các địa phương là điều hết sức cần thiết. Song, độc lập và sáng tạo phải nằm trong khuôn khổ của những nguyên tắc. Nếu không như vậy, lập tức sẽ rơi vào tình trạng vô chính phủ.

Thiết tưởng cũng chẳng cần dẫn chứng nhiều, bởi vì mọi việc như thế đã quá rõ.

Lời nói không đi đôi với việc làm trong thực tế đã gây ra những tác hại không nhỏ:

Thứ nhất, nó làm cho những người mắc phải căn bệnh này mất hết tín nhiệm. Ai có thể tin được một người chỉ nói mà không làm, nói nhiều làm ít, nói một đằng làm một nẻo. Nếu những người đó lại là đảng viên cộng sản, thậm chí là cán bộ phụ trách trong cơ quan của Đảng và Nhà nước thì rất có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút mạnh lòng tin của quần chúng đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ta.

Thứ hai, căn bệnh này là một trong những nguyên nhân tạo ra tình trạng mất đoàn kết. Nó làm cho con người không tin nhau, nghi kỵ nhau, bất hợp tác với nhau. Đã không tin nhau, nghi kỵ nhau, bất hợp tác với nhau thì làm gì có sự đoàn kết nhất trí.

Thứ ba, nó làm cho thông tin bị nhiễu, các cấp lãnh đạo không đánh giá đúng được tình hình, từ đó rất có thể sẽ dẫn đến những chủ trương hoặc quyết định sai lầm. Hậu họa của những chủ trương và quyết định sai lầm đó ai mà lường hết được.

Thứ tư, nó góp phần làm cho tình trạng tri trệ và hỗn độn trong xã hội ngày càng tăng thêm. Bởi vì đã có tình trạng, người ta vẫn cứ nói theo đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật

Digitized by Google

của Nhà nước nhưng làm lại không đúng như thế, thậm chí còn làm ngược hẳn lại. Vì vậy, một số đường lối, chính sách của Đảng đã không thể trở thành hiện thực trong cuộc sống.

Tách rời giữa lời nói và việc làm rõ ràng là điều hoàn toàn trái ngược với bản chất của người cán bộ cách mạng. Về vấn đề này người xưa chỉ nhắc:

Nói lời phải giữ lấy lời
Đừng như con bướm đậu rồi lại bay.

Còn đối với một đảng cầm quyền như Đảng ta thì hiện tượng này cần phải nghiêm trị. Chỉ có như vậy và nhất thiết phải như vậy thì lời nói đi đôi với việc làm mới có khả năng trở thành nếp sống thường ngày của xã hội ta.

NGUYỄN TRUNG THỰC

TỪ SẮC LỆNH VỀ...

(Tiếp theo trang 43)

sét vào những kẻ dụng đèn Tổ quốc xô viết. Sức mạnh của Liên xô là vô địch còn ở tinh thần đoàn kết, tính tích cực của nhân dân, tính năng động chính trị được nhân lên từ sau Đại hội thứ 27 của ĐCS Liên xô. Thiết tha với hòa bình, sẵn sàng chấp nhận những nhân nhượng khi cần thiết, chính là vì Liên xô trung thành với những nguyên tắc đối ngoại lê nin nít, vì lý tưởng cao cả của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, vì hạnh phúc của nhân loại tiến bộ.

Biết ơn Cách mạng Tháng Mười, biết ơn Liên xô, mọi người có lương tri trên thế giới kiên quyết đem hết sức mình cùng với Liên xô ngăn chặn cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân, làm cho tình hình thế giới trở nên lành mạnh, tạo ra một nền hòa bình bền vững lâu dài để mọi người lao động thuộc mọi châu lục được tập trung toàn bộ sức lực của mình vào công cuộc lao động sáng tạo.

Digitized by Google

ĐỔI MỚI LIÊN TỤC – CƠ SỞ CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA HUNG-GA-RI

HÒ BẤT KHUẤT

«CÀNG nguy hiểm, Người càng dũng cảm» – đấy là lời của nhà thơ dân tộc Hung-ga-ri I-a-nốt A-ran được đồng chí I-a-nốt Ca-đa – Tổng Bí thư UBTƯ Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Hung-ga-ri dùng để kết thúc diễn văn bế mạc Đại hội thứ 13 của Đảng ngày 28-3-1985. Sau này, khi trả lời phỏng vấn của Tổng biên tập tạp chí *Thời mới* (Liên xô) đồng chí I-a-nốt Ca-đa giải thích: «Tôi nhắc lại lời của nhà thơ để nói lên một sự thật lịch sử: khi hoàn cảnh đòi hỏi, nhân dân chúng tôi, giai cấp công nhân đã lao động và chiến đấu với nghị lực lớn lao, dũng cảm đấu tranh vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Tôi muốn nhấn mạnh: để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trong nước và nhiệm vụ quốc tế, trước hết cần đến lòng dũng cảm vô biên, tính kiên định và hành động» (1).

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân Hung-ga-ri đã thể hiện những phẩm chất quý báu đó của mình, nhất là trong việc xây dựng và đổi mới liên tục cơ chế quản lý kinh tế để bảo đảm cho sự tiến bộ không ngừng của đất nước Hung-ga-ri.

Trong thời kỳ xây dựng lại đất nước sau chiến tranh thế giới thứ hai, Đảng và Nhà nước Hung-ga-ri đã sử dụng hệ thống quản lý kinh tế với nét đặc trưng nhất là việc *thực hiện các chỉ tiêu bắt buộc và quản lý chặt chẽ từ trung ương*. Trong hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, hệ thống quản lý này đã mang lại những thành công nhất định: phục vụ kịp thời việc khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất ban đầu của chủ nghĩa xã hội, tạo tiền đề cho việc hoàn thành công nghiệp hóa đất nước. Tuy nhiên, hệ thống này có nhiều nhược điểm: chỉ thiên về phương pháp điều hành bằng mệnh lệnh và chỉ thị, chỉ coi trọng việc tăng số lượng sản xuất để hoàn thành kế hoạch mà ít lưu ý đến chất lượng sản phẩm, không chú ý đầy đủ đến quan hệ giữa tiền và hàng, đến vai trò của thị trường.

Sau khi dập tan cuộc bạo động phản cách mạng năm 1956, Đảng và Chính phủ Hung-ga-ri đã bổ sung và đổi mới chính sách kinh tế trên nhiều lĩnh vực. Hệ thống quản lý kinh tế được cải tiến nhằm tăng năng suất lao động, tăng lợi ích vật chất cho người lao động, mở rộng và làm phong phú nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Trong sản xuất công nghiệp, các chỉ tiêu bắt buộc được giảm bớt, các biện pháp nhằm tạo ra lợi nhuận được tăng cường. Trong sản xuất nông nghiệp, việc thu mua sản phẩm theo hợp đồng đã thay thế cho việc giao nộp sản phẩm theo nghĩa vụ đối với Nhà nước. Các quan hệ giữa sản xuất và thương nghiệp được củng cố và thắt chặt.

Trong giai đoạn này (khoảng từ năm 1956 đến giữa những năm 60), nền kinh tế Hung-ga-ri phát triển với tốc độ nhanh hơn trước, và đạt được những thành tựu đáng kể.

(1) Tạp chí *Thời mới* (Tiếng Nga), số 31, tháng 10-1986, tr. 3.

Digitized by Google

Vào giữa những năm 60, trong nền kinh tế Hung-ga-ri bắt đầu cạn những nguồn có thể tận dụng cho công cuộc phát triển. Trước thực tế đó, các nhà lãnh đạo Hung-ga-ri nhận thức rằng cần phải tìm ra một cơ chế quản lý kinh tế mới phù hợp với hoàn cảnh mới, bảo đảm cho những hoạt động kinh tế có hiệu quả. Việc cải cách toàn diện cơ chế quản lý kinh tế do vậy là điều cần thiết.

Hung-ga-ri chuẩn bị cho công cuộc cải cách kinh tế một cách kỹ càng và thận trọng. Sau Hội nghị của UBTƯĐ tháng 12-1964, các ủy ban công tác được thành lập. Sau hơn một năm làm việc khẩn trương, các ủy ban đó, trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình, đã soạn thảo những đường hướng cơ bản về cải cách kinh tế. Những đường hướng đó đã được Hội nghị UBTƯĐ thông qua vào tháng 5-1966. Tuy nhiên, do việc cụ thể hóa từng bước và công tác chuẩn bị được tiến hành tỉ mỉ, thận trọng cho nên cơ chế quản lý kinh tế mới mãi đến 1-1-1968 mới được thực hiện. Nội dung chính của cơ chế quản lý này là: *Trên cơ sở sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, thực hiện kế hoạch hóa xã hội chủ nghĩa có tính đến những quy luật của thị trường, áp dụng các biện pháp kinh tế thay cho các biện pháp hành chính, tăng cường quyền chủ động và lợi ích của các xí nghiệp quốc doanh và các hợp tác xã*

Cơ chế quản lý kinh tế mới này chú trọng đầy đủ hơn đến các quy luật kinh tế khách quan tồn tại trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, các đặc điểm của nền kinh tế quốc dân, điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của Hung-ga-ri. Nó cũng coi trọng ý nghĩa ngày càng quan trọng của quan hệ kinh tế đối ngoại, nhìn nhận và xác định đúng vai trò của sản xuất nông nghiệp, của nền kinh tế nhiều thành phần, thấy sự cần thiết phải bắt đầu chuyển sang giai đoạn phát triển nền kinh tế theo chiều sâu.

Như vậy, nền kinh tế Hung-ga-ri đã chuyển từ cơ chế quản lý theo kế hoạch bắt buộc, chủ yếu sử dụng các biện pháp hành chính, mệnh lệnh sang cơ chế quản lý bằng những biện pháp kinh tế. Những cưỡng bức và kiểm chế hành chính đối với các xí nghiệp được giảm bớt, các xí nghiệp được khuyến khích tăng cường hoạt động kinh doanh có lãi. Khu vực hợp tác xã được đối xử bình đẳng, công tác tổ chức được đổi mới. Các xí nghiệp được phép mở rộng quan hệ hợp tác với nước ngoài và được quyền xuất khẩu một số sản phẩm. Vai trò tích cực của thị trường, tiền, hàng, giá cả và các đòn bẩy kinh tế được chú trọng. Sản xuất và công tác thị trường có mối quan hệ mật thiết hơn, hệ thống phân chia cứng nhắc theo ngành công nghiệp được sửa chữa.

Sự đổi mới này đã đẩy nhanh nhịp độ phát triển sản xuất và tăng năng suất lao động, động viên được các nguồn dự trữ trong nền kinh tế quốc dân, nâng cao hiệu quả sản xuất, ổn định cán cân thanh toán trong và ngoài nước, tăng cường tiềm năng của nền kinh tế quốc dân và nâng cao mức sống của nhân dân, đưa đất nước Hung-ga-ri tiến sát lại gần các nước phát triển nhất trên thế giới. Năm 1982 so với năm 1950, thu nhập quốc dân tăng gấp 4 lần, sản xuất công nghiệp tăng gấp 9 lần, tài sản cố định của nền kinh tế quốc dân tăng gấp 4,2 lần, sức tiêu thụ của nhân dân tăng gấp 4 lần...

Tuy nhiên, trong gần 20 năm thực hiện cơ chế quản lý này, không phải lúc nào nền kinh tế Hung-ga-ri cũng phát triển thuận lợi. Ngược lại, do tác động của những điều kiện khách quan và sai lầm chủ quan, có những giai đoạn nền kinh tế Hung-ga-ri gặp những khó khăn và những thử thách nghiêm trọng.

Những năm 1973 — 1978, trong nền kinh tế Hung-ga-ri đã có sự mất cân

Digitized by Google

bằng, 75% số nợ của Hung-ga-ri tích tụ vào thời gian này. Có hai nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này; một là: tình hình giá cả trên thị trường thế giới biến động không có lợi cho Hung-ga-ri làm cho điều kiện thương mại của Hung-ga-ri suy giảm 20%. Điều đó có nghĩa là, để nhập được một số lượng hàng hóa không thay đổi, Hung-ga-ri phải xuất ra số hàng hóa nhiều hơn 20%. Kết quả của sự suy giảm này làm thu nhập quốc dân giảm đi 10%. Hai là: vì không dự đoán đúng tình hình kinh tế thế giới cho nên khi điều kiện chính trị và xã hội làm cơ sở cho quá trình đổi mới bị thu hẹp thì đã nảy sinh một số phương sách trái với tinh thần đổi mới; một số cán bộ không theo kịp tình hình, không đáp ứng được những đòi hỏi của đổi mới; việc đầu tư cũng mắc một số sai lầm; việc nâng cao mức sống lại vượt quá khả năng nền sản xuất cho phép.

Cuối năm 1978, Hung-ga-ri đã nhận ra điều đó và đã từng bước tiến hành sửa đổi đường lối kinh tế, đưa ra hàng loạt chủ trương nhằm ưu tiên thiết lập và củng cố sự cân bằng trong nền kinh tế.

Trong tiêu dùng ở trong nước, các chủ trương và biện pháp cần thiết đã được thực hiện, xóa bỏ việc phân phối bất hợp lý hình thành trong những năm 1971 – 1978. Một số yếu tố cơ bản trong cơ cấu đòn bẩy kinh tế như hệ thống giá cả, tỷ giá hối đoái... được thay đổi. Hiện nay ở Hung-ga-ri giá cả được xác định theo nguyên tắc: giá sản xuất trong nước nằm giữa giá xuất khẩu và giá nhập khẩu có tính đến thuế, giá tiêu thụ không quá chênh lệch so với giá sản xuất. Trên cơ sở giữ vững các nguyên tắc cơ bản, một số điểm của cơ chế quản lý kinh tế đã được thay đổi. Nghị quyết tháng 12-1978 của UBTƯ ĐCNXHCN Hung-ga-ri đã quyết định nhập 6 bộ thuộc các ngành công nghiệp lại thành một bộ, giải tán một số công ty lớn và tổng công ty, thành lập các xí nghiệp độc lập. Tính tự chủ của các xí nghiệp được tăng cường, trách nhiệm và tinh thần chủ động của các xí nghiệp được nâng cao. Công tác quản lý công nghiệp được hiện đại hóa và hình thức quản lý sản xuất theo quy mô nhỏ bắt đầu hình thành.

Nhờ những đổi mới cơ bản và kịp thời, nền tài chính quốc gia được cải thiện, một số nợ được thanh toán, mức sống cơ bản của nhân dân được giữ vững, nền kinh tế vẫn tiếp tục phát triển đi lên mặc dù chưa được như mong muốn.

Đổi mới liên tục, tìm tòi, sáng tạo những biện pháp quản lý kinh tế có hiệu quả là mục tiêu cơ bản trong hoạt động của UBTƯ ĐCNXHCN Hung-ga-ri. Đảng đã khởi xướng việc nghiên cứu rộng rãi để tìm ra những giải pháp mới hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế, với sự tham gia của các cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các nhà khoa học, các nhà hoạt động xã hội...

Hội nghị UBTƯ ĐCNXHCN Hung-ga-ri tháng 4-1981 đã quyết định những chủ trương và biện pháp nhằm tạo những chuyển biến mới trong toàn bộ công tác quản lý kinh tế. Đại hội thứ 13 của Đảng vào tháng 3-1985 đã xem xét, bổ sung và quyết định áp dụng rộng rãi các chủ trương biện pháp đó trên tất cả các lĩnh vực của công tác quản lý kinh tế.

Cơ chế quản lý kinh tế của Hung-ga-ri hiện nay vẫn coi *kế hoạch hóa là công cụ cơ bản để lãnh đạo các hoạt động kinh tế*. Nhiệm vụ chính của Trung ương trong việc vạch ra và chỉ đạo thực hiện kế hoạch là thiết lập mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế, điều hòa các hoạt động kinh tế và xác định hệ thống giải pháp để thực hiện. Các cơ sở sản xuất, các xí nghiệp tự lập lấy kế hoạch phát triển kinh doanh của mình phù hợp với

Digitized by Google

chiến lược kinh tế của đất nước. Việc kết hợp các kế hoạch dài hạn, vừa và ngắn hạn được cải thiện, nền dân chủ trong kế hoạch hóa được mở rộng, do đó kế hoạch sát hợp, khoa học và chính xác hơn.

Để phù hợp với cơ chế mới, hệ thống ngân hàng được tổ chức lại và mở rộng chức năng, có thêm điều kiện sinh lợi nhờ quan hệ với các tổ chức kinh tế và quần chúng lao động. Các hình thức tổ chức của các xí nghiệp và hình thức lãnh đạo xí nghiệp được phân định rõ ràng. Ở các nhà máy và xí nghiệp lớn có hội đồng, đa số ủy viên của hội đồng này do công nhân trực tiếp bầu ra với nhiệm kỳ là 5 năm, số còn lại (không quá 1/3) do ban giám đốc chỉ định. Hội đồng này bầu ra giám đốc nhà máy bằng cách bỏ phiếu kín. Tại các nhà máy nhỏ hơn thì có ban lãnh đạo, các ủy viên của ban lãnh đạo và giám đốc do đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu công nhân bầu ra. Hiện nay ở Hung-ga-ri, 89% số xí nghiệp đã lựa chọn giám đốc bằng con đường bầu cử, các xí nghiệp này thực hiện hình thức quản lý mới. Đặc điểm cơ bản của các hình thức quản lý mới là xí nghiệp được quyền quản lý tài sản và nhân lực; sử dụng có hiệu quả và làm giàu thêm các nguồn vật chất và tinh thần do mình quản lý. Điều đó đã thúc đẩy giám đốc và công nhân nâng cao ý thức làm chủ, quan tâm nhiều hơn đến việc sử dụng tốt nhất tư liệu và đối tượng lao động; làm cho thu nhập và lợi nhuận của xí nghiệp cũng như của mỗi thành viên phù hợp với năng suất thực tế.

Những đổi mới trong hoạt động kinh tế của Hung-ga-ri thể hiện những xu hướng đổi mới cơ chế kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa. Nội dung cơ bản của sự đổi mới đó là *chuyển từ cơ chế quản lý chủ yếu sử dụng các biện pháp hành chính, các kế hoạch bắt buộc do trung ương đưa xuống sang cơ chế vừa kết hợp sử dụng các biện pháp kinh tế theo một kế hoạch linh hoạt, mở ngõ, sử dụng đầy đủ các quan hệ hàng hóa—tiền tệ.*

Kinh nghiệm của Hung-ga-ri cũng cho thấy việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế không chỉ đơn thuần là vấn đề kinh tế mà còn chịu sự tác động của tình hình chính trị xã hội và cả của tình hình thế giới. Muốn thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế thì phải thực hiện sự đổi mới trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, phải đổi mới công tác tổ chức, công tác cán bộ, công tác tư tưởng, công tác đối ngoại, công tác giáo dục và đào tạo cán bộ khoa học, cán bộ quản lý.

Trong những năm qua, không phải lúc nào Hung-ga-ri cũng thực hiện được tốt sự đổi mới đồng bộ trong tất cả các lĩnh vực, và bên cạnh những chủ trương đúng đắn, không phải không có những vụ vấp, sai sót, nhưng nhìn chung hoạt động đổi mới và khát vọng đổi mới được thể hiện thường xuyên rõ nét trong đời sống xã hội của Hung-ga-ri. Điều đó đã giúp Hung-ga-ri vượt qua nhiều khó khăn, thử thách có lúc rất nghiêm trọng, đạt được những thành tựu đáng kể trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hơn ba mươi năm trước đây, bộ máy tuyên truyền phương Tây to mồm cả quyết rằng chủ nghĩa xã hội đã bị loại trừ khỏi Hung-ga-ri. Ngày nay trước sự thật không thể chối cãi là chủ nghĩa xã hội vẫn tồn tại và phát triển ở Hung-ga-ri, họ lại rêu rao rằng Hung-ga-ri đạt được những thành tích như vậy là vì đã học theo chủ nghĩa tư bản. Họ đã cố tình nhắm mắt trước sự thật là những chính sách cải cách, đổi mới liên tục—cơ sở cho sự phát triển đi lên—đã và đang được những người cộng sản Hung-ga-ri áp dụng là những điều đã được học thuyết Mác — Lê-nin nhiều lần đề cập tới.

Digitized by Google

ТАПЧИ КОНГШАН № 4 – 1987

НГУЕН ВАН ЛИНЬ – Товарищ Ле Зуан – выдающийся руководитель нашей партии и народа. ПЕРЕДОВАЯ – Наука и техника в стратегии социально-экономического развития. ★ ★ ★ – Полностью осуществлять на деле единство экономической и социальной политики. ОБМЕН МНЕНИЯМИ – Роль человеческого фактора в социалистическом строительстве НАВСТРЕЧУ 70-ЛЕТИЮ ВЕЛИКОЙ ОКТЯБРЬСКОЙ СОЦИАЛИСТИЧЕСКОЙ РЕВОЛЮЦИИ ДАНГ КИНЬ – Хорошо проводить военное дело на местах. ХО БАТ КХУАТ – Непрерывное обновление основа развития Венгрии.

REVIEW OF COMMUNISM N. 4 – 1987

NGUYÊN VĂN LINH – Comrade Le Duan – an outstanding leader of our Party and people. EDITORIAL – Science and technology in the strategy of socio-economic development. ★ ★ ★ – The unity between the economic policy and the social policy should be fully manifested in reality. EXCHANGE OF VIEWS – On the role of human factor in the cause of socialist building. TOWARDS THE 70TH ANNIVERSARY OF THE GREAT OCTOBER SOCIALIST REVOLUTION – ĐẶNG KINH – Well carrying out the military work in localities. HỒ BẤT KHUẤT – Successive renewals – the basis for Hungary's development.

REVUE DU COMMUNISME N° 4 – 1987

NGUYÊN VĂN LINH – Le camarade Le Duan, un éminent dirigeant de notre Parti et de notre peuple. EDITORIAL – Les sciences et techniques dans la stratégie de développement économico-social. ★ ★ ★ – Bien traduire dans les actes l'unité entre les politiques économiques et les politiques sociales. ECHANGE D'IDÉES – Sur le facteur humain dans l'édification du socialisme. POUR LA CÉLÉBRATION DU 70e ANNIVERSAIRE DE LA GRANDE RÉVOLUTION SOCIALISTE D'OCTOBRE – ĐẶNG KINH – Bien accomplir les tâches militaires dans les régions. HỒ BẤT KHUẤT – Un renouveau continu – base du développement de la Hongrie.

REVISTA DEL COMUNISMO Nº 4 – 1987

NGUYÊN VĂN LINH – El camarada Le Duan, eminente dirigente de nuestro Partido y pueblo. EDITORIAL – La ciencia y la técnica en la estrategia del desarrollo económico-social. ★ ★ ★ – Debe expresarse cabalmente en la realidad la unificación entre la política económica y la social. INTERCAMBIOS DE OPINIONES – Sobre el factor del hombre en la edificación del socialismo. HACIA EL 70 ANIVERSARIO DE LA REVOLUCIÓN SOCIALISTA DE OCTUBRE. ĐẶNG KINH – Hacer bien el trabajo militar en las localidades. HỒ BẤT KHUẤT – Renovación constante – la base del desarrollo en Hungría

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

4 . 1987

NĂM THỨ XXXIII (376)

NGUYỄN VĂN LINH – Đồng chí Lê Duẩn, nhà lãnh đạo lỗi lạc của Đảng và nhân dân ta 1

Xã luận – Khoa học và kỹ thuật trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 4

★ ★ ★ – Thể hiện đầy đủ trong thực tế sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội 9

Trao đổi ý kiến – Về vai trò nhân tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ★ ĐÀO DUY CẬN, DIỆU HƯƠNG, HOÀNG ĐÌNH CẦU, DƯƠNG NGHIỆP CHÍ, LÊ THI, LÊ QUÝ AN, HÀ QUANG DỰ 13

Tiến tới kỷ niệm lần thứ 70 Cách mạng XHCN Tháng Mười vĩ đại ★ NGUYỄN TRỌNG THỰ, LÊ TỊNH 38

HỒNG CHƯƠNG – Đảng ta ra đời bắt đầu từ bao giờ ? 49

ĐẶNG KINH – Làm tốt công tác quân sự địa phương 53

LÊ XUÂN VŨ – Đường lối văn hóa của Đảng và thành tựu trong thực tiễn 58

NGÔ ĐỨC THỊNH – Sự thâm nhập và nảy sinh cái mới trong văn hóa các dân tộc thiểu số 61

LÊ ANH TRÀ – Lẽ sống, lối sống ngày nay 69

NGUYỄN HẢI KHOÁT – Chung quanh vấn đề đổi mới phong cách công tác 72

ĐOÀN PHỔ THÔNG – TRẦN MIỀU – Công trình thanh niên cộng sản – một phương thức tập hợp và giáo dục thanh niên 76

Sinh hoạt tư tưởng ★ NGUYỄN TRUNG THỰC – Nói và làm 81

HỒ BẤT KHUẤT – Đổi mới liên tục – cơ sở cho sự phát triển của Hung-ga-ri 85

Trụ sở Bộ biên tập :

1. Nguyễn Thượng Hiền – Hà nội. Dây nói : 52061 – 52062

Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam :

19. Phạm Ngọc Thạch – T. P. Hồ Chí Minh. Dây nói : 25768 – 22010

Digitized by Google

Digitized by Google

KỶ NIỆM LẦN THỨ 80
NGÀY SINH CỦA ĐỒNG CHÍ LÊ DUẨN
(7 - 4 - 1907 — 7 - 4 - 1987)

From:
交流圖書公司
CHIAO LIU PUB. SERVICE

To:

DELIVERY SLIP (Ref: Your Order

Title
Vol. No.
Issue No.
Date Published
No. of Copies
Price
Date

ạn tìm đọc:

DUẨN

TẬP (TẬP I)
G CƠ BẢN CỦA CÁCH MẠNG
CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM
) NAM
I HỒ CHÍ MINH. LÃNH TỤ VĨ
ĐẢNG VÀ DÂN TỘC TA
; QUY LUẬT, ĐỔI MỚI QUẢN
TẾ
ỤNG NỀN VĂN HÓA MỚI.
I MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

ÍT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá: 6đ00

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

U. of MICH.
OCT 09 1987
Current Serials

5

5 . 1987

Digitized by Google

Digitized by Google

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
Cơ quan lý luận và chính trị
của Đảng cộng sản Việt nam

HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA VI)

GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP BÁCH VỀ PHÂN PHỐI, LƯU THÔNG

Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VI) đã họp từ ngày 1-4-1987 đến ngày 9-4-1987.

Đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đã đọc lời khai mạc và bế mạc hội nghị.

Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành trung ương thực hiện một trong những nhiệm vụ quan trọng do Đại hội lần thứ VI của Đảng đề ra là giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông. Hội nghị nhận định: Từ sau cuộc tổng điều chỉnh giá, lương, tiền cuối năm 1985, tình hình phân phối, lưu thông ngày càng xấu đi. Tình hình đó tác động rất xấu tới toàn bộ các hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt xã hội. Thực trạng nói trên là hậu quả tổng hợp của nhiều yếu tố cùng tác động trong nền kinh tế và đời sống xã hội mà *nguyên nhân* chủ yếu, vừa sâu xa, vừa trực tiếp là việc duy trì quá lâu *cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, vi phạm quy luật khách quan trong quản lý kinh tế.*

Phương hướng vừa cơ bản, vừa cấp bách để giải quyết tình hình nói trên là xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn hoạt động của nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, làm cho toàn

Digitized by Google

bộ hệ thống sản xuất, lưu thông hoạt động theo quy luật khách quan, tăng nhanh sản phẩm xã hội.

Hội nghị chỉ rõ: việc giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông nhằm *mục tiêu* giảm tỷ lệ bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm tốc độ lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân lao động, trên cơ sở xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nâng cao vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh trong nền kinh tế và phát huy khả năng tích cực của các thành phần kinh tế khác, mở rộng giao lưu hàng hóa, giải phóng sức sản xuất.

Việc giải quyết những vấn đề nói trên phải thấu suốt *tư tưởng chỉ đạo*: *Một là*, đổi mới cơ chế, chính sách và tổ chức phân phối, lưu thông theo hướng vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế, lấy kế hoạch hóa làm trung tâm, mở rộng quan hệ hàng hóa — tiền tệ, chuyển hẳn sang hạch toán — kinh doanh xã hội chủ nghĩa, gắn liền với đổi mới các khâu khác trong cơ chế quản lý. *Hai là*, bước đi phải phù hợp với điều kiện thực tế, vừa tích cực, vừa vững chắc; khẩn trương tiến hành những biện pháp đã thấy rõ là cần thiết và có điều kiện thực hiện; tránh lối làm nóng vội, giản đơn, nhất loạt, thiếu chuẩn bị, gây ra những biến động lớn, những hậu quả xấu về kinh tế và về xã hội. Trong mỗi bước đi, phải có sự đồng bộ về chính sách, biện pháp và tổ chức, đồng thời phải tập trung giải quyết khâu then chốt để xoay chuyển tình hình. *Ba là*, tăng cường hiệu lực lãnh đạo tập trung thống nhất của trung ương đi đôi với phát huy mạnh mẽ tính năng động, sáng tạo của các cơ sở, địa phương và ngành. Tạo thành phong trào cách mạng của quần chúng trong việc giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông, gắn với cuộc vận động làm trong sạch tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. *Bốn là*, sử dụng có hiệu quả và mở rộng các hình thức hợp tác quốc tế và kinh tế, nhất là với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, để có thêm điều kiện góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế cấp bách.

Hội nghị Trung ương đã quyết định những chính sách và biện pháp quan trọng dưới đây:

Chính sách trao đổi hàng hóa giữa Nhà nước và nông dân.

Ngoài *thuế là nghĩa vụ* đóng góp bắt buộc, từ nay nghiêm cấm các ngành, các cấp tùy tiện giao thêm cho các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và hộ nông dân «nghĩa vụ giao nộp sản phẩm» hoặc đặt thêm các khoản đóng góp gây thiệt hại cho dân; thực hiện tốt hơn phương châm «Nhà nước và nhân dân cùng làm». Chính sách thuế nông nghiệp được cải tiến theo hướng khuyến khích sản xuất. Các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất cần xác định mức khoán hợp lý. *Mức thuế và mức khoán được ổn định đến năm 1990.*

Mọi quan hệ trao đổi giữa các tổ chức kinh tế của Nhà nước với hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp và các hộ nông dân phải *theo nguyên tắc bình đẳng, thuận mua vừa bán, bảo đảm củng cố liên minh công nông.*

Nhà nước xác định lại *tỷ giá* trao đổi hợp lý giữa vật tư và nông sản, theo hướng khuyến khích sản xuất. *Mức giá* mua thóc và các nông sản khác trong hợp đồng cũng như ngoài hợp đồng đều phải theo nguyên tắc thỏa thuận, bảo đảm cho nông dân trong điều kiện sản xuất bình thường bù đắp được chi phí xã hội cần thiết và có lãi 30 — 40% so với giá thành (tỷ lệ lãi có phân biệt theo loại sản phẩm và theo vùng, đối với thóc là 10%).

Digitized by Google

Phương thức mua, bán, thanh toán ngay bằng tiền theo giá đã thỏa thuận ghi trong hợp đồng được vận dụng rộng rãi.

Hội nghị Trung ương đã quyết định *chuyển toàn bộ việc mua, bán lương thực của Nhà nước sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.* Các tổ chức kinh doanh lương thực có trách nhiệm bảo đảm lương thực cho các đối tượng Nhà nước quy định, được giao đủ quyền hạn, phương tiện tương ứng với trách nhiệm, kinh doanh theo cơ chế tự chủ về tài chính, tự bù đắp chi phí, không lấy lãi trong việc bán lương thực cho những nhu cầu thiết yếu và Nhà nước không bù lỗ. Các tổ chức kinh doanh nói trên phát triển *kinh doanh tổng hợp* (mua bán, chế biến, xuất nhập khẩu lúa, màu, phụ phẩm, v.v.), lấy lãi ở khâu kinh doanh này bù lỗ cho khâu kinh doanh khác. Việc chuyển sang cơ chế kinh doanh lương thực phải được xúc tiến khẩn trương để thực hiện từ vụ mùa sớm và vụ mùa năm 1987. Trước mắt, việc mua lương thực trong hợp đồng kinh tế đối với vụ đông xuân và vụ hè thu tạm giữ theo tỷ giá và mức giá hiện hành ở các địa phương. Ngoài phần mua theo hợp đồng, các địa phương mua phần nông sản hàng hóa còn lại theo giá thỏa thuận, linh hoạt, đấu tranh khắc phục từng bước tính tự phát của giá cả thị trường tự do. Điều quan trọng hàng đầu là tổ chức kinh doanh của Nhà nước phấn đấu đáp ứng nhu cầu vật tư cho nông nghiệp, chấn chỉnh ngay việc kinh doanh vật tư, hàng hóa, bảo đảm đưa đến các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và các hộ nông dân một cách kịp thời, đúng giá quy định và không mất mát, không được tùy tiện cộng thêm các loại phí và lãi không hợp lý qua các cấp trung gian, đẩy giá lên cao.

Trên nguyên tắc bảo đảm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các hợp đồng bán sản phẩm đã ký với các tổ chức kinh tế của Nhà nước, các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và hộ nông dân được quyền tự do lưu thông, tiêu thụ lương thực, thực phẩm và các nông sản hàng hóa khác, trừ một số sản phẩm không được tự do lưu thông do Nhà nước quy định.

Hội nghị Trung ương định chính sách đối với các *xí nghiệp quốc doanh* nhằm chuyển các xí nghiệp sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phát huy được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, bảo đảm lợi ích của cả Nhà nước, tập thể và người lao động.

Tính đúng, tính đủ giá «đầu vào» và «đầu ra» để thúc đẩy hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, song *phải xử lý từng bước*, trên nguyên tắc không cản trở sản xuất, lưu thông, không gây đột biến giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp và phù hợp với sức mua của nhân dân lao động. Trên cơ sở tỷ giá kết toán hợp lý đối với hàng nhập khẩu, Nhà nước tính đủ giá vật tư, tính khấu hao tài sản cố định với mức độ có phân biệt đối với từng ngành; và tùy theo loại sản phẩm, loại xí nghiệp mà có cách *xử lý khác nhau ở «đầu ra»*.

Vật tư do Nhà nước quản lý cung ứng cho các xí nghiệp quốc doanh theo chỉ tiêu kế hoạch và định mức *phải chuyển sang phương thức kinh doanh*, mua bán theo hợp đồng, với giá cả được điều chỉnh hợp lý.

Giá bán sản phẩm của xí nghiệp sản xuất cho các tổ chức lưu thông được xác định trên cơ sở *lấy giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp* (đối với hàng tiêu dùng) *hoặc giá bán buôn vật tư* (đối với tư liệu sản xuất) *trừ chiết khấu lưu thông*, bảo đảm thu tích lũy vào ngân sách nhà nước ngay từ khâu sản xuất. Trong năm 1987, *đổi mới chế độ thu quốc doanh*, bỏ cách tính lợi nhuận định mức dựa trên giá thành của từng xí nghiệp.

Digitized by Google

Xí nghiệp quốc doanh được dùng nhiều hình thức để *huy động vốn của mọi tập thể và cá nhân ở trong nước và người Việt nam ở nước ngoài*.

Hội nghị Trung ương còn quyết định chính sách đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

Sẽ thể chế hóa và cụ thể hóa chính sách đối với kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư nhân theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng để mọi người yên tâm bỏ vốn sản xuất, kinh doanh, khuyến khích các hình thức hùn vốn, hợp tác, làm ăn tập thể từ thấp đến cao và các hình thức liên kết với các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Đối với các cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp (tập thể, gia đình, cá thể và tư bản tư nhân), *các tổ chức kinh doanh của Nhà nước bán vật tư theo giá kinh doanh* (ngang với giá bán cho khu vực quốc doanh) và *mua sản phẩm theo giá thỏa thuận*, chủ yếu thông qua hợp đồng kinh tế trên nguyên tắc bình đẳng. Người sản xuất có quyền tự do tiêu thụ sản phẩm ngoài hợp đồng theo chính sách lưu thông hàng hóa của Nhà nước. Việc định giá gia công phải theo nguyên tắc thỏa thuận, bảo đảm người sản xuất có thu nhập và lãi thỏa đáng, xóa bỏ thói ép buộc, cửa quyền và các hiện tượng tiêu cực khác. Hình thức gia công thương nghiệp chỉ áp dụng chủ yếu đối với những sản phẩm dùng nguyên liệu quý hiếm. Những cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu được hưởng quyền sử dụng một phần ngoại tệ thu được để nhập vật tư cho sản xuất.

Chế độ thuế đối với tiểu, thủ công nghiệp được cải tiến, phân biệt và ưu đãi so với thương nghiệp. Nhà nước miễn thuế hoặc giảm thuế suất đối với một số sản phẩm xuất khẩu, đối với các cơ sở sản xuất mới xây dựng hoặc mở rộng theo những mục tiêu kinh tế cần ưu tiên; công bố chính sách thuế thống nhất, các địa phương không được tự đặt các thứ thuế và phụ thu ngoài quy định của Nhà nước, kiểm tra việc kê khai doanh số và nộp thuế, xử phạt theo đúng pháp luật những trường hợp khai man, trốn thuế.

Các chính sách kinh tế, xã hội đối với kinh tế tập thể, cá thể, tư bản tư nhân được soát xét lại, xóa bỏ mọi định kiến hẹp hòi và những quy định mang tính chất phân biệt đối xử không hợp lý (như trong chế độ tín dụng, cung ứng vật tư, quy định về tuyển sinh, đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật, tiêu chuẩn gửi con vào nhà trẻ, mẫu giáo...).

Hoạt động của các tổ chức vật tư, nội thương, ngoại thương, vận tải phải chuyển mạnh sang kinh doanh, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về lỗ lãi.

Giải tỏa lưu thông hàng hóa đi đôi với chuyển mạnh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa sang kinh doanh, tiếp tục xóa bỏ ngay tất cả các hình thức cắm đoán lưu thông, chia cắt thị trường theo địa giới hành chính, thực hiện tốt chủ trương giải thể các trạm kiểm soát hàng hóa trên các đường giao thông trong cả nước. *Ngành thương nghiệp phấn đấu chiếm lĩnh thị trường xã hội, trước hết về những mặt hàng thiết yếu, không được tùy tiện nâng giá để hưởng chênh lệch giá ngoài chiết khấu thương nghiệp.*

Hoạt động của thương nghiệp quốc doanh được tổ chức lại, loại bỏ những tầng nấc trung gian vô ích, giảm mạnh phí lưu thông bất hợp lý. Các tổng công ty trung ương đưa thẳng hàng hóa từ trung tâm bán buôn đến các xí nghiệp thương nghiệp bán lẻ; xóa bỏ ngay các tổ chức buôn bán của các cơ quan, đơn vị không có chức năng và không được phép kinh doanh thương nghiệp. Trừng trị dích đáng bọn đầu cơ, buôn lậu, bọn ăn cắp trong hoạt động thương nghiệp và trong bộ máy nhà nước.

Digitized by Google

Cơ chế *quản lý giao thông vận tải* được đổi mới theo hướng hạch toán kinh doanh, đáp ứng yêu cầu mở rộng lưu thông vật tư hàng hóa. Kinh tế tập thể, kinh tế gia đình, cá thể, tư nhân được khuyến khích mua, đóng phương tiện và đăng ký kinh doanh vận tải, chủ yếu là vận tải đường ngắn.

Hội nghị Trung ương đã quyết định chính sách xuất, nhập khẩu và tỷ giá hối đoái.

Hội nghị Trung ương khẳng định yêu cầu bức thiết là giảm bớt khó khăn, dần dần ổn định đời sống công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang, giải quyết từng bước vấn đề *tiền lương và đời sống* một cách tích cực và vững chắc, phù hợp với kết quả sản xuất, với khả năng cân đối ngân sách, cân đối tiền—hàng. Phải có những biện pháp toàn diện để đáp ứng yêu cầu đó, quan trọng nhất là việc giải quyết lương phải gắn với giảm được nhịp độ tăng giá trên thị trường xã hội, khuyến khích và giúp đỡ phát triển kinh tế gia đình trong sản xuất và dịch vụ. Công nhân, viên chức được lao động cả thể ngoài giờ chính quyền. Tình hình hiện nay chưa cho phép sửa đổi ngay chế độ tiền lương ban hành tháng 9-1985 mà chỉ có thể điều chỉnh bộ phận, chủ yếu là đối với một số thang, bậc lương công nhân kỹ thuật và cán bộ khoa học, kỹ thuật, đồng thời dùng hình thức lương sản phẩm và tiền thưởng để khắc phục một phần tính chất bình quân và những chỗ không hợp lý trong chế độ lương hiện hành.

Đối với quân đội và công an, Nhà nước bảo đảm cung cấp cho chiến sĩ và hạ sĩ quan đủ lương thực, thực phẩm, quần trang, quân dụng theo định lượng, đúng thời gian và địa điểm; ưu tiên cho các lực lượng ở tuyến đầu và ở những nơi khó khăn. Đối với sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp, thực hiện bù giá vào lương như công nhân, viên chức.

Đối với công nhân, viên chức khu vực sản xuất, phấn đấu khôi phục tiền lương thực tế ngang mức đã quy định tháng 9-1985 và hạch toán đầy đủ vào giá thành sản phẩm hoặc phí lưu thông trên cơ sở phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất, tự trang trải quỹ tiền lương, bảo đảm thực hiện kế hoạch nhà nước, trong đó có các khoản nộp ngân sách. Chấm dứt việc dùng sản phẩm hoặc các khoản thu nhập không chính đáng để trả lương, thưởng, phân phối nội bộ. Đối với một số xí nghiệp chưa đủ sức tự trang trải, thì Nhà nước sẽ xử lý từng trường hợp riêng biệt. Thực hiện rộng rãi *chế độ lương khoán*, lương sản phẩm đi đôi với soát xét lại định mức và thực hiện chặt chẽ việc nghiệm thu sản phẩm. Đối với *tiền thưởng cuối năm* ngoài quỹ lương, tạm thời quy định giới hạn tối đa để hạn chế mức chênh lệch quá đáng về thu nhập giữa các xí nghiệp. Đặc biệt khuyến khích việc thưởng sáng chế, sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

Đối với công nhân, viên chức khu vực hành chính, sự nghiệp, từng bước khôi phục tiền lương thực tế ngang mức quy định tháng 9-1985.

Những nơi có điều kiện thì thực hiện bù giá vào lương theo cơ cấu hiện vật của tiền lương tối thiểu đã quy định tháng 9-1985 và tính theo giá kinh doanh thương nghiệp; trước mắt, mức bù đạt được bao nhiêu phần trăm tiền lương thực tế tháng 9-1985 sẽ do các tỉnh, thành phố quyết định tùy điều kiện cụ thể về cân đối tiền—hàng, cân đối ngân sách của địa phương và thỏa thuận với Bộ tài chính để giải quyết thống nhất cho công nhân, viên chức thuộc ngân sách trung ương sống trên đất địa phương. Hội đồng bộ trưởng chỉ đạo, hướng dẫn chặt chẽ mức bù giá để không gây ra những biến động xấu và tránh tình trạng quá chênh lệch giữa các địa phương và các ngành.

Digitized by Google

Đối với những nơi trước mắt chưa bù giá vào lương hoặc chỉ bù giá vào lương trong phạm vi 6 mặt hàng định lượng thì thực hiện *trợ cấp khó khăn* tùy theo khả năng ngân sách.

Đối với cán bộ khoa học, kỹ thuật, khuyến khích và tạo điều kiện cho các cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, các cán bộ khoa học, kỹ thuật quan hệ trực tiếp với các tổ chức và cơ sở sản xuất, kinh doanh bằng nhiều hình thức, qua đó, tăng thêm thu nhập theo hiệu quả cống hiến đối với sản xuất. Các cơ sở nghiên cứu ứng dụng và triển khai kỹ thuật chuyển dần sang chế độ hạch toán kinh tế, tự lù đáp một phần hoặc toàn bộ chi phí.

Đối với công nhân, viên chức ngành giáo dục, y tế, ngoài những biện pháp chung, được mở lớp dạy học và khám bệnh ngoài giờ do trường học và bệnh viện tổ chức để góp phần cải thiện đời sống.

Đối với các cơ quan quản lý hành chính và bộ phận gián tiếp sản xuất, sắp xếp lại tổ chức bộ máy và giảm mạnh biên chế, thực hiện việc khoán quỹ lương cho những cơ quan đã định lại tổ chức và biên chế. Định tỷ lệ hợp lý số người gián tiếp sản xuất. Giúp đỡ về vật chất, tiền vốn và thực hiện các chính sách khuyến khích người dôi ra trong khu vực hành chính và trong bộ phận gián tiếp sản xuất chuyển sang trực tiếp sản xuất và hoạt động dịch vụ, kể cả chuyển sang khu vực kinh tế tập thể.

Đối với cán bộ xã và phường, điều chỉnh tiền phụ cấp hiện hành theo thời giá; khẩn trương nghiên cứu để sớm có chính sách đãi ngộ thỏa đáng hơn.

Trợ cấp đối với *người về hưu và những người hưởng trợ cấp xã hội* được điều chỉnh tương ứng với mức giải quyết về tiền lương cho công nhân, viên chức ở khu vực hành chính, sự nghiệp. Tìm mọi biện pháp giúp đỡ những người đang gặp nhiều khó khăn trong đời sống, đặc biệt là thương binh nặng, gia đình liệt sĩ neo đơn và những cán bộ cách mạng lão thành đã về hưu.

Hội nghị Trung ương đã quyết định nhiều *chính sách và biện pháp tăng thu, hạn chế bội chi ngân sách và giảm nhịp độ lạm phát*, kiện toàn Ngân hàng nhà nước, phát triển các ngân hàng chuyên nghiệp.

Các biện pháp cấp bách về phân phối lưu thông lần này thực hiện trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn, phức tạp, song cũng có những thuận lợi. Phải phát động phong trào cách mạng của quần chúng, gắn với cuộc vận động làm trong sạch các tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Các cấp bộ đảng phải nói rõ với dân những khó khăn của đất nước, chủ trương giải quyết của Đảng và Nhà nước, trách nhiệm của mỗi người, của các tổ chức đảng và đoàn thể quần chúng trong việc thực hiện. Làm cho mọi người hiểu rằng: *điều cốt lõi để thực hiện tốt nghị quyết này là các cấp, các ngành, các cơ sở phải chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, ra sức phát triển sản xuất với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, triệt để tiết kiệm, trên cơ sở đó bảo đảm lợi ích của cả nhà nước, tập thể và người lao động.*

Hội nghị lần thứ 3 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VI) kêu gọi toàn đảng, toàn dân ta nhận rõ tình hình, nhiệm vụ, phát huy tinh thần làm chủ đất nước, đồng tâm nhất trí, quyết tâm thực hiện bằng được trong bước đi trước mắt những chủ trương, biện pháp cấp bách về phân phối, lưu thông, góp phần thực hiện mục tiêu ổn định tình hình kinh tế — xã hội do Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI đã nêu ra.

Digitized by Google

PHÁT BIỂU CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN VĂN LINH

LỜI KHAI MẠC

Thưa các đồng chí,

HỘI nghị Trung ương của chúng ta lần này chủ yếu giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông.

Đó là công việc bức thiết, nằm trong chương trình công tác rộng lớn mà Đại hội Đảng lần thứ VI đã đề ra như đổi mới tư duy, phong cách, thực hiện ba chương trình, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, tiến hành các cuộc vận động lớn, v.v.

Không phải ngẫu nhiên mà đề tài trung tâm của Hội nghị Trung ương lần thứ hai là vấn đề phân phối, lưu thông. Từ năm 1981 đến nay, đã nhiều lần Trung ương bàn bạc và quyết định, nhưng tình hình chẳng những không được cải thiện, mà ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay, nó đang là vấn đề cấp bách và cơ bản, là tụ điểm của các khó khăn trong đời sống kinh tế nước ta. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã giao cho Ban chấp hành trung ương mới tập trung sức giải quyết vấn đề này. Báo cáo chính trị tại Đại hội ghi rõ: « Trước mắt, thực hành những biện pháp có hiệu quả để hãm bớt lạm phát và tốc độ tăng giá, giảm bớt khó khăn về đời sống của người ăn lương. Có làm được việc đó mới tạo được những tiền đề về kinh tế, xã hội và tâm lý cho việc đẩy mạnh quá trình cải cách ». Trách nhiệm của chúng ta, của mỗi Ủy viên Trung ương và toàn thể Ban chấp hành trung ương là phải trả lời thẳng vào những vấn đề bức xúc nói trên của cuộc sống, đáp ứng được lòng mong đợi nóng bỏng và chính đáng của nhân dân. Làm được việc đó, chắc chắn sẽ là bước khởi đầu tốt đẹp, tạo đà chuyển biến mạnh mẽ cho những bước sau. Tôi hy vọng và tin tưởng sâu sắc rằng mặc dù rất khó khăn, nhưng nhất định chúng ta phấn đấu làm bằng được, vì không có sự lựa chọn nào khác.

Trước khi các đồng chí thảo luận bản dề án, tôi muốn góp một số ý với hy vọng làm rõ hơn *cách đặt vấn đề của bản dề án*:

1 — Phân phối, lưu thông bao gồm nhiều bộ phận hợp thành như giá cả, lưu thông vật tư hàng hóa, tài chính — ngân sách, ngân hàng, tiền lương... Là một bộ phận quan trọng của quá

Digitized by Google

trình tái sản xuất xã hội, theo nghĩa hẹp, nó bao dâm « đầu vào » và « đầu ra » cho sản xuất. Phân phối, lưu thông vừa là điều kiện, vừa là kết quả của sản xuất. Như vậy, giải quyết vấn đề phân phối, lưu thông có liên quan chặt chẽ với quá trình sản xuất, với tổng thể cơ chế quản lý nền kinh tế quốc dân. Đối với một vấn đề phức tạp như vậy, Hội nghị Trung ương lần này chưa thể giải quyết được toàn bộ, mà cần phải chia ra *nhiều bước* để thực hiện trong vài ba năm. Bước đầu này dự kiến thực hiện từ nay đến hết năm 1987 nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách để thoát ra khỏi tình hình rối ren hiện tại, sau đó sẽ còn phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, nhất là phải xử lý những vấn đề mới nảy sinh.

Điều hết sức lưu ý trong khi suy nghĩ để thảo luận vấn đề quá phức tạp này là mỗi người phải hết sức bình tĩnh và tỉnh táo để lựa chọn các giải pháp đúng đắn. Chỗ dựa cơ bản của chúng ta, là các quan điểm đổi mới của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, quyết không được quay trở lại tập trung quan liêu, bao cấp hoặc ngược lại, lao vào khuynh hướng mà nhiều người hay gọi là « cơ chế thoáng ». Quyết không được dưới danh nghĩa « dân chủ », đứng trên lập trường cục bộ bản vị địa phương và ngành mình để giải quyết vấn đề. Lập trường có tính nguyên tắc là phải đứng trên lợi ích chung, toàn cục và toàn quốc, vì có giải quyết được những vấn đề tổng thể, cả nước, mới có điều kiện giải quyết được tình hình cụ thể của từng bộ phận, của từng địa phương và ngành. Ngược lại, cũng không vì địa phương và ngành, đứng trước tình hình cấp bách, phải xử lý những vấn đề mới nảy sinh do cuộc sống sinh động đặt ra, trong đó đúng cũng có, không đúng cũng có, mà chúng ta lại nhân danh « tập trung », kỷ cương và kỷ luật để đưa ra những chủ trương gò bó, bảo thủ, không phù hợp với thực tế khách quan. Chính lúc này cần thiết phải có tư duy mới, có quan niệm đúng đắn về mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ.

Một điều hết sức lưu ý nữa là đề phòng tâm trạng nóng vội, sốt ruột, muốn khắc phục ngay những khó khăn trước mắt bằng những chủ trương và biện pháp thiếu căn cứ khách quan, làm ào ào, không chuẩn bị đầy đủ, làm như vậy về hình thức sẽ tái diễn lại sai lầm của cuộc tổng điều chỉnh giá — lương — tiền cuối năm 1985. Chúng ta cần có những bước đi vững chắc, bước trước có làm tốt mới tạo ra những tiền đề và điều kiện cần thiết để làm tốt bước sau. Nếu làm khác đi sẽ dẫn đất nước đến vực thẳm không sao lường được. Nói như thế không có nghĩa là làm chậm rãi, từ từ, được đến đâu hay đến đó, mà phải khẩn trương, tích cực, chủ động, đúng với tính chất cấp bách của vấn đề mà chúng ta phải tập trung nỗ lực để xử lý.

2 — Những vấn đề nào được coi là cấp bách và cơ bản cần xử lý ở bước đầu tiên?

Không cần phải suy nghĩ nhiều, mỗi chúng ta đều thấy rõ, hiện nay *lạm phát* đang là vấn đề nghiêm trọng nổi lên trong nền kinh tế nước ta. Nó được biểu hiện trên bề mặt xã hội đến mức mà mỗi bà nội trợ, mỗi người dân đều cảm nhận được hằng ngày. Chỉ trong vòng hơn một năm, khối lượng tiền tệ ném vào lưu thông đã tăng lên nhiều lần. Trong khi đó, tổng sản phẩm xã hội chỉ tăng khoảng 6 — 7%. Dĩ nhiên, không phải toàn bộ số tiền vận động trong lưu thông đều là lạm phát, nếu chú ý rằng đơn vị giá cả hàng hóa có thay đổi trong thời gian đó. Nhưng dù sao, lạm phát ở mức độ cao là một thực tế không thể phủ nhận. Đó là sự thách thức to lớn mà chúng ta phải đương đầu. Mặt khác, cần nhận rõ : lạm phát là *biểu hiện tổng hợp của nhiều nhân tố* tạo

Digitized by Google

thành mà trực tiếp là bội chi ngân sách lớn, giá cả tăng với tốc độ « phi mã », một phần quan trọng do những tiêu cực trong phân phối vật tư, nguyên liệu, hàng hóa, do tùy tiện nâng giá để ăn chênh lệch giá và tranh mua, tranh bán. Nguyên nhân sâu xa và cơ bản của tình hình là sản xuất thấp kém, cung cách xa cầu, tiền — hàng mất cân đối lớn. Ở đây, tôi muốn lưu ý một điều là nhiều năm nay chúng ta vẫn ở trong tình hình đó, nhưng chưa năm nào lạm phát tăng nhanh, giá cả tăng đột biến, đời sống của người ăn lương và các lực lượng vũ trang khó khăn gấp bội như năm qua. Trong khu vực nhà nước, có tình trạng tùy tiện áp dụng nhiều chế độ phân phối thu nhập khác nhau, phát sinh chênh lệch lớn, trong đó chứa đựng nhiều tiêu cực. Chỉ có một bộ phận dân cư làm ăn bất chính bằng mọi thủ đoạn, bọn đầu cơ buôn lậu, một số cán bộ, nhân viên thoái hóa, biến chất là giàu lên một cách nhanh chóng, sống phè phỡn trên lưng Nhà nước và người lao động. Thực trạng phân phối nói trên không những vi phạm nguyên tắc công bằng xã hội mà còn triệt tiêu động lực sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác.

Có thể rút ra kết luận gì từ tình hình trên? Đó là: không thể nói trước hết hãy giải quyết vấn đề sản xuất, còn phân phối, lưu thông sẽ giải quyết sau. Một số đồng chí cho rằng, muốn thoát khỏi tình hình hiện nay, phải gỡ từ sản xuất. Đúng là phải từ sản xuất, nhưng chưa thể bằng cách chuyển động mạnh và chuyển động ngay toàn bộ cái « hộp đen ». Điều này còn phải có thời gian. Vấn đề là ở chỗ: thực trạng phân phối lưu thông như hiện nay không thể là tiền đề và điều kiện để thúc đẩy sản xuất phát triển và ổn định một bước đời sống, trái lại, càng làm cho chúng khó khăn hơn. Hiện nay, phải tập trung mọi nỗ lực để khắc phục một cách đáng kể *nguyên nhân trực tiếp* của lạm phát là *bội chi ngân sách liên tục và giá cả rất rẻ tăng vọt*. Chỉ có trên cơ sở đó mới bảo đảm được tiền lương thực tế và giảm bớt được khó khăn về đời sống của nhân dân lao động. Các nhân tố trực tiếp tác động đến lạm phát có vị trí tương đối độc lập của chúng. Vì vậy, chúng ta chỉ có thể làm lành mạnh hơn tình hình, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh bằng cách xử lý tốt hơn vấn đề phân phối lưu thông. Cách đặt vấn đề như vậy dẫn chúng ta đến việc xem xét và giải quyết một bước các vấn đề sau đây trong Hội nghị Trung ương lần thứ hai:

1 — Chính sách giá cả và lưu thông vật tư, hàng hóa.

2 — Chính sách và biện pháp hạn chế tốc độ bội chi ngân sách và giảm nhịp độ lạm phát.

3 — Chính sách, biện pháp giải quyết tiền lương và đời sống của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang, của người về hưu, của nhân dân lao động ở thành thị và nông thôn.

Yêu cầu đặt ra cho bước này là thực hiện bốn giảm: giảm tốc độ bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm tốc độ lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân lao động, góp phần giải phóng sức sản xuất, mở rộng giao lưu hàng hóa, chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Bước này sẽ được thực hiện từ nay đến hết năm 1987. Cuối năm nay chúng ta sẽ tổng kết quá trình thực hiện, trên cơ sở tình hình và kinh nghiệm mới, sẽ đề ra các yêu cầu, mục tiêu và biện pháp cho bước tiếp theo.

Tôi muốn nhấn mạnh điều này: dù mới chỉ giải quyết một bước vấn đề phân phối, lưu thông nhưng phải tạo cho được *sự chuyển biến rõ rệt, có hiệu quả trong một thời gian nhất định, kiên quyết không để tình hình giậm chân tại chỗ hoặc xấu thêm.*

Digitized by Google

Sau Đại hội lần thứ VI của Đảng, nhân dân ta đang trông chờ và đòi hỏi nghiêm khắc phải có sự thay đổi tích cực, cuộc sống không cho phép trì hoãn thêm nữa.

3—Chúng ta nói đến các bước trong tiến trình thực hiện các giải pháp về phân phối, lưu thông. Nhưng *nguyên tắc và quan điểm chung* làm cơ sở cho các giải pháp trong từng bước phải *nhất quán*, không gây mâu thuẫn, chồng chéo nhau. Đó là những nguyên tắc và quan điểm được trình bày trong Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng.

Đại hội đã chỉ rõ: những sai lầm trên lĩnh vực phân phối, lưu thông trong những năm qua bắt nguồn từ những sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, từ sự duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp trong quản lý kinh tế.

Nếu tách việc giải quyết phân phối, lưu thông khỏi những vấn đề cơ bản đó, chúng ta sẽ không thể tiến thêm một bước nào cả, chẳng những không có phương hướng mà cũng không có cơ sở để thực hiện.

Để có thể làm chuyển biến tình hình một cách cơ bản, phải bố trí lại cơ cấu kinh tế theo hướng tập trung cho ba chương trình kinh tế trọng điểm: lương thực — thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải kiên quyết chấn chỉnh đầu tư xây dựng cơ bản, sử dụng hợp lý hơn nguồn vốn, không làm «xoạc» ra những mất cân đối hiện có, phải đầu tư vào những công trình và sản phẩm tạo ra nhanh hiệu quả kinh tế—xã hội. Đó là nền tảng vững chắc làm cơ sở để ổn định phân phối, lưu thông.

Giải pháp cơ bản về phân phối, lưu thông không thể nằm ngoài tư tưởng chỉ đạo là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế, trước hết là của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Điều này, trên một mức độ nhất định, liên quan đến việc cải tạo và sử dụng các thành phần kinh tế. Mọi chính sách phân phối, lưu thông đều phải nhằm làm bật dậy các tiềm năng hiện có, huy động cho được những giá trị to lớn còn nằm yên vào quá trình tái sản xuất xã hội. Thực tế ở nhiều địa phương và ngành đã chỉ ra rằng, nếu có chính sách đúng thì những vốn chết (tài nguyên, lao động, tiền nhàn rỗi, v.v.) sẽ trở thành vốn sống, phục vụ cho nền kinh tế chung cũng như mang lại lợi ích thiết thực cho từng người, từng gia đình và từng tập thể lao động. Bằng các hình thức kinh tế quá độ phù hợp, nhiều năng lực sản xuất mới trong nhân dân sẽ xuất hiện, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội, góp phần rút ngắn khoảng cách giữa cung và cầu hàng hóa. Vừa qua, một số tỉnh và thành phố ban hành các biện pháp phát triển tiểu, thủ công nghiệp và dịch vụ đã mang lại kết quả bước đầu. Dĩ nhiên, để có thể chuyển biến được tình hình, cải tạo và sử dụng tốt các thành phần kinh tế khác, kinh tế xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức quốc doanh và tập thể phải lớn mạnh, đủ sức đóng được vai trò nòng cốt và chủ đạo, có sức mạnh nêu gương và tổ chức quản lý tốt toàn ngành. Đảng và Nhà nước phải tích cực tạo ra những điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách và tổ chức để các cơ sở kinh tế quốc doanh và tập thể hoạt động có hiệu quả.

Mọi giải pháp về phân phối, lưu thông trước mắt cũng như lâu dài nhất thiết phải quán triệt quan điểm chống tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Phải nói rằng, cho đến nay, sức ỳ của kiểu tư duy cũ thể hiện trong tổ chức quản lý kinh tế nói chung và phân phối, lưu thông

Digitized by Google

nói riêng còn rất nặng nề. Nếu không đổi mới quan niệm và phong cách làm việc theo tinh thần của Đại hội VI, chúng ta sẽ không có lối thoát để giải quyết vấn đề phân phối, lưu thông. Kinh nghiệm đã chứng tỏ sa lầy vào vũng bùn tập trung quan liêu, bao cấp, chúng ta càng bị nó nhấn chìm. Phải tìm một con đường khác, đó là hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa: giá cả kinh doanh, tiền tệ kinh doanh, vật tư kinh doanh, tài chính cũng phải đặt trên nền tảng kinh doanh... Chúng ta không thể tiếp tục mãi tình trạng ngân sách bù lỗ tràn lan cho «đầu vào» sản xuất đến mức hằng năm nhà nước để «tuột» khỏi tay mình hàng chục tỷ đồng. Không thể tiếp tục mãi con đường quen thuộc là nhà nước mua nông sản phẩm về bán lại cho công nhân viên và một số đối tượng khác theo giá quá thấp, đến nỗi tiền bù lỗ cho riêng khoản này đã chiếm non một phần ba ngân sách. Hạch toán kinh tế chỉ là hình thức, giả tạo, khi định các chi phí sản xuất từ máy móc, thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu và tiền lương đều thấp xa so với giá trị của chúng. Khỏi phải nói các đồng chí cũng đều biết, chính sách đó đã làm phá sản tận gốc nền tài chính quốc gia. Định giá như thế nào để tránh được tập trung quan liêu bao cấp, mua được bán được trên cơ sở kinh doanh nhưng lại không rơi vào tự do tùy tiện nâng giá hoặc một chiều chạy theo giá cả thị trường tự do. Cần thiết phải mở rộng môi trường kinh doanh, khơi dòng cho lưu thông hàng hóa mà vẫn không nằm ngoài quỹ đạo kinh tế có kế hoạch. Đó là những vấn đề mà đề án phải giải đáp đúng trên góc độ hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Cũng cần nhận thấy rằng, xóa bao cấp trong nền kinh tế *là một quá trình*. Nôn nóng muốn xóa ngay bằng cách tính đúng, tính đủ «đầu vào» của sản xuất dẫn đến làm tăng đột biến giá cả hoặc nhân danh sự thận trọng, «vững chắc», để rồi giữ nguyên hiện trạng đều không đúng. Ở đây cần có quan điểm phân tích cụ thể đối với những vấn đề cụ thể. Bằng các phương án tính toán, cân nhắc kỹ nên đưa «đầu vào» đến mức nào là hợp lý đối với từng loại vật tư, hàng hóa. Nguyên tắc chung là «đầu ra» không gây đột biến làm giá cả thị trường xã hội leo thang. Về phương diện này, thực tiễn của hai cuộc tổng điều chỉnh giá năm 1981 và 1985 đã đem lại cho chúng ta những bài học quý.

1 – Phân phối, lưu thông tự bản thân nó, cũng như trong mối quan hệ với quá trình tái sản xuất xã hội bao gồm nhiều nội dung. Từ đó, đòi hỏi cách tiếp cận hệ thống và đồng bộ trong việc xử lý từng yếu tố hợp thành. Cách xem xét cô lập, tách rời mặt nọ với mặt kia nhất định sẽ gây tác hại đến tổng thể. Chẳng hạn, việc xác định mức giá có liên quan trực tiếp đến xác định quy mô của tiền lương, ngân sách và tiền tệ. Việc xác định mức giá của một loại vật tư, hàng hóa có tác động dây chuyền đến hàng loạt các vật tư, hàng hóa khác. Cũng như vậy, giá nông sản phẩm và công nghệ phẩm có mối tương hệ khăng khít. Khi những mối quan hệ tổng thể đó bị phá vỡ sự cân bằng, thì đến lượt chúng, các nhân tố cấu thành cũng bị đảo lộn. Vấn đề nói đây không chỉ giới hạn ở khía cạnh kỹ thuật, nghiệp vụ. Như C.Mác đã nói: «Giá trị là quan hệ xã hội», là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất kinh doanh, là quan hệ trao đổi lao động kết tinh trong hàng hóa. Nguyên tắc thống trị trong các mối quan hệ này là ngang giá. Khi nguyên tắc cơ bản đó của sản xuất và trao đổi hàng hóa bị vi phạm, tất yếu sẽ làm giảm sút hoặc triệt tiêu động lực của sản xuất kinh doanh. Tình hình sản xuất vụ mía trong năm qua là một thí dụ tiêu biểu. Khi chúng ta mua mía của nông dân với giá quá thấp, không bù đắp được chi phí sản

Digitized by Google

xuất của họ, lẽ tự nhiên là họ không bán cho ta mà bán cho tư thương, cho các tư nhân ép mía thủ công, thậm chí họ có thể chặt mía đi để trồng thứ khác. Ngược lại, do tệ ăn chênh lệch giá nên khi chúng ta bán hàng công nghệ cho nông dân theo giá quá cao thì họ liền nâng giá bán nông sản. Mặt bằng giá cứ thế mà dâng lên, không tùy thuộc vào ý chí của chúng ta. Các quan hệ giá cả này khi không còn kiểm soát được sẽ làm tổn hại đến quan hệ giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp.

Từng đó thí dụ cũng đủ chứng minh tính chất phức tạp, tinh tế và nhạy bén của vấn đề phân phối, lưu thông. Nó đòi hỏi chúng ta phải xử lý chặt chẽ, nghiêm túc và với thái độ khoa học. Mọi sự tùy tiện, gò bó, áp đặt hoặc buông lỏng, tự phát đều dẫn đến hậu quả tai hại. Chúng ta cũng không thể dừng lại ở các quan điểm, nguyên tắc chung, dù rất quan trọng, nhưng vẫn chưa đủ để giải quyết vấn đề. Phải đồng thời xây dựng các phương án cụ thể, trong đó thể hiện được các quan hệ liên ngành. Chính phương án cụ thể có định lượng là thước đo mức độ thực hiện các giải pháp, hiện thực hóa và chính xác hóa các quan điểm chung. Đó là một bài học mà chúng ta rút ra được từ việc thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng (khóa V) về giá — lương — tiền. Kinh nghiệm đó chỉ đạo chúng ta đổi mới cách làm lần này: việc xây dựng đề án chung gắn liền đồng thời với thiết kế các phương án cụ thể. Việc xây dựng các phương án cụ thể là cả một công trình, nên trong hội nghị này, chúng ta chưa thể có ngay toàn bộ các đáp án cụ thể. Các giải pháp đã được định lượng hóa một bước, nhưng chưa thể nói là đầy đủ. Sau Hội nghị Trung ương, các bộ phận chức năng sẽ tiếp tục tính toán thêm. Đồng thời, theo ý tôi, đó không chỉ là công việc của các cơ quan trung ương, mà còn là công việc của các địa phương và nhất là của các cơ sở sản xuất kinh doanh. Bởi vì chính họ là người thực hiện các phương án, họ biết rõ cái gì làm được và cái gì không làm được. Phải chăm chú lắng nghe và trân trọng tiếng nói của họ. Tổng hợp những kiến nghị từ dưới lên, chắt lọc những ý kiến tốt để bổ sung cho phương án, đó là sự thể hiện đổi mới cách làm, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

Để có thể đề xuất được các giải pháp đúng đắn, chúng ta cần phân tích sâu nguyên nhân cụ thể và trực tiếp của tình hình. Thực tế cho thấy, cùng một tình hình nhưng người ta cắt nghĩa nguyên nhân khác nhau. Có làm rõ nguyên nhân mới cho phép tìm giải pháp thích hợp, chẩn đoán trúng bệnh, bốc thuốc mới đúng. Những giải pháp thiết thực và có hiệu quả nhất thiết phải gắn liền với việc đổi mới một bước quan trọng cơ chế, chính sách, tổ chức và cán bộ. Không thể không nhận thấy rằng quan niệm và cả cách làm của chúng ta trên những mặt này đang lạc hậu xa so với cuộc sống, đang là vật cản lớn nhất trên con đường đổi mới theo yêu cầu của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI. Đồng thời, các giải pháp về phân phối, lưu thông phải gắn liền với cuộc vận động làm trong sạch đảng, khắc phục những hiện tượng hư hỏng trong bộ máy nhà nước và đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong xã hội, phải gắn liền với quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Thưa các đồng chí,

CUỘC hội nghị này của chúng ta có ý nghĩa rất quan trọng. Nó đòi hỏi mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương vừa đứng trên góc độ công tác của mình — ngành, địa phương hoặc cơ sở — vừa đứng trên lợi ích chung toàn cục để có tư duy đúng đắn, tìm ra các giải pháp có hiệu

Digitized by Google

quả làm nhanh chóng chuyển biến tình hình.

Tôi xin dừng lời ở đây và tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng (khóa VI), mong hội nghị thành công tốt đẹp, đáp ứng được lòng mong đợi bức thiết của nhân dân, của đảng viên và cán bộ cả nước.

●

LỜI BẾ MẠC

Thưa các đồng chí,

SAU mấy ngày làm việc khẩn trương, Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VI) đã thành công tốt đẹp. Tôi nói « thành công tốt đẹp » đúng với ý nghĩa của những từ này. Đó là sự đánh giá của Bộ chính trị, của Đoàn chủ tịch cũng như cảm nghĩ chung của tất cả chúng ta. Đối với một vấn đề phức tạp và hệ trọng như vấn đề phân phối, lưu thông, nhất là khi trong chúng ta đã từ lâu có những ý kiến khác nhau thì việc đạt được sự nhất trí không những về quan điểm, nguyên tắc, mà cả những chủ trương, biện pháp quan trọng thể hiện trong nghị quyết đó, thật sự là kết quả đáng mừng!

Sự thành công của hội nghị do những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Trước hết, đó là vì chúng ta có các quan điểm lớn của Đại hội lần thứ VI của Đảng soi sáng. Những quan điểm lớn của Đại hội về xây dựng cơ cấu kinh tế, về cải tạo và sử dụng các thành phần kinh tế, về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, những quan điểm về phân phối, lưu thông là cơ sở quan trọng bậc nhất định hướng cho chúng ta suy nghĩ và tìm ra các giải pháp đúng đắn.

Hai là, những vấp váp, sai lầm của việc xử lý giá — lương — tiền trong những năm trước đây, đặc biệt là cuối năm 1985, đã cho chúng ta những bài học thấm thía. Những vấp váp sai lầm trong quá khứ trở nên có ý nghĩa tích cực khi chúng ta biết rút ra từ đó những kết luận thích đáng, biết tránh những con đường dẫn ta xuống hố sâu đầy gai góc và khai phá những con đường mới sáng sủa đưa ta đi lên với những bước đi vững chắc. Cần nói thêm rằng, vừa qua, trên phương diện vĩ mô của nền kinh tế quốc dân, chúng ta đã xử lý vấn đề phân phối, lưu thông không phù hợp với quy luật khách quan và thực tế cụ thể của nước ta, tâm nóng vội và ảo ạt, nhưng trên bình diện vi mô của nền kinh tế quốc dân, chúng ta có không ít những mô hình tiêu biểu có thể nhân lên rộng khắp. Hội nghị Trung ương lần này, trong một mức độ đáng kể, đã quan tâm đến những « mầm non » đầy triển vọng, coi chúng là những nhân tố góp phần giúp chúng ta tìm ra các giải pháp thực tiễn để giải quyết vấn đề phân phối, lưu thông.

Ba là, trong Hội nghị Trung ương này, chúng ta đã bước đầu đổi mới phong cách làm việc theo tinh thần của Đại hội VI. Trước hết đó là việc bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ. Điều quyết định để hội nghị thành công là Bộ chính trị đã chọn đúng chủ đề của hội nghị. Không phải không có những ý kiến khác nhau trên vấn đề này trước và ngay trong hội

Digitized by Google

nghị. Một số ý kiến cho rằng nên chọn vấn đề sản xuất, những ý kiến khác chọn vấn đề kinh tế cấp bách nói chung. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội VI và phù hợp với tình hình thực tế, Bộ chính trị đã quyết định chọn những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông là chủ đề của hội nghị. Qua thảo luận, các đồng chí Trung ương đã tán thành quyết định này. Trong dề án gửi đến các Ủy viên Trung ương, Bộ chính trị đã trình bày các phương án và giải pháp khác nhau về những vấn đề quan trọng để Trung ương cho ý kiến. Cách nêu ra những ý kiến khác nhau ấy đã kích thích sự tranh luận, khêu gợi sự suy nghĩ để tìm ra phương hướng tối ưu. Ý kiến đóng góp của các đồng chí Trung ương trong hội nghị rất phong phú, thẳng thắn, với tinh thần trách nhiệm cao. Bộ chính trị và Đoàn chủ tịch trân trọng các ý kiến đó, hàng ngày bộ phận theo dõi hội nghị đã tập hợp đầy đủ và thông báo tới các Ủy viên Trung ương. So với dề án và phương án ban đầu, nhiều giải pháp mới được kiến nghị hợp lý và đúng đắn hơn. Bộ chính trị và Đoàn chủ tịch đã nghiên cứu, thảo luận và tiếp thu đưa vào dự thảo nghị quyết nhiều ý kiến xác đáng. Hội nghị đã biểu quyết và nhất trí thông qua nghị quyết theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Ở đây, hoàn toàn không có thái độ chủ quan áp đặt. Ý kiến của Ban chấp hành trung ương là quyết định, là mệnh lệnh cao nhất mà toàn đảng phải chấp hành. Tôi nghĩ rằng đó là phong cách mới mà từ nay về sau chúng ta phải tiếp tục thực hiện và thực hiện ngày càng tốt hơn. Mong rằng, phong cách đó trở thành nền nếp làm việc bình thường trong các cấp ủy đảng, chính quyền cũng như trong các đoàn thể, cơ quan, các tập thể ở các cấp, các ngành.

Thưa các đồng chí,

HỘI nghị của chúng ta đã quyết định những vấn đề có tầm quan trọng trước mắt và lâu dài trên lĩnh vực phân phối, lưu thông. Tác dụng của những quyết định đó không giới hạn ở các vấn đề phân phối, lưu thông thuần túy mà còn liên quan đến quá trình tái sản xuất nói chung, trong đó có khâu then chốt là quá trình sản xuất trực tiếp. Đúng như C. Mác đã viết: phân phối, lưu thông vừa là tiền đề và điều kiện, vừa là kết quả của sản xuất. Vì vậy, khi chúng ta giải quyết một bước vấn đề phân phối, lưu thông cũng có nghĩa là tháo gỡ những ách tắc cho « đầu vào » và « đầu ra » của sản xuất. Trong lĩnh vực phân phối, lưu thông, chúng ta không dừng lại ở việc giải quyết các vấn đề như định lượng, tương quan giữa các mức giá, tỷ giá, mức lương, chỉ tiêu ngân sách và tiền tệ, mà còn hết sức chú ý giải quyết các vấn đề rất quan trọng về chính sách, cơ chế và tổ chức. Kinh nghiệm đã chứng tỏ, bỏ qua hoặc xem nhẹ các mặt này, chúng ta sẽ không thể giải quyết được vấn đề phân phối, lưu thông với tính cách là những đòn bẩy kinh tế mạnh mẽ đối với sản xuất. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt các chính sách này là xử lý đúng đắn *các lợi ích kinh tế* để tạo ra động lực của sản xuất kinh doanh cả trong nông nghiệp và công nghiệp, thương nghiệp, tài chính và tiền tệ. Trong một nước tiểu nông bị tàn phá sau nhiều năm chiến tranh liên miên, lương thực còn là vấn đề trung tâm của đời sống hàng ngày, thì như V.I. Lê-nin nhận xét: con đường để xây dựng nền công nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa phải *bắt đầu từ nông nghiệp và nông dân*. Phải có chính sách đúng đắn để động viên nhiệt tình phấn khởi sản xuất của họ, củng cố và tăng cường khối liên minh công nông trong điều kiện mới. Theo hướng đó, việc hạ tỷ lệ trao đổi phân bón với thóc, ổn định mức thuế và mức khoán trong một số năm, chủ trương ngoài thuế là nghĩa vụ đóng góp bắt buộc, mọi quan hệ kinh tế giữa nhà nước với nông dân dựa trên

Digitized by Google

nguyên tắc bình đẳng, ngang giá, và thật sự thỏa thuận trình bày trong nghị quyết đã thể hiện quan điểm có tính nguyên tắc lê nin nít nói trên. Trong công nghiệp, lợi ích của sản xuất được thể hiện bằng cách giao giá bán buôn cho thương nghiệp bằng giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp trừ chiết khấu thương nghiệp, phấn đấu khôi phục tiền lương ngang mức đã quy định tháng 9-1985 và hạch toán đầy đủ vào giá thành. Trong ngân hàng, giá trị của tiền gửi được bảo đảm với lợi ích thỏa đáng v.v.

Mặt khác, lợi ích của nhà nước cũng được đề cao đúng mức. Điều mới mẻ trong nghị quyết là sự thừa nhận và đòi hỏi thực hiện đầy đủ nguyên tắc: vật tư, hàng hóa nhà nước trao đổi với nông dân tương ứng với số lượng nông sản phẩm mà nông dân giao lại cho nhà nước. Cũng như vậy, trong công nghiệp, việc thực hiện tính đủ và tính đúng «đầu vào» và «đầu ra» của sản xuất, song *phải xử lý từng bước*, đó là con đường tốt nhất để thực hiện lợi ích của nhà nước cũng như lợi ích của nhân dân lao động trong tình hình hiện nay. Giới hạn không được vượt qua là «đầu ra» không gây biến động lớn, không làm giá cả leo thang đột ngột như hiện nay. Hội nghị Trung ương lần thứ hai, bằng trí tuệ tập thể đã tìm ra những hình thức kinh tế cụ thể để thực hiện sự bảo đảm hài hòa các lợi ích. Chỉ có trên cơ sở thống nhất các lợi ích thì mỗi lợi ích mới được bảo đảm; trong lợi ích của nông dân, công nhân, có lợi ích của nhà nước và ngược lại. Nặng về phía này hay phía kia rút cuộc đều làm tổn hại cả hai.

Những chính sách và biện pháp về phân phối, lưu thông đề ra ở Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai quán triệt sâu sắc chủ trương xóa tập trung quan liêu bao cấp, chuyển từng bước sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đây là một đòi hỏi bức thiết của nền kinh tế nước ta. Từ kinh nghiệm sống của những năm qua, chúng ta thấy rõ, nếu vẫn còn giam mình trong cơ chế cũ, nếu vẫn còn bị cầm tù bởi quan điểm lỗi thời, xa lạ với cuộc sống, thì hoàn toàn không có lối thoát. Sự chuyển hướng đó là cơ sở quan trọng nhất của nghị quyết mà chúng ta vừa thông qua. Việc chuyển sang quan hệ hàng hóa—tiền tệ tương đối phổ biến: nhà nước bán vật tư nông nghiệp và mua thóc của nông dân theo nguyên tắc thật sự thỏa thuận, ngang giá, cả trong và ngoài hợp đồng kinh tế; việc nhà nước bán vật tư cho công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp theo giá cả hợp lý; việc xóa ngăn sông cấm chợ, mở rộng giao lưu hàng hóa; việc ngân sách nhà nước giảm bớt bao cấp; việc tiền tệ hóa tiền lương trên mức độ lớn và khôi phục từng bước lương thực tế, việc ngân hàng chuyển sang kinh doanh tiền tệ, v.v. là những bước tiến mới thực hiện sự chuyển hướng nói trên.

Chỉ riêng biện pháp mở rộng giao lưu hàng hóa, xóa ngăn sông cấm chợ đã có tác dụng to lớn và tức thời đối với nhiều nơi, đặc biệt là ở thành phố Hồ Chí Minh. Theo tin báo cáo về Ban bí thư, lượng gạo do nông dân ở các tỉnh đồng bằng chở về thành phố trong một ngày lên tới hàng trăm tấn, giá gạo giảm xuống hơn 5 đồng một kg, các điểm bán gạo của nhà nước giảm được số lượng gạo bán ra so với các tháng trước. Đó là nhờ có sự tiếp sức của thị trường gạo bên ngoài, một lực lượng điều hòa quan hệ cung cầu rất quan trọng mà chúng ta không thể xem nhẹ. Tương đương với giá gạo, một số mặt hàng khác cũng giảm giá. Tình trạng khan hiếm đối với nhiều loại hàng hóa được khắc phục bước đầu.

Rõ ràng, khi những quyết định về kinh tế của chúng ta phù hợp với quy luật khách quan của quan hệ hàng

Digitized by Google

hóa—tiền tệ thì được cuộc sống chấp nhận dễ dàng và làm bật dậy tiềm năng lớn.

Trong quan hệ hạch toán kinh doanh, điểm mấu chốt là chúng ta phải làm chủ cho được nguồn của cải to lớn do Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác cho vay. Sử dụng nguồn vốn đó theo kiểu bao cấp — giao nộp như lâu nay thì không mang lại hiệu quả như chúng ta mong muốn. Chẳng những không để thất thoát, mà còn phải hạch toán và kinh doanh nguồn vốn này trong từng cơ sở sản xuất, kinh doanh cũng như trên toàn bộ nền kinh tế quốc dân theo hướng hoàn trả từng bước, nhưng *tích cực*; giảm một cách đáng kể, tiến tới nhà nước không phải bù lỗ mà còn có lãi.

Đây là cuộc đấu tranh quyết liệt không những về quan điểm tư tưởng mà cốt trên phương diện quản lý kinh tế cụ thể, từ kế hoạch hóa, cơ chế và chính sách, tổ chức bộ máy và cán bộ. Phải chuyển động mạnh mẽ và đồng bộ tất cả các khâu đó. Riêng về mặt tổ chức, phải khẩn trương sắp xếp lại hệ thống kinh doanh vật tư và hàng hóa theo hướng giảm bớt trung gian đi thẳng đến người tiêu thụ càng ngắn, càng tốt. Đồng thời phải giải quyết biên chế thừa trong khu vực hành chính, kể cả hành chính trong khu vực sản xuất, dưới hình thức khoán quỹ lương và tạo điều kiện thuận lợi về vật chất để những người dôi ra do sắp xếp lại tìm được việc làm có ích trong xã hội như sản xuất và dịch vụ. Mặt khác, phải hình thành sớm các tổ chức kinh doanh trên cơ sở tự hạch toán, từ công ty kinh doanh lương thực đến các công ty kinh doanh nội thương, vật tư, ngoại thương, ngân hàng và giao thông vận tải.

Quán triệt tinh thần cơ bản nói trên và cụ thể hóa nó trong từng việc làm cụ thể, chắc chắn chúng ta sẽ thực hiện được 4 giảm: giảm tốc độ lạm phát, giảm nhịp độ tăng giá, giảm tốc độ bội chi ngân sách, giảm bớt khó khăn về đời sống của người ăn lương, của quân đội, công an, người về hưu, của nhân dân lao động ở thành thị và nông thôn. Làm được việc đó là điều kiện cơ bản để giải phóng sức sản xuất, thu hẹp dần sự mất cân đối hàng—tiền, góp phần làm cho tình hình kinh tế — xã hội đi dần vào thế ổn định, thực hiện được điều mà V. I. Lê-nin căn dặn là: « Phải mau chóng chấm dứt cái trò ảo thuật cứ in tiền ra để chi tiêu ».

Thưa các đồng chí,

QUÁ trình đấu tranh để ra được nghị quyết là một việc khó. Nhưng quá trình đấu tranh để thực hiện nghị quyết, đưa nó vào cuộc sống càng khó hơn. Ở đây có liên quan đến việc tổ chức chỉ đạo thực hiện. Điều quyết định trước hết là mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương phải suy nghĩ, nói và làm theo nghị quyết, thống nhất từ trên xuống dưới, từ trong đảng ra đến quần chúng. Đó là sức mạnh của chúng ta. Phải giải thích sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng các quan điểm và nội dung của nghị quyết này theo phương châm: « Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra ». Mọi công việc đều phải làm như thế, đối với lĩnh vực phân phối, lưu thông phức tạp và khó khăn, càng phải làm như thế. Chỉ trên cơ sở đó, « dân tin Đảng, Đảng tin dân », tạo thành phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng. Phải làm rõ cho dân hiểu, nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này là một bước tiến quan trọng, nhưng chưa thể thay đổi toàn bộ tình hình ngay một lúc. Không có phép màu nào có thể chuyển tình hình từ xấu và khó khăn tích tụ từ nhiều năm nay thành tốt ngay. Phải gỡ dần từng bước, tiến tới ổn định tình hình trong vài ba năm. Dựa vào quần chúng, cán bộ và đảng viên thì không có việc gì khó khăn mà chúng ta

Digitized by Google

không vượt qua được, sau khi đã có chủ trương đúng.

Cũng phải thấy rằng, việc thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ hai diễn ra không phải dễ dàng. Chúng ta vừa phải đấu tranh với quan điểm bảo thủ, trì trệ, sợ đổi mới; vừa phải đề phòng tư tưởng nóng vội, muốn làm ào ạt, không tính đến bước đi. Cũng không kém phần nguy hại là thái độ cực đoan nhấn mạnh một chiều như nói đến quan hệ hàng hóa—tiền tệ thì coi nhẹ tính kế hoạch hoặc ngược lại; chủ trương sử dụng đầy đủ quan hệ thị trường dược hiểu lệch về phía thị trường tự phát, coi nhẹ việc củng cố và tăng cường thị trường có tổ chức; nhận thức về giá cả thuận mua vừa bán bất kỳ, buông lỏng vai trò hướng dẫn và quản lý của nhà nước. Về mặt lý thuyết, không có ai phản đối sự thống nhất giữa dân chủ và tập trung cũng như giữa trung ương và địa phương, nhưng trên thực tế việc làm vẫn thường xảy ra tình trạng tách rời, thậm chí đối nghịch giữa hai mặt đó. Để thực hiện thắng lợi nghị quyết, chúng ta phải tiếp tục đấu tranh chống tập trung quan liêu gò bó; xa thực tiễn sinh động của quần chúng, đưa ra những quyết định cứng nhắc, áp đặt; đồng thời cũng lên án những hiện tượng tự do tùy tiện, vô tổ chức, vô kỷ luật, làm suy yếu sự lãnh đạo tập trung thống nhất.

Trong nhà nước ta, tuyệt đối không thể chấp nhận lợi ích cục bộ địa phương làm phương hại đến lợi ích toàn quốc, đồng thời dứt khoát tránh tình trạng nhân danh lợi ích của trung ương mà làm hạn chế khả năng tích lũy của địa phương, dẫn đến làm tê liệt tính chủ động, sáng tạo của họ. Hậu quả chung là làm suy yếu toàn bộ lợi ích chung của cả trung ương và địa phương.

Mặt khác cuộc đấu tranh để thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ hai nhất thiết phải gắn liền với cuộc vận động làm trong sạch đảng và bộ máy nhà nước, chống các hiện tượng tiêu cực. Sắp tới, Bộ chính trị sẽ ra nghị quyết về vấn đề này. Phải xử lý nghiêm khắc nhất những cán bộ, dù ở cương vị nào, làm sai nghị quyết, tham ô, móc ngoặc, thoái hóa biến chất, trừng trị đích đáng bọn đầu cơ, tích trữ, buôn lậu, phá rối thị trường. Các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, cần động viên dư luận lên án những hành động vi phạm chính sách của Đảng và Nhà nước, các hành vi phạm pháp, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chống tiêu cực. Các cơ quan pháp luật của Nhà nước cần kịp thời truy tố chúng trước pháp luật để giữ vững kỷ cương, luật lệ của Nhà nước. Các tổ chức thanh tra nhân dân là người đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân phải thật sự sâu sát, phát hiện, tố giác và xử lý theo thẩm quyền của mình những hành động sai trái, tiêu cực trong bộ máy nhà nước, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân.

Sau hội nghị này, Ban bí thư và Thường vụ Hội đồng bộ trưởng phải nhanh chóng triển khai việc thực hiện nghị quyết. Với tinh thần chỉ đạo tập trung như chiến dịch, cần theo dõi diễn biến tình hình, phát hiện uốn nắn những lệch lạc, bổ sung và hoàn chỉnh những biện pháp đã ban hành, có sơ kết và tổng kết từng bước. Điều quan trọng là phải kịp thời, càng nhanh càng tốt, thể chế hóa về mặt nhà nước nghị quyết của Đảng thành các chính sách, quy định cụ thể.

Như các đồng chí đã rõ, hội nghị của chúng ta mới quyết định những chủ trương lớn. Còn rất nhiều việc phải làm để cụ thể hóa những chủ trương đó. Bộ chính trị, Ban bí thư cùng Thường vụ Hội đồng bộ trưởng sẽ tổ chức chỉ đạo những việc cần phải tiếp tục làm, đặc biệt là việc hoàn chỉnh các phương án cụ thể. Tuy vậy, các địa phương và các ngành không

Digitized by Google

phải chờ đợi Trung ương quyết định đầy đủ mọi việc mới triển khai việc thực hiện nghị quyết. Trước mắt, căn cứ vào tinh thần của nghị quyết, những việc gì đã rõ và có thể làm được ngay thì cứ tiến hành làm, những việc vượt quá thẩm quyền của mình thì có báo cáo và xin ý kiến cấp trên.

Thưa các đồng chí,

Mục tiêu, phương hướng và những chủ trương lớn đối với những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông đã được quyết định và nhất trí cao tại hội nghị này. Với nghị lực và quyết tâm lớn, Ban chấp hành trung ương nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình trước toàn đảng và toàn dân, nguyện phấn đấu để biến nghị quyết của Trung ương thành hiện thực, giành ngay thắng lợi ở bước đầu tiên, tạo ra niềm tin tưởng và phấn khởi chung, đáp ứng được lòng mong đợi của nhân dân.

Tôi xin dừng lời ở đây và tuyên bố bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ hai.

Digitized by Google

Xã luận

MỘT BƯỚC QUAN TRỌNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VI

NHỮNG năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã dành nhiều tâm sức vào việc giải quyết vấn đề phân phối, lưu thông, nhưng tình hình vẫn tiếp tục rối ren và ngày càng xấu đi. Phân phối, lưu thông đang là mặt trận nóng bỏng của nền kinh tế nước ta.

Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành trung ương Đảng ta đã vận dụng các quan điểm lớn của Đại hội VI, tập trung trí tuệ phân tích những nguyên nhân trực tiếp và sâu xa của tình hình, đề ra phương hướng, mục tiêu chỉ đạo cùng những chính sách cụ thể nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách của phân phối lưu thông.

Rút ra những bài học từ sai lầm trong những năm trước đây, nhất là sai lầm lồng điều chỉnh giá—lương—tiền tháng 10 năm 1985, Hội nghị đã làm việc thận trọng, cân nhắc trên nhiều mặt, nhưng vững chắc và kiên quyết đổi mới theo hướng mà Đại hội VI của Đảng đã vạch ra. Nhìn chung toàn cục để rồi nắm chắc các điểm, và đặt các điểm vào trong các hệ thống liên quan, Hội nghị đã đề ra chính sách giá cả và lưu thông vật tư, hàng hóa; chính sách và biện pháp giải quyết tiền lương và đời sống của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang; chính sách và biện pháp tăng thu, hạn chế bội chi ngân sách và giảm nhịp độ lạm phát. Tất cả những chính sách đó đều thể hiện quyết tâm xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn hoạt động của nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Tất cả những chính sách đó đều nhất quán trong một tư tưởng chỉ đạo: giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi tiềm năng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế, trước hết là của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Tất cả các chính sách đó đều thấm nhuần nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và đường lối trước sau như một của Đảng ta: tăng cường liên minh công nông, vì chủ nghĩa xã hội và hạnh phúc của nhân dân trên cơ sở đảm bảo quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Trong lời bế mạc Hội nghị, đồng chí Tổng bí thư đã nói: « Quá trình đấu tranh để ra được nghị quyết là một việc khó. Nhưng quá trình đấu tranh để thực hiện nghị quyết, đưa nó vào cuộc sống càng khó hơn ». Do đó việc tổ chức

Digitized by Google

chỉ đạo có tầm quan trọng đặc biệt. Nhiều năm nay, không ít nghị quyết của Đảng không được thi hành tốt, thậm chí nửa vời, tạo nên một tâm lý trong cán bộ và nhân dân thiếu tin tưởng ở khâu thực hiện. Đảng ta có những chủ trương không sát thực tế, không theo quy luật khách quan, mang tính chất duy ý chí làm cho nghị quyết không thi hành được. Nhưng nguyên nhân làm cho nghị quyết không thực hiện đúng như nội dung và yêu cầu phần lớn là do tổ chức chỉ đạo và điều hành, do tinh thần trách nhiệm, do trình độ của cán bộ. Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương lần này nhấn mạnh **sự thống nhất ý chí và hành động** từ trên xuống dưới, chống cục bộ, địa phương chủ nghĩa, đề cao tinh thần trách nhiệm của các cấp ủy và các đồng chí lãnh đạo các ngành, các cấp. Mọi việc thể chế hóa, phổ biến, chỉ đạo, thi hành đều phải theo đúng nghị quyết. Đồng thời Ban chấp hành trung ương nhấn mạnh tới việc **chuẩn bị chu đáo, tiến hành một cách đồng bộ, có bước đi vững chắc.**

Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban chấp hành trung ương sẽ không dễ dàng. Có thuận lợi, nhưng biết bao khó khăn trước mắt. Khó khăn về đời sống đang rất gay gắt, nhân dân lao động, nhất là những người sống về lương đang nóng lòng chờ đợi mà điều kiện thực tế lại không cho phép giải quyết toàn bộ ngay một lúc. Kể cả những vấn đề cấp thiết nhất cũng phải giải quyết từng bước. Quyết làm, nhưng phải vững chắc. Nghị quyết lần này rất quan trọng nhưng cũng mới quyết định những chủ trương lớn. Còn bao nhiêu việc phải cụ thể hóa, và có những việc khi thi hành mới thấy được đúng sai. Hơn nữa, trong tình hình nước ta hiện nay không có một giải pháp nào chỉ có mặt được, mà không có mặt hạn chế, không có một giải pháp nào chỉ đem lại kết quả tích cực mà không có khả năng gây nên hệ quả tiêu cực. Đề nghị quyết được triển khai nhanh chóng và mang lại hiệu quả tốt nhất, bước trước phải là tiền đề cho bước sau, và bước sau phải là điều kiện cho những bước tới, tạo nên một thế vững chắc cho các chính sách được thực hiện một cách đồng bộ. Vừa qua chủ trương xóa bỏ tất cả các hình thức cấm đoán lưu thông, chia cắt thị trường theo địa giới hành chính là hoàn toàn đúng đắn. Nhưng đã có những địa phương khi thi hành, không có ngay những biện pháp tích cực chống đầu cơ, buôn lậu, buông lỏng quản lý thị trường thì tất nhiên bọn xấu sẽ lợi dụng những sơ hở của ta mà hoạt động phi pháp.

Vì vậy, trong chỉ đạo thực hiện nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này, ngoài việc thấu triệt nội dung và tinh thần của Nghị quyết, cần chú ý những vấn đề sau:

1 — Nắm chắc tình hình, và dự báo được phần lớn những hệ quả tiêu cực có thể xảy ra, từ đó mà chủ động có biện pháp khắc phục. Tỉnh táo trước những khó khăn mới, kiên quyết không trở lại những biện pháp cũ đã lỗi thời. Luôn luôn nhớ lời của đồng chí Tổng bí thư: «Từ kinh nghiệm sống của những năm qua, chúng ta thấy rõ, nếu vẫn còn giam mình trong cơ chế cũ, nếu vẫn còn bị cầm tù bởi quan điểm lỗi thời, xa lạ với cuộc sống, thì hoàn toàn không có lối thoát». Đồng thời chúng ta phải nhạy bén, kịp thời nắm lấy sức bật của các tiềm năng do việc thi hành Nghị quyết đưa lại, có biện pháp bảo vệ, khích lệ, và thúc đẩy cho sức bật đó tỏa ra tạo nên những chuyển biến trong các khâu trên mặt trận phân phối lưu thông.

(Xem tiếp trang 27)

Digitized by Google

PHẠM VĂN ĐỒNG

Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta

Chủ tịch Hồ Chí Minh là khí phách và tinh hoa của dân tộc ta kết hợp với trí tuệ và lương tâm của thời đại, là muôn vàn tình thân yêu đối với nhân dân Việt nam và mỗi người Việt nam ta, là ngọn cờ của sự nghiệp cách mạng nước ta. Tưởng nhớ Người, chúng ta sống lại cuộc chiến đấu đã qua, nhìn sáng hơn con đường trước mắt, được hun đúc thêm niềm tin và ý chí quyết chiến, quyết thắng, thực hiện mục tiêu mà Bác gọi là niềm ham muốn tột bậc của mình, « làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành ».

Kỷ niệm ngày sinh của Bác năm nay, cũng như bao người Việt nam ta, tôi nhớ Bác, hồi tưởng về Bác và muốn nói cùng đồng bào, đồng chí một số điều tâm niệm.

Thể hiện tấm lòng của toàn đảng, toàn dân đối với Bác, và biểu thị quyết tâm đi theo con đường Bác đã vạch ra, chúng ta thường nêu khẩu hiệu: « Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta ». Khẩu hiệu này không chỉ là một dòng chữ hay những lời nói, mà là tình cảm và ý chí phấn đấu, là động lực bên trong của mỗi người, hòa làm một với lương tri, thể hiện ra bằng việc làm và kết quả của việc làm.

Bác sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta, là do chúng ta luôn luôn coi như Bác sống trong mình và chính mình kế tục sự nghiệp của Bác.

Chúng ta là nhân dân Việt nam, là Đảng cộng sản Việt nam, là đội ngũ cán bộ của Đảng, của Nhà nước và của các tổ chức khác. Bác đã đánh giá nhân dân ta là « rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù, luôn luôn đi theo Đảng, lòng yêu nước và chí quật cường chẳng kém ai ». Bác đã vạch rõ nhiệm vụ của đảng viên là: « Đảng viên đi trước, làng nước theo sau ». Bác đã căn dặn cán bộ là « từ chủ tịch nước đến cán bộ bình thường đều phải xứng đáng là đầy tớ thật trung thành của nhân dân ». Mỗi người chúng ta đều có thể nghĩ rằng mình là người thừa kế Bác, chỉ trừ khi tự mình loại trừ mình do tha hóa, biến chất. Thậm chí những người đã sa ngã, nếu hối tỉnh và hối cải thì vẫn có chỗ trong tình thương của Bác, và trong lòng mình cũng có chỗ để nói rằng Bác sống trong mình. Bác vẫn thường nói mỗi người Việt nam đều có thể trở nên một người yêu nước, một con người xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Nhân dân ta đối với Bác Hồ có những tình cảm, lòng kính trọng và lòng tin biết bao cao đẹp, cho nên sùng bái cá nhân là điều xa lạ đối với dân tộc ta ; và chính vì vậy mà chúng ta càng thấm thía ý nghĩa : « Bác Hồ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta » là Bác Hồ sống trong mỗi người chúng ta.

Trong lúc khó khăn dồn dập này, mỗi người hãy tưởng tượng mình có dịp gặp gỡ, chuyện trò với Bác. Bác sẽ nói với ta điều gì, Bác sẽ phê bình thế nào những sai lầm, hư hỏng, Bác sẽ giúp ta thế nào để thổi bùng ngọn lửa cách mạng mà mỗi người mang sẵn trong mình, Bác sẽ khuyên ta làm gì để vượt qua khó khăn trước mắt, từng bước ổn định và đưa nền kinh tế, xã hội tiến lên.

Bác là người đã dạy chúng ta : « Gốc có vững cây mới bền, xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân ». Từ hơn nửa thế kỷ nay, điều Bác muốn cũng là điều dân muốn, và đường lối, chủ trương của Đảng ta là sự kết tinh điều mong muốn của Bác, của dân.

Cuộc đời hoạt động của Bác là tấm gương về những sự đổi mới cách mạng có tầm vóc lịch sử và thời đại, từ sự lựa chọn hướng đi và cách đi lúc rời nước vào đầu thập kỷ thứ hai của thế kỷ này, đến lúc tìm thấy con đường cứu nước là con đường cách mạng vô sản, và suốt mấy chục năm dìu dắt nhân dân ta trên con đường ấy. Vận dụng và phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về cách mạng ở các nước thuộc địa, sáng lập Đảng ta để tạo cho phong trào cách mạng nước ta hạt nhân lãnh đạo bảo đảm thành công ; phát động tổng khởi nghĩa tháng Tám đưa đến sự thành lập Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, tiến hành hầu như từ tay không cuộc kháng chiến chống Pháp, làm nên chiến thắng Điện biên phủ, mở đầu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ ; đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược trong cuộc dụng đầu tưởng chừng vô cùng không cân sức, báo hiệu sự phá sản của chủ nghĩa thực dân mới : giành lại độc lập, thống nhất cho dân tộc và đưa một xã hội sản xuất nhỏ bị tàn phá bởi chiến tranh tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội ; ở mỗi thời kỳ lịch sử, khi sự đổi mới cách mạng là vận mệnh sống còn của dân tộc, luôn luôn Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo Đảng ta và dân ta làm nên những sự đổi mới phi thường, đáp ứng yêu cầu của lịch sử kịp thời, hay và đẹp như cùng nhau hẹn trước. Bác thường nhắc nhở chúng ta « Chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ hư hỏng để tạo ra những cái mới mẻ tốt tươi ».

Ngày nay, lại một lần nữa, đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước. Đó cũng là đặc tính của cách mạng xã hội chủ nghĩa, là bản chất sâu xa của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, là xu thế tất yếu của thời đại. Đại hội VI của Đảng ta là Đại hội nhìn thẳng vào sự thật để phấn đấu chuyển biến thực trạng kinh tế, xã hội theo hướng đổi mới tư duy, phong cách, tổ chức và cán bộ, phù hợp với những tư tưởng lớn của Đại hội lần thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô. Thực hiện sự đổi mới theo Nghị quyết Đại hội VI của Đảng chính là trung thành làm theo Bác, kế tục sự nghiệp của Bác.

Chúng ta hãy cùng nhau nhắc lại những lời của Bác từ 30 — 40 năm trước, mà tưởng như cốt nói cho chúng ta hôm nay : « Quan liêu là gì ? Quan liêu là không dân chủ. Không phải chỉ cấp trên mới quan liêu. Mỗi người có trách nhiệm đều có thể quan liêu. Muốn tránh bệnh đó, thì phải gần gũi thực tế, học hỏi quần chúng... Tư tưởng bảo thủ là những sợi dây cột chân, cột tay người ta, phải vứt nó đi. Muốn tiến bộ, thì phải có tinh thần

Digitized by Google

mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm... Cách suy nghĩ, tính toán và lối làm việc của chúng ta đều phải khác hẳn trước. Kiên quyết xóa bỏ mọi hiện tượng tri trệ, lãng phí, đấu tranh không khoan nhượng chống những sai lầm có hại cho xây dựng kinh tế. Hướng tới phía trước, tiến lên không ngừng. Gian lao chẳng quản, khó khăn không sợ... lòng mong muốn của chúng ta cũng phải có điều độ. Cái gì làm được chắc thì ta mới làm và cố gắng ta làm... Tiến nhanh, tiến mạnh không phải là phiêu lưu, làm ẩu. Phải thiết thực đi từng bước, phải tiến vững chắc. Phải nắm vững quy luật phát triển của cách mạng, phải tính toán cẩn thận những điều kiện cụ thể, những biện pháp cụ thể. Chớ đem chủ quan của mình thay cho điều kiện thực tế »

Chính lúc này, những điều Bác nói thể hiện trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương, trong hai bài phát biểu của đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh khai mạc và bế mạc hội nghị.

Những chủ trương và cách làm do Hội nghị 2 của Trung ương đề ra giúp chúng ta hình dung rõ hơn lúc này khẩu hiệu: « Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta » có nội dung và ý nghĩa thế nào. Tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông, thực hiện cho được « 4 giảm », là đáp ứng đòi hỏi của cuộc sống và mong muốn của nhân dân, bởi vì hiện nay, tình hình rối ren về phân phối, lưu thông đang là vật trở ngại trên con đường phát triển kinh tế, xã hội và có thể nói là cơn ác mộng của người lao động.

Trong sản xuất, kinh doanh, người giám đốc xí nghiệp, người chủ nhiệm hợp tác xã, người công nhân, người nông dân, người thợ thủ công, khi mua vật tư, bán sản phẩm, áp dụng những sáng kiến về kỹ thuật và quản lý, liên kết với các đơn vị bạn, rút tiền của chính mình gửi vào ngân hàng... hiện còn bị biết bao gò bó, nhiều khi bị ức hiếp. Trong sinh hoạt hằng ngày, người nội trợ khi đi chợ, người lao động lúc lĩnh lương, từng gia đình trước bữa cơm, người gửi tiền tiết kiệm khi tính sự mất mát sau cuộc đổi tiền, các bậc cha mẹ khi phải bán đồ dùng gia đình để mua viên thuốc và hộp sữa cho con đau yếu..., sát kề đó là bọn đầu cơ, buôn lậu và những kẻ móc ngoặc, tham ô sống phè phỡn xa hoa, mọi người lương thiện đều thấy trong cuộc sống hiện nay, có nhiều bất công và thiếu thốn. Chúng ta càng thấm thía nhớ lại những lời của Bác: « Phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói, là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét, là Đảng và Chính phủ có lỗi... Trong công tác lưu thông, phân phối, có hai điều quan trọng phải luôn luôn nhớ: « Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng. Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên ».

Chúng ta hãy nghe lời Bác về giá cả trong quan hệ với nông dân, từ đó có thể hiểu rộng ra chính sách giá cả nói chung: « Mua bán phải theo giá cả thích đáng. Thường thường, người mua muốn mua rẻ, người bán muốn bán đắt. Đối với chúng ta, không thể làm như thế được. Giá cả phải bảo đảm cho Nhà nước, hợp tác xã và xã viên cùng có lợi để xây dựng nước nhà ».

Hãy nghe lời Bác về thương nghiệp: « Cán bộ thương nghiệp cần phải nâng cao hơn nữa tinh thần phục vụ nhân dân, phục vụ sản xuất... Giá cả cần đúng mức, thái độ cần khiêm tốn. Tệ hại phải chống là bọn đầu cơ, tích trữ. Muốn chống bọn đầu cơ thì không riêng gì công an, công thương, mà tất cả cán bộ, nhân dân có hàng triệu tai, mắt mới làm được để cho hàng hóa đến tay nhân dân ».

Hãy nghe lời Bác về tiền lương: « Lương theo sức lao động, theo mức sản xuất. Làm tốt, làm nhiều: hưởng nhiều. Làm xấu, làm ít: hưởng ít, có

Digitized by Google

khi phải bồi thường lại cho Nhà nước. Chính phủ không phát lương cho người ngồi ăn không... Lương tăng gấp đôi mà hàng đắt, vẫn không ăn thua gì... Tiền lương chỉ có thể khẳng định được trên cơ sở sản xuất phát triển, của cải nhiều, mặt bằng giá cả ổn định ».

Hãy nghe lời Bác về tài chính: « Phải nắm vững nguyên tắc thống nhất quản lý tài chính và quy định chặt chẽ kỷ luật thu chi... Đúng, chế độ chi tiêu của Nhà nước là một sự ràng buộc nhưng, đó là một sự ràng buộc cần thiết và rất hay. Nó ràng buộc những kẻ phung phí, những người thích phô trương. Nó ràng buộc cả những người chỉ biết việc của bộ phận mình mà không thấy việc chung của cả nước. Nhưng chính nhờ đó mà nó chặt xiềng, chắp cánh cho kinh tế nước ta tiến lên... Nó giúp chúng ta dành dụm từng đồng xu thành những số vốn lớn. Nó vít kín các lỗ thủng, các khe hở, không để của cải dành dụm của chúng ta bị hao mòn, phân tán. Như vậy mới dồn được phần lớn vốn của Nhà nước vào việc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ».

Hãy nghe lời Bác về ngân hàng: « Đồng tiền dính với hoạt động của tất cả các ngành. Vì vậy, các ngành, các tổ chức kinh tế, các cơ quan nhà nước cũng như toàn thể nhân dân phải biết sử dụng đồng tiền cho tốt. Ngân hàng và các ngành phải hợp tác mật thiết với nhau... Một đồng vốn bỏ ra phải bảo đảm tăng thêm của cải cho xã hội, phải luân chuyển nhanh, đừng để đọng. Phải tích cực huy động tiền nhàn rỗi để bỏ vào sản xuất ».

Bao trùm toàn bộ hoạt động kinh tế, đây là điều cơ bản mà Bác đã chỉ ra: « Tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm là con đường đi đến xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội, xây dựng hạnh phúc cho nhân dân. Tăng gia là tay phải của hạnh phúc, và tiết kiệm là tay trái của hạnh phúc ».

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương, cụ thể hóa một bước Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, cũng là sự vận dụng trong điều kiện hiện nay tư tưởng kinh tế của Bác như vừa nêu tóm tắt trên đây. Những chủ trương trong nghị quyết 2 của Trung ương bao quát mọi khâu của mặt trận phân phối, lưu thông, vừa gắn với sản xuất, vừa gắn với đời sống, có tác dụng giải phóng lực lượng sản xuất và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy thực hiện ba chương trình kinh tế lớn, từng bước ổn định tình hình kinh tế, xã hội.

Việc thực hiện giải pháp trước mắt về phân phối, lưu thông đòi hỏi, đồng thời tạo cơ hội tiến hành cuộc vận động làm trong sạch các tổ chức đảng, làm trong sạch bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội. Có lẽ rõ ràng hơn ở đâu hết, lĩnh vực phân phối, lưu thông là nơi đang chứa đựng nhiều rối ren, lộn xộn, nhiều hư hỏng, xấu xa, nơi đang cần những nhát chổi mạnh mẽ để quét sạch rác rưởi, những luồng sáng trong lành để xua tan bóng tối, nơi thử thách phẩm chất và năng lực của mỗi tổ chức đảng, mỗi cơ quan nhà nước và của nhân dân lao động. Cuộc vận động làm trong sạch và lành mạnh tiến hành trong toàn xã hội, song chủ yếu và trước hết là trong đảng và trong nhà nước. Đúng như Báo cáo chính trị của Trung ương tại Đại hội VI đã nêu rõ: « Có lập lại kỷ cương trong đảng, trong cơ quan lãnh đạo các cấp của nhà nước, mới có sức mạnh lập lại trật tự trong xã hội ». Cuộc vận động làm trong sạch và lành mạnh diễn ra trong toàn thể cán bộ và nhân dân, song chủ yếu và trước hết là trong cán bộ, và cán bộ cấp càng cao càng phải nghiêm chỉnh làm gương mẫu. Vào năm cuối đời, Bác viết bài « Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân », trong đó Người vạch rõ: « Do chủ nghĩa cá nhân mà ngại

Digitized by Google

gian khổ khó khăn, sa vào tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa. Họ tham danh trục lợi, thích địa vị, quyền hành. Họ tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán chuyên quyền. Họ xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh... Cũng do chủ nghĩa cá nhân mà mất đoàn kết, thiếu tính tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân". Bác nhấn mạnh: « Chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó... Thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân" Những lời dạy của Bác mang tính thời sự nóng hổi đối với tất cả mọi người chúng ta.

Học tập theo gương Bác, trong lúc nền kinh tế và xã hội đang rất khó khăn, hơn bao giờ hết, người cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, phải sống cuộc sống và tâm tư của người dân, đừng xa lạ cách biệt, phải đau xót về các sai lầm, phải nghiêm khắc với sự hư hỏng, phải là mẫu mực về ý nghĩ, việc làm và lối sống, để cho nhân dân nhìn vào mà tin cậy, thấy ở người cán bộ lãnh đạo hiện thân của cách mạng, của Đảng, của những người kế tục xứng đáng Bác Hồ. Gắn liền với việc phấn đấu thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương, cuộc vận động làm trong sạch và lành mạnh đảng, nhà nước và xã hội không thể chỉ theo cách mở các hội nghị kiểm điểm trong các phòng họp, mà phải diễn ra trong thực tế cuộc sống, lấy hành động mà xem xét, sàng lọc cán bộ. Như Nghị quyết 2 của Trung ương đã vạch rõ: "Những người cố tình làm trái Nghị quyết phải bị xử trí, người có sai phạm nặng trong việc thực hiện Nghị quyết hoặc không đủ năng lực thực hiện phải kịp thời được thay thế». Mong các cơ quan và các đồng chí có thẩm quyền chú ý điều này.

Về cách làm, điểm mới rất quan trọng là không ngồi ở cấp trên, chỉ bằng sự tính toán của một số người, theo cách thức quan liêu mà lập ra các phương án chi tiết, rồi áp đặt cho cấp dưới, cho người lao động. Trái lại, các ngành có liên quan của Trung ương, các cấp trên phải về tận cơ sở, bàn bạc với cán bộ và với công nhân, nông dân, với người trực tiếp sản xuất và tiêu dùng, thực hiện đúng phương châm của Đại hội VI: « Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Như thế, cũng là theo cách làm của Bác từ lúc hoạt động bí mật cho đến khi ở cương vị Chủ tịch Đảng và Chủ tịch nước. Giữa Bác và nhân dân, luôn luôn có mối liên hệ sâu xa và tự nhiên. Biết bao người Việt nam ta, dù ở những nơi xa, vắt, thường cảm thấy như Bác hằng thấu hiểu cuộc sống và tâm tư thầm kín của mình. Bác có lòng tin không bờ bến vào lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý thức và trình độ chính trị, sự sáng suốt tinh tường của nhân dân. Từ một bài báo ngắn đến những bản phát biểu quan trọng, từ một việc làm bình thường đến những chủ trương to lớn trong cả nước, Bác thường hỏi ý kiến quần chúng, hỏi ý kiến những anh, chị em sống quanh mình.

Công nhân ở xí nghiệp, nông dân ở hợp tác xã, người lao động ở phường, xã, với kinh nghiệm và sự khôn ngoan của những người hằng ngày ở chính tại trọn nguồn của lực tế và trung tâm của hoạt động sản xuất, kinh doanh, sẽ giúp cho chúng ta thấy đúng sự thật, xây dựng những phương án với mức độ, bước đi và cách làm sát hợp, lường trước những hệ quả xấu để phòng tránh và khắc phục. Làm được như vậy, cái hay là công việc về phân phối, lưu thông triển khai tốt, và hay hơn thế nữa, điều vô giá sẽ đạt được là khôi phục và củng cố

Digitized by Google

lòng tin của nhân dân, làm dấy lên phong trào cách mạng của quần chúng. Đó chính là vận dụng chiến lược con người, lấy dân làm gốc, tất cả vì dân và tất cả do dân.

Trong tình hình kinh tế, xã hội khó khăn hiện nay, điều cần thiết và quý nhất đối với mỗi người lao động chúng ta là lòng tin, một lòng tin sáng suốt không gì lay chuyển được, tin ở Đảng, ở Nhà nước, tin ở tập thể, tin ở chính mình.

Di sản Bác để lại là toàn bộ cơ đồ ngày nay của chúng ta, một giải non sông nối liền Nam Bắc, lực lượng vật chất và tinh thần của 60 triệu người Việt nam quyết tâm hoàn thành hai nhiệm vụ chiến lược, những cơ sở vật chất – kỹ thuật đã có một bước lớn mạnh hơn của nền kinh tế, những kiến thức và kinh nghiệm của một đội ngũ cán bộ và công nhân đông đảo, những giá trị tinh thần của mấy nghìn năm văn hiến được nâng lên cùng thời đại, sự gắn bó và hợp tác toàn diện với Liên xô, hai nước láng giềng anh em ở Đông dương và các nước xã hội chủ nghĩa khác, lòng yêu mến và sự ủng hộ của anh em, bầu bạn khắp năm châu. Mỗi người chúng ta, vươn lên về tầm nhìn, sức nghĩ và năng lực hành động trong bước đổi mới hiện nay của dân tộc, cũng là một phần di sản của Bác. Mặc dầu bao khó khăn, thử thách, mặc dầu nhiều hiện tượng tiêu cực, chúng ta phải thấy sâu sắc cái vốn rất quý là những nguồn sức mạnh ấy mà Bác đã cùng toàn đảng, toàn dân ta dày công xây dựng, đang ngày càng thể hiện trong cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay. Đó là cơ sở cho niềm tin và là bảo đảm cho thắng lợi của chúng ta.

Trong bao nhiêu điều tha hóa, biến chất, sự tha hóa nguy hiểm nhất là giảm sút, thậm chí dễ mất lòng tin. Người thiếu lòng tin thì rã rời ý chí, chán nản bi quan, xa rời sự nghiệp cách mạng, đi tìm lối thoát riêng cho cá nhân mình, từ đó dễ sa vào những việc xấu xa, hư hỏng, cũng dễ bị mê hoặc bởi mê tín, dị đoan. Lúc sóng to gió cả, con thuyền của chúng ta càng phải vững, người lái vững, người chèo vững, tất cả chung sức chung lòng, nhất định không thả trôi, mà quyết vượt khó khăn về đến đích.

Từ những buổi đầu cách mạng và kháng chiến, Bác đã dạy chúng ta: «Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công». Trong Di chúc, Bác căn dặn: «Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình». Toàn đảng, toàn dân ta hãy đoàn kết một lòng, thực sự thống nhất tư tưởng và hành động, mọi ngành, mọi cấp, mọi người lao động cùng nghĩ, cùng làm theo Nghị quyết Đại hội VI và Nghị quyết Hội nghị 2 của Trung ương Đảng, không chờ đợi nhau, không ỷ lại, không tị nạnh, phấn đấu chuyển biến một bước tình hình trong năm 1987, tiến lên trong những năm sắp tới, ổn định nền kinh tế, xã hội, tạo lực và mở thế phát triển mới cho đất nước.

Hình ảnh Bác Hồ là hình ảnh của dân tộc Việt nam ta. Đúng như nhiều người anh em quốc tế của chúng ta đã nêu lên: «Chủ tịch Hồ Chí Minh kết tinh toàn bộ di sản dân tộc và kinh nghiệm cách mạng Việt nam, bao hàm tất cả những thử thách phải đương đầu, những cuộc chiến đấu đã trải qua, những gian lao và trắc trở, từ đó rút được bài học quý báu, những thắng lợi đã giành được và những triển vọng đã hiện ra... Ở Người có một cái gì không thể chết được và sẽ không bao giờ chết; nó đang được tiếp thụ và sẽ ngày càng được tiếp thụ nhiều hơn bởi những thế hệ trẻ, bởi tất cả những ai tin tưởng vào con người».

Digitized by Google

Là nguồn sống, Bác Hồ luôn luôn dắt dẫn cuộc đấu tranh cách mạng của toàn dân tộc, luôn luôn có mặt trong cuộc đời thường và trong tấm lòng mỗi người Việt nam ta. Từng thắng lợi và niềm vui đều có Bác, khi vấp váp khó khăn lại càng nhớ Bác. Trông nhờ Bác, chúng ta được tiếp thêm niềm tin và sức mạnh để càng vững vàng hơn trong ý chí, sáng suốt hơn trong trí tuệ, thiết tha hơn trong tình cảm, mỗi người trên cương vị của mình, ai nấy đều làm việc, làm việc thiết thực, góp phần khiêm tốn của mình vào công việc chung.

Theo ý tôi, làm như thế là kỷ niệm xứng đáng ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, kế tục trung thành sự nghiệp của Bác, thực hiện một cách trung thực khẩu hiệu: «Bác Hồ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta».

MỘT BƯỚC QUAN TRỌNG...

(Tiếp theo trang 20)

2 — Bài học «lấy dân làm gốc» bao giờ cũng nóng hổi, trong lúc này càng mang tính quyết định. Không có cách nào tốt nhất để khắc phục khó khăn, và tạo lòng tin của quần chúng bằng thực hiện nghiêm túc phương châm: «dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra». Từ đó mà tạo thành phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng thi hành nghị quyết.

3 — Coi trọng công tác tổ chức và cán bộ. Trong quá trình thực hiện nghị quyết cần chấn chỉnh tổ chức, bồi dưỡng, đề bạt, bãi miễn cán bộ. Gắn liền các giải pháp về phân phối, lưu thông với cuộc vận động làm trong sạch đảng, trong sạch bộ máy nhà nước.

4 — Nhiều vấn đề lý luận trên lĩnh vực phân phối, lưu thông cũng như trên lĩnh vực toàn bộ nền kinh tế — xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta cần được tiếp tục làm sáng tỏ, từ những khái niệm cơ bản như quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, quan hệ hàng hóa — tiền tệ trong nền kinh tế nhiều thành phần ở thời kỳ quá độ, hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đến các vấn đề như thị trường, kế hoạch, giá trị, giá cả, tiền lương v.v. Do đó việc tăng cường công tác nghiên cứu về lý luận, trước hết trên lĩnh vực kinh tế là công việc mà toàn đảng phải quan tâm, cả trước mắt và lâu dài, coi đó là cơ sở khoa học cho mọi quyết định của Đảng. Trong quá trình thi hành nghị quyết, chắc chắn sẽ có những vấn đề mới nảy sinh. Các cơ quan nghiên cứu về kinh tế — xã hội, cá chuyên gia lý luận, đặc biệt là ở trung ương cần tiếp cận với thực tiễn sống động đang diễn ra; các nhà quản lý, chỉ đạo cụ thể, các cấp ủy đảng phải biết dựa vào cơ sở nghiên cứu, những tham mưu lý luận giỏi, gắn bó thực tiễn với lý luận tạo nên một sức mạnh tổng hợp thi hành nghị quyết. Đó là phương pháp tốt nhất để đổi mới tư duy, đổi mới phong cách làm việc.

— Toàn đảng, toàn dân ta nhận rõ tình hình, nhiệm vụ, đồng tâm nhất trí, quyết làm thực hiện bằng được nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban chấp hành trung ương Đảng, thực sự tạo thành một bước quan trọng thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng.

Digitized by Google

HỌC TẬP ĐẠO ĐỨC CỦA BÁC HỒ, NÂNG CAO PHẨM CHẤT CÁCH MẠNG

NÂNG cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên là một nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của đảng mác xít lê nin nít, nhất là trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền. Khi còn sống, Bác Hồ kính yêu của chúng ta rất quan tâm giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và chính Người đã nêu cho Đảng ta, nhân dân ta một tấm gương sáng tuyệt vời về đạo đức cách mạng.

Đạo đức cách mạng của Bác Hồ là sự kết hợp nhuần nhuyễn những tư tưởng lớn, những tình cảm lớn của thời đại với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Đó là lòng trung thành tuyệt đối và tinh thần chiến đấu kiên cường, triệt để vì sự nghiệp cách mạng của giai cấp và nhân dân; lòng tin không gì lay chuyển nổi vào sức mạnh của nhân dân, vào thắng lợi tất yếu của cách mạng; tình thương yêu vô hạn đối với quần chúng. Đó là các đức tính cần kiệm liêm chính chí công vô tư, là lối sống lành mạnh và giản dị, thái độ khiêm tốn, tôn trọng mọi người, từ cụ già đến trẻ nhỏ. Đó là tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa trong sáng, một mực trung thành vì sự đoàn kết của khối cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, vì sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới bắt đầu từ Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại.

Được sự giáo dục của Bác Hồ, của Đảng và trải qua rèn luyện, thử thách trong đấu tranh cách mạng, số đông cán bộ, đảng viên ta đã nêu cao phẩm chất tốt đẹp của người cộng sản. Đứng trước những khó khăn về kinh tế và đời sống hiện nay, số đông vẫn vững vàng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Ban chấp hành trung ương Đảng, tiếp tục nêu cao tinh thần chịu đựng khó khăn gian khổ, nghiêm chỉnh chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao phó. Song, một bộ phận cán bộ, đảng viên — trong đó có cả một số cán bộ cao cấp, trung cấp — đã có những biểu hiện suy thoái về phẩm chất, phạm những khuyết điểm nghiêm trọng; có những phần tử đã thoái hóa biến chất. Điều đáng chú ý là những hiện tượng tự do vô kỷ luật không chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vô trách nhiệm, xu nịnh, cơ hội, coi thường quần chúng nhân dân, tham ô, hối lộ, làm ăn phi pháp, chạy theo lối sống vật chất tầm thường không bị ngăn chặn mà còn tiếp tục phát triển.

Những hành động sai trái nói trên đã đến mức nghiêm trọng, gây tác hại không nhỏ tới sự nghiệp cách mạng của Đảng, tới vai trò lãnh đạo và sức

Digitized by Google

chiến đấu của Đảng, tới hiệu lực quản lý của Nhà nước, làm giảm sút lòng tin và ý chí phấn đấu của quần chúng. Các cấp ủy đảng cần thấy đúng tình hình này, ra sức khắc phục những biểu hiện không lành mạnh về phẩm chất trong đội ngũ cán bộ và đảng viên, « phải tạo ra một chuyển biến mạnh mẽ trong việc rèn luyện, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ đảng viên » (1) như Báo cáo chính trị tại Đại hội toàn quốc lần thứ VI đã nhấn mạnh.

★

Người đảng viên cộng sản là chiến sĩ tiên phong cách mạng của giai cấp công nhân. Với ý nghĩa cao quý và trách nhiệm nặng nề ấy, trong bất cứ giai đoạn cách mạng nào, phẩm chất quan trọng hàng đầu đối với mỗi người đảng viên là sự giác ngộ và lập trường kiên định về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Đó là « phẩm chất của mọi phẩm chất » đối với người cộng sản.

Sự giác ngộ về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa đòi hỏi mỗi đảng viên phải nâng cao ý chí phấn đấu cách mạng, có thái độ vững vàng và dứt khoát trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường vì thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Cần khắc phục tâm trạng bi quan, dao động, mất lòng tin, mất phương hướng, phê phán những quan điểm đối địch với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

Một nội dung quan trọng của giáo dục trong lúc này là tính tổ chức và kỷ luật. Tính tổ chức và kỷ luật là biểu hiện của tính đảng, là yêu cầu nghiêm ngặt của nguyên tắc tập trung dân chủ nhằm giữ vững sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng. Tính tổ chức và kỷ luật đòi hỏi mọi đảng viên, cán bộ của Đảng, không trừ một ai, đều phải chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng, nói và làm theo nghị quyết của cấp trên và của tập thể, tôn trọng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng. Trong khi cách mạng gặp nhiều khó khăn Đảng càng phải đề cao tính tổ chức và kỷ luật, kiên quyết đấu tranh phê phán, khắc phục mọi biểu hiện tự do vô kỷ luật.

Tính tổ chức và kỷ luật không mâu thuẫn với yêu cầu phát huy tính năng động sáng tạo của cán bộ, đảng viên. Nhưng « Mọi sự năng động, sáng tạo phải dựa trên cơ sở đường lối, chính sách... Bất cứ người lãnh đạo nào cũng không được tự đặt mình ra ngoài tổ chức, tự cho mình quyền nói và làm khác quyết định của tập thể » (2).

Trong lao động và cuộc sống hiện nay chúng ta có không ít tấm gương sáng về tinh thần tận tụy, chịu đựng gian khổ, một lòng vì Đảng, vì dân, được nhân dân quý mến, tin cậy. Tuy nhiên, tình trạng độc đoán, cửa quyền, quan liêu, vô trách nhiệm, gây phiền hà cho quần chúng đang diễn ra khá nặng nề. Có những việc xảy ra rất nghiêm trọng ngoài tưởng tượng của chúng ta. Nếu không kiên quyết đấu tranh, xử lý, khắc phục những hiện tượng tiêu cực và vi phạm quyền làm chủ của nhân dân thì một bài học lớn nhất, một nguyên tắc hành động của Đảng ta, « lấy dân làm gốc » sẽ trở thành khẩu hiệu suông

Lối sống trong sạch, lành mạnh là sự thể hiện hàng ngày, cụ thể của đạo đức cách mạng. « Trong xã hội ta đang diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai lối sống: lối sống có lý tưởng, lành mạnh, trung thực, sống bằng lao động của mình, có ý thức tôn trọng và bảo vệ của công, chăm lo lợi ích của tập thể và của đất nước, với lối sống thực

(1) *Tạp chí Cộng sản*, số 1 – 1987, tr. 81.
(2) Sách đã dẫn, tr. 82.

Digitized by Google

dụng, dối trá, ích kỷ, ăn bám, chạy theo đồng tiền » (3). Sự hư hỏng của cán bộ, đảng viên thường bắt đầu từ lối sống. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả một số cán bộ đã được rèn luyện thử thách, vì bị tiêm nhiễm bởi lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền, mà nhiều khi bán rẻ cả lương tâm, danh dự của mình. Tệ ăn cắp của công, móc ngoặc, hối lộ và nhiều thủ đoạn làm ăn phi pháp khác phát triển trong những năm gần đây đều bắt nguồn từ lối sống thực dụng chạy theo đồng tiền.

Các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể quần chúng hơn bao giờ, phải coi trọng việc giáo dục chính trị và tư tưởng cho cán bộ, nhân viên của mình, tiến hành tốt việc tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng, sinh hoạt cơ quan, sinh hoạt đoàn thể, kết hợp với việc lấy ý kiến phê bình của nhân dân. Bằng mọi biện pháp, phải khôi phục kỷ cương của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Phải xử lý các sai phạm của đảng viên, cán bộ theo điều lệ đảng và pháp luật nhà nước. Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa biến chất, những người không đủ tư cách đảng viên. Những trường hợp phạm tội thì phải truy tố, xét xử công khai trước pháp luật. Những cán bộ, đảng viên làm « ô dù » dung túng bao che cho những người sai phạm phải được xử lý thích đáng. Phải kiên quyết xóa bỏ cách làm theo kiểu phong kiến « dân thì chịu hình pháp, quan thì xử theo « lễ », xuê xoa đối với cán bộ cấp cao, có công mặc dù lỗi lầm của họ đã rõ ràng và nghiêm trọng. Đảng ta đã chỉ rõ : cán bộ « càng giữ chức vụ cao, càng được rèn luyện lâu năm trong Đảng, nếu phạm kỷ luật thì việc thi hành kỷ luật càng phải nghiêm khắc » (4). Tai hại do những tiêu cực của cán bộ này gây nên lớn gấp nhiều lần so với tiêu cực của những người khác. Một cán bộ có chức có quyền làm bậy sẽ bao che và lôi kéo cho nhiều người khác làm bậy. Một cán bộ có trách nhiệm « cầm cân nẩy mực » mà đứng ngoài pháp luật thì tất nhiên dung túng cho nhiều tên phạm tội thoát tội.

Thực tiễn đã cho thấy, muốn làm tốt việc giáo dục, nâng cao phẩm chất cách mạng, phải tăng cường và cải tiến công tác quản lý cán bộ, đảng viên. « Mỗi cấp ủy phải nắm được cụ thể và chính xác phẩm chất của từng cán bộ thuộc phạm vi quản lý của mình. Chi bộ phải kiểm tra, quản lý đảng viên — kể cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo — về những vấn đề thuộc về đạo đức và phong cách » (5). Khắc phục lối quản lý cũ kỹ chỉ đơn thuần dựa vào lý lịch cán bộ, đảng viên, không hề biết những gì đã diễn ra xấu, tốt như thế nào trong công tác, trong đời sống của họ. Cần gắn việc nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước với những yêu cầu về quản lý. Xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm công tác của ngành mình, cơ quan, đơn vị mình, cấp ủy đảng và cơ quan quản lý cần phối hợp để ra những chủ trương, biện pháp và yêu cầu cụ thể để mọi người phấn đấu thực hiện, qua đó mà biểu dương những người tốt việc tốt, đấu tranh khắc phục những biểu hiện sai trái về phẩm chất và lối sống.

Đời sống của những người ăn lương đang là vấn đề gay gắt hiện nay. Đi đôi với những chính sách và biện pháp của Đảng và Nhà nước nhằm ổn định từng bước đời sống của nhân dân lao động, các cơ quan, đơn vị cần hết sức quan tâm đến đời sống của cán bộ, công nhân viên chức theo tinh thần của Nghị quyết Hội nghị lần thứ

(Xem tiếp trang 35)

(3) Sách đã dẫn, tr. 76.

(4) ***Văn kiện Đại hội V***. Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, tập III, tr. 59.

(5) Báo cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội VI, *Tạp chí Cộng sản*, số 1 — 1987, tr. 83.

Digitized by Google

LÊ QUANG VINH

HỌC TẬP BÁC HỒ, XÂY DỰNG PHONG CÁCH LÀM VIỆC DÂN CHỦ, GẮN BÓ VỚI QUẦN CHÚNG

NHIỀU nhà khoa học ở các thời đại khác nhau đã nói: « Phong cách chính là bản thân con người » (1), là « bộ mặt của tâm hồn » (2), là « trang phục của tư tưởng » (3).

Phong cách Hồ Chí Minh phản ánh phẩm chất cao đẹp của người chiến sĩ cách mạng suốt đời đấu tranh cho độc lập tự do của Tổ quốc, cho hạnh phúc của nhân dân, cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Từ lý tưởng trong sáng và phẩm chất cao đẹp, Bác Hồ đã xây dựng cho mình một phong cách làm việc cách mạng và khoa học — phong cách lê nin nít. Phong cách đó đã giúp Bác vận dụng một cách sáng tạo, có kết quả lý luận Mác—Lê-nin vào thực tiễn cách mạng Việt nam và xây dựng nên một hệ thống quan điểm, tư tưởng cách mạng đúng đắn của Đảng ta. Phong cách đó đã giúp Bác thực hiện có kết quả một khối lượng công việc đồ sộ và trong một thời gian ngắn, đã tạo ra sự biến đổi cách mạng sâu sắc ở nước ta. Phong cách đó mãi mãi là tài sản vô giá của Đảng và nhân dân ta, là mẫu mực để mọi cán bộ, đảng viên chúng ta học tập và noi theo.

Nhiều công trình nghiên cứu về Hồ Chủ tịch đã cho thấy, phong cách Hồ Chí Minh là sự thống nhất giữa sự hiểu biết sâu rộng về lý luận và thực tiễn cách mạng với trình độ thành thạo về tổ chức thực hiện trong cuộc sống; là sự kết hợp hài hòa giữa nhiệt tình cách mạng, lòng trung thành vô hạn với lý tưởng và lộ óc khoa học, cách làm việc thực tế và thiết thực. Phong cách làm việc của Bác là phong cách toàn diện, hoàn chỉnh, phong phú, bao gồm nhiều mặt, trong đó đặc biệt nổi bật là phong cách dân chủ, gắn bó với quần chúng.

★

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Từ khi tiếp thu được chủ nghĩa Mác—Lê-nin, quan điểm ấy trong Hồ Chủ tịch càng trở nên tự giác, cụ thể, sâu sắc và triệt để. Bác khẳng định: « Cách mệnh là việc chung của cả dân chúng chứ không phải việc một hai người » (4); « công nông là người chủ cách mệnh » (5). Và ngay những ngày đi tìm đường giải phóng dân tộc, Bác đã nói rõ ý định: « *Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc*

(1) Buffon—nhà tự nhiên học Pháp, thế kỷ 18.
(2) Sénèque—nhà tư tưởng Tây ban nha, thế kỷ 3.
(3) Chesterfeld.—nhà văn Anh, thế kỷ 18.
(4) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t. 1, tr. 253.
(5) Sách đã dẫn, tr. 268.

Digitized by Google

lập » (6). Bác cho rằng cách mạng thành công thì phải giao quyền cho nhân dân : « Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho dến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc » (7).

Thấy rõ vai trò quan trọng và lực lượng to lớn của quần chúng, quyết tâm đi vào quần chúng, tập hợp, tổ chức, giáo dục, huấn luyện quần chúng làm cách mạng, giao quyền cho quần chúng, đó là quan điểm mới mẻ, khoa học, đúng đắn nhất ở nước ta trong những năm 20 của thế kỷ này, và đó cũng là cơ sở cho đường lối cách mạng của Bác, phong cách hoạt động của Bác. Lúc còn đang tìm đường cứu nước, cũng như khi giữ cương vị chủ tịch nước, chủ tịch Đảng, từ việc nhỏ trong sinh hoạt hằng ngày đến việc lớn có quan hệ tới quốc kế dân sinh, quan điểm lấy dân làm gốc luôn luôn được Bác quán triệt một cách sâu sắc, triệt để. Đọc lại những lời dạy của Bác, nghe những mẩu chuyện về Bác, xem những cuốn phim về Bác, những hiện vật lịch sử của Bác để lại, chúng ta và các thế hệ mai sau mãi mãi ghi nhớ phong cách của một con người luôn luôn hướng về quần chúng, vì quần chúng, hòa vào quần chúng, dìu dắt quần chúng tiến lên.

Muốn giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân lao động, muốn giác ngộ và dìu dắt quần chúng, Bác cho rằng phải thật sự tin yêu, tôn trọng quần chúng, không được coi thường quần chúng, vì quần chúng là những người thông minh, sáng tạo, giàu kinh nghiệm. Bác nói : « Có người cho là « dân ngu khu đen ». Thế là tầm bậy. Dân rất thông minh. Quần chúng kinh nghiệm, sáng kiến rất nhiều » (8). Bác khẳng định : « Thắng lợi của cách mạng là do sự phấn đấu hy sinh và trí thông minh sáng tạo của hàng triệu nhân dân, nhất là công nhân, nông dân và những trí thức cách mạng » (9). Trong mọi công việc, cán bộ, đảng viên phải thật sự dựa vào quần chúng, dựa vào tập thể. Bác thường nói, không một người nào có thể hiểu biết được tất cả mọi việc. Ngay đến anh hùng lãnh tụ cũng vậy. « Đem so với công việc của cả loài người trong thế giới, thì những người đại anh hùng xưa nay cũng chẳng qua làm tròn một bộ phận mà thôi » (10). Quần chúng rất sáng suốt, tinh tường và công bằng trong mọi công việc, cho nên từ việc to đến việc nhỏ, từ việc sản xuất, việc ruộng vườn đến việc nhận xét, đánh giá cán bộ, đề bạt cán bộ, nếu chúng ta biết tranh thủ ý kiến quần chúng, chịu nghe quần chúng thì sẽ thu được kết quả tốt hơn, tránh được những sai sót không đáng có. Bác nói : « Cán bộ nào tốt, cán bộ nào xấu, cán bộ nào có lầm lỗi mà có thể sửa đổi, ai làm việc gì hay, việc gì quấy, dân chúng cũng do cách so sánh đó mà họ biết rất rõ ràng.

« Vì vậy để cho dân chúng phê bình cán bộ, dựa theo ý kiến họ mà cất nhắc cán bộ, nhất định không xảy ra thiên tư, thiên vị, nhất định hợp lý công bằng » (11).

Bác yêu cầu mọi cán bộ, đảng viên phải gương mẫu và khiêm tốn trước quần chúng, đi sâu đi sát quần chúng, vừa tổ chức lãnh đạo, giáo dục quần chúng, vừa lắng nghe ý kiến quần chúng, học hỏi quần chúng, phát huy dân chủ trong quần chúng và luôn quan tâm tới đời sống quần chúng.

Bác hướng dẫn cụ thể và chu đáo như thế, nhưng quan trọng hơn, thấm

(6) Trần Dân Tiên : ***Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch***. Nxb Sự thật Hà nội, 1984, tr. 52.

(7) Hồ Chí Minh : sách đã dẫn, tr. 242.

(8) Hồ Chí Minh : ***Phải luôn luôn tìm tòi học hỏi***, Nxb Sự thật, Hà nội, 1960, tr. 24.

(9) ***Hồ Chủ tịch nói về dân chủ, kỷ luật và đạo đức cách mạng***. Nxb Sự thật, Hà nội, 1969, tr. 58.

(10), (11) Hồ Chí Minh : ***Toàn tập***, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t. 4, tr. 472 và tr. 5.9.

Digitized by Google

thía và sâu sắc hơn, Bác của chúng ta thật sự gương mẫu làm trước, làm đúng những điều đó trong thực tế hằng ngày. Hơn thế nữa, Bác còn thực hiện nhiều hơn những điều Bác nói, những điều Bác viết. Bác khiêm tốn tiếp thu ý kiến của mọi người với thái độ ân cần và trân trọng. Bác rất trọng nguyên tắc làm việc tập thể, đặc biệt trong hoạt động của tập thể Bộ chính trị, tập thể Trung ương Đảng. Nhiều vấn đề Bác đề xuất, nhiều bài báo Bác viết, Bác đều tranh thủ ý kiến của nhiều người, ngay cả các đồng chí bảo vệ, cấp dưỡng phục vụ Bác. Bác rất thận trọng trong cách nói, cách viết, cốt làm sao để quần chúng và cán bộ dễ hiểu, dễ nhớ, vì thế trong các bài viết của mình Bác thường sửa chữa rất kỹ.

Ở cương vị cao nhất của Đảng và Nhà nước, thời gian eo hẹp, công việc bộn bề, nhưng Bác vẫn dành thời gian đi thăm và làm việc với cơ sở, gặp gỡ quần chúng; ngay cả lúc tuổi đã cao, sức đã yếu, Bác vẫn tranh thủ đi thăm một số nơi. Với đôi dép lốp, bộ quần áo ka ki giản dị, đến đâu Bác cũng hòa vào cuộc sống bình thường ở đó. Bác tìm hiểu đời sống mọi mặt. Bác quan tâm tới tất cả những gì liên quan đến đời sống và công tác của đồng chí mình, đồng bào mình: bếp ăn, thùng gạo, bồ thóc, nhà ở, nhà vệ sinh, quần áo, chăn màn, thuốc chữa bệnh, giấy vở... Bác bắt tay thân ái mọi người, bế em nhỏ, ngồi ở bậc thềm, đứng giữa đồng ruộng, bên cạnh máy để chuyện trò cởi mở cùng mọi người. Bác nói ít, giản dị, nhưng rất sâu sắc cụ thể, dễ hiểu. Những lý luận khoa học cách mạng bao giờ cũng được Bác cắt nghĩa rõ ràng bằng các ví dụ cụ thể trong đời sống. Khi kết thúc câu chuyện của mình, Bác thường nhắc nhở những việc cần làm để mọi người thực hiện. Bác nêu cao lối sống cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Đó cũng là biểu hiện sự tôn trọng nhân dân, tôn trọng lao động của dân, tiết kiệm tiền của, sức lực của dân, làm mọi điều lợi cho dân, tránh mọi điều hại cho dân. Đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô đã gọi Bác là « nhà mác xít—lê nin nít khiêm tốn nhất và triệt để nhất của thời đại chúng ta ». Tổng thống Xan-va-đo A-gien-đê nêu bật ba đức tính của Bác Hồ: Sự vẹn toàn, lòng nhân ái và đức khiêm tốn.

Được biết nhiều người trong chúng ta vẫn còn quen thói làm « quan cách mạng », độc đoán, gia trưởng, mà chưa thật lòng là « đầy tớ của dân »; trong công tác, trong ứng xử thường kiêu ngạo, coi thường ý kiến của tập thể, của quần chúng, họ không thật sự gương mẫu trong mọi mặt, chỉ lo vun vén cho cá nhân, Bác rất đau lòng. Bác yêu cầu toàn đảng phải nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân: Mỗi cán bộ, đảng viên phải thật sự vì nhân dân mà phục vụ, vì nhân dân mà chiến đấu, hy sinh.

Bác chỉ rõ bệnh quan liêu, hình thức, tự cao tự đại, lối sống ích kỷ cá nhân, độc đoán, gia trưởng là kẻ thù của đạo đức cách mạng, hoàn toàn trái ngược với phong cách làm việc dân chủ gần bó với quần chúng. Bác lên án lối làm việc bàn giấy, « hữu danh vô thực », làm việc không thiết thực, làm cho qua chuyện, làm ít xuýt ra nhiều, báo cáo thật kêu kỹ thực rỗng tuếch. Kết quả của lối làm việc ấy không mang lại lợi ích cho cách mạng, cho nhân dân, trái lại, nó chia rẽ Chính phủ, Đảng và nhân dân. Bác viết: « Chính phủ và Đảng chỉ mưu giải phóng cho nhân dân, vì thế, bất kỳ việc gì cũng vì lợi ích của nhân dân mà làm và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

« Đó là một lẽ rất giản đơn, rõ ràng. Nhưng nhiều cán bộ chưa hiểu, cho nên trong lúc làm việc, thường sai lầm; đến nỗi chia cán bộ Chính phủ và Đảng ra làm một phía, quần chúng ra một phía » (12). Bác nhắc nhở, khi

(12) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t.4, tr. 459.

Digitized by Google

đặt ra một tổ chức, khi nghĩ ra một việc cụ thể, khi bàn cách làm, đều phải vì lợi ích quần chúng. Cách làm việc nào gây phiền hà cho quần chúng thì phải có gan đề nghị cấp trên sửa lại, thậm chí để bảo đảm công việc thắng lợi thì cứ mạnh dạn thay đổi rồi báo cáo sau. Bác viết: «Bao nhiêu cách tổ chức và cách làm việc, đều vì lợi ích của quần chúng, vì cần cho quần chúng. Vì vậy, cách tổ chức và cách làm việc nào không hợp với quần chúng thì ta phải có gan đề nghị lên cấp trên để bỏ đi hoặc sửa lại. Cách nào hợp với quần chúng, quần chúng cần, thì dù chưa có sẵn, ta phải đề nghị lên cấp trên mà đặt ra. Nếu cần làm thì cứ đặt ra, rồi báo cáo sau, miễn là được việc.

«Đằng này, cán bộ ta chỉ biết khư khư giữ nếp cũ. Cái không hợp cũng không dám sửa bỏ, cái cần thiết cũng không dám đặt mới.

«Đó là vì thói *không phụ trách*, «quá hữu», «gặp sao hay vậy» (13). Bác nhắc: «Người lãnh đạo không nên kiêu ngạo, mà nên hiếu thấu. Sự hiểu biết và kinh nghiệm của mình cũng chưa đủ cho sự lãnh đạo đúng đắn. Vì vậy, ngoài kinh nghiệm của mình, người lãnh đạo còn phải dùng kinh nghiệm của đảng viên, của dân chúng, để thêm cho kinh nghiệm của mình.

«Nghĩa là một giây, một phút cũng không thể giảm bớt mối liên hệ giữa ta và dân chúng.

«Nghĩa là phải lắng tai nghe ý kiến của đảng viên, của nhân dân, của những người «không quan trọng» (14).

Bác kịch liệt phê phán lối sống ích kỷ cá nhân, cho đó là thứ vi trùng phá hoại cơ thể người cách mạng, làm cho họ không thể làm gì cho cách mạng, cho nhân dân, dù người đó tài giỏi, thông minh đến mấy.

«Bác nghiêm khắc phê phán tệ xa rời quần chúng, lên mặt quan cách mạng, thói mệnh lệnh, cửa quyền với quần chúng, cưỡng bức, ức hiếp quần chúng, không chú ý lắng nghe ý kiến phê bình, những kiến nghị, những yêu cầu, những khiếu nại của quần chúng. Bác cho rằng, những cán bộ, đảng viên làm được việc, thuyết phục, giáo dục được quần chúng, được quần chúng tin yêu là do họ luôn luôn đề cao tinh thần phục vụ quần chúng. Bác nhắc nhở chúng ta phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phải ghi nhớ hai chữ «vì dân». Bác nói: «Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải là để đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật» (15). Bác khuyên mọi người phải luôn đặt lợi ích cách mạng, lợi ích của Đảng, lợi ích của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân, và khi cách mạng cần thì phải sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân, thậm chí cả tính mạng mình. Bác viết: «Vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên và cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau. Đó là nguyên tắc cao nhất của Đảng.

«Đó là «tinh đảng».

«Nếu gặp khi lợi ích chung của Đảng mâu thuẫn với lợi ích riêng của cá nhân, thì phải kiên quyết hy sinh lợi ích của cá nhân cho lợi ích của Đảng. Khi cần đến tính mệnh của mình cũng phải vui lòng hy sinh cho Đảng» (16). Suốt đời Bác phấn đấu hy sinh cho cách mạng, cho nhân dân. Khi bôn ba ở nước ngoài, cũng như khi đã về nước, khi còn hoạt động bí mật, cũng như khi gánh trách nhiệm lãnh đạo Đảng và Nhà nước, dù trải bao nguy hiểm, gian lao, bao giờ Bác cũng chỉ

(13), (14), (15), (16) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Sự thật Hà nội, 1984, t. 4, tr. 460, 536, 36, 465.

Digitized by Google

vì một mục đích duy nhất là phấn đấu cho độc lập tự do của dân tộc, cho hạnh phúc của nhân dân. Đến trước khi qua đời, Bác vẫn còn tiếc rằng không được phục vụ nhân dân lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa, và không quên nhắc chúng ta chớ nên tổ chức điếu phúng linh đình để khỏi lãng phí thì giờ, tiền bạc của nhân dân.

Từ quan điểm đúng đắn về quần chúng, từ mục đích cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, mang lại hạnh phúc cho nhân dân, từ niềm tin lớn lao vào quần chúng, Bác Hồ đã xây dựng cho mình một phong cách hoạt động, phong cách lãnh đạo thật sự dân chủ, gần bó với quần chúng. Học tập phong cách làm việc đó của Bác đang là một yêu cầu quan trọng, một nhiệm vụ to lớn đối với mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta, nhằm thực hiện nghiêm túc nghị quyết Đại hội VI của Đảng về đổi mới phong cách làm việc trong mọi hoạt động của Đảng ta.

HỌC TẬP ĐẠO ĐỨC...

(Tiếp theo trang 30)

2 của Trung ương (khóa VI) vừa qua. Nhưng không thể vì đời sống khó khăn mà buông trôi những nguyên tắc đạo đức của cán bộ cách mạng, xóa nhòa ranh giới giữa chân chính và bất chính, giữa đạo đức và phi đạo đức. Đồng thời cần chú ý tới thực tế sau đây: hiện không hiếm những trường hợp cán bộ, công nhân viên chức công tác ở nơi này thì tiền lương, tiền thưởng cao hơn ở nơi khác gấp nhiều lần hoặc có rất nhiều quyền lợi so với nơi khác. Việc phân phối nhà cửa, tiện nghi, sử dụng xe cộ, chế độ tiền nhà, tiền điện đối với cán bộ sống ở các thành phố đang được thi hành một cách tùy tiện mỗi nơi một khác, và nhiều khi không phù hợp với những quy định chung của Nhà nước. Những chênh lệch hết sức vô lý về hưởng thụ, đãi ngộ vi phạm nguyên tắc công bằng xã hội, tác động xấu đến phẩm chất của cán bộ, công nhân, viên chức.

★

Báo cáo chính trị tại Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã chỉ rõ: «Mỗi người cộng sản chúng ta cần phải suốt đời học tập, noi gương đạo đức tác phong của Bác Hồ, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt nam, ghi nhớ và làm theo lời dạy của Người, nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, xứng đáng là người lãnh đạo và người đày tớ thật trung thành của nhân dân» (6).

Nhân cách của mỗi người cộng sản, uy tín của Đảng, sự sống còn của cách mạng đòi hỏi mỗi đảng viên, mỗi cán bộ và nhân viên Nhà nước ta phải noi gương đạo đức của Bác Hồ vĩ đại, chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết của Đại hội lần thứ VI của Đảng, không ngừng nâng cao phẩm chất cách mạng.

(6) Sách đã dẫn, tr. 83.

Digitized by Google

NGUYỄN XUÂN THÔNG

«Người có nhiều duyên nợ với báo chí»

BÁC Hồ là nhà báo cách mạng vĩ đại. Cả cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú và sôi nổi của Bác gắn bó mật thiết với sự nghiệp báo chí. Một lần đến thăm Hội nhà báo Việt nam, Bác đã nói, Bác là người có nhiều duyên nợ với báo chí.

Quả đúng như vậy.

Trong suốt những năm bôn ba ở nước ngoài để tìm đường cứu nước, Bác Hồ đã coi báo chí là vũ khí đấu tranh sắc bén, dùng báo chí làm diễn đàn tố cáo bộ mặt gian ác và vạch trần thủ đoạn nham hiểm của chủ nghĩa thực dân, kêu gọi nhân dân thuộc địa đấu tranh giải phóng dân tộc. Từ khi nhân dân ta giành lại được độc lập, «duyên nợ với báo chí» của Bác càng đậm đà, khăng khít hơn. Bác Hồ là người sáng lập ra nền báo chí cách mạng Việt nam. Bác luôn luôn quan tâm chăm lo xây dựng các tờ báo, đồng thời là bạn đọc tận tâm, thường xuyên của nhiều tờ báo trong nước và nước ngoài. Bác đã đọc báo, viết báo và sử dụng báo chí phục vụ sự nghiệp đấu tranh cách mạng của Đảng ta và nhân dân ta.

Rất quan tâm đối với báo chí, Bác Hồ đã *đọc thường xuyên đều đặn nhiều loại báo chí*. Với cương vị đứng đầu Đảng và Nhà nước, trong điều kiện cách mạng nước ta trải qua nhiều khó khăn, gian khổ, có lúc nền độc lập của nước nhà như «ngàn cân treo sợi tóc». Bác Hồ bận trăm công ngàn việc, nhưng ngày nào Bác cũng dành thời giờ đọc sách báo. Bác đọc nhiều loại báo: báo trong nước, báo nước ngoài, báo trung ương, báo địa phương, báo ngành, báo đoàn thể... Đồng chí Vũ Kỳ — giám đốc Viện bảo tàng Hồ Chí Minh, cho biết, báo chí ở trong nước gửi đến, Bác đều đọc hết. Hiện nay có trên 70 loại báo trong nước và nước ngoài Bác Hồ đã đọc và có bút tích để lại. Những năm cuối của cuộc đời, mặc dù sức khỏe giảm sút nhiều, Bác vẫn giữ được nếp thường xuyên đọc sách báo. Đồng chí Hoàng Văn Thái kể: «có lần đến thăm Bác, thấy cạnh giường nằm của Bác để đầy sách báo đang đọc dở, tôi nói: — Thưa Bác, Bác mệt, Bác nên đọc ít để nhiều thời gian nghỉ ngơi cho lại sức. Bác trả lời: — Chú bảo Bác không đọc sách báo thì làm gì? Già yếu cũng phải học, phải đọc sách để nâng cao hiểu biết, nắm vững tình hình» (1). Khi yếu đau, không trực tiếp đọc được, Bác vẫn yêu cầu các đồng chí giúp việc thường xuyên đọc báo, đọc tin cho Bác nghe.

Bác Hồ đọc báo thường xuyên, đều đặn hằng ngày và đọc một cách kỹ càng, tỉ mỉ. Bác không chỉ chú ý những báo lớn, những bài quan trọng,

(1) Báo *Quân đội nhân dân*, 19-5-1980.

Digitized by Google

mà còn chú ý cả những báo nhỏ, những bài ngắn, những bức ảnh, bức tranh. Khi đọc báo, thường Bác đọc trang một, sau đó tiếp trang tư rồi đọc đến trang hai, trang ba. Và có điều gì cần Bác đều đánh dấu để xử lý. Qua những tài liệu của Bác để lại, chúng tôi thấy Bác đã dùng ba loại bút và hơn 20 ký hiệu để đánh dấu trên các báo. Bác đọc và phát hiện rất nhanh, chính xác những vấn đề quan trọng, những tin tức mới trong nước và trên thế giới. Bác phát hiện và sửa chữa từ những từ dùng chưa chính xác đến những chữ viết sai chính tả. Báo *Vui sống* số 51 ra tháng 8-1951 có bức tranh vẽ không nghiêm túc, Bác xem và đề vào phía trên «cần phê bình bức tranh này». Báo *Nhân dân* ngày 14-6-1961 đăng tin Hội đồng chính phủ điều chỉnh giá bán lẻ một số mặt hàng công nghiệp. Bác dùng bút mực đỏ gạch dưới hai chữ «điều chỉnh» và thay vào chữ «giảm», vừa ngắn gọn, vừa dễ hiểu hơn.

Bác xử lý những tin tức trên báo một cách nhanh nhạy, thấu đáo. Đọc một tờ báo địa phương, Bác được biết có những em nhỏ do chiến tranh đã lạc bố mẹ phải vào ở trong các nhà chung của tỉnh Phú thọ. Ngày 21-7-1917, Bác cử cán bộ đi tìm các cháu, đưa các cháu về căn cứ địa Việt bắc để nuôi dạy, cho đi học. Bác còn trực tiếp đến thăm các cháu. Đầu năm 1918, đọc báo *Quân khu III*, được biết đồng chí Đỗ Như Thìn ngoài 50 tuổi vẫn hăng hái tham gia du kích và lập được nhiều thành tích. Bác viết thư khen ngợi và nêu gương đồng chí Thìn để mọi người học tập.

Bác chú ý đặc biệt những gương «người tốt, việc tốt» đăng trên các báo. Biết được một gương tốt, dù là cá nhân hay tập thể, Bác đều đánh dấu, đề nghị xác minh để Bác thưởng huy hiệu, giấy khen. Bác luôn luôn căn dặn: «Chớ có bỏ qua những việc mà các chú tưởng là tầm thường», «Lấy gương tốt trong quần chúng nhân dân và cán bộ, đảng viên để giáo dục lẫn nhau còn là phương pháp lấy quần chúng giáo dục quần chúng rất sinh động và có sức thuyết phục rất lớn. Đó cũng là cách thực hành đường lối quần chúng trong công tác giáo dục» (2).

Những gương «người tốt, việc tốt» ở các nước anh em cũng được Bác quan tâm. Xem báo *Tiền phong* số ra ngày 13-5-1962, được biết ở Triều tiên có cô Kim Trinh Thuận 22 tuổi đã cứu 7 em nhỏ khỏi chết đuối, Bác viết thư ngay cho Kim Trinh Thuận. Bức thư có đoạn: «Chỉ có dưới chế độ xã hội chủ nghĩa và được sự giáo dục của Đảng Mác – Lê-nin mới có những người con dũng cảm như cháu... Bác vui lòng nói cho cháu biết rằng: dù hai nước chúng ta cách xa nhau ngàn dặm, ở Việt nam có một em trai tên là Phạm Đức Thụ, 14 tuổi, cũng như cháu, Thụ đã cứu được 7 em nhỏ khỏi chết đuối» (3).

Cùng với việc kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương tốt, Bác còn phê bình nghiêm khắc những thiếu sót, khuyết điểm của cán bộ, đảng viên do báo nêu ra. Có lần, trên báo *Vùng mỏ* (Quảng ninh) đăng bài «Phải gọi bằng ông» phê phán một đảng viên trẻ là cán bộ UBND xã chỉ muốn mọi người gọi mình bằng ông. Bài báo nêu dẫn chứng: một lần có cụ già 60 tuổi vì không gọi người cán bộ nọ là ông nên bị khép vào tội coi thường chính quyền, phải làm bản kiểm điểm và đưa đi dân công. Bác đã đọc kỹ bài báo đó, đánh dấu nhiều chỗ rồi gửi cho đồng chí bí thư tỉnh

(2) Hồ Chí Minh: *Về công tác văn hóa văn nghệ*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1971, tr. 82–83.

(3) Em Thụ ở xã Liên hiệp, Thanh ba, Phú thọ, ngày 13-6-1961 cứu được 4 em, 10 ngày sau lại cứu được một em nữa. Và trước đó, năm 1960 em đã cứu được 2 em. Báo *Nhân dân* ngày 27-7-1961 đăng tin về thành tích của em. Bác Hồ đã đọc tin này và thưởng huy hiệu cho em Thụ.

Digitized by Google

ủy Quảng ninh. Nhận được bài báo có bút tích của Bác, tỉnh ủy Quảng ninh đã tiến hành điều tra và xử lý kỷ luật anh cán bộ nọ, sau đó đã báo cáo cụ thể với Bác. Một lần khác, báo *Nhân dân* ngày 5-3-1962 trong mục « Tiếng nói công nhân » đăng bài « Tự lực » phê bình thị xã Việt trì chưa nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh. Ở địa phương có gỗ, có xưởng cưa nhưng lại đi mua đồ chơi trẻ em ở Hà nội; thị xã có hợp tác xã làm thùng nhưng lại mua thùng ở Nam định; ở tỉnh có nhiều tre, nứa nhưng lại đi mua mành của Hải hưng, thậm chí mua cả mắc áo ở Sơn tây về bán... Đọc bài này Bác ghi ý kiến của Bác vào bên cạnh và đề nghị chuyển cho tỉnh ủy Phú thọ để nghiên cứu và sửa chữa.

Bác Hồ còn sử dụng những tin tức, những câu chuyện đăng trên các báo để làm dẫn chứng, phân tích, nêu gương hoặc phê bình, nhắc nhở trong các bài viết, các bài phát biểu của mình. Tại lớp bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo cấp huyện ngày 18-1-1967, Bác đã lấy tin đăng trên báo *Hải phòng* về nạn lạm sát lợn ở xã Mỹ phúc để nhắc nhở cán bộ, đảng viên về tinh thần gương mẫu. Cũng tại hội nghị này, Bác nêu gương xã Đ (Thái nguyên) đã làm tốt công tác phòng không, tổ chức tốt sản xuất, làm tốt nghĩa vụ với Nhà nước (Bác lấy tin đăng ở báo *Việt nam độc lập* cuối năm 1966).

Bác còn nhắc nhở những người xung quanh, nhắc nhở mọi cán bộ, đảng viên phải dành thời gian đọc sách báo. Trên báo *Nhân dân* ngày 21-6-1951 Bác viết bài « Cần phải đọc báo đảng », khuyên cán bộ, đảng viên phải thường xuyên đọc báo. Mỗi khi đi thăm các địa phương, các cơ quan, đoàn thể, Bác thường chỉ thị cho các cấp lãnh đạo phải chú ý đọc báo, quan tâm đến những nội dung trên báo, đến việc in báo, phát hành báo; quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của các phóng viên.

Quan tâm đến báo chí, *Bác Hồ đã góp nhiều ý kiến xây dựng cho các báo và những người viết báo.* Bác góp ý kiến cho từng tờ báo, không kể đó là báo trung ương hay báo địa phương, báo đảng, báo ngành hay báo đoàn thể. Hễ biết tin có một tờ báo mới được xuất bản là Bác viết thư động viên, nhắc nhở những điều cụ thể, thiết thực. Ngày 10-3-1947, báo *Vệ quốc quân* ra số đầu tiên nối tiếp nhiệm vụ của báo *Sao vàng*, Bác đã đọc và viết thư gửi đến báo. Đến tháng 7 năm 1948 Bác lại viết thư gửi đến báo, nêu rõ trách nhiệm của báo là phải đi sát sinh hoạt và sự phát triển của vệ quốc quân, báo phải thực sự là người bạn thân thiết của mỗi chiến sĩ. Khi báo *Quân du kích* — cơ quan của cục dân quân thuộc Bộ tổng tham mưu, ra mắt bạn đọc số đầu tiên (tháng 3 năm 1948), Bác Hồ đã viết thư gửi Ban biên tập của báo, nêu rõ nhiệm vụ của báo là:

> « Làm cho mỗi quốc dân là một chiến sĩ
> Mỗi xóm làng là một pháo đài
> Làm cho quân địch giặc đến đâu cũng bị khuấy, bị phá, bị diệt.
> Bộ đội ta đến đâu cũng được giúp đỡ đầy đủ về vật chất và tinh thần »

Ngày 20-10-1950 báo *Quân đội nhân dân* ra đời để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng ngày càng phát triển và sự lớn mạnh nhanh chóng của lực lượng vũ trang cách mạng. Chính Bác Hồ là người đặt tên cho báo và trực tiếp nêu những ý kiến, chỉ thị quý báu đối với báo. Sinh thời, đồng chí Nguyễn Chí Thanh đã kể lại: « Mình đã xin ý kiến Bác. Bác bảo quân đội ta là quân đội nhân dân, tờ báo của quân đội thì lấy tên là *Quân đội nhân dân* » (1). Bác còn căn dặn, báo phải « nói những điều thiết thực, đúng đường lối chính trị, ít tếu, viết

(1) Tạp chí *Lịch sử quân đội*, số 6 — 1956

Digitized by Google

ngắn, giản dị và dễ hiểu, trình bày rõ ràng». Có những tờ báo phát hành trong phạm vi nhỏ như báo *Xung phong*, cơ quan của trẻ em yên nước Hải hưng, xuất bản năm 1948, hay báo *Bạn chiến đấu*, một tờ báo xuất bản với số lượng không nhiều, in bằng tiếng nước ngoài nhằm tuyên truyền vận động lính lê dương, Bác cũng xem và góp ý kiến.

Bác hướng dẫn, uốn nắn từng bước đi của mỗi tờ báo. Bác thường xuyên nhắc nhở các tờ báo phải có mục «Hoan nghênh bạn đọc phê bình, góp ý kiến» với báo, để cho các bài viết, các bức tranh, bức ảnh ngày càng có chất lượng cao hơn, phục vụ tốt hơn nhiệm vụ cách mạng, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của quần chúng.

Quan tâm đến báo chí, Bác đã dành nhiều thời gian gặp gỡ, trao đổi ý kiến, trả lời phỏng vấn của các nhà báo trong nước và nước ngoài. Đặc biệt, những lần Đại hội của Hội nhà báo Việt nam Bác đều đến thăm và phát biểu nhiều ý kiến quý giá. Bác khen ngợi những đóng góp của báo chí đối với cách mạng, đồng thời chỉ ra những thiếu sót, khuyết điểm mà báo chí thường mắc. Trong bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ hai của Hội nhà báo Việt nam (ngày 16-1-1959) Bác đã phê bình «các báo *Nhân dân*, *Thời mới*, *Quân đội nhân dân* v.v, đều dùng chữ nhiều lắm» (5).

Tại Đại hội lần thứ ba của Hội nhà báo Việt nam (ngày 8-9-1962) Bác lại chỉ ra một loạt thiếu sót của các báo như «bài báo thường quá dài, «dây cà ra dây muống»... «nói một chiều và đôi khi thổi phồng các thành tích»... «đưa tin tức hấp tấp, nhiều khi thiếu thận trọng», «*dùng chữ nước ngoài quá nhiều*»... «ảnh thì thường lem nhem, vẽ thì chưa khéo lắm»... (6). Bác nêu rõ những yêu cầu cần có đối với người làm báo, gồm cả người viết, người in, người sửa bài... Bác chỉ rõ: «Cán bộ báo chí là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén». Do đó người cán bộ báo chí, từ báo trung ương đến báo địa phương, báo ngành, báo đoàn thể, phải tu dưỡng đạo đức cách mạng để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của mình.

Bác bày tỏ lòng trước những đóng góp xứng đáng của báo chí vào sự nghiệp cách mạng của nước ta. Bác rất xúc động và đau đớn khi biết tin có những phóng viên các báo bị thương hay hy sinh trong khi làm nhiệm vụ.

Bác Hồ của chúng ta không chỉ thường xuyên đọc báo, chăm lo xây dựng các tờ báo mà còn *trực tiếp viết nhiều bài cho các báo*. Bác Hồ là một nhà báo lão luyện, một cây bút kỳ tài. Sức viết của Bác khó có ai sánh kịp. Chỉ tính riêng trên báo *Nhân dân* trong năm 1951 (ngày 21-3-1951 Bác Hồ sáng lập ra báo *Nhân dân*, cơ quan trung ương của Đảng ta), Bác đã viết 50 bài; năm 1952 Bác viết hơn 80 bài và năm 1954 Bác viết gần 150 bài với các bút danh CB, DX, A.G... Từ năm 1951 đến năm 1969 Bác đã viết cho báo *Nhân dân* khoảng 1230 bài. Năm nào trên báo *Nhân dân* cũng có nhiều bài của Bác, năm cao nhất đến 249 bài. Những bài viết của Bác đề cập đến nhiều vấn đề với nhiều thể loại khác nhau, từ vấn đề Đảng lãnh đạo nhân dân kháng chiến kiến quốc, vấn đề tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, chế độ tốt đẹp ở Liên xô, sự xấu xa và tội ác của đế quốc Pháp, Mỹ... đến từng gương người tốt, việc tốt.

Trên báo *Cứu quốc* trong thời gian từ tháng 2 năm 1946 đến tháng 1 năm 1955 Bác đã viết khoảng 300 bài với các bút danh DX, QT, QTH...

(Xem tiếp trang 52)

(5) (6) Hồ Chí Minh: *Về công tác văn hóa văn nghệ*. Nxb Sự thật. Hà nội. 1971, tr. 42 và tr. 59 – 60.

Digitized by Google

VŨ OANH

GIAI CẤP NÔNG DÂN TẬP THỂ TRÊN MẶT TRẬN NÔNG NGHIỆP

1 — Dưới sự tổ chức và lãnh đạo của Đảng, giai cấp nông dân tập thể nước ta đã góp phần to lớn vào thắng lợi trên mặt trận nông nghiệp 5 năm qua.

NĂM năm qua, sản xuất nông nghiệp đã đạt nhiều tiến bộ, trong đó lương thực có bước phát triển quan trọng, tăng bình quân 4,9% so với 1,9% hằng năm của thời kỳ 1976—1980. Hàng chục triệu nông dân lao động đã chuyển từ tình trạng thụ động, không phấn khởi sản xuất sang chủ động, phấn khởi, dồn sức người, sức của vào sản xuất, sử dụng có hiệu quả hơn đất đai, lao động và các điều kiện vật chất kỹ thuật khác; mở rộng ngành nghề, chuyển dần sang kinh doanh tổng hợp và sản xuất hàng hóa. Do đó, lực lượng sản xuất phát triển, quan hệ sản xuất được củng cố cả về 3 mặt: sở hữu, quản lý và phân phối. *Cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp là động lực chủ yếu thúc đẩy quá trình biến đổi đó.* Đến nay ở miền Bắc, 95% số hộ nông dân và 97% diện tích đất canh tác đã được tập thể hóa; ở miền Nam đã thu nhận 88% số hộ nông dân và 86,3% diện tích canh tác vào tập thể. Thành quả lớn nhất của cải tạo nông nghiệp ở các tỉnh phía Nam là làm ăn tập thể ngay từ đầu có hiệu quả cao hơn làm ăn cá thể, trong quá trình cải tạo, sản xuất vẫn phát triển với tốc độ nhanh, đặc biệt là lương thực.

Nhờ vậy, trong 5 năm (1981 — 1985), giai cấp nông dân tập thể nước ta đã sản xuất, bán cho Nhà nước từ 3,2 đến 4,3 triệu tấn lương thực, 20 đến 26 vạn tấn thịt lợn hơi, 60 đến 70 vạn tấn cá biển, 30 đến 40 vạn tấn đậu tương, hàng chục vạn tấn thuốc lá, lạc, đay, cói và các nông sản xuất khẩu khác. Đồng thời, đời sống nông dân có được cải thiện, một bộ phận nông dân có lương thực dự trữ, tạo điều kiện ổn định đời sống nông thôn, Nhà nước không phải cứu tế cho nông dân mỗi năm hàng chục vạn tấn lương thực như những năm về trước.

Thành tựu trên mặt trận nông nghiệp 5 năm qua là bước tiến rõ rệt của phong trào quần chúng phát huy vai trò làm chủ tập thể trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2 — Những khó khăn, thiếu sót ảnh hưởng đến tính tích cực của người nông dân tập thể trên mặt trận sản xuất nông nghiệp.

Từ cuối năm 1985, sự biến động của giá — lương — tiền đã tác động không tốt đến hoạt động nông nghiệp — nông thôn, làm giảm dần động lực của khoán sản phẩm, giảm tính tích cực của giai cấp nông dân tập thể. Xã viên muốn trả bớt ruộng, nhận suất khoán ít để tập trung đầu tư vượt khoán nhiều, giảm bớt một số cây trồng, vật nuôi, ngành nghề, gây tiêu cực trong sản xuất. Cần thấy rõ có những nguyên nhân khách quan như tiềm lực kinh tế, đặc biệt là công nghiệp phục vụ nông nghiệp còn non yếu; thiên tai còn gây ra những tổn thất nghiêm trọng và làm cho sản xuất nông nghiệp ở nhiều vùng rộng lớn còn bấp

Digitized by Google

bệnh; cả nước vẫn phải làm hai nhiệm vụ chiến lược, một bộ phận quan trọng lực lượng trẻ khỏe ở nông thôn phải tham gia nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; nhu cầu về lương thực thực phẩm, về nguyên liệu cho công nghiệp và nông sản cho xuất khẩu đặt ra gay gắt, cấp bách. Song cần khẳng định nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình hình làm giảm dần tính tích cực của nông dân hiện nay là do hàng loạt chính sách kinh tế – xã hội đối với nông dân – nông thôn mang nặng tính tập trung quan liêu bao cấp. Nghĩa vụ của nông dân đối với Nhà nước không được ổn định, tổng mức huy động tăng nhanh hơn so với tốc độ phát triển sản xuất. Việc mua nông sản không công bằng, giá mua dưới giá thành, nhiều tỷ giá giữa nông sản và hàng công nghiệp gây thiệt thòi cho nông dân. Vật tư thiết yếu đưa về không bảo đảm được theo kế hoạch, phổ biến là không đủ số lượng, không kịp thời vụ, ảnh hưởng trực tiếp đến việc điều hành sản xuất của hợp tác xã; phương thức cung ứng vật tư còn cửa quyền, gây phiền hà, tốn kém cho nhiều hợp tác xã, nông dân. Nhiều tổ chức quốc doanh, dịch vụ nông nghiệp đang sống trên sự bao cấp của nông dân thay cho sự bao cấp của Nhà nước trước đây, chưa thật sự phục vụ sản xuất theo cơ chế gắn trách nhiệm, lợi ích với kết quả sản xuất của cơ sở. Vật tư chiến lược của sản xuất nông nghiệp không được quản lý chặt, để một số trôi nổi trên thị trường tự do. Tư thương còn lấn sân quốc doanh trên nhiều mặt. Ở nhiều nơi, việc lưu thông sản phẩm hàng hóa bị ách tắc, và vẫn còn tình trạng ngăn sông cấm chợ. Nông dân đứng giữa bị tư thương bóc lột hai lần cả mua và bán. Hợp tác xã chưa được quyền tự chủ trong sản xuất – kinh doanh, còn phải bao cấp nhiều khoản cho Nhà nước không thuộc trách nhiệm của hợp tác xã. Trong quan hệ trao đổi với Nhà nước, hợp tác xã nông nghiệp nào càng bán nhiều nông sản phẩm cho Nhà nước càng bị lỗ. Bởi vì bán cho Nhà nước 1 tấn thịt lợn phải bù lỗ từ 22 000 đến 26 000đ, 1 tấn thóc phải bù lỗ từ 3000 đến 10 000đ. Trong khi đó thì giá mua nông sản so với giá hàng công nghiệp Nhà nước bán ra chênh lệch quá lớn:

1 cái phích 2,5 lít tương đương 75 kg thóc

1 quả trứng gà công nghiệp tương đương 1,6 kg thóc

1 chiếc xe đạp Thống nhất tương đương 150 kg thóc.

Giải quyết tốt những trở ngại trên đây sẽ khôi phục được niềm tin, quyền làm chủ và phát huy tính tích cực, lao động sáng tạo của người lao động, xóa bỏ được sự hoài nghi của người nông dân lao động đối với chính sách kinh tế – xã hội của Đảng và Nhà nước ta, tạo ra tình thế mới phát triển sản xuất nông nghiệp.

3. *Vai trò của giai cấp nông dân tập thể đối với nhiệm vụ cách mạng trên mặt trận nông nghiệp trong giai đoạn mới.*

Sau hơn 25 năm xây dựng phong trào hợp tác hóa ở miền Bắc và hơn 10 năm cải tạo, phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, chúng ta đã tổ chức được gần 16000 hợp tác xã nông nghiệp, trên 37 vạn tập đoàn sản xuất, 500 nông trường quốc doanh, 300 lâm trường, 25 xí nghiệp quốc doanh đánh cá, 121 công ty dịch vụ, hơn 1700 trạm trại khoa học kỹ thuật cơ sở, 35 viện nghiên cứu và trường đại học về nông nghiệp. Lực lượng lao động trên mặt trận nông nghiệp có gần 21 triệu người, chiếm 90,8% tổng lực lượng lao động xã hội. Hằng năm khai thác và sử dụng 7 triệu ha đất nông nghiệp (chủ yếu là trồng lúa nước). Chúng ta có gần 1 triệu ha ao, hồ, đầm nước ngọt, lợ, 13 triệu ha đất trống đồi trọc, 64 vạn ha cồn cát ven biển, 7 triệu ha rừng, 1 triệu km² lãnh hải v.v. Đó là những tiềm năng và điều kiện to lớn mà đến nay ta chưa

Digitized by Google

khai thác, sử dụng có hiệu quả cao. Song đó cũng là những tiềm năng, điều kiện sẽ góp phần vào việc thực hiện chương trình mục tiêu về lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu do Đại hội thứ VI của Đảng đề ra.

Ngày nay, giai cấp nông dân tập thể là một lực lượng hết sức quan trọng thực hiện 3 chương trình mục tiêu. Trên cơ sở phát huy những kinh nghiệm quý báu 5 năm qua, chúng ta cần tiếp tục khơi dậy nhiệt tình sáng tạo của quần chúng lao động, khai thác tiềm năng, thế mạnh của nền nông nghiệp nhiệt đới, thế mạnh tổng hợp của các vùng (đồng bằng, trung du, miền núi, vùng biển...), phát triển mạnh mẽ nền kinh tế sản xuất hàng hóa ở cả ba thành phần (quốc doanh, tập thể và kinh tế gia đình), hoàn thiện một bước cơ chế kinh tế mới trên cơ sở một cơ cấu kinh tế hợp lý trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ, gắn hoạt động kinh tế trong nước với nước ngoài bằng xuất nhập khẩu, hợp tác kinh tế — kỹ thuật với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, trước hết là Liên xô, và các nước bầu bạn khác, nhằm hoàn thành thắng lợi 3 chương trình mục tiêu, tạo nên bước phát triển mới về kinh tế — xã hội ở nông thôn.

Giai cấp nông dân tập thể có vai trò to lớn trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách kinh tế quan trọng của Đảng như hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm trong nông nghiệp, phát triển kinh tế gia đình, đẩy mạnh giao đất trồng rừng cho nhân dân, tập thể quản lý, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở vùng núi, phát triển kinh tế xã hội ở vùng biển; tiếp tục đẩy mạnh công tác cải tạo và phát triển nông nghiệp ở Nam bộ... Đặc biệt là dựa trên cơ sở những hình thức tổ chức hợp tác sản xuất khác nhau và bằng những biện pháp thiết thực, đông đảo bà con nông dân cần tham gia phong trào áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong hoạt động nông nghiệp. Đây vừa là yêu cầu bức thiết, vừa là biện pháp cơ bản nhất để tăng nhanh năng suất cây trồng, vật nuôi, nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp, tạo điều kiện mở mang ngành nghề, phân công lao động, làm cho mọi người lao động ở nông thôn đều có đủ việc làm. Chính những người nông dân tập thể là lực lượng chủ yếu cải tạo và xây dựng bộ mặt nông thôn nước ta theo hướng xã hội chủ nghĩa, vừa kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, vừa tiếp thu và vận dụng những kinh nghiệm hiện đại.

Đồng thời, trong quá trình lao động, sản xuất theo con đường làm ăn tập thể, những người nông dân tập thể, dưới sự tổ chức và lãnh đạo của các cấp ủy đảng, cũng tự cải tạo mình thành những con người mới xã hội chủ nghĩa, ngày càng gắn bó chặt chẽ với giai cấp công nhân. Quá trình tự cải tạo và rèn luyện đó không đơn giản. Nó là quá trình đấu tranh để trở thành người lao động, làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta đang chuyển từ một nền sản xuất nhỏ trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang một nền sản xuất lớn với cơ chế hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Sự chuyển biến này tác động trực tiếp đến từng gia đình, từng người lao động. Trên mặt trận nông nghiệp là mặt trận hàng đầu hiện nay, tạo nên sự chuyển biến đó là trách nhiệm nặng nề của giai cấp nông dân tập thể nước ta, do Đảng ta lãnh đạo và được sự giúp đỡ hết lòng của giai cấp công nhân và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa. Chúng ta tin rằng, với những đức tính cần cù, sáng tạo, giàu lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, lại được rèn luyện trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giai cấp nông dân tập thể nước ta sẽ góp phần xứng đáng vào việc thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế — xã hội do Đại hội thứ VI của Đảng đề ra.

Digitized by Google

NGUYỄN THÀNH LÊ

GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ THỜI ĐẠI CHÚNG TA

CÁCH mạng tháng Mười mở ra bước ngoặt vĩ đại của phong trào công nhân. Lần đầu tiên trong lịch sử phong trào công nhân, ở một nước lớn với diện tích trên một phần sáu quả đất, giai cấp công nhân đã đứng lên tự giải phóng mình, giải phóng toàn thể nhân dân lao động, giải phóng cả một xã hội.

Theo ngọn cờ của Cách mạng tháng Mười và được sự giúp đỡ to lớn, nhiều mặt của nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên, trong hơn thập kỷ qua, giai cấp công nhân và nhân dân lao động tiếp tục giành chính quyền ở một loạt nước ở châu Âu, châu Á, châu Mỹ la tinh. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới hình thành và không ngừng lớn mạnh, trở thành nhân tố có tầm quan trọng quyết định đối với sự phát triển của xã hội loài người.

Sự kiện lịch sử lớn thứ hai sau sự hình thành của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới là sự phát triển như vũ bão của phong trào giải phóng dân tộc. Thắng lợi to lớn của phong trào giải phóng dân tộc không thể tách rời vai trò hàng đầu — và ở nhiều nước là vai trò quyết định — của giai cấp công nhân trong liên minh với nông dân và các giai cấp, các tầng lớp yêu nước khác trong mặt trận dân tộc thống nhất chống chủ nghĩa thực dân. Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc cũng không thể tách rời sự đoàn kết chiến đấu không khít của giai cấp công nhân ở các nước đế quốc có thuộc địa, của các nước xã hội chủ nghĩa mà giai cấp công nhân là giai cấp cầm quyền.

Như vậy là từ sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười, giai cấp công nhân quốc tế đã làm thay đổi hẳn bộ mặt thế giới, làm thay đổi rõ rệt so sánh lực lượng giữa thế giới lao động và thế giới tư bản, giữa tiến bộ và phản động. Giai cấp công nhân quốc tế đã tỏ rõ là lực lượng tác động sâu sắc nhất đến tiến trình phát triển của xã hội loài người.

Trong quá trình đó, giai cấp công nhân quốc tế đã lớn mạnh về số lượng và chất lượng. Đầu thế kỷ thứ 20, tổng số công nhân có khoảng 80 triệu người. Hiện nay lên tới 650 triệu, tăng 8 lần, trong khi cùng thời gian đó số dân thế giới chỉ tăng 3 lần. Chỉ con số này cũng đủ bác bỏ luận điệu của nhiều nhà lý luận tư sản xuyên tạc rằng giai cấp công nhân đang bị «xói mòn».

Sẽ là giản đơn và không hiện thực nếu không thấy rằng những biến đổi kinh tế — xã hội đã và đang diễn ra trong các chế độ xã hội khác nhau, tính quốc tế hóa ngày càng tăng của các mối quan hệ giữa các nước, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật có tính thời đại v.v. đã tác động sâu sắc đến địa vị xã hội, cơ cấu thành phần, tư tưởng, xu thế phát triển của giai cấp công nhân ở các nước. Những sự tác động riêng biệt và tổng thể của các quá trình kể trên đưa lại những hệ quả giống nhau và những hệ quả khác

Digitized by Google

nhau tuỳ theo chế độ chính trị — xã hội của mỗi nước.

Trong *hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới*, giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo xã hội thông qua đảng tiên phong của mình. Ở Liên xô, số đảng viên chính thức và dự bị thuộc thành phần công nhân lên tới 8,6 triệu người, chiếm 45% tổng số đảng viên. Ở Cộng hòa dân chủ Đức, đảng viên thuộc thành phần công nhân chiếm 58,1% tổng số đảng viên. Ở Tiệp khắc, tỷ lệ đó là 44,6%, riêng trong số đảng viên dự bị, thành phần công nhân chiếm 61,1%.

Về *chính quyền*, ở Liên xô, hơn một triệu công nhân là đại biểu Xô viết các cấp. *Các công đoàn* Liên xô, tổ chức có tính quần chúng đông đảo nhất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, có tới 137 triệu đoàn viên.

Thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và ở các nước xã hội chủ nghĩa khác là thắng lợi của sự lãnh đạo của giai cấp công nhân liên minh với giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa.

Trên con đường tiến lên nhằm giành thắng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, việc không ngừng tăng cường vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân vẫn là nhân tố quyết định nhất. Nghị quyết Đại hội XXVII Đảng cộng sản Liên xô ghi rõ: « Đại hội coi việc bảo đảm vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, củng cố liên minh giữa giai cấp công nhân, nông dân tập thể và trí thức lao động là hòn đá tảng của chính sách của Đảng cộng sản Liên xô ».

Nghị quyết của đại hội các đảng các nước xã hội chủ nghĩa khác, Nghị quyết Đại hội VI Đảng ta cũng đều nhấn mạnh tinh thần ấy

Để tăng cường vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, xuất phát từ những giáo huấn của Lê-nin, từ tình hình thực tế hiện nay, và từ yêu cầu của cuộc cải tổ toàn diện, Đảng cộng sản Liên xô đặt rất cao việc *dân chủ hóa hơn nữa đời sống chính trị, kinh tế, phát huy quyền làm chủ của công nhân và nhân dân.*

Tại hội nghị tháng 1-1987 của Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô, đồng chí M. X. Goóc-ba-trốp nói: « Hiện nay hơn bao giờ hết, chúng ta hiểu rõ toàn bộ ý nghĩa tư tưởng của Lê-nin về mối liên hệ sinh động bên trong giữa chủ nghĩa xã hội và dân chủ. Toàn bộ kinh nghiệm lịch sử của đất nước chúng ta đã chứng minh một cách xác đáng rằng chế độ xã hội chủ nghĩa thực tế đã bảo đảm các quyền chính trị và kinh tế — xã hội, quyền tự do cho các công dân, mở ra tính hơn hẳn của nền dân chủ Xô viết, làm cho mỗi người thêm tin tưởng vào ngày mai.

« Nhưng trong những điều kiện cải tổ, khi nhiệm vụ tăng cường nhân tố con người được đặt ra một cách gay gắt, chúng ta cần trở lại cách đặt vấn đề lê nin nít về dân chủ hóa cao độ chế độ xã hội chủ nghĩa, trong đó con người cảm thấy mình là người chủ và người sáng tạo ».

Được chỉ đạo bởi tư tưởng kể trên, Đảng cộng sản Liên xô đã và đang đưa ra một loạt ý kiến mới nhằm đẩy mạnh dân chủ hóa. Kinh tế là lĩnh vực quyết định của đời sống xã hội. Việc phát triển dân chủ trong lĩnh vực này có ý nghĩa hàng đầu. Đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp nói: « Việc phát triển dân chủ trong sản xuất, kiên trì áp dụng các nguyên tắc tự quản một cách thật sự vào công việc của các tập thể lao động có ý nghĩa hàng đầu. Kinh tế là lĩnh vực quyết định của đời sống xã hội, nơi hàng chục triệu người đang làm việc hằng ngày. Đó là nguyên nhân tại sao nói phát triển dân chủ trong sản xuất là hướng quan trọng bậc nhất trong việc củng cố và mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa nói

Digitized by Google

chung, là đòn bẩy có thể bảo đảm sự tham gia rộng rãi và tích cực của nhân dân lao động vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nó cho phép tránh khỏi nhiều sai lầm và thiếu sót ».

Cải tổ và dân chủ hóa là một cuộc đấu tranh cách mạng mà giai cấp công nhân phải đi đầu. Bởi vì cùng với ý nghĩa lớn lao của nó, cải tổ và dân chủ hóa không phải không có những phức tạp, khó khăn, nó vấp phải sự phản ứng không nhỏ của « những kẻ cho đến nay vẫn làm mưa làm gió ở nhà máy, địa phương, thành phố, phòng thí nghiệm... ít dếm xỉa đến ý kiến của tập thể, của nhân dân lao động ».

Để tăng cường vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, một vấn đề khác được các nước xã hội chủ nghĩa quan tâm là *khắc phục những khác biệt trong nội bộ giai cấp công nhân*, đưa lại cho đội ngũ công nhân những chuyển biến mới về cơ cấu, về nhận thức tư tưởng v.v.

Hiện nay, về cơ cấu thành phần, ở Liên xô, số lao động chân tay còn chiếm từ 40% đến 50% lực lượng lao động; ở Cộng hòa dân chủ Đức từ 25% đến 30%, ở Bun-ga-ri khoảng 50%.

Ở Cộng hòa dân chủ Đức, số công nhân lâu đời chiếm từ 2/3 đến 3/4 số công nhân công nghiệp. Ở Bun-ga-ri và Ru-ma-ni con số đó là từ 1/4 đến 1/3. Ở Liên xô khoảng 1/2 tổng số công nhân thuộc thành phần lâu đời, riêng ở các nước Xô viết Trung Á, tỷ trọng công nhân lâu đời giống như ở Bun-ga-ri và Ru-ma-ni.

Về trình độ nghề nghiệp, ở Cộng hòa dân chủ Đức 3/4 số công nhân được đào tạo có hệ thống ở trường dạy nghề và có tay nghề cao. Ở Tiệp khắc, 2/3 công nhân có tay nghề cao. Ở Liên xô, Hung-ga-ri, Ba-lan, khoảng 1/3 công nhân có tay nghề cao, 1/3 có tay nghề trung bình, 1/3 có tay nghề thấp.

Đại hội thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô và đại hội của nhiều đảng anh em ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã đề ra chiến lược đẩy nhanh phát triển theo chiều sâu. Nghị quyết Đại hội Đảng cộng sản Liên xô ghi rõ: « Đảng đề ra chính sách đẩy nhanh một cách căn bản tiến bộ khoa học – kỹ thuật, áp dụng rộng rãi máy móc, thiết bị kỹ thuật thuộc các thế hệ mới, các quy trình công nghệ mới về nguyên tắc bảo đảm năng suất lao động và hiệu quả kinh tế cao nhất với tính cách là đòn bẩy chủ yếu cho sự phát triển kinh tế quốc dân theo chiều sâu ».

Việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế theo chiều sâu, việc áp dụng những thành tựu mới nhất của khoa học–kỹ thuật vào sản xuất đòi hỏi những cố gắng vượt bậc của giai cấp công nhân, của toàn thể lao động chân tay và lao động trí óc. Quá trình thực hiện những nhiệm vụ kể trên là quá trình tiếp tục tạo ra những sự biến đổi mới trong cơ cấu thành phần, trong tư tưởng, trong vị trí của công nhân thuộc những ngành, nghề khác nhau. Cũng qua quá trình đó, số lao động trí óc như các nhà nghiên cứu, những kỹ sư, kỹ thuật viên cao cấp v.v. ngày càng tham gia đông đảo vào quá trình sản xuất ra của cải vật chất. Lao động trí óc, kỹ thuật viên cao cấp ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong các ngành công nghiệp hiện đại.

Quá trình thực hiện chiến lược phát triển kinh tế theo chiều sâu và áp dụng khoa học–kỹ thuật hiện đại đặt ra nhiều vấn đề không đơn giản, chẳng hạn như việc bồi dưỡng lại một cách có hệ thống và qua nhiều lần cho công nhân, việc giải quyết lao động dôi ra do hợp lý hóa, tự động hóa sản xuất v.v. Những công việc đó tuy khó khăn nhưng không phải không giải quyết được dưới chủ nghĩa xã hội.

Giai cấp công nhân ở các nước xã hội chủ nghĩa có nhiều cái chung: chủ nghĩa Mác – Lê-nin; sự lãnh đạo của các đảng cộng sản và công nhân;

Digitized by Google

những mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, sự hợp tác trên tinh đồng chí vì lợi ích chung; sự nghiệp bảo vệ thành quả của chủ nghĩa xã hội và bảo vệ hòa bình. Những cái chung đó là cái chính yếu.

Do đặc điểm lịch sử, văn hóa khác nhau, do điểm xuất phát kinh tế—xã hội khác nhau, do thời gian xây dựng chủ nghĩa xã hội dài ngắn khác nhau, giai cấp công nhân ở các nước xã hội chủ nghĩa có sự phát triển không đồng đều, còn đa dạng. Đó là thực tế khách quan. Quá trình cùng nhau xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là quá trình xích lại gần nhau, hòa hợp cái chung và cái riêng, nhân tố dân tộc và nhân tố quốc tế.

Ở các nước dân tộc chủ nghĩa, sau khi đất nước thoát khỏi ách thực dân, cùng với sự phát triển của công nghiệp dân tộc, giai cấp công nhân có những bước tiến nhảy vọt. Hiện nay số lượng của đội ngũ đó lên tới 300 triệu người.

Địa vị của giai cấp công nhân ở những nước này trên nhiều mặt tùy thuộc vào chế độ chính trị—kinh tế—xã hội của mỗi nước.

Ở những nước đi theo hướng xã hội chủ nghĩa và ở những nước do các đảng có xu hướng mác xít và các đảng dân chủ cách mạng cầm quyền, giai cấp công nhân cùng với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức nhân dân là những lực lượng chủ yếu của xã hội, cùng đấu tranh thực hiện những cải tạo xã hội và công nghiệp hóa vì lợi ích của nhân dân.

Ở những nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, nhất là ở những nước bị chế độ độc tài phong kiến—tư sản—quân phiệt thống trị, giai cấp công nhân bị đàn áp, bóc lột thậm tệ.

Số đông các nước mới giành được độc lập dân tộc vẫn còn là đối tượng bóc lột của chủ nghĩa thực dân mới, của "chủ nghĩa đế quốc kỹ thuật", "chủ nghĩa đế quốc tài chính". Các công ty xuyên quốc gia nắm các yết hầu kinh tế—tài chính ở số đông các nước đang phát triển. Chúng lập ở những nước đó các xí nghiệp công nghiệp có quy trình công nghệ giản đơn và vừa phải, nhất là những xí nghiệp lắp ráp và những xí nghiệp ô nhiễm nhiều. Hiện nay, số tiền mà các nước đang phát triển nợ các nước đế quốc lên tới trên 1 000 tỷ đô la. Riêng đế quốc Mỹ hàng năm hòn rút từ các nước đang phát triển hơn 100 tỷ đô la, trong đó 50% là từ các nước Mỹ la tinh.

Do đó, ở nhiều nước đang phát triển, giai cấp tư bản quốc tế, những chủ nhân của các công ty xuyên quốc gia trở thành kẻ bóc lột lớn nhất, tàn nhẫn nhất giai cấp công nhân và nhân dân lao động Lần xứ.

Giai cấp công nhân ở các nước đang phát triển có những mục tiêu giống nhau là đấu tranh củng cố độc lập dân tộc về chính trị và kinh tế, giành và củng cố tiến bộ xã hội, bảo vệ hòa bình. Giai cấp công nhân ở các nước đang phát triển có tính đồng nhất, là giai cấp tiên tiến nhất và đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến nhất. Giai cấp công nhân ở các nước đang phát triển có mối liên hệ tự nhiên với giai cấp nông dân, lực lượng xã hội đông đảo nhất ở các nước này và là nguồn bổ sung chủ yếu cho giai cấp công nhân.

Trong thời đại cách mạng vô sản và cách mạng giải phóng dân tộc, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội gắn liền với nhau. Giai cấp công nhân ở các nước đang phát triển có mối liên hệ đồng minh tự nhiên, hữu cơ với giai cấp công nhân và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, với giai cấp công nhân ở các nước đế quốc.

Đặc điểm lịch sử dân tộc, văn hóa dân tộc, kết cấu kinh tế—xã hội ở mỗi nước khác nhau làm nổi bật tính đa dạng của giai cấp công nhân ở các nước đang phát triển.

Một điểm cần chú ý là tuy chủ nghĩa Mác—Lê-nin, chủ nghĩa xã hội khoa

Digitized by Google

học ngày càng kết hợp chặt chẽ với phong trào công nhân ở các nước đang phát triển, ngày càng trở thành ngọn cờ và kim chỉ nam cho hành động của giai cấp công nhân ở những nước này, nhưng không thể không thấy rằng chủ nghĩa gia trưởng, các tôn giáo, các phong tục cổ truyền vẫn còn chi phối bộ phận không nhỏ giai cấp công nhân ở khu vực này của thế giới. Vì thế, đã xuất hiện những thứ như « chủ nghĩa xã hội châu Phi », « chủ nghĩa xã hội Hồi giáo », những tổ chức công nhân và lao động bị chi phối bởi Hồi giáo, Ấn độ giáo, tạp giáo. Và, trong những năm gần đây, Quốc tế xã hội (Quốc tế II) gồm những đảng xã hội — dân chủ tăng cường hoạt động ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh. Quốc tế xã hội có quan hệ nhiều với các tổ chức công đoàn do công nhân quý tộc chi phối. Ở nhiều nước đang phát triển, tầng lớp công nhân quý tộc là sản phẩm của chủ nghĩa thực dân mới.

Ở các nước tư bản phát triển, ra đời cùng với giai cấp tư sản, giai cấp công nhân đã có lịch sử nhiều thế kỷ và đã trở thành giai cấp vì mình từ hơn một trăm năm nay. Chủ nghĩa Mác ra đời từ các nước tư bản phát triển ở châu Âu trên cơ sở chủ nghĩa xã hội Pháp, triết học Đức, khoa kinh tế chính trị Anh và trên cơ sở tổng kết phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân.

Giai cấp công nhân ở các nước tư bản phát triển đã viết những trang sử oanh liệt, đã giành được nhiều quyền chính trị, kinh tế, xã hội quan trọng từ tay giai cấp thống trị.

Từ nhiều thập kỷ nay, ở các nước tư bản phát triển đã và đang diễn ra nhiều quá trình biến động sâu rộng. Cơ cấu sản xuất, cơ cấu kinh tế có nhiều thay đổi; chủ nghĩa tư bản lâm vào cuộc tổng khủng hoảng nghiêm trọng không phương cứu chữa, với khủng hoảng cơ cấu sâu sắc, khủng hoảng chu kỳ mau hơn trước. Sự phát triển và tăng cường của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước thúc đẩy nhanh quá trình xã hội hóa tư liệu sản xuất và sản xuất. Sự hình thành và phát triển của các công ty xuyên quốc gia thúc đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa sản xuất và lưu thông. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học — kỹ thuật và việc ứng dụng các quy trình công nghệ hiện đại mở rộng những khả năng chưa từng có hiện đại hóa tư liệu sản xuất, công cụ lao động, tăng năng suất lao động.

Những quá trình đó tác động mạnh mẽ nhiều mặt đến số lượng, chất lượng, cơ cấu thành phần, ý thức tư tưởng, điều kiện sống và đấu tranh của giai cấp công nhân.

Số lượng công nhân và người làm thuê tăng nhanh. Ở Pháp, năm 1954, số công nhân và người làm thuê chiếm 65% số người có việc làm. Năm 1982 tỷ lệ đó lên tới 82% (riêng trong ngành công nghiệp là 95%, trong ngành xây dựng 80%, trong ngành dịch vụ 88%). Ở Cộng hòa liên bang Đức, năm 1960 số công nhân và lao động làm thuê chiếm 77,1% số người có việc làm, năm 1981 tỉ lệ đó lên tới 88,1%. Trong ngành nông nghiệp thì ngược lại, số công nhân và lao động làm thuê ngày càng giảm. Ở Pháp, công nhân và lao động làm thuê chỉ chiếm 17% số người có việc làm trong nông nghiệp (năm 1982). Ở Cộng hòa liên bang Đức, năm 1980, số công nhân và lao động làm thuê chiếm 13,5% số người có việc làm trong nông nghiệp, năm 1981 chỉ còn 5%.

Cơ cấu thành phần của giai cấp công nhân có nhiều thay đổi lớn. Nhiều ngành công nghiệp truyền thống như khai thác mỏ, luyện kim, cơ khí chế tạo vốn sử dụng nhiều công nhân và lao động, đã giảm bớt phạm vi hoạt động hoặc teo đi rõ rệt. Trái lại, những ngành công nghiệp hiện đại, mũi nhọn, ứng dụng những công nghệ

Digitized by Google

hiện đại, những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại, sử dụng ít lao động, như các ngành công nghiệp điện tử, vi điện tử, máy tính, người máy, các ngành công nghiệp vũ trụ v.v. thì phát triển mạnh mẽ. Các ngành dịch vụ cũng phát triển mạnh.

Tình hình kể trên khiến cho số lượng công nhân và lao động trong nhiều ngành công nghiệp truyền thống giảm đi, số lượng công nhân và lao động trong các ngành công nghiệp hiện đại, mũi nhọn, trong các ngành dịch vụ lại tăng lên. Số công nhân và lao động truyền thống (thường gọi là công nhân «cổ xanh») tăng không đáng kể, có nơi, có lúc giảm đi, ngược lại, số công nhân và lao động có kiến thức cao, lao động chủ yếu bằng chất xám, thường gọi là công nhân «cổ trắng» tăng lên. Ở Mỹ, công nhân và lao động «cổ xanh» chiếm 60% tổng số công nhân và lao động. Cũng ở Mỹ, số công nhân và lao động trong các ngành dịch vụ chiếm 70% – 75% tổng số công nhân và lao động (1985). Ở Cộng hòa liên bang Đức, công nhân và lao động làm thuê trong các ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng 44% (1981).

Một vấn đề lý luận và thực tiễn đang được đặt ra là nên xếp những nhà nghiên cứu, những nhà ứng dụng khoa học – kỹ thuật vào sản xuất, những kỹ sư, đốc công, kỹ thuật viên cao cấp, những lao động trong các ngành dịch vụ vào thành phần xã hội nào? Nhiều ý kiến của các nhà khoa học xã hội mác xít cho rằng không nên coi những người nói trên là thuộc thành phần trung gian, mà nên xếp họ vào thành phần công nhân, xuất phát từ lập luận rằng mọi người tham gia vào quá trình sản xuất và tái sản xuất của cải vật chất mà bản thân không có tư liệu sản xuất thì thuộc thành phần công nhân. Hơn nữa, sự phát triển của văn hóa khoa học trên thế giới ngày nay đã tạo điều kiện khách quan cho *người lao động làm chủ kỹ thuật vừa bằng khối óc vừa bằng bàn tay*. Nhưng cũng có ý kiến cho rằng vẫn nên xếp họ vào tầng lớp trí thức của xã hội, vì đặc điểm lao động và môi trường hoạt động của họ.

Khái niệm kể trên về cơ cấu thành phần công nhân một khi được xác định, sẽ khẳng định sự phát triển mạnh mẽ của giai cấp công nhân trong thời đại mới, sẽ tăng cường hơn nữa tình đoàn kết chiến đấu của các thành phần công nhân trong cuộc đấu tranh ngày càng quyết liệt giữa hai giai cấp vô sản và tư sản.

Trong các nước tư bản phát triển, song song với việc gia tăng nhanh chóng tư liệu sản xuất, của cải vật chất của xã hội, là sự gia tăng bần cùng hóa tương đối và tuyệt đối của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Phát biểu ở hội nghị quốc tế «Giai cấp công nhân và thời đại chúng ta» họp ở Mát-xcơ-va tháng 10-1986, đồng chí G.Hôn, Tổng bí thư Đảng cộng sản Mỹ, cho biết số người lao động thất nghiệp bộ phận và toàn phần ở Mỹ hiện nay lên tới 20 triệu người, chiếm 25% tổng số lao động. Trong mười năm vừa qua, năng suất lao động của công nhân Mỹ tăng 65% nhưng tiền lương giảm 16%. Tỷ suất bóc lột lao động thặng dư là 300%.

Ở Pháp, năm 1975, số thất nghiệp là 902 000 người, năm 1984 lên tới 2 240 000, tăng 148%.

Ở Anh, ở Cộng hòa liên bang Đức, số người thất nghiệp hiện nay là cao nhất, kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai.

Trong hàng ngũ đạo quân thất nghiệp ở các nước tư bản phát triển ngày càng có nhiều trí thức, kỹ thuật viên cao cấp, trung cấp.

Tình hình kể trên nói lên những mâu thuẫn giai cấp, những mâu thuẫn xã hội hết sức gay gắt trong các nước

(Xem tiếp trang 63)

Digitized by Google

XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

DƯƠNG XUÂN AN

NGÀY nay, giai cấp công nhân là người đi tiên phong, cùng với giai cấp nông dân tập thể, là đội quân chủ lực, là cơ sở xã hội chủ yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Vai trò tiên phong của giai cấp công nhân thể hiện trước hết trên lĩnh vực sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Với số lượng trên 3,8 triệu người (1,7 triệu công nhân kỹ thuật), chiếm khoảng 6% dân số, 16% lao động xã hội, hằng năm giai cấp công nhân nước ta đã tạo ra được một khối lượng sản phẩm công nghiệp chiếm khoảng gần 40% tổng sản phẩm xã hội, bảo đảm trên 60% ngân sách nhà nước. Lực lượng kinh tế quốc doanh mà giai cấp công nhân nắm trong tay, tuy còn nhiều mặt yếu kém, nhưng rõ ràng là tiếp tục phát triển, đang giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.

Trong 5 năm qua, giai cấp công nhân đã có gần 21 vạn sáng kiến nhằm khắc phục khó khăn về nguyên liệu, phụ tùng thay thế, thiết kế, chế tạo, đổi mới kỹ thuật, làm lợi cho nhà nước hàng ngàn triệu đồng. Từ 1981 đến 1985, đã có 7 916 lượt công nhân, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học—kỹ thuật được Tổng công đoàn tặng bằng và huy hiệu lao động sáng tạo. Những năm qua, ngày càng có nhiều công nhân tham gia phong trào thi đua giành danh hiệu tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa. Năm 1984 có 46 986 tổ ghi tên phấn đấu và đã có 20 000 tổ đạt danh hiệu, trong đó có 362 tổ liên tục đạt danh hiệu từ 10 năm trở lên. Từ trong phong trào thi đua đã xuất hiện nhiều tập thể và con người mới, tiêu biểu là những tập thể và cá nhân được Nhà nước tuyên dương anh hùng lao động.

Công nhân còn là lực lượng hăng hái đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế và xã hội. Ở nhiều địa phương và cơ sở, công nhân tích cực tham gia các lực lượng kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh tế, phân phối lưu thông, phát hiện ra nhiều vụ việc tham ô, ức hiếp quần chúng, làm sai chế độ, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Tình hình nói trên cho phép chúng ta kết luận rằng: trước vô vàn khó khăn, thử thách, giai cấp công nhân nước ta vẫn giữ vững truyền thống cách mạng, xứng đáng là giai cấp tiên phong lãnh đạo cách mạng và là lực lượng chính trị cơ bản, là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm cơ bản đó, đội ngũ công nhân nước ta vẫn còn nhiều nhược điểm, khuyết điểm:

Giác ngộ xã hội chủ nghĩa, giác ngộ giai cấp, ý thức và năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhiều công nhân còn thấp. Ý chí phấn đấu cách mạng trong một bộ phận công nhân bị giảm sút. Một bộ phận công nhân có những biểu hiện tiêu cực.

Digitized by Google

Trình độ văn hóa thấp. Tính chung cả nước, số công nhân có trình độ phổ thông cơ sở chiếm 57,5%, phổ thông trung học là 42,5%.

Tay nghề của công nhân còn non, bậc thợ bình quân là 3,3/7. Số thợ bậc cao rất ít. Theo số liệu điều tra của Tổng công đoàn (tháng 8-1985), tính chung trong cả nước, thợ bậc 7 chỉ chiếm 1,9%. Ở Hà nội, số thợ bậc 7 chỉ chiếm 0,7%; ở Hải phòng — 2,1%; Quảng Ninh — 2,3%; thành phố Hồ Chí Minh — 5,3%; ngành giao thông vận tải — 1%; ngành thủy lợi — 0,6%..

Số công nhân trẻ có dưới 10 năm tuổi nghề khá đông. Trong số này, phần lớn xuất thân từ nông dân hoặc dân nghèo, chưa được đào tạo qua các trường lớp dạy nghề, chưa được tiếp xúc nhiều với nền công nghiệp hiện đại, cho nên tư tưởng, tập quán còn chịu ảnh hưởng nặng của thành phần xuất thân, của nền sản xuất nhỏ, tác phong công nghiệp và kỷ luật còn kém. Theo điều tra của Tổng công đoàn trong 10 năm qua số công nhân mới bổ sung vào đội ngũ có 65% là học sinh, 8,2% là nông dân, 12,4% là quân nhân chuyển ngành, 5,7% là lao động thủ công, nghĩa là đại bộ phận xuất thân từ những người sản xuất nhỏ. Số công nhân có ông bà, cha mẹ là công nhân chỉ chiếm 9,8% tổng số.

Cơ cấu đội ngũ công nhân chưa cân đối và đồng bộ. Việc tuyển chọn, đào tạo lại thiếu quy hoạch cho nên một số người sau khi đào tạo không được làm đúng nghề, một số người không có việc làm. Cũng theo số liệu điều tra của Tổng công đoàn, cả nước chỉ có 76% công nhân được sử dụng đúng nghề đào tạo. Trong 10 năm qua (1975—1985) đã có 8,8% số công nhân thay đổi nghề nghiệp từ 1 đến 3 lần vì phải chuyển nơi làm việc, vì lý do sức khỏe hoặc để có mức thu nhập cao hơn...

Đời sống của công nhân ngày càng khó khăn. Điều kiện lao động chưa được cải thiện. Bệnh nghề nghiệp phát triển, tai nạn lao động còn nhiều, sức khỏe công nhân giảm sút. Nhiều người, trong đó có cả thợ bậc cao đã phải nghỉ mất sức hoặc nghỉ hưu trước tuổi quy định của Nhà nước.

Tình hình đó làm cho công nhân thiếu yên tâm, không phấn khởi sản xuất; họ phải lo lắng chạy vạy giải quyết đời sống gia đình và có những biểu hiện tiêu cực như: lấy cắp vặt, tham gia buôn lậu, «phe phẩy» hoặc bỏ nhà máy, xí nghiệp, công trường tìm lối làm ăn khác. Có người phạm pháp nghiêm trọng, làm mất an ninh, trật tự xã hội. Từ năm 1978 đến nay, có trên 10 vạn người bỏ xí nghiệp, cơ quan ra làm ngoài. Riêng năm 1980 có tới 5 vạn người bỏ việc. Những năm gần đây hiện tượng này tuy có giảm, nhưng vẫn còn tiếp tục xảy ra.

Trong công nhân cũng đã xuất hiện những hiện tượng: thiếu nhiệt tình lao động, không tự giác chấp hành kỷ luật lao động, không làm đúng quy trình công nghệ, quy tắc kỹ thuật, lao động uể oải, làm không đủ ngày công, giờ công. Trong công nhân trẻ, nhiều người có những biểu hiện tự do chủ nghĩa, ngại học tập, chạy theo lối sống thực dụng.

Các mặt yếu kém nêu trên là do những nguyên nhân gì?

Một là: Giai cấp công nhân ta số đông xuất thân từ những người sản xuất nhỏ, do đó, tư tưởng, tác phong còn mang nặng ảnh hưởng của người sản xuất nhỏ. Nhiều người trong giai cấp công nhân chịu ảnh hưởng của việc tuyên truyền xuyên tạc chủ nghĩa xã hội của bọn phản động. Riêng ở miền Nam, công nhân còn chịu thêm ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dân mới.

Hai là: Công tác lãnh đạo và quản lý kinh tế, quản lý sản xuất còn nhiều thiếu sót. Điều kiện sản xuất không bảo đảm, công nhân không đủ việc

Digitized by Google

làm, quản lý lao động, vật tư quá lỏng lẻo.

Ba là: Các chính sách về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội... chưa thực sự khuyến khích người lao động; chưa thúc đẩy áp dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật, tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Nhiều chính sách chưa coi trọng và chưa có sự ưu đãi thích đáng đối với công nhân lành nghề. Trong khi đó giá cả thị trường tăng vọt, làm cho tiền lương thực tế của công nhân giảm sút nhanh chóng. Công nhân không thể toàn tâm toàn ý lo cho sản xuất mà phải phân tâm, phân lực cho cuộc sống hằng ngày. Sự tác động của những tiêu cực ngoài xã hội vào đội ngũ công nhân cũng rất lớn.

Bốn là: công tác giáo dục còn nhiều thiếu sót, kém hiệu quả. Một bộ phận công nhân chưa được giáo dục đầy đủ về vai trò, vị trí và trách nhiệm của giai cấp công nhân; về trách nhiệm làm chủ tập thể; về đấu tranh giữa hai con đường, đấu tranh địch ta. Nội dung và biện pháp giáo dục chậm cải tiến. Việc giáo dục, phát động quần chúng đấu tranh chống tiêu cực, chống địch phá hoại chưa mạnh mẽ.

Xây dựng giai cấp công nhân Việt nam đông đảo, vững mạnh về mọi mặt là yêu cầu bức bách của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Muốn làm được điều đó, cần quan tâm đầy đủ đến các vấn đề sau đây:

– Tiến hành khẩn trương việc tổ chức lại sản xuất, sắp xếp lại lao động, bảo đảm cho công nhân có đủ việc làm ổn định thường xuyên, bởi vì lao động sản xuất vừa là nghĩa vụ, vừa là quyền lợi, vừa là điều kiện cần thiết để giáo dục, rèn luyện người công nhân. Chính việc tổ chức quản lý lao động sản xuất một cách khoa học, chặt chẽ sẽ có tác dụng rất lớn đối với việc xây dựng con người. Các Mác đã nói: Giáo dục thông qua lao động sản xuất là «phương pháp độc nhất và duy nhất để đào tạo ra những con người hoàn thiện» (1).

– Đảng, Nhà nước có những chủ trương và biện pháp khẩn cấp, nhằm dần dần ổn định và từng bước cải thiện đời sống của công nhân; trước mắt phải có chế độ tiền lương hợp lý, phúc lợi xã hội cần thiết để bảo đảm đời sống vật chất và văn hóa cho người lao động và gia đình họ. Không giải quyết tốt vấn đề này, không thể đẩy mạnh được sản xuất, không thể khắc phục được những biểu hiện tiêu cực trong công nhân và do đó không thể xây dựng được đội ngũ công nhân vững mạnh.

– Tăng cường công tác giáo dục trong công nhân, đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục. Khi chúng ta nói: Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo, là lực lượng cơ bản của chủ nghĩa xã hội là muốn nói đến một giai cấp có trình độ giác ngộ cao, có kiến thức văn hóa, kỹ thuật, có tay nghề khá, có những phẩm chất tốt đẹp. Sự giáo dục như vậy không thể là việc giáo dục lý luận suông, bằng những hình thức giản đơn mà phải là sự giáo dục tổng hợp, kiên trì, tỷ mỷ. Cần thông qua việc xây dựng và thực hiện cơ chế làm chủ tập thể ở xí nghiệp và các hoạt động thực tiễn của tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể xã hội (trong đó có công đoàn) mà giáo dục, rèn luyện, xây dựng đội ngũ công nhân xã hội chủ nghĩa.

– Để đội ngũ công nhân ngày càng tăng về số lượng và chất lượng, cần cải tiến việc kế hoạch hóa công tác đào tạo bồi dưỡng công nhân. Trong kế hoạch và các chính sách của Đảng và Nhà nước, cần thể hiện đúng đắn quan điểm đầu tư cân đối giữa kinh tế và xã hội; giữa đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật với đầu tư xây dựng đội ngũ công nhân, đào tạo bồi

(1) Các Mác: *Tư bản*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1960, q. I, t. II, tr. 231.

Digitized by Google

dưỡng con người ngay từ trong hệ thống các trường phổ thông, các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, các trường lớp dạy nghề chính quy, và các trường lớp kèm cặp đào tạo trong sản xuất. Các trường này phải làm tốt từ khâu hướng nghiệp, dạy nghề, đến việc giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao giác ngộ về vai trò của giai cấp công nhân, về bản chất và truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt nam, tạo mọi điều kiện để học sinh làm quen với sản xuất công nghiệp, với đời sống công nhân.

— Làm tốt công tác hướng nghiệp và dạy nghề. Tiến hành kế hoạch hóa dạy nghề một cách tổng hợp, đồng bộ nhằm thực hiện sự cân đối trong nội bộ hệ thống giáo dục và cân đối giữa hệ thống đào tạo và hệ thống kinh tế. Trên cơ sở đó, hoàn chỉnh và phát triển hệ thống trường dạy nghề các loại, làm cho hệ thống dạy nghề kế tục đầy đủ hệ thống trường phổ thông, bảo đảm hướng nghiệp và dạy nghề cho học sinh sau khi tốt nghiệp phổ thông.

Để hoàn chỉnh và phát triển các trường dạy nghề, cần tăng cường đầu tư để xây dựng trường sở, trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho trường, coi đây là hướng đầu tư ưu tiên (đầu tư cho con người).

— Đào tạo công nhân tại các cơ sở sản xuất cũng là một hình thức đào tạo chủ yếu hiện nay. Do đó, ngoài việc ban hành « quy chế trường dạy nghề nhà nước », cần có « quy chế đào tạo và bồi dưỡng công nhân trong sản xuất » và kế hoạch hóa đào tạo công nhân tại sản xuất.

Nhanh chóng cải cách nội dung và phương pháp đào tạo theo hướng công nhân giỏi một nghề, biết thêm một vài nghề khác, lý luận gắn với thực hành, gắn với sản xuất để công nhân ra trường có thể làm việc được ngay; đồng thời đặc biệt coi trọng việc bồi dưỡng tại chức, sắp xếp thì giờ để công nhân vừa làm, vừa học, thường xuyên nâng cao tay nghề, và nâng cấp, nâng bậc cho công nhân.

« NGƯỜI CÓ NHIỀU DUYÊN NỢ... »

(Tiếp theo trang 39)

Những bài viết của Bác dù nội dung đề cập những vấn đề quan trọng của đất nước hay những bài nêu gương « người tốt, việc tốt »... Bác đều viết rất ngắn, gọn, lời lẽ giản dị, dễ hiểu, dễ nhớ. Bác thường nhắc nhở các nhà báo khi viết phải tự hỏi: viết cho ai xem, viết để làm gì, và Bác căn dặn, phải viết thế nào cho phổ thông, ngắn gọn, dễ hiểu. Chính Bác đã nêu một tấm gương sáng về điều đó

Digitized by Google

DOÃN NAM

KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI TRONG GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI

BÁO cáo chính trị của BCHTƯ ĐCS Việt nam tại Đại hội thứ VI của Đảng đã chỉ rõ: « Trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của mình, chúng ta phải đặc biệt coi trọng kết hợp các yếu tố dân tộc và quốc tế, các yếu tố truyền thống và thời đại, sử dụng tốt mọi khả năng mở rộng quan hệ thương mại, hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật với bên ngoài để phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, và luôn luôn làm tròn nghĩa vụ quốc tế của mình đối với các nước anh em và bầu bạn » (1)

Đó là bài học kinh nghiệm mà Đảng ta đã rút ra từ thực tiễn cách mạng Việt nam trong hơn nửa thế kỷ qua: kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Đó cũng là chỉ thị về phương hướng vận dụng bài học kinh nghiệm nói trên trong giai đoạn cách mạng mới.

Vì sao Đảng ta đã thành công trong việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, làm cho sức mạnh tổng hợp của nhân dân ta được nhân lên gấp bội và đưa cách mạng Việt nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác? Đó là vì Đảng ta đã nắm vững quan điểm của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, đứng trên lập trường của giai cấp vô sản trong việc kết hợp lợi ích của dân tộc với lợi ích của nhân dân thế giới, làm cho chủ nghĩa yêu nước của nhân dân ta và chủ nghĩa quốc tế vô sản quyện chặt vào nhau.

Việc kết hợp các yếu tố dân tộc và quốc tế, truyền thống và thời đại trong đường lối cách mạng của Đảng ta xuất phát từ hai nguyên lý cơ bản: *một là*, cách mạng nước ta là một bộ phận của cách mạng thế giới; *hai là*, cách mạng nước ta diễn ra trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Hai nguyên lý cơ bản đó nói lên mối quan hệ hữu cơ giữa nước ta với thế giới. Mối quan hệ đó nằm trong một tổng thể tuy đa dạng, phức tạp và đầy mâu thuẫn nhưng lại gắn bó với nhau và lệ thuộc vào nhau. Đồng thời nó cũng nói lên quy luật và xu thế phát triển của thời đại. Sức mạnh của thời đại bắt nguồn từ những quy luật và xu thế đó. Nó là sức mạnh tổng hợp của các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội mà hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới là trụ cột và là nhân tố chính trong việc quyết định nội dung, phương hướng và đặc điểm chủ yếu của sự phát triển của xã hội loài người trong thời đại ngày nay. Thắng lợi của cách mạng mỗi nước là do biết kết hợp sức mạnh của bản thân với sức mạnh của thời đại bằng việc hướng sự phát triển của dân tộc mình phù hợp với xu thế chung của thế giới nhằm tạo ra cho dân tộc mình một sức mạnh tổng hợp, bách chiến bách

(1) *Tạp chí Cộng sản*, số 1-1987, tr. 30.

Digitized by Google

thắng. Điều này đã trở thành một hiện tượng mang tính quy luật.

Sau thắng lợi trọn vẹn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cách mạng nước ta bước vào giai đoạn phát triển mới. Giai đoạn cách mạng mới này của nước ta diễn ra vào lúc cách mạng thế giới bước vào một thời kỳ mà nhiều người gọi là « thời kỳ sau Việt nam », với bước phát triển về chất của tình hình thế giới và quan hệ quốc tế. Trong nền kinh tế và chính trị quốc tế đã xuất hiện những gì mới hướng mới, kết quả của những biến đổi hết sức sâu sắc của thời kỳ mới, tạo ra những khả năng và thách thức mới đối với sự phát triển của tất cả các dân tộc.

Một là, từ đầu những năm 70 đã có một sự thay đổi rất cơ bản trong so sánh lực lượng trên thế giới do việc hình thành thế cân bằng quân sự — chiến lược giữa Liên xô và Mỹ, giữa các nước tham gia hiệp ước Vác-sa-va và các nước trong khối NATO, giữa hai hệ thống chính trị xã hội nói chung. Đây là một thành tựu lịch sử của các lực lượng hòa bình và cách mạng. Nó đã vĩnh viễn chấm dứt thời kỳ mà chủ nghĩa đế quốc dựa vào ưu thế quân sự đề dọa nạt nhân dân thế giới, mưu toan đè bẹp các lực lượng hòa bình và cách mạng. Lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân thế giới đã có khả năng thực tế để ngăn chặn một cuộc chiến tranh thế giới mới, từng bước giải trừ quân bị và thực hiện tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau. Cuộc đấu tranh giai cấp trên phạm vi toàn thế giới giữa hai lực lượng đối lập của thời đại đang chuyển dần từ hình thái đối đầu quân sự — chính trị là chính sang hình thái thi đua và tranh đua hòa bình về kinh tế — chính trị là chính.

Hai là, chu kỳ mới của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật lần thứ 2 diễn ra từ giữa những năm 70 đã tác động sâu sắc đến mọi mặt của đời sống xã hội loài người. Nó làm cho khoảng cách không gian giữa các nước « lẹp » lại, làm thay đổi không những quan hệ giữa người với tự nhiên mà cả quan hệ quốc tế và làm thay đổi cơ bản nền kinh tế thế giới. Là một lực lượng sản xuất trực tiếp, khoa học kỹ thuật ngày nay đã làm cho khối của cải vật chất trên thế giới tăng nhanh với quy mô chưa từng thấy. Đồng thời lại tạo ra cho loài người khả năng tự tiêu diệt mình và tất cả những của cải vật chất đó trong giây lát. Nó vừa tạo ra cho các nước khả năng khắc phục tình trạng phát triển không đồng đều, đồng thời lại là công cụ để đào lộn hoặc làm rộng thêm khoảng cách phát triển giữa các nước, ngay giữa các nước hiện nay đã ở trình độ tiên tiến nhất thế giới. Cuộc chạy đua về khoa học — kỹ thuật hướng vào thế kỷ 21, hiện đang diễn ra không những giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau thuộc hai hệ thống mà còn giữa các nước đế quốc với nhau.

Ba là, cũng từ đầu những năm 70, nền kinh tế thế giới đã trải qua những biến đổi sâu sắc và chuyển sang phát triển theo chiều sâu. Quá trình quốc tế hóa và nhất thể hóa của nền kinh tế thế giới nói chung và của từng hệ thống nói riêng đang diễn ra mạnh mẽ, đưa đến sự phân công quốc tế mới trong nội bộ mỗi hệ thống cũng như trên phạm vi toàn thế giới. Nền kinh tế của các nước đang trải qua một quá trình liên kết với nhau trong một tổng thể của nền kinh tế thế giới, vừa bổ sung cho nhau vừa lệ thuộc vào nhau. Con đường phát triển thắng lợi của nền kinh tế của mỗi nước phụ thuộc vào khâu tối ưu mà mỗi nước có thể tự tạo ra cho mình trong guồng máy chung của nền kinh tế thế giới. Đây là hiện tượng khách quan và do đó cũng mang tính quy luật.

Những đặc điểm mới của tình hình chính trị và kinh tế thế giới đòi hỏi chúng ta phải có những cách suy nghĩ

Digitized by Google

và phương pháp hành động mới trong khi vận dụng bài học kinh nghiệm về việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Điều đó có nghĩa là chúng ta cần kịp thời đổi mới tư duy về tình hình chính trị – kinh tế thế giới và về hợp tác kinh tế giữa nước ta và các nước khác.

Về mặt chính trị và an ninh, chúng ta cần ra sức tận dụng khung cảnh hòa bình của thế giới để trong 10 – 15 năm tới *tập trung* vào việc xây dựng lại đất nước sau nhiều năm chiến tranh. Khung cảnh đó đòi hỏi chúng ta *đổi mới quan niệm về an ninh quốc gia và phương pháp bảo vệ nền an ninh đó*. Bởi trong hội cảnh quốc tế hiện nay, bất cứ nước nào dù hùng mạnh đến đâu cũng không tự mình bảo vệ vững chắc nền an ninh của mình nếu tách rời nền an ninh chung trên thế giới và khu vực. Bất cứ nước nào, dù to lớn đến đâu cũng không thể tự giành cho mình một nền an ninh tốt hơn nền an ninh của các nước khác. Nền an ninh của các dân tộc ngày nay phải là nền an ninh đồng đều, bình đẳng trong một tổng thể chung của nền an ninh thế giới. Nền an ninh của mỗi dân tộc ngày nay không chỉ đơn thuần là an ninh quân sự mà phải là một nền an ninh toàn diện, trong đó an ninh kinh tế đang nổi lên hàng đầu. Do đó, phương pháp bảo vệ an ninh tốt nhất hiện nay là phải gắn nền an ninh của dân tộc vào trong hệ thống an ninh chung trên thế giới, đặc biệt là ở châu Á – Thái bình dương và Đông Nam Á. Gắn bằng cách nào? Bằng cách tăng cường đóng góp phần của chúng ta vào cuộc đấu tranh chung của Liên xô, các nước xã hội chủ nghĩa, các nước không liên kết và các lực lượng tiến bộ khác vì hòa bình, giải trừ quân bị, từng bước loại trừ vũ khí hạt nhân ra khỏi trái đất. Chúng ta cần tiếp tục cùng với nhân dân Lào, nhân dân Cam-pu-chia anh em và các nước khác ở Đông Nam Á phấn đấu biến Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, hữu nghị và hợp tác, trước hết cần biến Đông Nam Á thành một khu vực không có vũ khí hạt nhân. Chỉ trong bối cảnh của một nền an ninh chung trên thế giới và trong khu vực, chúng ta mới có thể đảm bảo nền an ninh của chúng ta một cách vững chắc, cho phép chúng ta *dành đại bộ phận sức người, sức của* vào công cuộc xây dựng Tổ quốc. Cách suy nghĩ mới về an ninh và phương pháp bảo vệ an ninh trong tình hình mới sẽ góp phần giúp chúng ta giải quyết tốt vấn đề phát triển.

Về mặt kinh tế, việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới cũng đòi hỏi chúng ta phải *đổi mới quan niệm trên một loạt vấn đề liên quan đến đường lối phát triển của đất nước.*

Một là cần đổi mới quan niệm về tính độc lập tự chủ trong việc hoạch định chiến lược kinh tế. Xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ không có nghĩa là xây dựng một nền kinh tế tự túc tự cấp, cái gì cũng phải có, cái gì cũng sản xuất, không cần gì ở bên ngoài. Trong khi vạch chiến lược kinh tế, chúng ta cần tính đến các nhân tố mới, như trình độ quốc tế hóa của nền kinh tế thế giới, xu hướng đi vào liên kết trong phân công lao động quốc tế, tính phụ thuộc lẫn nhau của nền kinh tế các nước v.v. Với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thế giới và của khoa học kỹ thuật như hiện nay, không có một nước nào dù hùng mạnh, giàu tài nguyên đến đâu lại có thể phát triển nền kinh tế của mình mà tách khỏi tổng thể nền kinh tế thế giới và không phụ thuộc vào nước khác. Quan niệm phụ thuộc ở đây là «phụ thuộc lẫn nhau» chứ không phải là phụ thuộc một chiều. Chính sự «phụ thuộc lẫn nhau» này là nhân tố làm cho quan hệ kinh tế giữa các nước trở nên bình đẳng. Trong thế giới tư bản, Nhật bản nhập

Digitized by Google

khẩu 90% dầu mỏ, nhưng kinh tế Nhật Bản không vì thế mà phụ thuộc các nước sản xuất dầu, vì Nhật Bản có những thế mạnh khác đối với các nước này. Mỹ phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu nhiên liệu ít hơn Nhật Bản, nhưng cũng không phải vì thế mà Nhật Bản phát triển cạnh tranh hơn Mỹ. Trái lại, Nhật Bản đang là đối thủ cạnh tranh kinh tế đáng gờm nhất đối với Mỹ. Tính phụ thuộc lẫn nhau này cũng là một cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh của các nước không liên kết chống lại các nước tư bản phát triển, nhằm thiết lập một trật tự kinh tế thế giới mới công bằng và hợp lý.

Hai là, cần có nhận thức đúng đắn về mối quan hệ giữa vấn đề bảo vệ an ninh quốc gia và việc mở rộng hợp tác quốc tế. Không thể mở rộng hợp tác quốc tế về kinh tế nếu không tiếp nhận chuyên gia, nhà buôn, khách du lịch nước ngoài. Làm thế nào để bảo vệ an ninh quốc gia mà vẫn hợp tác được với nước ngoài, đó là vấn đề chúng ta cần nghiên cứu và giải quyết đúng đắn, nhằm ngày càng mở rộng hợp tác quốc tế chứ không phải ngược lại. Đó không chỉ là trách nhiệm của cơ quan an ninh mà là trách nhiệm của toàn đảng, toàn dân, đặc biệt là trách nhiệm của tất cả cán bộ làm công tác có liên quan đến đối ngoại.

Ba là, cần giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa việc đa dạng hóa quan hệ kinh tế với việc tiếp tục củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác và liên minh với các nước xã hội chủ nghĩa trong Hội đồng tương trợ kinh tế. Việt Nam là một nước đang phát triển và tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, quan hệ kinh tế đối ngoại của nước ta phải dựa vào các nước xã hội chủ nghĩa là chủ yếu. Đó là một quy luật. Các nước xã hội chủ nghĩa cũng mới giúp chúng ta phát triển kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, cũng như giúp đỡ nhau phát triển giữa các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế là trách nhiệm quốc tế của họ.

Mặt khác, kinh tế nước ta là một bộ phận của nền kinh tế thế giới, việc phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác cũng là điều tất nhiên trong quan hệ quốc tế. Tuy nhiên cần phải thấy rằng việc đa dạng hóa này là để bổ sung và làm phong phú thêm sự hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, việc hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa càng tốt và có hiệu quả bao nhiêu thì lại càng tạo cho ta nhiều khả năng để đa dạng hóa quan hệ với các nước khác, vừa có lợi cho ta vừa có lợi cho sự hợp tác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Đây là mối quan hệ gắn bó bổ sung cho nhau và không loại trừ nhau.

Bốn là, cần quán triệt nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi trong quan hệ kinh tế với các nước. Muốn cho sự hợp tác được lâu dài và có kết quả thì cả hai bên đều phải có lợi và bình đẳng, dù là giữa các nước xã hội chủ nghĩa với nhau hay với các nước tư bản chủ nghĩa cũng vậy. Trong khi hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa, tất nhiên bạn không để ta thiệt nhưng ta cũng không nên lợi dụng lòng tốt của bạn để bạn bị thiệt. Nếu chỉ biết lợi mình mà không coi trọng lợi ích của bạn thì sẽ dẫn đến những hậu quả không có lợi cho việc hợp tác.

Với các nước tư bản hay các công ty tư bản, một số người quan niệm rằng "không bao giờ bọn tư bản lại «giúp» ta xây dựng chủ nghĩa xã hội". Chúng tôi cho rằng quan niệm đó chưa hoàn toàn đúng ở chỗ nó quên mất quy luật cơ bản của chủ nghĩa tư bản là lợi nhuận. Mặc dù nói, hễ có lợi nhuận thì bọn tư bản có thể làm bất cứ điều gì, không sợ cả "dây thừng thắt cổ chúng". Do đó nếu làm ăn với chúng ta mà có lợi thì họ sẽ không khước từ. Làm thế nào để vừa bảo đảm được lợi ích của ta vừa làm cho các bên hợp

Digitized by Google

tác với ta cũng thấy họ có lợi trong việc hợp tác đó. Điều này đòi hỏi chúng ta phải có một đội ngũ chuyên gia giỏi, phải đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Có như vậy thì mới tạo cho ta khả năng tận dụng được tri thức khoa học kỹ thuật và vốn của thế giới, phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta.

Trong thời gian tới, việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại về mặt kinh tế có thể tập trung vào ba hướng chính:

Một là, tiếp tục cố gắng tranh thủ sự viện trợ của bầu bạn, trước hết là của các nước xã hội chủ nghĩa. Đây là vấn đề mang tính quy luật và nó còn tồn tại trong thời gian dài. Để tiếp tục tranh thủ sự viện trợ của bạn, điều kiện đầu tiên là phải sử dụng sự viện trợ đó một cách có hiệu quả, biến thành quả lao động của nhân dân các nước bạn thành sức mạnh vật chất và tinh thần giúp ta lớn mạnh lên. Khi viện trợ cho ta, bạn không đặt điều kiện chính trị ràng buộc, nhưng bản thân chúng ta phải tự đặt điều kiện cho mình là phải sử dụng nguồn viện trợ đó như thế nào cho có hiệu quả, làm cho lực lượng của ta và cả cộng đồng xã hội chủ nghĩa mạnh lên chứ không phải suy yếu đi vì bị quá nhiều gánh nặng.

Hai là, xác định vị trí tối ưu của ta trong hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa nói riêng và trong nền kinh tế thế giới nói chung. Đây là một vấn đề không đơn giản. Nó đòi hỏi hiểu biết sâu sắc về các vấn đề kinh tế và khoa học kỹ thuật thế giới, về chiến lược phát triển của các nước cũng như về những vấn đề kinh tế của ta, những chỗ mạnh, chỗ yếu và khả năng của ta trong việc sử dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật để nhanh chóng phát huy vai trò của ta trong hệ thống phân công lao động quốc tế. Việc ta tham gia chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học kỹ thuật của các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế và việc Đại hội thứ VI của Đảng ta đưa ra ba chương trình trọng điểm cho kế hoạch 5 năm tới, đặc biệt là chương trình xuất khẩu, là những bước đầu theo hướng này.

Ba là, tiếp thu kinh nghiệm thế giới trong việc sử dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật nhằm tìm ra con đường ngắn nhất, đỡ tốn kém nhất cho quá trình công nghiệp hóa nước ta và trong việc vạch ra chiến lược phát triển kinh tế dài hạn. Trong vấn đề này chúng ta cần chú ý kinh nghiệm của những nước có trình độ phát triển ban đầu tương tự như nước ta, đặc biệt là các nước ở khu vực Đông Á và Nam Á.

★

Xu thế phát triển của tình hình kinh tế chính trị thế giới và cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đang tạo ra cho nhân dân ta những thuận lợi to lớn trong việc hoàn thành những nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn cách mạng mới. Nhưng cũng như trước đây, muốn kết hợp được tốt sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trước hết chúng ta phải có sức mạnh của chính bản thân mình. Trước đây sức mạnh của chúng ta chủ yếu là sức mạnh chính trị – quân sự. Hiện nay, đó là sức mạnh chính trị – kinh tế, trong đó sức mạnh kinh tế là quyết định. *Không có sức mạnh kinh tế riêng của dân tộc ta thì không thể tiếp thu tốt viện trợ của bầu bạn cũng như những thành tựu khoa học – kỹ thuật thế giới và tất nhiên không thể tham gia một cách tích cực và có hiệu quả vào sự phân công quốc tế.* Con đường tiến lên đã được vạch ra trước mắt nhân dân ta. Đó là những nghị quyết của Đại hội thứ VI của Đảng ta. Chúng ta chỉ có một con đường: đó là đổi mới và tiến lên cùng với xu thế chung của thế giới.

Digitized by Google

Tiến tới kỷ niệm lần thứ 70
CÁCH MẠNG XHCN THÁNG MƯỜI VĨ ĐẠI

NGUYỄN TRUNG

«CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI» CỦA LÊ-NIN VỚI SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

LỊCH sử ghi nhận «chính sách kinh tế mới» của Lê-nin đã cứu sống nền kinh tế của nước Nga Xô viết bị tàn phá kiệt quệ trong nội chiến phản cách mạng, nhờ đó đã cứu sống được toàn bộ sự nghiệp cách mạng Xô viết để có được Liên xô hàng cường như ngày nay.

Song, lẽ ra phải hiểu chiến công vĩ đại đó là sự khẳng định thiên tài của Lê-nin trong xử lý những vấn đề kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thì lại không ít người cộng sản đã đơn thuần cho rằng «chính sách kinh tế mới» của Lê-nin là cách xử lý sáng suốt tình trạng đổ vỡ đến tuyệt vọng của nền kinh tế nước Nga Xô viết sau nội chiến phản cách mạng (1). Ngày nay, thực tế của 70 năm cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới đang giúp nhiều người khắc phục thiếu sót này.

Đi xa hơn việc phục hồi và ổn định nền kinh tế nước Nga Xô viết bị tàn phá ác liệt, «chính sách kinh tế mới» của Lê-nin chủ yếu nhằm mục tiêu đưa nền kinh tế phân tán và rối loạn của Liên xô lúc bấy giờ — trong đó sản xuất tiểu tư hữu chiếm ưu thế lớn — từng bước đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội, từng bước phát triển lực lượng sản xuất để chuyển dần lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Biện pháp đi tới mục tiêu này bao gồm các chính sách đẩy mạnh sản xuất và xã hội hóa sản xuất ở thời kỳ quá độ trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế xã hội dưới sự chỉ đạo và giám sát của chuyên chính vô sản.

Nội dung chủ yếu của «chính sách kinh tế mới» là:

— Chấm dứt chính sách kinh tế cộng sản thời chiến. Biểu hiện tập

(1) Rất tiếc rằng Lê-nin mất quá sớm và vì vậy không có những công trình tổng kết phân kinh tế chính trị của chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

trung nhất của chủ trương này là bãi bỏ chế độ trưng thu lương thực, chuyển hẳn sang chính sách thuế lương thực. Sau khi đã làm xong nghĩa vụ thuế lương thực, nông dân được toàn quyền sử dụng hoặc đem bán trên thị trường tự do phần lương thực dư thừa.

– Thực hiện chủ nghĩa tư bản nhà nước. Chủ trương này cho phép tư sản trong nước tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh dưới sự giám sát và kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước chuyên chính vô sản. Đối với những người sản xuất cá thể, nhà nước Xô viết chủ trương thông qua việc giúp họ tạo ra các lợi ích lớn hơn so với làm ăn cá thể để thu hút họ vào các hợp tác xã. Tiến hành chế độ tô nhượng cho tư bản nước ngoài vào khai thác và kinh doanh tại Liên xô.

– Thông qua thương nghiệp và lưu thông tiền tệ do Nhà nước chuyên chính vô sản điều tiết để phát triển nền kinh tế hàng hóa của nước Nga Xô viết, xóa bỏ chế độ giao nộp sản phẩm và hàng đổi hàng, phát huy vai trò của tiền trong phát triển kinh tế.

Lê-nin gọi những chủ trương quan trọng nêu trên là bước « lùi » đau đớn và thừa nhận còn tồn tại bóc lột ở mức độ và trong phạm vi nhất định. Đấy là bước « lùi » từ những mối quan hệ sản xuất quá cao của chủ nghĩa cộng sản thời chiến trở về những mối quan hệ sản xuất phù hợp hơn với thực trạng lực lượng sản xuất lúc bấy giờ đang trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Tại sao Lê-nin chủ trương như vậy ?

Đứng trước nền kinh tế kiệt quệ đang có nguy cơ sụp đổ, việc giải phóng mọi tiềm năng kinh tế xã hội là vấn đề sống còn. Lê-nin nhấn mạnh : trước hết phải bắt đầu từ khâu sản xuất lương thực, từ đó mới có thể ổn định kinh tế xã hội, tái sản xuất sức lao động, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, tạo điều kiện phục hồi và phát triển công nghiệp.. Trong hoàn cảnh Liên xô lúc đó, việc tăng thêm một khối lượng lương thực lớn chủ yếu phải dựa trên cơ sở phát huy năng lực lao động của nông dân. Hơn thế nữa, đứng trên quan điểm của giai cấp công nhân, việc mau chóng cải thiện đời sống nông dân – người làm ra lương thực nuôi toàn xã hội, là cách tốt nhất để tăng cường liên minh công nông. Thiếu nhân tố này chính quyền Xô viết sẽ không thể tồn tại.

Quyết định của Lê-nin bãi bỏ chế độ trưng thu lương thực còn rất táo bạo ở chỗ : thực hiện chế độ thu thuế lương thực, nhà nước Xô viết chỉ còn nắm được 109 triệu pút lương thực so với 230 triệu pút cần có để cung cấp cho những người ăn lương và lực lượng vũ trang, trong khi đó toàn bộ Liên xô đang bị nạn đói dày vò chưa từng có. Hơn nữa, số lương thực dư thừa của nông dân đem ra trao đổi tự do trên thị trường sẽ tạo ra nguy cơ hằng ngày hằng giờ đẻ ra chủ nghĩa tư bản ! Lê-nin nói thẳng ra rằng chỉ có kẻ mất trí mới không nhận thức được điều này. Song khác với những người cộng sản « ấu trĩ tả khuynh tiêu tư sản », Lê-nin xử lý nguy cơ này trong tổng thể những mối quan hệ sản xuất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Nền kinh tế Liên xô khi tiến hành « chính sách kinh tế mới » bao gồm 5 thành phần. Một mâu thuẫn lớn nảy sinh trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở Liên xô vào thời kỳ quá độ này là, một mặt, phải phát huy mọi tiềm năng của nền kinh tế phân tán và lạc hậu ; mặt khác, lại phải hướng sự phát triển đó dần dần đi vào quỹ đạo sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa – trong khi đó công nghiệp nặng của Liên xô còn nhỏ bé và lạc hậu.

Để xử lý mâu thuẫn này, Lê-nin, với thiên tài của một nhà chiến lược vĩ đại, đã xác định chính xác « kẻ thù

Digitized by Google

chính » của sự nghiệp đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là « tính tự phát tiểu tư sản ». Lê-nin đánh giá thành phần tiểu tư sản : « Đây là loại thành phần kinh tế tiêu biểu với tính cách là cơ sở của lệ dầu cơ và của chủ nghĩa tư bản tư nhân... Hễ ở đâu là chúng ta làm cho người tiểu tư sản [illegible] công sự kiểm soát và kiểm kê của chúng ta... [illegible] ở đó cho người tiểu tư sản [illegible] [illegible] công nhân của chúng ta một cách không tránh khỏi và tất nhiên [illegible] như ngài Na-pô-lê-ông và ngài Ke-ren-xki đã lật đổ [illegible] trước »...(2)

Với sự thắt lợi của chính quyền Xô viết, giai cấp tư sản đã bị đánh bại về mặt chính trị và kinh tế, một bộ phận lớn kinh tế tư bản tư nhân bị quốc hữu hóa, đồng thời nhà nước Xô viết hoàn toàn có khả năng nắm giữ và kiểm soát bộ phận kinh tế còn lại không bị quốc hữu hóa của giai cấp tư sản. Trong khi đó « tính tự phát tiểu tư sản » nảy nở hàng ngày trong hàng triệu, hàng triệu người lao động cả thể – kể cả đại bộ phận nông dân với tư cách là những người tiểu sản xuất hàng hóa. Đó là quần chúng đông đảo của cách mạng và nhiều người đã trực tiếp tham gia cách mạng. Nhưng bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa « tính tự phát tiểu tư sản » lại trở thành « sự phản kháng quyết liệt nhất » đối với sự kiểm soát kiểm kê của nhà nước và đối với tính tổ chức của sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Chìa khóa để xử lý mâu thuẫn lớn nêu trên là chính sách *thực hiện chủ nghĩa tư bản nhà nước của chính quyền Xô viết*.

Lê-nin dạy rằng, chỉ có thể thông qua chủ nghĩa tư bản nhà nước của chính quyền Xô viết thì mới có khả năng chiến thắng được tình trạng lộng hành vô chính phủ trong kinh tế do « tính tự phát tiểu tư sản » gây ra; chỉ có thể thông qua chủ nghĩa tư bản nhà nước của chính quyền Xô viết, giai cấp công nhân mới học được cách giữ gìn trật tự kinh tế nhà nước, cách sắp đặt tổ chức sản xuất với quy mô lớn toàn quốc. Vì lẽ đó, Lê-nin coi chủ nghĩa tư bản nhà nước của chính quyền Xô viết là « mắt xích trung gian » giữa tiểu sản xuất và chủ nghĩa xã hội, là « điều kiện cho thắng lợi chắc chắn của chủ nghĩa xã hội ». Mọi cái giá phải trả do việc thực hiện chủ nghĩa tư bản nhà nước trong chế độ xã hội chủ nghĩa được Lê-nin coi là « chi phí cho việc đào tạo giai cấp công nhân có khả năng buôn bán kinh doanh, quản lý và lãnh đạo kinh tế [illegible] ».

Trong các bước « lùi », Lê-nin coi việc quay trở về điều tiết thương nghiệp và lưu thông tiền tệ, là bước « lùi » xa nhất. Bởi vì một câu hỏi hệ trọng được đặt ra là : trong chủ nghĩa xã hội còn kinh tế hàng hóa hay không ? Trả lời thông suốt câu hỏi này cách đây hơn 6 thập kỷ là một điều không hề đơn giản, nhất là chủ nghĩa cộng sản thời chiến đã để lại nhiều dấu ấn sâu sắc trong tư duy kinh tế lúc đó của những người xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Lê-nin cho rằng chỉ có thể đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa bằng phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời phải đẩy mạnh xã hội hóa sản xuất. Muốn phát triển lực lượng sản xuất có hiệu quả thì phải quan tâm đẩy mạnh xã hội hóa sản xuất, vì đó là con đường mở rộng sự phân công lao động xã hội trên cơ sở chuyên môn hóa và hợp tác hóa ngày càng cao, trên cơ sở đó làm cho lực lượng sản xuất ngày càng phát triển. Đó là con đường tạo ra một năng suất lao động xã hội mới cao hơn so với chế độ cũ, khiến cho chủ nghĩa xã hội toàn thắng và thay thế hoàn toàn chế độ cũ. Chỉ có thể mở ra con đường đó thông qua

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1978, t. 43, tr. 250.

Digitized by Google

phát triển nền kinh tế hàng hóa của chủ nghĩa xã hội.

Lịch sử xã hội loài người qua các chế độ xã hội khác nhau cũng chứng minh rằng, xã hội hóa sản xuất là kết quả của sự vận động của các nhân tố kinh tế, xã hội và kỹ thuật. Không một sự can thiệp hành chính nào, dù thô bạo hay duy ý chí đến đâu có thể ngăn cản hoặc thay thế những nhân tố động lực này. Vì vậy, quyết định của Lê-nin về thực hiện lưu thông hàng hóa và tiền tệ dưới sự điều tiết của chuyên chính vô sản chính là sự vận dụng đầy đủ mọi quy luật kinh tế bao gồm những quy luật phổ biến và những quy luật đặc thù vận động trong một thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình thực hiện « chính sách kinh tế mới » Lê-nin đã nhiều lần phê phán nghiêm khắc các biện pháp coi nhẹ phương thức hạch toán kinh doanh, tách rời quản lý kinh tế với thị trường, bảo thủ duy trì tình trạng hàng đổi hàng và xem nhẹ vai trò của tiền tệ... Ít lâu sau khi ban hành chính sách thuế lương thực (thu bằng hiện vật), Lê-nin đã chỉ thị chuyển sang thu thuế lương thực bằng tiền. Người khẳng định thuế lương thực có nghĩa là tự do buôn bán lương thực dư thừa; ngăn cấm tự do buôn bán trong nền kinh tế sản xuất nhỏ là dại dột và tự sát. Vấn đề đặt ra là phải thông qua con đường hợp tác xã và con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước của chính quyền Xô viết, hướng việc tự do buôn bán của sản xuất nhỏ vào sự kiểm kê kiểm soát của nhà nước và thực hiện các hợp đồng ký kết với nhà nước.

Cuộc nội chiến 1921, sau một năm thực hiện « chính sách kinh tế mới », nền kinh tế Liên xô đã có nhiều biến đổi làm mất lòng người: nạn đói khủng khiếp đã bị đẩy lùi, sản xuất công nghiệp và giao thông vận tải bắt đầu tăng, những mỏ than nhỏ trao cho công dân nhân thầu làm ăn phát đạt, mở được đột phá khẩu cho kinh tế đối ngoại.

*

Không [illegible] phát động thời [illegible] Đại hội VI của chúng ta khi bắt tay vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước đã *chưa xác định được đầy đủ nội dung và các nhiệm vụ phải thực hiện trong thời kỳ quá độ.* Chính vì vậy, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng cơ chế quản lý kinh tế, chúng ta đã có những bước đi không phù hợp. Chúng ta đang thực sự đứng trước một yêu cầu bức bách là: vận dụng những tư tưởng của Lê-nin để tiếp tục nghiên cứu nội dung của thời kỳ quá độ, để có cơ sở khoa học xác định các nhiệm vụ trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong những năm tới ở nước ta. Nghị quyết Đại hội VI của Đảng đã đề ra nhiều phương hướng quan trọng theo những quan điểm của Lê-nin, trước hết là các vấn đề như:

– Phải vận dụng đầy đủ các quy luật kinh tế phổ biến và đặc thù ở thời kỳ quá độ, thông qua phát triển sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa để đẩy mạnh xã hội hóa sản xuất và phát triển lực lượng sản xuất.

– Phát huy vai trò của cả 5 thành phần kinh tế trên cơ sở không ngừng tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, thực hiện các hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước để hướng những người sản xuất cá thể đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội; tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội...

– Phải tôn trọng nguyên tắc bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở mà thực hiện

Digitized by Google

triệt để phương thức quản lý hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa v.v.

Tuy nhiên, làm cho những tư tưởng quan trọng đó trở thành hiện thực trong đời sống kinh tế xã hội nước ta còn là một chặng đường rất gian khổ, đòi hỏi phải phát huy trí tuệ và nghị lực của toàn đảng và toàn dân.

Có lẽ đã đến lúc không nên mất thêm một lời nào về câu hỏi: trong chủ nghĩa xã hội còn sản xuất hàng hóa hay không? Vấn đề thiết thực hơn nhiều là xử lý những mâu thuẫn của nền sản xuất hàng hóa trong chủ nghĩa xã hội với những nguyên tắc quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa như thế nào? Những vấn đề có tính quy luật là: kế hoạch hóa nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, quan hệ giữa kế hoạch hóa nền kinh tế với sử dụng quan hệ hàng hóa tiền tệ trong chủ nghĩa xã hội, quan hệ giữa sở hữu xã hội chủ nghĩa và quyền tự chủ của xí nghiệp và cơ sở, mối quan hệ giữa phân phối theo lao động và sự công bằng xã hội v.v. Rõ ràng không đi sâu nghiên cứu xử lý thành công những mâu thuẫn này, chúng ta sẽ có nguy cơ mất phương hướng. Thực tế, do không phát triển được nền sản xuất hàng hóa của chủ nghĩa xã hội nên tiềm lực kinh tế của chúng ta bị phân tán và chia cắt nghiêm trọng, tổ chức phân công lao động xã hội còn lạc hậu, thị trường quốc gia chưa hoàn chỉnh, những năng lực sản xuất mới tạo ra không tận dụng được, hiệu quả toàn bộ nền kinh tế rất thấp... Song có lẽ điều cay đắng nhất là vì không phát triển được sản xuất hàng hóa của chủ nghĩa xã hội, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta đang bị nền kinh tế của «tính tự phát tiểu tư sản» và nền «kinh tế ngầm» tiến công trên mọi phương diện.

Nghị quyết Đại hội VI của Đảng đã mang lại cho nhân dân niềm phấn khởi mới, đồng thời cũng đã kịch trực diện vào tư tưởng tiểu tư sản vừa «tả» khuynh vừa hữu khuynh. Đại hội đã xác nhận kinh tế gia đình là một bộ phận của kinh tế xã hội chủ nghĩa, khẳng định phải phát huy vai trò của cả 5 thành phần kinh tế. Báo cáo chính trị tại Đại hội VI của Đảng đã nêu ra bài học quan trọng của quá khứ là: trong việc xử lý 5 thành phần và cải tạo xã hội chủ nghĩa, chúng ta nhiều lúc quá thiên về xử lý đơn thuần mặt sở hữu tư liệu sản xuất, nôn nóng muốn xóa bỏ sớm các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, không quan tâm đúng mức vấn đề phát triển lực lượng sản xuất trong quá trình tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa. Trong công tác xây dựng hợp tác xã nông nghiệp chúng ta đã đề ra quy mô tổ chức sản xuất và cơ chế quản lý quá cao. Hậu quả chung lớn nhất là đã đẩy mạnh quan hệ sản xuất phát triển không phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất nói riêng và của toàn bộ nền kinh tế nói chung. Đây cũng là sự khẳng định đanh thép của thực tế cuộc sống: quan hệ sản xuất không phù hợp dù thấp hơn hay cao hơn cũng đều kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Vấn đề phải tiếp tục nghiên cứu là: trong «chính sách kinh tế mới», Lê-nin đòi hỏi trong khi vận dụng chính sách phát huy vai trò 5 thành phần, phải bảo đảm giành thắng lợi cho chính quyền vô sản trong cuộc đấu tranh «ai thắng ai» giữa hai con đường.

Quyền tự chủ của các đơn vị kinh tế cơ sở là một trong các nhân tố quyết định xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp. Trong những tháng vừa qua, việc thực hiện Nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ chính trị cho thấy quyền tự chủ nói trên sẽ là vô nghĩa nếu toàn bộ cơ chế quản lý kinh tế của ta hiện nay không thay đổi triệt để. Lê-nin đã chỉ ra rằng khắc phục cơ chế quản lý kinh tế theo lối tập trung quan liêu là một việc khó, phải làm đi làm lại nhiều lần. Lê-nin khẳng định: chúng ta cần

Digitized by Google

có những kế hoạch rộng lớn có cơ sở khoa học. Kế hoạch của Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải tập trung quản lý các nhiệm vụ kinh tế vĩ mô và thông qua việc cải tiến không ngừng hệ thống đòn bẩy kinh tế để quản lý kinh tế vi mô do xí nghiệp và cơ sở hoàn toàn đảm nhiệm. Phải chăng chúng ta đã thực sự làm như vậy trong quá trình thực hiện Nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ chính trị? Thực tế cũng chứng minh rằng Nghị quyết 306 (dự thảo) cần được tiếp tục bổ sung và hoàn chỉnh.

★

Sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta đang đứng trước là thách thức lớn: sự yếu kém của nền kinh tế trong nước; khoảng cách kinh tế rất lớn giữa nước ta với thế giới bên ngoài; tình trạng không có hòa bình và ổn định trong khu vực Đông Nam Á. Lê-nin đã cảnh cáo về những thách thức tương tự đối với nước Nga Xô viết năm 1921. Song trở lực nặng nề nhất đối với chúng ta lúc này lại là tư tưởng bảo thủ, trì trệ đang ngăn cản việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Vì vậy, việc vận dụng những tư tưởng trong "chính sách kinh tế mới" của Lê-nin còn đòi hỏi phải đấu tranh tư tưởng mạnh mẽ trong đảng và ngoài nhân dân. Chính với ý nghĩa này, đồng chí Tổng bí thư UBTU ĐCS Liên xô M.X. Gooc-ba-trốp cho rằng: cuộc đấu tranh thực hiện cải cách kinh tế hiện nay ở Liên xô là nhằm làm cho đời sống kinh tế - xã hội của đất nước Liên xô "xã hội chủ nghĩa hơn và dân chủ hơn". Chắc chắn chúng ta cũng sẽ phải thực hiện một số bước "lùi" theo kiểu Lê-nin cho đúng quy luật, đồng thời nắm vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế và xã hội, bảo đảm cho xã hội Việt nam tiến bước vững theo phương hướng xã hội chủ nghĩa.

GIAI CẤP CÔNG NHÂN...

(Tiếp theo trang 18)

tư bản phát triển. Những trận chiến đấu giai cấp dưới nhiều hình thức đã và đang diễn ra sôi nổi ở những nước này, nhằm thực hiện những cải cách dân chủ, giành tiến bộ xã hội.

★

Giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến nhất của thời đại, đó là chân lý. Chưa bao giờ, thế và lực của giai cấp công nhân quốc tế lại mạnh như bây giờ; chưa bao giờ, tính quốc tế của giai cấp công nhân lại phát triển cao như hiện nay, đó cũng là sự thật hoàn toàn không thể phủ nhận.

Cùng phấn đấu cho thắng lợi trọn vẹn của sự nghiệp giải phóng dân tộc, cho sự toàn thắng của sự nghiệp giải phóng xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên toàn cầu là con đường của giai cấp công nhân quốc tế, do Mác, Ăng-ghen, Lê-nin đã vạch ra. Trong tình hình quốc tế hiện nay, khi mà thế giới đang đứng trước nguy cơ hủy diệt của cuộc chiến tranh hạt nhân do các thế lực hiếu chiến của chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ đang đe dọa gây ra, thì việc ngăn chặn chiến tranh hạt nhân, loại bỏ vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí giết người hàng loạt khác, bảo vệ sự sống trên hành tinh chúng ta, bảo vệ hòa bình thế giới đã trở thành nhiệm vụ hàng đầu và chủ yếu của giai cấp công nhân các nước. Trong sự nghiệp cao quý đó, giai cấp công nhân thế giới nhất định được sự ủng hộ của các lực lượng xã hội tiến bộ thuộc mọi màu da, trên mọi châu lục, và chắc chắn sẽ giành được thắng lợi quyết định.

Digitized by Google

HỒ VŨ

NHỮNG ĐỔI MỚI VỀ NHẬN THỨC LÝ LUẬN TRONG LĨNH VỰC KINH TẾ Ở LIÊN XÔ

NĂM nay nhân dân Liên xô kỷ niệm lần thứ 70 Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại trong không khí khẩn trương thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ 27 ĐCS Liên xô.

Trong 70 năm qua, dưới sự lãnh đạo của ĐCS Liên xô quang vinh do V.I. Lênin sáng lập và rèn luyện, nhân dân Liên xô đã lao động quên mình, giành những thành tựu lịch sử trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, tư tưởng, làm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi hoàn toàn và triệt để trên Tổ quốc bao la của mình, đồng thời góp phần cống hiến vĩ đại vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới. Điều đó là rõ ràng và hoàn toàn không thể phủ nhận.

Nhưng để đạt được những mục tiêu to lớn hơn nữa, Đại hội lần thứ 27 của ĐCS Liên xô đã thẳng thắn chỉ ra những khó khăn và những tiêu cực trong sự phát triển kinh tế – xã hội bộc lộ trong những năm 70 và đầu những năm 80. Trong thời gian đó tốc độ tăng trưởng kinh tế, năng suất lao động giảm sút rõ rệt, một số chỉ tiêu đạt hiệu quả thấp, sự tiến bộ khoa học – kỹ thuật chậm lại, tình trạng mất cân đối trong kinh tế tăng lên. Trong khi đó, thế giới lại đang trải qua thời kỳ có những chuyển biến rộng lớn và sâu sắc; riêng trong lĩnh vực kinh tế, cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật bước vào giai đoạn mới về chất, tạo ra nhiều khả năng mới, đồng thời đặt ra những thách thức mới rất gay gắt.

Chính trong bối cảnh đó, Đại hội lần thứ 27 ĐCS Liên xô đã xác định: *« Ngày nay, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, của toàn dân là kiên quyết khắc phục những xu hướng bất lợi trong sự phát triển kinh tế, làm cho nó có tính năng động cần thiết, tạo điều kiện phát huy sáng kiến, tính sáng tạo của quần chúng bằng những cuộc cải tạo thật sự cách mạng »* (1).

Để thực hiện nhiệm vụ trọng đại nhưng vô cùng khó khăn, phức tạp đó, ngày nay Liên xô đang tiến hành cuộc cải tổ rất sâu rộng. Cơ sở của quá trình cải tổ đó là sự đổi mới nhận thức trên một loạt vấn đề cơ bản được thể hiện tại Hội nghị toàn thể UBTU ĐCS Liên xô tháng Tư năm 1985, tiếp theo là ở Đại hội lần thứ 27 ĐCS Liên xô và được phát triển thêm tại Hội nghị toàn thể UBTU ĐCS Liên xô tháng giêng năm 1987 vừa qua.

(1) *Báo cáo chính trị của UBTU ĐCS Liên xô tại Đại hội 27*. Nxb Sự thật, Hà nội, Nhà Thông tấn xã Nô-vô-xti, Mát-xcơ-va, 1986, tr. 30.

Digitized by Google

Sự đổi mới về nhận thức trước hết liên quan tới việc *xác định giai đoạn phát triển* mà Liên xô đang trải qua. Bản Hiến pháp năm 1936 của Liên xô và các văn kiện Đại hội lần thứ 18 của ĐCS Liên xô (1939) đã nhận định rằng, xã hội xã hội chủ nghĩa về cơ bản đã được xây dựng xong trên đất nước xô viết. Nghị quyết của Đại hội này ghi rõ điều đó có nghĩa là đã thủ tiêu hẳn mọi giai cấp bóc lột, thủ tiêu hoàn toàn những nguyên nhân sinh ra chế độ người bóc lột người và phân chia xã hội thành những người bóc lột và bị bóc lột, đã giải quyết được nhiệm vụ cực kỳ khó khăn của cách mạng xã hội chủ nghĩa là hoàn thành tập thể hóa nông nghiệp... Việc cải tạo kỹ thuật nền kinh tế quốc dân về cơ bản đã hoàn thành. Đại hội lần thứ 18 cũng đã nêu ra nhiệm vụ kết thúc công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội không có giai cấp và dần dần quá độ từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản.

Tới năm 1959, Đại hội bất thường lần thứ 21 đã xác định chủ nghĩa xã hội đã giành thắng lợi hoàn toàn và triệt để. Nói như vậy có nghĩa là không những đã thủ tiêu được những nguồn gốc bên trong có thể đưa tới phục hồi chủ nghĩa tư bản mà còn loại bỏ được khả năng lực lượng thù địch bên ngoài khôi phục chủ nghĩa tư bản ở Liên xô. Nhận định mới đó liên quan tới sự ra đời và lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, sự phát triển của các lực lượng cách mạng và sự suy yếu của chủ nghĩa đế quốc trong giai đoạn mới của cuộc tổng khủng hoảng.

Từ nhận thức như vậy, Đại hội lần thứ 21 ĐCS Liên xô đã đánh giá là có khả năng thực hiện trên thực tế nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của xã hội cộng sản và thực hiện bước quá độ một cách có kế hoạch lên chủ nghĩa cộng sản. Chủ trương này đã được khẳng định tại Đại hội lần thứ 22 (1962) của ĐCS Liên xô và ghi vào Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội với dự kiến tới năm 1980 sẽ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa cộng sản.

Thực tế cho thấy cách đặt vấn đề như vậy là quá sớm và không thực tế. Bước đầu thấy được điều đó, năm 1967, nhân kỷ niệm lần thứ 50 Cách mạng tháng Mười, Liên xô đã đánh giá lại rằng, Liên xô đang ở giai đoạn xây dựng xong xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển. Luận điểm này được chính thức khẳng định tại Đại hội lần thứ 24 của ĐCS Liên xô (1971).

Tuy nhiên, ngay khái niệm về chủ nghĩa xã hội phát triển cũng dần dần được nhận thức lại cho chính xác hơn. Năm 1983, trong tác phẩm *Học thuyết của Các Mác và một số vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên xô* viết nhân kỷ niệm lần thứ 165 ngày sinh và lần thứ 100 ngày mất của Các Mác, đồng chí Iu. V. An-drô-pốp, Tổng bí thư UBTƯ ĐCS Liên xô lúc bấy giờ, khi đề cập tới nhiệm vụ của nhân dân Liên xô trong những năm còn lại của thế kỷ đã nêu rõ: « Nét trong tổng thể của nó, những nhiệm vụ đó quy lại là cái mà người ta có thể gọi là hoàn thiện chủ nghĩa xã hội phát triển, theo đà hoàn thiện đó cũng sẽ diễn ra sự quá độ từng bước tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Nước ta đang ở vào buổi đầu của giai đoạn lịch sử lâu dài đó... » (2). Nói một cách khác, theo đồng chí Iu. V. An-drô-pốp, Liên xô đang ở vào bước đầu của giai đoạn hoàn thiện chủ nghĩa xã hội phát triển chứ chưa phải là đã xây dựng xong xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển như cách đề cập trước đây.

Tại Đại hội lần thứ 27 của ĐCS Liên xô, vấn đề này lại được xác định rõ thêm một bước nữa. Trong báo cáo chính trị đọc tại Đại hội, đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp nói rõ: « Những kết luận chủ yếu về xã hội xã hội chủ

(2) *Tạp chí Cộng sản*, số 5-1983, tr. 21.

Digitized by Google

nghĩa hiện nay xác định lại rằng đất nước chúng ta đã bước vào giai đoạn chủ nhhĩa xã hội phát triển... Đồng thời cần phải nhắc lại rằng, luận điểm về chủ nghĩa xã hội phát triển đã được phổ biến ở nước ta với tư cách là sự phản ứng đối với những khái niệm đơn giản hóa về con đường và thời gian giải quyết các nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Nhưng sau đó cách lý giải khái niệm chủ nghĩa xã hội phát triển dần dần thay đổi. Có lúc người ta chỉ quy vào các thắng lợi, trong khi đó lại bỏ qua, không coi trọng đúng mức nhiều vấn đề nóng hổi có liên quan đến việc chuyển nền kinh tế sang con đường phát triển theo chiều sâu, nâng cao năng suất lao động, cải thiện việc cung cấp hàng hóa cho nhân dân, khắc phục những hiện tượng tiêu cực... Ngày nay, khi Đảng đã tuyên bố và đang thực hiện đường lối đẩy nhanh sự phát triển kinh tế – xã hội thì không thể chấp nhận quan điểm như thế » (3).

Với nhận thức mới đó, xung quanh vấn đề giai đoạn phát triển, Đại hội lần thứ 27 đã xác định rõ thêm ba khía cạnh:

Một là, Đại hội xác định rõ Liên xô đang ở giai đoạn *hoàn thiện* một cách có kế hoạch và toàn diện *chủ nghĩa xã hội*; xã hội Xô viết tiếp tục tiến tới chủ nghĩa cộng sản trên cơ sở đẩy nhanh sự phát triển kinh tế – xã hội.

Hai là, Đại hội chưa đặt vấn đề xây dựng chủ nghĩa cộng sản thành nhiệm vụ trực tiếp; tuy bản viết mới Cương lĩnh có phác họa xã hội cộng sản nhưng nói rõ rằng, ĐCS Liên xô không đặt ra mục tiêu tiên đoán mọi chi tiết của chủ nghĩa cộng sản đầy đủ. Trong quá trình tiến tới chủ nghĩa cộng sản, kinh nghiệm thu lượm được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản, khái niệm khoa học về giai đoạn cao của xã hội mới sẽ được làm phong phú thêm và cụ thể thêm.

Ba là, Đại hội làm rõ thêm *tiêu chuẩn* của chủ nghĩa xã hội. Một trong những thành tựu lý luận của Đại hội lần thứ 27 ĐCS Liên xô là xác định rõ 9 tiêu chuẩn của chủ nghĩa xã hội với mức độ hiện thực hơn. Những tiêu chuẩn đó liên quan tới quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất, nguyên tắc phân phối, các vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng, quốc phòng, đối ngoại...

Điều đó có thể thấy được qua việc điều chỉnh mức độ đạt được dưới chủ nghĩa xã hội. Ví dụ, về hình thức sở hữu đối với tư liệu sản xuất, Cương lĩnh được thông qua năm 1962 cho rằng, chủ nghĩa xã hội vĩnh viễn chấm dứt sự thống trị của chế độ sở hữu cá nhân đối với tư liệu sản xuất, nguồn gốc phân chia xã hội thành các giai cấp thù địch, và cơ sở kinh tế vững chắc của xã hội là quyền sở hữu xã hội chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất. Khi luận giải về chủ nghĩa xã hội phát triển, nhiều tác giả cũng cho rằng các hình thức sở hữu xã hội chủ nghĩa được áp dụng trong tất cả các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, lưu thông, phân phối, trong đó các hình thức chiếm hữu toàn dân và tập thể sẽ nhanh chóng xích lại gần nhau về tính chất sở hữu tư liệu sản xuất và trình độ xã hội hóa, về hình thức tổ chức lao động và phân phối, chúng sẽ hòa nhập vào nhau trong hình thức sở hữu toàn dân.

Thực tiễn cho thấy quan niệm như vậy là nóng vội và giản đơn. Đại hội lần thứ 27 của ĐCS Liên xô và Hội nghị toàn thể UBTU Đảng tháng giêng năm 1987 đã làm rõ vấn đề này trên một số khía cạnh.

Bản viết mới Cương lĩnh chỉ rõ, dưới chủ nghĩa xã hội, tư liệu sản xuất nằm trong tay nhân dân, vĩnh viễn chấm dứt chế độ người bóc lột

(3) *Báo cáo chính trị của UBTU ĐCS Liên xô tại Đại hội 27*, sách đã dẫn, tr. 137.

Digitized by Google

người, sự áp bức xã hội, tình trạng chính quyền của thiểu số được ưu đãi, nạn bần cùng và mù chữ của hàng triệu người. Như vậy thì so với lần cũ, bản viết mới chưa đạt vấn đề chấm dứt hoàn toàn và vĩnh viễn hình thức sở hữu cá nhân đối với tư liệu sản xuất ngay dưới chủ nghĩa xã hội mà chỉ đặt vấn đề vĩnh viễn chấm dứt chế độ người bóc lột người, còn tư liệu sản xuất thì nằm trong tay nhân dân. Chỉ với quan niệm đó mới có thể huy động nguồn lao động dự trữ còn tiềm tàng trong nhân dân thông qua việc cho phép các gia đình và cá nhân làm kinh tế phụ, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại cả bằng cách lập liên doanh với nước ngoài, kể cả với các nước tư bản chủ nghĩa. Đạo luật về lao động cá thể và pháp lệnh về các vấn đề liên quan tới việc thành lập và hoạt động trên lãnh thổ Liên xô các xí nghiệp liên doanh, các liên hiệp xí nghiệp và các tổ chức quốc tế với sự tham gia của các tổ chức, công ty và cơ quan quản lý Liên xô và nước ngoài gần với nhận thức mới nói trên về hình thức sở hữu ở thời kỳ hoàn thiện chủ nghĩa xã hội.

Cũng theo tinh thần đó, hiện nay, ở Liên xô chẳng những chưa đặt vấn đề xóa bỏ hình thức sở hữu tập thể để hòa nhập với hình thức sở hữu toàn dân mà ngược lại coi việc củng cố và mở rộng hình thức hợp tác xã là nhiệm vụ quan trọng. Trong Báo cáo chính trị trình bày trước Đại hội lần thứ 27 của ĐCS Liên xô, đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp nhấn mạnh rằng, sở hữu hợp tác xã « chưa sử dụng hết các khả năng của mình trong sản xuất xã hội chủ nghĩa và trong việc thỏa mãn thật tốt nhu cầu của nhân dân... và nơi nào có nhu cầu thì nơi đó phải hết sức ủng hộ việc hình thành và phát triển những xí nghiệp và tổ chức hợp tác. Những hình thức đó phải được áp dụng rộng rãi trong các lĩnh vực sản xuất và chế biến sản phẩm, trong xây dựng nhà ở, vườn rau quả, cũng như trong lĩnh vực dịch vụ và buôn bán » (4).

Một quan niệm mới nữa xung quanh vấn đề hình thức sở hữu là xác định quyền làm chủ của từng tập thể và từng người lao động đối với sở hữu xã hội chủ nghĩa và tạo điều kiện thực tế để họ thực hiện quyền đó ngay tại nơi họ làm việc, xóa bỏ tình trạng « vô chủ » do khái niệm « sở hữu toàn dân » gây ra, tạo lập cơ chế tập thể người lao động tự quản trên cơ sở hạch toán toàn bộ và tự chịu mọi chi phí. Mặt khác ĐCS Liên xô đấu tranh chống tư tưởng cục bộ, địa phương, mưu toan chiếm đoạt, chia cắt tài sản thuộc quyền sở hữu toàn dân. Dự thảo luật về xí nghiệp quốc doanh được Hội nghị toàn thể UBTU ĐCS Liên xô tháng giêng 1987 thông qua để đưa ra trưng cầu ý kiến nhân dân đã phản ánh rõ nét sự đổi mới nhận thức về mặt này.

Phù hợp với nhận thức mới về tính chất và nội dung của giai đoạn phát triển là sự nhận thức chính xác và sâu sắc hơn về sự vận động của các *quy luật kinh tế*.

Trước đây ở Liên xô trong một thời gian dài người ta cho rằng, dưới chủ nghĩa xã hội không có chỗ đứng cho các mâu thuẫn kinh tế khách quan; người ta thường chỉ đề cập tới những mâu thuẫn do hoạt động chủ quan của con người gây nên. Ngày nay việc nghiên cứu các mâu thuẫn khách quan dưới chủ nghĩa xã hội trở thành một trong những đề tài được quan tâm nhiều ở Liên xô theo luận điểm của V.I. Lê-nin: đối kháng và mâu thuẫn hoàn toàn không phải là một. Dưới chủ nghĩa xã hội, đối kháng mất đi, mâu thuẫn vẫn tồn tại.

Sự vận động của quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng

(4) *Báo cáo chính trị của UBTU ĐCS Liên xô*, sách đã dẫn, tr. 59 – 60.

Digitized by Google

sản xuất trong chủ nghĩa xã hội ở giai đoạn chín muồi cũng được nhận thức lại. Thực tiễn cho thấy, với thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa và trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, quan hệ sản xuất không nhất thiết tự động phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Lực lượng sản xuất luôn luôn phát triển, do đó thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn với quan hệ sản xuất là bộ phận ít năng động hơn. Hơn nữa quan hệ sản xuất không chỉ bao gồm hình thức sở hữu mà còn bao gồm cả hình thức phân phối, lưu thông và cơ chế quản lý. Đối với Liên xô, khi nền kinh tế có quy mô to lớn đã chuyển sang phương hướng phát triển theo chiều sâu thì dượng nhiên cơ chế quản lý nền kinh tế tương đối nhỏ hẹp và phát triển theo chiều rộng sẽ không phù hợp nữa. Mâu thuẫn đó tất yếu phải được giải quyết thông qua sự cải tổ mang tính cách mạng.

Một sự đổi mới không kém phần quan trọng là việc nhận thức đầy đủ hơn về sự vận động của quy luật giá trị dưới chủ nghĩa xã hội. Trước đây ở Liên xô đã có lúc người ta phủ nhận tác dụng của quy luật giá trị dưới chủ nghĩa xã hội. Từ đầu những năm 50 tuy đã có sự thừa nhận tác động của quy luật giá trị nhưng chỉ đối với tư liệu tiêu dùng, còn đối với tư liệu sản xuất, vì không được coi là hàng hóa, cho nên tác động của quy luật giá trị vẫn bị phủ nhận. Từ sự phủ nhận vai trò của quan hệ hàng hóa – tiền tệ và tác động của quy luật giá trị, và nhiều khi trực tiếp đối lập nó với chủ nghĩa xã hội, đã dẫn tới thật sự duy ý chí trong kinh tế, chủ nghĩa bình quân trong trả công lao động, không đánh giá đúng mức hạch toán kinh tế, đề ra các căn cứ chủ quan trong việc hình thành giá, vi phạm sự vận động tiền tệ, không quan tâm lợi các vấn đề điều tiết cung và cầu. Đại hội lần thứ 27 của ĐCS Liên xô đã đặt lại vấn đề, nêu rõ phải xóa bỏ thành kiến đối với quan hệ hàng hóa – tiền tệ và đối với quy luật giá trị, vận dụng nó để hạch toán, nâng cao hiệu quả kinh tế. Những cải tổ trong việc hình thành giá cả, trong hoạt động của hệ thống tín dụng, ngân hàng đang diễn ra ở Liên xô nằm trong phương hướng này.

Vai trò các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội tiếp tục được nhấn mạnh trên cơ sở nhận thức mới. Liên xô đang khắc phục những sai lầm trong kế hoạch hóa như bệnh chủ quan, tệ hành chính – quan liêu giấy tờ, khiến cho kế hoạch thiếu căn cứ khoa học, không cân đối, không ổn định, ôm đồm nhiều việc nhưng bỏ việc lớn có tầm cỡ chiến lược. Đối với nguyên tắc « làm theo năng lực, hưởng theo lao động » thì cách nhận thức mới nhấn mạnh yêu cầu tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nguyên tắc đó, triệt để xóa bỏ chủ nghĩa bình quân còn khá phổ biến, ngay cả trong chế độ tiền lương, phân phối phúc lợi xã hội.

Những đổi mới về nhận thức lý luận nói trên là cơ sở cho *sự cải tổ cơ chế* quản lý đang được tiến hành sâu rộng ở Liên xô. Hiện nay, công cuộc cải tổ mới ở giai đoạn đầu, nhiều việc đang được thử nghiệm. Trên một số mặt có không ít khó khăn, thậm chí có cả sự chống đối của phương pháp tư duy và phong cách cũ, của một số cá nhân có lợi ích gắn bó chặt với những lề thói cũ. Nhưng rõ ràng là công cuộc cải tổ được sự hưởng ứng của đông đảo quần chúng. Nó phù hợp với quy luật phát triển, do đó đã đem lại những kết quả bước đầu. Năm 1986, Liên xô đạt được những chỉ tiêu sản xuất cao nhất chưa từng có trong 10 – 15 năm gần đây.

Digitized by Google

Về các quy luật kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

TRẦN ĐỨC

1. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nền kinh tế gồm nhiều thành phần dựa trên các quan hệ sở hữu khác nhau nên các quy luật kinh tế cũng khác nhau về bản chất và nội dung.

Ở nước ta, trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, bên cạnh các quy luật vốn có của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, còn có sự tác động của các quy luật kinh tế khác, tất cả gồm bốn phân hệ quy luật kinh tế: xã hội chủ nghĩa (quốc doanh và tập thể), tư bản nhà nước, tư bản tư nhân và tiểu sản xuất hàng hóa. Tựu trung có hai phân hệ lớn là phân hệ xã hội chủ nghĩa (gồm các quy luật kinh tế tác động trong các thành phần xã hội chủ nghĩa và tư bản nhà nước) và phân hệ tư bản chủ nghĩa (gồm các quy luật kinh tế tác động trong các thành phần tư bản tư nhân và tiểu sản xuất hàng hóa). Mỗi phân hệ, ngoài các quy luật đặc thù của từng thành phần nhất định, còn có các quy luật chung và quy luật phổ biến, tất cả các quy luật này đều mang một nội dung kinh tế - xã hội quy định bởi các quy luật đặc thù của phân hệ. Chẳng hạn: trong phân hệ xã hội chủ nghĩa, không chỉ có tác động của các quy luật kinh tế đặc thù của chủ nghĩa xã hội (như quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, quy luật phát triển có kế hoạch và cân đối nền kinh tế quốc dân, quy luật phân phối theo lao động...) mà còn có các quy luật kinh tế chung (như quy luật ưu tiên phát triển tư liệu sản xuất, quy luật giá trị...) và các quy luật kinh tế phổ biến (như quy luật tiết kiệm thời gian, quy luật thích ứng giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất...).

Trong phân hệ tư bản chủ nghĩa cũng có các loại quy luật kinh tế đặc thù, quy luật kinh tế chung và quy luật kinh tế phổ biến. Ở một nước như nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, phân hệ tư bản tư nhân không tác động mạnh như ở những nước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; trong khi đó, các quy luật kinh tế hàng hóa nhỏ lại có vai trò rất quan trọng. Những người nông dân và thợ thủ công cá thể đại diện cho kinh tế hàng hóa nhỏ một mặt có xu hướng tự phát theo con đường tư bản chủ nghĩa; mặt

Digitized by Google

khác, lợi ích của họ lại gắn với lợi ích của giai cấp công nhân, do vậy họ gắn gũi với chủ nghĩa xã hội, chịu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, chứ không đối lập với thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa.

2. Tất cả các quy luật nói trên một mặt tác động độc lập trong từng phân hệ, mặt khác, lại đấu tranh gay gắt với nhau giữa các phân hệ, chúng hoạt động đan chéo vào nhau và trên sự biểu hiện, có mặt vừa thống nhất lại vừa không thống nhất. Điều đó nói lên rằng trong nền kinh tế nhiều thành phần ở thời kỳ quá độ không chỉ có những mâu thuẫn nội bộ mà cả những mâu thuẫn đối kháng giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, và những yêu cầu của các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội được thực hiện từng bước thông qua cuộc đấu tranh dai dẳng suốt trong thời kỳ quá độ, nhất là trong chặng đường đầu, bằng một loạt các biện pháp kinh tế, hành chính, tổ chức, chính trị và tư tưởng. Nhớ lại thời kỳ giữa những năm 1950, trong không khí dạt dào phấn khởi sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và trên đà thắng lợi tương đối dễ dàng của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, một phần do không nắm vững những đặc điểm của thời kỳ quá độ, đã có không ít người nghĩ rằng nền kinh tế của thời kỳ quá độ chỉ chịu sự tác động của một loại quy luật kinh tế, đó là quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, từ đó đi đến những kiến giải sai lầm về nhiệm vụ, mục tiêu cũng như nhịp độ, bước đi và quy mô của cách mạng xã hội chủ nghĩa và cả trong việc phân chia giai đoạn của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Một đặc tính nữa đáng chú ý của hệ thống các quy luật kinh tế trong thời kỳ quá độ là không một phần tử cấu thành nào của nó lại được phát triển trên cơ sở hoàn toàn đáp ứng sự đòi hỏi phát triển của bản thân nó. Các quy luật kinh tế trong phân hệ tư bản tư nhân tuy vẫn tiếp tục tác động, nhưng tính chất tự phát và các hậu quả tiêu cực của chúng đã bị hạn chế rất nhiều do Nhà nước đã chiếm đoạt những đài chỉ huy của nền kinh tế quốc dân. Phân hệ các quy luật kinh tế của tiểu sản xuất hàng hóa không còn tác oai tác quái như lúc sở hữu tư nhân còn thống trị, sự phân hóa của những người sản xuất nhỏ tuy vẫn tiếp diễn nhưng không sâu sắc như trước kia, lúc quy luật giá trị còn điều tiết cơ bản nền kinh tế. Phân hệ các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa tuy bắt đầu phát huy tác dụng, song toàn bộ phân hệ chưa có sự gắn bó hữu cơ và chưa phải là một thể hoàn chỉnh, và xét về nội dung xã hội cũng như tác dụng kinh tế, các quy luật trong phân hệ chưa phát huy hết những thuộc tính của chúng như ở giai đoạn trưởng thành, và mối tương quan giữa các loại quy luật thuộc phân hệ này cũng không chặt chẽ như trong chủ nghĩa xã hội phát triển. Để tạo điều kiện cho phân hệ quy luật này tác động đầy đủ thì đi đôi với đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, phải không ngừng hoàn thiện quan hệ sản xuất kiểu mới để dần dần trở thành quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Song, thông thường hoạt động của các quy luật kinh tế không tách rời phương thức sản xuất xã hội. Trong thời kỳ quá độ, phương thức sản xuất có tính chỉ đạo là phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, phân hệ các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa không chỉ tác động trực tiếp trong khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa mà còn có ảnh hưởng ngày càng tăng đối với các khu vực khác của nền kinh tế quốc dân, dương nhiên về mức độ cũng như hình thức, điều kiện đều có những hạn chế nhất định. Điều đó có nghĩa là chúng ta không thể áp dụng một cách gượng ép những nguyên tắc và phương pháp quản lý

Digitized by Google

thuần túy xã hội chủ nghĩa vào khu vực phi xã hội chủ nghĩa mà là tìm ra những hình thức và phương thức thích hợp như các quan hệ hàng—tiền, chế độ hợp tác phù hợp với lực lượng sản xuất còn thấp kém, phương hướng đúng đắn phát triển kinh tế gia đình, những hình thức này vừa chứa đựng những nhân tố xã hội chủ nghĩa, lại vừa còn cả những nhân tố phi xã hội chủ nghĩa, thông qua đó để tác động một cách có hiệu quả đến sự phát triển kinh tế của các thành phần phi xã hội chủ nghĩa. Điều này cực kỳ quan trọng đối với một nước mà kinh tế tiểu nông còn chiếm một tỷ trọng lớn trong nền kinh tế quốc dân, và chính Lê-nin đã nhắc nhở chúng ta khi Người viết: «... để «chúng ta» có thể làm tròn một cách thắng lợi nhiệm vụ của chúng ta, tức là chuyển thẳng lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải hiểu những đường lối, thể thức, thủ đoạn và phương sách *trung gian* cần thiết để chuyển từ những quan hệ *tiền tư bản chủ nghĩa* lên chủ nghĩa xã hội». (1)

3. Để nhận thức thêm về bản chất và vai trò của các quy luật kinh tế, cũng cần đổi mới tư duy trong lĩnh vực kinh tế.

«Sở hữu xã hội chủ nghĩa có nội dung phong phú, bao gồm cả một hệ thống những quan hệ đa dạng trong việc sử dụng những tư liệu và kết quả sản xuất, trong phân phối những thứ đó cho những người lao động, các tập thể, các ngành, các khu vực của đất nước, và cả một tổng thể những lợi ích kinh tế» (2). Hiểu theo nghĩa đó, việc quốc hữu hóa ở các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa không hề chứng tỏ rằng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã hình thành ngay tức khắc, bởi vì chính quyền cách mạng mới chỉ đập tan các cơ sở trên đó quan hệ sản xuất tư bản (hoặc tiểu tư bản) đã từng tồn tại và phát triển. Để sở hữu đó trở thành sở hữu xã hội chủ nghĩa dưới hình thái quan hệ sản xuất thì nó phải được thực hiện không chỉ về mặt pháp lý mà cả về mặt kinh tế bằng nhiều biện pháp khác nhau nhằm tổ chức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, quản lý các xí nghiệp đã được quốc hữu hóa cũng như nền kinh tế nói chung, thực hiện việc trao đổi, phân phối và tiêu dùng theo những nguyên tắc quản lý xã hội chủ nghĩa. Cũng như vậy, trong vấn đề hợp tác hóa, sự xuất hiện của sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất không có nghĩa là quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã ra đời, mà điều đó xác nhận là nó chỉ mới mở đường cho sự hình thành của những quan hệ sản xuất kiểu mới.

Ai nấy đều biết lực lượng sản xuất là nội dung, còn quan hệ sản xuất là hình thức của một phương thức sản xuất nhất định. Song xét riêng quan hệ sản xuất thì nó có cả nội dung và hình thức. Hình thức là những hiện tượng kinh tế như giá, lương, lợi nhuận... còn nội dung thì được biểu hiện bằng những phương thức, phương pháp cũng như mức độ thực hiện quyền sở hữu về tư liệu sản xuất. Các quy luật kinh tế liên quan chặt chẽ với nội dung chứ không phải với các hình thức của quan hệ sản xuất, chính vì thế đã chi phối trên một mức độ quan trọng quá trình phát triển của quan hệ sản xuất, và phạm vi cũng như cường độ tác động của các quy luật kinh tế phụ thuộc vào sự trưởng thành của các quan hệ sản xuất. Ở những nước mà tình trạng sản xuất nhỏ còn phổ biến như nước ta, nếu không đánh giá đúng tình trạng thấp kém của lực lượng sản xuất và ngộ nhận tính chất tiến tiến của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, cho rằng

(1) V.I. Lê-nin. ***Toàn tập***. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 43, tr. 271.

(2) ***Báo cáo chính trị của UBTƯ ĐCS Liên xô tại Đại hội 27 của Đảng***. Nxb Sự thật, Hà nội, Nxb Thông tấn xã Nô-vô-xti, Mát-xcơ-va, 1986, tr. 58.

Digitized by Google

với quan hệ sản xuất mới này, ngay từ đầu đã có thể « đẻ non », « lập biển », mặt khác, nếu không thấy hết những khó khăn phức tạp của những mâu thuẫn nảy sinh trong thời kỳ quá độ thì người ta dễ có xu hướng đặt ra những mục tiêu kinh tế — xã hội có xa không thể nào thực hiện trong thời gian ngắn. Từ đó, những khó khăn của thời kỳ quá độ không những không giảm bớt mà còn tăng thêm, làm cho những mục tiêu đặt ra không những xa vời mà những thành quả có thể mang đã giành được có khi còn bị suy sụp.

4. Trong thời kỳ quá độ, như trên đã nói, các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa chưa bộc lộ đầy đủ những nội dung và thuộc tính vốn có của chúng, cho nên việc nắm vững bản chất của các điều kiện kinh tế — kỹ thuật và tổ chức kỹ thuật của việc vận dụng đầy đủ và chính xác các quy luật tác động mạnh mẽ tới nền kinh tế là quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội và quy luật phát triển có kế hoạch và cân đối nền kinh tế quốc dân.

Về quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, chỉ có thể thực hiện từng phần yêu cầu của nó, trước mắt nhằm bảo đảm những nhu cầu cơ bản cho nhân dân. Ngay trong những nhu cầu này, cũng phải lựa chọn những cái có khả năng đáp ứng. Chẳng hạn trong giai đoạn trong thực còn khó khăn, phải lấy việc giải quyết vấn đề lương thực làm trọng tâm, còn yêu cầu về mặc tuy rất quan trọng nhưng không thể sắp ngang hàng với yêu cầu về ăn; do vậy, có một số vùng nhân dân mới chỉ đủ ăn, chưa thể đủ mặc là điều không tránh khỏi. Học tập cũng là một nguyện vọng rất chính đáng của nhân dân, song trong quá trình công nghiệp hóa, ngay cả liên xô có lúc cũng phải « tiết kiệm cả trường học » để tập trung vào xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch và cân đối nền kinh tế quốc dân quyết định hình thức và cơ chế hoạt động của các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Trong thời kỳ quá độ ở nước ta, [illegible] kiện thì việc [illegible] Kế hoạch có thể [illegible] ngay cả khi [illegible] ngiệp nặng phát triển. Khác với các nước xã hội chủ nghĩa đã có một nền công nghiệp phát triển [illegible] kế hoạch là do [illegible] đòi hỏi), điều đó nhất định sẽ ảnh hưởng tới chất lượng của việc tổ chức sản xuất có kế hoạch và đầy đủ yêu cầu của quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch và cân đối chứ không phải là [illegible] sự cân đối trong toàn bộ nền sản xuất mà chỉ là giữa sản xuất và tiêu dùng những loại sản phẩm quan trọng nhất, và việc cân đối của nền kinh tế quốc dân thường xuyên gặp khó khăn là điều không tránh khỏi. Ý kiến cho rằng, với hàng chục triệu người lao động và hàng triệu héc ta đất canh tác, chúng ta có thể đặt ra nhiều mục tiêu cao và hoàn toàn có khả năng cân đối, là viển vông, thoát ly thực tế, do không nhận thức được những sự hạn chế mà quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch và cân đối gặp phải không chỉ ở chặng đường đầu tiên mà còn suốt cả thời kỳ quá độ.

Mức độ và phạm vi hoạt động của *quy luật phân phối theo lao động* cũng bị hạn chế. Mặc dù từng nêu ý kiến về tàn dư của pháp quyền tư sản trong việc phân phối dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong thời kỳ quá độ ở nước ta, ảnh hưởng đó càng nặng nề hơn do sản xuất còn thấp kém, do phải dành tỷ lệ lớn công sức xây dựng, một phần nữa do phải chi phí cho ngân sách quốc phòng và thi hành chính sách hậu phương đối với quân đội đang chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Trong những điều kiện đó, vô vàng quy luật phân phối

Digitized by Google

theo lao động có những hạn chế nhất định trong sự biểu hiện và khó có thể phát huy đầy đủ tác dụng. Thời gian qua, việc tiến hành bao cấp tràn lan cùng với phân phối theo lối bình quân đã làm giảm tính tích cực của những người lao động.

Quy luật giá trị được vận dụng để tính toán hao phí lao động xã hội, xác định hiệu quả kinh tế trong hoạt động kinh doanh. Các phạm trù giá trị như giá thành, giá cả, lợi nhuận... sẽ thúc đẩy hình thành những quan hệ tỷ lệ đúng đắn trong nền kinh tế quốc dân, tiết kiệm chi phí và làm cơ sở để kiểm tra việc thực hiện kế hoạch. Song không nên đơn giản hóa việc sử dụng quy luật giá trị và các quan hệ hàng – tiền, và cũng nên nhớ rằng trong nền kinh tế có kế hoạch với các quan hệ hàng – tiền, không được giảm nhẹ mà phải tăng cường việc quản lý có kế hoạch.

Đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, phải có thái độ thích đáng. Thành phần tư bản tư nhân, vì lợi ích của chủ nghĩa xã hội, chúng ta để nó tồn tại, thì đương nhiên quy luật đặc thù của chủ nghĩa tư bản – *quy luật giá trị thặng dư* – còn tác động ở chừng mực nhất định và thời gian nhất định trong khuôn khổ những luật lệ hiện hành của Nhà nước. Đối với tiểu sản xuất hàng hóa ở một nước mà nền sản xuất nhỏ còn phổ biến như nước ta hiện nay thì đây chính là nguồn phát sinh mặt tiêu cực do tính tự phát tiểu tư sản của nó. Quy luật giá trị còn có điều kiện để tác động rộng rãi; một mặt nó kích thích sản xuất phát triển, nhưng mặt khác nó làm nảy sinh những hiện tượng tiêu cực, và điều đó cũng làm phức tạp thêm mối quan hệ giữa các loại quy luật. Nếu nhìn vấn đề một cách đơn giản, đánh giá thấp nguy cơ nói trên, nếu không thấy một tương tác phức tạp giữa các loại quy luật do tác động mạnh mẽ của quy luật giá trị, không thấy đầy đủ hai mặt tích cực và tiêu cực của những người sản xuất nhỏ, thì sẽ đưa tới những sai lầm trong xây dựng và phát triển kinh tế.

Một đặc điểm quan trọng nữa là nước ta phải thường xuyên đối phó với chiến tranh. Điều đó ảnh hưởng nhất định đến kinh tế và để lại một dấu ấn sâu sắc lên toàn bộ các quy luật kinh tế trong thời kỳ quá độ; mức độ và phạm vi hoạt động cùng các hình thức biểu hiện của chúng bị thay đổi, thậm chí có khi còn bị biến dạng.

Do tác động của chiến tranh và chuẩn bị chiến tranh, do sự hoạt động xen kẽ của các quy luật kinh tế và các quy luật chiến tranh cho nên phải chăng có một loại quy luật đặc thù xuất hiện, mà chúng ta có thể gọi đó là các *quy luật kinh tế – quân sự*? Các quy luật này đã tác động ở mức độ nhất định ngay trong thời bình do chúng ta phải đề phòng chiến tranh, chúng bắt nguồn từ lĩnh vực quân sự nhưng lại gắn bó chặt chẽ với các nhân tố kinh tế, những nhân tố này mang một ý nghĩa cơ bản và trên nhiều mặt có tính chất quyết định đối với sự phát triển của lực lượng quân sự. Mặt khác, vì việc tiêu dùng kinh tế – quân sự mang tính chất phi sản xuất nên có những trường hợp do động viên mạnh kinh tế trong chiến tranh mà làm nảy sinh những tác động tiêu cực kìm hãm sự phát triển của kinh tế. Việc vận dụng các quy luật kinh tế – quân sự thể hiện ở sự kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, nhằm bảo đảm kinh tế cho quốc phòng và gắn liền xây dựng quốc phòng với phát triển kinh tế.

5. Trong nền kinh tế nhiều thành phần của thời kỳ quá độ, mỗi thành phần tuy hoạt động theo những quy luật khác nhau, tác động theo những

(Xem tiếp trang 88)

Digitized by Google

XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI VỚI VẤN ĐỀ PHÒNG NGỪA SỰ PHẠM TỘI

LÊ QUANG THÀNH

Việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa không thể tách rời việc giáo dục phòng ngừa sự phạm tội. Công tác phòng ngừa phạm tội, cao hơn nữa, là phòng ngừa vi phạm pháp luật, không chỉ là một bộ phận quan trọng của hệ thống đấu tranh chống tội phạm, mà còn là một bộ phận không thể thiếu được của việc xây dựng con người mới, nếp sống mới xã hội chủ nghĩa. Đây là một tư tưởng chỉ đạo quan trọng trong sự nghiệp cách mạng tư tưởng và văn hóa của chúng ta nhằm góp phần ổn định mọi mặt tình hình kinh tế — xã hội, lập lại trật tự kỷ cương và thực hiện công bằng — xã hội.

Đấu tranh chống sự phạm tội là một bộ phận của cuộc đấu tranh giải quyết vấn đề «ai thắng ai» giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản dưới hình thức gay gắt trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, tư tưởng và văn hóa, là một nội dung quan trọng của sự nghiệp xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Đó không chỉ là cuộc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi và xóa bỏ tội ác, mà bao gồm cả từ việc ngăn chặn các hiện tượng vi phạm nhỏ cho đến việc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong các loại độ g kinh tế, văn hóa và lối sống. Hiệu quả của cuộc đấu tranh chống sự phạm tội phụ thuộc vào hàng loạt hoạt động có định hướng của con người và xã hội. Cũng như các lĩnh vực khác, ở đây, việc tổ chức và quản lý quá trình đấu tranh chống sự phạm tội trên mọi bước đi của nó, đòi hỏi phải nhận thức đúng đắn và vận dụng sáng tạo những quy luật và hình thức, biện pháp của cuộc đấu tranh đó. Vì thế, vấn đề dự đoán, dự báo và kế hoạch hóa công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Nhìn vào tình hình thực tế hơn 10 năm qua của nước ta, về mặt tội phạm, chúng ta thấy:

1 — Tội phạm và tình trạng phạm tội đã thể hiện trực tiếp nhất, đa dạng nhất cuộc đấu tranh giải quyết vấn đề «ai thắng ai» giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ở nước ta trong chặng đường đầu tiên.

2 — Tình trạng phạm tội diễn biến phức tạp không phải chỉ ngoài xã hội, mà cả trong các cơ quan nhà nước. Có một số tội phát triển nghiêm trọng, ta chưa có những biện pháp cơ bản để ngăn chặn và làm giảm tội phạm. Chẳng hạn, năm 1985 so với năm 1981, tội vi phạm những điều luật hình sự về trật tự công cộng, trật tự giao thông tăng (chiếm 35,7% tổng số vụ phạm pháp), tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, tội đầu cơ, buôn lậu (80% hàng hóa vật tư bị đầu cơ là của Nhà nước), tội xâm phạm tính mạng và tài sản của công dân cũng tăng. Những vụ giết người do mâu thuẫn gia đình, mâu thuẫn trong nhân dân

Digitized by Google

có chiều hướng phát triển (chiếm 70% trong tổng số vụ giết người). Tội phạm chuyên nghiệp còn chiếm một tỷ trọng không nhỏ (31,7%). Đối tượng phạm pháp ở độ tuổi thanh niên, thiếu niên chiếm hơn 70% tổng số tội phạm. Riêng về tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, thành phần tội phạm là cán bộ, công nhân viên chức chiếm hơn 60%. Có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do những khuyết điểm chủ quan trong công tác đấu tranh chống tội phạm, đặc biệt là những khuyết điểm trong công tác tổ chức, chỉ đạo làm hạn chế, ngăn chặn sự phạm tội.

★

Trong cuộc đấu tranh chống sự phạm tội, *hoạt động phòng ngừa giữ vị trí chủ đạo nhất*. Nó là điều kiện cơ bản để xóa bỏ hoặc hạn chế tác dụng của các nhân tố gây ra sự phạm tội. Hoạt động đó bao gồm cả hai mặt: phòng ngừa về đạo đức và phòng ngừa về pháp luật.

Trong hệ thống tiêu chuẩn về con người mới xã hội chủ nghĩa, *những tiêu chuẩn về đạo đức có vị trí nổi bật*. Bảo đảm những tiêu chuẩn này chính là hướng phòng ngừa từ xa các hành vi phạm tội. Bởi lẽ, nội dung đạo đức được bao hàm trong các tiêu chuẩn khác, dù đó là những tiêu chuẩn về chính trị, kinh tế hay xã hội, văn hóa, khoa học hay thẩm mỹ. Đạo đức gắn liền với mọi quan hệ xã hội, với tất cả các quan hệ giữa người với người. Trong hoạt động thực tiễn, đạo đức hầu như có mặt ở mọi lĩnh vực hoạt động và môi trường sinh sống của con người, từ lĩnh vực chủ yếu đến lĩnh vực thứ yếu như lao động sản xuất, chiến đấu, học tập, nghỉ ngơi hay vui chơi giải trí, từ môi trường lớn đến môi trường nhỏ như xã hội, cơ sở lao động, công tác, học tập, nơi cư trú hay gia đình. Rõ ràng, chúng ta không thể hình dung nổi việc giữ vững trận địa phòng ngừa phạm tội, nếu tất cả các «chốt tiền tiêu đạo đức» này bị bỏ gác.

Phòng ngừa về đạo đức đòi hỏi nhiều công phu và phải có quan điểm toàn diện mới có thể làm được. Quan điểm này bao quát nhiều mặt, từ chủ thể và khách thể phòng ngừa, đến nội dung, phương thức và biện pháp tiến hành công tác này. Mỗi người trong cả cuộc đời có những vị trí và vai trò xã hội khác nhau, vì vậy phải vừa là chủ thể, vừa là khách thể của việc phòng ngừa về đạo đức. Như vậy, việc phòng ngừa về đạo đức được tiến hành theo cả ba hướng: *cải tạo, phòng ngừa người khác, được người khác cải tạo, phòng ngừa và tự mình cải tạo, phòng ngừa.*

Những biểu hiện vi phạm đạo đức xã hội chủ nghĩa rất khác nhau ở mỗi tầng lớp và ở từng người. Cho nên đòi hỏi phải phòng ngừa ở tất cả mọi tầng lớp, ở tất cả mọi người.

Phòng ngừa về mặt đạo đức, trước hết cần quan tâm phòng ngừa cho cán bộ đảng viên và thế hệ thanh niên. Không phải ngẫu nhiên mà Bác Hồ luôn căn dặn cán bộ, đảng viên «phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân» (1). «Đảng viên đi trước, làng nước theo sau» (2). Vì vậy, với quyết tâm cao và bằng nhiều biện pháp có hiệu quả, chúng ta phải làm trong sạch đảng, trước hết loại bỏ ngay những phần tử thoái hóa biến chất.

Phòng ngừa về pháp luật là ngăn chặn những hành vi xâm phạm các lợi ích xã hội. Nội dung phòng ngừa về mặt này nằm trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội..., trong đó việc ngăn chặn những hành vi xâm phạm

(1), (2) Hồ Chí Minh: *Về tư cách người đảng viên cộng sản*, Nxb Sự thật, Hà nội 1983, tr. 132, 128.

Digitized by Google

mà bộ luật hình sự của Nhà nước đã quy định, có vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống phòng ngừa về pháp luật.

Hệ thống pháp luật của Nhà nước ta đang từng bước hoàn chỉnh về mặt nội dung, cơ cấu, hình thức và tính thống nhất. Tuy nhiên trong thời gian qua, nhiều chính sách cơ bản của Đảng chưa được thể chế hóa về mặt nhà nước, nhất là trong lĩnh vực kinh tế. Nội dung một số luật lệ cần được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới. Quản lý hành chính — kinh tế và hành chính—xã hội còn yếu kém, điều đó đã hạn chế một phần công tác phòng ngừa về mặt pháp luật.

Cần nhấn mạnh rằng pháp luật bao giờ cũng có tính chất cưỡng bức, tức là không được ai vi phạm và nếu vi phạm thì đều bị xử lý. Đảng ta đã chỉ rõ: « không cho phép bất cứ ai dựa vào quyền thế để làm trái pháp luật. Mọi vi phạm đều phải được xử lý... Không làm theo kiểu phong kiến: dân thì chịu hình pháp, quan thì xử theo « lễ » (3).

Vì vậy công tác phòng ngừa về pháp luật đòi hỏi phải thường xuyên làm tốt việc giáo dục pháp luật nhằm làm cho mọi người dân hiểu rõ những hành vi nào trong xã hội được pháp luật cho phép những hành vi nào bị pháp luật ngăn cấm, thật sự có ý thức pháp chế xã hội chủ nghĩa, tuân thủ pháp luật trong mọi lĩnh vực của đời sống. Đương nhiên, việc này phải làm lâu dài và không dễ dàng chút nào.

★

Chúng ta có thể chia các biện pháp phòng ngừa sự phạm tội thành ba nhóm như sau:

Nhóm thứ nhất, *các biện pháp về kinh tế — xã hội* như biện pháp kiểm kê và kiểm soát, biện pháp bảo vệ kinh tế, thanh tra kinh tế, trọng tài kinh tế, biện pháp hướng dẫn, biện pháp tiêu chuẩn hóa và đo lường, nhất là biện pháp tổ chức công ăn việc làm cho mọi người lao động, nâng cao dần mức sống và phúc lợi của họ. Các biện pháp trên đây có tác dụng phòng ngừa ngay trong những điều kiện vật chất có thể dễ dẫn đến phạm tội.

Nhóm thứ hai, *các biện pháp về chính trị, xã hội* như biện pháp tâm lý — xã hội, biện pháp giáo dục, tư tưởng, văn hóa, biện pháp tổ chức lối sống làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, nếp sống mới xã hội chủ nghĩa nhằm nâng cao tính tích cực chính trị — xã hội và bảo đảm sự thống nhất chính trị tinh thần trong nhân dân. Các biện pháp đó tác động vào đời sống tâm lý của nhân dân, vào tâm trạng xã hội, nhằm khắc phục những tâm lý tư hữu và các yếu tố tâm lý khác không phù hợp với bản chất của chủ nghĩa xã hội, tạo ra một bầu không khí lành mạnh trong nhân dân.

Nhóm thứ ba, *các biện pháp pháp luật — nghiệp vụ* bao gồm các biện pháp và phương tiện nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa của các cơ quan nhà nước, cơ quan bảo vệ pháp luật v.v. các biện pháp nghiệp vụ, kỹ thuật chuyên môn nhằm phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử các hành vi vi phạm pháp luật.

Ba nhóm biện pháp nói trên có quan hệ hữu cơ với nhau, tạo nên sự tác động tổng hợp đến việc xây dựng và điều chỉnh các mối quan hệ xã hội của con người. Chúng cũng tác động trực tiếp vào sự hình thành con người mới và lối sống mới xã hội chủ nghĩa. Hơn 10 năm qua, những địa phương, cơ quan, xí nghiệp nào thực hiện tốt các biện pháp đó một cách đồng bộ thì xây dựng được những tập thể tốt, trong đó những con người mới xuất hiện, từ đó hạn chế và loại trừ dần dần hiện tượng phạm pháp.

(3) Báo cáo chính trị của BCHTUĐ tại Đại hội VI, *Tạp chí Cộng sản* số 1-1987, tr 74.

Digitized by Google

Thư gửi Bộ biên tập

CẦN LÀM SÁNG TỎ MỘT SỐ ĐIỂM XUNG QUANH LÁ ĐƠN XIN HỌC CỦA NGUYỄN TẤT THÀNH NĂM 1911

TẠI kho lưu trữ nước Pháp, bộ phận Hải ngoại, phông Trường thuộc địa, bìa số 27, hồ sơ số 11, có một tư liệu liên quan tới thời kỳ Bác Hồ mới sang Pháp (1). Đó là lá đơn xin học của anh Nguyễn Tất Thành (tức Bác Hồ của chúng ta) gửi tổng thống nước Pháp (lúc đó là Armand Fallières — ĐXL) từ Mác-xây đề ngày 15 tháng 9 năm 1911. Căn cứ vào việc đầu lá đơn ghi địa điểm Mác-xây, có thể khẳng định thời gian này tàu La-tu-sơ Tơ-rê-vin mới cập bến và Bác Hồ còn lưu lại Mác-xây (2).

Lần đầu tiên (năm 1983) tư liệu này được giới thiệu qua hệ thống đài phát thanh và truyền hình nước Pháp do Tuy-ren (H. de Turenne) thực hiện nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Tiếp đó tư liệu này lại được đề cập tới trong cuộc hội thảo quốc tế tại Pa-ri ngày 25-5-1983 dưới chủ đề: *« Mác-Các chủ nghĩa Mác »* (Marx — Marxismes), theo đề tài: *« Chủ nghĩa cộng sản quốc gia — Sự vây hãm chủ nghĩa Mác bởi tư tưởng quốc gia ở Việt nam* (Le Communisme nationaliste — Investissement du marxisme par la pensée nationaliste au Vietnam).

Sau đó Nguyễn Thế Anh (nguyên là khoa trưởng Trường đại học văn khoa Sài gòn thời Mỹ — ngụy, hiện ở Pháp) và Vũ Ngự Chiêu (nguyên là sĩ quan ngụy, hiện ở Ca-na-đa), đã công bố toàn văn lá đơn trong số 1 tạp chí *Đường mới* (số tháng 6-1983) với một dụng ý xuyên tạc trắng trợn. Cố tình bóp méo sự thật lịch sử, chúng khẳng định rằng Nguyễn Tất Thành lúc đầu có ý định xin vào học Trường thuộc địa để sau ra làm việc cho Pháp, nhưng chỉ vì không được nhận vào học nên mới *phải đi* vào con đường hoạt động cách mạng (!). Trên đà đó chúng lại cho ra cuốn sách: *« Hãy tìm một ngôi trường khác cho Nguyễn Tất Thành »* in bằng ba thứ tiếng (Việt — Anh — Pháp) và được phát hành khá rộng tại một số nước Âu — Mỹ có đông người Việt nam cư trú.

Hành động xuyên tạc xấu xa đó của Nguyễn Thế Anh và Vũ Ngự Chiêu đã bị bóc trần. Ngay cả một số nhà khoa học nước ngoài cũng đã phải lên tiếng. Hê-mơ-ri (Daniel Hémery) — một nhà sử học Pháp chuyên nghiên cứu về

(1) Trước đây bộ phận lưu trữ này đặt tại đường U-đi-nô (Oudinot) ở thủ đô Pa-ri. Nhưng hiện nay đã dời về thành phố Ách (Aix-en-Provence) ở miền Nam nước Pháp.

(2) Theo Hồng Hà trong *Thời thanh niên của Bác Hồ* (Nxb Thanh niên Hà Nội, 1976) thì tàu La-tu-sơ Tơ-rê-vin nhổ neo tới bến Nhà Rồng ngày 5-6-1911 và cập bến Đa-răng trong cảng Mác-xây ngày 6-7, đến ngày 15-7 thì tới Lơ Ha-vrơ (tr. 27-28). Nhưng căn cứ vào ngày đề trên lá đơn thì ngày 15-7 tàu vẫn còn đậu tại Mác-xây.

Digitized by Google

giảng dạy lịch sử cận – hiện đại Việt nam tại Trường đại học Pa-ri VII, và cũng đã có một số công trình về lịch sử Việt nam được xuất bản (3)–, trong bài viết "*Về lá đơn xin vào học Trường thuộc địa năm 1911 của người thanh niên Hồ Chí Minh*» (4), sau khi đưa ra nhiều tư liệu khai thác ngay trong các hồ sơ lưu trữ của Pháp, những hồ sơ «tối mật» của Bộ thuộc địa Pháp trước kia, đã đi tới một kết luận dứt khoát: tuyệt đối không thể căn cứ vào lá đơn xin học năm 1911 để gán ghép cho Nguyễn Tất Thành (tức Chủ tịch Hồ Chí Minh) ý định sau này khi học xong sẽ trở thành người cộng tác với chính quyền thuộc địa.

Thực vậy, căn cứ vào các nguồn tư liệu nói về mục tiêu đào tạo, cũng như về hệ thống tổ chức của Trường thuộc địa – tất cả các nguồn tư liệu này cũng đều lấy từ các kho lưu trữ của Pháp – thì thấy kết luận của Hê-mơ-ri là đúng đắn.

Trường thuộc địa được thành lập năm 1885, và khi mới thành lập chỉ có nhiệm vụ thu nhận 13 học sinh Cam-pu-chia vào học, với sổ học bổng do phủ toàn quyền Đông dương cấp, để học tiếng Pháp và văn hóa Pháp. Đến năm 1889 mới mở các lớp đào tạo công chức cho các cơ quan của xứ thuộc địa Đông dương, sau đó ít lâu thì mở rộng ra cho tất cả các thuộc địa của nước Pháp. Đến năm 1896 nhà trường mới tuyển sinh đào tạo ngạch quan cai trị cho các thuộc địa, tất nhiên điều kiện đầu tiên để thi vào phải là dân Pháp chính cống hay là những người vào quốc tịch Pháp. Trong khi đó thì nhà trường vẫn giữ lại bộ phận dành riêng cho các học sinh xứ Đông dương được gọi là *Tiểu ban bản xứ* (Section indigène), tiểu ban này tiếp tục hoạt động tới năm 1914 mới đóng cửa, trung bình mỗi năm có 20 học viên, có trường hợp học viên ở nội trú trong trường nhưng lại theo học các trường bên ngoài. Nghị định ngày 30-4-1910 đã cải tổ lại *Tiểu ban bản xứ*, xác định cụ thể mục tiêu đào tạo các kỹ thuật viên phụ tá (auxiliaires techniques) của chính quyền thuộc địa Đông dương (các kế toán viên, điện báo viên, chỉ huy công trường...).

Năm 1911, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành làm đơn xin vào học Trường thuộc địa, chính là với mục đích tranh thủ cơ hội học lấy một nghề chuyên môn, để nắm được kỹ thuật phương Tây mà nước Pháp lúc đó là một trong những nước đứng hàng đầu, để sau này về nước phục vụ đồng bào, phục vụ Tổ quốc, tuyệt nhiên đâu có phải để ra làm quan cai trị hay công chức cao cấp như một số phần tử xấu cố tình vu khống, xuyên tạc. Quyết định xin vào học trường Pháp lúc này của Nguyễn Tất Thành hoàn toàn phù hợp, nhất quán với việc Anh, khi còn ở trong nước, có lần đã có ý định xin vào học trường kỹ nghệ thực hành ở Sài gòn. Không những thế, nếu liên hệ tới những suy nghĩ nông cháy trong đầu óc của Anh khi còn là cậu học sinh tại trường Quốc học Huế – các suy nghĩ này hơn 10 năm sau, khi đã trở thành người cộng sản, Bác đã có dịp nói lại với nhà thơ xô viết O-xíp Man-đen-xtam – thì thấy ý định học hỏi, tìm hiểu văn minh, kỹ thuật của nước Pháp có từ rất sớm và ngày càng được củng cố về sau: «Từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn dấu sau những chữ ấy (tức là

(3) Hémery (D) – *Các nhà cách mạng Việt nam và chính quyền thực dân ở Đông dương* (Révolutionnaires Vietnamiens et pouvoir colonial en Indochine), Francois Maspéro, Paris, 1975; *Từ chủ nghĩa yêu nước tới chủ nghĩa Mác: sự nhập cư của người Việt vào nước Pháp từ năm 1926 đến năm 1930* (Tạp chí Phong trào xã hội, số 90 – Các tháng 1–2–3 năm 1975)...

(4) Đăng trong: Kỷ yếu của *Hội thảo Việt nam – Á châu* lần thứ 1, Nxb Hac-ma-tan (L'Harmattan), Paris, 1983.

Digitized by Google

chữ Pháp: tự do, bình đẳng, bác ái — ĐXL)... Tôi quyết định tìm cách đi ra nước ngoài» (5). Đầu tháng 6 năm 1911, trước lúc xuống tàu vượt biển lớn sang phương Tây, Bác đã nói rõ mục đích của mình: «Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta» (6). Để đến khi đã bắt gặp chân lý cứu nước là chủ nghĩa Mác — Lê-nin thì tức tốc tìm đường về Tổ quốc: «*Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập*»(7).

Hơn nữa, mặc dù trong khuôn khổ một lá đơn lời lẽ phải lịch sự, theo đúng một số công thức về ngôn ngữ, người đọc kỹ và tinh vẫn nhận ra dụng ý của người viết, nhất là qua câu: «Tôi muốn sẽ trở nên có ích cho nước Pháp *đối với đồng bào của tôi*, và đồng thời có thể giúp cho họ *hưởng thụ được những lợi ích của học thức*» (8). Huống chi đối với một nhân cách vĩ đại như Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngay từ buổi thiếu thời trên cơ sở một tinh thần yêu nước mãnh liệt đã ôm ấp ý chí sắt son hiến thân mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc; và trước khi xuất dương tìm đường cứu nước, đã từng suy ngẫm, rồi phủ định các biện pháp cứu nước của những người đi trước, thì thiết tưởng đó là một sự thật hiển nhiên, một chân lý rực rỡ không thể nào phủ nhận.

Rõ ràng là, nếu không có dụng tâm xấu, không nuôi ác ý để cố tình xuyên tạc, bóp méo sự thật lịch sử thì bất cứ ai cũng đều thấy được ý định đích thực, cũng như tinh thần yêu nước, ý chí cách mạng mãnh liệt của Bác Hồ. Ngay những tên thực dân đầu sỏ, từ bộ trưởng Bộ thuộc địa Xa-rô (Albert Sarraut) đến toàn quyền Đông dương Pát-ki-tê (Pierre Pasquier) đều nhận rõ sức mạnh tinh thần, ý chí kiên cường của Bác Hồ, thậm chí cả tổng giám đốc cảnh sát Ác-nu (Arnoux) ngay từ buổi tiếp xúc đầu tiên đã «linh cảm» rằng «con người thanh niên mãnh khảnh và dáy sức sống này có thể là người sẽ đặt cày chữ thập cáo chung lên nền thống trị»(9) của chúng ở Đông dương.

Trên đây là những cơ sở vững chắc và bằng chứng hùng hồn để bác bỏ âm mưu xuyên tạc, hành động vu cáo của một số bồi bút tay sai của chủ nghĩa thực dân cũ và mới xung quanh lá đơn xin học của Bác năm 1911.

Giáo sư ĐINH XUÂN LÂM

---

(5) O-xip Man-den-xtam — ***Nguyễn Ái Quốc — Tham một đồng chí hoạt động trong quốc tế cộng sản*** (Báo ***Lửa nhỏ*** số 39, ngày 25-12-1923).

(6), (7) Trần Dân Tiên: ***Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*** (in lần thứ tư) Nxb Sự thật Hà nội, 1981, tr. 11 và 52.

(8) Chúng tôi gạch dưới các ý quan trọng của câu trích dẫn (ĐXL).

(9) Hồng Hà dẫn trong: ***«Thời thanh niên của Bác Hồ***, Nxb Thanh niên, Hà nội, 1976.

Digitized by Google

Qua sách, báo các nước anh em

LỜI BỘ BIÊN TẬP:

Tạp chí Cộng sản mở chuyên mục này nhằm giới thiệu với bạn đọc những vấn đề có tính thời sự trong sinh hoạt lý luận và chính trị quốc tế được đề cập đến trên sách, báo các nước anh em.

Để mở đầu, chúng tôi trân trọng giới thiệu một số ý kiến của các đồng chí lãnh đạo các đảng cộng sản Liên xô, Cu-ba và Tiệp khắc về đổi mới, về cải tổ trong điều kiện cụ thể của mỗi nước.

CẢI TỔ VÀ THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CẢI TỔ+

Trích báo cáo của đồng chí M.X. GOÓC-BA-TRỐP

Tổng bí thư UBTU ĐCS Liên xô, tại Hội nghị Trung ương ĐCS Liên xô (tháng 1-1987). (Báo **PRAVĐA**, 28-1-1987)

Cải tổ là kiên quyết khắc phục các quá trình tì trệ, phá vỡ cơ chế kìm hãm, xây dựng cơ chế vững chắc và có hiệu quả để đẩy nhanh sự phát triển kinh tế xã hội của xã hội Xô viết. Ý đồ chính trong chiến lược của chúng ta là gắn những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật với nền kinh tế có kế hoạch và sử dụng toàn bộ tiềm năng của chủ nghĩa xã hội.

Cải tổ có nghĩa là dựa vào sự sáng tạo sinh động của quần chúng, là phát triển toàn diện nền dân chủ, tự quản xã hội chủ nghĩa, khuyến khích tính chủ động, tinh thần sáng tạo, củng cố kỷ luật và trật tự, mở rộng tính công khai phê bình và tự phê bình trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đó là thái độ tôn trọng cao đối với những giá trị và phẩm chất của cá nhân.

Cải tổ là không ngừng nâng cao vai trò của các yếu tố chiều sâu trong phát triển kinh tế Xô viết; khôi phục và phát triển các nguyên tắc lê nin nít tập trung dân chủ trong việc quản lý nền kinh tế quốc dân, áp dụng ở khắp mọi nơi các phương pháp quản lý kinh tế, từ bỏ nguyên tắc hành chính mệnh lệnh, bảo đảm chuyển tất cả các khâu kinh tế sang các nguyên tắc hạch toán kinh tế toàn phần và các phương pháp mới trong tổ chức

(+) Những đề mục và tiểu mục trong các bài này do chúng tôi đặt *(BBT)*.

Digitized by Google

lao động và sản xuất, ra sức khuyến khích phát huy sáng kiến và sự tháo vát xã hội chủ nghĩa.

Cải tổ là tạo bước ngoặt kiên quyết về hướng khoa học, gắn bó chặt chẽ với thực tiễn để đạt được những kết quả cuối cùng cao nhất, biết tạo ra cơ sở khoa học vững chắc cho mọi sáng kiến, là ý thức sẵn sàng và lòng ham muốn nhiệt thành của các nhà khoa học trong việc ủng hộ tích cực đường lối đổi mới xã hội của Đảng. Đồng thời đó là sự quan tâm đến phát triển khoa học, phát triển đội ngũ cán bộ khoa học và sự tham gia tích cực của họ trong quá trình cải tạo.

Cải tổ là sự phát triển ưu tiên lĩnh vực xã hội, ngày càng thỏa mãn đầy đủ hơn nhu cầu của những người Xô viết về những điều kiện tốt về lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi, giáo dục và dịch vụ y tế. Đó là sự quan tâm thường xuyên đến giá trị tinh thần phong phú, văn hóa của mỗi người và của xã hội nói chung. Đó là khả năng kết hợp việc giải quyết các nhiệm vụ quy mô to lớn của đời sống xã hội với việc giải quyết các nhiệm vụ đang làm cho mọi người lo ngại hiện nay.

Cải tổ là kiên trì bác bỏ những luận điệu xuyên tạc đạo đức xã hội chủ nghĩa trong xã hội, trước sau như một thực hiện các nguyên tắc công bằng xã hội, là thống nhất giữa lời nói và việc làm, quyền hạn và trách nhiệm, là đề cao lao động trung thực có chất lượng cao, xóa bỏ những khuynh hướng bình quân chủ nghĩa trong trả công lao động, loại trừ lối sống hưởng thụ.

Mục đích cuối cùng của cải tổ là rõ ràng. Đó là đổi mới sâu sắc mọi khía cạnh trong đời sống của đất nước, trang bị cho chủ nghĩa xã hội các hình thức tổ chức xã hội hiện đại nhất, khai thác triệt để nhất tính chất nhân đạo của chế độ ta trong mọi phương diện có tính chất quyết định của nó như kinh tế, chính trị – xã hội và tinh thần.

Mọi người phải cải tổ từ ngay bản thân mình.

...Chúng ta cần nắm vững bài học của quá khứ – không thể cho phép tình trạng khác biệt giữa nghị quyết và việc làm cụ thể nhằm thực hiện những nghị quyết đó. Không được tỏ thái độ tự cao tự đại, tự mãn. Tôi lại nói đến điều này bởi vì hiện nay vẫn vấp phải những hiện tượng như vậy. Cần phải hành động, hành động và chỉ có hành động tích cực, dũng cảm, sáng tạo và am hiểu công việc.

Cách đặt vấn đề như vậy là cần thiết bởi vì trong nhiều cơ quan kinh tế, nhà nước, xô viết và các cơ quan đảng và ở ngay các tập thể sản xuất không phải mọi người đều đã đáp ứng những đòi hỏi của cuộc sống. Nhiều người vẫn chưa vứt bỏ ngay gánh nặng của quá khứ, họ còn tư tưởng chờ đợi, công khai kìm hãm công việc, ngăn cản sự phát huy rộng rãi tính tích cực chính trị, xã hội và lao động của nhân dân.

Không phải mọi người đều hiểu rằng việc làm theo cách mới có nghĩa là kiên quyết từ bỏ những thói quen và phương pháp cũ. Điều đó nói cho cùng tùy thuộc vào vị trí công dân của mỗi người, vào thái độ tận tâm đối với công việc được giao, đối với trách nhiệm của mình, đối với những gì mà tất cả chúng ta chịu trách nhiệm trước Đảng, trước đất nước và lương tâm mình.

Các cuộc gặp gỡ và tiếp xúc với những người lao động, các cán bộ đảng và kinh tế chỉ ra rằng cải tổ đang được sự ủng hộ nhiệt liệt. Như người ta nói, nhân dân hết lòng ủng hộ công cuộc cải tổ. Nhưng có điều cần lưu ý tới. Nhiều người trong khi ủng hộ những cái mới lại cho rằng cải tổ là công việc bắt buộc của lãnh đạo cấp trên và của người nào khác như các cơ quan đảng, nhà nước và kinh

Digitized by Google

tế, của các ngành khác, các xí nghiệp có liên quan trực tiếp, của các công nhân cùng phân xưởng, cùng nông trại hoặc cùng công trường. Và nói chung là của tất cả nhưng không phải của chính họ.

Quan điểm như vậy là không thể chấp nhận được. Khi đòi hỏi chính đáng cần phải tiến hành cải tổ ở mọi cấp, mỗi chúng ta cần bắt đầu cải tổ từ ngay bản thân mình. Tất cả mọi công nhân, nông trang viên, trí thức, nói chung tất cả từ tập thể sản xuất cho đến Ủy ban trung ương Đảng và Chính phủ cần làm việc theo lối mới một cách kiên trì, sáng tạo và bằng tương lai mình.

Những đòi hỏi đối với cán bộ.

Ngày hôm nay, tiêu chuẩn quyết định trong chính sách cán bộ, tựa như chiếc âm thoa, là thái độ của cán bộ đối với cải tổ, với các nhiệm vụ đẩy nhanh phát triển kinh tế – xã hội – thái độ không phải trên lời nói mà trong công việc. Tất nhiên, chúng ta phải thấy rằng đã lâu rồi việc hình thành và hoạt động của cán bộ đã diễn ra trong những điều kiện không phải là tốt nhất.

Do đó những biến đổi đã diễn ra không dễ dàng. Chúng ta phải thực hiện một công việc khó khăn và lâu dài để cải tổ đội ngũ cán bộ.

Chúng ta đã kiên quyết thi hành đường lối ủng hộ những người sáng tạo, có suy nghĩ, nhiệt tình, những người có thể và muốn mạnh bạo tiến lên phía trước, biết giành thắng lợi.

... Chúng ta phải học cách ủng hộ kiên quyết những cán bộ như vậy, trân trọng tính tự chủ và sáng tạo của họ. Quan trọng là phải tạo ra trong mỗi tổ chức đảng, trong từng tập thể lao động một bầu không khí khuyến khích mọi người tìm tòi các cách giải quyết có hiệu quả, sự trao đổi ý kiến một cách chân thành và hết sức cởi mở. Và tất nhiên, cần kiên quyết tránh các biện pháp mà tôi xin gọi là xử vả, quát tháo « lên lớp » mà đến bây giờ người ta vẫn đang áp dụng. Chúng ta ủng hộ cải tổ, chứ không ủng hộ sự dão lộn cán bộ. Thưa các đồng chí, chúng ta phải kính trọng con người và tin họ hơn.

Ngày nay mỗi người đều có khả năng để thể hiện năng lực của mình. Chúng ta phải giúp đỡ, bằng những lời khuyên và tinh thần đồng chí đối với những ai muốn làm việc. Còn đối với những kẻ ôm giữ cái cũ, dửng dưng với những biến đổi đang diễn ra, thậm chí còn chống lại những biến đổi đang diễn ra, thì tất nhiên họ không thể đi cùng chúng ta.

Như vậy quan điểm quyết định trong việc đánh giá cán bộ là phải căn cứ vào thái độ của họ đối với cải tổ, những việc làm cụ thể của họ để thực hiện cải tổ. Tất nhiên, chúng ta phải tính đến những phẩm chất có tính nguyên tắc khác. Trước hết là biết phẫn nộ đối với những thiếu sót, thói cô hủ, dửng dưng và thụ động, và hết lòng trung thành với tất cả những gì tiên tiến và tiến bộ.

Sự cải tổ đòi hỏi cán bộ phải có năng lực và trình độ nghiệp vụ cao. Ngày nay không thể bỏ qua sự đào tạo đa dạng và hiện đại. Không thể thiếu hiểu biết sâu sắc về các vấn đề sản xuất, khoa học, kỹ thuật, quản lý, kinh tế, tổ chức và khuyến khích lao động, tâm lý. Nhìn chung, chúng ta phải huy động tối đa tiềm năng trí thức của đất nước, nâng cao thực sự hiệu quả sáng tạo của tiềm năng đó.

Tính tổ chức và kỷ luật ngày càng có ý nghĩa to lớn. Nó thiết yếu ở khắp mọi nơi và mọi lúc, nhưng đặc biệt quan trọng là trong điều kiện sản xuất hiện đại, áp dụng rộng rãi các công nghệ mới nhất. Những năm gần đây chúng ta đạt được sự gia tăng đáng kể của tốc độ phát triển kinh tế do thiết lập được trật tự sơ đẳng nhất, khắc phục thói lơ là.

Digitized by Google

Nhưng tính bức thiết của nhiệm vụ này vẫn còn. Kỷ luật lỏng lẻo và tinh thần trách nhiệm thấp đã ăn quá sâu và vẫn tiếp tục hoành hành. Chính thái độ vô trách nhiệm tội lỗi và thói lơ là là những nguyên nhân chính gây ra những sự kiện thảm thương, như sự cố ở nhà máy điện nguyên tử Trécnô-bưn, vụ chìm tàu « Đô đốc Na-khi-mốp », và một loạt các vụ tai nạn đường sắt, đường không, gây nhiều thiệt hại về người.

Cần tạo ra ở mọi nơi một bối cảnh có thể cho phép loại trừ mọi khả năng lặp lại những điều như vậy. Tính tổ chức, tính chính xác, tinh thần chấp hành công việc phải trở thành luật pháp đối với tất cả.

Cuối cùng, một yêu cầu rất quan trọng là tinh thần, đạo đức cao của cán bộ chúng ta, lòng trung thực, không bị mua chuộc, tinh giản dị... Bây giờ không chỉ từ những kinh nghiệm quá khứ, mà cả kinh nghiệm hiện tại, chúng ta biết rằng nếu không củng cố nền tảng đạo đức của xã hội, chúng ta sẽ không giải quyết được các nhiệm vụ cải tổ. Cũng không phải ngẫu nhiên mà hôm nay chúng ta chạm trán một cách gay gắt như vậy với các hiện tượng tiêu cực chính trong lĩnh vực đạo đức tinh thần. Tức là đấu tranh để tiêu diệt tệ nghiện rượu, say rượu, ăn cắp, ăn hối lộ, lạm dụng chức quyền, tệ bao che.

Xã hội cảm nhận một cách đặc biệt gay gắt tất cả những gì liên quan tới biểu hiện đạo đức của người đảng viên và trước hết là của những người lãnh đạo. Nhiệm vụ hàng đầu của chúng ta là phải khôi phục hình tượng trong sáng và trung thực của người cộng sản lãnh đạo, mà những tội lỗi của những kẻ biến chất đã phần nào bôi nhọ hình tượng đó...

XÂY DỰNG CƠ CHẾ KINH TẾ VÀ CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG

Trích bài phát biểu của đồng chí PHI-ĐEN CA-XTƠ-RÔ

Bí thư thứ nhất UBTƯ ĐCS, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Cu-ba, tại kỳ họp bổ sung Đại hội 3 thông qua Cương lĩnh của ĐCS Cu-ba (từ 30-11 đến 2-12-1986). Tạp chí « BOHEMIA » số 51, ngày 19-12-1986)

...XÂY dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, thực chất là một nhiệm vụ chính trị, một nhiệm vụ cách mạng, và cơ bản phải là thành quả của sự phát triển ý thức và sự giáo dục con người về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Điều đó không phủ nhận tính hữu ích và giá trị của một vài cơ chế nào đó, thậm chí những cơ chế kinh tế. Đúng, những cơ chế kinh tế! Nhưng theo tôi, rõ ràng là những cơ chế kinh tế là công cụ của công tác chính trị và công tác cách mạng, công cụ bổ trợ, tôi dám nói như thế; các cơ chế kinh tế là những phương tiện bổ trợ của công tác chính trị và cách mạng, nhưng không phải là phương tiện cơ

Digitized by Google

bản của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Tôi không hề mảy may ngờ rằng con đường cơ bản là công tác chính trị và cách mạng.

Trong lĩnh vực sản xuất vật chất và dịch vụ nhất là trong lĩnh vực sản xuất vật chất, chúng ta đã đi đến chỗ tin rằng tất cả đều sẽ hoạt động hoàn hảo với hệ thống chỉ đạo và kế hoạch hóa nền kinh tế, với việc trả lương theo năng suất và theo lao động, thứ thuốc bách linh giải quyết được hết và cứ thế là xây dựng được chủ nghĩa xã hội. Điều đó phần nào cũng nói lên sự mất phương hướng của Đảng...

... Chúng ta không nên từ bỏ việc trả lương theo lao động ở lĩnh vực sản xuất vật chất, biện pháp mà chúng ta không thể áp dụng trong những lĩnh vực khác. Không! Như vậy sẽ vô lý: chúng ta không nên từ bỏ việc trả lương, trả lương theo năng suất, theo định mức, theo công thức xã hội chủ nghĩa về trả lương theo số lượng và chất lượng lao động. Tôi nhấn mạnh số lượng và chất lượng! Chúng ta không nên từ bỏ ý kiến về khả năng làm ăn có lãi của xí nghiệp hoặc về hạch toán kinh tế. Tôi không phản đối bất kỳ cơ chế nào trong số đó, miễn là chúng ta hiểu rõ thế nào là công tác chính trị, công tác cách mạng, *ý nghĩ về trách nhiệm của người cán bộ lãnh đạo* – đúng, *ý nghĩ về trách nhiệm của* người cán bộ lãnh đạo, cái có thể đem lại hiệu quả cho chúng ta, chứ không phải là sự cải trang thành nhà tư bản mà chúng ta đã làm đối với những cán bộ quản lý của chúng ta trong lĩnh vực sản xuất vật chất...

... Tìm cách để làm ăn có lãi không có nghĩa là xí nghiệp này lừa gạt hay ăn cắp của xí nghiệp kia, mà như chúng ta vẫn nói là phải làm việc đó bằng cách hạ giá thành sản xuất và tăng năng suất, tận dụng ngày công lao động, áp dụng kỹ thuật mới, tổ chức lao động một cách hợp lý, giảm biên chế – tất nhiên việc này không thể ngày một ngày hai mà làm được.

... Chúng ta phải hạ giá thành và phải tìm cách đạt chất lượng. Trên thực tế, chúng ta không đẩy các xí nghiệp xã hội chủ nghĩa ra cạnh tranh với nhau, bởi vì điều đó không phù hợp với tư tưởng và quan điểm của chủ nghĩa xã hội và không phù hợp với chủ nghĩa Mác – Lê-nin, có thể thi đua với nhau nhưng không có nghĩa là cạnh tranh như các công ty tư bản vì nó sẽ đem lại những hậu quả bi đát nếu chúng ta không chú ý đến điều đó.

Nếu không có sự cạnh tranh và nếu không có biện pháp khích lệ mà các ông chủ trong xã hội tư bản vẫn áp dụng để bảo vệ quyền lợi cá nhân của họ thì cái gì có thể thay thế được sự cạnh tranh đó? Duy nhất chỉ có ý thức trách nhiệm của người cán bộ do vai trò mà họ đảm nhiệm, của con người, chứ không còn là của tập thể. Người đó phải là một người cộng sản. Rõ ràng là dù người đó là đảng viên hay không thì cũng phải là một người có trách nhiệm, một người cộng sản và một người cách mạng thực sự. Người đó không phải là một người cộng sản chơi trò chủ nghĩa tư bản hay một người cộng sản khoác áo tư bản, hành động như tư bản hoặc một nhà tư bản giả danh cộng sản.

Có những lĩnh vực vô cùng quan trọng trong đời sống xã hội và trong nhiệm vụ cách mạng mà không thể áp dụng được bất kỳ cơ chế nào trong những cơ chế trên. Nếu không, chúng ta giải quyết như thế nào các dịch vụ cơ bản như dịch vụ y tế, một dịch vụ mà ở nước ta đã đạt được những thành tựu xuất sắc như về tỷ lệ trẻ em tử vong chẳng hạn? Rất có thể trong năm nay tỷ lệ tử vong ở trẻ em nước ta sẽ giảm xuống còn 14/1000 và trong tương lai sẽ còn giảm nữa bởi vì tôi đã giải thích rõ những điều đã xảy ra trước đây ở các vùng núi mà nay đã có bác sĩ chữa bệnh tại nhà

Digitized by Google

Đối với bác sĩ chữa bệnh tại nhà đó thì sao? Theo tôi, bác sĩ chữa bệnh tại nhà đó chính là phác họa về hình ảnh người cộng sản, bởi vì họ làm việc tốt và làm việc tương đối nhiều. Hơn nữa, những bác sĩ đến các vùng núi đều là những thanh niên được cách mạng đào tạo. Họ không bị hư hỏng và không chịu ảnh hưởng của một chế độ truỵ lạc và tham nhũng. Họ được bà con xóm giềng khích lệ nhiều, chịu ảnh hưởng của nhân dân và được giáo dục theo những công thức lao động cộng sản chủ nghĩa.

... Tôi đã tính có những người hằng năm thu được số tiền lớn đến mức một chuyên gia phẫu thuật, thậm chí là một trong số những chuyên gia giỏi nhất ở nước ta, cũng phải làm việc 60 năm mới có được.

Tôi quen rất nhiều bác sĩ phẫu thuật giỏi và nhiều bác sĩ chuyên khoa khác cũng vào loại giỏi ở nước này, nhưng tôi không thấy họ có tham vọng về tiền như vậy. Họ sống hết mình cho lao động, dành tất cả cho lao động. Họ là những người cộng sản thực sự.

Và trong lĩnh vực giáo dục cũng thế. Chúng ta thi hành chế độ trả lương theo sản phẩm như thế nào đối với người giáo viên? Nếu tôi trả lương cho họ theo một định mức về số học sinh thi đỗ thì rốt cục học sinh nào cũng đạt tới 115 điểm (trên 100) trong tất cả các môn. Vậy có hình thức nào khác để trả lương theo sản phẩm cho họ không? Nếu có thì sự lạm ăn có sãi của nhà trường là ở chỗ nào?

... Chúng ta cần phải phấn đấu sao cho bác sĩ phải được trả công một cách chu đáo và có thể sống một cuộc sống thanh lịch. Nhưng trên thực tế phải chăng chúng ta sẽ đào tạo được những bác sĩ tốt bằng cách trả cho họ 2000đ xó mỗi tháng, tức là trên cơ sở đồng tiền? Tôi muốn ai đó trả lời tôi một cách chân thực liệu làm như vậy có được không và nó sẽ dẫn chúng ta đi đến đâu theo hướng đó và liệu chúng ta có sự lựa chọn nào khác ngoài công tác giáo dục ý thức chính trị và cách mạng cho trẻ em ngay từ lứa tuổi thiếu niên tiền phong không.

Cần phải bắt đầu đào tạo người cộng sản từ khi người ta còn ở trong nôi và còn là đội viên thiếu niên tiền phong. Nhà nước xã hội chủ nghĩa có tất cả: từ nhà trẻ đến giáo dục ở tất cả các cấp, kể cả cấp đại học, nhà nước có tất cả. Vậy thì chúng ta có làm được việc đó hay không? Trong kinh nghiệm thực tiễn người ta thấy và bản thân tôi đã thấy có nhiều trường hợp đã làm được điều đó bằng công tác chính trị đúng đắn. Công tác chính trị không phải là ngày nào cũng lên lớp thuyết giáo về Mác và Lê-nin mà phải có khả năng thức tỉnh những động cơ và đạo đức của con người.

... Còn trong những hoạt động bảo vệ đất nước thì chúng ta áp dụng cơ chế kinh tế nào? Có lời lãi gì trong việc xây dựng một sư đoàn, một quân đoàn, một tiểu đội, một phi đội? Đối với những thanh niên làm nghĩa vụ quân sự và tình nguyện hoàn thành những sứ mệnh quốc tế, chúng ta là tiền đâu ra để trả lương cho họ và khuyến khích họ? Đối với những sĩ quan trong các lực lượng vũ trang của chúng ta đã ba, bốn thậm chí năm lần làm nghĩa vụ quốc tế thì chúng ta là tiền đâu ra để trả cho họ và chúng ta động viên họ tiếp tục làm nhiệm vụ bằng những lợi ích vật chất gì?

Đối với những người sẵn sàng hy sinh tính mạng của mình, nhiều khi đương đầu với những tình huống thật là nguy hiểm và đã hy sinh cả tính mạng thì chúng ta trả công cho họ bằng cái gì?...

...Các đồng chí hãy tưởng tượng xem điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta áp dụng những cơ chế khác trong lĩnh vực bảo vệ Tổ quốc và trật tự trị an. Làm như thế thì rất là chúng ta đã tạo

Digitized by Google

ra một sự tha hóa, tham nhũng và sẽ dạy cho người ta chỉ nghĩ đến đồng tiền. Đúng, chúng ta cần phải trả công cho các chiến sĩ, sĩ quan trong Bộ các lực lượng vũ trang cách mạng và Bộ nội vụ một cách thích đáng với công việc của họ để họ có thể sống một cuộc sống thanh lịch. Đúng là ở đây không có chế độ lương bình quân mà là hình thức trả lương xã hội chủ nghĩa, tức là theo năng lực, kinh nghiệm công tác, nhưng phải chăng đó là điều quyết định đạo đức con người.

Cần phải làm công tác giác ngộ lý tưởng. Đúng như vậy, còn các cơ chế khác, những yếu tố kinh tế là những phương tiện và công cụ bổ trợ cho công tác chính trị và cách mạng mà một cuộc cách mạng thực sự đòi hỏi, và trước hết đó là điều mà công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa cộng sản đòi hỏi.

Tôi có thể nói như vậy về những đảng viên của Đảng và những cán bộ trong các tổ chức quần chúng của chúng ta. Tôi nói thành thật là, những điều tốt đẹp mà chúng ta đã giành được là nhờ công tác chính trị và cách mạng, và nhờ sự phát triển ý thức của con người. Đây không phải là những ảo tưởng. Những tấm gương này đang ở ngay trước mắt tất cả chúng ta. Và tôi cũng nói rằng trong lĩnh vực sản xuất vật chất chúng ta phải áp dụng những cơ chế kinh tế, nhưng phải quan niệm đây là những phương tiện và công cụ bổ trợ cho công tác chính trị và cách mạng thôi, bởi vì nếu cho rằng những cơ chế đó sẽ tạo nên sự thần kỳ về hiệu quả, sẽ tạo nên sự thần kỳ về phát triển kinh tế và xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội thì đó quả là một trong những ảo tưởng lố bịch nhất không bao giờ có thể có...

VỀ CÔNG CUỘC CẢI TỔ Ở LIÊN XÔ

Trích ý kiến của đồng chí VA-XIN BI-LẮC

Ủy viên Đoàn chủ tịch và Bí thư UBTƯ ĐCS Tiệp khắc, trả lời phỏng vấn của Tổng biên tập báo Rudê Pravô (Báo **«RUĐÊ PRAVÔ»**, 20-2-1987)

...NHỮNG cố gắng hiện nay của Đảng cộng sản Liên xô và nhân dân Liên xô, đúng là có tiếng vang lớn và tích cực. Chính sách của ĐCS Liên xô rất gần gũi với chúng ta, nó phù hợp với các nhu cầu phát triển năng động của chủ nghĩa xã hội. Đảng ta và nhân dân hoàn toàn ủng hộ chính sách đó. Chúng ta chăm chú theo dõi với mối thiện cảm những gì đang diễn ra ở Liên xô. Chúng ta đã nói điều này trong Đại hội thứ 17 và cả trong kỳ họp thứ 4 của UBTƯ ĐCS Tiệp khắc. Những cố gắng nhằm cải tổ xã hội Xô viết mang lại nhiều sáng kiến gợi cảm cả đối với Đảng ta và xã hội ta. Tôi thấy đây là sự kiện vĩ đại thứ ba trong lịch sử cách mạng. Sự kiện thứ nhất là Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại; sự kiện thứ hai: Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, chiến thắng chủ nghĩa phát xít và sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới; và hiện nay, sự kiện thứ ba: sự huy động ở Liên xô, mọi lực lượng

Digitized by Google

vật chất cũng như tinh thần để chủ nghĩa xã hội tỏ rõ ưu thế của mình đối với tất cả những gì đã già cỗi.

... Một số người quả thật đang muốn lợi dụng mối thiện cảm chung hiện có đối với sự thay đổi về xã hội ở Liên xô; muốn lợi dụng nó không phải vì lợi ích của chủ nghĩa xã hội mà lạm dụng nó để chống chủ nghĩa xã hội. Những người tới giờ vẫn chưa thoát ra khỏi tư tưởng chật hẹp, giáo điều của chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, khẳng định rằng trong lòng ĐCS Liên xô đang diễn ra một cái gì đó tựa như ở nước ta trong thời kỳ khủng hoảng trước đây. Chúng ta, với tư cách là những người bạn chân thành của Liên xô, phải kiên quyết chống lại ý kiến ấy...

... Bởi vì những gì hiện đang xảy ra trong lòng ĐCS Liên xô và ở Liên xô đều đúng, hoàn toàn đúng, và chúng ta phải ủng hộ hoàn toàn. Vấn đề là bản Cương lĩnh do Đại hội thứ 27 xác định và được ban lãnh đạo đang chăm lo áp dụng bằng được. Sự lãnh đạo của ĐCS Liên xô và sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân đối với chính sách của Đảng là những nhân tố bảo đảm để những phương hướng đúng đắn đã được mở đầu sẽ phát triển thắng lợi...

Nhân dân ta có cảm tình với bản Cương lĩnh đó bởi vì nó đấu tranh cho trật tự và kỷ luật — cả trong xã hội lẫn trong đảng; cả về mặt nhà nước lẫn về mặt công nghệ; vì chất lượng sản xuất và vì một bộ máy thông tin tốt hơn. Nói sao về những kẻ đã thất hại ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp khắc năm 1968, và đang bày tỏ một số niềm « hy vọng » nào đó nhân có sự cải tổ ở Liên xô? Họ có quyền bày tỏ những hy vọng như vậy chăng? Chắc chắn là không. Những kẻ theo chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh không có gì để hy vọng ở nước CHXHCN Tiệp khắc.

... Ban lãnh đạo ĐCS Liên xô ra sức tăng cường chủ nghĩa xã hội và sự thống nhất của cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Còn các « chiến sĩ đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội có bộ mặt người » của Tiệp khắc năm 1968, cố tìm cách tước vũ khí của chủ nghĩa xã hội và tiêu diệt cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

ĐCS Liên xô tác động để tăng cường vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và của đảng trong xã hội. Còn bọn cơ hội hữu khuynh ở Tiệp khắc thì tìm cách làm suy yếu vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và của đội tiền phong của nó — đảng cách mạng. Họ cố làm sống lại hoạt động của các chính đảng tư sản và cố tạo ra những nhóm khác nhau chống chủ nghĩa xã hội. Về mặt chính sách đối ngoại, họ không muốn củng cố sự thống nhất của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, mà trù tính để Tiệp khắc rút ra khỏi Hiệp ước Vác-sa-va. Họ mong muốn có sự thay đổi trong chính sách đối ngoại và cắt đứt những mối liên hệ anh em với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, v.v.

ĐCS Liên xô ra sức tăng cường kỷ luật trong sản xuất và tăng cường kỷ luật ở tất cả các ban lãnh đạo vì lợi ích phát triển hơn nữa nền sản xuất vật chất. Còn kẻ thù của chúng ta thì gây hỗn loạn trong sản xuất, chúng phá hoại kỷ luật.

Mới đây chúng ta đã thông báo cho đông đảo quần chúng rõ những nguyên tắc về việc cải tổ cơ chế kinh tế của chúng ta. Những nguyên tắc đó chú trọng tăng cường chủ nghĩa xã hội. Đó là chỗ khác chủ yếu so với các lý thuyết của Sích (Sik) mưu toan đưa vào nền kinh tế của chúng ta một lượng tối đa các yếu tố tư bản chủ nghĩa.

Và cũng xin nói thêm: ĐCS Liên xô nắm rất chắc tình hình. Ban lãnh đạo ĐCS Liên xô hoàn toàn nhất trí thực hiện đường lối do Đại hội thứ 27 xác

Digitized by Google

định. Ban lãnh đạo đó không lùi bước. Còn ban lãnh đạo Đảng ta thời kỳ đầu năm 1968, bất hạnh thay, lại không có sự nhất trí, không có một cương lĩnh rõ ràng. Tôi gợi lại điều đó, bởi vì cần phải bác bỏ dứt khoát những sự so sánh nào đó.

Tôi gợi lại điều đó còn là vì UBTU nhận được những lá thư khác nhau của nhân dân chúng ta hỏi xem điều gì sắp xảy ra và xảy ra như thế nào. Thậm chí có cả một số thư — tuy những lá thư này hiếm thôi — của những người đe dọa DCS và đặc biệt, đe dọa một số đảng viên. Các tác giả của những lá thư này hẳn chưa quên « những phương pháp dân chủ » mà họ sử dụng năm 1968, « dân chủ » tới mức đe dọa cả treo cổ.

Liên xô và nhân dân Liên xô hiểu rõ trách nhiệm lịch sử của mình là xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Trên con đường khó khăn đó có thể xuất hiện những vấn đề, những khó khăn và những thiếu sót, nhưng phương hướng là đúng đắn. Trên con đường đó, có cái hôm qua là đủ, hôm nay không còn đủ nữa. Và điều đó đòi hỏi một cách chính đáng phải có phương pháp tiếp cận mới hiệu quả hơn. Cũng cần thấy rằng ở Liên xô, cũng như ở nước ta, đâu đâu cũng không thiếu những con người dễ dãi, vô tâm và có thể thích nghi với mọi hoàn cảnh, và những con người đang làm chậm lại và kìm hãm công cuộc cải tổ có tính chất cách mạng. Nhưng bước mở đầu là đúng và tương lai thuộc về công cuộc cải tổ đó...

VỀ CÁC QUY LUẬT...

(Tiếp theo trang 73)

cách thức và mức độ khác nhau, và các phân hệ quy luật cùng tác động lẫn nhau đồng thời ràng buộc lẫn nhau, thậm chí mâu thuẫn với nhau, nhưng nhìn chung đó là một nền kinh tế thống nhất. Sự thống nhất ở đây có tính chất đặc thù vì tuy nền kinh tế có nhiều thành phần kinh tế khác nhau, nhưng tất cả đều nằm trong một hệ thống thống nhất phân công lao động xã hội, trong đó thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa đóng vai trò chủ đạo, còn các thành phần kinh tế tư nhân thì được sử dụng vì lợi ích của chủ nghĩa xã hội. Chính vì lẽ đó cho nên mặc dù nền kinh tế của ta chưa phải là thuần nhất xã hội chủ nghĩa, hệ thống các quy luật kinh tế không gắn bó hữu cơ và chưa thật hoàn chỉnh, nhưng các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, nhất là quy luật kinh tế cơ bản và quy luật phát triển có kế hoạch và cân đối nền kinh tế quốc dân vẫn giữ vai trò điều tiết cơ bản đối với nền kinh tế.

Khi vận dụng các quy luật, chúng ta cần nắm vững những điều kiện kinh tế — xã hội của thời kỳ quá độ, đứng trên quan điểm tổng hợp và khéo lựa chọn những hình thức kinh tế phù hợp trên cơ sở tổng kết có hệ thống. Một điều cần chú ý nữa là: tuyệt đối không nên có ý nghĩ cho rằng toàn bộ các quy luật đã được phát hiện và từng quy luật đã phát huy đầy đủ tác dụng ngay từ đầu. Chúng ta sẽ không quên lời dạy của Lê-nin: Không có sự nhầm lẫn nào lớn hơn việc coi chủ nghĩa xã hội là hoàn thiện, là bất biến.

Digitized by Google

ТАПТИ КОНГШАН № 5 – 1987

II Пленум ЦК КПВ решает актуальные вопросы распределения, обращения. Речь генерального секретаря партии тов. Нгуен Ван Линя. ПЕРЕДОВАЯ – Важный шаг в выполнении Решения VI съезда КПВ ФАМ ВАН ДОНГ – Президент Хо Ши Мин вечно живет в наших делах. ★ ★ ★ – Следуя примеру Хо Ши Мина, повышать революционную нравственность. ВУ ОАНЬ – Кооперированное крестьянство на сельскохозяйственном фронте. НГУЕН ТХАНЬ ЛЕ – Рабочий класс и наша эпоха. ЗОАН НАМ – Сочетать силу нации с мощью современности на новом этапе революции. НАВСТРЕЧУ 70ЛЕТИЮ ВЕЛИКОЙ ОКТЯБРЬСКОЙ СОЦИАЛИСТИЧЕСКОЙ РЕВОЛЮЦИИ. ЧАН ДЫК – Об экономических законах в переходный период к социализму.

REVIEW OF COMMUNISM N. 5 – 1987

The 2nd Plenum of the CPV CC (6th Congress) on solving the pressing problems of distribution and circulation. Address delivered by General Secretary Nguyen Van Linh. EDITORIAL – An important step in the implementation of the 6th Party Congress Resolution. PHẠM VĂN ĐỒNG – President Ho Chi Minh lives for ever in our cause. ★ ★ ★ Learning from Uncle Ho's virtues and heightening our revolutionary quality. VŨ OANH – The collective peasantry on the agricultural front. NGUYỄN THÀNH LÊ – The working class and our time. ĐOÃN NAM – Combining the strength of the nation with that of our time in a new revolutionary stage. Towards the 70th anniversary of the Great Socialist October Revolution. TRẦN ĐỨC – On economic laws in the transitional period to socialism.

REVUE DU COMMUNISME N° 5 – 1987

Le IIe Plénum du CC (issu du VIe Congrès) résoud les problèmes urgents de la distribution et la circulation des marchandises. Allocution du Secrétaire général Nguyen Van Linh. EDITORIAL – Un pas important dans la réalisation des Résolutions du VIe Congrès national du PCV. PHẠM VĂN ĐỒNG – Le Président Ho Chi Minh vivra à jamais dans notre oeuvre. ★ ★ ★ – Etudier les vertus de l'Oncle Ho, rehausser notre qualité révolutionnaire. VŨ OANH – La paysannerie collective sur le front de l'agriculture. NGUYỄN THÀNH LÊ – La classe ouvrière et notre époque. ĐOÃN NAM – Combiner la force de la nation avec la force de l'époque dans la nouvelle étape révolutionnaire. VERS LE 70e ANNIVERSAIRE DE LA GRANDE RÉVOLUTION SOCIALISTE D'OCTOBRE. TRẦN ĐỨC – Sur les lois économiques dans l'étape de transition au socialisme.

REVISTA DEL COMUNISMO Nº 5 – 1987

El Segundo Pleno del Comité Central del Partido (VI legislatura): resolución de los problemas urgentes de la distribución y circulación. Discurso de Nguyen Van Linh, Secretario General del PCVN. EDITORIAL – Importante paso en la realización de las resoluciones del VI. Congreso. PHẠM VĂN ĐỒNG – El presidente Ho Chi Minh vivirá siempre en nuestra causa. ★ ★ ★ – Estudiar las virtudes del Tío Ho, elevar la calidad revolucionaria. VŨ OANH – El campesinado colectivo en el frente agrícola. NGUYỄN THÀNH LÊ – La clase obrera y nuestra era. ĐOÃN NAM – Combinar la fuerza nacional con la de la época en el nuevo periodo revolucionario. HACIA EL 70 ANIVERSARIO DE LA GRAN REVOLUCIÓN SOCIALISTA DE OCTUBRE. TRẦN ĐỨC – Sobre las leyes económicas en el periodo de transición al socialismo.

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

5 . 1987

NĂM THỨ XXXIII (377)

Hội nghị lần thứ hai BCHTƯĐ (khóa VI)
Giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông 1

Phát biểu của đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh 7

Xã luận – Một bước quan trọng thực hiện Nghị quyết Đại hội VI 19

PHẠM VĂN ĐỒNG – Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta 21

★ ★ ★ – Học tập đạo đức của Bác Hồ, nâng cao phẩm chất cách mạng 28

LÊ QUANG VINH – Học tập Bác Hồ, xây dựng phong cách làm việc dân chủ, gắn bó với quần chúng 31

NGUYỄN XUÂN THÔNG – « Người có nhiều duyên nợ với báo chí » 36

VŨ OANH – Giai cấp nông dân tập thể trên mặt trận nông nghiệp 40

NGUYỄN THÀNH LÊ – Giai cấp công nhân và thời đại chúng ta 43

DƯƠNG XUÂN AN – Xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn hiện nay 49

DOÃN NAM – Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong giai đoạn cách mạng mới 53

Tiến tới kỷ niệm lần thứ 70 Cách mạng XHCN Tháng Mười vĩ đại ★ NGUYỄN TRUNG, HỒ VŨ 58

Nghiên cứu — Trao đổi ★ TRẦN ĐỨC – Về các quy luật kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 69

LÊ QUANG THÀNH – Xây dựng con người mới với vấn đề phòng ngừa sự phạm tội 71

Thư gửi Bộ biên tập ★ ĐINH XUÂN LÂM – Cần làm sáng tỏ một số điểm xung quanh lá đơn xin học của Nguyễn Tất Thành năm 1911 77

Qua sách, báo các nước anh em 80

Trụ sở Bộ biên tập:

1. Nguyễn Thượng Hiền – Hà nội. Dây nói: 52061 – 52062

Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:

19. Phạm Ngọc Thạch – T. P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 – 22040

Digitized by Google

Digitized by Google

交 通
CHIAO LIU PUB. ...

To: Asia Library
University of Michigan

Title: Tạp chí cộng sản
Vol. No.
Issue No. 5
Date Published
No. of Copies
Pkg. No.
Date 1987

發貨單
DELIVERY SLIP (Ref: Your Order

KỶ NIỆM LẦN T
NGÀY SINH CỦ
(19-5-1890—19

...INH

...inh

★ ...

★ ...

★ Về đảng cầm quyền

★ Về công tác tư tưởng

★ Những bài đăng trên báo Le Paria
(Người cùng khổ)

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá : 6000

Digitized by Google

HX
9
.H68 B

Tạp chí Cộng sản

UNIV. of MICH.
OCT 09 1987
Current Serials

6

6 . 1987

Digitized by Google

Digitized by Google

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

TẠP CHÍ CỘNG SẢN
Cơ quan lý luận và chính trị
của Đảng cộng sản Việt nam

BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI VỀ CHẤT TRONG QUAN HỆ VIỆT—XÔ

«Những kết quả của cuộc đi thăm này đánh dấu bước phát triển mới về chất trong quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa hai đảng, hai nước chúng ta»

NGUYỄN VĂN LINH

Từ ngày 17 đến ngày 22-5-1987, đồng chí Nguyễn Văn Linh, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng ta đã chính thức thăm hữu nghị Liên xô. Cuộc đi thăm đã thành công tốt đẹp.

Trong các cuộc trao đổi ý kiến và hội đàm, hai đồng chí Tổng bí thư M.X. Goóc-ba-trốp và Nguyễn Văn Linh hoàn toàn nhất trí về quan điểm đối với những vấn đề cấp bách của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng như đối với các chính sách quốc tế của

Digitized by Google

hai đảng. Hai bên thể hiện quyết tâm của hai đảng củng cố và tăng cường mối quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa Việt nam và Liên xô với quy mô ngày một lớn, với các hình thức đa dạng.

Nội dung của các hội đàm về tình hình quốc tế chứng tỏ sự hiểu biết và sự tin cậy giữa hai đảng là sâu sắc và mạnh mẽ; sự phối hợp trong các hoạt động quốc tế giữa hai bên ngày càng chặt chẽ vì lợi ích của nhân dân hai nước cũng như vì sự nghiệp gìn giữ hòa bình, quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc, vì quyền sống của con người trên trái đất.

Những kết quả của chuyến đi của đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đã mang lại niềm phấn khởi to lớn cho toàn đảng và toàn dân ta.

Một lần nữa, Đảng và nhân dân ta lại chứng kiến một sự kiện trọng đại biểu thị tình nghĩa sắt son vốn có từ lâu ngày càng phát triển sâu đậm.

Những người cộng sản và nhân dân Việt nam nhiệt liệt chào mừng thành công tốt đẹp của cuộc thăm hữu nghị chính thức Liên xô của đồng chí Tổng bí thư Đảng ta.

Digitized by Google

TUYÊN BỐ CHUNG VIỆT NAM – LIÊN XÔ

NHẬN lời mời của Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô, đồng chí Nguyễn Văn Linh, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, đã thăm hữu nghị chính thức Liên xô từ ngày 17 đến ngày 22 tháng 5 năm 1987

Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã hội đàm với đồng chí M. X. Goóc-ba-trốp, Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô.

Dự hội đàm, phía Việt nam có các đồng chí Đỗ Mười, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng; Nguyễn Cơ Thạch, Ủy viên Bộ chính trị, Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, Bộ trưởng Bộ ngoại giao; Hồng Hà, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh văn phòng Trung ương; Hoàng Bích Sơn, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban đối ngoại Trung ương; Đậu Ngọc Xuân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Phó chủ nhiệm thứ nhất Ủy ban kế hoạch nhà nước; Nguyễn Mạnh Cầm, Ủy viên Trung ương Đảng, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền tại Liên xô; Lê Xuân Tùng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Trợ lý Tổng bí thư.

Phía Liên xô có các đồng chí N. I. Ru-giơ-cốp, Ủy viên Bộ chính trị, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng; E. C. Li-ga trốp, Ủy viên bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng; E.A. Sê-vác-nát-de, Ủy viên Bộ chính trị, Bộ trưởng Bộ ngoại giao; N.V. Ta-lư-din, Ủy viên dự khuyết Bộ chính trị, Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch nhà nước; V. M. Ca-men-xép, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, Chủ nhiệm Ban kinh tế đối ngoại nhà nước; G. Kh. Sác-ha-da-nốp, Phó trưởng ban thứ nhất Ban đối ngoại Trung ương; D. I. Ca-trin, Ủy viên Trung ương Đảng, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền tại Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh và đồng chí M. X. Goóc-ba-trốp đã có cuộc gặp riêng.

Cuộc trao đổi ý kiến sâu sắc diễn ra trong bầu không khí hữu nghị truyền thống và hiểu biết lẫn nhau đã khẳng định sự nhất trí quan điểm của Đảng cộng sản Việt nam và Đảng cộng sản Liên xô về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chính sách quốc tế.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã thông báo về việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI Đảng cộng sản Việt nam, tiến hành đổi mới bước đầu về quản lý kinh tế nhằm ổn định mọi mặt tình hình kinh tế – xã hội, tạo tiền đề để từng bước mở rộng quy mô công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đưa đất nước tiến lên.

Đồng chí M. X. Goóc-ba-trốp đánh giá cao và khẳng định sự ủng hộ mạnh mẽ của Liên xô đối với đường lối đổi mới, mang tính sáng tạo và thực tiễn do Đại hội lần thứ VI Đảng

Digitized by Google

cộng sản Việt nam đề ra và chúc nhân dân Việt nam thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đại hội.

Đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp thông báo về tình hình của Đảng cộng sản và đất nước Liên xô, nêu rõ tính chất bước ngoặt của giai đoạn hiện nay trong sự phát triển của xã hội xô viết, chiều sâu và tính nhất quán của quá trình cải tổ đã được bắt đầu theo sáng kiến của Đảng cộng sản Liên xô.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh bày tỏ tình cảm sâu sắc của Đảng cộng sản và nhân dân Việt nam về cống hiến vĩ đại của Liên xô trong 70 năm qua đối với lịch sử của loài người, đối với sự nghiệp hòa bình và chủ nghĩa xã hội thế giới.

Những người cộng sản và toàn thể nhân dân Việt nam vô cùng phấn khởi và vui mừng trước công cuộc cải tổ có tính cách mạng sâu sắc theo đường lối Đại hội lần thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô và Hội nghị Trung ương Đảng cộng sản Liên xô tháng giêng năm 1987, thể hiện sức mạnh sáng tạo của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, là kinh nghiệm quý báu để các đảng anh em có thể vận dụng vào những điều kiện cụ thể của mình.

Tại các cuộc hội đàm, hai bên đã tập trung thảo luận về các vấn đề quan hệ hai nước. Nhân dân Việt nam và nhân dân Liên xô quý trọng tình hữu nghị có lịch sử lâu dài và vẻ vang, sự phối hợp hoạt động có kết quả giữa Đảng cộng sản Việt nam và Đảng cộng sản Liên xô, giữa Việt nam và Liên xô. Tình anh em Việt – Xô hình thành dưới ảnh hưởng của tư tưởng Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại. Ánh sáng của tư tưởng đó đã được đồng chí Hồ Chí Minh, người cộng sản lê nin nít lỗi lạc và các bạn chiến đấu của Người truyền bá ở Việt nam. Tình anh em thủy chung trong sáng đó đã được thử thách qua cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài của nhân dân hai nước ngày càng gắn bó và tin cậy. Đồng chí Nguyễn Văn Linh bày tỏ lòng biết ơn chân thành của Đảng cộng sản và nhân dân Việt nam về sự ủng hộ mạnh mẽ, sự giúp đỡ to lớn, chí tình của Đảng cộng sản và nhân dân Liên xô đã dành cho Việt nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trước đây cũng như trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Đồng chí Nguyễn Văn Linh khẳng định tăng cường đoàn kết chặt chẽ và hợp tác toàn diện với Liên xô là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Đảng cộng sản Việt nam, là tình cảm quốc tế thiêng liêng của mọi người Việt nam.

Các nhà lãnh đạo Đảng cộng sản Việt nam và Đảng cộng sản Liên xô đã bày tỏ quyết tâm của hai đảng mở rộng sự hợp tác ở các cấp khác nhau, nghiên cứu sâu sắc kinh nghiệm của nhau, hoàn thiện quan hệ Việt – Xô trên cơ sở những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, của Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Việt nam và Liên xô mà năm 1988 sẽ kỷ niệm trọng thể mười năm ngày ký, của Tuyên bố năm 1985 và Chương trình dài hạn phát triển hợp tác kinh tế và khoa học – kỹ thuật giữa Việt nam và Liên xô. Hai bên đặc biệt nhấn mạnh ý nghĩa của Hiệp ước Việt – Xô trong giai đoạn mới phục vụ lợi ích xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở hai nước, lợi ích của tất cả các nước xã hội chủ nghĩa vì lợi ích của sự nghiệp hòa bình ở Đông – Nam Á, châu Á – Thái bình dương và trên thế giới.

Hai bên nhấn mạnh quy mô ngày càng lớn của sự phối hợp hoạt động Việt – Xô, cách đề cập mới đối với các vấn đề phát triển kinh tế – xã hội do Đại hội lần thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô và Đại hội lần thứ VI Đảng cộng sản Việt nam đề ra đòi hỏi phải cấp bách nâng cao hiệu quả hợp tác

Digitized by Google

theo hướng liên kết xã hội chủ nghĩa, tiến hành chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, sử dụng tích cực hơn những nguyên tắc kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm tới, sự hợp tác kinh tế Việt—Xô sẽ tập trung vào các lĩnh vực khai thác và chế biến nông sản, sản xuất hàng tiêu dùng, phát triển các ngành cơ khí, điện tử, phân bón và hóa chất, khai khoáng, năng lượng, giao thông vận tải, tận dụng năng lực sản xuất và nguồn lao động hiện có ở Việt nam. Hai bên đồng ý tích cực phát triển hợp tác không chỉ giữa hai nhà nước mà cả ở cấp bộ và xí nghiệp.

Hai bên sẽ tìm kiếm các hình thức và lĩnh vực hợp tác mới, hiệu quả cao, như lập các liên hiệp và xí nghiệp liên doanh, thi hành những biện pháp cần thiết để hiện đại hóa và phát huy hết công suất các xí nghiệp được xây dựng với sự giúp đỡ kỹ thuật của Liên xô.

Hai bên sẽ mở rộng hợp tác khoa học—kỹ thuật trước hết là nhằm phục vụ việc thực hiện ba chương trình kinh tế lớn mà Đại hội VI đã đề ra cũng như trong việc đào tạo cán bộ khoa học, cán bộ quản lý và công nhân lành nghề. Trên cơ sở các thỏa thuận đạt được hai bên đã ký các hiệp định tương ứng.

Hai bên thỏa thuận việc Liên xô sẽ giúp xây dựng chương trình phát triển kinh tế dài hạn của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

Hai nhà lãnh đạo Việt nam và Liên xô tán thành việc đề ra các biện pháp bổ sung nhằm phát triển các mối liên hệ kinh tế giữa Việt nam và vùng Viễn Đông Liên xô.

Hai bên đã thỏa thuận lập Ủy ban liên chính phủ Việt — Xô về hợp tác văn hóa, tăng cường việc trao đổi giữa các hội sáng tác của hai nước. Những ngày Văn hóa Liên xô ở Việt nam (1987) nhân dịp kỷ niệm lần thứ 70 Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, và những ngày Văn hóa Việt nam ở Liên xô (1990) nhân dịp kỷ niệm 45 năm Quốc khánh Việt nam và 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sẽ là những sự kiện có ý nghĩa lớn.

Hai bên sẽ tiếp tục phối hợp trong lĩnh vực đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ, trong lĩnh vực văn hóa, nghiên cứu tiếng Nga ở Việt nam và tiếng Việt ở Liên xô.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh và đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp khẳng định đường lối nguyên tắc của Đảng cộng sản Việt nam và Đảng cộng sản Liên xô là tiếp tục củng cố sự thống nhất và đoàn kết trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, phát huy cao nhất tính chủ động, tích cực và sáng tạo của mỗi đảng và mỗi nước. Hai bên nhấn mạnh rằng các cuộc gặp gỡ làm việc của các đồng chí lãnh đạo cao nhất của các đảng anh em có ý nghĩa chỉ đạo đối với việc phối hợp vạch ra những phương hướng cùng hợp tác và soạn thảo đường lối chung của các nước cộng đồng xã hội chủ nghĩa trong các công việc quốc tế. Những người tham gia hội đàm tán thành tiếp tục hoàn thiện cơ chế của các hội nghị Bí thư Trung ương các đảng anh em và nâng cao hiệu quả các hình thức hợp tác nhiều bên khác giữa các nước xã hội chủ nghĩa.

Việt nam và Liên xô tiếp tục tập trung mọi cố gắng làm sâu sắc sự liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa, tăng cường phối hợp trong việc thực hiện chương trình tổng thể của các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế về tiến bộ khoa học — kỹ thuật đến năm 2000 và hoàn thiện hoạt động của Hội đồng tương trợ kinh tế.

Trong khuôn khổ Hội đồng tương trợ kinh tế, Liên xô sẽ tích cực tham gia xây dựng chương trình đặc biệt nhằm giúp phát triển các ngành kinh tế cơ bản của Việt nam, Mông cổ, Cu-

Digitized by Google

ba và thực hiện có hiệu quả chương trình này.

Cuộc trao đổi ý kiến đã khẳng định sự nhất trí quan điểm của Đảng cộng sản Việt nam và Đảng cộng sản Liên xô về các vấn đề quốc tế cấp bách, quyết tâm của Việt nam và Liên xô tích cực phối hợp hoạt động trong việc củng cố hòa bình thế giới và an ninh chung, tình đoàn kết của hai nước đối với cuộc đấu tranh của các dân tộc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

Đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp đã thông báo về những hoạt động của Đảng cộng sản và Nhà nước để triển khai những sáng kiến của Liên xô nhằm làm giảm căng thẳng quốc tế, về các bước đi thực tế của Liên xô nhằm xác lập tư duy chính trị mới trong hoạt động quốc tế, phát triển những mối quan hệ hợp tác và láng giềng tốt ở châu Âu, châu Á và các khu vực khác trên thế giới. Hai bên đã đánh giá quan hệ Xô—Mỹ trong giai đoạn hiện nay, quá trình đàm phán về vũ khí hạt nhân và vũ khí vũ trụ ở Giơ-nơ-vơ, nhấn mạnh ý nghĩa có tính nguyên tắc trong đề nghị của Liên xô nhằm hủy bỏ tên lửa tầm trung của Liên xô và của Mỹ ở châu Âu và tiến hành các cuộc đàm phán về việc giảm và tiến tới thủ tiêu loại tên lửa tác chiến chiến thuật ở lục địa này.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh khẳng định sự ủng hộ hoàn toàn của Đảng cộng sản và nhân dân Việt nam đối với những sáng kiến hòa bình quan trọng mới của Liên xô. Đồng chí nhấn mạnh rằng với chính sách đối ngoại lê nin nít, Liên xô đang phát huy vai trò là trung tâm và là động lực thúc đẩy quá trình làm giảm căng thẳng, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân, củng cố hòa bình và an ninh trên toàn thế giới.

Hai nhà lãnh đạo Đảng cộng sản Việt nam và Đảng cộng sản Liên xô bày tỏ quyết tâm làm hết sức mình để ngăn chặn xu hướng nguy hiểm trong sự phát triển của tình hình thế giới, chấm dứt chạy đua vũ trang trên mặt đất và không đưa chạy đua vũ trang lên vũ trụ, sử dụng các chi phí quân sự khổng lồ hiện nay vào việc giải quyết những vấn đề cấp bách, trước hết là ở các nước đang phát triển.

Việt nam và Liên xô kiên quyết trung thành với tư tưởng biến châu Á — Thái bình dương thành khu vực hòa bình, ổn định, láng giềng tốt và hợp tác trên cơ sở những cố gắng chung của tất cả các nước trong khu vực, quan điểm lồng thể đối với các vấn đề bảo đảm an ninh ở châu Á — Thái bình dương. Việc thực hiện tư tưởng này có thể sẽ được thúc đẩy bởi việc giải quyết đúng đắn bằng chính trị các cuộc xung đột hiện nay, không phát triển và phổ biến vũ khí hạt nhân trong khu vực, giảm mức hoạt động của các hạm đội quân sự ở Thái bình dương, thực hiện những biện pháp thực tế nhằm thiết lập các khu vực phi hạt nhân, giảm lực lượng vũ trang và vũ khí thông thường, tạo bầu không khí tin cậy lẫn nhau.

Hai bên nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nhanh chóng giảm căng thẳng ở Đông — Nam Á. Liên xô ủng hộ đường lối xây dựng và những sáng kiến của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia nhằm làm lành mạnh bầu không khí chính trị ở Đông — Nam Á, phát triển quan hệ hữu nghị với các nước ASEAN và các nước khác trong khu vực.

Việt nam và Liên xô ủng hộ đường lối hòa giải dân tộc của Chính phủ Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia. Việc thực hiện đường lối này sẽ đáp ứng lợi ích sống còn của nhân dân Cam-pu-chia, bảo đảm cho nhân dân Cam-pu-chia quyền tự quyết định vận mệnh

Digitized by Google

của mình và thúc đẩy việc lập lại hòa bình ở trong nước. Vấn đề nội bộ của Cam-pu-chia phải do nhân dân Cam-pu-chia tự giải quyết.

Việt nam và Liên xô cho rằng việc tìm ra giải pháp cho những khía cạnh quốc tế của vấn đề Cam-pu-chia bằng biện pháp chính trị cần tính đến những thực tế đang tồn tại ở khu vực, với sự tham gia dưới hình thức này hay hình thức khác của tất cả các bên liên quan. Việt nam và Liên xô kiên quyết ủng hộ việc dành cho Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia vị trí hợp pháp ở Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác.

Liên xô trước sau như một ủng hộ những cố gắng của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia nhằm xây dựng những cơ sở của chủ nghĩa xã hội, bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc của các nước này, củng cố liên minh anh em và sự hợp tác toàn diện giữa ba nước — nhân tố quan trọng của hòa bình, ổn định ở Đông — Nam Á.

Các nhà lãnh đạo Đảng cộng sản Việt nam và Đảng cộng sản Liên xô nhấn mạnh tính chất xây dựng của đường lối chính trị của Chính phủ Áp-ga-nì-xtan, nhằm đạt được hòa giải dân tộc ở trong nước và giải pháp chính trị về tình hình chung quanh Áp-ga-ni-xtan, cũng như những cố gắng của nhân dân Áp-ga-ni-xtan nhằm xây dựng một nước Áp-ga-ni-xtan có chủ quyền, độc lập và không liên kết.

Những người tham gia hội đàm nêu rõ nguyện vọng của nước mình mong muốn bình thường hóa và cải thiện quan hệ với Cộng hòa nhân dân Trung hoa, coi đó là nhân tố tích cực và to lớn của việc củng cố ổn định ở châu Á và trong sinh hoạt quốc tế nói chung. Hai bên sẽ hoan nghênh nếu Trung quốc tham gia tích cực vào việc tìm kiếm những con đường giải quyết các vấn đề phức tạp của châu Á. Phía Liên xô ủng hộ sáng kiến của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam về tiến hành đàm phán Việt — Trung để giải quyết sớm nhất các vấn đề tranh chấp hiện nay.

Trong quá trình hội đàm hai bên đã tỏ ý tin tưởng rằng việc thực hiện những đề nghị của Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều tiên nhằm nối lại đối thoại giữa Bắc và Nam Triều tiên và việc thiết lập khu vực phi hạt nhân ở đây sẽ thúc đẩy việc cải thiện tình hình trên bán đảo Triều tiên. Hai bên khẳng định ủng hộ đề nghị của Cộng hòa nhân dân Mông cổ xây dựng một cơ chế nhằm loại trừ việc sử dụng vũ lực trong quan hệ giữa các nước ở châu Á và Thái bình dương.

Việt nam và Liên xô khẳng định ý nghĩa quan trọng của Tuyên bố Niu Đê-li và những nguyên tắc nhằm xây dựng một thế giới không có vũ khí hạt nhân, không bạo lực trong quan hệ quốc tế được nêu trong tuyên bố này. Hai bên đánh giá cao đóng góp của Cộng hòa Ấn độ vào việc giải quyết các vấn đề khu vực và toàn cầu, vì lợi ích củng cố hòa bình và ổn định châu Á và trên toàn thế giới.

Các nhà lãnh đạo Việt nam và Liên xô hoan nghênh vai trò tích cực của Phong trào không liên kết trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân mới và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, nhằm chấm dứt chạy đua vũ trang và thủ tiêu vũ khí hạt nhân, vì hòa bình và an ninh của các dân tộc.

Trong thời gian ở Mát-xcơ-va, đồng chí Nguyễn Văn Linh và các đồng chí cùng đi đã đặt vòng hoa và viếng Lăng V.I. Lê-nin, đặt vòng hoa tại mộ Chiến sĩ vô danh cạnh tường Điện Crem-li, thăm Bảo tàng, phòng làm việc và nhà ở của V.I. Lê-nin trong Điện Crem-li, đặt hoa tại bia tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh và tại nơi sẽ xây dựng tượng của Người. Các

(Xem tiếp trang 16)

Digitized by Google

VÕ VĂN KIỆT

VẤN ĐỀ PHÂN PHỐI LƯU THÔNG – NHỮNG GIẢI PHÁP MỚI TRÊN CƠ SỞ QUAN ĐIỂM MỚI

Từ nhiều năm nay, phân phối lưu thông luôn luôn là « vấn đề nóng bỏng ». Mặc dù đã có nhiều nghị quyết của Đảng và Nhà nước, song tình hình chẳng những không được cải thiện đáng kể, mà ngày càng nghiêm trọng hơn.

Hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VI) đã bàn và quyết định những giải pháp về phân phối lưu thông, cụ thể hóa thêm một bước Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng.

★

Với tư cách là một yếu tố của quá trình tái sản xuất xã hội, phân phối lưu thông vừa là tiền đề và điều kiện, vừa là kết quả của sản xuất. Giải quyết các vấn đề phân phối lưu thông thực chất là xóa bỏ những ách tắc của « đầu vào » và « đầu ra » của quá trình tái sản xuất, mở đường cho quá trình này được tiến hành thông suốt.

Hiện nay tiềm năng mọi mặt của chúng ta không nhỏ, song nhiều khả năng sẵn có không được phát huy. Điều đó có phần do thiếu các yếu tố vật chất (như thiếu vật tư, năng lượng; thiết bị cũ kỹ), song điều quan trọng là chính năng lượng, vật tư hiện có cũng không được sử dụng đúng mục tiêu, lại bị lãng phí nghiêm trọng; năng suất, chất lượng, hiệu quả giảm sút. Sản phẩm xã hội tuy còn thấp, tăng chậm, song vẫn phát triển ở mức 6 — 7%, mà tình hình vẫn rất căng thẳng, chính là do phân phối lưu thông có nhiều vướng mắc. Phân phối lưu thông sai lầm gây ra điều ngược đời: các cơ quan nhà nước thì tập trung cố gắng và phương tiện cho sản xuất, còn chính người lao động lại kém nhiệt tình. Nguy cơ giảm sút của nền kinh tế bắt nguồn từ đó mà ra.

Vì vậy, trong tình hình hiện nay, trong khi không thể coi nhẹ mà phải hết sức khẩn trương tạo thêm các yếu tố vật chất cho sản xuất, thì điều còn *cấp bách hơn nữa* là phải giải quyết đúng đắn các chính sách phân phối lưu thông nhằm giải phóng năng lực sản xuất của tất cả các thành phần kinh tế. Khi năng lực sản xuất được giải phóng, khi người lao động tìm mọi cách khắc phục khó khăn để phát triển sản xuất, thì sẽ tạo ra những tiền đề rất cơ bản để giải quyết tốt hơn phân phối lưu thông.

Vấn đề đặt ra là giải quyết các vấn đề phân phối lưu thông theo cơ chế nào? Kinh nghiệm nóng hổi của năm 1986 đã cho thấy: phải vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, dứt

Digitized by Google

khoát chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Nếu chỉ điều chỉnh giá, lương, tiền trong khi vẫn duy trì tập trung quan liêu bao cấp thì giá càng tăng, lạm phát càng nhiều; bội chi càng lớn và tiền lương thực tế càng giảm sút. Đó là thế bị động, càng làm, càng bế tắc.

Giải quyết vấn đề phân phối lưu thông và cụ thể là các vấn đề giá cả, lưu thông hàng hóa, tài chính, tiền tệ, tiền lương theo cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa cũng tức là vận dụng tốt hơn nữa các quy luật kinh tế khách quan đang vận động trong nền kinh tế nước ta, trong đó quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội đóng vai trò chủ đạo, đồng thời vận dụng một cách thích đáng quy luật giá trị, quan hệ hàng hóa—tiền tệ, quan hệ cung cầu, v.v.

Kinh nghiệm những năm qua cũng cho phép rút ra kết luận: quá trình giải quyết các vấn đề phân phối lưu thông theo cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa là một quá trình gồm nhiều bước, không thể làm ào ạt, thiếu sự chuẩn bị các điều kiện và tiền đề cần thiết. Mỗi bước đi đều phải cân nhắc phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi ngành, mỗi địa phương và cơ sở. Song cần nhấn mạnh rằng, chúng ta không thể dừng lại ở cái công thức « vừa chống tập trung quan liêu, vừa chống cục bộ, địa phương, vô tổ chức, vô kỷ luật », « vừa tích cực, vừa vững chắc » theo lối nói sáo mòn, để rồi không làm được gì cả! Tuy bước đi có cân nhắc theo điều kiện thực tế, nhưng phương hướng chiến lược xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện hạch toán kinh doanh thì không thể mảy may giao động.

Chúng ta đã nói nhiều đến những năng lực sản xuất đang được sử dụng ở mức quá thấp, kể cả đất đai, rừng, biển, cơ sở vật chất—kỹ thuật hiện có... đáng quan tâm hơn cả là hàng chục triệu người lao động — lực lượng sản xuất quyết định nhất, trong đó có đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật rất đáng quý, chưa phát huy được tài năng, trí tuệ của mình, hơn thế nữa, không thiết tha với ngay công việc của họ. Sẽ là bất công nếu chỉ quy nguyên nhân của tình trạng đó là do người lao động « kém giác ngộ xã hội chủ nghĩa », « ý thức tổ chức, kỷ luật lỏng lẻo »!

Nếu cần chỉ đích danh nguyên nhân chủ yếu đã kìm hãm các năng lực sản xuất — một điều hoàn toàn ngược lại với lý tưởng, mục đích của chủ nghĩa xã hội, thì đó là *các chính sách kinh tế hiện hành*, cả trong lĩnh vực sản xuất lẫn trong lĩnh vực phân phối lưu thông. Ở đây, tôi muốn nói về các chính sách trong lĩnh vực phân phối lưu thông.

Việc giải phóng năng lực sản xuất của giai cấp nông dân là quan trọng nhất, cấp bách nhất hiện nay. Giải phóng năng lực sản xuất của hàng vạn hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, hàng chục triệu nông dân là điều kiện quyết định nuôi sống toàn xã hội, tạo ra nguyên liệu, hàng xuất khẩu và thị trường để phát triển công nghiệp, tức là tạo ra những điều kiện quan trọng nhất để thực hiện ba chương trình kinh tế lớn trong 5 năm 1986 — 1990. Chúng ta đều biết khi đề ra chính sách kinh tế mới để thoát khỏi tình hình kinh tế — xã hội hết sức hiểm nghèo của nước Nga Xô viết sau nội chiến, Lê-nin đã nói « phải bắt đầu từ nông dân ». Thực tế đã chỉ rõ: nói tăng cường liên minh công—nông, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, lương thực là số một, mà không tập trung sức đầu tư cho nông nghiệp, nhất là không giải quyết đúng mức các vấn đề giá cả mua nông sản và lưu thông hàng hóa nông sản, muốn định giá một cách chủ quan, kìm giá, ép giá với nông dân, muốn tiếp tục ngăn cản sự lưu thông hợp quy luật của hàng hóa nông sản, v.v. thì không những chỉ là nói suông mà còn gây

Digitized by Google

tác lại lớn. Điều dễ nhận thấy là hiện nay, nông dân không phấn khởi sản xuất, mà một nguyên nhân chủ yếu là nhiều chính sách không thỏa đáng và không nhất quán.

Từ thực tiễn, cần rút ra kết luận dứt khoát rằng vấn đề đầu tiên, có ý nghĩa mấu chốt là chính sách trao đổi hàng hóa với nông dân phải được sửa đổi. Từ nay, ngoài thuế là nghĩa vụ bắt buộc, mọi quan hệ trao đổi hàng hóa giữa nông dân và các tổ chức kinh tế của Nhà nước phải theo những quy luật của sản xuất hàng hóa trên nguyên tắc bình đẳng, ngang giá. Nếu mua bán theo lối ép buộc, tất sẽ dẫn đến tệ nạn ngăn sông cấm chợ, hạn chế việc giao lưu hàng hóa nông sản, để Nhà nước «nắm được sản phẩm», nhưng trên thực tế, hàng hóa tuột khỏi tay Nhà nước, rốt cuộc Nhà nước lại bị động chạy theo, nâng giá mua hết vụ này đến vụ khác, mà vẫn chạy theo không kịp, chịu thua thiệt nhiều. Rõ ràng ý muốn chủ quan chẳng những không thể cưỡng được sự vận động của quy luật kinh tế khách quan mà còn bị nó trừng phạt nghiêm khắc.

Thật đáng suy nghĩ khi tính toán chi li với người sản xuất lương thực, không thừa nhận giá cả đã hình thành trên thị trường trong nước, nhưng lại bỏ bụng chi tiêu ngoại tệ và sẵn sàng vay mượn để đi «đong gạo» trên thị trường tự do của nước ngoài. Đó là cách làm trái ngược vì nó tự bóp nghẹt những khả năng vốn có của chính mình.

Trong các xí nghiệp quốc doanh, giải phóng năng lực sản xuất của giai cấp công nhân cũng là vấn đề vô cùng cấp bách.

Chúng ta đã từng nhiều lần nhấn mạnh vị trí và vai trò cực kỳ quan trọng của kinh tế quốc doanh. Thế nhưng, nhiều năm nay, chế độ bao cấp được thực hiện đến mức quá cao và cơ chế tập trung quan liêu đã trở thành những sợi dây vô hình trói buộc, kìm hãm động lực phát triển sản xuất của một bộ phận giai cấp công nhân, khiến cơ thể khỏe mạnh của kinh tế quốc doanh dần dần trở nên yếu ớt.

Vấn đề này cần được xem xét, giải quyết một cách toàn diện. Song, riêng về phân phối lưu thông, cần khẳng định rằng giải phóng năng lực sản xuất của giai cấp công nhân, bảo đảm thích đáng quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp, chăm lo củng cố và tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, để cho nó thật sự nêu gương về làm ăn có hiệu quả, chính là tạo điều kiện và buộc xí nghiệp quốc doanh phải dứt khoát đi vào hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Vấn đề cần giải quyết ở đây là xử lý «đầu vào» và «đầu ra» của xí nghiệp, tức là xác định giá tư liệu sản xuất và giá hàng tiêu dùng, một vấn đề liên quan chặt chẽ đến việc giải quyết giá, lương, tiền.

Việc làm đầu tiên có ý nghĩa quyết định của quá trình xóa bỏ bao cấp là xác định thỏa đáng giá tư liệu sản xuất nhập khẩu và sản xuất trong nước để từ đó xác định khấu hao, đồng thời tính toán các chi phí sản xuất khác sát với thực tế; mặt khác, xử lý đầu ra phù hợp với giá bán kinh doanh thương nghiệp đã hình thành... Điều này thúc đẩy xí nghiệp công nghiệp quốc doanh chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Song, nếu vẫn tiếp tục duy trì tập trung quan liêu bao cấp thì không có cách nào xác định được định mức tiêu hao vật tư và lao động, không thể loại trừ được những yếu tố tiêu cực và bất hợp lý trong chế độ tiền lương, không thể tinh giản được bộ máy quá cồng kềnh. Hệ quả tất yếu sẽ là giá thành lớn hơn giá bán buôn

Digitized by Google

công nghiệp, và đến lượt nó, giá bán buôn công nghiệp sẽ đội giá bán lẻ; đương nhiên là thu quốc doanh sẽ giảm hoặc có khi bị triệt tiêu, dẫn đến nạn bội chi ngân sách nhà nước.

Tất nhiên, phải xác định giá tư liệu sản xuất một cách có căn cứ khoa học. Cách làm tích cực nhất để « từng bước » xóa bao cấp không phải là đưa dần vào « từng bước », mà phải có bước đi mạnh hơn; tính đúng, tính đủ dần vào, buộc xí nghiệp phải tự mình xử lý những bất hợp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tiết kiệm vật tư, năng lượng, giảm biên chế gián tiếp, v.v. để hạ giá thành, làm ăn có lãi. Đồng thời Nhà nước chủ động xử lý đầu ra, định giá bán hàng hóa theo chính sách giá cả phù hợp với chính sách tiêu dùng, cho sản xuất cũng như cho đời sống. Tạm thời, có thể nhân nhượng, song phải phấn đấu làm như thế, để tạo điều kiện thúc đẩy xí nghiệp kinh doanh lành mạnh, theo hướng mua đúng, bán đúng. Như vậy, tập thể người lao động mới có thể tiến lên làm chủ xí nghiệp trên thực tế.

★

Thị trường và giá cả liên quan hết sức chặt chẽ đến toàn bộ quá trình phân phối lưu thông, và do vậy, trước hết phải có thái độ xử lý đúng đắn với thị trường. Như Đảng ta đã khẳng định, nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, nền kinh tế còn nhiều thành phần, và dĩ nhiên mỗi thành phần đều đang thực hiện quá trình tái sản xuất của mình ở những phạm vi và mức độ khác nhau. Quá trình vận động phức tạp đó đã làm cho hoạt động của các thành phần kinh tế xen vào nhau, xâm nhập lẫn nhau đến mức không một thành phần kinh tế nào lại có riêng một thị trường hoàn toàn độc lập. Rõ ràng, thị trường xã hội nước ta là thị trường của nhiều thành phần kinh tế, trong đó quốc doanh là lực lượng có sức mạnh hùng hậu nhất, phải giữ vai trò chi phối. Lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa có đầy đủ khả năng và tư cách pháp nhân là « nhà kinh doanh » lớn nhất, là người có vai trò chủ đạo định hướng hoạt động của thị trường. Không thể quan niệm một cách chật hẹp thị trường có tổ chức chỉ giới hạn trong khuôn khổ lực lượng hàng hóa, cửa hàng của thương nghiệp quốc doanh và tập thể theo cách làm bao cấp, mua cao, bán thấp, được ngân sách nhà nước bảo trợ, và đối lập với nó là « thị trường tự do » mà nhiều ý kiến cho rằng luôn luôn đẩy rẫy yếu tố tiêu cực, đầy rẫy nạn đầu cơ, buôn lậu và làm ăn phi pháp, v.v. Điều đó đúng và chúng ta cần đấu tranh để ngăn chặn, song cũng cần thấy rõ rằng thị trường có tổ chức do chúng ta xây dựng nên cũng chứa đựng khá nhiều yếu tố tiêu cực.

Vấn đề đặt ra là vì sao lực và thế chúng ta mạnh mà thành yếu, thị trường tự do lại đang hoạt động hỗn loạn và ngày càng lấn át chúng ta? Điều này có nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là sai lầm trong nhận thức và hành động trái với quy luật khách quan, thể hiện ở các chính sách kinh tế hiện hành.

Chúng ta vốn có sức mạnh của nền chuyên chính vô sản, và tiềm năng kinh tế dồi dào, nhưng chúng ta lại kiêng kỵ kinh doanh « theo cung cách nhà buôn » như Lê-nin đã chỉ dẫn, cho nên, trước thị trường của nhiều thành phần kinh tế « phức tạp », « biến hóa », lực lượng kinh tế quốc doanh, trước hết là thương nghiệp, không phát huy được sức mạnh để làm chủ thị trường và giá cả, từng bước mở rộng kinh doanh. Thế là các « nhà buôn lớn » dành chịu bó tay, nhường trận địa cho những người buôn bán nhỏ, để cho bọn đầu cơ và buôn bán trái phép mặc sức thao túng. Họ liên minh với một bộ phận nông dân và thợ thủ công, thậm chí liên minh với cả một

Digitized by Google

số đơn vị sản xuất quốc doanh tạo ra những « kênh » lưu thông « ngầm », lắt léo, phức tạp để « móc ruột » nhà nước, không một biện pháp hành chính nào có thể kiểm soát và ngăn chặn được.

Vấn đề cơ bản hiện nay là kinh tế xã hội chủ nghĩa phải kịp thời chuyển nhanh, chuyển mạnh sang kinh doanh và làm ăn có hiệu quả, xông ra chiếm lĩnh thị trường bằng chính sức mạnh vốn có và những phương pháp kinh tế có hiệu quả, kể cả việc chủ động nắm lấy và thu lại đại bộ phận « chênh lệch giá » trên thị trường. Chênh lệch giá hiện nay có hai nguồn gốc : do sự áp đặt chủ quan về giá cả của Nhà nước và do năng suất lao động xã hội khác nhau và quan hệ cung cầu khác nhau giữa các vùng. Nguồn gốc thứ nhất do chủ quan sẽ bị xóa bỏ khi chúng ta xử lý dần từng bước cơ chế định giá hợp lý. Nếu không xử lý giá cả hợp quy luật thì không thể chống ăn chênh lệch giá. Còn nguồn gốc thứ hai thì tồn tại khách quan trong lưu thông hàng hóa mà các tổ chức kinh doanh xã hội chủ nghĩa phải biết nắm lấy. Điều này sẽ được khắc phục dần cùng với chủ trương giải tỏa lưu thông trên quy mô cả nước.

Chúng ta phải giải tỏa lưu thông hàng hóa ra khỏi những sự trói buộc hành chính, làm cho hàng hóa được lưu thông một cách bình thường. Nếu thương nghiệp xã hội chủ nghĩa thật sự chuyển sang kinh doanh thì hoàn toàn có khả năng làm chủ thị trường, làm chủ giá cả và các quan hệ phân phối khác. Vừa qua, việc xóa bỏ mạng lưới trạm kiểm soát trên các trục đường giao thông đã bước đầu tạo ra sinh khí mới trong lưu thông hàng hóa. Dĩ nhiên, chúng ta cũng phải thấy trước những tiêu cực mang tính tự phát để tìm biện pháp khắc phục. Song cần khẳng định rằng sự rối ren trong lưu thông tự do ít nhất cũng không nguy hiểm bằng nạn khan hiếm nghiêm trọng hàng tiêu dùng và sự đảo lộn về đời sống của nhân dân.

Thực trạng giá cả của chúng ta là : chênh lệch giữa giá nhiên liệu, vật tư, thiết bị phụ tùng của Nhà nước với giá thị trường tự do là một trên mười. Thế chênh lệch quá đáng đó đã gây bất lợi lớn cho cán cân ngân sách, vừa ách tắc vừa rối loạn trong lưu thông, là sơ hở lớn để bọn thoái hóa biến chất thừa cơ trục lợi và gây ra nhiều tiêu cực khác.

Vấn đề cấp bách hiện nay là phải thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ để giảm nhịp độ tăng giá, đồng thời khẩn trương nghiên cứu để điều chỉnh hệ thống giá nhà nước hiện đã quá bất hợp lý, đi đôi với sửa đổi căn bản cơ chế định giá.

Cơ sở để xử lý các loại giá lần này là giá kinh doanh thương nghiệp, bán bình thường đối với tuyệt đại bộ phận hàng hóa ; và ứng với giá này, là giá mua thỏa thuận đối với nông, lâm, thủy sản. Đó là cách giải quyết phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, vì những loại giá đó vừa phản ánh giá trị, vừa phù hợp sức mua thực tế của đồng tiền và quan hệ cung cầu đã hình thành. Đương nhiên, quá trình điều chỉnh cần có bước đi thích hợp, dần dần, không gây đột biến thị trường và giá cả.

Đối với giá bán lẻ hàng tiêu dùng, việc điều chỉnh là cấp thiết, vì trên thực tế, các địa phương đều đã bán theo giá cao hơn nhiều so với giá trung ương giao về. Nếu giữ giá bán lẻ trung ương đã ban hành thì ngân sách trung ương sẽ bị thâm hụt lớn. Như vậy, không phải là bây giờ Nhà nước nâng giá bán lẻ lên, mà chỉ là công nhận giá đã hình thành trên thực tế mà thôi. Đương nhiên, công nhận không có nghĩa là bị động mà là giành chủ động để từng bước sắp xếp lại cho hợp lý hơn.

Xét về lâu dài, giải phóng năng lực sản xuất hiện có để phát triển sản

Digitized by Google

xuất, phát huy mọi tiềm năng, sáng kiến để hạ giá thành và nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, đó là cơ sở để giữ mức giá đã hình thành và tạo ra tiền đề ổn định dần giá cả. Song, phải thừa nhận rằng trong điều kiện kinh tế của ta hiện nay, giá cả còn tiếp tục tăng lên là một khuynh hướng thực tế. Vấn đề đặt ra là chúng ta phải chủ động thực hiện các biện pháp tích cực để giảm nhịp độ tăng giá, tiến tới ổn định giá cả.

Khâu then chốt của toàn bộ vấn đề tài chính, tiền tệ hiện nay là giảm dần đi tới chấm dứt lạm phát. Nguyên nhân chủ yếu của lạm phát là phát hành cho chi tiêu ngân sách, mà càng phát hành, giá cả lại càng tăng lên, do đó, lại phải phát hành thêm cho chi tiêu, v.v.

Nguyên nhân sâu xa của bội chi ngân sách chính là các chính sách kinh tế không tạo được động lực phát triển, kìm hãm sản xuất, làm giảm năng suất, chất lượng, hiệu quả. Nguyên nhân trực tiếp của bội chi ngân sách là chi vượt quá khả năng thu: nói chính xác hơn, đã không tạo ra được các nguồn thu (bằng kích thích và mở rộng sản xuất lưu thông, bằng tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả, v.v.), trong khi đó, không cắt giảm được các khoản chi quá sức mình, không hạn chế được các khoản chi không hợp lý, thậm chí vô nghĩa (như các khoản bù lỗ).

Chúng ta đã nhiều lần hô hào « tăng thu, giảm chi », song trên thực tế, thu không tăng được bao nhiêu, chi cũng không giảm được, kết quả là bội chi vẫn tiếp tục tăng lên. Vì vậy, không chỉ đơn thuần « tăng thu, giảm chi » mà vấn đề đặt ra là phải giải phóng mọi năng lực sản xuất, tạo ra nguồn thu ngày càng dồi dào để có thể chi đích đáng cho các nhu cầu cần thiết. Phải nhận rằng cắt giảm chi đầu tư xây dựng cơ bản là một việc bất đắc dĩ, song chúng ta buộc phải làm một cách kiên quyết. Ham làm nhiều, làm nhanh, làm lớn quá sức mình, tưởng đi lên chủ nghĩa xã hội được nhanh, kỳ thực sẽ đi rất chậm, làm từng bước hợp lý, làm đâu chắc đó, phát huy được hiệu quả ngay, thoạt nhìn tưởng chậm, song đó lại là cách đi nhanh và vững chắc.

Khoản thu lớn nhất của ngân sách nhà nước là thu từ kinh tế quốc doanh. Chuyển mạnh sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện cơ chế tự trang trải, các xí nghiệp quốc doanh không những sẽ chấm dứt được những khoản bao cấp của ngân sách qua bù giá, bù lỗ, mà còn tăng được tích lũy ở khu vực này.

Có một khoản thu khác rất quan trọng, đó là thuế, một công cụ rất có hiệu lực để thăng bằng ngân sách, thực hiện phân phối lại thu nhập quốc dân, thực hiện công bằng xã hội. Ở nước ta hiện nay, thuế chưa được nhận thức và vận dụng đúng với ý nghĩa và tầm quan trọng của nó. Đã đến lúc phải nghiên cứu chính sách thuế một cách toàn diện, trên cơ sở phát triển sản xuất, tăng nhanh của cải cho xã hội mà thực hiện việc phân phối lại, tạo ra nguồn thu dồi dào cho ngân sách nhà nước. Chính sách thuế cần được đổi mới theo hướng giảm thuế đối với khu vực sản xuất, bãi bỏ những hình thức tự tiện thu thuế một cách phi lý đối với quần chúng lao động, kể cả ở thành thị và nông thôn, miễn thuế hoặc thực hiện thuế ưu đãi đối với các nghiệp vụ xuất khẩu, đặc biệt là khuyến khích và miễn thuế trong thời hạn nhất định đối với các phương án đầu tư theo các mục tiêu cần ưu tiên.

Kiều hối là một nguồn thu ngoại tệ vừa có ý nghĩa kinh tế, vừa có ý nghĩa chính trị, xã hội sâu sắc, đáng lẽ phải khuyến khích mạnh mẽ, song rất tiếc là nhiều năm nay chúng ta đã không làm như vậy. Vừa qua Nhà nước đã chính thức ra quyết định bãi bỏ

Digitized by Google

sự hạn chế về số lượng và số lần tiền và hàng gửi về, khuyến khích gửi tiền, thiết bị, nguyên, vật liệu và phụ tùng thay thế, có tỷ giá thỏa đáng. Chúng ta phải xóa bỏ các định kiến hẹp hòi, các thủ tục phiền hà đối với những người nhận tiền và hàng từ nước ngoài gửi về.

Tiết kiệm được coi như một «quốc sách» đã nêu lên từ nhiều năm nay, song vẫn chưa được thể hiện đúng đắn và đầy đủ trong thực tế. Tình hình lãng phí vẫn tiếp diễn nghiêm trọng, nhất là trong các cơ quan nhà nước. Rõ ràng là không thể duy trì tình trạng chi tiêu quá mức, vượt quá khả năng thu; cần rà soát chặt chẽ và dứt khoát cắt giảm những khoản chi lãng phí đó.

Trên cơ sở mở rộng các nguồn thu, phải tính toán, bố trí các khoản chi thật đích đáng. Cần chú ý đúng mức đến việc chi cho các sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội mà lâu nay đã bị xem nhẹ, hậu quả là tình trạng đáng báo động về chất lượng dạy và học, khám bệnh và chữa bệnh...

Về lưu thông tiền tệ, mọi người đều thấy rõ tác hại của lạm phát đối với hoạt động kinh tế, xã hội, muốn hạn chế việc đưa tiền ra, nhưng ít người quan tâm tới những nguy hại của việc Nhà nước thiếu tiền mặt không đáp ứng được kịp thời yêu cầu của các hoạt động kinh tế, như mua lương thực, nông sản, có khi thiệt hại hàng chục, hàng trăm triệu đồng. Việc thiếu tiền để trả lương cho giáo viên, cán bộ y tế, thiếu tiền chi các khoản về chính sách xã hội cũng gây ra phức tạp về tâm lý xã hội. Vì vậy, cần phân biệt rõ việc phát hành thêm tiền trong trường hợp nào là cần thiết và trong trường hợp nào thì dứt khoát phải tránh.

Trong tình trạng lạm phát, thường xuất hiện hai hiện tượng trái ngược nhau: vừa thừa tiền, vừa thiếu tiền. Lượng tiền phát hành tương ứng với mức giá của hàng hóa đã tăng lên là cần thiết cho sản xuất và lưu thông hàng hóa. Không thể đồng nhất việc phát hành đó với việc lạm phát để chi tiêu cho ngân sách, đó là điều cần phân biệt rõ. Vì vậy, cần phân tích kỹ để có giải pháp đúng trong từng trường hợp cụ thể. Cần có nhiều biện pháp để tập trung tiền qua ngân hàng, đưa tiền ra đúng lúc, đúng chỗ phục vụ các nhu cầu đáng phải đưa tiền ra.

Cũng phải tính đến một yếu tố tâm lý. Khi Nhà nước thiếu tiền (cũng như thiếu hàng), mọi cơ quan, xí nghiệp đều dự trữ cho mình một số tiền mặt để chủ động khi giao dịch mua, bán; nhiều dự trữ nhỏ đó gộp lại có thể gây ra căng thẳng giả tạo. Khi ngân hàng đổi mới cơ chế hoạt động của mình, chuyển sang kinh doanh tiền tệ, sẵn sàng tiền mặt chi trả thuận tiện cho khách hàng, chắc chắn các cơ quan, xí nghiệp không cần dự trữ, mà chỉ cần tồn quỹ ở mức cần thiết.

Về vấn đề *tiền lương và đời sống*, mọi người đều thừa nhận rằng hệ thống thang lương, bậc lương đề ra cuối năm 1985 có nhiều điểm bất hợp lý, vẫn mang nặng tính chất bình quân, không khuyến khích đúng mức người lao động phát huy hết năng lực, trình độ, chất xám, tay nghề... Song trong tình hình thực tế hiện nay, chưa thể thay đổi ngay toàn bộ các thang lương, bậc lương đó, mà chỉ có thể sửa đổi một số bộ phận thật cần thiết.

Phương hướng cơ bản là tiền tệ hóa tiền lương để tạo điều kiện đi vào hạch toán kinh doanh, khắc phục bao cấp. Song, đó là một quá trình. Việc giải quyết đời sống cho người hưởng lương lần này được chú trọng một cách toàn diện, từ tìm thêm công việc, giúp đỡ để phát triển kinh tế gia đình, tăng thêm thu nhập, đến giải quyết dần các khoản thu nhập bằng tiền và bằng hiện vật.

Digitized by Google

Một thực tế dễ thấy là công nhân, viên chức chúng ta đều không vui về gì khi được nhận thêm tiền lương hoặc trợ cấp bằng tiền mặt, nếu như giá cả thị trường xã hội vẫn tiếp tục tăng, có khi giá tăng trước khi công nhân viên chức nhận được tiền, và như vậy, số tiền nhận thêm không có ý nghĩa nữa. Vì vậy, cấp bách nhất là giảm nhịp độ tăng giá trên thị trường xã hội, tổ chức tốt việc lưu thông hàng hóa, bảo đảm tăng nhịp độ của sản xuất, mở rộng giao lưu để ngày càng có nhiều hàng hóa bán cho người hưởng lương và cho toàn xã hội.

Điều quan trọng là mỗi người đều nhận thức rõ tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, những mâu thuẫn to lớn về hàng hóa, tài chính, tiền tệ — những mất cân đối tích lại từ nhiều năm không dễ gì khắc phục trong thời gian ngắn. Với trách nhiệm cao nhất trước đời sống của nhân dân, các cơ quan nhà nước đã và đang tập trung sức giải quyết có trọng tâm, trọng điểm, nhằm những nhu cầu thiết yếu nhất, với những đối tượng cần được chăm lo giải quyết trước.

★

Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng đã đề ra những chủ trương và biện pháp nhằm giải quyết các vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông. Dương nhiên, còn nhiều vấn đề khác về phân phối lưu thông cần được tiếp tục nghiên cứu và giải quyết trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý toàn bộ nền kinh tế và toàn bộ quá trình tái sản xuất xã hội. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 2 đã đánh dấu một bước quan trọng trong việc cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội VI. Nhiệm vụ cấp bách đang đặt ra là chúng ta phải *tổ chức thực hiện* cho thật tốt.

Kinh nghiệm của hai lần giải quyết giá, lương, tiền đã chỉ rõ: phải lựa chọn *bước đi* thật đúng đắn. Tình hình càng phức tạp thì càng phải đi từng bước, tích cực nhưng rất thận trọng, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, không thể nóng vội. Chúng ta giải quyết từng việc một cách *đồng bộ*, nhưng không *đồng loạt*, không hấp tấp làm mọi việc trong một thời gian ngắn. Bước đi «thận trọng, vững chắc» không thể là chỗ dựa của khuynh hướng bảo thủ, trì trệ. Quyết tâm chiến lược phải dứt khoát, còn trong từng bước đi thì phải cân nhắc kỹ các phương án cụ thể.

Cũng cần nói thêm rằng, trong tình hình hiện nay, mọi giải pháp đều chứa đựng cả mặt tích cực lẫn mặt tiêu cực. Việc xóa bỏ các trạm kiểm soát dọc đường có tác dụng tốt rõ rệt, được đông đảo nhân dân lao động đồng tình vì lưu lượng hàng hóa dồi dào, ở một số vùng, giá cả đã hạ một mức, thời gian đi lại của các phương tiện giao thông rút ngắn hơn v.v. Song ở một số nơi cũng đã xảy ra thất thoát một số nông sản, lâm sản quý, một số người lợi dụng để làm ăn phi pháp v.v. Đó là những hệ quả xấu đã được dự kiến trong chỉ đạo, nếu không thực hiện đúng việc quản lý thị trường tại gốc, thu thuế tại nơi hàng hóa xuất phát và nơi bán hàng. Chúng ta không thể không chấp nhận thực trạng kinh tế — xã hội hiện nay, không thể không chấp nhận sự mất giá của đồng tiền, không thể không chấp nhận giá cả đã hình thành trong thực tế v.v. Chính vì vậy, phải rất khách quan và tỉnh táo: giữa những phương án khác nhau, biết lựa chọn phương án dỡ xấu hơn và trong quá trình điều hành, biết tìm cách phát huy mặt tích cực, giảm bớt hệ quả xấu.

Thực tế cũng chỉ rõ phải phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương, cơ sở, bảo đảm thích đáng quyền tự chủ của các địa phương và cơ sở xử lý linh hoạt phù hợp với tình hình

Digitized by Google

đang rất đa dạng, chủ động cân đối tiền hàng, cân đối thu chi theo các nguyên tắc, chính sách chung do trung ương quy định và hướng dẫn. Phải dựa vững chắc vào cơ sở và nhân dân lao động, thực hiện đúng đắn phương châm « dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra », coi sự nghiệp xây dựng kinh tế, giải quyết các vấn đề phân phối lưu thông là sự nghiệp cách mạng của nhân dân cả nước.

Phải thống nhất hành động từ trên xuống, từ trong đảng ra ngoài quần chúng, đề cao nguyên tắc hiểu đúng, nói đúng, và làm đúng Nghị quyết, đề cao kỷ luật, kỷ cương của Đảng và Nhà nước. Hiện nay, bên cạnh những việc làm gọi là « xé rào » do quy định của cấp trên gò bó và để giải quyết những nhu cầu bức thiết của sản xuất và đời sống, thì cũng có không ít hành động cục bộ, vô tổ chức, vô kỷ luật. Nhất thiết phải thiết lập trật tự mới trong sản xuất cũng như trong phân phối lưu thông — trật tự mà Nghị quyết Đại hội VI đã chỉ ra.

TUYÊN BỐ CHUNG...

(Tiếp theo trang 7)

nhà lãnh đạo Việt nam đã có cuộc gặp gỡ tại Ủy ban hành chính Xô viết Mát-xcơ-va, xem Triển lãm những thành tựu kinh tế quốc dân Liên xô và một số công trình xây dựng mới ở thủ đô Mát-xcơ-va, dự mít tinh hữu nghị Xô — Việt tại Nhà máy dóng giày Công xã Pa-ri và tìm hiểu những thành tựu của tập thể lao động của nhà máy, gặp gỡ các cán bộ Hội hữu nghị Xô — Việt.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc về sự đón tiếp nồng nhiệt thân tình đã dành cho đồng chí và những người cùng đi.

Cuộc đi thăm Liên xô của đồng chí Nguyễn Văn Linh, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, là biểu hiện hùng hồn mới của tình hữu nghị Việt — Xô không gì lay chuyển nổi. Các cuộc hội đàm ở Mát-xcơ-va đánh dấu bước phát triển quan trọng hoàn thiện hơn nữa toàn bộ các mối quan hệ giữa Đảng cộng sản Việt nam và Đảng cộng sản Liên xô, giữa Việt nam và Liên xô, đẩy mạnh sự phối hợp hoạt động của hai nước trên quốc tế, vì lợi ích của sự nghiệp hòa bình và an ninh quốc tế.

Thay mặt Ban chấp hành trung trong Đảng cộng sản Việt nam, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã mời đồng chí M. X. Goóc-ba-trốp, Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô, thăm hữu nghị chính thức Việt nam. Đồng chí M. X. Goóc-ba-trốp đã cảm ơn và nhận lời.

Digitized by Google

HỒ TẾ

BỐ TRÍ CƠ CẤU ĐẦU TƯ HỢP LÝ NHẰM THỰC HIỆN BA CHƯƠNG TRÌNH: LƯƠNG THỰC—THỰC PHẨM, HÀNG TIÊU DÙNG, HÀNG XUẤT KHẨU

TRONG những năm còn lại của chặng đường đầu của thời kỳ quá độ ở nước ta, trước mắt là trong kế hoạch năm năm 1986 – 1990, phải thật sự tập trung sức người, sức của vào việc thực hiện cho được ba chương trình mục tiêu về lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Vì vậy, việc sắp xếp lại cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư được coi là *một nhiệm vụ quan trọng* trong phương hướng kế hoạch 5 năm 1986 – 1990.

Mấy năm qua, sản xuất lương thực – thực phẩm tăng chậm và chưa vững chắc. Đến năm 1990, cần phấn đấu đạt được 22 – 23 triệu tấn lương thực quy thóc; 1,110 triệu tấn thịt các loại; 1 triệu tấn cá; 3 tỷ quả trứng; 10 vạn tấn lạc; 70 vạn tấn đường và 3,5 vạn tấn chè. Để có thể đạt được những mục tiêu cụ thể đó, cần thay đổi hướng đầu tư, thể thức đầu tư, chế độ đầu tư.

Sản xuất hàng tiêu dùng cũng phát triển chậm. Một trong các nguyên nhân quan trọng là việc đầu tư cho sản xuất hàng tiêu dùng chưa đúng mức và đúng hướng. Trước hết, tỷ trọng vốn đầu tư cho công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng trong tổng số vốn đầu tư cho công nghiệp giảm dần qua các năm:

1976	:	32,9%
1980	:	27,1%
1981	:	21,1%.

Đầu tư chiều sâu như đầu tư để cải tiến công nghệ, nghiên cứu sản xuất các nguyên liệu phải nhập, tạo mặt hàng mới... chưa được coi trọng. Việc đầu tư cho sản xuất nguyên liệu chưa được tập trung đúng mức, sản xuất chưa gắn chặt với các cơ sở sản xuất nguyên liệu.

Trong thời gian qua, đầu tư cho sản xuất hàng xuất khẩu rất phân tán và kém hiệu quả. Nhà nước chưa tập trung đầu tư cho các sản phẩm xuất khẩu có tính chất « mũi nhọn ».

Với cách nhìn khái quát và đổi mới, chúng ta hãy điểm lại tình hình đầu tư của ta trong những năm qua. Thực hiện nghị quyết Đại hội thứ V của Đảng, nhìn chung chúng ta đã chú ý đầu tư tập trung hơn cho các công trình trọng điểm và những mục tiêu kinh tế – xã hội chủ yếu. Vốn đầu tư được bố trí tập trung cho các ngành kinh tế: nông nghiệp chiếm 21%, công nghiệp 39,3%, giao thông vận tải 17,2% v.v. Kết quả là đã tăng giá trị tài sản cố định trong 5 năm 1980 – 1985 thêm gần 50 tỷ đồng, do đó, đã tăng thêm năng lực sản xuất của nhiều ngành kinh tế quốc dân.

Digitized by Google

góp phần mở rộng và phát triển sản xuất, đưa tổng sản phẩm xã hội năm 1985 tăng 51,5% và thu nhập quốc dân sản xuất tăng 42,3% so với năm 1980, đồng thời góp phần giải quyết việc làm cho hàng vạn người đến tuổi lao động.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc bố trí cơ cấu vốn đầu tư còn phạm nhiều khuyết điểm:

– Nhà nước chưa tập trung đúng mức cho mặt trận hàng đầu là nông nghiệp, cho sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Việc bố trí vốn đầu tư còn thiên về xây dựng các công trình mới, quy mô lớn, chưa chú ý đầu tư chiều sâu, đầu tư đồng bộ hóa; vì vậy nhiều công trình đã huy động vào sản xuất nhưng công suất sử dụng rất thấp. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, nói chung có tính chắp vá, chủ quan, chưa thể hiện tính cân đối trên phạm vi từng ngành, từng vùng lãnh thổ cũng như toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Trong một số ngành, việc quyết định chủ trương đầu tư thiếu cân nhắc kỹ, đi đến xây dựng mới nhiều công trình trong lúc công suất hiện có của ngành chưa sử dụng hết.

– Vốn đầu tư phân tán vào nhiều công trình đã làm cho thời gian xây dựng kéo dài, khối lượng dở dang quá lớn, đến cuối năm 1985 số vốn đầu tư trong năm lên tới 98 tỷ đồng, gần bằng 5 lần vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 1980.

– Việc sắp xếp giảm vốn đầu tư năm 1986 làm chậm và thiếu kiên quyết, khiến cho tình hình xây dựng cơ bản xấu thêm. Trong thực tế, đối với những công trình dự định cắt giảm vốn, thì tiến độ thi công lại nhanh và thực hiện hết vốn, thậm chí vượt vốn; ngược lại, đối với các công trình trọng điểm, thì thực hiện vốn thấp so với tỷ lệ chung (sơ bộ ước tính những công trình trọng điểm đạt 100% kế hoạch, trong khi các công trình khác đạt từ 100% đến 115%).

– Có những công trình đầu tư không đồng bộ, không tính toán kỹ điều kiện phát huy hiệu quả khi đưa vào sử dụng. Vì thế, nhiều nhà máy xây dựng xong lại không có đủ nguyên liệu, năng lượng, phương tiện vận tải để bảo đảm sử dụng hết công suất, hiệu quả thấp. Hiện tượng chung xảy ra ở nhiều ngành, nhiều loại công trình là công suất sử dụng thực tế chỉ đạt khoảng 50%, thậm chí có nhiều công trình chỉ đạt 15 – 20% so với công suất thiết kế.

– Nhiều địa phương, ngành, đơn vị đã sử dụng nguồn vốn tự huy động được không đúng hướng, kém hiệu quả. Việc xây dựng hàng trăm công trình phi sản xuất như hội trường, trụ sở, khách sạn, nhà hát, nhà triển lãm... đã gây thêm tình trạng phân tán vốn; mặt khác, nhiều đơn vị tìm cách rút vật tư của các công trình trong kế hoạch hoặc mua ngoài, thuê nhân công ngoài, đã đẩy giá vật liệu xây dựng, giá nhân công lên, làm cho giá thành xây dựng tăng nhanh, tiền vốn bỏ ra nhiều, nhưng khối lượng thực hiện lại không tương xứng.

– Trong nhiều năm, công tác xây dựng kế hoạch đầu tư vẫn chưa làm được việc cân đối giữa vốn, vật tư và năng lực xây dựng; còn bị động, bố trí vốn dàn đều theo yêu cầu của các ngành, các địa phương và cơ sở, dẫn đến đầu tư phân tán và việc xác định các định mức, đơn giá trong xây dựng cơ bản cũng tùy tiện, không theo đúng nguyên tắc thống nhất của Nhà nước.

Rút bài học kinh nghiệm từ thực tiễn đầu tư xây dựng cơ bản trong những năm qua, quán triệt phương hướng «bố trí lại cơ cấu sản xuất và điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư nhằm khai thác có hiệu quả khả năng lao động, đất đai và cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện có», để tập trung vốn đầu

Digitized by Google

tư ưu tiên cho việc thực hiện thắng lợi ba chương trình mục tiêu: lương thực — thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, chúng ta cần, đổi mới công tác đầu tư, thực hiện việc điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước.

★

Vốn ít, nhu cầu đầu tư lại lớn; điều đó đòi hỏi chúng ta phải hướng công tác đầu tư vào việc phục vụ đắc lực, thiết thực cho ba chương trình mục tiêu, đầu tư có trọng điểm, có hiệu quả và đưa nhanh các công trình vào sử dụng. Quá trình đổi mới đầu tư cũng là quá trình đấu tranh chống lại những quan điểm đầu tư lỗi thời, không phù hợp với yêu cầu của cuộc sống, của sự nghiệp cách mạng. Quan điểm cục bộ, phân tán, phi sản xuất trong đầu tư đã gây nên biết bao tác hại: vốn phân tán, không có hiệu quả, công trình kéo dài và ứ đọng vốn... cuối cùng là sản xuất chậm phát triển, đời sống khó khăn. Chúng ta cần thực hiện tốt việc đổi mới đầu tư theo hướng dưới đây.

— Đối với những công trình chuyển tiếp sẽ hoàn thành từ năm 1988 trở đi, cần căn cứ vào hiệu quả sẽ đem lại mà xác định tiến độ hợp lý. Soát xét kỹ danh mục các công trình trọng điểm; trong mỗi công trình, cũng phải soát xét chặt chẽ, giảm bớt khối lượng không cần thiết và triệt để tiết kiệm, phấn đấu giảm 10% chi phí xây lắp. Tập trung vốn kể cả vốn tín dụng dài hạn, ưu tiên cho các công trình đồng bộ của ba chương trình mục tiêu, tạm thời đình hoãn việc xây dựng trụ sở, hội trường, nhà hát, sân vận động, chợ...

— Đi đôi với việc thực hiện chủ trương điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư, cần đổi mới cơ chế đầu tư theo hướng chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đến cùng về hiệu quả đầu tư.

Với tinh thần trên, trong tổng mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 1987 đã ghi kế hoạch, vốn đầu tư cho nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi chiếm khoảng 28,5%; vốn đầu tư cho công nghiệp chiếm 40,3%, cho giao thông vận tải chiếm 13,4%, cho nhà ở chiếm 4,8%.

Từ phương hướng, nhiệm vụ và cơ cấu đầu tư xây dựng cơ bản năm 1987 nêu trên, việc quản lý vốn đầu tư cần tập trung vào những vấn đề trọng tâm sau đây:

1 — Rà soát, bố trí lại các công trình xây dựng trong từng ngành, từng địa phương; trên cơ sở đó tập trung vật tư, tiền vốn cho các công trình trọng điểm, then chốt của ba chương trình; trước hết nhằm vào những khâu mấu chốt, đem lại hiệu quả, tăng nhanh sản lượng và nâng cao chất lượng sản phẩm ngay trong năm 1987.

Xem xét lại toàn bộ danh mục công trình bất kể được đầu tư bằng nguồn vốn nào (vốn tập trung của ngân sách trung ương, vốn do địa phương bố trí, vốn tín dụng, vốn tự có...) nhằm bố trí hợp lý các nguồn vốn cho từng công trình theo thứ tự ưu tiên tập trung cho mục tiêu trọng điểm trong từng ngành và từng địa phương. Kiên quyết đình hoãn, cắt bỏ những công trình xét thấy không có hiệu quả, chưa thật cần thiết hoặc chưa đủ điều kiện xây dựng, chỉ ghi kế hoạch những công trình mới sau khi các cơ sở sản xuất cùng loại đã được sử dụng hết công suất.

2 — Hoàn thiện cơ chế quản lý vốn đầu tư, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất — kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở theo hướng:

— Các nguồn vốn đầu tư đều phải được thể hiện vào kế hoạch nhà nước, được cân đối vật tư, năng lượng do Nhà nước quản lý.

Digitized by Google

— Đối với vốn do ngân sách địa phương bố trí, vốn tự có của xí nghiệp, trong quá trình thực hiện không được phép tăng thêm ngoài kế hoạch được duyệt. Trường hợp cần bổ sung phải được cấp có thẩm quyền cho phép.

— Mở rộng hình thức tín dụng đầu tư đối với các công trình thu hồi vốn nhanh, thời gian xây dựng ngắn.

— Áp dụng rộng rãi hình thức đầu tư theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm vào việc xây dựng nhà ở, công trình thủy lợi, công trình phúc lợi và các cấu trúc hạ tầng.

— Đối với các công trình xây dựng theo các hiệp định hợp tác đầu tư với nước ngoài như cao su, cà phê v.v. cần nghiên cứu cơ chế quản lý và bố trí vốn đầu tư phù hợp để nắm được vốn và thiết bị nhập từ ngoài vào (của các chủ thể nước ngoài hợp tác) một cách trọn vẹn, đồng bộ, bảo đảm tiến độ công trình; đồng thời bố trí vốn trong nước tương ứng nhằm bảo đảm quyền chủ động cho các chủ đầu tư của nước ta trong việc thực hiện các kế hoạch hợp tác đó, nhằm đạt được kết quả cuối cùng là có sản phẩm để hoàn trả vốn nước ngoài và có thêm sản phẩm hàng hóa, tạo thêm thu nhập quốc dân cho nền kinh tế nước ta.

Trong việc điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư nhằm tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, phải quán triệt những phương hướng sau đây:

— Có quy hoạch, tiến hành điều tra cơ bản, xác định phương hướng tổng thể xây dựng và phát triển các ngành kinh tế trong phạm vi cả nước.

— Kiểm kê đánh giá lại tài sản cố định, các cơ sở xí nghiệp hiện có để có hướng điều chỉnh, sắp xếp, tính toán bố trí vốn đầu tư cho các công trình mới và đầu tư chiều sâu, khai thác tận dụng những cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có.

— Vốn đầu tư, bất kể vốn đó từ nguồn nào đều phải được quản lý và phân phối thống nhất trong một chương trình kế hoạch chung, gắn liền cân đối vốn với vật tư, quản lý vốn đi đôi với quản lý vật tư trong xây dựng.

— Tổ chức lại các lực lượng xây dựng, sắp xếp hệ thống sản xuất và cung ứng vật tư, bảo đảm vật tư đi thẳng từ nơi sản xuất, từ nơi cung ứng đầu tiên đến công trình, loại bỏ các tổ chức, các khâu cung ứng trung gian, các cấp hành chính, các thủ tục phiền hà làm chậm trễ việc cung ứng vật tư cho công trình.

— Quản lý định mức, đơn giá, phấn đấu tiết kiệm vật tư, năng lượng, lao động, chi phí gián tiếp trong quản lý xây dựng. Đó là một khả năng hiện thực, có thể tiết kiệm, giảm chi phí vòn đầu tư từ 10% đến 30%.

— Trong việc thực hiện vốn đầu tư, kinh nghiệm thực tiễn cho thấy cần phải xem xét, lĩnh vực nào quốc doanh làm tốt, có điều kiện thì giao cho quốc doanh, lĩnh vực nào giao cho hợp tác xã, nhân dân, gia đình làm tốt thì giao cho các đối tượng đó. Làm như vậy suất đầu tư rẻ, hiệu quả vốn đầu tư cao. Trong việc trồng rừng, trồng cà phê, chè, quế, v.v. có thể thực hiện điều này.

— Trong xây dựng cũng như trong sản xuất — kinh doanh, phải trên cơ sở hạch toán kinh tế, thực hiện phân phối theo lao động, chống bao cấp, bảo đảm hài hòa 3 lợi ích (nhà nước, xí nghiệp, người lao động), cải tiến cơ chế quản lý vốn đầu tư, nhằm thúc đẩy xây dựng công trình có chất lượng, sớm đưa công trình vào sử dụng.

Digitized by Google

NGUYỄN THẾ UẨN

Mấy vấn đề cơ bản về chương trình xuất khẩu

HIỆN nay, ngoại thương nước ta vẫn tiếp tục nằm trong thế nhập siêu khá nghiêm trọng. Mâu thuẫn giữa một bên là nhu cầu nhập khẩu rất lớn và một bên là khả năng xuất khẩu bị hạn chế đang rất gay gắt. Mâu thuẫn này sẽ còn tồn tại chừng nào nền kinh tế trong nước chưa chuyển lên sản xuất lớn. Nhập khẩu bằng tín dụng để giải quyết mâu thuẫn nói trên là cần thiết, nhưng chỉ là biện pháp tạm thời, vì cuối cùng phải có xuất khẩu để trả nợ.

Nợ vay nước ngoài trong những năm 1976—1980 và 1981—1985, đặc biệt là nợ từ các nước tư bản chủ nghĩa, đến hạn phải trả cũng như quá hạn phải trả rất lớn, đã và đang gây khó khăn nhiều mặt cho ngoại thương. Mâu thuẫn gay gắt giữa xuất khẩu và nhập khẩu nói trên thường phải được giải quyết bằng hai hướng: đẩy mạnh xuất khẩu để cân đối nhập khẩu (và trả nợ đến hạn), hoặc cắt giảm nhập khẩu để thích ứng với xuất khẩu. Nhưng biện pháp cắt giảm nhập khẩu để cân đối với xuất khẩu là biện pháp bất đắc dĩ, đặc biệt đối với tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng thiết yếu, vì không đáp ứng được các nhu cầu nhập khẩu, thì sản xuất và đời sống sẽ gặp khó khăn và bế tắc. Tất nhiên, điều tiết nhập khẩu như thế nào có lợi nhất cho nền kinh tế quốc dân trong điều kiện mất cân đối nghiêm trọng về ngoại tệ, ví dụ bỏ hoặc giảm nhập khẩu những mặt hàng không cần thiết lắm hoặc trong nước có khả năng sản xuất..., là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt.

Biện pháp chủ động nhất để giải quyết mâu thuẫn nói trên là *tăng cường xuất khẩu*. Vì chỉ có tăng cường xuất khẩu mới giải quyết được tình trạng mất cân đối nghiêm trọng về ngoại tệ hiện nay, đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu nhập khẩu phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong cả nước, thực hiện thành công chương trình lương thực, thực phẩm và chương trình hàng tiêu dùng.

Tất nhiên, trong điều kiện khó khăn chung về ngoại tệ, muốn đưa đất nước từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta còn phải tiếp tục nhập khẩu bằng vay nợ. Song điều quan trọng cần lưu ý ở đây là phải sử dụng ngoại tệ nhập khẩu có hiệu quả kinh tế cao nhất và trong bất kỳ tình huống nào cũng phải tái tạo được ngoại tệ, tức là đẩy mạnh xuất khẩu để trả nợ nhập khẩu.

NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN VỀ XUẤT KHẨU

Muốn đẩy mạnh xuất khẩu, điều quan trọng bậc nhất là phải có quan điểm xuất khẩu đúng đắn.

Thứ nhất, quan điểm về sản xuất.

Digitized by Google

Ngay từ năm 1965, trong hội nghị tổng kết công tác ngoại thương mười năm 1955–1965, một kết luận khá quan trọng đã được rút ra là: «muốn xuất khẩu phải tổ chức sản xuất hàng xuất khẩu».

Thực tiễn của công tác ngoại thương trong gần ba mươi năm qua đã chứng minh rằng việc biến kết luận nói trên thành hiện thực là một cuộc đấu tranh dai dẳng, gay go và quyết liệt. Đáng chú ý nhất là cuộc đấu tranh chống quan điểm «năng nhặt chặt bị» trong việc huy động vật tư xuất khẩu.

Nội dung chủ yếu của quan điểm này là mở rộng xuất khẩu trên cơ sở nhặt nhạnh, thu gom những thứ sẵn có trong nước, không coi trọng việc đầu tư đúng mức cho sản xuất hàng xuất khẩu. Vì vậy, xuất khẩu cứ giẫm chân tại chỗ. Đây là điều đáng lo ngại nhất, vì không có đầu tư đúng mức cho sản xuất hàng xuất khẩu, thì xuất khẩu không thể đi lên được. Chừng nào các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất chưa thấy rõ trách nhiệm của mình trong vấn đề sản xuất hàng xuất khẩu, thì xuất khẩu vẫn bế tắc. Ngành ngoại thương thuộc khâu lưu thông, không thay thế được các ngành sản xuất. Tuy nhiên, thông qua nghiệp vụ đối ngoại, ngoại thương có trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ sản xuất hàng xuất khẩu đi đúng hướng phát triển của thị trường thế giới, phù hợp với chính sách khu vực của Đảng và Chính phủ; đồng thời, thông qua việc củng cố thị trường ngoài nước để thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển theo hướng chuyên môn hóa và hợp tác hóa quốc tế, đưa nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, quan điểm về thị trường.

Trong xuất khẩu, thị trường là vấn đề hết sức quan trọng. Không giải quyết tốt vấn đề thị trường, không thể duy trì và phát triển sản xuất hàng xuất khẩu một cách ổn định, vì sản xuất hàng xuất khẩu là sản xuất cho thị trường ngoài nước. Thị trường đó có nhiều đối thủ cạnh tranh từ các nước khác nhau, độc lập với nhau, cho nên việc thâm nhập và chốt giữ thị trường xuất khẩu là hết sức khó khăn và phức tạp. Trong hội nghị tổng kết ngoại thương mười năm 1955 – 1965, quan điểm «mất thị trường này tìm thị trường khác, mất mặt hàng này bày mặt hàng khác» đã được phân tích và phê phán.

Sự thật, nếu không có thị trường tiêu thụ lớn và ổn định thì làm sao có thể nói đến sản xuất hàng xuất khẩu với quy mô lớn. Ngược lại, nếu không có những mặt hàng xuất khẩu lớn và ổn định, thì làm sao có thể thâm nhập và chốt giữ thị trường tiêu thụ.

Kinh nghiệm ngoại thương nước ta trong nhiều năm qua cho thấy đưa được một mặt hàng nào đó vào quỹ đạo xuất khẩu là không dễ dàng, phải tốn nhiều công sức và thời gian. Thâm nhập thị trường đã khó khăn, chốt giữ thị trường càng khó khăn hơn, vì trong mậu dịch quốc tế, vấn đề thị trường ngày càng gay gắt và phức tạp. Nhà nước tư bản lũng đoạn và các thế lực độc quyền khác tham gia ngày càng nhiều vào việc tranh chấp và khống chế thị trường.

Do đó, *phấn đấu để ổn định thị trường và ổn định mặt hàng xuất khẩu là biện pháp hàng đầu* trong việc thực hiện chương trình xuất khẩu.

Ổn định thị trường có nghĩa là xây dựng mối quan hệ có đi có lại, lệ thuộc hai chiều và cùng có lợi với từng thị trường cụ thể. Ở đây, chính sách thị trường và thương nhân có tầm quan trọng đặc biệt. Không có chính sách thị trường và thương nhân đúng đắn, không thể ổn định được thị trường. Song mặt khác, không cải tiến chất lượng hàng hóa, điều kiện và thời gian giao hàng v.v. để thích ứng thị trường, thì làm sao ổn định được thị trường để tiêu thụ hàng xuất khẩu.

Digitized by Google

Quan điểm nói trên tuy đã được đề cập từ lâu, song đáng tiếc là cho đến nay, do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, quan điểm này chưa trở thành nhận thức phổ biến trong hoạt động ngoại thương. Cũng chính vì vậy mà việc ổn định thị trường và ổn định mặt hàng trong xuất khẩu chưa được coi trọng. Nói đến mặt hàng, thì chưa có mặt hàng nào có thể gọi là vững chắc, có trọng lượng trong giao dịch quốc tế. Nói đến thị trường, thì chưa có thị trường nào ổn định, còn chắp vá, tùy tiện. Đối với thị trường xã hội chủ nghĩa thì chân trong chân ngoài, đối với thị trường tư bản chủ nghĩa, thì buôn bán theo lối ăn đong. Không có chính sách mặt hàng, chính sách thương nhân thật chu đáo. Hiện tượng tùy tiện trong việc chọn thị trường, thương nhân và mặt hàng trong xuất khẩu còn khá phổ biến, đặc biệt là trong xuất khẩu địa phương.

Thứ ba, quan điểm lấy nhập khẩu đẩy mạnh xuất khẩu.

Đặc điểm cơ bản, cũng là mâu thuẫn nổi bật nhất trong ngoại thương nước ta trong giai đoạn hiện nay là xuất khẩu ít, nhập khẩu nhiều, một phần quan trọng phải nhập khẩu bằng tín dụng nước ngoài.

Nhập khẩu bằng tín dụng nước ngoài tức là nhập khẩu trước xuất khẩu sau. Vì vậy, chu kỳ các hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu không diễn ra theo hình thức bình thường: sản xuất — xuất khẩu — nhập khẩu..., mà theo hình thức đặc biệt: nhập khẩu — sản xuất — xuất khẩu...

Tất nhiên không phải toàn bộ chu kỳ đều là nhập khẩu trước xuất khẩu sau, mà trong đó có một phần xuất khẩu trước nhập khẩu sau (xuất — nhập cân đối).

Đặc biệt là trong đầu tư xây dựng cơ bản để cải tạo cơ cấu sản xuất, đại bộ phận phải dựa vào nhập khẩu bằng tín dụng nước ngoài. Đây là một trong những nguồn vốn quan trọng quyết định bước đi của chiến lược kinh tế.

Trong mô hình nói trên, nhập khẩu được coi như là một yếu tố tích lũy ban đầu rất quan trọng, một yếu tố sản xuất trực tiếp và một chỗ dựa rất quan trọng để ổn định phân phối lưu thông trong nước, ổn định thị trường và đời sống nhân dân. Nhập khẩu phải đi trước một bước thích đáng nhằm bổ sung các điều kiện vật chất và kỹ thuật cần thiết cho sự phát triển của quá trình tái sản xuất trong nước liên tục và có hiệu quả. Trước mắt, phải lấy khả năng xuất khẩu hiện có cộng với tín dụng ngắn hạn để đáp ứng các nhu cầu nhập khẩu bổ sung nhằm duy trì và phát triển sản xuất ở quy mô cũ, quay vòng nhanh vốn ngoại tệ. Vì vậy, nhập khẩu không chỉ phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân ở trong nước, mà còn phải tạo nên một phần hàng hóa xuất khẩu thích ứng nhằm hoàn trả tín dụng ngắn hạn.

Phải lấy nhập khẩu để thúc đẩy xuất khẩu. Ngược lại, phải dựa vào xuất khẩu để bảo đảm nhập khẩu.

Để thực hiện được quan điểm trên, cần coi trọng nhập khẩu, tính toán đầy đủ hiệu quả nhập khẩu và xác định rõ phương án trả nợ trước mắt cũng như lâu dài trước lúc quyết định nhập khẩu.

CƠ CẤU XUẤT KHẨU — BIỂU HIỆN TẬP TRUNG THỐNG NHẤT CỦA CÁC QUAN ĐIỂM XUẤT KHẨU

Muốn tăng cường xuất khẩu, trước hết, phải đẩy mạnh đầu tư cho sản xuất hàng xuất khẩu. Đầu tư là biện pháp quyết định nhất. Kinh nghiệm ngoại thương của ta trong nhiều năm qua cho thấy rằng, nếu không đầu tư thích đáng cho sản xuất hàng xuất khẩu, thì mọi sự hô hào đẩy mạnh xuất khẩu chỉ là lời nói suông.

Song muốn đầu tư cho sản xuất hàng xuất khẩu, phải xác định được

Digitized by Google

phương hướng và cơ cấu xuất khẩu.

Phương hướng xuất khẩu được xác định cho cả một thời gian dài từ 15 năm đến 20 năm. Cơ cấu xuất khẩu là sự cụ thể hóa phương hướng đó.

Cơ cấu xuất khẩu từ 15 đến 20 năm là cơ cấu xuất khẩu dài hạn. Cơ cấu xuất khẩu cho từng kế hoạch 5 năm là cơ cấu trung hạn. Cơ cấu xuất khẩu cho từng năm là cơ cấu ngắn hạn.

Ngoại thương của nước ta đã có gần ba mươi năm, nhưng chính sách cơ cấu vẫn chưa xác định được đầy đủ. Cho đến nay, xuất khẩu vẫn theo lối ăn đong, kế hoạch năm rất chắp vá, tùy tiện. Với cách đó, xuất khẩu khó có thể đi lên nhanh chóng và vững chắc.

Vì vậy, xác định đúng chính sách cơ cấu là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện chương trình xuất khẩu mà Đại hội thứ VI của Đảng đã đề ra.

1 — Về cơ cấu xuất khẩu dài hạn đến năm 2000:

Song song với quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, cải tạo và xây dựng cơ cấu kinh tế, đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn — sản xuất đại công nghiệp, cần chú ý xây dựng một cơ cấu xuất khẩu công nông nghiệp kết hợp, trong đó nông nghiệp xuất khẩu cần được đầu tư mạnh để sau một thời gian năm năm hoặc mười năm, đưa những nhóm hàng sau đây lên quy mô lớn:

+ Nhóm hải sản, trong đó sản phẩm chủ lực nhất là tôm, mực.

+ Nhóm cây công nghiệp nhiệt đới, trong đó chú ý cao su, cà phê, chè, hạt tiêu, day, dừa.

+ Nhóm trái cây nhiệt đới, trong đó chú ý dứa và quả có múi.

+ Nhóm gỗ chế biến và các loại tinh dầu.

+ Nhóm lương thực, thực phẩm, trong đó có đậu tương, ngô, sắn, và lợn, bò v.v.

Cần đầu tư đồng bộ cho khâu công nghiệp chế biến nông sản, phấn đấu đưa tỷ trọng nông sản chế biến lên cao trong xuất khẩu để giải quyết công việc làm cho nhân dân và tăng giá trị kim ngạch.

Về công nghiệp, chú ý đẩy mạnh các nhóm hàng sau đây:

+ Công nghiệp nhẹ: chú trọng dệt, may mặc, giày da, đồ nhựa, xe đạp, đồ chơi trẻ em, điện tử, dược liệu, v.v.

+ Công nghiệp vật liệu xây dựng: xi măng, gạch men, đá hoa, sứ, gốm, thủy tinh v.v.

+ Công nghiệp nặng: chú ý sản phẩm công nghiệp khai khoáng, trước hết là dầu mỏ, bốc xít; công nghiệp cơ khí trước hết là cơ khí nhỏ nhiệt đới hóa, ví dụ máy kéo nhỏ, máy bơm, dàn phun, máy thủy v.v.; công nghiệp hóa chất, trước hết là phân bón, thuốc trừ sâu và một số loại hóa chất quan trọng dùng cho công nghiệp chế biến; công nghiệp đóng tàu, trước hết là các loại tàu nhỏ như tàu kéo sà lan và dịch vụ sửa chữa tàu.

+ Ngoài ra, cần chú ý khai thác các khả năng xuất khẩu ở các ngành dịch vụ:

— Vận tải viễn dương,

— Du lịch quốc tế,

— Xuất khẩu lao động dưới dạng thầu xây dựng cho nước ngoài và gia công xuất khẩu ở trình độ cao.

Cần xác định sớm cơ cấu xuất khẩu dài hạn để có thể bố trí đầu tư xây dựng cơ bản ngay từ bây giờ đối với những mặt hàng cần khai thác ngay hoặc tạo cơ sở cho 5 năm tới...

Nếu không có một sự đầu tư thích đáng, gối đầu nhau theo một phương hướng nhất định cho sản xuất hàng xuất khẩu, thì chúng ta không thể đưa xuất khẩu đi lên với tốc độ cao được.

2 — Về cơ cấu trung hạn và ngắn hạn:

Cơ cấu trung hạn và ngắn hạn (5 năm và 1 năm) là sự cụ thể hóa

Digitized by Google

phương hướng dài hạn. Cơ cấu xuất khẩu, nói chung phải hiện thực, tức là phải có sự điều chỉnh tùy theo điều kiện sản xuất và tiêu thụ ở trong nước cũng như nước ngoài so với mức độ dự đoán. Vì vậy, quan hệ giữa các cơ cấu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn không theo một tỷ lệ máy móc.

Lâu nay, chúng ta quá nhấn mạnh hàng nông sản trong cơ cấu xuất khẩu. Nhưng qua hai kế hoạch 5 năm 1976 – 1980 và 1981 – 1985, tỷ trọng nông sản trong xuất khẩu của nước ta vẫn ở mức thấp. Nếu trừ đi phần nông sản phải nhập khẩu như lương thực chẳng hạn, thì giá trị xuất khẩu ròng của nông sản còn nhỏ bé hơn. Trong lúc đó, hàng công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp xuất khẩu, tuy chưa được quan tâm đúng mức nhưng tỷ trọng đạt được bao giờ cũng lớn hơn: khả năng sản xuất các mặt hàng này còn lớn và thị trường xã hội chủ nghĩa đặc biệt là Liên xô, một thị trường tương đối rộng lớn và ổn định, có thể tiêu thụ hàng tiêu dùng các loại do chúng ta sản xuất ra với khối lượng đáng kể. Khai thác khả năng lớn và hiện thực này để tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu không những trong những năm trước mắt mà còn trong một thời gian lâu dài là một đòi mới quan trọng trong việc xây dựng chính sách cơ cấu xuất khẩu.

Đưa hàng công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp lên ngang khả năng thực tế của nó có ý nghĩa về nhiều mặt;

– Tạo điều kiện sử dụng đến mức cao nhất công suất dư thừa của các nhà máy hiện có trong nước để đẩy mạnh xuất khẩu, góp phần tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.

– Tạo thêm nhiều công ăn việc làm để sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động hiện đang dư thừa trong nước, làm tăng thu nhập quốc dân, giải quyết đời sống nhân dân một cách lành mạnh.

– Nhanh chóng làm cho một bộ phận quan trọng lao động trong nước tạo ra ngoại tệ để nhập khẩu bổ sung cho sản xuất và đời sống trong nước, tạo vòng quay vững chắc cho ngoại tệ.

Trong điều kiện nước ta đang thiếu ngoại tệ nghiêm trọng, gia công xuất khẩu có tầm quan trọng đặc biệt. Có nhận thức đúng về gia công xuất khẩu và có chính sách đầu tư và khuyến khích thích đáng, chúng ta mới có thể tạo ra được một khối lượng công việc cho đất nước trên cơ sở nguyên liệu vật liệu do bên ngoài cung cấp và từng bước có thể đưa sản xuất nước ta tiếp cận trình độ quốc tế. Chính vì vậy, sử dụng tốt hình thức gia công xuất khẩu thì có thể đưa nhanh kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp lên.

Xuất phát từ những phân tích trên đây, trong kế hoạch 5 năm 1986–1990, cần xác định như sau:

1 – Đưa hàng công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp (kể cả sản phẩm gia công xuất khẩu) lên vị trí thích ứng của nó trong cơ cấu xuất khẩu.

2 – Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu hàng nông sản, trước hết những nông sản nguyên liệu có giá trị ngoại tệ cao và nhu cầu trên thị trường quốc tế tương đối ổn định. Chú ý đưa tỷ trọng nông sản chế biến lên cao trong toàn bộ nông sản xuất khẩu.

Song song với việc mở rộng sản xuất hàng nông sản xuất khẩu theo chương trình dài hạn, cần có biện pháp thâm canh để tăng nhanh sản xuất hàng xuất khẩu. Ngoài nông sản trồng trọt, cần đưa sản phẩm chăn nuôi, cũng như hải sản lên vị trí tương xứng trong cơ cấu xuất khẩu 1986 – 1990.

3 – Duy trì ở một mức độ nhất định việc xuất khẩu than, a pa tít, crô mít v.v. Chú ý vấn đề xuất khẩu dầu

(Xem tiếp trang 30)

Digitized by Google

THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI — TÍNH CHẤT LÂU DÀI VÀ PHỨC TẠP

VŨ HỮU NGOẠN

«CHỦ quan nóng vội» là một căn bệnh của những đảng cộng sản cầm quyền. Đó là lời tự phê phán của nhiều đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa anh em trong thời gian gần đây, mà Đại hội thứ 27 của Đảng cộng sản Liên xô đã để lại ấn tượng sâu sắc nhất.

Bệnh chủ quan nóng vội thường biểu hiện ở cách nghĩ và cách làm đốt cháy giai đoạn, không tính toán đầy đủ những điều kiện thực tế. Nói cách khác, thường sai lầm về bước đi, lẫn lộn ranh giới giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, giữa thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng xong, giữa chặng đầu và các chặng đường sau của thời kỳ quá độ v.v. Đại hội thứ 27 của ĐCS Liên xô đã nghiêm khắc chỉ rõ: «Kinh nghiệm cho thấy rằng mọi mưu toan chạy lên trước, áp dụng những nguyên tắc cộng sản chủ nghĩa mà không tính đến mức độ trưởng thành về vật chất và tinh thần của xã hội, đều không tránh khỏi thất bại và có thể gây ra những tổn thất về mặt kinh tế cũng như chính trị» (1). Tuy điều kiện lịch sử và trình độ phát triển xã hội của các nước xã hội chủ nghĩa có khác nhau nhưng kết luận ấy của ĐCS Liên xô đã có ý nghĩa lớn về mặt phương pháp luận. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, dũng cảm tự phê bình, và được sự cổ vũ có tính thuyết phục của Đại hội thứ 27 của ĐCS Liên xô, Đại hội thứ VI của Đảng ta đã chỉ rõ: «Chúng ta có khuyết điểm trong việc đánh giá tình hình cụ thể của đất nước, trong việc xác định mục tiêu và bước đi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội»(2). Một trong những biểu hiện của khuyết điểm này là chưa thấy rõ tính chất lâu dài, phức tạp, phải trải qua nhiều chặng đường của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, và muốn bỏ qua những bước đi cần thiết của thời kỳ đó. Hậu quả là không giải quyết đúng đắn những vấn đề quan trọng của thời kỳ quá độ.

Chúng ta đều biết rằng, trong điều kiện lịch sử cuối thế kỷ 19, Mác và Ăng-ghen mới chỉ dự kiến chung rằng từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội cộng sản chủ nghĩa phải trải qua một thời kỳ quá độ chính trị, và hình thái kinh tế—xã hội cộng sản chủ nghĩa có hai giai đoạn: giai đoạn đầu (hay giai đoạn thấp) là chủ nghĩa xã hội, và giai đoạn sau (hay giai đoạn cao) là chủ nghĩa cộng sản. Về sau, khi cách mạng vô sản Nga thành công, từ hoạt động thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, Lê-nin đã khẳng định rõ vị trí của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội và cụ thể hóa khái niệm thời kỳ quá độ, những vấn đề của

(1) *Cương lĩnh Điều lệ Đảng cộng sản Liên xô*, Nxb Sự thật, Hà nội—Nxb Thông tấn xã Nô-vô-xti, Mát-xcơ-va, 1986, tr. 31.

(2) Nghị quyết Đại hội VI ĐCSVN *Tạp chí Cộng sản*, số 1-1987, tr. 117.

Digitized by Google

thời kỳ quá độ. Như vậy, hình thái kinh tế—xã hội cộng sản chủ nghĩa bao gồm: thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Trong toàn bộ lịch sử hình thành hình thái kinh tế—xã hội cộng sản chủ nghĩa thì thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ phát sinh, chủ nghĩa xã hội là thời kỳ phát triển, chủ nghĩa cộng sản là thời kỳ chín muồi hoàn toàn của nó. Thời kỳ quá độ kết thúc khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng xong về căn bản. Xét về mặt kinh tế, có thể coi tiêu chuẩn ấy là: phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa được xác lập, hoặc nói cách khác, nền sản xuất về cơ bản đã được xã hội hóa cả về quan hệ sản xuất lẫn lực lượng sản xuất, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ra đời.

«Vạn sự khởi đầu nan», thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội là một thời kỳ lịch sử đặc biệt, đầy gian nan thử thách, gay go, phức tạp. Ở đây sai một ly sẽ phải đi một dặm! Mà sự nóng vội lại thường xảy ra ngay trong thời kỳ quá độ. Báo cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội VI đã nhận định: «Việc đánh giá tình hình cụ thể về các mặt kinh tế, xã hội của đất nước đã có nhiều thiếu sót. Do đó, trong mười năm qua, đã phạm nhiều sai lầm trong việc xác định mục tiêu và bước đi về xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật, cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý kinh tế.

«Do chưa nhận thức đầy đủ rằng thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình lịch sử tương đối dài, phải trải qua nhiều chặng đường, và do tư tưởng chỉ đạo chủ quan, nóng vội, muốn bỏ qua những bước đi cần thiết, Đại hội lần thứ IV chưa xác định những mục tiêu của chặng đường đầu tiên» (3).

Ngay từ những ngày đầu khai phá con đường mới mẻ, Lê-nin đã chỉ rõ: «Từ nay lịch sử đã trao cho chúng ta một sứ mạng: hoàn thành cuộc cách mạng chính trị vĩ đại nhất bằng cách tiến hành một công tác chậm chạp, gian khổ, khó khăn trong lĩnh vực kinh tế» (4). Và lịch sử đã chứng minh lời dự đoán khoa học của Lê-nin là đúng đắn: thuận lợi nhất thì thời kỳ quá độ cũng phải tốn hàng chục năm, bình thường thì có thể phải kéo dài vài chục năm, còn trong hoàn cảnh gập ghềnh, khúc khuỷu thì phải lâu hơn nữa. Liên xô, trong điều kiện cố gắng phi thường để qua khỏi cảnh bao vây của chủ nghĩa đế quốc, và nhìn chung đi lên từ chủ nghĩa tư bản trung bình của nước Nga, đã phải mất khoảng hai chục năm để trải qua thời kỳ quá độ. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp khắc, Cộng hòa dân chủ Đức đi lên từ chủ nghĩa tư bản phát triển của nước mình, lại được sự giúp đỡ đặc biệt của Liên xô, cũng không thể trải qua thời kỳ quá độ dưới 20 năm. Ba lan đi lên từ chủ nghĩa tư bản trung bình, nhưng có những gập ghềnh, sóng gió của lịch sử, đến nay đã 40 năm mà vẫn còn đang ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Còn Mông cổ, đi lên từ điều kiện tiền tư bản chủ nghĩa, được Liên xô giúp đỡ hết sức to lớn, đã trải qua hơn 60 năm rồi mà vẫn chưa dễ dàng khẳng định thời kỳ quá độ hoàn toàn chấm dứt.

★

Vì sao thời kỳ quá độ lại có tính chất lâu dài?

Thời kỳ quá độ chính là thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội về thực chất là công cuộc xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa; nhằm đạt năng suất lao động ngày càng cao. Cho nên,

(3) Báo cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội VI, *Tạp chí Cộng sản*, số 1-1987, tr. 25.

(4) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 44, tr. 409.

Digitized by Google

phải tổ chức lại và phát triển hợp lý hơn các cơ sở vật chất — kỹ thuật to lớn do chính chủ nghĩa tư bản đã tạo ra, xây dựng toàn bộ hệ thống quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa mà quan hệ sản xuất này chưa thể có bóng dáng trong lòng xã hội cũ, tổ chức và quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân, không chỉ ở phạm vi kinh tế vi mô mà cả trên phạm vi kinh tế vĩ mô, nâng cao trình độ đối tượng lao động, bồi dưỡng và nâng cao trình độ làm chủ mọi mặt của người lao động. Rốt cuộc, mức sống, lối sống, toàn bộ đời sống xã hội phải thể hiện được ưu thế của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản. Tất cả các điều đó đều đòi hỏi thời gian không ngắn.

Một năng suất chiến thắng của chủ nghĩa xã hội không phải so sánh với chủ nghĩa tư bản dân tộc, chủ nghĩa tư bản khu vực, mà là với chủ nghĩa tư bản quốc tế, không phải so sánh với chủ nghĩa tư bản quá khứ, mà là với chủ nghĩa tư bản hiện thực — chủ nghĩa tư bản trước ngưỡng cửa của thế kỷ thứ 21 với việc tận hưởng và lợi dụng một cách có ý thức cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật thế giới. Ngày nay, mức thu nhập quốc dân tính theo đầu người ở các nước tư bản phát triển nhất đã lên tới 1 vạn đô la, ở các nước khác đang đi theo con đường tư bản chủ nghĩa thì cũng đã đạt được 1000 đô la. Điều này càng đặt ra bài toán nan giải về tổ chức và phát triển kinh tế — xã hội cho tất cả các nước ở các trình độ khác nhau của chủ nghĩa xã hội. Nó càng khó khăn gấp bội đối với những nước đang trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nước ta là một nước ở trong tình trạng có mức sống nghèo khổ của thế giới, dù chúng ta có phấn đấu hết sức tích cực, thời kỳ quá độ ở nước ta vẫn là lâu dài, gian khổ.

Theo Lê-nin, chủ nghĩa xã hội chỉ ra đời từ những cái gì chủ nghĩa tư bản đã đạt được, thì đối với nước ta, con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa càng có tính chất lâu dài, càng đầy chông gai. Biết nhận thức rõ tất cả những khó khăn, thuận lợi của đất nước mình thì mới có thể lựa chọn được những hình thức và bước đi thích hợp. Xét trên phạm vi toàn xã hội, nếu làm chưa đủ ăn, cũng có nghĩa là chưa đạt được bộ phận sản phẩm tất yếu, chứ chưa nói đến sản phẩm thặng dư, thì lấy gì mà tích lũy để tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà. Hơn mười năm qua chúng ta đã bố trí cơ cấu kinh tế vượt quá thực trạng đó.

Trình độ kinh tế lúc xuất phát là một yếu tố ảnh hưởng quyết định đến độ dài của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Từ lâu, Lê-nin cũng đã từng chỉ ra cho những người cộng sản thế giới: càng là nước tiểu nông bao nhiêu thì thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội càng phải dài bấy nhiêu, bởi vì ở đây nhất thiết phải trải qua những giai đoạn sơ bộ, tuần tự mà những nước ở trình độ phát triển tư bản chủ nghĩa rồi không phải trải qua, ở đây còn phải bắc nhiều nhịp cầu nhỏ để dẫn dắt nông dân đi từng bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội (5). Thực tiễn đã cho ta thấy mọi tham vọng đi nhanh, vượt quá điều kiện thực tế, rốt cuộc lại thành đi chậm. Bài học sâu sắc đáng rút ra là đi vững chắc lại là cách đi nhanh nhất, đúng như lời Hồ Chủ tịch đã dạy chúng ta. Trong trường hợp nước ta, việc lựa chọn bước đi của công nghiệp hóa sao cho vững chắc đã khó, thì việc lựa chọn bước đi của công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới nói chung và của việc hợp tác hóa nông nghiệp nói riêng lại càng khó khăn hơn. Nước ta đất hẹp

(5) Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 37, tr. 438.

Digitized by Google

người đông, sản xuất nhỏ là phổ biến, lại được củng cố bằng chế độ tự cấp tự túc nặng nề của cuộc kháng chiến cứu nước quá lâu dài. Trên phạm vi cả nước, tính theo đầu người mới đạt 1000m^2 ruộng, 300kg lương thực (quy thóc chứ chưa phải tính theo sản lượng cuối cùng trên bàn ăn) 100 kWh điện một năm; cơ giới hóa nông nghiệp mới đạt khoảng 0,2 mã lực trên một héc ta canh tác v.v. Trong khi đó nhịp điệu chung về mức sống của hành tinh đang tăng lên mạnh mẽ. Chừng nấy vấn đề cũng đủ cho thấy thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta phải là một thời kỳ lịch sử phấn đấu chừng vài chục năm.

Trình độ nhận thức và hành động theo đúng những quy luật khách quan của chúng ta là một yếu tố chủ quan chi phối độ dài của thời kỳ quá độ. Nếu nắm vững và làm đúng, làm tốt thì thời kỳ quá độ không bị kéo dài. Lê-nin đã nói: «Chúng ta còn phải trải qua bao nhiêu giai đoạn quá độ nữa mới tiến tới chủ nghĩa xã hội, điều đó chúng ta không biết và cũng không thể nào biết được» (6). Cứ như tình hình thực tế 11 năm qua cũng đủ cho ta thấy thời kỳ quá độ ở nước ta không thể ngắn. Trình độ tổ chức quản lý yếu kém của chúng ta đã làm tăng thêm tính phức tạp của thời kỳ quá độ ở nước ta.

Thời kỳ quá độ vốn là một thời kỳ lịch sử phức tạp đối với bất cứ nước nào. Một trong những khó khăn lớn nhất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa thời kỳ này là chưa làm quen với chức năng quản lý kinh tế — xã hội, một chức năng mới lạ nhưng có ý nghĩa cực kỳ to lớn đối với thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Theo Lê-nin, không một giai cấp nào lần đầu tiên bước lên địa vị lãnh đạo xã hội mà lại không cần một thời gian quan sát, nhìn nhận, làm quen với sự vật xung quanh. Do đó, Người đã dự kiến chính xác một đặc điểm của thời kỳ quá độ, đặc biệt trong chặng đầu là không tránh khỏi những sự mò mẫm, thử nghiệm, lựa chọn, thậm chí vấp váp, làm đi làm lại nhiều lần trong sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Đối với chúng ta, điều không tránh khỏi đó lại càng rõ. Tuy nhiên, chúng ta không nên lấy điều đó để luôn luôn biện hộ cho sự kéo dài của thời kỳ quá độ. Song nó cũng nói lên rằng không thể nóng vội, đơn giản, một chiều.

Tính phức tạp của thời kỳ quá độ còn thể hiện ở chỗ phải cải tạo, tổ chức và quản lý một nền kinh tế nhiều thành phần. Ở đây có sự đan xen, chồng chéo, tác động qua lại của các loại quy luật kinh tế của các thành phần kinh tế khác nhau. Các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội chưa đủ điều kiện để phát huy tác dụng một cách rộng rãi. Các quy luật kinh tế của các thành phần phi xã hội chủ nghĩa cũng không còn nguyên vẹn như trong xã hội cũ. Làm sao phản ánh được bức tranh sinh động của nền kinh tế có tính chất quá độ ấy vào các hoạt động tổ chức quản lý, đó, là điều không đơn giản. Các quy luật kinh tế của các thành phần kinh tế khác nhau ở nước ta lại tác động đan chéo trong hoàn cảnh nền kinh tế của hai miền Bắc Nam chưa hoàn toàn đồng nhất. Sản xuất hàng hóa của ta lại chưa phát triển... Tất cả những điều đó càng làm cho tình hình thêm phức tạp, lâu dài.

Một đặc điểm nổi bật khác của thời kỳ quá độ là cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra gay go, quyết liệt. Cuộc đấu tranh giữa ta và địch gắn liền với cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Ở nước ta hai cuộc đấu tranh đó quyện chặt vào nhau rất phức tạp,

(6) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va; 1977, t. 36, tr. 61.

Digitized by Google

phải tổ chức lại và phát triển hợp lý hơn các cơ sở vật chất — kỹ thuật to lớn do chính chủ nghĩa tư bản đã tạo ra, xây dựng toàn bộ hệ thống quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa mà quan hệ sản xuất này chưa thể có bóng dáng trong lòng xã hội cũ, tổ chức và quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân, không chỉ ở phạm vi kinh tế vi mô mà cả trên phạm vi kinh tế vĩ mô, nâng cao trình độ đối tượng lao động, bồi dưỡng và nâng cao trình độ làm chủ mọi mặt của người lao động. Rốt cuộc, mức sống, lối sống, toàn bộ đời sống xã hội phải thể hiện được ưu thế của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản. Tất cả các điều đó đều đòi hỏi thời gian không ngắn.

Một năng suất chiến thắng của chủ nghĩa xã hội không phải so sánh với chủ nghĩa tư bản dân tộc, chủ nghĩa tư bản khu vực, mà là với chủ nghĩa tư bản quốc tế, không phải so sánh với chủ nghĩa tư bản quá khứ, mà là với chủ nghĩa tư bản hiện thực — chủ nghĩa tư bản trước ngưỡng cửa của thế kỷ thứ 21 với việc tận hưởng và lợi dụng một cách có ý thức cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật thế giới. Ngày nay, mức thu nhập quốc dân tính theo đầu người ở các nước tư bản phát triển nhất đã lên tới 1 vạn đô la, ở các nước khác đang đi theo con đường tư bản chủ nghĩa thì cũng đã đạt được 1000 đô la. Điều này càng đặt ra bài toán nan giải về tổ chức và phát triển kinh tế — xã hội cho tất cả các nước ở các trình độ khác nhau của chủ nghĩa xã hội. Nó càng khó khăn gấp bội đối với những nước đang trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nước ta là một nước ở trong tình trạng có mức sống nghèo khổ của thế giới, dù chúng ta có phấn đấu hết sức tích cực, thời kỳ quá độ ở nước ta vẫn là lâu dài, gian khổ.

Theo Lê-nin, chủ nghĩa xã hội chỉ ra đời từ những cái gì chủ nghĩa tư bản đã đạt được, thì đối với nước ta, con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa càng có tính chất lâu dài, càng đầy chông gai. Biết nhận thức rõ tất cả những khó khăn, thuận lợi của đất nước mình thì mới có thể lựa chọn được những hình thức và bước đi thích hợp. Xét trên phạm vi toàn xã hội, nếu làm chưa đủ ăn, cũng có nghĩa là chưa đạt được bộ phận sản phẩm tất yếu, chứ chưa nói đến sản phẩm thặng dư, thì lấy gì mà tích lũy để tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà. Hơn mười năm qua chúng ta đã bố trí cơ cấu kinh tế vượt quá thực trạng đó.

Trình độ kinh tế lúc xuất phát là một yếu tố ảnh hưởng quyết định đến độ dài của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Từ lâu, Lê-nin cũng đã từng chỉ ra cho những người cộng sản thế giới: càng là nước tiểu nông bao nhiêu thì thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội càng phải dài bấy nhiêu, bởi vì ở đây nhất thiết phải trải qua những giai đoạn sơ bộ, tuần tự mà những nước ở trình độ phát triển tư bản chủ nghĩa rồi không phải trải qua, ở đây còn phải bắc nhiều nhịp cầu nhỏ để dẫn dắt nông dân đi từng bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội (5). Thực tiễn đã cho ta thấy mọi tham vọng đi nhanh, vượt quá điều kiện thực tế, rốt cuộc lại thành đi chậm. Bài học sâu sắc đáng rút ra là đi vững chắc lại là cách đi nhanh nhất, đúng như lời Hồ Chủ tịch đã dạy chúng ta. Trong trường hợp nước ta, việc lựa chọn bước đi của công nghiệp hóa sao cho vững chắc đã khó, thì việc lựa chọn bước đi của công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới nói chung và của việc hợp tác hóa nông nghiệp nói riêng lại càng khó khăn hơn. Nước ta đất hẹp

(5) Xem V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 37, tr. 438.

Digitized by Google

người đông, sản xuất nhỏ là phổ biến, lại được củng cố bằng chế độ tự cấp tự túc nặng nề của cuộc kháng chiến cứu nước quá lâu dài. Trên phạm vi cả nước, tính theo đầu người mới đạt 1000m^2 ruộng, 300kg lương thực (quy thóc chứ chưa phải tính theo sản lượng cuối cùng trên bàn ăn) 100 kWh điện một năm; cơ giới hóa nông nghiệp mới đạt khoảng 0,2 mã lực trên một héc ta canh tác v.v. Trong khi đó nhịp điệu chung về mức sống của hành tinh đang tăng lên mạnh mẽ. Chừng nấy vấn đề cũng đủ cho thấy thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta phải là một thời kỳ lịch sử phấn đấu chừng vài chục năm.

Trình độ nhận thức và hành động theo đúng những quy luật khách quan của chúng ta là một yếu tố chủ quan chi phối độ dài của thời kỳ quá độ. Nếu nắm vững và làm đúng, làm tốt thì thời kỳ quá độ không bị kéo dài. Lê-nin đã nói: «Chúng ta còn phải trải qua bao nhiêu giai đoạn quá độ nữa mới tiến tới chủ nghĩa xã hội, điều đó chúng ta không biết và cũng không thể nào biết được» (6). Cứ như tình hình thực tế 11 năm qua cũng đủ cho ta thấy thời kỳ quá độ ở nước ta không thể ngắn. Trình độ tổ chức quản lý yếu kém của chúng ta đã làm tăng thêm tính phức tạp của thời kỳ quá độ ở nước ta.

Thời kỳ quá độ vốn là một thời kỳ lịch sử phức tạp đối với bất cứ nước nào. Một trong những khó khăn lớn nhất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa thời kỳ này là chưa làm quen với chức năng quản lý kinh tế — xã hội, một chức năng mới lạ nhưng có ý nghĩa cực kỳ to lớn đối với thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Theo Lê-nin, không một giai cấp nào lần đầu tiên bước lên địa vị lãnh đạo xã hội mà lại không cần một thời gian quan sát, nhìn nhận, làm quen với sự vật xung quanh. Do đó, Người đã dự kiến chính xác một đặc điểm của thời kỳ quá độ, đặc biệt trong chặng đầu là không tránh khỏi những sự mò mẫm, thử nghiệm, lựa chọn, thậm chí vấp váp, làm đi làm lại nhiều lần trong sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Đối với chúng ta, điều không tránh khỏi đó lại càng rõ. Tuy nhiên, chúng ta không nên lấy điều đó để luôn luôn biện hộ cho sự kéo dài của thời kỳ quá độ. Song nó cũng nói lên rằng không thể nóng vội, đơn giản, một chiều.

Tính phức tạp của thời kỳ quá độ còn thể hiện ở chỗ phải cải tạo, tổ chức và quản lý một nền kinh tế nhiều thành phần. Ở đây có sự đan xen, chồng chéo, tác động qua lại của các loại quy luật kinh tế của các thành phần kinh tế khác nhau. Các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội chưa đủ điều kiện để phát huy tác dụng một cách rộng rãi. Các quy luật kinh tế của các thành phần phi xã hội chủ nghĩa cũng không còn nguyên vẹn như trong xã hội cũ. Làm sao phản ánh được bức tranh sinh động của nền kinh tế có tính chất quá độ ấy vào các hoạt động tổ chức quản lý, đó, là điều không đơn giản. Các quy luật kinh tế của các thành phần kinh tế khác nhau ở nước ta lại tác động đan chéo trong hoàn cảnh nền kinh tế của hai miền Bắc Nam chưa hoàn toàn đồng nhất. Sản xuất hàng hóa của ta lại chưa phát triển... Tất cả những điều đó càng làm cho tình hình thêm phức tạp, lâu dài.

Một đặc điểm nổi bật khác của thời kỳ quá độ là cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra gay go, quyết liệt. Cuộc đấu tranh giữa ta và địch gắn liền với cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Ở nước ta hai cuộc đấu tranh đó quyện chặt vào nhau rất phức tạp,

(6) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va; 1977, t. 36, tr. 61.

Digitized by Google

đã gây cho ta những khó khăn không nhỏ, mà nếu mơ hồ và giải quyết không đúng, thì trận địa của chủ nghĩa xã hội sẽ bị chủ nghĩa tư bản xâm lấn, đẩy lùi. Xét về mặt kinh tế, chúng ta không thể chiến thắng các thế lực kinh tế tư sản và sản xuất nhỏ bằng cách phát động lòng căm thù, tiến công ào ạt, tước đoạt hoặc cải tạo nhanh chóng, mà phải đưa ra một hệ thống sản xuất và tiêu dùng mới, đem lại năng suất lao động cao hơn, cải thiện đời sống xã hội nhanh hơn. Rõ ràng sự nghiệp ấy phải tốn kém thời gian. Đối với nước ta, trong tình hình phải sử dụng chủ nghĩa tư bản tư nhân một thời gian, sản xuất nhỏ còn như biển cả, lại thêm kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ địch, thì cuộc đấu tranh giai cấp càng dai dẳng, càng đòi hỏi phải trải qua nhiều năm để chiến thắng.

Tính chất lâu dài và tính chất phức tạp của thời kỳ quá độ có quan hệ chặt chẽ với nhau. Có thể vì lâu dài mà tăng thêm mức độ phức tạp. Ngược lại, vì tình trạng quá phức tạp đó mà thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội có thể phải kéo dài. Nhận rõ tính chất lâu dài và phức tạp của thời kỳ quá độ, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta càng phải phát huy cao độ tính năng động chủ quan; trước hết phải biết tìm ra và đi theo nhiều bước quá độ nhỏ. Về nghệ thuật lãnh đạo cách mạng, Lê-nin đã chỉ dẫn: chỉ là «một người cộng sản nói chung, như thế chưa đủ», muốn trở thành người cộng sản chân chính «cần phải biết tìm cho ra cái mắt xích đặc biệt mà người ta phải dem toàn lực ra nắm lấy để giữ vững được toàn bộ cái xích và chuẩn bị để chuyển vững chắc sang mắt xích kế bên» (7). Không như thế thì thời kỳ quá độ vẫn là một quá trình tự phát, chứ không phải tự giác, và bị kéo dài không cần thiết.

(7) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-cơ-va, 1977, t. 36, tr. 252.

MẤY VẤN ĐỀ CƠ BẢN...

(Tiếp theo trang 25)

mở trong những năm 1987 — 1990 và đặt nền móng cho những năm 90 trở đi.

4 — Chú ý phát triển các dịch vụ xuất khẩu, trước hết là vận tải đối ngoại, sửa chữa tàu biển, cung ứng cảng, du lịch quốc tế v.v.

Để thực hiện được cơ cấu mặt hàng xuất khẩu trên đây, một mặt phải có đầu tư thích đáng cho sản xuất, mặt khác, phải có chính sách thị trường thật hợp lý. Chính sách thị trường đó xuất phát từ nhiều mặt chính trị, kinh tế, địa lý và cả lịch sử, trong đó yếu tố chính trị có ý nghĩa quyết định.

Digitized by Google

Tiến tới kỷ niệm lần thứ 70
CÁCH MẠNG XHCN THÁNG MƯỜI VĨ ĐẠI

NGUYỄN THÀNH

ĐỒNG CHÍ NGUYỄN ÁI QUỐC ĐƯA ÁNH SÁNG CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VỀ VIỆT NAM

KHI pháo hạm Rạng đông bắn phát lệnh tấn công vào Cung điện mùa Đông ở Pê-tơ-rô-grát (nay là Lê-nin-grát) báo hiệu cuộc Cách mạng tháng Mười bắt đầu, thì đồng chí Nguyễn Ái Quốc đang ở Pháp (1). Lúc này, nước Pháp vẫn còn đang chìm trong khói lửa cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất. Chính phủ tư sản Pháp ra sức ngăn chặn mọi thư từ, báo chí nước ngoài vào và dùng mọi phương tiện tuyên truyền xuyên tạc sự thật về Cách mạng tháng Mười, để đề phòng những cuộc khủng hoảng nội bộ làm suy yếu lực lượng của nước Pháp trong lúc đang cần dồn mọi sức mạnh lên mặt trận để giành thắng lợi quyết định đối với đế quốc Đức. Đảng xã hội Pháp, do những phần tử trí thức cơ hội nắm vai trò lãnh đạo chủ yếu, hết sức thù ghét Cách mạng tháng Mười. Báo chí của Đảng xã hội lúc đó đưa tin và bình luận về Cách mạng tháng Mười không khác gì những tờ báo của giai cấp tư sản.

Trong bối cảnh đó, đồng chí Nguyễn Ái Quốc cũng như mọi người sống trên đất Pháp không hiểu về Cách mạng tháng Mười (2).

Về sau, đồng chí Nguyễn Ái Quốc tham gia rải truyền đơn ủng hộ Cách mạng tháng Mười với nhận thức cảm tính là, cũng như mọi cuộc cách mạng đã diễn ra trong lịch sử các nước, Cách mạng tháng Mười có ý nghĩa tiến bộ, phá vỡ những cái lạc hậu, lỗi thời. Nhưng Cách mạng tháng Mười căn bản khác các cuộc cách mạng

(1) Theo bài của Chủ tịch Hồ Chí Minh nói với các nhà báo Xô viết đăng trên báo Tpyg (Lao động) ngày 10-7-1957, nhan đề: *« Cách mạng Tháng Mười vĩ đại soi sáng con đường chúng ta đi tới hạnh phúc »*.

(2) Theo tài liệu đã dẫn.

Digitized by Google

trước đó thế nào thì Người chưa nhận thức được.

Một sự kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại sau Cách mạng tháng Mười là việc thành lập Quốc tế cộng sản (tháng 3-1919). Quốc tế cộng sản thành lập, công bố các Nghị quyết và Tuyên ngôn gửi nhân dân lao động toàn thế giới, nhưng các văn kiện đó không được phổ biến ở Pháp. Lúc này, đồng chí Nguyễn Ái Quốc vẫn đang đi tìm đường cứu nước với tư cách là một người yêu nước thuần túy, đầy nhiệt tình.

Tháng 7-1920, báo *L'Humanité* đăng toàn văn bản dịch ra tiếng Pháp « Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa » do V.I. Lê-nin thảo, đến với nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc. Đây là thời điểm đánh dấu bước ngoặt quyết định trong *tư tưởng chính trị* của Người. Những vấn đề cơ bản trong « Sơ thảo Luận cương » sẽ trình Đại hội lần thứ II Quốc tế cộng sản làm sáng tỏ ý nghĩa quốc tế của Cách mạng tháng Mười đối với các dân tộc bị chủ nghĩa đế quốc thống trị. Từ khi tiếp xúc với « Sơ thảo luận cương », đồng chí Nguyễn Ái Quốc bắt đầu hiểu được rằng những vấn đề có tính chất thời đại gắn chặt với nhau; Người hoàn toàn tin tưởng ở Lê-nin, người lãnh đạo Cách mạng tháng Mười, sáng lập Quốc tế cộng sản, đã chỉ đường giải phóng cho các dân tộc bị áp bức. Và cũng từ đây, Người mới nhận thức được chiều sâu tính chất và ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười. Đại hội lần thứ XVIII Đảng xã hội Pháp họp ở Tua đánh dấu bước chuyển biến về mặt *tổ chức* của người chiến sĩ yêu nước Nguyễn Ái Quốc, Người trở thành chiến sĩ của Quốc tế cộng sản.

Mốc lịch sử trên đây trong cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tiền đề báo hiệu một sự đổi mới sâu sắc trong sự phát triển của dân tộc Việt nam sẽ diễn ra trong một thời điểm không xa.

Từ khi trở thành đảng viên của Đảng cộng sản Pháp, đồng chí Nguyễn Ái Quốc ra sức hoạt động, cống hiến trí tuệ và tài năng của mình cho Đảng vì sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa, suy nghĩ tìm biện pháp đưa ánh sáng Cách mạng tháng Mười về đất nước Việt nam để giải phóng cho dân tộc mình khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc.

Bằng những bài đăng trên báo chí của Đảng cộng sản và phong trào công nhân Pháp, của Hội liên hiệp thuộc địa, của Quốc tế cộng sản và báo chí xô viết, đồng chí Nguyễn Ái Quốc từng bước phác họa phương hướng giành độc lập cho dân tộc mình, chính cũng là con đường của Cách mạng tháng Mười được vận dụng vào thực tiễn Việt nam

★

Trả lời phỏng vấn của phóng viên báo *Unità*, cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Ý, đồng chí Nguyễn Ái Quốc nói : « Chúng tôi tiếp tục đi theo con đường Cách mạng tháng Mười đã vạch ra, chúng tôi sẽ vận dụng vào thực tiễn những bài học đã học được » (3).

Những bài học của Cách mạng tháng Mười có ý nghĩa quốc tế phổ biến.

Suy nghĩ về phương thức vận dụng bài học của Cách mạng tháng Mười vào thực tiễn Việt nam là một quá trình nghiên cứu lý luận, tìm hiểu kinh nghiệm lịch sử đấu tranh giải phóng các thuộc địa, tình hình chính trị—xã hội Việt nam đương thời và hoạt động thực tiễn kết tinh lại.

Tháng 12-1924, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đến Quảng châu, tập hợp những

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t. I, tr. 197.

Digitized by Google

người Việt nam yêu nước ưu tú trong *Tâm tâm xã*, giáo dục và tổ chức họ vào *Thanh niên cộng sản đoàn*, làm nòng cốt cho việc tổ chức một đoàn thể quần chúng có xu hướng cộng sản chủ nghĩa là *Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội*. Người truyền bá chủ nghĩa Mác—Lê-nin trước hết cho những người yêu nước, vốn là học sinh có trình độ văn hóa nhất định, có khả năng tiếp thu kiến thức lý luận cách mạng, phát triển chủ nghĩa yêu nước theo con đường cách mạng vô sản.

Đi vào hoạt động thực tiễn, những chiến sĩ vô sản Việt nam đã khơi dậy và thúc đẩy phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển theo xu hướng của thời đại, chuẩn bị cho sự ra đời của đảng của giai cấp công nhân Việt nam, tổ chức và hoạt động theo phương thức của Đảng bôn sê vích Nga. Một bài học lớn của Cách mạng tháng Mười là: chỉ có một đảng cộng sản kiên cường «mới có thể đưa cách mạng giải phóng dân tộc đến thắng lợi và cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công» (1)

Để cho một đảng theo kiểu Đảng bôn sê vích Nga ra đời, tồn tại và phát triển ở Việt nam, không những phải đấu tranh chống sự đàn áp tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc và chính quyền tay sai, mà còn phải đấu tranh với các xu hướng dân tộc cải lương hay cách mạng theo quan điểm tiểu tư sản và tư sản, chống các đảng phái giả danh yêu nước của địa chủ, cường hào do đế quốc tổ chức và chỉ đạo.

«Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc» (5), «chỉ có khối liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo mới có thể kiên quyết và triệt để đánh đổ các thế lực phản cách mạng giành lấy và củng cố chính quyền của nhân dân lao động, hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của cách mạng dân tộc, dân chủ và tiến lên chủ nghĩa xã hội» (6).

Ở nước Nga, trước và trong Cách mạng tháng Mười, Lê-nin chủ trương thực hiện sự liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân nghèo, vì đại bộ phận trung nông lúc này chưa ngả về phe cách mạng (chỉ đến đầu năm 1919, sau khi trung nông đã ngả về phía giai cấp vô sản, Lê-nin mới đề ra chủ trương kiên lập sự liên minh vững chắc với trung nông để xây dựng chủ nghĩa xã hội). Việt nam là một nước thuộc địa, nửa phong kiến, vì vậy khi tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ chống đế quốc và phong kiến, giai cấp công nhân phải liên minh với toàn thể giai cấp nông dân, bao gồm cả phú nông là tầng lớp tư sản ở nông thôn. Khi đã hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, tiến vào cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân Việt nam liên minh với nông dân lao động gồm cả trung nông, đưa họ vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp, hình thành giai cấp nông dân mới tập thể xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ tầng lớp bóc lột ở nông thôn.

Trong quá trình xây dựng khối liên minh công nông, đảng của giai cấp công nhân Việt nam phải đấu tranh chống các xu hướng sai lầm. Xu hướng «tả» khuynh, không hiểu thực chất bài học về liên minh công nông của cách mạng Nga, chủ trương chỉ liên minh với nông dân nghèo, không mở rộng liên minh với trung nông và phú nông có khả năng chống đế quốc—phong kiến; và xu hướng hữu khuynh biểu hiện ở chỗ tán thành liên minh công nông nhưng không chăm lo củng cố và tăng cường vai trò lãnh đạo và giáo dục của giai cấp công nhân đối với nông dân cả trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

---

(1) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t. II, tr. 466.

(5) Sách đã dẫn, t. I, tr. 255.

(6) Sách đã dẫn, t. II, tr. 466.

Digitized by Google

Nhận thức sâu sắc lý luận về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê-nin, đồng chí Nguyễn Ái Quốc thấy rằng muốn đánh đuổi chủ nghĩa đế quốc, phải đoàn kết tất cả các lực lượng yêu nước trong dân tộc thành một mặt trận do Đảng cộng sản lãnh đạo. Tư tưởng về mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc đã xuất hiện trong những bài báo và bài phát biểu của Người từ đầu những năm 20. Ở đây thể hiện một sự cứng rắn về nguyên tắc (kiên quyết chống chủ nghĩa đế quốc) đồng thời cũng thể hiện một sách lược hết sức mềm dẻo, tranh thủ rộng rãi bạn đồng minh, dù là bấp bênh tạm thời. « Trên cơ sở liên minh công nông ngày càng vững chắc, trong mỗi giai đoạn cách mạng, cần tập hợp mọi lực lượng cách mạng và tiến bộ thành một *mặt trận rộng rãi*, thực hiện thống nhất hành động dưới nhiều hình thức giữa các lực lượng ấy để chống kẻ thù chung » (7).

Dân tộc ta vốn có truyền thống chống ngoại xâm. Từ khi thực dân Pháp xâm lược, dưới sự lãnh đạo của các văn thân yêu nước, nhân dân ta đã không ngừng chiến đấu. Nhưng các bậc tiền bối hô hào « đánh Tây » không phân biệt Tây thực dân là kẻ thù và Tây lao động bị áp bức bóc lột là bạn đồng minh của mình, cần liên minh với họ. Từ khi có chủ nghĩa Lê-nin soi đường, tư tưởng về mặt trận dân tộc thống nhất mới được xác định đúng đắn, dựa trên lập trường giai cấp công nhân và chủ nghĩa quốc tế vô sản, không nhiễm phải chủ nghĩa bài ngoại và chủ nghĩa chủng tộc hẹp hòi. Đây là một trong những nhân tố cơ bản bảo đảm cho cách mạng Việt nam giành được thắng lợi ngày càng to lớn.

Cách mạng tháng Mười Nga chỉ cho nhân dân Việt nam thấy rằng, muốn chống kẻ thù giai cấp và dân tộc, phải « *dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền* » (8). Nắm vững tư tưởng bạo lực cách mạng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chăm lo giác ngộ và tổ chức quần chúng thành một lực lượng mạnh mẽ, sớm đề ra việc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, đào tạo cán bộ quân sự và làm công tác binh vận để kết hợp các lực lượng tiến hành các hình thức đấu tranh giải phóng dân tộc. Khi đã có chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta quan tâm tăng cường lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, sử dụng bạo lực cách mạng để bảo vệ thành quả cách mạng chống kẻ thù xâm lược và các lực lượng phản động trong nước câu kết với kẻ thù bên ngoài phá hoại công cuộc xây dựng đất nước.

Sau khi miền Bắc nước ta được giải phóng (1954), cũng như sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng (1975), nền chuyên chính vô sản đã được thiết lập trên đất nước ta. Đảng ta hiểu rằng: phải không ngừng củng cố và tăng cường chuyên chính vô sản, cả trên nhận thức lý luận cũng như trong hoạt động thực tiễn mới có thể hoàn thành được những nhiệm vụ vẻ vang của cách mạng nước ta, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Trong đấu tranh, cần phải có một « *tinh thần cách mạng triệt để*, luôn luôn giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, không sợ gian khổ, hy sinh, kiên quyết đấu tranh đến cùng vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội » (9) Tinh thần đó đã được thể hiện trong suốt quá trình phát triển của cách mạng nước ta, nổi bật nhất là cao trào 1930 — 1931; 1940 — 1945; là tinh thần « chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu

(7) Sách đã dẫn, tr. 466.
(8) Sách đã dẫn, tr. 466.
(9) Sách đã dẫn, tr. 467.

Digitized by Google

làm nô lệ » và « ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước » mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu cao trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (12-1946); « Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn » trong lời *Di chúc* của Người (5-1969).

Với sự hy sinh cao cả của mình, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi có tầm vóc thời đại và được cả loài người tiến bộ ca ngợi.

Cách mạng Việt nam từ khi tiến theo con đường Cách mạng tháng Mười đã trở thành một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới. Từ đó, cách mạng Việt nam kết hợp được sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại; kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản; liên minh với phong trào công nhân quốc tế và phong trào giải phóng các dân tộc bị áp bức, với Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, với mặt trận quốc tế chống chủ nghĩa đế quốc, bảo vệ hòa bình.

Phát huy những kinh nghiệm trong lịch sử, ngày nay, trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân ta tiếp tục củng cố và tăng cường sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

★

Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười đến Việt nam tương đối chậm so với một số nước thuộc địa khác của Pháp, (An-giê-ri, Ma-rốc, Tuy-ni-ri, Mác-ti-nich) và nhiều nước châu Á (Trung quốc, Nhật bản, Ấn độ, Triều tiên, In-đô-nê-xi-a, Áp-ga-ni-xtan). Nhưng dưới ngọn cờ của tháng Mười vĩ đại, được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta lãnh đạo, nhân dân ta đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác trong cách mạng dân tộc dân chủ cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Vui mừng trước những thắng lợi đã giành được và tin tưởng vào bước đường đi tới, Đảng ta và nhân dân ta vô cùng biết ơn những người đã làm nên cuộc Cách mạng tháng Mười vĩ đại mở đường cho chúng ta đi; vô cùng biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh — Người đã làm cho nhân dân ta hiểu sâu sắc ý nghĩa Cách mạng tháng Mười, biết vận dụng những bài học của Cách mạng tháng Mười vào thực tiễn Việt nam, thúc đẩy xã hội Việt nam tiến mạnh trên con đường tiến bộ.

Digitized by Google

NGUYỄN VĂN ĐẶNG

VỀ BẢN CHẤT CỦA CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN THEO TINH THẦN HỌC THUYẾT CỦA LÊ-NIN

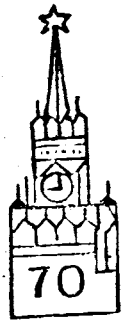

Như mọi người đều biết, kế tục những tư tưởng của Mác và Ăng-ghen, trong thời đại mới của lịch sử thế giới, khi chủ nghĩa tư bản đã chuyển thành chủ nghĩa đế quốc, V.I. Lê-nin sau khi nghiên cứu những kinh nghiệm của những cuộc cách mạng đã qua và trải qua cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, đã đề ra một học thuyết hoàn chỉnh về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản. Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười vĩ đại, những tư tưởng của Lê-nin về chuyên chính vô sản đã được bổ sung thêm nhiều dựa trên cơ sở khái quát những kinh nghiệm thực tiễn trong những năm đầu của chính quyền xô viết.

Trong phạm vi bài này, tôi không có ý định trình bày toàn bộ nội dung của học thuyết ấy mà chỉ nói tới vấn đề bản chất của chuyên chính vô sản theo tinh thần học thuyết của Lê-nin.

Lê-nin đã từng nói: « Nhà nước, tức là giai cấp vô sản được tổ chức thành giai cấp thống trị »—lý luận ấy của Mác gắn liền mật thiết với toàn bộ học thuyết của ông về vai trò cách mạng của giai cấp vô sản trong lịch sử. Đỉnh cao của vai trò ấy là chuyên chính vô sản, là sự thống trị về chính trị của giai cấp vô sản » (1).

Từ luận điểm nổi tiếng: *đỉnh cao của vai trò cách mạng của giai cấp vô sản trong lịch sử là chuyên chính vô sản*, chúng ta có thể hiểu rằng, *bản chất của chuyên chính vô sản chính là bản chất giai cấp công nhân của nền chuyên chính ấy.*

Bản chất giai cấp của chuyên chính vô sản thể hiện ở mục đích của cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng là mục đích của chuyên chính vô sản; ở quyền lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân trong hệ thống chuyên chính vô sản; ở tính tổ chức và kỷ luật nghiêm ngặt của giai cấp công nhân và đảng của nó; ở quyền làm chủ của nhân dân lao động mà nòng cốt là liên minh công nông; và ở tính quốc tế vô sản của nó

Trong những đặc trưng nói trên, sự lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ của nhân dân lao động mà nòng cốt là liên minh công nông là những đặc trưng quan trọng nhất.

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, t. 33, tr. 33.

Digitized by Google

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định nhất trong bản chất của chuyên chính vô sản, nó thể hiện ở mức độ cao nhất, tập trung nhất bản chất giai cấp của nền chuyên chính ấy.

Sự lãnh đạo của Đảng, được tiến hành đúng đắn, sẽ bảo đảm cho chuyên chính vô sản luôn luôn hướng tới mục tiêu xây dựng một xã hội mới không có người bóc lột người; luôn luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, tránh mọi lệch lạc « tả » khuynh và hữu khuynh; và luôn luôn giữ vững tính tổ chức và kỷ luật cao của giai cấp công nhân hiện đại, tránh mọi lệch lạc, vô tổ chức vô kỷ luật, phân tán, tự do chủ nghĩa là những căn bệnh cố hữu của người sản xuất nhỏ.

Sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm phát huy được sức mạnh to lớn của nhân dân lao động tự nguyện tự giác đấu tranh cho thắng lợi của xã hội mới. Nó phát huy sức mạnh tổng hợp của tất cả các bộ phận cấu thành nền chuyên chính vô sản, phối hợp chặt chẽ hoạt động của các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước và các đoàn thể quần chúng hướng vào một mục đích chung.

Nó còn bảo đảm cho Nhà nước chuyên chính vô sản có đường lối đối ngoại đúng đắn, theo tinh thần của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Chúng ta biết rằng Đảng lãnh đạo bằng đường lối cách mạng đúng đắn (cả đường lối đối nội lẫn đường lối đối ngoại), bằng công tác tổ chức khoa học và có hiệu lực, bằng việc cử những cán bộ có năng lực vào hoạt động trong các cơ quan nhà nước (đương nhiên là phải do nhân dân tín nhiệm bầu ra), bằng sự kiểm tra chặt chẽ hoạt động của bộ máy nhà nước, bằng cách vận động, giáo dục quần chúng thi hành đường lối và các chính sách của Đảng và Nhà nước, và bằng hành động gương mẫu của cán bộ, đảng viên của Đảng. Mỗi khâu trong sự lãnh đạo của Đảng làm tốt hay không tốt đều ảnh hưởng rất lớn đến bản chất của chuyên chính vô sản, đến tác dụng của nó trong cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội. Đây là điều mà thực tiễn hơn mười năm qua đã làm chúng ta rất thấm thía.

Quyền làm chủ của nhân dân lao động mà nòng cốt là liên minh công nông cũng là một nhân tố cực kỳ quan trọng trong bản chất của chuyên chính vô sản, vì nó tạo nên sức mạnh vô cùng to lớn cho nền chuyên chính ấy.

Thật là hoàn toàn đúng khi ta nói rằng Nhà nước chuyên chính vô sản là Nhà nước của nhân dân lao động, do nhân dân lao động bầu ra và phục vụ lợi ích của nhân dân lao động.

Lê-nin đã từng nói: « Bản chất của nó (tức chính quyền xô viết — NVD) — cái mà ngày càng thu hút được công nhân tất cả các nước, là ở chỗ: xưa kia nhà nước là do bọn nhà giàu hay bọn tư bản quản lý bằng cách này hay cách khác, thì ngày nay, lần đầu tiên nhà nước do đông đảo quần chúng quần lý, do chính những giai cấp trước kia bị chủ nghĩa tư bản áp bức, quản lý (...). Nó làm cho những người bị áp bức trỗi dậy và ngày càng tự mình nắm lấy toàn bộ việc quản lý nhà nước, toàn bộ việc quản lý kinh tế, toàn bộ việc quản lý sản xuất » (2).

Và để đạt được điều đó Lê-nin cho rằng phải rất coi trọng việc nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân lao động, giáo dục và tổ chức họ tham gia ngày càng đông đảo vào việc quản lý nhà nước, *đấu tranh chống tệ quan liêu trong các cơ quan nhà nước*, kể cả việc đấu tranh chống những phần tử

(2) V.I Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t. 38, tr. 286—287.

Digitized by Google

tư sản mới nảy sinh trong bộ máy nhà nước.

Xem thế đủ thấy rằng, trong quan niệm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, *tính giai cấp và tính nhân dân gắn bó hữu cơ với nhau* trong một thể thống nhất hợp thành bản chất giai cấp của chuyên chính vô sản. Chỉ có gắn bó chặt chẽ hai tính chất nói trên, chúng ta mới có một quan niệm đúng đắn về bản chất của chuyên chính vô sản. Thật vậy, nếu chỉ thấy tính giai cấp mà không thấy tính nhân dân, thì sẽ rơi vào tình trạng hẹp hòi, có độc làm cho chuyên chính vô sản mất đi một lực lượng cực kỳ to lớn, đó là đông đảo nhân dân lao động phi vô sản, những người cùng với giai cấp công nhân hợp thành động lực mạnh mẽ của sự phát triển xã hội trong thời đại ngày nay. Trái lại, nếu chỉ thấy tính nhân dân mà không thấy tính giai cấp, thì sẽ rơi vào một tình trạng cực đoan khác, làm cho chuyên chính vô sản xa rời lập trường cách mạng của giai cấp công nhân.

Cũng có thể nói như thế về *sự gắn bó hữu cơ giữa sự lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ của nhân dân lao động, mà nòng cốt là liên minh công nông.* Nếu sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện quyết định bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động thì ngược lại việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động đến lượt nó lại củng cố mạnh mẽ sự lãnh đạo của Đảng. Đó là một chân lý đơn giản và dễ hiểu.

Cần nói thêm rằng, trong bản chất của chuyên chính vô sản, *tính tổ chức và kỷ luật của giai cấp công nhân* chiếm một vị trí rất quan trọng. Lê-nin đã từng nhấn mạnh: « Thực chất chủ yếu của nền chuyên chính đó (tức chuyên chính vô sản – NVĐ) là ở tính tổ chức và tính kỷ luật của đội quân tiên tiến của những người lao động, của đội tiên phong của họ, của người lãnh đạo duy nhất của họ là giai cấp vô sản » (3).

Bản chất của chuyên chính vô sản thể hiện ngay trong những chức năng, nhiệm vụ của chuyên chính vô sản. Nền chuyên chính này như ta đều biết, có hai chức năng cơ bản là bạo lực và tổ chức – xây dựng, trong đó tổ chức – xây dựng là chính. Nền chuyên chính ấy có những nhiệm vụ rất trọng đại là dập tan sự phản kháng của kẻ thù giai cấp đã bị cách mạng lật đổ và trấn áp những mưu mô và hành động của chúng định khôi phục chính quyền đã mất; tập hợp các tầng lớp quần chúng đông đảo chung quanh giai cấp công nhân để tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, chuẩn bị điều kiện cho việc xóa bỏ hoàn toàn các giai cấp; xây dựng, củng cố và tăng cường lực lượng quốc phòng để chống lại mọi âm mưu gây chiến, xâm lược và phá hoại của kẻ thù bên ngoài; ủng hộ và giúp đỡ về mọi mặt cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trong hệ thống tư bản chủ nghĩa, củng cố quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới. *Những chức năng và nhiệm vụ ấy sẽ không thể nào thực hiện được, nếu chuyên chính vô sản không thể hiện mạnh mẽ trong thực tế tất cả sức mạnh của bản chất giai cấp của mình.*

Chính địa vị của giai cấp vô sản trong xã hội hiện đại đã tạo điều kiện cho nó nắm được vai trò lãnh đạo cách mạng. Vai trò lãnh đạo ấy không chỉ do giai cấp vô sản có hệ tư tưởng tiên tiến nhất là chủ nghĩa Mác – Lê-nin, cũng không chỉ do nó có tính tổ chức và kỷ luật rất cao mà không một giai cấp nào khác có được, mà còn vì nó có tinh thần cách mạng

(3) V. I. Lê-nin: *Tuyển tập*. NXB Sự thật, Hà nội, 1959, quyển II, phần II, tr. 191.

Digitized by Google

rất triệt để. Lê-nin đã từng nói giai cấp vô sản với tính cách là giai cấp *đặc thù*, một mình *tiếp tục* cuộc đấu tranh giai cấp của mình. Lê-nin nói như vậy không có nghĩa là giai cấp vô sản tiến hành một mình cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội mà không liên minh với ai cả. Hoàn toàn không phải như vậy ! Trái với nhận thức đơn giản và sai lệch ấy, Lê-nin muốn nói rằng : là giai cấp bị tước mất mọi quyền sở hữu tư liệu sản xuất trong xã hội cũ, *giai cấp vô sản* là giai cấp duy nhất trực tiếp và hoàn toàn đối lập với giai cấp tư sản, do đó, ***là giai cấp duy nhất có khả năng làm cách mạng đến cùng.***

Sẽ không hiểu đầy đủ bản chất của chuyên chính vô sản, nếu không thấy được những chính sách giai cấp mà chuyên chính vô sản và đảng của giai cấp công nhân phải thực hiện trong cuộc đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

Trong điều kiện của chuyên chính vô sản, Lê-nin cho rằng: *thái độ cơ bản của giai cấp công nhân đối với giai cấp tiểu tư sản là liên minh chặt chẽ, là lãnh đạo họ tiến lên chủ nghĩa xã hội.* Lê-nin viết : « Đối với giai cấp ấy — hay là đối với những thành phần xã hội ấy — nhiệm vụ của giai cấp vô sản là lãnh đạo họ, là đấu tranh để gây ảnh hưởng đối với họ. Lôi cuốn những kẻ do dự, những kẻ bấp bênh, đó là điều giai cấp vô sản phải làm »(4). Và để hoàn thành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, Lê-nin nhấn mạnh : « ... Giai cấp vô sản, sau khi đã đánh bại giai cấp tư sản, phải luôn luôn theo đúng đường lối cơ bản sau đây trong chính sách đối với giai cấp nông dân : giai cấp vô sản phải phân biệt và phân định rõ ranh giới giữa người nông dân lao động với người nông dân tư hữu, — giữa người nông dân lao động với người nông dân con buôn, — giữa người nông dân cần lao với người nông dân đầu cơ.

Tất cả thực chất của chủ nghĩa xã hội, nằm trong sự phân định ranh giới đó » (5).

Sự phân định ấy là tuyệt đối cần thiết để có sự lãnh đạo đúng đắn đối với nông dân, vì rằng như ta đã biết, nông dân lao động bên cạnh mặt tích cực cách mạng là chủ yếu, vẫn có mặt tiêu cực như : do còn đầu óc tư hữu, do thiếu tính tổ chức và kỷ luật, họ « phản kháng » lại cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, mặc dù đó thường chỉ là sự phản kháng vô ý thức.

Sự lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với giai cấp tiểu tư sản, do đó mang một ý nghĩa đấu tranh nhất định, tuy rằng sự đấu tranh này là thuộc loại đặc biệt, khác hẳn với sự đấu tranh chống giai cấp tư sản.

Và để lôi cuốn nông dân và các tầng lớp tiểu tư sản khác đi vào con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, Lê-nin đã đề ra kế hoạch hợp tác hóa nổi tiếng. Kế hoạch này là một phương sách kết hợp được lợi ích tư nhân, lợi ích thương nghiệp tư nhân với việc nhà nước kiểm soát lợi ích đó, làm cho lợi ích tư nhân phục tùng lợi ích của toàn xã hội.

Về thái độ cơ bản của giai cấp công nhân đối với giai cấp tư sản, đối với bọn bóc lột, Lê-nin cho rằng phải *kiên quyết trấn áp sự phản kháng của bọn bóc lột* đồng thời *sử dụng những nhà tư sản văn minh* phục vụ cho chủ nghĩa xã hội.

Sở dĩ như vậy là vì trên thực tế, do giai cấp tư sản có sự phân hóa trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa cho nên điều khôn ngoan là giai cấp công nhân cần sử dụng các biện

(4) V. I. Lê-nin : ***Toàn tập***, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tập 39, tr. 320.

(5) V. I. Lê-nin : ***Tuyển tập***, Nxb Sự thật, Hà nội, 1959, quyển II, phần II, tr. 261.

Digitized by Google

pháp khác nhau đối với các bộ phận khác nhau trong giai cấp tư sản. Điều này đã được Lê-nin nói rõ như sau: «... Chúng ta có thể và phải *kết hợp* những biện pháp trừng trị thẳng tay bọn tư bản không văn minh, tức là bọn tư bản không chịu chấp nhận bất cứ thứ «chủ nghĩa tư bản nhà nước» nào và cũng không chịu nghĩ đến một sự thỏa hiệp nào mà chỉ tiếp tục phá hoại các biện pháp của Chính quyền xô-viết bằng dầu cơ và mua chuộc dân nghèo, v.v., *với những biện pháp thỏa hiệp* hoặc chuộc lại đối với những nhà tư bản văn minh, tức là hạng tư bản chấp nhận «chủ nghĩa tư bản nhà nước», có khả năng thực hiện chủ nghĩa tư bản nhà nước, có ích đối với giai cấp vô sản về phương diện họ là những người tổ chức thông minh và có kinh nghiệm của những xí nghiệp *to lớn* thực sự đảm nhận được việc cung cấp sản phẩm cho hàng triệu người» (6).

Ở nước Nga sau Cách mạng tháng Mười, việc sử dụng những nhà tư bản văn minh» phục vụ cho chủ nghĩa xã hội đã được thể hiện rõ trong chủ trương thiết lập thành phần chủ nghĩa tư bản nhà nước và cả trong việc sử dụng các chuyên gia tư sản, các nhà trí thức tư sản.

Những chính sách giai cấp mà Lê-nin nói ở trên chính là những chính sách giai cấp mà Đảng của giai cấp công nhân và nền chuyên chính vô sản ở bất cứ nước nào đều phải thi hành để bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội giành được thắng lợi. Và điều này một lần nữa lại làm cho chúng ta sáng tỏ thêm về bản chất giai cấp của nền chuyên chính vô sản.

Cần nói thêm rằng những chính sách giai cấp của Đảng và chuyên chính vô sản phải được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực của cuộc sống, song chủ yếu và trước hết là trên lĩnh vực kinh tế. Những chính sách giai cấp ấy được thể hiện tập trung trong những tác phẩm của Lê-nin viết về *Chính sách kinh tế mới*, tức chính sách mà nhà nước chuyên chính vô sản phải thực hiện nhằm khôi phục và phát triển nền kinh tế hàng hóa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Những tư tưởng cơ bản của chính sách kinh tế mới là vai trò có ý nghĩa chiến lược của sản xuất nông nghiệp và của nông dân lao động trong sự nghiệp xây dựng đất nước; là mối quan hệ giữa nông nghiệp và công nghiệp trong điều kiện của sản xuất hàng hóa; là liên minh công nông về các mặt, chủ yếu là về kinh tế; là tầm quan trọng của thương nghiệp trong việc phát triển nền kinh tế hàng hóa trong thời kỳ quá độ; là lấy kế hoạch hóa làm trung tâm đồng thời sử dụng rộng rãi quan hệ hàng hóa – tiền tệ, và tôn trọng các quy luật của sản xuất hàng hóa; là sử dụng chủ nghĩa tư bản Nhà nước như một hình thức kinh tế quá độ; là tiến hành hợp tác hóa trên các lĩnh vực sản xuất, trao đổi và tín dụng; là thực hiện sự kiểm kê kiểm soát của Nhà nước xã hội chủ nghĩa và của toàn dân đối với sản xuất và phân phối sản phẩm; là kết hợp đúng đắn các lợi ích kinh tế, nhất là lợi ích cá nhân với lợi ích của xã hội v.v. Những tư tưởng cơ bản ấy, theo chúng tôi nghĩ có ý nghĩa phổ biến đối với tất cả các nước tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa.

Nói đến chuyên chính vô sản là nói đến *quản lý bằng pháp luật*. Lê-nin cho rằng: «... Phải trừng phạt một cách hết sức nghiêm ngặt bất cứ một mưu toan nhỏ nào định vi phạm luật pháp của nước cộng hòa, và giáo dục những quần chúng công nhân và nông dân đông đảo để cho tự họ tham gia, một cách nhanh chóng và có hiệu quả,

(6) V.I. Lê-nin: *Tuyển tập*. Nxb Tiến bộ, Mat-xcơ-va, tr. 523.

Digitized by Google

vào việc giám sát sự tôn trọng pháp chế » (7).

Đáng chú ý là trong những năm đầu của chính quyền xô viết, bên cạnh những chính sách giai cấp lớn nói ở trên, Lê-nin còn đề ra một số chủ trương quan trọng cho Nhà nước chuyên chính vô sản là: phải thực hiện *kiểm kê và kiểm soát* một cách hết sức nghiêm khắc đối với việc sản xuất và phân phối sản phẩm; phải đấu tranh bảo vệ *kỷ luật lao động*, coi trọng việc *tăng năng suất lao động* và thực hiện *phân phối theo lao động* v.v.

Lê-nin còn đề ra trước chuyên chính vô sản một kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội mà nội dung cơ bản là: thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, điện khí hóa nền kinh tế quốc dân; cải tạo nông nghiệp theo những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội, xây dựng nền nông nghiệp tập thể hóa trên cơ sở của kỹ thuật hiện đại; tiến hành cách mạng văn hóa; nâng cao mức sống của nhân dân.

Tất cả những điều nói trên có ý nghĩa chỉ đạo rất lớn đối với chúng ta trong việc củng cố và tăng cường nền chuyên chính vô sản ở Việt nam, làm cho chuyên chính vô sản phát huy tác dụng to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

Những kết luận chủ yếu rút ra từ sự thấm nhuần bản chất giai cấp của chuyên chính vô sản, theo tôi có thể là như sau:

1—Do sự lãnh đạo của Đảng là bản chất và linh hồn của chuyên chính vô sản, cho nên điều quan trọng bậc nhất là phải *xây dựng Đảng ta thật sự ngang tầm một đảng cầm quyền có trọng trách lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược, và phải nâng cao hơn nữa hiệu lực lãnh đạo của Đảng.*

Lê-nin đòi hỏi đảng vô sản trước hết phải có đường lối, chiến lược và sách lược chính trị đúng đắn. Để đáp ứng được đòi hỏi ấy của Lê-nin, Đảng cần nghiên cứu sâu sắc tình hình thực tế của nước ta, tổng kết những kinh nghiệm xây dựng và bảo vệ đất nước, tham khảo kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, và dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, tìm tòi, nghiên cứu và phát hiện ngày càng đầy đủ những quy luật vận động của xã hội Việt nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Mà về mặt này, thì chính sách kinh tế mới của Lê-nin có giá trị chỉ đạo rất lớn đối với nước ta.

Nói rộng hơn, Đảng ta cần nâng cao mình về mọi mặt: cả về tính khoa học lẫn tính cách mạng, cả về kiến thức (nhất là kiến thức về quản lý kinh tế và về khoa học và kỹ thuật) lẫn tinh thần cách mạng triệt để, cả về tính tổ chức và kỷ luật lẫn sự gắn bó máu thịt với nhân dân. Kỷ luật của Đảng phải rất nghiêm khắc để tạo cơ sở cho việc tăng cường tính tổ chức kỷ luật trong bộ máy chuyên chính vô sản và trong toàn xã hội. Thiếu điều này thì sự lãnh đạo chính trị của Đảng dù có được cải thiện đến đâu cũng không thể đem lại kết quả mong muốn.

Đương nhiên, cũng cần cải tiến sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan nhà nước theo hướng không bao biện làm thay, và lấy thuyết phục làm biện pháp đúng đắn duy nhất.

2 — *Nhà nước ta cũng cần phải nâng cao mình về mọi mặt* để có thể thể chế hóa đúng đắn các chủ trương chính sách của Đảng và quản lý thật tốt các quá trình phát triển kinh tế và xã hội rất phức tạp ở nước ta. Nó phải không ngừng *học tập, nâng cao nghệ thuật quản lý* dựa trên cơ sở

(7) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 44, tr. 413.

Digitized by Google

nhận thức đúng đắn các quy luật khách quan và tổng kết những kinh nghiệm của bản thân mình. Đặc biệt nó cần duy trì trong nội bộ một *kỷ luật* rất nghiêm và tỏa kỷ luật sắt của chuyên chính vô sản ra toàn xã hội để bảo đảm cho pháp luật nhà nước được tôn trọng và thi hành một cách nghiêm chỉnh nhất. Dương nhiên, cũng như Đảng phải làm đối với nội bộ mình, Nhà nước ta cũng phải quan tâm *làm trong sạch nội bộ*, đấu tranh khắc phục tệ quan liêu, cửa quyền, đặc quyền đặc lợi, cục bộ, địa phương chủ nghĩa; nói cách khác nó phải luôn giữ mối quan hệ khăng khít với nhân dân, làm người đầy tớ trung thành của nhân dân. Mặt khác, đối với kẻ thù các loại, nó phải biết sử dụng toàn bộ quyền lực của mình một cách đúng đắn và kiên quyết nhất. Được như thế thì mọi đường lối chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước sẽ được thi hành nghiêm chỉnh, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta sẽ giành được những thắng lợi mới.

3 — *Các đoàn thể nhân dân cũng cần đảm nhiệm tốt vai trò của mình trong hệ thống chuyên chính vô sản*, động viên và tổ chức phong trào cách mạng rộng lớn của các tầng lớp nhân dân thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các đoàn thể nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cần góp phần tích cực vào việc tăng cường nhà nước chuyên chính vô sản; họ phải đổi mới phương thức làm việc theo hướng gắn bó chặt chẽ với nhân dân, coi trọng công tác thuyết phục, chăm lo đời sống nhân dân và góp phần đẩy mạnh việc dân chủ hóa toàn bộ sinh hoạt của đất nước.

Hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta có được tăng cường hay không, điều đó phụ thuộc một phần rất quan trọng vào hoạt động của các đoàn thể này — những tổ chức đóng vai trò cái cầu nối giữa Nhà nước và nhân dân, cũng như giữa nhân dân với Đảng lãnh đạo.

4 — Thấm nhuần bản chất giai cấp của chuyên chính vô sản hoàn toàn không phải là một quan điểm giai cấp hẹp hòi, trái lại nó bao hàm một sự trung thành vô hạn với lợi ích của nhân dân lao động, một sự gắn bó máu thịt với nhân dân, theo tinh thần bài học lớn của Đại hội VI «lấy dân làm gốc». Ý nghĩa rộng lớn của sự thấm nhuần này là: trung thành với lý tưởng xã hội chủ nghĩa, hết lòng phục vụ nhân dân, có lập trường giai cấp công nhân kiên định, có tính tự giác trong hoạt động theo những quy luật khách quan, có tính tổ chức và kỷ luật cao trong lao động, sản xuất, công tác và đời sống v.v. Đó cũng là những đức tính cao quý mà mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta cần quan tâm trau dồi, vì lợi ích của Đảng và của nhân dân.

Làm được như vậy là chúng ta thiết thực góp phần vào việc tăng cường nền chuyên chính vô sản, và khắc phục một trong những khuyết điểm lớn mà Đại hội VI đã nêu lên: "đã buông lỏng chuyên chính vô sản trong quản lý kinh tế, xã hội, trong đấu tranh tư tưởng, văn hóa, trong việc chống lại những âm mưu thủ đoạn phá hoại thâm độc của kẻ thù".

Đó cũng là cách thiết thực đón chào ngày kỷ niệm lần thứ 70 Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại.

Digitized by Google

SONG THÀNH

THEO PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

SUỐT đời mình, Bác Hồ rèn luyện theo tấm gương của Lê-nin vĩ đại, và phong cách Hồ Chí Minh chính là sự kế tục, phát triển phong cách của Lê-nin.

Phong cách Hồ Chí Minh có thể được nghiên cứu trên nhiều bình diện. Trong bài này, chúng tôi chỉ xin đề cập đến ba lĩnh vực chính: phong cách tư duy, phong cách lãnh đạo và phong cách công tác.

1. Phong cách tư duy

Một câu hỏi được đặt ra là: Tại sao anh thanh niên Nguyễn Tất Thành khi ra đi tìm đường cứu nước mới có 20 tuổi đời, học vấn chưa cao, hiểu biết chưa nhiều... chỉ trong vòng 10 năm, đã vượt lên trên các bậc cha anh ở trong nước, vượt lên trên nhiều lãnh tụ nổi tiếng của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới lúc bấy giờ, bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ ba, đến với chủ nghĩa Mác—Lê-nin—đỉnh cao của trí tuệ nhân loại—trở thành chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, có đóng góp xứng đáng vào việc phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác—Lê-nin trong những hoàn cảnh và điều kiện mới?

Trước hết là vì Người *đã nhận thức được thời đại mình đang sống một cách sâu rộng* theo phong cách của Lê-nin. Trong vòng 10 năm, Người đã bôn ba qua nhiều nước đế quốc và thuộc địa, khắp châu Âu, châu Á, châu Mỹ, châu Phi; vừa hoạt động cách mạng, vừa nghiên cứu học tập giữa những trung tâm văn hóa, khoa học và cách mạng của châu Âu, như Luân đôn, Pa-ri, Mát-xcơ-va...; có thể đọc Lỗ Tấn, S.Đích-ken, L. Tôn-xtôi, A. Fran-xơ... từ nguyên bản; đã hoạt động gắn gũi và kết bạn với nhiều nhà văn hóa và lãnh tụ cách mạng nổi tiếng—những đại diện xuất sắc của trí tuệ thời đại, qua đó Người đã trang bị cho mình một trình độ học vấn có thể gọi là uyên bác về nhiều mặt, chẳng những bắt kịp nhịp sống của thời đại mà còn dự kiến được bước phát triển mới của lịch sử trong tương lai. Những dự đoán thiên tài của Bác Hồ về thời điểm bùng nổ không tránh khỏi của chiến tranh Thái bình dương, của chiến tranh thế giới thứ II và sự xuất hiện một loạt nước xã hội chủ nghĩa, trong đó Việt nam độc lập vào năm 1945, v.v. là những biểu hiện của một tầm nhìn rộng lớn, xuyên suốt thời gian, bao quát không gian, thấy trước tương lai, của một trí tuệ lỗi lạc đã nắm bắt chính xác quy luật vận động và phát triển của lịch sử.

Có được tầm vóc đó là do Bác Hồ của chúng ta đã tạo được cho mình một *phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo*. Phong cách ấy xa lạ với mọi khuôn sáo, khước từ mọi sao chép, rập khuôn, mà luôn luôn tìm tòi, suy nghĩ, truy đến tận cùng bản chất của sự vật, hiện tượng; lấy tác dụng cải tạo hiện thực làm thước đo của chân lý. Từ buổi đầu ra đi tìm đường cứu nước đến khi phải từ biệt thế giới này, mọi vấn đề to, nhỏ của dân tộc và đất nước, mọi lý luận và kinh

Digitized by Google

nghiệm của cách mạng thế giới... đều được Người nghiên cứu, tìm hiểu với tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo, vì vậy Người đã thấy được cái mà nhiều người khác không thấy.

Việc từ chối con đường Đông du mà đi sang phương Tây giữa lúc phong trào này và uy tín Phan Bội Châu đang lên cao là một quyết định sáng suốt có tầm lịch sử của Bác Hồ khi Người mới ở lứa tuổi 20. Người đi sâu nghiên cứu và tổng kết các cuộc cách mạng hiện đại với tinh thần phê phán, không bao giờ để cái bề ngoài hào nhoáng đánh lừa mình. Nhờ đó, Người sớm rút ra kết luận: « Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì lước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa... Cách mệnh Việt nam nên nhớ những điều ấy » (1).

Khi Cách mạng tháng Mười thắng lợi, trong những người Việt nam yêu nước và cách mạng hoạt động trên đất Pháp, chỉ có một mình Bác tán thành và cổ vũ cho cuộc cách mạng của công nông. Khi có sự phân liệt trong Đảng xã hội Pháp, giữa lúc nhiều đồng chí và bạn bè có tên tuổi đã một thời dìu dắt, giúp đỡ Bác Hồ trong buổi đầu Người tham gia phong trào công nhân Pháp, ở lại Quốc tế II hoặc đi theo Quốc tế II rưỡi, thì Người đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế III. Tiêu chuẩn chân lý đối với Bác là: « Quốc tế nào, bênh vực các dân tộc thuộc địa ». Sau khi đã trở thành người cộng sản, Người vẫn không ngừng phê phán, đấu tranh với những thiếu sót, sai lầm trong đường lối, chính sách của Đảng cộng sản Pháp và các đảng anh em khác về vấn đề dân tộc và thuộc địa..

Phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo còn được thể hiện rõ trong cách Người truyền bá chủ nghĩa Mác—Lê-nin vào Việt nam, trong cách Người diễn đạt tinh thần cốt lõi của lý luận ấy. Tuân theo lời dạy của Lê-nin đối với các nhà cách mạng phương Đông về việc tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản thế nào để cho nhân dân có thể hiểu được, Bác Hồ của chúng ta đã « đem học thuyết cộng sản chân chính dùng cho những người cộng sản ở các nước tiên tiến nhất diễn dịch ra tiếng nói của dân tộc mình ». Trong phong cách lý luận của Người, « những chân lý lớn của thời đại được diễn đạt trong những lời lẽ giản dị và làm sức », « những phần cốt yếu nhất của sự việc được nói lên bằng tiếng nói đơn giản của quần chúng ». Bởi vì những lời nói của Người là để áp dụng, như đồng chí Phạm Văn Đồng đã viết: « Một câu nói là một việc làm và có làm thì mới nói ».

Học tập và đổi mới theo phong cách tư duy của Bác Hồ, như chính lời Người dạy, « là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác—Lê-nin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn ». (2) Đó cũng là tinh cụ thể, tinh thiết thực, tinh nhất quán giữa lời nói và việc làm, những đặc điểm của phong cách lê nin nít trong điều kiện hiện nay.

2. Phong cách lãnh đạo

Phong cách Hồ Chí Minh đòi hỏi phải *luôn thủ nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách*. Bác Hồ nói, « Tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách cần phải luôn luôn đi đôi với nhau...

« Tập thể lãnh đạo là *dân chủ*.

Cá nhân phụ trách là *tập trung*.

(1) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t. I, tr. 247.

(2) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t. II, tr. 105.

Digitized by Google

Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tức là *dân chủ tập trung* » (3).

Vì sao cần có tập thể lãnh đạo ? « Vì một người dù khôn ngoan tài giỏi mấy, dù nhiều kinh nghiệm đến đâu, cũng chỉ trông thấy, cũng chỉ xem xét được một hoặc nhiều mặt của vấn đề, không thể trông thấy và xem xét tất cả mọi mặt của mọi vấn đề » (4). Bác dẫn câu tục ngữ « khôn bảy hơn khôn độc » để đề cao sức mạnh trí tuệ của tập thể.

Vì sao cần phải cá nhân phụ trách ? « Nếu không có cá nhân phụ trách thì sẽ sinh ra cái tệ người này ủy thác cho người kia, người kia ủy cho người nọ, kết quả là không ai thi hành... « Nhiều sãi không ai đóng cửa chùa » là như thế » (5).

Lối làm việc dân chủ, tập thể đòi hỏi phải đi *đúng đường lối quần chúng*, tức là phải mở rộng dân chủ nội bộ, mở rộng dân chủ với quần chúng, tôn trọng các cơ quan dân cử. Bác Hồ dạy : « Phải lắng tai nghe ý kiến của đảng viên, của nhân dân, của những người « không quan trọng »(6). Muốn thế, người lãnh đạo phải năng đi xuống cơ sở để nghe ý kiến của cấp dưới, để nghe quần chúng nói chứ không phải để nói hết giờ và không cần nghe ai nói. « Nếu cán bộ không nói năng, không để ý kiến, không phê bình, thậm chí lại tàng bốc mình, thế là một hiện tượng rất xấu. Vì không phải họ không có gì nói, nhưng vì họ *không dám nói, họ sợ* » (7). Do đó, theo Bác Hồ, phải biết động viên, khuyến khích « khiến cho cán bộ *cả gan nói, cả gan để ra ý kiến* ».

Đại hội VI của Đảng ta đã tuyên chiến với sự giả dối, đề cao tinh thần nhìn thẳng vào sự thật. Muốn đổi mới, phải làm cho cấp dưới không sợ nói thật và cấp trên không sợ nghe sự thật, tức là phải có bản lĩnh. Đó mới chỉ là một mặt. Người lãnh đạo có phẩm chất đương nhiên không nói dối ai, nhưng muốn để không ai nói dối mình lại còn phải có phương pháp công tác đúng và phong cách lãnh đạo tốt.

Bác Hồ là một tấm gương sáng ngời về phong cách lãnh đạo dân chủ, tập thể, đi đúng đường lối quần chúng. Là người lãnh đạo cao nhất, có uy tín lớn nhất của Đảng và Nhà nước, nhưng không bao giờ Người đặt mình cao hơn tổ chức, ở ngoài sự kiểm tra và giám sát của tổ chức, mà luôn luôn bàn bạc, trình thủ ý kiến của tập thể Bộ chính trị Trung ương Đảng, của Chính phủ và Quốc hội. Người luôn luôn coi trọng các hội nghị đảng, tham dự các buổi sinh hoạt chi bộ cơ quan, đặc biệt tôn trọng các cơ quan quyền lực do dân bầu ra, và khi cần thiết, triệu tập cả Hội nghị chính trị đặc biệt — một hình thức Diên hồng mới của thời đại — để xin ý kiến các đại biểu quốc dân.

Người tuân thủ chặt chẽ quy trình ra quyết định. Mọi vấn đề về kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao... Người đều dựa vào bộ máy chuyên môn của Đảng và Nhà nước đã được lập ra, chuẩn bị kỹ, trao đổi rộng, bảo đảm cho mọi chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng và Nhà nước được cân nhắc, lựa chọn thận trọng.

Khi nghị quyết đã đi vào cuộc sống, phải tổ chức việc kiểm soát. Kiểm soát cách thế nào ? Bác Hồ chỉ rõ, « Phải đi tận nơi, xem tận chỗ ». Sở dĩ sự thật còn bị bưng bít vì sự kiểm tra kiểm soát của các ngành, các cấp không nghiêm túc, chưa chặt chẽ, tệ quan liêu còn nhiều. Bác Hồ đã nêu tấm gương sáng về tác phong sâu sát. Theo tài liệu của Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh, chỉ tính trong vòng 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1955 — 1965), không quản tuổi cao,

---

(3), (4), (5) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1985, t. 5, tr. 143, tr. 142, 143.

(6) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t. 4 tr. 506.

(7) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t. 4, tr. 500.

Digitized by Google

sức yếu, công việc bề bộn, Bác Hồ đã thực hiện hơn 700 lượt đi thăm các địa phương, công trường, xí nghiệp, hợp tác xã, đơn vị bộ đội... từ miền núi đến hải đảo, để thăm hỏi chiến sĩ và đồng bào, xem xét tình hình và kiểm tra công việc. Tính ra, mỗi năm có 70 lượt Người đi xuống cơ sở, mỗi tháng có 6 lần lãnh tụ gặp gỡ quần chúng. Đó là một kỷ lục khó ai có thể vượt nổi, nhất là đối với một lãnh tụ đã ngoài 70 tuổi, lại ở cương vị lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước ta.

3. Phong cách công tác

Nói về đổi mới phong cách làm việc, Báo cáo chính trị của BCHTƯ Đảng tại Đại hội VI chỉ rõ: « Chấm dứt chế độ làm việc theo lối quan liêu, qua nhiều nấc trung gian không cần thiết. Thực hiện phong cách làm việc có điều tra, nghiên cứu, xử lý công việc nhanh chóng, bãi bỏ những thủ tục phức tạp, gây phiền hà cho nhân dân ».

Bác Hồ đã từng phê phán: « *Cách lãnh đạo của ta không được dân chủ, cách công tác của ta không được tích cực* » (8). Những điều « không tích cực » đó, trong « *Sửa đổi lối làm việc* », Người nêu lên khá nhiều, đó là bệnh tự do, tùy tiện, lề mề, luộm thuộm; thói quan liêu, thiếu điều tra nghiên cứu, thiếu tỉ mỉ, cụ thể; bệnh hình thức, bệnh xa quần chúng; chế độ trách nhiệm không rõ ràng; thái độ không thẳng thắn tự phê bình và phê bình, nể nang, gia đình chủ nghĩa, v.v. Đó là những tác phong xấu, sản phẩm cố hữu của nền sản xuất nhỏ, lạc hậu, phản lán mà khi bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp ta chưa thể khắc phục ngay được. Đáng tiếc là hiện nay những căn bệnh đó vẫn chưa được tẩy sạch.

Cơ chế quản lý mới đòi hỏi phong cách làm việc mới. Phong cách ấy lấy lợi ích và hiệu quả thiết thực làm tiêu chuẩn giá trị. Phong cách mới đòi hỏi ở mỗi người tinh thần tích cực, năng động, luôn luôn tìm tòi, cải tiến, đổi mới những phương pháp và phương tiện nhằm đạt tới hiệu quả kinh tế – xã hội cao, phục vụ tốt nhất cho con người. Nó đòi hỏi ở người cán bộ sự thống nhất giữa lời nói và việc làm; thái độ không khoan nhượng với thói vô trách nhiệm; tinh công khai đánh giá sự thật để cải thiện tình hình. Đó là phong cách khoa học, cách mạng và sáng tạo.

Bác Hồ là một tấm gương sáng về phong cách công tác đó. Trước hết là phong cách khoa học: điều tra nghiên cứu, thu thập thông tin, nắm chắc bản chất của tình hình và sự việc trước khi ra quyết định. Người viết: « Việc gì cũng phải điều tra rõ ràng, cẩn thận và phải làm đến nơi, đến chốn »... « Đảng có hiểu rõ tình hình thì đặt chính sách mới đúng » (9). Để nắm chắc tình hình, Người sử dụng bộ máy chức năng giúp việc chuẩn bị, đồng thời trực tiếp đi xuống cơ sở. Cách đi của Người thường là « bí mật, bất ngờ », không báo trước, thường là từ trong ra ngoài, từ sau ra trước, từ nơi ăn, chốn ở ra chỗ làm việc. Bác không để ai nói dối mình.

Chất cách mạng trong phong cách của Bác biểu hiện ở sự trung thực, thẳng thắn, dũng cảm tự phê bình và phê bình, nêu cả ưu điểm và sai lầm, xem đó là dấu hiệu của « một đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính ». Người lên án mọi thói che đậy, bưng bít sự thật, cho đó là « dối trá với Đảng, có tội với Đảng ». Bác Hồ luôn luôn coi trọng tính hiệu quả thiết thực, việc gì đã đề ra thì phải kiên quyết làm, làm đến nơi đến chốn. Người thường khuyên chúng ta xây dựng « kế hoạch phải *thiết thực*,

(Xem tiếp trang 88)

(8) Hồ Chí Minh: ***Toàn tập***, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t. 4, tr. 456.

(9) Hồ Chí Minh: ***Toàn tập***, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t. 4, tr. 484.

Digitized by Google

SEV và quốc tế hóa kinh tế xã hội chủ nghĩa

NGUYỄN KHẮC VIỆN

THÁNG sáu 1978, Việt nam gia nhập khối SEV (Hội đồng tương trợ kinh tế) trở thành một trong 10 nước thành viên chính thức của khối này. Đó không phải là một hành vi «sách lược» như có người hiểu, mà là một sự kiện tất yếu về mặt lịch sử của nước ta trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Việc gia nhập khối SEV có nghĩa là nước ta đã có những tiền đề cần thiết, không thể thiếu được, để xây dựng chủ nghĩa xã hội, đó là *một sự kiện lịch sử trọng đại* cần được đánh giá đúng tầm của nó.

Ta thử nhìn quanh: tất cả những gì ta đang dùng hiện nay, dù là để sản xuất hay để sống hằng ngày, có cái gì chỉ là riêng của nước ta không? Rất hiếm. Ngay cả hạt thóc ta tưởng chừng như chỉ là sản phẩm của đồng quê Việt nam, cũng đã mang trong mình bao nhiêu yếu tố quốc tế: từ lúa lai tạo với các giống mới của nước ngoài, đến những máy bơm, máy cày, thuốc trừ sâu, phân hóa học... Ở trình độ phát triển cao hơn mà ta đang nhằm tới, phân công lao động quốc tế và tiến bộ khoa học—kỹ thuật đặt ra những yêu cầu quốc tế hóa còn sâu hơn nhiều.

Quốc tế hóa đời sống kinh tế là một hiện thực cơ bản của thời đại. Loài người, từ thời cổ, đã thiết lập những mối giao lưu qua lại giữa các cộng đồng lớn nhỏ khác nhau. Với nền sản xuất tư bản nó đạt tới quy mô thế giới. Chủ nghĩa tư bản thực hiện một cuộc cách mạng về quốc tế hóa đời sống kinh tế của các nước, chủ yếu bằng việc tạo ra một thị trường thế giới, từ những «thế giới» tương đối nhỏ hẹp, lớn dần thành những «thế giới» rộng hơn, sau cùng là thế giới theo đúng nghĩa của nó. Trong *Hệ tư tưởng Đức*, Mác và Ăng-ghen đã mô tả quá trình ấy và nói rõ rằng, khi chủ nghĩa tư bản đạt tới trình độ thống trị thế giới vào thế kỷ XIX, thì «chính nó đã thật sự tạo ra lịch sử thế giới, khi nó làm cho mỗi nước văn minh và mỗi cá nhân trong nước đó muốn thỏa mãn nhu cầu của mình thì phải phụ thuộc vào toàn thế giới...» (1).

Tuyên ngôn của Đảng cộng sản cũng nhấn mạnh điều đó.

Ngày nay, quá trình quốc tế hóa của các nước tư bản diễn ra rất mạnh và đang «thách đố» các nước xã hội chủ nghĩa. Nếu quá trình quốc tế hóa kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa phát triển chậm hơn, thì chủ nghĩa xã hội khó lòng đuổi kịp và vượt lên chủ nghĩa tư bản về mặt kinh tế.

(1) C. Mác – Ph. Ăng-ghen, *Hệ tư tưởng Đức*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, tr. 88.

Digitized by Google

Gần đây, ở Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, bàn nhiều về khái niệm « kinh tế thế giới ». Trước kia, khái niệm này được hiểu như một con số cộng: kinh tế thế giới xã hội chủ nghĩa cộng với kinh tế thế giới tư bản chủ nghĩa, chia cắt hai nền kinh tế thế giới một cách giả tạo, trong khi những mối liên hệ kinh tế và khoa học – kỹ thuật giữa hai bên đã và đang thâm nhập lẫn nhau một cách mạnh mẽ, tuy mỗi bên vẫn giữ tính chất xã hội – kinh tế của mình và giữa hai bên vẫn diễn ra một cuộc đấu tranh quyết liệt trong lĩnh vực kinh tế. Chưa nói tới những vấn đề toàn cầu mà tất cả các nước đều có trách nhiệm tham gia giải quyết.

Quá trình quốc tế hóa đời sống kinh tế diễn ra mạnh mẽ và sâu sắc hiện nay đang đem lại những cách nhìn mới. Chẳng hạn, nếu trước kia, khi đánh giá tiềm lực kinh tế mỗi nước, chủ yếu là dựa vào tài nguyên thiên nhiên và sức lao động, thì bây giờ các yếu tố ấy không còn chiếm vai trò hàng đầu nữa. Vị trí của mỗi nước, xét về mặt kinh tế, là ở chỗ nước đó tham gia đến mức nào vào quá trình quốc tế hóa, vào sự phân công lao động quốc tế, trong đó tiềm năng trí tuệ nổi lên như yếu tố hàng đầu (Xem G. Sakhnadarôv: *Quốc tế hóa – nguồn gốc, nội dung, những trình độ phát triển*, Tạp chí MEMO (tiếng Nga), Mát-xcơ-va, số 5, năm 1986).

★

Ngay từ đầu, những người sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học đã coi chủ nghĩa xã hội không phải là một sản phẩm dân tộc mà là một sản phẩm quốc tế. Vì chủ nghĩa tư bản đã biến lịch sử loài người thành lịch sử toàn thế giới, nên giai cấp vô sản, nói như Mác và Ăng-ghen, « chỉ có thể tồn tại trên quy mô của *lịch sử thế giới*, cũng như chủ nghĩa cộng sản, tức là hoạt động của giai cấp vô sản, hoàn toàn chỉ có thể tồn tại được với tư cách là một tồn tại « có tính lịch sử thế giới » » (2). Đó là vấn đề bản chất của giai cấp công nhân, vấn đề lập trường quốc tế chủ nghĩa của giai cấp này.

Chủ nghĩa xã hội, dù ở nước nào, cũng là sản phẩm quốc tế.

Đối với những nước kinh tế lạc hậu, chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, như nước ta, lại càng như thế. Ở các nước này, khi chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa, chủ yếu là do nhận thức chính trị, tư tưởng trong đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân, còn những tiền đề cần thiết về kinh tế thì chưa có. Bản thân các nước này không thể tự mình tạo ra cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Cơ sở ấy chỉ có thể có được bằng sự ủng hộ và hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa tiên tiến, nơi giai cấp công nhân đã chiến thắng và đã đạt tới một trình độ phát triển cao. Như nước ta, kinh tế còn lạc hậu, năng suất lao động rất thấp, dân số tăng nhanh, làm không đủ ăn, không tạo được tích lũy từ nội bộ kinh tế quốc dân, làm thế nào tạo ra được cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trong một thời gian nhất định – cứ cho là vài chục năm đi! Nếu không dựa vào sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, trước hết là Liên xô, thì, hoặc là phải tiếp tục « thắt lưng buộc bụng » (không biết đến bao giờ!), mà thật ra cũng chẳng biết « thắt lưng buộc bụng » như thế nào nữa; hoặc là dựa vào các nước tư bản chủ nghĩa phát triển để rơi vào quỹ đạo của chủ nghĩa thực dân mới – điều mà cả dân tộc ta đã đấu tranh bao nhiêu năm để chống lại.

Dựa vào các nước xã hội chủ nghĩa anh em hoàn toàn không có nghĩa là

(2) Sách đã dẫn, tr. 46.

Digitized by Google

các nước anh em làm thay ta. Các nước anh em chỉ tạo cho ta nguồn vốn ban đầu, những phương tiện và những điều kiện cần thiết về kinh tế và khoa học – kỹ thuật, ta thì phải làm ăn nghiêm túc, có hiệu quả sử dụng tốt sự giúp đỡ ấy. Chúng ta đã có kinh nghiệm đau đớn về sử dụng lãng phí các nguồn viện trợ của anh em, nhất là của Liên xô, tính đến hàng chục tỷ rúp.

Như vậy, đối với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa, quốc tế hóa đời sống kinh tế là một xu thế không cưỡng được, nếu muốn có thành công của chủ nghĩa xã hội. Xu thế quốc tế hóa ấy là hướng tới: «tạo nên một nền kinh tế toàn thế giới duy nhất, với tính cách là một khối chỉnh thể do giai cấp vô sản thuộc tất cả các dân tộc quản lý theo một kế hoạch chung» (3).

Quá trình quốc tế hóa xã hội chủ nghĩa có những điểm khác căn bản với quá trình quốc tế hóa tư bản chủ nghĩa:

Nếu quá trình quốc tế hóa tư bản chủ nghĩa diễn ra một cách tự phát (là chủ yếu), thông qua hoạt động kinh doanh tư bản tư nhân (là chủ yếu), thì quá trình quốc tế hóa xã hội chủ nghĩa được tiến hành một cách tự giác, có kế hoạch và thông qua hoạt động của nhà nước làm khung khổ cho các cơ sở hoạt động. Nếu quá trình quốc tế hóa tư bản chủ nghĩa xâm phạm chủ quyền quốc gia của những nước nhỏ yếu, thì quá trình quốc tế hóa xã hội chủ nghĩa tuyệt đối tôn trọng chủ quyền quốc gia của các nước tham gia. Và cuối cùng, nếu quá trình quốc tế hóa tư bản chủ nghĩa dẫn tới chỗ các nước kém phát triển ngày càng cách xa các nước phát triển thì quá trình quốc tế hóa xã hội chủ nghĩa làm cho các nước ngày càng xích gần nhau và đạt tới chỗ ngang nhau về trình độ phát triển kinh tế và khoa học – kỹ thuật. Bun-ga-ri từ một nước lạc hậu nay trở thành một nước có công nghiệp phát triển, đuổi kịp các nước phát triển khác, là một điển hình. Điều lệ của khối SEV nói rõ: trong mọi quyết định, mỗi nước lớn, nhỏ đều có một lá phiếu, và nước nào không hay chưa muốn tham gia một công trình đều có quyền quyết định. Không ai có quyền ép buộc ai cả.

Nhưng những ưu thế của quá trình quốc tế hóa xã hội chủ nghĩa không tự động phát huy tác dụng của chúng, mà phải được sử dụng một cách có ý thức và có hiệu quả.

★

Trước khi khối SEV ra đời (1949), giữa Liên xô và các nước Đông Âu đã có những hình thức hợp tác kinh tế theo phương thức hai bên luôn bàn với nhau và giúp đỡ nhau. Tất cả các nước Đông Âu đều nhận được sự giúp đỡ hào hiệp từ phía Liên xô trong những năm đầu sau chiến tranh, khi Liên xô cũng gặp rất nhiều khó khăn. Không có sự giúp đỡ này, không thể vượt qua nạn đói nghiêm trọng xảy ra ở một số nước Đông Âu và các nước này không thể khôi phục được kinh tế của mình. Với sự giúp đỡ ấy, các nước Đông Âu chuyển hướng quan hệ kinh tế đối ngoại một cách căn bản, thoát khỏi sự chi phối và lũng đoạn của các nước phương Tây, cùng với Liên xô tạo thành một thị trường thế giới mới của các nước xã hội chủ nghĩa. J. Pabst, một nhà nghiên cứu người Đức, nhận định: «Việc thiết lập những mối liên hệ vững chắc với Liên xô, sự giúp đỡ anh em không hoàn lại của Liên xô có ý nghĩa quyết định đối với sự tồn tại vững vàng và có bảo đảm của các nước dân chủ nhân dân» (4).

(3) V.I. Lê-nin. *Toàn tập* Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 41, tr. 201.

(4) Xem *Quan hệ quốc tế kiểu mới* tiếng Nga, từ tiếng Đức dịch ra, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1983, tr. 50.

Digitized by Google

Tháng giêng 1949, Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) được thành lập với sự tham gia của Liên xô, Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, Ba lan, Tiệp khắc, Ru-ma-ni. Sau đó Cộng hòa dân chủ Đức, An-ba-ni cũng tham gia. Tiếp đó, Mông Cổ, Cu-ba và Việt nam đã lần lượt tham gia. Cho đến nay, SEV gồm 10 nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa (An-ba-ni đã rút ra).

Sự hợp tác kinh tế giữa các nước khối SEV phát triển từ những hình thức thấp đến những hình thức cao. Bên cạnh những quan hệ hợp tác kinh tế tay đôi, từ đầu những năm 60, đã chuyển sang phối hợp các kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế quốc dân. Vấn đề phối hợp phát triển của một số ngành kinh tế và khoa học – kỹ thuật cũng được đặt ra: chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất máy móc và thiết bị; phát triển cơ sở nguyên liệu và năng lượng và sử dụng hợp lý những cơ sở đó; phối hợp các dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp vật liệu và chế biến, v.v. Một số xí nghiệp và công trình chung của các nước hữu quan cũng được xây dựng. Các tổ chức kinh tế chung của khối SEV được thành lập.

Nhưng sự phát triển kinh tế và khoa học – kỹ thuật đòi hỏi đưa sự hợp tác kinh tế lên một trình độ cao hơn: năm 1971, các nước khối SEV cùng nhau thông qua «Chương trình tổng hợp về hoàn thiện hơn nữa sự hợp tác và phát triển sự hòa nhập kinh tế xã hội chủ nghĩa của các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế», mà trên sách báo thường gọi tắt là «Chương trình hòa nhập kinh tế xã hội chủ nghĩa». ★

Có thể coi «Chương trình hòa nhập kinh tế xã hội chủ nghĩa» như một cương lĩnh hợp tác kinh tế của các nước khối SEV. Nó nêu rõ mục đích của hòa nhập theo đúng những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa là tăng cường sức mạnh kinh tế của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới; tăng cường nền kinh tế mỗi nước thành viên, bảo đảm sự thống nhất của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới và tính ưu việt hẳn của nó, bảo đảm thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong cuộc thi đua với chủ nghĩa tư bản. Hòa nhập là quá trình định hướng có ý thức và hợp lý nhằm phát triển phân công lao động quốc tế làm cho nền kinh tế các nước thành viên xích gần nhau và xây dựng ở các nước đó một cơ cấu kinh tế hiện đại và có hiệu quả cao; dần dần đưa trình độ phát triển của các nước thành viên lên ngang nhau, tạo ra những mối liên hệ bền vững trong các ngành then chốt của kinh tế, khoa học và kỹ thuật; mở rộng và củng cố thị trường quốc tế của các nước đó, hoàn thiện các quan hệ hàng hóa – tiền tệ của các nước đó.

Chương trình tổng hợp này đụng tới tất cả các lĩnh vực: hợp tác về kế hoạch hóa, chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, sử dụng các quỹ kinh tế quốc dân trên quy mô quốc tế, hợp tác khoa học – kỹ thuật, thành lập các tổ chức kinh tế quốc tế, hoàn thiện các tổ chức tiền tệ – tài chính, v.v.

Có một phần riêng nói tới sự viện trợ và giúp đỡ cho các nước thành viên kém phát triển để các nước này đạt tới một sự phát triển nhanh hơn, có hiệu quả hơn, đi đôi với việc huy động và sử dụng đến mức cao nhất những nỗ lực và những nguồn lực riêng. Phần này lúc đầu được dành để nói tới sự viện trợ và giúp đỡ cho Mông cổ, về sau thêm Cu-ba và Việt nam.

★ Xin làm rõ thêm về từ «hòa nhập». Trong tiếng Nga, đó là từ ИНТЕГРАЦИЯ, tiếng Pháp và tiếng Anh – integration, với nghĩa đồng nhất là «thống nhất các bộ phận thành một chỉnh thể». Trong tiếng Việt, gần đây trên sách báo thường dịch thành «liên kết», một từ không lột hết nghĩa. Theo tôi, nên dùng từ «hòa nhập» sát nghĩa hơn.

Digitized by Google

Không thể nào kể hết tất cả những hoạt động từ đầu những năm 70 của các nước thành viên để thực hiện chương trình này. Chỉ cần nói rằng chu chuyển ngoại thương của các nước khối SEV trong những năm 70, tăng lên gấp bội: năm 1979 đạt 111 tỷ rúp, gấp 3,3 lần so với năm 1970.

Nhưng không phải mọi cái diễn ra êm thấm. Cũng như trước đây, chủ nghĩa đế quốc không ngừng tìm mọi cách phá hoại sự lớn mạnh của chủ nghĩa xã hội thế giới. Hơn nữa, thời kỳ này cũng là lúc, như đồng chí Goóc-ba-trốp nói, chủ nghĩa xã hội gặp phải những khó khăn to lớn trong sự phát triển của mình: tình trạng trì trệ bộc lộ rõ ở một số nước, kể cả Liên xô; hiệu quả kinh tế thấp; những hiện tượng tiêu cực xã hội lan rộng v.v. Cộng đồng xã hội chủ nghĩa phải huy động sức mạnh trí tuệ, thống nhất nỗ lực để giải quyết vấn đề này. Cuối năm 1985, các nước thành viên cùng nhau thông qua «Chương trình tổng hợp phát triển khoa học — kỹ thuật đến năm 2000» với 5 hướng ưu tiên: điện tử hóa kinh tế quốc dân, tự động hóa tổng hợp, áp dụng các hệ thống sản xuất linh hoạt; đẩy nhanh sự phát triển năng lượng nguyên tử; chế tạo những vật liệu mới có những thuộc tính định trước; tạo một bước nhảy vọt cách mạng trong sự phát triển công nghệ sinh học.

Hiện nay đa số các nước khối SEV coi vấn đề chủ yếu trong việc cải tổ cơ chế hợp tác là chuyển trọng tâm hòa nhập xuống cấp xí nghiệp (liên hiệp). Những hình thức hòa nhập kinh tế mới sẽ xuất hiện, các xí nghiệp ở các nước đặt quan hệ trực tiếp với nhau và có thể thành lập cả những tổ chức liên doanh của các nước và các tổ hợp kinh tế liên quốc gia. Một số biện pháp đang được thực hiện: cho phép các tổ chức kinh tế, chủ yếu là các xí nghiệp (liên hiệp) tự mình cử cán bộ kỹ thuật và công nhân sang các nước không phải thông qua cấp trung ương, cho phép các nước anh em đầu tư vào sản xuất trong nước mình v.v. Hoạt động của khối SEV phải được bảo đảm bằng các công cụ kinh tế, tổ chức và luật pháp. Đồng chí Goóc-ba-trốp tại Đại hội Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức lần thứ XI (1986) nói: Điều chủ yếu là phát triển rộng rãi những mối liên hệ trực tiếp giữa các tổ chức khoa học, các xí nghiệp, liên hiệp, thành lập những công ty liên doanh, giải quyết một loạt vấn đề pháp lý và tài chính. Về thực chất, đây là vấn đề xây dựng cơ chế kinh tế mới của sự hợp tác của chúng ta. Ở đây, cần phải có một thí nghiệm táo bạo, khắc phục những chướng ngại quan liêu và cục bộ, những khuôn mẫu tư duy lỗi thời, khắc phục tình trạng một bộ phận cán bộ quản lý đánh giá không đầy đủ tầm quan trọng và tính hiệu quả của sự hợp tác. Tất nhiên, với điều kiện bắt buộc là cùng có lợi, tính đến lợi ích của tất cả các bên tham gia hợp tác.

★

Việt nam đã 9 năm là thành viên của khối SEV. Nói một cách khái quát sự hợp tác với SEV đã và sẽ có một tầm quan trọng đặc biệt giúp cho nền kinh tế còn thấp kém của nước ta dần dần phát triển đi lên. Báo cáo chính trị của BCHTU Đảng tại Đại hội VI nhận định: «Chương trình tổng hợp của Hội đồng tương trợ kinh tế giúp đỡ và hợp tác với Việt nam đến năm 2000 theo những điều kiện ưu đãi là một thuận lợi lớn cho việc phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại và tiến hành công nghiệp hóa, xây dựng cơ cấu kinh tế mới của nước ta» (5).

(5) *Văn kiện Đại hội* VI, Nxb Sự thật, Hà nội, 1987, tr. 81.

Digitized by Google

Nước ta chưa tận dụng được những ưu thế do sự hợp tác với các nước khối SEV mang lại. Trình độ hợp tác còn ở mức độ thấp, chủ yếu là ngoại thương (thường là nhập siêu lớn) và vay tín dụng. Ta chưa thật sự tham gia sự phân công lao động quốc tế của cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới. Về thực chất, điều đó có nghĩa là ta chưa bước vào quá trình hòa nhập kinh tế của khối SEV. Lối làm ăn vẫn gần như cũ: vay vốn, xin viện trợ về để làm lấy một mình, lãng phí nhiều nguồn viện trợ của các nước anh em. Và ở một bộ phận cán bộ làm kinh tế đối ngoại, thấy rõ hiện tượng chưa dứt khoát về hướng chiến lược hợp tác, còn chông chênh «giữa hai dòng nước», muốn «bắt cá hai tay», thậm chí tìm kiếm lợi ích cá nhân trên thị trường tư bản chủ nghĩa hơn là thực hiện nghiêm túc các hiệp nghị và hợp đồng hợp tác kinh tế và thương mại với các nước anh em. Những quan hệ hợp tác kinh tế với các nước khối SEV biến thành một khu vực «bí mật», chỉ có một số người hiểu rõ, quần chúng không hay biết gì. Các nước anh em viện trợ bao nhiêu, những gì, với điều kiện nào v.v. tất cả những điều đó được giữ kín, tạo điều kiện thuận lợi cho một số người làm sai dễ đến khi đổ vỡ thì mọi người cùng gánh chịu!

Nếu không khắc phục những quan điểm, lối làm ăn cũ ấy, thì không thể tạo ra một biến chuyển quan trọng nào trong hợp tác kinh tế với các nước khối SEV là hướng chiến lược kinh tế đối ngoại chủ yếu của nước ta như Đại hội VI xác định.

Đừng viện cớ «giữ chủ quyền quốc gia» để hạn chế các quan hệ hợp tác với khối SEV. Sự hợp tác ấy củng cố thêm chứ không hề làm tổn hại chủ quyền quốc gia của mỗi nước, như kinh nghiệm Mông cổ, Cu-ba, Bun-ga-ri v.v. cho thấy. Sự hợp tác với các nước khối SEV không những không làm giảm bớt sự hợp tác kinh tế của nước ta với các nước khác, mà tái tạo ra chỗ đứng chiến lược vững chắc, để cho sự hợp tác với các nước tư bản lớn như Mỹ, Nhật, Tây Âu không bị những kẻ thù bên ngoài sử dụng theo mục đích chính trị thâm hiểm của chúng là tách nước ta khỏi cộng đồng xã hội chủ nghĩa và làm cho con đường phát triển xã hội chủ nghĩa của nước ta không thực hiện được.

Nền kinh tế của nước ta đang gặp những khó khăn lớn. Tất nhiên, từ bên trong nền kinh tế quốc dân của nước ta phải có những đổi mới căn bản. Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của BCHTU Đảng đã vạch ra những phương hướng và biện pháp quan trọng về mặt này. Nhưng việc thực hiện những phương hướng và biện pháp đổi mới, ở một mức độ rất lớn, phải có một tiền đề không thể thiếu: tăng cường các quan hệ hợp tác kinh tế với các nước khối SEV, trước hết với Liên xô.

Một điểm quan trọng trong việc đổi mới tư duy kinh tế là nhận thức sâu sắc về việc tiến tới hòa nhập vào cộng đồng kinh tế xã hội chủ nghĩa thế giới, chung lưng chung vốn, phân công lao động, cùng tổ chức quản lý, chia lãi lỗ với nhau, chứ không phải tiếp tục xin viện trợ để làm lấy một mình. Làm như vậy không những chúng ta tiếp nhận được một khối lượng lớn về vốn liếng, máy móc, về kỹ thuật mà còn buộc mình vươn lên trong việc tổ chức quản lý, trong phong cách làm ăn: một loạt xí nghiệp liên doanh cùng các nước anh em ở ngay trên đất nước chúng ta sẽ thay đổi nhanh chóng bộ mặt kinh tế xã hội. Tương lai của chúng ta không phải là một nước Việt nam hùng mạnh đứng một mình, mà đứng trong một cộng đồng thế giới ngày càng mở rộng, ngày càng thắt chặt quan hệ với nhau để xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Digitized by Google

VỀ CHÍNH SÁCH CUNG ỨNG VẬT TƯ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NÔNG NGHIỆP

XUÂN KIỀU

Ai cũng biết rằng do quản lý kém chúng ta đã để 40 – 50% vật tư hàng hóa từ trong kho nhà nước tuồn ra thị trường tự do. Sự thiếu thốn vật tư đối với một nước nghèo như nước ta là điều khó tránh, nhưng để một khối lượng lớn vật tư hàng hóa của Nhà nước hư hao, thất thoát và trở thành phương tiện buôn bán kiếm lời của những kẻ làm ăn bất chính là khuyết điểm lớn của những người quản lý.

Hàng triệu nông dân mong đợi sự giúp đỡ của Nhà nước về vật tư nguyên liệu..., vậy mà Nhà nước lại không đáp ứng được nhu cầu của họ (ngay ở mức tối thiểu về phân bón/sào lúa theo năng suất khoán của hợp tác xã). Nhiều hộ nông dân phải mua phân bón, thuốc trừ sâu... ở thị trường tự do để tiến hành sản xuất; một số xã viên vì không có khả năng mua vật tư ở ngoài thị trường tự do đã trả bớt ruộng nhận khoán cho hợp tác xã. Mấy số liệu về đầu tư phân đạm cho một sào lúa (năm 1986) ở một số hợp tác xã dưới đây có thể gợi cho chúng ta suy nghĩ về chính sách cung cấp vật tư cho nông nghiệp.

Đơn vị ki lô gam/sào lúa

HTX	Nhà nước đầu tư theo kế hoạch	Xã viên đầu tư thêm
Nga giáp	2,2	7,8
Định tiến	2	5,0
Thiệu hưng	2,7	5 – 6
Quý lộc	4	4,0

Nhìn chung ở các hợp tác xã khá và giỏi (như 4 HTX trên) thì các khoản đầu tư thêm (như phân bón, thuốc trừ sâu, vôi...) thường chiếm tỷ lệ 40 – 50% tổng chi phí/1a thóc; ở các hợp tác xã trung bình và yếu thì tỷ lệ này còn lớn hơn nhiều. Đáng chú ý là số lượng vật tư qua kế hoạch nhà nước đến tay nông dân giảm đi nhiều so với trước, nhưng mức huy động lương thực (bằng nhiều cách) lại tăng lên làm cho phần để quỹ tập thể của hợp tác xã và thu nhập bằng thóc/ngày công của xã viên có xu hướng giảm xuống. Việc xóa bỏ nghĩa vụ bán thóc và bán thịt lợn đối với nông dân trong mấy năm qua, trên thực tế không làm giảm nghĩa vụ đóng góp

Digitized by Google

của họ đối với Nhà nước. Ngoài thuế là nghĩa vụ đóng góp bắt buộc, các khoản huy động bằng thóc (gần như bắt buộc) bao gồm: thủy lợi phí, trả công thuê cày máy, dịch vụ cây trồng, bán theo giá "thỏa thuận", hợp đồng hai chiều, bán thóc tiết kiệm, góp quỹ quốc phòng, quỹ kinh tế mới, quỹ giống (nộp cho huyện), quỹ xây dựng huyện v.v. tăng lên và chiếm tỷ lệ lớn trong tổng sản lượng thóc của hợp tác xã (trong 4 hợp tác xã nêu trên mức huy động thóc ở hợp tác xã thấp nhất là 27%, cao nhất là 30%, chưa kể số thóc dùng để liên doanh liên kết, đối nguyên, vật liệu, xây dựng các công trình công cộng).

Đây là một thực tế đang diễn ra ở hầu hết các hợp tác xã, tuy mức độ có khác nhau nhưng nhìn chung sự đóng góp của nông dân ngày càng tăng và sự giúp đỡ của Nhà nước đối với họ ngày càng giảm. Thực tế đó nhắc nhở chúng ta phải có những biện pháp thiết thực để tháo gỡ cho nông dân ngay từ những điểm cụ thể đang diễn ra hàng ngày, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của họ.

Hợp đồng kinh tế hai chiều giữa các cơ quan nhà nước và hợp tác xã như hiện nay thực chất là dùng hàng để đổi hàng và thường thực hiện không sòng phẳng, hầu hết các trường hợp vi phạm hợp đồng thuộc về các cơ quan nhà nước (công ty lương thực, vật tư, nội thương, ngoại thương v.v.). Nhiều hợp tác xã giao sản phẩm theo hợp đồng từ đầu vụ đến cuối vụ, thậm chí từ năm này đến năm khác mà vẫn chưa nhận được vật tư đối lưu của Nhà nước. Hợp tác xã Thiệu hưng (Thiệu yên, Thanh hóa), tháng 10-1986 giao cho nhà nước 20 tấn thóc (theo hợp đồng, để lấy 10 tấn đạm), nhưng đến tháng 3-1987 hợp tác xã vẫn chưa nhận được đạm. Hợp tác xã Quý lộc trong vụ chiêm xuân và vụ mùa năm 1986 đã giao cho công ty lương thực huyện Thiệu yên số thóc tương ứng với số vật tư nguyên liệu theo hợp đồng, nhưng đến tháng 3-1987 công ty còn nợ hợp tác xã 30 tấn than, 30 tấn xi măng, 20 cột điện. Tính đến tháng 3-1987 các công ty lương thực, vật tư, nội thương, ngoại thương... nằm trên địa bàn huyện Thiệu yên còn nợ nông dân 117 tấn phân đạm đổi thóc (theo hợp đồng hai chiều nông dân đã nộp đủ số thóc từ vụ chiêm xuân và vụ mùa năm 1986).

Có thể nói tình trạng nợ nần dây dưa giữa các tổ chức kinh tế quốc doanh với nông dân thông qua hợp đồng hai chiều đang diễn ra nghiêm trọng ở nhiều nơi, nông dân không bằng lòng về sự mua bán không sòng phẳng, về chính sách cung cấp vật tư theo lối quan liêu, cửa quyền của một số cơ quan nhà nước đối với họ.

Tình hình trên đây bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân; *nguyên nhân thứ nhất* là Nhà nước không nắm và quản lý thống nhất tổng khối lượng vật tư trong đó có vật tư nông nghiệp. Tình trạng cấp nào, ngành nào cũng muốn nắm vật tư để chi phối sản xuất — "nắm vật tư là nắm tất cả" —, là nguồn gốc của mọi tiêu cực trong công tác quản lý và cung ứng vật tư cho nông nghiệp. Lâu nay các cấp kế hoạch từ trung ương đến tỉnh, huyện chỉ mới làm chức năng phân chia vật tư theo kế hoạch, còn vật tư có hay không, nằm ở đâu, cung ứng như thế nào, họ không quan tâm và không có sự kiểm tra kiểm soát nghiêm ngặt. Chẳng thế mà có nhiều trường hợp phân đạm cung ứng cho nông dân không đúng thời vụ, xã hỏi huyện, huyện hỏi tỉnh, tỉnh hỏi trung ương, cuối cùng được trả lời là dạn đang từ Liên xô trên đường về nước. Hiện nay ở trung ương có hơn 10 ngành nắm phân đạm và trên 20 ngành nắm xăng dầu, từ các ngành này tỏa xuống địa phương còn qua nhiều khâu trung gian, mỗi khâu bớt xén một ít và cuối cùng vật tư đến tay người nông dân chẳng còn được bao nhiêu.

Digitized by Google

Việc cung ứng vật tư qua nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều đầu mối trung gian đã tạo nên sơ hở để cho một số cán bộ nhân viên thoái hóa biến chất ăn cắp, móc ngoặc, tuồn hàng ra ngoài làm tổn hại đến lợi ích của nhân dân và của Nhà nước.

Nguyên nhân thứ hai là, một số cơ quan và địa phương đã lợi dụng « liên doanh liên kết » để buôn bán vật tư ăn chênh lệch giá. Nói liên doanh liên kết trước hết là nói đến sự kết hợp từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ, giữa các đơn vị (trên cơ sở tiềm năng và thế mạnh của mỗi đơn vị, để làm ra một sản phẩm hoàn chỉnh. Mục đích của liên doanh liên kết là sản xuất ra nhiều sản phẩm cho xã hội với năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao. Liên doanh liên kết không phải là sự mua đi bán lại, đẩy giá lên cao, ăn chênh lệch giá như một số nơi lâu nay thường làm. Lợi dụng giá vật tư của Nhà nước định thấp, một số đơn vị và địa phương có thể « liên kết » cả với khu gang thép Thái nguyên, công ty khai thác than Quảng ninh, nhà máy xi măng Bỉm sơn... bằng cách trao một số hàng như gạo, thịt, vải, mỳ chính, thuốc lá... đổi lấy sắt, thép, xi măng, than đem bán cho đơn vị, địa phương khác để lấy chênh lệch giá. Ngay cả một số cơ quan dịch vụ, hành chính sự nghiệp... cũng lạm dụng « liên doanh liên kết » (thực chất là móc ngoặc với các cơ quan nắm vật tư), dùng sức mạnh của tiền mặt để mua đạm, xi măng, sắt thép... từ trong kho nhà nước (với giá thấp) đem bán cho nông dân (với giá cao) hoặc đổi lấy nông sản (kể cả nông sản xuất khẩu) tiếp tục quay vòng, xuất ra cả nước ngoài qua công ty ngoại thương để nhập hàng tiêu dùng rồi bán ra thị trường tự do lấy chênh lệch giá.

Việc lợi dụng « liên doanh liên kết » để buôn bán vật tư kiếm lời đã phát sinh ở diện rộng trong mấy năm nay, nó thu hút một bộ phận lớn vật tư hàng hóa và tiền mặt của Nhà nước. Chênh lệch giá như một khối nam châm có sức hút cực mạnh, vật tư hàng hóa trong kho nhà nước cứ vơi dần, trái lại trên thị trường tự do lại không thiếu một thứ gì kể cả thuốc trừ sâu đặc hiệu.

Nguyên nhân thứ ba là yêu cầu đổi mới về tư tưởng và tổ chức theo tinh thần Đại hội VI của Đảng chưa được các cấp, các ngành quán triệt sâu sắc. Bộ máy quản lý các cấp tuy đã được chấn chỉnh một bước nhưng về cơ bản vẫn còn mang nặng tính chất tập trung quan liêu bao cấp, công kềnh, kém hiệu lực, thiếu kỷ luật, kỷ cương, thiếu tinh thần trách nhiệm trước nhân dân về những khó khăn thiếu thốn của họ và phung phí vật tư tiền vốn của Nhà nước.

Sự đổi mới về phong cách làm việc của một số cán bộ, nhất là cán bộ thuộc các ngành tổng hợp và phân phối lưu thông diễn ra chậm chạp so với sự phát triển năng động của đơn vị kinh tế cơ sở. Nhiều người còn cố tình bám lấy những nguyên tắc và chính sách cứng nhắc lỗi thời, gây khó khăn trở ngại cho sản xuất. Những khuyết điểm sai lầm về cung ứng vật tư, mua bán không sòng phẳng giữa nhà nước và nông dân, tình trạng tham ô, móc ngoặc tuồn vật tư từ kho Nhà nước ra thị trường tự do đều bắt nguồn từ việc chưa làm tốt công tác tổ chức cán bộ.

Như trên đã nói, chính sách cung ứng vật tư cho nông nghiệp không chỉ có ý nghĩa kinh tế mà còn có ý nghĩa chính trị quan trọng; nó thể hiện sự giúp đỡ của Nhà nước đối với nông dân, góp phần củng cố liên minh công nông, củng cố lòng tin của giai cấp nông dân đối với Đảng.

Để thực hiện tốt chính sách đó, chúng tôi thấy điều quan trọng trước hết là phải *thống nhất quản lý vật tư*. Nhà nước nắm cho được khối lượng

Digitized by Google

vật tư hiện có để tác động vào sản xuất, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội.

Nghị quyết Đại hội VI của Đảng đã chỉ rõ: « Nông nghiệp phải được ưu tiên đáp ứng những nhu cầu về đầu tư xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật, về vật tư...; những nguồn đầu tư ấy phải được sử dụng có hiệu quả » (1). Chúng tôi nghĩ rằng, với khối lượng vật tư và nguyên liệu hiện có, nếu Nhà nước quản lý chặt chẽ và đầu tư đúng chỗ, đúng lúc cho sản xuất thì chắc chắn sẽ đem lại hiệu quả tốt hơn. Năm vật tư, dùng vật tư tác động trực tiếp vào sản xuất là cách tốt nhất để Nhà nước nắm lương thực, thực phẩm. Mỗi năm Nhà nước có khoảng 1/1 triệu tấn phân đạm, 40 vạn tấn phân lân, 8 vạn tấn thuốc trừ sâu, 17 vạn tấn xăng dầu... đầu tư cho nông nghiệp (chủ yếu cho sản xuất lúa); với số lượng vật tư này nếu được quản lý chặt chẽ, thông qua hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước và nông dân, mỗi năm chúng ta cũng có thể thu được trên dưới 3,3 triệu tấn lương thực quy thóc. Số thóc này cộng với khoảng 1,2 triệu tấn thóc thuế nông nghiệp, Nhà nước đã có khoảng 4,5 triệu tấn lương thực để trang trải cho nhu cầu tiêu dùng trong nước.

Từ cách đặt vấn đề như trên, chúng tôi cho rằng đã đến lúc chúng ta phải siết chặt tổ chức, kỷ luật, kỷ cương và dồn mọi sức lực vào việc nắm lấy cái mà chính mình đã có không để cho một khối lượng lớn vật tư hàng hóa bị hư hao mất mát như lâu nay. Nếu chúng ta không chặn đứng được nạn tham nhũng, cửa quyền, lấy cắp vật tư nguyên liệu của Nhà nước thì người nông dân sẽ nghĩ gì về sự giúp đỡ của Nhà nước, khi họ phải mua ở thị trường tự do 6 kg đạm/8 kg đạm để bón cho một sào lúa, và trong trường hợp như vậy Nhà nước cũng thất thu lớn.

Cần xóa bỏ hình thức cung ứng vật tư theo lối cấp phát, chuyển sang phương thức *kinh doanh vật tư theo nguyên tắc trao đổi bình đẳng, ngang giá và thực sự thỏa thuận* giữa Nhà nước và nông dân. Như trên đã nói, sở dĩ có tình trạng một số đơn vị và địa phương lợi dụng « liên doanh liên kết » để buôn bán vật tư là vì giá vật tư do Nhà nước định ra quá thấp. Chẳng hạn: 1 tấn xi măng (Bỉm sơn) giá bán của Nhà nước là 2600 đồng, trong khi đó giá bán trên thị trường tự do là 20 000 đồng; 1 tấn than giá nhà nước trung bình là 680 đồng, còn giá thị trường tự do là 3000 đồng; Nhà nước đổi cho nông dân 1 kg đạm lấy 2,15 kg thóc, nhưng trên thị trường tự do tính ra phải tới 4—5 kg thóc. Thực tế đó đòi hỏi Nhà nước kịp thời nâng giá một số vật tư nông nghiệp cho hợp lý nhằm từng bước tiền tệ hóa quan hệ trao đổi giữa Nhà nước và nông dân, khắc phục tệ tham ô móc ngoặc, buôn bán vật tư ăn chênh lệch giá. Giá cả vật tư hợp lý, nói một cách giản đơn, là Nhà nước không bị thiệt và nông dân có thể chấp nhận được; nó khác với lối trao đổi « mua như cướp, bán như cho » làm tổn hại lợi ích của Nhà nước, gây tâm lý bất bình trong nông dân.

Nâng giá vật tư phải đi đôi với cải tiến phương thức phân phối vật tư, gắn kế hoạch sản xuất với việc cung ứng vật tư, thông qua hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước và nông dân, theo nguyên tắc vật tư hàng hóa Nhà nước trao đổi với nông dân tương ứng với số lượng nông sản mà nông dân giao lại cho Nhà nước. Nói kinh doanh vật tư nông nghiệp, không có nghĩa là việc mua bán vật tư giữa các cơ quan nhà nước với nông dân diễn ra tự phát ngoài kế hoạch. Mọi vật tư của Nhà nước cung ứng cho nông nghiệp phải thông qua hợp đồng mua bán hai chiều giữa các cơ quan nhà nước và nông dân. Như vậy, ngoài thuế là nghĩa vụ bắt buộc, nông dân còn có trách nhiệm

(1) *Tạp chí Cộng sản* số 1, 1987, tr. 38.

Digitized by Google

thực hiện đúng hợp đồng do chính mình đã thỏa thuận, ngược lại các cơ quan ký hợp đồng với nông dân cũng phải tôn trọng hợp đồng, nếu làm sai phải bị xử phạt nghiêm minh. Trên cơ sở hợp đồng, Nhà nước có thể bán vật tư cho nông dân (kể cả hộ cá thể) từ đầu vụ và thu thóc vào cuối vụ (vì ngoài quan hệ mua bán theo hợp đồng Nhà nước còn có trách nhiệm giúp đỡ nông dân). Các cơ quan nhà nước và các địa phương không được tùy tiện đặt ra các khoản thu bằng thóc (ngoài quy định của Nhà nước), không được thay đổi tỷ giá giữa vật tư và thóc mà Nhà nước đã quy định để làm ảnh hưởng đến thu nhập của nông dân.

Để thực hiện phương thức kinh doanh vật tư trước hết cần phải có một bộ máy quản lý kinh doanh thống nhất. Hệ thống quản lý vật tư từ trung ương đến cơ sở hiện nay còn quá cồng kềnh, có nhiều đầu mối trung gian không cần thiết. Ở một số địa phương, trên địa bàn một huyện có tới năm bảy công ty vật tư cùng loại (thuộc nhiều ngành) chen chúc nhau hoạt động, tranh mua, tranh bán, đẩy giá lên cao, gây rối thị trường và lãng phí nghiêm trọng tiền của của Nhà nước. Một bộ máy như vậy rõ ràng không thích hợp với sự đổi mới theo quan điểm của Đảng và gây nhiều trở ngại cho sản xuất. Vì vậy, cần phải có bộ máy mới tinh gọn bao gồm những cán bộ có năng lực và phẩm chất đủ sức đảm đương nhiệm vụ quản lý về mặt nhà nước, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và thực hiện chức năng kinh doanh vật tư đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển sản xuất. Một yêu cầu có tính nguyên tắc là những vật tư nông nghiệp chủ yếu dù sản xuất trong nước hay nhập khẩu, Nhà nước đều phải nắm và đưa vào kế hoạch cung ứng theo hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước và nông dân (kế hoạch sản xuất gắn với cung ứng vật tư). Như vậy, ít nhất là Bộ vật tư và Ủy ban kế hoạch Nhà nước phải nắm và tiến hành phân phối thống nhất theo kế hoạch nhà nước. Dưới Bộ vật tư, cần có các tổng công ty hoặc công ty làm chức năng kinh doanh vật tư (tổng hợp hoặc chuyên ngành), chẳng hạn như công ty kinh doanh vật tư nông nghiệp. Thông qua kế hoạch sản xuất và cung ứng vật tư cho đơn vị kinh tế cơ sở, công ty kinh doanh vật tư nông nghiệp trực tiếp ký hợp đồng với nông trường, hợp tác xã và hộ nông dân, bảo đảm cung ứng đúng số lượng, chất lượng, chủng loại và thời hạn ; công ty hoàn toàn tự chủ về tài chính và tự chịu trách nhiệm về lời lỗ.

Việc chuyển sang phương thức kinh doanh vật tư nông nghiệp đòi hỏi phải thống nhất vật tư vào một số bộ (thực hiện sự quản lý về mặt nhà nước) và thông qua công ty kinh doanh vật tư rót thẳng vật tư xuống cơ sở sản xuất, không qua các cấp trung gian. Đó là một biện pháp hết sức cần thiết để khắc phục tình trạng vật tư đi vòng quanh, bị hư hao thất thoát nhiều làm tổn hại cho Nhà nước và gây cản trở đối với sản xuất. Dựa trên kế hoạch sản xuất và cung ứng vật tư cấp tỉnh và huyện,... tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng giữa công ty vật tư với cơ sở sản xuất, và kịp thời nêu lên những kiến nghị và giải pháp xử lý những trường hợp vi phạm hợp đồng.

Digitized by Google

Nâng cao vai trò của các cơ quan dân cử

HOÀNG HẢO

DƯỚI chủ nghĩa xã hội, «quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân», đó là thực chất của chế độ mới, của nhà nước kiểu mới. Điều này được ghi nhận trong Hiến pháp của tất cả các nước xã hội chủ nghĩa. Và đến nay, hình thức phổ biến để biểu thị và thực hiện quyền lực chính trị ấy của nhân dân vẫn là hình thức đại biểu của nhân dân; nhân dân trực tiếp bầu đại biểu của mình và những đại biểu này hoạt động trong các cơ quan đại diện quyền lực của nhà nước.

Ở nước ta, Hiến pháp năm 1980 đã khẳng định, quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của cả nước, hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương. Đó là cơ sở chính trị của hệ thống cơ quan nhà nước ta, là nền tảng để hình thành tất cả các cơ quan khác của nhà nước. Các cơ quan nhà nước khác (cơ quan hành chính và chấp hành, tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân) đều nhận quyền lực và quyền hạn từ các cơ quan đại diện quyền lực, đều chịu sự kiểm tra và báo cáo trước các cơ quan đó; còn bản thân quốc hội và hội đồng nhân dân thì nhận quyền lực của nhân dân trao cho, chịu trách nhiệm trước nhân dân và chịu sự kiểm soát của nhân dân.

Trong quá trình xây dựng học thuyết của mình, Mác và Ăng-ghen đã chú ý nghiên cứu hình thức thể hiện và thực hiện quyền lực của giai cấp công nhân và những người lao động khác. Mặc dù có sự tiên đoán về lý luận, nhưng phải đợi đến Công xã Pa-ri, từ kinh nghiệm thực tiễn, Mác mới tìm thấy hình thức cụ thể của nhà nước chuyên chính vô sản, thể hiện trực tiếp quyền lực của nhân dân. Ở đây, điều quan trọng là những nguyên tắc xây dựng chính quyền kiểu mới đã được rút ra từ thực tiễn cách mạng. Ăng-ghen đã làm nổi bật những nguyên tắc đó khi viết lời tựa cho tác phẩm «Nội chiến ở Pháp». Theo Người, để nhà nước kiểu mới không trở lại tình trạng cũ, không trở thành quan liêu, đối lập với xã hội, công xã đã dùng hai biện pháp hết sức công hiệu: 1) Tuyển cử theo chế độ phổ thông đầu phiếu và nhân dân có quyền bãi miễn. 2) Công xã chỉ trả lương cho các chức vụ bằng số tiền lương ngang như số tiền lương của các công nhân khác (1).

Về sau, trong quá trình xây dựng chính quyền Xô viết, Lê-nin đã vận dụng và phát triển thêm những luận điểm đó, đặc biệt nhấn mạnh quan điểm thống nhất quyền hành pháp và quyền lập pháp. Người viết: «Công xã thay chế độ đại nghị bán mình và thối nát ấy của xã hội tư sản bằng những cơ quan, trong đó quyền tự do ngôn luận và tự do thảo luận không biến thành lừa bịp, vì các nghị sĩ phải tự mình

(1) Xem Mác – Ăng-ghen: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1962, t. 1, tr. 772.

Digitized by Google

công tác, tự mình thực hiện những luật pháp của mình, tự mình kiểm tra lấy tác dụng của những luật pháp ấy, tự mình phải chịu trách nhiệm trực tiếp trước cử tri của mình » (2).

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, V.I. Lê-nin đặc biệt chú ý vấn đề làm cho người lao động quan tâm đến đời sống chính trị, chăm lo xây dựng nhà nước, thực tế hằng ngày tham gia quản lý công việc nhà nước. Người coi đó là bản chất của chính quyền Xô viết, là mục đích của những người cách mạng. Người viết: « Mục đích của chúng ta là làm cho *hết thảy những người nghèo khổ, không trừ một ai*, đều thực tế tham gia quản lý » (3). Thực hiện mục đích ấy, điều tất yếu là phải thường xuyên đổi mới thành phần đại biểu trong các cơ quan quyền lực của nhà nước.

Như vậy, để thực hiện « quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân », thì bộ máy nhà nước chuyên chính vô sản, trước hết là hệ thống cơ quan quyền lực phải được tổ chức theo nguyên tắc cơ bản là *bầu cử, luân phiên, bãi miễn*. Nếu vi phạm nguyên tắc đó thì bộ máy nhà nước chuyên chính vô sản sẽ trở thành bộ máy quan liêu, xa rời quần chúng và mất hết sức mạnh. Kinh nghiệm thực tiễn cách mạng xã hội chủ nghĩa 7 thập kỷ qua đã chứng minh điều đó và làm phong phú thêm những nguyên tắc xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Ở nước ta, hệ thống cơ quan dân cử được hình thành ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công. Như chúng ta đều biết, sau cách mạng, chính quyền nhân dân non trẻ đứng trước hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, phức tạp của đất nước, nhưng Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết tâm xây dựng chính quyền, nhanh chóng làm cho nó thật sự trở thành của dân, do dân và vì dân. Thông qua cuộc tổng tuyển cử đầu tiên trong cả nước, và sau đó là các cuộc bầu cử hội đồng nhân dân, đã hình thành hệ thống cơ quan dân cử để thực hiện quyền lực chính trị của nhân dân. Đến nay, sau hơn 40 năm hoạt động, với chức năng của mình, quốc hội và hội đồng nhân dân đã hoàn thành những nhiệm vụ to lớn trong lịch sử dân tộc. Nhưng trong những năm gần đây, do nhiều nguyên nhân, hệ thống cơ quan dân cử của nhà nước ta bộc lộ những nhược điểm quan trọng, ảnh hưởng thật sự đến hiệu lực quản lý của toàn bộ bộ máy nhà nước. Thực tế đặt ra yêu cầu cấp thiết là phải đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước. Sự đổi mới này cần được bắt đầu từ tổ chức và hoạt động của các cơ quan dân cử, từ quốc hội đến hội đồng nhân dân các cấp.

Trước hết, thực tiễn đòi hỏi mọi người chúng ta đổi mới quan niệm về hệ thống cơ quan dân cử, về vai trò của nó trong đời sống chính trị của nhân dân, trong toàn bộ hệ thống cơ quan nhà nước vô sản. Quốc hội và hội đồng nhân dân là cơ quan do nhân dân trực tiếp bầu ra và thực hiện sự ủy thác của nhân dân. Nó thể hiện sâu sắc bản chất của nhà nước, « lấy dân làm gốc », và là nơi mà quyền lực của nhân dân bắt đầu được thực hiện từ đó.

Quốc hội và hội đồng nhân dân đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhưng nó chỉ nhận quyền lực từ nhân dân. Đảng lãnh đạo các cơ quan này là để phát huy sức mạnh của quyền lực đó, làm cho cơ quan dân cử có thực quyền, nhờ vậy mà vai trò và uy tín của Đảng sẽ được tăng lên. Dựa vào các nguyên tắc lãnh đạo của mình và tính đặc thù của các cơ quan dân cử, các tổ chức đảng thực hiện sự lãnh đạo theo nội dung và hình thức thích hợp, không bao biện làm thay, không can thiệp vào chức năng, nhiệm vụ của

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1976, t. 33, tr. 59.

(3) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t. 36, tr. 251.

Digitized by Google

các cơ quan dân cử. Không nên cho rằng mọi chủ trương, chính sách của Đảng đều đã « hoàn chỉnh », không có vấn đề gì phải xem xét, việc đưa ra quốc hội hoặc hội đồng nhân dân chỉ là để « hợp pháp hóa », từ đó không tôn trọng ý kiến của các đại biểu đại diện cho quyền lực của nhân dân.

Mặt khác, theo Hiến pháp, quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp là những cơ quan quyền lực, còn các cơ quan nhà nước khác là nhận quyền lực từ các cơ quan dân cử. Nhưng trong thực tế hiện nay, trước con mắt của nhân dân, người ta chỉ thấy « quyền lực » của cơ quan hành chính và chấp hành; việc bàn bạc thông qua các báo cáo, các kế hoạch trong các kỳ họp của các cơ quan dân cử thì mang tính chất hình thức, « chiếu lệ », có ít điều kiện cần thiết, đầy đủ để các đại biểu thực hiện thật sự quyền dân chủ trước khi biểu quyết.

Những cách làm đó dẫn tới hạ thấp vai trò của các cơ quan dân cử, quốc hội và hội đồng nhân dân không có thực quyền, không phản ánh và thực hiện đầy đủ nguyện vọng chính đáng của nhân dân và trở thành những cơ quan hoạt động trượng trưng. Kinh nghiệm thực tế cho thấy, khi cơ quan dân cử hoạt động theo kiểu hình thức chủ nghĩa thì dễ có nguy cơ biến đại biểu thành « những người chỉ biết có giơ tay », hoặc những người quan liêu, còn bản thân cơ quan đó thì trở thành « một cái gì cũng đó, thành một cái gì độc lập tự tại » (4). Như vậy, bộ máy nhà nước đã cắt đứt mối liên hệ máu thịt với nhân dân, mất hết sinh khí và sức mạnh, giảm hiệu lực quản lý.

Thực tiễn những năm qua còn đòi hỏi chúng ta nhận thức đúng về tính thống nhất của quyền lực nhà nước. Ở nước ta, quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp hợp thành hệ thống cơ quan quyền lực thống nhất trong cả nước. Vì vậy, tuy hội đồng nhân dân được tổ chức ở các cấp và do nhân dân địa phương bầu ra, nhưng đều nhằm thực hiện quyền lực thống nhất của nhân dân. Mọi quyết định của hội đồng nhân dân các cấp đều không thể trái với lợi ích chung của toàn dân, mà phải biết kết hợp đúng đắn lợi ích của địa phương với lợi ích của toàn xã hội.

Muốn cải tiến bộ máy nhà nước ta hiện nay, trước hết cần thay đổi cách nghĩ, cách làm cũ đã hạn chế hoạt động của các cơ quan dân cử, xác định cho mọi người những nhận thức và hành động đúng đắn đối với vai trò và vị trí vốn có của các cơ quan dân cử đã được ghi nhận trong Hiến pháp, làm cho quốc hội và hội đồng nhân dân trở thành người chủ toàn quyền và chịu trách nhiệm trước yêu cầu hằng ngày của nhân dân.

Thứ hai, hiệu quả hoạt động của cơ quan dân cử còn phụ thuộc vào nhiều vấn đề khác: chất lượng các kỳ họp, tác dụng của các ủy ban trong quốc hội và các ban trong hội đồng nhân dân, sự hoạt động của các đại biểu... Những vấn đề này đều cần có sự đổi mới, tạo nên một nền nếp hoạt động có kết quả cao hơn. Chúng tôi cho rằng, trong những năm trước mắt, Đảng và Nhà nước ta cần tập trung sức giải quyết tốt việc nâng cao hiệu quả của các kỳ họp của cơ quan dân cử, rồi đến các khâu khác.

Kỳ họp là hình thức hoạt động quan trọng nhất của cơ quan dân cử. Tổ chức tốt các kỳ họp với nội dung và hình thức thiết thực sẽ góp phần quyết định nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan đó. Trước hết, cần loại trừ những cách làm mang tính chất phô trương hình thức, cần bảo đảm tinh thần thật sự dân chủ trong việc giải quyết nhiều vấn đề cụ thể: bảo đảm tính công khai của kỳ họp, thông báo trước nội dung cho đại biểu và

(4) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1977, t. 36, tr. 253.

Digitized by Google

nhân dân, từ đó, các đại biểu có thể lắng nhiều kênh thức thu thập ý kiến của nhân dân về những vấn đề mà kỳ họp sẽ xem xét và quyết định. Các cơ quan có trách nhiệm chuẩn bị kỳ họp cần gửi trước với thời gian đáng kể những tài liệu cần thiết để đại biểu có điều kiện nghiên cứu tham gia bàn bạc và quyết định một cách có căn cứ. Trong các kỳ họp bảo đảm thật sự dân chủ để đại biểu có thể thực hiện tốt quyền chất vấn, quyền giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, đặc biệt dành nhiều thì giờ để đại biểu trao đổi, thảo luận kỹ nội dung của các quyết định trước khi biểu quyết. Tất nhiên, muốn tổ chức tốt các kỳ họp của cơ quan dân cử, các cơ quan hữu quan phải đổi mới lề lối làm việc để nắm được thực chất của tình hình; đại biểu đổi mới cách thức hoạt động để nắm được dư luận xã hội trên những vấn đề cụ thể liên quan đến kỳ họp.

Thứ ba, xét cho cùng thì vai trò của các cơ quan dân cử tùy thuộc phần rất lớn ở chất lượng hoạt động của đại biểu trong và ngoài kỳ họp. Hiện nay đang cần có nhiều biện pháp để nâng cao trách nhiệm của đại biểu, tăng cường sự giám sát của cử tri đối với hoạt động của đại biểu. Trong tư cách pháp lý của đại biểu, một mặt, họ là đại biểu của cử tri, được cử tri ủy thác trong việc thực hiện quyền đại biểu, mặt khác, họ là người đại diện điều hành bộ máy nhà nước, có trách nhiệm quyết định công việc nhà nước. Chúng ta cũng cần khắc phục tình trạng có những đại biểu, nhất là đại biểu có chức có quyền sau khi được bầu, chỉ nặng về công tác chuyên môn, coi nhẹ hoặc không làm công tác đại biểu: không tham gia các kỳ họp, không tiếp dân, do đó, không nắm được tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Vì vậy, cần có sự nhận xét và kiểm tra về mối quan hệ của đại biểu với cử tri, kiên quyết thực hiện quyền bãi miễn của cử tri đối với đại biểu, cần nghiên cứu và thực hiện chế độ ủy thác của cử tri, tất nhiên là những ủy thác mang tính chất xã hội, được thảo luận tập thể và thông qua ở hội nghị cử tri trước ngày bầu cử. Đó cũng là cơ sở để cử tri kiểm tra hoạt động của đại biểu, thắt chặt quan hệ giữa đại biểu và cử tri. Đồng thời, đại biểu cần được bồi dưỡng về tình hình và nhiệm vụ, về kiến thức quản lý nhà nước, về văn bản pháp luật hiện hành, về kinh nghiệm công tác đại biểu. Trước những yêu cầu của tình hình hiện nay, nếu đại biểu thiếu những kiến thức cần thiết, thì khó tránh khỏi kiểu « nghị gật », nhất là đối với những đại biểu mới. Vì vậy, các cơ quan hữu quan cần có những hình thức phù hợp để nâng cao trình độ đại biểu. Sau mỗi lần bầu cử, cần có những lớp bồi dưỡng tập trung với chương trình thiết thực và thời gian thích hợp, không phải dừng lại ở lý luận chung, mà là cung cấp những hiểu biết và kinh nghiệm cụ thể về cách thức hoạt động và công tác đại biểu.

★

Vấn đề nâng cao vai trò của các cơ quan dân cử không chỉ quan hệ đến những nhân tố bên trong của nó, mà còn đòi hỏi sự quan tâm thật sự của các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước khác và các tổ chức xã hội nhằm bảo đảm cho nó những điều kiện hoạt động thiết thực. Vai trò của các cơ quan dân cử được nâng cao sẽ là nhân tố rất quan trọng cho sự đổi mới toàn bộ bộ máy nhà nước ta.

Digitized by Google

HOÀNG THỊNH

THÔNG TIN TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

THÔNG tin, nhất là thông tin khoa học – kỹ thuật, được thừa nhận là một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển *kinh tế – xã hội*. Nó không thể thiếu nếu ta muốn sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và khai thác tài nguyên về con người. Vai trò của thông tin trong *giáo dục và văn hóa* cũng ngày càng tăng, bảo đảm cho mỗi người luôn có khả năng bồi bổ kiến thức mới, nâng cao không ngừng trình độ văn hóa, tư tưởng của mình.

Việc ra đời và phát triển ngành *tin học* – một sự tổng hợp những ngành kỹ thuật hiện đại về thu, phát, tích trữ, xử lý và lưu chuyển thông tin các loại – đã đưa đến những biến đổi sâu sắc trong việc quản lý kinh tế, hành chính và các hoạt động xã hội. Việc ứng dụng tin học cho phép dự kiến một cuộc cách mạng trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, đồng thời quản lý hợp lý hơn nguồn tài nguyên, giảm lãng phí, cải tiến phương pháp quản lý và kế hoạch hóa kinh tế.

Thông tin vì vậy đã trở thành *một lực lượng kinh tế quan trọng trong thời đại hiện nay*. Trong các nước công nghiệp phát triển cao, thông tin trở thành hoạt động chủ yếu. Hơn một nửa dân số ở tuổi lao động tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào công việc sản xuất, xử lý và phân phát tin tức.

Ngày nay, người ta thường nói đến *xã hội thông tin*. Cả thế giới được coi như *một làng thông tin*. Toàn bộ tình hình sôi nổi thông tin được gọi là *sự bùng nổ thông tin*. Thông tin không còn là nhu cầu « hào hoa » của con người mà là nhu cầu cốt lõi của kinh tế, văn hóa, cách tổ chức xã hội và là một yếu tố có tác dụng ngày càng lớn trong xã hội tương lai.

Có thể nói người ta cần được thông tin cũng như cần thức ăn vậy. Nếu *thức ăn* giúp con người tồn tại như một thực thể sống, thì *thông tin* giúp con người tồn tại với tư cách thành viên của xã hội hiện đại.

★

Trong lịch sử, *có ba loại phát minh tạo nên ba bước ngoặt lớn của nhân loại*: lửa, máy hơi nước và máy tính điện tử. Nếu phát minh ra *lửa* làm cho con người thực sự thoát ra khỏi cách sống của một động vật, thì *máy hơi nước* đã giúp con người bớt được những lao động chân tay nặng nhọc, và *máy tính điện tử* thực sự giúp con người nhảy vọt trong nhiều lĩnh vực hoạt động trí óc.

Xu hướng hiện đại hóa thông tin, « *tin học hóa xã hội* » chính là xu thế tất yếu và là yêu cầu phát triển của xã hội hiện đại, vì khi xã hội phát triển, lượng thông tin rất nhiều và yêu cầu của con người về thông tin là cực kỳ lớn. Ngày nay, người ta có thể « đọc báo » mà không cần cầm đến

Digitized by Google

tờ báo. Nhờ *bộ điện tử gia đình* ta có thể biết được đầy đủ, tường tận mọi thông tin. Khi đi làm về, chỉ cần bấm nút, trên màn ảnh sẽ hiện ra những thông tin đã phát trong ngày. Nếu cần nhớ, ta bấm nút, những thông tin đó sẽ được đưa vào bộ nhớ. Nếu cần lưu trữ, lại bấm nút, những thông tin đó sẽ được in ra ngay lập tức.

Với những tiến bộ mới trong khoa học – kỹ thuật, ở một số nước đã hình thành việc *lập các cơ quan không có trụ sở*. Người phụ trách và các nhân viên cứ ở nhà, liên lạc, ra mệnh lệnh và thi hành nhiệm vụ qua hệ thống màn hình và điện thoại, như vậy giao thông vận tải đỡ phức tạp và không cần xây dựng trụ sở cơ quan.

Khi muốn viết thư cho một người nào đó, ta chỉ cần cho Công ty điện tử biết địa chỉ, tên người nhận cùng nội dung thư là tất cả sẽ biến thành con số, còn đến nơi nhận lại biến thành chữ để người nhận đọc được. *Thư điện tử* sẽ trở thành phổ cập với các loại mã để bảo đảm tính chất mật của thư. Hiện nay ở Mỹ đã có khoảng 1.500.000 thuê bao thư điện tử.

Ở nhiều nước công nghiệp phát triển, người gửi tiền ngân hàng được phát một tấm các, khi cần rút một số tiền không quá 200 đô la thì không phải đến quầy phát tiền mà chỉ cho tấm các vào một chiếc máy đặt ở nơi công cộng và bấm đúng ký hiệu mà chỉ một mình người gửi tiền biết, là số tiền cần rút sẽ tự động chạy ra.

Trong thời đại của xã hội điện tử, ta còn có thể hình dung loại *tù điện tử*: những người phạm tội nhẹ mà không cần giam, người ta chỉ cần đeo vào tay anh ta một máy điện tử rồi cho về nhà. Máy điện tử sẽ báo cho trung tâm kiểm soát biết khi nào người «bị tù» ra khỏi khu vực mà trung tâm đã quy định.

Máy tính điện tử thế hệ mới sẽ thực hiện lao động trí óc có chất lượng cao

Hiện nay sắp ra đời hệ máy tính điện tử thứ năm là những máy tính điện tử xử lý các kiến thức thay thế một phần quan trọng khả năng *tư duy* của con người: đó là *hệ thống máy tính điện tử chuyên gia*.

Cách mạng khoa học – kỹ thuật đang tác động đến cách mạng về thông tin gồm: *xử lý* thông tin và *truyền* thông tin.

Việc sản xuất ra *sợi quang học* được coi là một bước nhảy vọt trong viễn thông kể từ khi điện thoại ra đời. Chế tạo từ một nguyên liệu có rất nhiều là cát, nó vừa nhẹ, vừa nhỏ đến mức 10 sợi quang học – với khả năng cùng một lúc truyền 100 000 đường gọi điện thoại – có thể xâu qua một lỗ kim khâu. Ưu điểm lớn nhất của dây cáp quang học là không bị nhiễu, tức là tín hiệu truyền có độ tin cậy rất cao. Từ nay đến năm 2000, 50% tổng số cáp thông tin sẽ là cáp quang học.

Một trong những vấn đề thông tin là *khối lượng nhớ*. Đây là vấn đề quan trọng trong việc lưu trữ thông tin. Với khả năng của khoa học – kỹ thuật hiện đại, mỗi năm, độ nhớ tăng lên hai lần. *Tốc độ tính toán* của máy tính điện tử hiện nay so với năm 1979 tăng lên một vạn lần. Trong 5 năm qua, trung bình cứ 6 tháng lại thay đổi loại máy mới với khả năng hoạt động ngày càng tăng và giá thành giảm đi.

Một phát minh nữa là *la de*. Trong tương lai, la de sẽ chiếm từ 30 đến 50% trong khâu lưu trữ thông tin, vì *đĩa la de* có khả năng lưu trữ một số lượng thông tin rất lớn trong một thiết bị la de nhỏ và rất nhỏ. Một đĩa la de có thể lưu trữ từ 25 000 đến 30 000 tài liệu.

Như vậy là vào cuối thế kỷ 20 này, thế giới sẽ bước vào sử dụng *một hệ thống thông tin hoàn toàn khác hẳn: vi điện tử la de + sợi quang học*.

★

Digitized by Google

Hiện nay, thế giới đang thay đổi nhanh chóng, nền kinh tế thế giới đang có những biến đổi rất to lớn và sâu sắc. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đang làm thay đổi toàn bộ công nghệ trong sản xuất, tạo ra một bước nhảy vọt mới về năng suất lao động, đồng thời *nền kinh tế thế giới đang được quốc tế hóa* cao hơn và sâu rộng hơn trước, bao gồm cả hai hệ thống kinh tế—xã hội đối lập.

Cho nên, công tác thông tin của chúng ta cần phải làm cho nhân dân hiểu rõ là, đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, chúng ta cần phải kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại. *Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện nay và tính quốc tế cao của nền kinh tế thế giới* một mặt đang mở ra cho nước ta con đường công nghiệp hóa đất nước nhanh nhất, mặt khác cũng đặt ra nguy cơ rất lớn cho nước ta cũng như cho các nước chậm phát triển là nếu không phát triển nhanh chóng thì khoảng cách giữa các nước chậm phát triển và các nước phát triển càng mở rộng.

Đồng thời sự *cải tiến kỹ thuật trong truyền thông và thông tin* đang diễn ra với nhịp độ nhanh, đòi hỏi chúng ta phải thường xuyên làm chủ được các kiến thức khoa học — kỹ thuật trong thông tin, không ngừng cải tiến, hiện đại hóa các phương tiện thông tin của mình.

Cuộc cách mạng thông tin sôi động và mang *tính chất toàn cầu* chấm dứt thời kỳ nghiên cứu cá nhân đơn độc và đòi hỏi phải có sự hợp tác quốc tế về khoa học kỹ thuật. Đây là một nhu cầu tất yếu khách quan.

Những phát minh mới đã mở ra cho con người tầm nhìn mới đối với thế giới và tới các hành tinh xa xôi. Khoa học—kỹ thuật mở ra cho con người khả năng to lớn giải quyết nhiều vấn đề trong cuộc sống xã hội. Song *sự phân bố về tiến bộ khoa học—kỹ thuật thiếu cân đối một cách nghiêm trọng*. Các nước công nghiệp phát triển chiếm 88% tổng số các nhà khoa học—kỹ thuật, 90% các hoạt động về nghiên cứu khoa học và 93% tổng số các bằng phát minh trên thế giới. Vấn đề chuyển giao khoa học—kỹ thuật cho các nước chậm phát triển gặp rất nhiều khó khăn. Do nắm hầu hết các phương tiện nghiên cứu, đặc biệt trong các lĩnh vực tiên tiến, các nước phát triển nắm trong tay chìa khóa của sự tiến bộ trong tương lai.

Cuộc đấu tranh nhằm thiết lập một trật tự thông tin quốc tế mới không phải là một công việc đơn giản, dễ dàng, vì các hãng thông tấn siêu quốc gia phương Tây hiện vẫn còn nắm trong tay những phương tiện thông tin hiện đại, nắm được kỹ thuật mới và có nguồn tài chính khổng lồ.

Ở Việt nam, chúng ta có 196 tờ báo và tạp chí. Tuy số lượng không nhiều, nhưng đã hình thành mạng lưới báo chí hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng. Ngoài ra có hơn 200 tờ thông tin khoa học—kỹ thuật. Hệ thống phát thanh, ngoài Đài tiếng nói Việt nam, còn có 10 đài phát thanh của các tỉnh, thành phố, gần 500 đài truyền thanh huyện, hơn 1000 trạm truyền thanh ở cơ sở. Hệ thống truyền hình gồm Đài truyền hình trung ương Giảng võ và 7 đài địa phương.

Tuy nhiên, so với một nước 60 triệu dân và so với yêu cầu thông tin hiện nay, số lượng phương tiện thông tin đại chúng của chúng ta còn ít. Ngày nay, *thông tin đã trở thành một yếu tố để đánh giá sự phát triển của xã hội* (số báo, số giấy, số máy điện thoại, máy thu thanh, thu hình trên một đầu người).

Về điện thoại, cả nước ta có 120 000 thuê bao, không kể quốc phòng, chia cho 60 triệu dân, thì cứ 100 người mới có 0,2 máy điện thoại. Nếu so với các nước Đông Nam Á có vài máy điện

Digitized by Google

thoại trên 100 người, so với Mỹ mỗi người có 2 máy điện thoại, so với các nước Đông Âu là vài chục máy trên 100 người, thì Việt nam thuộc vào loại thấp nhất thế giới, thua cả một số nước ở châu Phi.

Đài tiếng nói Việt nam hằng ngày phát trên bốn sóng (2 sóng trung, công suất 500 kW) trong khi có 18 đài thế giới phát bằng tiếng Việt. Đài Trung quốc công suất 1000 kW phát từ Côn minh và 2000 kW sóng trung phát từ Quảng tây. Đài Thái lan và Mỹ công suất 1000 kW.

Về trình độ kỹ thuật *ngành truyền hình*, so với các nước phát triển, ta thua kém khoảng vài chục năm.

Với ứng dụng khoa học – kỹ thuật mới nhất, người ta có khả năng *truyền trực tiếp mọi thông tin từ vệ tinh xuống trái đất cho mọi người*. Chỉ cần một ăng ten pa ra bôn tương đối đơn giản, đường kính chỉ rộng 60–90cm, không cần trạm phát như Hoa sen bây giờ, người ta có thể xem được chương trình truyền hình của nhiều nước trên thế giới. Và khoa học–kỹ thuật càng phát triển thì giá thành các phương tiện thông tin hiện đại càng giảm, người dân càng có khả năng để mua. Như vậy *phát thanh và truyền hình sẽ là mặt trận đấu tranh tư tưởng nóng bỏng trong giai đoạn tới*. Nếu ta không đáp ứng được yêu cầu thì công chúng sẽ đi tìm những nguồn thông tin khác. Trận địa này, nếu ta bỏ trống thì các thế lực phản động sẽ lập tức chiếm lĩnh.

Xã hội của chúng ta ngày nay là *xã hội mở*. Muốn hay không muốn, chúng ta phải tiếp cận với thế giới bên ngoài đang ngày càng trở nên « nhỏ bé ». Và như có người nói, với cuộc cách mạng trong thông tin, hành tinh của chúng ta đang trở thành *« một cái làng toàn cầu »*.

Trong thông tin, có đồng đẳng mới bình đẳng. Cho nên, trong điều kiện thế giới đang tiến nhanh vào giai đoạn mới của cuộc cách mạng khoa học–kỹ thuật và qua tình hình thực tế nước ta, càng thấy rõ chúng ta *phải vươn lên tiếp cận và tương hợp với thông tin quốc tế*. Nếu không làm như vậy thì sắp tới chúng ta không thể sử dụng được hệ thống thông tin quốc tế, vì theo kế hoạch, đến năm 1990, trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, 90% hoạt động thông tin sẽ được tự động hóa.

Đó là chưa kể tới nhu cầu cung cấp thông tin của ta cho quốc tế, nên ta cũng cần những máy móc, *thiết bị hiện đại* tối thiểu để đưa tin tức của ta ra các nước ngoài.

Digitized by Google

PHẠM TRÍ MINH – PHẠM VĂN NHIẾP

MẤY Ý KIẾN VỀ GIẢI QUYẾT NHÀ Ở ĐÔ THỊ

BÁO cáo chính trị của BCHTƯĐ tại Đại hội VI đã nhấn mạnh: « *Nhà ở là một trong những vấn đề cơ bản trong chính sách xã hội của Nhà nước ta* » (1).

Trong 5 năm 1981 – 1985, mặc dù gặp nhiều khó khăn, nền kinh tế mất cân đối nhiều mặt, nhưng với sự quan tâm của Đảng và Chính phủ, với sự cố gắng chung của ngành xây dựng và chính quyền các cấp, chúng ta đã xây dựng được khoảng 4 triệu m^2 nhà ở tại các đô thị, trong đó xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách được 1 triệu m^2, bằng các nguồn vốn tự có của cơ quan xí nghiệp và vốn của nhân dân được 3 triệu m^2.

Nét mới nổi lên trong công tác xây dựng nhà ở 5 năm qua, so với 5 năm 1976 – 1980, là đầu tư của Nhà nước cho xây dựng nhà ở đã đi vào trọng điểm hơn. Nếu như trong 5 năm 1976 – 1980, vốn đầu tư tương đối dàn đều thì trong 5 năm 1981 – 1985 chủ yếu tập trung cho thủ đô Hà nội và các khu công nghiệp. Trong khi đó ở các tỉnh, thành phố, diện tích nhà ở xây dựng theo phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm » ngày càng tăng lên và gấp nhiều lần so với diện tích xây dựng bằng vốn ngân sách nhà nước. Ví dụ, hai năm 1981 – 1982 ở thành phố Nam định, Nhà nước chỉ xây dựng được 3000m^2, trong khi đó nhân dân xây dựng được 30000m^2; ở thị xã Thái bình Nhà nước xây dựng được 2500m^2, nhân dân xây dựng được 15000m^2 v.v.

Tuy nhiên tình hình nhà ở đô thị hiện nay vẫn hết sức khó khăn. Nhà ở đang trở thành một vấn đề xã hội rất gay gắt.

– *Tiêu chuẩn ở bình quân quá thấp* (nhất là miền Bắc), trong đó đáng lưu ý nhất là thủ đô Hà nội và các khu công nghiệp quan trọng như than, điện, cơ khí, xi măng v.v. Theo kết quả tính toán thì diện tích ở tối thiểu để bảo đảm được điều kiện sinh hoạt bình thường phải đạt 6m^2/một đầu người. Thủ đô Hà nội tuy được tập trung đầu tư xây dựng, nhưng diện tích nhà ở cũng chỉ mới đạt 3m^2/một đầu người: Hải phòng: 2,7m^2/một đầu người, khu công nghiệp than Quảng ninh: 2,5 – 3m^2/một đầu người. Hàng chục vạn hộ còn ở dưới 2m^2/một đầu người hoặc ở trong các ngôi nhà tạm bằng tranh tre lợp giấy dầu. Tình trạng nhiều hộ ở chung trong một ngôi nhà nhỏ, ba thế hệ ở chung trong một căn buồng còn khá phổ biến đã dẫn đến nhiều hiện tượng tiêu cực.

– *Tốc độ xây dựng nhà ở theo vốn ngân sách nhà nước không theo kịp tốc độ tăng dân số.* Những năm qua tốc độ xây dựng nhà ở mỗi năm tăng bình quân 1,5%, rõ ràng thấp hơn nhiều so với tỷ lệ tăng dân số đô thị (bao gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học là gần 3%). Riêng tại thủ đô Hà nội, từ năm 1961 đến năm 1985 Nhà nước đã xây dựng được 74 vạn m^2 nhà ở, nhưng dân số đã tăng thêm

(1) *Tạp chí Cộng sản*, số 1–1987, tr 61.

Digitized by Google

35 vạn người. Như vậy nếu chỉ tính cho số người tăng thêm thì cũng mới đạt 2m²/một đầu người.

— *Trong khi xây dựng mới không đáp ứng được yêu cầu thì nhà cửa lại hư hỏng rất nhiều, công tác quản lý, sửa chữa, cải tạo không được chú ý, tốc độ xuống cấp rất nhanh.* Từ năm 1960 đến nay, diện tích nhà ở mới xây dựng chỉ chiếm khoảng 25% quỹ nhà ở hiện có, tức là đại đa số nhân dân đô thị vẫn sống trong các ngôi nhà cũ, những nhà này lại không được sửa chữa kịp thời nên diện tích nhà hư hỏng đã lên tới 50% và còn tiếp tục tăng lên. Theo tính toán của chúng tôi, mỗi năm mới có khoảng 1% nhà hư hỏng được sửa chữa. Với tốc độ như vậy thì đến năm 2000 mới sửa chữa được một nửa diện tích nhà hư hỏng hiện nay, trong khi nhà vẫn tiếp tục hư hỏng thêm và đến lúc đó khoảng 1/3 quỹ nhà ở sẽ hư hỏng hoàn toàn.

— *Trong khi nhà cũ hư hỏng không được sửa chữa kịp thời, chất lượng nhà mới xây dựng lại rất kém so với tiêu chuẩn quy định.* Những hiện tượng như mái dột, thấm nước khu phụ, hố xí bị tắc v.v. ngay từ khi đưa nhà vào bàn giao sử dụng là khá phổ biến. Nhiều khu nhà ở lại quá thiếu những tiện nghi và công trình cần thiết như điện, nước, cống rãnh, đường sá, nhà trẻ, trường học, cửa hàng nên đời sống của cán bộ công nhân viên chức đã khó khăn lại càng khó khăn thêm và trên thực tế điều đó đã ảnh hưởng nhiều đến năng suất lao động.

— *Công tác quản lý quy hoạch đô thị, từ xây dựng mới đến cải tạo, sửa chữa bị buông lỏng ở nhiều mặt.* Nhiều hiện tượng tiêu cực phát sinh nhưng chậm được giải quyết như chiếm đất làm nhà trái phép, sửa chữa cơi nới nhà cửa, đục phá, móc nối điện, nước rất tùy tiện làm mất mỹ quan và phá vỡ quy hoạch đô thị. Các hiện tượng như phân phối không công bằng, ăn hoa hồng, hối lộ, chuyển nhượng, mua bán nhà bất hợp pháp khá phổ biến. Ở các đô thị phía Nam, một loạt vấn đề còn tồn tại trong cải tạo xã hội chủ nghĩa về nhà cửa, nhiều vấn đề mới nảy sinh nhưng chậm được giải quyết. Nhiều hộ còn ở quá rộng so với tiêu chuẩn nhà nước quy định, việc cho thuê lại nhà của Nhà nước với lợi nhuận rất cao đã tạo ra sự chênh lệch rất vô lý giữa cán bộ và cán bộ, giữa miền Bắc và miền Nam.

Sở dĩ có tình trạng trên là do nhiều nguyên nhân. Ngoài những nguyên nhân khách quan như hậu quả của 30 năm chiến tranh, nền kinh tế mất cân đối trên nhiều mặt, phải kể đến những nguyên nhân chủ quan sau đây:

— *Vấn đề giải quyết nhà ở mới đặt trong phạm vi của phúc lợi xã hội đơn thuần, chưa được coi là yếu tố trực tiếp để nâng cao năng suất lao động một cách thỏa đáng.* Trong quá trình phân bổ vốn đầu tư chúng ta vẫn còn dặt nhà ở thuộc khu vực phi sản xuất, cho nên mặc dù tỷ lệ đầu tư trong 5 năm 1981 — 1985 đã tăng hơn so với 5 năm 1976 — 1980, nhưng mới đạt 4% trong tổng vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản. Qua nhiều kỳ kế hoạch vẫn còn tình trạng nhiều nhà máy, xí nghiệp đã đi vào sản xuất, nhưng công nhân vẫn phải ở trong các ngôi nhà tạm. Trong các nước xã hội chủ nghĩa anh em, nhà ở không chỉ là yêu cầu của cải thiện đời sống, mà còn là yêu cầu của phát triển sản xuất nên tỷ lệ đầu tư cho nhà ở khá cao, trung bình là 8 — 10%, có nước lên tới 12% tổng vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản.

— *Chỉ chú trọng xây dựng mới, coi nhẹ đầu tư chiều sâu,* nên cho đến nay công tác sửa chữa, cải tạo quỹ nhà ở hiện có vẫn chưa được đưa vào kế hoạch cân đối của Nhà nước về tiền vốn, vật tư, lao động, vì

Digitized by Google

vậy nhà cửa đã hư hỏng, xuống cấp rất nhanh; đồng thời không khai thác được khả năng tiềm tàng về cải tạo nâng tầng, tăng diện tích ở ngay trong các khu phố cũ.

Thực tế những năm qua đã chứng tỏ rằng để giải quyết có hiệu quả vấn đề nhà ở đô thị cần coi trọng công tác xây dựng mới, đồng thời phải kết hợp chặt chẽ, tiến hành đồng bộ việc xây dựng mới với công tác quản lý, sửa chữa, cải tạo và phân phối, điều chỉnh diện tích ở một cách công bằng hợp lý.

— *Cơ chế quản lý nhà và công trình đô thị mang nặng tính hành chính bao cấp.* Điển hình nhất là giá cho thuê nhà quá thấp, quá bất hợp lý (hiện nay giá trung bình là 0,36đ/1m²/tháng — như vậy tiền thuê một biệt thự 100m² chưa bằng tiền mua một bao thuốc lá !), làm đảo lộn toàn bộ hoạt động của hệ thống quản lý nhà cửa. Tiền thuê nhà không đủ chi cho sửa chữa, ngay cả sửa chữa nhỏ, là nguồn gốc của tình trạng nhà cửa hư hỏng xuống cấp nhanh, của nhiều hiện tượng tiêu cực và sự không công bằng trong phân phối nhà ở. Người được phân phối nhà thì như được cho không, người chưa được phân phối hoặc phải tự lo liệu lấy nhà ở thì thiệt thòi đủ điều.

— *Chưa huy động được tiềm năng của nhân dân vào xây dựng, sửa chữa nhà ở đô thị.* Thực tế trong 5 năm 1981 — 1985 đã chứng minh khả năng này của nhân dân rất lớn. Nhân dân đã tự xây dựng được 2 triệu m² nhà ở đô thị trên tổng số 4 triệu, đang tự quản lý 59% quỹ nhà ở đô thị trong cả nước. Nhưng trong cả một thời gian dài chúng ta có thiếu sót là chẳng những đã không động viên khai thác được mà còn có phần kìm hãm sự tham gia đóng góp của các thành phần kinh tế xã hội trong việc xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà cửa để tự cải thiện điều kiện ở của mình. Hầu hết các khâu từ lập kế hoạch, quy hoạch, cấp đất, thiết kế, thi công đến cung ứng vật tư, chúng ta chỉ chú ý tới thành phần kinh tế duy nhất là quốc doanh. Điều đó xuất phát từ nhận thức chưa đầy đủ về đặc điểm của một nền kinh tế nhiều thành phần trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta. Những sai lầm đó đã biến những yêu cầu chính đáng của nhân dân về tự xây dựng, sửa chữa nhà ở thành những việc làm tự phát, vô tổ chức; dẫn đến nhiều hiện tượng tiêu cực ảnh hưởng xấu đến sự phát triển đô thị; khiến cho việc quản lý vật tư, vật liệu xây dựng của Nhà nước trên thị trường thêm khó khăn, phức tạp.

Để từng bước giảm bớt khó khăn về nhà ở đô thị, như Báo cáo của BCHTƯĐ tại Đại hội VI về phương hướng mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế — xã hội trong 5 năm 1986 — 1990 đã chỉ rõ, cần phải có một chính sách toàn diện về vấn đề nhà ở. Theo chúng tôi, trước mắt cần thực hiện một số chủ trương và biện pháp cụ thể theo mấy hướng sau đây:

1 — Nâng tỷ trọng vốn đầu tư xây dựng mới và sửa chữa, cải tạo nhà ở đô thị trên quan điểm coi vốn cho nhà ở không còn đơn thuần là vốn phi sản xuất, cũng như chúng ta đã xem lương trả cho cán bộ công nhân viên chức không phải là yếu tố của tiêu dùng mà là một yếu tố của sản xuất. Vì vậy, tỉ lệ đầu tư cho nhà ở trong kế hoạch 1986 — 1990 cần được nâng từ 4% (kế hoạch 1981 — 1985) lên khoảng 6 — 8% để thực hiện được hai mục tiêu là: giữ được tốc độ xây dựng nhà ở tối thiểu như trong kế hoạch 1981 — 1985 và bước đầu thực hiện nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo nhà ở theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước. Để kết hợp thỏa đáng giữa đầu tư chiều sâu với đầu tư chiều rộng, đề nghị phân bổ cho kế hoạch xây dựng mới 60 — 70%, cho kế hoạch sửa chữa, cải tạo 30 — 40%.

Digitized by Google

Công tác đầu tư xây dựng mới trong kế hoạch 1986 – 1990 của Nhà nước vẫn phải coi thủ đô Hà nội và các khu công nghiệp là trọng điểm cần được ưu tiên. Đồng thời hết sức coi trọng tiết kiệm đất nông nghiệp, hạn chế lấy đất nông nghiệp để xây dựng các khu nhà ở mới, cần đẩy mạnh công tác cải tạo ngay trong nội thành như nâng tầng, xây chen bổ sung vào các khu đất còn trống, hoàn thiện các khu đã xây, thay thế các nhà tạm, nhà cấp 4, nhà đã quá hư hỏng bằng những ngôi nhà mới có tầng cao thích hợp.

2 – *Thực hiện mạnh mẽ phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm », phát triển rộng rãi các dịch vụ sửa chữa, cải tạo nhà ở đô thị* bằng nhiều chính sách, biện pháp phong phú, linh hoạt nhưng có sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra chặt chẽ của các cơ quan nhà nước như cấp đất, cấp mẫu thiết kế, hướng dẫn quy hoạch, tổ chức các hình thức thi công, nhận thầu thuận tiện nhất. « Trong quỹ vật tư của Nhà nước, hằng năm phải dành một số vật liệu để nhân dân xây dựng nhà cửa » (2). Cũng có thể Nhà nước xây nhà rồi bán cho dân hoặc dân góp vốn làm nhà thông qua các ngân sách xây dựng. Đối với các thành phố nhỏ và thị xã, nên áp dụng hình thức Nhà nước cấp đất, bán vật liệu xây dựng cho cán bộ công nhân viên chức làm nhà, thay vào việc Nhà nước xây dựng rồi phân phối. Đối với nhà tư nhân thì khuyến khích, cho phép sửa chữa lớn, cải tạo, kể cả mở rộng nâng tầng. Một số nhà của Nhà nước quản lý cho thuê, nếu là nhà cấp 4 trong các hẻm mà không có kinh phí sửa chữa cũng có thể bán lại cho tư nhân để tự sửa chữa.

3 – Chấn chỉnh lại toàn bộ công tác xây dựng, quản lý nhà ở đô thị trên cả ba mặt : pháp chế, kinh tế, kỹ thuật. Đưa công tác xây dựng, quản lý vào pháp luật, kế hoạch, quy hoạch phát triển đô thị của Nhà nước. Trong khi khẩn trương nghiên cứu luật về nhà ở, trước mắt công tác quản lý nhà ở cần được chấn chỉnh theo những nội dung chủ yếu sau đây :

– *Về quản lý theo pháp luật* : Cần xem xét lại những chính sách đã có, sửa lại cho phù hợp theo hướng thực hiện công bằng xã hội, huy động được tiềm năng của các thành phần kinh tế vào xây dựng, quản lý nhà ở. Cụ thể như các chính sách về phân phối, về quyền sở hữu, về điều lệ cho thuê nhà của Nhà nước và nhà của tư nhân... Cần giải quyết những vấn đề tồn tại trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa về nhà cửa đô thị, ban hành các quy chế cụ thể thực hiện phương châm « Nhà nước và nhân dân cùng làm »...

– *Về quản lý kinh tế* : Cần ban hành các chính sách nhằm chuyển công tác quản lý nhà ở đô thị từ hành chính bao cấp sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo hướng lấy thu bù chi và có tích lũy một phần để phát triển ngành. Đặc biệt phải điều chỉnh sớm giá cho thuê nhà ở. Giá cho thuê nhà ở phải tính đủ hai yếu tố là chi phí cho quản lý và cho sửa chữa, đồng thời có quy định giá cao lũy tiến đối với phần diện tích ở quá tiêu chuẩn. Muốn vậy, tiền thuê nhà cần dựa vào lương của cán bộ công nhân viên chức. Chỉ với một giá tiền thuê nhà như vậy mới thực hiện được sự công bằng giữa người ở rộng với người ở chật, người được phân phối nhà với người phải tự xây lấy nhà ở ; mới thực hiện được chính sách điều chỉnh nhà ở của Nhà nước, đặc biệt ở một số thành phố phía Nam ; mới khuyến khích cán bộ công nhân viên chức có điều kiện tự lo lấy nhà ở v.v. Riêng đối với nhà dùng để sản xuất kinh

(Xem tiếp trang 80)

(2) Phương hướng, mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế, xã hội 5 năm 1986 – 1990. *Tạp chí Cộng sản*, số 1 – 1987, tr. 108.

Digitized by Google

Đọc sách

VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, VÌ HÒA BÌNH THẾ GIỚI

PHẠM THÀNH

TRONG những ngày sôi nổi chuẩn bị kỷ niệm lần thứ 70 Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, cán bộ và nhân dân ta rất vui mừng được đọc cuốn sách quý của đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp, Tổng bí thư Ủy ban trung ương Đảng cộng sản Liên xô: « *Những bài nói và viết chọn lọc* » do Nhà xuất bản Tiến bộ (Mát-xcơ-va) và Nhà xuất bản Sự thật (Hà nội) hợp tác xuất bản. Cuốn sách gồm một số bài nói, bài viết từ tháng 3-1982, khi đồng chí dẫn đầu Đoàn đại biểu Đảng cộng sản Liên xô dự Đại hội lần thứ V Đảng cộng sản Việt nam, tới tháng 8-1986.

Thời kỳ xuất hiện phần lớn những bài nói và bài viết này là thời kỳ có tính chất bước ngoặt trong đời sống của Đảng và nhân dân Xô viết, thời kỳ tổng kết một cách khoa học những bài học quá khứ, thời kỳ tìm tòi sáng tạo những con đường và biện pháp nhằm đưa xã hội Xô viết tiến tới những đỉnh cao mới trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, và cũng là thời kỳ thử nghiệm và bắt đầu thực hiện công cuộc cải tổ cách mạng do Hội nghị Trung ương tháng 4-1985 đề ra và được Đại hội XXVII của ĐCS Liên xô khẳng định và phát triển.

Qua các suy nghĩ của tác giả về các vấn đề then chốt của lý luận, về chiến lược kinh tế và chính sách xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng đảng, về công tác tư tưởng và công tác tổ chức cán bộ, về đường lối quốc tế và hoạt động quốc tế, chúng ta thấy toát lên phương pháp luận mác xít lê nin nít của tư duy cách mạng và hành động cách mạng, một mẫu mực về sự kết hợp biện chứng giữa tính kế thừa và tính đổi mới, tính khoa học và tính cách mạng, tính chiến đấu và tinh thần nhân đạo, tinh thần thực tế và chủ nghĩa lạc quan cách mạng...

Với phương pháp luận duy vật biện chứng, với thái độ dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật, tại Hội nghị Trung ương tháng 4-1985, tại Hội nghị về đẩy nhanh tiến bộ khoa học – kỹ thuật tháng 6-1985, tại Đại hội XXVII của Đảng và trong nhiều bài phát biểu khác, đồng chí Goóc-ba-trốp đã phân tích một cách khoa học những thành tựu đáng tự hào của nhân dân Xô viết, cũng như những vấn đề còn chưa giải quyết, những thiếu sót trong sự phát triển kinh tế xã hội của Liên xô, và trên cơ sở đó đã đề ra và luận chứng một cách khoa học, toàn diện, sâu sắc cho *đường lối đẩy nhanh sự phát triển kinh tế – xã hội của Liên xô*. Đồng

Digitized by Google

chí đã khẳng định: « đẩy nhanh sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước là chìa khóa để giải quyết tất cả các vấn đề của chúng ta: trước mắt và lâu dài, kinh tế và xã hội, chính trị và tư tưởng, đối nội và đối ngoại. Chỉ bằng cách đó mới có thể và phải đạt được trình độ mới về chất của xã hội xô viết » (tr. 369) (*).

Chiến lược đẩy nhanh, theo đồng chí Goóc-ba-trốp, bao hàm tất cả các mặt của đời sống xã hội: kinh tế, khoa học, kỹ thuật, xã hội, đời sống tinh thần, hệ thống chính trị, chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa... Nó sẽ được thực hiện thắng lợi « nếu như toàn bộ hoạt động của chúng ta tập trung vào việc phát triển kinh tế theo chiều sâu và đẩy nhanh tiến bộ khoa học – kỹ thuật, cải tổ công tác quản lý và kế hoạch hóa, chính sách cơ cấu và đầu tư, nâng cao tính tổ chức và kỷ luật ở mọi nơi, cải tiến một cách cơ bản phong cách hoạt động » (tr. 26).

Để thực hiện thắng lợi chiến lược đẩy nhanh đó cần phải *đổi mới*, phải cải tổ về nhiều mặt. Đồng chí Goóc-ba-trốp đã nói: « Chúng ta sẽ không thể tiến lên được một bước nào nếu không học tập làm việc theo cách mới, không khắc phục được thói hủ lậu và bảo thủ với mọi biểu hiện của chúng, nếu mất lòng dũng cảm đánh giá tình hình một cách tỉnh táo, nhìn nhận sự việc đúng như nó đang tồn tại » (tr. 119).

Ở nhiều bài trong cuốn sách này, đặc biệt là trong báo cáo tại Hội nghị về đẩy nhanh tiến bộ khoa học – kỹ thuật tháng 6-1985, tác giả đã phân tích đầy đủ vai trò cũng như phương hướng của *tiến bộ khoa học kỹ thuật*, đã khẳng định đẩy nhanh tiến bộ khoa học – kỹ thuật là đòn bẩy chiến lược chủ yếu trong việc phát triển kinh tế quốc dân theo chiều sâu, sử dụng tốt nhất tiềm lực đã tích lũy được. Phê phán tình trạng chậm chạp về khoa học – kỹ thuật của nhiều ngành, tác giả đã nêu lên yêu cầu « phải có những chuyển biến cách mạng, chuyển sang những hệ thống công nghệ mới về nguyên tắc, sang kỹ thuật thuộc các thế hệ mới nhất mang lại hiệu quả cao nhất. Thực ra vấn đề là trang bị lại toàn bộ các ngành kinh tế quốc dân trên cơ sở những thành tựu hiện đại của khoa học và kỹ thuật » (tr. 28).

Nâng việc *quản lý kinh tế* lên ngang tầm những yêu cầu mới – đó là một nhân tố hết sức quan trọng để tiến hành « đẩy nhanh ». Tác giả đã khẳng định rằng « Không thể nào giải quyết được những nhiệm vụ mới về kinh tế nếu không cải tổ sâu sắc cơ chế kinh doanh, không tạo ra một hệ thống quản lý hoàn chỉnh, có hiệu quả và linh hoạt cho phép sử dụng đầy đủ hơn những khả năng của chủ nghĩa xã hội » (tr. 384 – 385); việc cải tiến quản lý kinh tế phải được tiến hành thường xuyên, phải làm từng bước, nhưng lần này phải « tiến hành một cuộc cải cách căn bản », theo những nguyên tắc cơ bản: phát huy hơn nữa nguyên tắc tập trung trong việc giải quyết những nhiệm vụ chiến lược; mở rộng quyền hạn và tính tự chủ của các xí nghiệp, áp dụng hạch toán kinh tế thật sự, tự hoàn vốn và tự cấp vốn; chuyển sang những phương pháp kinh tế trong việc lãnh đạo ở tất cả các cấp của nền kinh tế quốc dân; làm cho hệ thống quản lý có cơ cấu tổ chức hiện đại, có tính đến xu hướng tích tụ hóa, chuyên môn hóa và hiệp tác hóa; kết hợp tối ưu quản lý kinh tế theo ngành và theo lãnh thổ, dân chủ hóa toàn diện việc quản lý. Tác giả nhấn mạnh « tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá công tác hoàn thiện quản lý cũng như toàn bộ hệ thống quan hệ sản xuất xã hội chủ

(*) Những đoạn trong ngoặc kép không có chú thích (có chỉ số trang) là trích theo cuốn *Những bài nói và viết chọn lọc*, của đồng chí Goóc-ba-trốp do Nxb Sự thật, Hà nội, Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1986 xuất bản.

Digitized by Google

nghĩa phải là sự đẩy nhanh phát triển kinh tế – xã hội, cũng có chủ nghĩa xã hội trên thực tế » (tr. 393).

Khi trình bày vấn đề quản lý kinh tế, đồng chí Goóc-ba-trốp đã đề cập tới nhiều vấn đề có liên quan như tài chính – tín dụng, giá cả, cung ứng vật tư – kỹ thuật, vấn đề sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, vấn đề vận dụng quan hệ hàng hóa – tiền tệ... Đồng chí đặc biệt nhấn mạnh sự cần thiết phải sử dụng đúng đắn quy luật giá trị, điều mà trước đây thường bị xem nhẹ hoặc quan niệm chưa đúng. Đồng chí yêu cầu phải làm cho *giá cả* trở thành công cụ tích cực của chính sách kinh tế và xã hội, phải làm cho giá cả linh hoạt hơn nữa. « Kết hợp mức giá cả không những với chi phí, mà còn với những thuộc tính tiêu dùng của hàng hóa, hiệu quả của sản phẩm và mức độ cân đối giữa sản phẩm sản xuất ra với nhu cầu xã hội và nhu cầu của nhân dân » (tr. 388).

Một chủ đề lớn khác được đề cập ở nhiều bài trong cuốn sách này là *chính sách xã hội và yếu tố con người*. Nâng cao phúc lợi vật chất và tinh thần, cải thiện điều kiện sinh hoạt và lao động của con người, hoàn thiện các quan hệ xã hội, trước hết là quan hệ kinh tế, xác lập sự công bằng xã hội, củng cố liên minh công nhân, nông dân tập thể và trí thức, sự hợp tác anh em của tất cả các bộ tộc và dân tộc, làm phong phú thế giới tinh thần của người Xô viết – tất cả điều đó vừa là mục đích vừa là phương tiện để đẩy nhanh sự phát triển kinh tế – xã hội. Tác giả đã nói rằng: « việc thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc công bằng xã hội là điều kiện quan trọng bảo đảm cho sự thống nhất của nhân dân, cho sự vững bền chính trị của xã hội, cho tính năng động của sự phát triển » (tr. 400). Xuất phát từ quan điểm đó, Đảng cộng sản Liên xô đang áp dụng các biện pháp cụ thể, có hiệu quả nhằm xóa bỏ chủ nghĩa bình quân trong phân phối, chống lại những sự thu nhập không bằng lao động, bảo đảm cho đời sống của mọi người và mọi tập thể phụ thuộc trực tiếp vào kết quả lao động của họ, kiên quyết chống lại các hiện tượng tiêu cực, xa lạ với lối sống xã hội chủ nghĩa.

Vấn đề *xây dựng đảng* được đồng chí Goóc-ba-trốp đề cập tới trong nhiều bài nói và bài viết của mình, đặc biệt là trong các báo cáo tại các hội nghị Trung ương và tại Đại hội XXVII của ĐCS Liên Xô. Giai đoạn cách mạng mới đề ra cho Đảng những yêu cầu hết sức cao cả về mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, đòi hỏi Đảng phải « nhạy cảm với thời cuộc, với nhịp đập của cuộc sống, luôn luôn hoạt động trong dòng dảo quần chúng » (tr. 115) « phải sống trong bầu không khí tìm tòi, đổi mới hình thức và phương pháp hoạt động của mình » (tr. 447).

Đồng chí Goóc-ba-trốp đã nêu lên những yêu cầu đối với phong cách hoạt động của đảng viên cộng sản trong điều kiện hiện nay: đó là tính cụ thể, tính thiết thực, tính chủ động và tinh thần trách nhiệm, sự đòi hỏi cao đối với bản thân và đối với người khác, sự thống nhất giữa lời nói và việc làm, sự lựa chọn những phương pháp và phương tiện có hiệu quả nhất, sự tính toán một cách chu đáo đến ý kiến của mọi người. Đồng chí viết: « Hãy nói ít hơn, bớt những lời cam đoan và hứa hẹn, làm nhiều việc thực tế hơn, đạt được nhiều kết quả thực tiễn hơn, có tinh thần trách nhiệm và tính nguyên tắc cao hơn, hiệp đồng chặt chẽ hơn trong công tác, chú ý đến mọi người hơn, có cả tính khiêm tốn hơn, – đó là thước đo chủ yếu để đánh giá tất cả cán bộ, đánh giá tính tư tưởng và sự hiểu biết của họ, đó là thực chất những yêu cầu của Đảng đối với tác phong và phương pháp công tác » (tr. 73–74).

Digitized by Google

Trong nhiều bài nói và bài viết của mình, đồng chí Goóc-ba-trốp đã luận chứng hết sức sâu sắc về tầm quan trọng của vấn đề phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, củng cố chế độ tự quản xã hội chủ nghĩa của nhân dân, coi đó là một động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Đồng chí nói: « *nếu không có sự phát triển hơn nữa nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, tất cả các mặt và các biểu hiện của nó, thì không thể nào đẩy nhanh được sự phát triển của xã hội* » (tr. 114 — 115). Trong khi nhấn mạnh Đảng là lực lượng chủ đạo, là bảo đảm chủ yếu cho sự phát triển chế độ tự quản xã hội chủ nghĩa, đồng chí cũng phân tích sự cần thiết phải thu hút nhân dân thực sự tham gia vào việc quản lý xã hội. Bởi vì « chỉ có dựa vào sự sáng tạo sinh động của nhân dân, vào trí tuệ, tài năng và lao động của nhân dân thì mới có thể giải quyết được những nhiệm vụ phức tạp và có quy mô lớn trong giai đoạn hiện nay » (tr. 36).

Các bài nói và bài viết của đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp in trong cuốn sách này còn đề cập tới một mặt khác trong hoạt động của Đảng cộng sản và Nhà nước Liên xô — đó là đường lối đối ngoại.

Trong nhiều bài phát biểu, trả lời phỏng vấn, và đặc biệt là trong Báo cáo chính trị tại Đại hội XXVII của Đảng, đồng chí Goóc-ba-trốp đã phân tích một cách khoa học thực trạng của thế giới ngày nay, nêu bật những mâu thuẫn cơ bản của thời đại, nhận định về sự phát triển mạnh mẽ của các lực lượng cách mạng — cộng đồng xã hội chủ nghĩa, phong trào công nhân các nước tư bản, phong trào giải phóng dân tộc và phong trào hòa bình, dân chủ trên thế giới; và phân tích sâu sắc những biểu hiện mới của tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản và chính sách hiếu chiến, phản động của các thế lực đế quốc.

Trên cơ sở phân tích sâu sắc các quan hệ quốc tế phức tạp đó, đồng chí khẳng định phải có tư duy mới về vấn đề chiến tranh và hòa bình. Đồng chí nói « hiện nay không thể nào giành được phần thắng trong cuộc chạy đua vũ trang cũng như trong cuộc chiến tranh hạt nhân » (tr. 429). Xuất phát từ đó đồng chí cho rằng « *cuộc đấu tranh chống nguy cơ hạt nhân, chống chạy đua vũ trang, đấu tranh gìn giữ và củng cố hòa bình trên toàn thế giới* vẫn sẽ là phương hướng hoạt động chủ yếu của Đảng trên trường quốc tế » (tr. 127).

Thực hiện đường lối đối ngoại ấy, trong hơn năm qua đồng chí Goóc-ba-trốp, thay mặt Đảng cộng sản và Nhà nước Liên xô đã đưa ra một loạt sáng kiến hòa bình và đã kiên trì đấu tranh nhằm biến các sáng kiến đó thành hiện thực. Các sáng kiến hòa bình của Liên xô đã được phản ánh một cách có hệ thống trong cuốn sách này, đặc biệt là trong các bài phát biểu của đồng chí nhân đi thăm Pháp tháng 10-1985, cuộc họp báo tại Giơ-ne-vơ sau khi gặp Tổng thống Mỹ tháng 11-1985, tuyên bố ngày 15-1-1986 về việc hủy bỏ toàn bộ vũ khí hạt nhân trước năm 2000, tuyên bố về hệ thống an ninh quốc tế tổng quát tại Đại hội XXVII của Đảng, v.v.

Những sáng kiến hòa bình đó thể hiện rõ tinh thần trách nhiệm rất cao của Liên xô trước vận mệnh của loài người, là bằng chứng hùng hồn về tính chất nhân đạo của chủ nghĩa xã hội, về thiện chí cao cả của Liên xô.

Trong khi nêu cao các thiện chí hòa bình của Liên xô, đồng chí Goóc-ba-trốp đã nhiều lần — đặc biệt là trong những cuộc trả lời phỏng vấn của giới báo chí — phân tích, phê phán một cách sắc bén những luận điểm và thái độ ngoan cố, thiếu xây dựng của các giới đế quốc hiếu chiến, trước hết là Mỹ. Tại Đại hội XXVII của Đảng, đồng chí Goóc-ba-trốp đã long trọng

Digitized by Google

tuyên bố *« Liên xô không có tham vọng hưởng nền an ninh hơn người khác, mà cũng sẽ không đồng ý với nền an ninh kém người khác »* (tr. 432). Trước thách thức của chương trình « chiến tranh các vì sao » của Mỹ, đồng chí đã khẳng định : « cả ở đây người ta cũng đừng hy vọng đe dọa chúng ta hoặc đẩy chúng ta vào những chi phí không cần thiết. Nếu như cần thì chúng ta sẽ nhanh chóng tìm ra cách đáp lại, hơn nữa nó sẽ không phải là cách đáp lại mà người ta dự đoán ở Mỹ. Nhưng đó sẽ là cách đáp lại làm cho chương trình « chiến tranh các vì sao » mất giá trị » (tr. 586).

Ngoài những sáng kiến hòa bình nói trên, trong cuốn sách này đồng chí Goóc-ba-trốp còn trình bày rõ chính sách của Liên xô đối với các nước, các dân tộc trên thế giới. Đó là chính sách củng cố quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em ; chính sách đoàn kết với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế ; chính sách ủng hộ quyền của tất cả các dân tộc được tự mình quyết định con đường đi của mình, không có sự can thiệp từ bên ngoài ; chính sách phát triển các quan hệ bình đẳng, cùng có lợi và cùng tồn tại hòa bình với các nước tư bản chủ nghĩa...

Được in trên những trang đầu của cuốn sách, bốn bài phát biểu của đồng chí Goóc-ba-trốp tại Việt nam trong dịp đồng chí tham dự Đại hội V của Đảng ta chắc chắn sẽ làm cho bạn đọc Việt nam rất vui mừng và cảm động. Trong những bài đó, đồng chí đã đánh giá cao sự cống hiến của Đảng cộng sản và nhân dân Việt nam, khẳng định tình đoàn kết và sự ủng hộ mạnh mẽ của Đảng cộng sản và nhân dân Liên xô đối với sự nghiệp bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt nam. Đồng chí đã khẳng định : « đường lối củng cố tình hữu nghị và sự hợp tác Xô — Việt là đường lối có tính nguyên tắc của Đảng và của đất nước chúng tôi » (tr. 142).

Cuốn sách này còn trình bày nhiều vấn đề quan trọng khác cả về đối nội và đối ngoại, nhưng trong khuôn khổ một bài báo, chúng tôi chỉ nêu một số ý lớn mà chúng tôi lĩnh hội được qua việc nghiên cứu bước đầu cuốn sách quan trọng này.

Cuốn sách này chẳng những nổi bật về cách phân tích sâu sắc và toàn diện, thấm nhuần tính đảng và tính nguyên tắc, tính chiến đấu và tính phê phán, mà còn thể hiện tinh thần lạc quan, tràn đầy niềm tin vào thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, vào tương lai tươi sáng của toàn thể loài người.

Những vấn đề cơ bản trong đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Liên xô, những kinh nghiệm cách mạng quý báu của Liên xô được đồng chí Goóc-ba-trốp trình bày trong cuốn sách này hết sức bổ ích đối với chúng ta, không những giúp chúng ta hiểu rõ hơn về Đảng cộng sản và nhân dân Liên xô, về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp cách mạng ở Liên xô, mà còn cung cấp cho chúng ta những nhận thức mới để chúng ta suy nghĩ về những vấn đề của cách mạng nước ta, phát huy tính sáng tạo của chúng ta trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng.

Digitized by Google

ĐẶNG THỊ HIẾU LÁ

PHƯƠNG PHÁP LUẬN HÌNH THÀNH GIÁ CẢ Ở CÁC NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

MỘT trong những nguyên nhân chủ yếu khiến cho mỗi cuộc cải cách kinh tế giành thắng lợi hay bị thất bại là ở chỗ giải quyết được tốt hay không vấn đề giá cả. Việc hoàn thiện phương pháp luận hình thành giá cả, để cho giá cả thực sự có tác động tích cực đến các quá trình kinh tế và tạo điều kiện cho nền kinh tế quốc dân phát triển, đang là nhu cầu bức thiết của mỗi nước.

1 — Cơ chế định giá

Ở hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa đã và đang xóa bỏ cơ chế định giá theo kiểu tập trung quan liêu, chuyển sang cơ chế định giá theo kiểu tập trung dân chủ, tăng cường tính mềm dẻo của giá cả. Tại Đại hội thứ 27 của Đảng cộng sản Liên xô, đồng chí Tổng bí thư M.X. Goóc-ba-trốp đã nói: «Phải làm sao để *giá cả* trở thành một công cụ tích cực của chính sách kinh tế và xã hội... Phải làm cho các giá cả linh hoạt hơn nữa, kết hợp mức giá cả không những với chi phí, mà còn với những thuộc tính sử dụng của hàng hóa, hiệu quả sử dụng sản phẩm và mức độ đáp ứng của nó với nhu cầu xã hội, yêu cầu của nhân dân...».

Quan niệm về độc quyền giá cả, đưa các cơ sở sản xuất vào vị trí những người nhận giá, tức là theo kiểu hành chính được áp đặt từ trên xuống bởi các cơ quan kế hoạch trung ương, đang bị phủ định. Việc tôn trọng và bảo vệ quyền tự chủ của các cơ sở kinh tế, phân quyền quyết định giá cả, chuyển các quyết định về giá cả sang cho những động lực của thị trường (1), đang là xu thế tất yếu của thời đại.

Ở một số nước xã hội chủ nghĩa như Hung-ga-ri, Bun-ga-ri, Ba lan, *đang có những quan điểm cho rằng:* mức chi phí và giá cả không phải được hình thành trên cơ sở của kế hoạch sản xuất, mà ngược lại, kế hoạch sản xuất được xác định bởi mức độ cân bằng giữa nhu cầu có khả năng thanh toán và khả năng «cung» của sản xuất. Cơ quan kế hoạch trung ương không có khả năng tạo ra những giá cả hợp lý, bởi vì, có những khó khăn không thể vượt nổi, đó là hàng rào về thông tin kinh tế; các mô hình tính về giá cả được thực hiện trong các quá trình kinh tế chỉ quan sát được một phần những hoạt động kinh tế, còn hoạt động kinh tế thì rất phong phú và đa dạng.

Xu hướng ngày càng tăng lên của giá cả là điều không thể tránh khỏi; và sự tăng lên của giá cả lại hoàn toàn không mâu thuẫn với những lợi ích kinh tế của nền kinh tế quốc dân. Giá trị, giá cả và «cung — cầu» có mối quan hệ ràng buộc, cùng vận

(1) Thị trường nói ở đây là một thị trường xã hội thống nhất.

Digitized by Google

động, tác động lẫn nhau, do đó khi «cung – cầu» thay đổi thì giá cả cần phải được thay đổi theo. Giá cả là nhân tố chủ yếu để cân đối thị trường, điều tiết «cung» và «cầu», làm cho «cung», «cầu» ăn khớp với nhau về số lượng cũng như về cơ cấu; giá cả còn có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phân phối thu nhập giữa các nhóm xã hội, thay đổi cơ cấu kinh tế trong nền kinh tế quốc dân..

Nhìn chung, những quan niệm về giá cả cũng như lý luận về kinh tế, vào khoảng thời gian từ cuối những năm 60, nhất là từ năm 1980 lại đây đã thể hiện sự đổi mới thực sự về tư duy; khoa học kinh tế không chỉ dừng lại ở chỗ miêu tả, phân tích, giảng giải và chứng minh lý luận kinh điển, mà tiến tới phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Nó đã thừa nhận vai trò, tác dụng của kinh tế cá thể, và không chỉ thừa nhận mà còn khuyến khích phát triển sản xuất và sử dụng các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ. Từ chỗ coi nhẹ quan hệ thị trường, phủ nhận vai trò điều tiết của quy luật giá trị, quy luật cung – cầu dưới chủ nghĩa xã hội, đến chỗ coi trọng và thừa nhận chúng; từ chỗ coi việc điều hành nền kinh tế quốc dân bằng kế hoạch hóa tập trung cao là ưu việt nhất đến chỗ đồng thời mở rộng quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh cho tất cả các xí nghiệp cơ sở... Sự đổi mới tư duy kinh tế như vậy thể hiện sự tiến bộ về trí tuệ của loài người; nó cũng đồng thời là thành quả tất nhiên, được khái quát lên từ thực tiễn sinh động của những hoạt động kinh tế cụ thể. Thực tiễn đã chứng minh rằng: tình trạng giá cả của mọi sản phẩm hàng hóa đều phải thông qua sự nghiên cứu, xem xét, phê chuẩn của nhà nước đã kìm hãm sự phát triển theo bề rộng và chiều sâu của sản xuất hàng hóa; cơ chế nhà nước độc quyền quy định giá cả, nhà nước thực hiện chế độ tài chính «thu đủ, chi đủ», lãi nhà nước thu, lỗ nhà nước chịu... đã làm cho người lao động không cảm nhận được tư liệu sản xuất mà họ sử dụng là của bản thân họ, nên họ không quan tâm tiết kiệm, bảo vệ và phát triển nó; bao nhiêu nguyên liệu, vật liệu... cần cho một đơn vị hàng hóa, họ không để ý; họ sản xuất chỉ vì kế hoạch phải hoàn thành, hoàn toàn không phải do nhu cầu của thị trường đang đặt ra...

Qua quá trình vận động và phát triển tư duy, các nhà kinh tế học của hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa đều phải thừa nhận rằng: *phương thức quy định giá tập trung không cho phép đưa ra được một cơ chế giá cả hợp lý, tức cơ chế giá cả được hình thành trên cơ sở của sự phân tích khoa học mối quan hệ nhân quả giữa chi phí sản xuất và lợi nhuận trên tầm vĩ mô.* Giải pháp duy nhất có thể thay thế, đó là thu hẹp phạm vi can thiệp của các cơ quan trung ương vào việc hình thành giá cả, mở rộng việc phân quyền quyết định giá cả. Ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa hiện nay, nhà nước chỉ quy định mức giá cụ thể đối với những vật tư quan trọng bậc nhất và một số hàng lương thực, thực phẩm liên quan trực tiếp tới đời sống hằng ngày của dân. Đối với những vật tư quan trọng khác, nhưng không phải là quan trọng bậc nhất thì nhà nước chỉ quy định khung giá, hoặc giới hạn tối đa, còn mức giá cụ thể bao nhiêu là do các xí nghiệp tự quy định. Khoảng giao động của khung giá khá rộng. Đại bộ phận hàng tiêu dùng và dịch vụ đều do các xí nghiệp và liên hiệp xí nghiệp toàn quyền quy định giá cả. Nhưng việc toàn quyền quy định giá cả phải tuân thủ hai điều kiện cơ bản sau: *thứ nhất*, các xí nghiệp tự hoàn lại vốn và tự chủ về tài chính; *thứ hai*, lợi nhuận bao hàm trong giá không vượt quá tỷ lệ lợi nhuận tối đa mà nhà nước đã quy định cho các ngành, các nhóm hàng. Điều này, theo chúng tôi có ý nghĩa

Digitized by Google

cực kỳ quan trọng, nó kìm hãm tốc độ phá vỡ mặt bằng giá cả đã được hình thành trên thị trường. Để hướng dẫn các xí nghiệp, nhà nước đã định ra các nguyên tắc, công thức hình thành giá cả và các thông số kích thích kinh tế. Việc chuyển quyền quyết định về giá cả sang cho những động lực của thị trường theo cách trên đây hoàn toàn khác việc nâng giá một cách tùy tiện, chạy theo sự biến động của giá cả trên thị trường tự do.

Nói chung, ở các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay có hai loại giá chủ yếu: *loại thứ nhất*, do Nhà nước quy định; *loại thứ hai*, do các xí nghiệp kinh doanh và người tiêu dùng quy định. Loại thứ nhất bao gồm mức giá cụ thể của một số loại hàng quan trọng và khung giá như đã trình bày ở trên; Loại thứ hai được xây dựng trên cơ sở của nguyên tắc trao đổi ngang giá, thỏa thuận giữa đôi bên. Nó bao gồm giá hợp đồng và giá tự do. Giá hợp đồng là giá được thỏa thuận ghi trong hợp đồng ký kết giữa bên mua và bên bán, có hiệu lực trong thời gian hợp đồng; giá tự do cũng là một loại giá thỏa thuận giữa bên mua và bên bán, nhưng không cần phải ghi trong hợp đồng, rất linh hoạt, động.

Ở Liên xô hiện nay, dưới ánh sáng nghị quyết Đại hội thứ 27 của ĐCS, cũng đang diễn ra cuộc cải tổ có kế hoạch hệ thống giá cả. Đảng và Nhà nước Liên xô « *dự định sử dụng rộng rãi hơn các giá cả có giới hạn và giá cả hợp đồng* » (2).

Cũng như các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, Liên xô coi trọng vai trò điều tiết của giá cả trong các quá trình kinh tế. Hiện nay, trong khi chưa có một cơ chế giá mới hoàn chỉnh, Nhà nước Liên xô cũng bắt đầu triển khai rộng rãi việc giao quyền quyết định giá cả đối với một số loại hàng hóa cho các nước cộng hòa, các tỉnh, xí nghiệp và liên hiệp xí nghiệp... Đồng thời sử dụng rộng rãi hai nhân tố: phụ giá khuyến khích và phạt giá.

Phụ giá khuyến khích, được áp dụng đối với những vật tư kỹ thuật có mức độ tin cậy và hiệu quả sử dụng cao, kể cả một số nông sản chủ yếu và nông sản bán vượt mức kế hoạch. Trong các năm từ 1986 đến 1990, đối với phần ngũ cốc vượt mức trung bình hằng năm của kế hoạch 5 năm thứ XI, mức phụ giá được ấn định là 100% thay cho 50% trước đây. Đồng thời, các nông trường quốc doanh, nông trang tập thể và cả xí nghiệp nông nghiệp bán vượt mức kế hoạch còn được Nhà nước xô viết bán đối lưu cho ô tô, máy kéo, một số máy móc nông nghiệp và một số hàng cần thiết khác (nước mật, thức ăn gia súc...).

Phạt giá (chiết giá) đối với những sản phẩm cần phải loại khỏi sản xuất. Xí nghiệp nào sản xuất những máy móc, thiết bị mà hiệu quả sử dụng không cao, không theo kịp sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật thì phải chịu sự giảm giá bán buôn. Sự giảm giá bán buôn được xét theo thời điểm kể từ lúc kiểm định chất lượng. Mức giảm giá từ 5 đến 15% trong ba năm đầu; hai năm tiếp theo, nếu còn được cơ quan cấp trên cho phép sản xuất thì mức giảm giá là 30%; xí nghiệp phải tự bù lỗ 70% của khoản giảm giá này. Các khoản giảm giá cũng phải lấy từ quỹ khuyến khích vật chất của xí nghiệp, Nhà nước không chịu trách nhiệm.

II — Quan hệ giữa giá cả và giá trị.

Giá trị là hàm số của lao động xã hội tất yếu và mỗi hàng hóa cần thiết phải được trao đổi theo giá trị của nó. Giá trị lại được phân thành chi phí sản xuất và lợi nhuận. Thực tiễn phát triển kinh tế của tất cả các nước xã hội chủ nghĩa đã chứng tỏ rằng,

(2) Báo cáo chính trị của BCHTU ĐCS Liên xô tại Đại hội lần thứ 27.

Digitized by Google

chi phí sản xuất để sản xuất hàng hóa ngày càng có xu hướng tăng lên. Như chúng ta đã biết, nền kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay đã phát triển tới một quy mô lớn hơn trước nhiều lần và đạt được một trình độ kỹ thuật cao. Song chính bản thân các nước xã hội chủ nghĩa cũng phải thừa nhận rằng, nhịp độ tăng trưởng kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa, trên một phương diện nhất định, còn chậm hơn so với các nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Các nước xã hội chủ nghĩa ngày càng mở rộng phạm vi mua—bán với tất cả các nước trên thế giới.

Giá trị của lao động vật hóa trong hàng hóa của mỗi nước không chỉ bao hàm chi phí vật tư, nguyên liệu, năng lượng... nội địa, mà còn bao hàm cả chi phí vật tư, nguyên liệu, năng lượng... nhập khẩu. Trong khi đó các loại vật tư, nguyên liệu, năng lượng trên thị trường thế giới, trước hết là thị trường tư bản chủ nghĩa luôn luôn biến động theo khuynh hướng ngày càng tăng.

Để cho giá cả thực sự xoay quanh trục giá trị của nó, các nước xã hội chủ nghĩa đã coi giá vật tư, nguyên liệu, năng lượng trên thị trường thế giới là một trong những căn cứ hình thành giá cả hàng hóa. Tuy nhiên, mô hình xử lý ở mỗi nước có khác nhau.

Ở Hung-ga-ri, giá vật tư, nguyên liệu, năng lượng trên thị trường thế giới, trước hết là thị trường tư bản chủ nghĩa được coi là căn cứ chủ yếu nhất để quy định giá cả hàng nội địa. Giá nhập vật tư, nguyên liệu, năng lượng được đưa đến tận các xí nghiệp cơ sở; còn giá hàng xuất khẩu thì được hình thành theo khả năng tiêu thụ những hàng hóa đó trên thị trường nước ngoài.

Ở Bun-ga-ri, giá nhập vật tư, nguyên liệu, năng lượng được coi là căn cứ chủ yếu nhất để quy định giá hàng xuất khẩu, nhưng không được coi là căn cứ để quy định giá hàng nội địa. Căn cứ chủ yếu để quy định giá hàng nội địa là chi phí sản xuất thực tế trong nước.

Ở Bun-ga-ri giá thị trường thế giới được đưa đến các liên hiệp xí nghiệp, nhưng không được đưa đến các xí nghiệp cơ sở.

Ở Ba lan, Tiệp khắc, Cộng hòa dân chủ Đức, khi quy định giá hàng xuất, nhập khẩu đều có tính đến giá thị trường thế giới, nhưng không coi giá thị trường thế giới là căn cứ chủ yếu, khi giá thị trường thế giới thay đổi thì không đưa ngay xuống xí nghiệp, mà chỉ điều chỉnh dần từng bước. Ở Cu-ba cũng đang bắt đầu thực hiện mô hình này.

Ở Liên xô giá hàng nhập khẩu và xuất khẩu không đưa đến các liên hiệp xí nghiệp và xí nghiệp, mà chỉ dừng lại ở Bộ ngoại thương, do Nhà nước xử lý.

Như vậy là mỗi liên hiệp, mỗi xí nghiệp sản xuất hàng hóa của nền sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa đã và đang trở thành một mắt xích trong dây chuyền sản xuất hàng hóa của cả thế giới. Cơ cấu giá cả hàng hóa của mỗi nước chịu sự chi phối trực tiếp của giá cả hàng hóa trên thị trường thế giới. Hệ thống giá cả phải bảo đảm sự cân đối giữa giá cả của hàng hóa sản xuất trong nước với giá cả của hàng hóa lưu thông trên thị trường thế giới, đó mới chỉ là một mặt; mặt khác hệ thống giá cả hợp lý còn phải bảo đảm cả mối quan hệ hữu cơ giữa *giá cả sản xuất với giá cả tiêu dùng*. Chỉ có bằng cách này, giá cả mới thực sự là «đòn xeo» góp phần tạo nên thế cân bằng về kinh tế cho mỗi nước.

Xu hướng chung của nhiều nước xã hội chủ nghĩa hiện nay là đưa giá cả hàng tiêu dùng xích gần với giá cả sản xuất, tức là xích gần với giá trị

Digitized by Google

của nó; nói một cách khác là quy định giá hàng tiêu dùng sát với những điều kiện sản xuất ra nó.

Trước đây, ở hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa, đã từng tồn tại chính sách trợ cấp giá cho giá hàng tiêu dùng, tách giá hàng tiêu dùng khỏi giá cả sản xuất, thí dụ: trong khoảng 10 năm (1969 — 1979), nhà nước Hung-ga-ri đã trợ cấp cho giá hàng tiêu dùng gần 50 tỷ phô-rinh (những năm đó Hung-ga-ri chỉ có khoảng 10,2 triệu dân). Nhưng trong quá trình điều hành nền kinh tế, người ta đã nhận thấy rằng, sự thấp giả tạo của giá hàng tiêu dùng đã bộc lộ nhiều khuyết điểm. Nó không khuyến khích các xí nghiệp sản xuất vượt kế hoạch những hàng hóa tiêu dùng cần thiết cho xã hội, thậm chí có khi còn làm cho những hàng tiêu dùng cần thiết biến mất khỏi thị trường; những hàng hóa có chất lượng tốt, được nhân dân yêu chuộng xuất hiện chậm trong các cửa hàng nhà nước và với khối lượng không đáp ứng được nhu cầu. Nó còn gây lãng phí trong tiêu dùng của dân chúng, vi phạm nguyên tắc trao đổi ngang giá, và trên một mức độ nhất định; vi phạm quy luật phân phối theo lao động... Do đó, từ năm 1980 đến nay, tất cả các nước đã dần dần cắt bỏ những khoản trợ giá cho giá hàng tiêu dùng, đưa giá hàng tiêu dùng xích gần với giá trị của nó, bảo đảm sự vận động tương đối đồng bộ giữa giá cả hàng tiêu dùng và giá cả sản xuất. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế cụ thể ở mỗi nước, người ta còn giữ lại chế độ trợ cấp giá cho một số hàng tiêu dùng thiết yếu, liên quan trực tiếp tới cuộc sống hằng ngày của nhân dân như lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, đồ dùng cho trẻ em...

Một điều đáng lưu ý: Ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa hiện nay đang diễn ra sự gia tăng giá hàng tiêu dùng. Nhưng sự tăng giá hàng tiêu dùng đó hoàn toàn không gây tác động xấu tới đời sống của nhân dân; bởi vì, việc tăng giá hàng tiêu dùng được tiến hành theo phương châm:

— Không được phép tăng đột biến;

— Mức tăng phải tương ứng với mức tăng của giá cả sản xuất và giá thu mua nông sản;

— Mức tăng giá phải chậm hơn mức tăng lương của cán bộ, công nhân, viên chức. Chẳng hạn ở Hung-ga-ri, khi giá hàng tiêu dùng tăng thêm từ 5 đến 9%, thì tiền lương danh nghĩa và thu nhập danh nghĩa bổ sung của cán bộ, công nhân viên chức tăng thêm từ 7,5 đến 10%. Đồng thời, Nhà nước Hung-ga-ri vẫn trợ giá cho thực phẩm. Việc tăng giá hàng tiêu dùng phải góp phần tạo nên sự cân đối cho nền kinh tế quốc dân.

III — Quan hệ giữa giá cả và giá trị sử dụng.

Giá trị và giá trị sử dụng tồn tại thống nhất trong một hàng hóa. Do đó, giá cả của hàng hóa không chỉ có quan hệ với giá trị, mà còn có quan hệ cả với giá trị sử dụng.

Sự thực, phạm trù giá trị sử dụng được coi là một trong những căn cứ để quy định giá cả của hàng hóa, điều đó không được đặt ra ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa, mà chỉ được đặt ra ở các nước xã hội chủ nghĩa có nền kinh tế phát triển.

Ở một vài nước xã hội chủ nghĩa, chẳng hạn như ở nước ta, sản xuất hàng hóa chưa phát triển, quan hệ giữa cung và cầu luôn ở trong tình trạng mất cân đối nghiêm trọng. Do đó đã nảy sinh tình trạng người sản xuất có toàn quyền áp đặt giá cả, đòi hỏi xã hội phải bù đắp cả những chi phí sản xuất không hợp lý. Trong điều kiện này, rõ ràng là thiếu sự bình đẳng giữa người sản xuất và người tiêu dùng trong việc giao dịch để thỏa thuận giá, người sản xuất luôn luôn ở địa vị ưu thắng, còn người tiêu dùng phải chấp nhận mọi chi phí.

Digitized by Google

Ở Liên xô và ở hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, người ta đã coi giá trị sử dụng là một trong những căn cứ để xem xét khi quy định giá cả. Điều này có căn cứ lý luận và căn cứ thực tiễn. Về mặt lý luận, quá trình tái sản xuất xã hội bao gồm : sản xuất – phân phối – trao đổi – tiêu dùng. Các xí nghiệp sẽ không thể tiếp tục được quá trình tái sản xuất của mình, nếu một trong bốn khâu đó không được thực hiện. Đồng thời, trong mối quan hệ chế ước và ảnh hưởng lẫn nhau giữa sản xuất và tiêu dùng, thì sản xuất quyết định tiêu dùng, nhưng chính tiêu dùng lại đóng vai trò quan trọng đối với sản xuất, và trên một mức độ nhất định, ở từng nơi, từng lúc, tiêu dùng đóng vai trò quyết định đối với sản xuất. Trong trường hợp này, hao phí lao động xã hội tất yếu không phải là kết quả của chi phí theo điều kiện sản xuất sản phẩm, nó là một phạm trù của tái sản xuất xã hội, trực tiếp phụ thuộc vào các quá trình của tái sản xuất xã hội, trước hết là lĩnh vực tiêu dùng. Người tiêu dùng sẽ đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành giá cả. Trên thực tiễn, không cần phải là nhà nghiên cứu, ai cũng thấy được, người tiêu dùng chỉ trả giá như nhau đối với những hàng hóa có chất lượng như nhau.

Nguyên tắc trên được Đảng và Nhà nước Liên xô áp dụng rộng rãi khi quy định giá thu mua nông sản, để khuyến khích các nông trường quốc doanh, nông trang tập thể sản xuất nhiều nông sản có chất lượng cao. Mức phụ giá đối với lúa mì cứng giao động từ 20% đến 100% giá thu mua cơ bản.

Nhìn chung, ngày nay hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa đều thừa nhận vai trò điều tiết của quy luật giá trị dưới chủ nghĩa xã hội. Đông đảo các nhà kinh tế học xã hội chủ nghĩa cho rằng, hoạt động của quy luật giá trị trong chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản có sự cách nhau không xa. Quy luật giá trị là quy luật vận động của giá cả. Giá cả không chỉ phản ánh chi phí thường xuyên, mà còn phản ánh cả chi phí đầu tư cơ bản, phản ánh sâu đậm mối quan hệ giữa cung và cầu...Giá trị thông qua quan hệ giữa cung và cầu để biểu hiện thành giá cả trên thị trường. Đó cũng chính là hình thức biểu hiện vẻ đẹp của sự hoạt động của quy luật giá trị.

MẤY Ý KIẾN VỀ...

(Tiếp theo trang 69)

doanh, giá cho thuê phải tính đủ 4 yếu tố: quản lý, sửa chữa, khấu hao và một phần lãi.

– *Về quản lý kỹ thuật* : Đưa công tác xây dựng, sửa chữa, cải tạo nhà ở đô thị vào quy trình, quy phạm kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng công trình, sửa chữa đúng thời hạn, ngăn chặn nhà cửa xuống cấp nhanh chóng. Từng bước đưa nhanh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và việc thực hiện quản lý thống nhất theo ngành vào công tác quản lý nhà ở đô thị.

Trên đây là một số suy nghĩ của chúng tôi nhằm đóng góp vào việc giải quyết nhà ở cho nhân dân đô thị nói riêng và cho nhân dân nói chung – một vấn đề quan trọng trong chính sách xã hội, trong chiến lược con người mà Nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng đã đề ra.

Digitized by Google

Qua sách, báo các nước anh em

LÝ LUẬN KINH TẾ VÀ THỰC TIỄN CẢI TỔ *

Sau Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô, Hội nghị toàn thể tháng giêng (1987) của UBTƯ ĐCS Liên xô một lần nữa nhấn mạnh: không có sự phát triển lý luận kinh tế sâu sắc thì không thể thực hiện cải tổ kinh tế, thực hiện cải cách triệt để cơ chế quản lý kinh tế. Theo tinhthần đó, Ban biên tập tạp chí *Người cộng sản* đã mời một số nhà khoa học và kinh tế học Liên xô phát biểu những suy nghĩ của mình về *hiện trạng và triển vọng phát triển của khoa học kinh tế.*

Sau đây là 7 câu hỏi liên quan mà Ban biên tập tạp chí đã đặt ra, đề nghị các nhà khoa học và kinh tế học trả lời.

1 — Khoa học kinh tế đã sẵn sàng tới mức độ nào trả lời các câu hỏi do Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô đặt ra hết sức gay gắt.

2 — Trong những phương hướng phát triển lý luận kinh tế do Đại hội xác định, đồng chí cho những phương hướng cụ thể nào là được nghiên cứu ít hơn cả mà lại là cấp thiết nhất, cần có sự tập trung nỗ lực của các nhà khoa học và kinh tế học?

3 — Hiện nay vấn đề cải tổ có tính chất cách mạng trong hệ thống các quan hệ xã hội đang được đặt ra. Đâu là bản chất những thay đổi mang tính cách mạng trong hệ thống quan hệ sản xuất? Trên ý nghĩa nào có thể nói rằng những thay đổi này không chỉ bó hẹp ở sự cải tổ triệt để cơ chế quản lý kinh tế mà còn đụng đến những cơ cấu gốc rễ của đời sống kinh tế của chúng ta?

4 — Cần phải đóng vai trò như thế nào trong việc thực hiện những thay đổi có tính chất cách mạng trong nền kinh tế, vấn đề hoàn thiện việc sử dụng các nhóm quan hệ sản xuất khác nhau, đặc biệt là hoàn thiện việc sử dụng quan hệ sở hữu, quy luật phát triển có kế hoạch và quy luật kinh tế cơ bản, quan hệ phân phối theo lao động, quan hệ hàng hóa — tiền tệ và quy luật giá trị, sự hợp tác, hoạt động lao động cá thể?

5 — Đâu là thực chất luận điểm vận dụng sáng tạo tư tưởng Lê-nin về thuế lương thực trong cuộc cải tổ hiện nay? Những yếu tố nào trong quan niệm của Lê-nin về chính sách kinh tế mới trong những năm 20, hiện nay vẫn mang tính thời sự?

6 — Hạch toán kinh tế xã hội chủ nghĩa đầy đủ khác với hạch toán kinh tế xã hội chủ nghĩa không đầy đủ,— điều đó có nghĩa như thế nào xét theo quan điểm lý luận kinh tế — chính trị? Đâu là thực chất của việc

(*) Tạp chí *Người cộng sản* (Liên xô), số 5, 1987, tr. 30 — 39.

Digitized by Google

kết hợp chuyển tất cả các khâu của nền kinh tế sang hạch toán kinh tế đầy đủ với các nguyên tắc kế hoạch hóa và quản lý tập trung?

7 — Đâu là nội dung mới của khái niệm công bằng xã hội, xuất hiện trong quá trình cải tổ triệt để toàn bộ đời sống kinh tế của chúng ta? Đâu là quan điểm lý luận mới về các nguyên tắc công bằng xã hội, như "làm theo năng lực, hưởng theo lao động", tính phổ cập của lao động, sự tham gia chung của những người lao động vào công việc quản lý ở tất cả các cấp của nó? Liệu việc quy định những giới hạn nào đó, trong sự phân hóa về kinh tế của các thành viên trong xã hội, của các tập đoàn xã hội, của các tổ chức địa phương và dân tộc, có đòi hỏi phải có quan điểm mới đó không?

Dưới đây là ý kiến của viện trưởng Viện kinh tế Viện hàn lâm khoa học Liên xô, viện sĩ thông tấn VHLKH Liên xô *L. I. A-ban-kin* và viện trưởng Viện kinh tế và dự báo tiến bộ khoa học — kỹ thuật Viện hàn lâm khoa học Liên xô, viện sĩ *A.I. An-trt-skin* trả lời các câu hỏi trên.

L.I. A-ban-kin

Câu 1. ... Những lời chê trách về việc khoa học kinh tế tách rời cuộc sống, tách rời những yêu cầu của thực tiễn là hoàn toàn có căn cứ và đúng đắn. Trong khoa học kinh tế đã tích lại quá nhiều những tri thức sách vở và những cấu trúc trừu tượng; xu hướng cải tiến từ từ, cải tiến từng phần, tác động quá mạnh ở những nơi đang đòi hỏi phải có những biến đổi về chất, những biến đổi triệt để.

. . . .

Tài liệu hết sức phong phú tích lũy được trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, những biến đổi sâu sắc trong nền kinh tế, đang đòi hỏi một sự cất cánh, một sự đột phá thật sự sáng tạo. Cũng vì vậy, như Đại hội thứ 27 của Đảng chỉ rõ, cần phải xây dựng lại các khoa học xã hội, trong đó có các khoa học kinh tế.

Tuy nhiên, trong khi đánh giá một cách có phê phán tình hình công việc trong các khoa học kinh tế, trước hết trong khoa kinh tế chính trị của chủ nghĩa xã hội, không được lảng tránh khía cạnh có tính nguyên tắc sau đây. Đó là những ý đồ muốn trút lên các khoa học kinh tế toàn bộ trách nhiệm về những hiện tượng tiêu cực và về sự không hoàn thiện của cơ chế quản lý kinh tế. Những ý nghĩ như vậy, phổ biến khá rộng trong những người làm công tác thực tiễn, hoàn toàn không phải không có hại. Hơn nữa, chúng còn có hại, vì thoát ly khỏi việc phân tích các nguyên nhân sâu sắc của các hiện tượng tiêu cực và nuôi dưỡng chủ nghĩa lừ vô về lý luận.

Câu 2. Rất khó sắp xếp các vấn đề khoa học theo ý nghĩa của chúng...

Dù sao trong nhiều vấn đề, tôi đặt lên hàng đầu việc phân tích cơ cấu phức tạp của các quan hệ sở hữu, các lợi ích vốn có của nó, các hình thức muôn vẻ để thực hiện nó về kinh tế. Sở dĩ như vậy là do hai nguyên nhân. *Thứ nhất*, do vai trò cơ bản của những quan hệ này, do chỗ: giải quyết đa số các vấn đề hiện nay, rốt cuộc, đều dựa vào việc nghiên cứu cơ chế hoạt động của sở hữu xã hội trên lĩnh vực kinh tế — xã hội.

Thứ hai, đó là do việc nghiên cứu vấn đề này còn yếu, nói thẳng ra là chưa đạt yêu cầu. Trên sách báo, các quan hệ sở hữu được miêu tả hết sức

Digitized by Google

thô sơ, tựa như một mặt phẳng. Thiếu hẳn những quan niệm tổng quát về cơ cấu của nó, về các hình thức thứ nhất và thứ hai (phái sinh) của nó. Khoa học chưa trả lời được câu hỏi vì sao sở hữu xã hội chủ nghĩa thường tách khỏi các chủ thể của nó và được xem như là « vô chủ ». Và vì sao nền kinh tế dựa trên sở hữu chung về tư liệu sản xuất, lại tỏ ra — và đáng tiếc là điều này không đến nỗi hiếm lắm — không có hiệu quả, ít linh hoạt, kém nhạy cảm với những cái mới.

. . . . . .

Để có thể tiến bước thắng lợi theo con đường đẩy nhanh kinh tế — xã hội, cần phải vạch rõ những quan hệ sở hữu và những hình thức thực hiện nó với tất cả sự phong phú, phức tạp và mâu thuẫn của chúng. Và trên cơ sở này, xác định những con đường cụ thể để mọi người lao động và từng tập thể lao động hiểu được mình và hoạt động như những người chủ thực sự, như những chủ thể của sở hữu và quản lý kinh tế. Chỉ có như vậy mới có thể bảo đảm chuyển sang một nền kinh tế có tổ chức cao hơn và có hiệu quả hơn, kết hợp chủ nghĩa duy lý nghiêm túc với xu hướng nhân đạo của sản xuất xã hội.

Câu 3. Đặc điểm của những biến đổi cách mạng trong quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa là tính sâu sắc, tính quy mô và tính triệt để của các biến đổi đã chín muồi. Chúng đụng đến không chỉ những khâu hay những lớp riêng biệt, mà dụng đến toàn bộ hệ thống các quan hệ sản xuất không trừ một quan hệ nào — từ những hình thức bên ngoài cho đến những cơ cấu gốc rễ của chúng.

... Kinh tế chính trị của chủ nghĩa xã hội đã chứng minh — và kết luận này được củng cố trong các văn kiện của đại hội — rằng việc hoàn thiện quan hệ sản xuất được thực hiện trước hết thông qua việc thay đổi các hình thức, các phương pháp và cơ chế quản lý kinh tế...

Thông thường, đa số các quan hệ sản xuất và các nhóm quan hệ sản xuất khác thay đổi không phải trực tiếp mà là thông qua việc hoàn thiện cơ chế và các phương pháp quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Bằng cách đó và chỉ bằng cách đó, mới sử dụng được đầy đủ hơn và có hiệu quả hơn các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội.

Câu 4.

. . . . .

Ở đây có sự tác động của một quy tắc chung nhất định về tổ chức: độ tin cậy của sợi xích là do độ vững chắc của mắt xích yếu nhất quyết định... Chính vì thế mà chúng ta nói tới việc cải tổ triệt để, việc đổi mới toàn bộ hệ thống quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Câu 5.

. . . . .

Trong học thuyết của Lê-nin về NEP và thuế lương thực, có cái gì quý giá đối với chúng ta? Trước hết, đó là phương pháp luận, là bản thân phương pháp phân tích và lựa chọn những giải pháp kinh tế hợp lý... Nhà sáng lập đảng chúng ta đã tìm các hình thức và phương pháp quản lý kinh tế bảo đảm giải quyết các nhiệm vụ chiến lược, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển của lực lượng sản xuất, tăng cường sự liên kết các lợi ích kinh tế.

... Không có một hình thức kinh tế nào lại mất đi, trước khi có sự phát triển của lực lượng sản xuất mà hình thức kinh tế đó đã tạo điều kiện cần thiết cho phát triển. Và cũng không có một hình thức kinh tế nào lại có thể xuất hiện, trước khi những tiền đề vật chất cần thiết cho nó hình thành.

Câu 6.

. . . . . .

Trong hạch toán kinh tế đầy đủ, những nét đặc trưng của hạch toán

Digitized by Google

kinh tế thể hiện dưới dạng phát triển nhất, không bị bất cứ những hạn chế nào. Như vậy, trong hạch toán kinh tế chưa phát triển (không đầy đủ), việc tự trang trải chỉ mới bao quát hoạt động kinh tế hiện nay; còn trong hạch toán kinh tế đầy đủ, việc tự trang trải mở rộng tới cả lĩnh vực tái sản xuất mở rộng và trang bị lại kỹ thuật, và mang hình thức tự cấp vốn. Tính tự chủ của các xí nghiệp với tư cách là những người sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa, trong hạch toán kinh tế không đầy đủ, là tính tự chủ dưới dạng « quản lý kinh tế linh hoạt »; còn trong hạch toán kinh tế đầy đủ, thì đó là tính tự chủ dưới hình thức phát triển của chế độ tự quản, bao gồm cả lĩnh vực các giải pháp chiến lược.

Chuyển sang hạch toán kinh tế đầy đủ, cần phải hoàn thiện đồng bộ cả hệ thống các quan hệ sản xuất, cơ chế quản lý kinh tế nói chung. Đặc biệt, cần phải cải tổ nghiêm túc việc quy định giá cả, cơ chế tín dụng – tài chính, cần phải phát triển thương nghiệp bán buôn tư liệu sản xuất. Vì vậy, chỉ có thể thực hiện bước chuyển đó trong quá trình cải cách *triệt để* cơ chế quản lý kinh tế.

Câu 7. Dừng lại ngắn ngủi ở nhóm câu hỏi này, tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh: ý nghĩa của cuộc cải tổ đang diễn ra liên quan tới bước ngoặt của kinh tế đối với quá trình xã hội. Những kết quả về mặt xã hội của những thay đổi có tính chất cách mạng trong kinh tế là rất tích cực. Điều chủ yếu ở đây là đạt được trình độ mới về chất cả của lối sống, củng cố cơ sở lao động của nó, phát triển bằng mọi cách thái độ làm chủ đối với công việc.

Ở những thời kỳ đầu của công cuộc đầy nhanh có thể có sự tăng thêm đáng kể về mức chênh lệch giữa các khoản thu nhập (phụ thuộc vào sự đóng góp lao động thực tế), đó cũng là nguyên nhân của những chống đối từ phía những người đã quen nhận những phúc lợi được bảo đảm mà không cần có một nhiệt tình đặc biệt nào.

A.I. An-trt-skin

Câu 1. Cần phải công nhận rằng khoa học kinh tế và cả các khoa học xã hội nói chung, chưa sẵn sàng trả lời những câu hỏi mà Đại hội thứ 27 của Đảng, Hội nghị toàn thể tháng giêng (1987) đặt ra cho toàn bộ quá trình phát triển của chúng ta...

... Để phát triển có kết quả khoa học kinh tế, cần phải có nhu cầu xã hội, nhu cầu chính trị thể hiện rõ trong việc giải thích một cách sâu sắc và khách quan các tính quy luật hiện thực của sự phát triển kinh tế, những mâu thuẫn của nó, *cần phải có nhu cầu về chân lý khoa học.*

... Cần làm rõ các nguyên nhân đã đẩy khoa học kinh tế đi vào con đường có tính chất xu thời, miêu tả và thường là biện hộ một cách thô thiển.

... Với những phương pháp quản lý kinh tế theo kiểu hành chính, quan liêu, thì khoa học chỉ cần để tạo ra một thứ lý luận « trang trí chung quanh » nào đó.

. . . . . .

Cần chú ý phân tích mối quan hệ và sự quy định lẫn nhau giữa các phương pháp quản lý kinh tế và khoa học kinh tế ở các giai đoạn khác nhau của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội...

... Cần công nhận rằng khoa học kinh tế xô viết (và cùng với nó là thực tiễn kinh tế) thường hướng vào những phương châm tư tưởng mâu thuẫn

Digitized by Google

với những yêu cầu phát triển thực tế của xã hội xã hội chủ nghĩa...

Ngày nay, có một công việc lớn phải làm là phân rõ những gì vẫn là những nguyên tắc xuất phát của lý luận và phương pháp luận của khoa học kinh tế xô viết, và những gì là những phương châm đã lỗi thời, ngoại lai, hoặc thuần túy chủ quan, giáo điều.

Thống nhất nỗ lực của các nhà khoa học và kinh tế học không kể họ « thuộc » bộ nào, hướng việc nghiên cứu của họ phục vụ các nhu cầu thực tế của xã hội — hiện nay, đó là những nhiệm vụ quan trọng bậc nhất; tình hình khoa học kinh tế xô viết ra sao là tùy thuộc vào việc giải quyết các nhiệm vụ đó...

. . . . . .

. . . . . .

Câu 4. Khoa học kinh tế cũng cần tiếp cận theo lối mới vấn đề nghiên cứu *tác động qua lại của quy luật phát triển có kế hoạch và quy luật giá trị, kế hoạch và thị trường.* Trong nhiều thập kỷ, tác động đó được xem xét chủ yếu ở khía cạnh tiêu cực, với sự đối lập giữa kế hoạch và thị trường.

Ở nước ta, cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa khác, một quan niệm mới về các hình thức và các phương pháp thực hiện việc quản lý tập trung nền kinh tế đang hình thành. Nó được quan niệm không chỉ như một sự điều tiết trực tiếp ở những khu vực kinh tế quốc dân tuyệt đối cần thiết (quốc phòng, xây dựng mới, phát triển kết cấu hạ tầng chính, phát triển tiềm năng khoa học, giải quyết một loạt vấn đề xã hội, v.v.) mà còn như một sự soạn thảo và thực hiện kế hoạch chung của nhà nước bằng *các phương pháp kinh tế* — trên cơ sở điều tiết có kế hoạch các quan hệ tài chính — tín dụng, giá cả, các định mức hoạt động dài hạn, v.v. Như vậy, quan hệ hàng hóa — tiền tệ không mâu thuẫn với kế hoạch nhà nước, mà trở thành một biện pháp để thực hiện nó, một biểu hiện mới của chế độ tập trung.

Rõ ràng, trong điều kiện các hình thức tổ chức sản xuất, các quan hệ sở hữu, tài chính, tín dụng, giá cả, v.v. được điều tiết một cách có kế hoạch, thì diễn ra sự hình thành và phát triển không phải của các quan hệ hàng hóa — tiền tệ « nói chung » mà của các quan hệ hàng hóa — tiền tệ xã hội chủ nghĩa, của thị trường xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, mối quan hệ giữa « kế hoạch và thị trường », giữa chế độ tập trung và chế độ dân chủ kinh tế, hiện nay cần được chuyển sang phía có tính chất xây dựng, cần được điều chỉnh ở mức độ nhất định « từ đầu đến chân », căn cứ theo những biến đổi lớn lao trong cơ chế quản lý kinh tế của đất nước, mà Đại hội thứ 27 ĐCS Liên xô đã dự tính.

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI CÓ CẦN CẠNH TRANH KHÔNG? *

... Vũ đài chủ yếu trong cuộc thi đua giữa những người sản xuất hàng hóa sẽ là các thị trường; nhưng, tất nhiên, đó không phải là các thị trường tự phát, mà là các thị trường được nhà nước xã hội chủ nghĩa tổ chức một cách đúng đắn: các thị trường về tư liệu sản xuất, về vật phẩm tiêu dùng, và về mọi loại dịch

(*) « *Tin tức Mát-xcơ-va* », số 11, ngày 15-3-1987, tr. 12.

Digitized by Google

vụ. Ở đây không tránh khỏi có những khó khăn. Chẳng hạn, hoàn toàn không đơn giản trong việc hình thành thị trường về máy móc do một hai xí nghiệp sản xuất. Chắc hẳn là người ta sẽ không chia nhà máy «Kam A3» thành một số liên hợp sản xuất chỉ là để cho chúng có thể thi đua với nhau! Nhưng tình hình tương tự thường không xuất hiện như thế. Trong đa số trường hợp, loại sản phẩm này hay loại sản phẩm khác đều do một số xí nghiệp sản xuất. Và khách đặt hàng như vậy có được khả năng lựa chọn...

... Chắc chắn là những khả năng lựa chọn sẽ xuất hiện không chỉ trong lĩnh vực dịch vụ sinh hoạt mà cả trong lĩnh vực dịch vụ xã hội — ví dụ, sẽ phát triển rộng hơn mạng lưới các bệnh viện đa khoa có hạch toán kinh tế.

Đang mở ra những khả năng lớn, do việc cải tổ hoạt động ngoại thương. Quyền trực tiếp xuất sang thị trường bên ngoài hiện nay mới chỉ dành cho một số xí nghiệp, nhưng theo dự luật mới về xí nghiệp (*)... mỗi xí nghiệp sẽ có thể giành được các thị trường ngoài biên giới nước ta.

Vai trò thi đua sẽ rất lớn trong lĩnh vực các quan hệ lao động. Điều rất quan trọng và có triển vọng là dự luật mới về xí nghiệp quy định việc bầu người lãnh đạo. Cùng với việc tăng năng suất lao động, không tránh khỏi nảy sinh vấn đề về thi đua giữa những người lao động muốn giành được chỗ làm việc có điều kiện lao động tốt hơn, có tiền lương cao hơn. Có thêm những kích thích phụ để có thể lao động tốt hơn, để có thể nâng cao trình độ nghề nghiệp. Mặt khác, các xí nghiệp sẽ bắt đầu thi đua để thu hút những người lao động có tay nghề cao hơn — điều này ngay hiện nay đang diễn ra khá gay gắt ở một loạt vùng.

Có thể nói rằng trong thời gian sắp tới, thi đua phải thâm nhập toàn bộ lĩnh vực các quan hệ kinh tế. Và chỉ có trong điều kiện đó, xí nghiệp mới có thể mở rộng đầy đủ tính tự chủ của mình, mới có thể nâng cao tinh thần trách nhiệm của mình, mới có thể phát huy sáng kiến và tính tháo vát xã hội chủ nghĩa.

Có những lo lắng: liệu việc phát triển thi đua kinh tế có gây ra những hậu quả tiêu cực mà người ta thường cho là do cạnh tranh gây ra, như sản xuất vô chính phủ, nạn thất nghiệp hoặc hủy bỏ một phần sản phẩm sản xuất ra để giữ giá cao không?... Ở đây cần nói một cách hết sức rõ ràng rằng, không phải bất cứ thứ cạnh tranh nào cũng gây ra những hậu quả như vậy, mà đó chỉ có thể là thứ cạnh tranh tư bản chủ nghĩa tư nhân, thứ cạnh tranh không bị hạn chế bởi các quy luật và các điều kiện của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, là các quy luật và các điều kiện bảo vệ lợi ích của xã hội.

Đáng tiếc là khoa học kinh tế của chúng ta đã gắn chặt danh từ «cạnh tranh» với tính từ «tư bản chủ nghĩa tư nhân», biến cạnh tranh thành con ngoáo ộp. Nhưng quả thật mọi người đều biết là, ngay dưới chủ nghĩa tư bản, cùng với những biểu hiện tàn ác, thường là vô nhân đạo, có hại cho xã hội, cạnh tranh còn đem lại hiệu quả tích cực quan trọng: góp phần đẩy nhanh tiến bộ khoa học, kỹ thuật, tăng năng suất lao động, cải tiến chất lượng sản phẩm, tiết kiệm các nguồn vật tư. Việc sợ bị thua trong cuộc cạnh tranh trở thành một sức ép mạnh; dưới sức ép đó, các nhà kinh doanh sẽ nhanh chóng nắm chắc các vật phẩm mới, nâng cao chất lượng của chúng, giảm chi phí và có khi giảm cả giá cả.

Tôi tin chắc rằng trong điều kiện kinh tế xã hội chủ nghĩa, những hậu

(*) «Luật về xí nghiệp (liên hợp sản xuất) nhà nước» hiện đang được đưa ra cho toàn dân Liên xô thảo luận.

Digitized by Google

quả có hại của cạnh tranh về mặt xã hội sẽ có thể được khắc phục, còn tác động tích cực của nó đối với nền kinh tế thì sẽ được duy trì. Dương nhiên, điều đó không tự nó diễn ra, theo kiểu tự động, và chừng nào mà cơ chế chưa được chấn chỉnh, thì chúng ta còn gặp không ít khó khăn...

Rõ ràng rằng trong những điều kiện quản lý kinh tế mới, các cơ quan kế hoạch và quản lý, sau khi được giải phóng khỏi những nỗi bận tâm vụn vặt trong việc chỉ đạo nghiệp vụ, sẽ có thể bảo đảm tốt hơn những tỷ lệ hợp lý trong nền kinh tế quốc dân, bảo đảm tốt hơn sự phù hợp giữa sản xuất sản phẩm và các nhu cầu thực tế, bảo đảm tốt hơn sự cân bằng giữa nguồn lao động và chỗ làm việc.

Có thể, trong một số trường hợp cá biệt, phải giảm số người làm, nếu không phải là đóng cửa một xí nghiệp nào đó đã không cạnh tranh nổi với các xí nghiệp khác và trong thời gian dài làm ăn thua lỗ. Trong dự luật mới về xí nghiệp có quy định những điều bảo đảm cho những người làm việc ở xí nghiệp phải đóng cửa.

Một sự phân tích nghiêm chỉnh cho thấy: những hậu quả tai hại mà cạnh tranh có thể gây ra cho chủ nghĩa xã hội thì ít hơn so với trường hợp không có thi đua, so với trường hợp cán bộ quản lý kinh tế không có đủ trình độ nghiệp vụ cần thiết để có thể sử dụng các khả năng về thi đua.

Tôi sử dụng một cách có ý thức thuật ngữ «cạnh tranh xã hội chủ nghĩa». Tôi không thấy có những lý do nào để thuật ngữ đó không thể có quyền được mọi người thừa nhận — cũng hệt như các thuật ngữ «các quan hệ hàng hóa — tiền tệ xã hội chủ nghĩa» hoặc «thị trường xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất» đã có được quyền đó.

Dương nhiên, vấn đề không chỉ ở thuật ngữ. Thi đua kinh tế chưa có được sự phát triển cần thiết. Nguyên nhân chủ yếu của tình hình này là do có những thiếu sót chung trong cơ chế quản lý kinh tế... Khi mà những người cung cấp và những người đặt hàng còn bị «gắn» chặt với các xí nghiệp, khi mà giá cả và khối lượng từng loại sản phẩm còn được quy định một cách cứng nhắc cho các xí nghiệp, khi mà việc quy định mức về đầu tư cơ bản, về quỹ lương, về khuyến khích kinh tế còn không phải căn cứ vào kết quả của hoạt động kinh tế mà căn cứ vào trình độ đạt được và «sức mạnh kiên trì» của người giám đốc, nói tóm lại, khi mà xí nghiệp không có quyền tự chủ thực sự, thì thi đua kinh tế quả thật không thể phát triển được.

... Cần làm sao để cơ chế kinh tế mới được xác lập, để ở nước ta có những thương nhân của mình, những thương nhân xô viết, biết nghiên cứu nhu cầu, biết thỏa mãn người tiêu dùng, biết bảo đảm việc nhận và phân phối hợp lý các khoản thu nhập do hạch toán kinh tế đưa lại. Cả những người lãnh đạo xí nghiệp lẫn những người tiêu dùng đều cần có một kiểu tư duy mới, kiểu tư duy này chỉ xuất hiện khi nào người tiêu dùng thực sự có khả năng lựa chọn, khi nào người tiêu dùng, chứ không phải người cung cấp, đóng vai trò quyết định và có thể, do hiểu biết vấn đề, quy định những điều kiện cho việc cung cấp.

Bản thân tư tưởng thi đua kinh tế có thể bị xuyên tạc, nếu như không bảo đảm cho những người tham gia thi đua có được những điều kiện như nhau. Dù là xí nghiệp nào đi nữa — xí nghiệp nhỏ hay xí nghiệp lớn, xí nghiệp nhà nước hay xí nghiệp hợp tác xã — thì đối với các yêu cầu của nó về nơi sản xuất hoặc nơi bán hàng, về nguyên liệu và vật tư, về cho vay v.v. cũng đều phải được hết sức chú ý bảo đảm. Cả đối với những người làm nghề riêng lẻ cũng vậy. Cũng cần bảo đảm cả sự thống nhất trong các phương pháp quy định về

Digitized by Google

tiền lương cán bộ, nhân viên, về giá sản phẩm, về mức doanh lợi, về các tiêu chuẩn phân phối lợi nhuận giữa xí nghiệp và nhà nước.

... Trong dự luật mới về xí nghiệp có kê ra các công cụ chủ yếu mà nhà nước sẽ sử dụng để phát triển thi đua. Đó là công tác kế hoạch hóa, là việc tổ chức thi lập đồ án thiết kế và sản xuất, là các đòn bẩy tài chính — tín dụng và giá cả, là việc hạn chế địa vị độc quyền của những người sản xuất. Theo quan điểm của tôi, nếu thêm một số điều bổ sung nữa thì sẽ có thể mở rộng phạm vi các quan hệ thi đua nêu trong dự luật. Dự luật mới chưa phản ánh đầy đủ các mối quan hệ giữa xí nghiệp và cán bộ, nhân viên, liên quan tới việc thuê mướn, sa thải, thay đổi chỗ làm; điều hợp lý ở đây là chỉ ra khả năng sử dụng rộng rãi chế độ thi tuyển trong việc thay đổi chỗ làm—chế độ này một số xí nghiệp đang áp dụng.

Để kết luận, tôi muốn nói rằng việc xây dựng các quan hệ thi đua và cạnh tranh không phải là một nhiệm vụ dễ dàng. Rõ ràng là, việc giải quyết nhiệm vụ này sẽ vấp phải sự chống lại của những người quen giành cho mình địa vị độc quyền không phải dựa vào chất lượng sản phẩm hoặc dịch vụ tốt hơn, vào tính đa dạng của sản phẩm hoặc dịch vụ, không phải dựa vào việc hạ giá và thực hiện đúng những điều đã cam kết, mà dựa vào sự cưỡng ép về hành chính. Để khắc phục sự chống lại này, cần phải sử dụng toàn bộ các biện pháp pháp lý, kinh tế, tổ chức, giáo dục, để biến thi đua kinh tế thành một trong những hình thức quan trọng của các quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Đê-le Pan-tê-rô-vích
Tiến sĩ kinh tế học, giáo sư, cộng tác viên Viện kinh tế VHLKH Liên xô

THEO PHONG CÁCH...

(Tiếp theo trang 16)

phải làm được. Chớ làm kế hoạch đẹp mắt, to tát, kể hàng triệu nhưng không thực hiện được » (10).

Phong cách Bác Hồ là phong cách sáng tạo, từ việc nhỏ đến việc lớn, luôn luôn tìm tòi, đổi mới, không chấp nhận lối cũ, đường mòn. Người chỉ rõ: « Tư tưởng bảo thủ như là sợi dây cột chân, cột tay người ta, phải vứt nó đi. Muốn tiến bộ thì phải có tinh thần mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm » (11). Cuộc đời Người là một tấm gương tuyệt đẹp về sáng tạo, có sức mạnh khêu gợi, kích thích sự sáng tạo ở mỗi chúng ta. Do đó, phong cách ấy cũng là phong cách của thời đại.

Hiện nay, chúng ta đang phấn đấu đổi mới phong cách lãnh đạo, phong cách công tác theo yêu cầu mà Đại hội VI của Đảng đã đề ra. Chúng ta đổi mới phong cách là đổi mới theo phong cách lê nin nít của Bác Hồ, tức là trở về nguồn, trở về với những nguyên tắc và tiêu chuẩn đã được xác định, đã được thực tế kiểm nghiệm và đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc sống hôm nay.

---

(10) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t. 4, tr. 287.

(11) *Thư gửi đồng bào và cán bộ Nam bộ*, ngày 13-2-1962. Tư liệu của Viện bảo tàng Hồ Chí Minh.

Digitized by Google

ТАПТИ КОНГШАН № 6 – 1987

Новый шаг в качественном развитии вьетнамо-советских отношений. ВО ВАН КИЕТ–Проблема распределения и обращения–новые меры на основе новых концепций. ХО ТЭ – Рациональное распределение капиталовложений в целях осуществления трех программ по производству продовольствия, потребительских товаров и экспортной продукции. НГУЕН ТХЕ УАН – Некоторые основные вопросы по программе экспорта. ВУ ХЫУ НГОАН – Переходный период к социализму, его затяжной и сложный характер НАВСТРЕЧУ 70 – ЛЕТИЮ ВЕЛИКОЙ ОКТЯБРЬСКОЙ СОЦИАЛИСТИЧЕСКОЙ РЕВ. ОЛЮЦИИ + НГУЕН ТХАНЬ, НГУЕН ВАН ДАНГ, НГУЕН КХАК ВЬЕН–СЭВ и интернационализация социалистической экономики.

REVIEW OF COMMUNISM N° 6 – 1987

A new st p in the qualitative development of Vietnam–Soviet relationship. VÕ VĂN KIỆT–Problems of distribution and circulation–New solutions based on new viewpoints. HỒ TẾ – Arranging a reasonable mechanism of investment so as to carry out the three programmes: food and foodstuffs, consumer's goods, and exports. NGUYỄN THẾ UẨN–Some basic problems on the programme for exports. VŨ HỮU NGOẠN – The transitional period to socialism – Its long-term and complex character. TOWARDS THE 70TH ANNIVERSARY OF THE GREAT OCTOBER SOCIALIST REVOLUTION – NGUYỄN THANH NGUYỄN VĂN ĐẶNG. NGUYỄN KHẮC VIỆN–COMECON and the internationalization of socialist economy.

REVUE DU COMMUNISME N° 6 – 1987

Nouveau pas de développement qualitatif dans les relations vietnamo-soviétiques VÕ VĂN KIỆT – Le problème de la distribution et de la circulation des biens. De nouvelles solutions sur la base de nouveles conceptions. HỒ TẾ – Disposer de façon rationnelle les investissements en vue de réaliser le triple programme concernant les vivres et denrées alimentaires, les articles de consommation et les articles d'exportation. NGUYỄN THẾ UẨN–Quelques problèmes fondamentaux du programme d'exportation. VŨ HỮU NGOẠN – L'étape de transition au socialisme – sa longue durée et sa complexité. VERS LA COMMÉMORATION DU 70 ANNIVERSAIRE DE LA GRANDE RÉVOLUTION SOCIALISTE D'OCTOBRE + NGUYỄN THÀNH, NGUYỄN VĂN ĐẶNG. NGUYỄN KHẮC VIỆN – Le CAEM et l'internationalisation de l'économie socialiste.

REVISTA DEL COMUNISMO N° 6 – 1987

El nuevo paso de desarrollo en la calidad de las relaciones vietnamo-soviéticas. VÕ VĂN KIỆT – El problema de la distribución y circulación-Nuevas soluciones sobre la base de nuevos criterios. HỒ TẾ – Disponerse razonablemente la estructura inversionista para realizar los tres programas: alimentación, artículos de consumo y productos de exportación. NGUYỄN THẾ UẨN–Algunos problemas fundamentales sobre el programa de la exportación. VŨ HỮU NGOẠN – El periodo de transición al socialismo, su carácter duradero y complicado. HACIA EL 70 ANIVERSARIO DE LA GRAN REVOLUCIÓN SOCIALISTA DE OCTUBRE. NGUYỄN THÀNH, NGUYỄN VĂN ĐẶNG. NGUYỄN KHẮC VIỆN – El CAME y la internacionali-zación de la economía socialista.

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản 6 1987
NĂM THỨ XXXIII (378)

★ ★ ★ — Bước phát triển mới về chất trong qu... Việt — Xô

Tuyên bố chung Việt nam — Liên Xô

VÕ VĂN KIỆT — Vấn đề phân phối lưu thông — Những giải pháp mới trên cơ sở quan điểm mới 8

HỒ TẾ — Bố trí cơ cấu đầu tư hợp lý nhằm thực hiện ba chương trình: lương thực — thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu 17

NGUYỄN THẾ UẨN — Mấy vấn đề cơ bản về chương trình xuất khẩu 21

VŨ HIỆU NGOẠN — Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội — tính chất lâu dài và phức tạp. 26

Tiến tới kỷ niệm lần thứ 70 Cách mạng XHCN Tháng Mười vĩ đại ★ NGUYỄN THÀNH, NGUYỄN VĂN DẶNG 31

SONG THÀNH — Theo phong cách Hồ Chí Minh 43

NGUYỄN KHẮC VIỆN — SEV và quốc tế hóa kinh tế xã hội chủ nghĩa 47

Điều tra + Xuân Kiều — Về chính sách cung ứng vật tư của nhà nước đối với nông nghiệp 53

HOÀNG HÀO — Nâng cao vai trò của các cơ quan dân cử 58

HOÀNG THỊNH — Thông tin trong xã hội hiện đại 62

PHẠM TRÍ MINH — PHẠM VĂN NHIẾP — Mấy ý kiến về giải quyết nhà ở đô thị 66

Đọc sách + PHẠM THÀNH — Vì chủ nghĩa xã hội, vì hòa bình thế giới 70

ĐẶNG THỊ HIẾU LÁ — Phương pháp luận hình thành giá cả ở các nước xã hội chủ nghĩa 75

Qua sách, báo các nước anh em 81

Trụ sở Bộ biên tập:
1. Nguyễn Thượng Hiền — Hà nội. Dây nói: 52061 — 52062
Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:
19. Phạm Ngọc Thạch — T. P. Hồ Chí Minh. Dây nói: 25768 — 22004

Digitized by Google

Digitized by Google

15

Các bạn tìm đọc:

- **C. MÁC – PH. ĂNG-GHEN :**
  – Toàn tập – Tập 4
- **C. MÁC – PH. ĂNG-GHEN – V. I. LÊ-NIN :**
  – Về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản
- **NGUYỄN VĂN LINH :**
  – Mấy vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông

● ● ●

– Văn bản của Đảng và Nhà nước về chính quyền huyện, xã và các cấp tương đương

– Những điều cần biết, những việc cần làm của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

In tại Nhà in TẠP CHÍ CỘNG SẢN Chỉ số: 12651 Giá : 6đ00

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

UNIVERSITY OF MICHIGAN
3 9015 08172 5130

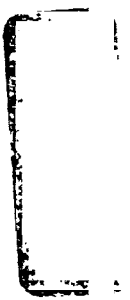

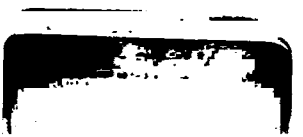

Digitized by Google